

VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM
TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND BUDDHISTISCHEN VIETNAM
FLUECHTLINGE IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND

84 THÁNG 12 NĂM 1994
DEZEMBER 1994

AUSGABE IN VIETNAMESISCH UND DEUTSCH



Xuân

Ất

Hợi



Chúc Mừng Năm Mới

VIÊN GIÁC



Tạp Chí của Kiều Bào và Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức
Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistische Vietnam-Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

Chủ trương (Herausgeber)
T.T. Thích Như Điển

Cùng sự cộng tác và trách nhiệm về:

Tôn Giáo (Thích Như Điển) Văn Hóa - Văn Nghệ (Phù Vân - Vũ Nam) . Gia Đình Phật Tử (Thiện Căn Phạm Hồng Sáu) . Hoa Phượng (Hồng Nhiên) . Thế Thao (Người Giám Biên) . Y Học Thường Thức (Huỳnh Hoa) . Chính Trị Thời Sự

Kỹ Thuật Ấn Loát (Layout)

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức Quốc

Cùng sự cộng tác của
Mitarbeitung von

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức
Verainigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i.d. BRD

Tòa Soạn & Ấn Quán

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức Quốc

Vietnamesisch-Buddhistische
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD
c/o Chùa Viên Giác

**Karlsruher Str.6, 30519
Hannover. Tel. (0511) 879630
Fax. (0511) 8790963**

* Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt Tỵ Nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.

* Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt tôn giáo. Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ

* Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân bình thuế lương bổng hoặc lợi tức hàng năm.

MỤC LỤC

	Trang		Trang
- Thư Tòa Soạn	4	- Trên xa lộ 10	119-122
- Thư Chúc Tết	5	Trương Anh Thụy	
- Thư ngỏ của phái đoàn	6	- Câu chuyện nhỏ viết trong mùa	
- PGVNTN - Thông cáo báo chí	7 - 14	thu - Nguyễn Thị Kiều Oanh	122-123
- Quốc nạn và trăng hoa		- Người tiên sử Á Châu - An Sơn	124-128
của Tâm Trang Ngô Trọng Anh	15 - 22	- Đọc Ngoại xa đầu chân mây của	
- Phát Giáo và các vấn đề thời đại		Tuỳ Anh - Nguyễn Thụy viết	129-133
B.S Nguyễn Hoài Văn	23- 28	- Đọc tác phẩm Giữa chốn cung	
- Đời tiếp nối đời của Hoàng Phi		vàng ... - Quảng Độ	134
Lưu Hoàng Nguyễn	29 - 31	- vài cảm nghĩ về thi tập Quê	
- Sự phê bình của P.G đối với		Hương Là Tình - Bao La Cử Sĩ	135-136
Cộng Sản chủ nghĩa		- Đọc Vũ Nam qua tác phẩm "Bên	
Thích Trí Chơn	31 - 32	này bức tường Bá Linh"	
- Khi chim sắt bay		Huy Giang	136-137
Vũ Nguyễn Khang	33 - 36	- Cảm tưởng về một bài báo	
- Thông điệp của những người		Thiện Nghĩa	138
Anh của Nguyễn Phong dịch	37 - 41	- Tìm hiểu niên lịch cổ truyền	
- Đưa người đẹp qua sông - Tranh		Việt Nam ... - Nguyễn Phú Thứ	139-140
họa sĩ Nhật Bản - Lời Hiếu Đệ	41	- Tường trình về buổi giải độc ...	
		Bê gầy chiến dịch hoa hồng đỏ	
• INS DEUTSCHER SPRACHE		của CS - Nguyễn Việt Nữ	141-153
- Die Tradition des lauterer		- Đấu tranh tự do dân chủ	
Landes - Tu Xung R.B	42 - 43	Ngô Văn Phát	153-155
- Das Herz-Sutra - Kommentar		- Thông cáo báo chí, Sinh hoạt	
von Ch'an Meister Sheng-yen	44 - 45	Cộng đồng - Bùi văn Hân	155-156
- Weg Ohne Grenzen		- Cuối năm nhìn lại - Vũ Nam	157-161
Thích Nhu Dien	45 - 47	- Tổng kết sinh hoạt của Ban	
- Buddhistische Aktivitaeten	48	Hướng Dẫn và GDPTVN ... 94	
- Thư chúc Tết	49	Thiện Căn Phạm Hồng Sáu	162-163
- Vườn thơ Viên Giác - Phù Vân	50 - 53	- Tin thể thao - Người Giám Biên	164-166
TRANG HOA PHƯƠNG :		- Tin Thế Giới - Phan Ngọc	167-171
- Con lợn ăn no lại nằm		- Thuyền nhân VN tại Hongkong	
Hồng Nhiên	56	Lạng Nghi	171-173
- Ngũ gia, ngũ quý và ngũ long		- Quyền Tỵ Nạn không bị trục	
công chúa - Hồng Nhiên	56 - 58	ruất ... Trần Hữu Lộc	174-175
- Thăng Cuội bán heo		- Tin Phật Sự - C.T Lê Phật 1995	176-179
Thanh Bình	58 - 60	- Gợi quả tình thương	
- Việt Sử bằng tranh		Chùa Báo Quang Hamburg	180
Bảo Văn Bùi Văn Bảo	61 - 62	- Họ đá làm như thế	
- Sự Tích Bánh Dầy Bánh Chưng		Nhất Thanh	181-182
Diệu Hiền N.T.K	63	- Giới thiệu sách ...	182
- Sơ Táo Quân - Quang Kính	64	- Lợn cợn chuyện Heo	
- Từ vi Tây Phương - Nam Cao	65 - 69	Lê văn Thâu	183
- Năm Ất Hợi ... nói về những vị		- Phân ưu, Cáo Phó, Cầm Tạ,	
thuộc mang tên lợn		Hộp Thư Viên Giác, Chúc Mừng	184-186
Quỳnh Hoa	70	- Phương danh cúng dường	189-194
- Những mùa Xuân của Thi Ông		- Bản tin đặc biệt ... VNQDD	194
Ứng Bình Thích Gia		Tim thân nhân	194
Hương Giang Thái Văn Kiểm	71 - 75		
- Ngày Xuân viếng núi Sam của			
vùng Thất Sơn - Phạm Thăng			
- Mãn cúng trên bàn thờ Tết	76 - 80		
Từ Hùng	81 - 83		
- Phiếm luận : Heo cách mạng			
Phù Vân	84 - 86		
- Trạng Lợn - Bảo Văn lược thuật	87		
- Xuân sang về thăm quê cũ			
Nguyễn Tấn Hưng	88 - 91		
- Vài dữ kiện về Nguyễn Văn			
Tương - Dr. Tôn Thất Hứa	92 - 98		
- Chúa Jesus dạy trí kiến Phật			
Thiện Hữu Trần Hữu Lộc (l.d)	A - B		
- Xuân đầu kỷ niệm - Thiện Căn			
Phạm Hồng Sáu	C - D		
- Vài dữ kiện về ... (t.t trang 98)	99-100		
- Ao nhà ao người			
Trần Thị Nhật Hưng	101-104		
- Nạn nhân mãn và sự thoái hóa			
đạo đức - Phan Ngọc Minh	105-107		
- Cậu của tôi - Nguyễn Nhung	108-113		
- Tre già măng mọc			
Nguyễn Văn Ba	114-118		

Thơ

.Đồ Cao . Lê Văn Thâu . Đặng Quốc
Việt . Ngự Sử . Huyền Thanh Lữ .
Vĩnh Liêm . T.D.H.D. . Bé Ngọc . Hà
Huyền Chi . Tuyền Anh . Hồ Trường An
. Hoài Việt . Hà Đậu Đồng . Văn
Nương Lê Ngọc Chấn . Nguyễn Song
Anh . Trần Đăng . Anh Hoàng .
Thanh Nguyên . Quách Đình Huân .
Thúy Trúc



THỮ TỌA SỐ

Năm cũ sắp qua, một năm mới sắp đến, Ban Biên Tập Báo Viên Giác và Thượng Tọa chủ nhiệm thành tâm kính chúc quý vị độc giả và quý vị văn, thi hữu bốn phương được sở cầu như nguyện.

Một năm có 365 ngày. Đời người thường chúc nhau sống lâu trăm tuổi mỗi khi Tết đến, Xuân về; nhưng ba vạn sáu ngàn ngày cũng sẽ chóng qua đi, vì thời gian trôi qua nhanh như một dòng nước chảy, chẳng mời gọi ai và cũng chẳng đợi chờ ai.

Thử tính số một năm qua, trước khi bước vào năm mới, để từ đó chúng ta có một cái nhìn bao quát về mọi sinh hoạt của Chùa và Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Ngôi chùa Viên Giác đến nay đã hoàn thành đến 99,9% sau hơn 5 năm xây dựng. Công đức này có được là nhờ sự tận tình đóng góp của quý đồng hương Phật Tử xa gần đó đây trong thời gian qua. Nhưng tính sổ lại, mỗi năm chúng ta phải trả cho Hãng thầu Mehmel 200.000 DM nữa kể từ nay (1994) cho đến năm 2004, khoản 2 triệu DM cho toàn bộ số nợ còn lại của việc xây cất ngôi chùa. Khi đấu thầu hãng đã đấu giá 2 triệu cho khung sườn; nhưng nay thì lên đến 3 triệu 200 ngàn DM. Sự tăng giá là do vật liệu xây cất, thêm bớt, thời tiết và những khoản vật vạnh khác...

Ngoài ra mỗi năm chùa phải chi hơn 400.000 DM cho mọi sự phát triển của chùa như lễ lộc, cơm nước, báo chí, bảo trì, điện nước, sửa chữa, chuyện phải không v.v... và các công việc từ thiện khác. Dĩ nhiên số đóng góp của bà con Đạo Hữu bao giờ cũng có giới hạn; nhưng nếu được đều tay như xưa nay thì chắc chắn công việc sẽ tiến đều. Trước đây chùa có kêu gọi quý Đạo Hữu và quý Phật Tử đóng góp định kỳ hằng tháng 10 DM hay 20 DM. Số tiền ấy đã góp thành sức mạnh cho việc chi phí xây chùa; nhưng cách đây hơn một năm, chùa đã đổi số Konto ngân hàng, nên một số đóng góp định kỳ của quý vị không còn tiếp tục nữa. Vì thế, xin quý vị tiếp tục hỗ trợ cho và xin quý vị làm Dauerauftrag lại tại ngân hàng của quý vị

theo số Konto mới có ghi phía sau quyển báo này. Xin chân thành cảm tạ quý vị trước.

Riêng tờ báo Viên Giác vẫn đều đặn đến với quý vị mỗi năm 6 số. Bây giờ số phát hành mỗi lần là 3800 số. Dĩ nhiên chùa nhận được sự tài trợ của chính phủ Đức; nhưng cũng giới hạn trong điều kiện đã được ấn định. Nếu hơn số trang hoặc số phát hành thì chùa phải chi thêm vào. Ví dụ số báo Xuân mà quý vị đang cầm trên tay đây, chùa phải bù vào 50% tiền in ấn và giấy mực cũng như tem thư. Vì báo này gấp đôi số báo bình thường. Vậy xin quý vị khi nhận được báo vui lòng gửi về chùa từ 5 DM đến 7 DM tiền tem, quả là điều vạn hạnh. Xin quý vị lưu tâm cho.

Năm rồi Trung Tâm Văn Hóa cũng đã in ấn được một số sách vở của các văn thi hữu xa gần như : Đan Việt tự điển của Đặng Văn Nhâm, Văn Bút Âu Châu tập 2, sách của văn hữu Trần Thị Nhật Hưng, của văn hữu Hồ Trường An, của Thượng Tọa Thích Như Điển, của Giáo sư Nguyễn Phú Thứ, của Tùy Anh, của Huy Giang, Vũ Nam và Lê thị Bạch Nga...

Kể ra như vậy để thấy rằng trong năm qua Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo tại đây đã thực hiện được nhiều tác phẩm giá trị. Tuy nhiên việc tiêu thụ những tác phẩm ấy cũng không đơn giản. Mong rằng quý bà con độc giả chiếu cố cho khi các sách ấy đã được xuất bản và có quảng cáo trên báo Viên Giác.

Trong cuộc sống hằng ngày chúng ta có 2 món ăn chính. Đó là tinh thần và vật chất. Về tinh thần : kinh, sách, báo, băng nhạc, video v.v... làm sao phải chiếm được 50% trong cuộc sống thì mới có thể cân bằng được với 50% về vật chất còn lại của con người như : cơm, nước, bánh, kẹo, áo, quần v.v...

Nếu chúng ta tự sắp đặt một trật tự trong cuộc sống như thế, chắc chắn rằng chính mỗi người chúng ta cũng có lợi lạc, mà những người lo về đời sống tinh thần cũng vui đi một số khó khăn khác.

Năm 1995 sắp đến, chờ đợi một sự chuyển hóa mới mẻ hơn của đất trời vạn vật. Viên Giác cũng mong muốn quý độc giả hỗ trợ cho chùa cũng như cho tờ báo càng ngày càng phát triển hơn xưa. Đó là điều mong mỏi của Ban Biên Tập Báo Viên Giác vậy.

Lời cuối xin nguyện cầu cho quê hương, Giáo Hội và tình người được thể hiện trọn vẹn khi đón Xuân sang và cầu chúc cho tất cả quý độc giả khắp nơi được an lành thịnh vượng trong năm đến.

Nam Mô A Di Đà Phật

Ban Biên tập Báo Viên Giác

Cung Chúc Tân Xuân

Thành Tâm Kính Chúc

Chư Tôn Hòa Thượng,
Chư Thượng Tọa,
Đại Đức Tăng Ni
Khắp nơi trên thế giới
một năm Ất Hợi
được kiết tường như ý



Chùa Viên Giác

THƯ NGỎ

**của Phái Đoàn Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam
Thống Nhất công du 8 nước Tây Âu và Bắc Âu gửi
Hội nghị Quốc tế các Nhà Tài trợ cho Việt Nam
hợp tại Paris từ ngày 15 đến 16.11.1994**

Kính thưa quý vị,

Nhân danh Hòa Thượng Thích Huyền Quang, lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN), nhân danh Phái đoàn cao cấp của GHPGVNTN thuộc Văn phòng II Viện Hóa Đạo hiện đang công du 8 nước Tây Âu và Bắc Âu để trình bày vấn đề đàn áp Nhân quyền và đàn áp Phật giáo tại Việt Nam, chúng tôi xin gửi lời chào trân trọng đến quý vị.

Chúng tôi rất xúc động khi biết rằng từ bốn phương thế giới, quý vị là những Quốc gia tiên tiến và cường thịnh, những Ngân hàng uy danh và giàu có của thế giới đã về họp tại Paris để thảo luận và tìm mọi cách giúp đỡ cho nước Việt Nam chúng tôi thoát cảnh nghèo đói, lạc hậu sau gần 50 năm chiến tranh, loạn lạc và khủng hoảng xã hội. Chúng tôi đã phải trải qua một cuộc chiến rất dài và khốc liệt để bảo vệ chủ quyền và tự do dân tộc. Chiến tranh kết thúc từ năm 1975, nhưng nhân dân chúng tôi lại bị chìm đắm hãi hùng dưới một chế độ độc tài đảng trị. Nhân quyền bị chà đạp, mọi quyền tự do căn bản bị tước đoạt. Tin ngưỡng và tôn giáo bị đàn áp.

Dù hết lòng cảm ơn và ca ngợi sự viện trợ kinh tế của quý vị cho nhân dân Việt Nam, tuy nhiên qua Bức Thư Ngỏ hôm nay, buộc lòng chúng tôi phải nói lên những sự thực đang xảy ra tại Việt Nam. Với lòng mong mỏi được quý vị lưu tâm đặt thành vấn đề khi thương thảo với nhà cầm quyền CHXHCNVN hầu mang lại cho mỗi công dân Việt Nam những tự do căn bản ghi trong bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền Quốc Tế của Liên Hiệp Quốc (LHQ).

Chính vì người dân Việt Nam hôm nay không được hưởng các quyền tự do căn bản nói trên, nên hai tuần lễ vừa qua, Phái đoàn chúng tôi đã đến gặp các Ủy ban Ngoại Giao, Ủy ban Hợp Tác và Phát Triển, cùng Phân ban Nhân quyền của Liên Hiệp Âu Châu, cũng như các Bộ Ngoại Giao, các Quốc Hội tại Anh, Bỉ, Đan Mạch, Đức, Hòa Lan, Na Uy, Pháp, Thụy Điển để vận động cho nhân quyền.

Riêng trong lĩnh vực tôn giáo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất là một Giáo hội Dân lập có truyền thống sinh hoạt từ 20 thế kỷ và đại diện cho 80% quần chúng. Thế mà từ năm 1975 đến nay, Giáo hội chúng tôi không được quyền tự do hoạt động tôn giáo; hàng trăm chư Tôn đức Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức lãnh đạo các cấp Giáo hội bị bắt bớ, bị giam cầm trong các nhà tù, trại cải tạo hay quản thúc; các cơ sở từ thiện, xã hội, văn hóa, giáo dục và chùa viện chùa Giáo hội chúng tôi bị nhà nước chiếm dụng. Đề đánh lừa dư luận thế giới về cái gọi là "tự do tôn giáo", nhà cầm quyền cộng sản đã thiết lập từ năm 1981 một Giáo hội công cụ gọi là "Giáo hội Phật giáo Việt Nam". Dưới sự chỉ đạo của Ban Tôn Giáo chính phủ và Mặt Trận Tổ Quốc, Giáo hội này hiện hữu để phục vụ cho đảng cộng sản và các chính sách của nhà nước.

Gần đây, ngày 4.11.94, Đoàn cứu trợ nạn nhân nạn lũ lụt 6 tỉnh miền đồng bằng sông Cửu Long gồm 360 Tăng,

Ni, và Phật tử thuộc GHPGVNTN dẫn đầu 10 chiếc xe tải đi cứu trợ đã bị Công an TP Hồ Chí Minh ngăn cấm, hành hung, bắt bớ nhiều Tăng, Ni, và Phật tử. Trong đó có các Thượng Tọa Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban, Thích Long Trí, Đại Đức Thích Trí Lực, Cư sĩ Nhật Thường (Phạm Văn Xua) và nữ cư sĩ Đồng Ngọc (Nguyễn Thị Em), Nhiều Thượng Tọa, Đại Đức tham gia đoàn cứu trợ bị Công an hăm dọa và triệu lên hỏi cung nhiều ngày, như trường hợp chư vị Thích Nguyên Lý, Thích Lăng Quỳnh, Thích Nguyên Như, Thích Quảng Tôn, Thích Tâm Văn, Thích Tâm Vân, Thích Nguyên Thịnh, v.v... Ba trăm triệu đồng do Phật tử trong và ngoài nước quyên góp để mua thực phẩm, chăn mùng... đem đi cứu trợ đã bị công an tịch thu phi pháp.

GHPGVNTN không được quyền tham gia cứu trợ 500.000 người đang sống cảnh màn trời chiếu đất tại đồng bằng sông Cửu Long! Trong khi ấy các cơ quan từ thiện kêu gọi cộng đồng thế giới đóng góp hàng triệu Mỹ kim cho việc cứu trợ này.

GHPGVNTN không được quyền sinh hoạt tôn giáo trong một xã hội đang bị suy thoái đạo đức! Hễ lên tiếng đòi hỏi tự do tôn giáo là tức khắc bị bắt, bị tuyên án từ 3 đến 20 năm tù mà không được xét xử công minh với quyền biện hộ của luật sư. Trường hợp đã xảy ra cho triết gia Thích Tuệ Sỹ, sử gia Thích Trí Siêu và các Đại Đức Thích Trí Tụ, Thích Hải Tạng, Thích Hạnh Đức, Thích Hải Chánh, Thích Hải Thịnh, Thích Nguyên Giác, Thích Phước Viên, Thích Tâm Căn, Thích Huệ Đăng, v.v...

Mấy năm vừa qua, hàng trăm nhà trí thức, văn nghệ sĩ, nhà báo, bị bắt, bị kết án 15, 20 năm tù, hay chung thân, chỉ vì đã đòi hỏi ôn hòa cho nhân quyền, dân chủ, đa nguyên. Đó là trường hợp của Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, Thi sĩ Nguyễn Ngọc Đạt, Thi sĩ Lê Đức Vương, Phạm Đức Khâm, Phạm Văn Thành, v.v... Đó cũng là điều đã xảy ra cho ông Nguyễn Hộ, một đảng viên Đảng Cộng Sản ly khai.

Thưa quý vị,

Cho phép chúng tôi đặt câu hỏi này: Quý vị viện trợ cho nhân dân Việt Nam, hay đang ra tay ổn định cho một chính quyền độc tài đảng trị? Sự biết ơn của thiểu số lãnh đạo cộng sản đang cầm quyền đối với quý vị như thế nào thì chúng tôi không biết. Nhưng sự mang ơn của nhân dân Việt Nam, nếu được giúp, sẽ vô bờ bến. Không chỉ mang ơn như kẻ chịu ơn, mà còn là sự kết nối huynh đệ giữa một giống dân phương Đông với các dân tộc văn minh phương Tây.

Chúng tôi tha thiết xin quý vị đừng thiên trọng quá đáng tới các con số, mà quên đi con người. Số liệu kinh tế tuy thực tế và cụ thể đây. Nhưng cơm, áo, và thống kê, chưa đủ làm nên hạnh phúc con người. Thiếu một đời sống tâm linh, thiếu sự tự do ngôn luận, tự do tư tưởng và thiếu quyền tham gia bình đẳng vào việc xây dựng và phát triển văn hóa, xã hội cùng kinh tế quốc gia, thì sức sống của một dân tộc chỉ còn là hoạt động tài chính của một siêu thị.

Nhân quyền, tự do và dân chủ không có tại Việt Nam đã đành; ngay cả quyền tham gia vào việc chấn hưng đạo đức, xây dựng xã hội và phát triển kinh tế của người dân cũng bị khước từ. Điều 4 trên Hiệp Pháp quy định chỉ đảng Cộng Sản mới có quyền quản lý và chỉ huy đất nước. Điều này có

nghĩa là, trong lý thuyết cũng như trong thực tế, những gì không thuộc đảng Cộng Sản, không sinh từ chủ thuyết Mác-Lê-Staline, đều bất hợp pháp, đều "vi phạm an ninh quốc gia". Kẻ vi phạm sẽ bị thủ tiêu, nếu không là bị bắt, bị tù đày, bị đưa đi trại tập trung cải tạo, chiếu theo các điều 76 tới 100 của bộ Luật Hình sự nước CHXHCNVN.

Nước CHXHCNVN tỏ ý muốn hòa nhập vào cộng đồng thế giới và đang cần những nguồn vốn vay mượn, những viện trợ kinh tế. Chúng tôi mong rằng, trong khi chi tiền, xin quý vị hãy nghĩ tới số phận thảm thương của 73 triệu dân Việt Nam, mà đặt những yêu sách cho nhân quyền, dân chủ, đa nguyên. Thiếu những điều kiện này, nhân dân Việt Nam sẽ không tiếp thu được nguồn tài trợ quốc tế để phát triển xã hội và thị trường. Thiếu các điều kiện này, vô tình quý vị sẽ tiếp tay nuôi sống guồng máy độc tài chà đạp nhân phẩm con người và tiêu hủy nền văn hiến Việt Nam. Xin quý vị hãy đòi hỏi nhà cầm quyền CHXHCNVN thực thi những quyền căn bản của con người mà Cộng đồng thế giới cũng như mỗi thành viên LHQ đều áp dụng, công nhận và bảo trợ. Cụ thể là:

1. Trả tự do cho tất cả tù nhân chính trị, tù nhân vì lương tâm, các nhà lãnh đạo các tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng, hiện bị giam giữ trong các nhà tù, trại cải tạo hay bị quản chế. Nếu nghi họ có tội, xin hãy minh bạch đưa ra xét xử trước một tòa án công khai, với sự chứng kiến của báo chí quốc tế, và để cho họ được quyền chọn lựa luật sư biện hộ;

2. Trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho các Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức lãnh đạo GHPGVNTN có tên sau đây: Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Thích Tuệ Sỹ, Thích Trí Siêu, Thích Trí Tụ, Thích Hải Tạng, Thích Hạnh Đức, Thích Hải Chánh, Thích Hải Thịnh, Thích Nguyên Giác, Thích Phước Căn, Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban, Thích Trí Lực, Thích Huệ Đăng, Cư sĩ Nhật Thường (Phạm Văn Xua), và nữ Cư sĩ Đồng Ngọc (Nguyễn Thị Em). Những vị này hiện bị giam ở nhà tù, trại cải tạo, hay còn bị quản thúc mà không hề được xét xử, hoặc xét xử bất minh, phi pháp luật;

3. Trả lại quyền phục hoạt cho Giáo Hội Dân Lập có truyền thống 20 thế kỷ, là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, mà nhà nước CHXHCNVN đã đàn áp, cấm đoán hoạt động, từ khi cho ra đời năm 1981 một Giáo hội công cụ phục vụ cho đảng và nhà nước, tuy chưa hề có một Nghị định hay văn bản chính thức nào của nhà nước giải thể Giáo Hội Dân Lập này.

Kính chúc quý vị thành công trong sứ mạng thiêng liêng giúp đỡ các nước chậm tiến trong thế giới, tuy vẫn không bỏ quên thân phận con người thuộc đại đa số thâm lặng vì bị đàn áp, bị bóp họng trong các quốc gia này, mà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam là một.

Làm tại Paris, ngày 15.11.1994

Phái đoàn Văn phòng II Viện Hóa Đạo GHPGVNTN
công du các nước Tây Âu và Bắc Âu :

Hòa Thượng Thích Hộ Giác
Hòa Thượng Thích Chánh Lạc
Thượng Tọa Thích Viên Lý
Cư sĩ Võ Văn Ái



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HẢI NGOẠI TẠI HOA KỲ HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

424 Ramona Ave., Monterey Park, CA 91754 - USA
Tel. (818) 288-5359 - Fax. (818) 572-8741

Số 0117/VPTT/HĐĐH/VPII - VHD

Kính gửi: Chư Tôn Giáo Phẩm thuộc Giáo Hội Phật
Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan,
Âu Châu và Canada.

Kính thưa quý liệt vị,

Đáp lời kêu gọi cứu trợ nạn nhân bão lụt vừa qua tại vùng đồng bằng sông Cửu Long của Hội Đồng Lương Viện, Văn Phòng II Viện Hóa Đạo đã đóng góp tịnh tài và chuyển về quốc nội để thực hiện công tác Phật sự cấp thiết trên. Viện Hóa Đạo đã thành lập ban tổ chức, phương án và khởi hành cứu trợ đợt đầu với ngân khoản là một trăm năm chục triệu đồng Việt Nam bao gồm tiền mặt, thực phẩm và nhu yếu phẩm.

Trước đó một tuần, phái đoàn cứu trợ của Viện Hóa Đạo đã cử người đến quan sát hiện tình nạn nhân bão lụt và cấp phát chín trăm phiếu cho những gia đình trong tình trạng khổ nạn nhất để nhận lãnh phẩm vật cứu trợ và tiền mặt. Đồng bào rất hoan hỷ khi nhận được phiếu, vì đây là lần đầu tiên Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tái công khai hoạt động rộng rãi về mặt xã hội sau nhiều năm Nhà nước cố tình đàn áp, bức tử.

Sáng sớm ngày 6 tháng 11 năm 1994, trong lúc phái đoàn khởi hành đi cứu trợ, bao gồm Tăng Ni và Phật tử khoảng 300 người đã bị Công an thành phố Hồ Chí Minh ngăn chặn không cho ra khỏi thành. Cuối cùng công an đã bắt giam quý Thượng Tọa Không Tánh, Nhật Ban, Đại Đức Trí Lực, Đạo hữu Nhật Thường và Cô Đồng Ngọc...

Sau đó vài hôm, Công an Thành phố đã đến bao vây chùa Từ Hiếu và lấy hết tất cả phẩm vật cứu trợ.

Số phận Chư Tôn Đức Tăng Ni và Phật tử đang bị giam giữ không biết ra sao. Nhà nước vẫn chưa cho thân nhân gặp mặt và thăm nuôi. Hàng chục Phật tử khác có liên hệ chặt chẽ trong Phật sự cứu trợ này thì bị mời lên Công an Thành phố thẩm cung mỗi ngày.

Cộng Sản Việt Nam vừa thực hiện chính sách chặt đứt chân tay theo Thông cáo Mật và Tuyệt Mật, vừa tạo cho quần chúng oán ghét Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, bằng cách giam giữ quý nhân sự Giáo hội và ngăn cấm không cho đồ cứu trợ đến tay đồng bào nạn nhân như Viện Hóa Đạo đã hứa trong khi phát phiếu.

Trước thiên tai tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, Nhà nước Cộng Sản Việt Nam đã kêu gọi Hồng Thập Tự quốc tế giúp đỡ, trong lúc đó họ lại bắt giam và cấm đoán Viện Hóa Đạo làm công việc cứu trợ. Đây là một trong những hành động đàn áp tôn giáo trắng trợn và vô cùng dã man của Cộng Sản đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Trước Pháp nạn khốc liệt hiện nay, Văn Phòng II Viện Hóa Đạo kính đề nghị Chư Tôn Giáo Phẩm các châu:

1. Nhân danh Giáo Hội mỗi châu viết thư cho Thủ
Tướng Võ Văn Kiệt yêu cầu thực thi tự do tôn giáo mà điển

hình là trả tự do tức khắc cho những nhân sự Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong đoàn cứu trợ hiện đang bị giam giữ.

2. Viết Thịnh Nguyễn Thư gửi đến các Chính phủ, Quốc Hội, Bộ Ngoại Giao và các cơ quan Nhân Quyền.

3. Trình bày và phổ biến rộng rãi tin tức này đến các tầng lớp đồng bào Phật tử để ai nấy đều thấy rõ ác tâm của Cộng Sản đối với Phật Giáo.

Ngưỡng nguyện chư Phật gia hộ chư Tôn Giáo Phẩm sự viên thành và Pháp nạn sớm vượt qua.

Montery Park, ngày 18 tháng 11 năm 1994

TM. Văn Phòng II Viện Hóa Đạo

Phó Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành

Tỳ Kheo THÍCH CHÁNH LẠC

Ký tên và đóng dấu

Bản sao kính gửi:

- Hòa Thượng Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo
"Đề thẩm trình"
- Hòa Thượng Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo
"Đề thẩm trình"
- Hồ sơ lưu

THÔNG CÁO BÁO CHÍ NGÀY 3.11.94

*** Thượng Tọa Thích Long Trí bị bắt tại Sài Gòn trên đường đi cứu trợ nạn bão lụt 6 tỉnh miền Tây Nam Bộ.**

*** Hai Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ ra Thông Cáo báo động và viết thư phản đối gửi Thủ Tướng Võ Văn Kiệt**

Gần đây, Thượng Tọa Thích Long Trí, trụ trì chùa Viên Giác ở Hội An, đã được Hòa Thượng Thích Huyền Quang công cử vào chức vụ Chánh Thư ký Văn phòng lưu vong Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN). Khi nghe tin nạn bão lụt xảy ra tại 6 tỉnh miền Tây vùng đồng bằng sông Cửu Long gây thiệt hại nặng nề và chết chóc cho nhân dân, Thượng Tọa Long Trí lại được đặc cử là Trưởng đoàn đi Cứu trợ.

Nhưng vừa vào tới Sài Gòn, Thượng Tọa Long Trí đã bị Công an thành phố Hồ Chí Minh bắt giam vào lúc 7 giờ sáng ngày 29.10.94. Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế đã tức thời báo động tin này ngày 30.10.94 qua một bản Thông Cáo Báo Chí bằng Anh ngữ để nhờ các Chính phủ và các Tổ chức quốc tế can thiệp. Thế nhưng Bộ Ngoại Giao Hà Nội lại một lần nữa dối gạt dư luận thế giới khi phản bác nguồn tin của Phòng Thông Tin Phật Giáo Thế Giới, và còn nói với hãng Thông tấn Reuter tại Hà Nội ngày 31.10.94, rằng "Thượng Tọa Thích Long Trí không hề bị bắt, TT vẫn hoạt động như thường lệ" !

Trong bức thư gửi Thủ Tướng Võ Văn Kiệt phản đối việc bắt bớ Thượng Tọa Long Trí, gửi từ nơi bị quản thúc ở Quảng Ngãi ngày 30.10.94, Hòa Thượng Thích Huyền Quang viết: "Giáo Hội chúng tôi đã đặc cử Thượng Tọa Long Trí, Chánh Văn Phòng, vào miền Nam thanh sát hiện trường cụ thể để có kế hoạch cứu trợ góp phần xoa dịu phần

nào nổi thống khổ của đồng bào ruột thịt miền Nam thì lại bị Công an bắt giữ tại Sở Công an Thành phố (Hồ Chí Minh), không có lý do gì chính đáng, và sau đó cưỡng bách về quê (Hội An) xử lý, không biết số phận Thượng Tọa hiện giờ ra sao?" (...) Việc bắt Thượng Tọa Long Trí làm trở ngại việc cứu trợ cũng là một thảm họa lớn không những đối với Giáo Hội mà còn rất phũ phàng, chua xót đối với đồng bào nạn nhân lũ lụt tại đồng bằng sông Cửu Long. (...) Tại sao Nhà nước lại có những hành động tệ hại như vậy? (...) Nếu công tác cứu trợ của Giáo Hội bị gây đổ, do việc bắt bớ, cấm đoán này, chúng tôi tin rằng những nạn nhân kia sẽ oán trách... và dư luận sẽ kết tội Nhà nước là đã vi phạm vào điều tối kỵ, đó là LÒNG NHÂN ĐẠO!"

Cùng ngày 30.10.94, từ Văn phòng lưu vong Tổng Thư ký Viện Hóa Đạo đặt ở Thanh Minh Thiền Viện tại Sài Gòn, Hòa Thượng Thích Quảng Độ ra Thông Cáo về việc bắt giữ này và cho biết: "Sau đợt cứu trợ ngày 24.10.94 của Tăng Ni, Phật tử thuộc GHPGVNTN, Giáo Hội Trung ương đã quyết định xuất chi 300 triệu đồng Việt Nam cho đợt cứu trợ vào đầu tháng 11 sắp tới, do Thượng Tọa Long Trí làm Trưởng đoàn. Công tác đang tiến hành tốt đẹp thì đột nhiên lúc 7 giờ sáng ngày 29.10.94, Sở Công an TP Hồ Chí Minh đã ngang nhiên bắt giữ Thượng Tọa Long Trí". Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Tổng Thư ký Viện Hóa Đạo, chất vấn nhà cầm quyền Hà Nội:

"GHPGVNTN có tội gì? Bản thân tôi và Hòa Thượng Huyền Quang, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo có tội gì? Yêu cầu Nhà nước cứ nói thẳng, cứ trừng trị đúng luật, còn việc cứu trợ là việc nhân đạo, thể hiện tinh thần từ bi, lòng thương yêu, nghĩa đồng bào, trong tinh thần "lá rách đùm lá nát", chia cơm xẻ áo cho nhau trong cơn hoạn nạn, đau khổ, chứ đồng bào nạn nhân có tội tình gì mà Nhà nước Cộng Sản VN nở làm như vậy?"

Hòa Thượng Quảng Độ quy trách nhiệm cho nhà cầm quyền Hà Nội và nêu rõ ý chí của GHPGVNTN:

"Qua hành động bắt bớ, đàn áp này, Nhà nước Cộng Sản VN đã cố tình muốn cắt đứt phần lương thực của GHPGVNTN tiếp trợ cho đồng bào nạn nhân lũ lụt, đồng thời Nhà nước Cộng Sản đã vi phạm tự do dân chủ, nhân quyền và nhân đạo một cách nghiêm trọng, không thể chối cãi được".

"Tuy nhiên, Giáo Hội vẫn tiến hành việc cứu trợ đợt 1 vào tháng 11 sắp tới và Thượng Tọa Thích Không Tánh, Phó trưởng đoàn thay thế Trưởng đoàn để tiếp tục phân phối các phẩm vật cứu trợ cho đồng bào nạn nhân. Nếu lần này Nhà nước Cộng Sản lại bắt bớ, khủng bố hoặc gây khó khăn cản trở việc cứu trợ của Giáo Hội, thì hiển nhiên, Nhà nước Cộng Sản VN đã cố tình làm hại đồng bào trong cơn hoạn nạn thống khổ hiện nay".

Khi nạn bão lụt trôi qua 6 tỉnh miền Tây Nam Bộ, gây chết chóc cho 300 người và cảnh màn trời chiếu đất cho trên 500.000 nhân dân, Hội Hồng Thập Tự của Nhà nước Cộng Sản đã lên tiếng kêu gọi thế giới quyền giúp cho một tỷ Mỹ kim để hàn gắn vết thương thiên tai. Nhưng lại ngăn cấm GHPGVNTN đi cứu trợ chính người đồng bào của mình, qua việc bắt bớ Thượng Tọa Thích Long Trí, Trưởng đoàn Cứu trợ. Đây không còn là điều nghịch lý nữa, mà là đạo đức giả. Có

lẽ còn hơn cả đạo đức giả, vì có chủ mưu hãm hại hàng triệu người Nam Bộ lâm nạn.

Làm tại Paris, ngày 3.11.1994
Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế

THÔNG CÁO BÁO CHÍ NGÀY 8.11.1994

*** Thượng Tọa Thích Không Tánh, Trưởng đoàn Cứu trợ Nạn Báo Lụt miền Tây, Thượng Tọa Thích Nhật Ban, Đại Đức Thích Trí Lực và các Phật Tử Nhật Thường, Đồng Ngọc bị bắt.**

*** Bỏ rấp tại Ngã Bảy Sài Gòn chống Đoàn Cứu trợ 360 người của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.**

Vào 3 giờ sáng ngày 5.11.94, Công an TP Hồ Chí Minh đến chùa Pháp Vân ở quận Tân Bình, Sài Gòn, bắt Đại Đức Thích Trí Lực. Vào lúc 1 giờ khuya ngày 5.11.94, Công an đến nhà bắt Phật tử Nhật Thường Phạm Văn Xua. Vào lúc 9 giờ sáng ngày 5.11.94, Công an đến nhà bắt nữ Phật tử Đồng Ngọc Nguyễn Thị Em.

Chiều ngày 6.11.94, Công an vây bắt trên đường phố Sài Gòn Thượng Tọa Thích Không Tánh, trú trì chùa Liên Trì ở Thủ Đức, và Thượng Tọa Thích Nhật Ban.

Những người trên đây đều có chân trong Đoàn Cứu trợ Nạn nhân Nạn Báo Lụt Miền Tây Nam Bộ, do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) tổ chức.

Trước đó 8 ngày, 7 giờ sáng ngày 29.10.94, Thượng Tọa Thích Long Trí cũng đã bị bắt khi vừa tới Sài Gòn để cầm đầu Đoàn Cứu trợ. Sau một ngày giam giữ, Công an trực xuất Thượng Tọa về nguyên quán ở Hội An quân thú. Trên đây là tin tức do Tăng Đoàn Bảo Vệ Chánh Pháp từ Việt Nam gửi đến Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam để nhờ thông báo và can thiệp.

Cuộc bắt bớ xảy ra từ khi Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN, chỉ thị các cấp Giáo Hội thành lập các Đoàn cứu trợ nạn nhân báo lụt 6 tỉnh miền Tây ở đồng bằng sông Cửu Long. Nơi đang có 500.000 đồng bào sống cảnh màn trời chiếu đất.

Vì Thượng Tọa Thích Long Trí, người được đặc cử làm Trưởng đoàn cứu trợ, bị bắt, nên Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Tổng Thư ký Viện Hóa Đạo, đề cử Thượng Tọa Thích Không Tánh thay thế.

Sáng thứ bảy 5.11.94, 60 Tăng, Ni và 300 Phật tử cùng với đoàn "công-voa" gồm 10 chiếc xe chở thuốc men, gạo, vải, thực phẩm, chăn mùng chuẩn bị lên đường đi cứu trợ. Nhưng đoàn cứu trợ từ các nơi tập hợp về đường Kỳ Hòa ở gần Ngã Bảy, quận 10, Sài Gòn, thì đông đảo Công an và Cảnh sát cơ động bao vây Công trường Dân Chủ, quanh Chợ Cá gần đường Trần Quốc Toản, trên các đại lộ Lý Thái Tổ, Lê Hồng Phong, Ngô Gia Tự và đường Điện Biên Phủ. Các toán Công an hành hung đoàn người đi cứu trợ, lột bỏ những băng hiệu "Đoàn Cứu Trợ Miền Tây của GHPGVNTN", giứt vứt tất cả những lá cờ Phật Giáo cắm trên đoàn xe "công-voa", và cưỡng bức giải tán. Một số lớn

Tăng, Ni và Phật tử bị bắt. Nhưng trong cảnh xô xát hỗn loạn không ai kịp ghi nhận số lượng và tên người bị bắt. Một ngày trước cuộc tập hợp đi cứu trợ nói trên, hôm thứ sáu 4.11.94, nhiều vị phụ trách công tác cứu trợ, như các Thượng Tọa, Đại Đức Thích Lành Quỳnh, Thích Nguyên Như, Thích Nguyên Lý, Thích Quảng Tôn, Thích Tâm Văn, Thích Tâm Vân, Thích Nguyên Thịnh... đã bị triệu lên Sở Công An thành phố "làm việc". Tại đây, Công an hãm dọa và ra lệnh cấm đoán họ tham gia cuộc cứu trợ đồng bào bị nạn lũ lụt miền Tây Nam Bộ.

Sau trận thiên tai lũ lụt tàn phá khắp 6 tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long, Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế đã lên tiếng kêu gọi Cộng đồng Thế giới đóng góp một triệu hai Mỹ kim để cứu trợ các nạn nhân. Người ta hiểu vì sao GHPGVNTN lại không được phép đi cứu nguy chính người đồng bào lâm nạn của mình? Chẳng những không được cứu trợ, lại còn bị bỏ rấp bắt giam !

Theo Tăng Đoàn Bảo Vệ Chánh Pháp, thì nhà cầm quyền Cộng Sản đã lợi dụng cuộc bỏ rấp này để nhất cử lưỡng tiện bắt giam tất cả các cán bộ của GHPGVNTN hoạt động tại Sài Gòn. Đây là chính sách "chặt tay chặt chân" ghi trong tài liệu Tuyệt Mật của Bộ Nội Vụ chỉ thị cho các tỉnh ở phía Nam đánh phá Phật Giáo nhằm triệt tiêu GHPGVNTN.

Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam đã tức khắc báo động sự kiện phi lý và bất nhân nói trên đến các cơ quan Liên Hiệp Quốc, các Chính phủ Âu, Mỹ, Á, và Quốc Hội Âu Châu.

Làm tại Paris, ngày 8.11.1994

Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam

THÔNG CÁO BÁO CHÍ NGÀY 22.11.94

*** 250 tù nhân chính trị tại Trại Cải tạo A.20 nổi loạn.**

*** Tù nhân Phạm Văn Thành tuyệt thực vô hạn định, bị cùm biệt giam, rồi bị dày lên vùng rừng độc Thanh Hóa cùng với 10 tù nhân.**

*** Tại Sài Gòn, TT Thích Không Tánh đưa kiến nghị cho ông Joinet, Trưởng Phái đoàn Nhân quyền Liên Hiệp Quốc.**

* Phái đoàn Nhân quyền Liên Hiệp Quốc (LHQ) do ông Louis Joinet, Chủ tịch Tổ Hành động chống Bất bớ Trái phép, cầm đầu đã về Việt Nam điều tra trong khoảng thời gian từ 24.10 đến 2.11 vừa qua. Tháp tùng phái đoàn còn có ông Issac Bitter, tổng thư ký Tổ Hành Động, Luật sư Kapil Sibal, người Ấn Độ, và ông Laity Kama, Chánh án tòa Thượng thẩm nước Senegal. Mục đích của Phái đoàn là thăm các nhà tù, trại cải tạo, và điều tra về luật pháp cũng như các quyền hạn bảo vệ người tù tại Việt Nam.

Theo nguồn tin riêng của Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam, thì Phái đoàn đã đến quan sát 5 nhà tù và trại cải tạo. Tuy Phái đoàn không tiết lộ tên các trại này cho báo chí quốc tế.

Sáng hôm nay, Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam vừa nhận được tài liệu "Tố cáo ban Giám thị Trại A.20 che đậy và dôi gạt Phái đoàn LHQ" do "Ủy ban Bảo vệ Tù nhân Chính trị" ở trại A.20 tỉnh Phú Yên gửi ra. Tài liệu cho biết chi tiết cùng những diễn biến trước và sau cuộc viếng thăm trại của Phái đoàn LHQ.

Theo tài liệu nói trên cho biết, thì vào lúc 13 giờ 30 ngày 28.10.94, tất cả những tù nhân chính trị, kể cả những tù nhân đang đau yếu, được lệnh phải tức khắc rời trại. Trước đó một hôm, một số tù cũng đã được chuyển trại. Một số khác bị cô lập, như trường hợp của các Đại Đức Thích Tuệ Sỹ (Phạm Văn Thương), Thích Phước Viên (Lê Hiền), Thích Tâm Căn (Nguyễn Hữu Tín), hoặc các anh Phạm Văn Thành, Lê Hoàn Sơn, Phạm Anh Dũng, Nguyễn Ngọc Đăng.

Đúng 18 giờ chiều 28.10.94, Phái đoàn LHQ, do ông Joinet dẫn đầu, đến thăm trại A.20 ở tỉnh Phú Yên. Trại này có biệt danh là "Thung lũng tử thần", 200 ngôi mộ bao quanh trại là chứng nhân của sự đối xử tàn ngược gây chết chóc cho các tù nhân chính trị và tù nhân vì lương tâm trong thời khoảng 1976 đến 1987. Phái đoàn LHQ xin đi thăm 8 dãy nhà trong trại và gặp gỡ các tù nhân chính trị. Nhưng ban Giám thị trại cho biết rằng "tất cả tù nhân đã được điều đi làm công tác cứu trợ nạn nhân lũ lụt ở vùng đồng bằng sông Cửu Long" (sic). Phái đoàn chỉ gặp được 4 tù nhân "kiểu mẫu", ăn mặc chỉnh tề, mặt mày béo tốt, và dĩ nhiên nói những lời "ca ngợi chế độ và chính sách khoan hồng, ưu ái của đảng và nhà nước đối với tù nhân". Cuộc viếng thăm kéo dài hai giờ.

Trong thời gian này, số lớn các khu trại được lệnh cúp điện và không được làm ồn để tạo cảnh vắng tanh không người.

Đến 22 giờ, các tù nhân chính trị bị di chuyển mới được phép trở về phòng giam của mình.

Biết tin Phái đoàn LHQ đã đi qua và họ không được gặp để trình bày chế độ hà khắc trong nhà tù cộng sản cùng đưa kiến nghị tố cáo chế độ giam giữ bắt nạt, 94 tù nhân chính trị trong một nhà giam đã biểu dương sự phẫn nộ của họ vào lúc 5 giờ sáng ngày 29.10.94. Cuộc biểu dương phẫn nộ này lan nhanh qua các dãy nhà khác, cuối cùng toàn thể 250 tù chính trị đều công phẫn phẫn đối ban Giám thị đã dôi gạt Phái đoàn LHQ. Bảy tù nhân liền bị công an bắt đi hồi cung, 87 người còn lại yêu sách phải giải tòa vấn đề.

Vào lúc 20 giờ cùng ngày, tù nhân Phạm Văn Thành tuyên bố "tuyệt thực vô hạn định" để phản đối. Qua sáng hôm sau, 30.10.94, hai tù nhân Hoàng Xuân Chinh và Trần Nam Phương hỗ trợ Phạm Văn Thành tuyên bố "tuyệt thực vô hạn định" chống ban Giám thị trại vì phạm các công ước quốc tế trong việc ngăn cấm tù nhân chính trị gặp gỡ Phái đoàn Nhân quyền LHQ. Dần dà cuộc tuyệt thực lan rộng tới 250 tù nhân chính trị ở A.20.

Trước sự phản đối công khai của toàn trại, ban Giám thị đã phải điều động lực lượng Công an cảnh vệ hiệp đồng với Bộ đội đến đàn áp tù nhân. Súng đã nổ và nhiều người bị thương. Chiều ngày 30.10.94, tù nhân Phạm Văn Thành bị xiềng tay xiềng chân đưa vào "ca-sô" biệt giam. Cách cùm này làm tê liệt thân thể người tù sau một thời gian ngắn, vì máu ghen lưu thông.

Cuộc nổi loạn và tuyệt thực kéo dài suốt một tuần lễ, và chỉ chấm dứt dưới bạo lực công an. Hàng chục tù nhân "cứng đầu" đã bị đưa vào "ca-sô" biệt giam.

Ngày 6.11.94, mười tù nhân chính trị bị chở đi biệt tích. Nhưng theo dư luận giữa công an nói với nhau mà tù nhân nghe được, thì nhóm tù này chuyển về Trại số 5 ở vùng rừng thiêng nước độc Cẩm Thủy tỉnh Thanh Hóa. Vì tình trạng bung bít và căng thẳng trong trại, hiện chưa biết rõ hết danh tánh 10 tù nhân. Nhưng trong số tù nhân bị chở đi, có Phạm Văn Thành (người viết Bạch Thư tố cáo chế độ hà khắc và ngược đãi tù chính trị ở trại A.20 mà Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam công bố tháng trước), Linh mục Mai Đắc Chương và Nguyễn Ngọc Đăng (người Việt ở Canada về hoạt động và bị bắt hồi đầu năm ngoái).

* Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam cũng vừa nhận được tài liệu của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) từ Sài Gòn gửi qua cho biết, vào lúc 18 giờ 30 chiều 30.10.94, Thượng Tọa Thích Không Tánh cầm đầu Phái đoàn Tăng Đoàn Bảo Vệ Chánh Pháp thuộc GHPGVNTN đã đến gặp ông Joinet, Trưởng Phái đoàn Nhân quyền LHQ, tại Khách sạn Palace ở Sài Gòn. Thượng Tọa đã trình bày thực trạng vi phạm nhân quyền và đàn áp GHPGVNTN, rồi trao cho ông Joinet những tài liệu Phật giáo, bản Kiến nghị của Tăng Đoàn Bảo Vệ Chánh Pháp, cùng Thư của hai Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ gửi Ủy ban Nhân quyền LHQ.

Kết thúc bản Kiến nghị của Tăng Đoàn Bảo Vệ Chánh Pháp, TT Không Tánh viết:

"Hai năm qua GHPGVNTN đã khẩn thiết kêu gọi khắp thế giới, nhưng một số chính phủ chỉ chú trọng làm ăn buôn bán chứ không mấy quan tâm đến Dân Chủ và Nhân Quyền. Vì vậy, nhân chuyến công du của quý Phái đoàn, Tăng Đoàn Bảo Vệ Chánh Pháp chúng tôi kính mong ông Trưởng đoàn và quý Phái đoàn can thiệp với chính quyền Cộng Sản Việt Nam:

"1. Tôn trọng và thực thi dân chủ, nhân quyền, tự do tín ngưỡng tại Việt Nam;

"2. Trả tự do cho tất cả Tăng, Ni, Phật tử thuộc GHPGVNTN hiện bị giam giữ trong các nhà tù, trại cải tạo hay bị quản chế;

"3. Trả lại toàn bộ cơ sở văn hóa, giáo dục, từ thiện xã hội, Việt Nam Quốc Tự, trụ sở chính của GHPGVNTN mà nhà nước đã chiếm dụng hoặc giao cho Giáo hội Nhà nước sử dụng một cách phi pháp trong 10 năm qua".

Bức thư của Hòa Thượng Huyền Quang viết từ Quảng Ngãi ngày 29.10.94 gửi ông Joinet nhấn mạnh tính cách dân lập của GHPGVNTN, một Giáo Hội "có truyền thống lịch sử 2000 năm, đã từng làm hưng thịnh cho đất nước Việt Nam trong nhiều thế kỷ trước, có địa vị quốc gia và quốc tế, có đông đảo Tăng, Ni và quần chúng Phật tử, chiếm 80% dân số trên toàn quốc, có tổ chức từ thượng tầng đến hạ tầng kiến trúc, từ thành thị đến thôn quê, từ trong nước đến các châu trên thế giới. Trong hai thập niên 60, 70, GHPGVNTN đã thành tựu khá nhiều trong công cuộc vận động cho tự do, dân chủ, nhân quyền và đòi hỏi chấm dứt cuộc chiến huynh đệ tương tàn. Nhưng sau 1975, Cộng Sản chiếm miền Nam, cai trị toàn diện đất nước đã thẳng tay đàn áp GHPGVNTN một cách khốc liệt (...). Đến năm

1981, Nhà nước lập ra Giáo hội mới gọi là "Giáo hội Phật giáo Việt Nam" trực thuộc Mặt trận Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam. GHPGVNTN thực sự bị lật đổ từ lúc ấy, khi tôi và Hòa Thượng Quảng Độ bị lưu đày biệt xứ; tất cả cơ quan, văn phòng, chùa chiền, nói chung toàn bộ cơ sở vật chất và nhân sự Giáo Hội đều bị Nhà nước quản lý".

Gần đây, theo Hòa Thượng Huyền Quang "sự kiện đáng quan tâm nhất" là việc Công an TP Hồ Chí Minh bắt giữ Thượng Tọa Long Trí, người "được Giáo Hội thỉnh cử vào miền Nam công tác, tổ chức cứu trợ đồng bào nạn nhân thiên tai lũ lụt tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. (...) Đây là hành động không những vi phạm nhân quyền nghiêm trọng mà còn phạm đến tinh thần nhân đạo (...) gây thêm đau khổ cho đồng bào nạn nhân lũ lụt".

Kết thúc bức thư, Hòa Thượng Huyền Quang yêu cầu LHQ can thiệp để giải quyết 4 vấn đề:

"1. Thúc đẩy và kêu gọi chính quyền Cộng Sản Việt Nam phải tôn trọng nhân quyền và tự do tôn giáo, bằng cách trả tự do cho các vị Giáo phẩm, các vị tu sĩ đã tham gia cuộc vận động đòi phục hoạt GHPGVNTN còn bị giam giữ, quản thúc và các nạn nhân bất đồng chính kiến, trong đó có tôi và Hòa Thượng Quảng Độ, Thượng Tọa Liễu Minh và quý vị Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thát, Hạnh Đức, Trí Tụ, Hải Tạng, Hải Thịnh, Hải Chánh, v.v... mà chính quyền đã bắt giam, quản thúc không lý do chính đáng hoặc xét xử bất công, phi lý, trái với luật pháp quốc gia và Công pháp quốc tế;

"2. Trả hết tài sản, chùa chiền đã bị Nhà nước chiếm giữ phi pháp hoặc chuyển giao cho Giáo hội Nhà nước quản lý một cách vô lý (...);

"3. Phục hồi sự hiện hữu và sinh hoạt bình thường của GHPGVNTN như trước năm 1975; xét xử các vụ giết chóc oan ức hàng Giáo phẩm, Tăng, Ni và Phật tử thuộc Giáo Hội chúng tôi, mà suốt 19 năm qua chưa được xét xử trước pháp luật công minh và dân chủ (...);

"4. Đảng và Nhà nước Cộng Sản trong quá khứ có nhiều chính sách sai lầm mà hiện nay đã có sửa đổi, duy chính sách bắt thân nếu không muốn nói là xem Tôn giáo như kẻ thù, thì chưa thấy sửa sai. Việc đàn áp, khủng bố, bắt bớ, giam cầm các Tăng sĩ của Giáo Hội chúng tôi là một bằng chứng cụ thể.

"Nói chung, chính sách sai lầm ấy xuất phát từ chế độ độc quyền, độc đảng, từ suy tư đến hành động chủ quan, bảo thủ mà ra. Do đó, cần xét lại chế độ chính trị ấy, và đề cho toàn dân tham dự việc xây dựng đất nước".

Làm tại Paris, ngày 22.11.1994

Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam

THÔNG CÁO BÁO CHÍ NGÀY 23.11.1994

Tôi ủng hộ các tù chính trị! Hãy phá trại, tôi sẽ bảo vệ!" ... "Nếu tôi bị thủ tiêu, hãy báo cáo cho gia đình tôi ở Bắc Thái!", lời hô của Thượng Ủy cộng sản Vương

Văn Đệ tại Trại A.20 ở Phú Yên trước khi bị bắt vì hỗ trợ cuộc đấu tranh của 250 tù chính trị.

Tù nhân Phạm Văn Thành viết thư cảm ơn các đài BBC, RFI, VOA, Chân Trời Mới, Diễn Đàn Dân Chủ.

*** "Đả đảo Cộng Sản độc tài!", "Tôi ủng hộ các tù chính trị, hãy phá trại, tôi sẽ bảo vệ!", "Nếu tôi bị thủ tiêu, hãy báo cho gia đình tôi ở Bắc Thái. Tôi là Vương Văn Đệ, gia đình hiện ở Bắc Thái... đừng bỏ rơi tôi!".**

Trên đây là lời hô, lời kêu thất thanh của Thượng ủy Cộng sản Vương Văn Đệ trước khi bị bắt, vì đã hỗ trợ cuộc đấu tranh của 250 tù nhân ở Trại A.20 chống việc không cho tù chính trị gặp Phái đoàn Nhân quyền LHQ do ông Joinet cầm đầu đến Việt Nam vào cuối tháng 10 vừa qua.

Tiếp theo bản "Tố cáo ban Giám thị Trại A.20 che đậy và đối gạt Phái đoàn Nhân quyền LHQ" công bố trong bản Thông cáo Báo chí ngày hôm qua (22.11.94), sáng nay, Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam vừa nhận thêm bản Tường trình số 2 ghi chi tiết các sự cố đấu tranh ở trại suốt ba ngày 28, 29, 30.11.94. Về Thượng ủy Vương Văn Đệ, bản Tường trình viết:

"Cần phải nêu tên một người sĩ quan quân giáo đã thức tỉnh và ủng hộ tối đa chúng tôi suốt buổi sáng và trưa ngày 28.10.94. Lúc này chúng tôi chưa biết sự vào Trại của Phái đoàn Nhân quyền (LHQ). Người sĩ quan này đã bị chích thuốc mê và đem khỏi trại. Lúc cuối trên chòi canh ông còn hô "Đả đảo Cộng sản độc tài!", "Tôi ủng hộ các tù chính trị, hãy phá trại, tôi sẽ bảo vệ...", "Nếu tôi bị thủ tiêu, hãy báo cho gia đình tôi ở Bắc Thái. Tôi là Vương Văn Đệ, gia đình hiện ở Bắc Thái... đừng bỏ rơi tôi!". Đây là một người cán bộ có ý thức cao độ về dân chủ, mang lon Thượng ủy; từ bao năm nay chứng kiến sự đàn áp tù chính trị nên đã có hành động này, khi thấy các lực lượng Công an được tăng cường đông đảo chưa từng thấy tại đây vào ngày 28.10.94".

* Bản Tường trình số 2 ghi chi tiết đấu tranh quan trọng: "Lúc 8 giờ đêm 28.10.94 tù nhân chính trị bị nhốt ở một khu riêng biệt, nên không biết Phái đoàn Nhân quyền (LHQ) vào trại. Buổi sáng (hôm sau) vì nghĩ Phái đoàn Nhân quyền còn ở ngoài trại, nên 82 người đã đồng thanh hô lớn suốt từ 5 giờ sáng tới 9 giờ (ngày) 29.10.94: "SOS Nhân quyền!", "Nhân quyền cho Việt Nam!", "Droits de l'Homme pour le Viet Nam!", "Human Rights for Viet Nam!". Công an đã dùng roi điện, súng đạn đàn áp dữ dội.

Ba người tuyên bố tuyệt thực vô thời hạn kể từ ngày 30.10.94 là Phạm Văn Thành, Hoàng Xuân Chinh, Trần Nam Phương; mười người tuyệt thực có thời hạn từ ngày 31.10 đến hết ngày 2.11.94 gồm có Nguyễn Văn Trung, Phan Văn Lợi, Trần Đức Hào, Lê Thiện Quang, Trương Nhật Tân, Trần Minh Tuấn, Võ Đình Thụy, Huỳnh Ngọc Tuấn, Phạm Anh Dũng, Lê Hoàn Sơn. Mười ba người này đã đồng ký tên dưới Thư Thông Báo gửi ông Thủ Tướng Chính phủ nước CHXHCNVN cùng các cấp Chính quyền có trách nhiệm liên quan, và Ban Giám thị Trại Xuân Phước. Thư viết tại Xuân Phước, Phú Yên ngày 30.10.94:

"Chúng tôi, tập thể tù nhân chính trị Trại A.20 Xuân Phước, trân trọng thông báo đến quý cấp về thái độ đấu tranh bất bạo động và danh dự của chúng tôi bị xúc phạm trắng trợn và thô lỗ của sự việc chiều ngày 28.10.94.

"Sự tuyệt thực này là cương quyết tuyệt đối bất bạo động để phản đối thái độ của Ban Điều Hành A.20. Sự việc như sau: Nguyên vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 28.10.94, Trại đã phát động chống bão lụt, đưa tất cả các trại viên kể cả già yếu bệnh tật, đang nghỉ bệnh, dưới sự điều động của cán bộ Giáo dục An ninh và lực lượng vũ trang đem nhốt chúng tôi vào các nhà kho, các nhà ló, thậm chí kể cả chuồng heo. Buổi chiều tối mới vội vàng dắt chúng tôi về và đưa ngay vào buồng.

"Ngày hôm sau 29.10.94, chúng tôi mới được biết có sự sắp đặt của Ban Điều Hành trại về ngày 28.10.

"Bộ Nội Vụ đã thu xếp Phái đoàn Nhân quyền Quốc tế không được gặp chúng tôi. Trái lại còn sắp xếp một số người cho Phái đoàn phỏng vấn. Những người này là những người không đủ tư cách chính trị, hoặc bị cưỡng bức không dám nói sự thực trước Phái đoàn Nhân quyền Quốc tế.

Nghiệt ngã thay, đây là những người mà trại giới thiệu để đại diện cho tù nhân chính trị ở trại A.20.

"Đây là hành động đã xúc phạm trầm trọng đến nhân phẩm của chúng tôi. Do đó, đây chính là lý do để chúng tôi tuyệt thực nhằm yêu cầu các cấp giải quyết hai vấn đề sau:

"1. Yêu cầu Chính phủ nước CHXHCNVN có thái độ với sự việc như trên;

"2. Yêu cầu cho chúng tôi được công khai trực tiếp một cách tự do để gặp Phái đoàn Nhân quyền của Quốc tế.

Những sự kiện trên đây cũng được xác nhận và bộc lộ qua Đơn Thông Báo của tù nhân chính trị Hoàng Xuân Chinh, 40 tuổi, bị án tù 16 năm vì can tội "âm mưu lật đổ chính quyền", viết từ trại A.20 ngày 30.10.94, gửi các ông Chủ tịch, Thủ tướng, các cấp Chính quyền CHXHCNVN, và Ban lãnh đạo Trại A.20. Việc "chống Bão lụt" được Chinh mô tả như sau: "Nguyên vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 28.10.94, Ban lãnh đạo Trại đã phát động chống bão lụt trong lúc trời không bão, không lụt, chỉ mưa lất phất gió lạnh, đã đem tất cả tù nhân trong trại A.20 gồm tất cả thường phạm và chính trị phạm, đem giấu vào những nhà ló, nhà kho, kể cả chuồng heo, hoặc bắt họ phải lao động dưới ruộng nước quá giờ".

* Tù nhân chính trị Phạm Văn Thành cũng đã nhờ Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam chuyển đạt bức Thư Cảm Ơn gửi đến các Tổ chức Nhân quyền Việt Nam và Quốc tế, các cơ quan Truyền thông quốc tế BBC, RFI, VOA và các đài Chân Trời Mới, Diễn Đàn Dân Chủ. Bức thư viết:

"Phạm Văn Thành, Tù nhân chính trị, Trại tù A.20 - Việt Nam, Phú Yên 9.10.94

Kính thưa quý vị, chúng tôi đã nhận được những thông tin đầy đủ về những buổi phát thanh của các đài quốc tế như BBC, VOA, RFI, Chân Trời Mới, v.v.... trong tuần lễ từ 29.9.94 đến nay.

"Những dòng thư viết vội vã trong nguy hiểm này chỉ với một mục đích: trân trọng cảm ơn sự quan tâm của quý vị đồng thời xác định lập trường không bao giờ thay đổi của chúng tôi.

"Riêng cá nhân tôi, xin mãi mãi là một phương tiện cho công cuộc đấu tranh đòi Dân chủ của Dân tộc Việt Nam; những gì tôi cố gắng gửi ra hải ngoại, quý vị toàn quyền sử

dụng cho mục tiêu Dân chủ và Nhân quyền. Đây đã và sẽ là ý nguyện trọn đời của tôi.

"Sau khi các đài quốc tế loan tải về những tư liệu tôi gửi ra ngoài, Sĩ quan An ninh và Tư tưởng (tại) trại giam đã gọi tôi làm việc trong 3 ngày 6, 7 và 8.10.94, buộc tôi phải tiết lộ những người cộng tác và đường dây chuyển thư ra nước ngoài. Dĩ nhiên điểm này, dù có phải chết, tôi cũng không thể tiết lộ trong bối cảnh này... Vì chắc chắn những người cộng tác sẽ bị tra tấn dã man, thậm chí biệt giam đến chết.

"Cho tới hôm nay, tôi chưa hề bị tra tấn; thư này, tôi phủ nhận những tin tức liên quan đến việc tôi đã bị tra tấn.

"Một lần nữa, thay mặt các tù nhân chính trị tại Trại A.20, xin gửi đến quý vị lời cảm ơn trân trọng nhất. Kính chúc quý vị Hạnh phúc và Như ý.

Kính thư".

Làm tại Paris, ngày 23.11.1994

Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam

THÔNG CÁO BÁO CHÍ NGÀY 3.12.94

Bị bệnh nặng, bị cô lập toàn diện tại Chùa Hội Phước, Hòa Thượng Thích Huyền Quang viết "Ủy Nhiệm Thư" trao quyền cho Hòa Thượng Thích Quảng Độ.

Đại hội Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới họp tại Bangkok ra Quyết Nghị hậu thuẫn Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

* "Nửa tháng qua, công lực bao vây chặt chẽ Văn phòng Lưu vong Viện Hóa Đạo; trục xuất người giúp việc, dù chỉ tạm trú 6, 7 ngày; ngăn chặn không cho Tăng, Ni, Phật tử từ xa đến thăm. Bệnh tình tôi không biết nhờ đâu chạy chữa, tất cả phủ cho Vô thường..."

Trên đây là lời Hòa Thượng Huyền Quang báo động tình trạng hiện nay của Hòa Thượng, ghi dưới phần Mặt sao bức "Ủy Nhiệm Thư" viết gửi Hòa Thượng Thích Quảng Độ từ Quảng Ngãi ngày 15.11.94, mà Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế tại Paris vừa nhận được sáng nay. Tình trạng này cũng được xác nhận qua "Thư Khẩn báo" của Tăng Đoàn Bảo Vệ Chánh Pháp tỉnh Quảng Ngãi. Tăng Đoàn cho biết "Chùa Hội Phước hiện bị bao vây nghiêm ngặt. Hòa Thượng Huyền Quang bị bệnh nặng, áp huyết tăng cao vọt, nhưng bị cấm không cho y tá đến chữa. Cấm các chư Tăng chùa Từ Quang (ở Quảng Ngãi) không được xuống Hội Phước thăm nom Hòa Thượng như thường lệ. Uy hiếp Phật tử Quảng Ngãi không cho tới chùa Hội Phước. Các Tăng sĩ Thích Nguyên Mẫn, Thích Đồng Hoa, các Phật tử Lý Nam và Nguyễn Đình Trúc bị Công an bắt ngay trước cổng chùa Hội Phước khi các vị này dự tính vào vấn an sức khỏe Hòa Thượng Huyền Quang. Họ bị dẫn về "làm việc" ba ngày liền tại sở Công an, và bắt viết giấy cam đoan từ nay trở đi không được liên hệ với Hòa Thượng". Kết thúc Thư Khẩn báo, Tăng Đoàn Bảo Vệ Chánh Pháp tỉnh Quảng Ngãi viết: "Vi cấm không cho bác sĩ và y tá đến khám bệnh và chạy chữa, Nhà nước CHXHCNVN sẽ phải chịu tất mọi

trách nhiệm và hậu quả nếu Hòa Thượng Huyền Quang có mệnh hệ nào".

Tình trạng quản thúc lại gặp cơn đau yếu trầm trọng mà Công an Quảng Ngãi ngăn cấm không cho Hòa Thượng Huyền Quang đi gặp bác sĩ, không cho y tá đến chích thuốc, cũng như cấm hẳn việc tiếp xúc với Tăng, Ni, Phật tử các cấp, khiến Hòa Thượng phải viết Ủy Nhiệm Thư trao một số công tác trọng hệ cho Hòa Thượng Quảng Độ thi hành.

Hòa Thượng Thích Quảng Độ năm nay 66 tuổi, hiện cư ngụ tại Thanh Minh Thiền Viện ở Sài Gòn, là Tổng Thư ký Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) từ trước năm 1975, tác giả trên mười cuốn sách sáng tác và dịch thuật. Bị bắt cùng với Hòa Thượng Huyền Quang và các vị lãnh đạo GHPGVNTN ngày 6.4.1977. Dưới áp lực của quân chủng Phật tử trong nước và dư luận quốc tế, nhà cầm quyền Hà Nội đã phải trả tự do cho chư vị ngày 9.12.1978. Nhưng vì "tội" không chịu đưa GHPGVNTN sáp nhập vào Giáo hội Nhà nước thành lập cuối năm 1981, nên Hòa Thượng bị bắt trở lại vào ngày 2.3.1982 đưa về Bắc quản thúc ở nguyên quán tỉnh Thái Bình.

Đầu năm 1990, ông Mai Chí Thọ đến thăm và mời Hòa Thượng về ở chùa Quán Sứ (Hà Nội) cộng tác với Giáo hội Nhà nước. Nhưng Hòa Thượng từ khước, trả lời rằng: "Bắt tôi ở đâu, thì xin trả tôi về nơi ấy để tôi cang đáng chuyện sinh hoạt như xưa!". Thế rồi Hòa Thượng tự ý trở về Sài Gòn ngày 27.3.92.

Nhận định rằng những lời kêu gọi hoặc hứa hẹn về "xóa bỏ thù hận, quên đi quá khứ" để "xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc" của Đảng và Nhà nước chỉ là lời hứa suông chẳng khác chi chiếc bánh vẽ. Thực tế là cuộc đàn áp Phật giáo ngày càng dữ dội và quy mô suốt hai năm qua. Nên kể từ ngày 14.10.94, Hoà Thượng Quảng Độ đã chính thức trở lại hoạt động trong cương vị Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất như cũ. Cùng ngày này, từ Văn phòng Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo thiết lập ở Thanh Minh Thiền Viện (Sài Gòn), Hòa Thượng ra Thông Cáo số 85/VPLV-VHD chỉ thị "việc củng cố thành phần nhân sự Ban Đại diện các cấp Giáo hội" tại các tỉnh trên khắp nước; đồng thời lúc ra lệnh cho "các cấp Giáo hội dựng lại bảng hiệu "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất" tại các cơ sở, chùa chiền thuộc Giáo hội mà (nếu) có ai ngang nhiên hạ xuống, thì rõ ràng người ấy đã "xâm phạm tự do tín ngưỡng" của người khác, vi phạm luật pháp quốc gia và công pháp quốc tế".

Qua Ủy Nhiệm Thư, Hòa Thượng Huyền Quang xác định: "Chúng ta đã cùng quý liệt vị Giáo phẩm cao cấp và trung cấp của Hội đồng Lương viện GHPGVNTN tại quốc nội và hải ngoại nhất tâm nhất trí thực hiện các Phật sự, mà Chúc Thư thiêng liêng của cựu Cố Đại lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu giao phó, một cách nghiêm túc trong vòng ba năm qua. Dù Pháp nạn II chưa kết thúc, nhưng chúng ta đã đưa phong trào đấu tranh đòi "tự do tôn giáo và nhân quyền" vào Cao Ủy Nhân Quyền LHQ, và các tổ chức nhân quyền thuộc các chính phủ và phi chính phủ trên thế giới". Rồi Hòa Thượng trao trách nhiệm và tư cách lãnh đạo Phật sự cho Hòa Thượng Quảng Độ "hầu đưa Pháp nạn II đến thành tựu viên mãn".

* Trong khi ấy, tại Sài Gòn, các Thượng Tọa, Đại Đức Không Tánh, Nhật Ban, Trí Lực, Thiện Bộ, và các Phật tử Nhật Thường (Phạm Văn Xua), Đồng Ngọc (Nguyễn Thị Em), Phan Công Minh, Nguyễn Cao, Hoàng Trọng Khánh vẫn bị giam giữ và thẩm cung tại các cơ sở Công an Thành phố ở 3C đường Tôn Đức Thắng. Tuy cho mang áo quần, vật dụng tiếp tế, nhưng thân nhân không được quyền gặp gỡ, thăm nuôi. Sức khỏe của nữ Phật tử Đồng Ngọc (Nguyễn Thị Em) bị đau yếu trầm trọng. Cũng từ mười ngày qua, mười lăm Thượng Tọa, Đại Đức và Phật tử khác có tên trong Ban Tổ chức Đoàn Cứu trợ Lũ lụt Đồng bằng sông Cửu Long bị các cơ quan Thành phố HCM, như Công an, Mặt trận Tổ quốc, Ban Tôn giáo chính phủ triệu lên "làm việc" hằng ngày.

Bản tin của Đoàn Cứu trợ Lũ lụt Đồng bằng sông Cửu Long thuộc GHPGVNTN gửi đến Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế sáng nay, còn cho biết chi tiết:

"Lúc 8 giờ sáng ngày 10.11.94, Thượng Tọa Thích Nguyên Lý, trụ trì chùa Từ Hiếu bị triệu lên sở Công an quận 8 ở Sài Gòn để gặp các Sư Ông công cụ của Nhà nước có tên Đạt Hào, Vạn Liên, Giác Linh, Huệ Văn, Thiên Lương, Thiện Tài, Hiền Đức. Các Sư Ông công cụ này yêu cầu Thượng Tọa Nguyên Lý trao tất cả kho Cứu trợ còn giữ ở chùa cho Giáo hội Nhà nước để Ban Tôn giáo Chính phủ quận 8 tổ chức đi cứu trợ.

Nhưng Thượng Tọa Nguyên Lý từ chối, viện cớ là "Tiền bạc và vật dụng cứu trợ là sở hữu của GHPGVNTN, không thuộc quyền chùa Từ Hiếu nên Thượng Tọa không thể tự ý quyết định khi chưa có lệnh của Hòa Thượng Huyền Quang.

"Thế là vào lúc 11 giờ 30 cùng ngày, lợi dụng sự vắng mặt của Thượng Tọa Nguyên Lý còn bị giữ tại sở Công an cho đến 18 giờ, bảy Sư Ông công cụ Đạt Hào, Vạn Liên, Giác Linh, Huệ Văn, Thiên Lương, Thiện Tài và Hiền Đức cùng với 200 nhân viên công lực dùng xe Jeep cảnh sát đến bao vây chùa và cướp tất cả hàng hóa cứu trợ khuôn ra xe tải, trước sự phản đối của người trong chùa. Một vài xô xát nhỏ không đáng kể. Sau khi đã khống chế các Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử và nhân viên trong chùa vào một góc phòng, và dưới sự chỉ đạo của các Sư Ông công cụ, đám công lực đã cướp đi 450 kg bột ngọt, 450 kg bột giặt, 900 chiếc mũng mới, 900 thau nhựa mới loại lớn, 900 gạo nhựa, 5400 gói mì ăn liền, 313 bộ quần áo mới, 500 bộ quần áo cũ, và nhiều mặt hàng gồm mì khô, muối, đường, sữa, v.v..."

* Tại thủ đô Thái Lan ở Bangkok, hàng trăm phái đoàn Phật giáo đã về dự Đại hội Phật giáo Thế giới lần thứ 19 do tổ chức Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới (World Federation of Buddhists) triệu tập từ ngày 22 đến 28.11.94. Phái đoàn GHPGVNTN gồm 20 Tăng sĩ và Phật tử do Hòa Thượng Hộ Giác, Thượng Tọa Viên Lý, Thượng Tọa Giác Lương... dẫn đầu đã đến tham dự để báo cáo Phật sự và cuộc đàn áp đang xảy ra tại Việt Nam. Đại hội đã ra Quyết Nghị ủng hộ cuộc tranh đấu Bảo vệ Chánh pháp của GHPGVNTN. Đại hội đã lấy hai quyết định quan trọng trong việc hỗ trợ này:

1. Đại hội trao quyền cho tổ chức Liên Hữu Phật Giáo Thế giới gửi văn thư chính thức cho nhà nước CHXHCNVN yêu cầu ngưng ngay chính sách kỳ thị và đàn áp GHPGVNTN;

2. Tổ chức một Phái đoàn Phật giáo Quốc tế đi thăm Việt Nam và vấn đề các Hòa Thượng Huyền Quang, Quảng Độ, Đức Nhuận và hàng Giáo phẩm lãnh đạo GHPGVNTN.

Làm tại Paris, ngày 3.12.1994
Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế

THÔNG CÁO BÁO CHÍ NGÀY 7.12.94

Tranh chấp tại Huế giữa các Tăng sĩ thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam (Nhà nước) về vấn đề Ban Tôn Giáo của chính quyền thao túng nội bộ Phật Giáo.

Sẽ có Tụ thiêu nếu không được giải quyết. Thượng Tọa Thiện Hạnh bắt đầu cuộc tuyệt thực vô hạn định trước chùa Từ Đàm.

* Trong khuôn viên chùa Từ Đàm, vào lúc 8 giờ sáng ngày 26.11.94, Thượng Tọa Thích Thiện Hạnh, Ủy viên Giáo dục Tăng Ni thuộc Ban Trị Sự Phật Giáo (Nhà nước) tỉnh Thừa Thiên - Huế, tuyên bố bắt đầu cuộc tuyệt thực cho đến khi nào được Hòa Thượng Thích Thiện Siêu giải quyết tất cả các yêu sách mà Tăng Đoàn Thừa Thiên - Huế đến đệ trình một giờ trước đó, lúc 7 giờ sáng, nhưng không được thỏa mãn. Hòa Thượng Thiện Siêu là Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (Nhà nước), Trưởng ban Giáo dục Tăng Ni toàn quốc kiêm Ủy viên Quốc hội nước CHXHCNVN.

Sau lưng Thượng Tọa Thiện Hạnh, Tăng đoàn giăng các banner biểu ngữ:

"Yêu cầu HT. Thiện Siêu giải quyết vấn đề Tăng bát hòa tại Thừa Thiên trước khi tiến hành các Phật sự";

"Yêu cầu HT. Thiện Siêu, Ủy viên Quốc hội, phải lắng nghe và tôn trọng ý kiến của Tăng Đoàn Thừa Thiên".

Yêu cầu đòi hỏi gồm 3 điểm:

"1. Thỉnh cầu Hòa Thượng có biện pháp cụ thể, giải quyết những vấn đề bất ổn của Phật giáo Huế;

"2. Thỉnh cầu Hòa Thượng nhân danh Phó Chủ tịch Thường trực HĐTSTư thu hồi 2 văn bản do HT. Thích Trí Tịnh và HT. Thích Thiện Hào ký.

Vì 2 văn bản này, có nội dung xúc phạm đến Tăng thể Thừa Thiên - Huế và đánh mất chủ quyền vào tay người khác;

"3. Thỉnh cầu Hòa Thượng nhân danh Dân biểu Quốc hội, có tiếng nói trung thực với Ban Tôn Giáo chính quyền, không nên can thiệp vào nội bộ tôn giáo, nhất là Phật giáo".

Các yêu sách này được Phái đoàn Tăng già Thừa Thiên gồm 30 Thượng Tọa, Đại Đức thuộc 28 ngôi chùa lớn tại Huế đến chùa Từ Đàm, trụ sở của Giáo hội Nhà nước, trình bày vào lúc 7 giờ sáng 26.11.94, nhưng không được Hòa Thượng Thiện Siêu giải quyết. Trong một bức thư viết tay gửi Hòa Thượng Thiện Siêu đề ngày 25.11.94 đề ra những bất ổn trong nội bộ Tăng già ở Huế, Thượng Tọa Thiện Hạnh kết thúc: "Nếu những nguyện vọng này không được

Hòa Thượng quan tâm tối thiểu, con xin được ngồi lại đây, cho đến lúc nào các vấn đề được giải quyết, để Phật giáo Huế được trở lại vinh quang như xưa. Kính mong Hòa Thượng hoan hỷ cho con về những đường đột này, và nếu con có mệnh hệ gì, xin Hòa Thượng cầu nguyện cho con".

Hai văn bản của các Hòa Thượng Trí Tịnh (số 193-QĐ/HĐTS ngày 16.8.93) và Thiện Hào (283-CV/HĐTS ngày 23.11.93, nhắc tới trong yêu sách thứ hai, không phát xuất từ giáo chế Phật giáo mà thể hiện sự uy hiếp của thể quyền qua Ban Tôn Giáo chính phủ. Như Văn thư của Sư Thiện Hào, Phó Chủ tịch Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Nhà nước yêu cầu "Chính quyền Thừa Thiên Huế xử lý" và "thực hiện pháp luật" (nghĩa là nhờ Công an đàn áp) Tăng già Thừa Thiên Huế. Trong giáo luật Phật chế, mọi tranh chấp giữa Tăng Đoàn đều phải giải quyết giữa nội bộ Tăng Đoàn với nhau, qua các kỳ Bồ Tát đầu tháng âm lịch. Chưa hề có chuyện mượn tay bất cứ chính quyền thể trị nào can thiệp giúp. Mấy chục năm qua, Sư Thiện Hào chỉ đội lốt nhà sư để phục vụ đảng Cộng sản phá hoại nền Phật giáo truyền thống.

Cuộc tranh chấp và khủng hoảng trong các cơ cấu Giáo hội Nhà nước tại Huế âm ỉ từ hai năm qua. Thượng Tọa Thiện Hạnh viết trong thư gửi Hòa Thượng Thiện Siêu ngày 25.11.94 giải thích: "Hơn hai năm qua, tình hình sinh hoạt Phật giáo Huế bất ổn, do Ban Tôn giáo chính quyền Thừa Thiên Huế đã can thiệp sâu vào nội bộ Phật giáo. Nhất là việc tấn phong Giáo phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa trong Đại hội III của Giáo hội. Việc làm này đã làm đảo lộn tôn ty thứ đệ, có truyền thống sinh hoạt của Tăng lữ. Đây chính là đầu mối đưa đến bất hòa trong chư Tăng, Phật tử mất niềm tin đối với Đạo, với lãnh đạo Giáo hội".

"Thêm vào đó, Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, nhân danh Chủ tịch HĐTSTư, ký quyết định bãi miễn chức vụ Giáo dục Tăng Ni Thừa Thiên Huế, một cách bất hợp pháp. Rồi tiếp đến Hòa Thượng Thích Thiện Hào lại ký văn thư gửi ông Bí thư Tỉnh ủy và Chính quyền Thừa Thiên Huế, yêu cầu xử lý Tăng già Thừa Thiên Huế. Đây không phải là phong cách lãnh đạo Phật Giáo. (...) Mặc dù chư Tăng Thừa Thiên - Huế đã nhiều lần Kiến nghị lên Hội đồng Trị sự Trung ương và bày tỏ thiện chí, mà không thấy HĐTSTư quan tâm giải quyết".

* Gần đây, lại có thêm vụ phản đối của Tăng già Thừa Thiên - Huế về cung cách thành lập Trường Cơ bản Phật học Huế. Theo bản Nhận định của Thượng Tọa Thích Như Đạt (thuộc Giáo hội Nhà nước) viết ngày 14.11.94 cho biết, thì có quá nhiều nghịch lý trong việc mở Trường Cơ bản Phật học này, phơi bày các "ý đồ" sau đây:

"1. Hạn chế Tăng Ni sinh Thừa Thiên - Huế học Phật, vì 7 năm mới có một lần tuyển sinh. Như vậy, những Tăng Ni sinh vào chùa sau ngày tuyển sinh khóa I (từ 2.11 đến 11.11.94), phải đợi 7 năm sau mới được tuyển vào khóa II;

"2. Hạn chế và loại bỏ những Giáo thọ có khả năng, để thay vào những vị không hề có chuyên môn giáo dục Phật học, nhằm làm suy giảm tiềm năng giáo dục Phật giáo Huế;

"3. Hạn chế và kiểm tra lý lịch của Tăng Ni sinh nhằm hạn chế sự phát triển Phật giáo Huế một cách có khoa học, có luật pháp;

"4. Phải chăng, khuyến dụ những Tăng Ni sinh ngày thơ và hợp hóa cho những người không hảo tâm xuất gia, mà xuất gia làm Tăng Ni sinh vì công vụ. Như công vụ của những con vi trùng ở trong thân sư tử".

Ngoài ra, Thượng Tọa Như Đạt còn nêu ra ba nghịch lý, như:

1) Hòa Thượng Thiện Siêu, Trưởng ban Giáo dục Tăng Ni toàn quốc, tự mình ra Quyết định số 248-QĐ/HĐTS phong cho mình làm Hiệu trưởng Trường Cơ bản Phật học Huế "khác nào Bộ trưởng Bộ Giáo dục lại tự quyết định bổ nhiệm cho mình làm Hiệu trưởng một trường phổ thông cơ sở?";

2) Bản danh sách ban Giám hiệu và ban Giảng huấn đã được Hội đồng Trị sự Trung ương phê chuẩn. Nhưng đến khi qua tay chính quyền Thừa Thiên - Huế, Quyết định số 1596-QĐ/UBND ngày 20.10.94, ông Phạm Bá Diễn, Chủ tịch UBND Thừa Thiên - Huế đã chấp thuận đề nghị của Trưởng ban Tôn giáo chính quyền, hạ 9 vị trong ban Giám hiệu xuống còn 5 vị thôi. Lại còn ra lệnh "Đối tượng chiêu sinh: là những Tăng Ni có Hộ khẩu thường trú trong Tỉnh, chấp hành tốt chính sách Pháp luật nhà nước, không có tiền án, tiền sự, được Ủy ban Nhân dân nơi thường trú xác nhận và UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế chấp nhận". Thế mà Hòa Thượng Thiện Siêu vẫn không dám phản ứng để bảo vệ chủ quyền giáo dục nội bộ của một tôn giáo như Phật giáo;

3) Chương trình giáo dục Tăng Ni xưa nay gồm hai phần Nội điển (giáo lý, kinh sách Phật giáo) và Ngoại điển (văn hóa và thể học ngoài đời). Nhưng theo Quyết định nói trên của Ủy ban Nhân dân Thừa Thiên - Huế, lại bắt phải ghi vào chương trình Nội điển khóa học chính trị (mà họ gọi là "Giáo dục công dân") do Sở Giáo dục và Đào tạo của Nhà nước đảm nhiệm. Lẽ ra, nếu chấp nhận, điều này chỉ có thể nằm trong chương trình Ngoại điển.

Thế là, ông Mác, ông Lê, ông Staline, ông Mao, ông Hồ đang được nhà nước CHXHCNVN cho đứng ngang hàng với đức Phật!

Làm tại Paris, ngày 7.12.1994

Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế

Sớm Lo Tu

• ĐỒ CAO

Ngày Tết vui Xuân rượu uống tàn,
Đầu năm khai bút đón Xuân sang,
Nghe trảng pháo nổ, lòng phơi phới,
Nhìn trẻ tung tăng, chí rộn ràng,
Gian khổ đã qua thời sóng gió,
Vinh hoa từng trải thuở sơn vàng,
Nhớ lời Mẹ dạy, lo tu sớm,
Tu sớm ngày nào sớm rảnh rang.

Xuân Kỷ Mùi



• LÊ VĂN THÁU

Nhị Độ Liên Hoa

Năm Một chín sáu ba
Hòa Thượng Thích Quảng Đức
Dâng trái tim Bồ Tát
Cho Tự Do nước nhà
Ba mươi một năm sau
Đại Đức Thích Huệ Thâu
Lê Văn Hoàn tên gọi
Làm lại phép nhiệm màu
Nhục thân Thầy chẳng ngã
Chấp tay cầu Thích Ca
Ban cho dân nước Việt
Tự do với Thái Hòa
Chúng con ở phương xa
Vẫn thấy trong ánh lửa
Dáng Thầy ngồi trầm lặng
Miệng niệm A Di Đà
Hoa sen hai lần nở
Vẻ vang Việt Nam ta
Chúng con theo Thầy nguyện
Tranh đấu cho quê nhà

*

Nghĩ Về Quê Mẹ

• Đặng Quốc Việt

Xuân về hương ngát rượu nồng,
Nghĩ về quê Mẹ nỗi lòng quặn đau.
Thuần phong mỹ tục : bãi châu !
Tình người nay đã nhuộm màu đỏ la.
Chùa chiền ; trả Phật Thích Ca !
Đền ghi công Thánh : coi là dị đoan !
Danh lam thắng cảnh hạ; màn
Kỳ quan Tô Thị : phá tan nung vôi (1)
Thiên tài xin gặng ngắm cười :
Mộ Nguyễn Du khác chi thời Đạm Tiên (2)
Tôn sư trọng đạo : ôi phiền !?
Cao niên túi chẳng dính tiền cũng khinh !
Quả như Đức Phật dạy mình :
Phải trừ cỏ độc mới sinh Bồ Đề.
— Xuân Ất Hợi —

Chú thích : (1) Núi Tô Thị ở Lạng Sơn đã đổ sập do việc lấy đá nung vôi.

(2) Mộ cụ Nguyễn Du tiêu điều vắng lặng khác đâu mộ Đạm Tiên.

(3) Đức Phật dạy rằng : Dục chúng Bồ đề sinh

Diệt chúng độc thảo loại !"

QUỐC NẠN VÀ TRÀNG HOA

Tâm Tràng NGÔ TRỌNG ANH

Con đường bảo vệ Đạo Pháp và dân tộc của Hòa Thượng Đôn Hậu, gắn liền Đạo và Đời, là lý tưởng Bồ tát hạnh trong tinh thần giáo lý Hoa Nghiêm (tràng hoa) để giải trừ quốc nạn tại quê nhà. Bồ tát hạnh đòi hỏi Đại Bi, và Đại Trí. Có nhiều pháp môn trợ đạo. Đối với quả địa cầu đầy hận thù do giai cấp đấu tranh và thù hạp do khoa học kỹ thuật nên theo tôi, muốn có tâm Đại Bi nên quán Tứ Vô Lượng Tâm, và muốn có Đại Trí phải văn, tư, tu để chúng và nhập Pháp giới Vô Ngại Hoa Nghiêm.

I. TRÀNG HOA

Tư tưởng Hoa Nghiêm bao trùm tất cả mọi vấn đề từ đời sống vật chất, tinh thần, thiên nhiên, cho đến đời sống tâm linh. Chúng ta, căn cơ chậm lụt, không nhập được vào thế giới tâm linh như các Cao Tăng, để thấu triệt giáo lý Sự Sự Vô Ngại Hoa Nghiêm, nên chỉ tạm biết rằng vũ trụ là một lò hóa sinh, một nguồn năng lực tâm linh lưu chuyển không ngừng, tiếp mãi như những đợt sóng trùng trùng vô tận (trùng trùng duyên khởi), chần chịt tác động vào nhau nhưng tất cả đều có mạch lạc, (dung thông vô ngại). Danh từ hiện đại môi sinh, có thể hình dung phân nào pháp giới duyên khởi Hoa Nghiêm thâm hẹp với thái dương hệ và trái đất nhỏ bé này. Nếu chúng ta chưa kịp theo chân các bậc thượng thừa lý trí Tây phương thuộc khoa học chính xác như (toán lý hóa) để chấp nhận giáo lý Sự Sự Vô Ngại Pháp giới của kinh Hoa Nghiêm thì nên đọc những tác phẩm như The Tao of Physics của Fritjof Capra, The Dancing Wu Li Masters của Gary Zukav, hay A Brief History of Time của Stephen Hawking để thấy sự huy hoàng của tư tưởng Hoa Nghiêm trên mọi lĩnh vực Số lượng những bậc thầy này ngày càng nhiều với những khám phá mới của khoa học (Bertrand Russell, Max Miller, Herbert George Wells, J. Robert Oppenheimer, Karl Pearson, Charles Eliot v.v...). Sau đây là định nghĩa tinh thần Hoa Nghiêm có thể là rõ ràng nhất do Albert Einstein (1879-1955):

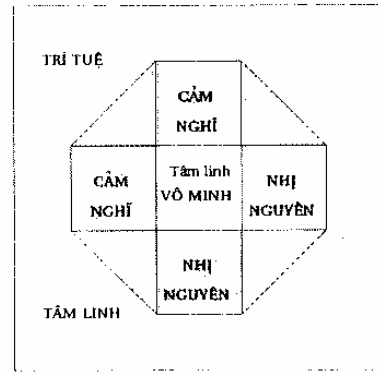
"Tôn giáo tương lai sẽ là tôn giáo vũ trụ. Tôn giáo ấy phải vượt qua một nhân-cách Thân và tránh các giáo điều và thần học. Tôn giáo ấy bao gồm cả thiên nhiên và tâm linh, được đặt nền tảng trên một quan niệm tôn giáo phát xuất từ sự chứng nghiệm tất cả sự vật, thiên nhiên và tâm linh trong một khối thuần nhất đầy đủ ý nghĩa. Phật Giáo đáp ứng được sự mô tả này".

(The religion of the future will be a cosmic religion. It would transcend a personal God and avoid dogmas and theology. Covering both the natural and the spiritual, it should be based on a religions sense arising from the experience of all things, natural and spiritual, as a meaningful unity. Buddhism answers this description).

(Kinh Hoa Nghiêm được Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dịch xong (1965) trọn bộ in thành 8 tập có 40 phẩm, Hán bộ 81 quyển. Kinh nay lại được T.T.P.S. Thiện Thanh, chùa Phật Tổ, dịch lại thành 4 tập rộng lớn, chú thích rất công phu cần nhắc cần thận đối chiếu với nhiều sách ngoại quốc, ngài sợ rằng "Y Kinh giải nghĩa tam thế Phật oán, ly Kinh nhưt tự tức đồng ma thuyết". Hiện nay Kinh đã xong tập 1 dày 505 trang cần được thịnh đề có tiền in tiếp. Phật Học Viện Quốc Tế hiện cũng đang tái bản Kinh Bửu Tích và Kinh Niết Bàn cũng do Hòa Thượng Trí Tịnh dịch. Mong quý vị lưu ý liên lạc thỉnh kinh để chư tôn đức có cơ duyên tiếp tục).

1.1.1. Đời Sống Tâm Linh gồm Vô Minh và Trí Tuệ

Chúng ta là một cơ cấu sống động vô cùng phức tạp hay nói một cách khác con người cùng một lúc ôm đồm đến bốn "đời sống". Đó là đời sống vật chất, đời sống tinh thần, đời sống thiên nhiên, và đời sống tâm linh. Nhưng mức độ ý thức được sự kiện này còn tùy thuộc vào khả năng "giác ngộ" hay "thức tỉnh" của mỗi người. Đa số thì lo nghĩ quá nhiều cho đời sống vật chất, một số trung bình có chú ý phân nào về đời sống tinh thần, còn phần lớn quên hẳn nếp sống thiên nhiên, và mù tịt đời sống tâm linh mặc dầu thường xuyên sống với nó thức cũng như ngủ, sống cũng như chết (Phân tâm học Tây phương chỉ biết vô thức cộng đồng (Jung) hay tiềm thức ái dục (Freud)).



Phân tâm linh bất khả tư nghị được tượng trưng trong sơ đồ dưới đây bằng hai hình vuông trắng. Hình vuông nhỏ là Vô Minh nhị nguyên gồm tham sân si hay tam độc và hình vuông lớn tượng trưng cho Trí Huệ bất nhị. Hình bát giác màu xám trong sơ đồ, ngăn cách Vô Minh và Trí Tuệ, tượng trưng cho Cảm nghĩ nhị nguyên, một hiện tượng thế gian chi phối nặng nề đời sống vật chất, tinh thần và thiên nhiên của con người "thế gian".

Con người thế gian (Ngã), ngoài đời sống vật chất (lo làm ăn, lập công danh, dành dụm tài sản phòng khi bất trắc v.v...) chỉ biết thêm đời sống tinh thần (nhưng không máy rõ) qua sự hoạt động của Ý Thức (danh từ Duy Thức học) luôn luôn phân biệt và chọn lựa. Tính nhị nguyên là tính phân hai, đối đãi, lựa chọn một trong hai giá trị tương phản, đối nghịch của một hiện tượng (như đúng sai, chân giả, tốt xấu, thiện ác v.v...). Cảm nghĩ nhị nguyên gồm cảm nhận thuộc đời sống vật chất (giác quan) và suy nghĩ thuộc đời sống tinh thần (trí óc) nên tạm gọi chung là cảm nghĩ. Nói chung chung, với nghệ sĩ thì cảm nhiều hơn nghĩ, với triết gia thì nghĩ nhiều hơn cảm. Thiếu cảm thì con người thành sắt đá. Thiếu nghĩ thì con người thành điên loạn. Trực giác cảm nghĩ giúp con người sáng tác nghệ thuật hay phát minh khoa học theo phương pháp và ngôn ngữ thích nghi.

Cảm nhận Sự tương và suy nghĩ Lý Tánh.

Vì không chịu khó suy tư nên chúng ta phó thác việc này cho những ngài thế trí biện thông để họ tha hồ tạo "Thuyết" duy lý hay giải pháp thích nghi đối với những vấn đề khó khăn... Thuyết rộng lớn hay Ý thức hệ thường được chính trị lợi dụng để tạo ra chế độ độc tài suy tôn giáo điều. Thuyết nào căn cứ trên những sự kiện có thực, tức chân đối chất cảnh, thì có giá trị cao hơn sự kiện tượng tượng hay tợ đối chất cảnh. Dần dần đối chất cảnh được đặt tên gọi, rất cần thiết để trao đổi tư tưởng. Tên gọi hay từ ngữ là biểu tượng của sự kiện. Thế giới ngôn ngữ là thế giới duy biểu tượng. Một số văn sĩ hay triết gia say mê ngôn ngữ, chỉ biết thế giới biểu tượng nên đánh giá sai lầm câu "vạn pháp duy thức" của Duy Thức học Phật Giáo và cho đó vạn pháp duy biểu. Thức trong duy thức học thuộc lãnh vực Tâm Linh bất nhị là A Lại Da Thức, thuộc Lý Tánh, còn biểu tượng lại thuộc Sự tương với Ý Thức, phân biệt nhị nguyên. Những từ ngữ biểu tượng này "duyên" với nhau tạo thêm những sự kiện mới không thực gọi là độc ảnh cảnh.

Do đó mỗi ý thức hệ thường tạo cho mình một hệ thống ngôn ngữ có ý nghĩa riêng, vì gồm nhiều độc ảnh cảnh, chưa được chứng nghiệm nên cần phải học mới nhớ được. Xã hội chủ nghĩa của Marx căn cứ trên đời chất cảnh nên có giá trị ở đoạn đầu, nhưng lại sai bét ở đoạn sau vì dựa trên suy luận với toàn độc ảnh cảnh để dự đoán tương lai của chế độ tư bản.

Trong khi ý thức hệ là nguy hiểm vì xa rời thực tế thì những thuyết căn cứ trên đời chất cảnh lại đi sát với đời sống thực tại. Nhờ những "đời chất cảnh" và "cảm nghĩ nhị nguyên" duy lý, học giả đưa ra nhiều thuyết và giải pháp như: hạn chế sự khai thác tài nguyên, tái thiết môi trường bị tàn phá, phát minh những máy móc, dùng ít năng lượng "sạch", chuyển hóa xã hội tiêu thụ phung phí sang xã hội tiết kiệm tài nguyên, biến chế lại những vật liệu phế thải, giáo dục sinh sản, bài trừ ma túy, kiểm duyệt ấn phẩm, phim ảnh khiêu dâm và bạo lực, hạn chế thị trường vũ khí, khuyến khích phong trào hướng đạo, bảo vệ gia đình v.v...

Tiếp thay vô số các giải pháp của bộ óc cảm nghĩ tuy hợp lý nhưng vẫn hạn chế vì nhị nguyên và tương đối. Họ có thể giải quyết chuyện này chưa xong lại gây thêm rắc rối cho chuyện khác. Rốt cuộc đầu lại vào đó vì không giải quyết tận gốc. Đó là quạt gió thổi triền thông cho nát nồi nước sôi ải dục nhưng lại không chịu rút củi tâm linh vô minh (tham sân si) ra khỏi lò nghiệp thức nên luân hồi tiếp tục. Pháp giới duyên khởi ở đây là Nghiệp Cầm duyên khởi. Phật tử ham tu phước thành tiên, quên tu huệ giải thoát, được cô đức tặng câu ca dao "luân hồi" dí dỏm:

"Tiên đồng hội quạt tay đưa gió

Gió đưa tay quạt hội đồng tiên..."

Nói một cách khác thế triền thông cũng là một trong bát nạn Phật Giáo vì đời sống tinh thần (tinh cảm và lý trí) hướng ngoại không giải quyết được những ấn tượng tâm linh nội tại. Nhưng nếu hướng về tư tưởng Hoa Nghiêm thì phải trực nghiệm đời sống tâm linh theo phương pháp Phật dạy... Những gì thuộc về sự thật thế gian (tục đế) đều có thể trực nghiệm qua cảm nghĩ phân biệt nhị nguyên, nhưng những điều dạy về sự thật tâm linh (chân đế) thì cần có trực giác tâm linh theo phương pháp tu hành đặc biệt gọi là Giới Định Huệ.

Giới là giới hạnh hay đạo đức hướng thiện, Định là Thiền Quán để rời dần cảm nghĩ nhị nguyên (vọng tâm) hướng về tâm linh Trí Tuệ không thể nghĩ bàn. Nhưng tiếc thay đời sống tâm linh vì không thể nghĩ bàn nên luôn luôn bị vọng tâm (có thể cảm nghĩ) dưới hình thức Ma vương giả Phật hướng hành giả sơ cơ về tâm linh vô minh (tham sân si)... Sự kiện này được thực hiện dễ dàng vì chúng sinh ham Huệ quên Định, mê Định bỏ Giới.

2.1.1. ĐỊNH NGHĨA

Giáo lý kinh Hoa Nghiêm dùng hai danh từ căn bản Sự và Lý được tạm định nghĩa như sau:

Sự là 1 - sự việc, cơ sự 2 - cá thể, dị biệt, đơn thể, tiểu dị, 3 - sai biệt, phân biệt.

Lý là 1 - nguyên lý, trừu tượng 2 - toàn thể, nguyên khởi, đại đồng 3 - vô sai biệt.

Lý tánh là Không (sunyata), Sự tướng là Sắc (rupam).

Không chẳng phải là thiếu vắng, trước có sau không, chẳng phải là độc lập, biệt lập, hay tiêu diệt. Không luôn luôn ghép chung với Sắc.

Không có Sắc thì chẳng có Không hay ngược lại. Sắc (vật chất, thiên nhiên, tinh thần) có vị trí trong không gian, có hạn cuộc, tùy thuộc vào những nhân duyên nào đó để phát hiện (sinh) để trụ một thời gian rồi tiêu diệt thành Không (tâm linh), ngược lại Không (tâm linh) tuy không có trong không gian, thời gian nhưng cũng tùy thuộc vào những nhân duyên nào đó để phát hiện thành Sắc (vật chất, thiên nhiên, tinh thần).

Sắc và Không thế nào thì Lý và Sự cũng như vậy.

Lý và Sự là hai hiện tượng không phải đồng nhất mà vốn là một hay tương tức tương nhập với nhau. Nói một cách khác, Lý và Sự nương nhau mà hiện hữu. Lý là điểm tựa của Sự, Sự là khai triển của Lý trong không gian và thời gian.

2.1.2. Bốn Tầng Pháp Giới Duyên Khởi

Đại khái nội dung giáo lý Hoa Nghiêm cốt ở nhân quang phóng vào thế giới qua 4 tầng Pháp giới không phân biệt vật chất, tinh thần hoặc tâm linh gồm 2 tầng nhị nguyên và 2 tầng vô ngại bất nhị nguyên như sau:

1. Một thế giới của Lý tức Lý Pháp giới: (Núi là Núi)

Lý Pháp giới dùng danh từ thế gian (Lý Tướng) nhằm biện minh chân lý bình đẳng nhất như (Lý Tánh). Lý đây là nguyên lý đại đồng, là chân như là tâm chúng sanh. Danh từ thế gian gọi Lý là Chân Lý, mục đích tối hậu của Khoa Học, Triết Học hay nói một cách khác Lý là thế giới của Lý Trí suy luận. Pháp môn Thiên Đốn Ngộ nương Tánh (Lý Tánh, Chân Không) để Kiến Tướng (Sự Tướng như huyễn) là ở chốn này.

Tại nạn: Tu Huệ rất thích hợp cho hành giả nghiệp nhẹ, nhưng lại gây nạn tẩu hỏa nhập ma cho hành giả sơ cơ, giới hạnh thấp kém. Lâm nạn nương Tướng Hư Vô làm tướng Tánh Không để lụy vào luân hồi sinh tử cùng với những hiện tượng thiên nhiên cộng nghiệp được xem như chân lý vĩnh cửu (ví dụ quy luật chu kỳ tạo hóa, quả trứng con gà, chu kỳ bốn mùa, chu kỳ khí Nitơ, chu kỳ chất than, chu kỳ tổ tiên, ông bà, cha mẹ, con cháu chất chiu v.v...) lấy như huyễn mà định ninh như thật.

	Sự Tánh, Diệu Hữu Bất Nhị	Sự Sự Vô Ngại Pháp Giới
	Lý Tánh, Không Tánh Bất Nhị	Lý Sự Vô Ngại Pháp Giới
Núi vẫn Núi	Núi là Sông	Sự Tướng, Sắc (Hiện Hữu) Nhị Nguyên
Sông vẫn Sông	Sông là Núi	Sự Pháp Giới
	Sông là Sông	Lý Tướng, Không (Hư Vô) Nhị Nguyên
		Lý Pháp Giới
		Núi là Núi

2. Một Thế Giới của Sự tức Sự Pháp Giới (Sông là Sông)

Lý thành Sự, biểu dương sức sống động khởi lên từ một nguồn năng lực. Danh từ thế gian gọi Sự là Thật Tại với những hiện tượng sai biệt. Sự là mục đích tối hậu của Nghệ Thuật, là thế giới của trực nghiệm sáng tác ngẫu hứng. Pháp môn Tịnh Độ nương Tướng (Sự Tướng) để Kiến Tánh (Lý Tánh) cần tha lực tại đây.

Tại nạn: Coi chừng Tu phước, nương tướng rồi lụy vào tướng để hưởng phước báu, nhập vào chốn Bồng Lai Tiên Cảnh dục giới mà cho đó là Tịnh Độ Niết Bàn. Chú ý: Tu đốn hay tu tiệm, đối với chúng sanh đều phải nương vào Lý hay Sự để nhập vào pháp giới Vô Ngại, Lý Sự Viên Dung. Sự kiện này được gọi là tùy duyên. Nhưng tùy duyên phải bất biến. Bất biến là phương pháp vĩnh cửu Giới định huệ. Nếu chỉ vì tùy thuận chúng sanh mà phá giới để đầu nạp cho thật nhiều tín đồ thì quả thật thật khó tránh được nạn qui y tà giáo và tổn hữu ác đàng.

3. Một Thế Giới của Lý và Sự hoàn toàn dung thông nhau không ngăn ngại bất nhị tức Lý Sự Vô Ngại Pháp Giới (Lý Tánh, Chân Không). Đốn Ngộ là ở chốn này: Lý nhân Sự mà hiện, Sự nhân Lý mà thành, Lý Sự hỗ tương dung nạp nhau vô ngại. Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc (Núi là Sông, Sông là Núi).

4. Một thế giới Sự và Sự hoàn toàn dung thông nhau không ngăn ngại bất nhị tức Sự Sự Vô Ngại Pháp Giới (Sự Tánh, Diệu

Hữu). Đồn Ngô và Tiệm Tu hớp nhau ở chốn này. Với Đồn Ngô thì Tâm Bình Thế giới bình, với Tiệm Tịnh độ thì Tâm tịnh quốc độ tịnh. Do đó, đối với bậc chứng ngộ thì không bao giờ có sự tranh chấp pháp môn hay tôn giáo.

(Núi vẫn Núi, Sông vẫn Sông)

III. GIẢI TRỪ QUỐC NẠN

37 phẩm trợ đạo cùng nhiều môn khác giúp cho chúng ta giải trừ vọng niệm (trì giới) để định tâm và phát huệ (ví dụ Lục độ). Thông thường chúng ta cũng dùng phương pháp quán sát duyên khởi để giải trừ hiện tượng (réduction phénoménologique) để thấy cái nhân sinh trong pháp giới nhị nguyên. Vậy thủ phạm của hiện tượng "Quốc nạn" là gì ?

3.1. Đối Với Sĩ Phu Bắc Hà: Quốc Nạn Là Người Máy Và Cổ Máy Nghiền

Trong cuốn Mặt Thật, Bùi Tín gọi Cổ máy nghiền là chế độ Cộng Sản do ngoại bang điều khiển. Có đoạn nói về cô Phạm Thị Hoài, cán bộ văn hóa nhận định về nhà máy nghiền văn học XHCN Việt Nam như sau:

"Truyền thống lớn nhất của văn học Việt Nam là truyền thống bị công cụ hóa, tới nỗi một chức năng nào khác ngoài chức năng công cụ, và tinh thần thẩm mỹ thống trị nó là tinh thần phục vụ chứ không phải tinh thần dẫn đường, lấy ý thức tận tụy, nhiệt tình chứ không phải ý thức sáng tạo, phiêu lưu, là cảm khái nhiệt huyết chứ không phải trí tuệ khách quan, là sự trịnh trọng cứng đờ, chứ không phải tiếng cười...". Cô mạnh dạn khẳng định trái với quan niệm của Đảng "Ở Việt Nam, không phải tôn giáo, mà văn học luận đề mới chính là thuốc phiện của nhân dân".

Nhà văn Nguyễn Tuân vì viết bài về "Phở" mà bị nhà cổ máy nghiền văn học khai trừ với lý do: đương sự có đầu óc tiêu tư sản phân động khuyến khích ăn ngon.

Cổ máy nghiền, thật sự là một hệ thống sắt đá do ngoại bang tạo ra và giết dây. Cổ máy nghiền này tạo ra con người máy mà một số bà con xem như "phi nhân" không phải giống người. Nói như vậy là quá khích. Chẳng qua họ cũng như chúng ta bị nhồi sọ quá lâu (nửa thế kỷ) đó thôi. Họ là đáng thương hơn đáng trách, phải sống chung với họ như anh em, họ mới rõ sự tình. Ngay chúng ta đôi khi cũng bị các nhà máy thiên tả cấp tiến hay thiên hữu bảo thủ lung lạc phần nào. Cũng may, loại nhà máy kiểu tiêu công nghệ này chưa phải là cổ máy nghiền nên chưa có tác hại nặng, không tạo ra ý thức hệ có hành động phi nhân bản độc hại như cổ máy nghiền nhân hiệu Lenin, Stalin và Mao. Chính cổ máy nghiền siêu đẳng này mới thật là phi nhân, vô phương hóa giải chứ không phải người máy, sản phẩm bậc hai của cổ máy nghiền mà đồng bào gọi là cán ngố. Ngố nhất là thành viên của Bộ Chính Trị Trung ương Đảng.

Ví dụ trường hợp giết Bà Nguyễn Thị Năm, chủ đồn điền Đồng Bâm ngoại ô thành phố Thái Nguyên. Bùi Tín viết:

"Bà từng ủng hộ các chiến sĩ Cộng Sản từ thời bí mật, từ những năm 1937, 38 ... Chính các ông Trường Chinh và Hoàng Quốc Việt đã được bà che chở nuôi dưỡng. Hai con trai bà hoạt động Việt Minh từ thời bí mật, đi bộ đội giải phóng và đến 1954, một anh tên Nguyễn Công là Chính ủy Trung Đoàn, một anh tên Nguyễn Hanh là Đại Đội Phó Bộ đội Thông Tin, Cổ vấn Trung Quốc nhận định bừa rằng đây là mục địa chủ ác bá, có nghĩa là cần lấy đầu. Một số nông dân chất phác ngây thơ, kể rằng Bà Năm rất tốt, nhân từ, hay đi chùa, làm việc thiện, có nhiều cán bộ chiến sĩ là con nuôi của bà, bà có công với kháng chiến, nên xếp là địa chủ kháng chiến. Những người ấy bị cố vấn Tàu và ông Đội trưởng quê ở Nghệ An kết tội là tay sai, định bêu che các địa chủ.

... Ông Hoàng Quốc Việt kể lại rằng hồi ấy, ông chạy về Hà Nội, báo cáo việc hệ trọng này với ông Hồ Chí Minh. Ông Hồ chăm chú nghe rồi phát biểu: "Không ôn! Không thể mở đầu chiến

dịch bằng cách nổ súng vào một phụ nữ, và lại là người từng nuôi cán bộ Cộng Sản và mẹ nuôi một Chính ủy Trung đoàn Quân đội Nhân dân đang tại chức". Ông hen sẽ can thiệp, sẽ nói ông Trường Chinh về chuyện hệ trọng và cấp bách này. Thế nhưng không có gì động đậy theo hướng đó cả! Rồi người ta viên có lẽ đã quá chậm... Bà Năm chỉ là địa chủ đầu tiên bị xử bắn và tòa án nhân dân tiếp tục giết sạch địa chủ rồi bác Hồ mới ra lệnh sửa sai bằng cách khóc người vô tội. Ông Hoàng Quốc Việt nói: "Đến bác Hồ biết là không đúng cũng không dám nói với họ!" Ông than "Họ" là các ông con trời, đặc phái viên của Mao" Nói một cách khác Mao, Lenin, Staline là cổ máy nghiền và bác Hồ chỉ là người máy tốt nhất, sản phẩm thượng hạng của cỗ máy nghiền.

Đặc biệt, cỗ máy nghiền có bảng điều khiển với "menu ngoại bang" không có món "quốc gia". Món quốc gia chỉ là chiêu bài giả hiệu bịp dân. Ngày 6.3.46 cỗ máy chọn món Pháp, ngày 23.12.46 chọn món Trung Cộng, lui lui tới tới, rồi Pháp, rồi Mỹ. Chính sự kiện leo dây qua lại nhiều lần giữa hai món đồng chí anh em thù địch Nga Tàu đã tạo ra hai hạng người máy thanh toán lẫn nhau: Dĩ nhiên, trước khi thay đổi menu, cỗ máy nghiền cho học tập giải thích đường lối mới, người máy nào đôi óc không kịp, học không thuộc bài là người máy bị hỏng não bộ, là người máy xấu cần phải thanh toán giết chết, hoặc khai trừ hạ nhục, rồi cho ngồi chơi xơi nước hoặc tống đi học tập cải tạo. Người máy nào ngoan cố vì là thợ máy như Viện Trường Viện Triết Học Hoàng Minh Chính mê menu Tàu nên bị Trường Chinh, Lê Đức Thọ bỏ tù ba lần vì tội xin "xét lại chống đảng". Hạng người máy tốt là không trung thành với menu nào hết, chỉ trung thành với cỗ máy nghiền mà thôi. Hạng này rất đông, ngoan ngoãn dụng sao nghe vậy, nghe sao nói vậy; ngày trước chống Mỹ đến cùng nay lại thân Mỹ hơn ai hết. Ký giả Mỹ ngô nghê chỉ thấy người không thấy máy nên hý hờn ca tụng hòa giải hòa hợp.

3.2. Hà-Sĩ-Phu Quán Sát Duyên Khởi Để Giải Trừ Hiện Tượng Cổ Máy Nghiền

Dưới bánh xe cỗ máy nghiền. Thế gian Âm đã bao lần vang dội với văn nghệ sĩ trong Nhân Văn và Giai Phẩm cho nên đến ngày nay với những sĩ phu từng là người máy tốt như Nguyễn Hộ, Hồ Hiếu, Tạ Bá Tòng, Đỗ Trung Hiếu, Lê Đình Mạnh, Hà Sĩ Phu v.v... Đặc biệt phó tiền sĩ hóa học Hà Sĩ Phu, mặc dầu bị hạn chế trong những từ ngữ XHCN, đã phát được phần nào Diệu Âm Hoa Nghiêm với tập Dắt Tay Nhau Đi Dưới Tấm Biển Chỉ Đường của Trí Tuệ (DTNDDTBCĐCTT) nhân ngày lễ lớn (2.9.1988) của Đảng, mệnh danh là đỉnh cao trí tuệ loài người.

Diệu Âm của Hà Sĩ Phu (HSP) vốn vẹn chỉ có vài trang chuyên tay mà làm thất kinh bát đảo toàn bộ cỗ máy nghiền văn hóa "trí thức" của đảng (gồm các giáo sư triết học, chính trị, tuyên huấn), của Viện Triết Học, trường Nguyễn Ái Quốc, Ban Tư Tưởng Văn Hóa, cùng các báo Nhân Dân và Quân Đội Nhân Dân. Tất cả thi đua nhau để triệt hạ một cách tuyệt vọng sức mạnh tâm linh của Diệu Âm. Hoa Nghiêm HSP. Sức mạnh của máy trang giấy này là do sự dùng lô-gích biện chứng pháp duy vật để đánh trúng vào động cơ căn bản của cỗ máy nghiền: HSP phủ nhận toàn bộ con đường đấu tranh giai cấp bằng công cụ chuyên chính vô sản, phá vỡ bằng menu ngoại bang và làm tê liệt não bộ người máy, chuyên hóa người máy trở lại thành người bình thường.

Với tập DTNDDTBCĐCTT, sau khi tác giả làm giảm lược hiện tượng (réduction phénoménologique) mọi trợ duyên một cách dí dỏm để tìm thấy cái Nhân, "cái hòn đá tảng của chủ nghĩa xã hội khoa học", Hà Sĩ Phu chứng minh một cách khoa học khách quan rằng tai họa cho nhân loại chính là con đường đấu tranh giai cấp bằng công cụ chuyên chính vô sản. Sau đây là trích dẫn những đoạn chính:

3.2.1. Về giai cấp xã hội

1. "con người có 3 thứ căn cứ: Trí thức, Lòng tin, và Quyền lợi. Luôn lấy trí thức, lấy khoa học làm căn cứ, đó là chủ nghĩa Duy Lý (1), cái gì trái với những quy luật khách quan mà mình nhận thức được thì không chấp nhận. Luôn lấy lòng tin làm căn cứ là chủ nghĩa Duy Tín (2), cái gì trái với điều mình tin, mình cho là thiêng liêng thì không chấp nhận. Luôn lấy lợi ích làm căn cứ là chủ nghĩa Duy Lợi (3), cái gì trái với lợi ích của mình hay của những người chung lợi ích với mình thì không chấp nhận.

2. Người thực sự duy lý hay duy tín thì tự thân không có tính giai cấp rõ rệt, vì sự phân chia giai cấp chỉ là sự phân chia theo quyền lợi. Người mang tính giai cấp rõ rệt là người duy lợi.

3. Tuyệt đối hóa lý thuyết giai cấp là rơi vào thuyết giai cấp cực đoan. Đem cái nhìn giai cấp trùm lên mọi hiện tượng con người và xã hội là sẽ không tránh khỏi làm méo mó xã hội, sẽ gặp lúng túng khi giải quyết vấn đề trí thức, vấn đề tôn giáo cũng như nhiều vấn đề khác.

4. Duy Lý, Duy Tín, Duy Lợi tuy khác nhau ở điểm nhưng muốn hành động đạt được kết quả tốt thì cần phải sự hỗ trợ của nhau; vì thế nếu phát triển đến độ hoàn hảo thì lại gặp nhau.

3.2.2. Về đấu tranh giai cấp

Chúng ta tranh đấu cho công bằng chứ không chấp nhận sự cào bằng, vì cào bằng làm cho xã hội thấp đi và tạo ra sự bất công mới khốc liệt hơn.

3.2.3. Về chuyên chính vô sản

1. Giai cấp bị trị trong xã hội cũ không thể trở thành giai cấp lãnh đạo trong xã hội mới vì bản thân giai cấp bị trị không thể tiêu biểu cho trình độ tiên tiến nhất của trí thức con người thời ấy.
2. Việc xây dựng chuyên chính vô sản như các nước xã hội chủ nghĩa chúng ta đã làm ắt phải dẫn đến sự sùng bái cá nhân. Tại sao vậy? Từ trước đến nay con người bao giờ cũng coi giá trị nhân đạo là giá trị cao nhất, thước đo cuối cùng. Nhưng dùng một cái, xuất hiện và lưu hành luận điểm rằng "không có sự nhân đạo chung chung. Trong xã hội có giai cấp thì sự nhân đạo cũng mang tính giai cấp..."

Tiến hóa cũng là quá trình trong đó tính Nhân từng bước lấn dần tính Thú. Khi yếu tố nhân không được phát huy thì yếu tính thú sẽ vùng dậy. Biết bao vụ án đau lòng là biểu hiện sự lộng phát của tính thú tính. Con người dùng bạo lực để thống trị nhau, lấy việc trừng trị người khác làm điều thích thú, sinh sống bằng cách chiếm đoạt những giá trị có sẵn của thiên nhiên và xã hội chứ không sáng tạo... Tính xã hội là một biểu hiệu cao của nhân tính, còn chủ nghĩa quân phiệt với mọi biểu hiện làm mất dân chủ về bản chất là đi chứng của thú tính...

Những kẻ có thù thì đối phó với thực tiễn bằng cách chiếm hữu chức quyền cho chắc, tranh thủ dùng quyền lực để kiếm lợi, miệt thị nói dối, tìm mọi cách để nguy hiểm nguy trang.

Chiếm hữu quyền lực là biến tướng của chế độ chiếm hữu, nó khôn ngoan và triệt để hơn nhiều so với chiếm hữu trực tiếp tư liệu sản xuất.

Trong thế giới chật hẹp của chủ nghĩa biện chứng duy vật, sự kiện Hà Sĩ Phu nêu thêm "chủ nghĩa Duy Tín" là muốn hợp thức hóa giá trị của Tôn Giáo, đồng thời ông đề cao nhân tính tức bước chân đầu tiên để tiến dần vào Phật Tính trong con người. Và nương vào đó mà những con người tự giác tìm thấy lại căn cứ của nhân tính là đời sống tâm linh hướng thiện của chính mình.

Tập Dắt Tay Nhau Đi Dưới Tầm Biển Chỉ Đường Của Trí Tuệ mới chính là "đỉnh cao trí tuệ" mà chế độ cộng sản thường đề cao. Nhưng tiếc thay, tập này chỉ được chuyển tay vì được xem như đồ quốc cấm. Bảng chỉ đường của Trí Tuệ là quốc cấm cho nên Hà Sĩ Phu viết tiếp: "Kẻ thù chính là sự kém trí tuệ nằm ngay trong đầu mình chứ không phải bàn tay phá hoại của nước này nước khác".

IV. ĐỐI VỚI SĨ PHU MIỀN NAM: QUỐC NẠN DÀI DÀI VỚI DUYÊN NGHIỆP VÔ MINH

Nếu 1...

Nếu đảng cộng sản Việt Nam bỗng nhiên thả hết tù nhân cải tạo trong đó có tu sĩ, văn nghệ sĩ và tư tưởng gia (như Tuệ Sỹ, Trí Siêu, Hải Tựu, Doãn Quốc Sĩ, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế v.v...) thì toàn dân vui mừng. Tuy nhiên quốc nạn vẫn còn vì với một nền pháp luật rùng, thì vấn đề thả hay bắt đầu có gì là phiền phức trước tòa án nhân dân.

Nếu 2...

Nếu Nhà nước có những nhân vật anh hùng như Gorbachev hay Yeltsin, dám giải tán đảng cộng sản, tuyên bố tự do tín ngưỡng và tư tưởng, khước từ vũ lực và phương pháp bầu cử láo kiêu dân chủ tập trung, mời Liên Hiệp Quốc giúp lo việc bầu cử theo phương pháp dân chủ thật sự như ở Nam Phi hay Cao Miên, thì quốc nạn cũng vẫn còn... Còn vì đảng cộng sản gồm 2 triệu người được trang bị vũ khí đầy đủ, tiền của vơ vét dồi dào, và được tài phiệt/mafia hỗ trợ... Họ có đủ khả năng để phá mọi cái cách dân chủ trong bóng tối, rồi đảo chánh chính phủ dân cử để trở lại thời đô hộ vàng son hồng đỏ của cộng sản như xưa.

Nếu 3...

Nếu đảng cộng sản Việt Nam noi gương đảng cộng sản Pháp năm 1945, chấp nhận tự do dân chủ thật sự để tiếp tục tranh cử nghị trường, và nhờ có ăn có học nên không hợp tác với mafia, tài phiệt đồng thời nộp trả tất cả vũ khí thời kháng chiến cho chính phủ dân cử. Nếu được vậy dân chúng Việt Nam chắc chắn sẽ vui mừng vì thấy từ đây thoát nạn đảo chánh hay khủng bố và nhất là nạn nghĩa vụ quốc tế tạo chiến tranh liên tục.

Tuy nhiên, đối với những ai thối nát tư tưởng Á Đông thì quốc nạn không những còn, mà lại tệ hơn vì bệnh say mê tư tưởng duy lý, duy khoa học, tiến bộ kiểu Tây phương khó trị hơn bệnh ghiền chủ nghĩa xã hội. Mặc dầu chủ nghĩa này tuy cũng mệnh danh là khoa học đó nhưng quá lạc hậu, chỉ có ma tin.

Nếu 4...

Nếu quả thật vì say mê mà chạy theo văn minh Tây phương đến nỗi không thấy rằng nếp sống văn minh vật chất ngày nay đang phá hoại môi sinh, gây tai họa ngày càng lớn cho nhân loại... thì vẫn duy trì quốc nạn. Thử lấy vài con số tiêu biểu: rừng Việt Nam, theo chân rừng Thái Lan bị đốn vô tội vạ. Từ con số nguyên thủy 14 triệu mẫu năm 1943 còn lại 9,5 triệu năm 1975, nhưng đến năm 1991 chỉ còn lại 6,4 triệu... Theo đà 500 mẫu một ngày này thì nước Việt Nam nay mai sẽ vượt hẳn Phi Châu với số lượng đồng khô có cháy thay thế rừng mưa (rain forest). Con số 500 mẫu tương đương với diện tích rừng ở Thủ Đức mà Thủ Tướng Võ Văn Kiệt đã cho Hãng thầu Đài Loan Franck International Unvestment Corp đốn 350 mẫu tức 3/4 để làm sân golf.

Ngoài ra, chế độ kinh tế thị trường vô kỷ luật là nơi lý tưởng của những kỹ nghệ tai hại mà không nơi nào trên thế giới chấp nhận vì mức độ phá hoại môi sinh của chúng.

Không những môi sinh Việt Nam đang bị ô nhiễm mà luân lý đạo đức nước ta cũng bị ô nhiễm theo nhịp phát triển du lịch với thanh niên nam nữ bán thân nuôi miệng. Xi ke ma túy, đĩ điếm ma cô ngày càng gia tăng với chứng bệnh AIDS nan y. Ngay cả tôn giáo cũng lâm nạn khi đồng bào hải ngoại lục tục trở về quê cha đất tổ đem theo những hiện tượng suy tôn giáo chủ tai hại. Xin nhắc lại những trường hợp cuồng tín như vụ Mục sư Jim Jones hướng dẫn 912 người tự sát ở Jonestown (1976); vụ Thiên sư Rajneesh (sex guru) lập làng Rajneeshpuram (1982) với trên 2.500 người (64% có bằng Cử Nhân trở lên, 12% có bằng Tiến sĩ) rồi để bị bắt ở Oregon; vụ nữ tu sĩ Park Soon Ja ở Đại Hàn tự sát cùng 31 đệ tử (1987); vụ David Koresh chết với 86 đệ tử trong lúc y làm nổ trại Branch Davidians ở Texas (1993) và mới đây vụ giáo chủ Order of the Solar Temple giết tập thể 53 tín đồ ở Thụy Sĩ rồi

đào tẩu (10/1994). Ngay Phật Giáo bên nhà rồi đây cũng có thể được hiện đại hóa theo con đường phá Giới để Định, và bỏ Định để đắc Huệ (kinh Thủ Lăng Nghiêm). Quốc nạn vẫn còn dài dài nếu bà con quên lời Phật dạy: "Y Pháp bất y nhân". Nếu nhớ bốn chữ trên thì đến nghe giảng sư thân cộng vẫn tốt vì "Thiện tri thức nan kiến, Thiện đạo tràng nan phùng" ở thời mạt Pháp. Trong chế độ độc tài cộng sản, chùa chiền đều ở trong tay Ban Tôn Giáo Mặt Trận để họ có thể nắm trọn Phật tử chiếu theo tâm lý chúng sanh "Y nhân tất y Pháp" hay "Y Pháp tất y Nhân". Người sơ cơ có thể suy tôn thầy đến mức thầy dạy xã hội chủ nghĩa là Phật Pháp cũng tốt hay phá giới để đốn ngộ cũng hay. Cũng may hiện tượng này chưa phát triển mạnh vì còn một số tôn đức trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam làm bình phong ngăn chặn ma pháp.

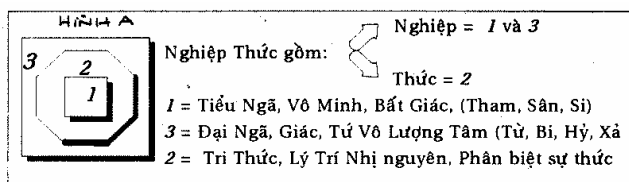
Nếu 5...

Nhưng nếu chúng ta chỉ muốn giải quyết quốc nạn ở quê hương một cách đơn độc là chúng ta chỉ thấy cạn không thấy sâu. Quốc nạn ở đây không riêng gì quê hương xứ sở mà còn cho toàn thế giới trong tinh thần <141>n trùng trùng duyên khởi Hoa Nghiêm. Ngoài vấn đề môi sinh quốc tế còn vấn đề chiến tranh ở Việt Nam. Chiến tranh Việt Nam kéo dài nhất thế giới đầu phải là chuyện ngẫu nhiên hay vì cá tính hiếu chiến của dân tộc Việt nhưng vì thể chiến II chưa chịu chấm dứt. Chiến tranh thế giới tại Việt Nam bắt đầu từ 1945 cho đến ngày nay (1994) vẫn chưa chấm dứt trên thực tế ở Cao Miên, mà nay đã bắt đầu ở các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Số người thương vong trong 50 năm chiến tranh vào khoảng 2 triệu (kể cả chừng 500 ngàn người chết trong trại cải tạo hay vượt biên và 50.000 chết trong chiến trận Cao Miên). Số lượng này tương đương với số 2 triệu người chết đối năm 1945 ở miền Bắc do quân phiệt Vichy và Nhật Bản chủ trương đốt lúa giết dân để đề phòng nội loạn.

Sở dĩ nhắc lại chuyện xưa là vì kể từ 1881 với hiệp định Petenôtre, lịch sử Việt Nam không bao giờ do dân Việt tự quyết mà là do thế giới quyết định. Chiến tranh Việt Nam là do thế giới giật dây, duy trì bằng viện trợ tiền của và vũ khí, rồi chấm dứt bằng Hiệp định của 2 phe quốc tế. Do đó mọi diễn tiến hòa bình không thể nào để cho Nhà nước đơn phương giải quyết với kiểu dân chủ "độc tài", dân quyền "hà chính" theo "truyền thống bạo lực Lenine, Staline, và Mao" hay "Ngoại lệ Nhân Quyền Châu Á Tân Thủy Hoàng" và cũng không thể nào phó thác mặc cho mafia/tài phiệt muốn làm gì thì làm. Mọi diễn tiến hòa bình về lâu về dài phải xét trong tinh thần tương tức tương nhập Hoa Nghiêm với cộng đồng quốc tế trung thực...

Nếu 6...

Do đó, nếu chúng ta được cơ duyên may mắn như Nam Phi hay Cao Miên được cộng đồng quốc tế trung thực giúp đỡ thì phải hướng ngay về giáo lý Hoa Nghiêm. Chúng ta phải ý thức được phần nào giáo lý Pháp giới duyên khởi để thấy rồi áp dụng pháp quán Tứ Vô Lượng Tâm trình sau đây để giải quyết mọi vấn đề liên quan đến không những môi sinh, đạo đức, chiến tranh mà cả đi tích hận thù, tàn bạo, ganh tỵ, tranh chấp v.v... được nuôi dưỡng ngót 100 năm tang tóc.



V. TỨ VÔ LƯỢNG TÂM

Loài người có đầy đủ tiềm năng để tự độ và độ sanh với đời sống tâm linh Tiềm năng ấy là Tứ Vô Lượng Tâm, một tiềm lực tâm linh phi thường không riêng của chư Phật mà của mọi người từ Phạm phu đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát bậc nào cũng có.

Rất tiếc, chúng ta, căn cơ ám độn, bất thiện nghiệp tích lũy quá nhiều, nên không hề hay biết đến nội lực của mình để đối trị vô minh. Ngài Maha Thera Nārada viết trong tập "Tứ Vô Lượng Tâm" (Từ Bi Hỷ Xả) như sau:

"Có hai năng lực trái ngược luôn, tiềm tàng ngủ ngầm trong mọi người, một hướng về cao thượng trong sạch, đặc tính của thánh nhân, và một hướng về những tội lỗi, nhơ bẩn, của kẻ sát nhân tàn bạo. Cả hai tiềm lực này có thể phát sanh bất ngờ với một sức mạnh vô cùng hùng hậu..."

Trong guồng máy phức tạp của con người, có cái tâm vô cùng dưng mãnh. Tâm chứa đựng một kho tàng đức hạnh và một hầm tạt xấu. Người biết vun trồng đức hạnh là một phước lành cho nhân loại. Kẻ bị chi phối là một đại họa"

Rất tiếc, con người chỉ biết có tri thức/vật chất chứ không biết tâm linh nên tin vào sức mạnh rắn đe của bom nguyên tử thay vì khả năng đối trị của tứ vô lượng tâm chống tam độc (Tham sân si).

Những hiệp định, giải trừ binh bị, chống chiến tranh hạt nhân v.v... là thuốc chữa bệnh ngoài da, trị ngọn không trị gốc. Muốn trị tận gốc phải "dùng" Tứ Vô Lượng Tâm thay thế hiệp định hòa bình để chặn đứng vĩnh viễn vô minh hiếu chiến.

5.1. Tứ Vô Lượng Tâm với Pháp sư Longchapa (1307-1364)

Quán Tứ Vô Lượng Tâm là một môn thiền thế gian, hướng về tự độ lẫn độ tha để huân tập thiện căn... Do đó, trước khi thực tập Thiền, hành giả phải "rãi" Tứ Vô Lượng Tâm cũng như trước khi tụng kinh niệm Phật hành giả phát Từ Hoàn Đại Nguyên hồi hướng công đức cho tự tánh và chúng sanh.

Trong tập Đức Phật và Phật Pháp (Phạm Kim Khánh dịch 1970) Ngài Nārada Thera (thường xuyên giảng pháp tại Việt Nam trước 1975) có dành trọn một chương trình 42 tuyệt vời để giảng về Tứ Vô Lượng Tâm. Ngài Longchenpa, Pháp sư Tây Tạng cách đây sáu thế kỷ cũng trình bày Tứ Vô Lượng Tâm nhưng lại bằng một mandala (Ý mật, xem hình (A) và (B) để giúp hành giả quán tưởng lúc tham thiền. Sau đây tác giả góp nhặt những ý chính của hai ngài: Hình (A) tượng trưng con người trọn vẹn (Nghiệp Thức) như sau: HÌNH (A).

Bát Giác 2 tượng trưng (Nghiệp) Thức, tức con người (Ngã) trung bình ở thế gian (Chấp Ngã) nhị nguyên, hướng về cảnh giới, không biết nội tâm, tức không biết Tiểu Ngã (Vuông 1) và Đại Ngã (Vuông 3) nói một cách khác Thức không biết Nghiệp mặc dầu bị Nghiệp chi phối.

Con người 2 tuy không biết Ác Nghiệp 1 của mình không muốn thấy nhưng thường lại thấy tính xấu của tha nhân bao quanh ác nghiệp (xem hình (B), gồm Hung Bạo, Sân Hận, Tranh Chấp và Ganh Tỵ. Muốn đối trị với những tính xấu (Ác Nghiệp 1) của bản thân Nghiệp Thức phải vận dụng nội lực Tứ Vô Lượng Tâm (Thiện Nghiệp 3) để đối trị tức hóa giải theo danh từ Phật Giáo (Từ Bi hóa giải hận thù) được tượng trưng bằng mũi tên đậm: **Hóa Giải**



Ngài Thera cho biết:

2. "Sân hận (dosa) là một tật xấu có sức tàn phá vô cùng khốc liệt. Đối diện với lòng sân, Tâm Từ (metta) là một đức độ nhẹ nhàng êm dịu làm cho con người trở nên cao thượng, tuyệt luân".

3. Hung bạo (himsa), một tật xấu khác đã gây biết bao tội ác và những điều tàn bạo trên thế gian. Tâm Bi (karuna) là vị thuốc có thể tiêu trừ bệnh hung bạo.

4. Ganh Tỵ (Issa) là chất độc cho cơ thể vừa là động lực thúc đẩy con người vào những sự tranh đua nhơ bẩn và những cuộc

tranh chấp nguy hiểm. Phương thuốc nhiệm màu và công hiệu nhất để trị bệnh ganh ty là Tâm Hỷ (muditā),

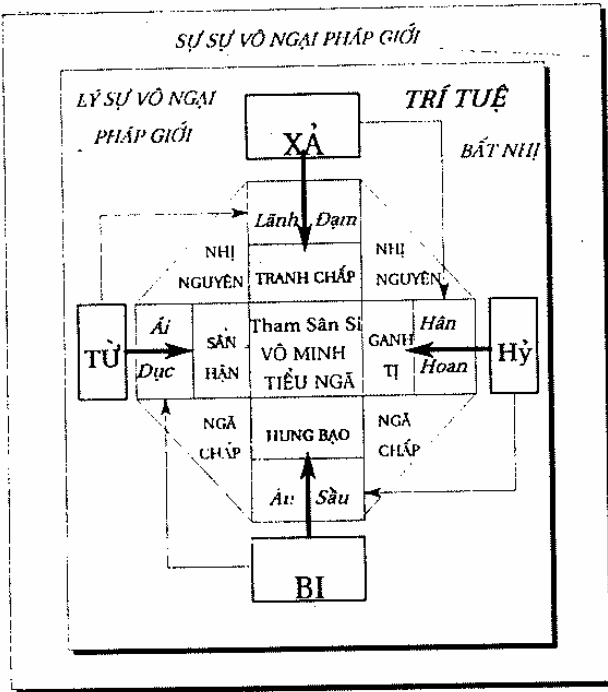
5. Sự kiện tranh chấp với tha nhân bám bấu vào những gì ưa thích rồi bất toại nguyện, làm cho tâm mất bình thân. Do sự phát triển Tâm Xả (upekkhā) hai tỳ đơan trên sẽ bị tiêu diệt. Nói tóm, Từ Bi hóa giải Hung bạo/Sân-Hận và Hỷ-Xả hóa giải ganh-ty/tranh chấp.

5.1.1. Tâm từ được kinh Từ (Meittā Sutta) định nghĩa như sau:

"Tâm Từ phải được rải khắp cho mọi chúng sanh, phải bao trùm vạn vật, phải sâu đậm và đậm đà như tình thương của một bà từ mẫu đối với đứa con duy nhất, sẵn sóc bảo bọc, dẫu cho nguy hiểm đến tánh mạng cũng vui lòng"

Đoạn khác Đức Phật dạy: "Không thể lấy thù oán để diệt sân hận, chỉ có tâm Từ mới dập tắt lòng sân". Và Ngài có lần nói rằng: "Nhu Lai sống trên một ngọn núi, giữa đám sư tử, cọp, beo, nai, hươu, các thú, giữa rừng rậm, cô hoang, không một con vật nào sợ Nhu Lai và Nhu Lai cũng không sợ con vật nào. Chính nhờ oai lực của tâm Từ nâng đỡ, bảo vệ và giúp Nhu Lai sống yên ổn". Nếu Sân Hận là kẻ thù trực tiếp của tâm Từ thì tình thương ích kỷ, Ái Dục lại là kẻ thù gián tiếp của tâm Từ.

5.1.2. Tâm Bi như lời ngài Thera là "động lực làm cho Tâm rung động trước sự đau khổ của kẻ khác, là cái gì tha dịu lòng đau khổ của người. Đặc tánh của tâm Bi là muốn giúp người khác



(HÌNH B)

khỏi cảnh đau khổ...

Tâm Bi bao trùm những chúng sanh đau khổ, Tâm Từ bao trùm tất cả chúng sanh, kể cả đau khổ và an vui".

Hung bạo và tàn nhẫn là kẻ thù trực tiếp của tâm Bi. Kẻ thù gián tiếp của tâm Bi là sự Áu Sầu, phiền não (domanassā)

5.1.3. Tâm Hỷ như lời ngài Thera "không phải là trạng thái thỏa thích suông, cũng không phải cảm tình riêng đối với người nào. Hỷ là lòng vui thích trước hạnh phúc của người khác, trước sự thành công của mọi chúng sanh. Ganh Ty là kẻ thù trực tiếp của tâm Hỷ". Hân Hoan tự đắc là kẻ thù gián tiếp của tâm Hỷ.

5.1.4. Tâm Xả như lời ngài Thera: "là đức tánh khó thực hành nhất mà cũng cần thiết nhất trong bốn đức tánh cao thượng... Phật dạy:

"Trong hạnh phúc, lúc phiền não, lúc thăng lúc trầm, ta phải giữ tâm như Đất. Cũng như trên đất ta có thể vứt bất luận vật gì, dầu chua, dầu ngọt, dầu dơ, đất vẫn thân nhiên, một mực tro tro, Đất không giận cũng không thương".

Lý trí không chấp nhận việc này, tâm Xả rất khó thực hiện cho bộ óc cố chấp nhị nguyên. Họ cho rằng con người có lương tri đâu phải là đất, cát! Trong Cốt Tủy của Đạo Phật của Suzuki do Trúc Thiên dịch có đoạn: "Tri đức (lý trí) không thể trở về vật giới; vì tự nó đã tách ra, và sự rẽ đôi ấy nằm trong cốt cách đặc biệt của nó. Nhưng tâm linh có thể trở về vật giới, đem đến vật giới một ý nghĩa mới lạ trong cuộc sống. Có người cho rằng dường như tâm linh còn đồng hóa với vật giới. Thật vậy, nét đặc biệt nhất của vật giới là nhu thuận, là khuất phục hoàn toàn trước luật nhân quả... Điều ấy rất tương ứng với đời sống tâm linh của chúng ta..."

Sự tương ứng lạ lùng này được gọi bằng danh từ Như Phật giáo. Như ở đây là Như tâm linh, không phải Như đồng đẳng Toán học, hay Như đồng nhất Luận lý học.

Nói tóm lại. Tâm Bi bao trùm chúng sanh đau khổ; Tâm Hỷ, chúng sanh hạnh phúc; tâm Từ, mọi chúng sanh; tâm Xả bao trùm mọi việc không phân biệt, không đối đãi. Hơn nữa, vì Xả có thêm phần Phi chúng sanh nên "lý trí khó thấy và khó thực hành" (Xem hình C).

Kẻ thù trực tiếp của tâm Xả là Tranh Chấp, còn người thù gián tiếp là Lãnh Đạm lạnh lùng, trùm chắn.

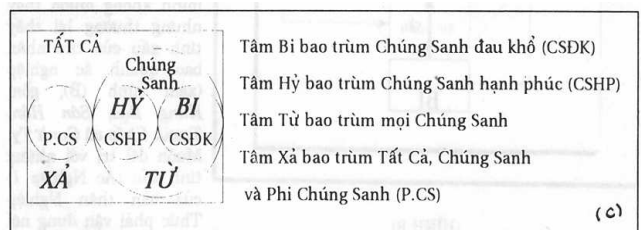
5.1.5. Hóa giải kẻ Thù Gián Tiếp của Tứ Vô Lượng Tâm.

Tất nhiên, với kẻ thù gián tiếp thì sự hóa giải cũng gián tiếp và được tượng trưng bằng mũi tên nhỏ trong sơ đồ B

Hoá giải gián tiếp

Những kẻ thù gián tiếp, (Ái dục, Áu sầu, Hân hoan, Lãnh đạm) nguyên gốc là Ngũ Âm Ma, vi tế, ích kỷ và ngã chấp, thường đội lốt vô lượng tâm để che lấp bộ mặt đạo đức giả mà người sơ cơ khó phân biệt chánh tà. Khó phân biệt vì chúng cũng đối lập với Sân hận, Hung bạo, Ganh ty và Tranh chấp. Do đó bốn Vô Lượng Tâm phải hỗ trợ cho nhau giúp hành giả giải trừ kẻ thù gián tiếp (tức người bạn ma vương) rất công hiệu Tâm Bi (cứu khổ cứu nạn), giúp tâm Từ giải trừ Ái dục, tình yêu (*Ái hà thiên xích lãng, Khổ hải vạn trùng ba*). Hai chữ Từ Bi tâm linh (Kindness/compassion) không phải là tình yêu, thương mến, chung tình (Love/Attachment) thể tục. Nên tránh những danh từ yêu, mến, tình, thương anh anh, em em trong đạo tràng làm mất oai nghiêm cho những bậc Phạm hạnh tăng, thanh tịnh chúng.

Tâm Hỷ (thành thật tạo vui) giúp tâm Bi giải trừ Áu Sầu trước Vô thường (*Đau lòng kẻ ở người đi, Lệ rơi thấm đá tơ chia rừ*)



tâm).

Tâm Xá giữ tâm bình thân, giúp tâm Hỷ bớt hân hoan, kiêu căng, thích chí.

Tâm Từ thành thật ước mong tất cả mọi người đều sống yên vui, giúp tâm Xá hết lạnh đạm thờ ơ.

VI. QUỐC NẠN VÀ TỬ VÔ LƯỢNG TÂM

Quốc nạn ở đây là quốc nạn tâm linh bị vọng tưởng hướng về Vô minh mà hành giả sơ cầu lầm tưởng là Tịnh Độ. Vọng tưởng đây là do Ma vương dùng Ma thuật ngôn ngữ với luận điệu của 4 Kẻ Thù gián tiếp nói ở trên tức Ái Dục, Âu Sầu, Hân Hoan và Lạnh Đạm.

Như đã biết, Đức Phật dạy: "Không thể lấy thù oán để diệt sân hận, chỉ có tâm Từ mới dập tắt lòng sân". Tâm từ không phải là Ái dục, hay tình thương nhị nguyên, thương đâu hận đó. Phật tử bao giờ cũng có lòng từ bất nhị nên không thù hận ai cả kể cả người hại mình. Phật giáo chủ trương, diệt trừ tam độc tức tham sân si. Nếu còn sân hận, thù hận thì đâu còn là Phật tử. Từ Bi Tâm cứu người ở thế giới Nhị Nguyên tạo phước báo vì mình biết mình cứu, người được cứu và phước thiện cứu, Từ Bi Tâm Bất Nhị thì lại tam luân thể không, chứng Huệ.

Các giáo sư Hoàng Liên Nguyễn Văn Đãi (13 năm tù cải tạo) tác giả Ánh Sáng và Bóng Tối, Áo Giàn Phan Ngô (14 năm tù) tác giả Vụ Cầu Chiêm ở Quảng Nam năm 1946 và Phạm Xuân Đài (13 năm tù) tác giả Hà Nội Trong Mắt Tôi, tất cả đều không có chút hận thù nào mặc dầu bản thân bị hạ nhục khủng bố, tù đầy cải tạo hàng chục năm, gia đình bị ly tán, nay buộc phải ly hương.

Tuy không thù ai nhưng Phật giáo lại có kẻ muốn chế ngự, khống chế buộc phải làm công cụ tay sai để củng cố quyền bính hà chính, điển hình là quân Nguyên, quân Minh ngày xưa và Đảng Cộng Sản ngày nay. Phật giáo có phản ứng bất tuân là bị ghép vào tội phản quốc, là kẻ thù của nhân dân, là có mưu đồ chính trị. Nhưng khi nào thấy cần đến Phật giáo giúp đỡ, như trước 1975 để xâm nhập hay sau 1992 để hòa hợp với giải pháp Stephen Young, thì chúng hô hào nào là "lấy từ bi hóa giải hận thù" và "Phật giáo không làm chính trị".

Lấy tâm từ có thể hóa giải sự căm thù của tha nhân, thậm chí đối với ác thú như Phật đã làm.

Nhưng trong pháp giới Hoa Nghiêm mọi việc đều có tương quan mật thiết với nhau, phải hóa giải toàn bộ mới có hiệu quả. Tha nhân tuy hết thù hận đối với mình nhưng họ còn đấu tranh giai cấp với Marx, (thật ra là đảng cấp chứ làm gì có giai cấp ở Việt Nam); họ còn ganh tỵ (đấu tố, tố giác, chỉ điểm, vu cáo v.v... Trí phú địa, hào, phải đào tận gốc phải tróc tận rễ) với Mao, Lenin; họ còn hung tàn với bạo lực cách mạng La force exprime le droit (bạo lực biểu thị pháp luật) với Hegel triết gia duy lý cực đoan; như vậy thì thù hận sẽ tiếp tục dài dài, hóa giải không bao giờ cho xong... Còn nếu mình vẫn thiên tả thích chính trị kiểu đó thì làm sao mà lấy từ bi để hóa giải hận thù được? Ác thú tàn ác nhưng không đấu tranh ganh tỵ, sân hận như người. Phải huy động toàn bộ Tử vô lượng tâm, Từ Bi Hỷ Xả, bốn mặt giáp công để giải trừ cho mình và cho tha nhân... cơ cấu cực kỳ nguy hiểm Sân hận, Hung bạo, Tranh chấp và Ganh tỵ (xem sơ đồ) không thể nào dùng ma vương tức kẻ thù gián tiếp gồm (Ái Dục tình thương, Âu sầu than khóc, Hân hoan ca hát, Lạnh đạm trầm chán mà hóa giải được Cộng Sản Việt Nam tuyệt đỉnh vô minh.

Sau bao nhiêu năm sống chung với thế giới cộng sản, tâm từ của anh em H.O đã hóa giải được nhiều cán bộ chính huấn lòng dạ sắt đá lúc ban đầu, mặc dầu họ là những con người máy được nuôi sọ nhiều năm. Phải xem đoạn hồi ký của giáo sư Áo Giàn Phan Ngô, bị CS bắt hai lần (1946-1947) và từ 1975 cho đến ngày được Hội Ân Xá Quốc Tế can thiệp ra tù 2/1988, để biết rằng bản chất của dân tộc Việt không có thù hận đối với người máy nhưng phải lấy trực mà báo oán đối với nhà máy sản xuất người máy:

"Tôi viết đoạn hồi ký này và cho công bố trong giai đoạn đặc biệt này của tình hình đất nước, không phải để khơi ngọn lửa căm thù đối với Việt Cộng đầy tội ác, vì căm thù không phải là bản chất của người Việt chân chính, cũng không phải là khí giới để thắng họ, giải cứu Dân Tộc đang bị họ đầy dọa trong Trầm luân, điêu tàn. Thắng họ chỉ có Chính Nghĩa, Đại Nghĩa Quốc Gia Dân Tộc" đem Đại Nghĩa để thắng hung tàn, lấy Chí Nhân mà thay cường bạo (Nguyễn Trãi, Bình Ngô Đại Cáo). Không căm thù nhưng phải sáng suốt để khỏi bị họ đánh lừa. Dùng "Chí Nhân" song phải "trực" để cho phép nước được công minh (Đi trực báo oán).

Bài này viết ra là để giúp cho những kẻ "quá giàu thiện chí", biết cẩn thận để khỏi phải rơi vào bẫy của Việt Cộng mưu mô, xảo trá, đồng thời cũng nhắc nhở lớp đảng viên CS trung niên, về những tội ác mà đàn anh của họ đã phạm vào, họ không ngờ nổi, hay vọng họ quay về với Chính Đạo" (Vụ Cầu Chiêm Sơn ở Quảng Nam năm 1946. Vạn Thắng số đặc biệt 7.1993).

VII. TÔN GIÁO VỚI NGƯỜI MÁY CHÍNH TRỊ VỚI CỔ MÁY NGHIÊN

Nếu công cuộc hóa giải con người máy trong nước phải cần phải sức quán Tử Vô Lượng tâm của mọi người, thì việc phá tan cỗ máy nghiên do ngoại bang (hiện nay là tài phiệt và mafia quốc tế) tạo dựng, phải cần đến sự can thiệp của Liên Hiệp Quốc bằng con đường tranh đấu chính trị, nghĩa là huy động một khí cụ để phá máy nghiên.

Nói một cách khác, tôn giáo lo hóa giải tâm linh cho người máy và giúp chính trị tháo gỡ cỗ máy nghiên.

Xin nhắc danh từ làm chính trị thường bị hiểu với ý nghĩa duy nhất là "tranh giành quyền bính", đó là thành kiến của dân Việt bị nạn hà chính suốt gần thế kỷ nên chưa bao giờ là một công dân theo đúng ý nghĩa của nó. Quả thật, bà con mình sống trong biết bao chế độ cộng hòa, nhưng có bao giờ được làm công dân đâu? Đi bầu thì quá đông nhưng khi bầu thì quá láo nên cứ người thì quá hề không mấy ai là xứng đáng cả! Dân tộc từ lâu được Liên Hiệp Quốc cấm quyền tự quyết nên mặc dầu hà chính kỹ biết bao hiệp định, từ Hiến Chương Đại Tây Dương 1945 rồi Hiệp Định Sơ Bộ 1946, cho đến Genève 1954 hay Paris 1973, tất cả là chuyện đầu đầu trên trời dưới đất, láo hét! Chuyên viên công pháp quốc tế tài phiệt lại có ý kiến rằng dân Việt đầu bằng dân Nam Phi và Cao Miên; họ chưa đủ trình độ dân chủ, không cần đến dân quyền dân cử lời thôi, người cộng sản phải học tập dân chủ một thời gian. Nhận định này được người máy cây ở ngoại quốc đem truyền bá cho một số đồng bào tỵ nạn gồm mọi thành phần theo chủ nghĩa duy lợi tham quyền. Nếu là những người làm "áp phe" chuyên nghiệp thì nói: Tôi chỉ lo buôn bán sinh sống và giúp nước nhà phát huy kinh tế. Nếu có gốc khoa bảng thì nói: Tôi là chuyên viên tình nguyện đem khoa học kỹ thuật về giúp nước. Nếu là tu sĩ thì nói: Tôi đi tu nên chỉ lo dạy đạo đức cho chúng sanh, lấy từ bi hóa giải hận thù giúp tổ quốc. Tất cả đều dùng chung lập luận: Tôi không làm chính trị. Vì thấy cái lợi trước mắt mà họ không muốn thấy quốc nạn, họ sống kiếp đã điều.

Họ quên rằng 1. Trong ngục tù cộng sản hiện đang có những bạn đồng nghiệp hay đồng đạo đang sống với pháp giới Hoa Nghiêm, đang có phản ứng tâm linh đối với bạo quyền cộng sản, đang thấy rằng không có gì là đơn độc hết, tất cả đều tương tức tương nhập với nhau. Họ thấy cần phải giải trừ quốc nạn. Trong pháp giới Hoa Nghiêm, thì một phục vụ cho tất cả và tất cả phục vụ cho một, và không bao giờ có chuyện: Tất cả phục vụ cho cỗ xe nghiên để cỗ xe nghiên duy lợi tịch thu vơ vét rồi cán nát tất cả.

Họ quên rằng 2. Ở những nước thật sự dân chủ, việc thi hành, mọi nhiệm vụ công dân như đi bầu, ứng cử, phê bình chỉ trích, tố cáo thái độ đối với sự cai trị của Nhà nước chính là làm chính trị đúng với ý nghĩa được dạy ở các bộ môn khoa học chính trị, xã hội Đại học... Đó là quyền lợi và bổn phận của công dân trong một nước dân chủ, và cũng là quyền làm con người trong một xã hội tân tiến. Câu "Phật giáo không làm chính trị" là một chiêu bài giúp

vọng tương phá hoại tinh thần cứu độ chúng sanh Hoa Nghiêm. Nếu quả thật Phật Giáo Trúc Lâm Yên Tử ngày xưa lấy từ bi xóa bỏ hận thù và không làm chính trị đúng với ý nghĩa của chiều bài nói trên, thì bà con mình từ lâu là người Trung Hoa có họ Nguyễn, họ Minh. Ngài Trần Quốc Tuấn là Nguyễn Quốc Tuấn và cụ Nguyễn Trãi là Minh Trãi.

Họ quên rằng 3. Hồi 1954 vì đại đột không làm chính trị và lấy tình thương để đến nỗi phải chạy trốn vào Nam, rồi năm 1975 cũng xóa bỏ hận thù và không làm chính trị nên đành liều chết vượt biên sang Mỹ, nay nếu tiếp tục không làm chính trị và lấy tình thương xóa bỏ hận thù kiểu đó thì chỉ còn có cách đến Cap Canaveral sắp hàng xin lên giàn phóng bay vào cung trăng.

Họ quên rằng 4. Chỉ có những ai chạy theo chủ nghĩa duy lợi để làm ăn ("L'argent n'a pas d'odeur" máu tham hề thấy hơi đồng thì mê) mới được cỗ máy nghiền ưu đãi, tam thời ân cần niềm nở, nhưng bản chất vẫn máy nghĩa là sắt thép vô tri, nó sẽ nghiền nát không chút xót thương. Những tu sĩ, trí thức, và văn nghệ sĩ nào dẫn thân vì quốc nạn ngay tại quê hương, nó không tha ngay cả trí thức cộng sản hạng nặng như Thạc sĩ Trần Đức Thảo tác giả "Phê Bình, Duy Vật Biện Chứng", Hoàng Minh Chính, Viện Trường Viện Triết Học v.v...

Bài nói chuyện sau đây của Tổng Bí Thư Đỗ Mười ngày 17.8.1994 có đoạn: "Đảng chủ trương đoàn kết, hòa hợp dân tộc. Tiến xa hơn, Đảng còn chủ trương lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, cùng nhau xóa bỏ mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai chấp nhận những sự khác nhau không trái với lợi ích chung của tổ quốc".

Vậy lợi ích chung của tổ quốc cộng sản là gì?

Xin thưa là phải đấu tranh giai cấp để làm ăn.

Trong hội nghị cán bộ ngày 3.3.1994 Tổng Bí Thư nói "Đây là vấn đề lớn... phải có quan điểm vững vàng về giai cấp và tranh giai cấp thì việc đánh giá tình hình mới chính xác... Chúng ta đang tiếp tục vận dụng và phát triển học thuyết Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh thích hợp với điều kiện mới... Chúng ta dùng hình thức tư bản và dùng tư bản để xây dựng XHCN... Ngày nay cuộc đấu tranh giai cấp vẫn còn tồn tại và tiếp tục tồn tại. Cuộc đấu tranh ai thắng ai... Cuộc đấu tranh đang diễn ra, nhưng đây là cuộc đấu tranh trong hoàn cảnh mới.

Trong nội bộ, phải nói hết tính chất phức tạp của tình hình, còn bên ngoài thì ta phải nắm vững đường lối để làm ăn, phải có quan điểm giai cấp cho vững, nhưng không cần nói gay gắt ồn ào.

Ích lợi chung là quyền lợi gọi là riêng cho giai cấp vô sản nhưng thật sự lại tập trung riêng vào Tổng Bí Thư qua trung gian đảng/mafia. Thành phần duy lợi ở hải ngoại, cùng một chí hướng với Tổng Bí Thư, thì đua nhau về nước hòa hợp hòa giải. Đó là việc có thể hiểu được nhưng không chấp nhận được nếu họ không lưu ý đến câu kết luận thật đau lòng con cuộc cuộc của giáo sư Tôn Thất Thiện nguyên Khoa Trường Khoa Học Xã Hội Đại Học Vạn Hạnh, trong bài Võ Văn Kiệt và Đỗ Mười: Chuyện Trại Dưa Hấu (xanh vỏ đỏ lòng) như sau:

"Một đảng viên cộng sản, nếu là Ủy viên Chính Trị Bộ, có quyền chặn đường tiến của một dân tộc".

Ngày nay với nền kinh tế thị trường XHCN, *bảng menu duy lợi phức tạp của cỗ máy nghiền trong "hoàn cảnh mới" là món tap-pin-lu, cocktail, hẩu lớn gồm đồ-la, thuyết Lenin, vàng, dầu hỏa, Hồng Kông, khách sạn, sân Golf du lịch, quỹ ty nạn hôi hương, đá quý, cây rừng, Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Mao, Stalin, Stephen Young, s Lý Quang Diệu, Đài Loan, tư tưởng Hồ Chí Minh, tài phiệt, Pháp, Mặt Trận Tổ Quốc, tôn giáo vận, xóa bỏ hận thù, Đại Hàn, giai cấp đấu tranh, hòa giải hòa hợp, mafia, đi điếm, giao lưu văn hóa, rác rưởi, điều 4 Hiến Pháp, ma có... v.v...*

Với bảng menu duy lợi, tham quyền, hám danh nói trên, dân tộc Việt Nam tuy nghèo ngắc thật, nhưng vẫn còn hai con đường:

1. Đường *đốn ngộ Hoa Nghiêm bằng phương pháp tiệm tu Từ Vô Lượng Tâm.*

2. Đường *"đốn cây rừng" tức con đường tiến mau tiến mạnh xuống hố cả nước (XHCN) với tranh giành dầu hỏa Thái Bình.*

VIII. KẾT LUẬN

Tuy quốc nạn xem có vẻ bi quan, nhưng chúng ta nên lạc quan với một vài nhận xét quan trọng sau đây:


Người máy Việt Nam là nạn nhân của cộng nghiệp vô minh toàn cầu, là nhân vật đáng thương nhiều hơn đáng trách. Nhiều cán giáo trại cải tạo thô lỗ rằng họ chưa biết đời sống thành phố là gì. Anh em H.O tuy ở tù nhưng vẫn còn hy vọng được thả, còn họ thì vô phương. Đề nghị bà con nên đọc hồi ký của những vị Nguyễn Văn Đãi (Ánh Sáng và Bóng Tối), Phan Ngô (*Vụ Câu Chiếm ở Quảng Nam năm 1946*), Phạm Xuân Đài (*Hà Nội Trong Mắt Tôi*), và Bùi Tín (*Hoa Xuyên Tuyết, Mặt Thật*), để có nhận định rõ về con người Việt Nam vốn không hận thù. Ngay người máy và thành phần duy lợi hải ngoại, để khỏi muối mặt, vẫn tỏ ra chống cộng với những lý lẽ chung chung, và mặc dầu họ ở xứ tự do nhưng không dám công khai vỗ ngực tự xưng mình là Việt Cộng. Sự kiện sợ muối mặt này dần dà tạo ra đức tính biết liêm sỉ, hổ thẹn hay Tàm (hiri). Tàm là một tịnh quang tâm sở đứng hàng thứ ba sau Tin hướng thiện (saddhà) và Niệm gìn giữ thiện tâm (sati). Tin và niệm giúp hành giả làm điều lành và Tàm giúp đương sự tránh điều ác. Mọi người đều có Phật tánh, nếu chưa làm được điều gì lành thì tính biết xấu hổ với đồng bào rồi với lương tâm, cũng là một dấu hiệu tốt: *Phản máy nhường chỗ dần dần cho phần người.*

Tâm Trạng Ngô Trọng Anh

Ngự Sử

Xuân Đến

(Tặng anh Minh Tứ)



Sao em không nói lời nào ?
 Con oanh đứng lặng bên rào nhà em.
 Phải chăng xuân đến không em
 Hay là cơn gió trước thềm lùa thua ?
 Tung bồng nắng nhạt ban trưa
 Đôi cô con gái tuổi vừa biết yêu,
 Ngày xuân bỗng mắc cỡ nhiều,
 Rằng : "ai có biết những điều tôi mong !"
 Trời xanh có áng mây hồng
 Có hai con yến lượn vòng chân mây
 Thương em đáng nhỏ hao gầy
 Như mai trụ lá đợi ngày ba mươi
 Mứt đào ngọt lịm đôi môi,
 Bập bùng pháo nổ : tiếng cười say men ...

Phải mùa xuân đến không em ?
 Nhìn anh em chỉ cười duyên điệu dàng !

Muenchen 22.12.93

PHẬT GIÁO và các vấn đề thời đại

BS. Nguyễn Hoài Vân



Sau khi đã được truyền bá một cách trực tiếp trên quê hương của phân nửa loài người, và gián tiếp ảnh hưởng trên một phần không nhỏ những vùng đất còn lại (1), Phật Giáo của những ngày cuối thế kỷ 20 không ngừng chinh phục thêm những tâm hồn mới, mở rộng đến những xã hội, những nền văn hóa mới, đặc biệt là ở các nước thường được gọi là "Tây Phương". Tại các quốc gia này, càng ngày càng có nhiều người bày tỏ sự đồng tình, hay ít ra là thiện cảm, với tư tưởng của Đức Thích Ca. Trong số họ, có nhiều triết gia, văn nghệ sĩ, ký giả, nhà kinh doanh, khoa học gia từ các ngành học Vật Lý tới Tâm Lý, và cả những Linh Mục, Nhà Thần Học, Nhà Khổ Tu v.v... Riêng tại Pháp đã có khoảng 300 ngàn người tuyên bố tín ngưỡng của mình là Phật Giáo (2). Con số cảm tình viện không đặt vấn đề về Đạo này hay theo Đạo khác, chắc chắn còn nhiều hơn gấp bội phần. Khi Tạp Chí "Vogue" in hình Đức Đạt Lai Lạt Ma trên trang bìa, số báo bán được liền tăng lên tới 83%! Ban nhạc Rock "Meccano" (người Tây Ban Nha), không nổi tiếng lắm, nhưng trong thời gian phổ biến một bài hát về Phật Giáo Tây Tạng, đã trôi lên được thượng tầng của bảng xếp hạng "Top 50" ! (3). Rồi khi phim "Little Buddha" được trình chiếu lần đầu tại Paris, một số nhà phê bình tỏ vẻ thất vọng vì đã đặt quá nhiều hy vọng nơi nhà đạo diễn tài danh Bertolucci để làm chói sáng tư tưởng Phật Giáo trong quần chúng Tây Phương. Thêm vào đó, sự pha trộn hai câu chuyện, chuyện chú bé người Mỹ ở thời nay, và chuyện cuộc đời Đức Phật, bị coi như một "xảo thuật" để cho khán giả "dễ nuốt" Đức Phật hơn, và như thế, đã bị chê là không đủ niềm tin nơi Đạo Phật! Phải nói là giới trí thức Tây Phương không thiếu người đặt niềm tin nơi tư tưởng Phật Giáo để giải quyết các vấn đề của thời đại, như S.C. Kolm (4) trong sách "Sortir de la crise" (Ra khỏi khủng hoảng), hoặc như Octavio Paz, Giải Nobel Văn Chương (5), khi ông nói: "Phật Giáo là tư tưởng ngoạn mục nhất, và mang nhiều tính cứu độ nhất..."

Sự lan rộng của Phật Giáo lại có vẻ rất nhẹ nhàng, ít gặp những chống đối gay gắt. Thật vậy, một tôn giáo thường phải đụng đầu với hai loại đối thủ: khoa học "vật chất", và các tôn giáo khác (tôn giáo "bạn"!). Đối với Phật Giáo, khoa học không là đối thủ. Ngược lại, người ta không ngớt bàn tán về những tương đồng giữa đa số quan điểm của Đạo Phật với những khám phá mới nhất của khoa học. Các tôn giáo "bạn" cũng có vẻ sẽ không là những đối thủ của Phật Giáo, nếu Đạo Phật được trình bày dưới một hình thức nào đó. Linh Mục Dòng Tên Yves Raguin (6) có thuật lại một giai thoại lý thú, như sau:

Vào thế kỷ thứ 8, Jean Damascène, người Syrie, đã dịch một tác phẩm mà ông nghĩ là cuộc đời của Thánh Josaphat. Theo LM Raguin, tác phẩm này ảnh hưởng mạnh mẽ trên đời sống tu hành của các tu viện Công Giáo thời Trung Cổ. Một chi tiết: tác phẩm của Damascène nói về cuộc đời... Đức Phật!

Điều này cho thấy: dưới một hình thức hơi "độc đáo" một tí, giáo lý của Đức Thích Ca đã được chấp nhận bởi Ky Tô Giáo kể cả trong một thời kỳ bị coi là ít cởi mở nhất. Vì thế người ta không ngạc nhiên khi nghe Linh Mục Dòng Tên J.K. Kadowaki nói rằng chính nhờ Phật Giáo mà ông đã hiểu và thực hành Thánh Kinh một cách sâu xa hơn (7). Người ta cũng không ngạc nhiên trước khẳng định của Linh Mục Khổ Tu David Steindl-Rast (8) cho rằng cần phải vận dụng rộng rãi phương pháp luận Phật Giáo, rằng các lý thuyết "tính Không" và "Trung Đạo" có thể giúp khái niệm "mến Chúa" có nội dung. Rồi cũng thật tự nhiên khi thấy các vị Khổ Tu Công Giáo ngồi xếp bằng tĩnh tọa theo phương pháp của Nhà Phật, trong một phòng sự truyền hình Pháp... Thật ra, danh sách các Tu Sĩ Công Giáo đã công khai ủng hộ Đạo Phật còn dài. Ta có thể kể thêm: Linh Mục Dòng Tên (Jésuite) Enomiya Lasalle, Linh Mục Besnard, DòngThỉnh Giảng (Dominicain), Nhà Khổ Tu Pierre François de Bêthume (Dòng Bénédictin), Hồng Y Lercaro, Tổng Giám Mục thành Bologne, v.v... (9). Thậm chí đến Nhà Thần Học Eugen Drewermann, một Linh Mục Công Giáo đang gặp vài khó khăn với "thượng cấp", đồng thời cũng là một nhà Phân Tâm Học, Giáo Sư Đại Học, và là hiện tượng nổi bật trong trường tư tưởng Âu Châu vài năm nay, được tán dương là "Luther tân thời", cũng đã chọn một câu của Đức Phật để làm bạt cho tác phẩm nổi tiếng nhất của ông (10). Ông thường tuyên bố rất gần Phật Giáo, cho rằng Phật Giáo chứa đựng ý nghĩa nguyên thủy của Phúc Âm (11). Tuy nhiên, ông vẫn chọn là người Công Giáo, vì hệ thống biểu tượng của Công Giáo thích hợp với ông hơn. Gần đây, bà Tổng Thống Đức Herzog, một người theo Đạo Tin Lành, cũng nói trong một cuộc phỏng vấn là bà tìm thấy nơi Đạo Phật nhiều điều như tính vị tha, khả năng tập trung tinh thần, và "sự bình thản rất lớn về mặt nội tâm"... (12). Ngược thời gian, nhiều học giả, trong số có C.G. Jung, đã ghi nhận những tương đồng giữa Giáo lý của Đức Phật với tư tưởng của Thánh Ignace de Loyola, Thánh Thérèse d' Avila, Thánh François d' Assise, hay của Maitre Eckhart...

Vậy, nếu không bị cản trở bởi khoa học "vật chất", cũng không bị cản trở bởi các tôn giáo khác, thì, trong thời đại mới, cái gì sẽ cản trở sự lan rộng của Phật Giáo ra khỏi những lãnh thổ truyền thống của mình, đến những vùng đất mà tư tưởng và cách sống vẫn còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến toàn nhân loại? Cái gì, nếu không phải là chính... Phật Giáo?

Nói thế, cũng là tự hỏi liệu Phật Giáo có thực sự đem lại nổi những điều hiệu quả để giải quyết những vấn đề của thời đại hay không? Và, như mọi tổ chức thế tục, Phật Giáo sẽ thích nghi như thế nào với cái thời đại ấy?

Mặt khác, chúng ta cũng không thể không tự hỏi: trong trường hợp Việt Nam, đâu sẽ là những đóng góp của Phật Giáo trong giai đoạn đòi hỏi khó khăn sắp tới?

Đó là những tham vọng của bài viết này. Để tiện việc trình bày, trước tiên, chúng tôi xin đề nghị vài suy nghĩ về thời đại chúng ta hiện sống, trước khi bàn đến khả năng đóng góp của Phật Giáo trong thời đại ấy, trên bình diện cá nhân, rồi trên bình diện xã hội, để kết thúc trong bối cảnh của nước Đại Nam ta.

I. VÀI SUY NGHĨ VỀ THỜI HIỆN ĐẠI :

A. CÁC TIÊU CHUẨN CỦA "THỜI HIỆN ĐẠI" :

Thời đại trong đó chúng ta đang sống bắt đầu và chấm dứt với sự hình thành và chuyên hóa của một số tiêu chuẩn được đề ra một cách quy ước. Có nhiều quy ước, và nhiều tiêu chuẩn. Chúng tôi xin chỉ chọn bàn đến ba tiêu chuẩn chính của cái thời đại "đang mới sắp cũ" này. Đó là:

- sự phát triển của khoa học
- sự đẩy lùi tính tôn giáo ra khỏi môi trường sống của con người
- sự lãnh đạo của một số hình thái kinh tế thường được gắn liền với khái niệm Tư Bản Chủ Nghĩa.

B. NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA THỜI HIỆN ĐẠI :

Chúng ta chỉ có thể chọn vài vấn đề tiêu biểu. Trước hết, xin bàn sơ qua về Tư Bản Chủ Nghĩa (13).

1. Tư Bản Chủ Nghĩa :

Tư bản chủ nghĩa được định nghĩa như một mô hình tổ chức xã hội trong đó phương tiện sản xuất và phương tiện trao đổi nằm trong tay tư nhân. Tư nhân có khuynh hướng đặt tư lợi lên trên hết. Vì thế, một trong những động cơ chính yếu của xã hội tư bản là hiếu lợi. Để được lợi, tư bản chủ nghĩa đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ.

Vì cần đẩy mạnh tiêu thụ, nên xã hội tư bản thường ôn hòa rộng rãi, và khuyến khích cá nhân chủ nghĩa. Thật vậy, nếu hẹp hòi, quá khích, thì phải loại bỏ bớt một phần xã hội, tức bớt số người tiêu thụ. Mặt khác, cá nhân cần được đề cao, cần có tự do, cần có một sức sống nào đó, để kích thích mỗi cá nhân tiêu thụ ngày một thêm lên.

Về chính trị, xã hội tư bản thường thiên về một thể chế đa nguyên. Lý do vì phương tiện trao đổi và sản xuất là thực chất của quyền hành, mà những phương tiện ấy lại nằm trong tay tư nhân, nên thực chất quyền hành trong xã hội dễ bị phân tán, trở thành "đa nguyên". Tuy nhiên, dù bị phân tán, quyền hành vẫn nằm trong tay người có phương tiện sản xuất và trao đổi, khiến cho các xã hội tư bản thường đi vào con đường dân chủ hình thức.

Vì được điều hành bởi tư lợi, kiểu dân chủ hình thức, nên các xã hội tư bản rất hay được quản lý một cách thiên cận.

2. Sự phát triển của khoa học dưới sự lãnh đạo của Tư Bản Chủ Nghĩa :

Tinh duy lợi và thiên cận của các xã hội tư bản khiến sự phát triển của khoa học thường đưa đến hai loại vấn đề: - Thứ nhất là ô nhiễm, tàn phá môi sinh, và lãng phí tài nguyên thiên nhiên. Lý do vì các khám phá khoa học được ưu tiên hướng đến việc gia tăng sản xuất (sản xuất những hàng hóa mới, hay những hàng hóa sẵn có, nhưng nhanh hơn và nhiều hơn), cũng như gia tăng nhu cầu tiêu thụ. Gia tăng tiêu thụ và sản xuất đưa đến gia tăng ô nhiễm cũng như phí phạm tài nguyên thiên nhiên. Đó là chưa kể đến những tai hại đặc biệt của việc sản xuất và tiêu thụ khí giới...

- Thứ hai là vấn đề cạnh tranh giữa cái máy và sức người, làm gia tăng nạn thất nghiệp. Vì hiếu lợi, các xí nghiệp bị cám dỗ sử dụng máy móc thay con người, để làm giảm giá thành của hàng hóa, khiến cho sự phát triển kinh tế không còn tạo thêm công ăn việc làm như người ta vẫn thường tin tưởng. Thật vậy, gia tăng sản xuất bây giờ phần lớn do gia tăng năng xuất của máy móc, chứ không cần đòi hỏi thêm nhân công như trước.

3. Con người trong xã hội tư bản :

Con người trong xã hội tư bản còn gặp phải một số vấn đề khác như:

- Bị cô lập đối với thiên nhiên, trong những đô thị lớn, gây nên cảm giác xa lạ đối với thiên nhiên.

- Bị cô lập đối với những con người khác, do khuynh hướng cá nhân chủ nghĩa nằm trong bản chất của xã hội tư bản.

- Bị đánh giá theo khả năng tiêu thụ của mình: anh "hơn" tôi vì anh có nhà sang hơn, xe lớn hơn, quần áo đắt tiền hơn tôi v.v... Con người tiêu thụ được tôn trọng, có nhiều quyền ("khách hàng là Vua"), trong khi con người sản xuất bị coi rẻ.

Tại các nước tiên tiến, con người sản xuất cũng là con người tiêu thụ, và được tôn trọng. Trong khi đó, ở những quốc gia mà khả năng tiêu thụ còn quá kém, con người chỉ đơn thuần là "con người sản xuất", thì sanh mạng, đời sống cũng như nguyện vọng của những con người này rất "rẻ" (14). Vì bị đánh giá theo khả năng tiêu thụ, nên con người thời đại luôn lo lắng bám víu vào khả năng này để duy trì giá trị con người của

minh. Kết quả là một tâm trạng ích kỷ, và luôn ưu tư, lo lắng, nhất là đối với nạn thất nghiệp, được coi như một "định chế" của nhiều xã hội tư bản.

Ngoài ra, vai trò của con người trong xí nghiệp cũng đưa đến nhiều cuộc đời của mỗi người không còn liên hệ với một định mệnh lý tưởng chung của loài người nữa. Tôi sẽ đi về đâu? tôi sống để làm gì? v.v... trở thành những câu hỏi nặng nề, không trả lời được.

Với tôn giáo, trong nghịch cảnh, người ta vẫn còn có thể hy vọng nơi sự cứu rỗi của một định mệnh chung của loài người, hay ít ra là cũng có được một phương thế để ảnh hưởng trên những thể lực thần thánh điều hành những nghịch cảnh ấy, thí dụ cầu nguyện cho hết lụt, cho mưa thuận gió hòa v.v... Ngày nay, một con người thời đại, lỡ có bị thất nghiệp, liền được cắt nghĩa rằng: sở dĩ anh thất nghiệp là vì Bundesbank (18) tăng tiền lãi, hay giá đô-la tuộc dốc, hay thị trường chứng khoán ở Tokyo trời sập sao đó, v.v... Anh ta có thể làm gì được để ảnh hưởng trên những chuyện ấy?

Ông Thần, ông Thánh nào ảnh hưởng được trên Bundesbank, trên Federal Reserve? Rốt cuộc vẫn là hoang mang, lo lắng, cảm giác bất lực, đưa đến thối chí, tuyệt vọng. Phai nhạt tinh tôn giáo, là tự cắt đứt phần nào với đồng loại, và cũng là một cách cắt nghĩa hiện tượng "cá nhân chủ nghĩa" của người thời đại. Không những "cá nhân chủ nghĩa" thái quá dễ đưa đến buồn bã, chán nản, mà, theo một số học giả hiện đại, nó còn có thể làm suy yếu khả năng phát triển kinh tế, một ưu tư lớn của xã hội tư bản.

C. TƯ BẢN CHỦ NGHĨA và TÔN GIÁO :

Xã hội tư bản coi tôn giáo như một món hàng, nên cũng quý trọng tôn giáo, như quý trọng hàng hóa. Ngoài ra, tôn giáo cũng là phương tiện để duy trì sự ổn định xã hội. Có thể nói, trong một xã hội bất công, tôn giáo cho con người một cảm tưởng bình đẳng. Tuy nhiên những quan hệ vừa kể với tôn giáo không đủ để cho xã hội tư bản hưởng được những đóng góp có tính cách nền tảng của tôn giáo, thí dụ như việc đem lại một ý nghĩa cao quý, thăng hoa cho công việc làm. Con người trong xã hội tư bản làm việc cho mình, với một tinh thần duy lợi riêng tư. Điều này, rất dễ đưa đến nhàm chán, buồn bã, hoang mang, lo sợ, cũng như thái độ luôn luôn bất mãn thường thấy nơi con người thời đại. Thật vậy, nghĩ đến mình nhiều quá, thì cái gì cũng lo, cũng sợ, cũng than thở, sầu bi, hay bất mãn, tức giận, dù cho mình có nhiều may mắn cách mấy so với những người thực sự khổ khổ. Thậm chí đến sự đồng thuận mà nhiều người đề cao trong xã hội tư bản cũng chỉ là đồng thuận trên căn bản bảo vệ quyền lợi ích kỷ của các tập đoàn hay thế lực trong xã hội. Điều này không đương nhiên đưa đến những giải pháp tốt đẹp cho toàn xã hội. Nó có thể khiến xã hội trở thành rời rạc, mỗi tập đoàn cố bám víu lấy những quyền lợi riêng của mình, bất chấp quyền lợi chung. Đây cũng có thể trở thành một trở ngại cho phát triển.

II. KHẢ NĂNG ĐÓNG GÓP CỦA PHẬT GIÁO TRONG THỜI HIỆN ĐẠI :

A. TRÊN BÌNH DIỆN CÁ NHÂN :

Trên lý thuyết, người ta có thể dễ dàng đối chiếu những điều Đức Phật và các truyền nhân của Ngài giảng dạy với phần lớn những vấn đề của con người thời đại trên bình diện cá nhân. Chúng ta sẽ duyệt qua khía cạnh lý thuyết này, trước khi bàn đến hiệu quả rất kém cỏi của chúng trong thực tế, để nhấn mạnh đến khía cạnh phương pháp trong Phật Giáo:

1. Thỏa hiệp với khoa học:

Điểm lý thuyết đầu tiên mà chúng ta có thể ghi nhận, là: trong khi con người thời đại đánh mất tôn giáo của mình, đưa đến tình trạng "vong thân", với những hoang mang, buồn chán, như đã nói ở trên, mà đồng thời lại bị khó khăn trong việc tìm lại cái tính tôn giáo ấy, do sự cản trở của óc khoa học, thì Phật

Giáo dục là một "tôn giáo" phù hợp với những khám phá khoa học mới mẻ nhất.

Nhu cầu "thỏa hiệp" giữa tôn giáo và khoa học được cảm nhận rất rõ ràng qua trường hợp của chủ thuyết Marx. Thật vậy, chủ thuyết Marx là một lý thuyết mang tính khoa học, nhưng lại thường được cảm nhận như một tôn giáo. Chúng ta sẽ thấy sức cuốn hút vô cùng mạnh mẽ của chủ thuyết ấy trong trường tư tưởng của thế kỷ 20. Ngày nay, chủ thuyết này không còn hợp thời nữa, nhưng, nhu cầu "thỏa hiệp" giữa tôn giáo và khoa học vẫn còn nguyên vẹn. Phật Giáo đủ điều kiện để đáp ứng nhu cầu này.

2. Lo sợ vì cuộc sống vượt ngoài tầm tay của mình :

Như đã nói ở trên, con người thời đại sinh hoạt trong một cuộc sống vượt ngoài tầm tay của mình. Trước kia, con người có thể cầu cho mưa thuận gió hòa, và lỡ có lụt lội, hạn hán, cũng có phương pháp cúng kiếng cầu đảo. Ngày nay, ông Thần nào ảnh hưởng được trên giá trị của đồng đô-la, trên lãi suất của Bundesbank? Các chính sách kinh tế, tiền tệ, an sinh xã hội, năng lượng v.v... đa số đều rất phức tạp, khiến người dân thường khó mà hiểu nổi, mặc dù những chính sách ấy ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của họ. Cảm giác bất lực này làm cho sự hoang mang lo sợ trước những bất trắc của cuộc sống bị nhân lên gấp bội phần.

Trong tình trạng ấy, Phật Giáo dạy quay về với chính nội tâm mình để tìm nguồn gốc của đau khổ, thay vì chạy theo các nguyên do bên ngoài mình, mà mình không thể hiểu được, hay không thể ảnh hưởng tới được. Rồi, từ sự ý thức những nguyên do của đau khổ, Đạo Phật dạy tìm những yếu tố diệt khổ, và con đường đi đến các yếu tố ấy. Theo một quy luật tâm lý học dễ hiểu, thì chỉ cần đặt chân trên con đường này, là đau khổ, lo sợ, đã giảm đi rất nhiều rồi.

Thêm vào đó, thuyết nhân quả dạy chú trọng vào "nhân" để dừng sự "quả". Đó là dạy dừng lo sợ trước những gì có thể xảy đến trong tương lai, mà hãy tập trung vào việc gieo rắc những "nhân" lành trong hiện tại, qua việc làm, lời nói và tư tưởng. Làm việc tốt lành, tự nó đã là một hạnh phúc. Tập trung vào đó, mà quên đi những nghịch cảnh đang hay có thể xảy đến, thì chính là xa lánh ưu tư, lo lắng, mà trầm mình trong nguồn hạnh phúc vậy.

Một khía cạnh khác của thuyết nhân quả, là sự chấp nhận những gì xảy đến cho mình như những điều bất buộc, không thể tránh được, không làm sao khác được. Lo lắng cách mấy cũng vô ích, vì một khi cái "nhân" đã gieo rồi, thì "quả" bất buộc phải gánh chịu. Chấp nhận, là an phận, và an phận là bớt sợ hãi, bớt lo lắng. Nói cách khác, chấp nhận nghịch cảnh, chính là thoát khỏi nghịch cảnh, vì khi đó, nghịch cảnh là một cái gì tự nhiên, thuận quy luật, tức không còn "nghịch" nữa.

Với thuyết Vô Thường, cho là sự vật luôn biến đổi (theo quy luật nhân duyên), Đạo Phật cũng dạy đừng quá chú tâm vào những điều hư hão, luôn thay đổi, mà hãy tập trung vào cái cốt lõi của con người mình. Cái "cốt lõi" ấy là gì, thì tùy trình độ nhận thức, nhưng dù cho ở trình độ nào đi chăng nữa, sự giảng dạy này cũng khiến cho người ta bớt quan tâm tới những cái phụ thuộc như: tiền bạc, nhà cửa, xe cộ, quần áo v.v... và bớt lo lắng cho sự được-mất của những thứ đó.

Rồi cái mà người ta coi là "cốt lõi" dần dần đi vào con người mình, trở thành thân xác, tức sức khỏe, và người ta nói: "giàu nghèo thân kệ, miễn có sức khỏe" (hay "sức khỏe là vàng"), rồi vào sâu hơn nữa, trở thành cái "tâm" thường ngày, và người ta lại nói: "sao cũng được, miễn là tâm hồn thanh thản"... Cứ như thế, với chút duyên lành, người ta càng ngày càng tiến sâu thêm, và ý thức được tới những tầng cấp khác của tâm, có khi tập trung được vào những điều như "bản lai chân diện mục", "Phật tánh", hay "Tâm Vô Ngã" để đạt đến một mức độ an tịnh rất cao, nghịch cảnh không còn lay chuyển nổi.

Một sự giảng dạy rất quan trọng khác của Đạo Phật, có khả năng đánh tan những ưu tư lo lắng, là lòng từ bi, hạnh bố thí.

Dù cho chi là bố thí cầu phúc, chứ chưa được là "bố thí ba la mật" (với "tâm sơ trụ"), thì sự bố thí ấy vẫn có khả năng khiến cho con người biết quên mình đi một chút, bớt nghĩ đến ưu tư của mình, để nghĩ đến người khác. Có lần tôi đọc được một lời nguyện như sau: "nguyện cho cuộc đời tôi khổ sở hơn hiện tại gấp trăm ngàn lần, để cho chúng sanh được bớt đau khổ". Kệ nguyện lời này, dù chi trên đầu môi chót lưỡi, chứ không thành thật tâm niệm nó, cũng có thể có được một cái nhìn tích cực hơn đối với sự đau khổ. Biết đâu kẻ ấy lại chẳng dễ dàng chấp nhận một sự khổ đau nào đó hơn một chút, nếu nghĩ được rằng nhờ đó, mà mẹ mình, con mình, những người mình yêu mến, bớt khổ? Thật ra, nguyện "khổ hơn trăm ngàn lần" không phải là đi tìm sự đau khổ, mà là sửa soạn tâm hồn để dù cho một sự khổ sở to lớn có xảy đến, thì mình cũng vui vẻ gánh chịu. Đó là tìm niềm vui. Vui trong cái khổ, trong nghịch cảnh, với "Bồ Đề Tâm", và "Vô Phân Biệt Trí" (phiên nào tức Bồ Đề). Và nguyện cho "chúng sanh bớt khổ", chính là phân bố niềm vui (trong cảnh khổ) kia cho người khác, vừa là "Pháp Thí", vừa là "Vô Úy Thí". Theo tư tưởng "vô phân biệt", thì "cho" cũng là "nhận", nên người thực hành bố thí, cũng nhận lãnh những gì mình cho, và cũng giải quyết được những vấn đề của chính mình.

Tựu trung, trước một cuộc sống càng ngày càng vượt ngoài tầm tay của mình, quan niệm được rằng vui, khổ, chỉ là một vấn đề nội tâm, cho thấy mọi người đều có khả năng giải quyết vấn đề ấy, một cách bình đẳng, bằng sự quay về với chính tâm hồn mình. Nói cách khác: phương pháp để giảm bớt lo sợ trước ngoại cảnh không cần tìm nơi ngoại cảnh, mà do một sự thay đổi nội tâm. Đó là một đóng góp lớn của Phật Giáo, đặc biệt trong thời hiện đại.

3. Buồn chán vì mất ý nghĩa thăng hoa của công việc làm:

Như đã nói ở phần trước, con người thời đại bị ảnh hưởng bởi tính duy lợi của xã hội, và gần như chỉ còn biết làm việc cho riêng mình. Điều này đưa đến những phản ứng buồn chán, vì, một lúc nào đó, sự thiếu vắng một ý nghĩa thăng hoa cho công việc làm khiến người ta không còn muốn cố gắng, không còn muốn đem hết sức lực, trí tuệ và sự khéo léo của mình vào công việc làm nữa. Để làm gì? Đó sẽ là câu hỏi ám ảnh tâm hồn con người ích kỷ, nhìn cuộc sống như một thời gian hưởng thụ sẽ chấm dứt trong bùn đất của nghĩa trang. Thật vậy, nếu cuộc sống ngắn ngủi này chỉ là một thời gian hưởng thụ thì anh làm việc cho nhiều để làm gì, và dù cho có bị bắt buộc phải làm việc, thì cần chi cố hết sức làm cho hay, cho tốt? Anh phải dành thật nhiều thời giờ, thật nhiều tâm trí, để hưởng thụ những lạc thú của cuộc đời chứ! Từ đó, người ta coi việc làm như một gánh nặng, một sự trừng phạt, một sự khổ đau, một cái giá phải trả để hưởng thụ cuộc sống.

Đạo Phật lật ngược cái logic này lại, và dạy lấy chính công việc làm là mục đích của công việc làm. Không còn vấn đề làm việc để đạt đến một mục đích (hưởng thụ), mà chính sự làm việc đã là mục đích, là niềm vui của người làm việc. Các bà mẹ thường dễ cảm nhận ý tưởng này, vì khi các bà làm công việc nội trợ, thí dụ nấu một bữa ăn ngon cho chồng con thưởng thức, thì các bà rất dễ dàng cảm thấy hạnh phúc trong chính lúc làm việc ấy.

Mặt khác, khi dạy tập trung vào hiện tại, "sống từng sát na", hay "từng hơi thở", Đạo Phật dạy con người tìm hạnh phúc trong cái mà mình hiện có, trong việc mà mình hiện làm, dù cho mình có đang làm việc, hay đang vui chơi giải trí. Lester Thurow, Khoa Trưởng Phân Khó Kinh Tế của Đại Học MIT có trích một đoạn văn mà ông nói là lấy từ Kinh Điển Phật Giáo, như sau: "Bậc Thầy trong nghệ thuật sống không hề phân biệt trong bản chất, giữa làm việc và vui chơi giải trí, giữa cố gắng và lạc thú, (...). Ngài tìm sự hoàn hảo trong bất cứ công việc gì, và để mặc cho những người khác quyết đoán là Ngài đang làm việc hay đang chơi đùa" (19). Khi tìm được niềm vui trong chính công việc làm thường ngày, không còn

phân biệt làm việc với hưởng thụ nữa, thì cuộc sống sẽ bớt là một gánh nặng, và sự buồn chán sẽ có thể tránh được.

4. Thái độ bất mãn thường trực:

Một trong những đặc tính của con người thời đại là luôn bất mãn. Chính phủ nào lên cũng bị dân chúng than phiền, trách móc. Và dù cho đời sống của họ có cao hơn phần còn lại của nhân loại đến hàng ngàn lần, dù không bị chiến tranh, đói khổ, người ta vẫn luôn bất mãn. Người ta bất mãn với chính quyền, với chủ nhân, với chồng, với con, với cha mẹ, với hàng xóm, với bạn cùng sở làm, với tất cả! Tổng Thống De Gaulle từng nói: "Pháp Quốc có năm mươi triệu dân, và năm mươi triệu sự bất mãn".

Sự giảm bớt ham muốn, thường được nhấn mạnh trong Phật Giáo, khiến cho người ta bớt bất mãn. Lòng từ bi, nghĩ đến nỗi khổ của người khác cũng có thể làm giảm bớt sự bất mãn vì những lý do riêng tư. Ý tưởng phải quay về với bản tâm mình, cũng có thể giúp con người bớt tìm hạnh phúc nơi những cái ở ngoài mình, bớt đòi hỏi nơi ngoại cảnh như một cái gì biệt lập với nội tâm. Chạy theo ngoại cảnh, mà không ảnh hưởng được trên nó, đương nhiên dễ sinh ra thất vọng, bất mãn. Quy tất cả vào Tâm, tìm sự thay đổi nội tâm, phù trùm lên ngoại cảnh, là cách giảm bớt bất mãn. Thêm vào đó, tìm niềm vui trong giây phút hiện tại, trong cái mình hiện có, trong sự hoàn hảo của công việc mình đang làm, mà không cần "chấp chước" nơi những thành quả của nó, cũng là một cách để dừng chờ đợi, dừng chạy theo những "phần thưởng" nào đó trong tương lai, để rồi lại thất vọng, bất mãn.

5. Cảm giác cô đơn:

Con người thời đại thường có cảm giác bị cô lập, thiếu cảm thông, đưa đến buồn bã. Như đã nói ở phần trước, họ bị cô lập với cảnh vật tự nhiên trong những đô thị lớn. Từ đó, có khuynh hướng coi thiên nhiên như xa lạ, khó cảm thông.

Đạo Phật có thể đem lại cho họ những điều bổ ích khi dạy hòa mình với thiên nhiên, qua cái Phật Tánh cùng hiện diện nơi mình và nơi vạn vật. Ta nhận thấy điều này qua các tác phẩm nghệ thuật mang ảnh hưởng Phật Giáo. Thí dụ qua những bài Hải Cú của Thiền sư Ba Tiêu, người đọc có thể đem tâm hồn mình hòa vào cảnh vật, làm cảnh họa Nazuna bên hàng giậu, làm chiếc lá cô đơn trên cành ngô đồng hội hộp chờ gió thổi, làm con ếch nhảy xuống ao, làm chú chim cu bận rộn... Và khi nhìn trăng rằm mà tưởng nhớ đến "vàng trăng non dại" đã theo bước chân mình bấy lâu, vì Thiền sư cho thấy: vàng trăng kia cũng là chính mình, thườ nào còn non dại... (20). Cảm thông được với cảnh vật như vậy thật chẳng khác nào có thêm những người bạn mới, những niềm vui mới, và cũng là phương cách để giảm bớt sự cô lập của mình đối với thiên nhiên vạn vật.

Mặt khác, sự cô lập của con người thời đại đối với những con người khác, ngoài sự buồn chán của nó, cũng có một lý do đưa đến hoang mang lo lắng. Quá tập trung vào cá nhân mình, con người không còn gắn liền cuộc sống của mình với định mệnh lý tưởng của một tập thể, hay của toàn nhân loại được nữa. Mỗi nghịch cảnh xảy đến, đều mang một ý nghĩa tàn phá kinh khủng đối với cuộc sống cá nhân, nếu cá nhân ấy không tin tưởng được rằng cuộc đời anh ta nằm trong một dòng định mệnh chung với những con người khác.

Sự giảng dạy của Phật Giáo có thể có ích trong lãnh vực này. Ngoài Đức Từ Bi, giúp con người phá tan sự cô lập của mình đối với những người khác, Đạo Phật còn cho rằng mọi con người đều là những vị Phật nhưng chưa biết mình là Phật. Điều này giúp hình dung một viễn tượng tốt đẹp cho mọi người, một loại "định mệnh lý tưởng chung", như vừa nói.

6. Sự kinh sợ trước cái chết:

Trong bối cảnh cô lập của con người thời đại, nghịch cảnh quan trọng nhất có lẽ là cái chết, thường bị cảm nhận như một tai họa tuyệt đối. René Laurentin viết rằng: "Nền văn minh cơ

khí và duy vật của chúng ta đã đánh mất ý nghĩa của cõi chết (...) Giáo Hội cũng bị ràng buộc bởi tâm lý ấy. Các Linh Mục ít dám đề cập đến viễn tượng này" (21).

Đạo Phật nhấn mạnh đến lẽ Vô Thường của mọi sự vật, khiến cái chết chỉ là một thay đổi trong chuỗi thay đổi triền miên mà ta vẫn phải chịu từ khi hiện hữu. Thật vậy, cái tôi bây giờ không phải là cái tôi của ba mươi năm về trước, kể cả trên phương diện vật lý (các nguyên tử cấu thành con người tôi ba mươi năm về trước ngày nay đều đã bị thay đổi), lẫn trên phương diện tâm lý (những gì tôi nghĩ lúc ấy, ngày nay xa lạ với chính tôi). Từ đó có thể suy diễn rằng: mỗi giây phút, ta đều thay đổi, vừa "chết" đi, vừa "sanh" ra, với ý thức rằng: trong thực tế khách quan, chẳng có gì chết đi, cũng chẳng có gì sanh ra, chỉ có sự dời đổi vị trí giữa những thành tố của con người ta và của sự vật trong trời đất. Quan niệm như thế, cái chết nhiều khi đỡ đi được phần nào sự rùng rợn.

Cũng có thể nói: nguyên do quan trọng khiến con người sợ chết là tính "chấp ngã", cho rằng có một "cái tôi" trường cửu. Lacan có kể lại trường hợp một bà bệnh nhân của ông nằm mơ thấy mình chết đi rồi sống lại liên tục, trải hết cuộc sống này đến cuộc sống khác. Bà ta kinh hãi trước viễn tượng ấy, và vội vã chạy đến phòng mạch của Lacan! Nhà Phân Tâm Học cho biết là viễn tượng sống lại, những cuộc sống khác thường gây rất nhiều lo sợ. Nhưng, con người lại vẫn luôn ước vọng mình trường cửu, mãi mãi hiện hữu! Mâu thuẫn này rất khó giải quyết, gây nhiều vấn đề tâm thần phức tạp.

Đạo Phật cho là không có gì có tự tánh, tức là không phải sự vật không hiện hữu, mà chỉ hiện hữu do một tập hợp nhân duyên. "Cái tôi" cũng vậy, cũng sanh, diệt, như sự hợp tan của mọi tập hợp "duyên khởi", và đương nhiên là không có tự tánh trường cửu. Từ đó, đưa đến phá bỏ sự chấp ngã, khiến sống chết không còn đối tượng. Kinh điển Mật Tông cho rằng sau khi chết, nếu có tái sanh, thì chỉ là sự tái sanh của "cái tôi" ảo tưởng. Khi bước vào thế giới bên kia, một ánh sáng phi vật chất, không màu sắc, không thể diễn tả, gọi là ánh sáng nguyên thủy, hiện ra, và người chết phải ý thức rằng đó là ánh sáng của chính mình, rằng "cái tôi" là ánh sáng này, nếu không, thì ánh sáng ấy sẽ trở thành năm ánh sáng: trắng, xanh dương, vàng, đỏ, lục, lần lượt hiện đến cùng với năm vị Phật tương ứng nhường chỗ cho những ác quỷ vô cùng ghê rợn. Trước mỗi sự xuất hiện như thế, dù cho là Phật hay quỷ, người chết đều phải ý thức rằng đó chỉ là sự phản ảnh của "cái tôi". Nếu ý thức được như thế, thì "cái tôi" không còn hiện hữu như một cái gì biệt lập nữa, và sự tái sanh không còn đối tượng. Ngược lại, nếu người chết còn có ảo tưởng có một "cái tôi" khác với các vị Phật hay với các ông bà quỷ dữ ăn gan uống máu người kia, thì, hoặc anh ta sẽ rơi vào một cảnh giới tái sanh tương ứng với một vị Phật, hoặc sẽ kinh sợ trốn chạy đám ma quỷ đang làm những chuyện hãi hùng, rồi tùy theo nhân duyên tương hợp mà chui vào ẩn náu trong một cái túp cùng đê tái sanh thêm một chuyển nữa! Vậy, chỉ có ảo tưởng "cái tôi" là tái sanh mà thôi, chứ một khi đã đạt đến ý thức "vô ngã", thì chỉ còn có cuộc sống vĩnh cửu. Có thể nói Phật Giáo đã giải quyết vấn đề sanh tử bằng sự sống thường tại của Ý Thức Nguyên Thủy, nguồn của mọi hiện tượng, vượt ngoài thời gian và không gian.

Điều này có dễ dàng được thực sự chứng nghiệm bởi những con người bình thường như bạn đọc và tôi hay không? Có lẽ là không. Trong trường hợp ấy, Phật Giáo, đặc biệt là Thiền Tông, dạy một điều rất giản dị và thực tế: hãy tập trung vào hiện tại, sống từng giây lát, từng hơi thở, đừng thềm quan tâm đến những chuyện rắc rối, sanh tử luân hồi làm chi cho phiền phức. Khi được hỏi ông có tin thuyết tái sanh hay không? Thiền Sư Deshimaru nói: "tôi không hoàn toàn phủ nhận thuyết tái sanh, nhưng tôi không cho rằng tôi phải tin nó". Ông còn thêm: "chỉ có lúc này và bây giờ là quan trọng (...). Lúc này và bây giờ bao hàm cả thiên thu" (22). Nói cách khác, trong lý giải này, Phật Giáo đưa con người vào thiên thu bằng

cách tập trung tinh thần nơi mỗi giây lát của hiện tại, loại bỏ sự lo sợ trước cái lẽ vô thường của vấn đề sanh tử,

7. Vấn đề thất nghiệp và suy giảm khả năng tiêu thụ :

Vì giá trị của con người thời đại tùy thuộc khả năng tiêu thụ, nên thất nghiệp, hay nói chung là sự suy giảm khả năng tiêu thụ, trở thành mối ưu tư ám ảnh mọi người, có thể đưa đến những tình trạng tâm thần bệnh hoạn, rất khó điều trị. Người ta ước lượng ở Pháp có 38% số người thất nghiệp bị bệnh tâm thần, và 19% người thất nghiệp nghiện rượu. Tình trạng cạnh tranh rất căng thẳng trong thị trường công việc làm khiến cho không cần phải làm vào cảnh thất nghiệp, người ta cũng sống trong một trạng thái tâm lý què quặt, thường phải dựa vào thuốc men để tiếp tục sinh hoạt hàng ngày. Tại Singapore, thống kê cho biết có khoảng 40% người đi làm từng phải dùng thuốc an thần.

Trong lãnh vực này, Phật Giáo có thể đem lại những đóng góp đáng kể. Ngoài các lý thuyết đã nói ở trên, như vô thường, nhân quả, từ bi, v.v... giúp con người an phận trước nghịch cảnh đang hoặc có thể xảy đến, và tập trung vào nội tâm, vào hiện tại, hay vào sự giúp đỡ đồng loại, Đạo Phật còn dạy giảm bớt tiêu thụ, giảm bớt thèm thuồng, ham muốn, trong khi đề cao giá trị của sự làm việc, đặt niềm vui của cuộc sống trong việc hướng đến sự hoàn hảo của mỗi công việc mà mình đang làm. Thái độ này đưa đến một kết quả rất thực tế: khi anh bớt tiêu thụ, mà lại hăng hái làm việc, thì số tiền mà anh tiêu xài sẽ giảm đi, trong khi số tiền anh kiếm được lại có nhiều hy vọng tăng lên. Như thế, anh sẽ càng ngày càng tích lũy được nhiều tiền tiết kiệm, và với số tiền tiết kiệm đó, tương lai của anh sẽ an toàn hơn, anh sẽ bớt lo lắng, bớt những chứng bệnh do lo lắng sanh ra, và bớt... uống thuốc an thần !

8. Thái độ trước tranh chấp :

Khuyên hướng cá nhân chủ nghĩa khiến cho xã hội có nhiều sự cọ sát và va chạm hơn: hai khối thủy tinh lớn trong một cái tủ sẽ có ít sự va chạm và cọ sát hơn là hai trăm hòn bi nhỏ, dù cho tổng số lượng của hai trăm hòn bi này bằng trọng lượng của hai khối thủy tinh lúc đầu. Đây là một vấn đề gây nhiều căng thẳng nơi con người thời đại.

Sự giảng dạy của Phật Giáo giúp giữ được một thái độ bình thân ngay cả trong những lúc tranh chấp. Quan niệm "nhân duyên" khiến người học Phật luôn tìm hiểu những nguyên do đưa đến một tình trạng hay một hành động nào đó. Người kia làm quấy, nhưng, tại sao người ấy lại làm như thế? Đây là những nguyên do? Có phải do bối cảnh của đời sống hiện tại của anh ta? hay sự giáo dục của anh ta? hay một vấn đề tâm lý? một vấn đề trong quá khứ? hay một lý do nào khác trực tiếp hơn? Đặt những câu hỏi như vậy cũng chính là tự đặt mình vào chỗ của người khác, để tìm hiểu, và hướng đến một giải pháp. Thái độ ấy vừa vận dụng lý nhân duyên, mà cũng thể hiện tâm từ bi, và "bình đẳng quan". Thật vậy, với bình đẳng quan, bản chất của người chẳng khác gì bản chất của mình, dù cho người đó có độc ác cách mấy đi chăng nữa. Như thế, vấn đề chỉ còn là: tại sao người ấy cũng như tôi, cũng mang Phật tính như tôi, mà lại làm việc độc ác như vậy?" Với cách xử thế này, người ta tìm hiểu hơn là lên án, và thù hận, bực tức, nóng nảy, bốt sanh ra, sự cảm thông dễ tìm được, giải pháp tốt đẹp nhất cho cả đôi bên cùng dễ đạt đến hơn.

Người ta cũng tránh được những phê phán tuyệt đối nhờ ý thức, theo Phật Giáo, là mọi việc mà mình thấy, cảm thấy, hay suy tưởng ra, đều có thể không thật, không có nghĩa là không có. Không thật chỉ có nghĩa là không đúng như mình nhận định. Vì thế, mình luôn cần phải nhận định lại, luôn luôn chấp nhận thay đổi nhận định của mình. Bản thân mình cũng "không thật" (cái ngã không tự tánh), cho nên, không những các nhận định của mình thay đổi, mà bản thân mình cũng thay đổi, tùy nhân duyên. Thế thì còn gì để mà phê phán một cách tuyệt đối, khi mà sự phê phán, đối tượng bị phê phán cũng như chủ thể phê phán đều hư huyền ?

Hành động quá khích, bao lực, thường do phê phán một cách tuyệt đối. Vì thế, cách nhìn mọi sự kiện theo lý nhân duyên, cộng với ý thức về "giả tướng" của sự vật, như vừa nói, giúp đi đến một thái độ hòa nhã, khoan dung, quý trọng sự tìm hiểu, và nhất là tránh được bao lực, khiến cuộc sống bình thân hơn, đỡ căng thẳng khó chịu hơn.

9. Gia tăng hiệu năng trong công việc :

Thị trường công việc làm càng lúc càng nhiều cạnh tranh, khiến mọi người đều có nhu cầu phát triển khả năng của mình một cách tối đa, để tìm được việc làm, hay để khỏi mất việc. Phật Giáo cũng giúp ích được trong lãnh vực thực tế này. Trước hết là vì Phật Giáo có những phương pháp giúp tập trung tinh thần, và tăng cường trực giác. Đó là những yếu tố rất quan trọng cho hiệu năng của mọi công việc. Tập trung tinh thần, cũng như óc "nhân duyên" của nhà Phật, rất lợi cho việc phân tích. Trong khi đó, trực giác mạnh giúp ích nhiều cho việc nắm vấn đề một cách bao quát, tổng hợp. Kế đến, Đạo Phật luôn dạy tinh thần thực nghiệm, đi sát thực tế, hợp nhất lý thuyết với thực hành, óc "tinh tấn", không ngừng cố gắng, và tinh thần tự lực, không y lại nơi người khác. Tất cả đều thuận lợi cho sự tăng cường hiệu năng của mọi công việc. Sau hết, Phật Giáo, như đã nói, đem lại một giá trị tự thân cho công việc làm (bao gồm cả sự học hỏi), dạy tìm niềm vui trong sự hoàn hảo của mỗi việc mình đang làm. Tập trung vào hiện tại như thế sẽ giúp người ta bớt lo lắng cho kết quả của việc mình hiện làm, khiến tinh thần đỡ bị chi phối, và hiệu năng khởi bị giảm sút.

10. Áp dụng vào thực tế: Vấn đề phương pháp

Đa số các điều hay đẹp vừa được trình bày ở trên thực ra cũng đều vô hiệu nếu không đặt vấn đề phương pháp. Thật vậy, nói với một người đang lo lắng vì tiền bạc, vì bệnh tật v.v... rằng ông hay bà phải ý thức lẽ vô thường của sự vật, phải ý thức "ngũ uẩn giai không", phải biết "trụ vô trụ", "niệm vô niệm", hay phải lo tập trung vào cái "bản lai chân diện mục" của mình, chứ đừng lo lắng, thì chắc là sẽ chẳng có hiệu quả gì bao nhiêu! Còn nếu như thử nói với người thời đại những điều thực tế hơn, như phải tập trung tinh thần vào hiện tại, vào mỗi việc mình đang làm, phải bớt ham muốn, đòi hỏi, rồi phải hòa hoãn, tìm hiểu người khác, tránh giận dữ, bao lực, hay phải từ bi, thương người, nghĩ đến khổ đau của người mà quên bớt mình, v.v... thì trong đa số trường hợp, cũng sẽ chỉ được trả lời gọn ghẽ rằng: "những chuyện ấy tôi đều biết". Thật vậy, ai cũng biết là không nên nóng giận, thì làm sao? Ai cũng từng được nghe những lý lẽ rất xác đáng để đừng tham lam, nhưng người ta vẫn cứ tham lam, mà chúng ta lại có nhã ý khuyên bảo người ấy với những điều mà chúng ta nghĩ là "chân lý", thì rất có thể bệnh trạng người này sẽ càng nặng thêm, nhiều khi đi đến tự vẫn! Bệnh nhân sẽ bảo với chúng ta: "ông nói rất đúng, tôi biết vậy, nhưng tôi kém cỏi quá, không thể áp dụng những điều đó được". Chúng ta càng khuyên, người bệnh càng tự thấy mình quá "kém cỏi", quá "hèn hạ" trước những đạo lý cao siêu và vô cùng chí lý của chúng ta, và càng tự hạ giá trị của mình xuống tận bùn đen... Kể đi khuyên người khác thường trình bày sự khuyên nhủ của mình như những chuyện dễ dàng, đương nhiên ("cứ việc" thế này, "chỉ cần" thế nọ), mà quên rằng đó là những lý tưởng rất khó đạt đến, đòi hỏi trải qua nhiều giai đoạn chuyển tiếp trước khi có thể thực sự chứng nghiệm được. Tức là đòi hỏi phương pháp. Nếu không, thì sẽ chỉ đưa đến việc người khuyên càng lúc càng phồng to "cái tôi" của mình lên, trong khi "cái tôi" của người "được" khuyên thì lại càng lúc càng bị dè bẹp, dẫn đến tuyệt vọng...

Vì thế, vấn đề không phải là biết, mà là phương pháp để sống thực cái biết ấy. Chúng ta thường thấy nhiều vị trí thức, rất khoái bàn đến những chuyện như "vô trụ", "vô niệm", "vô tướng", "vô ngã", "sự vật là giả", "phải vượt nhị nguyên, đạt đến tuyệt đối", v.v... Trong đa số các trường hợp, những Vị đó chỉ lặp lại những gì các Tô Sư đã chứng nghiệm được sau một

thời gian tu tập rất công phu. Đó là chỗ đến của các chư Tổ. Điều quan trọng là con đường khởi từ chỗ đứng của mình, để đi đến chỗ của chư Tổ. Lập lại những điều mà các Ngài đã chứng nghiệm, khi chính mình chưa chứng nghiệm được, chỉ làm phỏng to "cái ngã" của mình. Nó chẳng ích lợi gì bao nhiêu, ngoài việc làm tăng thêm số trí thức bàn qua tán lại. Nói "vô ngã" khi chưa biết quay trở về cái "ngã" của mình để xem hình thù nó ra sao, bàn chuyện "tuyệt đối" khi chưa ý thức rõ được tính tương đối của sự vật (thí dụ vẫn cho các điều mình nói là tuyệt đối đúng!), đòi "giác tha" khi chính mình còn đầy mê lầm, thì sợ rằng đã rơi vào cái bẫy mà Lục Tổ từng thuyết mình qua câu: "kẻ nói không tu, người tu không nói". Trong Thập Nguru Đồ, sự thay đổi đầu tiên nơi con trâu, cũng chính là cái miệng (31) ... Vậy, đóng góp quan trọng nhất của Phật Giáo, theo ý tôi, không phải là những lý thuyết mà người ta có thể tìm thấy trong một số tôn giáo hay triết lý khác, mà là những phương pháp để thực sự "sống" những Đạo Lý đó. Nói từ bị, hay lắm, nhưng làm sao đạt đến tâm từ bị? Nói "vô ngã", được, nhưng làm sao đạt đến tâm vô ngã? Những điều ấy phải tự nhiên hiện lộ ra từ chiều sâu của tâm hồn, chứ không thể cưỡng ép nhét vào từ bên ngoài, bằng ngôn từ hoa mỹ. "Phương pháp" nói đến ở đây, là hành trình nội tâm để tìm lại những Đạo Lý ẩn tàng trong chiều sâu của mỗi người, thay vì <141> chạy theo những lý thuyết bên ngoài, dù cho những lý thuyết ấy có hay, đẹp, cách mấy đi chăng nữa.

Một điều khác cần nhấn mạnh là phương pháp phải dễ áp dụng đối với cả nhân thực hành nó, tức là phải khởi đi từ chỗ của người tập, chứ không phải từ một luận điểm trừu tượng nào đó của sách vở. Không thể đưa cho người mới vừa biết đàn được vài tuần một bản Sonata của Beethoven, rồi bảo với anh ta: "đây mới là nhạc hay, anh phải đàn bài này!". Ngược lại, phải để nghị anh ta gõ lóc cóc những âm giai vô vị, những bản nhạc vớ vẩn của trẻ con, trong nhiều tháng, nhiều năm, trước khi tập tới những bản nhạc thực sự giá trị. Tương tự như vậy, chỉ cho một người muốn học Thiền cách đếm hơi thở (sở tức), sẽ có ích hơn là giảng cho anh ta chuyện "vượt nhị nguyên" rất nhiều. Nếu quen tập trung tinh thần vào hơi thở, anh ta có thể quên được một số phiền muộn, đau óc thanh thân, đỡ bệnh tật. Sang một giai đoạn khác anh ta có thể tập trung tinh thần vào những gì mình muốn, và tăng hiệu năng của những gì mình đang làm, trong công xưởng, trong trường học, hay kể cả trong việc "vượt nhị nguyên", nếu thích!

Vấn đề tiếp theo là: nếu dạy người thời đại những phương pháp như vậy, thì sẽ có rất ít người chịu khó chuyên cần luyện tập. Họ không đủ ý chí, vì ý chí của họ đã được đầu tư vào bao nhiêu là chuyện khác. Còn đối với những người thực tâm có ý chí muốn tập thiền, thì họ cũng sẽ thất vọng khi nghe anh bảo rằng: "cứ đếm hơi thở!" (xin tiếp tục lấy thí dụ này). Lý do vì những người này thường đến với Thiền học để tìm những chuyện cao siêu, mà họ đọc được trong sách vở, chứ đâu thêm để tâm tới những điều bị coi là quá kém cỏi như "ngồi thẳng lưng đếm hơi thở" ? Họ sẽ cho anh là tầm thường, nếu anh không có một sức thuyết phục nào đó. Mặt khác, trong thời đại chúng ta, mặc dù Phật Giáo gặt hái được nhiều thiện cảm, nhưng không chắc là sẽ có nhiều người tìm đến Phật Giáo để học những phương pháp tu tập. Vậy, làm sao giải quyết được ba khó khăn: thiếu ý chí, thiếu tin tưởng, và người ta không tìm đến Phật Giáo?

Xin đề nghị vài suy nghĩ:

- Nếu người học có chủ ý tìm đến Phật Giáo, thì Người dạy cần có một địa vị nào đó để người học tin tưởng: thí dụ như là một vị Thượng Tọa, Đại Đức, hay một Cư Sĩ nổi tiếng trong lãnh vực Đạo học.

- Đối với những người đi tìm phương cách giải quyết các khó khăn tâm lý của mình, mà không đặc biệt nghĩ đến Phật Giáo, thì có nhu cầu làm ra hay hoàn chỉnh một số phương pháp trị liệu đến từ Phật Giáo. Chúng ta đều biết phần lớn các phương pháp "relaxation" hay "sophrologie" được áp dụng

trong Y Khoa đều mang nặng ảnh hưởng của Yoga (Yoga ở trình độ thấp). Có thể thích nghi hóa một số phương pháp hít thở, cử động, điều hòa tâm thần, từng được áp dụng trong Phật Giáo, với lợi điểm hơn các phương pháp Y Khoa hiện hữu, là có khả năng mở ra cho người tập một viễn tượng cao hơn, có thể tiến xa hơn, đạt đến những cõi mở tâm linh rộng lớn hơn. Tức là không chỉ dừng lại ở trị liệu, mà còn giúp tiếp tục thăng tiến. Trong trường hợp này, để cho người học tin tưởng, cần có nhãn hiệu khoa học, tức là được chỉ dạy bởi những bác sĩ hay chuyên gia về tâm thần, và được thử nghiệm trong các bệnh viện, hay trung tâm nghiên cứu danh tiếng.

- Vấn đề người học không có ý chí tập luyện chuyên cần (kinh nghiệm bản thân!) có thể bù đắp bằng một sự theo dõi khuyến khích thường xuyên. Không thể nói với người thời đại: "tôi dạy cho anh, rồi anh về nhà tự luyện" (như trong chuyện kiếm hiệp). Phải có phòng tập, bắt họ đến nhiều lần mỗi tuần, và ngồi đó hướng dẫn họ từng bước. Đừng mong họ tự nguyện tập ở nhà, ít ra là cho đến một trình độ nào đó.

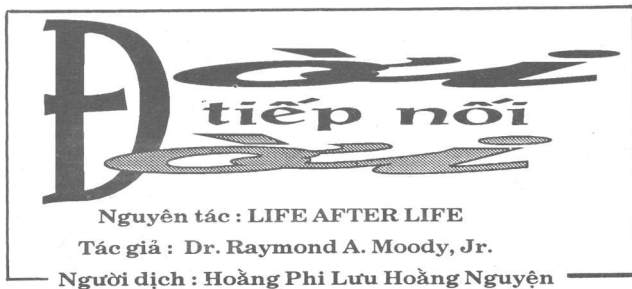
- Điều quan trọng hơn nữa là rất nhiều người sẽ không chịu tìm đến một phương pháp tập luyện kiểu Thiền quán, hay một phương pháp y khoa đến từ Phật Giáo, như vừa trình bày. Sở thích của họ ở chỗ khác. Vì thế, có nhu cầu bày ra nhiều con đường để người thời đại có thể đến với Phật Giáo (xin vẫn lấy thí dụ Thiền quán). Võ thuật chẳng hạn, có thể đưa đến sự luyện tập tâm thần, cho sáng suốt, cho khỏe mạnh, cho can đảm, chống mệt mỏi v.v... Tại sao không giúp sự luyện tập ấy vượt qua những mục đích vừa kể, để "đi tới, đi tới mãi" ? Và lại, phải chăng người học Võ vẫn thường coi Nguyên Tổ Đạt Ma của Thiền Tông cũng là Tổ Sư của họ? Người ta cũng có thể đi đến Thiền Học bằng Khí Công. Muốn tập Khí Công, phải qua các giai đoạn điều thân, điều khí, tinh thần, giải trừ tạp niệm, thổ cố nạp tân v.v... không khác gì người tập Thiền. Quan điểm của riêng tôi là Khí Công phần nào tương ứng với sự áp dụng "Lục Diệu Pháp Môn" của Thiền Học ở các giai đoạn "Chi" và "Quán" (23). Hiện rất nhiều người khoái tập Khí Công. Tại một số quốc gia Á Châu, Khí Công đang được đại chúng hóa, nhất là các môn "động công". Nét đặc Khí Công trong một tiến trình không chỉ dừng lại ở việc quán tưởng hơi thở và các kinh mạch trong thân thể, thì đó chính là một con đường để đi vào Phật Giáo, và là một cách để Phật Giáo đi đến đại chúng.

- Một vấn đề tế nhị là sự truyền thừa Phật Giáo đến tu sĩ và tín đồ của các tôn giáo khác. Như đã nói ở phần dẫn nhập, Phật Giáo có thể giúp ích cho những người này trong sự tu hành và sống thực niềm tin của họ. Trong trường hợp này, Phật Giáo phải được quan niệm đơn thuần dưới khía cạnh phương pháp. Tức là không có giáo điều, chỉ có phương pháp. Có thể nói: muốn tìm bất cứ gì, thì điều kiện tiên quyết là phải nhìn được cho rõ. Tìm Chúa cũng vậy. Nếu anh muốn tìm đến Chúa, mà tâm thần anh không yên ổn, cứ mãi giao động, như mặt ao bị khuấy đục, khiến sự thấy của anh không được rõ ràng, thì anh sẽ rất khó thấy Chúa. Khi đó, cùng với sự cầu nguyện để xin cho mình được sáng suốt, tức dùng tha lực, anh có thể mượn trong Phật Giáo những phương pháp để tự lực làm cho tâm hồn anh lắng xuống, để anh nhìn rõ hơn, tìm đến Chúa dễ dàng hơn...

Để kết thúc phần này, tôi xin một lần nữa nhấn mạnh đến khía cạnh phương pháp trong Phật Giáo. Đức Phật đã nhiều lần từ chối bàn đến những vấn đề trừu tượng, để hướng vào thực tế. Thực tế, ở thời đại chúng ta, là giúp giải quyết các vấn đề thực tế của con người thời đại. Muốn thế, phải có những phương pháp để thực hiện giúp họ thoát được phần nào những nỗi khổ của họ, mà ta có thể quy kết vào hai căn bệnh chính, là: lo lắng, và buồn chán.

Đi vạn dặm, là khó, bước một bước, là dễ. Nhưng muốn đi vạn dặm cũng phải bước từng bước. Cho nên, đừng quên phương pháp hay, chính là phương pháp để thực hành.

(còn tiếp)



CHƯƠNG II KINH NGHIỆM LÚC LÂM CHUNG (Tiếp theo)

N. NHỮNG QUAN NIỆM MỚI VỀ SỰ CHẾT

Như ta có thể mong mỗi một cách hữu lý, kinh nghiệm lúc lâm chung đã ảnh hưởng sâu đậm đến thái độ của người này đối với sự tử vong, đặc biệt cho những ai trước kia chưa từng hy vọng chuyện gì xảy ra sau khi chết. Dù dưới hình thức này hay hình thức nọ, hầu như tất cả đều cho tôi biết chẳng ai còn sợ chết nữa. Tuy nhiên điều này cần được nói rõ. Trước hết có một số cách chết không được ai ưa. Kể đó, chẳng ai trong số này đã tích cực đi tìm cái chết. Tất cả cảm thấy họ còn những nhiệm vụ phải làm, bao lâu còn sống ở thế gian, và hẳn đồng ý với lời một người đã bảo tôi: "Minh còn biết bao chuyện thay đổi phải làm trước khi từ giã cõi đời". Cũng vậy, tất cả đều phủ nhận việc tự tử là một phương cách đưa họ trở về cảnh giới từng thoáng thấy nơi ngưỡng cửa tử sinh. Chính cái trạng thái chết giờ đây cũng không còn là điều cấm kỵ đối với họ. Xin hãy đọc vài đoạn để hiểu rõ những thái độ đó:

1. "Tôi cho rằng kinh nghiệm này đã tạo tác chi đó trong cuộc đời tôi. Khi sự việc xảy ra, tôi chỉ là một đứa bé, mới có 10 tuổi, nhưng nay mình đi gần trọn đường đời. Tôi hoàn toàn tin tưởng có sự sống sau khi chết, chẳng nghi ngờ gì ráo, và tôi đâu sợ chết. Tôi biết vài người quen rất sợ chết. Tôi luôn mỉm cười một mình lúc nghe thiên hạ ngờ vực về việc có kiếp sau hoặc bảo rằng: "Khi bạn chết, thế là hết". Tôi tự nhủ: "Họ thực chẳng biết gì".

Có nhiều việc từng xảy đến trong đời tôi. Khi làm ăn, có kẻ đã rút súng chia vô mạng tang tôi. Điều đó chẳng làm tôi hoảng sợ lắm vì thiết nghĩ: "Ồ, nếu mình phải chết, nếu họ thực sự giết mình, mình biết rồi ra sẽ còn sống ở một nơi nào đó".

2. "Hồi còn nhỏ tôi hay sợ chết. Ban đêm giật mình thức giấc tôi thường khóc la và ngất đi. Cha mẹ tôi phải chạy sang xem chuyện gì xảy ra. Tôi bảo là tôi chẳng muốn chết, nhưng tôi biết tôi phải chết và yêu cầu cha mẹ làm sao ngăn chặn lại. Mẹ tôi chuyện vãn với tôi: "Không thể được, con ơi! Đó là lẽ thường, hề có sinh thì có diệt, và ai cũng phải chết". Bà còn nói tất cả chúng ta đều phải làm điều đó một mình. Khi đã đến lúc thì ai cũng làm được một cách suông sẻ. Sau khi mẹ tôi qua đời được mấy năm, tôi thường nói chuyện tang tóc với vợ tôi. Tôi vẫn còn sợ chết. Tôi không muốn nó xảy đến.

Nhưng từ lúc kinh qua ngưỡng cửa tử sinh, tôi hết sợ rồi. Những cảm giác đó đều tan biến. Tôi chẳng còn thấy khó chịu khi dự đám tang. Tôi còn mừng cho họ phần nào, vì tôi biết người chết trải qua những gì.

Tôi tin rằng Chúa ắt hẳn đã gửi kinh nghiệm này cho tôi vì cách lối tôi cảm nghĩ về sự chết. Dĩ nhiên cha mẹ tôi đã trấn an tôi, song Chúa chỉ rõ cho tôi, bởi cha mẹ tôi chẳng thể làm được như vậy. Hiện tôi thôi nói về chuyện đó, nhưng tôi biết và tôi hoàn toàn thỏa mãn".

3. "Giờ mình chẳng sợ chết. Điều đó không có nghĩa là mình mong chết hoặc muốn chết liền bây giờ. Lúc này mình chưa muốn sống ở thế giới bên kia, bởi còn phải sống ở đây. Tại sao mình không sợ chết? Vì mình biết sẽ phải đi về đâu khi lia dương thế, bởi đã từng đến đó rồi mà!".

4. "Điều cuối cùng mà Đấng Từ Quang nói với tôi trước khi tôi nhập trở vô xác và hồi dương, chung quy là Ngài sẽ trở lại. Ngài bảo rằng tôi sẽ tiếp tục sống, nhưng sẽ đến lúc Ngài lại tiếp xúc với tôi, và bây giờ tôi mới thực sự ra đi.

Cho nên tôi biết Đấng Từ Quang sẽ trở lại với cả tiếng nói, nhưng khi nào thì chưa rõ. Thiết nghĩ nó cũng sẽ là một kinh nghiệm tương tự, song tốt đẹp hơn. Thật vậy, từ nay tôi biết mình mong chờ điều gì và sẽ chẳng bối rối như thế nữa. Dù sao tôi không nghĩ là mình muốn sớm trở về bất cứ lúc nào. Tôi vẫn còn muốn làm một số việc dưới này".

Đọc những đoạn vừa trích, ta thấy sau khi hồi dương họ hết sợ chết, bởi chẳng còn nghi ngờ chi về sự tồn tại sau khi thể xác chết. Đối với họ, điều này không còn là một khả-hữu trừu tượng, mà là một kinh nghiệm thực chứng.

Chắc quý vị còn nhớ ban đầu tôi đã thảo luận về quan niệm "hủy diệt", họ dùng chữ "ngủ" và "quên lãng" để mô phỏng sự chết. Những ai đã "chết" đều phủ nhận các kiểu mẫu đó, mà cho rằng chết tương tự như sự chuyển tiếp từ trạng thái này sang trạng thái khác hoặc như lên một trình độ trí thức hay hiện hữu cao hơn. Một bà khi chết đã được thân nhân quá cố đón mừng, bà đã ví cái chết như một sự "về quê". Người khác lại cho đó là những trạng thái tâm lý tích cực như sự tỉnh thức (awakening), sự tốt nghiệp, đạt một trình độ nào đó (graduating) hoặc sự thoát vòng lao lý.

1. "Có người cho rằng ta không dùng chữ "chết" vì ta đang cố vượt thoát nó. Theo tôi thì không đúng. Khi bạn có được kinh nghiệm như tôi, bạn tự biết chết không phải như thế. Chết là tiền từ bậc này sang bậc khác, tương tự như từ tiểu học lên trung học rồi cao đẳng".

2. "Cuộc sống có thể ví như sự giam cầm. Ở trạng thái đó, ta nào biết thân thể này là ngục tù. Chết chính là sự giải thoát, giống như vượt ngục. Đó là hình ảnh khá trung thực mà tôi có thể nghĩ ra để so sánh".

Ngay đối với những ai từng có các đỉnh ninh theo tập quán về bản chất của thế giới bên kia, dường như họ cũng phần nào xa lìa các đỉnh ninh đó, sau khi va chạm với cái chết. Thực vậy, trong tất cả các báo cáo tôi có, không một ai vẽ bức tranh huyền thoại của kiếp sau. Chẳng ai mô tả cảnh thiên đường với công đàn châu, đường trải vàng và thiên thần có cánh đang chơi đàn harp, hoặc cảnh địa ngục với lửa đỏ, quỷ sứ cầm đinh ba.

Như vậy, trong phần lớn các trường hợp, họ đã từ bỏ hoặc phủ nhận mô hình Thường - Phạt của kiếp sau, ngay cả những người thường quen suy nghĩ với những thuật ngữ đó. Họ rất ngạc nhiên khi thấy rằng ngay cả lúc những hành vi khùng khiếp, tội lỗi nhất của họ được trình chiếu trước Đấng Từ Quang, Ngài đã đáp lại không phải bằng giận dữ, tức tối mà là sự cảm thông, có khi còn pha chút hóm hỉnh. Như có một bà đã cùng với Đấng Từ Quang xem lại đi vãng, thấy vài cảnh trong đó bà chẳng biểu lộ lòng từ bi mà chỉ có bụng dạ ích kỷ. Tuy thế bà nói:

"Thái độ của Ngài ngay cả khi chúng tôi xem các cảnh đó như là tôi đang học hỏi". Thay thế mô thức cũ, phần đông dường như có được một mô thức mới, một kiến thức mới về thế giới bên kia, một cảnh tượng không phải là sự phán xét đơn phương, mà là sự hợp tác phát triển để tiến đến mục đích tối hậu: Sự tự phát triển năng khiếu bản thân. Theo quan điểm mới này, linh hồn không bị cái chết ngăn chặn phát triển, đặc biệt là khả năng tâm linh của tình thương và trí thức (Chú thích: Theo người dịch có thể hiểu là Từ bi, Trí tuệ ở mức độ cao hơn). Trái lại, sự phát triển vẫn tiếp tục ở bên kia thế giới, có lẽ đến

bất tận. Và dĩ nhiên nếu ta còn mang nặng hình hài thì chỉ phát triển trong một khoảng thời gian cũng như tới mức độ mà ta có thể thấy được "xuyên qua tấm kính, một cách mật mờ".

O. SỰ CHỨNG THỰC

Câu hỏi dĩ nhiên được nêu ra là liệu có chứng cứ về thực trạng kinh nghiệm phút lâm chung được thu thập độc lập với việc kể lại chuyện hồi dương? Nhiều người báo cáo đã xuất khỏi xác trong một khoảng thời gian khá lâu và đã chứng kiến nhiều biến cố thuộc thể giới vật chất. Ta có thể nào kiểm chứng những báo cáo đó với các nhân chứng hiện diện hoặc với các biến cố được xác nhận sau này, để có thể kiểm chứng? Trong khá nhiều trường hợp, câu trả lời làm ta ngạc nhiên đôi chút, là "CÓ". Hơn thế nữa, quả thật dễ kiểm chứng những sự việc được kể là đã trông thấy lúc xuất hồn. Thí dụ có nhiều vị bác sĩ nói với tôi là họ hoàn toàn không hiểu vì sao các bệnh nhân chẳng có lấy một chữ kiến thức y khoa lại có thể mô tả chính xác và đầy đủ chi tiết việc cấp cứu hồi sinh, trong khi đó các bác sĩ đều biết bệnh nhân đã "chết".

Ở nhiều trường hợp, họ cho tôi biết là đã làm các bác sĩ và những người khác ngạc nhiên khi họ thuật các sự việc xảy ra mà họ thấy được lúc hồn lìa khỏi xác. Chẳng hạn một cô gái trong cơn hấp hối đã xuất hồn, bay sang phòng bên cạnh cũng ở trong bệnh viện, thấy chị mình đang khóc than: "ôi, Kathy ơi, em đừng chết, xin em đừng chết!". Sau này, khi nghe Kathy thuật lại đúng thực khi đó chị đang ở đâu và nói những gì, người chị rất đỗi lạ lùng. Trong hai giai đoạn sau đây, ta thấy những chuyện tương tự như vậy:

1. "Sau khi mọi việc đã qua, bác sĩ bảo là tôi đã bị nguy kịch. Tôi đáp: "Vâng, tôi biết!" Ông bèn hỏi: "Ồ, anh biết những gì nào?". Tôi đáp: "Minh có thể kể mọi việc đã xảy ra". Ông ấy không tin nên tôi phải kể đầu đuôi câu chuyện, từ lúc tắt thở cho đến khi hồi tỉnh. Bác sĩ rất sững sờ khi thấy tôi rõ cả mọi việc. Ông chẳng biết nói sao, song đã nhiều lần trở lại gặp tôi và hỏi những điều khác liên quan đến chuyện đó".

2. "Lúc tỉnh dậy sau tai nạn, tôi thấy cha tôi ở đó, tôi chẳng buồn hỏi thân thể tôi giờ ra sao, có mệnh hệ gì không, hoặc các bác sĩ nghĩ gì. Tôi chỉ muốn nói về kinh nghiệm tôi vừa trải qua. Tôi kể cha nghe những ai đã kéo tôi ra khỏi tòa nhà, màu quần áo họ mặc, họ đem tôi ra như thế nào và hầu như trọn vẹn các lời đối đáp ở đó. Cha tôi bảo: "Ồ phải, các việc đều đúng hết". Tuy nhiên lúc bấy giờ tôi bất tỉnh, làm sao nghe thấy mọi điều nếu chẳng phải đã xuất hồn?".

Sau hết, trong một ít trường hợp, tôi có thể tìm được chứng cứ độc lập của những người khác về biến cố cần xác chứng. Khi đánh giá các báo cáo riêng rẽ này, tôi gặp một số trở ngại. Trước hết, trong phần lớn các trường hợp, biến cố cần kiểm chứng chỉ có thể được chứng nhận bởi chính người chết hụt hoặc nhiều nhất là ở vài thân hữu. Thứ đến, ngay cả trong những trường hợp đặc biệt được xác chứng đầy đủ mà tôi có, tôi đã hứa giữ kín danh tánh. Cho dù được phép, tôi không nghĩ là các câu chuyện được kiểm chứng này có thể là bằng cứ, bởi các lý do tôi sẽ giải thích ở chương cuối. Chúng ta đang đến phần cuối bài nghiên cứu về những giai đoạn và biến cố thông thường nhất của phút lâm chung. Để kết thúc chương này, tôi muốn ghi lại một bài tường thuật tuy dài song bao gồm nhiều yếu tố đã thảo luận. Ngoài ra nó còn có một chi tiết chưa được đề cập đến: Đấng Từ Quang báo trước cho đương sự về cái chết sắp xảy ra, nhưng sau đó lại để anh sống.

"Vào lúc chuyện xảy ra, tôi bị suyễn và khí thủng (emphysema) trầm trọng, tôi giờ vẫn còn bệnh. Một hôm tôi lên con ho và một cái đĩa ở phần dưới xương sống bị vỡ. Trong mấy tháng trường, tôi chạy chữa nhiều bác sĩ, cuối cùng họ giới thiệu tôi đến bác sĩ giải phẫu thần kinh Wyatt. Ông khám bệnh và bảo tôi phải nhập viện ngay, nên tôi vào nhà thương để họ chữa trị.

Bác sĩ Wyatt biết tôi bị bệnh hô hấp nặng, nên mời một chuyên viên về phổi đến. Ông này bảo là bác sĩ chuyên viên gây mê tên Coleman sẽ được tham khảo ý kiến trong trường hợp cần gây mê cho tôi. Vị chuyên viên phổi này chăm sóc tôi gần ba tuần, cuối cùng mang tôi đến cho bác sĩ Coleman. Rồi ông đồng ý ngày thứ hai, dù ông rất lo ngại. Họ trừ tính giải phẫu vào thứ sáu tới. Tôi thứ hai tôi đi nghỉ và ngủ được cho đến sáng sớm thứ ba, thức giấc vì quá đau. Tôi trở mình để nằm thoải mái hơn, nhưng chính lúc đó Đấng Từ Quang xuất hiện ở góc phòng ngay dưới trần nhà. Đó chỉ là một quả cầu ánh sáng, không lớn lắm, đường kính độ ba bốn tấc. Khi ánh sáng hiện ra, một cảm giác bao trùm lấy tôi. Tôi chẳng thể nói đây là một cảm giác kỳ quái, bởi không phải thế. Một thứ cảm giác hoàn toàn an lạc, thoải mái. Tôi thấy từ trong ánh sáng một bàn tay thò xuống tôi và ánh sáng bảo: "Hãy đi theo ta. Ta chỉ cho anh xem cái này". Do đó tôi không ngần ngại, lập tức đưa tay với. Tôi có cảm giác được nhắc bổng lên và rời khỏi thân. Khi nhìn xuống, tôi thấy xác nằm đó, trên giường, trong lúc tôi đang bay lên trần nhà.

Lúc ấy, vừa lìa khỏi xác, tôi có hình dạng tương tự ánh sáng. Tôi có cảm tưởng (và tôi sẽ phải dùng chữ của tôi để diễn tả, vì chưa hề nghe ai nói những chuyện như thế) rằng hình thể này là một linh hồn. Đây không phải là một cơ thể mà tựa hồ như khói sương. Nó giống một vầng khói thuốc lá rực sáng khi bay lơ lửng quanh đèn. Hình thể của tôi cũng có màu sắc: Cam, vàng và một màu nữa dường như là xanh chàm. Hình dạng của hồn không rõ rệt như thân xác người. Nó hơi tròn song có thể bảo là có tay. Tôi biết điều này khi ánh sáng đưa tay xuống và tôi đưa tay lên: Tuy nhiên cánh tay thật của xác tôi vẫn còn nằm dưới kia, trên giường, dọc theo thân. Sau khi được kéo lên đến vị trí của ánh sáng, chúng tôi bắt đầu di chuyển xuyên qua trần nhà và tường bệnh viện, bay suốt dọc hành lang, xuyên qua nhiều tầng lầu, xuống đến tầng dưới. Chúng tôi chẳng gặp khó khăn lúc di xuyên qua cửa hoặc vách. Khi chúng tôi đến gần thì chúng như tan biến.

Trong khoản thời gian đó, dường như chúng tôi di động. Tôi biết điều này, tuy nhiên không có cảm giác về vận tốc. Và trong khoảnh khắc, đúng hơn là ngay tức khắc, thực vậy, tôi biết đã đến phòng hồi lực của bệnh viện. Bấy giờ tôi đâu biết phòng ấy chỗ nào, thế mà chúng tôi đã đến đó, cũng lại ở góc phòng, gần trần nhà. Tôi thấy các bác sĩ, y tá mặc đồ xanh đi đi lại lại, thấy cả những giường ở đó.

Rồi Đấng Từ Quang bảo tôi (chỉ cho tôi): "Anh sẽ xuống đây. Khi khiêng anh khỏi bàn mổ, họ sẽ đặt anh trên giường kia, song anh sẽ chẳng bao giờ tỉnh dậy. Anh sẽ mê man sau khi vào phòng mổ cho đến lúc ta trở lại mang anh đi ít lâu sau đó". Tôi không thể bảo là đã nghe tiếng nói, vì nếu là tiếng nói tất nhiên những người khác trong phòng hẳn nghe được, song họ đâu có nghe. Một ấn tượng mãnh liệt đến với tôi, nó thật sống động khiến không thể cho rằng tôi chẳng nghe hoặc chẳng cảm thấy. Điều đó hiển nhiên rồi.

Và những gì tôi thấy, thật quả dễ nhận ra khi tôi ở dạng linh hồn. Tôi tự hỏi: "Người muốn chỉ cho tôi cái gì?". Và tức khắc tôi biết ý nghĩ của Người. Không có gì phải nghi ngờ.

Đó là chiếc giường kia, phía bên phải, ngay khi anh từ hành lang bước vào, tôi sẽ nằm đó và Người mang tôi đến đây với chủ đích: Người không muốn tôi hoảng sợ khi đến lúc hồn tôi lìa khỏi xác. Người muốn tôi biết cảm giác đó như thế nào. Người có ý định trấn an tôi, bởi lẽ Người sẽ không có mặt tại đây ngay tức khắc, tôi sẽ phải trải qua nhiều điều, tuy nhiên Người vẫn giám sát mọi diễn tiến và sẽ đến với tôi vào lúc cuối.

Khi tôi theo Người đến phòng hồi lực và trở nên một linh hồn thì lập tức chúng tôi như hội nhập làm một. Tuy vậy chúng tôi vẫn là hai. Lúc nào Người cũng hoàn toàn kiểm soát mọi thứ. Ngay cả khi chúng tôi xuyên tường, trần nhà, dường như

chúng tôi quan hệ mật thiết với nhau đến nỗi chẳng có chi trở ngại.

Tôi lại cảm thấy an lạc, thanh tịnh chưa bao giờ được hưởng như vậy.

Khi báo xong, Người mang tôi trở về phòng cũ. Tôi lại thấy xác mình vẫn nằm ở tư thế trước khi rời phòng, rồi lập tức tôi nhập vào thân. Tôi đoán là đã xuất hồn độ năm hay mười phút, song thời gian không đáng chi đến kinh nghiệm đó. Thực vậy, tôi không nhớ lúc ấy có bao giờ nghĩ đến thời gian.

Chuyện này khiến tôi bàng hoàng, nó đến thật bất ngờ. Nó linh động, hiện thực hơn là chuyện hằng ngày. Sáng hôm sau, tôi chẳng chút sợ hãi. Khi cạo râu, tôi thấy tay chẳng còn run như tám tuần lễ gần đây. Tôi biết mình sắp chết, nhưng không hoảng sợ hoặc nuối tiếc. Tôi chờ hề nghĩ: "Minh phải làm gì để không cho việc đó xảy ra? Tôi đã sẵn sàng."

Đền chiều thứ năm (và sáng hôm sau thì mỗ) tôi ở trong phòng bệnh viện và lo âu. Vợ chồng tôi có nuôi một đứa cháu làm con, chúng tôi có chuyện lời thề với nó. Nên tôi quyết định viết cho nhà tôi một lá thư, cho con tôi một lá, nói rõ những điều mình lo, rồi cất giấu thế nào để họ chỉ tìm thấy sau cuộc giải phẫu. Khi viết cho nhà tôi độ hai trang, khôn cầm được nước mắt, tôi thôn thức khóc. Tôi cảm thấy như có ai hiện diện, ban đầu nghĩ có lẽ mình khóc lớn quá khiến y tá chạy vào. Nhưng tôi đâu nghe tiếng mở cửa. Tôi lại thấy sự hiện hữu đó, song lần này chẳng thấy ánh sáng. Rồi tư tưởng hoặc lời nói lại đến với tôi như trước. Người bảo: "Anh Jack này, sao lại khóc thế? Ta tưởng anh thích ở với ta". Tôi nghĩ: "Thưa vâng, tôi thích. Tôi rất muốn ra đi". Và giọng nói lại bảo: "Vậy sao khóc?". Tôi đáp: "Tại chúng tôi có chuyện buồn phiền với thằng cháu. Tôi e nhà tôi không thể dưỡng dục nó. Tôi đang viết cho bà những cảm nghĩ và những gì tôi muốn bà làm cho nó. Tôi cũng lo âu khi nghĩ rằng sự có mặt của tôi có thể ổn định đời sống nó".

Rồi tôi tiếp được tư tưởng: "Vì anh nghĩ đến người khác, yêu cầu cho người khác chứ chẳng phải cho Jack, ta sẽ ban cho điều anh ước. Anh sẽ sống cho đến khi đứa cháu trưởng thành". Rồi thì hết. Tôi thôi khóc, thủ tiêu lá thư để vợ tôi không thể tình cờ bắt được.

Chiều hôm đó bác sĩ Coleman vào cho biết ông ngại có nhiều khó khăn khi gây mê cho tôi, và tôi chợt ngạc nhiên khi thức dậy thấy có nhiều dây, ống, máy móc quanh tôi. Tôi chỉ gạt đầu, bảo sẽ hợp tác. Tôi chẳng kể cho nghe những gì đã kinh qua.

Sáng hôm sau, cuộc giải phẫu kéo dài song tốt đẹp. Khi tỉnh lại, thấy bác sĩ Coleman đang ở đó với tôi. Tôi nói: "Tôi biết rõ hiện mình đang ở đâu". Ông hỏi: "Anh đang nằm giường nào?". Tôi đáp: "Giường đầu tiên bên tay phải ngoài cửa bước vào". Ông bật cười, dĩ nhiên cho rằng tôi vẫn còn bị ảnh hưởng của thuốc mê. Tôi muốn kể những gì đã xảy ra, nhưng lúc đó bác sĩ Wyatt bước vào nói: "Anh ta tỉnh rồi. Bác sĩ có cần chi?". Bác sĩ Coleman đáp: "Tôi chẳng thể làm gì ráo. Chưa bao giờ tôi ngạc nhiên đến thế. Tôi ở đây với toàn bộ dụng cụ sẵn sàng, nhưng anh ta có cần đến đâu". Bác sĩ Wyatt nói: "Phép lạ vẫn còn xảy đến, ông a".

Khi có thể ngồi dậy trên giường và nhìn quanh phòng, tôi thấy mình đang nằm ngay chính cái giường mà Đấng Từ Quang đã chỉ tôi từ nhiều ngày trước.

Chuyện xảy ra đã ba năm rồi, nhưng vẫn sống động như mới đây.

Đó là điều kỳ quặc nhất xảy ra đến cho tôi và gây một sự khác biệt lớn. Tôi chỉ kể cho nhà tôi, anh tôi, vị Mục Sư của tôi và giờ đây cho ông nghe mà thôi. Tôi không biết phải nói thế nào, thực khó mà giải thích.

Tôi không muốn gây xúc động nơi ông cũng như không muốn khoe khoang, khoe lạc. Có điều là kể từ đó, tôi không còn nghi ngờ gì nữa. *Tôi biết là có sự sống sau khi chết.*

TÔN GIÁO SỰ PHÊ BÌNH CỦA PHẬT GIÁO

ĐỐI VỚI CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA

. Thích Trí Chơn

Thái độ của các nhà lãnh đạo Phật Giáo tại Miến Điện không giống các quốc gia khác vì Miến Điện có chung biên giới với Trung Hoa Cộng Sản. Miến Điện cảm thấy dễ bị cộng sản xâm nhập. Cho nên các tổ chức chống Cộng khẩn cấp cần thiết đối với Miến Điện hơn Tích Lan là quốc gia không trực tiếp bị đe dọa bởi Trung Cộng. Tại Miến Điện, các tổ chức Phật Giáo mặc dù ủng hộ chủ nghĩa xã hội và lý tưởng an sinh của quốc gia nhưng họ vẫn chống đối cộng sản chủ nghĩa trên mặt lý thuyết. U Nu, Cựu Thủ Tướng Miến Điện, trong nhiều bài diễn văn của ông đã lên án cộng sản là kẻ thù chính của Phật Giáo.

Bởi vậy một trong những lý do thành lập "Cơ quan Phật Giáo Trung ương" (Buddhist Central Organization) cho toàn quốc Miến Điện là nhằm chống lại sự xâm nhập của chủ nghĩa cộng sản duy vật vào xứ này. Trong bài diễn văn đọc trước Quốc Hội ngày 3.10.1950, U Nu đã trình bày đạo luật nhằm thành lập cơ quan Phật Giáo Trung ương này, ông nói: "*Đại hội kết tập kinh tạng Phật Giáo lần thứ sáu có trách nhiệm gửi những phái đoàn truyền bá chánh pháp ra ngoại quốc như các quốc gia khác đã gửi những đoàn truyền bá Phật Giáo của họ đến Miến Điện xưa kia. Công tác khác của đại hội là chống lại những âm mưu của chủ thuyết muốn tiêu diệt nền tảng Phật Giáo của chúng ta. Những ý đồ đen tối của họ thực khó cho chúng ta có thể chấp nhận và các mưu toan của họ thực là xấu ác.*"

Nhiều cơ quan tuyên truyền của Cộng Sản đã nêu lên câu hỏi nghi ngờ về sự toàn trí, toàn giác của đức Phật và chế nhạo không tin điều ấy. Tệ hại hơn nữa là họ đã phi báng cho rằng hình ảnh đức Phật không vĩ đại bằng tổ chức Các Mác (Karl Marx).

Cho nên, một trong những việc làm của đại hội này là tìm cách chống lại trên lãnh vực trí thức về những âm mưu đen tối đó của cộng sản. Cần phải đánh tan mọi nghi ngờ về sự toàn giác của đức Thế Tôn.

Chúng ta cần giải thích cho mọi người hiểu đúng nghĩa của danh từ toàn trí là gì. Khi người cộng sản bảo rằng tổ Các Mác của họ có đại trí tuệ, chúng ta không thể nào chấp nhận được. Và khi họ phi báng đức Phật là đấng mà tất cả chúng ta đều kính ngưỡng và tôn thờ cũng như họ đã vô liêm sỉ bảo rằng đức Phật không có trí tuệ bằng tổ Các Mác (Karl Marx).

Cho nên bốn phận của chúng ta là phải hạ bệ ông Các Mác xuống. Và trách nhiệm của người Phật tử là nên trả lời cho các nhà lãnh đạo Cộng Sản biết rằng kiến thức và trí tuệ của ông Các Mác không bằng một phần mười hạt bụi rơi ở dưới chân đức Phật vĩ đại của chúng ta. Soạn thảo đạo luật này, chúng tôi chỉ mong quý vị lưu tâm đến vấn đề bằng cách nào để chúng ta có thể ngăn chặn và chống lại

một cách hiệu quả chủ thuyết Cộng Sản đang tiêu diệt tôn giáo khắp nơi trên thế giới".

Cùng chung mục tiêu chống Cộng này là hoạt động của Hội Truyền Bá Phật Giáo Thế Giới (Buddhist World Mission) tại Rangoon (Miền Điện).

Vị sáng lập và Chủ tịch của Hội là nhà Sư Anagarika P. Sugatananda tức ông Francis Story, một Phật tử Hoa Kỳ. Trong cuốn sách "Phật Giáo trả lời chủ nghĩa Mác Xít" (Buddhism Answers the Marxist Challenge) ông trình bày Phật Giáo và Cộng Sản chủ nghĩa hoàn toàn đối nghịch nhau trên cả hai mặt lý thuyết lẫn thực hành. Cùng với chủ đề chống Cộng trên, nhiều bài viết của ông đã được đăng trên tạp chí "Ánh Sáng của Phật Pháp" (The Light of the Dhamma), tiếng nói chính thức của Hội Truyền Bá Phật Giáo Thế Giới.

Các nhà lãnh đạo Miền Điện đã nhiều lần tuyên bố rằng chủ nghĩa Cộng Sản là kẻ thù nguy hiểm của Phật Giáo. Thượng Tọa U.Kelatha, nhà sư kiêm triết gia, trong tạp chí "Người Miền Điện" (The Burman) số phát hành ngày 31.7.1949 đã viết rằng chủ nghĩa Mác-Xít (Marxism) là mối đe dọa thường xuyên đối với Phật Giáo vì nền tảng duy vật biện chứng của nó đã phá hủy giáo pháp căn bản của đức Phật. Báo chí Phật Giáo tại Miền Điện đã luôn luôn đề cập đến vấn đề cho rằng chủ nghĩa duy vật ở Tây Phương, đặc biệt trong lý thuyết Mác Xít phải chịu trách nhiệm về sự ác cảm đối với Phật Giáo của những người thuộc giới trẻ Miền Điện.

Chúng tôi có thể dẫn chứng kể nhiều trường hợp như thế đã xảy ra trong số đông những người Phật tử Miền Điện. Chúng tôi xin trích dẫn ở đây một đoạn trong bài thuyết trình của ông U Chan Htoon đọc trước đại hội quốc tế về tự do tôn giáo tổ chức tại Chicago năm 1958: *"Tôi muốn nhấn mạnh rằng trên thế giới hiện nay Phật Giáo là tôn giáo đã chống đối duy vật chủ nghĩa. Vì học thuyết duy vật chủ trương vật chất sinh ra tinh thần, nhưng Phật Giáo dạy rằng vạn vật đều do tâm con người tạo ra, nghĩa là tâm có trước vật. Tôi mong rằng điều này cần được nói rõ vì nó bao hàm ý tưởng Phật Giáo đã giải đáp về những lý thuyết sai lầm của duy vật chủ nghĩa trong thời đại chúng ta".*

Lập luận này cũng thường được chư Tăng trình bày trong các bài thuyết pháp của họ. Đại Đức U. Narada, vị lãnh đạo tinh thần của Phật Giáo Miền Điện, nguyên trước kia là một Linh mục Thiên Chúa Giáo Ý Đại Lợi (Italy) đã thành lập một giảng sư đoàn gồm 80 nhà sư (hiện tăng lên 500 vị) để đi thuyết giảng và giáo hóa cho các Phật tử khắp nơi tại Miền Điện trong cố gắng kiện toàn, phát triển Phật Giáo nhằm chống lại chủ nghĩa duy vật của Cộng Sản. Giáo đoàn này cũng trình bày về giáo lý từ bi, khoan dung của Phật Giáo đối với các đạo giáo khác và kêu gọi các tôn giáo đoàn kết trong một tổ chức chung để chống lại cộng sản chủ nghĩa.

Ngoài những hoạt động Phật Giáo chống đối Cộng Sản như đã nêu trên, vẫn có những điều mà giữa Phật Giáo và Cộng Sản không thấy mâu thuẫn hay rõ rệt chống trái nhau.

Thực vậy, có vài điểm hơi tương đồng giữa Phật Giáo và lý thuyết Cộng Sản khiến cho người Phật tử có thể chấp nhận phần nào tư tưởng của Mác Xít (Marxist). Chẳng hạn ông Vijayavardhana viết:

"Chủ nghĩa Cộng Sản về phương diện triết học và luân lý có vài điểm giống Phật Giáo. Cộng Sản chủ trương bình

đẳng giữa con người và các quốc gia. Họ đề cao nhân loại chủ nghĩa, tinh thần đại đồng và sự hiểu biết, trí tuệ con người. Về điểm này, nền tảng đạo đức và triết lý của Cộng Sản có phần giống Phật Giáo...

Lý thuyết Cộng Sản ít ra cũng đã có lâu đời như đức Phật (sáu thế kỷ trước Chúa Giê-Su) nhưng đến giữa thế kỷ 19 nó mới được Các Mác (Karl Marx) chủ xướng và hoạt động theo hình thức mới ngày nay. Cộng Sản chủ nghĩa là một lý tưởng cao cả và đại lượng - một phong trào tinh thần được xây dựng trên nền tảng luân lý đạo đức nhất - như trong cuốn bách khoa tự điển Britannica đã diễn tả nó là chủ thuyết được sáng lập bởi những tâm hồn cao thượng từ khi lịch sử mới bắt đầu.

"Nếu xét về mặt kinh tế thì cộng sản chủ nghĩa không có gì chống trái với học thuyết của bất cứ tôn giáo hay lý tưởng đạo đức nào trong việc người Cộng Sản chủ trương chia đều của cải cho nhau. Phải chăng đoàn thể Tăng Già, chư Tăng Ni cũng đã áp dụng lối sống như vậy? Khi đức Phật dạy hành động cao quý nhất là việc cúng dường chư Tăng, rõ ràng Ngài đã đặt nền tảng cho lý thuyết Cộng Sản, và những phẩm vật các Thầy nhận được nên chia xẻ cho mỗi vị Tăng theo nhu cầu của họ; điều này chứng tỏ đức Thế Tôn đã thuyết giảng lý thuyết Cộng Sản 2500 năm trước khi Các Mác (Karl Marx) ra đời.

"Tất cả điều nêu trên dĩ nhiên hành động có tánh cách lý tưởng hơn là thực tế. Và như chúng ta thấy nhiều lý thuyết gia xã hội Phật Giáo đã trình bày sự khác biệt sâu xa giữa lý tưởng Cộng Sản chủ nghĩa với những hình thức mà các quốc gia cộng sản áp dụng ngày nay. Do sự liên hệ tinh thần giữa hai chủ thuyết Cộng Sản và Phật Giáo khiến người ta hy vọng rằng có thể hợp tác giữa Phật Giáo và Cộng Sản trên lãnh vực đạo đức và chính trị.

Cho nên Vijayavardhana, một trong các nhà phê bình sắc bén về cuộc cách mạng Bol-Sê-Víc (Bolshevism) của Liên Xô đã nêu lên sự tương quan giữa cộng sản chủ nghĩa và Phật Giáo như sau:

"Tổ chức Tăng Già nguyên thủy do đức Phật thành lập gồm có những người cộng sản mà giới luật và sự thực hành của họ đã biến mất trên thế gian. Họ là một đoàn thể không có giai cấp và mỗi thành viên trong đó đều bình đẳng. Họ không có của cải riêng cá nhân và mọi tài sản đều thuộc chung của tập thể cộng đồng...

Đây là một đoàn thể được xem như đã thể hiện chân chính lý tưởng cộng sản của một xã hội con người không tham lam, vô giai cấp và bình đẳng. "Cộng Sản chủ nghĩa trong lý thuyết chính thống không có gì mâu thuẫn với học thuyết Cộng Sản của Tăng Già nguyên thủy. Mặc dù về mặt thực hành tại Liên Xô cũng như các quốc gia cộng sản khác, Cộng Sản chủ nghĩa hiện đại phơi bày cho thấy có nhiều sự bất đồng, sai khác với lý thuyết Cộng Sản chính thống, tuy nhiên nó vẫn còn duy trì đích thực là một nếp sống Phật Giáo lý tưởng. Các Phật tử nhận thức rằng có nhiều điểm tương đồng giữa Phật Giáo và Cộng Sản chủ nghĩa hơn là giữa Phật Giáo với chủ nghĩa Tư bản. Do đó, người Phật tử nên tránh sự chỉ trích hay mù quáng lên án Cộng Sản chủ nghĩa".

(Còn nữa)

Trích tác phẩm "Phật Giáo hay Cộng Sản sẽ nắm giữ Tương Lai của Á Châu" (Buddhism or Communism which Holds the Future of Asia).



(Tiếp theo)
Chương Mười Ba
TẤN PHONG

Tôi gặp lại Osel một lần nữa vào trung tuần tháng Ba năm 1987 trong dịp lễ tấn phong chú.

Lúc biết tin, tôi hơi do dự một thoáng, nhưng khi biết rằng buổi lễ được dự trừ tổ chức tại Kopan thì mọi đắn đo tiêu tan cả; việc sẽ thấy lại hóa thân của Lạt Ma Yeshe tại "căn cứ địa" của ông đủ hấp dẫn để tôi bỏ qua ý nghĩ là mình quá hoang phí với một chuyến đi quá xa xôi nhưng lại chỉ vì một mục đích duy nhất.

Đó là lần đầu tiên tôi đến Kathmandu đi thẳng lên tự viện trên đồi nhưng lại tới một khách sạn nhỏ khá sang trọng nằm giữa những ngõ ngách nghèo nàn của Thamel, một khu chợ rục rờ màu sắc ở Kathmandu. Sau khi tắm rửa và thay đổi y phục, tôi hăng hái gọi điện thoại đến Văn phòng Trung ương của FPMT để hỏi thăm về những chi tiết cụ thể của buổi lễ.

Giọng trả lời bồi hồi và ngỡ ngàng trong ông nghe cho thấy là chưa chắc lễ tấn phong sẽ được tổ chức tại Kopan. Đúng ra thì chưa chắc có hay không có buổi lễ nữa; Osel và gia đình lúc này vẫn còn đang ở Dharamsala, và Lạt Ma Zopa vẫn còn tính xem phải làm thế nào để thuận lợi cho tất cả mọi người. Tôi thấy ghen thờ vì cái tin động trời này! Đã đi thật xa, hao tốn thật nhiều và thêm vào đó còn chịu lời viết tường thuật cho một tạp chí Đức, nhưng khi đến lại chỉ gặp những chuyện, đáng tiếc, đã trở thành tiêu biểu cho Đông phương: sự thiếu hiệu năng và mập mờ.

Tôi và nhiều người khác, những ký giả từ bốn phương trời đến đây để chứng kiến lễ tấn phong, bị giữ trong tình trạng nghi việc, ăn không ngồi rồi trong suốt tuần lễ kể đó. Vừa mới tuyên bố là cuộc lễ sẽ được tổ chức ở Dharamsala, ngay một phút sau người ta lại thông báo, rằng Osel đang trên đường trở lại Kopan. Sự căng thẳng dần dần trở thành một cực hình thật sự, và tôi càng lúc càng bức mình.

Vào một chiều nọ, không còn chịu được, tôi đến Kopan và gặp Lạt Ma Zopa trên con đường mòn bên cạnh chính điện. Ông bật cười khi nghe tôi than phiền. "Phải như thế để cuộc lễ trở thành một kinh nghiệm phong phú hơn", ông nói một cách bí hiểm.

Sau đó tôi mới biết, tình trạng mơ hồ này không phải do sự thay đổi ý kiến bất thường của Lạt Ma Zopa, mà vì những khó khăn về thông hành cho Osel. Sau một vài ngày thay đổi nơi họp mặt nữa (trong thời gian này chúng tôi bớt hăm hực và những bài giảng tuyệt diệu của Lạt Ma Zopa) chúng tôi được thông báo, rằng lễ tấn phong sẽ được tổ chức ở Dharamsala.

Thế là hồng! Trật cả bao nhiêu dự tính. Hỗn loạn. Chúng tôi phóng vội phóng vàng đến những văn phòng du lịch khác nhau và chạy ra chạy vào tại các phòng thông hành, nơm nớp lo sợ không đến Dharamsala kịp thời.

Từ Kathmandu đến Dharamsala là một chuyến đi thật dài và vất vả bằng đường hàng không, xuyên qua vùng đất đầy biến động Punjab ở miền Bắc và lên đến vùng cao nhất của lục địa. Khôn khổ hơn nữa, bây giờ là Tuần thánh, một trong những hội lễ lớn nhất ở Ấn, và hầu như mọi chỗ ngồi trên máy bay và xe lửa đã được đặt mua từ những tuần trước. Ngày nào chúng tôi cũng đều phải xông vào những văn phòng du lịch để xem có ai hủy bỏ chỗ đặt trước không. Như một phép lạ, tôi tìm được một chỗ trên chuyến bay đi Delhi vào phút chót. Phí tổn của chuyến đi tăng thêm. Sự lo lắng của tôi cũng thế. Vì chỉ còn hai ngày nữa là cuộc lễ bắt đầu.

Sau giấc ngủ một vài giờ ngắn ngủi trong thủ đô bận rộn àm ì đó, tôi chạy vội vàng từ con đường này sang con đường khác để đến nhà ga Old Delhi, cố tìm một chỗ ngồi trên chuyến xe lửa sẽ đưa mình và những người bạn đồng hành đến Pathankot, trạm dừng gần Dharamsala nhất. Nhà ga đông nghẹt với những người đang ngủ gà ngủ gật. Đường như họ ở luôn tại đây thì phải. Phải khó nhọc lắm mới vượt qua được đám người này để đến phòng đặt vé, nơi đã có một số thật đông người đang châu chực ở bên ngoài, chờ đợi cửa văn phòng mở ra. Rõ ràng là hàng triệu con người của đất Ấn đang chuyển mình trong Tuần thánh. Cuối cùng, khi những cánh cửa của phòng đặt vé mở ra, hàng trăm người cùng ập vào như một lượn sóng lớn; tôi bị đẩy bấn đến bên một chiếc bàn, nơi một nhân viên bán vé đang nhả nạt chửi đầu vào một bảng thời biểu rắc rối như một cầm nang sử dụng máy điện toán.

Và trong sự kinh ngạc của tôi, nhân viên này dành cho chúng tôi 6 chỗ ngồi trên chuyến xe khởi hành đêm đó, những chỗ ngồi duy nhất còn trống, vừa đủ chỗ cho tôi và những người bạn đồng hành. Đó là một toa có giường ngủ, hạng ba và không có máy điều hòa không khí.

Đêm đó chúng tôi quay trở lại với cái hỗn loạn kinh khủng của nhà ga Old Delhi, cố gắng len lỏi, chen lấn, xô đẩy để leo lên chiếc xe lửa đầy nghẹt, đông chừa từng thấy. Và tôi kinh hoàng nhận ra cái gọi là toa có giường ngủ của chúng tôi chỉ gồm những chiếc ghế gỗ được xem như giường và chẳng có cửa neo gì cả; thật vậy, chẳng có gì ngăn cách chúng tôi với vô số người bị nhồi nhét như một đàn bò ở hành lang bên ngoài. Hình ảnh chiếc giường nệm lò xo êm ái lại một lần nữa ám ảnh tôi. Bây giờ tôi bắt đầu thấy, quả đúng là sự ràng buộc chỉ tạo nên khổ đau, như giáo lý cơ bản nhất của đạo Phật đã nói. Cả đêm đó chúng tôi gượng gạo làm quen với đời sống Ấn Độ, chịu đựng chiếc xe chậm như rùa thường xuyên lúc chạy lúc ngừng và làn sóng của những người bán hàng rong - hết người này đến người khác - với những thức ăn chứa trong các bình, lọ hầu như chẳng bao giờ được rửa của họ.

Nhà vệ sinh cũng là một kinh nghiệm nhớ đời. Để sử dụng cái hộp hôi thối và bẩn thỉu đó, người ta phải đặt hai chân lên thành của một lỗ to tướng nhìn xuống đường rầy đang uốn éo một cách hiểm nghèo ở mặt đất; may mắn tôi không có "bụng Delhi", không phải mò mẫm lần vào chiếc hộp sắt đó nhiều hơn thường lệ. Nhưng tôi lại bị cúm, người nóng như thiêu và nước mũi chảy ròng ròng. Những cuốn phim du hành và phim lãng mạn ca ngợi cái quyền rũ khi đi tàu lửa xuyên qua đồng quê Ấn Độ chớp sáng trong trí nhớ. Ấn Độ là đây sao?...

10 giờ sáng hôm sau tôi bước xuống nhà ga Pathankot, cả mắt lẫn mũi đều đỏ gay. Chúng tôi hưởng một bữa điểm tâm yên lành với trứng luộc trong nhà hàng của trạm dừng khá ái này, vừa ăn vừa sung sướng ngắm nhìn những dây leo xanh mướt lăm lăm hoa quấn quanh những cây cột và những người bán cam bước qua bước lại trên sân ga.

Sau đó chúng tôi chui vào hai chiếc taxi, kỳ kèo mặc cả như người Ấn chính hiệu để bắt đầu chuyến đi 4 giờ liền lên Dharamsala. Tất nhiên là một chiếc bị hỏng máy và chiếc kia hết xăng giữa đường, chuyến thông thường đối với mọi taxi Ấn Độ. Nhưng may mắn, vì cùng đi chung nên hai chiếc cứu giúp lẫn nhau được. Lúc bấy giờ tôi đã cam chịu, không còn kêu ca phàn nàn gì nữa. Cuối cùng chúng tôi chạy ngang qua một nhà thờ Anh giáo, nơi có phần mộ của Lord Elgin, và đi vào thế giới của một nước Tây Tạng thu nhỏ. Hàng ngàn người Tây Tạng đã theo chân những nhà lãnh đạo của họ sống đời lưu vong; trong 25 năm, họ đã làm sống lại văn hóa của mình với một thành công rất đáng phục.

Nổi bật ở Dharamsala là một điện thờ mái thép vàng, bên trong có tôn tượng vĩ đại của Đại Từ Bi Quán Thế Âm, Kế Tinh Thức đêm ngày lắng nghe tiếng kêu thương của muôn loài để ra tay cứu độ, tượng trưng với ngàn cánh tay đưa ra mùi hương. Nhưng nơi mà mọi Phật Tử Tây Tạng thường xuyên hướng về lại là một căn nhà nhỏ đơn sơ, nơi trú ngụ của Đạt Lai Lạt Ma, người được xem như một phong chiếu (emanation) hay hóa thân của Quán Thế Âm. Gian nhà này quả là một chốn cực kỳ khiêm tốn và nhỏ nhoi so với trú sở cũ của ngài là cung điện Potala. Tại Dharamsala có nhiều tu viện tràn ngập sức sống, nơi các Tăng sĩ thuộc 4 tông phái của đạo Phật Tây Tạng tiếp tục duy trì gia tài tâm linh phong phú của họ bằng việc nghiên cứu, thảo luận và thiền tập. Tầng kinh các, nơi tàng chứa những kinh sách, cũng là một cơ sở đáng lưu ý; những văn liệu cổ và vô giá đã thoát được ngọn lửa hung tàn của người Trung Hoa và được lén lút đưa ra khỏi Tây Tạng được tập trung ở đây. Dược viện cũng là một cơ sở quan trọng; đó là nơi Bác sĩ Tenzin Choedak đang làm việc đêm ngày trong nỗ lực bảo tồn ngành y học cổ truyền của Tây Tạng. (Ông là thầy thuốc riêng của Đạt Lai Lạt Ma, vừa được người Trung Hoa phóng thích sau 20 bị tù đầy và hành hạ vì một tội lỗi không được xếp loại). Ở đây cũng có trường Mỹ Thuật và Kịch Nghệ cũng như một trung tâm thủ công nghệ rất phát đạt, nơi làm và bán những thảm dệt và các sản phẩm thủ công khác.

Tôi thấy người nhẹ như mây khi trở lại Dharamsala một lần nữa.

Không khí trong lành, những bình nguyên trải dài dưới chân đồi và dãy Himalaya trùng điệp với những đỉnh cao quanh năm tuyết phủ ở phía sau Dharamsala tạo nên một toàn thể làm lòng người ngất ngây rung động.

Nhưng trên tất cả là chuyện đã đến kịp lúc: lễ tấn phong sẽ được tổ chức vào xế trưa ngày hôm sau ở khu ẩn tu Tushita Centre.

Đúng giờ đã định, chúng tôi xếp thành hàng, nghiêm trang đi vào thiền đường và tự hỏi không biết sẽ thấy những gì. Có khoảng 60 người tham dự, bao gồm Tăng Ni, một số đệ tử cư sĩ của Lạt Ma Yeshe và một đội quân kỹ giả hùng hậu, đại diện cho những nhật báo, tạp chí và các cơ quan thông tấn có uy tín nhất thế giới. Tất cả đều vất vả vượt ngàn dặm đến đây để chứng kiến và ghi nhận một biến cố mà dù nhìn từ bất kỳ quan điểm nào cũng phải gọi là độc nhất vô nhị: lễ tấn phong một Lạt Ma nhỏ nhất và lạ thường nhất thế giới. Osel Hita Torres, 2 tuổi và một tháng, sắp sửa chính thức ra mắt công chúng toàn cầu.

Chính điện được trang hoàng đặc biệt cho ngày đại lễ với những "tanka" màu sắc rực rỡ phủ kín từng phân vách, tượng trưng cho những diệu tướng của đức Phật. Một pháp tòa cao một thước phủ gấm thêu chói lọi được đặt tại trung tâm thiền phòng. Ở dưới nền, những Lạt Ma Tây Tạng vận lễ phục ngồi thành hai hàng dài, phía sau họ là những Tăng Ni Tây phương, và những người còn lại xúm xít vào nhau ở phía sau cùng.

Khởi đầu là nghi thức khu trục tà ma và thỉnh mời chư Phật cùng những Hộ Pháp mười phương: một chuỗi những hợp âm

rùng rợn lạnh người của tiếng trống âm i, tiếng tù và lanh lảnh, tiếng náo bạt chất chứa và tiếng khàn đục của những cây kèn dài. Rồi các Lạt Ma bắt đầu đồng thanh đọc chú, từ cổ họng họ phát ra những âm thanh thật trầm nghe như tiếng gầm gừ làm rung động người nghe. Ngay lúc đó, Paco xuất hiện và trên tay anh là Osel.

Tôi cũng là một trong những người cảm thấy bất ngờ với diễn biến trước mắt: Osel vận tăng phục đại lễ, đầu đội một chiếc mũ vàng to tướng, loại mũ của các nhà thông thái Ấn Độ, biểu tượng của chức vị. Thật là một giây phút cảm động; có thể vì chú quá nhỏ bé so với chiếc mũ khổng lồ, cũng có thể vì sự im lặng bất chợt khi chú xuất hiện, hoặc có thể vì cả hai. Lúc hai cha con họ đi ngang, tôi để ý thấy Osel đang ngậm kẹo và tay cầm một món đồ chơi, nhắc nhở rằng dù sao thì chú vẫn là một đứa bé.

Chú gật đầu với toán nhiếp ảnh viên đang đứng xúm xít trong một góc, giống như một người rất thành thạo cách đối phó với nhà báo. Rồi sau một giây miễn cưỡng, chú chịu để cho Paco đặt mình lên pháp tòa.

Osel thân nhiên ngồi đón nhận mọi cặp mắt nhìn xoáy vào chú, chiếc mũ trên đầu sụp xuống đến mi mắt, và món đồ chơi bây giờ đang nằm lăn lóc bên cạnh. Ở dưới chân chú, về phía phải là người đệ tử tâm đắc Lạt Ma Zopa với khuôn mặt nghiêm trang hơn ngày thường. Cha mẹ chú ngồi bên cạnh pháp tòa, vừa hãnh diện vừa có vẻ bồn khoăn. Đưa đứa con 2 tuổi ra làm tâm điểm cho một buổi lễ có nhiều người lạ chứng kiến chẳng những làm thân kinh căng thẳng mà còn có thể là một tai họa. Nhưng sự âu lo của họ trở nên thừa thãi; trong suốt 3 giờ liền, Osel ngồi trên pháp tòa nhìn ngắm mọi diễn tiến của buổi lễ với sự im lặng, điềm tĩnh và uy nghi vượt xa tuổi tác. Chú có trèo xuống hai ba lần; một lần để ngồi lên đùi Paco trong một phút ngắn ngủi rồi quay sang chơi đùa cùng với những đứa bé người Ý mà chú vừa nhận ra trong đám đông; nhưng chú không cưỡng lại khi Paco hoặc vị thị giả đưa chú trở lại pháp tòa. Đáng ngạc nhiên hơn nữa là việc chú đối phó dễ dàng với những nhiếp ảnh viên với máy ảnh chớp tắt liên hồi của họ trong suốt buổi lễ. Thỉnh thoảng, khi nghĩ họ đã đi quá đà, chú đưa cánh tay ra trong một kiểu cách đầy uy quyền và nói: "Dừng!". Nhưng thường thì chú để mặc, có lúc còn làm bộ dạng để họ chụp nữa. Các chuyên viên nhiếp ảnh thích thú ra mặt; trẻ con và thú vật là những đề tài ăn khách, và đứa trẻ này còn tự nhiên quá sức tưởng tượng, không thể làm lẫn vào đâu được.

Với người hiểu được những điểm tinh tế của đạo Phật thì ý nghĩa của biến cố này càng thâm sâu hơn khi người ta thấy, rằng đây là hóa thân của Lạt Ma Yeshe đang ngồi trên pháp tòa cũ, trong ngôi nhà xưa, ngủ trên chiếc giường tiền kiếp, đi dạo trong khu vườn chính mình tạo dựng trước đây và sử dụng những đạo cụ ngày nào. Đối với hàng tín đồ, một chú bé Tây Ban Nha được tôn phong làm Lạt Ma không phải là chuyện lạ lắm. Đây là bằng chứng sống về sự liên tục của tâm thức; trước mắt chúng tôi là dòng tâm thức của Lạt Ma Yeshe nhưng trong một hình hài mới, trở lại với cuộc đời vì lòng từ bi vô độ muốn dẫn dắt chúng tôi trên đường đến bờ giác ngộ; và để phép lạ trở nên hoàn hảo hơn, dòng tâm thức trong hình thái mới đó đã được nhận ra. Tôi tự hỏi không biết có bao nhiêu bậc thánh đang âm thầm hiện diện giữa chúng ta, những kẻ cứu khổ mà công trình và kích thước của họ có lẽ chỉ được người đời biết đến khi họ lia đời. Điều này chẳng có gì để phàn nàn, nhưng dù sao thì nó cũng không cho ta cơ hội ý thức và học hỏi về sự hiện diện cao quý của họ để tận dụng mọi điều họ trao tặng.

Nhưng Osel đang ở trong tình trạng hiểm nghèo; việc công khai tuyên bố chân tướng có thể làm chú trở thành đối tượng của những dè bĩ, chê bai, nhạo báng, những tranh luận và có khi sự hiểm thù từ những kẻ có ác ý. Không có gì dễ hơn việc làm tổn thương Osel. Đạt Lai Lạt Ma và Lạt Ma Zopa cũng

thật can đảm khi đưa cổ ra thách thức búa rìu dư luận; hai bậc thầy này phải hoàn toàn biết chắc và tin chắc vào chuyện mình làm.

Bây giờ thì Osel xử sự đúng như kẻ được sinh ra để làm một Lạt Ma cao quý. Chủ ngồi đĩnh đạc, uy nghiêm trên tòa cao, bình thân nhìn diễn tiến của cuộc lễ. Trà Tây Tạng được đưa lên và chú uống ngon lành. Chú cũng được dâng tặng nhiều phẩm vật: một Pháp luân (bánh xe Pháp, tượng trưng cho đạo Phật) thếp vàng thể hiện niềm hy vọng, rằng đạo sư sẽ tiếp tục chuyển bánh xe Pháp cứu giúp người đời, Kinh và Luận (108 bài giảng của Phật và những luận giải), tượng Vô Lượng Thọ Phật, mũ và các thứ y áo...

Ở cao điểm của buổi lễ, Lạt Ma Zopa cùng các Lạt Ma khác xếp thành một hàng, dập đầu đánh lễ trước mặt Osel và cung kính đưa lễ vật của họ lên. Osel khoan thai nhận từng món phẩm vật, đặt lên đỉnh đầu của mình để tỏ dấu biết ơn, như các Lạt Ma vẫn làm, rồi đưa sang cho vị Tăng sĩ thị giả bên cạnh. Nhận phẩm vật xong, chú đưa bàn tay mũm mĩm ra xoa đầu vị Lạt Ma đang cúi đầu trước mặt để ban phúc. Những cử động này được lặp lại với từng người một, hết các Lạt Ma người Tây Tạng lại đến những Tăng, Ni và các đệ tử cư sĩ Tây phương. Tôi để ý thấy chú làm khác đi một lần; thay vì đưa tay ra, chú lại chồm người tới, chạm nhẹ đầu mình vào đầu một Lạt Ma Tây Tạng trẻ tuổi có khuôn mặt sáng sủa, một dấu hiệu tỏ lòng tôn kính. Sau đó tôi mới biết, vị Lạt Ma này là Yang Tse Rinpoche, hóa thân của một vị thầy cũ của Lạt Ma Yeshe ở trụ viện Sara tại Tây Tạng.

Quả là một cuộc biểu diễn làm người xem phải kinh hãi. Bây giờ Osel đã có vẻ mệt mỏi, dù một món quà của một đệ tử Tây phương, một chiếc xe cứu thương có đèn đỏ chớp sáng, có làm chú cao hứng một chút; nhưng chú vẫn ngồi yên cho đến khi cuộc lễ chấm dứt. Khi những lời kệ tán thán và lời hồi hướng, nguyện sẽ dành mọi công đức đã tích lũy để cứu độ muôn loài được đọc lên, Paco bế Osel lên và bước ra ngoài. Lạt Ma Zopa đã nói rất đúng; những khó nhọc và phiền phức gặp phải chỉ làm lễ tấn phong có ý nghĩa thâm thúy hơn. Quả là một kinh nghiệm phong phú.

Osel kiệt sức sau khi đã đóng trọn vai trò kinh khủng đó. Cha mẹ chú cho biết chú sẽ không trở lại ngôi trên pháp tòa trong chính điện nữa. Tôi cảm thấy hơi tiếc, nhưng hiểu là không thể chờ đợi gì khác hơn.

Vài hôm sau, vì hy vọng sẽ có thêm nhiều hình ảnh hơn cho bài tường thuật trên tờ báo Đức, tôi đánh bạo đề nghị để Osel ngồi trên pháp tòa với đầy đủ phẩm phục một lần nữa, để nhiếp ảnh viên Robin Bath chụp hình. Robin cũng là một đệ tử của Sư và cũng lặn lội từ Anh quốc sang đây. Chúng tôi thật sự ngạc nhiên và vui mừng khi được biết Osel chấp thuận và cảm thấy vinh hạnh vì sẽ có được một bộ ảnh riêng, không một ký giả hay chuyên viên nhiếp ảnh nào khác có được.

Trước ống kính của Robin, Osel như đang tỏa chiếu ra hào quang, rạng rỡ hơn cả trong buổi lễ tấn phong nữa. Mọi nét biểu lộ trên mặt chú đều làm người ta nghĩ đến Lạt Ma Yeshe; đang có vẻ trầm tĩnh, linh thánh, khôn ngoan... chú chuyển sang vẻ tinh quái, rồi thâm trầm, rồi hiền từ, rồi hoạt kê hài hước. Với sự nhã nhặn cực độ, chú nhẹ nhàng nhón tay lấy trái cây trong một cái đĩa đặt tại một góc pháp tòa và phân phát cho mọi người, một cử chỉ quan hoài điển hình của Lạt Ma Yeshe. Nhưng rồi để chấm dứt một diễn tiến đang trở nên quá trịnh trọng, chú ném ngay một quả cam vào Robin rồi bắt ra một chuỗi cười dài. Một lúc khác, chú lấy vạt tăng y trùm lên đầu và ngồi yên lặng, như Sư vẫn thường làm. Đúng là Lạt Ma Yeshe! Một vai hề phi phạm! Sau đó chú lại se sẽ nâng từng trang kinh rời lên, đem đặt trước mặt và bắt đầu "đọc" với những âm thanh trầm bổng của một Lạt Ma Tây Tạng, rồi lật qua và đặt xuống thành một chồng ngăn nắp. Thế rồi tay chú bắt ấn thiền định, mắt nhắm lại, trong lúc miệng rì rầm đọc

chú. Chính là Lạt Ma Yeshe thu nhỏ, đang an trú trong thiền định. Tôi tưởng chừng gai ốc đang nổi khắp người mình.

Những khoảnh khắc đặc biệt này đã được Robin ghi nhận lại hết. Đáng tiếc là cả bài viết của tôi lẫn những hình ảnh của Robin đều không được đăng tải; tờ tạp chí Đức không thể chờ đợi tài liệu chúng tôi gửi về vì lễ tấn phong Osel đã được tường thuật đồng loạt trên báo chí Âu Châu.

Phần lớn các tường thuật trên báo đều khách quan và thuận lợi, tuy nhiên vẫn có một số ký giả bày vẽ những điều quá đáng hoặc thông tin sai lầm, và có người hoàn toàn lỗ mãng. Một nhật báo Ấn Độ nói, rằng một "nguồn tin" ở Dharamsala cho biết Đạt Lai Lạt Ma không thừa nhận Osel và chuyển tấn phong chỉ là một phần trong việc kiểm tài lợi cho Kopan. Bài báo đã bị Lạt Ma Zopa và chính Đạt Lai Lạt Ma phủ nhận; và nhật báo này đã không trưng ra được cái gọi là nguồn tin của họ. Đây là vụ bôi bôn duy nhất Osel đã phải nhận chịu. Tôi tự hỏi chú sẽ còn bị bao nhiêu lần như thế nữa trong đời.

Biến cố trọng đại đã qua. Osel được tự do chạy chơi trong vườn và ném những viên đá chú nhật được xuống ao, như bao nhiêu trẻ con thông thường khác. Tôi thấy mình cũng nên tận dụng chuyến đi này, tìm hiểu thêm những điều khác. Một trùng hợp hoàn toàn ngẫu nhiên là sau ngày lễ tấn phong, Đạt Lai Lạt Ma khởi sự thuyết giảng về Lam Rim cho một số đồng người hành hương từ Tây Tạng, đã tròn non lợi suốt trong mấy tuần lễ, vượt dãy Himalaya hiểm trở để gặp cho được đức Phật sống. So với cuộc hành trình xa xôi diệu vợi và đầy gian khổ của họ, những lời than van của tôi trong khi đi đường trở nên thật khôi hài và yếu đuối.

Tôi không thể không trầm trồ khen ngợi khi nhìn những người hành hương này ngồi trên thảm cỏ xanh bên ngoài chính điện. Thật là một quang cảnh đẹp mắt. Đàn bà vận y phục cổ truyền, vạt áo quấn lại ở sau lưng và mang tạp dề có những sọc sáng chói. Mái tóc đen huyền của họ được thắt lại thành bím với những băng vải màu, và trên đầu và tai là những đồ trang sức quý nhất, những mảnh lam ngọc hoặc hổ phách rộng bản. Đàn ông, với giày ống cao, mũ gấm thêu có gắn lông thú và tắn áo choàng khoác hồ trên vai, cũng dễ nhìn. Họ là một giống dân đẹp đẽ, khỏe mạnh, kiêu hùng nhưng nhã nhặn, khiêm tốn và vui tươi... Rõ ràng họ có những nét đẹp phát sinh từ một đời sống tâm linh sâu sắc.

Họ ngồi lắng nghe Đạt Lai Lạt Ma thuyết giảng qua một hệ thống khuếch đại âm thanh. Những Tăng sĩ cao nhất trong hệ thống giáo quyền Tây Tạng - Lạt Ma, Geshe và Rinpoche - ngồi bên trong chính điện, người có thứ bậc tâm linh càng cao thì ngồi càng gần đức Phật sống. Và nhóm người Tây phương chúng tôi ngồi thành một hàng dưới mái hiên, nhặt nhanh một phần nào trí tuệ thâm sâu của ngài từ lời dịch Anh ngữ phát theo băng tần FM. Đồng Tây gặp gỡ là đây, cái biết cô kính và khoa học hiện đại; một đám cưới tốt đẹp, điều cả Đạt Lai Lạt Ma lẫn Lạt Ma Yeshe lúc nào cũng cho là cần thiết cho con người thời đại.

Tính cách trang nghiêm của buổi thuyết giảng không trở thành hững hờ biểu hiện máy móc. Trong những lúc nghỉ giải lao, một đoàn tu sĩ trẻ đi tới đi lui, lo lắng chu đáo để không một ai trong số mấy trăm Phật giáo đồ hôm đó phải khát nước: trà bơ mặn cho người Tây Tạng và trà đường cho người Tây phương. Giống như một buổi đi chợ ngoài trời, người ta chuyện trò và cùng ăn uống với nhau một cách vui vẻ. Và người Tây Tạng, dù rất mộ đạo và tôn thờ vị lãnh tụ tối cao của họ, vẫn đùa giỡn âm thầm với nhau, ném vò và hạt cam vào nhau mỗi khi ngài giảng sâu vào lãnh vực triết học, quá khô khan và khó khăn đối với họ.

Đạt Lai Lạt Ma chẳng lấy thế làm phiền; ngài rất dễ dãi và bình thân, thường lôi các tu sĩ ra làm đề tài bông đùa, cười ha hả và có lúc ngáp không che giấu. Ngài hoàn toàn là chính mình, bình dị, tự nhiên, không kiêu cách, vượt lên trên mọi

đánh giá của người khác và rất ân cần với mọi người. Chẳng trách người Tây Tạng yêu mến con người này! Đây là một nhà lãnh đạo chẳng những cực kỳ trí tuệ mà còn thương yêu dân như con. Chỉ bằng những điều này thôi, ta cũng thấy ngài tràn đầy nhân tính.

Ở Dharamsala còn có những nhân vật rất nên gặp khác. Thế nên một ngày nọ, Robin mang theo những dụng cụ nhiếp ảnh linh kinh của anh cùng tôi đi xuống sườn đồi, vượt qua Tầng kinh các rộng lớn và Dược viện, đến một ngôi nhà đơn sơ nằm giữa một mảnh vườn nhỏ, trước đây vốn là nơi cư ngụ của Trijang Rinpoche, Thủ tòa Trưởng lão của Đạt Lai Lạt Ma. Chúng tôi muốn nhìn tận mắt hóa thân của bậc thầy này. Đó là một Lạt Ma tái sinh người Tây Tạng còn trong tuổi thơ ấu, người đã làm Osel phần chấn lạ thường khi chú đến Dharamsala vào năm trước.

Lần này cũng chẳng có một thủ tục hình thức nào cả. Tôi đến bất chợt, không hẹn trước, chỉ ngộ ý với một người đàn ông đang đứng ngay cổng vào. Người đàn ông nhỏ nhẹ bảo tôi đứng chờ trong vài phút. Khi được dẫn vào một căn phòng, chúng tôi đã thấy một chú bé Tây Tạng đã ngồi sẵn trên một pháp tòa thấp. Giống Osel, chú cũng có khuôn mặt chẳng những đẹp đẽ mà còn đầy nét chín chắn và uy quyền, Thật là lạ lùng.

Chú đưa tay nhận chiếc khăn choàng trắng, phẩm vật cúng dường của tôi, đặt nó trở lại trên đầu tôi theo đúng thông lệ rồi với tay lấy một sợi niết tặc tặng cho tôi để ban phước. Chú bé cũng lập lại những cử động này với Robin. Hiên nhiên chú đã quá quen thuộc với chuyện nhận phẩm vật cúng dường và chúc phúc. Nhưng đây là một đứa bé mới 4 tuổi, một chú bé 4 tuổi nhưng trông rất người lớn. Khi quay sang một chiếc trục thẳng đồ chơi đặt trên băng ghế bên cạnh, chú ti mi nhìn ngắm nó từ mọi góc cạnh, vẻ nghiêm trang bỗng trở thành nét nghịch ngợm trẻ thơ, như Osel. Sau khi đã gặp một con người tâm linh, bây giờ chúng tôi đang thấy một đứa bé con. Chú ném một vòng nhựa vào mặt Robin và người thị giả, vui cười hơn hờ khi được hai người này ném trả lại. (Bây giờ Robin cho rằng số phận mình là cứ bị các Rinpoche bắn hóa tiễn).

Người thị giả vừa đặt Trijang Rinpoche Hóa thân lên vai vừa nói rằng cần phải có một nơi rộng rãi hơn.

Chúng tôi bước theo ra vườn, chú bé thích chỉ vỗ tay vào đầu người thị giả theo nhịp bước. Tôi có một cảm giác khó tả; trong mắt tôi, chú không có sự khá ái của Osel, nhưng chắc chắn là chú có trí thông minh phát triển rất sớm và một dáng vẻ gần như cao ngạo. Một cảnh không thể quên được: chú đứng thẳng, tay chống nạnh, thân nhiên nhìn một đôi vợ chồng trẻ người Tây Tạng và đứa con của họ đánh lễ trước mặt mình rồi đưa tay ban phước với một điệu bộ vô cùng oai vệ, thật tự nhiên và dễ dàng. Trijang Rinpoche Hóa thân biết quá rõ thân phận cao quý của mình.

Pande, người có nhiệm vụ chăm sóc chú, kể chuyện. Trijang Rinpoche Hóa thân là một trong năm đứa con của một người thợ dệt thảm. Bà mẹ bắt đầu nghi ngờ rằng đứa con trai của mình là một nhân vật đặc biệt khi thấy ngón tay cái và ngón trỏ của chú bé cứ như đang lặn chuỗi hạt.

Chú cũng thêm sữa ghê gớm, và bị la rầy vì chuyện này; nhà quá nghèo, sữa là một món xa xỉ. Nhưng mỗi lần bị la mắng, chú bé lại hồ hững trả lời rằng đó không phải là chuyện đáng quan tâm vì chú có đến 8 con bò ở Dharamsala. Cha mẹ chú vô cùng nghi hoặc và họ chỉ hiểu ra khi chú được xác nhận là hóa thân của Trijang Rinpoche; chùa của ngài quả thật có nuôi một đàn bò, đúng 8 con. (Bò nuôi để lấy sữa hoặc để làm việc đồng áng là chuyện thông thường ở các tự viện Tây Tạng. ND.)

Chú bé là một trong 500 đứa trẻ phải qua một cuộc khảo nghiệm. Đa số tên tuổi được chính các bà mẹ gửi tới vì nghĩ rằng con họ có những dấu hiệu đặc biệt (và họ cũng ao ước cái

đanh vọng lớn lao của người có con là Lạt Ma tái sinh). Danh sách dài lê thê này được rút ngắn lại còn 8 tên và được đệ trình lên Đạt Lai Lạt Ma. Qua những quan sát riêng và những lời cầu nguyện của ngài, lại có thêm 5 đứa trẻ nữa bị loại ra; rồi bằng sự quán tưởng và những phương cách mà chúng ta không thể hiểu khác, Đạt Lai Lạt Ma xác nhận chú là hóa thân của Trijang Rinpoche. Cuối cùng, cũng như Osel, khi đã vượt qua một chuỗi những thử thách nghiêm ngặt khác - nhận diện những vật tùy thân trong kiếp trước - chú được chính thức công nhận là một trong những chức sắc cao cấp nhất của hệ thống giáo quyền Tây Tạng.

Khi cùng cha mẹ và những người khác đến nơi Trijang Rinpoche cư trú, chú vừa đi từ phòng này sang phòng khác vừa chỉ trỏ vào các đồ vật trong chùa, miệng nói huyền thuyên: "Cái này của con!". Lúc nhìn thấy bức ảnh chụp một nhóm các Lạt Ma, chú nhón chân lấy nó xuống rồi chỉ vào hình Trijang Rinpoche và reo lên thật to: "Con đây này!". Và như Osel, chú tiếp tục làm người khác không thể không liên tưởng đến tính nét và những hành động của Trijang Rinpoche cùng những sự việc xảy ra khi ngài còn sống.

"Không còn lý do nào để có thể dựa vào đó mà nghi ngờ chân tướng của chú", Pande nói. "Chú đã bắt đầu vào tự viện để nghe thuyết giảng và có thể lập lại vài đoạn kinh đã nghe qua. Những đứa trẻ khác trong lớp học của chú phải được dạy đi dạy lại nhiều lần, nhưng chú không cần như thế; chỉ nghe qua một lần là lập lại không sai một chữ, vì chỉ việc nhớ lại. Chú cũng thuộc nằm lòng các mẫu tự và số trong tiếng Anh và có thể nói được một vài câu tiếng Anh đơn giản".

Quả là một chi tiết hấp dẫn. Một Lạt Ma tái sinh người Âu đi vào hệ thống Tây Tạng và một Lạt Ma tái sinh người Tây Tạng đang học những lễ lối Âu Châu. Sự giao thoa văn hóa, điều Lạt La Yeshe và những Lạt Ma khác trú liệu, rất có thể đã bắt đầu; rất có thể hai chú bé Lạt Ma này sẽ mang lại nhiều lợi ích cho dân tộc của nhau.

Sự thận trọng của Pande là điều dễ hiểu; việc tìm kiếm và thừa nhận một hóa thân dù rất nghiêm ngặt và kỹ lưỡng như thế nhưng cũng không thể hoàn toàn loại trừ những yếu tố may rủi hoặc lầm lẫn. Chẳng hạn trường hợp Đạt Lai Lạt Ma thứ sáu, nhà lãnh đạo của Tây Tạng vào thế kỷ IIXX. Ông rất thờ ơ với những nhiệm vụ tôn giáo và chính trị của mình, chỉ thích làm thơ và đánh bạc với người thường tục, đặc biệt ông có khá nhiều bạn bè phái nữ. Nhưng người Tây Tạng vẫn yêu quý ông rất mực, cho rằng những hành vi "quái gở" đó không nhất thiết có ảnh hưởng xấu đến bản chất linh thánh cổ hữu; và những bài hát ông đặt ra hiện vẫn được người Tây Tạng ưa thích hát lên.

Trong thời cận đại, ở cả trong lẫn ngoài Tây Tạng đều có một số Lạt Ma tái sinh có khuynh hướng tương tự, ưa thích thể tục hơn sự khổ hạnh của đời sống tu trì diệt dục.

Mặc dù khuynh hướng này không bị khinh chê, ghét bỏ, lên án và đôi khi còn được một vài hệ phái chấp nhận - vì chắc thật không bị nối kết với tội lỗi và qua đó, quý dữ, như trong Thiên Chúa Giáo - nhưng có thể nó sẽ tạo nên một ảnh hưởng xấu nơi các Rinpoche vừa mới được tìm thấy bên ngoài Tây Tạng.

Nhưng những nét chính yếu trong việc nhận chân các Lạt Ma tái sinh tương đối rất hiệu nghiệm; những kẻ kế thừa quan trọng đều hoàn toàn xuất sắc sứ mệnh của họ, có khi còn hơn thế nữa. Thật ra những đức tính bẩm sinh của họ quá tốt đẹp để có thể cho là bị gán ghép hay do sự đảo lộn mà thành. Ngoài ra, những đòi hỏi cực kỳ nghiêm khắc và chương trình tu học vô cùng nặng nề chắc chắn cũng sẽ làm những Rinpoche này ngã gục giữa đường nếu họ không có những đức tính bẩm sinh phi thường.

(Còn tiếp)

THÔNGIỆP CỦA NHỮNG NGƯỜI ANH

Alan Ereira
. Nguyễn Phong dịch

LDG: Tháng 10 vừa qua, đài BBC tại Luân Đôn và PBS tại Hoa Kỳ đã cho phát hình một tài liệu đặc biệt ghi nhận nếp sống của một bộ lạc thiểu số tại Nam Mỹ. Cuốn phim này đã gây chấn động dư luận thế giới và hiện là một đề tài được bàn cãi rất nhiều trong giới khảo cổ, môi sinh và nhân chủng học. Lần đầu tiên được trình chiếu trong kỳ Đại Hội Tôn Giáo hoàn cầu tổ chức tại Chicago, nó đã gây một xúc động lớn cho toàn thể cử tọa. Chúng tôi ghi nhận lại đây bài thuyết trình "Elder Brother's Warning" của ký giả Alan Ereira để bạn đọc cùng suy gẫm.

Từ ngàn xưa, nhân loại đã có những nền văn minh lớn. Những nền văn minh đã tạo ra các kiến trúc vĩ đại như Kim Tự Tháp, Vườn treo Babylon, Vạn Lý Trường Thành v.v... Tuy nhiên dù phát triển đến đâu chăng nữa, nền văn minh nào cũng chịu sự chi phối của luật vô thường, nay còn mai mất, cái gì cực thịnh thì cũng có lúc suy tàn. Lịch sử đã chứng minh điều đó một cách hiển nhiên vì ngày nay không mấy ai nhắc nhở gì đến những nền văn minh cổ xưa đó nữa ngoài trừ những giai đoạn rời rạc, pha trộn nhiều hư cấu, khó tin.

Nói đến Kim Tự Tháp, người ta thường nghĩ đến những Kim Tự Tháp Ai Cập, chứ ít ai nhắc đến những Kim Tự Tháp Nam Mỹ, mặc dù tại đây số Kim Tự Tháp còn nhiều hơn, đặc biệt hơn và bao trùm nhiều bí mật kỳ dị hơn. Có lẽ vì phần lớn Kim Tự Tháp tại Nam Mỹ bị bao phủ bởi rừng rậm, không thuận tiện cho việc nghiên cứu, khảo sát.

Columbia là một quốc gia nằm ở phía Nam Mỹ Châu. Phần lớn lãnh thổ xứ này được bao phủ bởi những khu rừng rậm rạp chưa được khai phá, đặc biệt là các khu rừng quanh rặng Sierra thì gần như còn nguyên vẹn từ mấy ngàn năm nay, không mấy ai đặt chân đến. Đối với dân xứ này thì rặng Sierra vẫn được coi là một nơi chốn linh thiêng chứa đựng nhiều bí mật. Huyền thoại xứ này nói rằng đó là chỗ ở của những bậc Thần linh, có nhiệm vụ che chở cho nhân loại. Vì đỉnh núi lúc nào cũng bị che phủ bởi những đám mây mù, thêm vào đó khí hậu ẩm ướt quanh năm nên cây cối mọc chẳng chặt, khó ai có thể vượt rừng đến đó được. Năm 1974, một phi công bay lạc vào phía Đông Bắc của rặng Sierra và phát hiện một Kim Tự Tháp rất lớn tọa lạc giữa rừng. Việc khám phá ra Kim Tự Tháp này đã thúc đẩy nhiều phái đoàn khảo cổ của các quốc gia khác kéo nhau đến đây nghiên cứu. Họ kết luận rằng chiếc Kim Tự Tháp xây bằng đá rất công phu này có những đường nét kiến trúc khác hẳn những Kim Tự Tháp khác tại Nam Mỹ, do đó nó thuộc một nền văn minh riêng biệt nào khác chứ không phải nền văn minh Incas hay Maya. Quanh Kim Tự Tháp là một thành phố bỏ hoang với những hệ thống đường xá được lát bằng đá hết sức công phu. Đặc biệt hơn nữa, quanh thành phố còn có một hệ thống ống cống thoát nước rất hữu hiệu, chứng tỏ người xưa đã hiểu biết rành rọt về vấn đề vệ sinh. Theo các nhà khảo cổ thì thành phố này đã được xây cất trên bảy ngàn năm trước khi nền văn minh Incas và Maya phát triển, và có lẽ là một trong những nền văn minh cổ nhất ở Nam Mỹ. Nếu thế,

lịch sử nền văn minh này như thế nào? Chúng tộc nào đã sống tại đây? Tại sao họ lại biến mất, không để lại một dấu tích gì trừ chiếc Kim Tự Tháp và hệ thống đường xá tinh vi kia?

Các nhà nghiên cứu nhận xét rằng dù đã trải qua bảy tám ngàn năm mà hệ thống đường xá vẫn còn rất tốt, không bị hư hại, trong khi hệ thống xa lộ tối tân nhất tại Hoa Kỳ ngày nay nếu không được tu sửa, bảo trì thì chỉ vài chục năm đã hư hại chứ đừng nói đến trăm hay ngàn năm. Dọc theo những con đường lát bằng đá là những thửa ruộng trồng lúa và khoai, chứng tỏ nền văn minh này chú trọng nhiều về nông nghiệp. Một điểm đặc biệt là mỗi ngã tư đường lại có những tảng đá lớn, khắc ghi những ký hiệu lạ lùng trông như một tấm bản đồ. Bản đồ đường xá hay bản đồ chỉ dẫn điều gì vẫn còn là một câu hỏi lớn. Thông thường các nền văn minh cổ thường để lại nhiều dấu tích hay tài liệu ghi khắc về lịch sử, phong tục, tập quán, nhưng không hiểu sao tại đây họ không hề tìm thấy một dấu tích đặc biệt gì về nền văn minh này ngoài các tấm bản đồ kỳ lạ kia.

Cách đó không xa ở gần đỉnh núi có một bộ lạc người thiểu số gọi là Kogi sống biệt lập, không giao thiệp với ai. Các nhà khảo cổ đoán rằng có lẽ giống dân Kogi là con cháu của những người đã xây dựng lên Kim Tự Tháp và thành phố với đường xá xây bằng đá này, nhưng họ vẫn không biết vì sao một nền văn minh như vậy lại suy tàn và biến mất, không để lại dấu tích nào? Vì người Kogi sống biệt lập trên đỉnh Sierra, không tiếp xúc và giao thiệp với ai nên rất ít người biết đến họ. Trong khi những bộ lạc quanh vùng thường giao dịch, trao đổi hàng hóa với những người tinh thành, thì người Kogi rất thận trọng và kín đáo, rút lên những vùng núi cao, không tiếp xúc với ai chỉ giới hạn việc giao thiệp với một vài bộ lạc lân cận mà thôi.

Đầu năm nay, ký giả Alan Ereira, phóng viên của đài BBC tại Columbia, nhận được tin bộ lạc Kogi từ lâu không tiếp xúc với ai, đã chấp nhận cho anh được phỏng vấn với điều kiện là anh phải đến tham dự buổi Đại Hội Tôn Giáo thế giới tổ chức tại Chicago vào tháng 9 năm 1993 và công bố một bản Thông Điệp của họ. Ký giả Ereira đã viết: "Đây là một biến cố đặc biệt. Tại sao bao năm nay không giao thiệp tiếp xúc với ai mà tự nhiên họ lại cho phép tôi được phỏng vấn, quay phim? Họ muốn gì đây? Tại sao một bộ lạc sống biệt lập trong vùng rừng sâu núi thẳm, không tiếp xúc với thế giới bên ngoài, lại biết có một Đại Hội Tôn Giáo nhóm họp tại Hoa Kỳ để gửi một Thông Điệp? Một điều may mắn là tuy người Kogi không liên lạc với ai, rất ít người biết đến ngôn ngữ của họ, nhưng vì họ tiếp xúc giới hạn với vài bộ lạc gần đó, nên chúng tôi đã tìm được một người dân bộ lạc này có thể nói được tiếng Kogi để làm công việc thông dịch".

Phái đoàn của ký giả Ereira gồm 6 người, 2 ký giả, 1 nhân viên y tế và 3 nhân viên thu hình đã lên đường vào đầu năm 1993. Trải qua nhiều ngày tháng trèo đèo, lội suối, họ đã đến vùng đất của người Kogi nằm sâu trên đỉnh Sierra. Đường vào đây phải vượt qua một vực thẳm rất sâu, chỉ có độc một cây cầu treo bện bằng dây thừng bắc ngang qua bờ vực. Được thông báo trước, một phái đoàn Kogi đã ra đón tiếp trước bờ vực.

Khác với những bộ lạc thiểu số sống trong vùng thường ít mặc quần áo, tất cả những người Kogi đều mặc quần áo dệt bằng sợi màu trắng với tay áo thụng như cánh bướm. Một người lớn tuổi đã bắt đầu bằng một bài diễn văn ngắn:

- Chúng tôi là những trưởng lão của dân Kogi, chúng tôi chấp thuận cho phép các ông được đặt chân vào đây trong ba ngày. Chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng đây là lần đầu tiên và có lẽ cũng là lần cuối các ông được phép đến đây. Hiển nhiên

việc này đã được Hội Đồng Trưởng Lão thảo luận rất kỹ và đồng ý. Chúng tôi là con cháu của một giống dân cổ, một giống dân đã có mặt trên trái đất này từ lâu lắm rồi, trước khi tổ tiên các ông ra đời. Vì chúng tôi có mặt từ trước, chúng tôi tự coi mình là những người anh lớn trong đại gia đình nhân loại, do đó chúng tôi là anh và các ông là em. Theo lệ thường trong gia đình, người anh thay mặt Mẹ Cha để giáo dục, dạy dỗ các em; nhưng chúng tôi biết rằng các em còn trẻ quá, còn hung hăng quá, còn cứng đầu, cứng cổ, ngang bướng quá, chưa thể học hỏi được gì, nên trải qua mấy ngàn năm nay, chúng tôi, những người anh, đã quyết định giữ thái độ im lặng. Chúng tôi hy vọng theo thời gian, các em sẽ hiểu biết hơn, trưởng thành hơn và học hỏi được qua những lỗi lầm đã tạo. Tiếc thay thời gian quá nhanh, trải qua bao thế hệ mà các em không những chẳng học hỏi được gì lại còn tiếp tục phá hoại gia tài Mẹ Cha để lại, do đó những người anh lớn bắt buộc phải lên tiếng. Trước khi đi vào chi tiết, chúng tôi cho phép các ông được quan sát nếp sống của chúng tôi, một nếp sống truyền thống đã tiếp diễn mấy ngàn năm không thay đổi. Các ông được tự do nghiên cứu, ghi nhận, quay phim, chụp hình và làm tất cả những gì cần thiết, và sau đó chúng tôi có một Thông Điệp muốn gửi cho thế giới bên ngoài.

Ký giả Ereira ghi nhận: "Thật không thể tưởng tượng được cảm giác lạ lùng của chúng tôi khi vượt qua chiếc cầu treo lơ lửng trên miệng vực thăm đó để bước chân vào vùng đất của người Kogi. Chúng tôi có cảm tưởng rằng thời gian đã dừng lại hoặc chúng tôi đã đi ngược thời gian để trở về một thời điểm nào đó của lịch sử. Mặc dù thời gian chỉ vòn vẹn có ba ngày nhưng phái đoàn của chúng tôi đã làm việc không ngừng. Mọi người tùy theo khả năng chuyên môn đã tận dụng thời gian để khảo cứu, ghi nhận. Chuyên viên thu hình đã làm việc không nghỉ, ghi nhận được hơn hai mươi giờ phim ảnh tài liệu. Chuyên viên y tế đã khám hơn một trăm người và hoàn tất hồ sơ đầy đủ chi tiết về tình trạng sức khỏe của những người dân tại đây. Điều đặc biệt là tuy sống trong một tình trạng có thể tạm gọi là "thiếu tiêu chuẩn vệ sinh" theo quan niệm của những người "văn minh" như chúng ta nhưng chuyên viên y tế không hề tìm thấy một dấu hiệu nào về bệnh tật cả. Hàm răng của họ rất tốt, ngay cả triệu chứng sâu răng thường thấy tại các bộ lạc khác cũng không hề có tại đây. Tôi xin xác nhận rằng tất cả những gì chúng tôi ghi nhận đều được kiểm chứng cẩn thận để bảo đảm tính cách trung thực của nó. Vì thời gian quá ít, chúng tôi chỉ làm được những gì có thể làm và chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Tôi được biết có đến hơn hai mươi làng mạc rải rác trên đỉnh Sierra, nhưng chúng tôi chỉ được đến thăm một làng duy nhất mà thôi. Chắc hẳn người Kogi đã có một lý do riêng nào đó nên không muốn chúng tôi đi thăm những nơi khác, nhưng chúng tôi cũng không muốn tò mò tìm hiểu thêm làm gì. Các Trưởng Lão xác nhận rằng họ không giấu giếm chúng tôi điều gì nhưng cũng không muốn sự có mặt của chúng tôi gây xáo trộn đời sống yên lành của những người dân trong vùng.

Điều đặc biệt đầu tiên mà chúng tôi thấy là những người dân Kogi thường sinh hoạt chung. Mỗi khi cần làm việc gì thì mọi người kéo nhau ra làm việc đó một cách rất tự nhiên.

Chúng tôi đã chứng kiến việc toàn thể dân chúng trong làng kéo nhau đắp lại con đường bằng đá dẫn vào làng. Họ tự động phân chia ra nhiều nhóm nhỏ, mỗi nhóm làm một phần mà không cần phải có người hướng dẫn hay chỉ huy. Vì con đường này nối liền hai làng nên dân cả hai làng kéo nhau ra làm việc một cách hết sức trật tự.

Chúng tôi được biết mỗi làng có một Hội Đồng Trưởng Lão. Những người này thường cầm một chiếc ống nhỏ bằng gỗ, bên trong đựng vôi. Họ cầm một chiếc que xoay qua xoay lại để tán những mảnh đá vôi ra thành bột, thỉnh thoảng lại đưa lên miệng chắm một chút vôi vào đầu lưỡi. Một Trưởng Lão cho biết: chiếc ống vôi tượng trưng cho đời sống. Họ luôn tay xoay chiếc ống vôi đó vì đời sống luôn luôn thay đổi, tiếp diễn không ngừng. Đá vôi tượng trưng cho chất liệu của đời sống. Sở dĩ họ nghiền nát những miếng vôi rồi đưa lên miệng vì hành động đó làm cho đời sống trở nên ý nghĩa hơn. Tôi không hiểu rõ nghĩa của câu đó nên yêu cầu ông giải thích thêm. Vị Trưởng Lão đã nói: "Đời sống là một sự mâu thuẫn. Nếu con người biết mài giũa thân và tâm để ý thức đời sống một cách trọn vẹn thì người ta sẽ ý thức được những việc khác phi thường hơn".

Ký giả Ereira kết luận: "Tôi đã quan sát việc này rất lâu mà không hề giải thích gì hơn. Theo tôi thì có lẽ đây là một phương pháp tĩnh tâm, ý thức hành động của mình, một phương pháp giống như cách thực hành thiền định của người Á Châu. Việc mài giũa tâm và thân qua hành động xoay xoay chiếc ống vôi nhỏ trên tay là một điều lạ lùng rất khó giải thích".

Chính giữa làng có một căn nhà rất lớn cất bằng lá cây. Đây là nơi hội họp của dân làng mỗi khi có việc quan trọng. Khác hẳn với những bộ lạc khác, chúng tôi không hề nhìn thấy các biểu tượng Tôn Giáo, tín ngưỡng gì cả. Căn nhà hoàn toàn trống trơn và rất sạch sẽ. Một vị Trưởng Lão cho biết đây là trung tâm sinh hoạt của làng, mọi việc quan trọng như cưới hỏi, chôn cất, trồng trọt, cấy cấy, tiên đoán thời tiết đều được mang ra thảo luận tại đây để lấy quyết định chung. Tất cả mọi người đều có quyền phát biểu ý kiến, không có Tú Trưởng hay một ai nắm quyền hành cả. Ký giả Ereira ghi nhận: "Thật là một điều lạ lùng chưa từng thấy. Một bộ lạc không có Tú Trưởng, không có người lãnh đạo, mọi quyết định đều là quyết định chung. Phải chăng đây là một hình thức dân chủ thô sơ nhất và chân chính nhất đã có từ ngàn xưa? Theo chỗ chúng tôi dò hỏi thì không có một điều gì được làm nếu không có sự đồng ý chung, nhưng quyết định chung ở đây không có nghĩa là đa số trên thiểu số mà là quyết định của toàn thể mọi người (Consensus). Thật khó có thể tưởng tượng một bộ lạc sống biệt lập lại có một truyền thống dân chủ đặc biệt như vậy! Phải chăng nền văn minh cổ xưa ngày trước là một nền văn minh dựa trên căn bản dân chủ?".

Đơn vị nhỏ nhất của xã hội Kogi là đơn vị gia đình. Trung bình một gia đình gồm Cha Mẹ và các con nhỏ. Khi trẻ em còn nhỏ chúng được nuôi dưỡng bởi Cha Mẹ, phần lớn là người Mẹ trực tiếp nuôi nấng con cái. Nếu có bệnh tật thì các em được đưa đến cho các Trưởng Lão chữa bệnh. Đôi khi các Trưởng Lão cũng bó tay và em nhỏ không thể sống nhưng Cha Mẹ chúng chấp nhận, cho rằng đó là luật thiên nhiên. Nếu sống được đến lúc trưởng thành thì người Kogi có tuổi thọ rất cao, tuổi trung bình của họ là khoảng một trăm hay hơn thế nữa. Một Trưởng Lão cho biết: "Theo quan niệm của chúng tôi thì sống thuận theo thiên nhiên không thể có bệnh. Bệnh tật chỉ là hậu quả của những gì trái với thiên nhiên. Ngoài ra sự tương giao giữa con người với thiên nhiên hết sức mật thiết và khi thiên nhiên bị phá hoại, chắc chắn con người sẽ bị ảnh hưởng theo, do đó con người phải biết tìm môi trường thích hợp để sống.

Chính vì sống theo với các định luật thiên nhiên mà có đủ thứ bệnh kỳ lạ xảy ra, đây là bằng chứng hiển nhiên rằng con người chịu ảnh hưởng nhiều về môi trường và cách thức mà họ sinh sống". Khi đứa nhỏ được khoảng bảy tuổi thì chúng bắt

đầu rời Cha Mẹ để sống với Ông Bà Nội, Ông Bà Ngoại ở cách đó không xa để được giáo dục thêm về cách sống tự lập. Khi được hai mươi mốt tuổi thì đưa nhỏ đi theo các bậc Trưởng Lão học hỏi và khi gần ba mươi tuổi mới bắt đầu khởi sự lập gia đình riêng.

Người Kogi sống bằng cách canh tác và hái trái cây trong rừng, một lối sống hết sức thô sơ thường được gán cho các dân tộc còn man dã. Phương pháp trồng trọt của họ cũng rất giản dị. Họ dùng một cây nhọn để xấn đất, thầy vào đó vài hạt đậu rồi lấp lại. Việc trồng trọt hay gieo hạt được dành cho phái nữ vì người nữ "mát tay" hơn người nam. Một Trưởng Lão cho biết: "Chúng tôi vẫn biết có những phương pháp trồng trọt, canh tác khác có thể làm hoa màu này sinh rất nhiều, nhưng có nhiều để làm gì? Gia đình nào thì cũng chỉ ăn ngày ba bữa. Có nhiều sẽ tạo nên tình trạng tham lam, tạo ra phiền toái vô ích. Thiên nhiên đã lo liệu chu toàn thì cứ theo đó mà sống. Các ông hãy nhìn kia, chim chóc không gieo hạt mà thiên nhiên có để cho chúng chết đói đâu? Các thú rừng khác cũng thế, chẳng loài nào thiếu ăn cả, vậy tại sao con người phải lo tâng trữ, gia tăng thu hoạch thực phẩm? Có dư làm rối loạn trật tự thiên nhiên, có nhiều hơn cái mình cần là lấy đi mất phần của người khác hay sinh vật khác, và như thế là vi phạm một định luật căn bản của thiên nhiên và truyền thống sẵn có của dân Kogi. Các ông nên biết người Kogi chỉ sống vừa đủ, hoàn toàn không có gì dư thừa và do đó tại đây không hề có trộm cướp hay các tệ nạn như các bộ lạc khác".

Một điểm rất đặc biệt là người Kogi không hề ăn thịt cá. Khác hẳn với các bộ lạc khác, họ không hề săn bắn hay có vũ khí. Truyền thống của họ không hề có vấn đề giết hại bất cứ một sinh vật nào, dù lớn hay nhỏ. Đây là một chi tiết đang làm nhức đầu nhiều nhà nhân chủng học và xã hội học. Từ trước đến nay, các lý thuyết đều cho rằng những bộ lạc dã man đều sinh sống bằng săn bắn và ăn trái cây trong rừng. Việc một bộ lạc không hề có tập tục ăn thịt cá là một sự kiện độc đáo, lạ lùng hiếm có và khó giải thích. Người Kogi cho rằng giết hại sinh vật là trái với luật thiên nhiên. Có lẽ vì lý do đó trong thời gian quay phim, phái đoàn đài BBC đã thấy rất nhiều hươu, nai, thỏ rừng, chồn cáo đi qua đi lại trong làng như những gia súc mà không hề sợ hãi. Vì chỉ sống bằng rau cỏ thiên nhiên nên việc học hỏi, nghiên cứu các lá cây có dược tính là một môn học được giảng dạy rất kỹ lưỡng tại đây. Người Kogi cho biết họ có thể sống từ ngày này qua ngày khác bằng cách ngậm một vài lá cây mà thôi, có lẽ vì chỉ ăn rau trái mà họ sống lâu như vậy!

Phái đoàn đã ghi nhận việc một Trưởng Lão dạy dỗ một thanh niên cách ăn uống như sau: "Khi ăn phải nhai thật từ từ, thông thả, phải ý thức từng chút một và tuyệt đối chú tâm vào việc ăn chứ không được nghĩ đến gì khác".

Cách ăn uống, làm chủ vị giác là bài học vỡ lòng đầu tiên trong phương pháp giáo dục của họ. Truyền thống tại đây không có trường học mà chỉ có cách dạy dỗ khẩu truyền từ Cha Mẹ, Ông Bà cho con cháu, và từ các bậc Trưởng Lão cho những thanh niên. Các giáo dục thanh niên tại đây cũng hết sức lạ lùng, có một không hai. Khi được khoảng hai mươi tuổi, thanh niên được gửi đến học hỏi với các bậc Trưởng Lão trong những túp lều đơn sơ hay một hang đá. Tại đây họ sẽ tập ngồi yên quay mặt vào vách tường trong bảy đến chín năm liền. Họ chỉ nhai một ít lá cây, uống một chút nước và chú tâm suy gẫm về những điều được giảng dạy. Mỗi ngày vào giờ giấc nhất định, các bậc Trưởng Lão có nhiệm vụ hướng dẫn sẽ bước vào trao cho họ một đề tài chi đó để suy gẫm.

Ký giả Ereira đã ghi nhận buổi giảng dạy trong một hang đá như sau: Thanh niên ngồi quay mặt vào vách, vị Trưởng Lão bước vào ngồi ở phía sau quan sát thanh niên kia một lúc rồi mới đưa chiếc ống đựng vôi cho thanh niên sử dụng. Ông nói: "Người hãy xoay chiếc ống thật từ từ, thông thả, ý thức từng hành động và biết rằng mọi vật trong thiên nhiên lúc nào cũng thay đổi như chiếc ống đang xoay trong tay người vậy. Người phải biết rằng đời sống vốn quý báu như vôi đựng trong ống, phải biết quý trọng đời sống của mình cũng như của mọi sinh vật. Tất cả hiện diện nơi đây vì một ý nghĩa nhất định chứ không phải tình cờ".

Trong một hang đá khác, một Trưởng Lão giảng dạy về cách canh tác: "Người phải biết tôn trọng từng gốc cây, từng ngọn cỏ vì cây cỏ cũng có đời sống riêng của nó. Đừng bao giờ nghĩ đến việc chặt một cây mà không nghĩ đến hậu quả mà người sẽ gây ra. Cây cối cho người trái ăn, cho người bóng mát và che chở người khi cần thiết, vậy người phải biết tôn trọng cây cối. Người phải biết vạn vật liên quan với nhau chặt chẽ và người phải ý thức rõ rệt về sự tương quan mật thiết này. Phá hoại trật tự này là phá hoại đời sống và phá hoại đời sống chính là tự hủy hoại".

Ký giả Alan Ereira kết luận: "Trong suốt chín năm ngồi quán xét sự liên hệ giữa các sinh vật với nhau, về mối liên quan giữa con người và con người, người và thú vật, người và rừng cây, người và con suối, mà họ biết tôn trọng thiên nhiên, không giết hại, không ăn thịt cá. Họ biết ý thức sự sống tràn đầy trong thiên nhiên, từ đỉnh núi cao xa to lớn cho đến những côn trùng nhỏ bé, từ những trận mưa đầu mùa đổ nước xuống các dòng suối tươi mát cho đến những hoa thơm cỏ lạ mọc trong các thung lũng. Tâm thức họ tràn đầy các hình ảnh tuyệt vời của thiên nhiên qua các điệu nhạc mà chim chóc hòa tấu, thường thức hương thơm của cỏ hoa, rung động với các thay đổi của thời tiết... Chắc chắn điều này phải có một kết quả lạ lùng nào đó vì khi trưởng thành, bước ra khỏi hang đá, con người đó phải là một con người ý thức rất sâu xa về mình và sự tương quan giữa mình và mọi vật. Khi đó họ trở nên một con người mà theo tập tục của xã hội Kogi là người đã trưởng thành, có thể lập gia đình, có bổn phận với xã hội hoặc tiếp tục đi theo các bậc Trưởng Lão để học hỏi thêm và trở nên một trong những người này. Danh từ "Trưởng Lão" của người Kogi không hề có nghĩa là người chỉ huy mà chỉ có nghĩa là một người khôn ngoan (wise man) mà thôi".

Muốn đi theo con đường của các bậc Trưởng Lão, một thanh niên còn phải học hỏi trong nhiều năm. Một trong những phương pháp quan trọng là việc tĩnh tâm để "giao cảm với tâm thức vũ trụ", nhờ đó họ có thể biết được nhiều việc xảy ra trên thế giới mặc dù không rời khỏi phạm vi của đỉnh Sierra. Đa số các Trưởng Lão thường bỏ ra nhiều giờ mỗi ngày để ngồi yên lặng, giao cảm với thiên nhiên, vì đối với họ việc tĩnh tâm là mục đích chính của đời sống. Các nhu cầu như ăn uống chỉ là phụ thuộc. Người ta chỉ bỏ ra vài giờ vào rừng hái trái cây, uống nước suối là đủ rồi, nhưng người ta không thể sống mà thiếu ý thức về mình được.

Một vị Trưởng Lão cho biết: "Vũ trụ là một tấm gương lớn, phản ánh tất cả mọi việc xảy ra trong đó. Biết rung động với vũ trụ là biết quán xét tấm gương kia, do đó người ta đâu cần phải đi đâu xa mà cũng biết được những điều cần thiết. Việc ngồi chín năm trong động đá đầu phải chỉ ngồi đó nhai vài lá cây, suy nghĩ vài câu nói, mà đòi hỏi người ta phải nỗ lực tìm hiểu về mình, vì biết mình chính là biết được vũ trụ và biết được vũ trụ thì tất hiểu được các định luật thiên nhiên. Đã hiểu được các định luật này một cách sâu xa thì làm sao có thể

làm trái với nó được? Sở dĩ con người làm việc sai quấy vì họ không biết mình, chỉ sống hời hợt, quay cuồng và dựa trên những giá trị có tính cách giả tạo, những giá trị do tập đoàn tạo ra chứ không phải phát xuất từ những công phu suy gẫm sâu xa. Sống như thế không thể gọi là sống. Đó là sống mà như chết, thân thể tuy sống mà đầu óc đã chết từ lâu rồi!"

Đối với người Kogi, việc chết cũng rất giản dị. Khi cảm thấy đã đến lúc phải ra đi, một người già thường tìm vào một hang đá sâu và ngồi yên trong đó chờ chết. Họ không làm đám tang, gia đình than khóc như những bộ lạc khác, mà họ cho rằng đó là một việc bình thường, không có gì đáng quan tâm. Một điểm hết sức đặc biệt nữa của người Kogi là họ không hề có một tín ngưỡng thờ thần linh hay vật tổ như các bộ lạc khác. Truyền thống nơi đây chú trọng trên căn bản tính tâm suy gẫm nên họ đã có những quan niệm hết sức đặc biệt, khác hẳn với những nền văn minh khác tại Nam Mỹ. Theo quan niệm của người Kogi truyền từ đời này qua đời khác thì thuở ban sơ, vũ trụ hoàn toàn trống rỗng, không có mặt trời, mặt trăng, tinh tú hay bất cứ một cái gì và chính cái trống rỗng nguyên vẹn đó được gọi là "Mẹ Vũ Trụ" hay Kaluna. Danh từ "Mẹ Vũ Trụ" không phải một đấng Hóa Công (Creator) mà chỉ là một tâm thức (Mind), một trạng thái tuyệt đối hoàn hảo của tâm thức.

Một Trưởng Lão đã nói: "Các quan niệm như tinh tú, mặt trời, mặt trăng, đất nước, gió lửa từ đâu đến? Phải chăng từ tâm thức này sinh ra? Chính tâm thức đó phát sinh ra tư tưởng và khi tư tưởng vận hành, giống như cuộn chỉ xoay từ sợi, mà tất cả mọi vật đều phát sinh. Tóm lại, tất cả đều do tâm tạo. Có tất cả chín thế giới phát sinh từ tâm thức vũ trụ cũng như một người Mẹ sinh ra chín đứa con. Một đứa con có một đặc tính hay sắc thái tiêu biểu bằng các màu sắc khác nhau. Thế giới thứ chín chính là cái thế giới mà hiện nay chúng ta đang sống. Tất cả mọi thế giới đều tuân theo những quy luật nhất định liên quan đến việc sinh ra, lớn lên, phát triển rồi chết đi. Đó chính là định luật thiên nhiên không thể thay đổi. Ý thức rõ rệt các định luật này rất quan trọng vì nó là cây cầu tâm thức nối liền chúng ta và các cảnh giới khác và sau cùng với Mẹ Vũ Trụ (Kaluna). Chính vì ý thức mà người ta biết rằng trái đất này không phải tạo ra riêng cho loài người mà cho tất cả mọi sinh vật khác nữa".

Ký giả Ereira đã đặt câu hỏi về Kim Tự Tháp và thành phố bỏ hoang với Trưởng Lão người Kogi nhưng họ lắc đầu từ chối không tiết lộ gì về lịch sử của thành phố đó. Mặc dù họ tự nhận là con cháu của những người đã xây cất ra thành phố đó nhưng họ cho biết: "Tại sao các ông cứ quan tâm đến những ký hiệu lạ lùng, những tấm bản đồ bằng đá kia làm chi? Các ông sẽ không thể hiểu nổi những ẩn nghĩa đó khi tâm các ông còn xáo trộn. Các tâm hồn non dại, chưa trưởng thành, chưa biết làm chủ mình thường chỉ thích tò mò chạy theo những kỳ lạ, những hão huyền bên ngoài chứ không biết quay vào bên trong để hiểu chính mình. Chỉ khi biết mình thì mới biết được những điều mà Kim Tự Tháp kia được xây cất vào việc gì và những tảng đá kia để chỉ dẫn những gì. Khi xưa tổ tiên của chúng tôi đã biết rõ những điều này nhưng khi con người trở nên tham lam, ích kỷ, giết hại, ăn thịt cá, phá hoại trật tự của thiên nhiên thì tổ tiên chúng tôi biết không thể thay đổi gì được. Họ rút vào rừng sâu núi thẳm, chờ đợi những người em sẽ rút tía những bài học mà họ phải học, những lỗi lầm mà họ đã gây ra, nhưng tiếc thay đã bao lâu nay hình như chẳng mấy ai học hỏi được điều gì hết!"

Sau ba ngày ghi nhận, tiếp xúc và quay phim; buổi tối hôm ấy, mọi người quây quần trong căn nhà chính để nghe một Trưởng Lão tuyên bố về Thông Điệp mà họ muốn gửi cho thế

giới. Đó là một ông lão lớn tuổi nhưng còn khỏe. Nhìn hàm răng còn nguyên vẹn, mọi người nghĩ ông lão chỉ vào khoảng sáu mươi là nhiều nhưng về sau ký giả Ereira được biết vị Trưởng Lão này đã sống trên một trăm năm rồi. Hầu như vị Trưởng Lão nào cũng đều trên một trăm tuổi trở lên cả. Chúng tôi không nhìn thấy những dấu vết già yếu, bệnh tật trên thân thể họ như vẫn thường thấy ở các bộ lạc khác. Vị Trưởng Lão lên tiếng: "Chúng tôi đã thảo luận rất kỹ về điều chúng tôi muốn nói. Chúng tôi muốn gửi một Thông Điệp cho các em trong gia đình nhân loại. Chúng tôi nói bằng trái tim, những lời nói chân thành nhất rằng hiện nay nhân loại sắp bước vào một thảm họa rất lớn mà từ trước đến nay chưa hề xảy ra.

Thứ nhất, nhân loại cần biết rằng tất cả chúng ta đều là anh em một nhà, đều là con cùng một Mẹ. Dù chúng ta có màu da khác nhau, mặc quần áo khác nhau, có những truyền thống khác nhau, tuân theo những quan niệm khác nhau, sống trong những điều kiện khác nhau nhưng tất cả chỉ là bề ngoài mà thôi. Bên trong chúng ta đâu hề khác biệt. Khi đối chúng ta đều đối như nhau, lúc khát chúng ta đều khát như nhau, chúng ta đều có cảm giác vui buồn như nhau. Hiển nhiên phải như vậy rồi vì chúng ta đều là con cùng một Mẹ nhưng tiếc là các em đã không chú ý đến điều này vì các em đã quên mất nguồn gốc thiêng liêng của các em rồi.

Sống xa Mẹ đã lâu, các em đã quên hẳn người Mẹ sinh ra các em, săn sóc, che chở, nuôi dưỡng các em. Vì thiếu ý thức, các em đã phá nát gia tài Mẹ Cha để lại, phá hoại một cách không thương tiếc, không một mảy may thương tiếc! Các anh đây sinh trước, gần Cha Mẹ hơn nên hiểu được lòng Mẹ Cha đang tan nát, đau khổ. Mẹ đã buồn vì các con sinh sau nỡ muợn đã không biết thương yêu nhau mà trái lại cứ chém giết, hận thù nhau, làm hại lẫn nhau khiến Mẹ Cha khổ sở vô cùng. Không những thế, các em còn dày xéo lên thân thể Mẹ Cha mà không biết rằng các em đang giết hại chính đấng đã sinh ra các em. Các anh biết rõ việc này nên chỉ muốn khuyên các em hãy dừng lại, quan sát và ý thức việc làm hiện nay của các em vì giết hại đấng sinh thành ra mình chính là giết hại chính mình đó.

Mẹ của các em là ai? Chính là trái đất này. Lòng Mẹ chính là biển cả và trái tim của Mẹ chính là những dãy núi cao có mặt khắp nơi.

Này các em, đốt rừng, phá núi, đổ đổ ô uế xuống biển chính là chà đạp lên thân thể của Mẹ đó. Mẹ là nguồn sống chung và con người không thể sống mà không có Mẹ. Nếu trái đất bị hủy hoại thì chúng ta sẽ sống ở đâu? Đây là một vấn đề hết sức quan trọng và cần xét đôn một cách nghiêm chỉnh. Các anh không biết trong vòng vài năm nữa thế giới sẽ biến đổi như thế nào? Chắc không lấy gì tốt đẹp lắm đâu nếu các em cứ tiếp tục phá hoại mà không biết bảo trì môi trường sinh sống. Tại sao được thừa hưởng một gia tài tốt đẹp như thế mà chúng ta lại phá hoại nó đi vậy? Tại sao các em không nghĩ rằng trải qua mấy ngàn năm nay, thế hệ trước đã giữ gìn cẩn thận, đã trân trọng từng tấc đất, từng ngọn suối, từng khóm cây, ngọn cỏ mà ngày nay các em có thể tự hào rằng mình vẫn mình khi nhân loại và mọi sinh vật mỗi ngày một khổ đau nhiều hơn xưa? Làm sao có thể nói rằng nhân loại đã tiến bộ khi còn người ngày càng gia tăng thù hận, chỉ thích gây chiến tranh khắp nơi? Các anh biết vậy nhưng phải làm sao đây? Làm sao có thể nói cho các em biết rằng vũ trụ có những định luật vô cùng lớn lao, không thể vi phạm được? Lòng các anh vô cùng đau đớn vì các anh thấy rằng trái đất đã khô kiệt rồi, mọi sự sống đang lâm nguy và thảm họa diệt vong chỉ còn trong giây lát. Do đó các anh muốn kêu gọi khẩn thiết rằng hãy thức tỉnh,

ngưng ngay những việc có tính cách phá hoại đó lại, nếu không thì trễ quá mất rồi!".

Ký giả Ereira ghi nhận: "Thật khó có thể tin rằng những người Kogi lại biết rõ tình trạng phá hoại môi sinh và chiến tranh đang xảy ra trên thế giới hiện nay khi họ không rời phạm vi của đỉnh Sierra. Tuy nhiên điều này có lẽ cũng không sai vì có nhiều bằng chứng rằng môi trường sinh sống của nhân loại đang bước vào một giai đoạn nguy kịch rõ rệt. Một bằng chứng hiển nhiên là lớp tuyết trên đỉnh Sierra trước nay vẫn đóng rất dày mà nay chỉ còn tro lại một vài mảng mà thôi. Gần đỉnh núi có một hồ nước rất lớn, vốn là nơi lưu trữ nước khi tuyết tan vào mùa hè. Hồ nước này sẽ đổ xuống các sông ngòi, chảy qua những đồng bằng trước khi chảy ra biển. Hiện nay hồ nước này cũng đã gần cạn khô, mực nước tại sông ngòi quanh vùng đều xuống thấp và dân chúng ở vùng đồng bằng đã than là suốt mấy năm nay, nạn hạn hán đã hoành hành dữ dội, số lượng thóc lúa thu hoạch được càng ngày càng xuống rất thấp. khắp nơi trên thế giới, người ta nói về tình trạng nhiệt độ gia tăng (Global Warming) gây ra bởi nạn đốt rừng, phá núi, xê đường và hậu quả của những ô nhiễm kỹ nghệ. Thêm vào đó biển cả cũng gặp nhiều khó khăn bởi việc các chất cặn bã gia tăng, giết hại các sinh vật, căn bản của đời sống các loài thủy tộc. Thêm vào đó, việc phát triển các kỹ thuật đánh cá tối tân bằng các tấm lưới khổng lồ như lưới vét (Drift Net) của các quốc gia tân tiến đã làm nhiều dân tộc sống ở ven biển gặp nhiều khó khăn về thực phẩm vì chẳng còn có cá để ăn".

Người ta tiên đoán rằng chỉ vài năm nữa thế giới sẽ lâm vào tình trạng suy kiệt dinh dưỡng. Nạn đói kém sẽ xảy ra khắp nơi, và những quốc gia làm chủ được thực phẩm sẽ là những quốc gia có quyền lực mạnh nhất. Biết rõ nguy nan này, các quốc gia tân tiến đang phát động những căn bản kinh tế, kỹ nghệ mới đặt trên vấn đề môi sinh mà nạn nhân đầu tiên sẽ là các quốc gia kém mở mang, chậm tiến. Chính những quốc gia này sẽ trở thành miếng mồi ngon để các quốc gia tân tiến kéo đến mở mang kỹ nghệ, phóng uế bừa bãi các chất cặn bã, và phá hoại môi sinh. Nhân danh khoa học kỹ thuật, các quốc gia tiên tiến đang cho thuyền chuyên những nhà máy, kỹ nghệ từ xứ họ qua những quốc gia khác dưới những danh nghĩa rất tốt đẹp như hợp tác, phát triển kỹ thuật. Hiển nhiên họ đã ý thức tình trạng phá hoại môi sinh và hậu quả của nó trong quốc gia của họ và quyết định nếu kỹ nghệ là cần thiết thì hậu quả của nó phải xảy ra một nơi nào khác chứ không phải trên lãnh thổ của họ.

Nói một cách khác, chính sách "thực dân mới" sẽ không xây dựng trên tình trạng chiếm đất, nhưng sẽ đặt trên căn bản phá hoại môi sinh tại những nơi khác, vì đây là một sự phá hoại có tính cách vĩnh viễn, không thể phục hồi. Những quốc gia mà môi sinh bị phá hoại sẽ không bao giờ ngóc đầu lên được khi tình trạng thực phẩm thiếu sót vì đất màu bị phá hoại, rừng rậm bị phá hủy, biển cả và đất đai chứa đựng toàn những chất ô nhiễm. Dĩ nhiên dân chúng sẽ bị những bệnh tật kỳ dị không thể chữa, những thứ bệnh có thể gây tổn thương đến yếu tố di truyền và hoàn toàn suy kiệt nhân lực (Oligarchy) bởi các hóa chất kỹ nghệ.

Thế giới ngày nay đang bước vào một khúc quanh lịch sử mà trong đó tình trạng môi sinh sẽ đóng một vai trò thiết yếu, quan trọng. Khi phái đoàn ký giả đài BBC rời rặng Sierra vào tháng hai năm 1993, những người Kogi đã ân cần nhắc nhở: "Xin các ông hãy mang Thông Điệp này ra gửi cho thế giới bên ngoài để nhân loại biết rằng tình trạng đã thực sự nguy kịch lắm rồi! Nếu họ không chịu thức tỉnh thì đợi đến bao giờ nữa đây?".

TRANH CỦA HỌA SĨ NHẬT BẢN - Lời của Hiếu Đệ



INS DEUTSCHER SPRACHE

DIE TRADITION DES LAUTEREN LANDES

• Tu Xung R.B.

(Fortsetzung)

(4) Siehe die folgenden Ausführungen von D.T. Suzuki :

Jiriki (Eigenkraft) ist der... (Weisheits-) Aspekt der Erleuchtung, und tariki (Andere Kraft) ist ihr... Aspekt (des Großen Erbarmens). Durch (Weisheit) gehen wir über das Prinzip der Individuation hinaus, und durch (das Große Erbarmen) steigen wir in eine Welt von Einzelwesen hinab. Das eine geht aufwärts, während das andere hernieder kommt, aber dies ist unsere intellektuelle Weise des Verstehens und der Interpretation der Erleuchtung, in deren Bewegung jedoch keine solch zweifache Richtung zu unterscheiden ist. (The Eastern Buddhist, Vol. 3, No. 4, p. 314)

(5) Historisch gehen die Wurzeln des Lauteren Landes bis auf das alte Indien zurück, obwohl diese Tradition dort nicht betont wurde :

Obwohl ein dem Buddha Amitabha gewidmeter Kult in Indien entstand, scheint die Verehrung dieses Buddha nur eine von vielen Praktiken des frühen Mahâyâna-Buddhismus gewesen zu sein. (Elizabeth ten Grotenhuis, in Joji Okazaki, Pure Land Buddhist Painting, p. 14)

Anmerkung : Eine frühe Form der Buddha-Rezitation finden wir in den Nikâyas des Pâli-Kanons :

In den Nikayas empfahl der Buddha... seinen Schülern, an ihn und seine Tugenden zu denken, als ob sie seinen Körper vor sich sähen, wodurch sie Verdienste anhäufen und Nirvana erlangen oder vor der Wiedergeburt auf den üblen Pfaden errettet werden würden... (D.T. Suzuki, The Eastern Buddhist, Vol. 3, No. 4, p. 317)

(6) Siehe die folgende Stelle über die Bodhisattva-Übung aus den

"Übungen und Gelübden des Bodhisattva Samantabhâdra" :

Um der Lebewesen willen, bringen sie (die Bodhisattvas) großes Mitleid hervor. Aus dem großen Mitleid wird der Bodhi-Geist geboren; und wegen des Bodhi-Geistes erlangen sie die Höchste Vollkommene Erleuchtung. (Avatamsaka-Sûtra, Kap. 40)

(7) Der Text des Haupt- (18.) Gelübdes lautet :

Wenn sich, nachdem ich Buddhaschaft erlangt habe, alle Wesen in den zehn Himmelsrichtungen in Ernsthaftigkeit und mit Vertrauen nach Geburt in meinem Lande sehnen, und wenn sie dann nach zehnmalem Denken an mich dort nicht geboren werden sollten... will ich die Höchste Erleuchtung nicht erlangen. (Längeres Sukhâvatîvyûha, zit. bei Elizabeth ten Grotenhuis, op. cit., p. 15)

(8) Prof. Allan A. Andrews hat angemerkt, daß es zwei Ebenen der Praxis des Lauteren Landes gibt, die in China seit dem 4. Jahrhundert und beginnend mit den ersten beiden Patriarchen nebeneinander existieren :

Hui-yuan benutzte (die Buddha-Rezitation), um Prajnâ (Weisheit) durch seine eigenen Anstrengungen zu erlangen. T'an-luan erachtete (die Buddha-Rezitation) als die beste Praxis für die Errettung, d.h. für die Hingeburt, denn (sie) ist die einfachste Praxis durch die Kraft der barmherzigen Gelübde Amidas. ("Nembutsu in` der chinesischen Tradition des Lauteren Landes", in The Eastern Buddhist, Vol. 3, No. 2, p.40)

Dazu muß angemerkt werden, daß das Verständnis der zweifachen Natur des Lauteren Landes als

Nur-Geist und als ein besonderes Dasein Meditation und Rezitation erfordert - nicht aber intellektuelle Beweisführung.

Im säkularen westlichen Denken hat das Bewußtsein von der psychologischen Projektion als einem Ursprung des übernatürlichen Seins dazu gedient, Dämonen, Kobolde, Engel und Heilige zu entmythologisieren und sie ihrer Kraft zu berauben. Das Bardo Thödol (Tibetisches Totenbuch) spricht jedoch zwar von den Gottheiten als "Projektionen", niemals aber als von "bloßen Projektionen". Die Gottheiten sind vorhanden, und man muß mit ihnen religiös umgehen... nicht bloß mit intellektueller Einsicht. (D.G. Dawe in The Perennial Dictionary of World Religions, p. 93)

(9) Der gewöhnliche, befleckte Geist umfaßt Gefühle, Eindrücke, Konzeptionen, Bewußtsein usw. Der Wahre Geist ist die grundlegende Natur, das Ursprüngliche Antlitz, die Wirklichkeit, die Buddha-Natur, usw. Der Wahre Geist verhält sich zum gewöhnlichen Geist wie Wasser zu den Wellen - beiden können nicht voneinander getrennt werden. Sie sind dasselbe, und doch sind sie verschieden. Alle Methoden der Übung ziehen auf die Beruhigung der Wellen und auf die Rückführung des Wassers auf seine ursprüngliche Stille. Die Oberfläche wird dann zum Spiegel, der alles reflektiert. Dies ist Weisheit oder Erleuchtung. Die Praxis der Meditation (samatha/vipâsyanâ) ist in der einen oder der anderen Form die Grundlage der Übung in allen buddhistischen Traditionen, einschließlich der des Lauteren Landes.

(10) Dazu die folgenden Ausführungen D.T. Suzukis :

Wir bemerken, daß selbst die extrem devotionale Form des buddhistischen Lebens, wie sie sich im (Lauteren Land) zeigt, sich auf ihrer letzten Stufe der "spirituellen Ruhe" . . . der Zen-Weise anzunähern beginnt. Hierin liegt in der Tat die Einheit der buddhistischen Erfahrung in all ihren unterschiedlichen Ausformungen. (D.T. Suzuki, The Eastern Buddhist, Vol. 4, No. 2, p. 121)

(11) Das Avatamsaka-Sûtra lehrt die gegenseitige Durchdringung aller Dharmas . . . das kleinste Dharma enthält das größte und umgekehrt, wie bei einem modernen Vergleich ein einziger Computer-Chip zahllose Bücher enthalten kann. Diese Lehre wird im 26. Kapitel dieses Sûtra deutlich dargestellt, welches die letzten Übungsphasen eines Bodhisattva vor der endgültigen Buddhaschaft beschreibt. In jenem Kapitel wird gelehrt, daß auf jeder Stufe die Handlungen des Bodhisattva "niemals über die Buddha-Rezitation" hinausgehen : Dies ist eine Zusammenfassung der 10. Stufe der Erleuchtungswesen, genannt Wolke der Lehrverkündigung... Welche Handlungen sie auch vollziehen, sei es durch Geben, freundliche Rede, wohlthuendes Wirken oder Zusammenarbeit : dies ist alles niemals getrennt vom Denken an den Buddha (Buddha-Rezitation), an die Lehre und an die Gemeinde... (Thomas Cleary, Übers., The Flower Ornament Scripture - Avatamsaka-Sûtra, Vol. II, p. 111)

(12) Dazu folgendes Zitat : Das (Längere Amitâbha-Sutra). . . , das schon vor dem Jahre 200 n. Chr. nachgewiesen werden kann, beschreibt eine Lehrdarlegung, die Buddha Sâkyamuni . . . auf Fragen seines Schülers Ânanda gegeben hat. Sâkyamuni erzählt die Geschichte des Bodhisattva Dharmâkâra, der vor Äonen tief bewegt vom Leiden der Lebewesen beschlossen hatte, ein Land der Glückseligkeit zu errichten, in welchem alle Wesen die Befreiung von ihren Leiden erfahren konnten . . . In Gegenwart des 81. Buddha der Vergangenheit, Lokésvarârâja, legte Dharmâkâra 48 auf dieses Paradies bezogene Gelübde ab, und gelobte, daß er die Erleuchtung nicht annehmen werde, wenn er seine Ziele nicht erlangen würde... Als nach zahllosen Äonen Dharmâkâra Erleuchtung erlangte und ein Buddha wurde, waren die Bedingungen seines (18.) Gelübdes erfüllt : er wurde der Herr von Sukhavati, dem Westlichen Paradies, wo die Vertrauensvollen in Beseligung wiedergeboren werden, um dort durch die Stufen wachsender Klarbewußtheit fortzuschreiten, bis sie schließlich Erleuchtung erlangen.

(Elizabeth ten Grotenhuis in Joji Okazaki, Pure Land Buddhist Painting, p. 14-15)

(13) Die Lebensgeschichte des Ehrwürdigen Angulimâla ist einer der bewegendsten Berichte im Theravâda-Kanon. Nachdem er 999 Menschen getötet hatte, wurde Angulimâla vom Buddha bekehrt, bereute seine Übeltaten und trat dem Orden bei :

Eines Tages auf dem Almosengang sah er eine Frau in den Wehen. Von Mitleid bewegt, berichtete er dem Buddha von den Leiden dieser bedauernswerten Frau. Dieser wies ihn dann an, die folgenden Wahrheitsworte auszusprechen, die später als "Angulimâla-Paritta (Mantra)" bekannt wurden...

"Schwester, mir ist nicht erinnerlich, daß ich seit meiner Geburt in der Familie der Edlen (d.h. seit meiner Ordination) bewußt das Leben irgendeines Lebewesens zerstört hätte. Durch diese Wahrheit mögest du gesund sein, möge dein Kind gesund sein!"

Er ging zu der leidenden Schwester... und sprach diese Worte aus. Und alsbald gebar sie das Kind mit Leichtigkeit. (Narada Maha Thera, The Buddha and His Teaching, p. 124)

(14) Glaube ich in allen buddhistischen Traditionen ein wichtiges Element, besonders in der des Lauteren Landes. Dazu die folgende Stelle aus dem Avatamsaka-Sûtra :

Glaube ist die Grundlage des Pfades, die Mutter der Tugenden, welche

alle guten Wege nährt und wachsen läßt . . .

Glaube kann Weisheit und Tugend mehren;

Glaube kann die Erlangung der Erleuchtung sichern.

(Thomas Cleary, Übers., The Flower Ornament Scripture, vol. 1, p. 331)

(15) Dies ist auf der Ebene des Noumenon oder Prinzips richtig. Auf der Ebene der Phänomene gibt es zahllose Grade der Erleuchtung, von denen der Weisen bis hin zur Höchsten Vollkommenen Erleuchtung der Buddhas. (Ein Buddha ist jemand, der zu allen Zeiten vollkommen erleuchtet ist.)

(16) Die Stärke und Durchsetzungsfähigkeit des Lauteren Landes ist so groß, daß man seine Hauptübung, die Buddha-Rezitation, auch in anderen Schulen, z.B. in den tantrischen und in den Zen-Schulen, finden kann. Im Lauteren Land wird die Buddha-Rezitation mit der unmittelbaren Absicht des Erlangens der Wiedergeburt im Lande des Buddha Amitabha praktiziert. In der tantrischen Schule ist es das unmittelbare Ziel, unheilbares Karma und Leiden zu vernichten und Segen und Weisheit im gegenwärtigen Leben zu erwirken. Im Zen dient das Koan der Buddha-Rezitation dazu, trügerische Gedanken aufzulösen und den Wahren Geist der Selbst-Natur zu verwirklichen. Das höchste Ziel aller drei Schulen ist natürlich dasselbe : Erleuchtung und Buddhaschaft zu erlangen.

IMPRESSUM

Congr. d. Verein. Vietnam. Buddh. Kirche
Abteilung in der BRD (gemeinnütziger Verein e.V.)
Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der
Bundesrepublik Deutschland
VERLAG
C/o VIENGIAC Pagode, Karlsruher Str.6, 30519 Hannover,
Tel. (0511) 879630 - Fax (0511) 8790963
Herausgeber : Ven. THICH NHU DIEN
Redaktion : Vietnamesisch-Buddhistisches Sozio-Kulturzentrum in der BRD (VIBUS)

Erscheinungsweise : alle zwei Monate

Druck, Satz und Layout : VIBUS - HANNOVER
Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt
Nachdruck nur mit schriftlicher Genehmigung der Redaktion erlaubt

Das Herz-Sutra

Kommentar von Ch'an Meister Sheng-yen

• Teil 1

Das Herz-Sutra, obwohl kurz, verkörpert die Essenz des Buddhadharma. Die anderen Sutras sind länger, aber betonen üblicherweise einen Aspekt des Buddhadharma, und nähern sich ihm aus verschiedenen Richtungen. In den folgenden Ausführungen möchte ich das Herz-Sutra vom Gesichtspunkt des Ch'an betrachten.

Zuerst möchte ich erwähnen, dass das Herz-Sutra ein kleiner Teil des viel grösseren Mahaprajnaparamita-Sutra (1) ist. Das Herz-Sutra ist im Vergleich so winzig, dass es nur einem oder zwei Paragraphen entspricht. Einmal dem grösseren Sutra entnommen, entwickelt das Herz-Sutra ein Eigenleben. In der chinesischen Überlieferung allerdings ist das eigenständige Herz-Sutra leicht verschieden von der im grossen Sutra eingebetteten Version. Ein offensichtlicher Unterschied ist das abschliessende Mantra, das im Mahaprajnaparamita-Sutra nirgends vorkommt.

Bevor ich das eigentliche Sutra kommentiere, werde ich die Wichtigkeit seines Titels erklären. Das Herz-Sutra erhielt seinen Namen weil es das Herz oder die Essenz des Mahaprajnaparamita-Sutra ist. Würde die Bedeutung, die im Herz-Sutra enthalten ist, aus dem letzteren entfernt, wäre wenig davon übrig.

Der vollständige Name des Herz-Sutra in Sanskrit ist eigentlich Mahaprajnaparamita-Hridaya-Sutra (2). Prajna bedeutet Weisheit in Sanskrit. Weisheit ist dasjenige welches einen Bodhisattva von einem gewöhnlichen, fühlenden Wesen unterscheidet. Ein Wesen kann den Weg des Bodhisattva gehen, aber solange es Weisheit nicht erfahren hat, ist es ein gewöhnliches, fühlendes Wesen. Um ihm diese Erfahrung zu ermöglichen, beschreibt das Herz-Sutra die Natur der Weisheit. An der Wurzel des Buddhadharma

ist Weisheit. Ohne die Gegenwart von Weisheit und Führung durch Weisheit, wäre Buddhadharma nicht mehr als eine interessante intellektuelle, philosophische Lehre.

Da Ch'an der Natur nach pragmatisch ist, werde ich das Herz-Sutra praxisbezogen diskutieren. Nach den Sutras lassen sich Übungsmethoden in drei Kategorien einteilen: Gelübde, Samadhi (3) und Weisheit. Damit Methoden im Einklang mit Buddhadharma sind, müssen sie sich letztlich aus Weisheit herleiten.

Samadhi ohne die Gegenwart von Weisheit entspricht tiefen Meditationsstufen des äusseren Weges. Derartige Erfahrungen mögen hilfreich sein, können aber nicht als eigentliches buddhistisches Samadhi betrachtet werden. Das Plattform-Sutra besagt, dass eigentliches buddhistisches Samadhi und Weisheit gleichzeitig entstehen. Das ist so zu verstehen: Derartiges Samadhi ist die Substanz der Weisheit, und Weisheit ist die Funktion des derartigen Samadhi. Die Sutras besagen weiter, dass ein Wesen mit Weisheit oder in derartigem Samadhi die Gelübde weder brechen kann noch brechen will. Tatsächlich sind Gelübde ohne Führung durch Weisheit nicht zu unterscheiden von Ethik und Geboten anderer Doktrinen. Das soll nicht heissen die Gelübde und Prinzipien anderer Doktrinen seien weniger wertvoll, sie sind nur nicht Buddhadharma. Jede Praxis, die nicht im Wesentlichen unter Führung von Weisheit steht, ist eine Praxis des äusseren Weges und nicht Buddhadharma.

Buddha Shakyamuni's Lehre strömte aus seiner Weisheit, und es war seine Absicht, fühlende Wesen durch Unterricht so zu führen, dass sie mit der Zeit ebenfalls Weisheit hervorbringen könnten. Durch das Üben im Einklang mit Buddhadharma und das Hervorbringen von Weisheit erlangt ein Wesen Erleuchtung oder Befreiung.

Menschen, die Weisheit erlangen wollen, wissen üblicherweise nicht wie und wo anfangen. Suchst du Weisheit durch Worte, dann gewinnst du Wissen. Intellektuelles Wissen ist aber nicht Weisheit. Viele Gelehrte studieren die Sutras und mögen sie auswendig können, aber sie kennen sie nicht wirklich. Sie schreiben Bücher über die Sutras, analysieren sie, vergleichen sie mit diesem und jenem, aber sie haben nicht Weisheit erlangt. Es ist nicht unmöglich, Weisheit durch das Lesen der Sutras zu erlangen, aber das ist abhängig von der inneren Haltung mit der man ihnen begegnet. Falls du die Sutras mit intellektuellem, dialektischem Denken liest, wird sich Weisheit dir entziehen. Andererseits, falls du die Sutras mit einer die Erfahrung suchenden Haltung angehst, dann kann Weisheit entstehen.

In seinen Lehren betont Ch'an Weisheit, und nicht Wissen. Deshalb stehen das Herz-Sutra und das Diamant-Sutra (4) bei den Ch'an-Schulen in hoher Achtung. Das Diamant-Sutra jedoch ist viel länger als das Herz-Sutra und schwieriger zu lesen und zu rezitieren. In der Ch'an-monastischen Tradition wird das Herz-Sutra mindestens einmal täglich rezitiert. Es ist ein Führer für die Praxis, nicht etwas bloss intellektuell zu Verstehendes.

Paramita heisst wörtlich "gehen von hier nach dort", es bedeutet aber auch "zurücklassen" oder "transzendieren". Im besonderen bedeutet es Ärger und Leiden transzendieren. Weiter bedeutet es "Befreiung". Deshalb, wenn du Weisheit erlangt hast, dann hast du die Reise über den Ozean von Ärger und Leiden vollendet und das jenseitige Ufer erreicht, nämlich die Befreiung. Das ist die wesentliche Bedeutung von Paramita.

Der Mahayana-Buddhismus kennt sechs wichtige Übungen, die sechs Paramitas (5). Diese sind Geben, Gelübde einhalten, Geduld, entschlossenes Üben, Meditation, und Weisheit. Das Ziel der ersten fünf Paramitas ist das Erlangen von Weisheit, dem sechsten Paramita. Um die ersten fünf richtig zu praktizieren, muss man der Lehre des Buddha folgen. Falls die ersten fünf Paramitas nicht unter Führung von Buddha's Weisheit geübt werden, dann führen sie nicht zu Weisheit oder Befreiung. Damit würde man sie nicht als Paramitas betrachten.

Die Menschen zur Zeit von Buddha Shakyamuni waren von den heutigen wenig verschieden. Wie so viele von uns, verkörperten sie zwei extreme Haltungen:

Die einen suchten Glück durch Vergnügen. Sie waren hedonistisch, frönten Sex, Drogen, Glücksspiel, häuften Reichtum oder Güter. Schliesslich erreichten sie weniger Glück als ein Reizen der Sinne. So behauptete Ernest Hemingway einmal, es gäbe nur drei Dinge von Wichtigkeit in seinem Leben: Krieg, Wein und Frauen. Er hatte von allen dreien; am Ende tötete er sich selbst. Offensichtlich hatte er sein Glück nicht gefunden.

Die anderen denken, es gäbe in dieser Welt kein Glück. Sie versuchen, ein gewisses seelisches Glück durch Härte und Askese zu erreichen. Das war speziell häufig im alten Indien. Einige sahen wie Hunde Kot fressen oder schmutziges Wasser trinken, wie Kühe Grass fressen oder Schweine im Schlamm wühlten, und dachten irgendwie, dass diese Tiere glücklich wären. Dann machten sie es diesen Tieren nach, im Glauben, durch derartige Askesen seelisches Glück zu finden. Tatsächlich haben derartige Tätigkeiten weder Bedeutung noch Wert. Tiere mögen sich dabei wohl fühlen, aber das wäre für sie natürlich. Schlussendlich führen weder Hedonismus noch Askese zu Weisheit.

Buddhadharma besagt, das Wichtige sei Weisheit. Um diese Weisheit zu erlangen, müssen wir im Einklang mit Buddhadharma üben. Das Herz-Sutra legt aus was Weisheit ist, klar und knapp, und beschreibt die Mittel, um Weisheit zu erlangen.

(1) Eigentlich eine Sammlung von etwa 40 Sutras, die alle die Verwirklichung von Weisheit beinhalten.

(2) Maha "gross", Prajna "Weisheit", Paramita "gehen von hier nach dort", oder "das, was das andere Ufer erreicht", Hridaya "Herz, Essenz", Sutra "Lehrrede, Diskurs".

(3) "Fixieren, Festmachen" (Sankrit); ein nicht-dualistischer Bewusstseinszustand in dem Beobachtender und Beobachtetes eins werden.

(4) Gehört auch zum Mahaprajnaparamita-Sutra.

(5) "Vollkommenheiten" (Sankrit).

Bemerkung der Übersetzer, Max Kälin und Helena Kälin:

Die Übersetzung basiert auf dem englischen Text, "The Heart Sutra; Commentary by Master Sheng-yen; Ch'an Magazine, 14/1, Winter 1994, p. 2-4", Tonbandaufnahmen des chinesisch gesprochenen Kommentars mit Simultanübersetzung ins Englische durch Ming-Yee, und auf persönlichen Unterweisungen.

Die deutsche Schreibweise der Sanskrit-Ausdrücke folgt meistens dem "Lexikon der östlichen Weisheitslehren, 1986; I. Fischer-Schreiber et al., Scherz Verlag Bern, 497 p." Die diakritischen Zeichen mussten wegen der Beschränkung des Wordprocessors weggelassen werden. Die Fussnoten wurden von den Übersetzern beigefügt.

Translation copyright 1994, by Max Kälin.

Weg Ohne Grenzen

- THICH NHU DIEN -

Ins deutsche Übertragung von

Nguyen Ngoc Tuan & Nguyen Thi Cuc

(Fortsetzung)

Wir wollten alles richtig für diese Reise arrangieren. Deshalb ließen wir einige Buddhisten von der Phap Bao Pagode sicherheitshalber für uns die Busfahrkarten schon vorher kaufen. Am Morgen früh vom 28.05. waren die Buddhisten bereit, uns zur Busstation der Agentur VIP (Via Important People) hinzubringen. Aber unglücklicherweise war die Station irgendwohin anders umgezogen. Wir hatten kaum noch Zeit und mußten auf der Straßen von Liverpool herumsuchen. Wenn jemand uns in dieser Situation gesehen hätte, hätte er über uns gelacht. Und als wir die Busstation für die Reise nach Melbourne erreichten, war diese Station nicht von der Agentur VIP, sondern von der Agentur Greyhound. Das reichte dann! Wir mußten uns den Schweiß von der Stirn wischen und stiegen in den anderen Bus ein. Dieser war aber nicht die Prajna-Schunke, die die Passagiere aus der irdischen Welt zum Ort der Reinheit hinüberbringt, sondern nur ein Boot voller Gefahr und Verlassenheit, das den Mönch aus dem irdischen Leben wegbringt.

Wenn man von Sydney nach Melbourne per Flugzeug reist, braucht man nur eine Stunde Flugzeit. Währenddessen brauchten wir per Bus über 12 Stunden. Man darf auf den Autobahnen in Australien maximal 110 km/Stunde fahren, weil die Straßen sehr schlecht sind, im Vergleich zu den deutschen Autobahnen oder zu den breiten und weiten Autobahnen in den USA. Unterwegs machten wir nur dreimal Pause, damit die Fahrgäste in Raststätten frühstückten oder zu Mittag speisen konnten. Auf den Straßen hatten wir nur Kühe, Schafe und Pferde gesehen. Ab und zu mal sahen wir ein Haus. Wirklich, Australien ist riesen groß und hat wenig Menschen. Eine ganze Insel, so groß wie Europa mit nur 15 Millionen Einwohner. In Europa hingegen beträgt die Einwohnerzahl über 100 Millionen.

Wir kamen in Melbourne um 9 Uhr 15 an und warteten bis 22 Uhr, aber niemand holte uns ab. Wir waren alle so aufgeregt und nervös und riefen die Quan Am Pagode an. Am anderen Ende des Telefons meldete sich niemand. So mußten wir einfach noch warten. Schließlich kamen die

Buddhisten. Wir fragten danach, warum es so lange gedauert hatte. Sie hatten in der verkehrten Busstation auf uns gewartet. Na ja! Alle seufzten und gingen zuerst in die Unterkünfte der Buddhisten.

Am nächsten Tag besuchten wir die Quan Am Pagode, deren unter der geistiger Führer Reverend Thich Phuoc Nhon war. Dort erfuhren wir, daß gestern abend sich in der Pagode sehr viele Buddhisten versammelten, um auf unseren Telefonanruf zu warten. Aber das Telefon klingelte überhaupt nicht. Dann mußten sie wieder nach Hause gehen. Und sogar zwei Töpfe Reisbrei warteten noch auf uns. Wir hatten aber nicht die falsche Nummer gewählt oder das Telefon war kaputt, vielleicht hatte diese Pagode keine schicksalhafte Fügung mit uns. Und die Antwort blieb offen.

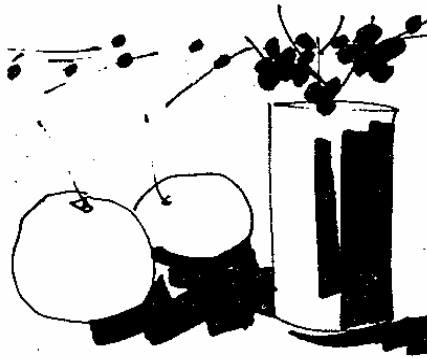
Die Dai Bi Quan Am Pagode in Melbourne war früher unter der Leitung von Ehrw. Thich Huyen Ton gewesen. Jetzt ist sie an einen anderen Ort umgezogen. Und diese bisherige Pagode wurde von Reverend Thich Phuoc Nhon geleitet. Der Grund war, daß diese Lokalität kein richtiger Ort für gemeinsame Aktivitäten und Öffentlichkeit war. Und das störte die Nachbarschaft sehr. Aber die zweite Pagode hatte auch keine Ruhe, weil die jetzige Lage so ähnlich wie die erste war. Wir erfuhren auch, daß die Adresse nur provisorisch für eine kurze Zeit war. Die Buddhisten waren auf der Suche nach einem Grundstück für die Pagode.

Am Abend vom 29.05. unterhielten wir uns mit einigen Buddhisten und fanden, daß ihre Kenntnisse über die Buddha-Lehre ziemlich gut, im Gegensatz zu denen in anderen Ländern waren.

Am 30.05. besichtigten wir Chinatown in Melbourne und trafen auf den großen Regen im Winteranfang. Es war sehr kalt! In Melbourne ist das Klima recht eigenartig: vormittags ist Frühling, mittags ist Sommer, nachmittags ist Herbst und abends ist Winter. Fast alle Bewohner in Melbourne haben immer Regenschirme bei sich oder im Auto. Der Verkehr in Melbourne ist auch anders als in anderen Orten in

Australien. Deshalb müssen die Leute den Führerschein nochmal prüfen lassen, wenn sie nach Melbourne ziehen möchten. Denn in Melbourne fahren die Straßenbahnen zusammen mit den Autos auf der Straßen, wie in einigen Städten in BRD. Das Merkwürdigste dabei sind die Verkehrsregeln in Melbourne. Um nach rechts abzubiegen muß man auf die Vorfahrt des von links kommenden Verkehrsteilnehmers achten, und abwarten, bis der Weg frei ist.

Am Morgen des 31.05. brachten einige Buddhisten uns in die Busstation der Agentur VIP, damit wir weiter nach Adelaide reisen konnten. Der Abschied war schmerzlich. Die Fortgehenden und die Zurückbleibenden fühlten sich



einander verbunden. Zum Glück sind wir Mönche. Und die Menschen im normalen Leben ertragen noch mehr Leid!

Die Strecke von Melbourne bis Adelaide ist über 700 km lang. Und mit dem Bus braucht man ungefähr 10 Stunden für die Fahrt. Unterwegs sieht man auch nur Bäume, Weiden und Wüsten. In Australien sieht man überall nur eine einzige Pflanzenart, d.h. Sandelbäume (Santalales). Jemand nennt sie "weiße Sandelbäume". Vielleicht haben die Pflanzen einen besonderen Duft "Minzöl". Damals im Amitabha Sutra hat Buddha über eine Welt im Süden gesprochen. Ist hier wirklich diese Welt? Dort geht die Sonne im Westen auf und im Osten unter. Und deshalb heißt es Südpol?

An der Busstelle waren Ehrw. Thich Nhu Hue, mein Lehrer (er hatte mich vor 20 Jahren unterrichtet) zusammen mit einigen älteren

Mitarbeitern des Gemeindeausschusses der "Buddhistischen Vereinigung von Südaustralien" der Phap Hoa Pagode, und Mitglieder der "Buddhistischen Jugendfamilie" anwesend, um uns zu empfangen. Es war sehr ergreifend, als wir die Blumen von den netten und freundlichen Buddhisten erhielten. Und wir bekamen diese liebevollen Blumen wie ein ganzes erhabenes Herz.

Wohin ich auch gehe, wünsche ich Wasserwinde und tropisches Gemüse zu essen. Aber leider war es in Südaustralien gerade Winter, so daß das, was ich mir wünschte, nicht in Erfüllung ging. Aber am nächsten Tag bekamen wir ein vegetarisches Mahl, das wir schon vorgeplant hatten, nur mit heimatlichen Gemüsen. Es war einfach phantastisch!

Am Morgen des 1. Juni brachten einige Buddhisten uns zur Stadt Besichtigung. Dabei zeigt der Vorsitzende der buddhistischen Vereinigung uns die neue Phap Hoa Pagode. Diese Pagode war noch im Bau und liegt auf einem Grundstück von 5.000 qm, so groß wie die Fläche der Phap Bao Pagode in Sydney. Bald wird der Bau der Phap Hoa Pagode in Adelaide fertig sein. Dann ist diese 2. Pagode in Australien, die im großen Umfang mit asiatischer Architektur wie die Phap Bao Pagode in Sydney gebaut wird.

Am Nachmittag war die regelmäßige Anbetungszeremonie in der Haupthall der alten Pagode. Der Mönch An Thien sprach über den Buddhismus in Japan. Die Ehrwürdige Nonne Nhu Tuan sprach über Eindrücke anlässlich dieser Feierlichkeiten. Und schließlich verwickelte ich alle Buddhisten in ein Gespräch über die Buddha Lehre. Es dauerte fast über eine Stunde und keiner wurde müde. Überall gibt es viele Buddhisten, die dem Buddhismus mit großer Hingabe folgen, meisten studieren sie die Lehre des Buddha. Darüber sind wir sehr froh.

Am 2. Juni war wahrscheinlich der geschäftigste Tag der Phap Hoa Pagode. Denn das war das 2529. Vesak-Fest. Punkt 14:00 fing die Feier an und endete um 19:00. Der

erste Teil dieser Feier waren die Ansprachen zur Eröffnung des Vesak-Festes und die traditionellen buddhistische Zeremonie. Der zweite Teil war die Musik-Vorstellung, die aus Tänzen, Liedern und einem Theaterstück bestand. Besonders war das Stück über "Die Geschichte des Buddha, von der Geburt bis zum Zeitpunkt des Mönchwerdens", das von der buddhistischen Jugendfamilie der Phap Bao Pagode gespielt wurde. Eigentlich war die Bühnentechnik nicht perfekt, aber die Kleidung sowie Einrichtung des Palastes auf der Bühne waren einfach wunderschön. Jede gesellschaftliche Veranstaltung geht schnell zu Ende und hinterläßt das Echo im Herzen der Reisenden mal verschwommen mal imaginär, wie die Tropfen vom Morgentau an Zweigen und Gräsern unvollendet hängen.

Am Morgen des 3. Juni mußten wir nach Sydney zurückfahren, damit der Mönch An Thien weiter nach Perth fahren konnte und wir nach Brisbane, um einen Besuch bei den Buddhisten zu erstatten. Von Adelaide nach Sydney brauchten wir wieder per Bus fast 24 Stunden. Auf dieser Strecke gab es wieder nur trockene Felder und Wüsten. Ab und zu sahen wir einige Häuser und Dörfer. Wir fuhren den ganzen Tag durch und dann die Nacht. Die Stadt zündete schon ihre Lichter an. Der Busfahrer ließ den Fernseher anmachen. Damit wir während des Fernsehens die schwere und lange Zeit der verlassenen Nacht vertrieben. Die Filme gingen zu Ende, aber die Strecke war noch immer weit. Am nächsten Morgen waren wir wieder in der Phap Bao Pagode.

Am 5. Juni fuhren wir noch einmal mit dem Bus nach Brisbane, wo das Klima so ähnlich wie in Vietnam ist. Diesmal waren nur ich und 3 Buddhisten dabei. Der Mönch An Thien mußte nach Sydney fahren und die Ehrwürdige Nhu Tuan hatte in Sydney einiges zu erledigen, bevor sie wieder in die Schweiz zurückfuhr. Denn der "Weg ohne Grenzen", die Rückreise in die Heimat, in eine Heimat der anderen, hatte schon eine Grenze.

Auf der ganzen Reise von Deutschland nach Australien und

zurück sowie bei der Durchreise in Australien war ich ein unfreiwilliger Dolmetscher. Einmal ließ ich die Buddhisten wunschgemäß einkaufen. Ich saß einfach da und lachte selbst. Damals sagte ein französisches Sprichwort : "Die Augen sind das Fenster zur Seele". Und heute muß man sagen : "Die Sprache ist das Fenster zur Seele". Wegen Sprachschwierigkeiten hatte ein Buddhist Milch bestellt und er bekam ein Coca Cola. Ich trank Coca, lächelte nur und sagte nichts.

Im Gegensatz zu Südastralien gibt es, je weiter man nach Norden kommt, immer mehr Gebirge und grüne Pflanzen. Die Teiche, Seen, Flüsse und Meere sind unermeßlich. Die Boote und Schiffe drängen sich. Es ist einfach eine verführerische Landschaft. Wenn jemand also Sydney, Adelaide, Melbourne schon besucht hat, muß er Brisbane auch besichtigen.

Wir waren in Brisbane gegen Mitternacht, nach 16 Stunden Busfahrt. Der Mönch Nhat Tan und einige Buddhisten hatten uns abgeholt und brachten uns in die Pagode. Wir blieben in der Pagode an den Tagen 6., 7. und 8. Juni. Die ersten zwei Tage besuchten wir die Gärten der Vietnamesen. Dort gibt es verschiedene heimatische Obstbäume wie Zuckerröhrlpflanzen, Guavenbäume, Longansbäume, Brotfruchtbäume, Kassa-Pflanzen usw... Als wir diese Bäume ansahen, hatten wir Sehnsucht nach der Heimat. Die Arekapalme brachte uns die Erinnerungen nach Zentralvietnam am Sommermittag. Damals hatten wir nach der Schule ohne Kummer gespielt. Diese Bilder von der Kindheit riefen aus meinem Innern hervor, als ob sie die Welt zum Paradies machten. Und jetzt sind Umstände so verändert. Wenn jemand noch an die Heimat denkt, soll er hierher kommen, um sie zu besuchen...

Am Nachmittag des 8. Juni gab es in der Haupthalle der Andachtsstätte eine Verkündung über die Buddha-Lehre. Über 80 Buddhisten hatten teilgenommen. Es hatte fast über 3 Stunden lang gedauert und niemand fühlte sich müde. Es ist wirklich eine Seltenheit in diesem zivilisierten Land. Die Buddhisten in Brisbane unter der Führung von

Reverend Nhat Tan hatten die drei Juwelen im geistigen sowie im materiellen Bereich sehr tüchtig unterstützt.

Eigentlich mußten die drei Buddhisten und ich wieder mit dem Bus nach Sydney zurückfahren. Aber am Morgen vom 9. Juni fand mein Vortrag in der Phap Bao Pagode statt. Also mußten wir fliegen. Ich mag nicht gern, daß so viele Menschen beim Empfang oder Abschied dabei sind. Aber am Flughafen von Brisbane waren über 30 Buddhisten anwesend.

Nach einer Stunde und 15 Minuten war ich wieder in Sydney. Die Buddhisten dort hatten mich beim Abholen gefragt, warum ich so viele Sachen mitgebracht hatte. Ich antwortete : "Es sind nur Zuckerrohrstangen, Wasserwinde, Bananenknospen usw...". Alle lachten zusammen.

Die Phap Bao Pagode wurde sichtbar unter dem undeutlichen Reif des Winterabends. Ich kam plötzlich wieder zu mir und dachte an etwas. Ich wußte auch nicht, warum mein Herz einfach leer und verlassen war. Wahrscheinlich fehlte dem Abt die Pagode? oder in meiner Erinnerung spielte sich etwas vor wie ein Film aus meiner Vergangenheit? Zum Schluß gab es gar nichts. Denn der alte Schauplatz war immer noch da.

Punkt 11 Uhr am 9. Juni versammelten sich über 100 Menschen in der Haupthalle der Phap Bao Pagode. Es waren viele ältere Menschen und auch nicht wenig kleine Kinder der buddhistischen Jugendfamilie. Wahrscheinlich, weil "Buddha im Hause nicht so heilig war" warteten alle auf den fremden Gast, Nach wiederum 2 Stunden Vortrag war keiner müde.

Am Nachmittag und am nächsten Tag besuchten wir einige Orte und danach mußten wir wieder unser Koffer packen für die Rückreise nach Deutschland.

(Fortsetzung folgt)



Buddhistische Aktivitäten

■ Buddhistische Vereine Frankfurt und Wiesbaden

Diese beiden Ortsvereine haben gemeinsam am 30.10.94, im Beisein des Ehrwürdigen Thich Nhu Dien und unter seiner Leitung, eine Andacht veranstaltet. Nach der Andacht folgte die Unterweisung in die Buddhistenlehre durch den Ehrwürdigen. Anschließend gab es ein gemeinsames vegetarisches Essen. An dieser Andacht nahmen ungefähr 50 Buddhisten teil.

■ Kongress zur Zusammenarbeit der verschiedenen Religionen Vietnams in Paris

Am 3.11.94 fand in Paris ein Kongress statt, zu dem Vertreter der verschiedenen Religionen Vietnams kamen und über die jetzige Lage im Land diskutierten. Der Ehrwürdige Thich Nhu Dien, Vertreter der Kongregation der Vereinigten Vietnamesischen Buddhistischen Kirche in Europa, Pfarrer Philip Tran Van Hoai und Pfarrer Vu Thanh aus Italien nahmen unter vielen anderen an diesem Kongress teil.

■ Athanga-Sila Klausur in Mannheim

Der Ortsverein Mannheim und Umgebung hat am 6.11.94 eine Athanga-Sila Klausur in der Tibetischen Pagode in Heidelberg, unter der Leitung des Ehrwürdigen Thich Nhu Dien, veranstaltet.

Während der Verein noch nach einem geeigneten Veranstaltungsraum suchte, hatte spontan die Tibetische Pagode erfreulicherweise ihre Räumlichkeiten zur Verfügung angeboten. Die Pagode ist nicht sehr groß, doch es bot während der zweitägigen Klausur genügend Platz für die 54 Teilnehmer.

Zu dieser Klausur kamen Buddhisten aus Nürnberg, Karlsruhe, Frankfurt, Heilbronn, Saarbrücken und sogar ein Gast aus Amerika. Er war auf einer Europareise, hatte die Pagode Vien Giac und den Abt besucht, und nahm ebenfalls an dieser Athanga-Sila Klausur teil. Er war sehr beeindruckt von den buddhistischen Aktivitäten in Deutschland. Es entwickelte sich im Laufe der Veranstaltung eine große Harmonie zwischen den Buddhisten, die wie eine große Familie unter dem Dach der Pagode wohnten.

Der Ehrwürdige Thich Nhu Dien sprach über die "4fache Achtsamkeit" und Rev. Thich Hanh Bao leitete eine Andacht, in der das Medizin Buddha Sutra rezitiert wurde. Außerdem hatten die Teilnehmer die Gelegenheit die Buddhaunterweisung "Entwicklung des Erleuchtungsgeistes" vom Ehrwürdigen Thich Nhat Chan auf Kassette

zu hören sowie den Film "Little Buddha" auf Video zu sehen.

Während der 24stündigen Klausur hat der Ehrwürdige viele Fragen über die Buddhistenlehre beantwortet und damit den Durst der Buddhisten nach mehr Dharma zu befriedigen.

■ Buddhistische Andacht in Freiburg und Karlsruhe

Dieses Jahr haben diese beiden Ortsvereine regelmäßig Andachten veranstaltet, damit die Laien die Möglichkeit haben, sich zu treffen und das Dharma zu studieren.

Am 12.11.94 hat der Ortsverein Freiburg eine Andacht veranstaltet, zu der 50 Personen kamen, wobei die Hälfte von ihnen Deutsche waren.

Der Ortsverein Karlsruhe hat an dem darauffolgenden Tag ebenfalls eine Andacht veranstaltet, zu der 100 Buddhisten kamen. Diese beiden Andachten fanden unter der Leitung des Ehrwürdigen Thich Nhu Dien statt.

■ Diskussion über Religionen

Professor Waldenfels, Dozent an der Bonner Universität, hatte am 1.12.94 zusammen mit einem Priester, der unter der Leitung von Erzbischof Hohmeier für die Gemeinde in Hildesheim zuständig ist, und seinem Sekretär, die Pagode Vien Giac besucht.

Nach dem Mittagessen besprachen sie mit dem Abt der Pagode über einen Termin, bei dem es in drei Monaten zu einem Treffen zwischen dem Erzbischof und dem Ehrwürdigen Abt der Pagode kommen soll. Professor Dr. Waldenfels ist Theologe und kennt sich sehr gut im Buddhismus aus. Er hat mehrere Jahre in Japan gelebt und sich dort intensiv mit der Kultur der buddhistischen Ländern Asiens beschäftigt. Wenn wir uns in einem fremden Land aufhalten, sollten wir uns mit den Sitten und Gebräuchen des Gastlandes anpassen.

■ Der Bayerische Rundfunk berichtet über die Pagode

Das Fernsehteam vom Bayerischen Rundfunk hat vom 12. - 14.12.94 Bilder über das Leben in der Pagode Vien Giac aufgezeichnet. Diese Bilder werden zusammengeschnitten und zu einem Dokumentarfilm verarbeitet, der im April 1995 im Fernsehen gesendet werden soll. Der 45minütige Film trägt den Titel "Buddha bei uns" berichtet über den Buddhismus und seine Aktivitäten in Deutschland.

Neben der vietnamesischen Pagode wird das Fernsehteam über die Meditationsgruppe in Bremen, die Tibetischen Zentren in Hamburg und Schwarzenberg, das buddhistische Haus in

Berlin/Frohnau und über den japanischen Tempel in Düsseldorf berichten.

In diesem Dokumentarfilm werden auch Prominente interviewt. Es sind unter anderem Professor Schmidt Lenkel von der Universität München, der Hochehrwürdige S.E. Dargyah Rinpoche von der Universität Bonn, Prof. Dr. Karl Friedrich von Weizsäcker, der Bruder des ehemaligen Bundespräsidenten, und viele buddhistischen Ordensleute in Deutschland.

Dieser Film liefert insofern einen sehr bedeutenden Beitrag zu unserem geistigen Leben in Deutschland. Bitte versäumen Sie ihn nicht anzuschauen.

■ Buddhistische Aktivitäten in Rußland

Für uns Buddhisten in Europa scheint Rußland ein eher weniger bekanntes und weitentferntes Land zu sein, doch so weit ist es wirklich nicht. In Moskau gibt es den Buddhistischen Bund Thao Duong. Die Buddhisten Thien Xuan und Thien Man sind die Vorsitzenden des Bundes. Sie haben bereits viele Ordensleute, unter anderen die Hochehrwürdigen Thich Giac Nhien und Thich Thien Dinh, die Ehrwürdigen Thich Minh Tam und Thich Thien Hue, nach Moskau eingeladen, um dort die Laienbuddhisten über die Buddhistenlehre zu unterrichten.

Vom 15. - 21.12.94 waren Ehrwürdige Thich Nhu Dien und Rev. Thich Hanh Bao in Moskau und Petersburg zu Besuch. Sie folgten der Einladung, um dort eine Andacht zu leiten und die Laienbuddhisten in die Lehre des Buddha zu unterweisen. An dieser Andacht nahmen auch einige Russen teil.

■ Deutsche und Vietnamesen besuchten die Pagode über das ganze Jahr

Jeden Monat kamen durchschnittlich 250 Deutsche in die Pagode. Sie kamen aus verschiedenen Berufsgruppen: Schüler, Studierende, Lehrende, karitative Mitarbeiter, Senioren...

In diesem Jahr waren es ungefähr 3000 Deutsche, die an den Buddhistenlehrekursen und Meditationskursen teilnahmen. Diese Zahl kann noch höher geschätzt werden, da die Kurzbesucher nicht dazu gezählt sind.

Dagegen nahmen zwischen 10000 und 15000 vietnamesische Laienbuddhisten an den vier Festen, wie Vesak, Ullambana, Neujahr und erstes Vollmondfest des Jahres, teil. Außer diesen Festen kamen auch viele Leute an den Wochenenden sowie Vollmondtagen zu Besuch. Durchschnittlich waren es bis zu 2000 Besucher im Monat, die das Dharma lernen und praktizieren wollten.

Dies ist eine große Freude und es bleibt zu hoffen, daß wir Buddhisten uns noch mehr anstrengen mögen, um unser Leben geistig reichhaltiger zu gestalten.

Cung Chúc Tân Xuân

Thành Tâm Kính Chúc

Chư Tôn Hòa Thượng,

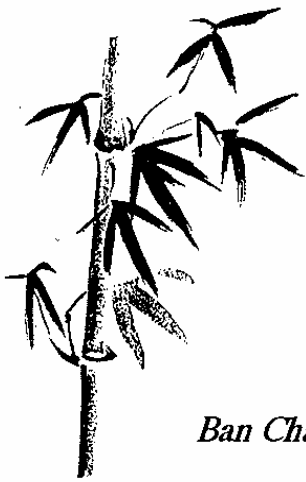
Chư Thượng Toạ

Đại Đức Tăng Ni

và Đồng Bào Phật Tử

Một Năm Mới

Ở Cầu Như Nguyễn



Ban Chấp Hành Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn Tại Đức

Các Chi Hội Tại Đức :

*Berlin, Bremen, Freiburg, Frankfurt, Hamburg, Hannover, Karlsruhe, Mannheim
München, Münster, Norddeich, Nürnberg-Fürth-Erlangen, Reutlingen, Rottweil,
Saarland, Wiesbaden.*

Ban Hướng Dẫn Trung Ương G.Đ.P.T.V.N. tại Đức

Các Gia Đình Phật Tử :

*Chánh Dũng, Chánh Niệm, Chánh Định, Minh Hải, Phật Bảo, Pháp Quang,
Quán Thế Âm, Tâm Minh, Thiên Hòa*

Vườn Thơ Viên Giác

Xuân trên quê mẹ phù sa

Phù Văn

Vừa nhận được tin của một người bạn - bạn "nguy quyền" và bạn tù cải tạo: Hải - vẫn được gọi là Hải con - ít ra cũng đã một thời gian quá dài trên cuộc đời, kể từ ngày chia tay ở trại tù cải tạo Long Giao, để "trở về sum họp với gia đình" theo luận điệu "học tập cải tạo tốt, lao động tốt". Tôi về Sài Gòn, Hải về Tây Ninh. Đời lưu lạc bạn bè thất tán, chúng tôi mất liên lạc từ đó.

Nhớ những lần tụi tôi kéo nhau về Tây Ninh thăm gia đình. Hải là con trai một nên bà cụ mong muốn Hải lập gia đình để bà có cháu nội bông bẻ, ấp yêu. Thằng bạn tôi có số đào hoa, tuổi trẻ tài cao, lắm đào nhiều nhân tình nhân gái; nên chính hắn cũng phân vân chẳng biết chọn cưới cô nào. Mỗi lần nghe mẹ nói như vậy, Hải thường vin vào tôi để lần lữa hứa hẹn với mẹ: "- mẹ à, khi nào bạn con thành gia thất, thì con sẽ cưới vợ cho mẹ vui lòng!". Thế là bà cụ bắt đầu mai mối cho tôi. Hồi đó tôi cũng nghĩ rằng, với quyết tâm của bà cụ, chắc mình cũng phải làm rể ở miệt vườn!

Cuối năm, tôi điện thoại qua Pháp thăm Hải. Bạn tôi ngạc nhiên và vui mừng bất được liên lạc với nhau. Tôi hỏi nó:

- Mày đã lập gia đình chưa?

- Rồi!

- Có mấy cháu?

- Hai đứa, một trai, một gái!

- Chắc bà cụ mừng lắm phải không?

Giọng nó buồn bã và hối tiếc:

- Mẹ tao mất ở Việt Nam, trước khi được tin tao lập gia đình...

Hình như đã nửa đêm. Trời đang độ giao mùa. Tôi đánh ba tiếng chuông đón Giao Thừa trong tâm tưởng, thấp nén hương hồi hương về quê hương, về dân tộc. Tôi đọc những lời kinh khẩn nguyện cho mẹ Hải được siêu thoát và về chứng giám cho niềm ăn năn hối lỗi của bọn tôi đã không hoàn thành được

tâm nguyện của bà trong thuở sinh tiền.

Trong khói hương phù trầm, tôi dường tượng thấy hình ảnh của mẹ Hải với nụ cười hiền hòa như thuở trước. Tôi nghĩ, cây mai vàng trong sân nhà Hải ở Tây Ninh cũng đang độ đơm hoa rực rỡ.

Xuân trên quê mẹ đã về rồi!

* * *

Rồi xuân lại về làn nữa trên xứ lạ. Những tấm thân bèo dạt mây trôi lại mong ngóng trở về cố xứ, như những chim di tìm về tổ cũ. Theo vận nước nổi trôi, ta lỵ tán mỗi người một xứ như chim tan đàn rã cánh. Mỗi mùa xuân là một lần khắc khoải những niềm đau hướng vọng về quê hương. Mỗi lần Tết đến là một lần xót xa tưởng nhớ đến thân bằng quyến thuộc đang còn trong vòng kềm tỏa của chế độ vô nhân.

Hương Giang Tư Mã, ít ra cũng đã xa lìa quê hương trên 20 năm - con người xứ Huế luôn nặng tình với Cố Đô, với đất Thần Kinh nghìn năm văn vật, chợt một sớm thấy vườn hồng nở rộ, nghe chim oanh réo gọi bên sông. Xuân đã đến rồi đó. Rồi chạnh lòng nhớ đến quê nhà bên dòng sông Nhật Lệ, nhớ bạn hữu ngày xưa thường không hẹn mà gặp nhau ở bến đò qua sông Hương. Tình thủy chung đó như ánh trăng soi rọi nghìn năm. Ý chí đấu tranh cho quê hương dân tộc muôn thuở vẫn trường tồn. Xuân viên xứ, tứ thơ đời dào, tình thương trọn vẹn hướng về quê hương dân tộc:

Vườn hồng nảy lộc đón xuân sang,
Rèm liễu mừng oanh trở nhạc vàng.
Tranh nhớ quê nhà dòng nước Lệ,
Đoái trông cố hữu bến đò Hương.
Thiên thu trăng rọi tình chung thủy,
Muôn thuở gương soi chí quật cường.

*Thi tứ đời dào xuân viên xứ,
Hương về dân tộc ngập tình thương.
(Hương Giang Tư Mã - Xuân Viên Xứ)*

Nhà thơ Hồ Trọng Khôi, trong gió lạnh ở xứ người, tuyết rơi trắng nổi niềm tâm sự, chợt thấy xuân vẫn vương buồn đã về bên trời viễn xứ. Lòng đời đoạn buốt giá niềm đau sông hồ, xót nỗi xa quê. Quê mẹ còn xuân, mai vàng còn nở hay xuân đã chết từ cuộc đời: Xuân trắng mười phương tuyết đổ. Khách lạnh tái tê nỗi sầu cố xứ:

*Xuân vẫn vương buồn tuyết sương rơi
Trong gió có đơm lạnh đất người
Mùa này quê mẹ mai còn nở
Hay đã xuân xưa từ biệt rồi ?*

Xuân trắng mười phương tuyết lạnh về

*Sông hồ đau buốt nỗi xa quê
Ai đem sương tuyết vào tâm sự
Mà khách bên trời lạnh tái tê ?
(Hồ Trọng Khôi - Xuân Trắng)*

Để từ đó người ly hương nhớ đến mẹ hiền. Mẹ ơi, nhớ mẹ như lửa cháy ruột gan. Máu tử tình thâm. Đông Tây đôi ngã xa ngút ngàn trùng. Thời gian chông chất thêm lòng thương nhớ, nặng tựa núi sông. Chao ôi, ly biệt xót xa trong lòng. Đêm xuân nhớ mẹ vô cùng:

*Đã mấy Xuân rồi con xa mẹ,
Quê nhà từ máu có bình an ?
Đất khách Xuân về buồn tê tái,
Mẹ ơi, thương nhớ cháy tâm can !*

*Đông Tây muôn dặm, trời ơi, mẹ !
Máu tử thâm tình nặng núi sông.
Trăm năm không chất đầy thương nhớ
Mẹ ơi, ly biệt xót xa lòng.
(Hồ Trọng Khôi - Đêm Xuân Nhớ Mẹ)*

Vì cuộc đời dâu biển, vì chế độ hung tàn, con đành từ giã gia đình đem thân làm kiếp tầm gửi xứ người. Ân cha, nghĩa mẹ trọn đời ghi nhớ. Công đức sinh thành muôn một chưa được đáp đền. Lối đạo thần hôn.

Mẹ ơi, đêm nay mùa xuân, trong khói hương trầm, con tưởng nhớ đến hình bóng mẹ, mơ được gối đầu trên chân mẹ như thuở còn thơ để được mẹ vuốt ve, vỗ về trong vòng tay yêu thương tình máu tử. Mẹ ơi:

*Công đức trọn đời con ghi nhớ,
Dâu biển đành cam biệt gia môn.
Ân nghĩa nghìn trùng chưa báo đáp,
Mẹ ơi, con lối đạo thần hôn.*

*Đêm nay trong khói trầm hương tỏa,
Con mơ hình bóng mẹ dịu hiền.
Con ước gối đầu trên chân mẹ,
Như ngày thơ ấu, thuở hoa niên.
(Hồ Trọng Khôi - Đêm Xuân Nhớ Mẹ)*

Trên đỉnh sầu chung của người xa xứ, lòng chợt bồi hồi khi mùa xuân đến, nhớ về cố hương, nhớ những cuộc tình - nụ tình đầu đầy mộng mơ xây bằng ảo tưởng không vẹn toàn. Người tình còn thơ ngây, vô tư thường rong chơi trước ngõ. Chao ơi lòng ta phơi trên đỉnh gió. Thi hữu Đan Hà, vì tiếng gọi của non sông đã buồng trôi cuộc tình theo cuộc sống phiêu bồng và tự hỏi có một lúc nào đó trong mai sau tình yêu đôi lứa có thuận dòng luân lưu trên một dòng sông? Hay để rồi:

*Nhớ Xuân xưa từ độ
Em hãy còn ngây thơ
Chưa biết gì sương khổ
Thấy đời toàn mộng mị*

*Chiều đùa vui trước ngõ
Phe phẩy chiếc áo hồng
Ta về trên đỉnh gió
Nghe sầu lên mệnh mông*

*Đường tình ta bỏ ngõ
Vì sóng kiếp phiêu bồng
Nên biết mai ta có
Chảy theo một dòng sông*

.....
(Đan Hà - Như Giọt Sương Mai)

Sông mang nước tắm mát cuộc đời. Sông mang nước đến những vùng khô cạn hạn hán. Lòng sông mát rượi tình người. Thế nhưng Đan Hà vẫn cảm thấy cuộc đời mình khô cạn trên từng nhánh ăn năn? Cuộc tình cũ, nụ yêu thương mới? Khúc quanh nào ở cuộc đời, ta dừng lại? Quán trọ nào ở bên đường, ta đã nghỉ chân?

Thoảng thoáng thời gian trôi qua thật mau như những giọt sương chóng tan trong sớm mai hồng. Đời thật vô thường như:

*Một dòng sông mát lạnh
Mà đời ta khổ cần
Trơ hoài trên từng nhánh
Sợ mai này ăn năn*

*Khúc quanh ta dừng lại
Ghé nghỉ bên quán đời
Mới thoáng chốc mà đã
Tan rồi giọt sương mai*

.....
(Đan Hà - Như Giọt Sương Mai)

Có người đã đợi chờ nhau hai mươi năm - hai mươi mùa xuân lạc loài xa xứ. Mưa rơi nức nở sâu theo vận nước, oán hận thấm sâu vào lòng đất quê hương. Thi hữu Huy Giang, nơi cõi trùng khơi bồi hồi mưa tuyết, tưởng đã một thời bạc trắng mái đầu vọng tưởng quê xưa.

Đã một cuộc phong trần, người lữ khách - thơ lạc điệu, rượu cạn bình - mà hầu như chẳng thấy bóng dáng mùa xuân đích thực đi qua cuộc đời lưu lạc. Đã quyết một lòng, lấy gian khổ nung chí quật cường mong một ngày trở về quang phục quê hương,

đáp đền tình sông nghĩa núi, báo đáp ơn đức sinh thành dưỡng dục.

Cuộc đời nơi đây chẳng khác gì viễn khách bồi hồi mơ dáng xuân về trong mưa tuyết từng phiến bay bay để vẫn thấy hắt hiu dáng hoa đào nở rộ, để vẫn nghe tiếng hát bi thương. Thế thì:

*em đợi xuân về hai mươi năm
mưa rơi nức nở khóc âm thầm
sầu theo vận nước, hồn thơ đất
xuân mãi trời xa, xuân lộng cảm...*

*vọng cõi trùng khơi tâm khê gọi
bồi hồi mưa tuyết rã rời bay
rớt hoang lên tóc sầu mây trắng
nhòa nhạt canh chầy khuất nẻo mai*

*viễn khách một đời có bóng xuân?
ngang qua cho ấm gót phong trần
rượu đã cạn bình iu tư vẫn
từ ngày thơ lạc điệu trầm luân*

*gian khổ cho thêm ngời ánh thép
kiên cường nung chí diệt quần ma
trà án cây cỏ, tình sông núi
ơn nặng sinh thành biển bao la*

*chao sóng bao mùa lên ngọn nến
ngậm ngùi viên sỏi lịm hơi sương
hắt hiu gầy dáng hoa đào cũ
lời nhạc u hoài réo giọng thương*

*viễn khách một đời mơ lối xuân?
bồi hồi mưa tuyết nhớ băng khuâng...
(Huy Giang - Khơi Động Lời Xuân)*

Rời nơi vùng núi hoang vu trùng điệp mây giăng, Huy Giang cũng nhớ về người yêu thuở nào tóc thề quán quít bờ vai, Thương về em, thơ trau chuốt từng lời. Nhớ về em, thơ gói gắm bên thêm lá rụng. Em - mi cong, má phượng, về với ta trong những giấc mộng nặng nợ ba sinh:

.....
*Nhớ em hồn vườn để mê
Trên thềm lá rụng nào nề bay bay
Vườn lên sợi tóc em dài
Quấn quanh vạt áo trang đài xuyên
xao
Ôi chao nửa giấc chiêm bao
Âm tiên bút họa dáng hao hao gầy
Chiều lên má phượng hây hây
Hơi cong mi lụa đường mây liễu
hờn...
(Huy Giang - Nghiêng Lòng Thạch Tháo)*

Cuối cùng, nơi vùng hoang dã mây mù lạnh giăng. Vết hằn thảng năm hằn lên đá cuội. Ta cô đơn. Cảnh diu hiu hoang lạnh. Chừ sầu khuấy động trong thơ, tưởng như cung điệu tan thành từng giọt nước mắt chảy xuống cuộc đời cô lữ:

.....
*Núi hoang cuối đỉnh mây giăng
Lạnh tâm đá cuội vết hằn đơn côi
Chừ sầu khuấy động thơ tôi
Nên vẫn nhớ xuống bồi hồi lệ rơi.
(Huy Giang - Nghiêng Lòng Thạch Tháo)*

Theo chân cuộc đời, anh Đặng Quốc Việt cũng như nhiều anh chị em khác đã đến Đông Âu và nương theo sự thoải trào, sụp đổ của chế độ cộng sản ở các quốc gia này, các anh chị đã nắm được thời cơ để tìm tự do. Đã mấy mùa xuân xa nhà, lòng thiết tha nhớ về quê. Những đêm ở Châu Âu, bầu trời cũng trắng tròn trăng khuyết, cũng chung một dãy Ngân Hà mà sao vẫn hai khung trời cách biệt:

*Ngắm trời đêm Châu Âu
Nhớ quê nhà tha thiết
Ô, cũng vệt Ngân Hà
Cũng trăng tròn, trăng khuyết !*

.....
(Đặng Quốc Việt - Chờ Lúa Đêm)

Chỉ có những kỷ niệm ở quê hương mới ăn sâu vào tiềm thức - nhất là những hình ảnh trong cuộc tranh sống ở thôn quê. Con sông, cánh đồng, lũy tre... là hình tượng ngàn đời khó quên dù những nghiệt ngã khó khăn lắm lúc suốt cả đời người.

Thật ít có dịp hưởng nhân "khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên" của thú tiêu dao. Người dân quê chỉ biết chờ sao rua lên cao tận đỉnh đầu là cho thuyền lướt sóng sâu, hay bị bom chống sào, chạy mạn. Tranh thủ với thời gian, tranh thủ với thiên nhiên. Ban ngày còng lưng gặt lúa, ban đêm chờ lúa về nhà. Được mùa. Được vất vả là mừng.

Không có tiếng hò khoan, không nghe tiếng hò giã gạo nhưng Đặng Quốc Việt kể cho nghe những hoạt cảnh khi thuyền qua sông Sau, sông Cáy; có những con cá nhảy qua những đám chà trên sông bị bom tung những vệt nước lóng lánh dưới trăng. Rồi thuyền qua đồng Ninh, đồng Quán nhắc nhớ những mùa cà.

Theo thói quen giăng lưới thả dăng, có tiếng gọi nhau ới ới trên quãng sông vắng như là những hình ảnh kỷ niệm ăn sâu vào tiềm thức bao đời.

Cho đến khi nghe hồi chuông thứ nhất của nhà thơ Phú Nhai nơi quê hương của tác giả, thì vẫn tay chèo tay chống chờ lúa đêm. Rồi đến hồi chuông thứ nhì cảnh thức những người còn ngái ngủ, đúng lúc sao vua cũng xế ngang đầu, thì thuyền về bến đậu. Trời vẫn còn màu đen, những đám mây đuổi nhau trên hư không, vùng đồng vẫn chưa hừng sáng.

Quê hương xa biệt nghìn trùng, nơi đây ngồi lặng yên ngắm bầu trời Âu Á, nhớ quê hương, còn cảnh "Chờ Lúa Đêm" hay chỉ còn là kỷ niệm :

.....
*Tua rua treo đỉnh đầu
Thuyền dầm, lướt sóng sâu
Nhịp nhàng chân chạy mạn
Bị bom tay chống sào !*

*Vào mùa, lúa chín rộ
Ban ngày gặt còng lưng,*

Nhà nông đêm chờ ngủ
Được vất vả là mừng !

Qua sông Sau sông Cá
Thoáng con cá nhảy chò
Đáy đồng Ninh, đồng Quán
Gợi nhớ mùa Cà ra.

Gần áp đàng, cá quẫy
Vang gọi "ông đàng ơi!"
Tiếng gọi đàng quàng vắng
Ăn sầu qua bao đời.

Văng vẳng hồi chuông nhất
Bên nhà thờ Phú Nhai
Rồi chuông nhì lật đật
Ngái ngủ, bình boong hoài !

Tua rua ngà ngang đầu
Mây búi bừa đuổi nhau.
Vùng đông chưa hừng sáng
Trời vẫn đen một màu !

Quê hương vơi xa cách
Có còn "Chờ lúa đêm" ?
Bây giờ đi đâu hết
Kỷ niệm xưa êm đềm ?
(Đặng Quốc Việt - Chờ Lúa Đêm)

Đặc biệt trong kỳ này Vườn Thơ Viên Giác xin dành phần đất để giới thiệu đến thân hữu bốn phương thi tập "Một Thoáng Trong Mơ" của Nguyễn Tấn Hưng, do Miệt Vườn xuất bản năm 1992 và nhà thơ Hà Huyền Chi đề tựa. Nguyễn Tấn Hưng là một nhà văn được nhiều độc giả mến mộ qua các tác phẩm: *Một Chuyến Ra Khơi* (1990); *Một Đời Để Học* (1988); *Một Thuở Làm Trùm* (1989); *Một Cảnh Hai Quê* (1991); *Một Kỳ Niệm Đẹp* (1991); *Một Dòng Ca Dao*, *Câu Hồ*, *Câu Đố Miền Nam* (1991); *Một Lần Xướng Núi* (1992); *Một Nỗi Buồn Riêng* (1992). Và sẽ có: *Một Trời Một Biển*, *Một Phen Lặn Đạn*.

Nguyễn Tấn Hưng tác giả của những "Một", là một nghệ sĩ - văn, thơ, nhạc, hòa âm lồng vào trong thi tập nói trên. Thế cho nên thơ của Nguyễn Tấn Hưng đi xa ngoài khuôn thức, vượt niêm luật, thể thơ. Lời - văn thơ hầu như đi theo với cung bậc âm thanh. Thơ tuôn theo nhạc hứng.

Giao điểm với mùa xuân, có mây thấm quyện trần gian, có hoa nở rộn ràng, có nắng ấm hây hây bên ngõ làm chanh lòng nhớ đến quê hương và bạn bè cố cựu:

Ngờ rằng mây thấm quyện trần gian
Vạn đóa hoa tươi rộ ngút ngàn
Hây hây nắng ấm về bên ngõ
Mang mang tâm động nỗi quan san
Ngày đi cánh én thời vồn vã
Tiễn bước hành trang lưng bē bàng
Giữ người quê cũ xa xăm ấy
Ý xuân lữ thứ rõ đi hoang.
(Ý Xuân - NTH)

Hoặc tưởng nhớ đến người yêu trong buổi xuân về với tình xưa nghĩa cũ

vẫn còn thiết tha, đã một lần yêu nhau, dù cách xa vạn dặm cũng rất gần trong tâm tưởng.

Xin em hãy về với anh xuân này trong giấc mộng. Anh sẵn sàng chết vì em để thoát ra cõi nhớ không tên. Để rồi:

Nhất cánh hoa tiên tưởng nhớ em
Tình xưa nghĩa cũ để sao quên
Trao nhau một phút thành thiên cổ
Vạn dặm xa nhau vẫn gần bên

Xuân này anh muốn em trong mộng
Hãy giết hồn anh tội phải đền
Thoát ra cõi nhớ vô bờ bến
Trở lại trần gian chẳng biết tên
(Xuân Nhớ - NTH)

Ngoài hai bài thơ xuân, trong thi tập còn có nhiều bài, nhiều đoạn, nhiều câu tình ý dễ thương như:

Thiên thai tìm chẳng đâu xa
Đá vàng ngọc cảnh cùng là cõi trên
Không tu bỗng tựa thánh hiền
Núi sông gấm vóc một miền ngao du.
(Qua Yellowstone)

Tuyết thay mây phủ lưng đèo
Thoáng nghe tiếng suối chảy theo sườn đồi
Cội nguồn một chiếc lá rơi
Chim bay về núi đứng ngồi không yên.
(Cửa Sổ - NTH)

Hoặc say mê dù trong tình muộn cũng làm cho cuộc đời xinh đẹp hơn:

Từ em thầm nói yêu anh
Chút tình muộn vẫn làm xanh thắm ngày
Dịu nhau một bước trần ai
Tay trong tay nào biết gì ngoài cõi ta
.....
(Tình Muộn - NTH)

Hoặc:
.....
Tiếc đời chiều lại qua chiều
Sầu thương trôi mãi trong triều nước xuôi
Thương ngày dài lắm ai ơi
Hết quên lại nhớ những lời "đắng cay"
(Tiếc - NTH)

Có lẽ Nguyễn Tấn Hưng thành công nhiều về thơ "Lục Bát". Còn về nỗi nhớ, về niềm thương và về hình ảnh yêu kiều cũng có nhiều bài rất đặc địa như:

Có nỗi nhớ nào dài hơn
Nghìn thư đi không trở lại
Và nỗi nhớ này của anh
Một đời trai ngoài biên ải.

Có niềm thương nào hơn
Tình yêu chấp cánh vừa bay
Và niềm thương này của anh

Khắc khoải cho anh từng ngày.

Có hình bóng nào đẹp hơn
Người tình ấp ủ vòng tay
Và em yêu này em ơi
Sao nỡ bắt anh chờ hoài
(Chờ - NTH)

Hoặc:
Xua nỗi nhớ vào cơn say ngây ngất
Mái trường xưa sao vắng bóng em đi?
Con sông nhỏ uốn quanh nhà đã mất!
Rằng bể dâu xóa hết tuổi xuân thì.
(Nhớ - NTH)

Hoặc có bài thiết tha với bạn, túi thẹn với mình:

.....
Nhưng có lúc giựt mình thăm tỉnh lại
Rằng quê cha xứ mẹ bạn cố tri
Người từng người vĩnh viễn đã ra đi
Trong chớp mắt chẳng bao năm mà thấy khác

Túi phận mình dần thân đời phiêu bạt
Nén trầm hương nường khói hương quê nhà
Hồn linh thiêng bạn chứng giám giùm ta
Nửa trái đất không xa tình bằng hữu.
(Bạn - NTH)

Và chính những bài thơ thể hiện nỗi xúc cảm đích thực của tác giả mới đi sâu vào lòng người, mới động trái tim xúc cảm của người đọc. Cụ thể như bài "Tự Trào" dưới đây:

.....
Thì thôi
Hạt sống này cho tôi
Hạt thực này cho khách
Hạt tình này cho người
Hạt mưa vui, tự nó, cho đời
Một hai canh vừa đủ cuộc chơi.

Này em ơi
Mặc ai chạy theo thời
Mặc ai làm theo thế
Và cũng mặc ai ham mê danh lợi
Ta chỉ đội trận cười
Đầu bụng mình rồi sẽ đôi meo
(Tự Trào - NTH)

* * *

Mỗi độ xuân về tôi lại khắc khoải nhớ đến mẹ già. Trên một cuốn băng Video của một xuân nào đó, mẹ tôi gọi qua với một đoạn ngắn ngủi mẹ tôi nhắn nhủ tôi trở về cho bà gặp mặt. Tôi đã âm thầm một mình coi đi coi lại nhiều lần; thuộc từng lời mặt ngọt của mẹ, nhớ từng nếp nhăn trên gương mặt già nua. Mỗi lần coi, mỗi lần khóc. Tôi đã thư cho mẹ hứa hẹn lần nữa một ngày trở về, nhưng rồi vẫn "Xuân này con không về". Tôi nhớ đến bài ca về lính trong thời chinh chiến. Bài ca đó,

ngày xưa tôi không thấm thía, cảm
nhiệm xót xa niềm ly tán của những
mùa xuân đoàn tụ, bởi tôi vẫn là người
ngoại cuộc.

Bây giờ tôi có những mùa xuân ly
hương đi qua cuộc đời, ít ra cũng hơn
thời gian nằng Kiều lưu lạc. Mẹ vẫn
mòn mỏi chờ con. Còn tôi, tôi vẫn hoài
vọng một ngày về quê hương có tự do -
dân chủ - nhân quyền. Mong rằng
ngày đó không còn xa để tôi được vỗ
về trong vòng tay thân yêu triu mến
của mẹ. Rồi tôi sẽ thi thăm với mẹ: "-
Xuân này con đã về, mẹ ơi!"

• Phù Vân

HỘP THƯ

Vườn Thơ Viên Giác

Vườn Thơ Viên Giác nhận trực tiếp
hay do Tòa Soạn Viên Giác chuyển
đến một số sáng tác phẩm:

* Thơ: Lê Văn Thâu - Hòa Lan (Nhị
độ Liên Hoa); Quách Đình Huân - Đức
(Xin đừng mang thịt bán chùa); Thẩm
Anh Tuấn - Đức (Nhớ mẹ); Nguyễn
Tấn Hưng - Hoa Kỳ (Thi tập "Một
Thoáng Trong Mơ"); Đặng Quốc Việt -
Đức (Nghĩ về quê mẹ); Đan Hà - Đức
(Như giọt sương mai, Cảm Thơ); Huy
Giang - Đức (Khơi động lời xuân,
Nghề lòng thạch thảo); Nguyễn
Tấn Tài - Đức (Bài thơ chống cộng);
Phan Thị Trúc Phương - Đức (Chỉ
một buổi trưa, Nhớ Sài Gòn); Lê
Trường An - Đức (Sài Gòn quê tôi);
Nguyễn Đức Hoàn - Pháp (Tạo hóa).

* Văn: Phạm, Phong Duy - Đức (Ai đã
cướp cơm chim của Văn nghệ sĩ trí
thức ở nước ta? Phần 1).

* Thư tín:

- Trúc Giang (Đức): Chân thành cảm
ơn Trúc Giang đã sưu tầm những bài
thơ hay gửi đến góp hương sắc cho
Vườn Thơ Viên Giác. Bài thơ với
những đoạn tình ý dễ thương:

.....
Đêm vàng soi bóng trăng cao
Ngồi bên bờ vắng đếm sao trên trời
Anh moi đất nắn tượng người
Em thơ thân nhất lá rơi làm tiền
Chờ ngày hợp mỗi mười phiến
Anh đem tượng đất đổi tiền lá rơi
Nào ngờ mai mỉa cho tôi
Lớn lên em đã bị người ta mua...
(Kiên Giang - Tiên và Lá)

Thế nhưng Viên Giác chưa có mục
"Những Văn Thơ Cũ" nên xin tâm
lãnh thiện ý của Trúc Giang. Vườn
Thơ Viên Giác mong đón nhận những
sáng tác của Trúc Giang để ươm thơm
mái tóc của khách dạo vườn. Thân.
- Anh Nguyễn Tấn Hưng (Hoa Kỳ):
Thành thực cảm ơn anh đã tặng thi

tập "Một Thoáng Trong Mơ". Đã đọc
và trân trọng giới thiệu với độc giả
mười phương trong Vườn Thơ Viên
Giác. Kính.

- Trả lời chung Đan Hà - Huy Giang
(Đức): Cảm ơn các anh đã gửi cho
Vườn những sáng tác mới và đã giới
thiệu với độc giả. Việc các anh nhờ
Phù Vân viết bài giới thiệu cho Thi
tập chung "Thơ Đan Hà - Huy Giang"
dự trù phát hành vào giữa tháng
12.1994 thì đúng là các anh đã chơi ép
anh em quá! Chỉ trong vòng một thời
gian ngắn mà các anh đã yêu cầu phải
có bài để các anh chuẩn bị trình bày,
ấn loát, trong khi đó Phù Vân phải lo

chạy bài và trả bài cho số báo Xuân
Viên Giác. Âu cũng nhờ trời, cố gắng
tôi đâu hay tới đó. Thân.

- Anh Đặng Quốc Việt (Đức): Đã nhận
được bài thơ "Đi vắng quê hương" sau
khi anh đã chỉnh lại. Mong rằng với
một vài góp ý, anh có nhiều khởi sắc
trong phần sáng tác.

Đã gửi Thi tập "Ngoài Xa Dấu Chân
Mây" của Tuy Anh theo anh yêu cầu.
Chắc anh rất hài lòng về cuốn sách,
bìa màu, in giấy đặc biệt và giá phổ
biến. Thân.

• Phù Vân

我有東君
豈用薰且酌
太和迎歲旦
吳特任
為貧韶盈耳
太傍宜志肉
且扶搖心頭
雲老至有錢
難買少位高
多磨對樹
滿城梅雨
滿城春客
館蕭疎對樹
春述



Xuân Thuật

Mãn thành mai vũ mãn thành xuân.
Khách xá tiêu sơ đối thụ vân.
Lão chí hữu tiền nan mãi thiếu.
Vị cao đa lịch bất vi bản.
Thiếu doanh nhi bang nghị vọng nhục.
Hương phước tâm đầu khái dụng huấn.
Thả, chức thái bình nghinh tuế đàng.
Phù dao bạn ngã hữu Đông Xuân.

Ngô Thời Nhiệm
(1746 - 1803)

Thuật Cảnh Xuân

Khấp thành xuân tỏa mưa bay.
Đieu hiu quán trọ mây cây đối cùng.
Già, tiền khôn chuộc trẻ trung.
Chức cao làm lịch ung dung chẳng
nghèo.
Thiệt quên, nhạc rộn vui theo.
Thơm xông nào thiết, hương reo nước
lòng.
Đóm xuân rớt chén rượu nồng.
Gió dao ta bạn Chứa Đông rùm vầy.

Huyền Thanh Lữ

- T.Đ.H.Đ

Ta Sẽ Về THĂM LẠI QUÊ HƯƠNG

Biết đến bao giờ thấy lại quê !
Hàng mong sẽ có một ngày về
Thăm lại Ba Ngòi và Đá Bạc,
Dù chỉ một lần cũng hả hê.

Ta sẽ đi thăm cầu Trà Long
Nhìn lui nhìn tới núi Hòn Rồng.
Qua cầu đi thẳng về Trại Cá.
Hiệp Mỹ, Hòn Qui cách quảng đồng.

Qua đảo Bình Ba, đến Bãi Nòm.
Rì rào sóng biển vỗ chiều hôm.
Bây giờ bãi ấy ra sao nhỉ ?
Biết có còn ai ghé mắt dòm ?!

Hải cảng Cam Ranh đẹp vô cùng !
Vây quanh tứ phía núi chập chùng.
Gió to, biển động, tàu vào vịnh.
Nào có lo chi chuyện bão bùng !

Cầu Cá bây giờ có còn không ?
Núi Một nhìn ra thấy Hòn Chồng ?
Mười mấy năm rồi không trở lại,
Ngôi chùa trên ấy có sư trông ?

Xóm Lưới, Xóm Tranh, mấy xóm nghèo.
Con đường Đất Đỏ vẫn vắng teo ?
Số Ba, Số Sáu và Số Chín (1)
Vấn nguyên hay đã lộn tùng phèo ?

Ngược lên Đồng Lác thử xem sao !
Đường sá độ rày chắc hư hao ?
Xe Lam lớp vá tràn ra đầy ?
Hay đã khá hơn được chút nào ?

Tới nửa mình lên Khánh Sơn luôn.
Rừng sâu, núi thẳm quá u buồn.
Xuống dốc, lên đèo, đường khúc khuỷu.
Tìm người "Thiếu số" mới vào "buồn".

Khánh Sơn đèo núi quá âm u !
Xe chạy bốc lên bụi mịt mù.
Nhớ lại năm xưa đi "cải tạo",
Chặt tre, đốn củi, khổ thân tù !

Trong số những người bạn tù xưa,
Cùng nhau "lao động" dưới nắng mưa,
Có đứa bỏ thầy vùng Nghĩa Phú (2)
Bao nhiêu đau xót nói cho vừa !

Có đứa chuyển qua "A ba mươi" (3)
Tuy Hòa (4), Nghĩa Phú quá xa xôi.
Từ đó ta không liên lạc được.
Biết có còn chăng ở trên đời ?

Rời Tuy Hòa, ngược về Nha Trang.
Lộc Tượng, Rù Rì (5) vẫn nghênh ngang.
Xe qua ề ạch bò lên dốc.
Vấn Bãi Ruồi (6) đầy dưới gió ngàn.

Hàng dương Đồng Đế mãi còn xanh ?
Chắc Quân trường nay đã tan tành !
Hòn Khô sừng sững theo năm tháng.
Đâu bóng "Cù Lân" (7), đáng thư sinh ?

Tượng đá thành tro bụi mỏng manh,
Câu thơ còn mãi với non xanh
"Anh đứng ngàn năm thao diễn nghĩ,
Em nằm xỏa tóc đợi chờ anh." (8)

Bãi biển Nha Trang đẹp tuyệt vời !
Xa xa thấp thoáng tí ngoài khơi
Hòn Yến lấm hang đầy tổ én,
Ngó qua Hòn Đỏ phía chân trời .

Viễn khách dừng chân ở Tháp Bà.
Vàng son một thuở đã phai pha.
Chiêm Thành dấu tích còn lưu lại,
Trang sử huy hoàng đã lật qua.

Cầu Đá bây giờ đẹp về đêm.
Hải Dương Học Viện đứng im lìm.
Về hướng Mã Vòng theo dõi bóng
Phật đài (9) hùng vĩ lại uy nghiêm.

Mười cây số nữa tạt vô Thành.
Bánh ướt nơi này quá trữ danh !
Lắm kẻ từ trăm cây số đến,
Ăn xong mà đũa dẫu không đành

Một đoạn nữa thôi tới Suối Dầu.
Cao su bát ngát tận rừng sâu.
Hàng cây thẳng tắp, thân mừng mũ,
Có lúc sâu đời, hóa dếp râu !!!

Bãi Giếng, Nghĩa Yên cũng địa danh.
Đồng Bà Thìn lính ở mây xanh.
Hoa dù nở rộ khoe màu thắm.
Bãi tập giờ đây hẳn vắng tanh.

Đến Thủy Triều xem cát trắng ngần.
Nào ai biết cát sẽ hóa thân.
Ba ngàn độ chần thành thể loáng,
Cát hóa ly chai mới thật cần.

Kể đó là căn cứ Cam Ranh
Cầu Long Hồ (10) dấu chằng lừng danh,
Không biết người Nga hay Trung Cộng,
Tên nào đã chiếm được hoặc đang giành?!...

Khi nào Đất Nước nở ngàn hoa,
Sạch bóng loài ôm Đảng mù lò,à,
Thanh bình trở lại trên Quê Mẹ,
Ta sẽ về thăm tỉnh Khánh Hòa.

Ta sẽ về thăm lại Quê Hương,
Sẽ đi qua khắp vạn nẻo đường,
Xuôi Nam, ngược Bắc, nhìn sông núi,
Đi dọc, về ngang, ngắm ruộng vườn.

Ta sẽ đi thăm khắp mọi miền,
Từ đồng bằng đến những cao nguyên ...
Tha thiết nhớ nhung từng mảnh đất,
Mong ngày Đất Mẹ được bình yên .

Đức Quốc 19.3.93

- (1) Các địa danh nằm dọc theo Quốc lộ 1, khoảng giữa Phan Rang và Nha Trang. Cách Ba Ngòi 3km, 6km và 9km.
- (2) Nghĩa Phú vừa là địa danh, vừa là tên trại cải tạo.
- (3) A30 : Tên trại cải tạo ở Tuy Hòa.
- (4) Ngoại trừ Tuy Hòa, tất cả địa danh khác trong bài đều thuộc tỉnh Khánh Hòa.
- (5) Đèo Lộc Tượng, đèo Rù Rì trên đoạn đường Tuy Hòa - Nha Trang.
- (6) Bãi Ruồi tọa lạc trên lưng đèo Rù Rì, gần Lương Sơn.
- (7) Bức tượng người lính QLVNCH, cao 7m, sơn màu trắng, đứng trên đỉnh Hòn Khô. Tượng trưng cho hình ảnh chàng trai mới vào quân ngũ. Thường được mọi người gọi đùa là "thằng cù lùn".
(Tượng phẫn với màu đen ở trước cổng trường).
- (8) Tượng nói trên đứng theo tư thế thao diễn nghỉ. Dây núi sau lưng Hòn Khô có hình dạng như người đàn bà nằm xoắn tóc.
- (9) Thạch Ca Phật Đài được tọa lạc trên ngọn đồi ở Mã Vòng, Nha Trang, to như cái nhà lâu.
- (10) Cầu Long Hồ dẫn vào căn cứ quân sự Cam Ranh



· VĨNH LIÊM

ĐÀNH CÂM LẶNG THẤY ĐỜI VÔ VỊ!

Mười tám năm rồi ta vẫn sống
Cuộc đời đau đớn tựa dao đâm
Cái thân bầm dập như cơn mộng
Chưa khóc mà sao lệ nhỏ thăm !

Thương ta cuộc sống đành như vậy
Vẫn nở nụ cười trong lệ rơi
Đời có gì đâu mà chán ngấy
Trò đời trêu chọc chán gương soi.

Tháng năm là cửa trời cho cả
Dấu có làm sao cũng vẫn thừa
Dấu khóc cũng thành như lệ đá
Đời người như một chuỗi sao thưa.

Dành cảm lặng thấy đời vô vị
Chữ nghĩa vui dân như tầng mây
Muốn phá càn khôn nhưng hết ý
Cuộc đời vô nghĩa tựa cơn say.

Làm thân tị nạn như tro bụi
Một phút thông dong nghĩ cũng
lầm

Đã thế mà sao chưa sám hối ?
Kéo dài cuộc sống đến bao năm !

Mỗi khi thức giấc trong đêm vắng
Mơ thấy quê hương vẫn ngọt ngào
Nhưng tấm thân ta như đá nặng
Lăn hoài chưa mỏi biết làm sao !

Trang Hoa Phụng

Các em thân mến !

Chẳng mấy chốc năm con Chó (Giáp Tuất) đi qua, nay Tết con Heo (Ất Hợi) lại tới. Ở quê này các em mới vừa thưởng thức Tết theo người bản xứ. Cũng có giao thừa pháo nổ, có cây thông (Tannenbaum), cây trang (Weihnachtstern), bánh Giáng Sinh, bánh Tết... nhưng chẳng thấy hoa mai và bánh tét, bánh chưng... và ngoài trời thì mưa rơi, tuyết lạnh.

Cơ hội đốt lên bàn thờ Tổ Tiên, Ông Bà cây nhang, cây nến không có, do đó niềm vui của các em chưa được trọn vẹn bao giờ.

Truyền thống của dân tộc Việt mình, ngày đầu năm là cả một sự thiêng liêng. Dù ai buôn gánh, bán bưng hoặc đi làm ăn xa cũng lo vội vàng trở về nhà sum họp, ăn Tết cùng với gia đình. Cúng giỗ Tổ Tiên, Ông Bà và người thân đã mất. Gặp gỡ bà con bạn bè, hàng xóm láng giềng chúc mừng nhau trọn năm khương an, hạnh phúc.

"Tháng Giêng ăn Tết ở nhà
Tháng hai trồng đậu, tháng ba trồng cà..."

Người xưa muốn hưởng nhân nên đã ví đó, vì nước mình làm nông nghiệp. Trời cho thời tiết ấm áp, điều hòa nên quanh năm mùa nào cũng có cây xanh, trái ngọt.

Hoa Phụng thân chúc các em đầu năm vui vẻ và trọn năm an lành.

• Hồng Nhiên

Hồng Nhiên sưu tầm

Xuân Ất Hợi nói chuyện Heo

CON LỢN ĂN NO LẠI NĂM

Xưa ông Trời có một thằng người nhà, hễ ăn thì siêng, đến việc làm thì nhác (làm biếng).

Trước Trời cho nó ăn mỗi ngày ba bữa, nó cứ kêu "ít, ít", sau Trời cho nó ăn mỗi bữa năm, sáu bát, nó cũng vẫn kêu "ít, ít". Sau nữa Trời cho nó ăn mỗi bữa đến bảy, tám, chín, mười bát; nó vẫn còn kêu vang là "ít, ít, ít..."

Trời thấy nó quá lắm, một hôm mới gọi ra mắng rằng :

- Mày thật chẳng được công việc gì! Cứ ăn rồi lại nằm, nằm rồi lại ăn, mà cho mày ăn bao nhiêu, mày cũng còn kêu là ít. Mày cứ ăn thế này mãi, thì rồi tao biết lấy gì mà nuôi mày. Thôi, bây giờ để tao phong cho mày một chức, mày xuống dưới hạ giới mà ở...

Người kia hỏi :

- Cha phong cho làm chức gì ?

Trời bảo :

- Tao phong cho làm chức Gà.

Người kia thưa rằng :

- Tính tôi chỉ thích ăn cho béo, không muốn làm chi cả. Bây giờ cha phong cho làm chức Gà, thì tôi phải bồi đất, lật cỏ, dậy sớm, kêu gào, thế tôi không làm được. Mà rồi để cho người ta còn giễu là "Quấy như gà".

Trời lại phán :

- Thì ta phong cho làm chức Bò.

Người kia lại thưa :

- Cha phong cho con làm chức Bò thì cũng là to. Nhưng bò lại phải kéo xe, đằm mưa, dãi nắng, con không chịu

được. Con đã không làm nên việc rồi người ta lại còn chê "dốt như bò" thì cũng tội lắm. Vậy dám xin cha phong cho chức gì, chỉ có ăn mà không phải làm. Cứ nằm một chỗ, mà mỗi ngày hai buổi người ta phải đem đến tận miệng cho mà ăn...

Trời bảo :

- Cái chức gì mà chỉ ăn rồi lại nằm, nằm rồi lại ăn, người ta đã không sai khiến được việc gì, người ta lại còn phải mỗi ngày hai ba bữa, bụng đến tận mồm cho mà ăn, ăn cho nó to, ăn cho nó béo! Cái chức ấy thì chỉ có chức "Lợn", chức "Heo" mà thôi.

Trời chưa nói hết lời, người kia mừng quýnh vội vàng quỳ xuống tâu :

- Vâng, xin cha phong cho làm chức "Lợn" làm chức "Heo". Ăn xong rồi nằm, nằm rồi lại ăn. Con được lãnh chức ấy, thật là vui cho con lắm.

Trời khẽ bảo :

- Nhưng nó nuôi cho to, cho béo rồi một ngày kia nó đem ra làm thịt.

Trời tuy nói vậy, mà người kia mãi ăn, không nghe rõ tiếng gì nữa, cứ mau mau xin đòi xuống làm chức "Lợn" dưới hạ giới.

Cho đến bây giờ, người nhà Trời ấy tuy được làm lợn rồi, được ăn no nằm nghỉ rồi, mà thường vẫn còn hiêm như chưa đủ, vẫn cứ kêu "ít, ít, ít" luôn mồm.

Ngũ gia, ngũ quý và ngũ long Công Chúa

Thân tặng những người đã có lần tạm cư tại đảo Behala, Kuku (Indonesia).
Đặc biệt cho anh chị H. Wa. Mỹ Quốc

• Hồng Nhiên - Lingen/Ems

Báo "Viên Giác Xuân" này đến tay quý vị độc giả vào tuần đầu của năm 1995 và một tháng nữa đến Xuân Ất Hợi theo âm lịch của chúng ta. Nhìn con số 5 (1995) tôi chợt nhớ câu chuyện liên quan tới đứa con tuổi Hợi của tôi. Chuyện này đã hơn 15 năm về trước của 5 gia đình, 5 cậu bé trai và 5 cô con gái. Tôi tạm dịch cho văn hoa một chút. "Ngũ gia, ngũ quý và ngũ long Công chúa".

Đầu tháng 6 năm 1979, ba mẹ con tôi tìm đường vượt biên, tới đảo Letung (một trong những đảo của nước Indonesia có người Việt Nam tỵ nạn đang tạm cư ở đây).

Gần 300 người trên chiếc tàu của chúng tôi lên đảo vào một buổi chiều tắt nắng. Tất cả chúng tôi đều mệt mỏi, đói khát, quần áo nhàu nát dơ bẩn giống như một tập thể ăn mày. Đêm hôm ấy, chúng tôi nằm la liệt ngoài đường đi. Ba mẹ con tôi nằm ngủ trên nền xi măng, ngó ra vào của một gia đình người bản xứ tương đối thuộc về hàng khá giả. Cũng may, đêm hôm ấy không giông, không mưa sa bão táp (ở đảo mưa gió bất thường lắm), nên chúng tôi ngủ một giấc thật ngon, mặc dầu không chăn êm nệm ấm.

Sáng hôm sau nghe tiếng ồn ào của kẻ qua người lại, tôi giật mình mở mắt ra thấy người Việt sao đông quá, tôi mới nhớ đây là một đảo địa đầu của nước Indo. mà người Việt tỵ nạn thường tới đảo này, số người đến trước chúng tôi tại đây lên đến mấy ngàn người và mỗi lần họ nghe có tàu hoặc ghe nào mới tới thì họ chạy ra đây để

tìm thân nhân hoặc bạn bè thân thuộc. Họ hỏi chúng tôi khởi hành từ đâu, có bao nhiêu người, ai là chủ tàu v.v...

Nhiều người trong tàu của chúng tôi gặp lại thân nhân họ ôm nhau nửa mừng nửa tủi... không mấy chốc trước mặt chúng tôi giống như một chợ người. Ba mẹ con tôi cũng trong đám người lao xao đó. Con trai tôi thò thẻ hỏi "mẹ, sao mình không có quen với ai hết vậy? còn Ba và anh Hai đâu, sao không tới kiếm mình?". Tôi không biết làm sao giải thích cho nó hiểu, vì trong thời gian chuẩn bị vượt biên các con tôi hay hỏi, tôi trả lời với chúng nó "mình đi tìm Ba". Trong đầu óc non nớt của con tôi làm sao biết Ba nó ở đâu? Chợt con gái tôi nói "Sao mình không đi kiếm chú T. hả mẹ?". Con gái tôi đã gỡ rối để tôi khỏi phải tìm cách nói quanh co với thằng em của nó.

Hỏi chúng tôi sắp sửa ra đi thì vợ chồng T. ở gần nhà tôi đã đi trước đó nửa tháng, tôi không thân với họ, nhưng em trai của chú T. cưới cô con gái người hàng xóm ở sát cạnh nhà tôi, do đó thỉnh thoảng vợ chồng chú T. tới thăm em, từ đó chúng tôi quen biết chỉ qua cái gật đầu chào.

Lúc ở nhà tôi nghe vợ chồng chú T. đã tới đảo Indonesia, tôi nghĩ chắc ai đi vượt biên cũng tới hòn đảo này vì nó gần nhất, có ngờ đâu đảo Letung là một trong 3000 hòn đảo của nước Indo.

Một hy vọng nhỏ, tôi nắm tay hai đứa con dẫn chúng đi một đoạn đường để cho đỡ bớt sự ngột ngạt, ồn ào. Chợt thấy một người đàn ông trẻ đi tới, như có vẻ đi tìm người quen, tôi bạo dạn hỏi "Xin lỗi, anh có biết cách đây hơn nửa tháng có chiếc tàu số...., khởi hành ở M.T. mà anh T. là tài công?" Anh ta chợt sáng mắt lên "à, có, tôi cũng đi trên chiếc tàu ấy mà, nhưng... anh ấy ngập ngừng... hình như tên của anh là T... chứ không phải là T... Anh ấy còn hỏi lại tôi có phải anh đó đi với vợ, một đứa con và một người em trai không?"

Tôi mừng rỡ và cho biết đúng như vậy, nhưng anh nói anh không dám dẫn tôi đến vì lỡ nếu không quen mà tới ồn ào quá thì làm phiền chủ nhà.. Anh hứa sẽ hỏi dùm tôi, vì nhà của anh T. chỉ cách đây một cây số và đi trên con đường này.

Anh đi trước và mẹ con tôi theo sau để chờ tin. Chợt tôi thấy một cậu trai chạy về phía chúng tôi, thì ra là em trai của T. Cậu ôm chầm lấy tôi và khóc nức nở, tôi cũng vậy; ở đây mà gặp người quen thì còn hơn ở quê nhà gặp anh em ruột. Thật cũng lạ, hỏi ở nhà chúng tôi thỉnh thoảng mới gặp nhau, nhìn quen quen vậy thôi và cũng chẳng phải thân yêu gì. Sau hồi xúc động Tân hỏi thăm tôi về gia đình cậu ở nhà. Tôi kể cho Tân nghe từ khi

anh em của cậu đi rồi thì má của cậu khóc ngày đêm và bị sẩy thai, nhưng sau đó nhờ nhiều người khuyên giải nên má cậu đã bớt buồn. Trong câu chuyện anh em Tân vượt biên tôi cũng đã biết. Chú T. là tài công chỉ được đem vợ và đứa con theo, còn Tân nhờ anh dẫn xuống trước một ngày và trốn dưới hầm máy, Tân đi mà cả nhà không ai biết vì cậu là con trai út nên cha mẹ cậu thương yêu nhất nhà.

Vợ chồng chú T. gặp tôi, chúng tôi vừa mừng vừa khóc, đôi bên cùng hàn huyên tâm sự. Thế là bắt đầu từ hôm ấy ba mẹ con tôi không còn bơ vơ ngoài đường nữa.

Cái nhà của người Indo. cho chúng tôi mượn tương đối rộng rãi hiện đang có bốn gia đình Việt Nam ở chung. Nhà này cất sát bãi biển, nền bằng ván. Mỗi lần nước lớn lên đến sát nền nhà, người rùng rút ra hơn nửa cây số.

Người tôi mượn trước là vợ chồng chú T. Tân và đứa con trai của T. tên Tấn 8 tuổi.

Gia đình thứ hai cũng là đôi vợ chồng trẻ, anh chị Vân và đứa con trai tên Tin 8 tuổi. Anh Vân là kỹ sư điện tốt nghiệp ở Nhật về.

Gia đình thứ ba là anh chị Minh và đứa con trai tên Tâm 8 tuổi. Câu chuyện truyền khẩu của gia đình này tôi đã nghe qua từ lúc còn ở bên nhà. Anh Minh là giáo viên, vợ chồng anh đã dành dụm một số vàng để cho anh đi vượt biên trước. Không biết ông bà ấy đã dựng nên một thâm kịch hay là thật như vậy, vì lúc anh bước lên tàu (đi cùng tàu với vợ chồng chú T.) mấy tên công an vừa xét xong thì người vợ anh ấy dẫn con chạy tới chỗ công an đang đứng xét gạo lên:

- Anh Minh ơi! Anh dẫn thằng Tâm theo với, chứ nó ở nhà với em thì khổ cho nó lắm anh ơi!

Tên công an thấy vậy đẩy bé Tâm lên ghế cho cha nó.

Nhưng anh Minh lại kéo tay thằng con đẩy lui về phía công an và nói:

- Không được đâu em, em đem con về má ở, lo liệu dùm anh, chứ nó mà theo anh thì không sống nổi đâu.

Thế rồi người vợ vừa khóc vừa đẩy con trở lên tàu. Người chồng lại đẩy con trở lên bờ. Mấy tên công an thấy vậy không biết xử thằng nhỏ theo ai. Cuối cùng có một tên công an lớn tuổi đề nghị:

- Thôi cho hai mẹ con lên tàu luôn.

Nhiều người đến bên tiễn thân nhân, ai nấy đều cảm động.

Gia đình thứ tư trong nhà này đông người nhất. Chị H. khoảng 30 tuổi, còn trẻ đẹp và ăn nói mềm mỏng dễ thương; chồng chị là Thiếu tá không quân, ngày 30.04 lái máy bay sang đảo Guam và đã định cư bên Mỹ. Chị ở nhà không tiền bạc nhiều, nhưng chị tìm đủ cách để cho cả gia đình vượt biên. Chị dựa vào ông chồng hờ là chủ tàu, nên đã đem theo người mẹ trên

60 mươi tuổi, người anh thứ ba và đứa con trai khoảng 16 tuổi, hai đứa cháu con người anh thứ hai (trên 20 tuổi) và một đứa cháu gái con người chị thứ tư, cộng luôn chị và đứa con trai tên Trí 8 tuổi.

Khi tới đảo Letung thì người chủ tàu cùng vợ lớn và các con mượn nhà ở riêng, còn chị H. và gia đình của chị ở chung với vợ chồng chú T. Lúc mới tới đảo, người vợ lớn biết được chuyện của chị nên đã ghen dữ dội, nhưng nhờ chị H. khéo chịu đựng nên người vợ lớn cũng dịu dần.

Má chị H. tuy lớn tuổi nhưng là một mẩu người sang trọng và biết cư xử. Bà thường tâm sự với tôi "Cháu ơi! Bác khổ tâm lắm, cảnh gia đình của Bác có thể người ngoài nhìn vào họ sẽ khinh bỉ nhưng biết làm sao hơn, nếu tự mình ra đi thì làm sao con H. nó đưa cả 8 người vượt biên, còn ở lại thì tương lai của đám trẻ không còn nữa, Bác già rồi ở đâu cũng được, nhưng con H. nó còn trẻ làm sao ở vậy để nuôi con". Thú thật hỏi tôi mới tới đây đã nghe kể nói vậy, người nói khác, nhưng trong thâm tâm tôi chỉ biết lo cho hai đứa con được mạnh khỏe và sớm đoàn tụ gia đình là điều trên hết. Còn chuyện người khác thì "ai nằm trong chăn mới biết chăn có rận", bàng quan nhìn thì trăm người trăm ý, có kẻ chê chị lằng lằng thì cũng có người khen chị nhiều mưu trí. Câu chuyện này tôi xin mở ngoặc viết thêm.

Độ vài tháng sau, khi phái đoàn của Cao Ủy Ty Nạn tới phỏng vấn để cho đi định cư ở một nước thứ ba. Tôi lướt chiếc tàu của chị H. thì có gia đình ông chủ tàu và gia đình của chị. Người chủ tàu và gia đình của ông ta xin đi Úc. Còn chị H. xin sang Mỹ đoàn tụ với chồng. Sự việc này đã làm cho ông chồng hờ của chị một phen tái mặt.

Giờ này, thì mọi người đã đoán được một phần nào "Chị giả dạng để qua ải. Vì từ trước tới giờ mọi người khinh khi chị, chị không buồn cải chính và trong cái nhà chứa năm gia đình ở tạm có nhiều đàn bà nhưng chị cũng không tâm sự với ai. Con đường chị đi tới, ai khen chê mặc hờ.

Gia đình tới sau cùng là ba mẹ con tôi. Con gái tôi 13 tuổi và thằng út tên gọi ngoài là Tư 8 tuổi.

Câu chuyện mới nghe qua rất tâm thường, nhưng lại có một sự trùng hợp thật lạ lùng. Năm gia đình đang sống chung trong một ngôi nhà, mỗi gia đình có một hoàn cảnh khác nhau và trong mỗi gia đình cũng có một đứa con trai tuổi Tân Hợi (năm nay 24 tuổi). Tên của 5 thằng bé cùng chữ T là Tấn, Tin, Tâm, Trí và Tư. Chúng tôi thường gọi đùa là "Ngũ qui", nhưng ngũ qui này rất dễ thương, không phá phách, chửi thề hoặc đánh lộn. Chúng hợp với nhau chạy chơi dưới bãi biển (khi nước ròng). Lúc nước lớn, hoặc

trời nắng gắt thì chúng tụ họp trong nhà. Trời mưa thì cùng ra tắm mưa. Các bà mẹ lúc nào cũng bận rộn với đám "ngũ quỷ" này.

Một hôm, con tôi chạy chơi ngoài bãi biển lượm được chiếc ghe nhỏ nó đem vào nhà. Bốn thằng bé kia thấy vậy liền đòi cha mẹ chúng làm ghe giống y như vậy. Thế là các bà mẹ phải ra bãi biển lượm cây gỗ về làm ghe cho con chơi.

Người đời thường có câu : "Có chuyện thì cùng lo, khi no thì ganh tỵ". Câu này thật có ý nghĩa vì năm gia đình chúng tôi cùng sống trong một ngôi nhà vườn, đông người làm sao tránh khỏi "đụng chạm" thế mà "êm ru", vì ai nấy đều chờ đợi ngày đi định cư để lo cho cuộc sống mới của mình. Nên chẳng có vấn đề gì kể cả 5 thằng bé cũng chơi đùa suốt ngày, ít khi cãi cộ hoặc tranh giành lẫn nhau.

Ở đảo Letung được hơn hai tháng thì chúng tôi bị chính quyền ở đảo này đuổi chúng tôi qua đảo Behala (cách đảo Letung một cây số, đến lúc nước ròng xuống tới ống chân, ở Behala chúng tôi có thể đi bằng tay biển sang đảo Letung để lấy nước ngọt).

Ở Behala, người tỵ nạn tự cất chòi để ở, gia đình tôi không có đàn ông nên tôi phải tìm cách khác. Sang đây dò hỏi, tình cờ tôi gặp anh chị Trang X.H., anh là tài công chiếc tàu của tôi đi, còn chị ngày trước là giáo viên. Được biết chúng tôi chưa có chỗ ở nên anh chị đồng ý giúp cho ba mẹ con tôi tạm sống chung với gia đình anh chị. Anh H. nói : "tôi chỉ cần làm thêm cái giường dài hơn chút nữa cho ba mẹ con chị là đủ rồi".

Khi tôi trở về Letung để thu dọn đồ đạc thì bốn gia đình kia cũng thu xếp để sang đảo Arina (đảo Arina cách đảo Letung độ 5 cây số). Chiều hôm ấy, đại gia đình chúng tôi tụ họp đông đủ, ăn bữa cơm cuối cùng để ngày hôm sau chia tay.

"Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ!"

Chúng tôi chia tay trong nỗi buồn của hiện tại và lo lắng cho ngày mai. Thế là "ngũ gia" và "ngũ quỷ" đành phải "rà bè, tề đám" từ đây.

Sáng hôm sau ba mẹ con tôi "dọn nhà" sang Behala. Anh chị H. và 5 đứa con gái ra tận bến đò rước chúng tôi. Phải nói rằng ngũ quỷ và ngũ long khác nhau một trời một vực. Ở bên Letung 5 thằng bé giỡn đùa bao nhiêu thì giờ này 5 đứa con gái thật ngoan hiền mà tôi gán cho cái tên rất đẹp là "ngũ long công chúa" cũng không ngoa chút nào, Năm đứa con gái của anh chị H.; cháu lớn nhất 12 tuổi và nhỏ nhất 4 tuổi, cũng có tên bằng chữ T. Thanh Trúc, Thanh Trang, Thanh Thủy, Thanh Tuyên và Thanh Tâm.

Ở Behala một thời gian khoảng 20 ngày, chúng tôi bị người Indo. đuổi sang đảo Kuku. Đảo Kuku trong thời

gian qua đã chứa khoảng 10 ngàn người Việt Nam đang tạm trú và cộng thêm số người của đảo Behala dời sang thì tổng số lên đến 14 ngàn. Chúng tôi là những người tới sau; chỗ đất tốt, người đến trước chiếm hết và người mới tới phải lên núi cất nhà. Tội cho anh H., anh lo cho gia đình còn không xong, bây giờ có ba mẹ con tôi, anh phải thêm một gánh nặng.

"Ăn đèn nghĩa trả", anh chị ra đi không đem theo được tiền bạc gì cả. Còn tôi, thỉnh thoảng nhận được một ít tiền của ba các cháu bỏ trong thư gửi sang. Tôi chia chác cho anh chị từ lúc ở đảo. Khi gia đình tôi sang Tây Đức đoàn tụ thì còn lại những lá thư tới sau, trong đó có tiền hoặc Check (trước khi đi định cư tôi đã làm giấy ủy quyền để cho anh nhận thư của tôi).

Sau này, khi gia đình anh sang Mỹ định cư, anh có viết thư cho tôi, nói rằng "Khi gia đình tôi tới Pinang thì bé Thanh Tâm đau nặng, may nhờ có 90 đô la của chị mà tôi có tiền chạy thuốc và sửa chữa một ít đồ trước khi sang Mỹ. Ôn của chị, vợ chồng tôi và các cháu không bao giờ quên".

Mãi đến ngày hôm nay, hai gia đình chúng tôi vẫn còn liên lạc với nhau. Con gái tôi và cháu lớn của anh chị, thân nhau như chị em ruột.

Được biết, hai cháu lớn của anh chị đã tốt nghiệp đại học, còn ba cháu đang học.

Trong thời gian ở đảo có một vài hình ảnh mãi đến bây giờ tôi vẫn không quên.

- Lúc tôi ở đảo Behala, một hôm trời nắng gắt, tôi ngồi trên chiếc đò từ chợ Letung về Behala. Trên đò có một đôi vợ chồng trẻ và đứa con trai độ 2, 3 tuổi. Cô vợ cầm bao nước đá uống, anh chồng rí tai vợ "cho anh uống với, anh khát quá", nói hai ba lần mà người vợ vẫn lắc đầu và tiếp tục uống. Đứa con ngồi trong lòng mẹ với tay đòi uống, nhưng người mẹ tỉnh bơ và còn cố tình uống thật nhanh cho đến khi hết, liệng bao nylon xuống biển. Hành khách ngồi trên đò, ai nấy đều lắc đầu.

- Câu chuyện thứ hai, rất thương tâm. Lúc tôi ở đảo Kuku. Một hôm (giữa tháng 9-1979), lúc nửa đêm

thình lình có tiếng gọi trong loa ở trạm thông tin trên đảo.

- Cần một bác sĩ giỏi, có kinh nghiệm lên tàu gấp, để cứu cấp một bác sĩ Pháp bị cảm nặng (trúng gió).

Được biết, có một chiếc tàu tên Lumière (tàu ánh sáng) đang đậu sát đảo Kuku. Trên tàu có một nhóm bác sĩ và y tá túc trực ở đây để chữa bệnh cho người tỵ nạn trên đảo. Hình thức của chiếc tàu này cũng giống như Cap Anamur cứu người trên biển.

(Viết đến đây tôi chợt suy nghĩ và thắc mắc, trên tàu có nhiều bác sĩ mà tại sao lại kêu gọi một bác sĩ trong số người tỵ nạn của chúng tôi?). Tiếng trong loa lặp đi, lặp lại bốn năm lần rồi ngưng hẳn.

Chúng tôi, phần đông là người lớn ai nấy đều thức giấc, vừa hồi hộp vừa lo cho tính mạng của vị bác sĩ này. Tôi cũng không rõ có ông bác sĩ người Việt nào trong số người tỵ nạn lên tàu để cứu cấp cho nạn nhân không?

Màn đêm yên lặng, mãi đến 7 giờ sáng hôm sau, phòng thông tin lại thông báo.

- Bác sĩ người Pháp đã từ trần.

Chúng tôi thật xúc động với cái tin ngắn ngủi này. Có người đã biết ông là vị bác sĩ trẻ nhất trên tàu, ông vừa mới đính hôn với cô y tá người Pháp cũng làm việc chung trên tàu. Hai người còn phục vụ một thời gian nữa thì trở về Pháp làm lễ thành hôn.

Liên sau đó, chuông nhà thờ và chùa chiền ngân vang. Không ai bảo ai, tùy theo tín ngưỡng của mỗi người, họ lần lượt tới nhà thờ hoặc chùa để cầu nguyện. Một phút mặc niệm cho người đã mất. Phiên chợ sáng hôm ấy đang ồn ào, tấp nập, bỗng yên lặng, một sự yên lặng chưa từng xảy ra trên đảo.

Đúng 10 giờ ngày hôm ấy, chiếc trực thăng đáp trên triền núi đón thi hài của ông ta đưa về Jakarta để chuyển về Pháp.

Nhìn người con gái Pháp còn son trẻ, mắt lệ nhòa, khóc không ra tiếng, khập khểnh bước theo linh cữu của người yêu mình. Ai nấy trong chúng tôi đều xúc động, thương tiếc cho một người đã vĩnh viễn ra đi lúc tuổi đời còn quá trẻ, khi tâm nguyện chưa thành.



Cuội vốn mồ côi cha mẹ từ tấm bé. Cô Dương thương tình đem Cuội về nuôi, nhưng cuộc sống của Cuội không mấy tươi vui. Cô Dương nó vừa tham lam vừa hà tiện và không có lòng nhơn, trong tim họ chỉ chứa đá tảng mà thôi. Đứa bé là một gánh nặng cho họ. Thế nên họ chỉ cho nó ăn rất ít và ngược lại Cuội phải làm việc gấp đôi.

Chính vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

Một hôm, Cô Dương nó đi chợ nơi tỉnh lỵ vì vậy, chúng ta đừng ngạc nhiên nếu thằng bé chỉ tìm dịp để chơi khăm nhiều vô địch đáng với Cô Dương nó để trả đũa những trận đòn, những lời mắng chửi và những lần bị ngược đãi mà nó hằng chịu đựng.

hắn vừa đến nơi, nó la thật lớn : "Cô ơi, hãy đến đây, nhanh lên, nhanh lên!".

Thật là tai hại, tất cả những quả trứng thân yêu đều vỡ tan tành, chông chát lên nhau! Nhưng trước khi người thôn phụ nổi giận, Cuội chạy đến bên bà và bảo rằng :

- Con đã bắt được một con chim quí. Nó bị con nhốt trong thúng rồi. Nếu ta đem chim lên tỉnh bán, ít ra cũng được một trăm quan. Nhưng con không biết làm sao để bắt nó, vì nếu con hé thúng lên, chim sẽ bay mất. Cô mau về cho Dương hay và xin Dương đem đến một cái lồng để nhốt chim.

- Một trăm quan! Mồ Phật! có thể như thế được sao? Cô nó kêu lên. Và bà vội quay gót đi mau về nhà. Một chập sau, bà trở lại cùng ông Dương và cái lồng chim.

- Khoan đã, để tao bắt chim ra, Dương nó tuyên bố và xô vệt Cuội sang bên. Mây sẽ làm sẩy chim.

Ông thận trọng dứt tay vô thúng, mò tìm chim lạ, cho đến khi tay ông mò đụng phân bò ẩm ướt.

- Sao thế Dương? Dương đã bắt được chim chưa? Cuội vội ngây thơ hỏi.

Dương nó lật ngửa thúng ra, nổi cáu lên, và phát hiện được sự sâu đậm của niềm bất hạnh : "Chim đâu?" Ông quát lên - "Như thế này là là nghĩa làm sao?"

- Con đâu biết gì, thưa Dương. Cuội vội áo não phân búa. Con thề là con không có động tới thúng! Có lẽ con chim biết phép thần thông, và nó đã biến ra... "

Nhưng lần này, Dương nó không mảy may nó và và nó một trận nên thân. Và đến khi nghĩ tới số tiền bán trứng, ông quơ gậy đập thêm. Nhưng Cô nó đã nói :

- Thôi, mặc nó. Để phạt nó, nó sẽ nhịn đói ba ngày, và để đền bù thiệt hại, nó phải làm việc thêm lên.

Xong họ đi về. Nhưng đòn bọng và đói khát không làm Cuội nao núng. Hôm sau nó phải theo Dương nó đi cây ruộng. Vì trời nóng, ông sai nó về nhà mang nước ra uống. Cuội xách bình nước đi về nhà.

Vừa về đến cửa, Cuội đã gào thảm thiết :

- Thật là tai họa đã đến, Cô ơi! Con trâu đã nổi hung, nó đã húc Dương con, và sừng nó đã xuyên qua Dương con! Mau lên, Cô mau chạy ra xem Dương con sắp trút hơi thở cuối cùng rồi!

Và không chờ phản ứng của Cô nó, Cuội chạy nước rút ra đồng.

- Dương ơi, Dương, Cuội gào lên. Cô con leo thang bị té gãy tay, gãy chân. Dương mau nhanh chân cấp cứu Cô con.

Dương nó vội buông cây, hối hả chạy về. Chỉ chờ có thế, Cuội đến bờ ruộng,

mở gói cơm của Dương nó ra, vội vã ăn hết.

Vừa đến nửa đường, Cô Dương nó gặp nhau và ngỡ ngàng nhìn nhau. Hai người quan sát lẫn nhau và đồng phát hiện ra không ai bị thương tích gì.

- Lại một vở chơi khăm của thằng Cuội lưu manh đây! ông Dương thốt lời. "Như vậy đủ rồi, nó phải đền tội". Lập tức, hai ông bà bươn bả đi ra đồng. Khi gặp Cuội với vẻ mặt rạn rở vì đã no bụng, hai người tưởng tức chết được. Và họ quyết định đem trần nước Cuội để rảnh nợ.

Thằng bé bị cột chặt và đem ra mé sông, lần này chắc hẳn là giờ cuối cùng đã điểm. Nhưng với bản tính của mình, Cuội đang ráo riết tìm phương cách để tự cứu. Và thốt nhiên nó lên tiếng :

- Cô Dương thân mến, nó thảm thiết van xin. Con biết Cô Dương đã bực mình và phiền muộn nhiều vì con. Con thật đáng tội. Tuy nhiên, con có một ước vọng tối hậu, xin Cô Dương vui lòng chấp nhận.

- Đừng nghe lời nó, Cô nó vội bảo chồng. Lại một trò quỷ quái của nó nữa, tôi chắc như thế. Hãy liêng nó xuống sông để chúng ta được bình yên.

Nhưng Dương nó bảo :

- Không! Tốt hơn hãy chiều ý nó, không thì hồn nó sẽ theo ám ảnh chúng ta sau khi nó chết! Và ông hỏi Cuội muốn gì trước khi vĩnh biệt cõi đời.

Cuội thốt thức :

- Tất cả các vở chơi khăm với Cô Dương, con đều đọc được trong một quyển sách. Con chết chẳng an tâm nếu cuốn sách ấy rơi vào tay một kẻ khốn cùng nào khác, và kẻ ấy sẽ có chung một số phận như con. Xin Cô Dương rộng lượng về tìm quyển sách ấy và ném nó xuống sông với con!

- Sau cùng mới nghe được một câu hợp lý. Ông nông dân nói : "Vậy quyển sách ấy để đâu?"

- Có lẽ con để dưới chiếu con nằm, hay có thể ở trong đồng củi sau nhà. Cuội thì thảo đáp, ra về suy nghĩ.

- Em hãy đi với anh. Dương nó nói với vợ. Mình sẽ tìm thấy sách mau hơn, nếu ta chia nhau cùng tìm. Dù sao thằng lỏi đã bị cột chặt, nó không làm sao thoát khỏi tay ta.

Và họ bỏ đi tìm sách.

Họ đã đi xa khi một ông phú hộ nổi tiếng keo kiệt đi ngang qua. Cuội vội kêu :

- Xin phú ông hãy dừng bước! Ông hãy đến đây, ông sẽ có dịp làm một nghĩa cử. Xin ông vui lòng siết chặt dây buộc giùm con, con có cảm giác như nó lỏng ra.

- Tại sao mi muốn được buộc chặt như thế? Phú ông hỏi.

- Bởi vì ông muốn tìm hiểu, con cho ông hay rằng trong chiếc lát, sẽ có một con rồng hiện ra khỏi mặt nước. Nó là vua của giòng sông này. Để phạt nó đã làm lụt Ngọc Hoàng buộc nó phải làm một thiện nghiệp mỗi năm bằng cách giúp đỡ một kẻ bất hạnh. Năm ngoái, cũng tại nơi đây, chú con đã nhận được một ngàn quan! Cuội điềm nhiên nói láo.

- Nhưng tại sao mày bị trói như thế? Phú ông lại hỏi.

- Để cho con rồng tưởng rằng con bị cướp bắt và chúng đã vơ vét tất cả tiền của con. Và như vậy, nó sẽ cho con một ngàn quan chớ chẳng cho ai khác. Cuội đáp lời.

Tức khắc, lão hà tiện liền môn trốn vớ về Cuội để thuyết phục nó nhường chỗ cho mình. "Cuội sẽ làm gì với một ngàn quan, vì nó là một thiếu niên trẻ dại. Ông sẽ cho nó một trăm quan, nếu nó chịu nhường chỗ. Dù sao cũng chắc tay hơn vì biết đâu con rồng sẽ chẳng xuất hiện!".

Cuội giả vờ đắn đo suy nghĩ, sau cùng nó nói :

- Vâng, ông có lý, con xin nghe lời ông.

Thế là phú ông thế chỗ cho Cuội, trong khi nó bỏ túi một trăm quan và hớn hờ ra đi. Tất nhiên nó không về nhà, đi thẳng đến kinh đô, nơi đó nó ăn xài một cách để vương với số bạc trong tay.

Vài hôm sau, nó lại về ngang giòng sông cũ. Vì trời nóng nực, nó quyết định xuống tắm sông. Nó cỡi y phục ra, nhưng cho rằng không nên để tiền trên bờ. Trước khi xuống nước, nó cẩn thận cột chặt túi bạc vào cườm tay.

Trong lúc Cuội thỏa thích vẫy vùng dưới làn nước trong, một ông quan cỡi ngựa đi trên cầu. Ngài nhìn thấy chàng thiếu niên vừa dưới nước trôi lên, với túi bạc trên tay. Vốn tính hiếu kỳ, ông đến bên bờ sông, xuống ngựa và la to :

- Ê, thằng kia, mày đang làm gì thế?

- Ô, thưa Ngài, tôi giúp việc cho một phú ông. Tôi chuyên chở vàng bạc cho chủ tôi. Nhưng lúc nãy, khi đi ngang qua cầu, tôi chợt thấy một con cá to lớn nhảy khỏi mặt nước, miệng há to. Sự việc này làm tôi kinh sợ, nên đánh rơi tất cả vàng bạc xuống sông. Tôi đã tìm lại được số bạc, nhưng vàng còn ở dưới sông. Ngài có thể giúp tôi được chăng, thưa Ngài? Cuội van nài đáp lời. Nếu tôi về nhà không có số vàng, chắc là chủ tôi sẽ giết tôi mất!".

- Tao mà giúp cho mày à? Thằng ngốc này đoán sai rồi. Ông chế nhạo Cuội trong thâm tâm mình. Chợt ông nghĩ rằng nếu ông tìm được vàng, ông sẽ giữ riêng cho mình. Và ông quyết định cỡi bỏ y phục và hỏi Cuội :

- Mày tên gì và chủ mày ở đâu?

- Cha mẹ con đặt cho con một cái tên rất xấu. Cuội khổ sở đáp. Họ gọi con là

"Tôi là con lừa" và chủ con ở làng tên "Ai biết đâu".

Ông quan liền bảo Cuội chỉ chỗ đánh rơi vàng xuống sông cho ông. Cuội vâng lời, xong tuyên bố là nó đã thấm mệt, sau nhiều lần lặn hụp để tìm vàng và nó cần nghỉ xả hơi. Nó leo lên bờ. Lúc ông quan vừa lặn xuống nước, nó liền mặc áo quần của Ngài trong nháy mắt, thốt lên mình ngựa và chuẩn đi mất.

Khi vị quan trời lên mặt nước, ông hiểu rằng thằng bé đã đi mất cùng con ngựa và tất cả những gì ông có. Một vùng bụi mù chỉ rõ hướng đi của nó. Nhận thức được rằng mình đã bị đánh lừa, ông mặc vội áo quần của Cuội và đuổi theo nó. Nhưng ông bị mất dấu Cuội khi đến đầu làng.

- Này các bác, một thằng bợm vừa đi qua đây trên con ngựa của tôi. Các bác có thấy hấn đi ngõ nào không? Ông hỏi các dân làng.

- Nó tên gì? dân làng vặn hỏi và nhìn ông với ánh mắt nghi ngờ vì ông mặc y phục của Cuội.

- Nó tên "tôi là con lừa" - Ông vội giải thích. Và nó ở làng "Ai biết đâu". Tôi phải đi hướng nào để đến đó? Nhiều tiếng cười rộ nổi lên, dân làng cho ông là một thằng điên. Và vị quan như vội bỏ đi vì xấu hổ.

Trong khi đó Cuội cỡi ngựa về nhà Cô Dượng. Nó tự nghĩ không nên trở lên tỉnh lý ngay, e rằng sẽ gặp vị quan kia. Khi Cuội vừa về sân, Cô Dượng nó sợ nhột mặt ra. Không có gì khó hiểu, vì họ ngỡ nó đã chết! Ngày họ định tìm Cuội xuống sông, họ đã tìm mỗi mắt quyển sách. Nhưng không gặp, lẽ tất nhiên họ đã trở lại bờ sông khi màn đêm buông trùm vạn vật. Cháu họ, ít ra họ tưởng thế, vẫn còn đó. Không nói một lời, họ đã đẩy nó xuống sông và chờ cho tất cả trở lại yên tĩnh. Nay bỗng dưng hấn hiện ra trước mặt họ, có họa là hồn ma của nó hiện về báo oán!

Họ liền quỳ xuống dưới chơn Cuội, dập đầu xuống đất :

- Xin hãy thương xót chúng tôi, hỡi oan hồn, đừng làm hại chúng tôi! họ đồng thanh van nài khẩn thiết. Chúng tôi sẽ chuộc lại lỗi lầm và sẽ cho con tất cả những gì con muốn!

Nhưng Cuội cười dòn dả : "Coi kìa, Cô Dượng thân mến, hãy đứng lên. Đừng sợ hãi. Con không phải là hồn oan mà là con người bằng xương, bằng thịt. Và con đến đây để tạ ơn Cô Dượng!".

- Cám ơn chúng ta? Dượng nó không tin nơi tai mình.

- Vâng, cám ơn Cô Dượng. Cuội tươi cười lặp lại. Cô Dượng hãy nhìn xem, con đã trở nên giàu có, nhờ Cô Dượng đó, và nó vội chia ra túi tiền của phú ông.

Cô Dượng nó sững sờ. Thế rồi Cuội giải thích như sau.

- Khi Cô Dượng xô con xuống nước, con được Long Vương cho xa mã đến rước con về tận cung điện của Người và con đã gặp cha mẹ con. Tốt hơn con không nên thuật lại yến tiệc mà con đã được thưởng thức, Cô Dượng sẽ chẳng tin con đâu... Cuội sáng khoái tiếp lời.

- Sau khi hàn huyên tâm sự với cha mẹ mến yêu của con, Long Vương còn biểu cho con y phục đẹp, con tuần mã cùng số tiền này đây. Thật ra Ngài còn muốn cho con nhiều hơn, nhưng con sẽ làm gì với sản nghiệp như thế? - Anh có nghe nó nói không? Cô nó bảo với chồng. "Sao mà nó đại khờ thế, thằng cháu của tôi! Nó tự hỏi sẽ làm gì với bao nhiêu tiền của! "Hai kẻ biển lận này suýt ngắt xiu.

- Ô, cha mẹ con nhấn con nói với Cô Dượng rằng họ rất mang ơn Cô Dượng đã nuôi dưỡng con khi họ bỏ con rơi ở cõi trần này. Họ rất mong được đền ơn Cô Dượng và họ mời Cô Dượng đến thăm họ để họ có dịp đền đáp công ơn của Cô Dượng. Cuội tiếp lời.

- Sao thế? Dượng nó ghen lời. "Họ không biết chúng ta muốn chìm chết mày sao?".

- Không. Họ tưởng có nhà tiên tri đã khuyên Cô Dượng làm như vậy để con được gặp họ. Và Cô Dượng đừng ngại. Con không phàn bội Cô Dượng đâu. Cuội xác nhận.

- Con không thể buộc tội thân nhân mình trước Long Vương. Hơn nữa, con cũng đáng phạt.

Những lời này đã làm vưng lòng Cô Dượng nó và họ chỉ còn nghĩ đến mỗi một việc : làm sao đi cấp tốc đến thủy cung, để nhận những kho tàng quý báu đang chờ họ?

- Tốt nhất, Cô Dượng nên làm như con. Cuội nói. Nếu muốn, con sẽ giúp Cô Dượng.

Cô Dượng nó lập tức thu góp dây trảo và chạy nhanh ra sông, mau đến nỗi Cuội theo không kịp. Sau khi đã trói chặt Cô Dượng nó xong, nó còn dự dự rất lâu trước khi xô họ xuống nước. Hai vợ chồng họ phải năn nỉ nó, lệ đoanh trông, và hứa với nó sẽ mang ơn nó suốt đời để nó chịu thỏa mãn nguyện vọng của họ.

Có một tiếng "tôm" lớn, hai vòng xoáy dưới nước, và mặt sông trở lại phẳng lặng, khép lại đến thiên thu trên một ông Dượng bần xin và một bà Cô tham lam.

Thanh Bình (Thụy Sĩ)



Việt Sử Bằng Tranh
Tập II
Lý Công Uẩn
và chiếu dời cố đô

BẢO VÂN BÙI VĂN BẢO

(Tiếp theo)



25. Thái tử Lý Phật Mã lên ngôi tức là Lý Thái Tông. Dục Thánh Vương và Đông Chính Vương nghe tin, đều về quy trước sân rồng để xin chịu tội. Thái Tông nghĩ tình cốt nhục tha cho tội chết, lại cho cả hai người vẫn được giữ chức cũ. Thật là ông vua nhân từ.



23. Vua Lý Thái Tổ rất sùng đạo Phật nên cho xây chùa, đúc chuông và trọng đãi các nhà sư. Các hoàng tử đều được phong tước vương và phải cầm quân đi dẹp giặc, nên ai cũng giỏi nghề võ. Lý Thái Tổ làm vua được 19 năm, mất năm 1028, thọ 55 tuổi.



26. Cũng vì sự phản nghịch trên, Lý Thái Tông mới đặt ra lệ đọc lời thề. Hàng năm, các quan phải tới đền Đồng Cổ (ở làng Yên Thái, gần Hà Nội bây giờ) làm lễ đọc lời thề: "Làm con phải hiếu, làm tôi phải trung, ai bất hiếu, bất trung, xin quý thần làm tội". Các quan không đi thề phải bị phạt đánh 50 roi.



24. Lý Thái Tổ mất chưa được an táng thì các hoàng tử là Vô Đức Vương, Dục Thánh Vương và Đông Chính Vương đã đem quân đến vây thành Thăng Long để tranh ngôi vua. Lê Phụng Hiếu xông ra chém chết Vô Đức Vương. Hai vị vương kia sợ hãi, cùng chạy trốn.



27. Lý Thái Tông thường thân chinh đi dẹp loạn. Hết giặc Nùng ở Lạng Sơn lại đến giặc Chiêm Thành. Năm 1044, Thái Tông kéo quân vào Phật Thệ, bắt được vợ vua Chiêm là Mị Ê và các cung nữ đem về. Đến sông Lý Nhân, Mị Ê nhảy xuống sông tự tử. Nay ở Lý Nhân còn có đền thờ Mị Ê.



28. Lý Thái Tông hết lòng thương dân. Gặp năm đói kém mất mùa, nhà vua ra lệnh lấy thóc lúa ở trong kho ra phát cho dân nghèo đói. Lý Thái Tông làm vua được 27 năm (1028-1054) thì mất, hưởng thọ 55 tuổi.



31. Vua Lý Thánh Tông có lòng nhân nhu thế, nên ở trong nước ít có giặc. Ngài cho lập Văn miếu thờ đức Khổng Tử để khuyến khích và mở mang việc học. Hiện nay, ở Hà Nội hãy còn khu Văn miếu dài 350 m, rộng 75 m, chung quanh có tường xây.



29. Sau khi Lý Thái Tông mất, thái tử Nhật Tôn lên nối ngôi, lấy hiệu là Lý Thánh Tông. Ngài đổi tên nước là Đại Việt. Từ đời nhà Đinh đến lúc đó, tên nước vẫn là Đại Cồ Việt. Chỉ sau khi lên ngôi, Lý Thái Tông mới đổi tên nước.



32. Vì đã 40 tuổi mà chưa có con trai, nên Lý Thánh Tông phải đi cầu tự (cầu xin cho có con) ở chùa Đậu (Bắc Ninh). Trong khi mọi người đổ xô ra xem vua, thì có một cô gái xinh đẹp, chỉ chú ý vào việc hái dâu. Vua cho tìm đến, thấy nàng ăn nói dịu dàng liền lấy làm vợ gọi là Ý Lan phu nhân.



30. Một năm trời rét, Thánh Tông bảo quan hầu: "Trẫm ở trong cung, ăn mặc thế này còn rét. Vậy những người bị giam ở trong ngục, cơm không đủ no, áo không đủ ấm, thật đáng thương lắm". Nói rồi vua truyền lấy thêm chăn chiếu, cơm áo phát cho những người tù bị giam trong ngục.



33. Sau Ý Lan sinh ra hoàng tử Càn Đức, nên được phong là Ý Lan nguyên phi (đứng đầu các vợ lẽ của vua). Lúc Thánh Tông đi đánh giặc, thì Ý Lan ở nhà trông coi việc nước giúp vua. Đánh lâu không thắng, Thánh Tông trở về, nửa đường nghe người ta khen Ý Lan có tài làm cho nước giàu, dân mạnh.

• Diệu Hiền N.T.K

Sự Tích Bánh Dầy Bánh Chung

Cứ mỗi độ Xuân về, Tết đến, dù giàu hay nghèo, dù bốn ba vắt vả làm lụng suốt ngày suốt tháng, dù Trung, Nam hay Bắc. Dù là nhà Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo hay Tin Lành, Cao Đài hay Hòa Hảo... nói chung, trong mỗi nhà không nhiều thì ít cũng đều sắm sửa vài chiếc bánh dầy, bánh chung để cúng trong ba ngày Tết, sau đó đem ăn. Vì đây là món ăn thuần túy đầy hương vị. Tuy nhiên ít mấy ai nhớ đến nguồn gốc và ý nghĩa của hai thứ bánh này. Nhất là các em mới lớn, lớp trẻ sau này. Bánh dầy bánh chung cũng có sự tích của nó. Năm hết Tết đến, đây là dịp để ôn lại truyện xưa tích cũ để cùng nhau tìm hiểu cái hay, cái đẹp của tiên nhân để lại.

Thuở xa xưa, từ hồi dựng Nước, Nước ta gọi là Văn Lang. Các vị vua đầu tiên là các vua thuộc họ Hồng Bàng. Các vị vua này tiếp tục truyền ngôi cho nhau được cả thảy 18 đời và đều lấy hiệu là Hùng Vương. Từ vua Hùng Vương thứ nhất đến vua Hùng Vương thứ 18. Lúc bấy giờ Nước ta còn là thời kỳ thái bình an lạc. Theo truyền thuyết rằng vua Hùng Vương thứ 6, trong một cuộc họp với các con, vua có ngó ý phán rằng : Nay cha đã già sức yếu, cha muốn truyền ngôi lại cho các con, nhưng hiện cha chưa biết chọn ai trong các con, vậy ai tỏ lòng hiếu thảo và biết tìm kiếm những của ngon vật lạ đem về dâng ta và làm ta vừa ý thì ta sẽ truyền ngôi vua lại cho. Ngày hôm sau khi nghe lệnh của vua truyền thì các hoàng tử đã bàn mưu tính kế với mọi người trong gia đình, cũng như thì đua nhau thuê người đi lên rừng, xuống biển để tìm mua các thức ăn thật hiếm, thật quý đem về và thuê mượn những đầu bếp thật giỏi để nấu nướng và pha thêm nhiều gia vị thành các món ăn thật ngon, thật lạ. Thời thì đủ các loại sơn hào, hải vị, không thiếu một thứ nào nữa cả. Riêng hoàng tử út tên là Tiết Liêu vì không giàu như các hoàng tử khác nên Tiết Liêu rất buồn khi nghĩ đến mình không thể thuê người tìm của ngon vật lạ để dâng vua cha, cũng như dịp Tết đã gần kề vẫn chưa tìm được giải pháp nào để tỏ lòng thương kính vua cha. Một hôm Tiết Liêu nằm mơ thấy có một vị thần hiện ra bảo : Vì cảm thông được lòng hiếu thảo của hoàng tử nên tôi xin được đến giúp kế. Vị thần nói là hoàng tử cứ dùng những thức ăn giản dị chung quanh như là nếp, đậu xanh và một ít thịt heo, rồi chế biến thành thức ăn chắc chắn vua cha sẽ hài lòng. Sáng hôm sau vợ chồng Tiết Liêu bàn nhau đem nếp nấu xôi, giã nhuyễn làm thành chiếc bánh dầy hình tròn, rồi lại lấy nếp,

đậu xanh, thịt và lá xanh gói thành chiếc bánh chung hình vuông. Hai thứ bánh này được đem vào hoàng cung để dâng vua. Các hoàng tử khác thấy vốn vẹn chỉ hai thứ lạ ấy thì tỏ ý khinh rẻ vì chê là không đáng giá. Khi thấy các lễ vật đem dâng thì vua hết sức khen ngợi kỳ công của các con. Sau khi đã thử các món ăn của các hoàng tử bậc anh xong thì vua bèn nếm thử món ăn của hoàng tử Tiết Liêu thì thấy bánh thơm ngon, lại dùng toàn sản vật ở trong nước và có nhiều ý nghĩa nên vua thích lắm, vừa cảm động và khen ngợi, vua phán rằng : Con hãy tâu bày ý nghĩa của hai chiếc bánh này cho cha và các anh nghe. Khi ấy Tiết Liêu tâu bày như sau : Bánh dầy tròn trắng, nó là biểu hiệu của trời, của sự tuần hoàn trong vũ trụ, cùng biểu tượng của người cha cao cả bao dung. Còn chiếc bánh chung là biểu tượng của đất. Trên đó và nhờ đó, con người đang sinh sống, cũng là biểu tượng của người mẹ chín tháng cưu mang và sự sinh hoạt của con người. Sau khi Tiết Liêu tâu bày xong thì vua cha tỏ khuôn mặt sáng rỡ ôm lấy con vào lòng và nói : Con là đứa con thật thà, hiếu thảo, con thật xứng đáng nối nghiệp cha trị vì thiên hạ, cai quản gìn giữ non sông này. Thế là hoàng tử Tiết Liêu được vua cha truyền ngôi cho theo như lời đã hứa. Từ đó về sau cứ mỗi dịp Tết đến hoặc các dịp hội hè người ta thường gói bánh chung, làm bánh dầy để cúng, để ăn hay làm quà biếu tặng họ hàng và bạn bè để nhắc

nhớ nhau về ý nghĩa của lòng hiếu thảo, tinh thần giản dị nhưng đậm đà lòng thương yêu dân tộc, thuận lẽ của trời đất. Các em mới lớn, lớp trẻ sau này nên biết những thứ hào nhoáng, xa hoa bên ngoài chưa chắc đã là thứ có giá trị thật đâu. Các em phải trong lấy tinh thần đơn giản, khiêm tốn nhưng khéo léo biết xử dụng lấy tài năng sẵn có để sáng chế ra những thứ độc đáo mang nhiều ý nghĩa riêng của dân tộc mình. Đó mới chính là những điều mà các em nên gìn giữ và phát huy. Nhờ tin thần đó mà hoàng tử Tiết Liêu đã đoạt được ngôi báu. Bánh chung hình vuông. Trong hình học, hình vuông có bốn cạnh và bốn góc bằng nhau. Về thời gian biểu tượng cho bốn mùa : Xuân, Hạ, Thu, Đông. Không gian có bốn hướng : Thượng, Hạ, Tả, Hữu và con người có bốn phía : Phải, Trái, Trước, Sau. Sự sống có bốn chiều : Ngang, Dọc, Cao, Thấp. Bánh chung là biểu tượng cho sự sống, do công sức lao động khó nhọc của con người. Ngay cái tên bánh "chung" đã nói lên được điều ấy, chung không phải là nấu. Bất cứ món gì chỉ nấu vài ba chục phút là chín thôi. Còn bánh tết, bánh chung thì phải nấu liên tục vài giờ mới chín, đó là nấu ít bánh trong nồi nhỏ. Còn ở tại quê nhà vì nấu nhiều bánh nên phải nấu cái nồi lớn như thùng phi, vì vậy phải nấu liên tục từ mười giờ đến mười hai giờ đồng hồ thì bánh mới xong, mới chín và thỉnh thoảng thêm nước ấm. Có công nấu, khi ăn có công lột từ từ từng tấm lá. Đó là cả một công trình khó nhọc, cần nhiều kiên nhẫn, nghệ thuật. Sự tích bánh dầy, bánh chung thật đơn giản, dễ nghe, dễ nhớ nhưng nó cũng thật sâu sắc. Nghệ thuật diễn đạt tư tưởng của người là ở chỗ đó.

Mùa Xuân của Bé

• Bé Ngoan

Nắng chưa về phố lạ
Nhưng ấm khói hương bay
Những nghĩa, trung uy dũng
Tiên, Tổ đất tiên khai

Vui tung tăng chim sáo
Em rộn rã tiếng cười
Mẫu chuyện xuân bà kể
Bên tách nước trà tươi

Bao "lì xì" nhỏ nhỏ
"... Ngoan học nhé bé thương..."
Ba, mẹ ân cần chúc
Tâm xúc động vượn vượn

Em cầu lên Đức Phật
Việt Nam sớm thanh bình
Gia đình luôn hạnh phúc
Như nắng sớm bình minh ...

Xinh xinh những nụ mai
Tha thướt áo em dài
Trong ngày Xuân vỡ hội
Làn tóc nhẹ bay bay

Ngoan như hoa phượng vĩ
Hiền tựa búp tường vi
Em quì bên ba, mẹ
Lạy bàn Tổ uy nghi



SỜ TÁO QUÂN

Thắng cử sát da
Là Kohl Thủ tướng
Chưa có chiều hướng
Cho tám chục ngàn
Tỵ nạn Việt Nam
Đông Âu, Đông Đức ...

Riêng Chùa Viên Giác
Biểu tượng kỳ quan
Văn hóa Việt Nam
Vu Lan, Phật Đản
Hai mùa Đạo sáng
Phật tử hàng ngàn
Từ các lân bang
Về Chùa lễ Phật
Ăn chay nằm đất
Cầu Phật độ trì
Người biết suy nghĩ
Một lòng chay tịnh
Người tâm bất chính
Đồ mặn, đồ chua
Đem bán tại Chùa
La-de món nhậu
Các cô, các cậu
Quý bác, quý anh
Xin nghĩ cho rành
Tam quy, ngũ giới.

Riêng Hội Phật Tử
Phật sự đa đoan
Chính trị lo toan
Chương trình, chỉ đạo
Tự do, tôn giáo
Cho các địa phương
Sẵn sàng lên đường
Đấu tranh dân chủ.

Chi Hội Phật Tử
Ở các tiểu bang
Hoạt động rất hăng
Đạo Đời hòa nhịp
Vào trong các dịp
Lễ Phật định kỳ
Làm đúng lễ nghi
Tôn nghiêm quy củ.

Gia đình Phật Tử
Trung ương, địa phương
Cùng đem tình thương
Của người học Đạo
Vào trong xã hội
Xoa dịu niềm đau
Chia xẻ u sầu
Về mặt văn hóa
Báo "Liên Gia Đình"
Cũng đã trưởng thành
Cùng nhau tu học ...
Muốn tâu Ngọc Hoàng
Báo sấp lên khuôn
Thần xin bái biệt
Để về cho kịp
Tham dự biểu tình
Hô hào đấu tranh
Ở Bonn - Đức quốc
Nhân ngày các nước
Quốc Tế Nhân Quyền
Xin được ưu tiên
Bai-bai! Tạm biệt !!!

• Quang Kính

Muôn tâu Thượng Đế
Thần nộ sớ trẻ
Cúng tại Phù Vân
Quý Dậu cuối năm
Thần xin nghĩ sớ
Nên Thần cứ ngỡ
Thượng Đế chuẩn tâu
Ảnh rõ trước sau
Tìm người thay Táo
Thần đi tiểu ngạo
Thăm cháu, thăm dâu
Thần có dè dặt
Ha-nô về đến
Nghe thấy có điện
Phù Vân kêu về
Sớ viết sẵn đi
Để còn dâng nạp
Hăm ba tháng chạp
Số sách chưa xong
Nếu cứ lòng dòng
Thiên Lôi đến hỏi !
Thần nghe chới với
Suốt năm chín tư
Nhiều việc lu bù
Thần đau nhớ hết
Nên Thần cứ viết
Sự việc trước sau
Thần cứ việc tâu
Ngọc Hoàng ngự lãm.

Giáp Tuất cúng chấn
Tai nạn tứ tung
Súng nổ đùng đùng
Thiên tai bão lụt
Nhiều người cơ cực
Sống kiếp phiêu linh
Cúng bời chiến tranh
Vấn còn tiếp diễn.

Tình hình biến chuyển
Ngay từ đầu năm
Anh Mỹ chơi khăm
Bỏ ngay cấm vận
Hải ngoại căm phẫn
Thảo luận, họp bàn
Tìm kế chu toàn
Để mong đổi phỏ
Còn ở quốc nội
Việt Cộng thắng to
Bây giờ chẳng lo
Bàn tay đế quốc
Quyền lợi tổ quốc
Vấn cứ nhào vô
Bỏ vốn đầu tư
Mua nhà mua đất

Thôi dành muối mặt
Quên cả hận thù
Việt Cộng thừa cơ
Thẳng tay đàn áp
Thành phần đối lập !

Xa-ra xê-vô
Chiến cuộc cù cưa
Vấn còn tàn khốc
Các xứ Nam Tư
Biết đến bao giờ
Mới thôi tan nát ?

Ở bên I-Rắc
Người khủng Hút-Sai
Hăm dọa Ku-Wai
Tấn công lân nữa
Vấn đề dầu lửa
Được xếp hàng đầu
Mỹ chẳng để lâu
Đem quân can thiệp
Hút-Sai thấy rét
Buộc phải rút quân !

Ở bên Bắc Hàn
Chúa Trùm Cộng Sản
Là Kim Nhật Thành
Cúng đã tiêu tưng
Về châu Diêm Chúa.

Cu Ba thả cửa
Cho dân vượt biên
Khiến Mỹ muốn điên
Đem tàu đi vớt
Rồi đem về nốt
Trên đất Cu ba
Nào để thông qua
Còn chờ thương lượng !

Còn bên Trung Cộng
Bác Đặng Tiểu Bình
Bị bệnh thần kinh
Già nua lú lẫn
Chẳng còn minh mẫn
Lo việc quốc gia
Phó mặc ta bà
Chờ ngày châu tổ.

Việt Nam còn giữ
Độc đảng, độc tài
Đàn áp dài dài
Đừng hòng dân chủ
Tự do bầu cử
Nhân bản, nhân quyền
Đa đảng, đa nguyên

Đều bắt cải tạo !
Nhìn về các đảo
Với trại tạm dung
Hàng vạn thuyền nhân
Biểu tình tuyệt thực
Chống đối chính sách
Cưỡng bách hồi hương
Tình trạng bi thương
Nói sao cho xiết
Tình người đã chết
Thế giới quay lưng
Đời đến đường cùng
Đấu tranh đến chết !

Ông A-ra-phát
Pê-rét, Ra-bin
Lãnh giải Nobel
Hòa bình thế giới
Tương hết chuyện nói
Nhưng vẫn lai rai
Thù hận lâu dài
Của hai chủng tộc !

Cái xứ hang hóc
Là Ru-an-đa
Nội loạn xảy ra
Chiến tranh sắc tộc
Giết nhau tàn khốc
Xác chết trôi sông
Xác chết đầy đồng
Dần lạnh di tàn
Đói khát, bệnh hoạn
Chết không mồ chôn !

Cúng chẳng khá hơn
Chính quyền quân phiệt
Qua sự can thiệp
Của Mỹ tức thì
Ở đảo Hai-ti
Độc tài thoái vị
Chẳng cần suy nghĩ
Rước tổng thống về
Xây lại tình quê !

Còn ở nước Đức
Từ ngày thống nhất
Cúng đã bốn năm
Nga mới rút quân
Mỹ cũng về xứ
Tiếp đến bầu cử
Quốc hội, chính quyền
Là việc ưu tiên
Của nhiều đảng phái
Tìm người lèo lái
Dân tộc, quốc gia

TỬ VI TÂY PHƯƠNG

- Nam Cao - Trọn năm 1995

Chiếu theo sự vận hành của các vì sao hộ mạng, ảnh hưởng đến:

- Sức khỏe - Tình duyên - Tiền tài - Sự nghiệp.



(21. 3.-20. 4.)

* Tuổi MIÊN DƯƠNG (Widder)

(21.3 - 20.4) : Một năm an nhiên tự tại.

Các bạn tuổi Miên Dương thường có lòng nhân ái, sẵn sàng giúp đỡ kẻ khác và có nghị lực, nhưng lại có nhiều tham vọng. Thường hay lạc quan khi phải đảm nhận công việc vượt quá khả năng của mình, nhưng lại ít nhân nại, ít an tâm và dễ thay đổi. Có ước vọng to lớn không ngừng nhất là khi đạt

được thành quả nhanh chóng. Nếu các bạn bỏ được tánh bướng bỉnh và đừng... quạu thì hay biết mấy!

- **Về Sức Khỏe:** Hỏa tinh là vì sao hộ mạng, ảnh hưởng trực tiếp đến đầu, mắt và não bộ. Tuy nhiên đây chỉ là ảnh hưởng nhất thời hơn là loại kinh niên. Coi chừng bị nhiễm độc nhẹ và có khuynh hướng bị cảm nặng. Cũng phải nên đề phòng vào tháng 1, 2, 5, 6, 9, 10, 11 đừng coi thường "nắng mưa lại bệnh của trời". Có khi chỉ một vết thương nhỏ, bị nhiễm trùng mà trở thành *hưu hi*.

- **Về Tình Duyên:** Những trắc trở, phiền muộn trong năm qua cũng đã được sáng tỏ. Qua sự chuyển dịch của vì sao Kim Tinh - thần Vệ Nữ, cuộc đời tình ái của các bạn coi bộ cũng có cơ hội đi lên trong vòng 2 tuần đầu tháng 1 và biết đâu khi mới bắt đầu vào tháng 5 các bạn đã gặp được người tình lý tưởng. Tuy nhiên cũng phải coi chừng "*nhìn nhau*" lẫn nhau, nếu không thì từ 14 đến 21 tháng 2 hay từ 13 đến 20 tháng 7 không tránh được cảnh "đĩa bay". "Anh đường anh, tôi đường tôi. Tình nghĩa đôi ta chỉ thế thôi!".

- **Về Tiền Tài và Sự Nghiệp:** Rất nhiều cơ may tuyệt vời báo trước cho các bạn từ đầu năm qua ảnh hưởng của những Mộc Tinh và Thủy Tinh. Đặc biệt từ 7 đến 14 tháng 1 cũng như vào những ngày cuối của tháng 7 chắc chắn các bạn sẽ tìm được một "dớp" mới "khảm" địa hay được hưởng "của trời cho" mà các bạn không chờ không đợi gì cả. Đúng là "của trời một túi kho vô tận". Nói thế nhưng các bạn cũng phải lo chăm chỉ làm ăn, chú đừng tưởng bỏ đến đó "hả miệng chờ sung rơi", có ngày cũng đói rã họng! Trong tháng 8 công việc đến với các bạn "tối tăm mặt mũi". Hãy liệu sức mà làm!



(21. 4.-20. 5.):

* Tuổi KIM NGƯU (Stier) (21.4 - 20.5)

Một năm vững chắc.

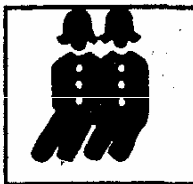
Các bạn tuổi Kim Ngưu lúc nào cũng tỏ ra vui vẻ, hoan hỷ, bình đẳng, chín chắn và kiên nhẫn. Tuy nhiên cũng có những khuyết điểm cần khắc phục đó là tính cứng đầu, cứng cổ, lòng đố kỵ, ganh ghét và tin điều. Các bạn có lòng nhiệt thành, nhưng cần bỏ bớt tí xiu tánh nhỏ nhen thì các bạn dễ dàng thành công.

- **Về Sức Khỏe:** Các bạn tuổi Kim Ngưu, thuộc mạng Thổ nhưng lại chịu ảnh hưởng của sao Kim Tinh, vị thần tinh ái hộ mạng, nên chỉ liên quan đến cổ, họng và tai. Từ đầu

năm tình trạng sức khỏe của bạn vững vàng như "sức trâu" - tuổi trâu mà! Tuy nhiên vào tháng 4 và 5 do xáo trộn của các hành tinh hộ mạng làm ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe của bạn. Bác sĩ chắc cũng khuyên bạn nên nghỉ ngơi chứ đừng tham công tiếc việc "cày" 2, 3 dớp hoặc "làm ngày chưa đủ, tranh thủ làm đêm" thì sức trâu cũng đến sụm bà chề mà thôi. Ngoài ra trong tuần thứ 2 và 3 của tháng 9 có nhiều vấn đề làm cho các bạn phải điên đầu. Cuối cùng vào đầu tháng 12, sự vận hành của các vì sao Hỏa Tinh, Kim Tinh và Thủy Tinh đều hòa trở lại, nên các bạn cảm thấy phơi phơi hân hoan, an toàn trên xa lộ!

- **Về Tình Duyên:** Sự chuyển dịch điều hòa giữa Kim Tinh và Thổ Tinh đã tạo những cơ hội gặp gỡ cho các bạn tuổi Kim Ngưu, làm nền tảng cho các cuộc tình mà cao điểm nhất là vào tháng 2, 3, 4 trong thời gian từ 14 - 22 tháng 2; hay từ 6 đến 13 tháng 4 mà hầu hết những "con mơ tình ái" đều có hiệu quả trăm phần trăm. Đỉnh cao của tình ái do những sinh hoạt bên ngoài đưa đẩy đến từ 2 đến 6 tháng 6. Những bạn nào *chậm chân trong cuộc chạy đua ái tình* hay mềm mết không dẻo như kẹo cao-su thì cũng có thể chờ đến những ngày cuối tháng 8. Các nữ thí chủ thì cũng nên hăng hái tích cực tham gia vào tình trường, chứ nếu không thì làm vào cảnh "Đi đâu mà chẳng lấy chồng, Người ta lấy hết chồng mông mà gào!".

- **Về Tiền Tài và Sự Nghiệp:** Có lẽ nhờ vào nguồn năng lượng của Hỏa Tinh và dòng luân lưu của Thủy Tinh nên cho dù những tháng đầu năm các bạn chưa đạt những thành quả mong muốn. Phải đợi đến tháng 6, sau khi đã dẹp yên những gièm pha của những người chống đối thuộc tuổi con Bò Cạp, các bạn mới đạt được những bước thành công. Tuy nhiên phải coi chừng những ngày trong khoảng thời gian từ 19 đến 26 tháng 1, 22 đến 27 tháng 5 và 20 tháng 10, tiền tài của các bạn được báo động "đỏ". Ngược lại trong khoảng thời gian từ 16 đến 21 tháng 8 và từ 19 đến 24 tháng 12, nhờ sự phò trợ của Thủy Tinh, các bạn cũng tạo dựng một đời sống đầy đủ, điều hòa do những chương trình đã thiết lập. Cũng đỡ khổ!



(21. 5.-21. 6.):

* Tuổi SONG NAM (Zwillinge)

(21.5 - 21.6): Phải tranh đấu nhiều hơn năm trước.

Các bạn tuổi Song Nam dễ thu hút cảm tình của người chung quanh nhờ vào tính thông minh, nhanh nhẹn. Vì việc gì cũng quan tâm, để mắt tới nên không tránh khỏi kẻ khác cho rằng các bạn có tính hay tò mò. Ngoài ra các bạn lại có dòng máu giang hồ lãng

tử, nên thích giao du, du lịch các nơi, lấy "bốn biển là nhà", "tứ hải giai huynh đệ".

- **Về Sức Khỏe:** Các bạn Song Nam có sao Thủy Tinh hộ mạng, nên có ảnh hưởng đến vai, tay, phổi và rất dễ có cảm tình đến hệ thống thần kinh. Do sự di động của Thổ Tinh đã tạo nên sự đau đớn thường xuyên về các bệnh phong thấp, thống phong hay cứng động mạch vào các tháng 2 và 3. Không thể chủ trương "đi độc trị độc" được để ngang nhiên dớp thẳng căng nào vệt xiêm lai, cua đình, đôi mồi... Coi chừng giữa tháng 4, cuối tháng 9 và đầu tháng 12 tình trạng sức khỏe cũng trở lại trì trệ.

- **Về Tinh Duyên:** Những trục trục về duyên phận do Thổ Tinh gây ra từ đầu tháng 2 cũng chấm dứt. Mừng cho bạn nha! Từ đó, do lòng quảng đại về ảnh hưởng của vì sao Mộc Tinh, các bạn có lu bù cơ hội, vô số duyên may để hội ngộ với người đẹp. Điều khôn ngoan là các bạn phải nắm đúng cơ hội tốt trên hường di chuyển của sao Vệ Nữ - Kim Tinh vào thời gian từ 3 đến 11 tháng 3, hoặc 11 đến 18 tháng 6 và từ 16 đến 23 tháng 9. Nếu không, đừng trách những tên cô hồn, các đấng nào đó đến "chôm" mất người đẹp thì lại than trời trách đất: "Tiếc công anh đào ao nuôi cá, Ba bốn năm trời người lạ đến cầu!". Nhanh tay, lẹ chân cho một tí trên đầu trường, à không... tình trường! Cuối cùng thì bắt đầu từ tháng 10 các bạn cứ để cho con tim tự do nói tiếng nói yêu thương của nó. Biết đâu sẽ có cảnh "pháo nổ, rượu nồng".

- **Về Tiền Tài và Sự Nghiệp:** Đối với các bạn tuổi Song Nam thì quyền quyết định mọi công việc cũng cần thiết như không khí để thở. Dù trong một vài tháng đầu năm chưa phải là thời cơ để giương danh sự nghiệp, nhưng qua sự phò trợ của Hỏa Tinh, trong tháng 3 cũng như cuối tháng 8 các bạn có rất nhiều niềm vui. Trong tháng 6 công việc có thể bị đình trệ, nhưng từ tháng 7 cho đến tháng 10 các bạn sẽ vượt qua mọi khó khăn.

Dù cơ may đến với các bạn "khi trời, khi trụ" như nước thủy triều; dù Thần tài không tìm ra địa chỉ của bạn, nhưng cuộc sống của bạn nói chung trong năm cũng tương đối vững vàng.



(22. 6.-22. 7.):

* **Tuổi BẮC GIẢI (Krebs)** (22.6 - 22.7): Thời kỳ ổn định.

Dù tánh ngang bướng, nhưng các bạn Bắc Giải rất trầm tĩnh, cần kiệm và trung thành. Các bạn cần quản chúng. Nhiều người khác cũng thích làm quen với các bạn. Bạn đã tạo ra một không khí ấm áp tình người và rất quyến rũ. Chỉ xin nói vừa đủ nghe là khi đã "kết" với ai rồi thì nhớ sống chết có nhau,

chứ cái điệu "cục muối cắn hai, cục đường nuốt... trọn"! thì khó chơi lắm!

- **Về Sức Khỏe:** Bắc Giải thuộc mạng Thủy nên sức khỏe xung khắc với mặt trời và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Nếu con nước "khi trời, khi trụ", "khi đầy khi vơi" thì sức khỏe của các bạn cũng "nay ốm, mai lành". Mặt trăng là sao chủ mạng, có liên hệ về việc tuần hoàn, ruột, hoành cách mô ở dưới phổi.

Nhìn chung các bạn tuổi Bắc Giải từ cuối tháng 1 cho đến giữa tháng 4 "khỏe re như bò kéo xe", khỏe như vâm tha hồ đóp hít đủ thứ. Vài tuần từ đầu tháng 6 bạn bị nhức đầu, sổ mũi do sức nóng của mặt trời, nhưng cần quan tâm hơn cả là thời kỳ giữa tháng 7 và đầu tháng 8 các bạn cảm thấy đầu óc bị quay mòng mòng. Tuy nhiên từ 5 đến 20 tháng 9 các bạn có cơ phục hồi sức lực, con Bò Cạp tha hồ... cạp kẻ khác!

Các bạn tuổi Bắc Giải thì nên ít thuốc lá cho một tí, kéo không thì hai buồng phổi tối đen như đêm 30. Nên ít rượu chè be bét cho một chút, nếu không thì sẽ không tránh khỏi cảnh "khô héo lá gan cây đình Ngự"!

- **Về Tinh Duyên:** Trong nửa năm đầu, các bạn có cảm giác là cuộc tình mình êm ái phẳng lặng như mặt nước hồ thu. Tuy nhiên đôi khi, vì trăng tròn trắng khuyết hay lúc Thần Vệ Nữ chơi khăm, thử tắm lòng thủy chung của các bạn, nên có những cao điểm tình ái đáng quan tâm từ 29 tháng 3 cho đến 5 tháng 4, hay từ 17 đến 24 tháng 5 và nhất là từ 4 đến 13 tháng 7. Tình ái lu bù như vậy nhưng cũng phải chờ đến giữa tháng 9 mới có thể trình diện bà con hai họ và ngược tay nhau ký bản án chung thân... hạnh phúc. Nhưng bạn "vấn đã đóng thuyền" rồi thì nên giữ mình, nếu qờ quạng thì có thể bị ăn đòn... ghen trong khoảng thời gian từ 5 đến 9 tháng 10 hay trong vòng tháng hay trong tháng 12.

- **Về Tiền Tài và Sự Nghiệp:** Chữ "thành công" thật khó nói với các bạn năm nay. Phần nhiều các bạn là người đơn độc, thích làm một mình, cố gắng cũng một mình. Vì thế bạn chỉ là người núp bóng không vươn lên được từ tháng 3 cho đến tháng 8. Để kiến tạo sự thành công, các bạn cần có đồng đội hay nhóm để làm việc chung. Nên lưu ý đến các khoảng thời gian từ 15 đến 22 tháng 3, từ 18 đến 23 tháng 4, cũng như từ 11 đến 16 tháng 7 là những dịp may không đến hai lần.

Cuối cùng trong tháng 10 rất nhiều phiền não đến với các bạn do công việc nặng nề mà chẳng nên cơm cháo gì cả. Tiền tài là phần thổ mà, các bạn cần biết đủ là đủ... xài rồi!



(23. 7.-23. 8.):

* **Tuổi HẢI SƯ (Loewe)** (23.7 - 23.8)

Là loài chúa sơn lâm, là trung tâm vũ trụ, tuổi Hải Sư muốn mọi người phải chú ý. Có tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng giúp đỡ người khác. Đặc biệt là rất quả cảm và thường có quyết tâm bảo vệ người cô thế. Dĩ nhiên là không nương tình đối với hạng người thô bỉ, hạ tiện. Rất ham chuộng tự do, nhưng lại sử dụng quyền lực rất nghiêm.

- **Về Sức Khỏe:** Hải Sư thuộc mạng Hỏa, mặt trời, nên sức nóng có ảnh hưởng về tim, mạch máu, lưng và xương sườn. Ngoài ra tình trạng sức khỏe của các bạn trong năm nay cũng còn tùy thuộc vào sự chuyển dịch của Mộc Tinh, ít ra nó cũng đỡ dần cho bạn một số bệnh tật trong tháng 1 và thời gian từ đầu tháng 6 cho đến cuối tháng 8. Tuy nhiên các bạn lại cảm thấy bất an qua sự hoán vị bất thường của các vì sao Hỏa Tinh và Mộc Tinh vào tháng 9, mệt tim và máu huyết lưu thông không điều hòa. Để rồi từ giữa tháng 10 trở đi khi Hỏa và Thủy Tinh không ở vị thế xung khắc nữa thì bạn lại sung sức như sư tử tha hồ vung vít. Tuy vậy, dù có ham vui ta bà khú đố ở mọi nơi nào đó, cũng nhớ trở về thăm ông bác sĩ một lần, để ông ta "rà" lại sức khỏe của bạn. Bỏ bê tầm thân thấy tội nghiệp quá!

- **Về Tinh Duyên:** Từ nửa năm đầu, các bạn Hải Sư được ngôi sao ái tình, vị Thần Vệ Nữ chiếu cố tận mạng. Tình yêu gạt ra không hết, ngay từ 3 đến 11 tháng 3 hay từ 17 đến 24 tháng 5. "Dung nhan giữa hạ" của các bạn thế mà lại ăn ảnh quá. Các bạn sáng giá giữa đám đông và tình yêu tới tấp từ 1 đến 8 tháng 5 cũng như từ 11 đến 18 tháng 6. Coi chừng có lũ khác ganh ghét vì có nhiều người đẹp muốn dâng hiến trái tim. Các bạn tính sao đó?

- **Về Tiền Tài và Sự Nghiệp:** "Đớp" may không đến hai lần, các bạn phải nhanh tay chụp lấy nhất là vào hai cao điểm trong đời của các bạn: trong tháng 1 và từ đầu tháng 6 đến cuối tháng 9. Đó là những khoảng thời gian cơ may đến tìm bạn, tiền tài đến tay bạn. Nhưng không phải vì thành công dễ dàng như vậy mà các bạn coi thiên hạ bằng nửa con mắt. "Đớp" tốt không biết giữ gìn cũng sẽ có kẻ khác tranh mất. Lắm "địa" hoang phí rồi cũng hết. Bỏ "thơm" không biết trân quý thì cũng chia tay. Coi chừng các bạn sẽ gặp vài khó khăn về nghiệp vụ vào cuối tháng 7 do sự xung khắc của Hỏa và Thủy Tinh. Nhưng cuối cùng mọi việc đều ổn thỏa và nhất là từ 10 đến 20 tháng 11 các bạn sẽ cảm thấy rất thoải mái.

Các bạn Hải Sư thân quý, một năm như rửa thấy cũng sướng phải không!



(24. 8.-23. 9.):

* **Tuổi XỬ NỮ (Jungfrau)** (24.8 - 23.9): Hãy chú ý đến chương ngại vật trên đường tiến thân

Ngay trong bản chất của các bạn tuổi Xử Nữ đã có sự đối nghịch. Một đàng là chuộng sự trong sạch, tinh khiết, thận trọng, nhạy cảm, khiêm tốn, có lương tâm và biết hy sinh. Một đàng khác là tính ích kỷ nhỏ nhen, thích chỉ

trích. Vì vậy lắm lúc, sự chín chắn trở thành giọng lưỡi của

kẻ mờ phạm lỗi bịch và dôm đời. Kẻ khác sẽ rất khó hiểu nếu không là thân tín với bạn.

- **Về Sức Khỏe:** Xứ Nữ thuộc mạng Thổ, chịu ảnh hưởng của Thủy Tinh liên quan trực tiếp đến dạ dày, ruột, lá lách, các phần của bụng dưới... Vì vậy vấn đề đớp hít cũng phải coi chừng một tí, nhậu nhẹt cũng chỉ vừa đủ "đó" mà thôi. "Di-ét" ăn khem là phương pháp đang là thời trang. Thực phẩm nhìn vào đâu cũng tinh nhiều hay ít cholesterol, mỡ trong máu, đường trong máu... Đau cũng khổ! Chỉ muốn bỏ ăn, lại e phải kiêng ra nghĩa địa! Thôi cũng đành chiều theo sự vận hành của các hành tinh chủ mạng mà đớp hít độ nhạt. Từ đầu tháng 2 đến cuối tháng 5, sức khỏe của các bạn điều hòa, nhưng cũng không tránh khỏi sự căng thẳng thần kinh và suy giảm sức khỏe trong khoảng thời gian từ 15 đến 23 tháng 3, cũng như từ 3 đến 9 tháng 5. Ngoài ra từ đầu tháng 6 đến cuối tháng 9 các bạn bị dồn nén bớ phờ tóc mai.

Sau đó đến cuối năm thì sức khỏe của bạn Xứ Nữ cường tráng trở lại chẳng khác chi "gái mười bảy bẻ gãy sừng trâu".

- **Về Tình Duyên:** Trong các tuần đầu của năm mới, các bạn không nên đòi hỏi quá nhiều vì cả Thổ Tinh, Mộc Tinh và ngay cả Kim Tinh, vị Thần ái tình cũng quay tán loạn. Tình yêu đến với các bạn trong khoảng thời gian từ tháng 3 và cuối tháng 9 và có thể tìm thấy được người tình tâm đầu ý hiệp trong khoảng thời gian từ 17 đến 24 tháng 5, đầu tháng 6 cũng như tuần đầu tháng 9. Các cặp tình nhân đã "chịu đền" với nhau, đã yêu thương nhau da diết thì thời gian này là thuận lợi nhất để tiến đến hôn nhân. Riêng trong thời gian từ 11 đến 17 tháng 11, nếu có làm quen với nhau thì cũng chỉ là vấn đề giao hảo mà thôi. Cuối cùng cũng nên lưu ý, thời gian sau đây các cặp tình nhân thường hay hờn giận, "thương nhau lắm, cắn nhau đau", hay có chuyện gia đạo xào xáo: 26 tháng 2; 2 tháng 3; 5 đến 10 tháng 6; 10 đến 15 tháng 9 và từ 15 đến 22 tháng 12.

- **Về Tiền Tài và Sự Nghiệp:** Thủy Tinh là ông thần giúp cho bạn nhiều khả năng giải quyết gọn các vấn đề. Từ đó mới kiếm được "dớp" thơm, khảm địa. Nhưng cũng chỉ bình bình "xêm xêm" trong các tháng 1, 7 và 9. Tuy nhiên vào giữa tháng 8 buồn bán thì bị thua lỗ, làm việc thì bị chủ giúa thảm thiết. Đó là phần số của bạn do ảnh hưởng của Mộc Tinh và thái dương hệ ảnh hưởng đến sao bốn mạng.

Ngoài ra trong thời gian từ 11 đến 17 tháng 7 hoặc từ 12 đến 18 tháng 12, thân thể và sự nghiệp của bạn cũng sáng giá lắm. Các bạn cũng nên lấy đó làm một phát hánh diện cho toàn năm.



(24. 9.-23. 10.): kiến, có suy tư nhưng lại hay dang trí nên đôi lúc thấy... khờ cam à!

- **Về Sức Khỏe:** Vì sao hộ mạng của tuổi Thiên Xứng có liên hệ đến thận, thắt lưng, bàng quang, tử cung.

Qua sự chuyển vận của Thổ Tinh, các bạn cảm thấy sinh lực dồi dào trong tháng 1, và từ tháng 6 cho đến cuối tháng 9. Sau đó thì tình trạng sức khỏe của các bạn vẫn điều hòa, dĩ nhiên tâm có khi buồn khi vui, trời có khi mưa khi nắng nên các bạn cũng đôi khi cũng cảm cúm, nóng lạnh của các bệnh thời khí. Ba cái tệ này thì các vị bác sĩ "rờ" nhẹ một cái là xong. Tuy nhiên trong các tháng 10 và 11, do ăn ngủ điều độ, các bạn cảm thấy sung sức hơn bao giờ hết. Nhìn chung sức khỏe của các bạn năm nay ngon lành hơn năm trước nhiều.

- **Về Tình Duyên:** Tình yêu lúc nào cũng sẵn sàng đến với các bạn, nhưng không thể dễ dàng nắm lấy. Để bảo đảm

hơn, các bạn nên lưu ý đến sự di chuyển của Thần Vệ Nữ, với những ngày thuận lợi nhất là từ 7 đến 18 tháng 1 cũng như tuần đầu của tháng 8. Các bạn nên giữ yên lặng với cuộc tình, đừng vội vàng tấn công vào các thời gian từ 5 đến 13 tháng 2 và 4 đến 13 tháng 7. Cũng lưu ý các bạn đừng đùa với ái tình cũng nguy hiểm như đùa với lửa trong tháng 10. Các bạn chỉ có thể lập tổ uyên ương từ 12 đến 19 tháng 3 khi vì sao hộ mạng của các bạn chiếu sáng rực rỡ, hoặc trước Giáng Sinh khi vì sao ái tình Kim Tinh hài hòa với các vị sao khác.

- **Về Tiền Tài và Sự Nghiệp:** Những cơ may thành công của các bạn trong năm nay đều phụ thuộc vào sự khôn ngoan về xử thế, biết thương lượng và lựa chọn thời gian thích ứng. Cơ hội đã sẵn, con đường tiến thân thật thênh thang nhất là vào các khoảng thời gian từ 7 đến 14 tháng 1; từ 3 đến 9 tháng 5; trong những ngày cuối của tháng 7 và từ 23 đến 29 tháng 11. Chỉ cần quan tâm vào tháng 8 vì Hỏa Tinh ở vị thế đối kháng với sao hộ mạng của các bạn, nên cần đề phòng kẻ tiểu nhân phá hoại.

Các bạn tuổi Thiên Xứng có thể yên tâm làm ăn trong năm nay, dù gặp một vài trục trặc nhưng cũng có quý nhân phò trợ.



(24. 10.-22. 11.):

* **Tuổi HỔ CÁP (Scorpion) (24.10 - 22.11):** Kiến tha lâu đầy tổ.

Các bạn tuổi Hồ Cáp tỏ ra rất nghiêm khắc, thêm cao vọng, nhưng có tinh thần trách nhiệm cao, khôn ngoan, hăng hái, quyết tâm, thích tự chủ. Mặt khác các bạn cũng rất khe khắt, có khi rất hẹp hòi nhưng tự chế được.

- **Về Sức Khỏe:** Các bạn tuổi Hồ Cáp thuộc mạng Thủy nên thường ảnh hưởng đến thận, bàng quang, bộ phận sinh dục và đau gan gần như là bệnh bẩm sinh.

Nhìn chung sức khỏe của các bạn tuổi Hồ Cáp trong năm nay cũng trời trụt theo mưa nắng. Nếu có tình trạng sức khỏe bình chân như vại trong khoảng thời gian giữa tháng 4, cuối tháng 9; thì cũng có giai đoạn xào trộn thần kinh từ đầu tháng 3, giữa tháng 8. Nhớ đến thăm viếng phòng mạch của bác sĩ nhà. Nếu ai cũng "lười" đến khám bệnh thì các bác sĩ chắc ngồi đập ruồi quá! Đừng tưởng rằng, cứ chạy ra chợ tóm một hộp Cao đơn hoàn tán nào đó về uống một phát thì "trăm bệnh tiêu tan, vạn bệnh tiêu trừ". Nếu không may có chuyện gì xảy ra thì các hãng bảo hiểm sức khỏe sẽ kiểm cơ chạy làng đó. Dù sao trong năm nay các bạn tuổi con Hồ Cáp cũng yên tâm "vung cày, múa dật" đủ sức chăm cho mấy tên hạ tiện "thối mồm, thối mỏ" vài phát để đời.

- **Về Tình Duyên:** Có thể nói chung cuộc tình của các bạn tuổi Hồ Cáp trong năm nay nhờ sự vận hành điều hòa của Thổ Tinh với Kim Tinh (ngôi sao tình ái) luôn thuận thảo, điều độ. Mở đầu là vào tháng 2, 3, 4 các bạn đã xây dựng được nền tảng vững chắc cho duyên lành. Những ai trước nay còn phòng không chiếc bóng, thì ngay cuộc tiếp xúc đầu tiên các bạn đã bị thần ái tình giáng cho một quả tá hỏa tam tinh, nhưng đó là cơ hội tốt nhất để tính chuyện hạnh phúc tương lai nhất là từ 22 đến 29 tháng 7. Tuy nhiên các bạn cũng nhớ quan tâm đến các khoảng thời gian sau đây: giữa tháng 3; từ 17 đến 24 tháng 5 và tuần đầu tháng 8 để tránh những cuộc cãi vã và làm đổ vỡ tình yêu. Lắm lúc chỉ vì tự ái để đi đến việc chia tay, đường ai nấy đi, mạnh ai nấy sống thì thật là đáng tiếc, đáng buồn và nhất là rất cô đơn lạnh lùng trong mùa đông buốt giá.

- **Về Tiền Tài và Sự Nghiệp:** Dĩ nhiên thành công trong năm còn tùy thuộc vào khả năng của các bạn và sự chuyển vận của Thổ Tinh vào giữa tháng 2 và tháng 4, nếu bạn bỏ được tính ngang bướng chỉ tổ làm cho chúng ghét. Từ đó bạn có thể có cơ hội tiến thân, ít ra cũng trong thời gian từ giữa tháng 4 đến cuối tháng 9, nếu bạn có phương pháp và lúc nào cũng yên tâm làm việc. Dù sao trong 2 tuần đầu

của tháng 7 bạn thấy được kết quả của mình. Qua đó các bạn có thể rút kinh nghiệm để đề phòng những lúc cần bật đèn đỏ trong cuộc đời mình từ 19 đến 26 tháng 1; từ 22 đến 27 tháng 5 cũng như từ 20 tháng 10. "Cái khó mới bó cái khôn". Tóm lại, dù "dớp" không thơm, tiền bạc không đầy ắp trong ngân hàng, nhưng đời không vất vả và mệt. Biết nhân là nhân rồi. Biết đủ là đủ... xài rồi. Phải không các bạn!



*** Tuổi NHÂN MÃ (Schuetze)**
(23.11 - 21.12): Một năm với nhiều quan tâm.

Các bạn tuổi Nhân Mã thường rất nhân nại, biết tôn trọng luật pháp, có lòng khoan dung, nhân ái và nhiều ước vọng. Nhưng về mặt chủ quan, các bạn lắm lúc có thái độ thái quá bất an và ẩn giấu lòng vị kỷ. Có ý nghĩ bất

(23. 11.-21. 12.):

chợt và hành động bất thường nhiều lúc đem lại kết quả không mấy khả quan lắm.

- **Về Sức Khỏe:** Tuổi Nhân Mã thuộc mạng Hỏa, có ảnh hưởng đến các bắp thịt ở hông, đùi và cả động, tĩnh mạch nữa. Thế cho nên các bạn thường cảm thấy đau ở khớp xương hông và dây thần kinh ở háng, được gọi là đau tọa cốt thần kinh, bệnh cụp xương sống.

Ngay từ đầu năm các bạn cũng cần phải nhân nại chịu đựng, đừng làm việc quá sức, tuyệt đối tránh "tranh thủ làm đêm", nếu không thì các bạn sớm bị sạm bà chè dó.

Dù sao trong năm mới vì sao Mộc Tinh cũng giúp bạn nhiều nghị lực để quên những lo lắng trong tháng 1, đầu tháng 6 và cuối tháng 9.

Những cơ may mà các bạn gặp được trong năm là khoảng thời gian từ đầu tháng 2 đến cuối tháng 5, cũng như từ tháng 10 đến tháng 11. Thời kỳ này các bạn khỏe như vâm do sự kết tụ sinh lực của các quần tinh và được Sao Hỏa hộ mạng.

- **Về Tình Duyên:** Những chướng ngại vật trên bước đường tình đã được dẹp yên. Sự hài hòa giữa các vì sao tinh ái Kim Tinh và Thổ Tinh đã mở những cuộc hội ngộ đầy hoan lạc từ tháng 1, 2 và 3. Chưa thấy có biểu tượng sóng gió, nhưng các bạn đừng nghĩ rằng người yêu mình vẫn mãi thủy chung mà mãi bỏ bê, ta bà bù khú nơi khác. Nên nhớ rằng người tình của mình cũng tài sắc hơn người, có bao nhiêu người dòm ngó, cũng nên biết chiều chuộng lo lắng cho nhau mới có thể quất sụm những tình địch chuyên "cản xe cản pháo" đặc biệt trong tháng 5 và tháng 9.

- **Về Tiền Tài và Sự Nghiệp:** Ngay từ đầu tháng 1 các đề án mới được thiết lập, nên công việc trong các tháng 2, 3 cũng chỉ ở trong tình trạng "an phận thủ thường". Cho đến tháng 4, từ 10 đến 15, hoàn cảnh mới khấm khá hơn, tài lộc cũng mới kiếm được địa chỉ của gia chủ do sự kết hợp hài hòa của 3 vì sao chủ mạng Hỏa Tinh, Thủy Tinh và Mộc Tinh. Tuy nhiên qua sự phò trợ của Thủy Tinh, từ đầu tháng 9 cho đến đầu tháng 10 các bạn đã có những bước tiến khá dài trên đường sự nghiệp.

Nhìn chung cuộc sống các bạn không đến nỗi vất vả và "tay lấm, chân bùn" hay phải làm việc đến "trầy vì, tróc vảy" mới có đồng ra đồng vào, mà các bạn cũng có những giờ giấc thoải mái để rong chơi cuộc tình. Chẳng có gì đáng phiền hà cả. Phải không các bạn ?



*** Tuổi NAM DƯƠNG (Steinbock)**
(22.12 - 20.1): Một năm an bình, hạnh phúc.

Đặc biệt của các bạn tuổi Nam Dương là có trí năng, biết nhìn xa hiểu rộng, tìm hiểu vấn đề sâu sắc, cẩn kè, lại thêm siêng năng, chịu khó, nên dễ tạo được lòng tin cậy đối với người khác. Tuy nhiên tuổi Nam Dương cũng không tránh khỏi lòng vị kỷ,

(22. 12.-20. 1.):

nghiêm khắc hay cần nhân. Nếu biết bỏ bớt những khuyết điểm này, thì các bạn rất dễ thành công trên đường sự nghiệp.

- **Về Sức Khỏe:** Tuổi Nam Dương thuộc mạng Thổ nên chú ý chi phối của Thổ Tinh. Do đó các cơ quan như xương, da, màng nhầy của da, các mô tế bào đều chịu ảnh hưởng về sự vận hành của Thổ Tinh. Các bệnh thường thấy là đau khớp xương, thấp khớp, phong thấp... đều do các biến thái mà ra.

Điều căn bản của các bạn tuổi Nam Dương cần lưu ý là về phòng bệnh và chữa bệnh. Mặc ấm và tránh bị nhiễm lạnh làm đau nhức khớp xương. Chữa bệnh thì nhớ kiên nhẫn chịu khó theo lời dặn của mấy ông Lang Tây để chữa trị tới nơi tới chốn. Đừng thấy mới êm êm trong người là bắt đầu ăn chơi lu bù càng.

Sức khỏe của các bạn bắt đầu tri tri từ tháng 2. Mãi đến tháng 6, do ảnh hưởng của Hỏa Tinh, trời ấm áp nên sức khỏe của các bạn ngon lành hơn. Rồi từ giữa tháng 8 cho đến cuối tháng 9 các bạn có đủ sức giung giàng giung giê đi ta bà giang hồ nghỉ hè được. Rồi cũng nên nhớ trở về thăm lại ông bác sĩ để được nghe những lời khuyên cần thiết vì "lương y là từ mẫu" mà!

- **Về Tình Duyên:** Tại Thần ái tình Kim Tinh lơ dềnh ham ta bà đầu đó nên bỏ quên thi ân bố phúc. Vì thế các bạn phải long đong chạy kiếm cuộc tình đến bờ cả hơi tai trong thời gian từ tháng 3 cho đến tháng 8. Nếu bắt đầu từ tháng 2 và chỉ trong vòng tháng này, các bạn đã cố tâm, chịu khó trồng cây si trước nhà người đẹp thì may ra bạn đã rước được nàng về "nâng khăn, sửa túi... tiên". Ngược lại, các nàng, nếu cứ treo cao giá ngọc "tiểu thơ khuê các, trăm anh" thì rồi cũng lỡ hội chông con. Có tỏ ra anh hùng hảo hán đi mấy, có trắng da dài tóc xinh đẹp đi mấy cũng phải chờ đến tháng 10, đến tháng 12 mới có cơ hội gặp nhau để tình tới chuyện xe duyên kết tóc.

- **Về Tiền Tài và Sự Nghiệp:** Hầu hết các bạn tuổi Miên Dương thích làm việc yên tĩnh một mình. Thành quả thường làm hài lòng mọi người nhất là thời gian từ tháng 3 đến tháng 8. Rồi công việc trở lại bình thường có khi cứ tưởng rằng nó dừng lại ở một điểm nào đó. Tuy chưa thấy dấu hiệu Thần tài đến gõ cửa, nhưng chắc chắn cuộc sống vẫn đảm bảo.

Nhìn chung, dù một năm không có nhiều thăng trầm, nhưng cuộc sống thật an ổn hạnh phúc. Xin mừng bạn.



*** Tuổi BẢO BÌNH (Waaermann)**
(21.1 - 20.2): Một năm công thành, danh toại.

Đặc điểm của các bạn tuổi Bảo Bình là có lý trí sáng suốt, có ước vọng và hành động có quyết tâm. Ngoài ra còn có tính thân thiện hiếu khách, dễ cảm thông. Tuy nhiên nếu khắc phục được những khuyết điểm nhỏ như thiếu bền

(21. 1.-20. 2.):

chí, hơi hợt ít quan tâm và lắm lúc tự dối lòng, thì các bạn sẽ thành công dễ dàng.

- **Về Sức Khỏe:** Các bạn tuổi Bảo Bình thường bị ảnh hưởng của các chòm sao trực tiếp đến các thớ thịt ở đùi, xương chân, nước tiểu, lưu lượng máu. Sức khỏe điều hòa hay khó chịu đều do mưa nắng trở trời, đứng với cầu "nắng không ưa, mưa không chịu, dụi dụi mù sương".

Sau một thời gian rong chơi ở đầu đó, Mộc Tinh mới mang sinh lực lại cho các bạn ngay từ đầu tháng 1, rồi trở lại từ đầu tháng 6 đến cuối tháng 9. Trong thời gian này các bạn cảm thấy mình mạnh như... cá voi, mặc sức tung hoành đớp hít, nhậu nhẹt. Tuy nhiên các bạn cũng nên lưu tâm về "máu". Có lẽ không ít trong các bạn mang loại máu D (dê, đặc theo tiếng Việt), nhưng cũng nên cần, đông, đo, đếm các lượng mỡ trong máu, nước tiểu trong máu, cholesterol trong máu, đường trong máu... loạn xạ ngẫu. Thế là cũng khổ về cái ăn, phải e dè kiêng cử. Đề nghị các bạn về tu ở chùa Viên Giác, ăn chay cho nó tiện!

- **Về Tình Duyên:** Trong mùa xuân và đầu mùa hạ, qua sự xáo trộn của sao Kim Tinh, vị thần tình ái, nên duyên tình của các bạn cũng bị xáo xáo, cơn không lành, canh không ngọt, lời bác tiếng chỉ nặng cả lên. Nếu cuộc tình nào cũng phẳng lặng như mặt nước hồ thu, thì cuộc đời coi bộ cũng thường đến độ nhàm chán quá. Dù thế các bạn cũng nên quan tâm đến thời gian sau đây, nếu không thì không thể tránh được những đổ vỡ "nát ngọc, tan vàng": từ 17 đến 24 tháng 5 hoặc giữa tháng 10 đến cuối tháng 11. Tình yêu cũng có lúc dầm thắm thiết tha để người vồ về giấc mộng "một túp lều tranh, hai trái tim vàng". Đó là chuyện ngày xưa ở quốc nội, nhưng khi ra hải ngoại, va chạm với thực tế, thì ta chỉ mơ ước được "một mái nhà thuê, hai trái tim ty nạn" là đủ xây tổ ấm.

- **Về Tiền Tài và Sự Nghiệp:** Thời kỳ may mắn của các bạn để thương thảo và quyết định những hợp đồng trong nghề là những ngày tốt nhất từ 8 đến 12 tháng 4. Sau đó ông thần tài, thần may mắn đi chỗ khác chơi, các bạn sẽ rơi vào chỗ bất an: bị bạn đồng sở gây khó khăn, các hợp đồng bị trục trặc, căng thẳng giữa công việc chung... Cho mãi đến tháng 6, Mộc Tinh mới quay trở lại tạo được tình trạng tốt hơn, nhưng phải chờ đến cuối tháng 7 các bạn mới chộp được thời cơ, để từ đó và nhất là trong 3 tuần đầu tháng 10 trở về sau nhờ sự vận hành của Thủy Tinh, tiền bạc vào tay bạn như nước mưa ngập lụt các chương mục. Tha hồ ăn chơi vung vít nhé!



(21. 2.-20. 5.)

* **Tuổi SONG NGƯ (Fische) (21.2 - 20.3):** Con đường tiến thân còn lắm chông gai.

Các bạn tuổi Song Ngư thường có lòng nhân từ và sẵn sàng nồng nhiệt giúp đỡ kẻ khác, ngoài ra các bạn lại rất triu mến, dễ cảm. Tuy nhiên đôi lúc các bạn cũng không giấu được tính bướng bỉnh, dễ thay đổi và giận dữ quá đáng.

- **Về Sức Khỏe:** Các bạn tuổi Song Ngư thuộc mạng Thổ, nên bị Thổ Tinh chi phối về các bộ phận như gót chân, bàn chân, bụng và các bộ phận hô hấp.

Sức khỏe của các bạn tuổi Song Ngư trong năm nay có thể chia ra 2 giai đoạn tương đối rõ rệt: Từ đầu năm cho đến cuối tháng 4 và từ tháng 10 đến cuối năm là thời gian các bạn tuổi Song Ngư có sức khỏe như... cá voi và đớp như cá sà, cá mập. Các bạn có thể lặn lội đến bốn biển để kết bạn bốn phương, vì tứ hải giai huynh đệ mà! Giai đoạn thứ hai là từ đầu tháng 6 cho đến cuối tháng 9, sức khỏe kém, sinh lực không còn dồi dào nữa. Điều cần thiết là đi kiểm ông bác sĩ và nhớ chuyên cần, chịu khó nghe theo lời khuyên của ông để chữa trị. Giảm rượu, bớt hay dứt thuốc lá; nếu không thì có ngày máu không còn lưu thông xuống hai chân nữa. Đến nước đó thì chỉ còn cách kiếm mua chiếc xe lăn. Chắc bạn không muốn vậy và mọi người cũng không muốn thấy tình trạng của bạn như thế!

- **Về Tình Duyên:** Cái bộ ba Mộc Tinh, Thổ Tinh và Kim Tinh đồng một lúc trở nên cay nghiệt đối với các bạn và phá tan những cơ hội kết hợp lứa đôi ngay từ những tháng đầu năm. Ông Tơ, bà Nguyệt cũng đã ham rong chơi cuộc tình, phế bỏ cho thân lẻ loi của bạn. Trông tội nghiệp và hệ thâm chưa! Thế nhưng nổi đơn bạc không lâu, từ tháng 3 cho đến cuối tháng 7, nhất là giai đoạn từ 17 đến 24 tháng 5, ngôi sao Tình ái Kim Tinh đã giúp các bạn rất nhiều cuộc hẹn hò. Các bạn còn độc thân, nếu không tìm được ý trung nhân trong dịp này thì đó là lỗi của các bạn, hoặc vì kém ăn nói, chỉ lo "ngậm miệng ăn tiền", hoặc vì thiếu "hào hoa phong... đôn gánh" nên chỉ lo gây đàn Ta Lư mà không biết lo o bế.

Còn các bạn đã yên bề gia thất mà không biết giữ mình để cho con tim đập loạn xạ bần hay bí thêm một "cú-đổ-phút" sét đánh nữa thì âu đó cũng là định mệnh... trời phạt! Cuối cùng, những sự gặp gỡ hay hội ngộ trong khoảng thời gian

từ tháng 11, 12 chỉ là vấn đề giao tế cả. Các bà đừng vội nổi cơn ghen tam bành lên mà hồng việc của kẻ khác!

- **Về Tiền Tài và Sự Nghiệp:** Sự thành công của các bạn từ đầu năm cho đến tháng 2 cũng qua rồi. Kể từ tháng 2 tốc độ giảm lần. Tuy nhiên đối với các bạn sinh sống tự túc, thì từ 11 đến 17 tháng 7 cũng như từ 5 đến 10 tháng 11 một số vấn đề khó khăn được giải quyết để bắt đầu sự nghiệp mới. Coi chừng 2 tuần giữa tháng 8 có thể bị hao tài, bất lợi vì một số lỗi lầm do công việc tạo ra. Ngoài ra các bạn cũng nên chụp lấy thời cơ và các dịp may hiếm có sau đây: 26 tháng 2; 2 tháng 3; từ 5 đến 10 tháng 6 cũng như từ 15 đến 22 tháng 12. Nhanh tay thì được, chậm tay thì mất! Các bạn phải tự tranh đấu với chính bản thân. Con đường tiến thân không dễ dàng và rộng thênh thang như mình tưởng. Xin các bạn lưu ý cho.



• HÀ HUYỀN CHI

Xuân

Xuân bồng trắng ngàn như nồn chuỗi

Lòng như rượu cấm tối tân hôn

Trao nhau hạnh phúc cùng săn đuổi

Uống ngọt môi người nghĩa sắt son

Xuân ghé non cao tình nổi sóng

Rừng lay rất nhẹ gió thênh thang

Hồn không ti trúc mà vang vọng

Nhã nhạc thăng trầm điệu hồn mang

Xuân đầy mùa, khi đông ntu giữ

Tình thăng hoa dù hạt mới uơm

Đá hieu quạnh không hieu quạnh nữa

Mưa nồng nàn từng trận mưa tuôn

Xuân hò hẹn nhưng xuân không tới

Cánh mộng kia biết có trở về

Ta xé tiếp ngàn cây lựa mới

Có khi nào em lắng tâm nghe ?

NĂM ẤT HỢI ... nói về những vị thuốc mang tên

. Quỳnh Hoa

LỢN

Heo Lợn, qua các thời đại đều được xem là hình ảnh của sự dơ bẩn, xấu xí. Với nhiều câu nói "Ồ dơ như heo!", "bẩn như heo!", người Pháp còn dùng chữ "Cochon" để ám chỉ những gì dơ bẩn. Heo chỉ được nuôi để lấy thịt, nhưng thời gian gần đây, ở nhiều nước Âu Mỹ, Heo được nuôi để làm bạn, được chủ dẫn đi chơi, được ngủ chung với chủ và trở nên là con vật cưng, được chủ ôm ấp nâng niu... Con gió se lạnh cuối năm, báo hiệu năm mới lại đến, năm Ất Hợi, mới các bạn cùng chúng tôi đi dạo xem khu vườn với những cây thuốc mang tên LỢN.

CÂY HOA CỨT LỢN

Tên Lợn là xấu xí nhưng một số người thấy *cây hoa cứt lợn* này có tác dụng trị bệnh tốt nên gọi cây này bằng tên



Cây hoa cứt lợn

đẹp hơn là *cây hoa ngũ sắc*, *cây hoa ngũ vị*, *cỏ hôi*. Tên khoa học *Ageratum conyzoides* L. Họ *Cúc*. Cây nhỏ, thân nhiều lông mềm, cao chừng 0,50m, mọc hoang ở nhiều nước vùng nhiệt đới, lá mọc đối, có lông ở hai mặt, lá hình trứng dài khoảng 2-6cm, rộng 1-3cm, mép lá răng cưa tròn. Hoa nhỏ màu tím, xanh. Trong cây chứa tinh dầu (tinh dầu này màu vàng nhạt, sánh đặc), ngoài ra, người ta còn tìm thấy có chất cadinen, caryophyllen, geratocromen cùng một số thành phần khác. Trong dân gian, người ta dùng toàn cây tươi, cắt bỏ rễ, rửa sạch, giã nát lấy nước, tắm vào bông gòn nhét vào mũi để chữa trị viêm xoang mũi dị ứng mới phát hiện. Có thể dùng dưới dạng sắc.

Qua thử nghiệm trên súc vật, người ta thấy cây hoa cứt lợn có tác dụng

chống viêm, chống phù nề dị ứng. Thử nghiệm trên lâm sàng, cho kết quả tốt trong việc điều trị viêm mũi dị ứng.

Ngoài ra, ở một số nơi, người dân còn dùng cây tươi 30-40g, rửa sạch, giã nát, vắt lấy nước uống, dùng trong 3-4 ngày để chữa bệnh phụ nữ bị rong huyết sau khi sinh con.

Cùng mang tên cây Hoa Cứt Lợn nhưng không có tác dụng chữa viêm xoang mũi như cây cứt lợn *Ageratum conyzoides*, nên chú ý để tránh dùng nhầm, đó là cây *Bông ôi*, còn gọi là *cây trâm hôi* hay *tứ thời*, *tứ quý*, *ngũ sắc*. Cây *Bông ôi* có tên khoa học là *Lantana camara* L. Họ *Cỏ roi ngựa*. Cây nhỏ nhiều cành ngang, có lông và gai (gai quặp xuống phía dưới). Lá hình bầu dục, đầu nhọn, mặt lá xù xì, mép răng cưa có lông, phiến lá dài khoảng 3-9cm, rộng 3-6cm, lá có



Dây mỡ lợn (Đài Hái)

cuống. Hoa màu trắng, vàng, vàng cam, đỏ, mọc thành bông gần giống hình đầu, dài hình chuông. Quả hình cầu màu đỏ. Cây này mọc nhiều ở vùng nhiệt đới Châu Á, Viễn Đông, Trung Mỹ. Lá và cành được dùng làm thuốc. Người ta tìm thấy trong cây có chất lantanin.

Ở một số nơi, người dân dùng lá giã nát đắp vết thương, vì họ cho rằng lá cây này có tác dụng sát trùng giúp lên da non và cầm máu. Hoặc cho vào nồi nước xông chữa cảm sốt.

Một loại cây khác cũng mang tên *Cây Cứt Lợn* nhưng thật ra là loại cỏ có

tên đẹp là cỏ *Thiên Thảo* còn gọi là *kiếm hay san nga*. Tên khoa học *Anisomeles Ovata* R.Br. Họ *Hoa môi*. Cỏ cao gần 1m, thân vuông có lông, lá mọc đối có lông, phiến lá hình bầu dục dài 7-15cm, rộng 3-6cm. Hoa màu hồng, mọc thành vòng, dài hình chuông. Cỏ mọc hoang dại ở các nước nhiệt đới Châu Á. Người ta thường hái cây này về dùng tươi hoặc sấy khô. Trong cây, được nghiên cứu thấy có chất ovatodioidide. Thử nghiệm trên chuột cho uống liều cao, người ta thấy có tác dụng kích thích sự bài tiết mật. Trong dân gian, ở Việt Nam, Ấn Độ, Phi Luật Tân, người ta dùng lá cây và cây, sắc uống chữa đau bụng.

Một loại cây khác cũng mang tên *Cứt Lợn* đó là cây *Hy Thiêm* hay *chó đê*, cây này đã được đề cập đến trong báo *Xuân Viên Giác* năm Tuất vừa qua.

Dây Mỡ Lợn còn gọi là *dây hái*, *đài hái*, *mướp rừng*. Tên khoa học là *Hodgsonia macrocarpa*. Họ *Bầu bí*. Là loại dây leo, thân nhẵn, lá hình tim phiến chia thành 3-5 thùy, mặt trên xanh lục, mặt dưới màu nhạt hơn, thùy thuôn dài, đầu nhọn. Tua cuốn quấn xoắn. Quả to gần bằng đầu người, quả hình cầu đường kính có thể



Cây bông ôi

tới 20cm có nhiều khía. Hạt rất to, dẹt, dài tới 8cm, rộng 5cm. Dây mọc hoang trên những cây to khác, trong rừng, miền núi, ở Việt Nam, Trung Hoa, Ấn Độ, Mã Lai, Nam Dương, Nhật Bản.

Hạt chứa rất nhiều dầu, dầu hơi đặc, vàng nhạt, không mùi vị, dầu gần giống mỡ lợn nên được gọi là *dây mỡ lợn*. Hạt chưa được xác định thành phần. Dân ở những vùng có cây này vẫn dùng hạt, nướng, giã với muối để ăn giống như ăn muối đậu phộng, hoặc ép lấy dầu thay thế mỡ heo hay để thấp đèn. Tại đảo Bornéo, người ta dùng dầu này để xoa bụng phụ nữ mới sinh con, đồng thời cho uống nước sắc gừng.



Giữa mùa Hạ Nhâm Thân 1992, tôi hân hạnh nhận được Thi tập Thơ Ca của Ưng-Bình Thúc-Gia Thị (Tuyển), ấn hành bởi Nhà Xuất Bản Thuận Hóa, mà Nữ sĩ Tôn Nữ Hỷ Khương, ái nữ của Cụ, đã có nhã ý gởi tặng với mấy dòng ưu ái, nhắn nhủ "nhớ mãi Quê Hương mình, qua câu hò điệu hát còn vang vọng mãi trên dòng nước trong xanh của "con sông Hương đây mộng, núi Ngự Bình nên thơ".

Sách dày 510 trang, bìa trước in hình ảnh của một cô gái Huế yêu kiều, đang gầy đàn ti bà nơi phượng các, còn bìa sau có in chân dung của Thi-Ông, do Phan Chi bút họa. Thi Tập gồm có 5 phần: 1/ Lời giới thiệu. 2/ Thơ chữ Việt. 3/ Thơ chữ Hán. 4/ Ca Huế. 5/ Ca Trù. 6/ Hò. 7/ Tuồng. Tất cả đều do Nữ sĩ Hỷ Khương dày công sưu tập, sắp xếp có thứ tự rõ ràng và trông coi công việc ấn loát, với tấm lòng hiếu thảo hiếm có và niềm ngưỡng mộ chân thành của những nhà hảo tâm thiện ý trong nước và ngoài nước.

Xuyên qua Lời Giới Thiệu của Vương Hồng (viết nhằm tháng 11 năm 1991), chúng ta được biết những nét chính yếu về thân thế và sự nghiệp của Thi-Ông Ưng-Bình Thúc-Gia:

Ưng-Bình Thúc-Gia quê phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, sinh ngày 9 tháng 3 năm 1877, mất ngày 4 tháng 4 năm 1961. Ông là cháu nội Tuy Lý Vương Miên Trinh, một nhà thơ danh tiếng với Vỹ Dạ Hợp Tập.

Chúng ta nên tìm hiểu ý nghĩa hai chữ Vỹ Dạ, thôn Vỹ mà từ xưa tới nay đã có nhiều văn nhân thi sĩ ca ngợi, trong đó có nhà thơ Hàn Mặc Tử, tác giả bài thơ bất hủ

"**Đáy Thôn Vỹ**" mở đầu với mấy câu:
Sao anh không về thăm thôn Vỹ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.
Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc,
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Thuở thanh bình tôi đã về Vỹ Dạ nhiều lần, để viếng thăm các Cụ Ưng-Bình Thúc-Gia và Tham Am

Nguyễn Khoa Vi. Các Cụ đã ăn cần giải thích cho tôi là kẻ hậu sinh hai chữ Vỹ Dạ, mà đáng lẽ phải viết là Vĩ Dạ, theo chữ Hán, có nghĩa là *Cánh đồng Lau sậy*: vi, vi-lô là lau sậy, Dạ, Dạ (theo giọng Huế) là cánh đồng, đồng quê. Còn một chữ nữa là *Địch* cũng có nghĩa là lau sậy. lau lách, như ta thấy trong bài Trường ca *Ti Bà Hành* của Bạch Cư Dị:

*Tầm dương giang đầu dạ tống khách,
Phong diệp địch hoa thu sắt-sắt.*
mà Phan Huy Vịnh xưa kia đã dịch ra thơ như sau:

*Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách,
Quạnh hơi thu, lau lách đìu hiu.*

Thế là chúng ta đã hiểu thấu nguyên nghĩa của địa danh *Vĩ Dạ*, quê quán của nhiều nhà thơ danh tiếng, đồng thời cũng là nguồn cảm hứng và nơi hành hương của nhiều văn nhân thi sĩ. Còn ba chữ "*Thúc Gia Thị*" có nghĩa là dòng họ (Thị) nơi hoang vu (hoang dã) của chú (thúc), vốn là đàn em Tùng Thiện Vương.

Thân sinh của nhà thơ Ưng Bình là Cụ Tiểu Thảo Hường Thiết, Hiệp tá Đại Học sĩ, con của Tuy Lý Vương. Thân mẫu là bà Nguyễn Thị Huệ, thông thạo chữ Hán, có cảm tác nhiều thơ Nôm. Cụ Ưng Bình đỗ Cử nhân Hán học năm 1909, tốt nghiệp Trường Quốc Học Huế, giỏi tiếng Pháp, đã đỗ đầu kỳ thi Ký-lục năm 1904. Ông ra làm quan trên ba mươi năm, lúc về hưu trí Cụ được Vua ban hàm Thượng Thư, Hiệp tá Đại Học sĩ.

Về hưu được ít lâu, Cụ được triệu ra giữ chức Viện Trưởng Viện Dân Biểu Trung Kỳ, niên khóa 1939-1940. Cụ cũng đã đảm nhiệm chức vụ Hội Trưởng Hội Truyền Bá Quốc Ngữ Trung Kỳ từ 1940 đến 1945.

Theo ký giả Vương Hồng thì "tuy làm quan suốt cả đời người, Cụ Ưng-Bình không màng danh lợi, ghét nịnh hót, luồn cúi vì:

GHÉT CỤM BÈO TRÔI CHE BÓNG NƯỚC,

Giận chòm mây nổi khuất vành trăng.

"Phẩm hàm, chức tước của Triều đình và Nhà nước Bảo hộ ban cho, Cụ tỏ thái độ xem thường đến mức châm biếm. Thêm một chức tước đối với Cụ, giống như "*Hàng ghế dịch lên năm bảy tấc*", thặng một ngạch trật quan trường, chỉ là "*Thê bài thêm lớn một vài ly*".

Sự nghiệp Thơ Ca của Cụ, do bà Hỷ Khương kiểm điểm, bằng Việt ngữ trên 1.000 bài, còn thơ chữ Hán có "*Lộc Minh Thi Tập*" gồm 227 bài, Hát bộ có vở tuồng *Lộ Địch* dựa theo cốt truyện *Le Cid* của Pierre Corneille, nhưng đoạn sau thì hoàn toàn thay đổi, đã được trình diễn nhiều lần trong hai năm 1937 và 1938.

Ngoài ra, Cụ còn sáng tác vở tuồng *Tào Lao*, lấy cốt truyện cổ, có tính cách trào lộng. Những Thơ ca và Tuồng đã xuất bản trước kia, gồm có: *Tình Thúc Gia* (1942), *Đời Thúc Gia* (1961), *Bán Buồn Mua Vui* (1954), *Tuồng Lộ Địch* (xuất bản lần đầu năm 1936, tái bản năm 1959), mà chúng tôi còn giữ được một ấn bản 1936, Imprimerie Tiếng Dân (của Cụ Huỳnh Thúc Kháng) 123 rue Đông Ba, Huế, với lời đề tặng Pháp ngữ như sau:

"À Monsieur Paul Boudet, Directeur des Archives et des Bibliothèques de l'Indochine" Hommages de l'auteur: 31.3.42, Ký tên: *Ưng Bình*, đồng dấu chữ triện "*Thúc Gia Thị Bình*".

Mở đầu quyển *Tuồng Lộ Địch* có bài Tựa của Giáo sư Ưng Quả, Tốt nghiệp Thủ khoa Trường Cao Đẳng Sư Phạm Hà Nội ngày xưa, ăn cần giới thiệu tác giả Pierre Corneille và dịch giả Ưng Bình, đồng thời lược thuật cốt truyện *Lôi Xích (Le Cid)*, với những thay đổi cần thiết của dịch giả. Gs Ưng Quả, cũng như Giáo sư Từ Ngọc Nguyễn Lân, cùng với Gs Bửu Cán, tác giả Hán Việt Thành Ngữ (1933) là những bậc Thầy của tôi, đã cho tôi nhiều ánh sáng trong thời niên thiếu, nơi Trường Quốc Học. Và hơn mười năm sau Cụ mất, ái nữ Hỷ Khương đã góp nhặt một số ca hò để in thành "*Tiếng Hát Sông Hương*" (1972), với ít nhiều tính cách thời sự.

Và mở đầu Thi tập Thơ Ca của Cụ Ưng Bình, chúng ta rất cảm xúc đọc bài thơ *Khóc Cha* của nữ sĩ Hỷ Khương, mà chúng tôi xin chép một đoạn tiêu biểu như sau:

KHÓC CHA

.....
*Cha với con như bóng với hình,
Vui già tóc bạc, trẻ mây xanh.
Mến đời Lý Đổ, say ngắm vịnh,
Ưa thú thanh nhàn, cảnh đẹp xinh.*

*Mà nay cha vội bỏ đi đâu?
Nỡ để mình con dạ héo sầu.
Một bóng, một hình, con lủi thủi,*

Ra vào ngõ ngẩn suốt canh thâu!

*Hôn cha già biệt, lệ tuôn trào,
Càng nghĩ, càng thêm nỗi ngán
ngao!*

*Có có, không không, không lại có,
Cuộc đời như một giấc chiêm bao!*
(Tôn Nữ Hỷ Khương)

Sinh tiền thơ ca của Cụ đã cảm tác với mùa Xuân, ngày Xuân, hội hè, đình đám thì nhiều lắm, thật ra kể không hết, có bài đã ghi trong sách, có bài còn nằm trong ký ức của các bố lão, và cũng có nhiều bài đã đương nhiên nhập vào ký ức quần chúng (mémoire collective) như là của chung của thiên hạ, kho tàng của nhân dân, đúng với thành ngữ "văn thành công khí".

Theo truyền thống gia phong, mỗi độ Xuân về Tết đến, Cụ Thúc Giạ đều khai bút đề thơ, yết tại Nhà và gửi tặng Thi hữu khắp nơi, từ Nam chí Bắc, với những lời cầu chúc cổ điển:

*Minh niên khai bút, bút khai hoa,
Vạn sự giai thành, phúc lộc đa:
Đa tử, đa tôn, đa phú quý,
Đắc tài, đắc lộc, đắc vinh hoa.*

Ban ngày thì đốt hương trầm, khấn vái tổ tiên, tiếp nhận những lời chúc tụng của con cháu và gia nhân, quá Ngọ thì mở rộng môn quan để đón tiếp thân hữu gần xa, nâng cốc mừng xuân, thì ca xướng họa, mạn đàm đông tây kim cổ.

Đêm tối thì các Cụ rủ nhau đi dạo sông Hương, sông Bồ, qua ngã Ba Sinh, với vài ba tiểu đồng xách lồng đèn, theo thói người xưa ưa "cỏ nhân bình chúc" ("carpe diem" của người La Mã), nhìn trời nước mộng lung mà ngẫm vịnh, như được diễn tả trong bài thơ:

Đêm Xuân cùng bạn
dạo thuyền Chơi Trăng Sông Bồ
*Con thuyền vừng lái gió không bề,
Ra giữa dòng khơi mái chèo xê.
Trộ sáo sông sâu chài bủa cá,
Tiếng tiêu đồng ruộng trẻ chăn dê.
Gương in bóng nước đôi vành nguyệt,
Liều triệu ngành xuân mấy dặm đê.
Cụm lách giữa nghiêng bầu Lý Bạch,
La Phù một giấc cũng đã ê.*
(Thúc Giạ, 1920)

Tám năm sau, 1928, nhìn Cây Nêu Ngày Tết Mậu Thìn, Cụ Thúc Giạ đã cảm tác bài thơ sau đây:

Cây Nêu Ngày Tết
*Cây nêu ngoài ngõ ngó vu vơ,
Kẻ chán tin xuân kẻ đợi chờ.
Cái én đưa thoi dờn tuổi mới,
Con tầm kéo chỉ vện lòng xưa.
Hỏi bao nhiêu Tết từng qua lại?
Thưa: bốn nghìn năm có lẽ thừa.
Chưa biết mai sau còn mấy nữa,
Tình, say cười khóc với hơn thua.*

Đầu năm 1929, nhân lúc Cụ làm An sát Hà Tĩnh, Cụ đã hành hương làng

Tiên Điền, viếng mộ thi bá Nguyễn Du (1765-1820), thấp nén hương chiêu hồn thi bá số một của nước Việt, đồng thời kính dâng bài thơ sau đây:

Kính diếu mộ Cụ Nguyễn Du
*Áo xiêm triều Nguyễn lúc khai ky,
Chạnh nỗi Lê vong đã thế thì!
Sóng vỗ sông Lam mời Ngụ Tử,
Mây giăng ngàn Hống hạc Đình Uy.
Bể dâu một cuộc đời không mấy,
Hương lửa ba sanh bạn thiếu gì.
Hồn Cụ có thiêng e cũng biết,
Văn chương quốc ngữ chuyện đời ni.*

Bài trên này có nhiều điển tích mà chúng ta nên tìm hiểu: mời Ngụ Tử là ngọn sóng biều trùng hồn Ngụ Tử Tư, một danh tướng thời xưa bên Tàu. Ngàn Hống là Hồng Sơn 99 ngọn Hồng Lĩnh, mộ Nguyễn Du táng tại làng Tiên Điền, phía bắc chân núi Hồng Sơn, giáp bờ sông Lam về phía nam. Còn Hạc Đình Uy là theo điển Đình Lệ Uy hóa hạc về đậu trên trụ biển, mà chiêm ngưỡng thành quách xây dựng từ xưa.

Đến năm 1931 thì Cụ Ứng Bình được bổ nhiệm Tuần Vũ tỉnh Phú Yên; để ghi nhớ ngày vào đây, Cụ cảm tác một bài thơ nhan đề: Tiết Trùng Dương ở Phú Yên, tức là Trùng Cửu (mồng chín tháng chín), mà chúng tôi xin chép lại toàn bài:

*Năm ngoài Trùng dương đỉnh núi
Hồng,
Năm nay lại đỉnh núi Cù Mông.
Nhành ngô đã muộn khi thay lá,
Cụm lách bưa vừa tiết trở bóng.
Gảy khúc Nam Ai thêm chạnh nhớ,
Ngâm câu Đường Đệ những người
trông.*

*Non xưa cảnh cũ nhìn quen lạ,
Ai khách mà ai lại chủ ông?*
Với bài thơ này, Cụ Thúc Giạ đã nhắc lại một biến cố lịch sử xa xưa nửa thế kỷ: Năm Nhâm Thân (1872), Công tử Tuy Lý bị vua Tự Đức buộc đi an trí ở Phú Yên, sau những âm mưu biến loạn tại Huế bị dập tắt. Lúc bấy giờ, cậu bé Ứng Bình mới lên 7 tuổi, phải theo ông nội vào đây. Nay chừ, đã 55 tuổi, lại trở về trấn nhậm Tuần Vũ Phú Yên, thành ra cảm thấy bồi ngùi trong tác dạ! Lúc nhàn hạ, Cụ dạo chơi bờ sông Cầu, nhìn bèo trôi nước chảy, mà:

*Cảm thương danh lợi cả hai thằng
Kẻ chống người chèo bộ xí xăng.
Ghét cụm bèo trôi che bóng nước,
Giận chòm mây nổi khuất vành
trăng!*

Gần Tết năm Giáp Tuất (1934), Cụ Ứng Bình về hưu nơi Gia hương Vỹ Dạ, lúc bấy giờ Cụ mới 57 tuổi, là vì Cụ có ngộ ý với Triều đình: Cụ muốn về hưu sớm, để vui thú điền viên và cầm kỳ thi họa. Tết năm ấy, Cụ hoan hỉ ăn Tết nơi quê nhà với bầu đoàn thể tử, canh mục ngư tiêu, cho hợp với

sở nguyện của Cụ, từ nay phong trần nhẹ gánh:

*Khoa danh có sẵn, quan quyền có,
Của cải không gì, ruộng đất không.*

Và đây là bài:

Tết năm Giáp Tuất
*Tết mấy năm xưa ở tỉnh đường,
Ngày rày ăn Tết ở Gia hương.
Ba La lễ Phật chùa quan Bó,
Gia Lạc chen người chợ Đức Vương.
Mùi áo Bông-Bay chùng lăm vè,
Nước hoa Viễn-Đệ có mười thương.
Chuyện đời mới mãi theo năm mới,
Nhưng cũng trong vòng sắc với
hương.*
(Thúc Giạ, 1934)

Bài này cần được giải thích thêm cho các bạn trẻ thương yêu Cố Đô Huế: Chùa Ba La do quan Bó chánh Nguyễn Khoa Luận kiến lập. Chợ Gia Lạc là chợ do Định Viễn Vương sáng lập. Chợ này chỉ đông một ngày đầu năm mà thôi, mà vui lắm, là vì đó là nơi gặp gỡ của trai thanh gái lịch chốn kinh kỳ, mặc sức trang phục với hàng Bombay Ấn Độ giá rẻ, màu sắc như cầu vòng tùy theo sở thích. Còn nước hoa Mười Thương (Les Dix Amours), do nhà kinh doanh Viễn Đệ (cháu tăng tôn của Định Viễn Vương) là chủ nhơn thứ đầu Khuynh Diệp, chế với là tràm (Mélaleuca leucadendron L.) mà các cô thời đó ưa thích cả hai thứ, thì còn lo nỗi gì?

Đầu năm sau, 1935, Cụ Thúc Giạ cũng mừng Xuân với bài thơ Đường luật như thường lệ:
*Hoa đào cợt gió liễu giăng tơ,
Gặp chúa xuân đầu dăm hững hờ.
Thăm viếng nhau không người ở bạc,
Ăn chơi cũng lăm chuyện tình cờ.
Giật mình đưa trẻ chằm phong pháo,
Vách mây thầy nho mở túi thơ.
Vạn cũ chúc mừng năm mới tới,
Ngâm qua nhớ lại cảnh giao thừa.*
(Thúc Giạ, 1935)

Tiếp đến là năm Bình Tý (1936), Cụ ngẫu hứng "màng" một bài, lời thơ trong suốt, ý tứ thâm trầm, tâm tình nhạy cảm, xem chừng như Cụ còn trẻ trung yêu đời lắm:

*Mỗi năm thoi én mỗi đưa dờn,
Rạng bóng thiêu quang về nước non.
Giởi phấn văn minh em rủ chị,
Ra trường khiêu vũ bố thua con!
Tro tàn chữ Hán nhen còn đượm,
Rượu lạt nhà Nho uống cũng ngon.
Ngay thảo khuyên nhau chùng nấy
chuyện,
Dám đầu tóc bạc đôi lòng son.*
(Thúc Giạ, 1936)

Tháng 11 năm ấy, Cụ Thúc Giạ đi "ôtô" ra xem Hội Chợ Hà Nội, bạn đồng du là hai vợ chồng ông Đỗ Phong, bà Đốc Sử với cô Phùng Xuân. Đúng trưa thì dừng xe nơi phố Quảng

Khê (Sông Gianh, tức Linh Giang, cũng gọi là sông Ranh, làm ranh giới hồi xưa cho Đàng Ngoài (Bắc Hà) và Đàng Trong (Nam Hà), để ăn cơm trưa. Cụ nhớ ngày trước, có làm Ân sát Quảng Bình, thường ra Sông Gianh đưa đón các thượng khách, nhiều khi phong ba đôn dập, dò lạt như chơi. Nay về hưu, Cụ được đi du ngoạn thông thả, tự do, nên cảm thấy thích thú hơn trước, không còn bận bịu lợi danh, sân si hoa mắt. Cụ có để lại bài thơ:

Tiết trọng Đông dạo chơi Hà Nội

*Hỏi tiết bưa vừa tiết trọng đông,
Ở nơi Long Quận rét như đồng.
Theo đoàn trẻ dạo đi chơi với,
Thú sức già coi có mạnh không?
Làm khách cũng chung phiên Hội*

Chợ,

*Hơn ai là thấy cảnh vườn bông.
Chả lo chỉ lạnh choàng thêm áo,
Sân quán Đông Hưng quán rượu*

nông.

(Thúc Giạ, 1936)

Đây là Chợ Phiên Hà Nội thứ 13. Còn Vườn Bông ghi trên đây là Vườn hoa của kỹ sư Nông Chánh tại làng Ngọc Hà, gần Hà Nội. Vườn này ở phía Nghi Tàm (Hồ Tây) trồng đủ thứ hoa, đua nở quanh năm, trong vườn có đường đi qua lại ngay thẳng. Cụ nói: "không thấy một cánh hoa rụng, một cái lá rụng trên bồn hoa, hoặc ở lối đi, chúng tôi tình cờ được vào xem, thật là một cuộc du lãm có nhân phúc đặc biệt!".

Còn quán Đông Hưng là phạn điểm trú danh Hà Thành, chuyên làm các thứ bánh trong dịp Tết và Trung Thu, ngày nay vẫn còn thịnh hành.

Từ Hà Nội trở về Huế, Cụ phải trông coi việc tập luyện đào kép sắp diễn tuồng *Lộ Dịch*, phỏng theo tuồng Pháp *Le Cid* của Pierre Corneille. Ngày mùng 4 tháng giêng Đinh Sửu, nhằm ngày chủ nhật 14 Février 1937, lên sau 3 ngày Tết, tuồng *Lộ Dịch* đã được Cụ Thúc Giạ phiên chuyển sang Việt ngữ với nhiều thay đổi, để cho phù hợp với luận lý Á Đông, đã long trọng khai diễn tại rạp Bà Tuần, ở Ngã Giữa, tức là đường Đông Ba, Huế. Rạp này của bà Đặng Ngọc Oánh, chồng bà đã từng làm quan to nơi Phủ Thống Sứ Bắc Kỳ, về sau được chuyển sang ngành Hành Chánh cao cấp ngoài Bắc (Tuần Vũ), lúc hưu trí thì về Huế rồi mất. Bà vợ mở rạp Đông-Xuân-Lâu quen gọi là rạp Bà Tuần.

Tuồng *Lộ Dịch* đã được Cụ Thúc Giạ thay đổi đoạn cuối, nơi phần nói về viên tướng Nhà Vua khuyên Chi Manh nên để cho thời gian băng bó vết thương lòng, rồi sẽ lấy chồng là *Lộ Dịch*, vừa là người yêu, vừa là kẻ thù đã giết cha mình để phục hận cho cha đã bị hạ nhục bởi cha của Chi Manh.

Về đoạn này, Cụ Thúc Giạ đã có sáng kiến đặc biệt Á Đông, buộc nàng Chi Manh phải xuống tóc đi tu nơi chốn Thiên môn, cố gắng tiêu sấu giải muộn với kinh kệ nấu sòng, thoát khỏi bờ mê, trở về bến giác...

Cụ Thúc Giạ đã nhẹ nhàng ghi lại một công tác văn hóa đặc biệt đã từng đánh dấu với hòn bạch thạch, cuộc gặp gỡ giữa Đông và Tây, qua tuồng *Lộ Dịch*, với diễn viên người Việt, với ca nhạc Việt và nhất là cuộc mở màn (lever de rideau) theo kiểu Đông Phương: có hai anh kép bịt khăn đen và áo rộng xanh ra đứng giữa sân khấu, đọc chúc lời giáo đầu như sau:

"Phong hòa vũ thuận, hải yến hà thanh, non sông rạng vẻ thái bình, cây cỏ khoe màu thanh trị, nhà nhà phú phi, chốn chốn ăn chơi, trước vũ đài trông lăm trò vui, trên văn án tìm thêm vẻ lạ, dù màn Đông Á, xem truyện Tây Âu, nét phong tao, mĩ chuyện hồng lâu, tranh thanh tú cũng phượng bạch bích, trai tài là *Lộ Dịch*, gái sắc gọi Chi Manh, xi-xăng xe mũi tơ mảnh, bồng chốc hừng cơn lửa đỏ, gương đại hiếu soi cùng kim cổ, gương vô tình thẹn với non sông, cán rặng bẻ một chữ đồng, mở mắt chia hai hàng lụy, nổi oán ăn, câu phi thị, cơn biến huyền, sự hy kỳ, tình, say, cười, khóc mấy khi, nam, khách, niều nôi đủ chuyện, xem qua vừa một quyển, kể lại dạng đôi hồi, xin khán quan lặng lặng mà coi, tuồng hát gọi là *Đông-Lộ-Dịch*".

Đông-Lộ-Dịch là phiên âm phương danh của Don Rodrigue, vai chánh trong tuồng, còn Chi-Manh là hương danh của đào thương Chimène. Cả hai vai đều do đàn bà, con gái sắm: vai *Lộ-Dịch* do "ấu phụ" Phương Lan, 25 tuổi, đóng, còn vai Chi-Manh do cô Hữu Hạnh, 18 tuổi, sắm, khiến chúng ta thời nay nhớ tới Hát Bộ (Nô) của Nhật Bản và phần nào của Trung Hoa, phần nhiều ngược lại, nghĩa là đàn ông đóng vai đàn bà. Và đồng thời, chúng ta cũng nhớ tới tuồng cổ Phụng Nghi Đình, trong đó có màn *Lã-Bố* hí *Đieu-Thuyền*, cả hai vai được trình diễn bởi cô Phùng Há và cô Bích Thuận, hoặc là ngược lại, đều xuất sắc cả.

Việc trình diễn tuồng tích *Lộ-Dịch* đã được Cụ Thúc Giạ ghi lại trong bài thơ sau đây:

Khai diễn tuồng *Lộ-Dịch*

*Rạp hát Vương tôn đã khoát màn,
Đã ra sân khấu giữa Tràng An.
Hiểu tình ngắm rõ gương bi kịch,
Thanh sắc mừng thêm vẻ lạc quan.
Giá ngọc treo cho đào Hữu Hạnh,
Nhà vàng dựng để kép Phương Lan.
Ham vui điệu cũ câu tuồng mới,
Tri kỷ xin chào bạn khán quan.*

(Thúc Giạ, 1937)

Lần lửa tháng ngày, chẳng mấy chốc mà đã tới năm Mẹo (1939). Cụ Thúc Giạ khai xuân với bằng hữu qua một cuộc "Xuân du phương thảo địa" nơi Hồ Tịnh Tâm trong Kinh thành Huế, mà Cụ còn ghi lại trong bài thơ:

Cảnh Hồ Tịnh Tâm

*Tháng giêng năm Mẹo bưa mừng hai,
Vô Tịnh Tâm chơi buổi tối trời.
Mừng tuổi tiếng oanh reo trước gió,
Tin xuân cái én liệng ngoài khơi.
Mây xanh liểu lại giăng tơ mới,
Môi thắm sen chưa trở nụ cười.
Vội vội thân tiên đầu chẳng thấy,
Lòng theo mặt nước cũng vui vui.*

(Thúc Giạ, 1939)

Giữa năm 1939, nhà thơ Quách Tấn gởi tặng Cụ Thúc Giạ cuốn "Một Tấm Lòng", Cụ cũng ghi lại tấm lòng vàng của nhà thơ miền Nam Trung:

Cảm tạ nhà thơ Quách Tấn

*Một quyển Ly tao một tấm lòng,
Lấy lừng ngọn bút Quách thi ông.
Bầu trời mở rộng kho trăng gió,
Mặt đất chung đầy cảnh núi sông.
Ngọc thốt vàng reo xen lẫn tiếng,
Sa thêu gấm dệt rõ ràng bông.
Thanh bình điệu cũ ưa người mới,
Bạn tác mình đây té cũng đồng.*

(Thúc Giạ, 1939)

Đến năm Canh Thìn (1940) cuộc Thế Chiến đã lan tràn khắp nơi trên địa cầu. Cụ Thúc Giạ, nhẩm ngày Tết, cũng gắng nâng cốc rượu mừng Xuân, nhưng cũng thốt đôi lời than thở trước thời cuộc biến loạn đảo điên, chưa biết đưa nhân loại đi về đâu. Và đây là bài thơ nửa vui nửa buồn của Cụ:

Tết Canh Thìn 1940

*Chưa rời Đông Á đã Tây Âu,
Cuộc chiến tranh lan cả địa cầu.
Ông Tào vẫn xoay chi rứa mãi,
Chúa Xuân qua lại cũng đà lâu.
Đóa hoa Thượng Uyển mừng mừng
móc,
Chén rượu Sa Trường khóc bể dâu.
Tình gọi anh em chung bốn biển:
Thái Bình hai chữ chúc cho nhau.*

(Thúc Giạ, 1940)

Vào tiết Thanh Minh năm ấy, Cụ Thúc Giạ đã tiếp và tặng Cụ Mộng-Nham Lê Như Lâm (Tiến sĩ Nho học, Đông-Cung Giáo-Đạo của Thái Tử Vĩnh Thụy như Tây du học, trong 10 năm (1922-1932) Cụ mới về nước) bài thơ sau đây:

Gởi Mộng-Nham Lê Như Lâm

*Sự nghiệp thầy Nho rứa cũng hay,
Dạy vua, vua nhớ mãi ơn Thầy.
Cấp tay mấy quyển văn Tiên Hán,
Hộ giá mười năm cũ Thái Tây.
Lưu giản túi thi tình tự đó,
Tương tư chén rượu tiễn đưa này.
Tiện đây cho hỏi khi làm Sĩ,
Thêm chuyện năm châu, chép mớng
dày?*

(Thúc Giạ, 1940)

Cụ Lê Nhữ Lâm quê quán làng Văn Trinh, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên, giáp giới với tỉnh Quảng Trị, có con sông Ô Lâu chảy qua, cạnh làng Chí Long của Cụ Nguyễn Tri Phương. Cha tôi kể rằng: Cụ Lê Nhữ Lâm, lúc ở bên Pháp để "dạy vua" thường hay nói với Thái Tử Vĩnh Thụy rằng tên Thầy là *Lê Dữ Lâm* (nói theo giọng Huế), nhằm khuyên đệ tử nên coi chừng mà chăm lo học hành!

Đến năm Nhâm Ngọ (1942), Tết đến mà chiến tranh thế giới vẫn còn tiếp diễn, khiến Cụ thân Xuân với thời cuộc nhiều nuối:

*Nhâm Ngọ năm ni cũng rứa à!
Cũng bầu thế giới rộn kinh qua,
Mỹ Anh đang phá vòng vây Nhật,
Phổ Ý chưa rời mặt trận Nga.
Mừng tuổi chinh phu trên chiến địa,
Thương xuân thiếu phụ ở quê nhà.
No say lẫn dưới trời Nam Việt,
Lặng lặng chờ nghe tiếng khải ca.*
(Thúc Giạ, 1942)

Đến năm Quý Mùi (1943), Cụ Thúc Giạ khai xuân bằng một cuộc dạo phố mà Cụ có ghi nhiều chi tiết trong bài:

Dạo Phố Ngày Xuân

*Rảo đường Gia Hội đến Pôn-Be, (1)
Tức cảnh cầu thi lại giữa nghề.
Chú Chệt mừng xuân không đốt pháo,
Anh Mừng dạo phố cũng ngồi xe!
Nhiều cô Đất mới bôi son cũ,
Đôi chỗ Hàng dinh giữ mực què.
Ngưỡng mặt nhìn xem cầu quảng cáo,
Năm này chữ tốt lẫn năm tề.*
(Thúc Giạ, 1943)

Lần nữa đã tới năm Ất Dậu (1945), là năm mốc xảy ra lăm chuyện, can qua Nhật Pháp bùng nổ giữa đêm 25 qua ngày 26 tháng giêng, tức là đêm 9 rạng 10 tháng 3 Dương lịch, khiến cho nước ta lâm vào vòng chiến, thay ngôi đổi chủ một cách bất ngờ! Và đây là bài thơ lược thuật vừa chính xác, vừa trào lộng:

Nhật Pháp Chiến Tranh

*Tháng giêng năm Dậu tới hăm lăm,
Súng đạn mô đây tiếng nổ rầm.
Đốp đốp lượt ba rồi lượt bảy,
Đùng đùng canh một đến canh năm.
Ngỡ đêm Trừ-tịch nhưng không phải,
Gọi tiết Nguyễn-tiên cũng chẳng nhằm.
Tàng sáng vừa nghe tin chiến trận,
Ngậm ngùi chi xiết nỗi kinh tâm!*
(Thúc Giạ, 1945)

Sau cuộc đảo chính Nhật, đến tiết Thụ thì nghe tin vua Bảo Đại thoái vị trên Lầu Ngọ Môn (25.8.1945), rồi Cố Đô Huế ra thẳng Thăng Long nhận chức Tối Cao Cộ Vấn của Chính phủ Cách mạng. Cụ bùi ngùi cảm tác bài

thơ bày tỏ nỗi niềm riêng tư của mình trước thời cuộc:

Vua Bảo Đại thoái vị

*Nỏ tiếc không thương cái bệ rồng,
Ngự xe cờ phất đến Thăng Long.
Trái qua non nước nhìn quanh rặng.
Ngành lại lâu đài bỏ trống không.
Gió tạc cánh thu chim ngói tổ,
Trăng soi cửa cấm nhện giăng mùng.
Có ai vô Nội cho mình hỏi:
Thần tử còn lưu lại mấy ông?*
(Thúc Giạ, 1945)

Đầu năm Bính Tuất 1946, nhằm ngày Tết, Cụ Thúc Giạ dạo chơi thành Nội, nhìn cảnh cũ đìu hiu, nhớ người xưa, nay mất dạng, mà cảm thấy xúc động, ray rức trong lòng, bèn ghi lại đôi chút tâm tình trong bài thơ:

Ngày Tết năm Bính Tuất

*Ngày Tết năm nay chẳng ngự Triều,
Ngó vô trong Nội cảnh buồn thiu.
Ngựa ra cửa khuyết chưa mòn dấu,
Èn liêng sân châu đã đóng rêu.
Rầm rộ kiếm cung oai tướng sĩ,
Ủ ê sơn phấn bạn đồng liêu.
Biết ai nhấn hỏi vài câu chuyện,
Trước Ngọ Môn lâu buổi xế chiều*
(Thúc Giạ, 1946)

Cuối năm 1946, Cụ Thúc Giạ đột ngột phải lên đường chạy giặc Việt Minh đột kích quân đội Pháp, đôi bên nổ súng dữ dội, già trẻ lũ lượt sang sông, tìm đường về quê để tránh bom đạn, khiến cho Cụ vừa chạy, vừa "nực cười cho lão tánh phiêu phiêu":

Đi lánh nạn

*Nực cười cho lão tánh phiêu phiêu,
Đội nước lên trôn mới nhảy liêu.
Mang gói già từ thôn Vi Dạ,
Sang sông ở trọ xóm Giang-triều.
Trăng lồng, gió lọt, đêm thê thảm,
Rèm mát, phen sương, cảnh quạnh hiu.
Nhưng rứa không lo mà khỏi sợ,
Hơn nơi nệm gấm lẫn màn thêu.*
(Thúc Giạ, 1946)

Đầu năm Canh Dần 1950, Cụ Thúc Giạ lại được mời cầm chầu Hát Bộ nơi rạp Đồng Xuân Lâu (Bà Tuần), nhìn lại đào xưa kếp cũ, tưởng tích thâm trầm, càng thêm thấm thía so với trò đời đầy voi đen bạc:

Coi hát rạp Đồng Xuân

*Rạp hát Đồng Xuân tiếng thuở nay,
Hoa thêu gấm dệt cảnh phố bày.
Kếp đào vai cũ không ai lạ,
Trung nịnh tuồng xưa lắm vở hay.
Câu Tiết Đình Sơn cho khỏi nạn,
Cây Trinh Thiên Tuế phải ra tay.
Tê vui cười khóc trên sân khấu,
Lặng lặng ngồi xem lớp đổi thay.*
(Thúc Giạ, 1950)

Trong đời Cụ Thúc Giạ có điều hy hữu, khác lạ hơn người là đương khi

còn sống mà Cụ biểu con cháu và thân hữu làm lễ sinh-táng, xem như đã chết, với phúng điếu, ca hát đủ thứ, để Cụ được chứng kiến ra sao, kéo tới lúc chết rồi thì đâu còn hay biết gì nữa, lúc đó dù có làm linh đình, to lớn bao nhiêu thì cũng bằng thừa, lại thêm tốn kém mà "đương nhân" không hơi hưởng chi được cả! Thế là năm 1951 vào tiết Hạ, Cụ đứng ra tổ chức *đám tang giả* của Cụ, gọi là *Sanh-điếu*, rồi Cụ góp nhật tất cả thơ văn phúng điếu, cất kỹ làm lưu niệm. Hồi đó, chúng tôi đang đảm trách ngành Thông Tin, Báo chí miền Trung, đã được hân hạnh Cụ gọi về chơi Thôn Vỹ để dự lễ tiễn đưa Cụ về Trời! Quang cảnh như mộng ảo, hư hư thực thực, đúng là chữ siêu thực (surréaliste), cả đời tôi chưa bao giờ trông thấy một quang cảnh tương tự như vậy!

Sự việc kỳ lạ này được Cụ ghi lại trong bài thơ cảm tác vào đầu năm sau, Nhâm Thìn 1952:

Khai bút năm Nhâm Thìn

*Bây lăm sanh điếu chuyện hy kỳ,
Bây sáu nay mừng những chuyện chi?
Say tình với đời ba cốc rượu,
Đố hay theo bạn mấy vần thi.
Sẵn tay gậy trúc vui thì múa
Nhẹ bước đường hoa khỏe cứ đi.
Gặp khách nhà Nho nơi cửa Phật,
Khuyên mình hãy phát nguyện qui y.*
(Thúc Giạ, 1952)

Tiếp đến năm Quý Tị 1953, Cụ Thúc Giạ tiếp được thơ và Thi của bà Tương-Phổ Đỗ Thị Đàm (1898-1973) từ ngoài Bắc gửi vào thăm. Cụ ân cần phúc thơ cảm tạ và họa lại bài thi của bà, với lời lẽ bình dị và ý tứ cao sang:

Đáp họa vần Thi của

Nữ Sĩ Tương Phố gửi thăm

*Bướm Trang sinh bổng đậu rồi bay,
Giác mộng xưa còn phượng phát đây.
Gió thổi ngọn tùng, cây cũ vững,
Mưa chan cội liễu, vốc chửa gầy.
Đa mỗi tóc bạc tuy thay đổi,
Dạ sắt gan vàng khó chuyển lay.
Kính đáp vần thi xuân Quý Tị,
Niềm theo cánh nhạn gửi tờ mây.*
(Thúc Giạ, 1953)

Cuối năm ấy thì Cụ Thúc Giạ cáo từ chức Hiệp Lý Phủ Tôn Nhân, như được ghi trong bài thơ sau đây:

*Vai tuồng Hiệp lý Phủ Tôn Nhân,
Phụng sự Quân vương lễ Thánh thân.*

*Kính cần không sai ngày tế tự,
Châu hầu phải rặng nét y cần.
Những lời tấu đối tuy quen miệng,
Những lời xu bồi chưa thạo chân
Tai nặng mắt quàng e dễ vấp,
Lui về Nội lách đường thiên chán.*
(Thúc Giạ, 1953)

Thấm thoát mà đã đến năm Mậu Tuất 1958, lúc này Cụ đã được 82 tuổi thọ:

"Phước của Trời cho, lộc của Trời,
Lần lên tuổi thọ tám mươi hai"

Cuối năm ấy, Cụ ngẫu hứng làm một bài thơ với tựa đề khá dài, vốn là một câu ca-đạo hai vế, có tính cách châm biếm:

**Tham giàu đã thấy giàu chưa?
Vừa ăn vừa khóc như mưa tháng mười.**

Kén nhà thiên hộ để làm dâu,
Không ngờ gia nường việc lút đầu.
Vàng trít cổ tay cam lộ đại,
Cơm chan nước mắt chịu ồm sầu.
Khóa chìa mụ nhạc nặng kêu hỏi,
Chấn gối ông chồng ít gặp nhau.
Mới biết chị em mình xuất giá,
Lựa nơi thanh nhả sướng hơn giàu!
(Thúc Giạ, 1958)

Qua tháng 3 năm 1959 (Kỷ Hợi), Cụ Thúc Giạ đã gửi tặng bà Thái Mộng Tuyết (Thất Tiểu Muội) ở Gia Định một bài thơ Đường luật ca ngợi Nữ sĩ tài hoa của xứ Đồng Nai:

Tặng Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội
Nữ lưu thanh giá bậc phi thường,
Quê ở Hà Tiên Mộng Tuyết nường.
Sửa bút mài nghiên bao tuế nguyệt?
Phun châu nhả ngọc lấm từ chương.
Tinh hoa vấn chuộng vẫn Tiên Hân,
Tao nhả ham vui luật thanh Đường.
Du lịch sao chưa tìm thắng cảnh?
Kìa mây đỉnh Ngự nước sông Hương.
(Thúc Giạ, 3/1959)

Và đây là bài thơ cuối cùng mà Thi-ông Thúc Giạ đã cảm tác vào mùa Thu 1960 (Canh Tí), như là một lời tiên tri sắp sửa đi về Tây Phương 'Thiên Trúc', và đồng thời cũng là lời nhắn nhủ, bức thông điệp cho phương hậu thế nên sinh sống đậm bạc hiền lương, tương thân bác ái, giữ vững tinh thần và đạo lý:

Tiếng Chuông Lòng

Tiếng chuông lòng dội buổi tan
sương,
Đình lễ qui y trước Phật đường.
Soi tỏ tâm linh nhờ đức tuệ,
Rước tan tục lụy sẵn cảnh dương.
Giữ niềm bác ái không sai chạy,
Thời bệnh sân si khỏi vấn vương.
Tôi cũng như ai phương đạo hữu,
Mong vào cửa Phật đến Tây phương.
(Thúc Giạ, đầu Thu 1960)

Và từ đó Thi-Ông chống gậy trúc, dạo bước vườn hoa, tiên phong đạo cốt, trà thánh cờ tiên, thanh thân, tìm về cõi Phật đúng ngày 4 tháng 4 năm 1961, thượng thọ 85 tuổi.

thơ con mùa Xuân

thơ về mẹ, con viết lúc vào xuân
lòng nôn nao thường tự nhủ, một lần
về thăm mẹ, như lá bay về cội!

nhu tuổi dai vẫn co tay làm gối
nghe vỗ về, ru giấc ngủ hiền ngoan
con lớn khôn trong tiếng hát nồng nàn
trong tình mẹ thương yêu vô bờ bến
như con nước bỏ sông dài ra biển
rời mắt tâm trong một hồi trăm yên
con lao đao với ngày tháng muộn phiền
mong giữ vẹn những ân tình xưa cũ

sông dâng nước vì mưa nguồn thác lũ
con lìa quê vì thế sự đời đời
những thăng trầm theo vận nước nổi trôi
nghe hưng phế đa nĩa đời thao thức!
con vọng tưởng mùa xuân trong kỷ ức
cội mai vàng đầu ngõ vẫn đơm hoa
bếp lửa hồng còn ấm nỗi chia xa
hay hoang lạnh trong xót xa hoài vọng?

xuân lại đến thêm cô đơn chiếc bóng
lòng xốn xang cũng mong ước trở về
trong vòng tay bầu mền mẹ ru mè
con thanh thản lặng yên trong giấc ngủ!

xin mẹ hiểu, mẹ ơi, lời nhắn nhủ
con ghi lòng tạc dạ lúc chia ly
hẹn ngày về gắn bó với ngày đi
mẹ vẫn trẻ trong tình con thương mẹ!

Tây Anh

hamburg
011294

tháng Tư. Khách thập phương từ miền Tây, miền Đông đều kéo về. Những ngày đó, xe đồ chờ khách đủ hiệu, đủ màu, mang tên đủ các tỉnh được bao thuê chở đầy người hướng về Châu Đốc. Trước năm 1975, ngoài xe đồ còn có xe tư nhân, từ loại sang trọng của thương gia Tàu, Việt đến những chiếc mô-tô, xi-cút-tơ của các thanh niên nam nữ, những chiếc xe lôi, xe ngựa cũng chật khách hành hương. Giá tiền xe cộ tăng vọt, khách vẫn đi, chen lấn một nhồi khách cũng vui lòng chịu, miễn là đến được núi Sam để lạy Bà. Nhất là các bà già của Bạc Liêu, Cà Mau, từ Hóc Môn, Tây Ninh xa xôi cũng rón nhờ con cháu dìu dắt để đến chiêm bái Bà và viếng "năm non, bảy núi" một lần rồi có *nhắm mắt* cũng yên lòng.

Phần xe dịch thì xe cộ đông nghẹt, lưu thông tắc nghẽn cả 4, 5 cây số nhưng du khách vẫn nườm nượp đổ về. Còn chỗ ngủ thì khó nói. Tất cả khách sạn của Châu Đốc đều được những nhà giàu đặt trước từ lâu, nên du khách đến núi tự túc tìm chỗ ngủ. Ai ở tỉnh xa đến đây đều phải ở lại 2 hoặc 3 ngày để dự đủ lễ và vãng (viếng) cảnh núi Sam mới thỏa lòng, nên đều đã chuẩn bị đem theo vật dụng, quần áo, thức ăn để ngủ lại. Ban tổ chức của Miếu Bà cũng có lo chu đáo cho khách thập phương nhưng với số lượng gần chục ngàn người vô ra mỗi ngày, làm sao xuê. Các phòng của trường học có lầu cạnh Miếu, nhà khách, sân võ ca, sân quanh điện... tất cả không còn chỗ chen chum. Những chùa, am quanh đó đều có du khách trải chiếu la liệt ngoài sân. Mọi người chấp nhận "năm nhìn sao trời" như thế với lòng hớn hở, vì đây là ngày lễ hội lớn nhất trong năm, để gì ngày thường có dịp nằm bên triền non để biết thế nào là sương núi? Và lại chỉ có các cụ già, trẻ em ban ngày leo núi mệt mỏi mới cần ngủ, các thanh niên thiếu nữ, những người chưa già còn phải hòa mình trong dòng người vui hội.

Ban đêm đèn đốt sáng choang, hàng quán bán đủ thứ trái cây, thức ăn chay, mậu cho khách, những sản phẩm trong vùng như nước thốt nốt ngọt lịm nhưng có mùi khói, những múi thốt nốt trắng phau ăn rất ngon, và nhất là có vài ông đạo áo màu nâu, tóc để bời, râu dài, ngồi trên chiếc đệm để đây kỳ hoa dị thảo, những chùm rễ cây uốn éo, những củ bí kỳ nam xé ra có nhiều lỗ như tổ ong bầu, những cây ngải củ vàng, củ xanh, dây thông thiên, hà thủ ô phơi khô... làm cho các bà, các dì dùng dằng đứng nhìn, tay nắm chặt túi tiền ky côm của mình, suy tính nên mua loại thuốc nào về đem tặng cho con cháu phòng thân. Đặc biệt là nơi bán dầu phong, một loại dầu xanh biếc nấu bằng nhiều loại ngải và lá thuốc bí truyền của ông

đạo từ mấy núi khác đến đây ngồi nấu thì đắt hàng, bán không kịp.

Nồi dầu to tướng đựng đầy lá cây lạ, củ ngải sần sùi không dậy nắp, bốc hơi trong gió quện mùi thơm phức. Các ông đạo nấu trước mặt, không dấu diếm, đã hấp dẫn mọi người ưa phòng xa. Dầu được rót vào nhiều loại chai lớn nhỏ tùy theo giá tiền.

Các bà đang dùng dằng thì nghe ông đạo nói trầm trầm :

- Đây là nhiều loại thuốc khó kiếm của miệt Thất Sơn, phải trèo non, lướt bụi khó khăn lắm mới tìm ra để nấu cho bà con xài. Nếu thấy hồng công hiệu cứ đem lại trả.

Lại có tiếng người đứng mua nói theo:

- Thiết hay lắm bà con ơi, ở miệt mình làm gì có dầu phong nấu bằng linh dược trên non cao chớ. Năm nào tui cũng mua về để phòng khi tụi nhỏ sinh bưng, ợ chua... hoặc bị ghê lở, xước vớ hết liền hè. . .

Nghe nói đến "linh dược" của núi cao rồi nhìn lại ông đạo áo nâu, các bà mua liền, không còn do dự.

Phải nhìn nhận loại dầu phong này đều công hiệu nhiều hay ít tùy theo bệnh, vì năm nào đến ngày lễ Via Bà, cũng những ông đạo này đến đây nấu bán, không vì nào bị khiêu nại hay bị... đòi tiền lại.

Lễ Bà xong, nếu du khách có óc tồn cổ và say mê lịch sử, hãy băng qua con đường để đến lăng Ông Thoại Ngọc Hầu gần đó.

Lăng Ngài xây bằng đá xanh thật cao rộng, hùng vĩ kiên cố. Lăng xây vào năm Minh Mạng thứ 10 (1829) muốn lên lăng phải leo lên nhiều bậc thang xây đá. Trước sân lăng có hai trụ vuông lớn, có hai cửa hai bên để đi vào lăng. Cổng vào đồ sộ, liền đối trang hoàng. Bên trong là một sân rộng khác, nơi có chôn các phần mộ. Ông nằm chính giữa, hai bà nằm hai bên. Đầu mộ là bình phong, chân mộ có bi ký. Cách chân mộ một khoảng là một bia đá lớn, đó là bia Vĩnh Tế sơn. Phía sau sân lăng mộ, nằm trên bậc thềm cao là đền thờ. Tại chân ba ngôi mộ lớn trong lăng đều có bia ghi danh tánh :

"*Hoàng Việt, Hiển Khảo, Án thủ Châu Đốc đồn, lãnh Bảo Hộ Cao Miên quốc ấn, kiêm quân Hà Tiên trấn biên vụ, gia Nhị cấp kỳ lục tứ thứ, truy tặng Tráng Võ Tướng quân, Trụ quốc Đô Thống, thụy Võ Khắc, Nguyễn Công, húy Thoại, chi mộ.*"

Du khách thập hương trước mộ Ngài để tỏ lòng tri ơn với bậc công thần có công xây dựng và bảo vệ vùng này, rồi hãy bước trở ra sân ngoài để nhìn những ngôi mộ nhỏ hơn, đủ các kiểu. Có mộ xây hình voi phục, có mộ xây hình con quỳ, có mộ hình vuông vắn uy nghi rất cũ, rêu phong, không cái nào còn bia nhưng theo tài liệu thì đây là những phần mộ các quan chức thân

tín của Ngài và mộ tập thể của các nạn nhân quân, dân đã bỏ mình trong cuộc đảo kinh Vĩnh Tế được lấy cốt mang về sau khi đảo kinh hoàn tất.

Du khách bước ra cổng ngoài còn có nhìn lại nhiều cầu đối đắp bằng đá hoặc xi măng. Những cầu đối nói lên công nghiệp của người xưa và nét hùng vĩ của núi Sam, một vài cầu tiêu biểu như :

Thiên thành nhất cuộc bão sơn bão thủy,

Huyết kiệt song phần phúc địa phúc nhơn.

(nghĩa là : Trời gày một cuộc non xanh nước tốt

Huyết kết đôi mồ đất phúc người hiền)

và : *Ấm chất toàn bằng an xứ trí,*

Đức công vĩnh biểu túc quan chiêm.

(nghĩa là : Ấm chất vẹn gìn yên giờ đầu,

Đức công còn mãi đủ xem gương).

Một ngọn gió lạnh thổi nhẹ trên những ngôi mộ cổ gần 200 năm bên triền núi u tịch, lá cây dương rủ rào làm cho ta cảm tưởng như có lời văn lâm ly bi tráng của bài Văn Tế Nghĩa Trưng được Ông Thoại Ngọc Hầu đứng chủ tế cúng các cô hồn tử sĩ ngày xưa còn như vẳng đâu đây :

Trời xanh thăm đờ hoang lộp lộp,

Trăng soi nhòa mấy lớp bia tàn!

Mây che bao năm đất vàng,

Sương sa sao gọi gò hang đối đời!

....

Tỏ lòng ghi nhớ ơn sáu,

Điều người thiên cổ mấy câu ca rằng:

Đình núi Sam gió xuân thổi ngót,

Triền núi Sam móc ngọt đượm nhuần.

Hợp nơi nhà vắng reo mừng,

Hồn ơi, hồn hơi mưa đừng luyến xa!

Cời văn báo hay là xe ngựa,

Cánh chia ly gọi ứa lệ hồng,

Phương Tây vó ngựa ruổi dong,

Núi Sam sừng sừng như trông theo hồn. . .

Đã tỏ xong lòng ngưỡng mộ tiên nhân, du khách sửa soạn dâng sơn bằng hai con đường để đi kể trên. Một đường nằm sau chùa Tây An và một đường phía sau lăng Thoại Ngọc Hầu.

Từ con đường mòn quanh co leo theo những mỏm đá cao, lên khoảng 100m là đã thấm mệt, chúng ta phải nghỉ để thở. Dọc theo đường lên ta gặp vài ngôi chùa hoặc am lá thờ Phật, khói tỏa nhẹ nhàng trong gió, lâu lâu vài tiếng chuông ngân nhẹ nhắc nhở kẻ dâng sơn vào lễ Phật và uống một chén trà hay tô nước mưa mát rượi.

Nghỉ chum một chốc, mọi người lại leo lên.

Những người dưới đường tỉnh lộ nhìn lên thấy đoàn leo núi mặc đủ áo màu xanh đỏ, tím cam, đang leo bò chậm chậm, trông nhỏ xíu như những hình người tí hon trên hòn non bộ (giả sơn) rất ngoạn mục.

tháng Tư. Khách thập phương từ miền Tây, miền Đông đều kéo về. Những ngày đó, xe đồ chở khách đủ loại, đủ màu, mang tên đủ các tỉnh được bao thuê chở đầy người hướng về Châu Đốc. Trước năm 1975, ngoài xe đồ còn có xe tư nhân, từ loại sang trọng của thương gia Tàu, Việt đến những chiếc mô-tô, xi-cút-tơ của các thanh niên nam nữ, những chiếc xe lôi, xe ngựa cũng chật khách hành hương. Giá tiền xe cộ tăng vọt, khách vẫn đi, chen lấn mệt mỏi khách cũng vui lòng chịu, miễn là đến được núi Sam để lạy Bà. Nhất là các bà già của Bạc Liêu, Cà Mau, từ Hóc Môn, Tây Ninh xa xôi cũng rần nhờ con cháu điu đất để đến chiêm bái Bà và viếng "năm non, bảy núi" một lần rồi có nhấm mát cũng yên lòng.

Phần xe dịch thì xe cộ đông nghẹt, lưu thông tắc nghẽn cả 4, 5 cây số nhưng du khách vẫn nườm nượp đổ về. Còn chỗ ngủ thì khấp khểnh. Tất cả khách sạn của Châu Đốc đều được những nhà giàu đặt trước từ lâu, nên du khách đến núi tự túc tìm chỗ ngủ. Ai ở tỉnh xa đến đây đều phải ở lại 2 hoặc 3 ngày để dự đủ lễ và vãng (viếng) cảnh núi Sam mới thỏa lòng, nên đều đã chuẩn bị đem theo vật dụng, quần áo, thức ăn để ngủ lại. Ban tổ chức của Miếu Bà cũng có lo chu đáo cho khách thập phương nhưng với số lượng gần chục ngàn người vô ra mỗi ngày, làm sao xuê. Các phòng của trường học có lầu cạnh Miếu, nhà khách, sân võ ca, sân quanh điện... tất cả không còn chỗ chen chum. Những chùa, am quanh đó đều có du khách trải chiếu la liệt ngoài sân. Mọi người chấp nhận "nằm nhìn sao trời" như thế với lòng hơn hờ, vì đây là ngày lễ hội lớn nhất trong năm, để gì ngày thường có dịp nằm bên triền non để biết thế nào là sương núi? Và lại chỉ có các cụ già, trẻ em ban ngày leo núi mệt mỏi mới cần ngủ, các thanh niên thiếu nữ, những người chưa già còn phải hòa mình trong dòng người vui hội.

Ban đêm đèn đốt sáng choang, hàng quán bán đủ thứ trái cây, thức ăn chay, mặn cho khách, những sản phẩm trong vùng như nước thốt nốt ngọt lịm nhưng có mùi khói, những mùi thốt nốt trắng phau ăn rất ngon, và nhất là có vài ông đạo áo màu nâu, tóc để bới, râu dài, ngồi trên chiếc đệm để đầy kỳ hoa dị thảo, những chùm rễ cây uốn éo, những củ bí kỳ nam xé ra có nhiều lỗ như tổ ong bầu, những cây ngải củ vàng, củ xanh, dây thông thiên, hà thủ ô phơi khô... làm cho các bà, các dì dùng dằng đứng nhìn, tay nắm chặt túi tiền ky còm của mình, suy tính nên mua loại thuốc nào về đem tặng cho con cháu phòng thân. Đặc biệt là nơi bán đầu phong, một loại đầu xanh biếc nấu bằng nhiều loại ngải và lá thuốc bí truyền của ông

đạo từ mấy núi khác đến đây ngồi nấu thì đắt hàng, bán không kịp.

Nồi dầu to tướng đựng đầy lá cây lạ, củ ngải sần sùi không dậy nắp, bốc hơi trong gió quyen mùi thơm phức. Các ông đạo nấu trước mặt, không dấu diếm, đã hấp dẫn mọi người ua phòng xa. Dầu được rót vào nhiều loại chai lớn nhỏ tùy theo giá tiền.

Các bà đang dùng dằng thì nghe ông đạo nói trầm trầm :

- Đây là nhiều loại thuốc khó kiếm của miệt Thất Sơn, phải trèo non, lướt bụi khó khăn lắm mới tìm ra để nấu cho bà con xài. Nếu thấy hồng công hiệu cứ đem lại trả.

Lại có tiếng người đứng mua nói theo:

- Thiệt hay lắm bà con ơi, ở miệt mình làm gì có đầu phong nấu bằng linh dược trên non cao chớ. Năm nào tui cũng mua về để phòng khi tui nhỏ sinh bụng, ợ chua... hoặc bị ghê lở, xức vô hết liền hà. . .

Nghe nói đến "linh dược" của núi cao rồi nhìn lại ông đạo áo nâu, các bà mua liền, không còn do dự.

Phải nhìn nhận loại đầu phong này đều công hiệu nhiều hay ít tùy theo bệnh, vì năm nào đến ngày lễ Vía Bà, cũng những ông đạo này đến đây nấu bán, không vì nào bị khiêu nại hay bị... đòi tiền lại.

Lễ Bà xong, nếu du khách có óc tồn cổ và say mê lịch sử, hãy băng qua con đường để đến lăng Ông Thoại Ngọc Hầu gần đó.

Lăng Ngài xây bằng đá xanh thật cao rộng, hùng vĩ kiên cố. Lăng xây vào năm Minh Mạng thứ 10 (1829) muốn lên lăng phải leo lên nhiều bậc thang xây đá. Trước sân lăng có hai trụ vuông lớn, có hai cửa hai bên để đi vào lăng. Cổng vào đồ sộ, liền đối trang hoàng. Bên trong là một sân rộng khác, nơi có chôn các phần mộ. Ông nằm chính giữa, hai bà nằm hai bên. Đầu mộ là bình phong, chân mộ có bi ký. Cách chân mộ một khoảng là một bia đá lớn, đó là bia Vĩnh Tế sơn. Phía sau sân lăng mộ, nằm trên bậc thềm cao là đền thờ. Tại chân ba ngôi mộ lớn trong lăng đều có bia ghi danh tánh :

"Hoàng Việt, Hiền Khảo, Án thủ Châu Đốc đồn, lãnh Bảo Hộ Cao Miên quốc ấn, kiêm quân Hà Tiên trấn biên vụ, gia Nhị cấp kỷ lục tử thủ, truy tặng Tráng Võ Tướng quân, Trụ quốc Đô Thống, Thụy Võ Khắc, Nguyễn Công, húy Thoại, chi mộ.

Du khách thập phương trước mộ Ngài để tỏ lòng tri ơn với bậc công thần có công xây dựng và bảo vệ vùng này, rồi hãy bước trở ra sân ngoài để nhìn những ngôi mộ nhỏ hơn, đủ các kiểu. Có mộ xây hình voi phục, có mộ xây hình con quỳ, có mộ hình vuông vẫn uy nghi rất cũ, rêu phong, không cái nào còn bia nhưng theo tài liệu thì đây là những phần mộ các quan chức thân

tín của Ngài và mộ tập thể của các nạn nhân quân, dân đã bỏ mình trong cuộc đảo kinh Vĩnh Tế được lấy cốt mang về sau khi đảo kinh hoàn tất.

Du khách bước ra cổng ngoài còn có nhìn lại nhiều cầu đối đắp bằng đá hoặc xi măng. Những cầu đối nói lên công nghiệp của người xưa và nét hùng vĩ của núi Sam, một vài cầu tiêu biểu như :

Thiên thành nhất cuộc báo sơn báo thủy,

Huyệt kiệt song phần phúc địa phúc nhơn.

(nghĩa là : Trời gầy một cuộc non xanh nước tốt

Huyệt kết đôi mồ đất phúc người hiền)

và : *Âm chất toàn bằng an xứ trí,*

Đức công vĩnh biểu túc quan chiêm.

(nghĩa là : Âm chất vẹn gìn yên gối dẫu,

Đức công còn mãi đủ xem gương).

Một ngọn gió lạnh thổi nhẹ trên những ngôi mộ cổ gần 200 năm bên triền núi u tịch, lá cây dương rủ rào làm cho ta cảm tưởng như có lời văn lâm ly bi tráng của bài Văn Tế Nghĩa Trưng được Ông Thoại Ngọc Hầu đứng chủ tế cúng các cô hồn tử sĩ ngày xưa còn như vẳng đâu đây :

Trời xanh thăm mờ hoàng lợp lợp,

Trăng soi nhòa mấy lớp bia tàn!

Mây che bao nắm đất vàng,

Sương sa sao giọt gò hang đối đời!

.....

Tỏ lòng ghi nhớ ơn sâu,

Điều người thiên cổ mấy câu ca rằng:

Đình núi Sam gió xuân thổi ngót,

Triền núi Sam mọc ngọc đượm nhuần.

Hợp nơi nhà vắng reo mừng,

Hồn ơi, hồn hời mưa dầm luyến xa!

Cõi văn báo hay là xe ngựa,

Cánh chia ly gọi ủa lệ hồng,

Phương Tây vô ngựa ruổi dong,

Núi Sam sừng sừng như trông theo

hồn . . .

Đã tỏ xong lòng ngưỡng mộ tiên nhân, du khách sửa soạn dâng sơn bằng hai con đường để đi kể trên. Một đường nằm sau chùa Tây An và một đường phía sau lăng Thoại Ngọc Hầu.

Từ con đường mòn quanh co leo theo những mỏm đá cao, lên khoảng 100m là đã thăm mệt, chúng ta phải nghỉ để thở. Đọc theo đường lên ta gặp vài ngôi chùa hoặc am lá thờ Phật, khổi tòa nhẹ nhàng trong gió, lâu lâu vài tiếng chuông ngân nhẹ nhắc nhở kẻ dâng sơn vào lễ Phật và uống một chén trà hay tổ nước mưa mát rượi.

Nghỉ chun một chốc, mọi người lại leo lên.

Những người dưới đường tỉnh lộ nhìn lên thấy đoàn leo núi mặc đủ áo màu xanh đỏ, tím cam, đang leo bờ chằm chằm, trông nhỏ xíu như những hình người tí hon trên hòn non bộ (giả sơn) rất ngoạn mục.

Các bạn trẻ tuổi trẻ khỏe chum, liếng xảo lúc ban đầu đùa giỡn trêu chọc nhau, cười nói huyền thuyên giờ đây cũng thấm mệt, đã bớt nói để thở, trong khi các cụ già lớn tuổi cứ từ tốn leo từng bước, từng bậc, cũng niềm Phật với lòng thành tin tưởng nên như chưa thấy mệt.

Gần đến đỉnh có một hang dơi, phía ngoài sơn vôi trắng xóa. Đây là một hang lớn có nhiều dơi ở. Phân dơi hơi hám nên ít có người vào hang, du khách chỉ ngồi phía ngoài trên vòm đá lớn tương đối phẳng phiu để đón gió mát cho bớt mồ hôi và lấy lại sức khỏe trước khi vào lễ Phật ở ngôi chùa cổ tại đây.

Ngồi dưới mấy cây điệp, mấy cây sứ cùi gốc sần sùi, hoa trắng điểm nhụy vàng, du khách cảm thấy như đã xa thế tục. Nhìn xuống chum núi thấy xe cộ nhỏ xíu như đồ chơi trẻ con và đám người trẩy hội đang chen chúc giữa... bụi đời.

Từ chùa này lên đỉnh núi tương đối dễ đi vì có nhiều người thiện tâm cúng tiền để chùa xây bậc xi măng. Một vài khoảng đá trống trải dưới gốc cây me tàng lá mát rượi hoặc cây bông sứ đang nở hoa vàng, các cô gái vùng này biết rõ ai ai leo núi đến đây đều khát nước nên đặt sẵn chiếc bàn và vài cái ghế nhỏ để bán nước đá chanh, nước dừa, hột é... Nhiều thức uống như vậy nhưng nếu người đi nhiều, sành điệu, họ chỉ chọn uống hai loại là nước thốt nốt và nước mù cây trôm. Chỉ có miền Tây mới có nước cây thốt nốt, tại sao không uống cho biết? Cây thốt nốt mình tròn, thân thẳng đứng như cây dừa, rất khó leo. Cây trồng trên 30 năm mới có trái và có liên tiếp quanh năm đến già cả 100 năm nên người Miền rất quý loại cây này. Toàn bộ trái, thân, lá cây đều có ích lợi. Trái thốt nốt ăn ngon như trái dừa nước Việt Nam nhưng người ta lấy nước từ buồng trái khi còn non để nấu đặc thành loại đường thốt nốt thơm ngon.

Người ta lấy nước vào mùa nắng từ tháng 10 đến tháng 4, còn trong mùa mưa thì dành lại để ăn trái. Kỹ thuật lấy nước thốt nốt cũng khó khăn, đòi hỏi người trồng phải bạo dạn chịu khó. Vì cây thốt nốt cao và phải leo lên leo xuống hàng ngày nên người dân tại đó (đa số là người Việt gốc Miền) không dùng dùi bằng dây để leo như người Việt mà làm một loại thang bằng cây tre. Cây tre này có tên là cây kẻ nè có mỗi mắt khoảng hai gang tay, các mắt tre có nhánh nhỏ đâm ra. Người ta chặt nhánh nhỏ chừa lại độ 1 tấc đủ cho bàn chum đứng lên, các nhánh nhỏ này cách khoảng 3 tấc. Cây tre được cột chặt vào thân thốt nốt, nếu một cây tre không đủ tới ngọn thì phải chập thêm, có khi đến 2 hoặc 3 cây tre. Nhờ thang này người trồng leo thốt nốt dễ dàng ít sợ nguy hiểm. Lúc buông chừa trở trái ra hẳn, còn

nằm trong mo nang, bông vừa tượng trái bằng cỡ trái quít, người ta chẳng cái buồng và ép bằng những cây kẹp bằng tre như cây kềm để buồng mềm thịt mới có nước. Ba hôm sau, người ta dùng dao thật bén cắt chốt buồng chút xíu độ 1 phân bề dài, đoạn cột dưới đó một ống tre để hứng nước. Khúc tre dùng hứng nước là loại tre thân to gọi là lồ ô. Người ta xông khói cho nước thốt nốt có mùi thơm, nhưng có người không chịu được vì chê hôi khói. Phải là dân miền Tây lại đã từng biết mùi vị này mới thấy đến đây mà không uống nước thốt nốt lại uống nước cam hay xá xí thì... uống quá

Đỉnh núi Sam đây rồi, đỉnh núi với pháo đài 2 tầng cũng sừng sững trước mặt nằm trên khoảng đất rộng dưới mấy cây điệp (phượng vĩ) tàng lá xanh um. Đến mùa hái trường, những cây phượng này nở rộ hoa đỏ đẹp vô cùng. Tầng dưới của pháo đài không vách, chỉ trảng xi măng, các bà già, các du khách lớn tuổi cứ vào ngồi nghỉ thoải mái và bày thức ăn ra lót dạ. Du khách có thể lên tầng trên bằng một thang gạch xây theo khu ốc. Phía trên là sân thượng rộng, ngang 12m, dài 25m. Một góc sân thượng là gian phòng đóng cửa kín đáo. Đây là nơi dành riêng cho công chức Châu Đốc có phép đến nghỉ an dưỡng (trước 1975).

Du khách đứng trên sân thượng nếu có ống đóm sẽ nhìn thấy chợ Tân Châu mờ mờ phía Đông Bắc và chợ Nhà Bàng phía Tây Nam. Với đôi mắt thường chúng ta chỉ thấy chợ Châu Đốc với phố xá mái ngói đỏ, hoặc nhìn về phía Bắc để thấy con kính Vĩnh Tế thẳng như lần gạch rõ ràng giữa hai bờ cây xanh. Chúng ta sung sướng thấy quê mình đẹp tươi với những ô ruộng màu xanh mạ nằm cạnh màu cỏ vàng loang loáng nước, chạy dài đến tận chân núi Sập, núi Dài.

Kinh sáng nổi liền sông Hậu với Tri Tôn, kinh Thoại Hà đem nước sông Hậu về đến Rạch giá, cũng do Ông Nguyễn văn Thoại trông coi đào, chảy mát mắt đến tận chân trời. Những con kinh đào này giúp cho dân lưu thông dễ dàng và rút sạch nước phèn vùng đồng lúa bao la, giờ này đứng trên cao nhìn xuống như tấm bản đồ khổng lồ lung linh màu sắc của vùng Thất Sơn.

Mặt trời đứng ngọ, mọi người đi tìm những mỏ đá phẳng có bóng mát để bày thức ăn trưa. Cuộc dâng sơn cũng như mọi cuộc cắm trại, ai ai đều thấy đói bụng vì leo núi nên từng nhóm năm ba người, từng gia đình ngồi ăn uống vui vẻ. Đây không phải là cửa chùa nên phân đông đều mang thức ăn mặn. Thức ăn là sản phẩm đặc sản của Châu Đốc : mắm thái.

Đến Châu Đốc viếng núi Sam mà ăn mắm thái với thịt heo luộc xắt mỏng cuộn với rau, bánh hỏi hoặc bún, thì...

khỏi chê. Thức ăn không cần để trong chén bát, hoặc ăn bằng muỗng, đũa vì phải mang công kình lên núi, mà chỉ đựng trong lá sen. Loại lá sen này gói bún hoặc bánh hỏi tạo thêm hương thơm. Rồi rau thơm, mắm thái dĩa ngọt sẽ làm cho ai đã đến Châu Đốc một lần đều nhớ để mỗi năm phải đi nữa. Nếu vì lẽ gì không đến được, họ vẫn tìm cách gửi bạn bè mua dùm. Nhưng như đã nói, phải leo núi thấm mệt mới thấy ngon gió trên cao là quý và phải bốc ăn bằng tay loại mắm thái với bánh hỏi này trong lá sen, dưới tàng cây phượng vĩ trên vòm đá ở đỉnh núi Sam, mới thấy được vị ngon lành.

Các cụ già há hê vì đã được viếng non, ngả lưng thiu thiu, trong khi các bạn trẻ có mang theo đàn ghi-ta đang nhấn phím cho bạn bè thưởng thức. Mọi người như quên hết các phiền toái hàng ngày. Các tranh giành đua chen của xã hội như lắng đọng ở dưới xa.

Trời xế chiều, một số người rục rịch xuống núi. Đi xuống dễ hơn đi lên nên mọi người xuống nửa giờ là đến chân núi.

Du khách lại tiếp tục đi theo đường hương về chợ Bến Đá. Đi khoảng 500 thước để viếng Bạch Vân tịnh xá, nằm trên một vòm đá thanh tú cao độ 100m.

Đường lên Bạch Vân tịnh xá được xây xi măng và lót đá rất dễ đi. Công trình xây dựng cảnh đẹp nổi tiếng này do thầy giáo Phạm Ngọc Đa tự Bạch Liên và một nhóm bạn bè có đạo tâm ở tỉnh đứng ra trông nom.

Leo lên mấy trăm bậc thang, cũng phải mấy lần dừng lại để thở, chúng ta sẽ đến khoảng đất rộng nằm giữa những vòm đá cao, có những hang thiên nhiên lộng gió. Trên một vòm đá lớn, tượng Phật Thích Ca lúc đang tu khổ hạnh, người gầy trơ xương, nét mặt từ bi nhìn xuống những người mộ đạo đang quỳ lạy khẩn vái. Phía sau tượng có một cây da mọc từ kẹt đá che phủ nên nhìn tượng Phật Thích Ca ngồi dưới gốc cây da mọi người liên tưởng đến cội bồ đề.

Du khách lay Phật xong đến ngồi dưới bóng mát cây cao đón gió lồng lộng hay vào các hang đá quanh đó ngả lưng nằm nghỉ. Trong và ngoài hang, những mỏ đá, những gốc cây già đều có khắc tên du khách lưu niệm. Nét sơn đỏ, mực đen bị mưa gió và thời gian làm phai mờ dần.

Mặt trời sắp lặn sau núi, hoàng hôn ở vùng núi xuống màu lam. Nếu du khách muốn ngủ đêm trên Bạch Vân tịnh xá cũng có nhiều chỗ rộng để nhìn sao trời, nhưng phải coi chừng cái lạnh của hơi núi, sương khuya...

Rạng sáng hôm sau, trời còn mờ hơi sương, tiếng chuông chùa ở các am lá gần đó ngân đều đều buổi công phu như kêu du khách thức dậy sửa soạn xuống núi để qua thăm chùa Hang gần đó.

Du khách xuống núi lòng còn luyến
lưu Bạch Vân tịnh xá. Họ bước về phía
chùa Hang gần đó khoảng 500m.

Qua khỏi miếu Âm Hồn, nơi thờ cúng
vong hồn trong nghĩa địa phía sau,
chúng ta sẽ thấy ngôi chùa Hang trên
triền núi. Thấy gần nhưng vẫn phải đi
và leo hơn nửa giờ mới tới. Chùa được
nổi tiếng vì có một hang sâu thẳm
thắm âm u, chưa ai biết bao sâu và ăn
thông đến đâu vì chưa ai dám đi thám
hiểm. Lúc trước cũng có người bạo gan
đốt đèn dầu chai đi vào, nhưng có lẽ
không đủ dụng cụ nên không dám tiếp
tục đi xa. Hiện nay Nhà Nước ra lệnh
bít cửa hang nên du khách sau này
đến chùa chỉ được thấy một vách tổ
vôi nằm phía sau hậu liêu.

Tương truyền hang này thông ra tới
biển vì có người nói nếu bỏ xuống
hang trái buồm sẽ tìm lại được trái buồm
này ở bãi biển Hà Tiên.

Theo chúng tôi thì khó có cái hang
nào ăn thông trên trăm cây số tại
miền Tây này dù núi Sam ngày xưa là
một cái hòn trên biển. Có thể có hang
luồng ra khỏi chân núi, nhưng nếu có,
chắc hang này chỉ ăn thông ra kinh
Vinh Tế, trái buồm sẽ trôi ra đây rồi từ
từ theo kinh Vinh Tế trôi vào sông
Giang Thành để tấp vào mũi Nai gần
chợ Hà Tiên.

Như mọi ngôi chùa trên núi, chùa
Hang cũng có một bể nước mưa khá
lớn chứa đủ nước cúng Phật và uống
quanh năm. Du khách uống tô nước
mưa, rửa mặt cho mát mẻ, vào lễ Phật
xong, giá từ Thầy, hạ sơn.

Đến đây chỉ còn vài trăm thước là tới
chợ Bến Đá. Một số các bà, các cô
thích đi chợ để tìm mua sản phẩm địa
phương như quạt làm bằng lá cây thốt
nốt, chiếc đệm dệt bằng cọng bàng êm
ái, nhưng loại quà mà mấy bà thích
mua để ăn hoặc biếu bà con là đường
thốt nốt. Sau khi nước thốt nốt lấy
trên cây đem xuống nấu đặc lại, cho
vào khuôn tròn nhỏ đẹp, thành từng
tán. Sắp 10 tán trong một gói như don
bánh tét cũng bằng lá thốt nốt. Loại
đường này ăn với dưa gang, hay ăn
tùng miếng nhỏ, uống với nước trà rất
ngon mà không sợ đau bụng.

Chợ Bến Đá lều tều họp sớm mà cũng
tan sớm, chỉ có dân địa phương và dân
Miền trong sóc phía Nhà Bàng đem
sản phẩm đến mua bán, nhưng nhờ
mỗi tháng có ba phiên chợ mua bán
trâu bò nên nơi này nhộn nhịp hẳn
lên.

Vài chiếc xe ngựa dậu dấy chờ khách
đi vào chợ Nhà Bàng. Vài chiếc xe đồ
nhỏ cũ kỹ chào mời du khách đi viếng
chùa Phi Lai, hoặc đi chơi Tịnh Biên,
một chợ quận sát biên giới có nhiều
hàng hóa từ Miền chớ sang.

Tiếng người từ phía Miếu Bà không
vắng nghe đến đây nhưng du khách
phải quay lại để kịp chuyến xe trở về
với đô thị ồn ào ●●●

• Hồ Trường An

Quê

Hương

Xanh

Mát



Xuân lãng dăng bước đầu
Nước trong ngập ao sâu
Nôn tươi chồi sen ấu
Tuy trẩy hẹn hè sau

Trở về đầm nước cũ
Rau nhút xanh dài dây
Mưa tạnh lòng sâu thẳm
Sắc trời lam ngập đầy

Giữa lòng bình minh trắng
Hoa vông rực bờ kinh
Vẫy mời muôn phương nắng
Cùng xuân hẹn dăng trình

Lá chập chờn phiến nắng
Rau tươi dầm mạch xuân
Xanh đọt khoai, nõn sắn
Người về mơ bát canh.

Một vườn cây mái tranh
Trời lam lồng bóng khói
Ông lão dáng mong manh
Tay run vùi nước tưới.

Mông toi tìm rọp giậu
Mát lòng người yêu quê
Nền xưa dù đạn pháo
Chồi tược vẫn xum xuê

Bóng hoàng hôn đỏ thắm
Nhái gọi chiều mênh mông
Thu muôn trùng khơi rộng
Vào trong một tấm lòng.

Bếp chiều xưa bóng lạnh
Lửa đỏ ngùn than hồng
Cơm ngát hương gạo mới
Cá kho tiêu mặn nồng.

Trải chiếu ngoài sân trắng
Kể chuyện người chết sống
Trong vũng sáng chập chờn
Thoảng hương cau tỏa rộng.





• TỪ HÙNG

MÂM CÚNG

trên bàn thờ

Tết

Thời gian "Tháng Giêng ăn Tết ở nhà" đã đi vào quá khứ, theo với sinh hoạt nông nghiệp. Bảy giờ mọi người cố giữ truyền thống "Ba Ngày Tết". Thêm đôi ba ngày chuẩn bị trước, dọn dẹp sau cũng còn được gần một tuần. Nhưng bên này nghỉ Tết theo Tây, nếu mong một Tết ta rơi vào ngày làm việc trong tuần, anh em vẫn phải thức sớm đi cây như thường.

Tuy nhiên những cô bác lớn tuổi, các ông bà muốn giữ lại chút nghi lễ dân tộc, những gia đình còn muốn nếm lại hương vị quê hương, vẫn cố gắng tối thiểu bày một mâm cúng Tất Niên, rước Ông Bà. Có nhà hôm 23 tháng Chạp quên đưa ông Táo, nhưng tối cuối năm nhớ lại, cũng rán bày một đĩa bánh Tây, mấy thứ trái cây mua ở siêu thị, thêm ba tách trà Đức và đốt một nén nhang Tàu, làm râm khăn vái ngay trên lò gas, bếp điện, cho có lòng. Khiến mấy đứa nhỏ cứ thắc mắc, Ông Bà sẽ qua đây bằng máy bay hay xe lửa? Ông Táo đi chầu trời về xuống ở phi trường nào?... Mấy năm nay người Việt định cư ngày thêm đông. Mấy tỉnh nhỏ cũng mở tiệm bán thực phẩm Á Châu. Đến những ngày giáp Tết, đồng bào ta cũng ra vào mua sắm. Nhiều nhà còn chung nếp đậu, thịt mỡ để tối 30 thức nấu bánh chưng, hay ít ra cũng viết thư, điện thoại lên Chùa đặt mua bánh chưng chay. Nền các cô bác lớn tuổi vẫn có thể bày đủ các mâm cúng suốt ba ngày Tết.

Bên nhà theo truyền thống, ăn Tết là một chuỗi những ngày ăn uống thăm viếng và chúc tụng nhau những điều tốt lành "Phước, Thọ, Khang, Ninh", có thể hợp mặt đánh bài, đánh bạc nữa. Cho nên bất luận nhà nào dù nghèo, dù giàu cũng đều soạn mâm cúng ngày Tết cho đàng hoàng, nghĩa là có đủ thịt cá, trái cây, bánh mứt, trà nước. Thịnh soạn hơn là thêm nem, chả và vài món đặc sản, sơn hào hải vị, tùy theo từng vùng. Nhưng không thể thiếu rượu, vì "vô tửu bất thành lễ!". Các thứ rượu nổi tiếng từng miền như các rượu trắng

Hóc Môn, rượu nếp than Cái Bè, rượu đậu nành Tân Hiệp và rượu mận, rượu dàu Đà Lạt góp mặt cùng các loại rượu Tây, rượu Tàu để trước dâng cúng Ông Bà, Tổ Tiên, sau còn đãi khách và chung vui ăn Tết trong gia đình.

Việc sửa soạn bàn thờ Tổ Tiên, dọn mâm cúng Ông Bà thường giao cho đàn ông, con trai. Còn việc đi chợ mua các loại vật dụng, sắm sửa mâm cỗ, các bà các cô đã lãnh phần. Từ đầu tháng Chạp các bà ngoài Bắc đã lo chuẩn bị cho vai dưa hành, các cô trong Nam đã lo ngâm tỏi, ngâm kiệu trong nước tro. Vì dưa hành, dưa tỏi, dưa kiệu đều cần được muối sớm đến Tết mới kịp ăn. Mấy nhà lo xa, hoặc muốn tiết kiệm còn mua sẵn mấy con gà giò, gà què để thả trong sân, mấy con vịt mới thay lông gởi thả ngoài ao, để tới Tết đủ lớn đủ mập, bắt ra cắt tiết cúng mừng Ba. Theo tập quán mấy vùng ven đô, các xóm gần lò heo và miền quê ngoài Bắc, bà con mình còn rủ nhau chung tiền, để ngày giáp Tết hùn nhau giết heo, mổ lợn. Những ngày kế tiếp, các bà dưới quê phải lo ra vườn tìm chọn các loại trái cây chín tới, các cô ngoài chợ lo đón các ghe bán hàng quen, những gánh hoa quả từ dưới vườn mới mang lên, để lựa mua những trái tươi ngon, những củ tròn đầy và những loại hạt dầy cơm để chuẩn bị làm mứt. Vài nhà về sau này còn mua thêm củ cải và cà-rốt để xắt nhỏ phơi khô một thể, để làm dưa món ngâm nước mắm, dành ăn kèm với bánh chưng, bánh tét cho đỡ ngán. Đến ngoài rằm tháng chạp thì nhà nhà lo mua nếp, đậu, đường, bột và dặn mua trước lá chuối, lá dong cùng dưa nạo, để những ngày cận Tết chắc chắn có sẵn, cho kịp nấu bánh tét, bánh chưng, có khi cả bánh ít, bánh qui nữa.

Khoảng ngày đưa ông Táo tới chạp lắm là sau ngày giấy mà Ông Bà (25 tháng chạp), con cháu trai tráng trong nhà tụ hội lại lo quét dọn nhà cửa, lau chùi các đồ thờ, đánh bóng các đồ đồng. Hương án, mâm bàn, cùng các

đồ tự khí khác, kể cả hoành phi, câu đối gỗ đều được lau rửa lại kỹ lưỡng. Những câu đối gỗ cũ dán trên cột, đã được gỡ bỏ, thay bằng những câu đối viết trên giấy hồng điều, rắc kim nhũ, còn tươi màu mực Tàu. Tăm y môn cũng được đem giặt lại hoặc thay mới, cùng lượt với các màn cửa.

Trong các buổi chợ Tết, chợ đêm các bà các cô còn mua sắm thêm vàng hương, hoa quả tươi để dọn mâm cúng trong nhà cũng như dùng để gửi Tết, đi Tết thầy học, ông Lang, chủ đất, chủ nợ... Đến chiều Ba Mươi các bàn thờ coi như đã chung dọn xong. Nhìn lên bàn thờ gia tiên thiết lập tại gian giữa ngôi từ đường, hoặc nhà thờ họ hay trong nhà trên, ngôi biệt thự xưa, ai cũng e dè trước những tủ chạm, hương án và sập mâm chân quỳ, sơn son thếp vàng, phân ra lớp trong, lớp ngoài; đặt thành tầng trên, tầng dưới:

- Lớp trong cao hơn, kê sát tường, ngay bên dưới bức tranh sơn thủy nói lên sự tiêu dao an lạc của chư Tổ, hay khung lụa thêu bốn chữ đại tự đề rõ "Họ Tộc Từ Đường". Kế bên bài vị Thủy Tổ Họ hoặc Thần Chủ Tổ Tiên Họ gắn lên long khám, kê trên bệ cao. Phía trước bày hai chiếc mâm chân quỳ mặt hình chữ nhật, thường được đeo bằng gỗ mít vàng thơm. Mâm ngoài lớn để dọn cỗ bàn. Mâm trong nhỏ hơn, chia hai bên thấp, giữa cao, chỉ chung bộ tam sơn, gồm khay trầu cau, chun rượu, tách nước và đĩa hoa quả.

- Tăm y môn từ trên xà nhà thả xuống ngăn lớp trong với lớp ngoài, tức là bàn hương án, trên bày đủ bộ bình hương đôi đèn, bình hoa, mâm quả hoặc bộ ngũ sự, thất sự bằng đồng hay toàn bộ đồ tự khí bằng sứ Giang Tây qui giá, tùy theo gia cảnh của mỗi dòng họ, mỗi nhà.

Bàn thờ Ông Bà tại các tư gia miền Nam đơn giản hơn chỉ gồm một bàn hương án cao chạm lộng hay một tủ thờ rộng, cao không quá tầm mắt người lớn. Mặt trước phân ba ô, chính giữa rộng lớn có thể cần xà cừ toàn cảnh Bát Tiên quá hải, Vinh qui bái tổ... Hai ô hẹp hai bên thường cần tứ thời: mai, lan, cúc, trúc hay ngư, tiều, canh, độc hoặc các dây hoa lá...

Các nhà giàu, đại điền chủ thường bày đình đồng thay cho lu hương, hai con Hạc đồng chầu hai bên, mô ngâm hoa, đầu đội dài nên thay cho đôi chân nến để loa thông thường. Nhưng đình đồng cũng như lu hương chỉ được dùng để xông trầm trong những ngày giỗ Tết, nên phía trước lại đặt thêm bình hương bằng sứ để cắm nhang. Trên bàn thờ Tổ Tiên trong nhà các ông Đốc Phủ Sứ, Hội Đồng lại chưng thêm hai ống hương cho thành bộ ngũ sự. Ngoài Trung, ngoài Bắc, tại các nhà quan Tổng Đốc trở lên mới thấy bày lên bàn thờ đủ bộ thất sự tức đã thêm vào đôi đèn nữa. Còn nơi các

nhà vợ quan lại thấy bày lên giá bình khí nhỏ cắm đủ bát bảo lộ bộ. Sau hàng tam sự, đến chiếc độc bình sứ lớn cắm cành đào, cành mai, đặt đối diện với mâm quả tử chân quỳ chạm rồng. Hoặc nếu chung song bình cắm hoa đối nhau, thì phải đặt hai mâm bông bày ngũ quả xen kẽ phía sau bộ tam sự cho cân xứng.

Trước đây lễ đưa ông Táo, tức định phúc Táo Quân là vị thần bếp, trông coi gia cư, định sự họa phúc cho gia đình tín chủ, được cúng kiến khá long trọng: Gồm một mâm xôi gà, chè mít, bánh trái... Sau đó sẽ đốt vàng bạc, đốt cả cỗ mũ áo và hia của năm trước để thay vào bộ mới. Lại rọng sẵn một con cá chép trong chậu đặt dưới trang thờ Táo quân sau bếp. Cá chép sẽ được phóng sanh ra sông, hoặc xuống ao ngoài vườn sau lễ cúng. Cá này sẽ hóa rồng, đưa Táo quân lên châu trời. Về sau người ta đã thay bằng con cá chép giấy, cho dễ mua, và cúng đốt một lượt lúc hóa vàng. Mấy gia đình gốc Hoa còn hồi lộ bằng cách thầy thêm một gói kẹo vào đồng lửa đốt vàng mã, để lúc ông Công lên châu trời sẽ tâu toàn lời dịu ngọt, che bớt tội lỗi đi cho.

Chiều ba mươi rước Ông Bà. Khi bàn thờ đã được chưng bày xong xuôi: Thêm hai đĩa đựng hai trái dưa hấu to, vỏ xanh hun, hoặc bọc giấy đỏ, chêm chè ở hai góc bàn thờ, nói lên sự may mắn to lớn tròn đầy. Phần mâm quả tử sẽ tượng trưng cho thành quả làm lụng suốt cả năm mới đạt được, với lời chúc tụng tốt lành bằng đủ thứ hoa thơm trái ngọt chồi xanh, lộc biếc. Nhiều nhà xây mâm quả tử bằng năm loại trái cây khác nhau, trở nên mâm ngũ quả. Như những trái bưởi Biên Hòa ngọt lịm, quýt đường vàng bóng, hoặc mấy trái cam Cối Bè xanh mướt, nhiều múi, lột ra thơm ngọt biểu hiện cho sự giàu có, tiền bạc vô như nước. Trái đào tượng trưng cho quả đào tiên trong vườn đào Tây Vương Mẫu, mà chú tiên ăn vào đã được sống nhiều ngàn năm, để chúc tụng mọi người trong gia đình sống lâu muôn tuổi, sức khỏe trường tồn. Trái Phật thủ, tên gọi thứ trái cây giống bàn tay tượng Phật, sẽ ban phúc Phật. Đó là bàn tay từ ái mang đến hạnh phúc và sự an bình. Mấy cây lựu đậu trái hiếm hoi vào mùa này, cũng được tìm mua về chưng lên bàn thờ, nhờ những chùm hạt tím bực trong lớp côm trong suốt như ngọc biểu tượng cho vô số ngọc tử: chúc gia chủ nhiều con đông cháu, xinh đẹp thông minh. Các thứ trái cây này hợp thành từng bộ Tam Đa: Đa lộc, đa phúc, đa thọ hoặc đa thọ, đa phúc đa nam tử...

Vùng Tiền Giang là xứ chuối ngọt, trái ngon, bà con còn lột mâm trái cây một nải chuối ngự, trái to bề thế, hoặc nải chuối cau, chuối thanh tiêu mang nhiều trái nhỏ móm mím, sẽ chín

thâm kim dần qua ba ngày Tết, cũng tượng trưng cho sự sung mãn, con cháu đầy đàn. Trên đặt ngay giữa một trái thơm để cầu sự thơm tho, ngọt ngào quanh năm. Thêm trái khế qua dài dòn, chùm sung chi chít trái, tuy không ăn tráng miệng được như mấy thứ trái kia, nhưng cân góp vào để chúc cầu "Khế qua sung túc". Vì người Việt, như là dân miền Nam luôn tìm những thứ hoa quả mang tên đọc trại ra tương tự những điều tốt lành để chung cúng.

Nếu các tiệm buôn cố tìm mua những canh Mai lớn, lấm nụ nhiều bông, canh cho nở vào sáng mồng Một và để nở rộ suốt ba ngày Tết, để tự chúc tụng của tiệm mình sang năm sẽ "Mua May Bán Đắt", thì các cô bác lớn tuổi cũng thích bày mấy chậu Vạn Thọ trước nhà để cầu sống lâu với con cháu. Nên trên bàn thờ Tết, tại các nhà miền quê còn chưng đủ mâm trái cây: Mãng cầu, thỏ mần các điều mong cầu; Dừa Xiêm, Đu Đủ, vừa đủ và Xoài Cát. Để cho trọn câu chúc bình dân an phận "Cầu Vừa Đủ Xài". Lại có ông vui tính, ngoài mâm quả tử xây vòng các loại trái cây chín tới, lại đặt thêm một đĩa nhỏ chưng đủ bộ: Trái mãng cầu Xiêm tí xíu, gai tơ còn mọc khít, trái dưa ngon, quả đu đủ xanh, cuống còn tươi mủ và trái xoài non vỏ còn bụi phấn. Hợp thành một cảnh quây quần bên trái mẹ, quả con, người lớn, con nít sum vầy rất ngộ nghĩnh. Nhưng suy tưởng thêm, ai cũng thấy các đấng cha mẹ này đã có nghĩ đến thế hệ tương lai, mong cầu lấy điều tốt lành đến cả đời con đời cháu.

Mâm quả tử trên bàn thờ các nhà chủ điền, hội đồng giàu có miền Nam trước đây còn được các tá điền, người làm khéo tay xây thành mâm rồng bay, đặt đối với bình hoa phượng múa: Một khúc thân chuối non đặt ở giữa mâm quả tử làm cột trụ, được tấn vững dưới chân bằng một vòng trái cam, trên ngọn gắn nghiêng một trái thơm com kết hợp với hai ba trái mãng cầu ta thành khúc đuôi rồng, kế tiếp xây vòng những trái hạnh nhỏ, những trái "sa-bô-chê" nâu tròn, những trái quýt đường, những trái ổi xá lị và những trái vú sữa da hột gà như mình rồng quấn quanh ba lớp, thỉnh thoảng một trái xoài chia múi nhọn cong cong ra như ngạnh rồng. Chén giữa hai vòng mình rồng, khoản gần đầu và đuôi, nhét thêm một góc nải chuối xanh, gờ bốn trái non khum khum như bốn ngón chân rồng. Đầu rồng đặt giữa vòng trái cây lớn dưới cùng, kết hợp bằng trái thanh long và Phật thủ, hướng xiêng ra phía trước. Cặp chuối ngự dài, kết dính với trái chuối thanh tiêu và chuối cau ở mỗi bên, gắn vòng ra phía trước trán, làm thành cặp sừng rồng. Hai trái mâm-hồng đào nổi gân đỏ rực được gắn

vào làm mắt rồng. Bên bình hoa cắm nhánh hoàng điệp lớn, nhìn rõ ra đầu phượng với mỏ vàng nhọn chia ra phía trước, mồng tím dựng lên trên. Thêm nhánh mồng gà buộc cặp theo cuống hoàng điệp làm thành cổ phượng. Chùm bông vạn thọ, chen với bông cúc còn nguyên lá hợp thành hình phượng. Từ đó tia ra những nhánh huệ trắng cắm rẽ quạt, hạ xuống dần, giống cánh phượng đang vươn ra. Sau cùng nhánh cau kiểng kết chung với những bông đuôi chồn, dây kim ngân hoa xen lẫn với các sợi cỏ lát lá huệ rủ dài xuống thành đuôi phượng.

Các nhà nơi đô thị lại muốn khoe sự giàu sang qua cách giao tiếp với văn minh nước ngoài. Nên chưng mâm ngũ quả trên bàn thờ Tết, toàn bom, nho, lê, xá lị, thêm mấy trái hồng chín bóng, cam Tàu vàng hực hay cam Tiêu đỏ rực. Đối xứng đặt bình thủy tinh Tây, trên cắm cành đào mới nhập cảng từ Hồng Kông bằng máy bay. Chưa kể các giò thủy tiên của mấy ông Tàu trong Chợ Lớn kính biếu cho các vị quan chức trong quận Năm, quận Mười lên đến Tòa Đô Chính, luôn luôn kèm theo bao lì-xì đồ nặng trĩu.

Mâm cúng Giao Thừa thường bày vào trước nửa đêm Ba Mươi tối trời (hay 29 nhằm tháng thiếu). Nên đượm vẻ thần bí trang nghiêm, lại bao hàm ý nghĩa trọng đại "Tổng cựu nghinh tân" để Cựu Vương Hành Khiển, thay mặt đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, coi việc nhân gian bàn giao công việc cho Tân Vương. Bàn thờ thường thiết lập ngoài sân giữa trời. Lễ vật gồm một cái đầu heo, hoặc con gà luộc hay bánh chưng, rồi trâu cau, hoa quả và rượu trà vàng mã. Các nhà miền Bắc theo xưa, còn cúng cỗ mũ của vị Đại Vương Hành Khiển. Ở thành phố chật chội, không lập được hương án, có thể bày tạm trên chiếc bàn con mấy đĩa bánh mít, hoa quả và bộ tam sên, gồm miếng thịt ba rọi, con tôm thẻ, và trứng vịt luộc để thay cho thịt, cá, gà, vịt đã làm các món cúng rước Ông Bà lúc chiều và để dành cho các mâm cúng ngày Tết. Lại có nhà nghèo trong hẻm lao động, chỉ bày lơ thơ mấy món thèo lèo, mứt khoai, mứt dừa nhuộm xanh đỏ và cái chai cắm cành bông điệp tây hay nhánh vạn thọ cùng chiếc lon sữa bò để cắm nhang, trên chiếc ghế đầu cũ!

Mùng Một cúng chay. Mùng Hai cúng mặn. Mùng Ba cúng gà vịt. Đặc biệt ngày Tết không ai cúng thịt bò, nói chỉ đến thịt trâu, thịt dê. Nồi thịt kho, dưa giá là món chính trong ba ngày Tết. Nên đã được các bà o bế rất kỹ và từ buổi cúng Tất Niên đón Ông Bà đã bày ra rồi. Thông thường là kho tàu. Thịt heo bấp dùi, hai phần thịt một phần mỡ, được cắt khúc vuông hơi dài, kho chung với những khúc cá lóc, cá bông loại lớn, cân nguyên con gần 2 kí-lô và trứng vịt luộc lột vỏ. Riêng miền Tiền Giang thích kho với

nước dừa Xiêm. Để nước dừa chín tới vẫn trong và ngả màu vàng, rim vào thịt heo thêm ngọt thơm, để mỡ heo thấm vào cá thêm béo và nước mắm ngấm vào trứng thêm bùi.

Miệt Hậu Giang còn chơi trội hơn, kho bằng thịt heo quay. Nhưng dịp chợ Tết xe thịt quay xá-xiú của "các chú" bán mất lăm. Nên mấy năm sau này bà con mình chỉ dám kho thịt quay với hột vịt muối trong nồi nhỏ, vừa đủ cúng một hai ngày đầu năm và đãi khách quý. Thực ra đây là món hậu chế sau các đám giỗ lớn có heo quay. Thịt quay bánh hỏi cúng-kiến xong, đãi đằng bà con, biếu xén bạn bè vẫn còn lại một phần. Tối chiều thịt đã nguội lạnh, có chiên lại ăn vẫn ngán. Nên các bà mới chế biến, đem kho với nước dừa, ăn béo bùi hơn thịt kho thường. Nhứt là giảm chút ớt chấm với cải chua, dần cơm được lăm. Tô canh tiêu biểu cúng Tết là canh khổ qua nguyên trái, dồn thịt băm với bún tàu, chút nấm mèo, trộn thêm hành tiêu. Canh sẽ đầy trời cái ngán của mỡ thịt kho, thêm vị đắng nên thuốc, vừa cầu mong sang năm tai qua, nạn khỏi. Mâm cúng còn bày thêm đĩa nem Tân Hiệp mới lột lá và đĩa lạp xường tươi Long An, có ướp rượu Mai Quế Lộ, đã được nướng chín, xắt lát mỏng như hai món ăn chơi cuốn với bánh tráng nhúng nước và rau sống. Ngoài món dưa giá trộn lá kiệu, còn món dưa củ hủ dưa đặc biệt Bến Tre cũng để ăn chấm với nước thịt kho cho đỡ ngán và dưa tỏi, dưa kiệu để dưa cay cho dân nhậu. Ngoài Bắc còn món thịt đông ăn kèm với dưa hành, dưa cải.

Sáng sớm mừng hai Tết, cúng bánh tét bánh chưng, rồi dọn xường cho cả nhà dùng điểm tâm, trước khi đi thăm bà con. Hôm đó đi đến nhà nào cũng được đãi ăn, mời nhậu. Ngược lại khi khách đến nhà chúc Tết, mình cũng dọn ra đĩa mứt, tách trà. Muốn giữ khách ở lại lâu hơn, mở ngay chiếc nem chua, tháo gói bì bó hay tré hoặc đốt cồn, vừa tiếp chuyện, vừa nướng đôi ba cặp lạp xường, rồi vớt rau sống, nhúng bánh tráng và múc nước mắm, gắp thêm dưa chua là có đủ món nhắm, có thể khui rượu ra. Đó cũng là mấy món lót dạ sau các canh bạc Tết trong gia đình.

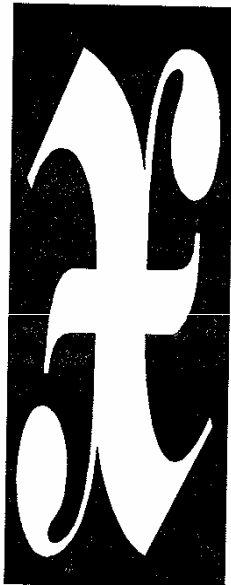
Các tiệm buôn bán, các nhà có phố xá hoặc điền sản, nhân ngày mồng Ba đã họp chợ lờ thơ, liền đi mua con vịt quay, thêm nửa kí thịt xá-xiú, kèm theo bánh bao không nhum, hoặc bánh mì để trưa cúng đất đai và Thần Tài trong tiệm.

Còn mọi nhà khác thường đợi xế chiều nấu nồi cháo gà và trộn gói để cúng Tắt và đưa Ông Bà luôn thể.

Sau ba ngày cúng kiến, ăn uống phủ phè, bộ tiêu hóa của mọi người đều làm việc quá sức. Nên tổ cháo gà nấu loãng bằng gạo rang, ăn kèm với món

gỏi gà cuốn bánh tráng, gậy được cảm giác nhẹ nhàng dễ chịu, nhờ mồ hôi toát ra sau mỗi lần húp cháo nóng, bỏ nhiều tiêu cay và hành thơm. Gỏi gà thường được trộn giấm với nón chuối non và bắp chuối xắt mỏng, hoặc luộc sơ xé nhỏ, thêm củ hành ta, trên rắc ngò thơm, rau răm. Ngoài thành thị lại thay rau ghém bằng bắp cải và hành tây xắt mỏng. Chính trong bữa cúng này, hai trái dưa hấu to sẽ được hạ xuống xẻ ra, làm món tráng miệng sau các món có quá nhiều hương vị. Trái dưa hấu bổ đôi ra, ruột càng đỏ, nước càng tuơm ra, càng mang lại nhiều may mắn cho cả nhà, tiền càng vào như nước trong suốt năm. Nước ngọt dịu và mát của miếng dưa hấu sẽ đẩy lùi dần cảm giác ngán ớn của những món ăn béo bùi, mặn đắng và mấy thức ăn uống nóng cay.

Từ mùng bốn trở đi, mọi người đã quay về với công việc hàng ngày. Không còn lo việc cúng kiến, ăn nhậu nữa. Nhưng dư hương ngày Tết vẫn còn vương vấn trên mâm ngũ quả chưa voi, trên cành mai chưa tàn rụng hết trên bàn thờ và qua mấy món ăn Tết còn tồn đọng trong các nồi, phải hâm đi hâm lại, ăn lại rai có khi tới mùng sáu. Đến nỗi qua mùng bảy các bà nội trợ phải tom góp hết mấy món thịt cá kho, dưa, cải xào còn sót lại, xắt cả trái khổ qua đã chín vàng trên bàn thờ và mấy miếng vỏ dưa hấu đã được phơi khô từ trưa mùng bốn, đổ chung vào nấu thành nồi "xà bần" mặn mà, tuy không còn ngon béo như các món nguyên thủy hôm Tết, nhưng ăn rất được cơm, có thể làm món giặm thêm qua tối mùng mười.



uân Tình Người

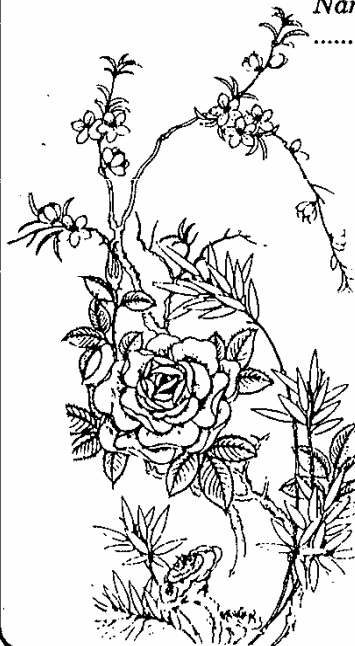
• Hoài Việt

Nơi đây,
Trời luôn luôn xám,
Người luôn luôn buồn,
Hoa luôn luôn héo,
Cỏ luôn luôn vắng.
Cho đến hôm Nàng đến
Cùng tiếng chuông vàng.
Hào quang ngời mái tóc,
Nụ cười vui trong mắt
Năm tay dẫn tôi đi.

.....
Theo ngón tay Nàng chỉ,
Tôi thấy lá cỏ xanh,
Trên cành hoa lê trắng.
Tôi nghe tiếng hát
Ấm áp con tim
Tôi nghe tiếng cười
Rộn rã trong đêm.

.....
Nhìn Nàng tôi hỏi
Nàng là Thiên Tiên ?
Nàng mỉm cười đáp lại :
Không, tôi chỉ là Tình Người !
Rời biển đi mất dạng.

.....
Quanh tôi trời vẫn sáng,
Tiếng hát vẫn lên cao,
Người đi, Xuân còn đó,
Xuân Tình Thương Ngọt Ngào.



Phiếm luận : PHÙ VÂN

HEO CÁCH MẠNG

Bỗng một ngày trong đời, chú heo thím lợn đột nhiên có giá ngang xương. Các chú lợn con thì được cưng chiều, o bé một cách quá mạng. Còn các anh Nọc, chị Nái lại được ghi công đầu như những chiến sĩ tiên tiến trong công cuộc sản xuất và phát triển kinh tế kể từ ngày "Đại thắng mùa xuân năm 1975" của các chú Vẹm cường chiếm miền Nam. Heo được vinh danh là anh hùng lao động từ những ngày đầu "cách mạng". Heo đột nhiên xuất hiện trong các thành phố. Sài Gòn cũng tràn ngập heo. Heo ở villa, heo ở garage, heo trên sân thượng, heo ở trước sân, heo trong phòng tắm... Hễ nhà nào có cán bộ trung dụng là ở đó có heo. Hễ nơi nào có áo quần màu cứt ngựa rộng thùng thình của các chú em bộ đội thì ở đó có heo. Hễ nơi nào có quần đen bạc màu chiến khu, cứt cõn chó tấp ba ngày không tới của các chị em con gái bác Hồ thì ở đó có anh Nọc, chị Nái.

Thành phố Sài Gòn, trước 1975 được mệnh danh là Hòn Ngọc Viễn Đông, nay qua cuộc đổi đời được khoác tên người chết... Hồ Chí Minh, đã xông lên nồng nặc mùi xú ối... mùi heo!

Dân miền Nam, trước đây chỉ được biết, được thấy dung nhan của chú thím "heo sống" ở các miền quê lục tỉnh, hay heo từ các Trại chăn nuôi chờ đến "lò heo" Chánh Hưng bên kia cầu chữ Y, hay chờ đến Công ty Súc Sản Vissan ở vùng Bình Triệu để hạ thịt. Các bà nội trợ chỉ thấy "heo chết" nào làm thịt heo, đầu heo, nọng heo, thịt heo ba rọi, giò heo, đuôi heo... ở các thớt thịt ngoài chợ; hay mua "heo quay" ở các tiệm Tàu.

Nay già-trẻ-lớn-bé đều chiêm ngưỡng được dung nhan mùa hạ của chú thím heo.

Cứ nhìn đến bộ mặt hí hửng đến trơ trên của các chú công an, bộ đội miệt rưng cũng đủ biết là các chú vừa mới móc ngoặc được một chú heo con. Cứ nhìn đến bộ mặt toe toét cười của các thím cán bộ miền Bắc cũng đủ hiểu các thím vừa được đàn anh cấp cho một tấm giấy giới thiệu để trao đổi "cám heo".

Ngược lại, hễ thấy bộ mặt táo bón trông thâm nảo như đi đám ma, trắng mét như heo vừa cạo lông xong - trắng như da "heo cạo" của các anh hùng cách mạng, cũng có thể nói y chang rằng, con heo của nhà anh ta đang lên cơn nhức đầu sổ mũi. Hoặc thấy bộ mặt chầy dài xuống rốn, tóc tai xác xơ như ô quạ của các bà chị hộ lý nạ dòng, cũng đủ biết ngay bong là con Nái của nhà chị ta đang ê mình, ê mảy hay tới mùa động đực. Các anh, các chị đang quần cả lên, chạy như chó đập lửa để kiếm thuốc chích ngừa hay chữa bệnh - dịch heo, sạn heo...

"Nuôi heo", tự nhiên trở thành một phong trào phát triển mạnh mẽ. Không cần phải trải qua một khóa học thú y, người ta vẫn thân nhiên đi mua "heo giống" về nuôi một cách ngon ơ. Thế là a-lê-hấp "người người nuôi heo, nhà nhà nuôi heo", kẻ trí thức cao thượng, người bần dân thiên hạ đều rù nhau nuôi heo. Ta có thể hình dung hai giai đoạn lịch sử. Thời Pháp thuộc, phong trào kháng chiến chống Pháp sinh sôi nẩy nở thật nhanh như cỏ - thường ví von là "cỏ cụt Hồ". Thời cách mạng 75, phong trào nuôi heo cũng phát triển không kém, nên cũng được gọi là "heo cách mạng". Từ đó, kẻ âm ố hội tề mới ráp lại

thành một thành ngữ "cỏ cụt Hồ, heo cách mạng", nghe mới lạnh lùng sương gió chứ!

Cái ơn mưa móc vĩ đại của cách mạng là làm cho mọi người dân được dịp sống lại cuộc đời trung cổ. Bếp điện, lò ga xin đi chỗ khác chơi, ta trở về với cái thời "cùi chèo, bếp rơm". Cái thời xa xưa nào đó, thân phận người đàn bà đầu tắt mặt tối suốt ngày lo cho chồng "dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm" học dăm ba chữ Thánh hiền để chờ thời đợi số; nuôi nấng, dưỡng dục con cái; nuôi heo để thêm lợi tức gia đình. Trong tình trạng "bếp rơm, lửa cùi" bèo nhèo nát như "nồi cháo heo" như vậy, mà anh chồng, vốn đã chẳng giúp vợ được cái sự tích gì, lại thấy mặt bà đỏ hây hây vì vừa lo đỡ con, vừa lo thổi lửa nên anh chồng thấy "con lợn lòng" nổi dậy can không nổi. Chị vợ biết rõ cái tư tưởng rất tục, rất trần thế của đức anh chồng, nên đùng đùng nổi giận:

Đương khi lửa tắt, cơm sôi

Lợn kêu, con khóc, chồng đòi tò te.

Bây giờ lửa cháy tứ bề

Lợn no, cơm chín, tò te thì tò!

(Ca dao)

Ông muốn chết thì bà cho chết luôn!

Thế nhưng mấy anh chồng dưới thời cách mạng lại không được vinh dự chết trong hạnh phúc như vậy. Mấy anh nếu không tìm cách mách mung chợ trời, áp phe thì cũng lo ở nhà nuôi heo để kiếm sống. Kỹ thuật chăn nuôi đại qui mô đều dẹp tiệm cả để ta thanh thân ngẫm nghĩ triết lý cái sự đời mạnh ai nấy "cải thiện cá nhân" làm "chuồng heo" ngay trong nhà mình, đúng theo cái quẻ của ông thầy bói mò:

Bói cho một quẻ trong nhà

Chuồng heo ở dưới, chuồng gà ở trên.

(Ca dao)

"Ồ chuột, chuồng heo" là những nơi dơ bẩn. Người ta thường ví von "nhà như ổ chuột", "nhà như cái chuồng heo". Chuồng heo cũng là nơi dung thân cho những anh chồng ham của lạ đèo bông. "Vợ rồi, vợ nữa cũng xong" hay là "cái nhà năm, ba cái cửa". Nhưng không hẳn anh chồng nào cũng được cái điềm phúc an nhiên tự tại sống chung hòa bình trong vòng tay của người đẹp. Thế cho nên mới xảy ra cái cảnh dờ khóc dờ cười:

Một vợ nằm giường lèo

Hai vợ nằm chèo queo

Ba vợ ra chuồng heo mà nằm!

(Ca dao)

Nhưng đây là tình cảnh dưới thời phong kiến với chế độ đa thê, cho phép anh chồng được cưới nhiều vợ. Chứ hiện tại, quí ông nào đã "ván đóng thuyền rồi" chớ thấy đối tượng nào còn ngọt nước, còn trơn da mát thịt mà nhào vô gạ gẫm thì chắc hẳn là gia đạo bất an, muốn kiếm cái "chuồng heo" để nằm cũng không có!

Vậy chỉ có mấy anh còn "phòng không chiếc bóng" mới có đặc quyền "thả dè", tán tỉnh, ham chuộng cái của đời. Ngày nay trai gái gặp gỡ nhau dễ dàng, tìm hiểu nhau rất thuận lợi, tỏ tình với nhau hết sức đơn giản, sống chung với nhau một cách tự nhiên hay thương yêu nhau đến tối tăm mặt mũi... Ngày xưa, thật khó có cơ hội, nhưng khi được dịp may người ta tỏ tình, hứa hẹn một cách khôn ngoan hết ý. Đặc biệt là "con lợn béo" cũng được anh chàng si tình nhắc đến trong phần quà cưới trả công:

Hôm qua tát nước đầu đình
 Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen
 Em được thì cho anh xin
 Hay là em để làm tin trong nhà
 Áo anh sứt chỉ đường tà
 Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu
 Áo anh sứt chỉ đã lâu
 Hay mượn cô ấy lại khâu cho cùng
 Khâu rồi anh sẽ trả công
 Ít nữa lấy chồng anh sẽ giúp cho
 Giúp cho một thùng xôi vò
 Một con lợn béo, một vò rượu tăm
 Giúp cho đôi chiếu em nằm
 Đôi chân em đắp, đôi chằm em đeo
 Giúp cho quan tâm tiền cheo
 Quan năm tiền cưới, lại đèo bông cau.
 (Ca dao)

Từ phong trào nuôi heo tự do trong dân gian, nên các chú "lái heo" có dịp trở lại nghề nghiệp của mình. Các chú mang các "rọ heo" luồn qua các thôn xóm hay lặn lội qua các hang cùng ngõ hẻm ở thành phố để tào thanh các chuồng heo và chọn mua các chàng "Trư Bát Giới". (Rọ heo là cái giỏ bằng cật tre đan đơn sơ, tròn và vừa đủ chiều dài của con heo để dễ dàng chuyên chở. Từ hình dáng này, có loại dép da được sản xuất và tại miền Trung gọi tên loại dép theo mode thời trang hồi đó là dép Rọ Heo). Không cần "cân, đong, đo, đếm" như các cán bộ, công nhân viên nhà nước XHCN, các chú lái heo chỉ cần nhìn con heo là có thể xác định được trọng lượng mà không sai biệt bao nhiêu. Nghề dạy nghề mà!

Hồi còn ở Sài Gòn, một mệnh phụ sang trọng, có da có thịt, sau khi đã mua thuốc tây xong, đang ngần ngại đứng trên cái cân, nửa muốn lên cân, nửa lại sợ về trọng lượng của tấm thân bở... tượng của mình. Một ông già có vẻ quê mùa chất phác đứng đợi lấy thuốc, buột miệng nói:

- Khoảng 80 ký, bà cân làm gì cho mệt!
- Bà mệnh phụ quay lại giọng giận dữ:
- Này chú kia, chú chê tôi mập phải không?
- Tôi không có ý đó! Bà cứ thử lên cân thì biết!

Động tính hiếu kỳ, người ta nhắc nhủ yêu cầu bà lên cân. Tàn ngần, ái ngại rồi bà ta cũng dè dặt bước lên bàn cân. Mũi kim nhếch trên con số 80 một chút. Bà ta vội vàng rời khỏi tiệm thuốc tây. Người ta hỏi bác nhà quê tại sao đoán trúng như vậy. Bác nói:

- Tôi là dân lái heo mà!

Dĩ nhiên các chú lái heo cũng còn có tài "thọc huyết heo" - tức là giết heo làm thịt. Cái nghề này thật chẳng ai ham, trông nó đã man tàn nhẫn làm sao. Dao thọc huyết heo cũng là một loại dao đặc biệt, trông giống như một lưỡi mác nhưng ngắn hơn. Thọc huyết heo cũng cần có tay nghề cao mới lấy được hết huyết của con heo chảy ra. Huyết heo để nấu cháo lòng và còn làm "tiết canh heo" tuy nó không bằng tiết canh vịt, nhưng cũng còn là một món đã ghiền cho các bọm nhậu chuyên "sáng say, chiều xin, tối kèm nhèm".

Cái cảnh "thọc huyết heo" này cũng thường xảy ra ở các trại cải tạo tập trung. Chỉ khác chút đỉnh từ ngữ khi các tên cán bộ quân giáo ra lệnh cho nhóm chúng tôi đi "thọc huyết lợn". Sự "lợn lợn", lẩn cấn phát âm giữa hai chữ "l" và "n" của các chú cách mạng chúng tôi đã quen. Chỉ có thực chất của sự việc thì hoàn toàn khác nhau. Thay vì dùng dao để thọc heo sống, chúng tôi lại dùng cuốc xẻng để khai quật các mỏ vàng... khê

của các toán đàn anh đi trước, để làm phân bón rau cải cho cả trại!

Ngoài ra, mỗi trại cải tạo đều có tổ chăn nuôi, chuyên trị nuôi heo - dĩ nhiên là đem tư lợi cho đám quân giáo. Tuy nhiên cứ đến ngày đại lễ - mà tụi tôi thường gọi là "để lại" để tiếp tục học tập cải tạo, mỗi tên tù được phát cho 2 miếng thịt heo bằng ngón tay út gọi là chất tươi vào các ngày tư ngày Tết. Nhờ ở chung với anh bạn tù Trần Đình Tá, kiêm sự Thú y, chuyên trị nuôi heo của trại, tôi mới được anh lén lút cho đánh chén "heo sữa". Thực tình bạn tôi chẳng có lá gan to chàm ngoàm như quả núi để dám bắt một cậu heo con chưa rời vú mẹ để hạ thịt. Anh chỉ xin được con heo con chết vì cắn thai - chết trong bào thai, hầm trong lon Guigoz. Hai đứa lén lút vì chẳng dám báo tin cho lũ tù thiếu đường thiếu mỡ hay, ngồi chồm hổm trước bếp lửa bập bùng để thưởng thức món "heo sữa hầm nước muối", món cao lương mỹ vị được Tây nó gọi là cochon de lait. Tôi không biết diễn tả cái cảm giác, cái mùi vị như thế nào cho thích đáng khi tôi mới ngậm vào miệng. Nó lợn giọng đến nôn mửa. Cho đến bây giờ tôi vẫn thương bạn tôi, vẫn quý bạn tôi. Tá ơi! Tôi vượt qua được những lao nhục trong cải tạo đến sống cho đến ngày trở về là nhờ vào tình bạn trong tù.

Chẳng hiểu Thánh Tổ của nghề nuôi heo là ai, nhưng chắc chắn không phải là ông Trạng Lợn rồi. Dù thân phụ của ông này là Dương Đình Lương sống bằng nghề giết heo, giết bò nhưng bán tánh lại phúc đức, thương yêu giúp đỡ người nghèo. Thế cho nên mới có thiện duyên gặp được ông Thần Địa lý Tạ Ao giúp đặt lại ngôi mộ tổ. Thế là Lương ông làm ăn thịnh vượng, biết tu nhân tích đức mới sinh được một người con trai duy nhất là Chung Nhi. Đi học không quá ba ngày, nhưng nhờ có thần hộ mạng, có quới nhân phù trợ, chuyên gặp cơ may, nên Chung Nhi đoán mò thành ra nói trúng ngay chóc. Vua phục tài quá mới phong cho là Trạng Lợn.

Con heo nổi tiếng nhất và đi vào văn học sử Tây Du Ký là Trư Bát Giới và chức lớn nhất của heo là Thiên Bồng Nguyên Soái.

Qua mấy dữ kiện nói trên, chúng ta cũng nên xét lại những lời mắng mỏ "ngu như heo". Đó chưa kể hiện nay người ta dạy heo đánh hơi truy tầm ma túy. Kết quả cũng hữu hiệu ra phết! Vậy các câu chỉ trích khác "lười như heo", "ở dơ như heo" xin các bạn cũng nên phiên phiên, hoan hỷ đại xá và thông cảm cho con nhà tuổi Hợi.

Và lại con heo cũng biết thân phận của nó khi được nuôi lớn. Hãy nghe con heo tâm sự:

.....
 Heo rằng nghĩ tuổi muôn phần,
 Đến khi béo tốt thì thân không còn.
 Họ làm trăm món ăn ngon,
 Nào là thịt nạc, ruột gan, dạ dày.
 Ngoài ra, heo còn biết năn nỉ van xin chủ khi hạ thịt làm các món ăn, nhớ cho thêm hành:
 Con gà cục-tác lá chanh,
 Con lợn ùn ùn mua hành cho tôi.
 Con chó khóc đứng khóc ngồi,
 Mẹ ơi đi chợ mua tôi đồng riềng.
 (Ca dao)

"Bún bò giò heo" từ Huế được lan tràn khắp hang cùng ngõ hẻm trong nước, cho đến bây giờ lan ra hải ngoại. Nhưng không có bún bò nơi nào nổi tiếng như bún bò Huế, bún bò Mụ Rót, nôm na Tây nó gọi là Madame Tombé, ngon từ sợi bún, nước lèo có pha một chút mắm ruốc,, nước màu đỏ thắm, thịt

bò tươi, đĩa rau xanh mát, miếng ớt cay xé họng, thêm vào khí hậu lạnh lạnh chất sương.

"Giò heo" cũng được hầm cho các bà có thai hay mới sinh xong ăn cho sỗ sũa. Nhưng cũng có loại "giò heo" không thể hầm hay nấu bún bò được, đó là loại giò heo của các ông cò cảnh sát thường hay đeo lưng lẳng (cũng còn được gọi là giò lẳng) để mấy ông giựt le với gái. Còn đối với dân cao bồi Texas thì "giò heo" được dân anh chị giang hồ gọi là "xéng" - tức là khẩu súng Colt. Đây mới đúng là giò heo dữ.

Các món ưa chuộng của dân làng ve chai là tiết canh heo, dồi heo và độc đáo và độc vật hơn là lòng heo, lòng lợn. Chẳng phải là lòng lợn có chất độc (nếu độc thì bỏ nào dám xơi - ngu chi mà đớp vào. Chết sao!) Nhưng khi trong người đã dờ dờ, ương ương, nhức mình nhức mẩy thì có hai thứ mà quý cụ xưa đã cẩn thận dặn dò con cháu là chớ đụng vào. Đó là vợ vừa mới sinh xong chưa hết phòng long, thì ông chồng nên đi chỗ khác chơi, đừng tỏ te táy máy. Thứ hai là lòng lợn, nhớ nhện thêm một chút cho được việc:

*"Nhứt tam phòng
Nhì lòng lợn"*

Nếu đụng vào chắc bệnh trở nặng, không đi bệnh viện thì cũng dám mang ra nghĩa địa lấp!

Chẳng hiểu 2 thứ trên có độc hơn của đình hay độc như vịt xiêm lai không!

* * *

Các bạn tuổi Hợi thân mến,

Các bạn đúng y chang con Giáp số 12, con số cuối cùng của vòng luân hồi lần quẩn. Các bạn đừng để ý đến những lời mắng mỏ độc mồm độc miệng "ở dơ như heo", "lười như heo", hay thậm tệ hơn nữa là "ngu như heo". Các bạn cũng nên để ngoài tai những lời nguyên rủa, chửi bới cặn tào ráo mắng như "đồ đâm heo, giết chó" hoặc "đồ con heo". Biết đâu những người đó họ đang ganh tỵ với cái tuổi Heo của bạn - cái tuổi vô tư, thoải mái, an nhiên tự tại trời cho. Họ đang ghen ghét cái số may mắn tự nhiên của các bạn. Con heo là biểu tượng cho sự may mắn của dân Âu Mỹ. Thế cho nên ở Việt Nam cũng như các ngân hàng ngoại quốc người ta thường dùng "con heo đất" để bỏ tiền tiết kiệm. Cũng có thể người ta suy bì số của quý ông tuổi Hợi, vì đã không được Tử Vi đầu số cho vào cung Heo Nọc. Mấy dân chơi cự trào, có hôm nhậu ngà ngà, đã dám phang một lời ước là xin kiếp sau đầu thai vào tuổi con... Heo Nọc.

Trông anh Heo Nọc cũng oai phong ra phết, cũng có số lên xe xuống ngựa đầy chừ, chiến công cũng hiển hách, dù không bằng mấy anh Mùi dê xồm mỗi sáng chận cửa hỏi thăm sức khỏe mấy chị dê cái; thì anh Heo Nọc nhà ta cũng "xêm xêm" một chín một mười; bên tám lạng, kẻ nửa cân. Cứ trông mỗi sáng, anh Heo Nọc bệ vệ được chủ dẫn đi hay "mời" lên xe Lam để đi hành nghề "nhảy nái" trông cũng ngất ngưỡng đáng đồng tiền bát gạo, chẳng khác gì quý công nhân viên nhà nước sáng vác ô đi, tối vác về!

Bảo đảm với các bạn, số Heo là số sướng. Tuổi Hợi là tuổi thanh nhân. Các bạn có thấy không, ngày xưa chỉ mới được bầu làm vị tiên chỉ đứng đầu mỗi làng cũng đã được tiệc tùng mời ngồi mâm trên, chiếu thượng để thấy được cái danh vọng "một miếng giữa làng, bằng một sàng trong bếp"; sau đó còn được hưởng cái "đầu heo - thủ lợn" ngon ơ.

Các vị chuyên nghề mai mối, dựng vợ gả chồng cũng có tầm vóc giá trị không kém và cũng xơi được cái đầu heo và nếu đôi bên hai họ có keo kiết mấy đi nữa cũng phải cúng thí

cô hồn cho ông hay bà mai một cái "nọng heo". Phải có một chút quả cáp mỡ mần như vậy, vì làm mai là một cái nghề đứng đầu trong 4 cái ngu:

Ở đời có bốn cái ngu,

Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm châu.

Heo của các bạn cũng dự phần vào việc bảo vệ và phát triển giống nòi.

Không có heo cho các vị làm mai thì e cuộc đời sẽ loạn lên như cào cào châu chấu. Đó là cái vinh dự lớn lao, chi cần các bạn làm ăn chân thật, đừng "treo đầu heo bán thịt chó" hoặc "mượn đầu heo nấu cháo"!

Phù Vân

(Chớm Xuân Ất Hợi - 95)

Hà Đẩu Đồng

Một Quê Hương Hai Tôn Giáo

LTS : Bà con ta đã có lần quá bực buồn chán nản, tủi nhục khi xem truyền hình chiếu cảnh công an Đông Đức lung bắt đánh đập, trói buộc một nhóm anh em người Việt mình, đứng lui hui ẩn nấp đầu đường góc hẻm bán đồ lậu lang nhăng, hoặc cảnh dùng mã tấu dao găm để thanh toán nhau. Bà con ta tự hỏi tại sao lại có thể xảy ra thảm cảnh đáng buồn ấy, làm mất hết nhân phẩm mình, làm tổn hại danh dự quê hương. Nhưng bà con ta cũng tự trả lời : đó là những anh em đáng thương hơn là đáng trách. Vì ở dưới chính thể xã hội chủ nghĩa, không hề được hấp thụ giáo dục nhân nghĩa, không nâng cao lòng ái quốc, chẳng được dưỡng nuôi tinh thần tín ngưỡng tôn giáo.

Tác giả bài thơ này luôn luôn lạc quan, hy vọng người mang niềm tin cho người, người hướng dẫn diu dắt người, để cùng nhau canh tân đổi mới :

"Người mang tôn giáo trong tim,

Mở tâm hiểu biết, giữ gìn đường đi". (HDD)

Quê tôi có hai Đền Thờ,

Đền Thờ Thiên Chúa, Đền Thờ Phật Tăng.

Quê tôi có một vầng trăng,

Soi chùa mái tháp, chiếu tăng đỉnh chuông.

Quê tôi thăm thắp con đường,

Con đường Bác Ai nối đường Từ Bi.

Thời hưng thịnh buổi suy vi,

Quê hương chống đỡ thành trì Đức Tin.

Tình người chất chứa trong tim,

Nặng bầu lệ cảm triu nghìn tri ân.

Quê tôi một mảnh vườn xuân,

Cây xanh lá biếc tứ tuần đơm hoa.

Đầu đời vất vả bốn ba,

Vui trong thử thách, thuận hòa thương nhau.

Quê tôi biển rộng sông sâu,

Núi xây vách đá nhíp cầu nước trong.

Quê tôi từ buổi vừng hồng,

Tre rung lúa hát rộn lòng dân quê.

Êm êm nắng nhẹ chiều về,

Gió ru thấm mát tràn trề thiết tha.

Quê tôi một dải sơn hà,

Ba miền thành một, một nhà Việt Nam.

Quê tôi sức mạnh tràn lan,

Hai nền Đạo giáo gần hàn Yêu thương.

Dấu rằng lưu lạc muôn phương,

Đi cùng trái đất tình thương còn đầy.

Quê hương trong trái tim này,

Nghe trong hơi thở, thơ đầy quê hương.

Chuyện vui năm Ất Hợi

Trạng Lợn . Bảo vận thuật

Ngày xưa ở làng Dừa, thuộc tỉnh Hà Nam, gia đình họ Dương, đời đời vẫn có người thi đỗ, làm quan. Đến đời Dương Đình Lương thì mãi không đỗ, phải xoay ra nghề mổ lợn để sinh sống. Tuy vậy ông Lương vẫn mong có con thông minh, học giỏi để theo đường khoa cử. Đứa con đầu lòng thì lười biếng, dốt nát khiến ông bà Lương phải đặt hy vọng vào đứa con thứ hai là Dương Đình Chung tục gọi là Chung Nhi.

Năm lên ba, Chung Nhi ra đầu làng xem rước quan Trạng vinh quy bái Tổ. Thấy thế Chung Nhi về báo bố mẹ :

- Con phải làm quan Trạng để được dân làng rước chứ?

- Được. Nếu con muốn làm quan Trạng thì phải đi học đã.

Thế rồi ba năm sau, ông Lương dẫn Chung Nhi đến nhà thầy đồ để xin nhập học.

Trên đường đi, Chung Nhi hỏi Bố:

- Bố ơi! Thầy đồ hơn Trạng hay Trạng hơn Thầy đồ?

- Trạng hơn Thầy đồ chứ!

- Vậy con chả học Thầy đồ đâu!

- Không được con ạ! Muốn làm quan Trạng thì phải đến học Thầy đồ trước mới được.

Nghe Bố nói thế Chung Nhi mới chịu đi học . . .

Tuy nhiên đến năm 13 tuổi Chung Nhi vẫn dốt nát, chẳng tiến bộ chút nào. Ông Lương buồn lắm, đành cho Chung Nhi theo mình làm nghề mổ lợn. Được thôi học, Chung Nhi mừng lắm và chẳng bao lâu cậu bé đã rất thành thạo về cách mời chào, nói lái, pha thịt, chọc tiết lợn.

Mùa đông năm sau ông Dương Đình Lương mất. Hết tang Bố, Chung Nhi chẳng chịu làm ăn gì cả, suốt ngày cùng bọn lêu lổng trong làng cờ bạc, rượu chè . . .

Anh chị Chung Nhi tìm cách khuyên em thì Chung Nhi đáp :

- Anh chị đừng lo. Mai kia em đỗ Trạng thì tha hồ sung sướng.

Người chị dâu bảo :

- Chú thì Trạng gì? Trạng rượu hay Trạng lợn?

- Rồi anh chị xem! Thế nào em cũng đỗ Trạng.

Sau đó Chung Nhi từ giả mẹ để đi thi Trạng.

Ra đường gặp hai người vác lều chống đi thi, Chung Nhi xin nhập bọn cùng

đi. Đêm đó vào nhà trọ nghỉ, ba người nằm ngủ say như chết. Nửa đêm có kẻ trộm len vào định lấy đồ đạc. Giữa lúc đó Chung Nhi nằm mơ thấy mình dương bắt lợn liền hét thật to.

- Đây rồi, bắt trời ngay lại rồi cắt tiết!

Tên trộm sợ quá, bỏ chạy vút hết đồ đạc lại. Hai người bạn cùng nhồm dậy, thấy đồ đạc chưa bị mất nên rất cảm ơn và phục tài của Chung Nhi.

Một hôm cùng đi tới đầu làng kia thấy bia đá khắc hai chữ *Hạ mã* nghĩa là phải xuống ngựa đi chân không. Chung Nhi vốn dốt nên đọc hai chữ *Hạ mã* thành ra hai chữ *Bất yên* là chẳng lành. Thế là Chung Nhi kéo hai bạn chạy thật xa khỏi làng mà nói rằng :

- Làng này sắp có chuyện chẳng lành, chúng ta mau sang làng khác.

Hai người bạn chưa tin thì bỗng nghe thấy tiếng trống mõ và tiếng kêu khóc râm trời. Thì ra làng đó bị cháy lớn, lửa bốc lên cao, khói bay mù mịt, may mà ba người không vào làng. Từ đó hai người bạn lại càng phục tài Chung Nhi.

Một buổi chiều đi qua trang trại nhà quan Tuần Bùi đã về hưu, Chung Nhi tạm biệt hai bạn để vào thăm quan Tuần vài bữa. Thấy Chung Nhi mặt mũi sáng sủa, quan Tuần tiếp đãi tử tế. Tối Chung Nhi ở thư phòng thấy một vế câu đối của tiểu thư Phấn Khanh viết ra để kén chồng là :

Bát đao phân mẽ phấn.

Đó là lối ghép chữ lại, bốn chữ *bát, đao, phân, mẽ* ghép lại thành chữ *Phấn*. *Phấn* lại là tên của tiểu thư *Phấn Khanh*.

Tuy chẳng hiểu gì cả, Chung Nhi cũng viết chữ *Chung* ở sau chữ *Phấn* rồi đi ngủ.

Sáng hôm sau Tiểu thư vào thư phòng thấy chữ *Chung* viết ở dưới vế câu đối của mình thì cho là Chung Nhi rất hay chữ. Chả thế mà Chung Nhi đã đối lại rất xuất sắc là :

Thiên lý trọng kim chung.

Cũng là 4 chữ *Thiên, lý, trọng, kim* ghép lại thành chữ *Chung*. *Chung* lại là tên của *Chung Nhi*.

Do đó mà Phấn Khanh đã xin với cha cho phép tuyển Chung Nhi làm chồng và việc thành hôn sẽ tổ chức sau ngày Chung Nhi vào kinh thi đỗ.

Khi vào tới kinh, khoa thi tạm hoãn, Chung Nhi phải mở ngôi hàng xem bói để sinh sống.

Công chúa con vua có đôi ngọc quý bị mất trộm nên cho tìm Chung Nhi vào cung để bói xem ai lấy trộm ngọc? Đêm ấy Chung Nhi nằm lo quá, không biết bói làm sao? Chàng thử dài than rằng : *Rõ thật là Quít làm Cam chịu.*

Bất ngờ lúc đó có một thị vệ tên là *Cam* đi qua nghe thấy lo quá vì chính bạn nó là *Quít* đã lấy trộm ngọc. Nay thấy thầy bói gọi ra tên nó nên *Cam* đành lên thú tội với Chung Nhi mà xin tha cho. Chung Nhi liền tâu với Công Chúa bắt tên *Quít* để lấy lại ngọc. Công Chúa mừng lắm và ban thưởng cho Chung Nhi.

Nghe tiếng Chung Nhi, có hai người là *Trạng Vật* và *Trạng Trèo* rất giỏi về môn đánh vật và leo trèo, cùng đến xin kết nghĩa với Chung Nhi đã nổi tiếng về xem bói.

Gặp lúc Nghị Dân nổi loạn định chiếm ngôi vua, Chung Nhi tình cờ đã cứu được hoàng đệ *Lê Tư Thành*. Sau đó *Nguyễn Xí*, *Đình Liệt* dẹp được *Nghị Dân* đón *Tư Thành* về làm vua tức là vua *Lê Thánh Tông*. Cảm ơn cứu mạng, *Thánh Tông* phong thưởng cho Chung Nhi, phong chức gì Chung Nhi cũng không nhận. Chung Nhi chỉ xin vua ban cho hai chữ *Trạng Nguyên* để về làng vinh quy là đủ.

Vua *Thánh Tông* vui lòng phong cho Chung Nhi làm *Trạng Nguyên*. Các quan không phục tài của Chung Nhi. Nhân dịp vua ngự giá đến chùa lễ Phật, thấy quả chuông mới đúc nặng quá không treo lên được còn đang suy nghĩ thì Chung Nhi đã cho *Trạng Vật* và *Trạng Trèo* ra giúp quân lính treo được quả chuông lớn lên gác chuông.

Vua mừng lắm liền đọc một vế câu đối :

Thiên lý trọng kim chung.

Các quan không ai đối lại được. Vừa lúc đó Chung Nhi nhớ lại vế câu đối của *Phấn Khanh*, liền xin đối là :

Bát đao phân mẽ phấn.

Vua khen hay nức nở và bảo các quan :

- Ứng đối giỏi như mây bay, nước chảy, tài ấy thật đáng *Trạng Nguyên*.

Thế rồi vua ban cờ biểu cho *Trạng vinh quy bái Tổ*.

Đám rước về qua trang trại quan *Tuần Bùi*, Chung Nhi cho ngừng lại vào bài yết nhạc gia và đón *Phấn Khanh* cùng về quê thật là vinh hiển.

Từ đó dân chúng liền gọi Chung Nhi là *Trạng Lợn*.

Câu chuyện này chỉ là truyền miệng trong dân gian, có khi chỉ là do óc tưởng tượng của các cụ nhà Nho mà sinh ra như nhiều chuyện tiểu lâm khác. Tuy nhiên trong dịp đầu xuân năm *Ất Hợi* cảm tình con lợn, chúng tôi cũng xin thuật lại để mua vui cùng độc giả trong vài phút.

Xuân sang

Nguyễn Tấn Hưng về thăm quê cũ

Chiến tranh Việt Nam mỗi ngày một thêm trường thành, song song với sự viện trợ hùng hậu của đôi bên Nga và Mỹ, và theo đó, mức độ điều linh tàn khốc mỗi ngày cũng một lên cao! Từ du kích chiến, Cộng Sản Bắc Việt và tay sai là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đã đẩy sang trận địa chiến. Với đại pháo và xe tăng! Từ những vụ "công đồn dã viện" lẻ tẻ, bây giờ, bọn chúng đã chuyển sang những cuộc tấn công cấp Trung và Sư đoàn. Nhằm vào các đơn vị đồn trú bảo vệ lãnh thổ khắp bốn Quân khu! Rồi những cuộc hành quân truy lùng và tảo thanh địch ngay trong chiến khu và vùng hậu cần cũng đã bắt đầu diễn ra hàng ngày! Tin chiến sự luôn luôn là những "tít lớn" trên đầu các trang nhật báo thủ đô!

Chính vì vậy mà một mùa xuân hiu hắt buồn rồi sẽ đến với Hồ Điệp, nàng đã dư biết là mình đang cầm chắc trong tay! Bởi lẽ, cũng giống như năm rồi, anh Hòa của nàng đã không được phép về thăm nhà. Mọi thứ đã đổi thay! Mà không riêng gì những anh lính chiến, đời sống của người dân, thành thị cũng như thôn quê, cùng những truyền thống thiêng liêng của dân tộc đã dần dần bị ảnh hưởng, lung lay đến tận gốc rễ. Tưởng chừng như hàng năm cứ vào cuối đông, khí trời se se lạnh ngoài đường, là nàng cứ nghe ra rả trên radio cái điệp khúc *em ơi, em ơi chiều nay một trăm phần trăm...* Thiệt tình, chẳng biết có đúng là cảm trại một trăm phần trăm hay không, hay là mấy ông anh có trách nhiệm cầm súng giết giặc kia chỉ muốn mượn cớ để ở lại với "bờ", một cô gái sắc nước hương trời nào đó nơi tiền đồn heo hút gió. Tại vì ai cũng muốn diễn tả lòng mình qua hình ảnh chiều xuân với lời nhạc... *đồn anh, đóng nơi rừng sâu, nếu mai không nở anh đâu biết xuân về hay chưa...*, coi chừng nghe, xạo ke hết chỗ nói đó! Ngẫm nghĩ lại, anh Hòa cũng kín miệng lắm, chưa hề "bật mí" với nàng một điều gì về "người tình trăm năm" của anh! Cho dù một tấm hình chụp chung cũng không!

Hồ Điệp ngó, mông ra cửa sổ bên hè, bắt chợt, buông tiếng thở dài. Ngoài kia, ngọn gió Tết hiu hiu thổi làm đong đưa mấy cành lôm chôm tróc, làm nàng tưởng nhớ đến dạo nào nàng rủ Kim Yến, em của Hiếu, về chơi. Tiếc rằng, phải chi lần đó có Hiếu đi cùng thì vui biết mấy, nàng nhủ thầm. Làm như giữa hai đứa chỉ có duyên mà không có nợ, để bây giờ, ngàn dặm cách chia. Có lẽ nàng đã đánh mất một cơ hội bằng vàng khi từ chối lời mời mọc bằng quơ của Hiếu, lúc chàng đề nghị hãy thẳng đường đi xuống Gò Công tám biển Tân Thành với chàng trong làn về ăn giỗ ở Chợ Gạo vừa qua. Có thể lắm! Nhưng nàng vẫn chưa dám buông thả, cho dù trong trí tưởng đi nữa, theo nếp sống thối loạn của đám bạn trường tỉnh của mình, luôn thay người tình như thay xiêm đổi áo.

Lấp ló phía sau mấy cây lôm chôm tróc kia là chòm dâu xanh miền dưới, đâm ba cây dục lại bên một góc vườn. Rồi tiếp đến, hàng mạn trắng thân thương trông dọc theo bờ mương, chỗ mà nàng đã treo lên hái cho cô bạn nhỏ mấy trái chín cây, vàng lườm. Không cần phải đợi tới "vang vang trời vào xuân" mà hình như lúc nào cũng vậy, ẩn mình trong những tàn cây rậm lá, bầy chim sẽ chim sâu luôn luôn đua nhau riu rít, lú lo gọi bầy, nhẩn nha tấu lên khúc nhạc miệt vườn triu mến, thiết tha.

Như chợt nhớ ra phía bên kia liếp mạn có một cội mai già, Hồ Điệp nghĩ là mình phải thay anh Hòa đi ra đó tìm chặt mấy nhánh dạng cắm vào bình bông, cho trong nhà có vẻ Tết với người ta. Dĩ nhiên, nàng chỉ có thể làm thế cho anh nàng những công việc nhẹ nhàng đó thôi, chứ còn như treo màn có tua có tụi ở nhà trên, đánh bóng mấy bộ lư đồng ở các bàn thờ, lau chùi bộ liễn và mấy chân chò đỡ mâm ngũ quả thì chắc... còn lâu, nếu không có anh Hòa thì hãy để dành đó cho ông già hay hơn. Mà kể ra cũng tội nghiệp cho ông, lu bu đủ thứ công chuyện trong khoảng thời

gian năm tàn tháng tận này! Việc trước mắt phải làm là lo kêu người tháo đập, dỡ chà, bắt một mớ tôm cá dạng để dành ăn cho đến ra giêng. Cá lóc, cá trê vàng, cá trê lét thì rọng trong những lu lớn, còn tôm càng thì tha hồ thả vô đục, ngâm lại dưới mương. Không kể mớ cá rô mè, cá sặc rần, cá sặc bươm, tép bạc đất, tôm lò rên, tôm cục, tôm lóng... mỗi thứ đều có công dụng và cách thức nấu nướng, pha chế riêng. Rồi đến vét mương, thả chà mới cho năm sau.

Không quên việc cắt mai, Hồ Điệp lon ton đi xuống nhà dưới và lại gần sông dao lấy theo cái mác nhỏ! Má nàng đang lui cui củi lửa, dọn dẹp trong bếp mà cũng không hề bỏ lơ cơ hội "hề thấy mặt là đặt tên":

- Bộ mầy tính chạy đi đâu đó nữa hả Điệp? Làm gì thì làm, bữa nay con nhớ rọc cho má một mớ lá chuối hột nghen!

Chẳng thềm ngó ngoái lại, Hồ Điệp trả treo:

- Bà định làm gì mà đòi cắt lá chuối hột?

- Thì gói bánh chớ làm cái gì, con nhỏ này hỏi kỳ hôn? Không còn mấy bữa nữa thì phải lo cúng-kiến, đón rước ông bà...

Ừ, đúng rồi, sau khi tống tiễn ông Táo về trời thì giao thừa lại tới, thời gian thấm thoát thoi đưa! Cũng như ông già, tội nghiệp cho bà già quá, trong mấy ngày này còn biết bao nhiêu thứ phải lo! Nào thịt kho, dưa giá làm sao cho đầy niêu đầy nôi. Nào bánh tét, bánh ích làm sao cho đầy trả đầy xoong. Nào thịt kho, lạp xưởng làm sao cho đầy bếp đầy giàn! Cũng tại vì chẳng mấy ai muốn động dao động thớt trong ba ngày thiêng liêng sắp đến! Tuy mệt thì có mệt nhưng nghĩ lại cũng vui! Ít ra đây là dịp tốt để cho bà con chòm xóm xúm xít quây quần, bàn chuyện trên trời dưới biển. Nàng hỏi tiếp:

- Tết năm nay có ai tới gói bánh phụ với má không vậy?

- Mọi năm thì có mấy có mấy dì của bây, bây giờ thì tụi nó đã dọn về thành hết rồi thì thử hỏi... còn ai trồng khoai đất này?

Về thành? Ôi, khổ quá! Nhưng vì sao mà dân quê phải bỏ làng lên tỉnh chớ? Thiệt tình, nếu không có cái nạn Việt Cộng nổi lên thì đâu xảy ra cơ sự như vậy! Nhứt là những ngày gần đây, khắp ruộng vườn Bến Tre nói chung, Phú An Hòa nói riêng, đã liên miên chịu đựng những trận đánh lớn, cần quét thẳng vào mặt khu, cần cứ địa. Vườn dưa bị bom đạn tàn phá, ngã nghiêng béc cháy, nhiều chỗ nằm la liệt như người ta vừa ra công phá rừng làm rẫy. Cũng còn đỡ hơn là những

nơi bỗng chốc bị san bằng thành bình địa, hoang vắng như những bãi tha ma. Những đống vỡ, tang thương mới cứ tiếp tục phủ trùm lên quê hương yêu dấu, gây khó khăn cho người ở lại lẫn kẻ ra đi. Vì đã lâu lắm rồi, từ ngày những cây cầu đúc làm bằng xi-măng cốt sắt dẫn vô làng bị giứt sập hết và thay vào đó bằng những cây cầu dừa rong rêu sần sùi, những cây cầu ván đóng đinh, những cây cầu tre gập ghềnh lác lẻo... thì năm khi mười họa nàng mới có dịp về thăm nhà. Hẳn nhiên là phải chờ cho đến ngày cúng giỗ ông bà hoặc là những ngày lễ lớn.

Mà thật ra cũng không vui sướng gì trong những lần về quê đó! Vì không riêng gì Hồ Diệp, mà cả ba má nàng nữa, ai ai cũng cảm thấy hồi hộp, sợ sệt tưởng chừng như tai bay họa gió đang rình rập xung quanh, có thể đổ trút lên đầu mình bất cứ lúc nào. Vì bọn du kích địa phương, những thằng nhãi con chân trâu giữ bò trước đây, bây giờ đã lộng hành, tự tung tự tác đến mức độ hề muốn bắn giết ai thì cứ ra tay thẳng cánh. Đã nhiều lần đám tiểu yêu đó đã nhả nử với ba má nàng rằng, "bác phải đem anh Hòa và chị Diệp về đây trông chừng vườn ruộng cho bác, bằng không thì cách mạng sẽ đem chia cho người khác". Cách mạng? Cách mạng cái kiểu gì mà như cha ăn cướp vậy? Ở, phải rồi, đâu phải của ông bà ông vải gì nó mà nó mang! Ngoài miệng thì ba má nàng cứ khất lần khất hồi, chớ trong bụng thì rõ ràng, còn khuya mới có chuyện đó. Nhứt là trường hợp chân quân chân lính của anh Hòa. Riêng phần nàng thì cũng không khá gì hơn. "Đưa con Diệp về đây thì chỉ cần bữa trước qua bữa sau thế nào tụi nó cũng xúi bắt đi theo giao liên cho bộ đội", ba nàng cả quyết như thế! "Ồi, đồ cái thứ con nít đên, hí mũi chưa sạch mà đã học thói trù ông hại bà, đáu mẹ, tổ cha, nói có trời, tao ía cục cứt tao còn dòm chớ còn ba cái lũ bá vợ đó hả, cho vàng tao cũng không thêm ngó", má nàng cứ hay rủa xả như vậy.

Tuy thả hồn đi mộng lung nhưng Hồ Diệp vẫn không quên chuyện sắp sửa phải làm nên nàng hỏi thêm:

- À, mà hôm rày có ai lật lá mai hông má?

Rõ tánh bà già như cái chuông, cáo mớ hề có ai gõ thì kêu:

- Ba mày có sai thằng Bé Tám coi trâu lo chuyện đó mà không biết nó có làm nên trò nên trống gì hay không! Đồ cái thằng làm biếng nhớt thây, nó mà tuốt cho được vài nhánh cũng là phước đức ông bà để lại!

Hỏi thì hỏi cho có như vậy chớ Hồ Diệp vẫn biết cây mai già đó không cần lật lá cũng ra bông, đầy dặt những

nụ vàng cánh lớn. Với lại, chỉ cần vài ba cành cho vui cửa vui nhà ba bữa này với thiên hạ, có bán chác gì cho ai đâu mà phải ra công tuốt lá? Cây mai già tàn rộ như cây vú sữa hột gà, muốn lật hết lá cũng phải mất đến cả ngày!

Cặp cái rổ quâu rộng vành trệt đáy một bên nách, tay kia xách cái mác lưới nhỏ cán dài, Hồ Diệp lần theo cửa hông nhà dưới đi ra ngoài. Con đường cát mịn về một lối ngoằn ngoèo trên thảm cỏ xanh, rợp bóng đầu cành. Ánh nắng ban trưa dịu dàng phản chiếu từ những tàu lá chuối lớn, thỉnh thoảng ánh lên sáng ngời như đượm chút hào quang. Một đàn bướm màu mè sặc sỡ nhón nhơ bay lượn bên khóm chuối nước, bông búp mọc man dại như rừng dọc hai bên sà nước, cho đầy hoa đỏ thắm. Bên kia bờ mương, một con chim thằn chải mực áo xanh màu ngọc thạch đang đậu trên cành chầm chú theo dõi cá tôm, chợt thấy động vội vàng đập cánh bay xa, buông ra từng tiếng kêu dài sợ hãi. Làm bạn với nàng, giờ đây, chỉ có đất trời và ngàn ấy thôi.

Khung cảnh miệt vườn luôn luôn quanh vắng đìu hiu, ai ở không quen, nhứt là những người ở thành mới về, sẽ thấy lòng buồn rả rít. Đó là chưa nói đến những lúc mưa dầm, lâm râm thúi đất, không gian trở nên u tối, mờ mịt, thâm trầm. Vậy mà những người ở lâu như Hồ Diệp chẳng hạn, lại thấy thanh thân êm đềm, đi xa lại luôn nhung nhớ, vẫn vương! Thêm được trở về cố hương sống với chuối ngày xanh. Những ngày thân ái xa xưa của một thời thái bình thịnh vượng, dân quê thường đêm đêm đốt đuốc đi nghe giàn hát máy với sáu câu vọng cổ cải lương mùi mẫn đến rưng rún, rưng rưng mình sao mà hạnh phúc tràn đầy. Gia đình đầm ấm yên vui, ông bà con cháu ngày ngày sum vầy đoàn tụ. Giờ thì kẻ mất người còn, con khóc cha vợ khóc chồng, cô bác dì dượng cậu mợ chú thím tàn lác khắp mọi nơi. Tết nhứt cũng như ngày thường, tiếng sùng luôn luôn thay cho tiếng pháo.

Hồi tưởng lại, cách đây không lâu lắm, không mùa Tết nào là không có quét bánh phồng, chàỳ đôi chàỳ ba. Khuya nào cũng vậy, đúng là những "tiếng chàỳ trong sương đêm", dưới "ánh trăng mờ thốn thức", vì đầu làng đến cuối thôn, đâu đâu cũng nghe tiếng... các cum vọng về. Bánh phồng nếp thì phải nấu xôi trước với nếp mù u vùng An Hóa, Giao Hòa, còn bánh phồng mì thì dễ hơn nhiều, chỉ cần lột sạch mấy củ mì nhiều bột vùng Vũng Luông, Thừa Đức rồi thả vô nồi luộc. Xong, nếp cũng như mì, vớt ra cối và thay phiên nhau ra tay... quét. Muốn

cho khỏi dính thì lâu lâu phải thoa đầu dừa vô đầu chàỳ, dấy cối, và luôn cả bột nữa. Phải cẩn thận vì bột còn nóng, lơ-tơ-mơ phồng tay. Còn muốn thơm ngon thì thỉnh thoảng chế thêm sữa con chim, sữa đầu bò, những loại sữa đặc có đường. Giã riết cho nhuyễn, cho nhừ rồi mới đổ trút lên bàn có lót sẵn lá chuối và thi nhau... cán. Kế, đặt từng cái một trên những xè đan mắt cáo bằng lá dừa nước để còn đem phơi nắng.

Nếu ai làm biếng thì thay vì quét bánh phồng họ đổ bánh trắng. Bột gạo trộn với nước cốt dừa, mè đen hoặc mè trắng, rồi thắng một chút nước đường đổ vô. Chỉ cần một trà nước sôi có phủ vài mùng và đậy nắp vung thật kín thì có thể hấp hằng trăm cái trong vòng một hai tiếng đồng hồ. Nói chung bánh phồng và bánh trắng là hai thứ dùng để nướng ăn cho vui miệng trong ba ngày xuân.

Ừa, còn quét cốm giệp nữa chớ, cũng... các cum đều trời. Nhưng mùa này không có, chỉ xảy ra trong thời lúa mới trở đồng đồng, nếp đang ngậm sữa mà thôi. Những gié nếp con gái mới cất về, tuốt hột, cho vô mè rang, rang cho vừa chín vừa mùi, tức là lúc hột nếp còn nổ tí tách và nhảy soi soi như tôm tươi. Ồi, thơm phức cả bầu trời! Xong, đổ ngay ra cối, quét! Nhẹ tay thôi, nhưng phải quét cho nhanh cho đều khi nếp còn nóng, nó mới dính lại với nhau, chớ dùng để nguội hột nếp sẽ dễ bể ra và tán thành bột. Rồi sàng sái, đãi vô. Muốn ăn liền thì chiết ra tô, bằng không thì cho vô ve keo lớn để dành. Sang hơn một chút thì thay vì hâm nước nóng mình hâm nước dừa tươi đổ vào, một lúc sau, cốm giệp từ từ nở ra, mềm mại. Trộn thêm dừa nạo, nước cốt dừa, rắc thêm chút đường cát mỡ gà, muối mè..., mèn ơi, thơm nức mũi, cứ nhâm nhi đớp hoài một nhí!

Mà nhắc đến cốm giệp thì Hồ Diệp lại nhớ đến kẹo mạch nha, món ăn duy nhứt làm bằng mộng nếp. Thuở ông bà nội còn sanh tiền, trong nhà nàng lúc nào cũng có một hai tin đây. Cứ thò muống vô mức một muống, đưa lên miệng liếm gọn một cái, chép chép miệng cho chất ngọt đọng trên đầu lưỡi tan dần, thấm sâu vào tế bào vị giác, bắt phải chu mỏ ém nhẹ xuống bụng, ời, đã làm sao. Hoặc giả, cắt một cọng lá dừa thiệt cứng, quán lên đó một cục tròn, để dành lâu lâu mút một cái cũng ngon. Nhưng bảo đảm không gì bằng cuộn mạch nha vào miếng bánh phồng dẻo, rắc thêm chút dừa nạo, muối mè. Mỗi lần đưa cho con nhỏ bạn cắn một cái thì mười lần như một, lần nào nó cũng cắn thiếu điều muốn cụt ngón tay...

Những bước chân không định hướng, thả lờn theo mối suy tư hờ hững trong đầu, đã vô tình dẫn dắt Hồ Diệp dẫm lên những lối mòn quen thuộc rợp bóng quanh năm, mà trong phút chốc chợt nhìn lại, nàng thấy mình đã vượt qua khô liếp vườn có cây mai lão hồi nào không hay! *Nhớ ai con mắt lim dim, chân đi thất thểu như chim tha mồi, hùm, vừa thôi!* Vì, rõ ràng, nàng đâu có nhớ ai đâu, kể cả Hiếu! Kệ, đi lờ thì đi luôn xuống dưới lùm chuối hột, rọc cho bà già một mớ cái dĩa, rồi hăng hay, nàng nhủ thầm! À, tại sao lại phải gói bánh bằng lá chuối hột chứ? Mà không là lá chuối xiêm, chuối lá, chuối tiêu, chuối tã quạ? Chắc là lá chuối hột dẻo dai, không giòn không rách, lại thêm dày và rộng bản hơn lá chuối thường, nàng đoán như vậy! Ủa, đúng rồi, trước khi gói còn phải phơi cho héo héo nữa chứ!

Nhớ hồi nàng còn nhỏ, còn học tiểu học trường làng, mỗi lần trong nhà có gói bánh nướng hay xè xè lại ngồi gần với người lớn. Liên bị la! "Con nhỏ này không biết gói, không biết cột gì hết thì đi chỗ khác chơi, chỗ cho người lớn người ta làm", má nàng hay rầy như vậy. Nhưng mà dì Nam và dì Bảy của nàng lại hay can: "Kệ nó mà, chị! Để nó ngồi chơi! Nè, con có muốn học gói bánh ích hôn, để đi chỉ cho!". Nhờ vậy mà bây giờ, lớn lên, nàng cũng biết gói bánh ích, bánh ú kiểu "vung nóc chùa" đang hoang đống nghen! Ôi! đã lâu lắm rồi nàng chưa được ăn những đòn bánh tét, những chiếc bánh ú có màu xanh cẩm thạch làm tại nhà! Loại bánh đặc biệt mà má nàng thường hay ngâm nếp với nước mưa có pha nước cốt lá dứa hoặc lá bưởi hương, hai thứ này làm cho hạt nếp thêm dẻo và có mùi thơm rất hấp dẫn.

Nói đúng ra những ai ở vườn, thông thường, hề "muốn ăn thì phải lăn vào bếp", vì hoàn cảnh chợ búa đường xá xa xôi, tiệm quán quan san cách trở. Bởi vậy ngay chính như Hồ Diệp và lũ bạn nhỏ quanh vùng cùng lứa khi xưa, như bọn con Lại, con Lý, con Hương, con Lan... cũng hay tùm năm tùm ba làm bánh ăn vặt mỗi buổi trưa. Chỉ làm những loại bánh dễ làm như bánh lá, bánh lọt, bánh đúc, bánh cục, bánh hòn..., chỉ toàn nắn bằng bột gạo rồi đem hấp. Ý mà quên, tụi bạn nàng cũng nghề nghiệp lắm chứ, vì đã từng biết vô lá thúy dẹt, tức là lá mơ nói cho có vẻ thanh tao hơn, rồi pha vào bột để có mùi thơm! Úi chà, đã gọi là thúy dẹt sao lại thơm? Chắc cũng phải tùy người thôi! Người nào không ưa thì gọi rằng thúy, còn người nào thích thì gọi rằng thơm! Mà nói cho ngay, thơm thì cũng không đúng lắm, chỉ là mùi hăng hăng tiết ra từ những chiếc lá

dài dài hình lá liễu nhưng có phần to bản hơn kia thôi. Có điều, tuy là nước lá vô màu xanh nhưng lúc bánh làm xong thì lại biến ra màu xám xám.

Rồi thêm một món giải khát đặc biệt, vì nếu ăn mấy thứ bánh "cây nhà lá vườn" này mà không có được một thau nước lá xâm để uống thì kể như thiếu, giống như ăn hủ tiếu mà không có nước lèo. Loại lá xâm này kể cũng lạ, chỉ vô lấy nước khơi khơi mà để yên một hồi lại đặc cứng như xương xa xương xáo. Uống nước lá xâm phải trộn với nước đá và đường cát thì mới mát xuống tới ruột tới gan.

Còn hai món nữa mà vào dịp Tết nhà nào cũng hay trở tài là xèn mít và làm cơm rượu. Mít thì có mít gừng, mít bí đao, mít dứa... cứ lấy kim xâm cho mềm, ngâm nước sôi, rồi đem ngào đường. Khéo hay vụng là ở chỗ miếng mít của mình có trắng, có trong hay không. Còn làm cơm rượu thì cũng dễ thôi, vì chỉ nấu cơm nếp rồi trộn với men rượu, xong vô viên, xấp đây vô thổ để lâu ngày chầy tháng thì nước rượu tự động tuơm ra. Mít thì ăn với thèo lèo, cứt chuột, còn cơm rượu thì phải ăn với xôi vô.

Chỉ nhà nào dư công dư của mới làm thêm bánh men, bánh gai, hoặc mít chuối. Làm mít chuối coi vậy chứ mà cực. Trước hết phải thắng nước đường cho tới rồi lựa chuối xiêm phơi khô tốt trái thả vào. Tiếp tục "xèn" đến khi nào kẹo kẹo mới lấy dứa nạo xắt lát mỏng đổ vô, trộn đều. Pha một chút thạch cao cho đường khỏi chảy. Xong lấy lá chuối cao lót dưới xùng, tráng thêm một lớp dầu dừa rồi rắc lên một lớp mè, dứa vào đấy mới đổ mít ra, trải đều mặt xùng. Sau cùng rắc thêm một lớp mè nữa lên trên mặt là xong. Chờ nguội, lấy dao cắt ra từng viên nhỏ kiểu con cò...

Băng qua hai cây cầu dừa cũ mục, tróc lớp vỏ bên trên lõi thịt nhẵn thín, Hồ Diệp đã đặt chân lên một liếp vườn chỉ chít đây cỏ tranh, vươn thẳng lên cao trông như những ngọn giáo mác. Rải rác đó đây có những bụi bù ngót, rau dền không kém phần tươi tốt, um tùm. Cạnh mé ruộng có cây lá cách cao lớn như cây măng cầu xiêm, cung cấp loại lá thơm kỳ diệu dùng trong nhiều món ăn khó quên, như đế xào thịt ếch, xác đậu, để nướng thịt bò, thịt nai, nấm mối, cá bống kèo, um lươn, luộc ốc quẩn. Xa xa một chút, ở đầu đàng kia cuối liếp vườn trước khi đụng đám lá tối trời, cũng là những ngọn giáo mác nhưng to lớn và dài hơn bội phần, thì toàn là chuối hột mọc loạn xạ như rừng, chuối mẹ xen lẫn với chuối con. Còn gọi là chuối ma, như người ta thường hay gán ghép, nên phải trồng xa nhà và không bao

giờ được cúng. Nghe đồn rằng loại chuối này chỉ trở quai vào lúc nửa đêm, vẩn mình trèo trẹo, và mấy ông thầy pháp thường hay hứng nước buồng chuối đem về luyện phép trừ tà. Nghĩ tới quí mà nàng cũng hơi sợ sợ vì nơi đây có phần hoang vắng, quanh hiu. Hồ Diệp ung dung đặt chiếc rổ thùa xuống đất rồi quơ mác cát tùng tào một, từ dưới cát lên, bắt đầu là những tàu lá xà xà mặt đất. Xong, nàng gom lại thành đống rồi mới ngồi xuống lựa những lá còn nguyên không bị rách nhiều để rọc ra từ phiến một, xếp ngay ngắn vào rổ con. Nàng cố ý làm lẹ lẹ đặng đi về vì, mặc dù đang giữa ban ngày bar. mặt, nhưng thân gái một mình nơi cõi âm u này kể cũng hơi ngán...

Vậy mà, bỗng, có tiếng nói ở sau lưng:

- Mới về hả chị Diệp?

Hồ Diệp giật nảy mình, quơ ngang một vòng ngọn mác, ngó ngoái lại:

- Hú hồn! Mèn đét ời, Niếng đó hả? Đi đâu mà... ẻm ru bà ru vậy?

Niếng ngó nàng chằm chập từ đầu đến đít một lúc lâu rồi thông thả trả lời:

- Dạ, định đi vòng vòng mấy nhà quen trong xóm, thăm hỏi tình hình cũng như hoàn cảnh làm ăn của bà con vậy mà! Sao, chị mạnh giỏi? Lâu ngày không gặp lại chị, thấy chị cũng trắng trẻo, mịn màng chẳng thấy gì thay đổi...

Cám ơn! Lâu ngày không gặp? Đúng đó! Nhưng chẳng mấy gì thay đổi thì có lẽ sai vì chính Hồ Diệp đã thấy rõ sự khác biệt trong cử chỉ và cách ăn nói của Niếng. Nó là thằng em của cặp song sinh Xiếng-Niếng, con của chú mười Xúng. Anh nó, thằng Xiếng, thì ở đợ cho ông thầy giáo Dân, còn nó là thằng chân trâu cho ba nàng trước đây mà nàng không rành nó sao được chứ! Tuổi nó cũng tròm tròm tuổi nàng, hoặc già lớn hơn cũng không biết chừng, nhưng vẫn quen kêu nàng bằng chị cho phù hợp với vai chủ tớ. Chẳng biết bây giờ nó đã có vợ con gì chưa vì dân ở ruộng ở vườn thường hay lập gia đình sớm lắm. Ủa, mà ai dám lấy nó! Làm dân quân du kích, nếu nàng đoán không lầm, thì có khác gì lính nghĩa quân, cũng chết nay sống mai không biết đường đâu mà mò. Không hiểu nó giữ chức vụ gì trong xã, trong ấp mà không thấy súng ống gì hết. Hay là nó lặn khéo trong mình, dưới bộ đồng phục bà ba đen, cổ quần khăn rằn, vai mang túi đét kia? Rõ ràng "cái áo không làm được thầy tu", vì tuy bề ngoài thằng Niếng có thay đổi đó nhưng khuôn mặt cụt ngắn, có vẻ, nói xin lỗi, hơi ngu đần ngốc nghếch của nó vẫn cứ y chang như cũ. Nhưng mà, úi cha, sao nó mở mắt ngó

lom lom vào người mình vậy cả? Có khi nào nó dám xấn xá tấn công nàng hay không? Nó vẫn kêu nàng bằng chị mà, đâu có thể hỗn hào như vậy được! Ở chỗ này mà nàng có la cả buổi thì chắc cũng chẳng ai nghe, kể cũng nguy hiểm quá! Cần phải sẵn sàng thủ thế, với cái móc nhọn trong tay này! Nhắm lấy tinh thần, nàng ngưng lại, không dám tiếp tục công việc của mình, và tìm lời dò xét:

- Sao, dạo này chú thím Mười ra sao hả Niềng? Năm nay mùa màng có trúng không vậy?

Chẳng màng trả lời những câu hỏi của Hồ Diệp, Niềng bỗng dưng đưa ra một đề nghị khác: - Để Niềng làm phụ chị một tay!

Hồ Diệp giục mình, từ chối ngay:

- Ý thôi đi, chị làm một mình được mà, đâu có bao nhiêu mà Niềng phải giúp.

Cũng chẳng thêm để ý đến những gì Hồ Diệp nói, Niềng cứ tự nhiên đặt đít xuống đất ngồi đối diện với nàng, rút ra trong túi đét mang ở sau lưng một cái mã tấu dài thông, sáng giới rồi cầm lên một tẩu lá chuối gần mình rọc một đường ngọt xốt. Chết, cái móc con của mình làm sao mà chóng cự lại nổi với cái mã tấu lớn kia, Hồ Diệp run sợ thẳm! Ánh thép xanh dờn pha sắc tím, vì rất có thể đã nhuộm máu nhiều người, chứng tỏ rằng cái mã tấu này bén lắm! Chém sắt như chém bùn thì còn gì cái móc của nàng khi đem ra chống đỡ! Thôi thì nàng cứ ngồi yên chờ xem động tĩnh...

Thời gian chậm chậm trôi qua! Trong giây lát, thời may, tinh thể lại xuoài theo một chiều hướng khác! Vì Niềng đã lên tiếng:

- Nghe ba Niềng nói thì cũng không đến nỗi thất bại như năm rồi, nhưng năm nay bên ông Cả lại đòi tăng lúa ruộng nên chẳng biết có đủ đóng hay không nữa. Thời nào cũng vậy, tá điền làm ruộng mượn cho địa chủ bao giờ cũng khổ. Nhưng chắc không bao lâu nữa thì ủy ban nhân dân xã của mình sẽ phân chia lại, hy vọng là ba má Niềng sẽ có năm mười công, tự túc tự cường với người ta.

Trời đất, còn chưa phân chia lại cái gì nữa đây, Hồ Diệp thẳm hỏi? Thời buổi này tuy mang tiếng là làm ruộng mượn, coi vườn mượn như ba má của Niềng nhưng thật sự họ đóng lúa ruộng hay trả tiền vườn bao nhiêu thì tùy ý. Ai lại không biết điều đó, nhất là những gia đình có con cháu đi bộ đội, du kích. Có ai dám đòi hỏi gì đâu? Trường hợp của ba má nàng là một thí dụ! Càng đòi hỏi thì mất ruộng mất vườn càng sớm. Vì mặc dù không thành văn tự, nhưng trên danh nghĩa thì chính những người làm công đã

làm chủ những gì họ thuê, họ mượn từ lâu rồi. Thử hỏi có chủ ruộng, chủ vườn nào dám mở miệng đòi lại chớ? Láng cháng nếu không ăn mã tấu thì cũng lọt hàm chông có ngày! Mà nói chớ không riêng gì những miếng vườn phần ruộng cho mượn, ngay cả phần vườn phần ruộng mình đang làm đây cũng đầy đầy nguy hiểm! Nếu bọn du kích, giao liên không thương tình chỉ cho những chỗ gài mìn, những nơi đặt lựu đạn thì không chóng thì chày, trước sau gì mình cũng chết banh thây, không kịp ngáp!

Bỗng, có tiếng con gái phụ họa ở sau lưng:

- Ô, không mấy thuở gặp lại mầy ở dưới này, Diệp! Sao mầy không về đây sinh sống, làm ăn với đồng bào chòm xóm cho vui, mầy?

Hồ Diệp rất đỗi ngạc nhiên, ngược nhìn con bạn tiểu học cùng lớp ngày nào, cũng trong bộ đồ du kích chiến giống như Niềng! Da dẻ con nhỏ dạo này tuy trắng thì có trắng nhưng có vẻ mét xanh chẳng khác gì cỏ non thiếu ánh nắng! Để tránh những phiền phức có thể xảy đến, Hồ Diệp nói giả là:

- Mèn ơi, mầy đó hả Lan? Không ngờ dạo này mầy làm lớn nghen, đi đâu cũng có người hộ tống, đưa đón, dò đường...

Chắc con nhỏ còn nhớ "chuyện tình Lan và Diệp" giữa hai đứa mà chúng bạn tí hon thường hay gán ghép ngày nào, cho dù Diệp này... là gái và không có chuyện đồng tình luyến ái! Nhưng hiện thời có lẽ Lan xưa đã gặp được người tâm đầu ý hiệp khác, Hồ Diệp nhủ thẳm, vì nó quay nhìn Niềng cười cười. Chợt con nhỏ hỏi nàng mấy câu có hơi lằng nhằng:

- Cát lá chuối chi vậy Diệp? Có muốn tao phụ với mầy một tay không?

- Ôi, phụ gì mầy, tao chỉ cắt một rổ nhỏ này cho bà già gói bánh tét, bánh ích thôi. Năm nay trong nhà không có mấy người được phép về quê nghỉ ngơi ăn Tết...

Hồ Diệp cảm thấy mình nói hớ khi nghĩ tới anh Hòa, một sĩ quan đang chống gác giữ đồn ngoài trận tuyến, bèn nói chữa ngay:

- Ai ai cũng lu bu, bận rộn với công ăn việc làm... A, hai bác Chín cũng mạnh hả Lan?

Cô bạn nàng trả lời bằng quơ:

- Ô, ổng bà lúc nào cũng vậy..

Rồi như có điều gì quan trọng cần phải giải quyết gấp, Lan liếc mắt hướng qua Niềng:

- Thôi mình đi đi, kéo trẻ! Nay mai sẽ gặp lại mầy sau, Diệp!

Lan rào bước dẫn đầu, Niềng cất gọn mã tấu vào túi đét rồi đứng phất dậy phóng bước đuổi theo không buông

một lời từ giả. Trong phút chốc hai cái bóng đã vòng qua ngã rẽ, khuất dạng sau đám lá tối trời. Hồ Diệp ngẩn ngơ ngồi lại một mình với rổ lá chuối đã đầy, nghĩ ngợi mông lung. Bọn bè, người thân bỗng dưng dàn trận, đứng vào hai bên chiến tuyến: Quốc Gia và Cộng Sản! Nhớ ngày nào cả lũ vẫn hay đồ bánh cục bánh hòn, chơi nhà chòi, nhẩy cờ địa, đánh đũa, tạt lon với nhau, giờ thì hình như... mạng ai nấy giữ. Một lần tha mạng cho mầy và, bây giờ, bọn tao không cần phải giấu giếm hành vi, tung tích nữa! Một lần thì tôn tới già, đừng đi nước mặn cho hà ăn chân, đừng có tưởng bở mà đánh đổi cuộc đời mình với phường giả ơn, giả nghĩa. Nàng càng không thể ý y, ngu dại tin vào lời nói cởi mở, nhẹ nhàng của bạn bè quen. Đã trót đi đêm với loài chối bỏ linh hồn thì bọn chúng sẽ không ngần ngại trở mặt, thay lòng còn nhanh hơn trở bánh phồng, bánh tráng! Ô hay, đúng là hú ba hồn chín vía!

Nổi chết huyệt vẫn còn ám ảnh trong đầu, Hồ Diệp thấy không thể ở đây thêm giây phút nào được nữa, nàng liền lật đật gom hết mọi thứ rồi bươn bả băng qua cây cầu dừa, chạy một mạch không kịp thở về nhà. Bỏ luôn cả việc cắt những nhánh mai gầy cho ông già chưng bần thờ nhà trên. Chắc không đợi đến ngày mai ngày mốt, hoặc ra giêng hay sau ba ngày Tết năm nay, cái Tết mậu hâu mậu khí này, mà ngay bây giờ, nàng sẽ tìm thua cùng ba má rằng con sẽ từ giả quê hương, để đi luôn về thành, vì con đã không còn đường trở lại.

Nàng nghĩ đến Hiếu, không biết rồi chàng sẽ đứng bên chiến tuyến nào? Có phải những ai làm nghề giáo thì thường hay đứng giữa, theo thế trung lập? Gia đình chàng chẳng biết đã có kinh nghiệm gì với Cộng Sản hay chưa, chớ như dân chúng trong vùng Đồng Khởi nói chung, gia đình nàng nói riêng, thì mười nhà như một, không ít thì nhiều đều cũng tỵ vết, với ít nhất là một người đã bị bức tử. Như trường hợp của ông nội nàng đã bị cắt gân cắt nhượng, từng xẻo từng miếng thịt trước khi gài mìn dưới mương là một điển hình. Chỉ những ai còn tiếc ruộng vườn, của cải, mồ mã của ông bà để lại mới còn nứn nứn tại đây, như ba má nàng chẳng hạn, chớ hầu hết những ai có phương tiện, họ đã di chuyển qua Mỹ Tho hay về Bến Tre lập nghiệp, tạo dựng cuộc đời mới từ lâu. Và lần về thăm quê cũ này, đối với nàng, biết đâu, sẽ là lần chót! Trong băng khuáng, nàng cảm thấy buồn thương cho số kiếp long đong, xa nhà, xa quê cha đất tổ của mình...

Dr. TÔN THẮT HỨA

Vài dữ kiện về NGUYỄN VĂN TƯỜNG

14.10.1824 - 31.7.1886

Mở đầu :

Nguyễn Phước Tường, tên một người đậu tú tài trúng tuyển khoa thi Hương năm Thiệu Trị thứ 2 (1842) bị nhà vua phát hiện ra trong danh sách với rất nhiều ác cảm, liền gạch tên không tiếc thương và đổi thành Nguyễn Văn Tường và giao cho Viện Đô Sát trừng trị về tội mạo nhận dòng tộc hoàng gia, đồng thời Dụ rằng: "Từ xưa, thánh nhân nghiêm luật: trên có thứ bậc, dòng họ có phân biệt, đó là để nêu rõ sang hèn và phân chia thân sơ. Đức Thái Tổ Gia Dụ Hoàng Đế ta gây dựng nước nhà, lấy Nguyễn Phúc làm họ nhà vua đến niên hiệu Minh Mạng lại có Dụ nhắc lại: phạm người không phải họ vua mà dưới họ Nguyễn của mình mạo đặt chữ Phúc thì cho dùng chữ khác để thay. Điều ấy quan, dân trong ngoài ai cũng biết, mà kính cần kiêng tránh. Văn Tường đã đi học để ứng thí, không thể nói là không biết, sao lại còn mạo muội đổi họ vua? Từ quan tỉnh Quảng Trị đến học quan ở phủ, huyện sơ tái xét hạch thu quyền cứ việc sắp xếp đưa đi! Quan Quốc Tử Giám và quan trường lại không một người nào kiểm điểm nêu ra! Sao mà dui điếc cả một lũ đến thế! Bộ Lễ trước đây thu nhận danh sách cũng bỏ qua không biết! Tất cả đều là sơ sót quan trọng vô cùng. Vậy giao cho Viện Đô Sát nghị xử".

Khi Viện Đô Sát xét xong, dâng bản án lên vua, vua giao lại đình thần, cuối cùng Văn Tường bị khổ sai một năm. Các học quan ở tỉnh, phủ, huyện, quan Quốc Tử Giám, quan trường chấm thi, bộ Lễ và Viện Đô Sát đều bị "phân biệt, giáng phạt".

Ngay sau đó, Thiệu Trị lại Dụ thêm rằng: "... Vậy chuẩn định, từ nay phạm kẻ nào có ý lạm dụng họ vua, nêu hai chữ họ hay hai chữ tên mà phạm vào dòng dõi thế hệ thuộc Tôn-Thất, chi gần nhất thì chiếu theo luật "luật đại bất kính" xử tử, nếu phạm đến tôn-thất chi xa thì chiếu theo luật "con nuôi mạo tập âm" phạt đi sung quân ở nơi lam chướng; nếu có phạm để cậy quyền thế sách nhiễu hay mưu toan để thừa kế tập phong sẽ bị trị tội nặng thêm nữa. Những người chấp nhận và những người biết việc ấy mà không tố cáo đều giao bộ nghị xử nghiêm ngặt.

Những điều trên đây đều đặt làm nghiêm lệ lâu dài. Vậy Dụ khắp trong ngoài để mọi người biết mà tránh không vi phạm".

Đúng là một chữ "Phúc" mang họa đến cho hàng chục người và cũng là bước đầu trên đường tiến thân của Cụ Nguyễn Văn Tường.

I. Bước đường làm quan :

Nguyễn Văn Tường sinh ngày 22 tháng 8 năm Giáp Thân (14.10.1824), mất ngày mùng Một tháng Bảy năm Bính Tuất (31.7.1886) tại Tahiti, quê quán làng An Cư, tổng An Cư phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Xuất thân trong một gia đình tiểu nông nghiệp, con ông Nguyễn Văn Dậu và bà Dương Thị Liên. Hồi bé ông Nguyễn Văn Tường rất ham học.

Theo Tiến Sĩ Thái Văn Kiểm, trong truyền Tường là con riêng của Tường Khánh Công, về sau lên ngôi là vua Thiệu Trị. Nguyễn Tường Khánh Công theo cha (vua Minh Mạng) tuần du tỉnh Quảng Trị, tình cờ gặp cô gái xinh đẹp, bèn dạm dúi với cô mà sinh ra một con trai, mẹ đặt tên là Tường để lưu

niệm tên của cha, có lẽ vì lẽ đó mà ông đã mang tên Nguyễn Phước Tường. Tường đi thi Hương năm 1842. Mười tám tuổi, đậu được tú tài trong lần thi đầu tiên, hẳn là gia đình và bản thân lấy làm sung sướng và hãnh diện có ngờ đâu chính là tai họa, Nguyễn Phước Tường phải đổi tên là Nguyễn Văn Tường bị tước bỏ bằng cấp, bị tội đồ một năm và suốt đời không được đi thi. Phải đợi đến tám năm sau, gặp cơ may, ông mới được vua Tự Đức xóa án. Ân khoa 1850, Nguyễn Văn Tường đi thi và đậu cử nhân.

Cuộc đời làm quan của ông bắt đầu từ một nhiệm sở miền núi, tiếp giáp với Lào, huyện Thành Hóa về sau đổi là Cam Lộ. Ông đã từng theo Trần Tiến Thành làm công tác đặc biệt vào Nam năm 1857. Trong tám năm (1852-1860) là thời gian để ông Nguyễn Văn Tường có thể tìm hiểu về phong thổ, đất đai và dân cư kinh thượng và thi hành công cuộc khẩn hoang tạo điều kiện cho dân tụ, buôn bán và trao đổi. Ông thường vượt sông Hiền Lương lui tới nhà bá hộ Lộc ở chợ huyện Vinh Linh. Ông này có con gái khá xinh mà ông Tường có ý định cưới về làm thiếp. Nhưng khi ông Nguyễn Văn Tường được thăng liên tiếp trong ba năm từ An Sát, Bồ Chánh đến Tuần Vũ ông bỏ lơ luôn không lai vãng đến nhà bá hộ Lộc nữa. Về sau có lần ông Nguyễn Văn Tường đi kinh lý qua chợ Huyện, cô con gái ông bá hộ đang ngồi giặt áo dưới sông, ngược mắt lên trông thấy ông Tường, bèn hát một câu mà dân Quảng Trị còn truyền lại như sau:

Hỡi người mặt trắng râu xanh

Phải người chợ Huyện bạn mình đó không ?

Quả thật ông Tường có tướng mạo khác thường: mặt trắng mà râu xanh biểu trưng cho hạng người lắm mưu mẹo.

Trở về kinh, ông giữ chức viên ngoại bộ Hình, được vua Tự Đức đánh giá là người có năng lực, tiến cử với vua Tự Đức. Chỉ một năm sau 1862, ông Nguyễn Văn Tường được thăng An Sát Quảng Nam (chánh tứ phẩm), rồi Tá lý bộ Binh (1863) và Thừa Thiên Phủ Doãn (1864) kiêm nhiệm Khuyến Nông Sứ Thừa Thiên và Quảng Trị.

Vì cuộc khởi nghĩa đêm mùng 8 tháng 9 năm Bính Dần (1866), gọi là giặc chày vôi dưới quyền điều khiển của Đoàn Hữu Trưng, ông bị cách chức. Về sau được khai phục hàm biện từ (chánh thất phẩm) Nguyễn Văn Tường lại trở về huyện Thành Hóa để lo mở mang vùng núi tỉnh Quảng Trị. Tình hình Bắc Kỳ khẩn trương vị bộn giặc khách, ông Nguyễn Văn Tường được cử ra Bắc làm tán lý quân vụ. Chính trong thời gian này mà Nguyễn Văn Tường có dịp trao đổi, bàn bạc với các ông Trương Văn Đề, Phạm Thận Duật, Ông Ích Khiêm, Hoàng Diệu, Hoàng Tá Viêm và Tôn Thất Thuyết. Qua các bản tấu gửi về triều chứng tỏ khả năng là người có mưu lược luôn luôn được vua Tự Đức hỏi han tình hình về đất Bắc. Ông cũng đã nhiều lần sang Long Châu gặp Phùng Tử Hào để bàn việc hợp sức, tiểu phi.

Năm những chức vụ quan trọng đó, Nguyễn Văn Tường đã nghĩ gì về người Pháp:

- "Người Phú... có trí tham lam giáo quyết, sánh với Hung nô, Khiết Đan thì càng hơn hẳn" (Bản tấu ngày 6.2 Tự Đức 21 - 1868).

- "Thần trộm xét sự thế nước ta đến đây thật khó liệu... người Tây xảo trá trăm mối, việc nghe đoán cần phải thận trọng..." (Bản tấu ngày 6.2 Tự Đức 21 - 1868).

- "Trộm xét các nước Tây Phương thường chuộng công lợi mà tham lam giáo quyết, mà nước Phú và nước Anh là nhất" (Tấu ngày 22.3 Tự Đức 21 - 1868).

Trong các tấu gửi lên vua Tự Đức, ông đã bày tỏ lập trường:

- Hòa thì có gì để trông cậy?

- Người xưa có nói rằng chiến rồi sau mới thủ được, thủ rồi mới có thể hòa được cũng là cái thế lực tương đương vậy.

- Hòa để mưu giữ, giữ để mưu chiến mới hợp cơ nghị, mà may mắn mới không sai lầm ... cái hòa ngày nay thực là ngược với lời bàn của dân chúng (Tấu, 8.3 Tự Đức 21 - 1868).

Ông cũng đã nói: không lo bọn giặc ngang ngược, chỉ lo ta không thể tự cường; không lo bọn giặc tham tàn chỉ lo ta không thể tự giữ. Rồi ông lại đặt ra hàng loạt câu hỏi: Kinh sư là đất căn bản, đồn lũy đã vững chăng? Chí quân lòng dân đã được khích lệ chăng? Đường bộ đường thủy phòng bị đã vững chăng?, quân lương, binh lính làm thế nào cho tinh và đủ ?? Hào mục sĩ dân làm thế nào cho chuyên luyện? Nơi nào hiểm yếu cần phải giữ, phép phòng thủ nào tất vững???... (Tấu 22.3 Tự Đức 21 - 1868).

Năm 1873, nhân vụ Jean Dupuis, Nguyễn Văn Tường được triệu về Huế, lãnh chức phó sứ cùng với Lê Tuấn vào Sài Gòn thương thuyết với Pháp.

Đối với dân Pháp, mặc dù Tôn Thất Thuyết trấn thủ xa kinh đô cũng thường lưu tâm đến việc phòng chống Pháp.

Cũng trong năm 1873, trong số tâu bày bốn việc gửi vua Tự Đức, Tôn Thất Thuyết đã đề nghị: Hà Nội là một trấn ở Bắc Kỳ, rất quan yếu, xin chuẩn cho quan khâm mạng Nguyễn Tri Phương về trấn trị, cho nơi căn bản được vững.

Khi thành Hà Nội thất thủ, các tỉnh Ninh Bình, Nam Định và Hải Dương bị mất, Hoàng Tá Viêm và Tôn Thất Thuyết đem quân về đến huyện Từ Liêm cho quân Lưu Vĩnh Phúc khiêu chiến và phục giết được Francis Garnier ngày 2 tháng 11 ta, tức 21.12.1873 dương lịch. Tự Đức khiếp nhược sợ Pháp phản ứng ảnh hưởng đến việc xin trả thành nên sai Trần Đình Túc báo cho Hoàng Tá Viêm, Tôn Thất Thuyết phải rút quân. Viêm và Thuyết trả lời: "... tướng ở ngoài chỉ lo việc đánh giặc ...". Nguyễn Trọng Hợp, Trương Gia Hội phải đến quân thứ bàn bạc, Hoàng Tá Viêm, Tôn Thất Thuyết mới thuận nghe, động binh bất động.

Trong khi ấy, theo lời xin của Đại úy Francis Garnier trước kia, Pháp sủy đã sai chiếc tàu Decrès đem hơn 100 quân và nhiều lương thực, súng đạn tiếp tế cho quân Pháp ở Bắc Kỳ. Tàu Decrès đến Hải Phòng gần một lúc với tàu d' Estrées chờ Nguyễn Văn Tường và Philastre (Philastre là hải quân đại úy kiêm chức thống soái việc hình luật ở Nam Kỳ). Ngày 5 tháng 11, tàu d' Estrées chờ các quan sai phái đến cửa Cẩm mới hay rằng Đại úy Francis Garnier đã bị quân Cờ Đen do Lưu Vĩnh Phúc phục kích giết ở Cầu Giấy. Tài liệu tìm thấy cho biết rằng ông Philastre tức giận vỗ bàn mà bảo Nguyễn Văn Tường rằng: "việc không xong rồi, phải trở về đợi lệnh sủy phủ mới được". Ông Nguyễn Văn Tường sợ ông Philastre giận quá mà làm nhờ việc, mới ung dung nói: Việc đánh lấy thành Hà Nội sủy phủ bảo không phải là bản ý, mà quân bản quốc ở 4 tỉnh Bắc Kỳ cũng không tranh giành gì cả; vậy cả hai bên không có gì làm điều trái nhau. Nay Đại úy Francis Garnier chết, hoặc là bị giặc giết hoặc là vì dân nổi lên làm loạn, việc ấy ta chưa rõ. Huống chi trả thành lại để định hòa ước cho xong, ấy là lệnh của sủy phủ; mà thu lấy thành rồi mới nghị hòa, ấy là mệnh lệnh của bản quốc. Còn như việc Hà Nội giết Đại úy Francis Garnier thì cũng như Đại úy Francis Garnier giết ông Nguyễn Tri Phương, việc đó xuất ư ý ngoài, chứ có phải lỗi chúng ta đâu. Bây giờ chúng ta ra đây, mắt chưa trông thấy việc gì cả, mới nghe thấy tin báo mà đã bỏ về, thế chẳng hóa ra mình đi uống mắt công hay sao? Chỉ bằng cho người đưa thư lên Hà Nội báo đem tâu xuống đón, chúng ta sẽ tới nơi, hoặc cứ theo mệnh lệnh mà làm, hoặc là xét rõ nguyên do tại làm sao mà Đại úy Francis Garnier chết, rồi sẽ báo tin, thế chẳng ổn việc làm sao?". Ông Philastre nghe lời ấy, bèn sai người đưa thư lên cho Hà Nội biết.

Ngay lúc ấy có tàu "Decrès" còn đóng gần Đồn Sơn, ông Philastre muốn sang tàu ấy để cho chiếc tàu mình đi là "d' Estrées" trở về báo tin cho Sài Gòn biết. Nguyễn Văn Tường ngăn đi rằng: "Tàu của mình đã vào cửa rồi lại trở ra, nhờ sĩ

dân biết, lại bắt chước Hà Nội mà làm bậy, thì làm thế nào mà ngăn cấm được; sợ có việc tổn hại, thì lấy lẽ gì mà bằm với quý sủy. Vậy nay xin sai chiếc tàu "Decrès" ra bễ, đuổi đánh những giặc Tàu Ô, còn cứ đem tàu "d' Estrées" vào đến Hải Phòng, rồi ta sẽ lên Hải Dương, đem trả tỉnh thành lại cho bản triều, để tỏ cả lòng tin cho sĩ dân biết, sau ta lên Hà Nội giao trả nốt cả mấy thành kia, và tra hỏi việc Đại úy Francis Garnier chết ra thế nào sẽ bằm cho quý sủy biết".

Ông Philastre lên tới Hải Dương truyền trả thành lại cho ta, rồi lên Hà Nội làm tờ giao ước trả lại cả 4 thành cho quân ta coi giữ, còn những tàu bè và quan lính Pháp ở các tỉnh thị thu cả về Hà Nội, rồi định ngày rút quân ra đóng ở Hải Phòng đợi đến ngày ký hòa ước xong thì rút về.

Rheinart, hải quân đại úy đến Hà Nội giữ chức Trú sứ. Tháng giêng năm sau (Giáp Tuất, 1874, Tự Đức 27) Philastre và Nguyễn Văn Tường về đến kinh, vua khiến các quan đến cảm ơn quan Thống Sát và ban một đạo sắc dụ biểu dương công khó đối với nước ta. Nguyễn Văn Tường rất được vua Tự Đức tin nhiệm sau việc ký với Philastre thỏa ước rút quân Pháp /7.1.1874 và 6.2.1874), được thăng Thượng Thư Bộ Hình và phong Kỳ Vi Bá.

Hiệp ước ngày 15.3.1874 (Thương ước Giáp Tuất) Tự Đức 27, mất thêm 3 tỉnh miền Tây giữa Lê Tuấn và Nguyễn Văn Tường đại diện chính quyền Đại Việt với Thống đốc Dupré đã đưa Nguyễn Văn Tường trở thành nhân vật có uy tín rất lớn tại triều đình. Sau khi ký Thương ước 31.8.1874, Nguyễn Văn Tường được giữ Thượng Thư Bộ Hình kiêm quan Thương Bạc viện và sung việc Cơ Mật. Xin lược ra đây chi tiết nổi bật đó:

- Năm 1874, vua Tự Đức bảo quan viên Cơ Mật và Thương Bạc rằng điều hay thì không điều nhỏ nào mà không ghi lấy, huống chi là có công lớn, Viêm và Thuyết mùa đông năm ngoái giết được đầu sỏ giặc (Francis Garnier) làm mất nhuệ khí của chúng, Nguyễn Văn Tường nhân đây để làm nên việc.

Rheinart (sủy phủ Sài Gòn sai ra thay cho ông Philastre sau khi mọi việc ở Hà Nội xếp đặt xong) đã viết với giọng điệu mỉa mai:

Kể từ năm 1874 (Nguyễn Văn Tường) trở thành nhân vật ảnh hưởng nhất triều đình Huế. Được coi như con người dũng mãnh phải làm cho Pháp phải nhả Bắc Kỳ, nay Tường cũng được như người có khả năng làm cho Pháp nhả nốt Nam Kỳ (thư gửi Thống đốc Nam Kỳ 30.11.1881)".

Rheinart đã không làm chút nào khi đánh giá về ông:

"Khi trở thành đứng đầu phe cứng rắn, chính Tường đã xui Tự Đức coi thường Hiệp ước năm 1874" và De Champeaux đã vận động với Trần Tiễn Thành để Nguyễn Văn Tường thôi giữ chức "Thương Bạc" và còn tiếp tục vận động chống lại Nguyễn Văn Tường:

"Quan "Thương Bạc" vẫn còn là Thượng Thư Bộ Hộ và thành viên Viện Cơ Mật (nguyên văn: Thứ trưởng Viện Cơ Mật). Với tư cách sau ông vẫn còn có thể chống đối chúng ta.

Muốn thoát nạn, ta còn phải đập ông tan tành cả ở phía ấy". Trong quá trình nghiên cứu về sự việc "tứ nguyệt tam vương" những nhân vật chính yếu trong triều đình Huế bấy giờ là Trần Tiễn Thành, Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường và Phạm Thận Duật. Tài liệu chính sử quá ít ỏi và tùy theo cái thế mạnh hay yếu của đương sự mà đề được đề cao hay bôi nhọ. Tài liệu về phía người Pháp có nhiều nhầm lẫn hoặc vô tình hoặc cố ý. Do đó những tư liệu thuộc về gia đình, bia mộ, gia phả, sắc tứ, thơ văn, biểu tấu... là những tài liệu đối với người viết là vô cùng cần thiết và quan trọng để có một nhận xét khách quan của hậu thế.

Về nhân vật Nguyễn Văn Tường, Khoa sử Trường Cao Đẳng Sư Phạm Thành phố HCM cho đến năm 1991 đã sưu tập được 6 tập với khoảng 700 trang chữ Hán. Qua khảo sát hình thức và nội dung văn bản của chỉ dẫn của "Gia phả chi

NGUYỄN VĂN" đã xác nhận nguồn gốc các tư liệu ấy do hàng cháu nội Cụ Nguyễn Văn Tường là các ông Nguyễn Văn Tài, Nguyễn Văn Hiếu và Nguyễn Văn Phụng thân hành tận lực... đã ra đến các nha môn, bộ, viện sưu tầm tài liệu, phân chia ra từng loại, biên thành từng tập rồi lưu chiếu tại tư đường để làm gia bửu. Cụ Nguyễn Mạnh Cường thuộc Khoa Ngữ Văn Đại Học Sư Phạm Huế đã dịch ra ba tập:

1. Bắc Kỳ tấu nghị: (Nguyễn Mạnh Cường dịch) gồm có gần 20 bản tấu của Nguyễn Văn Tường gửi cho vua Tự Đức trong thời gian lo việc quân ở Bắc Kỳ liên hệ đến việc đánh dẹp phi, trong đó có bản tấu Nguyễn Văn Tường nhận xét đến tính cách con người của các quan lại ở Bắc Kỳ như Hoàng Kế Viêm, Ông Ích Khiêm, Trương Văn Đê và Tôn Thất Thuyết... theo lời yêu cầu của vua Tự Đức.

2. Nam Kỳ tấu nghị: (Trần Đại Vinh, Ngô Thời Đôn... liệu dịch) gồm có 21 bản tấu, tạ biểu của Nguyễn Văn Tường gửi lên vua Tự Đức năm 1868 - 1875. Nội dung chính là tình hình ngoại giao với Pháp từ sau khi Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây (1867).

3. Tập Thương Bạc viện. Tập các văn thư của Nguyễn Văn Tường với tư cách Thương Bạc đại thần gửi cho Pháp, tạm gọi là tập Thương Bạc viện.

Chẳng may các cháu bản nhà Nguyễn đã thất thoát nặng nề do chiến tranh, do việc di chuyển từ Huế lên Đà Lạt dưới thời Ngô Đình Diệm rồi thành phố HCM sau 1975 cuối cùng là do thiếu điều kiện bảo quản.

4. Một tập Việt-Trung giao thiệp, gồm có các văn thư của Nguyễn Văn Tường gửi các quan, tướng Trung Hoa về việc cùng hợp sức tiêu phi.

Bắc Kỳ tấu nghị và Nam Kỳ tấu nghị chính là những châu bản. Đó là các bản tấu được gửi về triều đã được Tự Đức đọc và phê hoặc khuyên bằng son. Nội dung thật phong phú và vô cùng quý giá. Từ những tài liệu mới này chúng ta có thể tìm hiểu về:

- Vua Tự Đức
- Các quan đại thần đương thời
- Tình hình giao thiệp với Pháp và Trung Quốc.

Điểm chính mà người viết muốn đem ra là quan điểm chính trị của Nguyễn Văn Tường trước và sau biến cố Ất Dậu vào đêm 4 rạng ngày 5 tháng 7 năm 1885 (tối 22 rạng qua ngày 23 năm Ất Dậu).

Hơn một thế kỷ đã qua kể từ ngày Tôn Thất Thuyết phát lệnh tấn công quân Pháp năm 1885 tại Huế để giành lại chủ quyền đất nước. Ngoài những dữ kiện đã được nêu lên trong "Quan sự kiện Tôn Thất Thuyết, Viên Giác 73, tháng 2 năm 1993" thiết tưởng những điểm sau đây cũng nên mang ra một lần nữa để xác định cho đúng vai trò của những nhân vật đã tham dự chính biến Ất Dậu. Một trăm năm đã để lại khá nhiều ý kiến khen chê về Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường. Nhận định về Tôn Thất Thuyết qua vai trò lịch sử của ông, trước hết không thể không lau sạch những lớp bụi mờ đã phủ lên khuôn mặt lịch sử. Xác định chỗ đứng của Nguyễn Văn Tường trước và sau biến cố Ất Dậu cần phải có những tài liệu của cá nhân, của dòng họ, tài liệu mới tìm thấy ở quê nhà và những tài liệu đã xuất bản tại Pháp qua các công báo, sách vở.

Ngay khi còn sống, khi cả hai Phụ Chánh Đại Thần còn nắm mọi quyền hành trong tay đã là một đề tài của một loạt nhận định sai lầm mà đến nay chưa mấy ai quên được câu ca dao:

*Nước Nam có bốn "Anh hùng"
Tường gian, Viêm láo, Khiêm khùng, Thuyết ngu
Lại thêm hai đứa vũ phu
Đê Đức, Đê Soạn cong khu chịu đòn.*

Tên của hai ông Thuyết và Tường gần rất sát với nhau, một bài thơ truyền tụng ở Huế càng để lại những ấn tượng không đẹp về hai ông:

*An Nam quốc vận ngẫu tai ương,
Kỳ cá gian hùng cấu loạn trường.
Diện mục hoành sinh Tôn Thất Thuyết
Nhân sinh da bạch Nguyễn Văn Tường.
Châm quân thủ tước tân danh Nghĩa,
Sát tướng cầu quan bản tính Trương.
Khử quốc khả lâu minh triết giả,
Hà thời chiêu tuyết địch cương thường?*
Có người đã dịch ra như sau:

*An Nam vận nước gặp tai ương,
Mấy đứa gian hùng loạn mối giường.
Khuôn mặt dầy phè Tôn Thất Thuyết
Con người trắng dã Nguyễn Văn Tường.
Hại vua lấy tước này tên Nghĩa,
Giết tướng cầu quan vốn họ Trương.
Bỏ nước thương thay người triết giả,
Bao giờ định lại được cương thường?*

Tường truyền bài thơ đó đã được nhiều người họa lại, đến nay chỉ còn lưu lại hai câu:

*Nhất giang lưỡng quốc ngôn nan Thuyết
Tứ nguyệt tam vương triệu bất Tường.*

dịch là:

*Một sông hai nước lời khôn nói
Bốn tháng ba vua triệu chẳng lành.*

Có một thời nhắc đến Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường chỉ cần dùng từ "hai gã" hay "hai chàng" để ám chỉ mà ai cũng hiểu. Những lời chỉ trích nặng nề lại được truyền đi mà không có một ai cãi chính, vì kẻ bị chỉ trích đã bị thất thế trở thành tội nhân của triều đình, tài sản bị tịch biên, gia đình bị tằm nã, nếu sa cơ bị giết cái đầu của tội nhân (Tôn Thất Thuyết) cũng mang lại cho người sát thương một số tiền kèch xù. Những luận điệu trên không phải là không có ác ý, đây là giọng lưỡi của những kẻ chủ hòa thỏa hiệp với Pháp, những người mà Tôn Thất Thuyết đặt họ ở vị trí phải thanh toán. Họ tỏ lòng tiếc thương "người triết giả" Tuy Lý Vương Miên Trinh, người thường xuyên đi lại với viên Khâm sứ Pháp mà ngay cả đến vua Hiệp Hòa cũng phải dạn là không nên; sau này chính Miên Trinh đã âm mưu cùng Hiệp Hòa và Trần Tiễn Thành giết Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường.

Khi âm mưu bại lộ đã đem vợ, con về Thuận An núp bóng thực dân. Trần Tiễn Thành bị giết tại nhà riêng ở Gia Hội, Huế, mà họ tức tối, là người mấy chục năm "một lòng" chủ hòa.

Việc Tôn Thất Bá kể đã bỏ thành trốn lúc Pháp tấn công Hà Nội vào năm 1882, về kinh lại tung tin làm nản lòng người "sức người Pháp 10 phần ta chỉ có 2 phần" đến tai Tôn Thất Thuyết chỉ cách mấy giờ sau Tôn Thất Bá bị bắt trời và giam tại ngục Phủ Thừa.

Trong triều kể từ khi Pháp xâm lược (1853) tất là đã có nhiều ý kiến: chiến, thủ, hòa đó là mằm mông có sự phân hóa bên trong hàng ngũ quan lại cũng như hoàng tộc. Tự Đức là một vị vua thiếu quyết đoán song lại có kinh nghiệm nắm giữ triều chính, quản lý quan lại. Như vậy sự phân hóa trong hàng ngũ quan lại cũng như hoàng tộc chỉ lộ diện sau khi Tự Đức băng hà (ngày 16 tháng 6 năm Quý Mùi (19.7.1883) và cũng từ thời điểm đó trong bối cảnh đấu tranh giữa những kẻ chống Pháp và những kẻ muốn thỏa hiệp với Pháp, nhóm chủ chiến do Tôn Thất Thuyết thành hình. Các triều thần trọng yếu vẫn là Trần Tiễn Thành (70 tuổi), Nguyễn Văn Tường (59 tuổi), Phạm Thận Duật (58 tuổi, đã đi sứ Thiên Tân vào đầu năm 1883), Tôn Thất Thuyết (44 tuổi).

A. Việc phế vua Dục Đức, vua thứ nhất trong "tam vương"

Về việc này Trần Trọng Kim đã viết: "... được ba ngày thì Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết đổi từ di chiếu, bỏ ông Dục Đức mà lập em vua Dục Tông... Triều thần ngỡ ngàng...". Sự thật như thế nào? Vua Tự Đức có 3 người con nuôi: Ưng Chân, Ưng Đường và Ưng Đăng. Theo di chiếu thì không ai xứng đáng kế vị cả.

- Ưng Chân, tức là vua Dục Đức hoàng trưởng tử, lớn tuổi có học... nhưng cơ nguy có mù vì bị bệnh mắt. Tính lại hiểu dân... chưa chắc đảm đương nổi việc lớn.

- Ưng Đường, tức là vua Đồng Khánh người ốm yếu, có tâm tật, học không thâm mà kiêu ngạo, hay bởi việc riêng của người... đều không phải là tư chất thuần lương theo lời phải, sợ bọn người khó lấy lời nói can được.

- Ưng Đăng, tức vua Kiến Phúc tuổi còn ít, đương học chưa thông, đương lúc khó khăn này, chưa chắc đã am hiểu... Tự Đức chọn Ưng Chân chỉ vì một lý do duy nhất "nước cần có vua nhiều tuổi, đương lúc khó khăn này, không dùng hấn thì dùng ai?".

Có một điều Tự Đức hẳn biết mà không viết ra là khi còn hoàng tử Ưng Chân đã "Thường hay đi lại với người Pháp" và hẳn là quan hệ vô cùng đậm đặc khiến Rheinart sau này với địa vị Khâm Sứ đã "Nghĩ đến tình cũ mà truyền ông Bửu Lân" (Bửu Lân là con của vua Dục Đức) mới 10 tuổi đang cùng với mẹ ở trong ngục lên làm vua.

Dục Đức ngay từ lúc mới vào cung đã vội vã cùng cố thế lực, vì phạm nghi lễ, tự quy định sinh hoạt của triều đình và điều nguy hiểm nhất là tiếp kiến Linh mục Thọ khiến triều thần nghi ngờ. Cả Nguyễn Văn Tường lẫn Tôn Thất Thuyết không đồng tình với thái độ cùng hành vi của vị vua mới.

Trong tình hình không được êm thấm như thế, Dục Đức lại phạm vào một lỗi lầm rất lớn là sửa đổi di chiếu của vua Tự Đức tạo ra nguyên cơ chính đáng để Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường đề nghị với triều thần và Thái hậu Từ Dũ phế bỏ vua Dục Đức ngay trong ngày lễ đăng quang. Hạnh thực ca cũng ghi nhận điều ấy:

*Tự quân chưa chính ngôi trời
Chiếu thư lại cải, quên lời sách xưa
Văn Tường, Tôn Thuyết chẳng lo
Bất cùng lỗi ấy, phiến Từ dâng lên.*

Ràng buộc bởi ý di chiếu "nước cần có vua nhiều tuổi", Tôn Thất Thuyết đã vận động triều thần đề nghị Vãng Lạng Quốc Công Hồng Dật, con thứ 29 của vua Thiệu Trị và em út vua Tự Đức 36 tuổi lên kế vị.

B. Vua thứ hai: Hiệp Hòa và sự thắng thế của nhóm thân Pháp

Tiếp thay Hiệp Hòa đã quyết đoán nhiều sự việc đi ngược lại quyền lợi người dân mặc dù đã tỏ ra một ông vua dám quyết đoán.

Để củng cố quyền lực, Hiệp Hòa muốn dựa vào Trần Tiễn Thành nên dù Trần Tiễn Thành bị đình nghị về tội sửa đổi di chiếu theo điều luật "truyền tả chiếu thư sai lầm", Hiệp Hòa chỉ phạt Trần Tiễn Thành giáng hai cấp, lưu nghĩa là Trần Tiễn Thành vẫn quản lý binh bộ sự vụ, Tuy Lý Vương Hồng Hưu, Nguyễn Trọng Hợp, Trần Văn Chuân được cất nhắc cùng với Hồng Tu, Hồng Sâm, Hồng Phi. Nhóm chủ hòa thân Pháp đã trỗi hấn lên ngay sau khi phế vua Dục Đức.

Cộng với việc củng cố thế lực, Hiệp Hòa đã thi hành những biện pháp hạn chế quyền hành của hai vị phụ chánh: các tờ tấu của 6 bộ không còn qua các vị phụ chánh mà chuyển thẳng ngay vào nội các (văn phòng của nhà vua) duyệt xét.

Hiệp Hòa còn ngầm xui Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường hại nhau song kế ly gián không kết quả.

Song điều tai hại nhất là Hiệp Hòa chủ trương nhượng bộ Pháp gần như vô điều kiện, mặc cho Pháp bức hiệp quan lại ở Bắc Kỳ và cuối cùng là cấu kết với Pháp để loại trừ những phần tử quyết tâm chống lại thực dân Pháp. Được tin quân Pháp chuẩn bị đánh Huế, Hiệp Hòa vội vàng cử Tham tri bộ binh Nguyễn Thành Ý cùng với thông ngôn Nguyễn Cừ xuống Thuận An để chờ thương thuyết. Hiệp Hòa ra lệnh không được gây hiềm khích với Pháp khi quân Pháp đến thám sát Tư Hiền. Và ngay khi quân Pháp tập trung chuẩn bị tấn công Huế, Hiệp Hòa sai Chương vệ Nguyễn Sĩ, giao cho Tôn Thất Thuyết ngự bài với lời căn dặn:

"Nếu giảng hòa được cũng nên tòng quyền làm kế hoãn binh... Nếu cây khô, liễu thắt, không biết cơ nghi, tất phải trách cứ rất nặng".

Chính thái độ của Hiệp Hòa đã khuyến khích Pháp nỗ lực để sau đó áp đặt hòa ước. Pháp không còn chấp nhận nói chuyện với Nguyễn Thành Ý và cùng lúc tấn công chiếm thành Trấn Hải. Hiệp Hòa liền cử Lâm Hoàng và Trần Thúc Nhân xuống thương thuyết. Lâm Hoàng đã hy sinh với Lê Sĩ; Lê Chuẩn và Trần Thúc Nhân phải tự tử. Nguyễn Trọng Hợp, Thượng Thư Bộ Lại được phái ngay xuống Trấn Hải để thương thuyết (ngày 20.8.1883) và kết quả là 5 ngày sau Hòa ước Quý Mùi nhục nhã được ký kết. Ông Ích Khiêm giữ đồn Hòa An bất mãn đã mở cờ gióng trống kéo quân trở về kinh thành như một đoàn quân thắng trận!! Ông bị nhà vua trách mắng và đổi sang làm Biện lý Bộ Lễ và Tôn Thất Thuyết không có cách nào hơn là nộp lại cờ lệnh và ngự bài cho nhà vua.

Bản Hiệp ước mà chính ngay nhà vua cũng công nhận là có "những điều khoản trong hòa ước... bị kém, bị nhục, khó chịu". Lại được Hiệp Hòa sốt sắng thi hành: 4 lần xuống dụ buộc các quan thủ Bắc Kỳ phải rút quân và cử Nguyễn Trọng Hợp, Thượng Thư Bộ Lại làm Khâm Sai ra Bắc Kỳ để ra lệnh thực thi Hòa ước. Nhiều quan lại ở Bắc Kỳ bị Pháp bắt và làm nhục hoặc bắn chết hay đem về Gia Định: Trần Đôn, Tri Huyện An Dương, Hải Dương bị bắt nhẩy xuống sông tự tử, Tuần Phủ Hưng Yên Nguyễn Văn Thân bị bắt và bị bắn, Bộ Chính Ninh Bình bị bắt trói ở núi Dục Thủy... Được tin thành Hải Dương bị chiếm, quan và sinh viên Quốc Tử Giám xin xếp bút nghiên, tình nguyện đầu quân đánh giặc, bị Hiệp Hòa mắng là "*cầu tiếng trung nghĩa học thói điều ngoa... đáng chêm, đáng giận*".

Đã như vậy mà mọi hòa hảo giữa Hiệp Hòa và Khâm Sứ Huế rất tốt đẹp: Nhà vua tặng Khâm Sứ kim và ngân tiền, Khâm Sứ Pháp trao tặng lại nhà vua Bội Tinh hạnh nhất. Nhà vua cũng gởi Tuy Lý Vương nhiều lần qua tòa Khâm để làm gì? Tài liệu lưu trữ của Pháp cho biết:

"Y đã bị mật phái chủ là Tuy Lý Vương đến tòa sứ Pháp để hỏi De Champeaux là nếu trường hợp tại biển, y có được Pháp giúp đỡ không?"

De Champeaux trả lời và có nhiệt thành khuyến khích y chống lại các cận thần (Điện tín của Thống đốc Nam Kỳ gửi Bộ trưởng Hải quân Pháp ngày 10.12.1883).

Bị Cơ Mật Viện và Thương Bạc Viện đàm tiếu, Hiệp Hòa đã bênh vực cho Tuy Lý: "Thân Vương ấy tuổi cao, đức tốt, có học thức, thật là người yêu nước (!!) trung thành, tướng không ngại gì". Được Pháp bảo trợ, Hiệp Hòa liền âm mưu với Tuy Lý Vương, Hồng Phi, Hồng Sâm, Hồng Tu để loại bỏ Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường.

Trong tình thế đó, Tôn Thất Thuyết vào tháng 9.1883 đã phải xin từ chức Bộ Binh, Hiệp Hòa đã chấp nhận nhưng sau đó cử ông làm Thượng Thư Bộ Lễ, rồi nhân Nguyễn Trọng Hợp ra công cán ở Bắc, cử Thuyết làm Thượng Thư Bộ Lại.

Ngắm ngắm phản đối chính sách yếu hèn của Hiệp Hòa trước hết là những người chỉ huy quân đội ở Bắc Kỳ và Huế. Các mệnh lệnh, dù đến 4 lần ban Dụ và có cả Khâm Sai vẫn không được thi hành. Nhân dân các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Trị "đã cùng nhau đoàn kết chiêu mộ dân dũng". Tình hình chín muồi để phải đi đến một cuộc xung đột phải có. Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường đã kịp kết hợp với những người chủ chiến, bất mãn với đường lối cầu hòa khiếm nhục của Hiệp Hòa để rồi đêm 29.10 Quý Mùi (28.11.1883) tiến hành việc lật đổ Hiệp Hòa bất ngờ và nhanh chóng nhưng rất hợp pháp. Hiệp Hòa làm vua được 4 tháng, thọ 36 tuổi. Các quan đã cùng ký vào một tờ tấu gửi lên Thái Hoàng Thái Hậu Từ Dũ đề nghị truất phế Hiệp Hòa và đưa hoàng tử Ưng Đăng lên ngôi. Chính cá nhân Hiệp Hòa cũng biết tội của mình đã tự viết chiếu nhường ngôi và chuẩn dụ triều thần, cũng chính cái liên minh với Pháp đã đưa đến cái chết của Hiệp Hòa. Tuy Lý Vương Miên Trinh, Hồng Tu, Hồng Sâm bèn đem gia quyến chạy xuống Thuận An cầu cứu với quân Pháp. Miên Triệu, Miên Tăng bỏ trốn. Cũng ngay trong đêm đó, Trần Tiễn Thành vì không đồng ý việc truất phế Hiệp Hòa đã bị giết tại nhà riêng ấp Doanh Thị Trung. Thực ra trước đây với cương vị đệ nhất phụ chánh đại thần mà đã nhiều lần tuyên truyền cho quan điểm đầu hàng và đã bị Tôn Thất Thuyết xếp vào "loại mất chuốt". Lúc nghe tin Rivière bị giết, Pháp phải rút lui khỏi Hà Nội, triều đình làm lễ "phát thực" lau chùi ân tín của vua trong dịp vui mừng. Trần Tiễn Thành cho rằng "bày đặt làm lễ này chỉ cho tôn; tôi đây là con lai Khách (người Minh Hương) mà tôi không dám tin rằng người Tàu có thể địch nổi quân Pháp được". Tôn Thất Thuyết trả lời "Ông là Khách mà ông khinh bị đồng bào ông, rõ đồ vô si" (Đào Trinh Nhất, sđd, trang 35). Bốn mươi người đã cùng Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường liên kết trong chính biến 29.10, gồm có 5 Thị lang, 14 Biện lý và Tham biện, 5 Chương quản, 4 Thủy sư Đề đốc và Phó Đề đốc, 11 Chương vệ và Vệ úy, 1 Án sát cũng đủ nói lên sự ủng hộ của quan lại trong triều đình Huế chống lại chính sách của Hiệp Hòa.

C. Vua thứ ba: Kiến Phúc với cái chết mờ ám Nhóm chủ chiến như thế đã thành hình trong thời gian "tứ nguyệt tam vương" chỉ nắm toàn quyền hành động dưới hai triều Kiến Phúc và Hàm Nghi. Lịch sử chống Pháp bước sang một thời kỳ mới vào ngày 02.12.1883, Dươg Thiệ được lên ngôi với niên hiệu là Kiến Phúc. Nguyên khi lấy Dươg Thiệ về làm con nuôi, Tự Đức đã giao việc nuôi nấng dạy dỗ cho bà Phi thứ ba là bà Học Phi. Sự gặp gỡ giữa Tự Đức và bà Học Phi cũng là đặc biệt.

Theo Cự Phó Bản Cư kể lại rằng: Sinh tiền, vua Tự Đức ưa đi thăm dân, viếng làng xã, có lần Ngài theo sông Ô Lâu đi thuyền đến làng Vân Trinh, thuộc huyện Phong Điền. Ngài đi phá Tam Giang đi ngược lên, xây gặp mưa to gió lớn, bèn ra lệnh ghé bên Vân Trinh thì vua thấy trên bờ sông một thiếu nữ kiều diễm đang núp mưa dưới một lùm tre. Vua rất lấy làm vừa ý liền hạ lệnh tuyển vào cung, phong là "tài nơn", về sau được phong "tam giai phi". Bà này tên Yên (Én) tức là bà Học Phi trong sử sách. Sự việc này đã khiến cho dân làng Vân Trinh đặt câu phong dao:

Trời xui có trận mưa giông,

Khiến cho chim én vào trong đền vàng.

Cho nên khi Dươg Thiệ trở thành vua Kiến Phúc là thế lực của bà Học Phi lên ngay và càng ngày càng mạnh.

Nguyễn Văn Tường sớm thấy điều đó nên hề có dịp được gặp bà Học Phi là không bao giờ Tường bỏ qua và dịp may hiếm có cho y lại đến: Kiến Phúc bị bệnh đậu mùa, bà Học Phi ngày nào cũng bên cạnh nhà vua còn bé bỏng của mình từ mờ sáng đến nửa đêm. Thế là quan phụ chánh Nguyễn Văn Tường tối nào cũng vào châu Hoàng Đế và Hoàng Mẫu có khi nửa đêm mới về, Kiến Phúc đã nhiều lần chú ý đến thái độ là lời

của Nguyễn Văn Tường mỗi khi trao cho bà Học Phi điều thuốc đã châm lửa của mình.

Một đêm Kiến Phúc giả vờ ngủ đã nghe một câu chuyện trao đổi giữa hai người, Kiến Phúc cứ để cho Nguyễn Văn Tường nói một lúc, bỗng ông kêu lớn lên: "lành bệnh rồi ta sẽ chặt đầu cả 3 họ nhà mi". Tường bèn lên Thái y viện lấy thuốc đã pha chế sẵn cho nhà vua, nhưng lại ché thuốc xấu, rồi tự tay mình pha chế một thang thuốc khác đưa lên cho bà Học Phi. Theo lời khuyên của bà Học Phi, Kiến Phúc đã uống thuốc mới ấy và sáng hôm sau thì chết.

Ngay chiều hôm đó, tại buổi thiết triều bất thường, Nguyễn Văn Tường tuyên bố vua Kiến Phúc đã băng hà vì bệnh chuyển đột ngột và đề nghị đưa em ruột Ngài là Ưng Lịch lên nối ngôi lấy niên hiệu là Hàm Nghi.

D. Vua Hàm Nghi, biến cố Ất Dậu và vai trò của Nguyễn Văn Tường

Sự kiện "tứ nguyệt tam vương" như vậy không phải là "triều bất trường" mà rõ ràng là một thắng lợi của những người yêu nước, không chịu thỏa hiệp với Pháp theo kiểu "Hiệp Hòa". Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết đều hiểu rằng muốn chống Pháp phải có một kế hoạch lâu dài, phải có những chấn chỉnh về nhiều mặt: chính trị, quân sự và nhân sự (đã trình bày trong bài "Quan hệ giữa Tôn Thất Thuyết, Viên Giác 73 - tháng 2/93"). Tất cả công việc đó đã thực hiện từ tháng 10 Quý Mùi (1883) đến tháng 5 Ất Dậu, sự đi đôi của Nguyễn Văn Tường với Tôn Thất Thuyết tự lập quân Phần Nghĩa đến lập căn cứ Tân Sở... thì thật là quá rõ ràng.

- Nhân vua Kiến Phúc mất (10.6) Pháp không ngần ngại thông báo cho triều đình Huế biết Pháp muốn đưa Hồng Hưu lên, một hoàng thân chủ hòa thường năng lui tới với viên cựu Khâm sứ Rheinart. Bất chấp phản ứng của Pháp, sau lễ tấn phong Hàm Nghi, Gia Hưng Quận Vương (em vua Tự Đức) bị bắt nhờ Le Maire can thiệp nên được tha, nhưng sau đó bị Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường cho là việc của nội bộ triều đình, Pháp không có quyền xen vào nên bắt trở lại và bị đày đi Lao Bảo, trên đường đi an trí thì bị giết.

- Khi vua Hàm Nghi lên ngôi (02.8.1884), Pháp phản đối quyết liệt việc triều đình tự quyết định người kế vị và đòi hỏi phải có sự ưng thuận của Pháp. Nguyễn Văn Tường phải nhân danh triều đình làm văn thư gửi sang tòa khâm cương quyết tôn Hàm Nghi, thẳng tay trừng trị Gia Hưng Quận Vương. Rheinart điện về Paris xin mệnh lệnh, Thủ tướng Ferry ra lệnh cho một liên đội do tên Đại tá Guerrier chỉ huy vào chiếm kinh thành và làm lễ phong vương cho vua mới, thị oai, treo cờ Pháp ở Mang Cá và triệt hạ 45 súng đại bác hướng qua tòa khâm.

- Triệt hạ bằng cách đóng đinh vào lỗ châu mai 57 súng ở nha Hải Phòng Qui Nhơn, tịch thu súng tay và thuốc đạn, tiền bạc.

Pháp đã được biết về các công cuộc chuẩn bị này và phải tìm cách ngăn chặn tiến hành kế hoạch chống Pháp qui mô và lâu dài mà Pháp đã được Caspar và Puignier tường trình và cuối cùng Roussel De Courcy đã được phái đến Huế với tư cách Tổng Tư Lệnh quân viễn chinh thực dân Pháp đối đầu với Tôn Thất Thuyết lãnh đạo phe chủ chiến.

Ngày 21.5.1885, Freycinet Bộ trưởng Ngoại giao điện cho quan Trứ Sứ ở Huế rằng: "Không thể không trừng phạt hành vi của viên Thượng Thư Bộ Binh nước Nam... ông cho triều đình nước ấy biết rằng chúng ta không thể chịu được rằng Thuyết còn giữ chức Phụ Chánh lâu nữa và ông phải đòi cho người ta bãi chức viên ấy và đưa đi xa".

Chiều ngày 22.5, Tôn Thất Thuyết đã bàn bạc với Nguyễn Văn Tường để cuối cùng viết thư cho De Courcy chịu từ chức Thượng Thư Bộ Binh để vị tân Thượng Thư sẽ hội kiến trong ngày 23 tháng 5, nhưng Roussel De Courcy "... Nếu Tôn Thất

Thuyết không qua tòa thì nhất định không đưa sắc thư... (Lô Giang tiểu sử)". Trong tình hình như thế Nguyễn Văn Tường vẫn còn tin vào biện pháp thương thuyết, lấy sắc lệnh của bà Từ Dũ ép buộc Tôn Thất Thuyết phải qua tòa Khâm Sứ... không biết Nguyễn Văn Tường có hay mọi kế hoạch của Tôn Thất Thuyết và phe chủ chiến đã được báo trước cho De Courcy. Việc Nguyễn Văn Tường ở lại để thương thuyết với Pháp sau biến cố 23.5 Ất Dậu mà ông không được bàn định chẳng phải là vì lệnh của bà Từ Dũ. Chính ông đã chủ động và cũng có thể là ông đã không đánh giá đúng mức âm mưu của De Courcy bằng mọi cách ngăn chặn và loại trừ nhóm chủ chiến trong triều đình Huế, cũng có thể ông đã không ước lượng được ảnh hưởng tai hại của quyết định của ông làm dư luận quốc dân xao xuyến có hại cho uy thế của Phong trào Cần Vương, làm chỗ tựa cho bọn Thọ Xuân Vương, Ung Kỳ. Nhưng chắc chắn là do dù quyết định của Tôn Thất Thuyết, Phạm Thân Duật là chưa thật cần thiết và chín chắn như ông nghĩ, quyết định của Nguyễn Văn Tường vẫn là một quyết định sai lầm. Chúng ta cũng phải công nhận công lao của Nguyễn Văn Tường trong kế hoạch chặn hưng đất nước, chuẩn bị cho việc chống Pháp lâu dài dưới hai triều Kiến Phúc và Hàm Nghi. Bọn Pháp không thể chấp nhận ông khi đã có Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình, Miên Định, Ung Kỳ... và quan điểm của ông, vì những gì ông đã cùng với Phạm Thân Duật, Tôn Thất Thuyết thực hiện dưới triều Kiến Phúc, Hàm Nghi. Và lại càng không thể chấp nhận ông khi ngọn lửa Cần Vương đã bùng cháy lên khắp đất nước. Người Pháp và các Giám mục Puginier, Caspar sau này đã mở một chiến dịch điên cuồng chống Nguyễn Văn Tường mà theo họ là "kẻ thù lớn nhất của người Pháp và đồng thời cũng là người An Nam điêu ngoa nhất mà người ta có thể gặp".

Theo tài liệu của Phạm Khắc Hòe đã viết: Thế nhưng đến đêm mồng 5 tháng 7 năm 1885, kinh thành bị thất thủ vào tay giặc Pháp, thì trong khi đoàn hộ tống vua Hàm Nghi do Tôn Thất Thuyết cầm đầu vừa mới ra khỏi hoàng thành đi về hướng Chùa Thiên Mụ được khoảng hai cây số, Nguyễn Văn Tường lại tách khỏi đạo ngũ lên trốn vào nhà riêng Giáo sĩ Caspar nhờ làm môi giới để cầu thân với Pháp. Lúc Tường mới vào, Caspar không nhận ra ai vì khăn áo xộc xệch, mặt mũi bơ phờ. Trái một đêm gian nguy và gần nửa ngày lo lắng, Tường đã mất hẳn tư thế bề thế của một đại thần...

Tường đứng mãi đến khi Caspar đã nhận ra mình mới ngồi xuống ghế và kêu đói xin ăn. Trong khi Tường ăn cơm, Caspar bảo Tường nên trở lại khuyên vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết trở về hoàng thành. Ăn cơm xong, Tường một mình lui thủ đi nhanh về phía La Chữ và khoảng một giờ rưỡi sau thì theo kịp đạo ngũ, Tường bèn đến cạnh kiệu của bà Từ Dũ Hoàng Thái Hậu xin bà cùng nhà vua trở về hoàng thành thì có lợi hơn. Nhưng Tường vừa mới dứt lời thì hộ giá đại thần hữu quân Hồ Hiến đứng bên kiệu liền rút gươm ra chỉ vào mặt và nói: "Ông là phụ chánh nước nhà đến nông nỗi này, ông phải theo luôn bên xe giá mới phải đạo, có sao ông lại khuyên đạo ngũ trở về làm tội mọi cho bọn giặc xâm lược Pháp? Ông còn nói nữa tôi chém đầu!". Theo Phan Khoang, Việt Nam Pháp Thuộc Sử ... thì trước mặt vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết sai một gia nhân về Huế đốt nhà riêng của Tường ở gần cửa Đông Ba. Nhà này bị đốt ngày 24.7.1885.

Hành động quyết liệt trên đã cắt đứt hẳn mối liên hệ của Quan Tướng và Quân Tướng mà trong suốt thời gian qua đã cùng nhau củng cố chủ quyền đất nước.

Về sự việc này, về "Thất thủ Kinh Đô" đã phản ánh:

Băng miền vừa đến nhà Chung

Ai hay ông Quận đem lòng ta tây.

Khiến phò thánh đế vào đây

Kiểm nơi đình trú qua ngày giao chinh

Quán Hữu nghe nói giết mình

Gươm vàng liền rút chỉ mình tà gian.

Tay rút gươm, miêng lại truyên

Cầm y bay cứ bằng ngàn phò đi

Phò ra đã khỏi thành trì

Vào nhà chung giáo cũng như nạp mình

Ông Quận nghe nói thất kinh,

Vô nhà chung giáo lánh mình ẩn thân.

Một hình ảnh mỉa mai nhất là sau khi thất bại tấn công vào cửa Hiền Nhơn, mới tìm ra lối đi dọc theo cửa Ngạn, tiến đến trước kỳ đài Ngọ Môn, một lính Á Rập đã biểu dương chiến thắng bằng cách cho lấy giải thắt lưng màu xanh của lính Á Rập chắp với những mảnh vải trắng và đỏ làm cờ Tam Tài tượng trưng cho quốc kỳ của một xứ sở tự nhận là "Tự Do - Bình Đẳng - Bác Ái" mở đầu cho thời kỳ thỏa hiệp mới giữa thực dân và triều đình Nguyễn (theo tài liệu của Trần Thị Hiếu).

Đa số kể cả người Pháp đã khen Tôn Thất Thuyết về tính chân thành với nước Nam, hết lòng với vua, có tài sắp đặt cuộc chống Pháp, các sĩ quan Pháp cũng đã thú nhận "quần An Nam thua vì khí giới kém chứ không phải xếp đặt vụng". Quan Tướng Tôn Thất Thuyết cùng gia đình ông gồm cả cha, mẹ, cha vợ Nguyễn Thiện Thuật, vợ, 2 em và 4 con và rể là Nguyễn Thượng Hiền đã hiến dâng xương máu cho Tổ Quốc Việt Nam để rồi cuối đời ông đã nhận gởi từ phương Bắc về cùng đồng chí lòng dạ trước và sau như một:

Ký ngư giang sơn đồng chí khách

Lão phu tuy quỵện vị vong sơ

(Gioi yên thi)

tạm dịch:

Nhấn bạn non sông đồng chí ấy

Già này tuy mệt dăm đầu ngo.

Từ phía kinh thành tàn lụi, De Courcy sau cuộc tấn công của Tôn Thất Thuyết không còn giữ được tư thế hống hách ngày trước. Chính người Pháp đã phải thú nhận:

"Đại tướng làm chủ hoàng thành và thành phố Huế, điều ấy không ai chối cãi được, nhưng quyền hành của ông không vượt ra ngoài cương giới hẹp hòi ấy. Sự thật là sau khi thắng trận, ông bị rắc rối vô cùng vì cuộc xung đột đổ máu ngày 5.7 đã biến đổi tất cả xứ An Nam, vị vua trẻ đã rời kinh thành rồi thì ở Huế không có chính phủ, chính quyền, không còn có thể thi hành các điều ước mà ta đã ký với xứ An Nam". (Gosselin, L' Empire d' Annam, Paris, - Perrin et Cie 1904, trang 207).

Giữa tình thế đó Nguyễn Văn Tường đã còn thổ lộ tâm tình với Giám mục Caspar: Cả hai chúng tôi thật xứng hợp, một bên là dân sự một bên là quân sự làm nên một môn xa-lách lý tưởng. Tôi thì quá hiền lành, thật thà, tôi là dẫu, còn ông ta (Tôn Thất Thuyết) như là giấm than. Qua Caspar, Tường đã gặp được Courcy và đã đưa đến một kế hoạch hành động cấp tốc. Thực hiện kế hoạch này, một mặt De Courcy thông báo cho Tôn Thất Thuyết biết rằng hạn 12 ngày, Thuyết chịu đưa Hàm Nghi trở về hợp tác hòa bình với Pháp thì chẳng những sẽ vô tội mà còn được phong chức quyền cũ và ngày càng được trọng dụng hơn; mặt khác Nguyễn Văn Tường cử những người thân tín nhất của mình chạy theo kịp bọn Tôn Thất Thuyết và thiết tha đề nghị họ đưa nhà vua trở về cộng tác hòa bình với Pháp (17). Còn người Pháp không tin vào Nguyễn Văn Tường, De Courcy giao cho Tường phải lập lại trật tự an toàn trong cả xứ Trung Kỳ bằng lực lượng tay sai của Tường, còn bản thân Tường thì phải lưu trú bắt buộc ở lầu Thương Bạc do một đội lính Á Rập canh giữ (17). Thực ra thân Tường lúc ấy là thân tù của Pháp chỉ còn biết tâu với trình đưa rồi đón các quan Tây còn sai khiến được ai nữa, nên sau hai tháng người mà Puginier và Caspar đã kết tội "kẻ thù lớn nhất của người Pháp" đã bị De Courcy đày ra Côn Đảo rồi đi an trí và cái may mắn cho ông là

cùng bị đày đi với Phạm Thận Duật, Tôn Thất Đính (thay cho Tôn Thất Thuyết). Đó chính là con dấu đỏ mà kẻ thù đã đóng trên giấy khai tử của ông: thuộc thành phần nhóm chủ chiến.

Lời thổ lộ trên cộng vào bức thư của Nguyễn Văn Tường sau đây gửi cho Thống đốc Tahiti cho biết những diễn tiến sau ngày thất thủ kinh đô cũng như đề biện bạch cái tội chạy làng của ông, để cho mỗi một chúng ta một cái nhận xét về ông:

Đại Nam quốc lãnh Lại Bộ Thượng Thơ Nguyễn Văn Tường gửi cho Đại Pháp quốc Nguyên Soái đóng tại Tahiti đại nơn các hạ:

Ngày 15 tháng 5 năm ngoài, cứ quyền Đại Thần Công Tư Dinh ngày từ Bắc về Kinh để dâng sắc thư, Thiêm phụng tâu cho quan quân xuống của Thuận An tiếp đón. Đến ngày 20 phái quân báo rằng quan toàn quyền đến cửa, đi có 5 chiếc tàu và 1.000 binh. Quan toàn quyền cho tàu đậu ngoài và trong cửa, lính thì cho lên kinh thành mà ở. Quan Toàn Quyền đến lần này có dâng sắc thư nên có mời các quan Thượng Thơ Lục Bộ phải tể ngự tại Tòa Sứ mà đợi, không được thiếu mặt. Thiêm tức thì cho kiểm chỗ lính nghỉ lại và báo tin cho Thượng Thơ Lục Bộ biết. Cứ lời quan Bình Bộ Thượng Thơ nói thì y có bệnh ở chân, có mời thầy thuốc tây điều trị chưa lành, xin triển 2, 3 ngày sẽ qua sau. Tối ngày ấy quan Toàn Quyền đến Tòa Sứ. Ngày 21 Thiêm sai người qua sứ quán trình rằng Tôn Thất Thuyết nhuộm bệnh. Thiêm cùng các quan Thượng Thơ 4 Bộ (Hộ, Hình, Công, Lễ) sẽ qua yết kiến. Quan Toàn Quyền nói rằng nếu không có Tôn Thất Thuyết thì không được qua và cũng không chịu tiếp. Thiêm liền tới Bộ Binh y lời quan Toàn Quyền tới lần này chỉ dâng sắc thư mà mời đến đã truyền các Thượng Thơ phải đến Tòa Sứ lập tức, lại không được thiếu mặt. Và lại có đem theo tàu chiến, đối với mấy lần trước có khác và đáng nghi ngờ. Mới đây lại nghe Tổng Đốc Hà Nội Nguyễn Hữu Độ nói cùng quan Toàn Quyền rằng Thuyết không chịu hòa, mà y lại cầm binh quyền trong tay và cố lo cố thủ. Sau nữa mới hôm qua một ông quan năm cùng lính lên thành triệt hạ các súng đại bác và bít ngòi hơn 200 khẩu, lại cho lính ra vây đánh dân gian, lấy tiền bạc, của cải, tiếng khóc đầy đất. Trước những hành vi như thế mà y cam tâm chịu đưng, không dám kháng cự lại. Thế mà Nguyễn Hữu Độ nói y không chịu hòa mà quan Toàn Quyền cũng không nghe theo. Vạn nhất qua Tòa Sứ Toàn Quyền giải đi Côn Lôn, như mới đây Nguyễn Hữu Độ đã dụ và bắt Tổng Đốc Hải Dương là Hà Văn Quang, khi đó hỡi sao kịp... Thiêm nói rằng quan Toàn Quyền là một vị đại thần việc làm tất phải mình chánh, huống chi đến lần này có sắc thư quốc mạng không lẽ làm việc hồ đồ. Nếu như có điều gì xảy ra... Thiêm xin chịu. Thuyết trả lời để y suy nghĩ lại. Ngày 22 y viết một bức thư trao cho Thiêm xem. Trong thư nói rằng y đương mắc bệnh, quan Toàn Quyền không cho cáo, để lâu ngày sợ trẻ nãi việc nước y xin từ chức về quê dưỡng bệnh và xin đòi viên khác thay thế cho đủ số Thượng Thơ... Thiêm sai người đem thư ấy trình quan Toàn Quyền, Ngài không chịu nhận xem, lại tư cho Thiêm rằng: nếu Tôn Thất Thuyết không qua Tòa thì nhất định không đưa sắc thư.

Ngày 23, Thiêm đem các việc ấy tâu lên. Phụng sắc rằng đến ngày mai (24) Tôn Thất Thuyết phải sang Tòa với các quan Thượng Thơ, không thì có lỗi. Thiêm cùng đình thần đến trách Thuyết, nói y ngày mai phải đi, nếu không thì sẽ phái lính đến đem đi, không được chậm trễ. Y nói rằng ngày mai sẽ cùng đi.

Bất ngờ đến 2 giờ đêm ấy, trong thành nghe tiếng súng. Thiêm liền phái người đến Bộ Binh thì Tôn Thất Thuyết cùng gia quyến đã đi đâu tự bao giờ. Tức thì Thiêm cùng đình thần vào nội gởi tâu, Hoàng Đế sắc: không biết vì sao có tiếng súng mà cũng không thấy ai tâu báo trước cho Ngài biết.

Lúc đó hai bên giao chiến. Điện đài sụp đổ, thế rất kinh nguy Thiêm cùng đình thần tâu Hoàng Thượng, Từ Dũ Thái Hậu, Hoàng Thái Hậu và Hoàng Thái Phi xin ra ngoài thành ủy cho quan quân hộ giá lên chùa Thiên Mụ tạm trú, còn Thiêm lập tức lên Giám mục Lộc tại nhà thờ xã Kim Long, nhờ Giám mục viết thư nói với Tòa rằng việc ấy do Tôn Thất Thuyết làm quấy chớ Thiêm và đình thần bốn quốc không có ý chi khác, xin quan Toàn Quyền và quan Khâm Sứ châm chước thế nào để bảo tồn sự hòa hảo trước. Khi 7 giờ sáng mươn người đem thư đến Sứ quán, Thiêm ở lại nhà thờ để đợi, vì lúc đó hai bên đang bắn nhau nên đến 12 giờ trưa thư ấy mới đến Sứ quán. Đến 3 giờ chiều mới được phúc thư của quan Khâm Sứ nói rằng nên rước Hoàng Đế về sẽ được hòa hảo không có ngại gì. Tức thì Thiêm lên chùa Linh Mụ thì ngự gia Tam cung đã bị ông Tôn Thất Thuyết đưa ra tỉnh thành Quảng Trị. Khi đó trời đã gân tối, tản thối lương nan, Thiêm trở lại nhà thờ nhờ Giám mục đưa qua Tòa Khâm Sứ để trình lại với quan Toàn Quyền. Quan Toàn Quyền nói rằng đã tối, bảo Thiêm và Giám mục trở lại thành nghỉ, sáng ngày sẽ hay.

Sáng ngày 25, quan Toàn Quyền vào Thành bộ Thiêm ở nói rằng hai bên nên hòa hảo như trước và nên lấy ý đồ yết cáo cho xã dân biết và phái tâu xin Hoàng Thượng và Tam cung hỏi loan. Thiêm tức thì y như thế mà yết cáo, lại phái quan ra Quảng Trị tâu xin hỏi loan.

Quan phái ra chưa về thời ngày 3 tháng 6 quan Toàn Quyền lục bản điện văn bên qui quốc gửi sang chuẩn y bốn khoản sau đây:

1. Hoàng Đế Đại Nam tại vị như trước.
2. Quốc gia Việt Nam lập y như trước.
3. Hoàng thân công chúa nên triệu về kinh.
4. Bắt Tôn Thất Thuyết nạp cho Hoàng Đế Đại Nam...

Tức thì Thiêm y bốn khoản ấy mà phi tâu Hoàng Thượng, Tam cung lại biến báo cho Tôn Nhơn Đình Thần và tư cho các tỉnh thì hành.

Đến ngày 5, Tam cung trở về, quan Toàn Quyền xin Tam cung trú tại Khiêm Lăng cùng đợi Hoàng Thượng vào thành một thể. Đình Thần và Tôn Nhơn qua yết quan Toàn Quyền nói ai đâu về đó và tùy tiện kiểm chỗ làm việc, đợi ngày đón vào thành.

Lúc đó Tôn Thất Thuyết đã đem ngự giá lên xứ Mọi. Thiêm thường xin quan Toàn Quyền phái lính quý quốc hiệp cùng lính bốn quốc phân đường đón Ngự giá và truy nã Tôn Thất Thuyết. Nhưng lúc đó gặp trời mưa lụt, binh quý quốc ra đến Quảng Trị rồi trở về, còn binh bốn quốc tiếp tục theo ra đến Quảng Bình và Hà Tĩnh. Lại phụng dụ của Tam cung cách chức Tôn Thất Thuyết. Sắc cho các tỉnh phạm quan quân hoặc dân giả ai bắt được Tôn Thất Thuyết thì hậu thưởng tiền bạc, quan tước. Dụ ấy cũng đã trình quan Toàn Quyền và quan Khâm Sứ biết.

Từ khi quan Toàn Quyền ra Bắc, ông quan sáu sức tập lính thì ở Thừa Thiên dân nổi lên bắt một ông Huyện, chống cự lại với quan binh, dân Quảng Ngãi đánh tỉnh thành rồi kéo ra kinh. Thiêm liền một mặt phái lính đi dẹp, bắt được đầu đảng 24 tên, hoặc trăm quyết bêu đầu hoặc tùy tội mà lưu đày, thâu lại tỉnh thành Quảng Ngãi. Hạt Thừa Thiên cũng được yên ổn như trước. Ở Bình Định dân binh tụ đảng ước 5 vạn, bắt giam quan tỉnh, lấy binh khí chia nhau đi giết dân đạo rồi kéo binh ra kinh thành. Đường bộ vì thế bị nghẽn. Thiêm liền ngầm phái người vào xét và chia đường đi hiểu thị. Quân đi với ông quan sáu theo quan Khâm Sai đáp tàu thủy vào xét tình hình. Theo lời qui quan và bốn quan đi về cho biết thì đảng chúng rất nhiều... đợi báo quan Toàn Quyền tăng binh đi dẹp.

Lại tiếp tờ tư của Tổng đốc Bình Định là Lê Thân, nói đảng ấy bị triệt hại lớn, đã giải tán và tình hình đã yên ổn, các đầu đảng đều lần lượt bị bắt hoặc ra thú... vừa lúc ấy quan Toàn Quyền ở Bắc vào Kinh, Thiêm thân hành đem quân đi

đón lại ủy cho Thượng Thư Bộ Công là Châu Đình Kế đi theo quan Toàn Quyền. Đệ Đốc và Bộ Chánh đi theo đường bộ và tư cho tỉnh ấy đón tiếp. Khi quan Toàn Quyền về Kinh thì tiếp được tờ tư của tỉnh ấy nói rằng quan binh đến lần này thì đáng ấy đã giải tán, trong tỉnh đón đưa từ tế.

Sáng ngày 28, tiếp một ông quan ba đến chỗ Thiêm nói rằng quan Toàn Quyền sức biểu ông Phạm Thận Duật, Tôn Thất Đình (cha Tôn Thất Thuyết) và Thiêm xuống tàu thủy. Thiêm hỏi đi có việc chi thì ông quan ba nói do lệnh trên, không nói rõ. Chúng tôi xuống tàu tưởng qua Tòa Sứ hội thương việc gì thôi, không ngờ ông này mở máy đi thẳng xuống cửa Thuận An mà ra biển lên tàu lớn, đưa đến Côn Đảo giam chấp.

Ra đi lần này thiệt không ngờ, Tam Cung, Đình Thần và gia quyến Thiêm đều không biết. Thiêm đã làm gì mà đi không tiền bạc, áo xống không kịp đem theo, đói khổ hàng tuần, tưởng là khổ sống... quan Toàn Quyền là một ông Đại Thần của nước Pháp, làm việc gì tưởng cũng minh chánh, cũng tâu trước, Thiêm làm nhất hạng Đại Thần há lại có lòng phản đến thế. Ý già Thiêm bình sanh cương trực, đồng liêu có người không ưa, hoặc có làm điều gì phi pháp mà sợ Thiêm không dung cho nên muốn dầy đi xa để che tội lỗi hoặc mưu lược sợ Thiêm chỉ trích cho nên trục xuất cho thỏa chí. Thậm chí nào thơ rơi nói Thiêm chiêu binh Trung Quốc rồi sai người đem cho quý quan. Trăm mưu sắp đặt không đánh đổ được thì không thôi.

Quan Toàn Quyền mới đến tin tức chưa tưởng bị bọn ấy làm sai lầm cho nên Tôn Thất Thuyết có lòng hoài nghi cũng không lấy làm chi lạ và bốn quốc với quý quốc nghị thương, nghị hòa 3 lần, Thiêm có dự việc đều thỏa mãn, được quý quốc thưởng cho đại hạng bội tinh. Duy trong thiên hạ không phải một nhà, trong nước không phải một người, kiến thức có khác, việc không phải dễ như ý muốn. Giảng hòa đã 3 năm mà bốn quốc chưa từng học được một nghề, tập được một tên lính, mà nay mất một tỉnh, mai mất một thành, hai bên chưa thỏa hiệp. Thiêm cũng đã liệu biết có việc ngày nay nhưng không biết làm saoặng. Làm Đại Thần mà không biết tiên cơ mà trừ liệu để đến nỗi có việc ngày nay, còn mặt mũi nào thấy mặt Toàn Quyền. Chỉ nghĩ lại bốn quốc mà không có quý quốc bảo hộ thì khó mà còn được. Ngày nay Tôn Thất Thuyết làm quấy mà Thiêm bị coi như đồng lõa, đồng mưu và chia tội cùng va, phi dục tội của va không vạch rõ mà lòng Thiêm đối với quý quốc không biện bạch được.

Có người bàn chuyện khởi nghĩa ở Quảng Ngãi và Bình Định, dân lính giết nhau không ai dám ra can thiệp, vì trong lúc loạn lạc này ai cũng sợ mà tránh, chỉ có Thiêm một thân bất quản nguy hiểm ở lại bàn cùng quan Toàn Quyền thấu rõ sự tình, đủ biết xét tra, không nên vì một người vô lương mà bỏ sự hòa hảo của hai nước, thì Thiêm cũng giúp để cho Nam Bắc được yên ổn, ấy cũng là cái ân của quan Toàn Quyền mà cũng là một cái nhục của quan dân bốn quốc vậy. Nếu Toàn Quyền mà đem lòng giận mà sinh ra sự tình gì nữa thì thân này cùng xã tắc mà mất còn, không có tiếc gì mà trách nhiệm của Thiêm cũng hết vậy.

Đến khi Toàn Quyền bằng lòng, quý quốc lại chuẩn chi 4 khoản thì thần dân bốn quốc không ai là không vui mừng.

Trải qua 2 tháng Thiêm cùng Toàn Quyền ý kiến cũng phù hợp. Đến khi định giao thành định việc nước thì bỗng nhiên đem Thiêm cho ra Côn Lôn giam như tù tội, thế mà kẻ bội nghịch thì thung dung ngoài pháp luật, còn người qui thuận lại mắc tai ương, đã không biện bạch được sự phải trái, mà lại bị che lấp mọi sự nghe ngóng, tưởng không phải hành vi của một vị Đại Thần có thể độ. Ngày nay may được triều đình xét rõ ở chỗ xa xôi, dặm thăm, biết được ân tình lại được quý chức hỏi thăm và cấp tiền bạc thuốc men và vật dụng không gì là thiếu. Nghĩ lại ngày ở Côn Lôn, sự công tư, khoan mãnh khác nhau biết mấy, thực Thiêm không mong tưởng được như vậy. Thiết

tưởng từ khi ra làm quan, Thiêm đã lia nhà trong 34 năm, lo cho nước không thành một việc, nay tuổi đã 64 có sống được bao lâu nữa mà còn danh lợi gì đáng tham, duy một lòng ái quốc canh cánh bên mình, cho nên đeo đuổi theo quý quốc, hợp lực để duy may thành đại cuộc thì cũng bỏ ích cho bốn quốc trong muôn một, ấy là khổ tâm của Thiêm. Ngày nay vô cơ gặp sự không may, vạn nhất bất hạnh không được thu hài cốt thì đã mang tội bất trung với nước mà cũng bất hiếu với nhà, ấy là chỗ đau đớn của Thiêm.

Vậy mong Nguyên Soái quý quốc cứu tình mà đề đạt cho.

(Ông Nguyễn Huy Xước dịch từ Hán Văn ra Quốc Văn) (11).

Cái chết của Nguyễn Văn Tường (3)

Theo tài liệu của Linh mục Adolphe Delvaux trình dẫn trong Bulletin des Amis du Vieux Hué, số 4, 1924:

"Quan Tường đến Tahiti tháng Hai 1886 ở đó chỉ được 6 tháng. Ông sống một cách kín đáo, ít người để ý tới ông ngoại trừ 7, 8 người tùy tùng".

Linh mục Adolphe Delvaux đã căn cứ trên lá thư phúc đáp ghi ngày 26.12.1922 của Giám mục Hermel, cai quản địa phận Tahiti. Thư này nói thêm:

"Theo lời một thân hữu của tôi là Bác sĩ Chassaniol, người đã điều trị cựu Phụ Chánh (ex-Régent) cho tới ngày chết, thì quan Tường (Prince Tường) đã chết vì bệnh ung thư nơi cổ họng (cancer à la gorge)".

Chúng ta cũng được biết thêm:

1. Chiếc tàu chở các ông Nguyễn Văn Tường, Phạm Thận Duật và Tôn Thất Đình từ Côn Đảo sang Tahiti tên là La Clochesserie.

2. Chính phủ Pháp đã thuận cấp số tiền dinh dưỡng 30.000 Quan hàng năm cho Quan Tường.

3. Một Sắc lệnh nhà vua đã thu hồi hết tất cả bằng sắc và huy chương mà triều đình ban thưởng cho Quan Tường, chưa kể quyết định tịch thu gia sản, nhưng quyết định này bị thu hồi bởi dân tâm không tán thành (cette confiscat: on ayant produit un effet déplorable, fut rapportée).

4. Bệnh ung thư cổ họng khiến cho Quan Tường không ăn uống gì được, rồi thở cũng không được, rồi chết như một người bị thất cổ. (L' ex-Régent, ne pouvant rien avaler, est mort littéralement de faim. De même, la respiration devenant de plus en plus embarrassée, il a du mourrir étouffée, faute d' air, comme ceux qu' on étrangle. Delvaux).

Theo Công Báo của Tahiti, 5 tháng 8 năm 1886, trang 202 thì:

"Nguyễn Văn Tường cựu Tế Tướng vương quốc An Nam, đến Tahiti hồi tháng 2 năm này trên chiếc tàu Scorff, đã tạ thế tại Papeete ngày thứ sáu 30 tháng 7 năm 1886 lúc 4 giờ rưỡi sáng.

Thi hài được đặt vào 4 cái hòm lồng nhau (renfermé dans un quadruple cercueil) để tạm vào hầm (caveau) chờ ngày di chuyển về Hué".

Cũng theo Công Báo của Tahiti, 9 tháng 12 năm 1886, thì:

"Thừa lệnh Bộ Thuộc Địa Pháp, ghi ngày 20 tháng 10 năm 1886, cho phép di chuyển thi hài Quan Tường về xứ An Nam, Thống đốc các thuộc địa Pháp ở Océanie là Th. Lacascade đã ký nghị quyết ngày 9 tháng 12 năm 1886 cho phép đưa quan tài ra khỏi hầm, với sự hiện diện của Trưởng Sở Y Tế và Trưởng Sở Cảnh Sát. Y viện có nhiệm vụ lập biên bản dịch vụ".

Ngoài ra chúng ta cũng được biết: Trong sổ bộ Hộ Tịch số 60 của Thị xã Papeete cũng có ghi rõ ngày tạ thế 30 tháng 7 năm 1886 của Quận Công Nguyễn Văn Tường lúc 4 giờ khuya, hưởng thọ 64 tuổi (décès de Prince Nguyễn Văn Tường

le 30 Juillet 1886, quatre heures du soir, agé de soixante cinq ans environ).

Xuyên qua các tài liệu kể trên, chúng ta nhận thấy có sự khác biệt nơi trên tàu, chiếc tàu đã chở các ông quan An Nam từ Côn Đảo sang Tahiti: theo tờ báo L' Avenir du Tonkin và L' Union Indochinoise ra ngày 22 tháng 10 năm 1885 thì tên tàu là La Clochesserie, còn theo Công Báo của Tahiti, 5 tháng 8 năm 1886 thì tàu tên là Scorff. Chúng ta đoán có sự đổi tàu giữa đường chăng?

Ngoài ra chúng ta cũng được biết khi thi thể đem về tới cửa Thuận An thì vua Đồng Khánh cử một viên quan Bộ Hình ra tận cửa Thuận, chờ quan tải xuống đất liền, thì quật roi hình phạt trọng trung, rồi mới cho thân nhân nhận về, đem mai táng ở quê quán An Cư, Triệu Phong (Quảng Trị).

Theo tài liệu của các gia phả họ Tôn-Thất và Nguyễn-Văn thì ông Tôn Thất Đính sau biến cố Ất Dậu tông vong theo hộ giá vua Hàm Nghi ra Tân Sở và theo đường xuyên sơn ra các tỉnh miền Bắc, giữa đường ông Đính bị bắt và bị đày, được chính phủ Pháp trả lại về xứ ông Đính đã yêu cầu mang thi hài ông Tường về quê. Mãi đến sau đến lượt ông Đính mất ở Huế thì con cháu Nguyễn Văn Tường từ Quảng Trị vào Huế tự động xin thọ tang cùng con cháu Tôn-Thất Thuyết.

Cử chi cao đẹp của hai dòng họ Nguyễn-Văn và Tôn-Thất đã quá phù hợp với câu nói bất hủ của Antigone chống lại sự bạo tàn của bạo chúa Créon trong cổ sử Tây phương:

Ta sinh ra để yêu thương, chứ không phải để căm hờn.

Dư luận khen chê Nguyễn Văn Tường lúc sinh thời cũng như sau khi ông chết quá nhiều, ít người cảm thông nhưng lại lắm người ghét.

Nguyên do vì đâu?

Chỉ vì ông sống trong thời đại vua chúa, tên của ông Nguyễn Phúc Tường lẽ ra đã có tội tình chi, đi thi Hương ông bị giam mấy năm (7 năm???) rồi nhờ có ân xá ông mới thoát nạn; làm quan nào có liên can chi đến việc nổi dậy Đoàn Trưng, Đoàn Trục mà ông bị cách chức. Chẳng may ông đã sống trong ở thời đại ấy, làm quan ở nơi xảy ra thì phải liên lụy thế thôi. Song phần lớn cả quan Tướng Tôn Thất Thuyết cũng như Quận Công Nguyễn Văn Tường có nhiều kẻ thù mà kẻ thù đó chính lại kẻ thù của cả dân tộc, quân cướp nước thực dân Pháp. Vấn đề cho ông là "người An Nam điều ngoa nhất", "nguy hiểm nhất", "không đáng tin cậy", hoặc trong hoàn cảnh một mất một còn, cả hai quan phụ chánh đã can dự gây ảm oán giết hại nhiều người trong phe chủ hòa trong giai đoạn "tứ nguyệt tam vương". Chẳng may cho cả hai là những kẻ thù trở nên mạnh mẽ, có khả năng nhào nặn dư luận từ quyền thế trong tay đến khả năng làm thơ, làm vẽ. Những "khuôn mặt đầy phè" hay "con người trắng dã" cùng với "ngu" và "gian" để trình bày hình ảnh con người mà người ta ghét. Nhìn lại những dữ kiện đã được nêu trên chúng ta có những nhận xét như sau:

1. Sự song hành của Quan Tướng và Quận Tường trong suốt thời gian khó khăn của đất nước không thể ai chối cãi được. Công lao của hai ông trong kế hoạch chấn hưng đất nước, chuẩn bị cho việc chống Pháp lâu dài dưới hai triều Kiến Phước và Hàm Nghi đã được lịch sử ghi nhận: một đảng dùng ba tác lược để thuyết phục cho chủ quyền đất nước, một bên thì dùng ba tác sách để chống giữ biên cương, để rồi cả hai phải bỏ xác ở đất khách quê người trong cơn bệnh nan y hay trong niềm uất ức vô vọng.

2. Khi có quyền hành trong tay Nguyễn Văn Tường đã cùng với Pháp ký những Hiệp ước rồi chính ông lại coi thường chữ ký của ông mà Rheinart đã bình phẩm, có phải vì cái lật lọng này là lý do mà ông bị tù đày biệt xứ?

3. Sau biến cố Ất Dậu ông lại bỏ hàng ngũ chiến đấu để trở về hợp tác với kẻ thù do quyền lợi riêng hay theo lệnh của bà Từ Dũ?

Theo bộ chính sử triều Nguyễn "Thục Lục" thời kẻ thù của ông còn mạnh mẽ, có chỗ chép ông do sứ mệnh ở lại giảng hòa, vua Hàm Nghi ban Dụ cũng đã xác nhận sứ mạng ấy, kẻ ở người đi cũng lo việc nước cả... Tuy nhiên nhất định chúng ta không bao giờ chấp nhận hành động dựa vào thể lực ngoại bang thanh trừng các đồng chí "... *sắc cho các tỉnh phạm quan quân hoặc dân giả ai bắt được Tôn-Thất Thuyết thì hậu thưởng tiền bạc, quan tước...*" rồi lại thẳng tay trừng trị những người yêu nước "... *bắt được dư đảng 24 tên, hoặc trăm quyết, hoặc bêu đầu hoặc tùy tội lưu đày...*"

Cho tới hiện tại, y học thế giới vẫn chưa giải thích được hiện tượng "mặt trắng, râu xanh" vì chưa tìm ra được có sắc tố nào trong cơ thể làm râu có màu xanh (trừ một vài loại khi đột) để biểu lộ cái gian ác bên ngoài của Nguyễn Văn Tường, cũng như ghép tội giết vua Kiến Phước bị bệnh đậu mùa uống chén thuốc độc do Nguyễn Văn Tường giao cho bà Học Phi, thiết tưởng là những luận điệu xuyên tạc vì bệnh đậu mùa chỉ là bệnh trẻ con.

Lịch sử đã đi qua, những kẻ thù của Nguyễn Văn Tường cũng không còn nữa, cũng chẳng có thể lực nhào nặn dư luận theo một lối khác. Tất cả đã lắng đọng, chỉ có những người viết sử có đủ sáng suốt phê phán đánh giá vô tư và nghiêm khắc về nhân vật Nguyễn Văn Tường.

. Dr. Tôn Thất Hứa

Tài liệu tham khảo bằng Việt Ngữ:

1. Đất Việt trời Nam, Thái Văn Kiểm.
2. Nước loạn canh tàn khóc bể dâu, Thái Văn Kiểm.
3. Tóc bạc cảm mây sâu xã tắc, Thái Văn Kiểm.
4. Việt Nam Pháp Thuộc Sử (1884-1945), Phan Khoang.
5. Việt Nam Tranh Đấu Sử.
6. Việt Nam Tân Biên, Phạm Văn Báo.
7. Việt Nam Tự Điển, Lê Ngọc Trụ.
8. Danh Nhân Tự Điển, Trịnh Văn Thanh.
9. Việt Nam Sử Lược, Trần Trọng Kim.
10. Việt Nam Phóng Sự, Nguyễn Văn Mại.
11. Lô Giang Tiêu Sử, Tiêu Cao Nguyễn Văn Mại.
12. Việt Nam Văn Học Sử Yếu, Dương Quảng Hàm.
13. Việt Sử Toàn Thư, Phạm Văn Sơn.
14. Tài liệu của Hội Khoa học Lịch sử năm 1991.
15. Tạp Chí Cửa Việt, Quảng Trị.
16. Châu bản về Nguyễn Văn Tường, Trần Viết Ngạc & Nguyễn Nhã.
17. Kể Chuyện Vua Quan nhà Nguyễn, Phạm Khắc Hòe
18. Nghệ Thuật Viết và Đọc Văn, Presse universitaires Bruxelles. Vũ Ký.

Tài liệu tham khảo bằng tiếp Pháp:

1. Những Công Báo tồn trữ tại Paris.
2. Christianisme et Colonialisme au Viet-Nam 1857-1914, Cao Huy Thuần.
3. Le Vietnam. Histoire et civilisation, Paris, Lê Thành Khôi.
4. Le Roi proscrit, Marcel Gaultier.
5. Souvenir d' Annam, Baile.
6. Le Laos et le Protectorat français, Gosselin.
7. L' Empire d' Annam, Capitaine Ch. Gosselin.
8. Abrégé d' histoire d'Annam, Saigon 1906, Schreiner.
9. Histoire de la Cochinchine française, des origines á 1883 Paris, Challamel, 1910.
10. La Colonisation française en Indochine, Paris, Alcan 1895, De Lanessan.

CHÚA JESUS DẠY TRI KIẾN PHẬT

Bài của Dr. Elmar R. GRUBER
trong "ESOTERA" số 11.94, trang 32 - 36

THIỆN HỮU/LUCKMAN Trần Hữu Lộc lược dịch

Cùng với H. Kersten tiến sĩ Gruber viết quyển "Der Ur-Jesus - Die buddhistischen Quellen des Christentums" dày 360 trang do nhà Langen Mueller tại Muenchen xuất bản năm 1994. Gruber xác định là "Jesus không phải là người theo Thiên Chúa Giáo mà lại theo Phật Giáo". Trong bài viết này Gruber chỉ nêu ra một vài điểm chính.

Theo ông thì sự việc các văn bản Thánh Kinh chứa đựng nội dung Phật Giáo không phải là một điều mới mẻ gì. Chính triết gia Arthur Schopenhauer (1788-1860) cũng như nhiều nhà nghiên cứu sau ông đã khám phá được nhiều chuyện kể trong Tân Ước (Neues Testament) bắt nguồn từ những câu chuyện trong Phật Giáo. Schopenhauer cũng nhận ra rằng những nguyên tố chính trong Tân Ước rất giống với những điều đã có sẵn trước đó của Ấn Độ và đặc biệt của Phật Giáo. Những nguyên tố chính được kể đến là quan niệm khác khổ đối với cuộc sống, hệ thống luân lý, sự muốn vượt thoát khỏi sợi dây ràng buộc của thế gian cũng như tri thức của chư thiên tái sinh vào chúng sinh. Trong Phúc Âm lời giảng Thánh Gioan (Johannes-Evangelium) người ta tìm gặp được từng câu nói một tương tự Phật Giáo. Chính thế mà nhà thần học nổi tiếng J. Edgar Bruns đã viết quyển "Der christliche Buddhismus des Heiligen Johannes" trước đây không lâu.

Mãi nhiều chục năm sau ngày Chúa Jesus bị đóng đinh trên Thập Tự Giá thì các tác giả Phúc Âm mới bắt đầu viết lại các câu chuyện về thời gian ngắn ngủi Chúa Jesus hoạt động trong xã hội. Họ dùng nhiều nguồn tài liệu không chắc chắn lắm cũng như bổ sung bằng các tài liệu lạ. Qua việc làm này các tác giả cố che giấu một sự thật đáng sợ là gần như họ không còn biết gì nhiều về con người của Chúa Jesus vào lúc họ viết Phúc Âm nữa. Họ sử dụng nhiều câu chuyện Phật Giáo để ghép vào cho đầy đủ tiểu sử của Chúa Jesus. Chính thế mà chúng ta ngày nay gần như phải dùng các lời của chính Chúa Jesus để tìm hiểu bí mật

của con người rất quan trọng nhưng đã bị hiểu lầm quá nhiều này:

Rudolf Seydel, giáo sư đại học Leipzig cuối thế kỷ 19 chứng minh được rằng Phúc Âm viết dựa theo các văn bản Phật Giáo. Theo ông thì các người viết Tân Ước đã sử dụng một văn bản nào đó làm căn bản mà ông gọi đó là "Phúc Âm Phật Giáo được sử dụng theo Thiên Chúa" được lưu truyền trước đây tại vùng Syria/Palaestina. Tòa Thánh không chấp nhận công trình nghiên cứu này cũng như công trình tương tự của Henri De Lubac, nhà nghiên cứu lịch sử tôn giáo và thần học căn bản nổi tiếng trong thập niên 30.

Các bản Phúc Âm không phải là lời rao giảng của từng cá nhân ngày nay ta biết qua các tên Matthaueus (Matthêu/Mát Thêu), Markus (Mác Cô), Lukas (Lu Ca) hay Johannes (Gioan/Yoan) mà lại thành hình qua những công trình chung của nhiều văn bản và lời kể, được viết lại và biên tập lại. Những câu chuyện được "nhập cảng" từ Ấn Độ, đặc biệt phải kể đến chuyện Simenon diễn tả về ngôi đền (theo Lukas 2, 25-35) giống hệt lời tiên tri của ông tiên A Tư Đà (Asita) đối với thái tử Cồ Đàm Sĩ Đạt Ta (Gautama Siddharta) tức Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật sau này cũng như nhiều câu chuyện khác mà người ta cho là của Chúa Jesus như "phép lạ bánh mì", "thủy hành" (đi trên nước, gặp người nữ đất Samarit tại giếng nước...

Cho đến gần đây người ta vẫn chưa tìm được câu trả lời của câu hỏi "Tại sao các tác giả Phúc Âm lại dùng văn bản Phật Giáo để thần tượng hóa cuộc đời và sự nghiệp của Chúa Jesus khi mà họ biết quá ít về ngài?" Theo Gruber thì sau khi ông và Kersten càng nghiên cứu sâu xa thì họ lại càng nhận ra rằng chính Chúa Jesus đã rao giảng tri kiến Phật.

Người ta khám phá được "nguồn gốc" Phật Giáo của Chúa Jesus qua công trình tìm kiếm lời rao giảng thật sự của Chúa. Vào thế kỷ 19 người ta đã biết được rằng văn bản Markus là văn bản Phúc Âm cổ xưa nhất mà chính

Lukas mà Matthaueus đã chép lại. Lúc sao chép họ đã thêm vào những lời giảng của Chúa Jesus không có trong Phúc Âm Markus. Người ta nhận ra rằng chính Lukas và Matthaueus đã sử dụng thêm một văn bản khác ngoài Phúc Âm Matthaueus, văn bản được gọi tắt là Q (viết tắt của từ "Quelle" có nghĩa là nguồn và là kết hợp của lời rao giảng của vị Thầy. Q là văn bản cổ xưa nhất được lưu truyền trong giới tín đồ Thiên Chúa Giáo, cổ xưa hơn cả Phúc Âm Markus. Q do đó chính là "Phúc Âm Nguyên Thi" đã thất truyền và chứa đựng những lời giảng của vị Thầy và hiện tái tạo được qua các văn bản Tân Ước. Trong Q người ta gặp được Jesus Nguyên Thi (Ur-Jesus) chứ không phải Jesus được thần thoại hóa như ngày nay.

"Jesus Seminar" của Hoa Kỳ, hội đồng tụ họp những nhà thần học và sử gia đứng hàng đầu như các giáo sư đại học John Dominic Crossan, Robert W. Funk và John S. Kloppenborg, cho rằng Chúa Jesus là một nhà triết học hơn là một giáo chủ. Họ tìm được rằng chỉ có 10% mà trước đây trong văn chương Thiên Chúa Giáo xem của Jesus là thật của Jesus mà thôi. Chính văn bản Q cũng đã bị thay đổi và bổ sung sao cho thích hợp với sự tiến hóa. Các công trình phân tích ngôn ngữ học mới đây nhất cho thấy có ba lớp Q tất cả mà chỉ có lớp Q1 mới đáng xem là lời của Jesus. Đây chính là "sáu lời tri kiến". Các lời này làm cho người ta liên tưởng đến một nhóm người mà người ta biết qua văn chương Ai Cập, Đông cổ và Hy Lạp cổ.

Khi đọc văn bản Q tất cả mọi người đều có thể nhận thấy ngay là những người theo Jesus với lời rao giảng Q đều không phải là người theo Thiên Chúa Giáo. Họ không xem Jesus là một đấng tiên tri mà cũng không là Đức Chúa Trời. Họ cũng không xem giáo pháp của ngài là lời buộc tội Do Thái Giáo. "Cái chết" của ngài họ cũng không xem là "hành động giải thoát" và cũng chẳng ai tin rằng Jesus đã sống lại để cai trị một thế giới mới cả. Họ đã xem Jesus như một vị Thầy có năng lực đặc biệt và dạy họ các hiểu biết ngôn ngữ để họ sống vượt qua thời gian khó khăn. Như vậy thì Jesus có phải là một triết gia cực đoan hay không? Nếu chỉ nghiên cứu lời của Jesus trong Q1 thì ta nhận ra một cách rõ ràng rằng Jesus bắt nguồn từ phong tục tập quán của Phật Giáo. Tất cả những lời rao giảng của Jesus được minh xác bắt nguồn từ những văn bản Phật Giáo, có khi giống từng từ ngữ một. Jesus Nguyên Thi đã sống đời sống của một vị du tăng khát sĩ và dạy đệ tử ngài hãy sống theo con đường Phật Giáo. Ngài dạy đệ tử pháp/giới (Dharma) Phật tức định luật thiên nhiên mà thế giới chúng ta phải chịu ảnh hưởng.

Sau đây chúng ta thử nêu ra một vài điểm rõ rệt nhất trích từ các văn bản để so sánh. Việc ban phép lành (Seligpreisung) và tất cả phần lời chính của lời rao giảng trên núi (Bergpredigt) mà nhiều người vẫn xem là lời của Chúa Jesus thì người ta có thể tìm thấy qua Pháp Cú Kinh tạng Pali (Pali-Dharmapala, viết tắt Dh), Pháp Cú Kinh tạng Phạn ngữ Sankrit (Sankrit -Dharmapala, GdH), văn bản cổ xưa nhất của Phật Giáo có nội dung luận lý.

Câu nói của Jesus được nhiều người biết nhất là "Hãy thương yêu kẻ thù của con" lại lấy từ câu "Hãy lấy tình thương/vô sân (Nicht-Haß) chế ngự tâm sân (Hß), lấy cái tốt (Gute) chinh phục điều xấu (Boese), lấy tâm bố thí (Großzügigkeit) thắng sự bôn xèn (Geiz), lấy sự chân thật (Wahrheit) khắc phục gian dối (Luege)". (trích Pháp Cú Kinh tạng Sankrit, câu 280).

Giống nhau cả ý nghĩa lẫn chi tiết. Jesus nói: "Khi người ta xin" trong khi Đức Phật nói: "Hãy cho khi con được người ta hỏi đến". Ta nhận được sự giống nhau ở điểm là cả Jesus lẫn Đức Phật đều nói là người ta xin mình mà không cần biết người xin có phải là người cần thiết xin như người nghèo, yếu đuối hay bệnh tật hay không...

Những chi tiết này giống nhau đến nỗi người ta không còn cách nào nghĩ khác hơn là Jesus đã học rất kỹ những điều căn bản trong Phật Giáo này và dùng làm của mình. Qua các điều giống nhau này người ta lại phải tự hỏi thêm rằng phải chăng Jesus đã có một bản Kinh Pháp Cú hay không. Nếu quan sát thêm giáo Jesus Nguyên Thủy và các nguồn Phật Giáo thì người ta có thể đọc thêm điểm sau. Đức Phật nói: "Không nên nhìn lỗi người, người làm hay không làm. Nên tự nhìn thân ta có làm hay không làm". (GDh câu 271...) và Jesus Nguyên Thủy nói: "Không nên đánh giá người thì các người sẽ không bị đánh giá vì vật mà người dùng để đánh giá người khác sẽ là vật đánh giá người".

Sau đây là những so sánh nhiều người biết mà người ta cũng tìm được trong Phật Giáo. Chẳng hạn như cách ngôn của Jesus về người mù dẫn dắt người mù thì người ta cũng tìm được câu chuyện một người Bà La Môn (Brahman) được một người mù dẫn dắt (Dighanikaya "Trường Bộ Kinh" 13, 15). Chẳng hạn như câu: "Thấy lỗi của người thì dễ, nhưng lỗi của chính mình thì quả thật khó thấy. Lỗi của người thì ta sàng sảy để quan sát tỉ mỉ, nhưng của ta thì giấu kín như người đi bầy chim ngụy trang để núp trốn". (Dh 18, 18). Người ta cũng tìm thấy điểm song song giữa Jesus Nguyên Thủy về chuyện hai cái nhà, một xây trên đá và một trên cát với câu 13 đoạn 1 Kinh Pháp Cú tạng Pali nói về tâm tham.

Trong kinh Udanavarga (Tự Thuyết) đoạn 9 câu 8 viết là: "Tất cả những gì do con người hành động, dù đó là nhân thiện hay nhân ác thì tất cả đều có quả" thì Jesus Nguyên Thủy nói là: "Một cây tốt không sanh trái hỏng. Một cây hỏng không sanh trái tốt... Người tốt tạo từ một kho tàng tốt, và người xấu tạo từ một kho tàng xấu các vật xấu". Người ta cũng có thể xem thêm lời giảng 3 của Johannes (3,3) và lời giảng của Matthaueus (18,3)... Lời dạy của Jesus như thế bắt nguồn từ thuyết nhân quả trong Phật Giáo.

Một trong những khó khăn nhất mà Đức Phật lẫn Chúa Jesus gặp phải trong việc dạy người theo tôn giáo mình là thuyết phục được họ hãy bỏ tất cả để sống cuộc đời một du tăng truyền pháp. Đức Phật dạy: "Người chuyên chú tận lực cố gắng, không luyện ái nơi trú ẩn nào. Tựa như những con thiên nga người ấy rời bỏ nhà này sang nhà khác (và ra đi)" (Dh 7,2) khi nói về các vị A La Hán (Arahat). Trong Udanavarga (Tự Thuyết) ta cũng đọc được: "Kẻ cất bỏ được các sợi dây trần tục..., kẻ không còn bị ràng buộc bởi tất cả liên hệ trần tục thì ta gọi kẻ ấy là A La Hán???".

Trong khi đó thì Jesus Nguyên Thủy dạy đệ tử khi được hỏi là người này theo Jesus để đi đâu: "Chôn cáo có hang và chim chóc trên trời có tổ, con ta không có nơi nào để có thể đặt đầu được". (Lk 9, 58). Và khi được xin hãy để ông chôn cha xong đã thì Jesus đã nói một lời được nhiều người trích dẫn là: "Hãy để những người chết chôn cất những người chết".

Người ta còn xác định được các lời giảng khác của Chúa Jesus như trong Lk 12, 13-21, Lk 12, 33 về đời sống khất sĩ xuất gia (vô gia cư) giống như trong Kinh Đại Bát Niết Bàn (Mahaparinibbanasutta phẩm 3 câu 66). Những lời dạy của Jesus do đó được xem là việc chống đối lại những suy nghĩ về luân lý thời bấy giờ.

Như vậy câu hỏi được đặt ra là làm sao Jesus có được lời giảng của Đức Phật. Để có thể trả lời câu hỏi này các tác giả quyển sách đây 360 trang đã dùng hơn 100 trang để ghi lại các công trình nghiên cứu lịch sử và khảo cổ học. Trong bài viết trong tạp chí "Esotera" tác giả chỉ ghi ra vài điểm chính như sau:

Vua A Dục (Asoka), một vị đại đế của Ấn Độ khoảng 300 năm trước Thiên Chúa Giáng Sinh đã tạo ảnh hưởng sâu rộng trong việc truyền bá Phật Giáo trong vương quốc của ông kể cả về phương tây. Trong những văn bản khắc trên đá vua A Dục kêu gọi dân chúng hãy kính trọng giáo pháp và theo Bát Chánh Đạo mà Đức Phật đã dạy. Những văn bản này được khắc trên đá mà ngày nay người ta tìm thấy tại Ấn Độ, Hồi Quốc (Pakistan), A

Phủ Hân (Afghanistan) dọc theo con đường thương mại nối liền đông tây. Các vị tu sĩ theo phái Nguyên Thủy (Theravada) đã theo con đường bộ thương mại này đi đến Tiểu Á (Kleinasien) và cả đường thủy để đến Ai Cập (đầu thế kỷ 20 các nhà khảo cổ người Anh đã tìm được dấu vết một đô thị cổ của Ấn Độ thời vua A Dục tại thành phố Memphis). Trong văn bản cổ Phật Giáo người ta có thể tìm được địa danh A' lasadda (tức Alexandria). Từ thế kỷ 19 ta cũng được biết là tại vùng này xưa kia có một nhóm người được gọi là "Therapeuten" sinh sống. Họ sinh hoạt y hết đời sống tu sĩ Phật Giáo... Trong quyển sách "Buddha and Christ" Thundy đã chứng minh được là từ ngữ "Therapeuta" là kết quả cách viết theo lối văn Hy Lạp cổ của từ ngữ "Theravada" của ngôn ngữ Sanskrit/Pali mà thôi. Ngay như chúng ta dùng từ ngữ "Therapeut" hay "Therapie" với nghĩa là "trị bệnh". Ta cũng biết rằng vua A Dục đưa người đi truyền bá tôn giáo là để trị bệnh thể xác và linh hồn cho người và thứ mà ta cũng biết Đức Phật được mệnh danh là "Dược Vương".

Chỉ có một người duy nhất dạy tín đồ tại Palaestina sống như các người "Therapeuten" của thời 300 năm trước Thiên Chúa Giáng Sinh là hãy từ bỏ các liên hệ gia đình... Đó là Jesus.

Gruber và Kersten phân tích các tài liệu lịch sử và sử dụng các tài liệu mới khám phá được của phái Qumran để tìm được con đường mà Jesus "trong những năm bị mất" đi đến những người "Therapeuten" tại Alexandria và Jordan. Tại đây Jesus -giống như Đức Phật- dạy người ta phải từ bỏ quan niệm khắc khổ cũng như dạy trung đạo, Bát Chánh Đạo... Những người đầu tiên theo Jesus rất thích thú vì Jesus dạy họ những điều khác hẳn với những nhà tiên tri khác. Do đó họ tin tưởng Jesus một cách mù quáng nhưng họ lại không nắm được những gì Jesus thật sự muốn dạy vì họ hy vọng Jesus là một tiên tri. Họ muốn vị Thầy của họ là nhà tiên tri cũng như muốn cùng được giải thoát. Thời gian Jesus dạy họ quá ngắn ngủi để có thể đưa giáo pháp của ngài vào tri thức họ. Và những người theo Jesus đã không thành công trong việc truyền bá các điểm giáo pháp chính cho dân chúng tại thành thị cũng như làng mạc. Họ đã bị chế nhạo và bị xua đuổi. Chẳng bao lâu sau đó họ nhận thức được rằng Jesus để lại khoảng trống to lớn trong nhóm tín đồ của mình. Việc đụng độ với dân La Mã trong thập niên 60 đưa đến một sự xung đột công khai và trong không khí thế giới bị hủy diệt này cũng như trong nguyện vọng ảo tưởng người ta đã biến Jesus, vị Thầy theo Phật Giáo, thành nhà tiên tri và người giải thoát nhân loại.

Xuân đầu

KỶ NIỆM

Đoàn khúc cho Xuân, trao về người đi 0702 và gia đình đoàn tụ.

•Thiện Căn Phạm Hồng Sáu

"Ngày thắm tươi bên đời xuân mới,
Lòng đắm say bao nguồn vui sống
Xuân về với ngàn hoa tươi sáng
Ta muốn hái muôn ngàn đóa hồng..."

Bài ca "Xuân và Tuổi Trẻ" của nhạc sĩ La Hối người Quảng Nam đã cách đây gần 6 thập niên qua mà còn vang vọng đâu đây, nhắc tôi nhớ về một dĩ vãng, dĩ vãng của 16 năm đã trôi qua.

Ngày tôi lên đường chỉ có mớ hành trang nhỏ bé, xách gọn trên tay với niềm đấng cay xót thương vô bờ, trong khi quê hương, ruộng đồng và người thân yêu còn đó để cùng đoàn người bồng bế, lũ lượt dắt nhau đi tìm nơi sống mới tự do, nhân bản mà nước mất chan hòa, nẻo đường đời tương lai không định hướng.

Hoàng hôn đó xuống tàu, người và người chông chất lên nhau. Kẻ đứng trên bờ nước mắt trông theo, người ở dưới vẫy tay chào nhau tiễn biệt.

Thôi hết rồi "cố nhân hỡi, biết ra sao ngày sau?..."

Nửa đêm khởi hành, bầu trời không trăng sao, ánh sáng, gió lộng tràn qua, dòng sông sâu nước chảy cuộn bờ.

Đời là vô thường; giờ trắng tay, ước mơ chỉ còn là hư ảo "cho xin sống lại..."

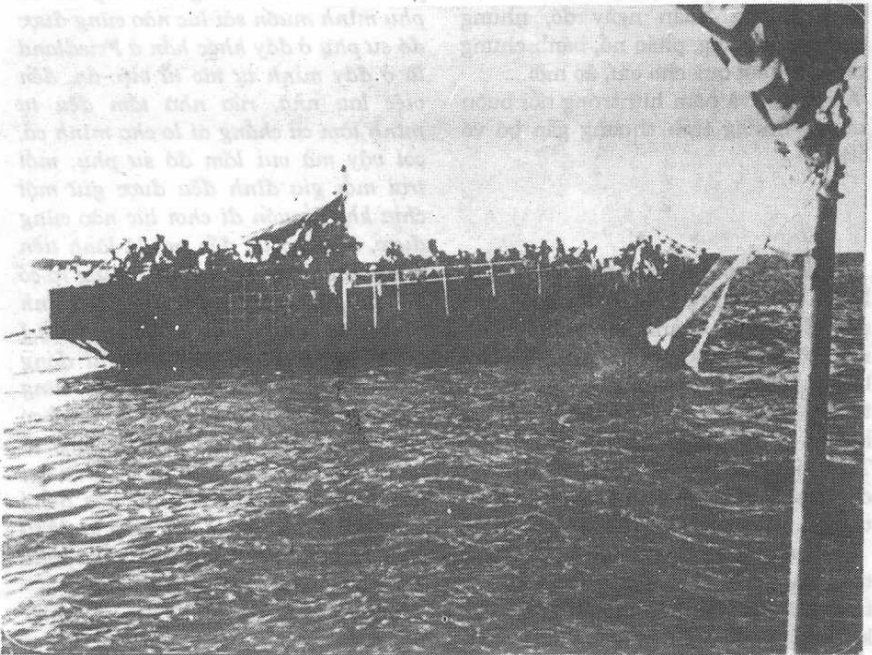
Kẻ được ngồi trên mũi tàu nhìn không gian mờ tối, người bị ép dưới hầm tàu nghe nước chảy róc rách đoán biết con tàu đang đi.

Chỉ có thể "Hỡi lũ chim vùng đất ấm, biết gì không hay đã ngủ say?..."

Rồi sáng hôm sau bỗng thấy mình đang giữa trống không, mông quạnh, biển cả bao la, chân trời mờ, sương mai xuống xám, mây tím vội vã kéo đi nhanh, gió quàng lên vàng vù, hải âu lạc ngược gió lạc cánh bay...

Người ngồi đây, kẻ nằm đó hôn mê trong ác mộng. Lũ trẻ thơ khóc thét bởi ngột hơi, khát sữa và đòi bông...

Biển giăng sâu vắng, biển chẳng nghĩ đến ai, từng cơn cuộn lên hung bạo, sóng vỗ tới tấp bạc đầu. Bây giờ không còn là bài "Hoa Biển" của Anh Thy "tàu anh xa khơi chưa tìm bến, nên em còn buồn, nên em còn hờn sao chưa thấy anh sang..." mà chỉ còn đây bày cá mập đang lượn ngắm, trông chừng, chờ cơ có người say sóng sẩy chân rơi



Tàu vượt biên mang số "0702" chở 362 người tỵ nạn đến được vịnh Songkhla Thái Lan vào 30.11.1978

xuống biển hay tàu chìm.

- Ánh đèn, ý ánh đèn!... của những con tàu khổng lồ đang hướng đi về phương Bắc, nhìn vào đêm mưa giăng mờ như những vì sao lạc, như những ánh hải đăng trên mũi đá nhấp nháy, chập chờn, như Bắc Đẩu mọc đêm đưa dân chài về mái ấm gia đình sum họp.

Tôi mừng rỡ, gọi người cứu giúp, nhưng đã hoài công vì người đã quay đi và làm ngơ ngoảnh mặt.

Tôi trở về đường cũ, lạc hướng thênh thang.

Hỗn loạn, xô bồ, suýt chết chìm trong đêm tối. Lạy Phật Trời cứu độ chúng sinh. Tôi niệm "Nam mô đại từ, đại bi Quan Thế Âm Bồ Tát..."

Bình minh,

Nghe sóng vỗ xuôi chiều, tàu đi không nghiêng ngả. Nắng hồng lên pha loáng ánh sương mai. Vùng Côn Sơn đó tôi được nhìn mờ bên tay phải và nghe thì thầm tiếng ai đó từ dưới vọng lên: "Không chết chìm, Công an không bắt, chắc có quới như phò hộ..."

Bầy cá heo hiền hòa đua lội theo tàu tung tăng đùa giỡn. Người đối người kẻ xuống, người lên chia nhau hít hơi dưỡng khí, ánh mặt trời.

Chỉ có thể, rồi trở về bằng im lặng.

"Nước chảy đá phải mòn, gió đã làm rung cây!!!"

Âm thầm lủi sóng qua đêm, giờ đây tàu đi như con hải âu bị dập dùi bởi gió. Cánh rách, mồm khô, môi thâm vì

đắng, đường thì dài thăm thẳm cuối chân mây.

MS. Tom Jacob.

Vì sao mai (1) đầu đây hiện đến, đó phải chăng là chiếc phao thủy tận tay người đang chơi với giữa dòng sâu, một nụ hôn tình cầu ban cho tôi khỏi bị lạc loài trong giông bão.

Tôi đã được theo người bằng hành trang trở trụ, được những chén cơm,

ly nước lúc ban chiều. Được người dẫn đi nên đã trở thành kỷ niệm, đầu tháng, năm đi không nhột nhạt, phôi phai.

Tôi không cô đơn một mình trên biển vắng, không sợ sóng to, bão táp của mùa mưa mùa.

Tôi biết rằng người thật lòng làm thiện, nhưng thương cho thân, tôi lại có số không may "Có, không rồi không, có..."

Trả lại hành trang cho người để nhận một cuộc hành trình đơn côi dai dẳng bằng những ngày thập tử, nhất sanh. Tôi lặn lội giữa bão táp, mưa sa và mây chiều âm đạm cho đến khi tôi thoát chết chìm tại cửa Songkhla (2) bởi một đêm mưa về và bão biển.

Tôi thét vang giữa lòng đời "Quê hương còn đó nhưng người về đâu?..."

Con người cũng có nghiệp duyên và số mạng. Tôi đã được tới nước Đức này.

Bằng những tháng, ngày đi gần cuối năm Mậu Ngọ (78). Đầu Kỷ Mùi (79) trên đất khách mừng Xuân.

May mắn bất ngờ đã vội vàng đến, nhưng mấy ai không khỏi bàng hoàng, trách cho cuộc đời nhiều nghiệt ngã.

Bác, chú, dì... anh, chị, các em và tôi hiện thường Xuân ngày đó, nhưng không mai vàng, pháo nổ, bánh chưng xanh, không quà cho em, áo mới...

Âm thầm và hăm hiu trong nỗi buồn xa xứ, nhưng tình thương gắn bó vô biên.

*
*
*

Ngoài kia tuyết rơi, rơi nhiều (3). Nhìn qua khung cửa sổ tôi thấy đọc mái hiện tuyết thành băng như thạch nhũ kết dây. Một con nai vàng lạc bầy bị lún chân giữa đồng hoang tuyết trắng. Không cứu được nó tôi bàng hoàng và tự thấy lòng mình ray rứt. Tự nhiên tôi thương thân và thương cho quê hương đang cách trở nghìn trùng.

Bên cạnh tôi, người mẹ đó ôm con trên tay với những giọt nước mắt lăn tròn trên gò má hóp, người cha hiền kia cúi thủi đem chiêm mấy chiếc cánh gà vừa mua tại siêu thị để có bữa cơm ngon.

"Từ buổi người đi, hoa không nở
Đơn côi kẻ ở, ngắm nguyệt chờ..."

Tôi khẽ ngâm lên bài thơ làm vào dạo nọ, mong bình an, thanh thân cho tâm hồn mình.

- "Tà dương khuất đầu đây, khi bóng ngả xế tàn..."

Tiếng hát của những đứa em kết nghĩa, đi dạo đầu đây rồi trở về căn

trại cũ (Friedland). Tôi đếm được từng đứa một có tánh tình và tuổi tác khác nhau.

"Con này tên... , 16 tuổi, ra đi chỉ có hai chị em, đứa kia đi một mình, thằng... , 15 tuổi, vợ không thân quyến, đứa nọ 15, 17, v.v... và v.v..."

Tất cả dưới, trên chưa tròn 20 tuổi mà đã tiếp nhận vào đời mình một khúc quanh bờ ngõ, đơn côi.

Ngày rời trại đi định cư, tôi nhận được thư chúng viết, xem lối hành văn ngộ nghĩnh tức cười. Tôi đang cất giữ tại đây để làm kỷ niệm. Lá thư viết như sau:

"Braunschweig 31.3.1979

Sư phụ ơi!

4 đệ tử của Sư phụ đến nơi một cách an toàn, ba đứa em T..., Ph..., H... ở chung 1 phòng, còn A... thì ở riêng 1 phòng tại vì A... là con gái thành ra ở chung tại em không được phòng tại em rộng lắm có 4 giường 2 tủ đựng quần áo đầy đủ tiện nghi, kế bên là nhà tắm, nhà cầu, kế bên nữa là nhà bếp nấu ăn, dao, muỗng đầy đủ dụng cụ nấu ăn muốn nấu nướng lúc nào cũng được, muốn uống sữa, bia, cà phê đều có sẵn trong nhà bếp đó sư phụ mình muốn sai lúc nào cũng được đó sư phụ ở đây khác hẳn ở Friedland là ở đây mình tự túc từ việc ăn, đến việc lau nhà, rửa nhà tắm đều tự mình làm cả chẳng ai lo cho mình cả, coi vậy mà vui lắm đó sư phụ, mỗi trại mỗi gia đình đều được giữ một chìa khóa muốn đi chơi lúc nào cũng được, tại em vừa đến nơi là lãnh tiền ngay của tháng tư là 105\$ - đúng ra có 80\$ nhưng họ cho thêm 25\$ tiền mình đi xe Bus hằng tháng 4 đứa em được 1 thẻ đi xe Bus giá rẻ mình chỉ đóng 25\$ 1 tháng muốn đi lúc nào cũng được vui lắm sư phụ, ở trại tại em ở có 120 em bé Đức nhiều em khoảng 18 tuổi lằng lể kị sư phụ thôi 4 đứa em tạm dùng bút chúc sư phụ học tiếng Đức giỏi 4 đứa em sẽ gặp sư phụ đệ tử và sư phụ sẽ nói bằng tiếng Đức, chú đừng nói tiếng Việt nghe sư phụ.
Mong thơ sư phụ.

4 đệ tử Ph..., T..., H..., A...
Ký tên"

"Xuân năm nào có nhau, mình nâng ly rượu hồng..."

Dòng sông Rhein chạy ngang đại phố Koeln nước xanh vẫn chảy. Là kỷ niệm tức đang hay đã đi vào dĩ vãng "dĩ vãng tìm đâu thấy như áng mây chiều đang lững lờ theo gió bay..." êm êm lẳng nhẹ theo lòng người.

Thuở ấy 16 trăng tròn, nay đã hơn 30 rồi đó, đứa thành danh Bác sĩ, Ký sư,

đứa còn đi Đại học, đứa làm nghề nghiệp chân tay... và tất cả... có vợ, có chồng, có con và gia đình đoàn tụ.

Cuối Mậu Ngọ tôi ra đi, đầu Kỷ Mùi tôi tha phương hưởng Tết. Giáp Hợi (84) đi rồi, Ất Hợi (95) lại đến. Mới đó nay đã 16 năm đi qua, mau thật nhỉ, đến nỗi tóc tôi bạc không hay.

Vai Bác, Chú, Dì... tôi ngày nào người nhanh như pháo nổ, nay gặp lại thấy mắt đã lem nhem và dáng dấp đã chậm rồi.

Dấn bước thăng trầm, lần theo thời gian, rồi ai ấy đã đi vào hội nhập. Tuy hội nhập trong ban đầu bị cưỡng bách chút thôi, lần hồi quen đi để tạo cho tâm hồn mình bằng tự tại.

Cắm cành Fonsyzien (4) lên bàn thờ thay cho Bạch Mai, Huỳnh Mai nở vào mùa Tết đến, Xuân về, dấu biết rằng đây không có nhụy ngọt, hương thơm và hoa trạng đỏ cho Giáng Sinh năm Tây, Tết mới.

Đường mây bạc, chân trời tím ngắt, từng hoàng hôn nơi biển cả chống đỡ với phong ba. Bối cảnh ngồn ngộn, người giờ cao lon lên xin chút nước. Tất cả đã không còn và người đến sau nhờ may mắn được đi trong phương tiện tốt nên không gặp hiểm nguy, gian khổ hay nhọc nhằn.

Ngọn gió Bắc trên quê hương báo hiệu Xuân về, thổi lòn qua khung cửa. Ở đây tôi chỉ thấy cái lạnh từ ngoài trời.

Nhớ về buổi Xuân đầu tha hương thuở trước, viết truyền sử hôm nay. Tôi cũng viết dâng cho những người cùng đi với tôi chung chuyến đã vĩnh viễn nằm yên trong lòng đất lạ, quê người theo "Bóng ngã đường chiều", cho những người hiện còn với "trông sao trời lấp lánh, tưởng về đôi mắt cổ nhân chiều xưa..." và cho các em, các cháu thân thương bài ca "Xuân và Tuổi Trẻ":

"Xuân thấm tươi, chim én bay cao tít trời,
Vui sướng đi, cao tiếng ca mừng reo,
Đừng để lòng thốn thứt, tình mê đắm
Ta cứ vui, ta cứ vui đời Xuân thấm tươi

..... Xuân tương bồng"

(Đông Lingen và Xuân Ất Hợi 95)

Ghi Chú:

- (1) Tàu hàng Tom Jacob của Tây Đức.
- (2) Cửa Songkhla ở bờ biển phía Nam của Thái Lan.
- (3) Trại Ty nạn Friedland.
- (4) Hoa Fonsyzien màu vàng giống hoa mai nở vào dịp lễ Phục Sinh.

* Và muốn ôn lại chuyến đi của mình, xin xem lại trong báo Viên Giác trọn năm 1988.



"Ta về ta tắm ao ta
Dù trong, dù đục, ao nhà vẫn hơn"
(Ca dao)

* Trần Thị Nhật Hưng

Bà Mai đưa mắt ngắm cô dâu, chú rể. Cô dâu ba mươi sáu tuổi, chú rể hai mươi bảy tuổi. Trông cũng xứng ấy chứ. Nhất là đối với người con gái Việt đứng bên cạnh một chàng trai Thụy Sĩ. Đã vậy, Trang, tên của cô dâu, vốn dĩ xuất thân từ một gia đình khá giả. Thân phụ nàng từng giữ chức vụ cao trong chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Mẹ có một cửa hàng buôn. Trong đời sống ăn sung mặc sướng không lo nghĩ tiền bạc mặc dù sau năm 75 gia đình có sa sút, Trang vẫn giữ được nét trẻ của ngày nào, Với dáng dấp mảnh mai, Trang đứng bên Heinz cao lớn với bộ râu xồm xoàm, cái mức tuổi chênh lệch dường như không thấy nữa.

Đối với người Âu, Úc cũng như Mỹ Châu nói chung và người Thụy Sĩ nói riêng, khó mà họ định được tuổi tác của dân Việt. Hầu như cái nhìn của họ đều thấy dân Á Châu trẻ đi, có lẽ vì dáng người Á Châu nhỏ nhắn hay tại không buong chải ra đời sớm nên còn nét ngây thơ, cũng như bà, khi tới Thụy Sĩ, lúc đó đã 32 tuổi, một lần mua vé xe Bus, người tài xế nghiêm nhiên bán cho bà vé nửa giá dành cho người dưới 16 tuổi. Lần khác mua vé xe lửa đi chơi xa, quầy vé hỏi bà đã tới 16 tuổi chưa để bán nửa giá dành cho trẻ em. Cũng chính vì điểm này, lúc giới thiệu người phối ngẫu với Trang, khi bí cùng bà mới tìm cho Trang một người chồng trẻ tuổi.

Bà Mai nhìn lại cô dâu, chú rể. Tuy cả hai đã đứng cặp nhưng trong tâm hồn bà vẫn chưa hài lòng. Đối với bà, một người con gái Việt lấy chồng ngoại quốc, bà cảm thấy như mất mát cái gì, bà làm như tổ quốc Việt Nam thân yêu của bà vừa mất một người con. Tự nhiên bà buồn vu vơ rồi chợt thờ dài.

Trước khi làm mai cho Trang với Heinz, thật ra đâu phải bà không nhớ câu "Ta về ta tắm ao ta. Dù trong, dù đục, ao nhà vẫn hơn". Vốn không muốn con gái Việt lấy chồng ngoại quốc, lẽ đương nhiên bà phải nghĩ đến cái "ao nhà". Tiếc rằng cái ao nhà của bà không những đục mà còn cạn không có một tí nước. Ao cạn thì làm sao mà tắm đây?! Người Việt vốn ở hải ngoại không mấy đông, có hơn một triệu rải khắp trên thế giới. Thụy Sĩ là một nước nhỏ, diện tích khoảng 41.300 cây số vuông, nhiều đồi núi, số lượng người Việt càng ít ỏi hơn. Đôi khi bà nhìn đám dân Việt của bà ở Thụy Sĩ có khác nào dân thiểu số miền rừng núi. Tuy vậy trước khi tìm cho Trang một tấm chồng bà cũng đã suy nghĩ nát óc lung trong trí nhớ rồi ngồi liệt kê lập thành danh sách những chàng trai... ế vợ trong thành phố, vùng phụ cận, kể các các nước láng giềng Áo, Đức, Pháp, Ý...

Người thứ nhất bà nghĩ đến là Trần Sinh Thụ. Thụ 45 tuổi, làm nhà máy in. Hồi còn ở Việt Nam nghe nói Thụ đã

tốt nghiệp đại học. Cũng chỉ nghe nói, bà không rõ có đúng hay không. Vì đa số người Việt ra hải ngoại, ai cũng phác họa cho mình một quá khứ vàng son. Dù ở Việt Nam có đi gánh nước, chữ nghĩa i tờ, ra nước ngoài cũng khoe mình từng là giáo viên tiêu học rồi tự đánh bóng bằng cái dáng vẻ bề ngoài, ăn nói uổng nắn hơn, quần áo chau chuốt hơn nên chả ai biết rõ được. Thôi thì, ai nói sao bà cứ nghe vậy. Tin hay không còn tùy ở nhận xét của mỗi người.

Riêng Thụ, bà tạm tin như vậy. Chỉ tạm thời, vì con người anh rất khó hiểu. Bình thường anh trầm trầm ít nói. Nhưng khi nói cũng đĩnh đạc có trình độ. Chỉ lâu lâu không rõ anh đùa hay nói thật anh phát biểu một vài ý kiến rất khó nghe, "Tôi xưa nay không biết đi tán gái. Cô nào yêu tôi, cứ việc đến tỏ tình!". Có người cho anh "mát" và vì lẽ đó anh ế vợ hay tại cái dáng người nhỏ thó không mấy đẹp của anh?!

Một lần trong bữa tiệc tất niên có tính cách thân mật gia đình. Mọi người mang anh ra làm đề tài trên chọch. Có người hỏi:

- Tiêu chuẩn người vợ tương lai của anh phải thế nào, hờ anh Thụ?

- Phải lo tính đi chứ. Cũng nên kén vừa vừa thôi.

Thụ điềm nhiên từ tốn đáp:

- Tôi có kén gì đâu. Người vợ của tôi, tôi không cần đẹp lắm, chỉ ưa nhìn và dễ thương thôi. Nhưng phải có dáng dấp thành phố và trình độ học vấn tối thiểu.

- Nếu vậy thì anh nên ghé mắt đến "ngũ long công chúa" nhà họ Đinh. Ở đây có 5 cô đều đang tuổi cập kê, rất vừa lứa với anh và hợp tiêu chuẩn của anh.

Thụ ngẫm nghĩ hồi lâu rồi lắc đầu:

- Đàn bà con gái không nên nghiêm chỉnh, khô khan quá. Tôi không thích. Phải cô nào đã một lần yêu rồi đổ vỡ, trông mới chừng chạc lãng mạn và ướt át hơn.

Mọi người lại nhao nhao lên:

- Không ngờ anh Thụ bấy lâu chỉ nhắm cặp nào "đỏ" rồi anh Thụ tới "hốt".

- Anh Thụ nhà ta. Chỉ thích gà mái dầu chứ không thích gà mái tơ, bà con ơi!

Người khác lại lên tiếng:

- Nếu thế tôi giới thiệu anh Thụ cô Hoa, em cậu Thắng còn một tuần nữa đám cưới nhưng đã hồi hôn rồi.

Thụ vẫn lắc đầu:

- Đổ vỡ nhưng phải còn "dzin" mới được!

Mọi người phá ra cười. Ở thời đại ngày nay trong một xã hội mới, chữ trinh của người đàn bà không được đáng giá ngàn vàng như ngày xưa ở Việt Nam nữa. Chuyện chân gối giữa nam và nữ người ta quan niệm thông thường như miếng ăn, thức uống, giấc ngủ hằng ngày. Người ta coi đó như một điều hết sức tự nhiên, không thể tránh được. Ngay tại trường học, trẻ em từ 13 cũng được giáo dục sinh lý, cách ngừa thai. Và thanh thiếu niên từ 18 tuổi được tự do luyện ái mà cha mẹ không còn quyền hạn can thiệp vào đời sống riêng tư, cá nhân của chúng. Cô cậu nào thích nhau cứ việc thuê nhà sống chung; không cần sự đồng ý của cha mẹ hay đánh dấu bằng một tờ giá thú hoặc đám cưới. Đôi khi chỉ cần qua vài ba câu chuyện, uống với nhau tách cà-phê cũng có thể trao đổi sinh lý với nhau rồi. Trước lối sống nửa như phóng khoáng nửa như buông thả đó, người Việt chúng ta không khỏi ngỡ ngàng. Như khi mới đặt chân đến Thụy Sĩ, bà Mai cũng như các phụ nữ khác từ 18 tuổi trở lên dù độc thân hay đã lập gia đình được nhận viên hữu trách trại ty nạn triệu tập tại văn phòng để phổ biến y tế thường thức mà đặc biệt là phương pháp ngừa thai. Người ta giới thiệu loại thuốc ngừa thai hữu hiệu nhất và cuối cùng phạt phạt mỗi người một số dùng thử! Ai nấy tìm tìm cười nhất là các cô gái độc thân hay các bà góa hoặc xa chồng đều lắc đầu không nhận. Có người lên tiếng:

- Chồng tôi chết đã lâu rồi mà tôi cũng 50 tuổi, tôi đâu cần dùng thuốc này.

Nhân viên hữu trách thân nhiên:

- Bà cứ việc nhận lấy rồi có lúc sẽ dùng đến!

Thật vậy, với quan niệm sống dễ dãi đó, cộng với sự trợ giúp của các phim ảnh "Sex" được trình chiếu công khai hằng tuần trên Tivi, thử hỏi, nam nữ yêu nhau dù xuất thân trong một gia đình nề nếp có nền giáo dục căn bản vững chắc hay lỏng lẻo làm sao cưỡng chống lại được sự cám dỗ của tình yêu, cho nên trước ý tưởng ngộ nghĩnh của Thụ không ai nên được nụ cười. Và từ đó đến nay có lẽ chưa tìm được cặp nào "đồ" để "hốt" mà hốt còn nguyên vẹn và cũng chưa có cô nào đến tỏ tình, Thụ vẫn phòng không chiếc bóng.

Bà Mai phân đến Thụ nhiều lần để giới thiệu Trang, nhưng Thụ luôn vắng nhà. Thăm dò bạn bè, bà Mai mới biết Thụ đã dọn sang tỉnh khác và mọi người không biết hiện giờ anh ở đâu.

Người thứ hai bà nghĩ đến là Hoàng Ngọc Ân. Ân năm nay 43 tuổi. Từ mười năm trước người ta đã thấy anh thui thủi một mình, chả cặp với cô nào kể cả người Thụy Sĩ. Anh tốt nghiệp ngành điện toán, lương khá cao nhưng quần áo lúc nào cũng lụi xụi như cá tháng không giặt. Tóc tai bù xù, râu ria lại rậm rạp. Thân hình vừa ốm vừa cao. Ánh mắt lạnh lùng, khi đi chỉ cúi gầm mặt xuống hoặc nhìn thẳng chẳng liếc ngó ai. Với bộ dạng đó, lại thêm trong tay anh lúc nào cũng cầm theo một cuốn sách, nên người trong tỉnh thường gọi anh là triết gia. Anh cũng trầm lặng ít nói, sống cô lập dường như chẳng muốn giao du tiếp xúc ai. Khi tỉnh cờ có người hỏi anh sao mãi đến nay vẫn chưa lập gia đình, anh lạnh lùng phán một câu:

- Vợ con làm gì cho mệt. Đàn bà con gái qua đây phách lối, khó chiều. Ở một mình cho khỏe!

Biết được anh như vậy, bà Mai cũng không muốn quấy rầy anh. Và lại từ bấy đến giờ anh mai danh ẩn tích, bà Mai không biết anh ở đâu mà tìm.

Người thứ ba là Hồ Trọng Cương, bốn mươi tuổi. Cương đến Thụy Sĩ với năm người em. Gia đình anh kể ra nề nếp trên dưới thuận hòa nhờ tài điều khiển dẫn dắt của anh. Tất cả đều có nghề nghiệp vững chắc. Cương tốt nghiệp thư ký văn phòng. Thư ký ở đâu bị coi thường chứ với Thụy Sĩ là một nghề có hạng, phải học từ hai đến bốn năm, đôi khi tùy ngạch còn đòi hỏi thông thạo hai sinh ngữ. Còn các em của anh tuy chỉ là cán sự thông thường xuất thân từ lớp 9 rồi theo ngành nghề chuyên môn, kể thì y tá, người làm nhân viên ngân hàng, điện toán, sửa máy, hàng không... nhưng xem ra anh hãnh diện về họ lắm. Tất cả đều đã lập gia đình, trừ anh. Phải nói anh thật xứng đáng vai trò quyền huynh thế phụ lo lắng cho đàn em chu đáo. Có điều không ai ngờ được rằng chính vì đàn em của anh mà anh phải ế vợ. Thoạt nghe ai cũng tưởng các em anh dữ, chẳng, khó tính, khó chiều khiến các cô né chẳng? Không phải, tại anh đặt họ cao quá. Cao đến nỗi làm như các em của anh là nhân tài khó kiếm trong thiên hạ. Vì thế anh cũng muốn kén người vợ ngoài tiêu chuẩn trẻ đẹp, biết chiều chuộng anh và đàn em của anh, còn phải đủ trình độ kiến thức chuyên môn của các ngành nghề em anh học để trò chuyện với đám em ấy. Anh không muốn đám em của mình coi thường chị dâu của họ khi vợ anh không có khả năng, chỉ ảm ờ rồi lạc lõng trong gia đình anh. Có người khuyến anh tìm cô nào có kiến thức tổng quát cũng đủ rồi. Anh cao giọng, thân nhiên:

- Vậy khi con bé Tịnh nhà tôi bàn về vấn đề ngân hàng thì làm sao cô ta biết!

Nghĩ đến điều này, bà Mai ngao ngán lắc đầu.

Người thứ tư ế vợ nữa là Đỗ Mạnh Tùng. Tùng năm nay 38 tuổi. Thân hình anh thấp bé, nhỏ con. Khuôn mặt anh

choắt lại. Thường những người như thế vốn đã rất tinh khôn huống gì đầu óc ấy còn được đào tạo từ trường đại học thương mại. Với anh, làm việc gì anh cũng tính toán cân nhắc cẩn thận. Hôn nhân là chuyện hệ trọng cả đời, lẽ đương nhiên, anh càng tính kỹ hơn. Anh tính kỹ đến nỗi anh đem cân tiểu ly để đo lường sự lợi hại. Anh từng đến nói: "Tôi đâu đại dọn cỗ sẵn mời nàng đến xơi!". Nên người vợ anh kén phải là người tốt nghiệp đại học như anh, mà không được cùng ngành với anh. Có hai lý do: Thứ nhất, có tốt nghiệp đại học, mức lương của vợ anh mới cao. Thứ hai, có khác ngành, phòng khi kinh tế suy thoái anh bị thất nghiệp thì ngành vợ anh còn vớt vát được. Đã thế anh còn đòi hỏi vợ anh không thể là người vợ già, vợ xấu. Công anh ăn học bấy lâu, anh phải được đền bù, anh phải cưới vợ trẻ, vợ đẹp để xứng đáng với cái bằng của anh. Tiếc thay, số sinh viên Việt Nam tại Thụy Sĩ đếm trên đầu ngón tay. Nữ sinh viên càng ít ỏi hơn. Mà thông thường ở đời, mấy cô đẹp bạn to son điểm phần ít cô nào học giỏi học đến nơi đến chốn. Cho dù người đẹp có lọt vào tới đại học; những đêm dài thức trắng miệt mài với sách đèn cũng làm các cô héo mòn, già, xấu đi.

Nội bấy nhiêu tiêu chuẩn cũng đủ khiến anh ế vợ. Anh còn đòi hỏi thêm nhiều điều kiện khác. Gia đình vợ anh không được ở quanh anh. Ở càng xa càng tốt để khỏi xía vào đời sống của vợ chồng anh hoặc xúi giục vợ anh làm những điều anh không thích. Nhưng nếu gia đình cô ta còn kẹt cả ở Việt Nam thì càng không nên nữa. Vợ anh sẽ rìa hết tiền trong băng của anh để gởi về xây nhà dựng cửa cho cha mẹ. Điều đó càng tai hại vô cùng. Đản đo cân nhắc mãi, anh quyết dùng bốn tuần hè hằng năm đi du lịch đây đó, nhất là hai nước láng giềng Pháp-Đức (hai nước này dùng ngôn ngữ như Thụy Sĩ) để lòng vợ như ước muốn, nhưng đến nay, anh đã qua ba mươi tám cái xuân xanh, người trong mộng vẫn chưa xuất hiện.

Nghĩ cho cùng, sự suy tính của anh cũng không phải là sai, cũng không xa thực tế. Vì nhận nhận trong cuộc sống quanh anh thường xảy ra những điều đáng tiếc đã khiến anh bản khoăn nhìn đời bằng lăng kính phức tạp. Tuy vậy, khách quan mà nói, cái nhìn của anh có hơi phiến diện. Đầu phải nhà vợ nào cũng đáng chê đáng trách, cần phải e dè xa lánh. Đã có biết bao chàng rể nhờ nhà vợ mà no cơm, ấm áo; công thành danh toại như ngày xưa có Đào Duy Từ, từ một người chần trâu nghèo khó nhờ nhà vợ mà có cơ hội phát triển tài năng lập nên sự nghiệp lưu danh muôn thuở. Bên Trung Hoa có Tường Giới Thạch được sự hỗ trợ của gia đình Tống Mỹ Linh mà danh tiếng lẫy lừng. Vấn đề là duyên phận của mỗi người có may mắn lọt vào những gia đình hiểu biết, có cách cư xử khéo léo tế nhị. Ai bảo thân trai không mười hai bên nước, trong nhờ, đục chịu? Chả thế mà sau năm 1975, thời bĩ cực của đất nước, bên cạnh những người đàn bà tác tệ hại chồng hại con, vẫn có những người vợ, gia đình vợ tử tế hết lòng tiếp tế thăm nuôi lo lắng cho chàng rể lúc sa cơ chu đáo.

Còn chuyện tiền bạc giữa hai vợ chồng, sao Tùng không đặt suy nghĩ của mình vào tâm trạng của những phụ nữ Việt Nam sống ở xứ người để có cái nhìn đứng đắn đại lượng hơn. Đầu phải ở bên này đàn ông nào cũng hiền bị các bà, các cô đè nén như trong cuốn Paris By Night 17 nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn đã nói. Trên thực tế không thiếu những đàn ông hẹp hòi, ích kỷ chỉ biết nghĩ đến mình và gia đình mình: "Em chỉ được phép giúp đỡ cha mẹ và gia đình em trong nửa số lương của em" hoặc "Đàn bà lấy chồng chỉ biết phục vụ chồng và gia đình chồng". Những câu nói thoảng nghe đã gợi cho ta hình ảnh những ông chồng độc đoán, độc tài chuyên lấn lướt và hà hiếp vợ. Đàn bà cũng là con người nhất lại xưa nay vẫn được mệnh danh là phải

yếu, qua bên đây ngoài việc chợ búa nấu nướng lo toan chăm sóc chồng con nhà cửa họ còn đi làm cực nhọc ngày tám tiếng miệt mài nơi hãng xưởng như đàn ông. Còn người chồng sau công việc ở sở, về nhà chia xẻ được gì giúp vợ? Họ lắm chi rửa vài cái chén, tắm cho con, lâu lâu hút bụi một lần thì kêu ca nổi gì? Đất nước lâm vào cảnh lầm than, mọi nhà đều đói khổ chi còn mong sự giúp đỡ của thân nhân ở nước ngoài. Trong khi đó "em chỉ được phép giúp đỡ cha mẹ và gia đình em bằng nửa số lương của em" thế thì gia đình anh "được cả tháng lương của anh và nửa tháng lương của em"?

Và "em chỉ phải biết phục vụ anh và gia đình anh" còn "gia đình em thì giao cho ai đây" nếu không có người con trai nơi xứ người? Thử hỏi có phải là ức hiếp đàn bà lắm không? Và nếu trong hoàn cảnh đó, lấy được người vợ chỉ biết có chồng rồi phó mặc sự sống chết của cha mẹ ruột thì đó là một người vợ tốt?! Có điều vấn đề gì cũng có chừng mực giới hạn của nó. Sao không thông cảm hoàn cảnh chung để có những phương cách giải quyết hợp tình hợp lý.

Riêng Tùng, anh vốn là người cẩn thận, anh không muốn lâm vào những tình trạng rắc rối, "phòng bệnh hơn chữa bệnh" nên anh quyết ở vậy chờ thời dù có phải ngấm thời gian và tuổi đời vùn vụt trôi qua.

Đây là tiêu biểu của vài cái "ao nhà", không kể những ao cạn không ai có thể tắm được. Ngay cả những ao đục người ta cũng dùng kẽm gai rào lại, khóa kỹ rồi kén chọn người vô. Đó là bà Mai chưa nói đến còn những ao nhà nước trong veo chủ nhân xây tường xung quanh, trạm trở chỉ đợi... tiên xuống tắm. Người phạm tục không được phép bén mảng. Như trường hợp của Trần Thanh, 36 tuổi. Anh là Luật sư, nhờ hội đủ các ưu điểm đẹp trai con nhà giàu học giỏi nên anh tự treo cái giá ngọc. Người vợ anh kén phải thùy mị đoan trang trẻ đẹp hiền lành, biết nấu ăn, ngoại giao giỏi, biết đánh đàn (dàn tranh hoặc Piano), phải thông minh, tốt nghiệp đại học, phải đứng đắn nhưng tâm hồn hơi lãng mạn ướm át một chút để thưởng thức văn thơ dù là văn thơ con cóc của anh: "*Ném chút men tình chính chướng say. Tình không là ớt tại sao cay?*" và đặc biệt nữa người vợ đó phải xuất thân con nhà giàu sang quyền quý, giá chót cũng phải con của sĩ quan cấp Đại úy trở lên. Và thân mẫu cô ta phải là người mẹ hiền biết, để các con anh về sau nếu không giống cha, giống mẹ, nó sẽ không giống ông bà ngoại dờ hơi của nó. Ngoài ra cũng còn những ao nhà trong veo nhưng các bà, các cô vào tắm làm vẫn đục khiến chủ nhân rào lại rồi bẻ quan tòa căng. Đó là trường hợp của Bác sĩ Thông cũng 36 tuổi, anh làm việc miệt mài, một tuần tám, chín chục tiếng tại bệnh viện không kể ngày đêm và thứ bảy, chủ nhật. Mãi mê với công việc anh bỏ quên mất cô vợ trẻ đêm đêm mòn chờ đợi rồi với thời gian sừng trên đầu anh cứ từ từ nhú dần lên. Đến một lúc nào đó anh khám phá sừng của anh đã khá dài, nhất lại cái sừng do vợ anh rút từ đầu người bạn thân của anh để cắm lên đầu anh, anh đau khổ chán chường, mất niềm tin trong cuộc sống rồi từ đó không tha thiết vợ con gì nữa.

Những "ao nhà" như vậy, bà Mai không còn sự lựa chọn nào khác đành ghé mắt nhìn qua các "ao người". Ao người tuy vẫn đục nhưng họ biết đánh phèn cho trong lại rồi cẩn thận chọn người tắm. Bà Mai liền nghĩ đến Heinz. Heinz lui tới gia đình bà với tư cách thầy giáo kèm tiếng Đức. Thời gian đi lại thường xuyên mỗi hai tiếng trong tuần và những bữa ăn thân mật, bà Mai đích tay nấu nướng mời Heinz, từ món chả giò, bún riêu, phở, mì hoành thánh, thịt bò nhúng giấm mắm nêm đến cả những bát canh rau mồng tơi mướp riêu cua ăn với cà pháo chấm mắm ruốc, tiết canh - lúc ăn, Heinz thường bảo mọi người giống Dracula - vịt lộn đã khiến tinh thần giữa Heinz và gia đình bà thắm thiết hơn.

Từ đó tâm tình cởi mở. Bà hiểu rõ nếp sống của người Thụy Sĩ và ngược lại Heinz cũng rất thích thú nếp sống gia đình ấm cúng của người Á Châu.

Trước đây hơn năm, Heinz sống chung với Erika, cô bạn gái người Thụy Sĩ. Cả hai thuê một gian nhà ba phòng (ở Thụy Sĩ, phòng khách được kể như một phòng) sắm sửa đầy đủ tiện nghi giường tủ chén bát bàn ghế tivi... như một cặp vợ chồng mới cưới. Cái lối sống thử một thời gian để tìm hiểu nhau trước khi chính thức kết hôn - hợp thì sống luôn, không hợp thì chia tay - vẫn là chuyện thông thường đối với người Thụy Sĩ. Tiếc thay, chỉ mới nửa năm, giữa Heinz và Erika đã có những dấu hiệu "com không lành, canh không ngọt". Cả hai thường cãi vã nhau vì Heinz là người sành ăn mà Erika lại là người không thích nấu. Chẳng những không thích bếp núc, Erika còn có những cố tật làm biếng ham chơi, hoàn toàn thiếu trách nhiệm, bôn phận - không nói bôn phận của người đàn bà - mà bôn phận của người đòi với người sống chung một nhà. Hằng ngày, Erika không chia xẻ giúp Heinz được việc gì. Thỉnh thoảng có rửa vài nồi niêu bát đĩa - sau khi Heinz phụ trách nấu ăn - nàng cũng tỏ vẻ uể oải mệt nhọc. Căn phòng nhỏ dành làm việc lật vật trong nhà không bao giờ được nàng quét dọn. Nàng biến nó như là phòng chứa đồ cũ, xá bữa bãi còn thua phòng chơi của trẻ con; chỗ này tập ảnh, chỗ kia cây đàn, quần áo giày dép, bàn máy may, ghế lớn ghế nhỏ, thùng, rổ, sách báo... la liệt không còn lối đi. Tủ lạnh chứa đồ ăn thức uống cho hai người thường trống trơn nếu Heinz không để ý việc chợ búa. Nói chung, mọi việc nhà dường như Heinz thầu hết. Gần đây Erika còn để đến đi chơi khuya tối mịt mới về; Có hôm ngủ qua đêm ở đâu đó. Những lúc như vậy, nàng thân nhiên gọi phon về cho Heinz, bảo Heinz cứ an tâm nàng chẳng đi chơi với ai xa lạ ngoài Peter, bạn của Heinz!

Sau một năm, sức chịu đựng của con người có hạn, Heinz thực sự mệt mỏi chán chường, anh quyết trả lại nhà rồi bàn với Erika thanh toán đồ đạc, cái nào không dùng hai người đem ra chợ trời bán tổng bán tháo rồi cả hai chia tay, ai nấy trở về ở tạm nhà cha mẹ.

So với con người Erika, Heinz thấy bà Mai khác hẳn. Dường như trong bà tuy thể chất bé nhỏ nhưng chất chứa sức chịu đựng gian khổ và lòng hy sinh cho chồng con vô bờ bến. Nhiều khi Heinz nhìn thấy niềm hạnh phúc tràn ngập trong bà qua những lúc bà chăm sóc chồng con từng miếng ăn thức uống. Bà quả là một người đảm đang. Ngoài việc hãng, về nhà bà quán xuyến mọi việc, từ nhỏ đến lớn một cách tài tình thật xứng đáng những điều tốt đẹp mà từ lâu anh thường nghe nói về người phụ nữ Á Châu, mặc dù nhiều lần bà Mai đính chính phụ nữ Á Châu ngày nay đã không còn như xưa nữa. Nhưng trong Heinz, cái không khí ấm cúng cởi mở vui tươi của gia đình bà Mai vẫn lôi cuốn anh và tạo cho anh nhiều ấn tượng đẹp về người phụ nữ Việt Nam. Bà Mai cũng thường kể với anh:

- Đàn ông Việt Nam lúc còn ở quê nhà như một ông vua, anh ạ. Dù được vợ con chăm sóc tử tế, họ vẫn chưa hài lòng còn kiếm thêm nhiều vợ khác nữa. Ở xứ tôi "*trai năm thể bảy thiếp, gái chính chuyên chỉ một chồng*", nên các ông lên mặt lắm.

Ông Huân, chồng bà Mai cười ha hả:

- Riêng anh chỉ có mình em thôi, thế mà qua đây cũng cảm thấy bị... hạ giá đôi chút.

Bà Mai nguyệt chồng:

- Thì cũng là luật bù trừ. Còn kêu ca nổi gì!

Heinz cũng chen vào, pha trò:

- Tôi rất muốn được làm "ông vua" Việt Nam. Ông bà nghĩ sao?

Nói chơi vậy mà sau đó Heinz làm thật. Từ ngày chia tay với Erika, anh có ý muốn kết bạn với một thiếu nữ Việt Nam và trung gian, lẽ đương nhiên phải qua bà Mai, người Việt Nam đầu tiên và duy nhất anh quen biết. Bà Mai không chê Heinz, vì anh là người đang hoàng tốt bụng. Nhưng nếp sống và cách suy nghĩ giữa người A và Âu có nhiều khác biệt quá, lại nữa bà vẫn quý cái "ao nhà" nên bà cứ e dè ái ngại. Đùng một cái, Trang xuất hiện. Trang là em gái của Hân, người bạn thân thiết trong hội... ăn uống với bà Mai. Hân và bà Mai cả hai đều rất thích nấu ăn. Thịnh thoàng cuối tuần hai gia đình thường qua lại bày vẽ nấu nướng, tâm tình nên tình thân càng ngày càng đậm đà gắn bó. Tuy không nói ra nhưng đôi bên cảm thấy gần nhau, lo lắng giúp đỡ nhau để chia xẻ những ưu tư vui buồn trong cuộc sống.

Trang đến Thụy Sĩ với tư cách du lịch. Ngoài mục đích thăm chị còn mục đích quan trọng khác: kiếm chồng để ở lại Thụy Sĩ. Đây là phong trào bộc phát mạnh từ vài năm nay, một phương cách trốn tránh chế độ cộng sản Việt Nam an lành hữu hiệu nhất. Tuy nhiên, thời gian được phép du lịch chỉ trong vòng ba tháng thật ngắn ngủi để kiếm một tấm chồng vừa ý, các bà các cô đành đánh đổi cái giá tự do bằng chính hạnh phúc trăm năm của đời mình.

Có những cô gái trinh nguyên ép mình kết hôn với người đàn ông góa năm con; hoặc một cô mười chín bằng lòng lấy người chồng 45 đáng tuổi cha mình. Thương thay, họ không còn quyền lựa chọn người mình yêu thích mà chỉ biết nhắm mắt chấp nhận người nào chịu lấy mình. Và trường hợp Trang cũng là một trong những hoàn cảnh đáng thương đó.

Sau khi Hân và bà Mai đôn đáo bằng nhiều cách để làm mai cho Trang, phần vì thời gian gấp rút, phần Trang lớn tuổi, những người đồng hương cùng trang lứa thì đóng chặt cửa lòng, cuối cùng Trang đành nhận lời kết hôn với Heinz, một người Thụy Sĩ nhỏ tuổi mà Trang chưa hề có một chữ Đức để nói chuyện. Điều đó đối với Heinz không thành vấn đề vì anh là một nhà giáo. Nay mai anh dạy và tập cho Trang nói, chả sao. Hiềm nỗi ban đầu hai người gặp nhau để tâm tình trò chuyện luôn có bà Mai hoặc Hân đi theo để thông dịch.

- "Nó" nói gì vậy chị? Trang hỏi.
- À, anh ta bảo Trang dễ thương. Bà Mai trả lời.
- Cô ta nghĩ gì về tôi, thưa bà?
- Trang nói anh dễ mến.

Rồi Trang học tiếng Đức. Đến ngày đám cưới thì nàng đã bập bẹ được những chuyện thông dụng trong gia đình. Còn Heinz chỉ nói nhuyển vồn vện ba chữ tiếng Việt "anh yêu em". Tình yêu đến với Heinz quá nhanh, không dẫn đo suy tính khiến bà Mai và cả Hân không khỏi phấp phồng lo ngại...


Hôm nay ngày đám cưới của Trang và Heinz. Cả hai xúng xính trong chiếc áo dài cưới có những đóm tròn hình chữ Hi. Áo Heinz màu xanh, khăn đóng cũng xanh. Áo Trang màu đỏ kèm bên ngoài là chiếc áo khoác màu vàng có những đường viền kim tuyến lấp lánh cùng màu với khăn vành mà Hân đã đặt may cho họ từ Paris. Bộ quần áo cổ truyền Việt Nam tuy hơi tương phản với cặp mắt xanh, bộ râu quai nón xồm xoàm và mái tóc vàng óng của Heinz nhưng vẫn không lấp được khuôn mặt rạng rỡ pha lẫn nét ngộ nghĩnh hiền lành của anh. Anh đứng sát bên Trang, khoanh một cánh tay để cho Trang khoác vào. Cả hai đang niềm nở tươi cười nép bên cửa ra vào đón mừng quan khách. Khách được mời không đông. Tuy vậy buổi lễ cũng khá trang trọng, vui nhộn.

Đối với người Thụy Sĩ, khách dự cưới kể cả hai bên thông lệ trên dưới năm mươi người. Thường họ mời bà con

gần và một vài người bạn thân nhất. Nhờ ít, sự tổ chức được gọn gàng, ấm cúng thân mật hơn. Từ buổi trưa, sau khi làm lễ theo nghi thức tôn giáo, họ bao xe Bus cùng khách khứa đưa nhau đến một nhà hàng tinh mịch giữa vùng đồi núi phong cảnh thơ mộng hữu tình quanh năm có khói sương lãng đãng bên cạnh một dòng sông hay trên một cánh đồng lúa mì có rừng cây bao bọc. Ở đây họ dùng qua loa một ít thịt nguội, trà nước cà-phê, vui chơi trò chuyện ngắm cảnh, đợi chạng vạng lại kéo nhau về nhà hàng thành phố dự bữa chính thức. Tiệc cưới của người Thụy Sĩ khá đơn giản gần như thường. Một chén súp, một đĩa salad và sau cùng gọn gàng với một đĩa gồm thịt chiên, ít mì nuôi hay khoai tây chiên hoặc khoai tây nghiền kèm với ít rau luộc. Khác với đám cưới của dân ta ăn uống rình rang có khi đông đảo đến bốn, năm trăm người. Rồi rượu vào lời ra không kiểm soát được hành động lời nói đôi khi gây ra nhiều điều đáng tiếc...

Bà Mai được mời trong danh sách họ nhà gái, vì Trang, ngoài người chị và một số bạn bè của chị, nàng không còn người thân nào khác. Giờ đây nơi xứ lạ, bà coi Trang như người nhà. Tìm được cho nàng một tấm chồng để ở lại Thụy Sĩ bà cảm thấy lâng lâng vui mừng như vừa cứu thoát một kẻ ra khỏi vòng tù tội của chế độ cộng sản. Tuy nhiên, cái cảm giác đó không được trọn vẹn khi bà chợt nghĩ đến cái "ao người". Qua đó, không biết có giúp cho Heinz và Trang tấm mát suốt đời, hay chỉ là giai đoạn của kẻ đắm tàu mong vớ được phao?! Dù gì mọi chuyện cũng đã an bài, bà chỉ cầu mong cho cả hai tươi đẹp hạnh phúc mãi mãi như ngày hôm nay mà chính bà cũng có phần trách nhiệm vì đã dạt dột làm ngược điều ca dao vẫn thường răn đe "*Ở đời có bốn cái ngu. Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm châu*" và "*Ta về ta tắm ao ta. Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn*".

Trần Thị Nhật Hưng
Unterer Graben 39
9000 St. Gallen - Schweiz



Mạch Xuân

LÝ TỐNG

Mạch xuân tràn tỏa khắp non sông
Khói rã, sương tan, nắng ửng hồng
Nhật nguyệt rạng soi ngời nước Việt
Bắc Nam xây dựng đẹp phương Đông
Hoa nhân ái nở hòa muôn ý
Nếp thánh hiền xưa thuận một giòng
Đâu nhẽ đất trời u ám mãi?
Điềm trời Lý Tống đã khai thông

• Văn Nương **LÊ NGỌC CHẤN**

NẠN NHÂN MÃN VÀ SỰ THOÁI HÓA ĐẠO ĐỨC

- Phan Ngọc Minh

Vào tiền bán thế kỷ 19 Kinh tế gia Robert Thomas Malthus nghiệm đoán rằng tài nguyên thế giới chỉ có hạn nên không thể đáp ứng đầy đủ mãi nhu cầu bất tận của dân số đang trong thời kỳ phát triển mau lẹ. Do đó ông cổ vũ khuyến khích mọi người duy trì nếp sống đường lối độc thân điều hòa sinh sản để mang lại hạnh phúc hoặc ít nữa cũng bảo đảm được phần nào sự sinh tồn cho nhân loại. Gần 100 năm sau cao trào cách mạng kỹ nghệ cùng với thảm kịch thế giới thứ nhất đặt xã hội loài người trước một tình huống mới thật bất bình vô định. Nào là nạn nhân chiến tranh cũng khắp, nào là thất nghiệp lan tràn, đời sống công nhân đã hăm hiu hơn, thêm vào đó xã hội còn phân hóa trầm trọng thêm hơn. Thế nên Văn hào nhân bản Paul Valéry đã xúc cảm thốt lên tiếng thở than là giờ thứ 25 đã điếm, giây phút cuối cùng của đời người đã bắt đầu rồi hay chăng...?

Những suy tưởng trên đây không ít thì nhiều gợi ra nội dung của hội nghị quốc tế về nhân mãn và mở mang, nhóm họp tại Le Caire, Ai Cập, từ ngày 5 đến ngày 12 tháng 9 năm 1994.

Theo nhận xét của các chuyên gia nghiên cứu thì sự cách biệt càng ngày càng rộng giữa tỷ lệ sinh sản và tỷ lệ tử vong hay hệ số phát triển dân số trung bình thường niên do sinh sản nở rộ cùng lúc với tuổi thọ ngày càng cao, một trong những thành quả của nền tiến bộ khoa học, chính là căn nguyên của nạn bộc phát dân số trên thế giới. Vì thế các quốc gia trên thế giới nhất là thế giới thứ ba cùng đều quan tâm cho rằng kiềm hãm sinh sản là một việc làm rất ư cần thiết. Với tình trạng như thế Tổ Chức Lương Nông Quốc Tế dự đoán là vào năm 2010 dân số thế giới sẽ đạt đến con số 7,2 tỷ. Tài nguyên thực phẩm toàn cầu cạn dần và đạt mức độ nguy hiểm nhất ở Bắc và Đông Phi Châu tiếp cận vùng sa mạc Sahara. Ngoài ra khoảng 1 tỷ người sẽ lâm vào tình trạng suy dinh dưỡng kinh niên vì ăn không đủ mặc không lành mà độ chùng 200 triệu dân Châu Á có mặt trong số này.

Qua bài diễn văn khai mạc viên Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc nhấn mạnh là trong kế hoạch gia đình không nên áp dụng biện pháp cưỡng bách mà trái lại nên để từng cá nhân, từng gia đình "tùy ý lựa chọn" đường lối thích hợp dựa theo tầm hiểu biết và phong tục tín ngưỡng. Chẳng hạn như ở Ấn Độ đoạn sản được tổ chức quy mô có hệ thống và ở Trung Quốc mỗi gia đình chỉ được quyền có một đứa con mà thôi. Song song với kế hoạch gia đình thì trình độ giáo dục và nguyện vọng của người phụ nữ trên phương diện nam nữ bình quyền, nâng cao trình độ văn hóa, giảm thiểu cường độ sinh sản cũng được hội nghị đặc biệt lưu tâm đến. Không ít thì nhiều hội nghị này đã gây được nhiều sự chú ý của mọi người khi đề cao "sức khỏe sinh lý" (điều hòa sinh lý để bảo đảm sức khỏe) và "sức khỏe sinh sản" (hạn chế sinh sản để giữ gìn sức khỏe). Các chuyên viên tham dự hội nghị còn tiên đoán là đến năm 2015 mọi người sẽ có "vô số phương pháp ngừa thai chắc chắn". Tuy nhiên muốn đạt được kết quả hữu hiệu kế hoạch gia đình còn phải dựa trên một cơ sở y tế vững chắc để giải quyết ôn hòa những vấn đề đập vào mắt trước tiên như ách hiếm muộn, giảm thiểu con số tử vong (đến năm 2000 tỷ lệ tử vong của nhi đồng dưới 5 tuổi giảm 1/3 và của người mẹ sẽ giảm đi phân nửa. Được như thế người phụ nữ mới ý thức được là không cần sinh đẻ chỉ cho

hiều chi nhằm nuôi dưỡng được một vài người con khôn lớn đồng thời mới có nhiều cơ hội hơn để tự quyết định đời sống theo ý muốn. Ngoài ra hội nghị cũng nêu lên ý chí khắc phục sự lan rộng của hội chứng suy yếu hệ thống tự miễn nhiễm (Sida hay là Aids) mà trình độ y học hiện tại còn bó tay chưa chữa trị được.

Chung quy hội nghị chủ trương kế hoạch ngừa thai hoặc phá thai là phương thức thích hợp nhất để hạn chế sinh sản, ngăn ngừa nạn nhân mãn, một trong những nguyên nhân chủ yếu của nạn nghèo đói tại thế giới thứ ba. Thế nhưng cũng có một vài nhà nghiên cứu mang quan niệm trái ngược lại với định kiến trên. Ví dụ như ông Hervé La Bras cho là "không nên đề quyết hoặc ám chỉ riêng thế giới thứ ba mà thôi khi đề cập đến vấn đề nhân mãn" và "nạn nhân mãn nhất thiết không phải là nguyên nhân duy nhất cho trình độ mở mang thấp kém". Thiết tưởng cũng đáng được nhắc ra nơi đây là hiện tại dân số ở Iran, Bangladesh và Đông Á Châu đang bẻ thuyên giảm. Bên cạnh đó ông Jean Claude Chasterland lại còn tiến thêm một bước và khẳng định rằng "cùng với một mức độ dân số nhiều như nhau xã hội này thì phát triển, xã hội kia lại suy sụp và điều đó chứng tỏ là dân số chỉ đóng vai trò thứ yếu cho sự đình trệ hoặc tiến bộ". Ngoài những điểm dị đồng trên hội nghị này đã gặt hái được khá nhiều thành công khi đề cao quyền lợi chính đáng của phái nữ và ca ngợi tầm quan trọng của gia đình trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài trừ Vatican, xứ Malte và thêm 9 quốc gia Nam Trung Mỹ đã đưa ra những ý kiến đề đặt liên quan đến "sức khỏe sinh lý, sức khỏe sinh sản" và "sự hủy hoại đời sống từ lúc trứng nước", còn có 12 quốc gia khác thuộc khối Hồi Giáo lên tiếng chống đối "nền sinh lý ngoại hôn đang thịnh hành" như cảnh vợ chồng tuy đã ly dị nhưng thỉnh thoảng gặp nhau "thử" làm lại cuộc đời hoặc giả sống chung với nhau mà không có giấy tờ thực thụ. Thế cũng chưa đủ, các quốc gia nên trên còn liên hệ với nhau tổ cáo khối quốc gia kỹ nghệ giàu sang đã "xuất cảng chủ nghĩa hưởng lạc hợp pháp" ép buộc thế giới thứ ba nghèo đói phải noi theo. Và cuối cùng vì quan tâm không đúng mức đến cứu cánh của sự mở mang nên hội nghị gây nhiều thất vọng không đáp ứng trọn vẹn lòng mong đợi của mọi người...

Hạn chế sinh sản lúc nào cũng đi đôi với giải quyết nạn thất học và nâng cao mức sống con người. Bàn về nhân mãn mà không luận đến mở mang xã hội văn minh tiến bộ loài người là điều thiếu sót lớn lao. Bảo vệ môi trường sinh sống, phát triển kinh tế, phân chia đồng đều tài nguyên thế giới phải phụ thuộc vào mục tiêu cuối cùng là khai phóng nhân loại. Thế thì nhân mãn, môi sinh và mở mang phát triển đều có những tác động tương hỗ cho nhau rất ư phức tạp và phong phú. Đây cũng là quan điểm của nhà nghiên cứu Jacques Decornoy được trình bày qua bài tham luận trích đăng trong nguyệt báo Le Monde diplomatique tháng 8-1994 với nhan đề "Bombe démographique et sous-développement éthique" sau đây:

Có nên phân loại hoặc tách biệt từng phần để khảo sát cho thấu đáo hay là vì quyền lợi quốc gia mà cố tình tránh né không quan tâm đến sự tương quan giữa các vấn đề thời sự nóng bỏng như môi trường sinh sống, mở mang phát triển và nạn nhân mãn trên thế giới. Từ trước đến giờ ba tiết mục bao quát này chưa được nghiên cứu cùng lúc và đến nơi đến chốn do sự chế ngự của tín điều đang thịnh hành: "mục tiêu cuối cùng là sự phát triển, tất cả đều phải phục vụ cho phát triển, vì lý do đơn giản đó chính là nền tảng của hạnh phúc và sẽ đưa nhân loại đến một chân trời mới lạ tuyệt hảo". Chẳng hạn như hội nghị Rio de Janeiro năm 1992 chỉ bàn luận tới hai phương diện môi sinh và mở mang, hội nghị Le Caire chỉ chú ý đến mở

mang và nhân mãn cũng như vấn đề mở mang phát triển là đề tài tham luận duy nhất của hội nghị sẽ tổ chức tại Copenhagen, Đan Mạch, năm 1995. Sự cắt xén đề tài như thế tất nhiên sẽ không đem lại một giải pháp đồng bộ cụ thể nào khả dĩ đưa đến kết quả tốt đẹp như mong muốn. Trong lúc cuộc thương thảo trên vấn đề "Thỏa ước tổng quát về thương mại và giá biểu thuế suất" (gọi tắt là GATT) đang đi đến giai đoạn cuối cùng thì không một ai nêu lên những dữ kiện quan trọng như môi sinh, tự do giao thương, lưu lượng tiền tệ, kế hoạch đầu tư, ngân sách quốc phòng và đề tài nghiên cứu khoa học... Tất cả các chủ đề này dĩ nhiên đều lệ thuộc vào trọng điểm là nạn nhân mãn và sự phát triển kinh tế.

Câu hỏi trước tiên cần phải đặt ra nơi đây là chúng ta nên quan niệm gì trên địa hạt mở mang phát triển. Vấn đề mở mang không những chỉ giới hạn trên lãnh vực phát triển kinh tế mà còn bao hàm nhiều phương diện khác nhau, liên quan mật thiết với nhau như chính trị, xã hội, môi sinh, nhân đạo và văn hóa. Vậy thì phải dựa trên tiêu chuẩn nào để đặt nền tảng vững chắc cho "ý niệm hợp nhất giải quyết hai vấn đề mở mang và nhân mãn cùng lúc" hầu thoát khỏi vòng ảnh hưởng của ý thức hệ kim tiền ưu đẳng hiện hành.

Phải chăng người ta dùng mỹ từ "mở mang nhân loại" để âm mưu che giấu "chủ nghĩa kinh tế thị trường đang thống trị thế giới" như ông Michel Loriaux đã phỏng đoán. Hiện tại chúng ta đang sống trong một thế giới đồng nhất đơn điệu vượt theo lý tưởng của các quốc gia phú cường nằm tại Bắc bán cầu hằng theo đuổi. Khối quốc gia phương Bắc này được quân sự hóa tới đa, đang nắm giữ trong tay quyền định đoạt về mặt hối đoái suất, giá cả nguyên liệu, kế sách thương mại đầu tư, Văn minh khoa học và còn có khả năng uốn nắn các định chế của những cơ quan quốc tế theo lợi ích riêng tư. Tuy đi từ "khủng hoảng kinh tế" đến "khủng hoảng xã hội", biểu hiện qua tình trạng thất nghiệp lan tràn và khối người không nơi cư trú sống lê lết bên lề đường xã hội mỗi ngày một tăng, các quốc gia này vẫn được mệnh danh là mở mang tiến tiến. Mặt khác nhóm quốc gia phương Nam vẫn còn ở trong tình trạng chậm tiến thụt lùi hoặc là đang trên đà phát triển. Ai tỏ lòng hoài nghi, mang một điều mà mọi người hay nói đúng hơn những người giàu có xem là tất nhiên ra mà phán đoán là đã phạm "cấm kỵ"...

Đặt trọng tâm vào vấn đề nhân mãn là đi ngược lại đường lối đã được quy định. Thế nhưng ông Michel Loriaux còn đi xa hơn và cho rằng "dân số không phải là công cụ để cho khối tư bản mặc tình thao túng khai thác và sự phát triển tự nó không phải là mục đích theo đuổi cuối cùng mà chỉ là một trong những phương tiện dùng để khai hóa nhân loại". Bởi thế cho nên các quốc gia đang mở mang phải giành lại dần dần quyền dân tộc tự quyết, nắm lấy vận mệnh của mình, không nên ỷ lại vào thế lực bên ngoài mà phải tự mình quản lý sự mở mang phát triển mới mong thu đạt kết quả mỹ mãn bền lâu.

Để đánh lạc hướng người ta thường đưa ra hệ thống lý luận đơn giản tiện lợi biểu hiện qua công thức như sau: bùng nổ dân số = nhân mãn = rối loạn an ninh trật tự = phát triển trì trệ = mất đặc quyền hưởng thụ của vật chất. Luận cứ nêu trên được phổ cập rộng rãi, một mặt nhằm dẹp bỏ mâu thuẫn có thể làm lung lay niềm tin cố hữu một chiều, mặt khác lấy đó làm phương cơ để duy trì thái độ bàng quan trước những biến chuyển không mấy tốt đẹp đang xảy ra trên thế giới. Đổ dồn cho nạn nhân mãn là nguyên ủy căn bản của tất cả những khủng hoảng đang và sẽ bộc phát thì thuận tiện cho việc trút bỏ trách nhiệm tùy tiện phá hủy môi trường sinh sống thiên nhiên nhất là ở những nơi mà chủng tộc thiểu số yếu thế chùng bước

trước áp lực ngoại lai. Điển hình như tại vùng Irian-Jaya thuộc nước Mã Lai, thổ dân Papoux chẳng những dưới áp lực đồng hóa cưỡng đoạt phải nhượng bộ đất đai không thôi mà còn phải nhượng quyền khai thác khoáng sản cho các công ty liên minh quốc tế. Và chẳng hạn như ở Mễ Tây Cơ những cuộc giao động ngoại sinh gây đảo lộn nền kinh tế nông thôn có ảnh hưởng sâu xa đến nếp sống thôn dã, thêm vào đó tiến trình khước trương rộng lớn hệ thống chăn nuôi dồn ép nông dân rồi bỏ thôn xóm đi xa vào miền đất hoang vu nhiều độc chướng, đốt rừng khai khẩn canh tác. Theo Hervé Kempf thì dân số nông thôn suy giảm không nhất thiết là điều đáng mừng, vì tại những vùng hẻo lánh còn xa lạ với các chiêu bài mỹ dân này dân số thấp không đồng nghĩa với hệ thống môi sinh sung mãn. Ở vùng Amazonie, Ba Tây, nơi mà kế hoạch phá rừng khai thác gỗ xuất cảng được tổ chức quy mô hãn hoi, mật độ dân số trung bình là 3 người trong một cây số vuông. Vùng đất cao Hi Mã Lạp Sơn phía Ấn Độ bị khí hậu soi mòn dần vì thiếu sự chăm sóc của dân làng đang lũ lượt kéo nhau về mưu sinh chốn thành thị. Đặc biệt Thái Lan với tốc độ phát triển từng được đề cao chẳng hề coi nạn nhân mãn là yếu tố dẫn tới sự suy sụp môi sinh và nhân sinh.

Với chính sách triệt để áp dụng phương thức sinh lợi dựa trên thị trường chứng khoán, khuyến khích giúp đỡ cao trào đầu cơ trục lợi ngắn hạn mà không màng đến ý tới nạn lạm phát ngày càng gia tăng, khởi xướng kế hoạch phát triển kinh tế quá độ không theo thể thức gì cả chính quyền Thái Lan đã dẫn dắt đại đa số nông dân bỏ bê làng mạc quay về chen chúc sống độ nhật nơi những vùng chung quanh thủ đô Vọng Các. Thế thì chúng ta nên kết tội nhân mãn hay là kết tội chính sách đô thị hóa phi lý...? Trước những mối bất lợi rành rành ra như vậy mà nhiều quốc gia, nhiều nhà lãnh đạo vẫn còn tán đồng "kiểu mẫu" này và ngấm ngấm thỏa hiệp ký kết với nhau những liên minh chiến thuật thương mại trái tự nhiên, phân nhân tình đạo lý.

Ông Bruce Rich nhận định hội nghị Rio de Janeiro kỳ này đã mặc nhiên yên lặng trước vấn đề gia tăng dân số trên toàn cầu vì chịu áp lực của các nước đang hồi phát triển và của Hoa Thịnh Đốn (do áp lực của khối kỹ nghệ mà nên). Chẳng hạn như Bộ Trưởng Ngoại Giao Nam Dương thẳng thừng tuyên bố là các nhà nghiên cứu môi trường sinh sống và nhân mãn không có thẩm quyền gì đá động tới nỗ lực gia tăng phát triển. Không những vậy thôi, tất cả các quốc gia tham dự hội nghị dù giàu hay nghèo đều có thái độ dửng dưng "miễn bàn", vì vấn đề éo le đang đem ra tranh cãi này chẳng những liên quan tới hậu quả bất tường của nạn nhân mãn thôi mà còn bao hàm nhiều sự thiệt hại do các nước thuộc khối kỹ nghệ gây ra nơi tài nguyên thế giới. Điển hình cụ thể là một công dân Mỹ mới sinh ra sẽ ảnh hưởng 6 lần nhiều hơn một công dân Mễ Tây Cơ trong việc góp phần nung nấu quả địa cầu, một công dân Gia Nã Đại 190 lần nhiều hơn một công dân Mã Lai Á. Do đó công khai mổ xẻ vấn đề nhân mãn là phan phui trách nhiệm lớn lao của khối tư bản cũng như trách nhiệm kém phần không nhỏ của nhà cầm quyền các nước đang phát triển. Hơn nữa nếu lên trách nhiệm liên đới của khối dân bất hạnh qua việc gây ô nhiễm và phá hủy môi trường sinh sống thì cuối cùng chỉ có nghĩa là không muốn tranh luận thêm về nguyên lý của sự mở mang. Thế nhưng không ai dám phủ nhận một điều là nhiều biến chuyển đang khởi sinh cùng lúc: biến chuyển khoa học (tạo sự sống trong ống nghiệm, khai thác gia tài di thể cá nhân con người, cấy thai cho phụ nữ trong thời tắt kinh, chinh phục không gian...), biến chuyển xã hội (công ăn việc làm, nạn thất nghiệp...), biến chuyển chiến lược (ý đồ thống trị một vùng địa

phương hay thế giới), biến chuyển về mặt ý thức hệ (chủ nghĩa cộng sản bị tan rã), biến chuyển kinh tế (quyền lực mật dịch siêu quốc gia) và cuối cùng là biến chuyển dân số, xảy ra với nhiều nguồn chấn động nguy kịch. Thế thì chúng ta nên giữ thái độ bị quan hay là nhìn sự việc trên khía cạnh thực tế? Trước thềm thế kỷ thứ 21 trạng huống chuyển tiếp này có xứng đáng là một mối lo ngại đáng được đề tâm hay chăng?

Đại khái biểu đồ gia tăng dân số thế giới có thể được phác họa như vậy. Sau vài chục ngàn năm ổn định dân số sinh sôi khá mạnh vào thế kỷ thứ 18 và đạt đến tổng số là 5,5 tỷ vào thế kỷ 20. Buổi ban đầu tỷ lệ gia tăng còn nhỏ, trong vòng 100 năm (1830 - 1930) mà dân số thế giới mới đạt được 2 tỷ, thế nhưng kể từ đó dân số lại tăng triển rất nhanh, trong vòng 30 năm đã có 3 tỷ người sinh sống toàn cầu và chỉ 15 năm sau con số này đã đạt từ 3 tỷ đến 4 tỷ. Vậy thì với tốc độ như thế thì quả địa cầu sẽ chứa đựng nổi khoảng 8,5 tỷ người vào năm 2030, thậm chí 10 tỷ vào năm 2050 hay chăng? Với bằng chứng cụ thể ấy thì chúng ta có nên hoảng sợ trước làn sóng "tỷ nạn kinh tế" hay tai họa ghi trong sách truyền và vì thế cố xúy lại "mức độ dân số lý tưởng" là 2 tỷ mà không hề nhất trí tìm ra một giải pháp hữu hiệu nào...!

Cũng có ý kiến cho rằng muốn giải quyết hợp tình hợp lý nạn nhân mãn thì trước tiên nên tán dương quảng bá ý thức nhân nghĩa bác ái đại đồng và xem xét lại quan niệm quản lý kinh tế xã hội bởi lý do rất đơn giản là tầm mức xã hội đóng một vai trò không kém quan trọng. Hiện tại nhân loại phải đương đầu cùng lúc với hai thử thách lớn lao: trung hòa nạn nhân mãn và hạn chế sinh sản mà không đụng chạm đến nhân quyền và các nền văn hóa đặc thù của mỗi dân tộc. Điều trước tiên cần phải làm là xóa bỏ mọi dị biệt kỳ quái, san bằng hai thái cực giàu nghèo. Theo bảng tổng kết năm 1991 của Ủy Ban Soạn Thảo Kế Hoạch trực thuộc Liên Hiệp Quốc thì độ chừng 1/5 dân giàu nhất đã chiếm hữu tới 84,7% sản lượng thế giới trong khi 1/5 số dân nghèo nhất vốn vẹn đạt được 1,4% mà thôi. Nếu như sản lượng thế giới tăng 7 lần trong quãng thời gian là 50 năm thì dân số chỉ tăng có 2 lần. Tuy nhiên sự thu hoạch và phân chia của cải lại xảy ra không được công bằng gì cho lắm. Hiện tại chừng 2 tỷ người đang thiếu nước tinh khiết chỉ dùng, mỗi năm khoảng 3 triệu trẻ nhi đồng chết sớm vì bệnh truyền nhiễm hoặc thiếu dinh dưỡng, 1 tỷ người mỗi ngày chỉ có 5 quan tài để sống lẩy lắt qua ngày trong khi trên lý thuyết lương thực đủ để cung ứng nhu cầu cho tất cả mọi người. Tiêu xài quá độ ở phương Bắc, bất công quá lộ liễu ở phương Nam do chiến tranh và đường lối chính trị sai lầm gây ra đã dẫn đến tình cảnh là từ giờ đến giữa thế kỷ 21 vấn đề bảo đảm đời sống cho toàn thể nhân loại đòi hỏi tổng số lương thực ba lần nhiều hơn. Thế mà tài nguyên nông nghiệp ngày càng giảm dần bởi cách thức đốt rẫy phá rừng bừa bãi để trồng trọt làm khô cạn và ô nhiễm đất đai canh tác. Chứng thực là kể từ năm 1970 đến giờ thế tích nước tinh khiết cần thiết cho mỗi đầu người giảm đến ba lần và tạo nên những vấn đề nan giải cho Trung Quốc. Đó cũng là cái giá rất đắt phải trả khi thúc đẩy tiến trình khuếch trương kỹ nghệ theo phương thức đơn điệu.

Tuy nhiên về mặt thương mại quốc phòng các quốc gia Bắc cũng như Nam đều sai lầm khi hoạch định và chọn lựa hướng đi. Chẳng hạn như số tiền Trung Quốc bỏ ra mua 26 phi cơ chiến đấu Nga đủ để cung cấp nước uống tinh khiết cho 140 đến 200 triệu dân trong vòng một năm (ở Thượng Hải mỗi năm chính quyền chi tiêu bổ đồng 30 triệu Mỹ kim để chuyên chở nước từ nơi khác về vì vạc nước tồn trữ ngầm bị ô uế do sự thải hồi cặn bã kỹ nghệ độc hại). Ví dụ thứ hai là số tiền

Pakistan dùng để mua 23 phi cơ của Pháp đủ cung cấp nước uống cho 55 triệu và nâng cao nền giáo dục sơ đẳng cho 12 triệu trẻ em.

Đô thị hóa cũng là một hiện tượng mang tầm vóc quan trọng mà không ai có thể tiên đoán được hậu quả sẽ ra sao. Vào năm 2005 khoảng 2,4 tỷ dân Á Châu sẽ chen chúc sống chật vật ở các đô thị và viễn ảnh này không sáng lạn gì cho mấy tại các nơi khác. Vì áp dụng chủ trương phát triển cấp bách chính quyền Ba Tây chọn lựa phương pháp độc canh đồng thời rộng rãi dùng phân bón hóa học gây ô nhiễm đất đai màu mỡ nên cần phải canh tác trên một diện tích rộng lớn. Nói chung chuyển dịch tranh đấu đời sống ngày càng diễn ra khốc liệt, hệ thống môi sinh ngày càng đi vào chỗ hao mòn. Nhằm đương đầu với tình trạng nghiêm trọng trên một mảng lưới bảo vệ xã hội cần phải được gấp rút quy hoạch, nhất là ở thế giới thứ ba, nơi nhiều biến chuyển vô trật tự đã và đang xảy ra. Ngoài ra chúng ta phải nhất thiết lưu tâm đến tháp tuổi dân số, xem xét mỗi lứa tuổi thanh thiếu niên, lão phụ có bao nhiêu người. Ví dụ như là phải kể đến hàng trăm triệu thanh niên đang tìm kiếm việc làm, hàng trăm triệu thanh niên khác cam chịu cảnh thế thất nghiệp dài hạn, hàng trăm triệu phụ ấu đang sống bơ vơ ở các đô thị, xa chốn chôn nhau cắt rún, đánh mất đi tình cảm khấn khít gia đình cổ truyền. Thế thì tại sao người ta lại còn chần chờ không chịu bắt tay vào việc? Có phải vì vấn đề cần giải quyết quá rộng lớn đến nỗi đòi hỏi nhiều cố gắng vượt bực, nhiều thiện chí, nhiều tình người...? Hay là đại đa số cổ tình bùng bít sự thật vì chủ quan tin tưởng quá đáng vào trào lưu tiến hóa "tốt đẹp" hiện tại của thế giới? Cũng chính vì lòng tin tưởng ăn sâu vào trong tiềm thức này mà ông Gary S. Becker, người đoạt giải Nobel năm 1992, vội vàng hô hào khẩu hiệu "giải quyết nạn nhân mãn bằng thị trường thương mại tự do". Nhưng Vandana Shiva lại cho rằng do áp lực của các đại công ty kỹ nghệ, do sự đồng tình liên kết giữa giới sản xuất và giới tiêu thụ, do sự chênh lệch cán cân quân bình giữa các tầng lớp xã hội với nhau thì chủ trương tăng gia mật dịch nông sản để xây dựng nền tương lai dân chủ chỉ là một huyền thoại không hơn không kém. Cũng như mọi huyền thoại khác huyền thoại này được truyền bá rộng rãi không ngoài dụng ý che đậy chủ nghĩa duy sản đầy sách lược cạnh tranh nhằm thâu hút lợi nhuận càng nhiều càng tốt và cuối cùng là để phủ nhận quyền lợi dân chủ. Dưới chế độ độc tài hoặc gia đình trị thì nạn nhân mãn chỉ gây nên tai hại tương đối chừng mực và giai cấp thống trị luôn luôn triệt để cánh đối lập, ngăn cản các tổ chức, các nghiệp đoàn hoạt động bảo vệ quyền lợi và nguyện vọng chính đáng của giới công nhân. Vì thế khối tư bản xem nạn nhân mãn ở thế giới thứ ba như là một chuyện ngẫu nhiên giữa những ngẫu nhiên khác mà thôi và chính vì lẽ đó luôn tâng bốc chào mừng 1 tỷ người tiêu thụ tại Á Châu.

Hiện tại người ta có quyền thắc mắc sau một đến hai thế kỷ phát triển không ngừng các quốc gia kỹ nghệ thuộc khối tư bản có gây dựng nên được chút công bằng xã hội cho nhân dân mình hay chưa và có tìm ra câu trả lời thích đáng hợp tình hợp lý cho sự hưởng thụ quá độ của một nhóm thiểu số hay chăng? Tại sao nhà cầm quyền các quốc gia kém hay đang phát triển vẫn toa rập cấu kết với các nước tư bản bỏ mặc khối dân đen khổ rách cam chịu nhiều sự thiệt thòi. Bất chấp sự thật xấu xa phơi bày ra trước mắt người ta vẫn tiếp tục nhồi sọ, "đánh bóng", "trung bày" lợi ích của mỗi tự do giao thương và kinh tế thị trường". Ai có thiện ý từ tâm thì không khỏi ôm ấp hoài bão phát huy "một nền văn minh trung dung, một đời sống thanh đạm". Phải chăng đây mới thực là cuộc cách mạng thật sự đúng nghĩa giúp nhân loại thoát khỏi ách chậm tiến đạo đức...?

Cậu

?
CỦA TÔI

Nguyễn Nhung

Lời Tòa Soạn: Để tưởng niệm nhà báo lão thành An Khê Nguyễn Bình Thịnh, vừa từ trần ngày 09.11.1994, hưởng thọ 71 tuổi, chúng tôi xin đăng bài Hồi Ký "Cậu Của Tôi" của Nguyễn Thị Tuyết Nhung với bút hiệu Nguyễn Nhung, như là một nén tâm hương hồi hương công đức cầu nguyện hương linh của người quá cố sớm được siêu thăng Tịnh Độ.

● **Phù Vân**

Điều ao ước nhất trong cuộc đời tôi là được viết về hồi ký. Tôi muốn viết tất cả mọi vấn đề bằng cách quay ngược lại thời gian, hồi tưởng bằng ký ức của mình về thời thơ ấu. Lúc còn trẻ và cho đến ngày hôm nay bằng trí nhớ tầm thường bằng ngòi bút thô sơ của mình, tôi quyết định và mạnh dạn ghi lại những kỷ niệm đẹp nhất mà cũng ngần ngại nhất về "Cậu của Tôi".

Tôi lớn lên trong một đại gia đình có quyền thế, nói chung là các bậc tiền bối trong gia đình họ "Nguyễn" của tôi đã tạo nên lịch sử anh hùng. Tôi không biết gia phả của mình đã thất lạc từ bao đời và tự hỏi: Ngày xưa "Nguyễn Huệ" vị anh hùng của dân tộc đã đánh đuổi giặc xâm lăng, giữ yên bờ cõi, lập nên một triều đại mới với niên hiệu "Quang Trung" và... bao đời sau nữa. Đến đời ông ngoại của tôi là "Nguyễn Bình" là người đầu tiên đậu thủ khoa "Bác sĩ", tại tỉnh Rạch Giá. Ông ngoại của tôi nguyên thê là vị lương y cứu nhân độ thế, vì nước vì dân. Cả cuộc đời mình cống hiến cho xã hội và luôn dạy dỗ con cháu vì nước quên thân. Ngoài việc xã hội ra ông ngoại của tôi còn là một thi sĩ có tài. Thời thơ ấu của tôi còn quá nhỏ, tôi chỉ nhớ đại khái, ông của tôi thường ngồi ở một ghế mây, ông ngồi viết thơ của mình, bằng tất cả hồn và tâm huyết của mình rồi thâu lại bằng máy "cassette" nhỏ của ông thường hay để ở một chỗ cố định là kế bên ghế mây

của ông thường ngồi. Ông của tôi thường kể cho tôi nghe về gia đình "Nguyễn Bình" của ông cho con cháu đều nghe.

Ông thường ngồi. Tối tối ông thường nằm ở ghế mây nghe lại tiếng nói và giọng ngâm thơ của mình. Tôi tò mò ngồi xa xa để nghe. Ông ngoác tôi đến và bảo:

- Cháu có thích không?

Tôi gật đầu, nói:

- Ông ngoại! Làm thơ có khó không ông?

Ông tôi vuốt râu, triu mến cười:

- Cháu ạ! không khó đâu, chỉ cần mình để hết trí tuệ mình và tâm hồn mình hướng về một việc mình muốn diễn tả, con người phải có một chút lãng mạn và thơ mộng, hồn thơ của mình mới sống động được.

Tôi nắm tay ông ngoại tôi: "Mai này cháu lớn lên, ông dạy cháu làm thơ nha ông". Nhưng rồi làm gì có được ngày mai để ông của tôi dạy tôi làm thơ.

Nước Việt Nam của tôi quanh năm đều có chiến tranh, ông ngoại tôi rời bỏ xứ Rạch Giá chạy loạn, dạt dêu mười ba người con lên Sài Gòn để sinh sống. Dù vẫn làm Bác sĩ nhưng ông của tôi nuôi tiếc thời vàng son của mình, thời mà ông là vị lương y cứu nhân độ thế, cả tỉnh Rạch Giá ai cũng đều nghe danh và kính phục. Ông của tôi chữa bệnh cho người nghèo không lấy tiền.

Lên Sài Gòn công việc bận rộn với nhiệm vụ cao cả "Giám đốc Bệnh viện Ung thư Hồng Bàng". Ông của tôi tận tâm tận tụy hơn chức nghiệp của mình. Trong gia đình là người cha suốt đời hy sinh là gà trống nuôi con nên người, vì bà ngoại của tôi vắng số. Ngoài việc dạy dỗ cho con cái và dựng vợ gả chồng cho con cái. Tấm gương sáng của ông tôi đã dẫn đường, đã lan vào tâm huyết những người mang họ "Nguyễn" chúng tôi. Ông của tôi tạ thế khi tuổi đời của tôi còn quá nhỏ. Tôi nuôi tiếc, hối hận vì ông hứa mai này

tôi lớn khôn ông sẽ dạy cho tôi làm thơ như ông.

Đám tang của ông tôi rất là lớn. Hai bên quan tài của ông tôi, hàng trăm dàn bông nối tiếp dài đi theo, ông của tôi ra đi là phải sạch nợ hồng trần, nhưng để lại cho hậu thế bao ngậm ngùi thương tiếc.

Các Di các Cậu của tôi đều nổi bước theo cha ông, trong xã hội là người có quyền chức cao, cống hiến cuộc đời mình cho nhân thế. Tôi đã lớn dần và trưởng thành theo thời gian, tôi như càng hiểu ra tất cả con cháu của dòng họ "Nguyễn" chúng tôi, dù bận rộn việc xã hội, gia đình. Nhưng trong lòng, trong tim, huyết thơ và thi nhân vẫn là mạch máu chính của chúng tôi mà ông cha đã lưu truyền lại.

Khi ông của tôi mất, tôi thường theo ba má tôi đến thăm cậu của tôi là nhà văn "An Khê". Với trí non nớt của tôi, nắm tay cậu khi cậu đang gõ máy chữ: Cậu ơi, tại sao cậu chọn bút hiệu là "An Khê" vậy cậu? Cậu tôi không giận vì cháu phá, cậu ôn tồn xếp lại và ẵm tôi lên ngồi trên bàn, Cậu bảo:

- "Con biết không? Con còn nhỏ lắm, cậu muốn nói thật nhiều, nhưng sợ con không hiểu hết, thôi vậy nha, cậu nói con hiểu ngay. Cậu thích viết truyện, mơ làm văn sĩ, nhà mình hiện tại không có ai noi gương được như ông ngoại con, nhưng không biết đời sau có không? Cậu hy vọng là có. Sở dĩ cậu lấy bút hiệu là "An Khê" vì năm xưa cậu đi lính và đánh ở trận An Khê, trận chiến đó quá ác liệt đã là một ám ảnh lớn nhất trong đời của cậu. Một cánh tay đã bị thương đến tận phế, cậu được giải ngũ, từ đó cậu cố gắng không còn là người phế thải trong xã hội. Cậu hoạt động cho những người phế binh, trên chiến trường cậu không còn được đóng góp tài sức của mình nữa. Bên ngành võ, xem như muôn đời cậu bị mai một tài năng. Cậu quyết sử dụng hết cuộc đời của mình cho ngành văn, dùng ngòi bút của mình là vũ khí chiến đấu để đấu tranh cho công bằng lẽ phải, để đưa lên những nhân vật trong xã hội điển hình là những kẻ ác phải được đền tội, và người lương thiện nhân hậu, sẽ được thưởng xứng đáng. Từ đó tên "An Khê" của cậu là niềm về vang cho nhà Nguyễn của mình. Con ạ! Từ xưa bao đời ông cha mình vì nước vì dân, thì mình đây cũng phải ráng nha con".

Thế rồi tôi lớn lên và theo ba má, anh em qua được thế giới tự do, do sự bảo lãnh của Di Dương thứ Mười Một của tôi. Má của tôi thứ Mười Ba cũng là út nhất nhà, nên được ông bà ngoại và các di cậu rất thương, thương em rồi thương lây cả cháu. Những tưởng bước

chân vào thế giới tự do, tôi sẽ viết tất cả những gì mà cuộc sống đau khổ của chúng tôi ở quê nhà suốt mười năm qua. Tôi thêm được viết nên những hồi ký của thời thơ ấu. Tôi muốn làm sống lại trang sử anh hùng của dòng họ Nguyễn của tôi. Tôi ao ước được là một vì sao thật nhỏ bé noi gương theo các vì sao Bắc Đẩu mà ông cha của tôi đã soi sáng dẫn đường. Nhưng rồi! hỡi ơi! Cuộc sống bương chầy vì vật chất. Đã làm cho nhiệt tình của tôi bay theo mây khói. Giấc mộng làm văn sĩ của tôi coi như "pha". Giống như tôi mò kim dưới đáy biển hoặc hái lấy sao trời. Tôi ôm ấp giấc mộng của mình như một hoài bão mà muốn đời tôi cố gắng vươn lên lại bị ngã quỵ vì tính tự ti mặc cảm, nhút nhát, và tính không nhẫn nại của mình. Đặt bút xuống viết vài dòng, tôi cảm thấy nó làm sao, trơ trên và vô duyên. Cuối cùng truyện tôi dự tính viết thì không có, mà giỏ rác của tôi lại đầy ắp những trang giấy thật tội nghiệp khi tôi xé vụn vì bức tức.

Cho đến một ngày mà mùa đông đã đến, tuyết đã rơi trắng cả đường. Khi con người đã quá nhiều đau khổ bởi nhân thế, bỗng dung hồn thơ của tôi như ngọn sóng tràn, như ngọn lửa vụt bùng cháy lên, tôi đã đặt bút xuống ngay lần đêm để tạo nên tác phẩm đầu tay của mình. Với sự tưởng tượng mơ hồ, với ý nghĩ lãng mạn, truyện dài truyện ngắn... tôi hải lòng với sự làm việc của mình, chỉ ao ước một điều. Giá có cậu tôi ở đây thì hay biết chừng nào? Cậu của tôi sẽ đỡ đầu tinh thần cho tôi. Cậu sẽ sửa văn cho tôi và tạo nên cốt truyện mạch lạc, có ý nghĩa hơn.

Thế rồi điều tôi mơ ước đã thành sự thật. Vào mùa thu năm 1988 của ngày 14 tháng 11, câu mơ của tôi từ Việt Nam qua Pháp do chị họ tôi bảo lãnh cậu vợ qua đoàn tụ với gia đình. Cậu vợ đi dự đám cưới của em gái tôi và cũng vào một tháng sau. Tôi nhớ không lầm. Khi đó tôi và ông xã nhà tôi vừa đám hỏi xong. Tôi hôn hờ, vui không tả xiết khi gặp lại cậu vợ của tôi. Cậu của tôi vẫn như xưa, vẫn thương em thương cháu, cậu xúc động khi gặp lại ba má và chúng tôi đến rơi lệ. Cậu hỏi từng người một. Tôi triu mến nhìn qua chồng tôi rồi giới thiệu với cậu vợ:

- Cậu vợ! Đây là vị hôn phu của con. Hôm nay là ngày đám hỏi của con và anh ấy.

Cậu tôi cười phúc hậu, bắt tay chồng tôi rồi xoa đầu tôi, cậu bảo:

- Cậu rất mừng cho con tìm được người con yêu, mai này nhất định cậu đến dự đám cưới của tụi con. Con có phúc lắm, vì cậu nhìn không lầm

người, chồng tương lai của con, vừa đẹp trai vừa phúc hậu. Lần đầu tiên cậu gặp, cậu mến ngay. Ba má chồng của con khi nãy ba má có giới thiệu. Là người hiền đức và trí thức. Cậu chúc mừng cho ba má con và các con, nhất định cậu vợ sẽ đi dự đám cưới của tụi con.

Nhưng rồi đám cưới của tôi không có cậu vợ dự, vì giấy tờ của cậu chưa hoàn chỉnh. Cậu của tôi thật là hiền. Cậu lúc nào cũng vì mọi người. Cậu viết cho tôi một lá thư xin lỗi vì cậu không đi dự được như đã hứa, và chúc phúc cho vợ chồng tôi. Cậu đã làm cho tôi cảm động và thương cậu của tôi nhiều hơn. Tôi thường viết thư thăm hỏi cậu vợ tôi. Có một lần tôi đánh bạo viết thư cho cậu và cho cậu biết tôi có ý định học hỏi và nổi bước làm văn sĩ như cậu. Vài hôm sau tôi nhận được thư của cậu viết cho tôi (cậu chỉ đánh máy chữ, vì tay của cậu thường hay nhức bổi vết thương, cậu ít khi cầm viết để viết). Vừa đọc thư cậu vừa mắc cỡ vì tôi không biết cậu có chê tôi bày đặt tập tành giống cậu không? Hay tôi không thành danh không nổi tiếng, chỉ làm hổ danh cho dòng họ Nguyễn của tôi. Nhưng điều mà tôi xúc động đến rơi lệ là đọc từng dòng của cậu đánh máy: Con hỏi cậu viết văn có khó không? Viết văn rất dễ con ạ. Chỉ cần có tâm hồn thêm một chút ít vốn liếng về học thức, về kinh nghiệm sống, về đọc sách nhiều. Nó là sự mở cõi lòng, thành thật với mọi người. Ý nghĩ thế nào, viết ra như thế đó. Luôn luôn hướng thiện, không cần yên tĩnh mới viết văn được. Chỉ cần tập trung tư tưởng lại là bắt cứ lúc nào, bất cứ tại đâu cũng viết văn được. Hồi đó trước 75, cậu viết tiểu thuyết "feuilleton" cho 13 tờ báo, nếu cần yên tĩnh, hay chờ hứng, thì bao giờ mới có bài? Ba giờ sáng cậu thức dậy làm việc rồi, đến 7, 8 giờ sáng là giao bài cho các chị họ của con chạy xe mobylette đến trao bài cho một số nhà báo. Còn cậu thì bỏ máy đánh chữ lên xe, chạy qua từng tòa soạn để gõ bài tiếp tục. Viết ngay trong lúc máy in đang chạy rầm rầm, tiếng người nói năng qua lại như đi chợ. Cậu viết xong bài cho báo đó lại lên xe đến tòa soạn khác và cầm đầu cầm cổ gõ máy chữ lia lịa. Không được quyền ngừng lại suy nghĩ, câu nào đến nửa phút đồng hồ! Đến 15 giờ, mới xong hết công việc và lái xe về nhà ăn cơm buổi trưa!...

Bởi thế viết văn không chờ hứng. Cứ viết, tự khắc hứng sẽ đến, và bất cứ đâu cũng có thể viết được, con ạ! Quan trọng là có tâm hồn. Kinh nghiệm sống là đề tài tốt, học thức là đề tư tưởng đào sâu. Nhưng tất cả đều sản lọc qua tâm hồn. Viết quen rồi,

nghề sẽ dạy nghề mỗi ngày câu văn sẽ điều luyện hơn. Theo cậu thấy con đã có năng khiếu và yêu thích viết văn từ nhỏ. Con khai thác thế nào cho hấp dẫn cho mọi người xem cùng thích thú. Còn gì to tát, vĩ đại bằng cõi mở quá tim của một người mẹ? Từ chỗ yêu thương các con của con, rồi con nghĩ đến truyện triệu triệu trẻ em khắp thế giới nơi những nước chậm tiến như Việt Nam, như Phi Châu... con viết đi. Cậu tin con viết hay lắm. Vì con viết bằng con tim của mình. Con viết thế nào để người xem đều thấy họ có trong đó. Những lo nghĩ, lo âu của con là những lo âu, suy nghĩ của họ, của các bà mẹ trên thế giới ở khắp thế gian. Viết đến mấy nghìn năm nữa mới cạn? Mỗi người có ý suy nghĩ khác nhau. Cũng như khi con thấy một chiếc lá rơi, ngắm một vầng trăng, con nhận thấy nó có vẻ khác hơn thi sĩ Tản Đà, khác hơn Thế Lữ, Vũ Hoàng Chương... tả ra được theo lối khác ấy mà được đại chúng công nhận tức là thi sĩ là văn sĩ rồi!... Con cứ thông thả mà viết rồi gửi đến cậu xem qua và sửa cho con".

Một hôm khác tôi lại nhận thư của cậu. Lòng tôi vui sướng khôn hạn, vội vã mở thư của cậu tôi ra đọc cho chồng tôi nghe:

"Lâu quá không gửi thư thăm hai cháu vì cậu bận, vừa tam ngưng gõ máy chữ trong mùa Đông rồi, e lại bị vỡ mạch máu như mấy năm trước. Năm đó vì gõ máy hơi nhiều nên vỡ mạch máu phải sưng húp cánh tay và bầm tím đen thui, phải chích thuốc tan máu bầm và cuối cùng phải giải phẫu mới hết. Mùa Đông rồi bác sĩ khuyên cậu ít gõ máy chữ". Đó là mùa Xuân 14.03.1993 tôi nhận được thư của cậu tôi. Tôi rất lo cho sức khỏe của cậu tôi. Nhưng cậu lại không nghĩ đến thân mình mà còn lo cho Thương Phế Bình ở quê nhà. "Con ạ! Cái công việc này ai hưởng ứng cũng được, và tùy theo khả năng mình mà làm gì được cho số đồng bào đau khổ bên nhà là điều tốt. Giúp lời nói cũng là việc quan trọng, vì đã nói cho người nước ngoài cùng đồng bào người Việt biết được sự thống khổ trầm luân của người trong nước".

Có lần tôi thư cho Cậu, Ba của tôi bệnh hoải, Cậu an ủi tôi bằng một lá thư rất nhanh, khoảng trong tuần tôi nhận được. Thường thì mọi thư có khi hai ba tuần Cậu mới trả lời cho tôi.

"Ba của con cũng một tuổi với Cậu. Không dè Ba con lại bệnh hoạn như thế... Nay Cậu chỉ mong sao cầu nguyện cho Ba của con khỏe mạnh hơn mười năm nữa". Con ạ! trong gia đình họ "Nguyễn" của mình, con gái được cưng nhiều nhất, con gái cũng

thành công nhiều nhất. Cậu chỉ có lời khuyên con luôn luôn phải nên trầm tĩnh. Phải nên tin rằng con hằng cầu nguyện cho bản thân, gia đình cho chúng sanh, tức là con đã gieo những chủng tử tốt, ắt là những chủng tử ấy sẽ nảy nở ra nhiều để có thể đẩy lui cái vô minh, cái tối tăm, nghiệp chướng của con và gia đình, rồi cuộc đưa con đến sự thư thả, yên lành, dù con đang trong sóng gió nào! Phải tin như thế để mà sống. Vì chính con tự tạo phần nào vận mệnh của con. Con đi trong vườn hoa hồng, con chỉ ngửi mùi thơm của hoa hồng mà thôi!

Lâu quá vì bận việc lo cho con nhỏ, tôi ít thư cho Cậu, làm cho Cậu tôi lo lắng, thư ngay hỏi tôi:

"Lâu nay con có viết gì nữa không? nên tập viết truyện ngắn, những hồi ký về tuổi trẻ, về Việt Nam. Cậu năm trước có đọc hai quyển hồi ký của con. Cậu nhận xét không lầm, con viết có nét lắm. Năm nay Cậu sẽ đọc lại và sửa cho hoàn chỉnh hơn. Con cho Cậu thời gian nữa nhé. Năm qua Cậu lo việc cứu trợ cho Phế Bình bên nhà, gác bỏ tất cả việc văn chương(15.01.1993).

"Con ạ! Con thương yêu gia đình, con cái, nhìn thấy con của người khác con cũng thương yêu như thế. Con muốn gia đình con đầm ấm vui vẻ thì con cũng ước muốn gia đình kẻ khác nhất là gia đình lân cận cũng đầm ấm vui vẻ như thế chứ gì? Con có hạnh phúc, con cũng muốn thiên hạ đều hạnh phúc. Đa số người thiện lương đều nghĩ và tưởng như thế. Nhưng người ta không thể nói ra, còn chúng ta những người cầm viết, những nghệ sĩ có điều kiện nói ra, có điều kiện phổ biến, quảng bá... Cũng như người trồng hoa phải trồng hoa xinh đẹp có mùi hương. Hằng ngày trông thấy hoa xinh tươi thơm tho, lòng cũng vui cũng thơm... Con ạ! Cậu nhớ đến má con lắm. Chỉ biết thỉnh thoảng gọi điện thoại thăm mà thôi. Cậu bây giờ mỗi khi ra khỏi nhà đầu một tiếng đồng hồ, cũng phải có thời gian chuẩn bị. Tuổi già nó dở như thế đó. Ba con một tuổi với Cậu, nhưng tội nghiệp cho Ba con đau yếu nhiều hơn. Song Cậu vì vết thương đã mất phần nửa sức lực, nhờ ngồi thiền và tập thể dục chút ít, nhưng không biết sẽ đi ngày nào... thành ra không thêm nghĩ đến làm gì cho một trí. Con đừng nản chí mà cố gắng nhiều hơn nữa, trong vấn đề sáng tác là điều rất quý. Chính là bước đi để đến thành công của tất cả danh tài thiên hạ. Có một văn hào nào đó đã nói: "Cái gì anh có thể làm được hay mơ tưởng làm được, thì cứ làm ngay đi. Sự liều lĩnh (dấn thân) có thiên tài, quyền năng, và ma thuật (ảo

thuật)... Tức là mình phải tin ở mình. Con đường mình chọn đúng thì rần bước lên. Thiên hạ thành công được, sao mình lại không? (28.01.1993).

Lần nhận được thư của Cậu, tôi đã bắt đầu lo cho Cậu của tôi, sức khỏe của Cậu đã yếu, nhưng Cậu của tôi vẫn lo cho vợ con, và em của mình, lo cho những người dân đau khổ của Phế Bình còn kẹt ở quê nhà. Cậu hoạt động không ngừng cho lý tưởng cao cả của mình, chỉ mong sao trong cuộc đời này còn lại của Cậu, Cậu của tôi chứng minh cho mọi người thấy Cậu không là một phế nhân tầm thường. Tôi đã viết nhiều thư thăm Cậu về sức khỏe, nhưng tôi cũng chỉ chờ đợi và đợi chờ vì Cậu của tôi rất bận việc. Cậu nói của Cậu tôi làm ám ảnh mãi trong tôi: "Nhưng Cậu không biết sẽ đi ngày nào...", Làm tôi bàng hoàng lo sợ ngày mai không hứa hẹn, ngày mai là mùa xuân, hay hạ, thu, đông, là cái ngày mà toàn thế giới này phủ một màu tang đen tối, là một ngày mà cả thế giới này và bên nhà mọi người đều nhỏ lệ và vì Nhà Văn "An Khê" đã vĩnh viễn rời xa người thân, bạn bè, và gia đình, kể cả đại gia đình Thương Phế Bình mà Cậu đã lo đỡ đầu với "chức vụ nguyên Phó Chủ tịch ngoại vụ Tổng Hội Thương Phế Bình trước 1975".

Tôi chưa biết sự hoạt động của Cậu cho đồng bào phế bình bên nhà như thế nào mà Cậu đã bỏ cả nghiệp lớn văn chương của Cậu qua một bên. Cho đến một ngày tôi nhận được thư Cậu viết ngắn gọn, đại khái Cậu gửi chi tiết về hình ảnh những người phế bình, cả cuộc đời vì dân vì nước chống giữ quê nhà, đã hy sinh một phần thân thể của mình cho đất nước, ngày nay còn đói khổ ở quê nhà. Bằng tất cả máu và tim, nhiệt huyết của mình, Cậu đã soạn ra lời kêu cứu gửi đến thế giới văn minh để thức tỉnh mọi người hãy vì đồng bào của mình, hãy vì lòng nhân đạo của con người mà cứu giúp những người vì nước quên thân, cuối cùng còn lại gì một tấm thân tàn phế, người không ra người, lê tấm thân tàn tạ để kiếm miếng cơm sống qua ngày. Công lý, nhân quyền, tự do, bác ái ở đâu? xã hội có đền bù lại công trạng của họ vì nước quên thân mình không? Cậu của tôi kêu gọi sự viện trợ nhân đạo của toàn thế giới, của các vị nguyên thủ của các quốc gia, hãy cứu giúp người phế bình đau thương của nước Việt Nam nhỏ bé, nhưng cũng đầy lòng anh dũng kiên cường bất khuất. Và khẩn cầu cho sự ưu tiên nhân đạo người phế bình cộng hòa được xuất ngoại để chữa bệnh, thuốc men, dụng cụ y học cứu giúp những

người phế bình bên nhà, thực sự đến tay những người Phế Bình Cộng Hoà.

Đó là lá thư lần cuối cùng Cậu của tôi đã gửi cho tôi gửi ngày 28.01.1993. Rồi những lần sau này Cậu của tôi không có thư cho tôi nữa, mà chỉ nhắn lời thăm vợ chồng con cái chúng tôi, qua điện thoại thăm Ba Má tôi, ba má cháu gái con của tôi, Cậu rất thương và gọi là "ba cô công chúa". Cậu của tôi dạy tôi làm người vợ hiền, người mẹ vì các con, và đồng viên tôi trong sự nghiệp mà cả đời của tôi ao ước có được là một văn sĩ của nhà họ "Nguyễn" chúng tôi. Những lúc sau này Cậu thường bảo Cậu rất đau tay (tay bị thương) của Cậu đến nỗi không gõ máy được nữa, nhưng Cậu cố gắng lần từ ngón tay để đánh thành văn kiện gửi cho Tổng Thống Mỹ xin viện trợ cho Phế Bình Việt Nam Cộng Hoà. Tôi đã bắt đầu lo nhiều cho Cậu của tôi. Tuy bị ám ảnh bởi lời nói, nhưng tôi không dám nghĩ đến điều bất hạnh đó trong gia đình họ "Nguyễn" của tôi. Ông ngoại của tôi đã mất, tôi vẫn còn trong tuổi niên thiếu, trí tuệ non nớt, làm sao tôi có thể làm được những văn thơ bằng tâm huyết của mình. Giờ đây có Cậu như một vì sao Bắc Đẩu soi sáng dẫn đường tôi đi vào sự nghiệp văn sĩ của mình. Tôi nào có tham vọng cao xa, nào muốn làm một người nổi danh, mà chỉ ao ước được thành thân, là một người nổi bước, học hỏi để làm một người họ Nguyễn xứng đáng trong thơ, văn.

Cậu của tôi sau này làm việc rất nhiều, hoạt động không ngừng, bác sĩ khuyên Cậu phải nghỉ ngơi nhiều vì bệnh tim, và tay của Cậu đau. Mơ của tôi kể: "Cậu của tôi lúc này lạ lắm, đau rên lúc vắng người thân, mơ hỏi Cậu chỉ cười: "Tôi nào có rên đau, buồn quá làm bộ rên cho vui mà". Đi đâu Cậu của tôi cũng để sẵn trong bóp của mình số điện thoại nhà, địa chỉ, kể cả địa chỉ của từng nhà các anh chị, và ghi loại máu O vào, đi đường mơ của tôi không biết tại sao Cậu lại tỉ mỉ như vậy, ngày đêm cố gắng viết truyện về "gia đình Nguyễn Bình" được một trang rưỡi, Cậu để đó, lại gõ máy viết đơn xin viện trợ ở các nước cho người phế bình. Ký tên là "An Khê Nguyễn Bình Thịnh". Mơ của tôi rất lo, nhưng không dám nói vì Cậu luôn trấn an mọi người trong nhà. Cậu một lòng hướng Phật từ xưa nay, nay lại càng đọc kinh, lần chuỗi cầu nguyện cho em gái thứ Mười Hai vừa mất ở quê nhà. Cầu nguyện cho tha nhân còn đau khổ, cầu nguyện cho chúng sanh, một lòng hướng thiện hướng về Phật.

Cho đến một ngày mà sự thật vẫn là sự thật, đó là ngày cuối tuần vào Chủ nhật 02.11.1994. Tôi nhận được điện

thoại của Má tôi vừa khóc sụt sùi vừa kể: "Con ơi, Dì Năm mới điện thoại cho Má, Cậu Chín đã bị vỡ mạch máu đầu, máu đã tràn đầy trong não bộ, bác sĩ nói bó tay. Chỉ chờ lúc nào Cậu được ơn trên Phật Tổ gọi mà thôi". Tôi an ủi má tôi, mà cũng khóc và an ủi chính cõi lòng đau thương của mình. Tôi đã thấp nhang ngày đêm cầu nguyện cho Cậu của tôi được Phật Tổ ban cho phép lạ được cứu, tai qua nạn khỏi, có rất nhiều điều Cậu của tôi còn mong cống hiến cả cuộc đời còn lại của mình cho nhân thế. Còn cả sự nghiệp văn chương mà Cậu đang viết khởi đầu bằng trang lịch sử danh liệt của dòng họ Nguyễn chúng tôi. Thế hệ hậu sanh của chúng tôi rất cần và rất cần Cậu kể lại bằng ngòi bút, bằng nhịp gõ máy chữ đại tài của Cậu kể lại, như tấm thảm nhiệm màu cứ trải dài từ đời này đến đời nọ, trải qua bao nhiêu đời với chiến tích oanh liệt anh hùng văn võ song toàn của gia đình "Nguyễn Bình". Cậu của tôi còn rất nhiều điều dạy dỗ cho con cháu sau này noi theo để mà vươn lên làm người, nhất là một con người sống cho có ý nghĩa vì dân vì nước, trung hiếu vẹn toàn vì tha nhân mà cống hiến cả cuộc đời mình không hối tiếc. Cậu của tôi còn chờ đợi sự trả lời của thế giới về nhân đạo, nhân quyền cho kẻ khốn khổ, đau thương nhất là những người Phế Bình Việt Nam Cộng Hòa đang chờ đợi khắc khoải ở quê nhà. Cậu của tôi còn có vợ con một đời để sống bên người thân. Chính vì cảm thấy mình sức tàn hơi kiệt như ngọn đèn dầu sắp tắt. Cậu đã hình dung rõ cái ngày mà Ông Trên sắp đón Cậu đi về cõi Niết Bàn. Cậu đã nín kìm, lo sợ ngày ấy. Cậu sợ hãi cái ngày mà Cậu tới ra đi, khi mọi việc đều đã dang không thành. Khi sự nghiệp vĩ đại mà Cậu lo chưa trọn vẹn. Cậu biết rõ sức khỏe của mình hơn ai hết. Nhưng âm thầm chịu đựng sự đau khổ của bệnh tật vì vết thương cũ hành, bệnh tim tái phát, sự lo âu, sự đè nén không cho người thân hoang mang lo sợ âu lo, đã đưa Cậu của tôi vỡ mạch máu não vào ngày Thứ Sáu 30.10.1994. Vào sáng hôm đó Cậu đang cố gắng đánh máy bản văn kiện cho Tổng Thống Mỹ xin viện trợ cho Hội Thương Phế Bình Cộng Hòa. Cậu tôi là lên:

— Bà ơi! Sao tôi cảm thấy mệt quá, như có cái gì set sau cổ của tôi đau chịu không nổi".

Rồi vợ của tôi, đỡ Cậu tôi vội nằm xuống ghế salon. Lúc ấy, tay chân của Cậu tôi như cứng lại, cử động rất khó và nặng nề. Mười phút sau chị họ tôi đến cùng xe cứu cấp của nhà thương. Cậu của tôi lúc đó cho đến 4 giờ chiều. Cậu rất tỉnh, an ủi vợ con và cháu nội,

ngoại, vẫn còn nhớ đến Ba Má tôi và bảo với vợ tôi nhắc lại Má tôi là Cậu nhận rất nhiều thư của tôi, nhưng chưa trả lời được cái nào vì Cậu rất bận lo cho những người phế bình đau khổ trăm ngàn lần còn kẹt ở bên nhà. Rồi Cậu thiếp đi, bác sĩ tiêm thuốc ngủ cho Cậu tôi ngủ, ngủ cho đến lúc nào Ông Trên gọi Cậu phải đi. Trong cuộc đời này của tôi, hơn nửa chừng xuân, tôi đã biết khóc nức nở như một đứa trẻ lên ba lạc mẹ, dù tôi biết sự thật sẽ không bao giờ thay đổi, dù tôi biết thời gian sẽ không quay ngược lại lúc tôi còn niên thiếu, có Cậu bên cạnh, nhưng tôi vẫn ngày lẫn đêm thấp nhang cầu nguyện Ông Trên Phật Tổ, Đức Phật Bà Quán Thế Âm Bồ Tát, và mười phương chư Phật, xin cứu độ cho Cậu của tôi, xin đừng bắt Cậu của tôi lên thuyền Bát Nhã mà biết bao nhân sinh trong đời này đều ao ước ngày cuối của đời mình là được bước vào thuyền để về bên Phật Tổ. Tôi không biết tôi có ích kỷ lắm không? Nhưng tôi rất cần có Cậu của tôi trong cuộc sống tinh thần này. Còn có vợ của tôi, người vợ đau đớn nhìn chồng trong hôn mê, dù cả cuộc đời tận tụy hy sinh vì chồng vì con không bao giờ than trách dù trong hoàn cảnh khổ cực. Vợ của tôi là người phụ nữ Việt Nam, đầy lòng nhân hậu, giúp chồng làm nên nghiệp lớn, chăm sóc đàn con nên gia thất toàn nhân chi mỹ. Vợ của tôi phải được tưởng thưởng xứng đáng bằng những tháng, năm trong tuổi già bên chồng. Các anh chị của tôi dù đã nên nghiệp lớn, nhưng vẫn còn cần sự dạy dỗ của Cậu tôi. Đó có phải là sự bất công không? Tất cả đều bắt vợ tôi, gấp rút kể cả Cậu của tôi sợ sự vội vã này, mà cố níu kéo thời gian bằng làm việc không ngừng, sự trễ nải sẽ muộn. Nhưng rồi cũng vô ích vì cái ngày mà chúng tôi tất cả những bậc tiền bối, hậu bối như tôi đều đau đớn nhận là: nhận tin và nhận tang bao phủ cả vùng trời tự do này cho cả họ Nguyễn và đại gia đình Nguyễn Bình của chúng tôi là Cậu của tôi đã tạ thế vào ngày Thứ Tư 9.11.1994, tức ngày Thứ Tư mùng 7 tháng Mười Âm lịch năm Giáp Tuất. Tôi không biết chính giờ đây, tôi phải viết làm sao cho Cậu tôi đây? Một mùa thu phủ màu tang, gia đình họ Nguyễn lại cúi đầu đưa tiễn Cậu của tôi vào thế giới xa lạ không có người thân, không còn biết vui buồn, bệnh nữa, không còn đau khổ, lo nghĩ cho nhân sinh nữa. Tôi biết có lẽ xác thân về với cát bụi nhưng hương hồn của Cậu tôi vẫn còn nuôi tiếc khóc than cho sự ra đi quá vội vã của mình, bỏ lại tất cả mọi sự dở dang nửa chừng. Rồi đây, mai này ai sẽ là người thừa kế

sự nghiệp dở dang của Cậu tôi đây? Làm cho sự nghiệp dở dang nửa chừng của Cậu tôi đến đỉnh vinh quang tột đỉnh hay là sự nghiệp dở dang này sẽ chìm vào quên lãng theo thời gian. Rồi đây có còn ai nhắc nhở đến Cậu của tôi nữa không?

Có ai nhắc đến "An Khê Nguyễn Bình Thịnh" nữa không? Tên tuổi của Cậu tôi trong sự nghiệp văn chương có được hậu thế luôn tưởng nhớ và nhắc nhở hay không? Hay là thời gian, lòng người chóng quên vào dĩ vãng. Tôi vẫn còn nhớ đến một tờ báo mà Cậu tôi gửi cho tôi: "25 năm vinh nhục trong nghề làm báo trước năm 1975" có câu mà tôi đọc mãi không bao giờ quên. "Các bạn trong làng báo Việt Nam trước 1975 thường bảo tôi quá chân thật, quá chậm chạp, thích làm những việc khó khăn, nên hay... trễ tàu". Cuộc đời của Cậu tôi là thế! Nhưng đến lúc cuối của đời mình, Cậu là người lanh lợi, những việc khó khăn Cậu của tôi đều thực hiện một cách thật đau khổ vì thời gian quá ít mà mọi việc của thế gian này Cậu của tôi đều muốn làm hết để khi mất đi còn có cái gì cho vợ con, cho cháu, bạn bè, và toàn thế giới những người đau khổ. Tôi vẫn nhớ ngày thứ tư 9.11.1994, lòng tôi hoang mang không ổn, trái tim của tôi như cứ đau nhói từng hồi. Tôi chờ sự trả lời về sức khỏe của Cậu tôi, như chờ đợi để rồi đợi chờ một cách nóng nảy không yên, nhện đen sa xuống trước mặt mình là điều tai họa không lành, điều hung hiểm nhiều. Tôi chờ đợi ngày báo tử của Cậu tôi vì bác sĩ đã báo trước. Tôi quá thật đây mâu thuẫn, cầu khẩn ơn trên cứu độ cho Cậu tôi thoát hung hiểm, mạnh khỏe lại, nhưng biết hy vọng không còn nữa, tôi lại khẩn cầu trong giờ phút lâm chung của Cậu tôi được ra đi trong an nhàn thanh thoi. Được thuyền Bát Nhã của Phật Tổ đón kịp thời đưa về đến đất Phật để hưởng phúc đời đời kiếp kiếp. Đến trưa 14 giờ 30 phút tim của Cậu tôi đau nhói không tả được, đầu tôi đau buốt, tôi như chói với và khoảng hư không, tôi không là vị bác sĩ để bấm độn đốt tay biết sự việc, như mất phải của tôi giật liên hồi, tôi đã đoán ra việc chẳng lành. Trọng khoảng thời gian này tôi không làm được việc gì cả, cầm đến vật nào rơi vật đó. Phải chăng... Tôi thực sự không dám nghĩ tới nữa. Đến tối má của tôi điện thoại qua báo hung tin với sự ngạc nhiên đứt khoảng: "Cậu của con đã tạ thế vào lúc 14 giờ 30 phút". Tôi bàng hoàng xúc động, trái tim tôi đã ngưng đập từ lúc má tôi báo tin. Nước mắt tôi rơi không ngừng, trong lúc này tôi cũng không biết tôi

an ủi má tôi hay là tôi cần sự an ủi vỗ về của má tôi. Suốt đêm tôi không ngủ được vì nhớ đến Cậu. Tôi khóc thương cho Cậu của tôi một đời hy sinh cho người thân, bạn bè, và sự nghiệp văn chương của mình đã ra đi, nhưng để lại cho hậu thế sự ngậm ngùi thương tiếc.

Ngày Cậu tôi ra đi, sự ra đi bất đắc dĩ ngoài ý muốn của mình, dĩ nhiên tôi thừa biết Cậu của tôi không muốn chọn lựa sự ra đi bất đắc dĩ này. Vì Cậu của tôi còn rất nhiều việc chưa làm xong. Nhưng định mệnh trở trêu đã quyết định ngày tận số của Cậu tôi, giằng co níu kéo lại để được sống dù là vài ngày để cho Cậu của tôi hoàn tất mọi việc rồi cam lòng ra đi không oán trách. Ngày đó là ngày thứ tư 9.11.1994 mưa rơi thật nhiều, như đang khóc cho số phận của một con người bất đắc dĩ ra đi. Mưa cứ rơi, và gió cứ thổi, thổi mãi không ngừng như gào như hét để đòi sự công bằng lại cho Cậu của tôi. Cậu của tôi dù tuổi đã 71, nhưng nhiệt huyết và sự hoạt động của Cậu tôi không ngừng như lúc còn niên thiếu, ngày Cậu tôi mất, đêm đó là đêm tôi không ngủ, tôi khóc mãi khi đọc từng lá thư Cậu của tôi đánh máy cho tôi, từng lời văn yêu thương, từng lời động viên khích lệ.

Lúc Cậu còn, tôi không dám làm phiền đến Cậu vì biết Cậu rất bận việc. Những việc tôi viết sau này đều dở dang, tôi bắt đầu lười viết truyện, và cảm thấy đời sống của tôi như bị gò bó bởi hai tiếng "gia đình". Tôi tận tụy chăm lo cho đàn con nhỏ của tôi quá nhiều, mệt mỏi, tôi đâm rối trí trước ngòi bút của mình khi đặt lên trang giấy. Tôi luôn nhủ lòng: "Còn có Cậu của tôi mà, Cậu lo xong hội Phế Binh của Cậu, lúc đó mình viết truyện là vừa đúng lúc Cậu rảnh rồi sửa văn cho mình, thời gian còn dài mà, không lo". Bây giờ Cậu mất rồi tôi mới thức tỉnh để hiểu nhiều hơn, trưởng thành nhiều hơn. Đời người quá ngắn ngủi, sống nay thác mai, đời sống của mình không một ai biết được mình thọ bao nhiêu năm? mà mình thác lúc nào? Chỉ cần trong cuộc sống hiện tại của mình, cả tấm lòng của mình, lấy điều nhân nghĩa, đạo đức làm gốc cho con người mình, một lòng hướng thiện, hướng về đạo pháp, một lòng tu tâm dưỡng tánh để tạo nên nghiệp duyên tốt cho mình. Trong đời sống thế gian này mọi sự đua chen quyền lợi, tiền tài vật chất, danh vọng, và cả sự ích kỷ của con người luôn tìm cách hại người để làm điều lợi cho mình, có ích lợi gì đâu? Thác rồi cũng về với cát bụi, cũng ra đi bằng hai bàn tay trắng, nhưng người đời nguyên rủa chê bai. Chỉ bằng tài sao sớm đã biết được cõi

trần là cõi tạm, là phù du, sao không làm nên sự nghiệp vì nhân thế, để mất đi, để lại tiếc thương cho tất cả mọi người.

Cậu của tôi là vì sao Bắc Đẩu, là vì sao sáng chói nhất trong các vì sao. Chính Cậu đã mở đường cho con cho cháu noi theo. Chính ngày Cậu tôi mất, đêm trắng khóc vì nhớ Cậu, nhà của tôi có bướm bướm trắng bay vào đậu quanh quần, gần tôi. Lúc đầu từ tâm linh tôi sợ hãi, hương hồn của Cậu tôi đã về, nhưng rồi tình thương Cậu, tôi mạnh dạn không còn sợ nữa, như cứ thôi thúc tôi, khóc than cho Cậu cũng vô ích vì tình thương bằng tim bằng óc và bằng máu của mình, tôi phải cố gắng hơn nữa, để hết vào bút mực của mình, cho sự nghiệp văn chương mới bắt đầu của tôi. Từ nay tôi lại phải đi một mình, như người lữ hành cô đơn, phải chịu khó, phải cố gắng, và phải nhẫn nại nhiều hơn nữa. Tôi thấp nhang khấn nguyện: "Cậu ơi! nếu lúc còn sinh thời, Cậu là của tất cả mọi người, thời gian của Cậu dành cho tha nhân đau khổ lo cho mọi người nhiều hơn lo cho chính bản thân mình, dù sức tàn hơi kiệt, hồn thiêng của Cậu hôm nay về thăm con, Cậu hãy giúp con đạt thành tâm nguyện. Con không muốn được nổi tiếng, vì con vẫn là một người nữ, một người phụ nữ "tam tông tứ đức", gia đình trên hết, làm sao để con chu toàn việc nhà, việc văn nghiệp của con được chu toàn. Khi Cậu còn sống, con lười biếng, rụt rè, do dự, có lẽ con đã giống một chút ở Cậu rồi, đó là tính chậm chạp của con. Cậu có biết không Cậu? Con chậm chạp, lười biếng để giờ đây con hối hận nuôi tiếc ăn năn. Truyện của con viết còn dở dang, để chờ Cậu xong việc, Cậu sửa cho con, ngay cả bút hiệu Cậu sẽ nghĩ và đặt cho con. Bây giờ con cũng chưa có. Con biết mai này con sẽ khó khăn lắm, vất vả, vì sao Bắc Đẩu của con đã biến mất từ lúc Cậu ra đi rồi, con như con thuyền không có bến đỗ, con có viết hàng trăm điều văn, hàng ngàn quyển truyện về Cậu để làm gì, vì có còn Cậu đâu để mà đọc và động viên cho con. Cuộc sống tinh thần của con như đã tối tăm rồi Cậu à! Mùa thu năm nay phủ màu tang tóc nhớ tiếc Cậu ra đi, mưa rơi mãi không ngừng như oán than cho một kiếp con người đã trả sạch nợ trần. Con vẫn còn nhớ có một câu nói đại khái: "Ngày nào mình mở mắt chào đời khóc oa oa là ngày ấy mình đẩy cuộc đời mình vào bể khổ trầm luân của nhân gian, còn sống là còn trách nhiệm trong cuộc đời và vì mọi người cho đến ngày nào mình xuôi tay nhắm mắt là lúc mình đã hết trách nhiệm và bốn phận trong

nhân gian". Sao con buồn quá, dù con biết khi Cậu còn, Cậu bệnh, Cậu cũng không bao giờ lộ cho người thân của Cậu biết, Cậu chỉ sợ vợ con lo lắng và phiền muộn. Khi Cậu mất, hồn thiêng của Cậu vẫn không bao giờ muốn người thân của mình ngã quỵ, đau thương vì sự ra đi của mình. Nơi chín suối, hay trên cõi Niết Bàn có lẽ Cậu cũng đang ngậm ngùi thấy người thân ở lại dương trần đang đau khổ khôn nguôi vì mình. Mọi người, ai ai cũng nhủ lòng phải cố gắng nén đau thương để tạo thêm nghị lực trong cuộc sống còn ở lại để hồn thiêng của Cậu được ngậm cười vui vẻ. Nhưng sao nước mắt mọi người cứ mãi tuôn rơi không ngừng, cứ nhớ thương Cậu mãi, bởi vì cuộc sống của Cậu quá ngắn ngủi trong khi sự nghiệp của Cậu, còn cả tương lai như vàng thái dương chiếu tỏa khắp nhân gian này. Vậy là đã ba ngày từ khi Cậu mất, chú bướm vẫn ở trong nhà con, con càng tin ở phép nhiệm mầu, càng tin ở âm dương cách trở, dù ngày xưa Cậu và con ao ước được gặp nhau, nay hồn của Cậu vượt ngàn ngàn cây số để đến thăm vợ chồng con và các cháu, bướm bướm thật nhiều cũng bốn, năm chú, con không biết trong số đó ai là người thân của con đã mất? ông bà ngoại? dì Mười Hai vừa mới mất, hay là má Ba cũng rất thương con, và còn lại một là Cậu, đã rủ nhau đến thăm con. Đúng như Cậu nhận xét, chồng của con là người nhân hậu, anh ấy bảo: "để cho bướm có chỗ nương thân, đừng đuổi bướm ra ngoài sương gió lạnh". Con ở bếp, bướm đậu ở bếp, con vào phòng khách bướm ve vẫn bay quanh các con của con. Vừa sợ vừa mừng vì quả thật là Cậu rồi. Cậu thương bảo với con: Dòng họ Nguyễn nhà mình không quan trọng câu "nam trọng nữ khinh" trái lại con gái được cưng nhất. Cậu xem hình các con của con, vừa đẹp và thông minh, Cậu thương lắm. Mai này chúng sẽ là những người tốt. Cậu có biết không? hết ba ngày, sáng ngày thứ tư con thức dậy tìm Cậu qua xác bướm, thấy không có nữa. Dù nhà của con đã đóng kín cửa sổ suốt ba ngày nay. Con đi tìm và tìm mãi cũng không còn gặp Cậu nữa. Nước mắt con rơi cho một lần nuôi tiếc, Cậu đã thật sự bỏ con ra đi. Từ nay âm dương cách biệt, con biết tìm đâu nữa? Ba ngày quý báu nhất cũng ngắn ngủi nhất của Cậu về bên con. Vẫn biết rằng trong cõi đời này không có gì là tuyệt đối cả. Cánh bướm mà Cậu mượn xác đã và đang tiếp tục vượt ngàn cây số vượt đại dương nghìn trùng về lại quê nhà thăm con thăm cháu còn ở lại, thăm những người phế binh đau khổ mà Cậu luôn tranh đấu để đòi quyền lợi

cho họ. Họ có biết rằng Cậu đã về an ủi họ không? vì từ nay Cậu không còn ở lại dương trần để làm thiên sứ cao cả nữa. Cậu đành bỏ tay bất lực trước sự ra đi miễn cưỡng của mình. Con muốn gào muốn hét lên cho nổ tung không gian và thời gian. Con muốn đòi lại sự sống cho Cậu của con. Nhưng con chỉ là một người tầm thường trước nghịch cảnh của thiên mệnh đã định cho mỗi người không chạy tránh được.

Đêm nay là đêm cuối cùng để con viết về Cậu kính yêu của con. Trang hồi ký này như sắp chấm dứt, dù lòng con muốn viết về Cậu nhiều lắm nhưng trí tuệ nông cạn, tài văn kém cỏi của con không đủ ngôn từ mà diễn đạt. Cậu ra đi là thoát được vòng tuần hoàn nhân sinh: "Sinh, bệnh, lão, tử". Cậu mất đi để lại hàng bao người nhỏ lệ vì Cậu, như mất đi vị lãnh đạo có tài, như đoàn quân mất đi chủ tướng của mình, như trống quân hành, như còi hiệu lệnh, từ nay ai giục giã ra trận? Chân lý của Cậu còn đó, tâm nguyện của Cậu dạy con làm người chân chính, vì lẽ phải, công bằng bác ái, vì mọi người và cống hiến cho xã hội. Một lòng hướng thiện, gần gũi với đạo nhiều, tu tâm dưỡng tánh để tạo nên nghiệp duyên tốt cho mình, cho con cháu sau này. Ngày Cậu đi giữa tiếng cầu nguyện của người thân, nhắm mắt xuôi tay vĩnh biệt người thân, sắc mặt của Cậu rất sáng và hồng hào, chúng mình cho mọi người thấy, Cậu đã tu nhân và đạt thành chánh quả cho con cháu sau này đời đời hưởng phúc.

Ngày hỏa liệm Cậu cũng là ngày 14.11.1994 vừa tròn đúng sáu năm Cậu đặt chân vào thế giới tự do này "Marignane" là nơi tiếp nhận Cậu tỵ nạn, nhưng đã cho Cậu hưởng được quyền lợi gì chưa? Thì cũng Marignane là nơi Cậu gởi tấm thân của mình về với cát bụi. Hôm nay với tất cả những gì từ máu trong tim của con như cứ ngùn ngụt dâng trào để con viết về Cậu. Cuộc đời của con không ham muốn, không đòi hỏi cao xa, chỉ mong rằng mình được một lần ca ngợi về nhà văn họ Nguyễn mình, của mình, trong đó có các vị cao nhân tiền bối đã dựng nghiệp bằng sự nghiệp về vang cho dòng họ thơm lây đến muôn đời sáu này. Con chỉ ước ao một lần bằng tất cả tâm huyết của mình làm cho ngòi bút của mình là hồn thiêng là ngọn đuốc soi sáng mãi trong văn nghiệp mà tôi ao ước đeo đuổi, dù một lần hoàn thành xong một quyển truyện. "An Khê" trận chiến hải hùng, ngọn đời An Khê đã đi vào lịch sử bằng cuộc chiến tranh oanh liệt lưu vào sử sách. Nhưng với tên "An Khê" bút hiệu của Cậu đã mở ra một trang anh hùng lịch sử trong làng văn

nghiệp, tên tuổi của Cậu bừng sáng muôn đời. Chính Cậu đã nối bước ông cha vì nước vì dân quên thân mình, Cậu nằm xuống, nhưng gương của Cậu sáng ngời cho hậu thế, cho con cháu noi theo, ngọn cờ chính nghĩa của Cậu luôn phát phới trong bầu trời tự do. Dù Cậu đã ra đi, dù Cậu vắng mặt vĩnh viễn trong thế gian này, nhưng nợ trần Cậu đã gởi lại cho người thân, cho bạn bè và con cháu của Cậu, làm sáng ngời thêm chân lý mà Cậu đã chọn, và tiếp tục sự nghiệp của Cậu còn dang dở dang. Người nối tiếp người, một lòng đoàn kết, thức tỉnh, mọi sự đua chen danh lợi đều là thoáng mây bay sau khi mình nằm xuống, ra đi với hai bàn tay trắng, về với cát bụi. Chỉ có sự cống hiến của mình cho nhân thế là lưu danh muôn thuở.

Tôi cũng họ Nguyễn, tôi rất tự hào về họ Nguyễn của tôi, tôi nguyện là một chiến sĩ xếp vào đội ngũ trong đại gia đình này, dù suốt cuộc đời này của tôi không thành danh, tôi cũng ao ước mình thành thân, để thành người hữu ích bằng ngòi bút đơn sơ của mình, tôi truyền bá tư tưởng chân lý của Ông và Cậu tôi vào văn nghiệp của mình, trong cốt truyện nhân vật ác sẽ bị trả báo, và người hiền lương sẽ hưởng phúc. Cậu ơi! Với tâm sự ngổn ngang rối loạn con viết về Cậu. Khi sinh thời con là kẻ lười biếng chậm chạp, nhưng Cậu mất rồi, con thức tỉnh, và nguyện không làm Cậu thất vọng vì con. Dù biết rằng trần gian này là cõi tạm, nhưng con cũng sẽ cố giống như Cậu, lúc nằm xuống phút cuối của đời mình có rất nhiều người nhỏ lệ vì mình, là cả sự mãn nguyện của mình lắm rồi.

Con chợt nhớ đến một câu nói của một văn hào mà con đã quên tên, đại khái: "Con ơi! Khi con mở mắt chào đời con đã rơi lệ. Mọi người chung quanh đang mỉm cười nhìn con. Một mai khi con lớn lên, và trong phút cuối của đời con, con mỉm cười mãn nguyện vì con đã sống cho mọi người. Thì trái lại mọi người, đã rơi lệ vì con".

Cậu của tôi có lẽ đã hiểu được câu nói này và Cậu của tôi đã thực hiện được câu nói này trong cả cuộc đời của mình. Cậu của tôi văn võ song toàn, một đời vì bác ái, nhân quyền cho những người nghèo khổ. Một đời hướng về đạo pháp nhiệm màu. Với pháp danh "Minh Văn". Tôi không biết diễn tả như thế nào với pháp danh mà "Thầy" của "Cậu tôi" đã đặt cho Cậu tôi. Nhưng tôi hiểu "Minh" là minh mẫn, thông minh, sáng chói như vàng nhật nguyệt. "Văn" là văn chương. Sự nghiệp văn chương của Cậu tôi đã chọn là cả một sự trong sáng và chiếu sáng muôn đời. Cậu chiến đấu, và hy

sinh đến hơi thở sau cùng của mình. Văn cũng như võ, trên tay không rời vũ khí đấu tranh đến lúc cuối cuộc đời mình.

Cậu của con! Đêm nay con thấp nén hương, nguyện khói hương bay đến cùng Cậu. Dù Cậu ra đi, là cả sự mất mát quá lớn trong lòng của tất cả người thân, anh em, bạn bè và những người Cậu lo và thương. Dù lệ đã rơi nhiều, đến khô cạn, nhưng sức mạnh, nghị lực không bao giờ ngã quỵ để Cậu phải lo nghĩ, âu lo và buồn cho người thân của mình nữa. Tất cả sẽ vượt qua thời gian. Cậu hãy an nghỉ muôn đời Cậu nhé. Con chấp tay khấn nguyện Ông Trần Phật Tổ phổ độ cho hương hồn của Cậu con về bên Phật Tổ, để Cậu của con cứu độ chúng binh. Rồi đây ba má của con, còn đâu nghe lời của Cậu thăm hỏi thương xuyên. Ba má của con đã khóc nhiều lắm. Cậu của con ơi!

Cuộc đời vinh nhục làm báo và văn chương của Cậu là sự hiển hách oanh liệt. "Cửu Lang", để viết về truyện dã sử, "Nguyễn Bình Long" viết về gián điệp, "Trương Thanh Văn", để viết về trinh thám và "An Khê" để viết về tình cảm xã hội. Cậu vẫn thường viết:

- 25 năm làm báo ở Việt Nam, tôi mơ ước có được một ngày nào đó, tôi sẽ ngủ thẳng căng, dang rộng hai tay trên giường cho đến 9, 10 giờ sáng, để hưởng giờ khắc thực sự nhân nhả, thoải mái của một người viết muốn không phải lo sợ thiếu bài. Không ngại ê-kíp thợ sắp chữ ở tòa soạn nào đó, đang trông ngóng mình. Cả trong giấc mộng chiêm bao cũng yên ổn, không thấy thiếu bài, kẻ chờ, người trách...

Hôm nay Cậu của con đã thật sự đạt được niềm ao ước của Cậu mà bấy nhiêu năm nay Cậu vẫn chưa thực hiện được. Hãy ngủ yên! Cậu của con nha. Cảnh tay mặt bị thương của Cậu, từ nay Cậu không còn đau nhức nữa. Không còn phiền muộn, ràng buộc và đau khổ, trong cuộc đời này nữa.

Đêm nay là đêm cuối cùng để con viết và "được" viết về Cậu của con. Rồi mai đây theo thời gian như quyển vở đã sang trang mới, thế hệ hậu bối sẽ tiến lên sẽ là ngôi sao sáng trong làng văn. Tên tuổi tiền bối sẽ vào quên lãng trong lòng mọi người. Nhưng mãi mãi trong lòng con, trái tim này luôn hướng về Cậu, tưởng nhớ Cậu của con trong suốt cuộc đời này.

Viết xong ngày 14.11.1994
Nguyễn Nhung



- Tụi âm binh nhốt con tiểu nữ trong bụi tre gai, ở góc hướng bắc. Thời ta đi đây sư. Kiểu!

Con đồng tức thì bật ngựa ra, bắt động, một chập sau tỉnh lại như người thường.

Chú thím Ba cùng với cả xóm đi lại bụi tre gai, rọi đèn "pile" thật sâu vào trong, thấy mờ mờ nhân dạng con Nhà. Thanh niên dùng mác dốt chặt nhánh và gai, mở đường tiến vô, đem con Nhân ra khỏi bụi tre. Con nhỏ trông cũng bình thường, điều lạ là miệng nó đầy cứng đất sét, còn mình thì không thấy vết trầy trụa chi cả.

Kể từ hôm ấy, ám ảnh bởi câu chuyện ma quái, trẻ con trong xóm không còn tụ tập ở khu bụi tre gai và miếu Bà Chúa Xứ chơi giỡn như xưa. Có dịp phải đi ngang đó, nhất là ban đêm hay

rất mê loại sách hồng dành cho thiếu nhi, sách khổ nhỏ, bìa đỏ hồng, mỏng chừng vài ba chục trang, có minh họa bằng hình vẽ. Tôi mê chuyện Ông Đồ Bể, Cái Âm Đất... và nhất là chuyện Cây Tre Trăm Đốt. Chuyện kể hồi xưa, hồi xưa, lâu lắm rồi, có một thanh niên mồ côi, nghèo khổ tên Lục, đi ở mướn cho một phú ông từ lúc còn nhỏ, suốt mấy năm liền chăm chỉ làm việc, chỉ được ăn ở, không được thù lao. Vốn tính hà tiện lại tham công, để khuyến khích Lục làm thêm việc, phú ông xí gạt sẽ gả con gái cho, khi đến tuổi trưởng thành. Ngày qua tháng lại, Lục làm việc quên mình cho phú ông với hy vọng trong tương lai được ở rể, phần con gái phú ông, xinh đẹp, rất thương Lục vì thấy chàng siêng năng lại hiền hậu. Riêng phú ông đã chọn sẵn chú rể đồng sàng, con nhà giàu, đẹp trai, học giỏi...

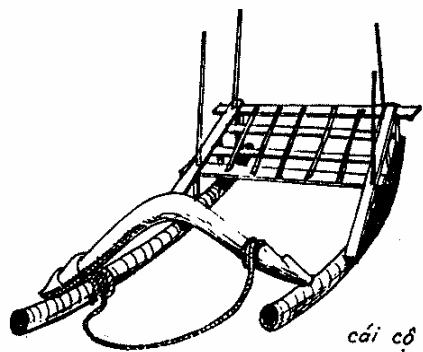
và chú rể. Lục trình lão phú hộ đóng tre, lão nói muốn cây tre trăm đốt, không phải một trăm lóng tre. Theo lời chỉ dẫn của Bụt, Lục làm phép, đóng tre biến thành cây tre dài, lão phú hộ đếm tới đếm lui, quá đúng trăm đốt, không còn cách nào thoái thác việc hôn nhân giữa Lục và con gái, lão trở mặt nói ngược. Lão nói sẽ không bao giờ gả con cho Lục, con gái lão là cành vàng lá ngọc, là ngọc điệp kim chi, còn Lục là thằng cùn đĩnh, thằng khố rách áo ôm, trời sông lạc chợ, làm sao cân xứng với nhau. Lão lớn tiếng bảo Lục đừng mang ảo vọng, chú mắng Lục thậm tệ, còn kêu người ăn kẻ ở trong nhà vác gậy đánh đuổi Lục ra khỏi cổng. Lục tức giận, tay gơ cao gậy trăm hương, miệng hô "khắc nhập, khắc nhập", tức thì lão phú hộ bị dính chặt vào cây tre trăm đốt, vùng vẫy cách nào cũng không tách ra được. Chú rể thấy nhặc

phụ lâm nguy, chạy đến giải cứu liền bị dính luôn vô cây tre, tiếp theo cả họ nhà trai cũng chịu chung số phận, kết thành một chùm trông thật ngộ nghĩnh. Chờ cho đến khi con gái lão phú hộ năn nỉ, van xin, Lục mới chỉ gậy hô "khắc xuất, khắc xuất" để tha tội cho cả lũ. Chú rể và nhà trai cuốn gói ra về, đám cưới trở thành lễ thành hôn của Lục và con gái phú ông.

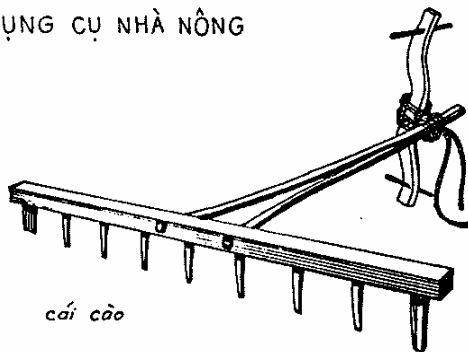
Nói đến cây tre tôi không quên chuyện Trạng Mạc Đĩnh Chi, người nhỏ thó, chẳng có vẻ gì thông thái nhưng lại thông minh, ứng đối lanh lợi vô cùng. Theo như thầy giáo kể và tôi còn nhớ, có lần Trạng Mạc Đĩnh Chi đi sứ sang Trung Hoa, trong một tiệc rượu người ta đưa cho Trạng coi bức tranh con chim sẻ, nét vẽ thần tình, trông như thật. Đã say rượu, Trạng đưa tay chụp lấy chim, chụp xong biết mình hổ, Trạng xé nát bức tranh. Người ta hỏi tại sao, Trạng nhanh trí trả lời rằng không thể chấp nhận bức tranh vẽ con chim sẻ là kẻ tiểu nhân lại đứng trên cành trúc tượng trưng cho người quân tử. Tôi cũng không quên đại tướng Phạm Ngũ Lão, thuở hàn vi ngồi đang sọt mà tâm trí bận rộn ưu tư với việc nước nên không hay xa giá của đức Trần Hưng Đạo ngự qua vùng, đến nỗi bị binh sĩ triều đình dùng giáo nhọn đâm vào đùi phọt máu mới giật mình tỉnh mộng.

Còn biết bao nhiêu chuyện khác liên quan đến cây tre. Ông nội tôi kể thời

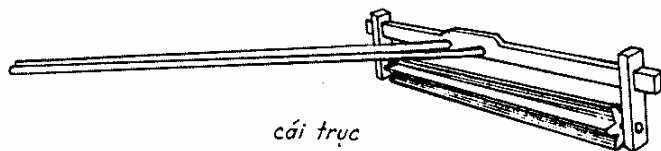
DỤNG CỤ NHÀ NÔNG



cái cộ



cái cào



cái trục

trời nhá nhem tối, đa số cúi đầu bước nhanh, có đứa chạy, càng chạy càng nghe có tiếng người gấp rút đuổi theo, nên chạy nhanh hơn, chạy thật mạng. Sự huyền bí, rùng rợn tăng thêm khi có đứa kể lại rằng vào những đêm trời tối mật, chúng thấy bọn âm binh ngườ đầu, má diện dốt đèn sáng rực để cùng nhau yểm ám giữa bụi tre gai, hoặc những đêm sáng trắng bụi tre chuyển mình rần rác, ngọn tre cong uốn xuống đến gần sát mặt đất rồi bật tung lên không như cổ người khuất mặt chủ động.

Sau này con Nhân kể lại, hôm đó nó thấy cái bài vị trong miếu bà Chúa Xứ nên đỏ chữ đen ngò ngò nên có thử rờ rẫm, tay nó thì dơ vì chơi đất cát bên ngoài đá lâu. Một lúc sau con Nhân gặp một bé gái cỡ tuổi nó đến rủ đi chơi rồi đưa bánh ếch cho ăn...

Cùng khoảng thời gian con Nhân bị "ma giấu" trong bụi tre gai, tôi đang học lớp nhứt hay lớp tiếp liền gi đó, và

Tối ngày đám cưới, phú ông xí gạt, bảo Lục lên rừng đốn cho ông một cây tre dài đủ đúng trăm đốt (lóng) mang về, để chẻ ra làm đũa đãi quan khách. Lục tin lời ra đi, đốn cả chục cây tre mà cây nào cũng chỉ dài không quá bốn chục đốt, Lục âu sầu ngồi bẹp giữa rừng than thân trách phận. Bỗng có ông Bụt hiền từ, râu dài, tóc bạc, tay cầm gậy trăm hiện ra hỏi han. Biết được sự việc, Bụt kêu Lục đốn một trăm lóng tre chắt thành đống, rồi miệng niệm thần chú, tay chỉ gậy trăm, Bụt hô to "khắc nhập, khắc nhập", trăm lóng tre dính liền nhau thành cây tre dài trăm đốt, Bụt lại hô to "khắc xuất, khắc xuất", cây tre tức khắc tách rời thành trăm lóng riêng rẽ. Bụt cho Lục gậy trăm, dạy thần chú, Lục hơn hử xô một trăm lóng tre thành xâu mang về. Khi Lục về đến nhà thì họ hàng hai bên đang dùng tiệc cưới, có con gái lão phú hộ ngồi cạnh một thanh niên rất bánh trai, cả hai mặc đồ đại lễ xinh đẹp như cô dâu

Ông người ta cắt rún trẻ sơ sinh bằng mảnh tre bén cạnh. Chú tôi thì gia nhập vệ quốc đoàn, tham gia đánh Tây bằng tầm vòng vật nhọn. Thằng em tôi có cái ống sáo bằng trúc, ngoài bảy lỗ bình thường nó khoét thêm lỗ thứ tám gần miệng, lấy giấy mỏng dán lên, khi thổi âm thanh cao vút. Má tôi có cái ống cán bánh phồng bằng tre bông, ngày thường má treo trên giàn bếp ám khói, mỗi năm đến gần Tết bà đem xuống cán bánh nhà và vắn công với hàng xóm. Tôi bây giờ tôi vẫn không quên hình ảnh lồng tre bông bóng lưỡng đầu dừa, theo bàn tay má tôi thoăn thoắt, biến từng cục bột nếp nhỏ xíu thành những cái bánh phồng thật mỏng, thật tròn, thật mềm, đều đặn, xinh xắn. Tôi phải nói luôn thêm chuyện những đêm Xuân má tôi nhúm lên một bếp lửa nhỏ, hai tay xoay, giữ cái bánh phồng giữa hai cây kẹp bằng

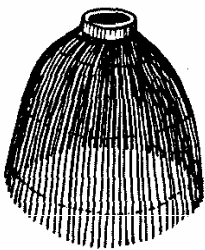
dứa ngà vì gấp miếng thịt, cọng rau chắt ăn như bắp, không sợ rớt, sợ tuột - rồi còn dưa bếp bởi cơm, bỏ đựng lúa, đôn sóc, lồng bàn đập thức ăn, rơm cối xay lúa, đôn gánh, thúng vè, thúng giạ, ống thổi lửa, tấm xia răng, cọng nhang thơm, giường chông, rổ thưa rửa rau, rổ dầy rửa cá tép, đồ dùng thường nhật, vật dụng trang hoàng... Bước ra khỏi nhà tay xách giỏ tre, ngó ra sau thấy bụi trúc bên cạnh cầu ao, bên trái có chuồng gà, bới nhốt gà nòi bằng tre, bên phải có cây lồng dài dùng hái trái cây nằm cạnh chông giỏ cần xé cũng làm bằng một loại tre, nhìn xuống mé sông, ngó qua bên kia bờ rạch thấy mấy chiếc ghe tam bản có mui tre, đặt chân lên cây cầu khi bằng tre lác lẻo, đi rừng thì dùng ống tre để gánh nước, để bỏ gạo vào đốt chín thành cơm...

xấp cạp, mỗi lần nôm xuống nghe cái xộp, cá lọt vô nôm bị phát hiện ngay vì vùng vấy không ngừng.

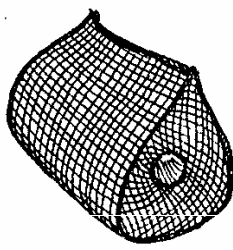
Dụng cụ bắt cá bằng tre qui mô nhất là cái dăng (còn gọi là tay dăng). Anh Bình bà con cô cậu với tôi làm nghề đi dăng, nói nôm na là nghề hạ bạc hay nghề đám hà bá. Anh Bình lên miệt đất cao ở phía thượng lưu sông Cửu Long mua tre gai, mua cả bụi lớn, đốn hết rồi kết bè dẫn về. Sau khi ngâm những cây tre trong cái mương cạnh nhà chừng sáu tháng, anh cắt chúng ra nhiều khúc cùng chiều dài. Những khúc tre được chẻ nhỏ thành nhiều cọng cỡ ngón tay út, mỗi cọng gọi là một rế dăng, chuốt cho tròn cạnh rồi kết lại với nhau bằng dây choại (than dây của một loại ráng ở miệt U Minh) màu nâu đỏ (sau này dùng dây nylon), động tác nối kết những rế dăng lại gọi là bện dăng. Mỗi cái dăng hay

tay dăng hình chữ nhật rộng chừng ba, bốn thước vuông gồm có hàng trăm rế dăng nhỏ nối trên nằm giữa hai nẹp tre trọng bán. Nước lớn đây anh Bình nối những tay dăng lại (trái dăng) làm thành một cái hàng rào bằng tre thật khít khao chẵn ngang vòm rạch, vòm xèo (dăng chặn) hoặc bao bọc một khoảng bờ sông (dăng mé) với sự nâng đỡ của những cây tre gọi là sai. Nước ròng xuống cá tôm rời rạch,

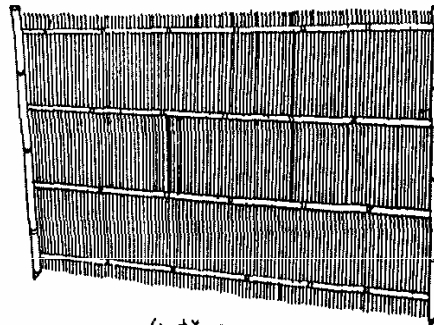
DỤNG CỤ BẮT CÁ



cái nôm



cái lờ



cái dăng

tre hình bàn tay nhiều ngón, tôi ngồi chồm hổm cạnh bên quan sát cái bánh phồng lên, đổi màu theo ngọn lửa và dĩ nhiên háo hức đưa ngay vào miệng miếng bánh đầu tiên vừa chín tới, nhai rạo rạo, nhai say sưa. Tôi cũng nhớ những quán cà-phê, tiệm ăn ở quê nhà trang trí toàn bằng tre trúc như quán cà-phê Trang ở Long Xuyên chẳng hạn...

Tại sao tôi có quá nhiều hồi ức về cây tre? Tại sao tôi cho rằng cây tre là biểu tượng của quê hương mà không là cây ổi xá lị, cây xoài cát chu, cây mận hồng đào... mặc dù tên cây tre thật đơn giản, đâu có vấn đề như những thứ thảo mộc kia? Đó là vì cây tre rất gần gũi với đời sống con người, nhất là người dân ở nông thôn Việt Nam. Tôi có thể nói một cách chắc chắn rằng sau cây lúa, tre là thực vật hữu dụng nhất. Hãy đếm thử xem có bao nhiêu vật dụng bằng tre trong nhà: Kèo, rui, đôn tay, vách, phen, cửa sổ, nong nia, ống dứa, chiếc điều cây để hút thuốc lào, lạt lợp nhà, dứa ăn cơm - nhiều người thích dứa tre hơn dứa mun hay

Nhưng nói đến công dụng của cây tre ở nông thôn, tôi quen biết và thích thú nhất với các vật dụng dùng đánh bắt cá tôm và muông thú. Lúc còn nhỏ hay khi đã lớn, ngày cuối tuần hay dịp hè về quê nội, ngoại, tôi thường xuyên tiếp xúc với những thứ đồ dùng này. Đơn giản nhất là cái rổ xúc, lớn hơn loại rổ rửa cá tôm hoặc rau cải trong bếp, tôi và bọn con nít trong xóm trèo mình dưới nước, đến gần những giề cỏ, giề lục bình, bụi dứa dại... dùng rổ xúc bọ từ dưới lên là có ngay cá chạch, tép thợ rèn, cá bóng mọi... cá tép tránh nơi nước chảy mạnh hoặc bị khuấy động bởi ghe thuyền, đến trú ẩn dưới rế cỏ cây. Chúng tôi bắt cá tép bỏ vô cái nôi dẫn theo, thường dùng nôi đất hoặc nôi đồng cổ cao miệng hẹp. Chỉ cần làm siêng đi xúc vài tiếng đồng hồ là có đủ cá tép cho bữa cơm chiều thịnh soạn của cả gia đình.

Tôi cũng có cơ hội bắt cá bằng nôm. Cái nôm hình nón gồm những cọng tre cứng dây chuốt nhọn liên kết nhau bằng dây kẽm, dùng bắt cá đen (cá lóc, cá trê, cá bông...) những nơi nước xấp

xèo, mé sông tìm đường ra sông lớn, dụng phải những cái dăng chặn đường, chúng lần theo rồi tập trung lại ở một khu vực nhỏ gọi là rọ, từ rọ cá chun vô đó, đó cũng làm bằng tre, có hom, cá đã chun vào đó rồi thì không thể ngược ra. Người bình dân có câu "chồng là cái dăng, vợ là cái đó" để chỉ người chồng làm ra của cải vật chất, nhưng giữ được của hay không là do người vợ. Tôi đã theo ghe anh Bình trong những chuyến đi đó đây, thích thú quan sát chuyện anh làm. Tôi nhớ mãi những lần ngồi trên ghe dăng, ghé mắt nhìn vô rọ, vô đó, thấy cá tôm từng bầy rộn ràng đi lại hoặc trôi đầu lên mặt nước, cá nhảy soi soi, cá ăn móng ừng ực như nước cơm sôi trên bếp. Thêm vào đó tôi được ăn cá tôm tươi vừa bắt lên từ sông nước, những miếng tước thì, thật ngon, thật ngọt, cuốn với rau sống, bánh tráng, chấm nước mắm chanh ớt và dưa cay... rượu nếp.

Những dụng cụ bằng tre khác để bắt cá tôm thường đều có hom như cái đó, để một khi cá tôm chun vô rồi thì mất kẹt không ra được. Như cái lờ tôi sắp

nói đến, đan bằng những cọng tre nhỏ và mỏng hơn cái đang rất nhiều, thường dùng bắt cá sặc bươm, cá rô... ở ruộng. Lờ được treo khoảng tám phần trong nước, hai phần trong không khí, đi dặt lờ tới nhiều lần thích thú theo dõi động tác của những chú cá sặc bươm trong vùng ruộng nước phèn trong vắt. Chú cá sặc đang lang thang rong chơi đầu làng cuối xóm, bỗng đụng phải cái lờ chắn ngang lộ trình, chú này anh hùng lắm, chẳng khác một vị quân tử Tàu, chú không tránh cái lờ, cũng không tìm đường đi quanh quẩn. Lờ tránh chú chờ tại sao chú phải tránh lờ, người quân tử chuyên đi đại lộ, tiểu lộ chỉ dành cho kẻ tiểu nhân, có thể đó là tâm lý, lý luận của chú cá sặc. Thế là chú vẩy đuôi lù lị lấy trốn để đâm thẳng vào cái lờ, đâm chỗ này không vượt qua được, chú đâm chỗ khác, cho tới chỗ cái hom, chú lọt tuốt vô bên trong chiếc lờ. Trông cách hành xử của chú các sặc bươm, tôi liền tưởng đến hình ảnh người say rượu té xuống ruộng khi qua cầu, nhưng không lộn qua luôn mà lộn ngược lại để tiếp tục đi trên cầu, lại té, lại lộn ngược... cho tới khi đi hết cây cầu mới vừa lòng, hả dạ.

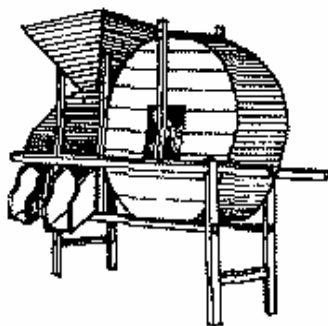
Xin kể tiếp thêm cái lợp, cái nó để bắt tôm, tép thợ rèn, cá bóng đen, cá bóng cát... dùng mồi cua, dặt sâu dưới đáy nước. Cái trúm (ống trúm) dùng bắt lươn là ống tre dài nhiều lông nhưng những mắt tre ở giữa bị phá hủy nên hoàn toàn trống lỗng. Cái xà-ri chặn nơi miệng hang, góc kẹt để bắt cá, bắt chuột, bắt chim. Tất cả các thứ nò, lợp, nò, trúm và xà-ri đều có hom tre ở một đầu, đầu còn lại bịt kín. Mấy thứ này tôi đều dùng qua ít nhất đôi lần, riêng việc dặt trúm tôi có biết đôi chuyện hay hay. Số là trong xóm tôi có nhiều người dặt trúm, tất cả đều dùng mồi cua chết phơi nắng cho có mùi hôi thúi. Bỗng nhiên một ông thợ dặt trúm trong xóm bắt được quá nhiều lươn, ông giấu kỹ nhưng rồi mọi người cũng biết, chỗ nào ông ấy đã dặt trúm thì hầu như không còn lươn nữa. Những người khác theo dõi và khám phá ra sự bí mật: mồi cá mồi Sumaco, đúng ra là mùi đầu ô-liu đã hấp dẫn mấy chú lươn hơn mùi cua.

Tre, trúc, lồ-ô... còn đặc dụng trong việc làm cần câu, đây cũng là chuyện đáng đã cập. Câu cá lông tong, cá thối, cá chốt, cá rô, cá sặc... nói chung là các loại cá nhỏ thì cần

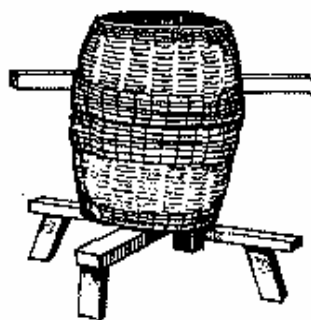
phần ngọn của một cây trúc nhỏ, nhẹ, cầm lâu không mỏi tay. Câu cá hay câu giăng để bắt cá lớn hơn như cá lóc, cá trê... đôi hồi cần câu chắc chắn hơn, thường là nhánh tre gai. Câu rô sử dụng cần câu lớn và dài nhất, nguyên cây nứa, lồ-ô hay trúc. Cần câu cá hay trụ câu giăng làm bằng những nhánh tre gai có cái lợi chắc và dẻo, đủ chống lại sức lôi kéo của cá, nhưng bắt tiện ở điểm nhánh tre cong queo choán rất nhiều chỗ, vác lên vai hay chõ bằng xuống ba lá chỉ giới hạn trong khoảng năm, ba chục cần. Sau này các thợ câu nẩy ra sáng kiến dùng cọng tre tròn cạnh như một rễ đang nói trên thay thế, đoạn chót cùng của cọng tre nối với dây và lưới câu được chuốt bỏ phần ruột, chỉ chừa phần da mỏng và giẹp để tăng cường tính dẻo dai. Với loại cần câu cá mồi, nhỏ, thẳng và gọn, một người có thể mang đến hơn trăm cần.

Ở lãnh vực tiểu công nghệ, đương

DỤNG CỤ NHÀ NÔNG



cái quạt lúa



cối xay

(đan) các vật dụng bằng tre là công việc nhẹ nhàng, dễ làm và có thể làm tại gia lúc rỗi rảnh, thích hợp với đời sống người Việt ở thành thị lẫn nông thôn. Nông dân đan giỏ sau mùa cấy và trước mùa gặt, thời gian giữa hai mùa lúa hoặc mùa nước nổi, dân thành thị thì sau giờ làm việc hoặc cuối tuần. Phụ nữ có thể vừa coi con hay làm công việc nhà xen kẽ. Đan bồ lúa, giỏ cần xé, bội đựng trái cây, rau cải, bội nhốt cầm thú... không cần giới tay nghề, trẻ con cũng làm được. Đan thùng giã, thùng giã, giỏ xách, vật dụng trang trí, hàng hóa xuất cảng... cần thợ chuyên môn, khéo tay. Trước năm 1975, tôi có đi xem một xưởng làm vật dụng bằng tre xuất cảng ở Gia Định, công việc được cơ giới hóa một phần với máy chế, đưa một cây tre nửa hay tre lồ-ô vào một đầu máy, đầu kia nhận được nhiều cọng nhỏ thật

đều, ít bị hư hỏng so với công việc làm bằng tay. Xưởng còn có máy đan mảnh mảnh (sáo) để chế nạng của số. Xã Xuân Thới Sơn quận Hóc Môn có hơn ba ngàn người quanh năm sống bằng nghề đan giỏ và vật dụng bằng tre.

Trong kỹ nghệ tre là nguyên liệu làm bột giấy quan trọng hàng thứ nhì sau cây thông ba lá, ngoài ra còn có thể dùng làm tơ sợi nhân tạo. Tổ tiên ta từ lâu đã biết hầm tre làm bột giấy, chế biến nhiều loại giấy bản và giấy huyên. Nói đến lãnh vực kỹ nghệ là phải nói đến tài nguyên và tính cách khả thi của đồ án. Việt Nam có khoảng 400.000 mẫu tây rừng tre nứa, trong số này chừng 250.000 mẫu tọa lạc ở miền Bắc. Ở miền Nam rừng tre nứa ở rải rác khắp các khu vực Ban Mê Thuột, Sông Bé, đèo Blao, Dầu Tiếng... Ba khu rừng tre quan trọng nhất là: Tỉnh Phước Long gần khu ba biên giới với khoảng 50.000 mẫu lồ-ô; trên đường từ Lạc Thiện đi Đà Lạt có 10.000 mẫu lồ-ô và vùng Thọ Lâm thuộc tỉnh Quảng Nam với khoảng 10.000 mẫu. Trữ lượng tài nguyên và đất hoang của ba khu vực vừa nêu trên cho phép thiết lập ở mỗi nơi một nhà máy làm bột giấy cỡ nhỏ sản xuất chừng 10.000 tấn bột giấy trở lại mỗi năm. Tỉnh trung bình mỗi mẫu rừng cho 4 tấn tre làm ra 1.3 tấn bột giấy (1/3) thì chỉ trong một năm cái nhà máy giấy sản xuất hết cả khu rừng lớn hơn 10.000 mẫu, thế nên muốn cho nhà máy có đủ nguyên liệu hoạt động lâu dài và liên tục phải nghĩ đến kế hoạch trồng 100.000 mẫu rừng tre trong 6 - 7 năm, năm thứ sáu là có thể bắt đầu khai thác khu rừng đầu tiên. Trồng tre gây rừng vất vả hơn trồng các loại thảo mộc khác, do hạt tre tương đối hiếm, có cây tre cả đời chẳng thấy trổ hoa. Trồng tre từ hạt lại rất chậm. Nạn phương cách hữu hiệu nhất là bứng gốc tre rừng đem dăm và cho phát triển trong vườn, đợi tre lớn tới tầm cỡ nhất định mới dời ra rừng. Công việc bước đầu tuy cực nhọc nhưng cứ tưởng tượng mỗi mẫu rừng ở vào năm thứ ba có thể cung ứng hàng năm 100 mét măng và 1.000 cây tre, nhất phá sơn lâm nhĩ dâm hà bá, lợi tức thật không nhỏ, một vốn mười lời, xứng đáng để đầu tư.

Nhân tiện cũng nói qua về măng tre, tươi hoặc khô, dùng làm các món ăn hay đóng hộp xuất cảng. Theo cách nấu nướng của má tôi thì giờ heo, thịt

rừng, xương vịt sau khi đã lấy tiết và lóc thịt làm tiết canh... được hầm với măng le, nấu nướng theo kiểu đồ rừng, dùng măng le là măng rừng mới đúng cách. Làm dưa chua hay muối chua với măng le thì hương vị đậm đà hơn các loại măng khác. Măng le bày bán nhiều nhất, theo như tôi được thấy là ở chợ Bào Lộc, nguyên một dãy mấy chục sạp dài, đủ loại, nhiều không biết cơ man nào mà kể. Thịt bò, heo, gà, vịt, mực, cá, tôm... xào măng đều là những món ăn ngon, măng Mạnh Tông cũng, giòn, măng tre Tàu mềm, tùy theo ý thích mỗi người. Làm gói, không thường xuyên, má tôi chỉ dùng phần ngon, thật non của măng Mạnh Tông. Nhưng không phải ai cũng theo cách của má tôi. Ba tôi chỉ ăn măng tầm vòng, nhỏ, cứng và đắng, ba tôi ăn ít và thích những món đắng như khổ qua, rau đắng đất, lá sầu đâu. Một vị thầy của tôi, thầy Trục, chỉ ăn Mạnh Tông, bất kể hầm, xào hay gói, thầy chê măng le hôi, chê măng tre Tàu mềm. Chú Năm tôi chỉ húp nước, không ăn xác măng, chú bị chất xơ cào ruột làm chướng bụng, khó chịu.

Cây tre quả là một thực vật hữu dụng, từ gốc (làm bàn chải tắm gia súc) tới thân (làm kèo cột nhà và đủ thứ vật dụng) cho đến ngọn (làm cần câu, chẻ lạt), từ khi còn non trẻ (măng) tới khi già lão. Ngay lá tre cũng có nhiều công dụng như cho trâu bò ăn, gói bánh (nhiều loại tre có lá lớn như tre Vầu) hoặc chữa bệnh kinh nguyệt ra mãi không ngừng, bệnh sốt cấp tính, miệng khô khát.

Có bao nhiêu thứ, loài tre? Tuy chưa có con số thật chính xác, nhưng kể sơ sơ thì dòng họ nhà tre ở Việt Nam có tới mấy chục thứ: Tre gai, tre mỡ, tre le, tre trinh, tre bương, tre ngà, tre hoa, tre vầu, tre vàng, tre dây, tre sọc, tre trở, tre Xiêm, tre Tàu, tre Mạnh Tông, tre lá ngà, tre lim, hóp, tre lá ngắn, tre ống diều, tầm vòng, sặt, nứa, lồ-ồ, giang, trúc... Rồi mỗi thứ lại còn nhiều loài như trúc thì có trúc điệp, trúc vương, trúc hóa long, trúc sào, trúc đuôi gà, trúc thảo, khúng trúc, trúc cong, hóp thì có hóp gai, hóp cần câu, tre Mạnh Tông thì có Mạnh Tông râu, Mạnh Tông nằm, Mạnh Tông hoa to...

Sau đây là mấy loại tre thường gặp nhất. Tre Tàu cao tới hai chục thước, bề kính tới một tấc, lá lớn, măng ngon, được trồng ở khu vực phụ cận thủ đô Sài Gòn như Hóc Môn, Gia Định, Lái Thiêu. Tre Mạnh Tông, hình thể tương tự tre Tàu nhưng lá nhỏ hơn, măng hơi cứng và giòn hơn măng tre Tàu. Tre Tàu và Mạnh Tông được

trồng chủ yếu để lấy măng. Tre Le, không trồng mà mọc hoang từng bụi trong các rừng thưa, ẩm ướt. Tre Le chỉ cao tới ba thước, măng nhỏ cỡ ngón tay, dễ ăn lại rẻ tiền, chỉ cần luộc sơ, muối hay làm dưa chua là có thể ăn được, nên măng Le tiêu thụ nhiều hơn các loại măng tre khác. Măng ăn được còn có luồng, vầu, trúc cần câu, trúc sào...

Lồ-ồ, mọc hoang thành rừng ở miền Đông có lẽ là loại tre nhiều nhất ở miền Nam Việt Nam. Cây cao tới hai chục thước, lóng dài và mỏng, bề kính sáu phân tới một tấc hai, ít nhánh.

Nứa, mọc hoang ở rừng, thường lẫn lộn với lồ-ồ, cơm mỏng, nứt ra và rất bén.

Lồ-ồ và nứa là nguyên liệu làm bột giấy tốt nhất trong các loại tre.

Tre gai như đã nói đến ở đoạn đầu bài, nhánh có gai um tùm, thích đất phù sa ẩm, cao tới ba chục thước, lóng dài, bề kính khoảng một tấc, chín phần bọng, một phần đặc, măng ăn được nhưng không ngon bằng tre Tàu hay Mạnh Tông. Tre gai thường được trồng ở nông thôn, quanh nhà, làng mạc để làm hàng rào. Thân tre gai rất hữu dụng, hầu hết các vật dụng, dụng cụ của nông gia đều làm bằng tre gai này.

Tre mở sừng trơn, ít nhánh, nhỏ hơn tre gai, măng đắng, hay được trồng chung quanh với tre gai trong các hàng rào.

Ít phổ biến hơn có tre vàng, vỏ vàng nhạt đôi khi thêm sọc xanh, không gai, ít nhánh, bề kính tới bảy phân, cao tới mười lăm thước, trồng làm kiếng.

Tầm vòng, thân nhỏ dày và chắc, bề kính tới năm phân, cao tới mười lăm thước. Có hai loại: Tầm vòng đá gần như đặc ruột, dẻo dai, rắn chắc, dùng khiêng gánh các vật nặng. Tầm vòng mỡ, ruột bọng hơn, trồng làm ranh đất hoặc hàng rào.

Trúc là loại tre nhỏ, mỏng cơm, cao chừng mười tới mười hai thước, dùng làm cần câu, chẻ ra đương rổ, xách tay.

Tre dây, leo như dây leo, dài tới bốn chục thước, ở rừng rậm và cao, trở bọng hằng năm, trái lớn bằng viên đạn cu li.

Vì gần gũi với đời sống con người nên cây tre đã tự nhiên đi vào văn minh của nhân loại. Thời chưa có giấy mực, người tiền sử khác hoặc viết chữ trên vỏ cây tre. Ngày nay cứ vài mươi bức tranh, ảnh mà tôi được xem thì trong số đó ít ra cũng có một bức với hình cây tre, măng tre, cành tre hay lá tre.

Tôi nhớ lúc nhỏ có người đổ tôi một câu như thế này:

*Ông già ông chết đã lâu
Con mất thao lao hàm râu vẫn còn.*

Đó xuất mộc, hỏi là cây gì? Đó là gốc tre, vậy mà lúc ấy tôi nghĩ mãi không ra, đành phải chịu thua.

Lại có một cặp thanh niên nam nữ trong làng tôi yêu nhau tha thiết, chưa tới ngày cưới thì cô gái bị bệnh trái rạ, mặt cô nổi lên rất nhiều trái, khi lành bệnh cô bị rổ chằng rổ chịt, xấu đi một cách thê thảm, kẻ xấu miệng ngạo cô, té vô thùng đình, nói mặt cô là cái ổ ong. Cô biết thân và tủi phận, xin hủy bỏ hôn ước, nhưng người yêu cô đổi tình ra nghĩa, cương quyết thành hôn với cô. Họ cưới nhau và sống chung rất hạnh phúc, nếu có ai gièm pha thì người chồng trả lời rằng: vợ đẹp là vợ người, vợ xấu mới là vợ của mình, có khi người chồng đáp lễ bằng câu ca dao:

*Củi tre dễ nấu
Con vợ xấu dễ xài
Bạn ơi mê chi con vợ đẹp
Cho nó đọa đày cái tấm thân!*

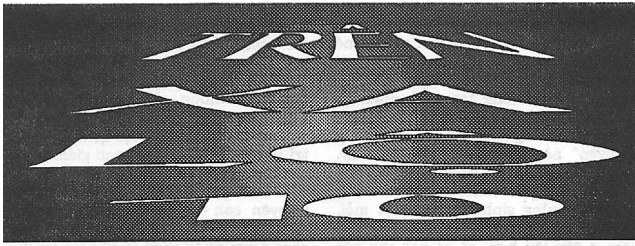
Tôi cũng không quên những lời ru con thật què mùa, chất phác:

*Àu ơi, ví dầu cần ván ở ở đóng đình
Cầu tre lắc lẻo ở gập ghềnh ở khó đi
Khó đi mẹ đất con đi
Con đi trường học ở mẹ đi trường
đời...*

Hoặc đôi lời giao duyên ý nhị giữa trai và gái:

*Gió đánh cành tre, gió đập cành tre
Chiếc thuyền anh vẫn le te đợi nàng
Gió đánh cành bàng, gió đập cành bàng
Dừng chèo anh hát cô nàng hãy nghe...*

Ở đây, trên đất Gia Nã Đại, mỗi lần nhìn thấy một cụ ông, cụ bà, râu, tóc bạc phơ, miệng móm sòm, chơi đùa hoặc dạy dỗ các thiếu nhi cháu chắt là tôi liền tưởng ngay đến hình ảnh cây tre già lão bên cạnh mục măng tràn đầy nhựa sống vừa nhú lên khỏi mặt đất, cái cảnh trí thường được gọi là "Tre Già Măng Mộc". Sự liên tưởng của tôi không dừng lại ở đó, nó tiến xa hơn vào miền đất quá khứ, nơi quê nhà, những buổi chiều xa xưa, ông nội tôi thường dẫn tôi đi dạo mát dọc theo con đường làng quê, hai bên đường là lũy tre rợp bóng, có tiếng trở mình của thân tre, có tiếng gió lay động lá tre xào xạc, rì rào. Đó là một trong những hình ảnh quen thuộc của quê hương chưa phai mờ trong tiềm thức tôi ●



. Trương Anh Thụy

Oáo Oáo Oáo Oáo Oáo...

Chiếc xe cảnh sát lao mình rượt theo chiếc Toyota nhỏ màu bạc trên xa lộ "10 East", cách lối rẽ vào tỉnh Port Arthur, phí Đông Houston, Texas, chừng 500 thước. Hai chiếc đèn trên mũi xe quay tít, phóng những tia sáng xanh đỏ, loang loáng sáng rực một vùng trời tối đen.

Chiếc Toyota từ từ chậm lại, lượn vào lề đường, dừng hẳn. Xe cảnh sát lượn vào theo, dừng ngay sau xe Toyota, hụ một tiếng cuối cùng, chưa dứt tiếng đã chìm ngấm, nghe gầm gừ tức tối.

Các xe trên xa lộ chậm hẳn lại, người lái liếc sang chiếc Toyota ái ngại. Cửa xe cảnh sát bật mở. Một nhân viên cảnh sát trong bộ đồng phục, nai nịt gọn gàng, oai vệ bước ra. Trên chiếc thắt lưng da to bản, đeo linh kính những súng lục, dùi cui, công tay, walkie-talkie v.v... Ông ta tiến lại chiếc Toyota. Người lái xe đã hạ kính xuống, chờ đợi... Viên cảnh sát khom mình, rọi đèn pin vào trong xe. Ông ta chào người lái, một thiếu nữ Á Đông, bằng tiếng Mỹ:

- Xin chào cô.

Cô gái rụt rè trả lời bằng tiếng Mỹ:

- Dạ, chào ông.

- Cô có biết tại sao tôi ngừng xe cô lại không?

- Thưa ông không.

- Suốt dọc xa lộ này có bảng đề "Giới hạn tốc độ 55 dặm một giờ", cô đã đi trên 70 dặm.

- Thật ạ! Tôi không dè tôi đã đi nhanh như vậy.

- Xin cô cho xem bằng lái xe và giấy tờ đăng ký.

Cô gái móc ví lấy ra một xấp các ngăn làm bằng nhựa trong, chứa đủ cả: bằng lái xe, thẻ tín dụng VISA, Master Card, thẻ đăng ký xe, danh thiếp tiệm uốn tóc, tiệm quần áo, danh thiếp cá nhân...

- Thưa ông đây.

- Xin cô làm ơn lấy ra, đưa cho tôi bằng lái xe và thẻ đăng ký thôi.

- Vâng, thưa ông đây.

Viên cảnh sát đem giấy tờ về xe. Cô gái ngồi chờ. Nhìn đồng hồ trong xe chỉ sáu giờ rưỡi. Năm phút, mười phút, ... - Cô gái bắt đầu nóng lòng, ngồi đếm phút - "Sao thời gian đi chậm thế!" - Bên ngoài dòng xe chạy vèo vèo. Nàng biết các xe kia đã chậm lại khi thấy xe cảnh sát và xe nàg đậu ở đây, nhưng chiếc xe Nhật mòng manh của nàng vẫn bị rung rinh mỗi khi một chiếc xe vận tải, hay ngay cả xe du lịch cỡ lớn chạy qua...

- Cô đi đâu mà vội thế? - Viên cảnh sát nói bằng tiếng Việt rành rẽ. Cô gái giật mình, viên cảnh sát trở lại tự bao giờ? Cô ngược nhìn mới hay anh ta có khuôn mặt Á Đông. Ngay miệng túi áo có đeo bằng tên "Chanh Nguyen".

- Ừa! Anh cũng là người Việt à? Thế mà nãy em không nhìn.

- Vâng, tôi cũng là người Việt. Nhưng cô chưa trả lời câu hỏi của tôi.

Cô gái bẽn lèn:

- Em có hẹn với anh bạn mà em bị trễ. Hôm nay sinh nhật anh ấy, chúng em hẹn nhau đi ăn mừng.

Viên cảnh sát nhìn qua ghế bên tay phải cô gái, thấy một túi lớn, để hở một phần chiếc hộp gói giấy hoa, buộc nơ. Anh đoán ngay là cô này vừa đi mua bán ở Houston về.

- Anh bạn của cô thật có phước. Tôi có cô bạn gái, cô ta là người Mỹ mà cứ coi sự trễ hẹn như không có chuyện gì. Tôi hy vọng anh bạn cô sẽ mừng thấy cô tới nơi bình an, thay vì giận cô đã trễ hẹn.

- Vâng, cảm ơn anh - Cô gái nhìn lên, cặp mắt mờ to, dò ý. Cô ngập ngừng

- Anh... tha cho em lần này chứ?

- Thôi được, tôi cho cô nợ lần này, nhưng tôi sẽ nhớ cô. Nếu để tôi bắt được cô lái "over the speed limit" (quá giới hạn tốc độ) lần nữa là có chuyện đó nghe.

- Vâng, cảm ơn anh lắm.

- À này, cô ở Port Arthur chắc cô phải biết vụ du đảng Việt Nam giết nhau, xảy ra cách đây mấy tuần nhỉ?

- Dạ có chứ. Ghê quá! Cách nhà em mấy đường à. Viên cảnh sát ngẫm nghĩ:

- Tôi mới được đổi tới đi "patrol" (đi tuần) ở vùng này nên chưa rành. Cô có thể giúp tôi được không?

- Giúp thế nào thưa anh?

- Nếu thấy, hoặc nghe có gì khác lạ quanh lối xóm, thì kêu cho tôi ngay.

- Dạ chắc được chứ. - Cô gái sốt sắng - Em cũng có hai thằng em, chúng cũng có nhiều bạn nên biết nhiều chuyện lắm.

- Thế thì tốt quá. Đây là "business card" (danh thiếp) của tôi. Xin cô kêu số thứ nhất trước, không được thì kêu số này.

- Cảm ơn anh lắm. Thế, bây giờ em đi được chưa?

- À xin lỗi. Tôi quên là cô vội. Nhưng cô cũng vẫn phải lái chậm chậm nhé. Nếu anh bạn cô bỏ đi, thì cũng kêu cho tôi biết.

- Để làm gì chứ?

- Tôi sẽ giúp cô đi kiếm anh ta.

Hai người cười vang. Người đi trên các xe ngoài xa lộ ngó lại, ngạc nhiên.

Trang vừa bước ra khỏi tiệm chụp phỏ Việt Nam, tắt tời đi vội lại chỗ đậu xe, chợt có tiếng ai gọi đằng sau:

- Cô Trang! Cô Trang!

Trang quay lại. Thì ra anh chàng cảnh sát đã bắt cô trên xa lộ số "10", cách đây mấy tháng.

- Ừa! Anh làm gì ở đây?

- Thì tôi đã nói là tôi phải đi "patrol" ở vùng này mà. Sao lâu quá không thấy cô gọi?

- Không có chuyện gì thì gọi làm chi? Hình như từ bữa xảy ra vụ thanh toán đó, cảnh sát bỏ rập dữ quá hay sao, không thấy chúng quấy phá nữa. Lối xóm cũng được yên.

- Có lẽ tại có tôi "patrol" ở vùng này nên chúng sợ đó mà.

- Có lẽ thế. Tại vìa anh dữ quá!

- Nói chơi cho vui thôi. Đừng kể ai nghe người ta bảo tôi làm tàng. - Chánh liếc nhìn túi giấy trên tay Trang - Bữa nay lại đi mua quà Tết tặng bố hả?

- Đâu có. Tụi này chia tay nhau rồi.

Chánh ngạc nhiên:

- Sao vậy? Không phải lỗi tại tôi giữ cô lại quá lâu bữa đó chứ?

- Không có đâu, tại nhiều lý do khác.

- Có vài lần tôi muốn gọi Trang mà sợ gia đình phiền.

- Anh cứ gọi, không sao đâu. Người Mỹ gọi tới nhà mới là vấn đề.

- Thế anh bỏ kia là người gì?

- Là người Mỹ. Cả nhà phản đối. Không phải chống gì người Mỹ nhưng ông bà ngoại cho là nhà mình theo phong tục cổ truyền, để người Mỹ vô nhà, họ không theo được.

Chánh an ủi:

- Cha mẹ Việt Nam nào cũng vậy hết cô Trang à. Nhưng mà thời buổi này con cái còn nghe lời ông bà cha mẹ như cô là hiếm lắm.

- Cũng tại gia đình có lý nên em phải nghe.

- Bữa nào đi qua nhà, cho phép tôi ghé thăm được không?

- Được chứ. Anh cứ ghé đi. Hai thằng em em được nói chuyện với cảnh sát chắc thích lắm đấy. Chúng chỉ mơ sau này được đi lính cảnh sát.

- Hình như lúc nãy cô vội đi đâu? Tôi làm cô trễ một lần nữa. Xin lỗi.

- Không sao. Em đi mua ít đồ cúng Ông Táo cho bà ngoại, xong rồi - Vừa nói Trang vừa bước lên xe.

Chánh nói vói theo:

- Hồi này có lái xe đảng hoàng không đó?

- Đảng hoàng chứ. Sở cảnh sát có thường người lái xe đảng hoàng không?

- Không, nhưng tôi sẽ thưởng riêng.

- Nhớ đó nghe! - Vừa nói Trang vừa rỏ má, từ từ lái ra khỏi bãi đậu.

Chánh bước vào sở với cảm giác vừa náo nức, vừa lo lắng. Hôm nay chàng phải thi nói tiếng Việt. Sở cảnh sát khuyến khích nhân viên gốc Việt của họ bảo tồn và trau dồi tiếng mẹ đẻ, để sử dụng trong việc tiếp xúc với người Việt trong vùng. Không ai ngờ tiếng Việt của mình lại có ngày quan trọng đến thế. Để lời cuốn nhiều người tham gia vào chương trình này, sở cảnh sát ban thưởng cho những ai thi nói tiếng Việt khá. Phần thưởng là một món tiền phụ trội vào lương hàng tháng. Món thưởng hấp dẫn đến nỗi ngay như nhân viên có được tăng lên một trật, cũng không bằng.

Các thí sinh được giải thích thủ tục thi như sau: Họ sẽ phải qua một cuộc thi vấn đáp, theo hình thức phỏng vấn. Mức cao nhất là "5" dành cho người được coi là "người sinh ở Việt Nam có học thức", mức 0+ dành cho người chỉ nói được vài chữ rời rạc... Tiêu chuẩn để thi đậu lấy thưởng là "2" trở lên. Mặc dù được giải thích, con số "2" vẫn chẳng có ý nghĩa gì đối với các thí sinh. Cả tháng nay họ xôn xao, bàn tán. Không ai muốn tự nguyện được ở mức "2" người ta phải nói tiếng Việt như thế nào, và giám khảo sẽ hỏi họ về gì. Hỏi dò thì ông xếp của họ nói, đây chỉ là cuộc nói chuyện tự nhiên, không sắp xếp, do đó chính ông cũng không thể biết trước giám khảo sẽ hỏi những câu gì. Người thì lo nếu giám khảo hỏi gì về Việt Nam thì họ có thể trả lời, vì họ xa nước đã lâu. Người khác cho rằng dù gì mình cũng là người Việt, trước khi qua Mỹ cũng đã học tới lớp 9, 10, 11... thì không thể gọi là vô học. Gặp phải câu hỏi cao xa họ cũng có thể xoay xở được. Riêng Chánh, cảm nghĩ của chàng không thuần nhất. Có lúc chàng rất nản, nghĩ mình không cách gì biết đủ tiếng Việt để trả lời một cuộc phỏng vấn. Lúc khác lại nghĩ, giữa Việt Nam với nhau, chắc ông hay bà thầy nào đó cũng sẽ biết cách hỏi theo chiều hướng hiểu biết của thí sinh, làm gì không biết đáp được... Nhưng nghĩ tới nghĩ lui như vậy, chàng vẫn không dứt bỏ được một giấc mơ. Đã từ lâu, ít nhất từ ngày vào làm cảnh sát, chàng luôn luôn ước mơ đến ngày được lãnh lương khá hơn, mẹ chàng sẽ khỏi phải đi làm. Nhưng theo luật, một cảnh sát mới, phải đợi năm năm mới được thi lên trật. Vậy là còn lâu mới có ngày đó. Đang không biết làm thế nào, thì chuyện thi tiếng Việt xảy ra.

Ngay từ ngày sang Mỹ, mẹ Chánh đã phải đi làm để nuôi con ăn học và giúp chồng học lấy một nghề. Khi cha đã có việc làm, mẹ lại tiếc rẻ nói: "Ráng đi làm thêm ít năm nữa, để dành mua một căn nhà nhỏ có vườn cho con nó chơi. Ở chung cư con bị tù túng tội nghiệp". Mẹ chàng làm nghề lắp ráp (assembly) với đồng lương tối thiểu. Bà phải dậy thật sớm để đi chung xe với người ta. Công việc trong "hãng dây chuyền" này đều đều như cái máy. Người làm ở đó không có nhu cầu nói, cười, suy nghĩ... Riết rồi tâm thần người ta cũng sinh ra ù lì, mệt mỏi, bần cùng. Chánh lo, nếu mẹ chàng làm ở đây lâu hơn, sẽ có hại cho sức khỏe. Chánh định dịp này được thêm chút lương, chàng sẽ nhất quyết xin mẹ nghỉ.

Chàng chưa dám nói với mẹ, sợ quá sớm, nhưng chàng đã đem ý định này ra bàn với cha và được ông tán thành ngay.

Càng mong con thi đậu tiếng Việt, cha của Chánh càng la mắng chàng, tại sao không chịu trau dồi tiếng Việt mỗi ngày, lại để đến phút chót. Nhưng nghĩ cho cùng, chính tại cha mẹ chàng không bắt con nói tiếng Việt. Mấy năm đầu ở Mỹ, cha mẹ chàng phải vật lộn với đời sống hàng ngày. Chánh đi học, cha mẹ đi từ sáng sớm đến tối mới về. Chánh phải cố gắng học tiếng Anh để theo kịp bạn Mỹ cùng lớp. Riết rồi chàng quen nói tiếng Anh cả với cha mẹ, mà ông bà không để ý.

Cha mẹ hỏi bằng tiếng Việt, chàng trả lời bằng tiếng Anh. Sau vài năm đã thành nếp. Một ngày cha mẹ chàng nhận thấy con mình đã bỏ không nói tiếng Việt, ông bà la chàng thì đã trễ. Hơn năm nay, cha mẹ nói mãi chàng mới tập nói tiếng Việt lại. Tới nay đã nói được những chữ dùng thường ngày. Còn những vấn đề chuyên môn hay cao xa một chút, chàng phải nói chêm tiếng Anh vào.

Hồi ở nhà, cha của Chánh dạy trung học nên Chánh được cha truyền kinh nghiệm cho, là đối với giám khảo, một thí sinh đi thi

phải biết cách gây ấn tượng tốt với ông thầy hay bà thầy ngay từ phút đầu. Nghĩa là phải ăn mặc đàng hoàng, nói năng lễ phép... Hôm nay chàng đã dậy sớm hơn mọi ngày, tắm rửa sạch sẽ, mặc bộ đồng phục mới nhất, chải đầu kỹ càng, xít chút keo cho tóc thành nếp dọn sóng... Chàng đứng trước gương, tập nói tiếng Việt một mình, tập nở nụ cười duyên dáng...

Sáng nay ở sở, vừa bước vào phòng thi Chánh ngạc nhiên chẳng thấy ông hay bà giám khảo nào. Căn phòng nhỏ hẹp người ta dùng tạm làm phòng thi, bày vồn vện một chiếc bàn vuông nhỏ, một chiếc ghế, một cái máy điện thoại. Bốn bức tường trống trơn. Chàng đoán được sự ngạc nhiên của Chánh, cô thư ký cất giọng: Giám khảo không có mặt ở đây, nhưng tôi sẽ gọi ông ấy bây giờ, ông ta sẽ phỏng vấn anh qua điện thoại. Khi nghe tôi gõ vào tường ba tiếng thì anh nhắc điện thoại lên nói chuyện với ông ta, nghe... Nói xong cô ta bỏ đi luôn, không đợi chàng phản ứng. Chàng cảm thấy lúng túng vô cùng. Một cuộc phỏng vấn, một cuộc thi vấn đáp trong điện thoại! Thật là thất cách! Thường thường người ta thông cảm nhau hơn khi được trực diện đối thoại, đang này ngồi trước cái điện thoại lạnh ngắt, vô tri vô giác thế kia, làm sao giám khảo và chàng có thể hiểu nhau được?

Từ bữa ghi tên thi, cha Chánh đã khuyên con nên bắt đầu nghĩ bằng tiếng Việt. Chàng đã làm theo, nhưng chàng vừa nhận thấy là từ lúc vào văn phòng thi này, bao nhiêu điều chàng nghĩ, chàng đều không biết bằng tiếng Việt là gì. Thí dụ các chữ "thất cách", "thông cảm", "trực diện", "vô tri, vô giác"... Chàng nghĩ mình thật liều, sao dám dự thi...

Đang miên man suy nghĩ, bỗng có ba tiếng gõ trên tường. Chàng nhắc ông điện thoại:

- A-lô

- Chào ông, ông đang ở đâu đó?

Chánh ngạc nhiên, "Câu hỏi gì kỳ cục?", - Chàng nghĩ - "Ông này không cả biết chàng đang ở đâu".

- A-lô. Chào ông. Ông còn ở đó không?

Chánh giật mình, lắp bắp:

- Dạ! Dạ tôi, dạ em, à xin lỗi, cháu có đây ạ.

- Ông đang ở đâu?

- Cháu đang ở Houston, Texas.

- Nghe giọng ông còn trẻ lắm, hình như ông còn ít tuổi, phải không?

- Dạ! Dạ! Cháu còn nhỏ tuổi.

- Ồ, thế thì tôi gọi bằng cậu cho trẻ nhé?

- Dạ! Dạ được.

Chánh bắt đầu nhận thấy ông này nói tiếng Việt với giọng hơi lạ. Ông ta có vẻ đứng tuổi. Nói giọng Nam rất rõ, nhưng vẫn không giấu được một chút lơ lơ của người ngoại quốc.

- Thế cậu sinh ở đâu?

- Dạ, cháu sinh ở Việt Nam, ở Biên Hòa.

- Thật hả! Bây giờ cậu tả sơ qua Biên Hòa cho tôi nghe đi.

- Dạ! Dạ! Cháu thú thật, cháu không còn nhớ gì, cháu đi từ hồi còn nhỏ.

- Ồ! Ông quá nhỉ? Quê hương mình mà không nhớ rồi sao làm sao về thăm? Thôi để tôi hỏi chuyện ở Mỹ vậy nhé!

Cộng đồng Việt Nam ở Houston có lớn không?

- Dạ lớn lắm.

- Những người Việt qua định cư ở Houston từ 75 đã an cư lạc nghiệp chưa?

Im lặng.

- Sao vậy? Cậu còn ở đó không?

- Dạ! Dạ có. Nhưng... cháu không hiểu câu "an... lạc..." gì đó!

- À thôi! Chắc là cậu không quen nói về chuyện Việt Nam.

Bây giờ ta nói chuyện nước Mỹ vậy nhé. Ở Mỹ hiện nay có vấn đề gì lớn nhất?

Chánh mừng quá, thấy được câu hỏi từ, vội trả lời:

- Dạ "economic" (kinh tế) ạ.

- À hay lắm! Nhưng cậu ráng nói tiếng Việt đi nhé. Những chữ tiếng Anh cậu chêm vô, tôi không thể coi là tiếng Việt được.

- Dạ!

- Theo thống kê thì tỷ lệ thất nghiệp tại nước Mỹ là bao nhiêu?

Chánh ngồi lặng người, "Thật là mình tự đào huyệt chôn mình. Ai khiến đi nói những chuyện không có đủ chữ để nói" -

chàng tự nhủ - Mồ hôi toát ra. Chàng lấy khăn ra lau trán, ngỡ ngỡ ngàng:

- Dạ, "thống kê" là gì, cháu không hiểu?

- Thôi để tôi giúp cậu lần này nhé! "Thống kê" là statistics.

- Dạ. Theo "survey" (thăm dò) thì vào khoảng 6,8%. Nhưng một "source" (nguồn tin) khác lại nói là có rất nhiều người chỉ làm "part time" (bán thời gian) không đủ sống, nhưng không được coi là người "unemployed" (thất nghiệp). "Survey" này từ đầu năm, cháu không biết có còn "valid" (hiệu lực) không?

- À cậu có vẻ hiểu biết về vấn đề kinh tế nhưng khi nói, cậu pha tiếng Anh nhiều quá, như vậy làm sao tôi chăm điểm đây? Tôi đâu có cho điểm cậu về kiến thức kinh tế được.

Thôi để tôi hỏi cậu vấn đề khác nhé. Ở Mỹ, vai trò của lập pháp là gì?

- Dạ, cháu không hiểu chữ "lập pháp" gì đó. Cháu có thể nói và hiểu tiếng Việt với những chữ tầm thường, dùng hằng ngày thôi.

- Thôi được rồi, để tôi hỏi cậu cái này thật dễ nhá! Bây giờ đồng hồ dưới đó đang chỉ mười một giờ mười lăm, phải không?

Chánh lúng túng. Sực nhớ đồng hồ của chàng hết pin từ hôm qua, sáng nay bận lo đi thi, chàng chưa kịp mua. Nhìn chung quanh chẳng thấy chiếc đồng hồ nào, nhưng chàng có cảm tưởng mình đã ngồi đây lâu lắm rồi, chàng trả lời đại:

- Dạ phải.

- Thôi, để tôi hỏi qua chuyện khác vậy. Kiến cô có phải là loại kiến hay đốt người không?

- Dạ! Thưa, "kiến cỏ" là gì ạ?

- Kia? Sao cậu bảo nói những chữ tầm thường thì cậu hiểu?

- Dạ, tầm thường nhưng cháu phải thấy hay nghe nói đến thường ngày cơ. Cháu chưa nghe ai nói "kiến cỏ" bao giờ.

- Thế ở đây cậu chưa thấy cái đồng hồ sao?

- Dạ có chứ.

- Thế tại sao lúc mười rưỡi tôi hỏi có phải dưới đó đồng hồ chỉ mười một giờ mười lăm không, cậu cũng trả lời là phải?

- Dạ, tại đồng hồ của cháu hết "battery" (pin), cháu không biết lúc đó mấy giờ.

- Trời đất! Thế thì nói là đồng hồ chết, sao lại trả lời tầm bậy để tôi tưởng cậu không hiểu "đồng hồ" là gì, hoặc không biết nói gì làm sao.

- Dạ cháu xin lỗi, cháu... không biết cháu phải làm vậy.

- Thôi đủ rồi. Cảm ơn cậu nhé!

- Dạ cảm ơn... ông.

Đặt điện thoại xuống. Chàng ngồi sững. Tự giận mình tưởng chừng có thể phát điên lên được. Nhìn bộ đồng phục mới ủi thẳng nếp trên người, nhìn đôi giày bóng lộn dưới chân, chàng thấy mình dị hợm làm sao! Chàng đẩy cửa, chạy qua phòng cô thư ký:

- Gloria, người hỏi thi tôi là người gì vậy?

- Người Mỹ. Sao? Ông ấy nói không rõ à?

- Rõ mới tức chứ! Tôi quê quá! Người Mỹ mà nói tiếng Việt như gió, còn tôi thì áp úng như ngọn ậy. Tôi giận tôi quá!

- Đừng lo. Nếu anh rớt kỳ này, sáu tháng sau anh có quyền xin thi lại mà.

- Thật à Gloria? Nhưng trong sáu tháng thì tôi học thêm được cái gì?

Tan sớ ra, Chánh không muốn về nhà gặp mặt cha mẹ ngay lúc này. Chàng không biết sẽ phải giải thích với ông bà ra sao. Nói là gặp phải giám khảo người Mỹ, nói giọng khó nghe là nói dối. Nhưng nói là thi khó quá cũng không xong, vì cũng có câu dễ mà chàng không trả lời được. Thôi nói thẳng là mình ngu cho rồi! Bao nhiêu mộng đẹp bỗng dung thành số không. Cảm giác náo nức, bề bâng bềnh trong tim chàng. Đang không biết đi đâu, sực nghĩ đến Trang, chàng nảy ra ý định ghé thăm nàng. Vừa đầu xe trước cửa nhà, chàng thấy có hai cậu bé, tuổi độ 12, 13 gì đó đang chơi ở lề đường, thấy chàng tới, liền chạy thụt vào nhà. Bước lên mấy bậc thêm. Chàng bấm chuông. Cửa mở. Trang xuất hiện.

- Ô! Chào anh. Anh ghé thăm hay có công chuyện gì không?

- Không! Không có chuyện chi hết. Tôi đi làm về ghé thăm Trang một chút thôi. Xin lỗi, tôi không gọi trước.

- Dạ không sao. Mời anh vào chơi.

Thấy hai cậu bé thập thò ở cửa bếp nhìn ra. Trang gọi hai em ra giới thiệu:

- Đây là hai em trai em: Hùng và Cường. Đây là anh Chánh. Anh là người cảnh sát bắt chị trên xa lộ số "10", chị kể cho hai em nghe rồi đó.

Chánh vội cái chính:

- Bắt đầu mà bắt. Tôi làm bộ bắt để có dịp làm quen với cô đó mà.

- Thế thì kêu bằng bắt nợ vậy. Bữa đó anh nói là cho em nợ, chờ anh có nói tha phạt đâu. - Nói vậy cũng không đúng. Phải nói là... "bắt được vàng trên xa lộ" mới đúng.

Câu nói của Chánh làm Trang bẽn lèn. Đang không biết nói gì thì Hùng, cậu lớn, sốt ruột chen vào câu chuyện:

- Tại sao anh thích làm cảnh sát?

- Thứ nhất, bề nào mình cũng cần một job (công việc làm) để sinh sống, phải không? Vậy thì làm cảnh sát là một job tốt và chắc chắn. Thứ hai, khi làm cảnh sát anh có thể "protect" (bảo vệ) những người yếu đuối. Anh thấy đây là một công việc có "challenge" (thử thách) và "meaningful" (ý nghĩa).

Ngoài ra, ở vùng này có nhiều tội ác, nhất là tội ác do chính người mình gây ra. Anh nghĩ, mình sống ở đâu cũng nên "contribute" (đóng góp) cho cộng đồng nơi mình ở.

- Xin vào cảnh sát có dễ không anh?

- Cũng tùy. Như anh thì dễ vì anh đã đánh trận "Desert Storm" (Bão Sa Mạc). Hồi đó ai ở "Desert Storm" về, muốn vào cảnh sát cũng được nhận ngay.

Cương nãy giờ nhút nhát ngồi im, bây giờ mắt sáng lên:

- Thật hả anh? Bữa nào anh kể chuyện Bão Sa Mạc cho tụi em nghe với.

- Ô, chuyện đó dài lắm, để bữa nào có nhiều thì giờ hơn anh sẽ kể cho nghe - Quay sang Trang - Cô Trang à! Cho tôi hỏi cái này hơi tò mò, nhưng tôi muốn biết tại sao cả nhà ta ai cũng nói tiếng Việt hay quá vậy? Hai cậu em này, sinh ở Việt Nam hay sao?

- Đâu có. Gia đình em qua đây từ 75. Tụi em nói tiếng Việt là nhờ được ở chung với ông bà ngoại. Mỗi ngày em phải dịch tin tức trên TV cho ông ngoại nghe. Còn hai đứa này thì chính bà ngoại dạy tụi nó chứ ai đâu. Bà ngoại bắt tụi nó vào phòng thăm ông bà mỗi tối, trước khi đi ngủ. Theo phong tục Mỹ thì mẹ hay bà thường đọc truyện cho con cháu nghe trước khi chúng đi ngủ. Đàng này bà ngoại làm ngược lại, bắt chúng nó đọc truyện cho bà nghe trước khi bà đi ngủ.

- Hay quá nhỉ! Có lẽ bà ngoại của Trang là bà thầy giỏi nhất. Cho tôi mượn bà ngoại ít bữa được không?

- Làm chi vậy anh?

- Hồi sáng tôi đi thi tiếng Việt mà bị rớt. Nghĩ nhục quá!

- Rớt thì rớt chứ việc gì mà nhục?

- Tại Trang không biết đó thôi. Người hỏi thi tôi là một ông Mỹ, nói tiếng Việt như người Việt. Vậy mà mình là người Việt lại không biết nói, Trang bảo không nhục sao được?

- Thật hả? Nhưng sao lại có chuyện thi tiếng Việt? Thi để làm gì?

- Đàng sở khuyến khích những cảnh sát gốc Việt thi tiếng Việt để lấy thưởng. Nhưng tôi biết tôi rớt rồi vì thi dở quá.

Hay... nếu mượn bà ngoại không được thì để bữa nào... xin mượn cô cháu của bà ngoại vậy, được không?

Trang đỏ mặt:

- Dạ..., em đâu có biết gì mà anh mượn.

Hùng và Cường bụm miệng, khúc khích cười.

Chiều ba mươi Tết, trên bàn thờ nhà Chánh sáng trưng đèn nến. Mùi trầm hương ngát ngào tỏa khắp nhà. Không khí thiêng liêng, ấm cúng... tràn ngập trong lòng Chánh. Trong bộ quần áo dân sự chỉnh tề, Chánh vừa huýt sáo vừa đi xuống thang gác, thấy mẹ lui húi trong bếp, chàng chạy vào ôm vai mẹ:

- Xin lỗi mà con quên không xin phép mà sớm hơn, để má khỏi nấu phần cơm con. Tối nay con không ăn cơm nhà. Đền

khuya con sẽ lên chùa hái lộc rồi về xông đất cho má luôn. Con... có hẹn với một cô...

Bà mẹ dùng tay dờ chỗ xôi vò đang bốc khói, ngẩng lên ngạc nhiên, lo lắng, dò hỏi. Chánh biết ý:

- Xin má yên tâm. Lần này là một cô tóc đen chớ không phải cô tóc vàng như mọi lần đâu má.

Bà mẹ nắm chặt hai bàn tay cậu con trai duy nhất. Bà ngược lên nhìn con, giọng run run:

- Con biết không? Con vừa nói được tiếng Việt hay quá!



Cô đã hét lên với Minh "Nhưng em yêu anh ấy cơ mà". Anh im lặng nhìn qua ô cửa sổ, ngoài kia hoa sữa bắt đầu rơi.

Mẹ cô thở dài "Rồi mày sẽ phải khổ thôi con ạ". Những nếp nhăn đến sớm hẳn lên gương mặt bà, chứng tích của một thời lam lũ. Bố cô giận dữ đặt phịch tấm thân xuống ghế, khuôn mặt ông đau đớn đến xót xa.

Cô là tất cả những hy vọng mà bố mẹ cô đã gửi gắm vào, rồi một ngày không xa, cô sẽ thành đạt, bố cô từng nói với mẹ cô như thế. Cô 17 tuổi, bố cô len lỏi khắp mọi nơi để tìm cho cô quyển sách chuẩn bị cho kỳ ôn thi sắp tới. Cả tháng lương ông dành cho cô nhân ngày sinh nhật. Cả ông bà đều cuống lên mỗi lần cô hắt hơi, sổ mũi. Biết bao nhiêu đứa phải thảm ghen với cuộc sống của cô, những tình thương bố mẹ cô dành cho cô.

- Con cần phải suy nghĩ kỹ con ạ, con còn trẻ lắm, mà cuộc đời thì con chưa hiểu hết được đâu. Mẹ cô nói, vẫn giọng điệu chậm chạp và buồn buồn.

- Khôi phải suy nghĩ gì nữa, nếu cần con cứ đưa bố ra mà lựa chọn - Ông bố quát lên.

Cô nhìn bố mẹ cô với ánh mắt van lơn. Mẹ cô quay mặt đi tránh cái nhìn của cô. Bố cô nặng nề bước vào nhà, trong dáng đi của ông đã biểu hiện tuổi già bắt đầu đến. Và cô đã khóc, khóc nhiều lắm. Cũng vì anh ấy, Tâm ơi, - Cô thầm nghĩ.

Một sáng mai thức dậy, như bao buổi sáng khác, cô mở khung cửa sổ, đón lấy không khí trong lành của một ngày mới. Gió tràn vào đẩy áp cả căn phòng cô. Cô bỗng thấy dễ chịu vô cùng và một niềm vui kỳ lạ đến khó hiểu chiếm lấy hồn cô, cô bất giác nở một nụ cười vu vơ. Người ta bảo con gái mới lớn bao giờ cũng thế, bất chợt buồn, bất chợt vui thôi. Hôm ấy, hình như trời vừa chớm sang thu, và cô bắt đầu biết yêu mùa thu, yêu những làn sóng li ti trên mặt hồ, cả mùi hương cỏm mới đùm lá sen qua lời rao mỗi sáng.

Phía dưới đường, bóng dáng quen thuộc lại đi qua, hình như anh cũng như cô, đi chậm chậm lại để được hưởng hết hương vị đầu của mùa thu mới. Gió làm rối bời làn tóc anh, anh đưa tay sửa lại, và khi anh ngược mắt nhìn những chiếc lá rơi sau đợt gió, anh bắt gặp ánh mắt cô. Anh cười, nụ cười thật rạng rỡ như chính mùa thu ấy. Từ đấy, họ quen nhau.

Sau này anh hỏi: "Em yêu anh từ lúc nào?". Cô không trả lời anh, nhưng cô thấy như đã từ lâu lắm rồi, như cả hàng vạn năm về trước, cô đã thuộc về anh. Biết bao nhiêu buổi chiều, cô len lút gặp anh sau buổi học Anh ngữ. Biết bao nhiêu lần cô

đến đợi anh ở chỗ hẹn, và cũng biết bao nhiêu lần cô nghĩ mình sẽ điên lên mất nếu anh không tới nữa.

- Nếu mày còn gặp nó, hãy đừng coi tao là bố mày - lần đầu tiên bố cô xưng mày tao với cô - Bố cô kể cho cô nghe sự đại đột của những cô bé vừa mới lớn gặp phải tên Sở Khanh. Cô đâu đại đột như thế - cô nghĩ - Cô vốn là con người có niềm tin vào bản thân mình. Không khí trong nhà ngày càng nặng nề hơn. Ôi, giá như mọi người sống chung trong một thể giới hòa đồng - cô từng khao khát về điều đó.

- Bố ơi, con van bố, mong bố suy nghĩ lại, rồi bố sẽ hiểu, anh ấy không phải là người xấu - giọng cô nghẹn đi.

- Lúc mẹ bằng tuổi con, cũng có người gửi thư cho mẹ, và mẹ nghĩ mẹ cũng thương người đó. Nhưng đến lúc gặp bố con, mẹ mới hiểu được tình yêu thật sự là như thế nào. Con đừng vì những cảm xúc mộng mơ bông bột tuổi trẻ, mà vội vứt bỏ đi mục tiêu lâu dài.

- Nhưng con vẫn học đấy chứ, con có bao giờ quên là mình cần phải làm gì đâu.

- Chỉ đến lúc sự thật phũ phàng phơi bày trước mắt mày, mày mới sáng mắt lên con ạ - Bố cô dạy nghiêm.

Cả đến cô cũng không hiểu tại sao, cô yêu Tâm nhiều đến thế, nhiều hơn tất cả những gì tồn tại trên thế gian này, cô muốn dành cho anh cả bầu trời, cả những vì sao long lanh...

Có một lần duy nhất, cô cùng đứa bạn gái đi dạo chơi trên hè phố, và cô đã chia bàn tay của mình cho một bà già không quen biết: "Rồi cô sẽ thất bại trong tình yêu đầu", cô không hiểu mình có nên tin hay không, nhưng từ khi gặp anh, những điều ấy đối với cô đều là vô nghĩa. Tại sao mọi người lại không tin anh, bố mẹ cô, và cả bà già bói toán kia nữa. Có đôi lần, cô chột lo sợ, nhưng cô đã gạt bỏ những ý nghĩ ấy ra khỏi đầu. Bởi vì cô tin anh và cô yêu anh. Vì anh mà cô đã chấp nhận những chi trích của gia đình. Đầu phải cô không yêu quý bố mẹ cô, cô cũng đau đớn lắm chứ. Nhưng tình yêu của cô đối với anh lớn quá, cô sẵn sàng chấp nhận tất cả, nhưng cô chưa bao giờ nghĩ rằng cô lại có thể xa anh, cô nhớ như in những gì anh nói với cô. Bàn tay anh nóng ấm, giọng nói anh nhẹ nhàng trong chiều yên tĩnh. Đây là tình yêu anh dành cho cô. Những lần anh đưa đón cô về trong mưa và anh đã thể thốt với cô, cả đến hàng trăm lần, rằng anh cũng yêu cô nhiều lắm. Những ngôi sao mọc sớm kia, không đủ sức làm bằng chứng cho tình yêu của anh, nhưng mà, điều quan trọng là cô tin anh cơ mà.

- Anh ấy có lỗi gì đâu, anh nói đi, anh Minh. Minh bao giờ cũng là nói để cô trút những nỗi buồn. Hình như chỉ có những lúc buồn cô mới nhớ đến anh. Anh là người duy nhất chịu yên lặng nghe cô nói hàng tiếng đồng hồ. Ngày xưa, lúc học kinh tế chính trị, cô đã bức tức nói với anh rằng đây là một môn học nhảm nhí. Chủ nghĩa xã hội chỉ là ảo ảnh, một bức tranh không màu. Cô thắc mắc tại sao người ta lại phải chạy theo những điều hoàn toàn mơ hồ đấy. Như bố cô, làm dưới chế độ cộng sản lam lũ tới ngày, kết cục lương tháng chỉ hơn trăm ngàn bạc, cũng đành phải cần kiệm cho trôi qua đi cuộc sống nghèo khó triền miên. Tại sao người ta không nhìn nhận thực tế trước mắt để có mục đích tiến lên. Bao nhiêu câu hỏi đổ xuống đầu anh hết. Y như chính anh là ông Mác, ông Lê kia đã gây rắc rối cho cô ấy.

Anh cười hiền hậu, lẳng lẳng đưa cho cô cốc nước mát lạnh. Anh vốn là người ít nói mà.

- Hơn lúc nào hết, chính em phải tự biết mình nên phải làm gì.

Cô giận giỗi ra về. Minh chẳng giúp được gì cho cô. Từ ngày cô yêu Tâm, hình như Minh trở nên xa lạ đối với cô hơn, không còn như những ngày xưa, lần nào đi làm về anh cũng

qua ngõ nhà cô, đứng huýt sáo ngoài cửa, và lúc thì cho cô gói ô mai, lúc thì đưa cho cô bài thơ anh vừa chép được.

Lúc đầu cô cũng áy náy, cô không muốn đánh mất tình bạn giữa cô và anh. Nhưng rồi, cô đã ngập tràn trong hạnh phúc mới, cô không còn thì giờ để nghĩ tới Minh nữa. Mà phải rồi, cô đâu còn là một bé Phương bé xíu của ngày xưa, bắt anh công đi bắt chuẩn chuẩn, bắt anh vá lại cái xe mỗi lần xe bị xì hơi. Cô còn bao nhiêu việc phải làm, chương trình học của cô ngày càng nhiều hơn. Đây là năm cuối cùng của Đại Học.

Dù sao đi nữa, cô cũng không thể đánh mất nốt niềm tin còn lại của bố mẹ cô. Và cô lại phải cần tới Minh. Chưa bao giờ anh từ chối cô một điều gì, mặc dù bận bịu hàng trăm công việc ở cơ quan, nhưng đêm đêm anh lại cùng cô vật lộn với từng con số, những bảng vẽ, những mẫu thiết kế, anh cũng lo không kém gì cô. Kết quả đến với cô một cách mỹ mãn, anh cũng thật vui. Và lần đầu tiên, từ ngày cô yêu Tâm, Minh đã tặng cho cô một món quà tuyệt vời. Ba ngày sau, cô gõ cửa nhà anh, trên tay là gói quà ấy. Anh ngạc nhiên nhìn cô, nhưng hình như anh hiểu. Cô nói giọng ngượng ngịu:

"Anh thông cảm cho em...". "Không có gì đâu". Lần đầu tiên, anh không mời cô vào nhà.

Cô mở một bữa tiệc nhỏ nhân ngày mình được đi làm.

Minh là người đến sớm nhất. Cô xuất hiện ở cửa, lộng lẫy trong bộ trang phục mới, ánh mắt cô thật hạnh phúc, cô cười rạng rỡ.

Chưa kịp mời Minh vào nhà. Anh ta lên tiếng "Chúc mừng em, xin lỗi, anh bận...".

Cô ngắt lời anh "Dù sao đi nữa anh cũng phải cùng chung vui với tụi em chứ".

"Đưa bạn anh nằm viện, anh phải vào thăm nó". Anh trao bó hoa cho cô, vội vàng quay đi.

Cô phụng phịu, nhưng chưa kịp buồn thì Tâm đã đến. Anh đem đến cho cô cả trời hạnh phúc. "Người khác cũng cần tới Minh cơ mà" - Cô nghĩ thế.

Mưa mỗi lúc một nặng hạt hơn. Cô chờ Tâm trước cổng trường, vừa giận giận vừa lo lắng. Con mưa ngâu tháng tám kéo dài rả rích. Tiếng xe thắng lại bên cô làm cô giật mình.

Là Minh đây. "Lên xe đi" anh nói.

Cô lắc đầu "Em còn phải chờ anh ấy".

Anh đưa cho cô chiếc áo mưa. "Anh đi thăm bạn về, qua đây tình cờ gặp em".

Cô cũng không hề thắc mắc tại sao anh lại có sẵn hai chiếc áo mưa. Đường phố vắng tanh, gió thổi vào người cô lạnh buốt.

"Lên xe đi" anh nói thêm lần nữa - nhỏ nhưng cứng rắn.

Như một đứa trẻ nhỏ, cô ngồi lên phía sau anh. Đã từ lâu lắm rồi, từ ngày cô yêu Tâm, cô mới lại có dịp đi cùng anh. Nhưng không còn như cái ngày xưa nữa, anh kể cho cô nghe bao nhiêu chuyện trên trời, rồi cả hai cùng sôi nổi tranh luận. Giữa hai người, bây giờ là khoảng im lặng.

Một tuần sau, mười ngày sau, Tâm cũng không tới. Cô bồn chồn đứng ngồi không yên, cô đã thăm thía được những nhớ nhung của sự mong chờ. Cô gọi điện đến cơ quan anh, người ta bảo anh đang nghỉ phép. Cô lại càng lo lắng hơn, sao anh chẳng nhớ cô gì cả?

Thư của Tâm :

"... Đến lúc này anh mới thấy được hạnh phúc của những ngày qua, những đớn đau khi anh đánh rơi mất nó. Cứ trách giận anh đi, cứ hờn oán anh đi, nhưng xin em đừng khóc nữa, bé yêu. Lần cuối cùng cho phép anh được gọi em như thế. Năng vẫn còn hồng trên môi em, gió vẫn còn trong nơi mắt em, nhớ đến nao lòng, nụ cười em rạng rỡ. Chiếc khăn em tặng vẫn còn trong ngực áo anh, nhức nhối về một thời xưa cũ. Đến một ngày nào đó, em sẽ quên anh, xem như anh chưa bao

giờ có trên cõi đời này. Biết bao nhiêu lần anh tự xi và mình, biết bao nhiêu lần anh đón đau. Nhưng quá muộn mất rồi, anh đã tự mình đánh mất tất cả những gì có trong tâm tay. Và anh mất em vĩnh viễn...".

Cô không đủ tâm trí nào đọc xong bức thư. Phải rồi, đến lúc này cô mới biết, anh sẽ cưới vợ. Cô ấy giàu sang hơn cô...

Tình yêu đầu tiên cô dành cho anh, với tất cả những gì trong sáng và chân thành nhất. Cô đã mất anh thật rồi ư?

Không thể tin nổi sự thật phũ phàng đó, cô đã khóc nhiều lắm. Cú "sốc" làm cô gục ngã, nếu như không nghĩ tới bố mẹ, cô đã tìm đến cái chết. Tưởng chừng như trái tim cô tan vỡ ra từng mảnh. Cô ngồi bất động hàng giờ trước ô cửa nhỏ.

Đường phố vắng, không còn nữa bóng dáng quen thuộc mỗi sáng chờ cô. Mùa thu này lá vàng rơi nhiều hơn, như lòng cô héo úa. Những hàng cây trụi lá đứng cô đơn trong gió lạnh lẽo đến u hoài. "Nhưng anh yêu em cơ mà" cô muốn gào lên thật to. "Tại sao lại như thế" những câu hỏi bám riết lấy lòng cô. Mẹ cô ôm cô vào lòng, những giọt nước mắt lặng lẽ chảy trên khuôn mặt khắc khổ của bà. Bố cô ngồi bất động, đau đớn nhìn vào cõi hư vô.

Những bước chân vô định đã dẫn cô đến nhà Minh. Cô gục đầu vào ngực anh và khóc thật to. Vẫn là những lúc buồn, cô lại tìm đến anh. Anh nhẹ nhàng vuốt tóc cô, lấy khăn cho cô lau nước mắt. Ở bên Minh cô thấy mình dịu đi chút ít nỗi đau.

Anh nhận được tin cô bị tai nạn, khi đang còn vui đùa trong một đồng giấy tờ. Không kịp đóng cửa phòng, Minh vội vàng phóng xe đến ngay bệnh viện, anh nghe loáng thoáng bên tai lời ông bác sĩ: "chấn thương nhẹ, may còn chưa ảnh hưởng gì đến vùng não", anh nhẹ người đi. Ông bác sĩ còn lâm bảm tiếp: "Đi đứng thế nào mà lại đâm sầm vào người ta ngay giữa đường, chắc là triệu chứng "thất tình" đây".

Cô nằm đấy, bất động, giống như lúc cô đang ngủ, với một giấc mơ không bình yên. Anh thấy mình cay cay khóe mắt, anh cầm lấy bàn tay nhỏ bé yếu ớt của cô, cố truyền lấy chút hơi ấm từ mình.

Cô thì thào "Tâm, có phải là anh đấy không?".

Minh mừng rỡ: "Em tỉnh rồi à?".

Cô từ từ mở mắt, nhưng vội vàng nhắm lại ngay.

Anh hiểu, cô đang thất vọng nhiều lắm.

Những ngày cô nằm viện, anh luôn luôn ở bên cô. Tại sao anh lại tốt với cô đến thế? Cô tự hỏi. Đến lúc này cô mới thấm thía được những lời khuyên răn của bố mẹ cô. Những lời bàn tán về anh ta mà cô nghe thấy trước đây, cô gạt đi, xem nó như một trò nhảm nhí, thì bây giờ, tất cả đều đúng sự thật. Cô xót xa cho thân phận mình nhiều quá.

- Chiều nay em đi xem ca nhạc với tụi anh nhé. Cơ quan chiều đãi mà. Anh mời cô sau ngày cô ra viện. Lúc đầu cô định từ chối, nhưng thấy anh chân thành quá, cô không nỡ. Sao ngày xưa, cô ngây thơ đến thế. Đến lúc này cô mới chợt hiểu, những chiều anh đi ngang qua trường cô đâu phải tình cờ, và vì sao anh không vào dự lễ liên hoan. Trên con đường về, gió thu lạnh lạnh, anh hái cho cô một chùm hoa sữa, cô vốn yêu loài hoa ấy mà. Thành phố ngập tràn hương sữa cuối mùa. Cô bỗng nhận ra, mùa thu vẫn trong lành như ngày nào ấy. Từng đôi tình nhân đi bên nhau, và cô thấy lòng mình thanh thản hơn. Cô muốn khóc quá chừng, một lần nữa để rồi quên đi. Minh nhẹ nhàng nắm lấy bàn tay cô. Cô để yên bàn tay mình trong bàn tay anh. Mùa thu yên tĩnh quá chừng. Và cô lại là một bé Phương của ngày xưa, vừa trong sáng ngây thơ, vừa khôn lớn hơn rất nhiều. Cuộc đời này vẫn đáng sống đấy chứ. Và mùa thu nữa, đâu phải là một nỗi đau. Rồi cô sẽ quên đi, những gì đã qua trong một tuổi trẻ bồng bột. Sẽ quên đi...

Mùa thu lặng lẽ đi qua thành phố. /

Người TIỀN SỬ Á CHÂU • AN SƠN

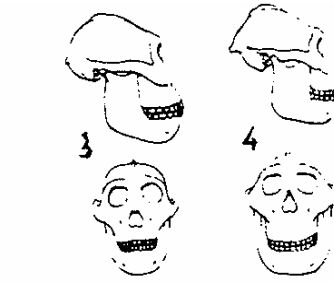
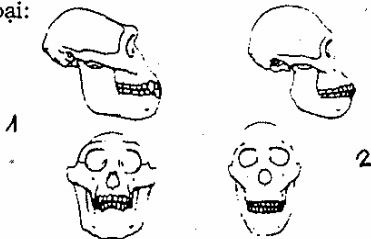
Nếu muốn tìm hiểu nguồn gốc dân tộc Việt, thì điều trước tiên phải biết qua sự phát xuất con người tại vùng Thái Bình Dương. Thời gian đó là thời tiền sử cả triệu năm trước đây. Vì là tiền sử, có nghĩa là trước sử, cho nên không thể dựa vào các sử Trung Hoa hoặc bất cứ bộ sử nào để giải thích những vấn đề này. Tốt nhất, nên theo dấu chân các nhà khảo cổ để tìm lại dấu vết của những người đã sống hàng triệu năm trước đây. Song song đó, phải tìm hiểu ngọn nguồn các truyền thuyết để biết những gì đã xảy ra trước đó và tại sao truyền thuyết lại nói như vậy?

Phải lòng mình vào thời gian đó, như thế mới hiểu người xưa muốn nói cái gì. Những hình tượng, hình vẽ có vẻ tưởng tượng mơ hồ, nhưng nếu tìm hiểu cận kề, ngọn nguồn chắc chắn phải có một ý nghĩa gì. Không riêng gì lối giải thích của các truyền thuyết dân tộc Việt mà khắp năm châu, đều có lối giải thích, trình bày tương tự, vì thời gian đó, những người tiền sử có lối sống tương tự như nhau, cùng có một nhân sinh quan và cùng có một môi trường, hoàn cảnh. Nên từ đó các truyền thuyết mà họ truyền lại cho thế hệ sau đều cùng một lối trình bày, giải thích gần như nhau. Trước khi đi sâu về người tiền sử Á Châu, xin nói qua về người tiền sử ở những nơi khác trên thế giới.

I. Người Tiền Sử Phi Châu

Tính đến ngày hôm nay, người tiền sử được coi là lâu đời nhất là tại Phi Châu, kể đến là Á Châu rồi mới đến Âu Châu.

Người tiền sử lâu đời nhất được mang tên là Australopithecus theo tiếng La tinh có nghĩa là người vượn phương Nam (Australis: phương Nam, Pithecus: vượn). Người vượn Australopithecus này chia thành 4 loại:



Hình 1: (1) sọ Australopithecus Afarensis; (2) sọ Australopithecus Africanus; (3) sọ Australopithecus Robustus; (4) Australopithecus Boisei.

1. Australopithecus Afarensis: từ 3 đến 4 triệu năm.
2. Australopithecus Africanus: từ 2,5 đến 3 triệu năm.
3. Australopithecus Robustus: từ 1,5 đến 1,8 triệu năm
4. Australopithecus Boisei: từ 1,4 đến 2,2 triệu năm.

Người vượn Australopithecus Boisei còn có tên là Zinanthropus Boisei (xem hình số 2: sọ này đã được các nhà khoa học làm lại).

Sau giống người Australopithecus, thì có giống người gọi Homo Habilis. Giống người Homo Habilis này xuất hiện vào 1,85 triệu đến 1,6 triệu năm trước. Sự khác biệt giữa Australopithecus và Homo Habilis về sọ như sau:

- Mức độ trung bình của bộ óc người Australopithecus là: từ 442 tới 517 cm³.
- Mức số trung bình của bộ óc người Homo Habilis là: 637 cm³.



Hình 2: Sọ Zinanthropus được đắp lại.

Như vậy, cho thấy độ tăng về kích thước bộ óc từ 23% đến 44% của sọ Homo Habilis.

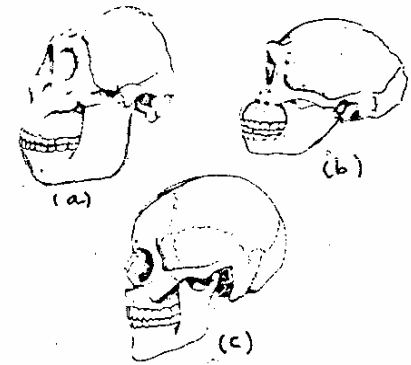
Điểm đặc biệt của giống người Homo Habilis là biết làm những dụng cụ bằng đá để xử dụng.

Có thể cùng thời với Homo Habilis hoặc sau một chút thì có giống người gọi là Homo Erectus (người đứng thẳng). Ở Á Châu chúng ta có loại người Homo Erectus nhưng không có loại Australopithecus và Homo Habilis. Giống người Homo Erectus xuất hiện nhiều nơi, nhưng ở đây xin bàn về người Homo Erectus của Á Châu.

II. Người Tiền Sử Á Châu

Người tiền sử Á Châu đầu tiên được tìm thấy thuộc giống người Homo Erectus (người đứng thẳng) ở tại Java (Nam Dương): Giống người Homo Erectus xuất hiện nhiều vào thời Trung Pleistocene tức vào khoảng 700.000 năm đến 125.000 năm về trước, tuy nhiên điểm đặc biệt ở đây là người Homo Erectus của Java xuất hiện vào khoảng 1,9 triệu năm.

Bộ óc của người Homo Erectus khoảng từ 775 đến 1,223 cm³, tính trung bình là 1020 cm³. Như thế bộ óc của người Homo Erectus lớn gấp hai lần bộ óc của người Australopithecus, nhưng nhỏ hơn người Homo Sapiens (hình 3).



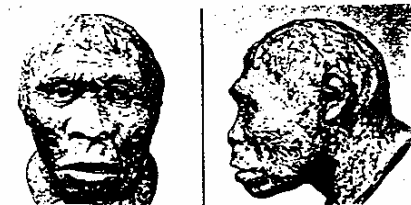
Hình 3: (a) sọ Australopithecus; (b) sọ Homo Erectus; (c) sọ Homo Sapiens.



Hình 4: Ông Eugene Dubois

Khi nói đến người Java của Nam Dương (loại người Homo Erectus), thì người ta phải kể đến công của ông Eugene Dubois, là người có công tìm thấy (hình 4).

Ông Eugene Dubois sanh tại Hòa Lan năm 1858. Khi còn trẻ, ông học ngành Y khoa tại đại học Amsterdam. Sau khi tốt nghiệp, ông dạy Cơ Thể Học tại đại học, tuy nhiên sau một thời gian ngắn, ông bỏ dạy học và dấn thân vào cuộc phiêu lưu mạo hiểm để đi tìm



Hình 5:

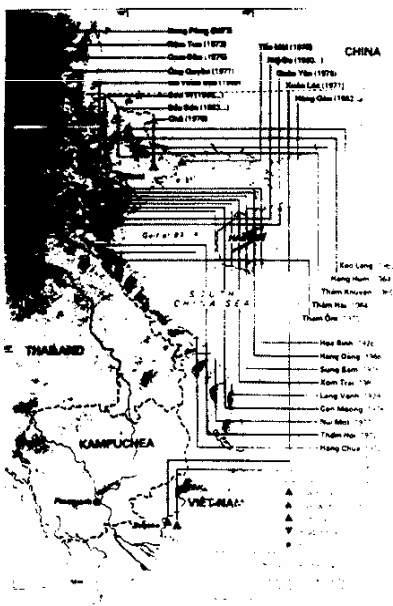
Hình người Java (Pithecanthropus Erectus). dấu vết người tiền sử. Ông xin đầu quân vào ngành giải phẫu của quân đội Hoàng gia Hòa Lan, rồi tháng 11 năm 1887 ông đến Sumatra.

Đến năm 1891, tại ngôi làng Trinil nằm cạnh bờ sông Solo, ông đã tìm thấy được sọ và xương của người tiền sử mà ông đặt tên là Pithecanthropus Erectus, có nghĩa là người vượn đứng thẳng (từ 700.000 đến 500.000 năm (hình 5).

Sau đó ông trở về Hòa Lan. Người kế tiếp ông là nhà cổ sinh vật học người Đức tên là G.H.R. Von Koenigswald, ông cũng tiếp tục tìm người tiền sử tại Java.

Ông Von Koenigswald đã tìm tại Java những loại sọ người tiền sử như sau:

1. Sọ người Sangiran 4: từ 1,9 đến 1,5 triệu năm,
2. Sọ người H. Modjodertensis: từ 1,9 đến 1,5 triệu năm.
3. Sọ Sangiran 2, 3, 10, 12: từ 700.000 đến 500.000 năm (hình 7)



Hình 7: Bản đồ khảo cổ tại Việt Nam

Điểm đặc biệt của người tiền sử Java là người ta không tìm thấy đồ đá nằm chung với xương và sọ. Ở khắp nơi trên thế giới, giống người Homo Erectus đều chôn đồ đá chung quanh họ. Sau khi nghiên cứu các sắc dân tại Nam Dương và nhất là bộ lạc còn sống theo thời tiền sử gọi là người Tasaday ở Phi Luật Tân, các nhà khoa học đi đến kết luận rằng, có thể người tiền sử Java đã dùng "TRE" thay cho đá, vì da tre có thể dùng làm lưỡi dao và rất bền. Chính tre đã làm biến đổi cuộc sống tại Á Châu (sẽ viết bài về "TRE").



Hình 6: Hình sọ Sangiran số 2 thuộc giống người Java.

Người Java (Homo Erectus) kết thúc vào giữa khoảng 200.000 và 150.000 năm để nhường lại cho người

Ngandong và cũng tìm được tại bờ sông Solo (Nam Dương). Người Ngandong tính về bộ óc thì lớn hơn người Java. Người Ngandong kết thúc vào khoảng 10.000 năm, tức cuối thời băng tuyết, và sau đó người ta không hiểu tại sao lại xuất hiện một giống người không giống người Java và người Ngandong (thuộc Nam Dương), các dân ở đó phải phát xuất từ 2 giống người tiền sử trên, thế nhưng vào khoảng 10.000 họ lại lai giống người từ đất liền Á Đông, như thế ta có thể đi đến những giả thuyết như sau:

1. Người từ đất liền Á Đông phải có cùng thời hoặc với người Java hay người Ngandong để dẫn đến sự pha giống vào khoảng 10.000 năm tại Nam Dương.

2. Sự pha giống này chứng minh rằng có sự di chuyển của người tiền sử ở nhiều nơi khác nhau.

3. Tại sao có sự pha giống đó? Là vì vào 18.000 năm trước là thời cao điểm nhất của thời băng tuyết cho nên mực nước rất thấp, khối lượng nước biển chỉ bằng phân nửa khối lượng nước bây giờ, cho nên những đảo như Sumatra (Mã Lai), đảo Java, đảo Kalimantan (Borneo, Nam Dương), đảo Palawan (Phi Luật Tân) và hàng trăm những đảo nhỏ khác đều dính liền với đất liền Á Đông. Một miền đồng bằng rộng lớn kéo từ ngoài khơi Việt Nam dọc lên tới Nhật Bản, băng qua dãy núi tại Đài Loan. Nam Dương lúc đó thuộc về đất liền Á Đông, nên mới dẫn đến cuộc pha giống vào 10.000 năm, từ đó đẻ ra giống Mã Lai mà ta gọi hôm nay. Như thế có sự di chuyển giữa người Java và người Á Đông nên mới dẫn đến vấn đề pha giống. Nhưng vì vào 10.000 năm trước dân tại Java mang hoàn toàn sắc thái người Á Đông nên chúng ta có thể nói rằng, dân tại đất liền Á Đông đã đủ mạnh để tràn xuống thay đổi giống dân tại Java. Rồi vào khoảng 6.000 năm, mặt tuyết tan dần, dâng mực nước lên ngập tất cả các nơi kể trên để dẫn đến Java thành đảo như ngày hôm nay.

4. Ta đặt câu hỏi: Người Java có phải là người Mã Lai, người Ngandong, hay giống người hoàn toàn khác lạ vào khoảng 10.000 năm trở về sau này?

Danh từ Mã Lai là do các nhà nhân chủng học đặt ra sau này. Vậy chính Nam Dương không ai biết sắp danh từ đó vào loại nào và chính giống Mã Lai cũng bị pha giống chính trên phần đất của họ. Vậy tại sao có thể kết luận rằng người Việt là giống Mã Lai hay bắt nguồn từ Mã Lai?

Như đã nói ở trên, vào khoảng 10.000 năm giống người ở Nam Dương đã pha với giống người từ đất liền Á Đông. Vậy bây giờ xin đi vào người tiền sử đất liền Á Đông.

III. Người Tiền Sử Từ Đất Liền Á Đông

Điều muốn nói ở đây là 3 nước Đông Dương là Việt Nam, Cao Miên và Lào là 3 nước chiến tranh liên miên, cho nên vấn đề khảo cổ chưa được chú ý hoặc đúng mức của nó. Trong tương lai, hy vọng sẽ khả quan hơn. Trước hết xin nói về người cổ nước Việt Nam.

Người Cổ Việt

Một số di tích người cổ được tìm thấy ở các hang như sau:

1. Hang Hùm (1964)
2. Thẩm Hai (1964)
3. Kéo Lèng (1965)
4. Thẩm Khuyên (1965)
5. Thẩm Ôm (1975)

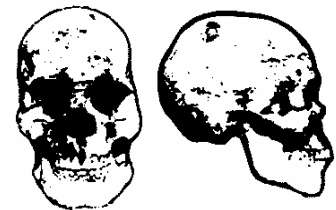
Xin xem bản đồ khảo cổ (hình 7)

Điều đáng chú ý là di tích ở hang Thẩm Hai (Lạng Sơn), theo nhà cổ nhân học H.D Kahle cho rằng di tích trên có cùng niên đại với di cốt người vượn Lam Điền (Trung Quốc) tức từ khoảng 800.000 năm đến 650.000 năm, trong khi đó người Bắc Kinh (Trung Quốc) chỉ có 500.000 năm đến 400.000 năm.

Ngoài ra người ta còn tìm được một số di cốt ở những nơi khác như:

- a. Răng và xương tìm thấy ở Tam Hang và Tam Pa Loi, nằm sát biên giới Lào-Việt (thời Hạ Cự Thạch).
- b. Di cốt người Tam Pong, Nam và Bắc Tam Hang (thời kỳ Trung Cự Thạch).
- c. Di cốt thuộc thời kỳ Hạ Tân Thạch tìm được ở: Làng Cườm, Khắc Kiệm, Đông Thuộc, Phố Bình Gia, Kéo Phầy, Hang Muối, Quỳnh Văn và Phụ Vệ.
- d. Di cốt thuộc thời kỳ Thượng Tân Thạch tìm được ở: Đa Bút, Hàm Rồng, Chợ Gành, Quỳnh Văn, Soi Nhụ, Vinh Quang, Thiệu Dương.

Để dẫn chứng tôi xin đưa hình sọ người cổ Việt đào được tại Việt Nam, rất tiếc Việt Nam không đủ phương tiện, máy móc để có thể xác định thời gian xuất phát của sọ trên.



Hình 8: Sọ tìm được tại Mai Da Nước.

Vào năm 1984, người ta đã đào được một số hài cốt của một người tiền sử chôn chung với dụng cụ đồ đá thuộc thời kỳ tiền Hòa Bình, tìm được tại Mai Da Nước, thuộc làng Hạ Trung, quận Ba Thuộc, tỉnh Thanh Hóa, Bắc Việt. Tinh từ trước tới nay thì đây là cái sọ còn đầy đủ nhất tượng trưng cho nền văn hóa Hòa Bình được tìm thấy. Sau đây là những đặc điểm của sọ kể trên

1. Sọ:

Khi đào thấy thì sọ này bị bể thành 52 miếng và sau đó được bà Nguyễn Kim Thúy lắp lại gần như nguyên vẹn. Sọ còn bảo tồn được 32 cái răng, dính sọ một phần đã hóa thạch.

Kèm theo với sọ là hài cốt thuộc phần trên cơ thể cùng với một số mảnh xương.

Nếu nhìn từ độ cao thì sọ đi từ góc độ hình 5 góc. Vầng trán của sọ thì rộng và điểm nổi tiếp với 2 xương mũi có hình chữ V. Lỗ mở của xương mũi thì tròn và rộng.

Đối với răng, thì chân răng có phần dài ra. Riêng cằm thì chế dôi.

Độ cao của sọ là 65,4 và có chiều hướng hơi nghiêng về phía trước. Nếu nhìn ngang thì thấy phần dưới chỗ hàm răng và cằm đưa ra phía trước. Góc cạnh của mặt đo được 77 độ.

2. Phái tính:

Dựa theo hài cốt còn lại, thì đây là người đàn ông. Tính theo sọ và răng thì người này chết vào khoảng 40 tuổi.

3. Răng:

Điểm đặc biệt là răng của của sọ kể trên có hình dáng cái xúc (shovel shape). Đây là lần đầu tiên nhờ vào sự gần như nguyên vẹn của sọ nên mới tìm thấy hình dáng cái xúc. Theo cơ cấu của hàng răng cằm hàng đầu thì có cấu trúc hình dáng YX5 và hàm răng cằm hàng trong thì có hình dáng Y4.

4. Giống loại:

Sọ này có đặc tính giống Australoid. Sọ có phần mặt đưa ra, mũi rộng, hàm răng trên uốn vòng trùm xuống bọc hàm dưới, mà chúng ta thường gọi là "hàm răng vầu". Riêng các chiếc răng thì lớn tương tự như răng của người cổ ở miền Nam Trung Hoa, giống người Wajak của Nam Dương và giống người Keilor của Úc Châu.

Chiếc sọ trên đây đã đưa đến một điểm đặc biệt là chiếc răng có hình dáng cái xúc. Răng của người Mai Da Nước và răng của người Nguyên Mổ tỉnh Vân Nam đều có hình dáng cái xúc, điều này nói lên sự tương quan của 2 giống người đó (Xin đọc tiếp về người Nguyên Mổ).

Vì muốn tìm lại nguồn gốc của dân Việt, cho nên tôi đưa lại giống người cổ liên quan đến truyền thuyết chúng ta. Như đã biết, đất cổ Việt trước kia không phải chỉ có Bắc Việt mà thôi, phần cổ Việt rộng lớn hơn chúng ta nghĩ nhiều. Ở giai đoạn này hãy dựa theo truyền thuyết để chứng minh điều đó:

Trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư của Ngô Sĩ Liên có viết như sau: "Khi Hùng Vương lên ngôi, dựng nước gọi là Văn Lang. Nước ấy phía Đông giáp biển Nam, phía Tây tới Ba Thục, phía Bắc đến Hồ Động Đình, phía Nam tiếp nước Hồ Tôn, tức nước Chiêm Thành, tức tỉnh Quảng Nam ngày nay".

Vậy khi nói nước Việt phía Tây tới Ba Thục, như thế tỉnh Vân Nam nằm trong phần đất cổ Việt, như vậy thuộc về đất của dân Việt. Điều này khảo cổ cũng đã chứng minh cho thấy những đồ đào lên tại Vân Nam đều giống những đồ đào lên tại Bắc Việt chẳng hạn như khi so sánh trống đồng của Vân Nam và Đông Sơn (Việt Nam). Đây là giai đoạn Hùng Vương, tức là giai đoạn sau này mà tỉnh Vân Nam vẫn còn thuộc về đất cổ Việt, thì chắc chắn trước đó nó phải thuộc về đất cổ Việt và tỉnh Vân Nam (Trung Hoa ngày nay) là nơi phát xuất người tiền sử lâu đời nhất. Người tiền sử đó gọi là người Nguyên Mổ (Yuanmou man) xuất hiện vào khoảng một triệu năm trước. Vào năm 1965, người ta đã tìm được 2 cái răng của người tiền sử này (hình 8) chôn chung với dụng cụ bằng đá với tro và xương thú vật. Đồ đá và tro nói lên sự hiện diện của con người.

Điểm đặc biệt của 2 cái răng người Nguyên Mổ là có hình dáng như cái xẻng hay cái xúc (shovel shaped). Đây là điểm quan trọng đưa đến hình thành dân tộc tại lục địa Á Đông và sau đó tràn qua Mỹ Châu ở nơi người Da Đỏ (hình 9).



Hình 9: Hình 2 cái răng của của người Nguyên Mổ.

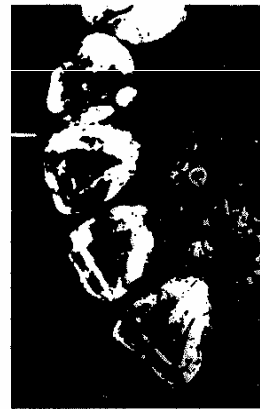


Hình 10: Hình răng cửa của người Âu Châu (trên) không có hình dáng cái xúc. Hình răng cửa của người Da Đỏ, Mỹ Châu (dưới) có hình dáng cái xúc.

Điều đặc biệt nữa là người Chu Khẩu Điem hay thường gọi là người Bắc

Kinh (thuộc tỉnh Hà Bắc) xuất hiện vào khoảng 500.000 đến 400.000 năm có nghĩa rằng sau người Nguyên Mổ nửa triệu năm, thì cái răng của của người Bắc Kinh cũng có hình dáng cái xúc y như răng của người Nguyên Mổ. Điều này chứng minh rằng người Bắc Kinh có thể là hậu duệ hay phát xuất từ người Nguyên Mổ. Riêng người Java, răng của của họ không có hình dáng cái xúc như người Nguyên Mổ và người Bắc Kinh.

Vào năm 1963 đến 1965 người ta tìm được người Lam Điền (thuộc tỉnh Thiểm Tây) xuất hiện vào khoảng 800.000 năm đến 650.000 có trước người Bắc Kinh. Người Lam Điền (Trung Hoa) có cùng thời với người ở hang Thẩm Hai (Lạng Sơn, Việt Nam).



Hình 11: Hình răng của người xưa tại phần đất cổ Việt, khoảng 3.000 năm trước T.L. có hình dáng cái xúc.



Hình 12: Hình sọ người Lam Điền (tỉnh Thiểm Tây) xuất hiện cùng thời với người Thẩm Hai (tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam)

Kế tiếp vào năm 1980, người ta cũng tìm thấy được người cổ tên là người Long Tân xuất hiện vào khoảng 400.000 năm. Người Long Tân này nằm trong vùng Cổ Việt, thuộc miền Nam Trung Quốc. Rồi sau đó người ta tìm được người Maba, còn gọi là người Quảng Đông, xuất hiện vào khoảng 100.000 năm. Tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây là của Việt ngày xưa và đến ngày hôm nay dân Trung Quốc vẫn gọi người Quảng Đông và Quảng Tây là người Việt.

Để chứng minh: Trong tự điển Chinese-English ở bộ Mề 6 nét thấy chữ Yueh: Kwangtung and Kwangsi Provinces (dịch là Việt: tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây). Trong tự điển Thiều Châu (trang 474), bộ Mề 6 nét thấy chữ Việt: nước Việt, đất Việt. Tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây nguyên trước là đất của Bách Việt, nên Tàu gọi hai tỉnh ấy là tỉnh Việt.

Người Quảng Đông và Quảng Tây tự khoe họ là Tàu, trong khi đó người Tàu gọi họ là Việt, như thế trên đất Trung Hoa còn bao nhiêu người Việt tưởng mình là Tàu? Còn nhiều lắm! Khi nghiên cứu lại NGUỒN GỐC CỦA DÂN VIỆT chúng ta sẽ đi từ ngạc nhiên này sang ngạc nhiên khác!

Vào khoảng 50.000 năm, tất cả đám hậu duệ của người cổ kể trên bắt đầu lan tràn đi khắp vùng Thái Bình Dương, họ chia làm hai hướng:

1. Một nhóm đi lên phía Bắc, qua đến tận Mỹ Châu.

2. Một nhóm đi xuống phía Nam, qua các đảo Phi Luật Tân và Nam Dương kể cả đảo Java.

Vào khoảng 10.000 năm thì người ở đảo Java bị hoàn toàn thay đổi bởi những người từ Á Đông đi xuống.

Cùng thời, để chứng minh việc nhóm đi xuống phía Nam ra các đảo, thì tại Phi Luật Tân, bộ lạc dân Banaue, ở phía Bắc đảo Luzon, đến ngày hôm nay truyền thuyết của họ vẫn cho rằng họ là những người từ đất liền Á Đông đi qua.

Nhóm đi xuống phía Nam này tiếp tục đi xuống tận Úc Châu (truyền thuyết Dreamtime hoặc Story Time, nói rằng họ từ phía Đông Nam Á đi xuống).

Còn nhóm đi lên qua đến tận Mỹ Châu. Sở dĩ họ qua đó được là vì lúc đó eo biển Bering bị đóng băng nên nối liền nhau và chúng ta gọi đó là Beringia (hình 12). Các nhà khảo cổ đã đào lên được những đồ vật ở vùng Alaska, vùng Bắc Canada đều giống như đồ vật đào lên từ phía Bắc Siberia.

Hai nhóm này, có lúc nhóm đi xuống lại đi lên và có lúc nhóm đi lên lại đi xuống. Vì đó mới xảy ra vấn đề pha giống lộn xộn cho nên khi đọc sách thấy như sau:

1. Làng Cườm: sọ Melanesian - Australoid Indonesian - Mongoloid
2. Khắc Kiêm: Melanesian
3. Phố Bình Gia: Indonesian
4. Kéo Phầy: Indonesian
5. Hang Muối: Australoid
6. Quỳnh Văn: Australoid
7. Hàm Rồng: Indonesian
8. Minh Cầm: Negroid
9. Đa Bút: Australo - Mongoloid
10. Quỳnh Văn: Australo - Mongoloid
11. Soi Nhụ: Australo - Mongoloid
12. Vinh Quang: Australoid - Mongoloid

13. Thiệu Dương: Australoid - Mongonoid

Riêng tại Việt Nam chúng ta có ít nhất 5 loại sọ:

1. Melanesian
2. Mongoloid
3. Oceanic (Indonesian)
4. Australoid
5. Negroid

Đây là chưa kể những loại sọ đã pha giống. Tuy nhiên không ai dám bảo đảm là 5 loại này không bị pha giống! Và trong 5 loại này không có ai phân biệt là của người Kinh hay người Thượng cả. Kinh và Thượng là danh xưng.

a. Dựa theo địa lý: có nghĩa là kẻ sống miền thấp, người ở miền cao.

b. Dựa theo văn hóa: văn hóa Kinh phát triển nhanh hơn văn hóa Thượng. Tuy nhiên sự khác biệt văn hóa là chỉ xảy ra sau này, chứ trước kia Kinh và Thượng cùng một văn hóa, cùng một lối sống như nhau.

Sự kiện trên cũng xảy ra tương tự như ở Trung Hoa, người Trung Hoa không phải là một giống riêng rẽ, mà là con cháu của các giống sọ kể trên hợp lại và những giống sọ đó tạo ra Tứ Di tức là Nhung, Địch, Man và Di và chính Tứ Di này là tổ tiên người Hoa, chứ sự thật không có giống riêng biệt Hoa nào như người Tàu thường hay khoe khoang! Điều này sẽ bàn chi tiết sau.

Trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư của Ngô Sĩ Liên có viết như sau: "Một hôm Lạc Long Quân bảo Âu Cơ: Ta là giống Rồng, nàng là giống Tiên! Thủy Hỏa khác nhau, sum hợp thật khó!". Bèn cùng nàng ly biệt nhau... Chia năm mươi con theo mẹ về núi, năm mươi con theo cha xuống biển Đông, có sách chép nói là biển Nam, tôi nghĩ rằng xuống biển Đông và biển Nam. Tại sao vậy? vì mãi đến sau này tới Xuân Thu, người Việt nước Ngô và nước Việt của Việt Vương Câu Tiễn còn ở biển Đông, còn người Việt Nam Việt thì ở biển Nam (biển Nam tiếng Tàu còn gọi là Việt Hải), họ cũng là giống Việt, cho nên ta có thể nói rằng xuống biển Đông và biển Nam.

Để chứng minh về sự di chuyển dân miền núi (theo mẹ về núi) và dân miền đồng bằng và biển (theo cha xuống biển). Trong bản đồ Á Châu của cuốn bản đồ thế giới (Encyclopedic Atlas of the World), dãy núi cao nhất là dãy Hi Mã Lạp Sơn (Himalaya), từ đó kéo ra những dãy núi nối tiếp chạy qua các nơi như sau:

- Từ Hi Mã Lạp Sơn:
1. Kéo dọc xuống dãy núi Vân Nam.
 2. Tiếp tục dãy Trường Sơn ở Việt Nam.
 3. Kéo dọc xuống núi ở Miến Điện.
 4. Xuống dãy núi ở Thái Lan.
 5. Kéo dọc tới Mã Lai và Nam Dương.

6. Đi lên hướng Tây Bắc thì kéo xuống tỉnh Thiểm Tây.

Muốn hay không chúng ta phải thừa nhận rằng các dân ở những nơi kể trên là dân miền núi, tức là những người ở núi, mà chữ nho đọc là Tiên, viết với bộ nhân đi với bộ san và ngày hôm nay gọi là người Thượng, tức là người ở miền cao nguyên.

- Khi kéo xuống Vân Nam thì có người tiền sử Nguyên Mỗ xuất hiện vào khoảng 1 triệu năm.

- Khi kéo tới dãy Trường Sơn Việt Nam thì tỉnh Lạng Sơn xuất hiện người ở hang Thẩm Hai, từ 800.000 đến 650.000 năm.

- Khi kéo xuống phía Tây Bắc của Hi Mã Lạp Sơn thì có người Lam Điền từ 800.000 đến 650.000 năm.

- Khi kéo xuống Mã Lai và Nam Dương thì có người Java vào khoảng 1,9 triệu (thời gian đó Mã Lai và Nam Dương dính liền với Đông Nam Á tức dính liền với Á Đông).

Tất cả giống người kể trên là dân miền núi hay gọi theo truyền thuyết là dân TIÊN. Điều trở trêu là các nhà khảo cổ đã tìm được mộ của bộ lạc mang tên Vương Quốc Tiên được chôn rất gần địa điểm người Nguyên Mỗ (theo cuốn "The Chinese Bronze of Yunnan").

Vậy truyền thuyết của dân Việt đưa đến những giả thuyết như sau:

- Nếu nói theo địa lý và nhân chủng, thì nó nói lên sắc dân miền núi và sắc dân miền đồng bằng.

- Nếu nói theo văn hóa, thì đây là văn hóa của miền Kinh và văn hóa của miền núi. Hai nền văn hóa khác nhau nên, theo những đồ đào lên bởi các nhà khảo cổ, nhưng nó khác nhau bắt đầu từ giai đoạn này chứ trước kia nó là một, tức thời săn bắn và thu nhặt.

- Nếu nói về khía cạnh triết lý: thì đây nói về Lương Tinh, Tiên Rồng và Âm Dương.

Vậy dân Việt là gì? Có thể đưa ra hai giả thuyết như sau:

1. Giả thuyết KẾT TỤ: Dân Việt là sự kết tụ lại giữa dân miền núi và miền đồng bằng, là sự hội nhập lại giữa hai nền văn hóa miền Kinh và Thượng, là sự phối hợp lại giữa người Kinh và người Thượng để trở thành dân Việt.

Dân miền núi theo mẹ (mẫu hệ), dân miền đồng bằng và ven biển theo cha (phụ hệ).

2. Giả thuyết KHỎI XUẤT: Dựa trên nhân chủng về người tiền sử thì họ đi hai ngã, một nhóm đi lên phía Bắc tức là nhóm theo cha xuống biển và nhóm đi xuống phía Nam tức là nhóm theo mẹ đi dọc theo núi. Tuy nhiên có những khoảng thời gian nhóm đi xuống lại đi lên và nhóm đi lên lại đi xuống họ pha trộn lẫn nhau. Xét từ phong tục tập quán, ngôn ngữ, con người của người Việt thì mang những nét thuộc về miền Đông Nam Á. Vì mang hai đặc thái trên cho nên họ có

thể coi như là điểm KHỎI XUẤT các dân tộc tại Á Đông. Vì họ mang đặc thái lưỡng tính như vậy cho nên khi nói tới người Việt thì các học giả, khoa học gia, triết lý gia, sử gia cứ cái nhau miết mà không đi đến một kết luận nào!

Họ đã bắt đồng ý kiến là vì có người cho rằng người Việt bắt nguồn từ Mã Lai. Người Việt, người Tàu, người Mã Lai, người Đại Hàn, người Nhật, người Thái, người Lào, người Miên v.v... Tất cả đều thuộc giống người Homo Sapiens Sapiens xuất hiện vào khoảng 40.000 năm về sau này tức là giống người sau cùng. Từ giống người Homo Erectus tức là người Java, Nguyên Mã, Thẩm Hai, Lam Điền, Chu Khẩu Điểm, Long Tân... họ đã pha trộn bao nhiêu lần giống do sự di chuyển lúc đi lên, lúc đi xuống, đi lòng vòng khắp nơi vùng Thái Bình Dương để rồi ra giống Homo Sapiens Neanderthalensis vào khoảng từ 125.000 đến 40.000 năm và sau đó từ 40.000 đến sau này mới ra giống người pha trộn gọi là Homo Sapiens Sapiens ngày hôm nay ta gọi là người Việt, người Tàu, người Mã Lai... Vậy tại sao có người lại lấy lớp người Mã Lai hay Tàu để kết luận rằng tổ tiên của người này kẻ kia. Người Tàu, người Mã Lai đều có những sọ tương tự như người Việt thì như vậy không thể là tổ tiên Việt được!

Nói rằng người Mã Lai là tổ tiên người Việt là vì người Java xuất hiện vào khoảng 1,9 triệu năm có trước hơn tất cả những người tại Á Châu, như vậy phải lấy họ làm tổ tiên? Và một số học giả lại cho người Việt là con cháu người Tàu. Điều này không đúng vì những lý lẽ sau:

1. Tối giờ phút này chưa có ai kết luận rằng dưới lòng đất Á Châu chỉ có bấy nhiêu loại người cổ. Biết đâu có những loại người cổ còn xưa hơn người Java mà chưa tìm thấy? Và lại Java lúc bấy giờ còn dính liền với Đông Nam Á thì tôi nghĩ các giống người này không coi nhau riêng rẽ như bây giờ ta làm.

2. Một số học giả kết luận người Việt là con cháu người Tàu vì họ đã dựa theo sử Trung Hoa. Sử Trung Hoa được viết từ đời nhà Chu (chữ viết có từ khoảng 4.000 đến 5.000 năm) tức vào khoảng 1.200 năm trở lại và phần lớn các bộ sử đều được viết lại từ thời nhà Hán tức vào 201 trước Tây lịch. Phần lớn họ sửa đổi lại cho phù hợp đường lối chính trị của nhà Hán nên không có gì đúng lắm. Cho nên, dựa vào đó mà kết luận người Tàu là tổ tiên của người Việt thì không ổn!

Tóm lại, tại Á Châu hay nói đúng ra tại vùng Thái Bình Dương có giống người Homo Erectus xuất hiện vào khoảng 1,9 triệu đến 125.000 năm và xuất hiện nhiều nơi tại vùng Thái

Bình Dương, pha trộn giống lẫn nhau. Đến khoảng 125.000 thì giống Homo Erectus mất để nhường lại một giống người khác đó là giống Homo Sapiens Neanderthalensis, xuất hiện vào khoảng 125.000 đến 40.000 năm. Giống này cũng lại pha giống lẫn nhau và cũng di chuyển khắp nơi để rồi sau đó mất vào khoảng 40.000. Từ 40.000 năm về sau này thì ra giống Homo Sapiens Sapiens gồm có các loại sọ đã nêu:

- Sọ Melanesian
- Sọ Negroid
- Sọ Australoid

- Sọ Mongoloid
- Sọ Caucase
- Sọ Oceanic

Rồi các giống người có sọ này pha lẫn nhau ra giống Melanesian-Mongoloid, Australoid-Mongoloid v.v... Mặc dù có sự khác biệt giữa các sọ kể trên, nhưng tất cả các sọ đó đều nằm trong giống Homo Sapiens Sapiens và đây là điều cái nhau của các học giả không chấp nhận này mà thừa nhận sọ kia chứ không để ý rằng tất cả đều nằm trong một giống và đã qua bao nhiêu đời pha trộn để ngày hôm nay có... chúng ta ●

THẦY GIÁO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

(Phỏng theo bài Phú thầy đồ dạy học của Tú Xương)

* Nguyễn Song Anh

Thầy bà thầy giáo, dạy học dạy hành

Vài quyển giáo án, một đàn học sinh

Giảng vô tình chính trị lệch đường, Đảng mời cải tạo

Dạy cố ý muốn năm vô sản, Bác cũng vất chanh.

Đồng lương ba cọc ba đồng, nên thầy chạy xuôi chạy ngược
Giám hiệu hay bàn hay luận, nên thầy dạy quán dạy
quanh.

Bác đã nói: Trí thức thua cục phân; cách mạng tiến nhanh
nhờ thất học.

Đảng từng phê: Thầy cô phi sản xuất; học đường lùi mạnh
sẵn gian manh.

Bởi thế:

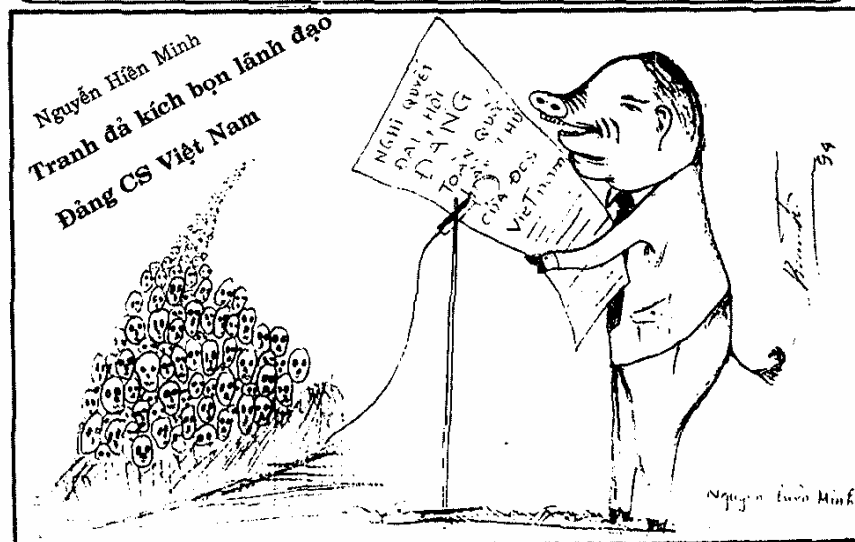
Thầy vừa hỏi đế quốc, thực dân, phong kiến; trò đáp ngay:
xâm lược, vô nhân, bóc lột,

Cô mới hô Đảng ta, cách mạng Bác Hồ; trò khen liền: anh
hùng, đạo đức, vĩ nhân.

Học như thế mới là học sinh của Bác

Dạy như vậy mới là thầy giáo nhân dân.

Thầy bà, thầy giáo, chỉ cần tô hồng Đảng đỏ
Giáo án, giáo ách, không ngại sửa còn sử xanh.



Độc

"Ngoài Xa Dấu Chân Mây"

Nguyễn Thủy

của TÙY ANH

Viết về thơ một người, không là chuyện dễ, nhất là người đó mình chưa quen, chưa gặp, chưa hiểu gì về cuộc sống, chưa tâm tình, chưa thủ thủ nhỏ to cơn đau, nỗi nhớ, tình buồn, niềm vui hay đổi trao tâm tình, thế sự, chí hướng, việc làm, ...

Trước mắt tôi là tập thơ của một người tôi chưa quen biết.

Tôi đọc lướt qua, không tiên kiến, tiên cảm, không một ấn tượng nào mang mang có sẵn. Mắt tôi chạy trên từng lời, từng bài, không chú tâm, ru mình vào từng dòng để lắng nghe dậy lên rung cảm.

Anh ru đời mình ru hoài ru mãi
bằng lời ca dao
chất ngọt bay cao
lời ru nghẹn ngào trách cứ
lời ru tình tự
mắt biếc môi mềm
lời ru miệt mài nỗi nhớ hằng đêm ...
(Tùy Anh : Ru Hoài Ru Mãi)

Vâng, "nỗi nhớ mệt mỏi hằng đêm" đó cũng đến với tôi, với người đọc vì "Ngoài Xa Dấu Chân Mây" mang chở rõ ràng hai đặc điểm nổi bật của tác giả nó:

- Tập thơ của niềm đau đất nước, cảnh sống lưu dân và niềm hướng vọng "Về Nguồn".
- Tập thơ của một tín đồ Phật Giáo luôn luôn khắc khoải giữa Đạo và Đời.

I.- Niềm đau đất nước, cảnh sống lưu dân và hướng vọng "Về Nguồn"

Không nói, ai cũng rõ, cái tang đất nước 30.04.1975, đến nay, dù đã gần 20 năm, vấn đề nặng lên con người Việt Nam yêu nước dù nơi người ở lại hay phải ra đi, dù nơi một số kẻ "được thời" (?) hay nơi người "lỡ vận". Từ ngày đó, người Việt Nam yêu nước nào cũng thấy bơ vơ, tủi hận, đau buồn để rồi, nếu không phải vùi đầu chạy gạo lo cuộc sống từng bữa thì lại buông mình tìm quên, trốn chạy niềm đau trước mắt đối diện một thực tại mà mình thấy như không còn khả năng gầy dựng lại giữa điều tàn :

Nơi đây bao kiếp sầu hoang đại
Cười vỡ nhân gian vũ trụ tàn.
(N.T.)

Vũ trụ có tàn không vào cuối mùa "thế kỷ chít khăn tang" này do từ những đau sầu, tang tóc của một Việt

Nam không, không rõ nhưng chắc chắn những thảm cảnh mà người Việt Nam đã và đang trải chịu gần nửa thế kỷ nay đã làm chảy lệ hàng hàng lớp lớp người trên khắp mọi nẻo đường nhân loại đã và đang đi. Ngót hai mươi năm rồi, người ra đi "lưu đầy" nơi

Tướng đã phai mờ cội nguồn dân tộc
Bằng vào tên họ nửa Á, nửa Âu
Bằng vào quốc tịch vô căn mất gốc
Quên hẳn da vàng mũi tẹt mắt nâu
.....

Tướng đã quên đi đấng cay uất hận
Bằng nửa cuộc đời lưu lạc, tha phương
Bằng những đêm trường dài vô thân phận
Đờ khóc dở cười đòi đoạn tiếc thương
(Tùy Anh : Tháng Tư Gọi Nhớ Niềm Đau)

Tiếng thơ, giọng nhạc, lời văn của người Việt Nam lưu lạc lâu nay, cùng khắp năm châu, gần 20 năm qua, lúc nào cũng mang chở "tiếng lòng" đó, lúc u uẩn đau thương, lúc nhớ nhung hoài vọng, lúc phần nộ căm hờn, lúc mạnh mẽ hùng tráng. Thơ TÙY ANH, lúc nghĩ về đất nước, lúc nghĩ về mình, đã diễn tả tiếng lòng đó qua lời thơ sâu sắc, thiết tha vừa đẹp vừa buồn, mệnh mang tủi hận. Hầu như lúc nào, người thơ cũng băn khoăn về cảnh tình đất nước để thấy mình như là kẻ "thừa thãi", một kẻ "có tội" với non sông. Mùa xuân, mùa đông, mùa thu, mùa hạ, nơi góc nhỏ nhà mình, nơi xa lộ dặm dài đất khách, nhìn cơn mưa, giọt sương, bông tuyết ... , đầu đầu và lúc nào cũng nỗi quặn quai, thao thức, ưu tư về đất nước và nỗi lạnh dài hiu hắt về cảnh sống "vô tích sự" của mình :

Ta ru đời - đời biển dâu lưu lạc
Bằng niềm đau thao thức mãi không người
Bằng dấu chân người - vết tích đời người
Trong tai biển đã tách rời nguồn cội

Đêm ra khơi sục sùi dòng lệ nhỏ
Ta ru đời đòi đoạn tiếng ca dao
Sóng dâng cao - sầu buốt cũng dâng cao
Miền đất mới đành làm thân tâm gối ...
(Võ Giác Xuân Nông)

Những chiều cuối đông
Trời mưa phố vắng
Những vang vọng của thời dĩ vãng
Những mối hôn
Những âu yếm
Những giận hờn
Những dấu chân quá khứ
Tướng đã hẳn dấu rong rêu
Nay lại hiện về
Vỏ xương đời lữ thứ ...
(Đêm Nay Mùa Xuân)

Giọt nước mắt không người sầu viễn xứ
Ly rượu nồng không xóa nỗi ưu tư

TÙY ANH NGOÀI XA DẤU CHÂN MÂY



VIÊN GIÁC '94

xứ lạ, kẻ ở lại "lưu đầy" nơi quê hương. Nỗi đau đó găm nhấm đêm ngày lòng người yêu nước, triển miên nơi những con người thiết tha xây dựng cảnh sống an lạc, tự do cho con người và dân tộc. Nơi những con người đó, tháng năm không đủ sức làm phai mờ dĩ vãng, không đủ sức làm khuấy quên niềm đau, nỗi nhớ, u uất day dằng :

Gởi về em những ân tình xưa cũ
Đã phiêu bồng trên vạn dặm tương tư

Thành quách cổ tường đã mù áo giác
Lời ca dao nghe trũng điệp hao mòn
Đêm diệu vọng ngâm ngùi khi tỉnh giấc
Nhớ quê hương -từng nỗi nhớ không cùng.
(Phiên Khúc Buồn)

Cứ thế, suốt tập thơ, tiếng buồn, nỗi nhớ, nỗi niềm ưu tư với vợ trái dài, ngân dội vào người đọc, cuốn ta vào trầm tư để mãi mãi bán khoán, ray rứt, ngâm ngùi.

Nghe trong tâm trí nhớ
Những mùa xuân tha thiết gọi thầm
Rờn rợn những dòng lệ nhỏ
Chảy xuống niềm đau tốt đỉnh phong luân
(Thành Thang Nỗi Nhớ)

Từ ngày vượt biên đến nay, Tùy Anh không lúc nào thấy vui. Con người xứ Huế đó, với số tuổi chắc hẳn không còn trẻ trung, trước đây hẳn đã dự phần trách nhiệm nào đó trong cuộc chiến đấu cho tự do của dân tộc, vẫn chất chứa trong người cái "chí hướng" đã từ lâu nuôi dưỡng :

Ngày mai
Con đường trở về quê hương nghe còn thật dài
như con đường trước mặt
như con đường đấu tranh có ai nghĩ rằng lầm lạc
mà xuyên suốt đời người
đi hoài chưa tới
để mãi lưu lạc phương trời
mang niềm tức tưởi
khôn người . . .
(Trên Xa Lộ Uống Cà Phê Một Mình)

Nhìn những đổ vỡ của dân tộc trong bao năm qua, tác giả uất hận, kêu gào hãy quên hết mọi thứ chữ nghĩa ma mị, "chữ nghĩa thời cơ, chữ nghĩa phản chiến, chữ nghĩa tuyên truyền lừa dối, chữ nghĩa bạo tàn gian tham, chữ nghĩa phi nhân vô sỉ, chữ nghĩa thuần lý, chữ nghĩa loãng tan trong xa hoa phù phiếm" đã cuốn phăng tinh hoa dân tộc, truyền thống giống nòi, biến con người Việt Nam thành "vong bản, vong thân" :

.....
Trung hiếu tiết nghĩa của dân tộc tôi
bây giờ nổi trôi
như lớp sóng phứt hưng
mà tam tòng tử đức trên các miền tạm dung
còn có là cội nguồn
để tôi tìm được chút nào tinh tự quê hương
hay chữ nghĩa tan loãng trong xa hoa phù phiếm
rời trở thành vong bản vong thân ?

Sao chữ nghĩa lạng cãm
không vùng lên kêu gào phản kháng ?
(Quên Hết Chữ Nghĩa)

Đề tài không mới, chủ đề không mới, hình tượng nghệ thuật trong thơ Tùy Anh không cao xa, diệu vọng, không lung linh mờ ảo mà rất gần gũi, rất

sống động trong lòng, trong trí mỗi người Việt Nam yêu nước. Dù có nói về mình, có than thở, u buồn cuộc sống lưu dân, có mãi mãi tự xem mình là "kẻ lưu dân" - "kẻ lưu đây nơi đâu cũng cô đơn" (l' exilé partout est seul - (?)) -lời thơ Tùy Anh lúc nào cũng "chuyển hiện cái cô đơn riêng lẻ của mình vào trong cái cô đơn chung của tập thể dân tộc" vì bao lâu rồi, dù bên này hay bên kia, dù ngay cả bây giờ, dân tộc ta cũng đã và đang chiến đấu cô đơn dù cho có bao "đồng minh, hữu nghị" (dĩ nhiên xin gác qua bên những kẻ dùng chiêu bài dân tộc để chỉ mong giành giật quyền uy, danh lợi cho mình và cho phe phái). Do đó, tập thơ không chỉ chứa chan u sầu uất hận mà mang chở cái "hương vọng" của người thơ. Đây là cái hương vọng VỀ NGUỒN. Nguồn nào? Cái "cội nguồn dân tộc", không phải cái "nguồn gốc dân tộc" theo truy tầm lịch sử mà là cái "tinh thần dân tộc, cái tinh hoa của truyền thống giống nòi"; đây là cái "Đạo sống" của người Việt Nam. Tập thơ không nói rõ cái "NGUỒN", cái "Đạo sống" đó ra sao, tập thơ chỉ nói "VỀ NGUỒN". Người Việt Nam, bao người, có thể là phần đông, bao nhiêu năm nay "mất gốc", "quên nguồn", cả người Việt Nam cộng sản đang nắm quyền nơi quốc nội, cả người Việt Nam nơi hải ngoại chạy theo xa hoa phù phiếm :

Xin hỏi hương
Những ân tình trao gởi
Những tin yêu
Mùa lá rụng về nguồn
Xin hỏi tương
Về tình sông nghĩa núi
Lời dặn dò
Mẹ dạy nghĩa yêu thương.
(Hoài Tường)

Cái "NGUỒN" đó, ta đã quên vì chạy theo ảo ảnh lợi danh hay vì phong ba của cuộc sống, cuộc đời nói chung :
Đời như một trận phong ba
Cuốn người xa cội, đẩy ta xa nguồn
(Khi Xuân Trở Về)

Nhưng cái "NGUỒN" đó vẫn tiềm tại nơi ta. Nó luôn luôn có đấy, trong ta và ở ngoài ta, trong ngày qua, trong bây giờ và trong cả ngày mai :
... Ngoài xa dấu chân mây
Là quê hương
Là Nguồn cội
Trăm nhớ
Nghìn thương . . .
(Ngoài Xa Dấu Chân Mây)

Hoài niệm không chỉ để nhớ thoáng qua rồi quên đi mà là để tiếp tục "sống" với cội nguồn mãi mãi về sau:
... Khi trở lại tìm lối mòn ngõ cũ
Sôi xuống mặt hồ mong thấy lại đời nhau
Dịu ngọt hương cau nghe lời phù dụ
Chăm chút quê hương vì hương lửa nghìn sau . . .

(Hương Lửa Nghìn Sau)

Trước đây, đọc "Đoạn Trường Tân Thanh" của Nguyễn Du, ta thương cho thân phận hồng nhan, cho cái lẽ "tài mệnh tương đố" hoặc "trời xanh quen thói má hồng đánh ghen"; ngày nay, đọc lại tập thơ trường thiên này, ta thấy ngay -không riêng Kiều- mỗi chúng ta, mỗi một con người dù thuộc dân tộc, quốc gia nào, dù ở thời gian nào, cũng có "một Đạm Tiên của mình" và "một Kim Trọng cho mình". Qua tập thơ của Tùy Anh, hình ảnh Đạm Tiên là kiếp nạn của đất nước và thân phận lưu dân; hình ảnh Kim Trọng là cái "Cội nguồn" âm ỉ trong ta để chuyển vào ta cái "hương lửa nghìn sau" qua bao vết hằn đau khổ nhức nhối ngày đêm. Tập thơ mang chở một "Tiếng vui trong lời buồn". Bên cạnh, đằng sau những thở than, ai oán, vẫn lảng đàng cái "khí lực" của người thơ mong mỗi đấu tranh phục hồi lại cái "cội nguồn dân tộc" để tất cả cùng đậm đà trong tình nghĩa thương yêu :

Buồn xưa
lên lên về đây
xót xa nỗi nhớ
phương này
bơ vơ
Cội nguồn dù cách đôi bờ
Còn yêu thương
Chớ hững hờ đấu tranh.
(Buồn Xưa)

vi :
Đời chưa mang tuyệt hận
Người chưa mãi vong thân
Ươm thơ thành hơi ấm
Về hợp lửa đấu tranh.
(Mưa Đêm Tháng Tư)

Và tác giả mong được là "một" trong những người đấu tranh cho cội nguồn sẽ sáng bừng lên, xua tan bao trùng tâm tối :

Có tôi trên những mong chờ
Trăm năm cũng chẳng phai mờ niềm tin
Đậm xa mù dấu chân chim
Cũng đem tâm ý đi tìm yêu thương
Ai về tìm lại cội nguồn
Có tôi trên vạn nẻo đường đấu tranh
(Có Tôi Trên Vạn Nẻo Đường)

"Về Nguồn", tác giả tập thơ, không rõ cố ý hoặc do từ một đấng đũa đàng nơi tâm thức, đã luôn luôn nhắc đến "Về Nguồn, Cội Nguồn" qua rất nhiều trang thơ. Đối với những người chỉ hoài vọng giá khứ thì nhắc đến "cội nguồn" hay hô hào "về nguồn" chỉ cốt để tự hào về một số trang sử vàng son hay để tự an ủi mình trước bao tan nát của thực tại. Đối với một số giới trẻ say mê những tân kỳ của văn minh hiện, đại thì nhắc đến "cội nguồn" bị đánh giá là "tồn cổ", bảo thủ, hủ lậu và còn bị cho rằng "sự trở về với cội nguồn vừa vô ích vừa trái với tiến bộ thời đại".

Vấn đề đặt ra là cái "cội nguồn dân tộc" mà tác giả tập thơ mới gọi chúng ta "trở về" là cái gì? Tác giả không nói rõ nhưng cũng nằm trong cái điều mà bao thức giả Đông Tây đã nói đến. Đây

là "bộ truyện thiêng" của từng dân tộc, bản "Kinh tin" đã nuôi dưỡng dân tộc đó tồn tại và phát triển qua bao thăng trầm dâu bể của lịch sử mình. Không trở về với bộ "Kinh tin" đó, không lấy NÓ làm nền tảng để suy tư, suy tưởng thì là "quên nguồn, mất gốc" và dân tộc đó không còn động lực cùng ý chí đấu tranh để rời chờ ngày bị "đồng hóa" hay bị xóa tên. Cũng xin không đồng dài nêu dẫn chứng, xin hãy đọc gần đây nhất những bài của Kim Định, Trần Cao Tường, Phạm Cao Dương, Vương Kỳ Sơn trong "Đệ ngũ thiên kỷ" (1).

Tùy Anh, qua tập thơ, mời gọi chúng ta "VỀ NGUỒN" và sẵn sàng đứng vào hàng ngũ những người đấu tranh cho sự trở về nguồn cội dân tộc hầu sớm xua tan màn mây thâm đăm đàng vây kín quê nhà và phủ trùm lên tâm hồn cùng cuộc sống người Việt nơi xứ người. Từ tâm tối, từ đau buồn, thơ Tùy Anh hướng chúng ta vào niềm tin, chuyển vào ta cái hướng lực và khí lực đấu tranh.

Từ vùng trũng tối vọng bình minh
 Từ thời gian chết mộng hồi sinh
 Tương tư những buổi sầu ghê gớm
 Để khắp châu thân máu chuyển mình
 (N.T.)

Cái "cội nguồn" đó, nơi thơ Tùy Anh đưa tác giả đi tìm cái "tình người", khơi dậy cái tinh thần dân tộc, cái nghĩa đồng bào được thể hiện từ lâu qua cái "Đạo sống" của người Việt, qua các truyền xưa (2) và qua ca dao, dân ca (2) mà tiếng lòng vơi vơi ngân dài, trải rộng, âm vang nơi bất kỳ người Việt Nam nào không "mất gốc". Người Việt Nam nào cũng có "NÓ" trong tâm dù không biết diễn giảng ra sao. Chính cái "cội nguồn" và cái "tình người" đó đã chuyển Tùy Anh cũng như bao nhà thơ, bao người làm nghệ thuật khác (nếu không vì dụng ý thương mại) từ đau buồn, nhưng nhớ, uất hận sang đấu tranh, đấu tranh thực hiện "tình người". Cũng chính cái "cội nguồn, tình người" đó đã đưa đến những phong trào phản kháng bạo tàn, lạc hậu nơi quốc nội và những hoạt động đấu tranh cho nhân quyền, nhân bản nơi người Việt hải ngoại thiết tha ngày về xây dựng lại quê hương. Cái "cội nguồn" dân tộc đó đã trở thành âm ảnh, thôi thúc Tùy Anh luôn luôn đi "gọi tình người" :

.....
 Tôi đành đi gõ cửa từng nhà
 Gọi lòng trắc ẩn
 Kề gần người xa
 Xin chút lòng hồi tưởng
 Chút tình người
 Giữa cuộc đời
 Tao loạn
 Tha phương
 Có nhớ về cố hương
 Có yêu thương nguồn cội
 Mới có tình người.

Cuối năm đi gọi tình người
 Giữa cuộc đời

Chưa đủ nghĩa
 Yêu thương
 (Đi Gọi Tình Người)

"Tình người", "trở về nguồn cội" đã trở thành "Hình tượng nghệ thuật" chạy dài suốt tập thơ "Ngoài Xa Dấu Chân Mây". Trong tâm tối, u buồn, sầu đau khắc khoải, Tùy Anh không để "tay mình thừa thãi" và "đầu mình rỗng không" mà luôn luôn gieo niềm tin cho ngày tới :

.....
 Ta nơi này gieo hạt mầm lúa mới
 Bằng thương yêu, bằng chăm bón niềm tin
 Trong tâm tay ta thu mùa gặt mới
 Gửi về em theo gót nhỏ chân chim
 (Gót Nhỏ Chân Chim)

II.- Một tin đồ Phật Giáo luôn khắc khoải giữa Đạo và Đời :

Đọc thơ trước tiên là để "cảm", rồi từ cảm sang "nghĩ" để cả hai trở thành "cảm nghĩ" trong một thể thống nhất kết hợp cả suy luận của lý trí với rung động của tâm tư. "Ngoài Xa Dấu Chân Mây" của Tùy Anh cho tôi "sống" cái "không khi" đó.

.....
 Sương khói mù khơi
 Tình tự chơi vơi, cuộc đời trôi nổi
 Như mây đầu núi
 Như sóng đầu ghềnh
 Như cuộc sống bấp bênh
 Mịt mù trên cung trầm tưởng
 (Thênh Thang Nổi Nhờ)

Vâng, trên "cung trầm tưởng" đó, ta tra vấn về cái "nghịch lý" của cuộc đời, cái nghịch lý lại đưa dẫn về "thuận lý", mấy ai ngờ:

.....
 Dòng sông nào đưa đây
 Con nước về đại dương
 Cơn mưa khơi hồng thủy
 Xua nước chảy xa nguồn.

Lời thơ vừa mang chất "triết lý" vừa mang tính "thời sự". "Hồng thủy" có thể là cái "tai nạn đỏ" do người Cộng Sản mang đến, gây nên để "cội nguồn dân tộc" phải trôi nổi phiêu linh. Vâng, trận "hồng thủy" đó, cơn lốc lịch sử này đã "xua nước chảy xa nguồn" nhưng cái "cội nguồn dân tộc" không vì thế mà "chết" đi vì "Nước đi ra biển lại mưa về nguồn" (Tản Đà). Và Tùy Anh cũng bộc lộ:

.....
 Khi tình giấc thấy sông dài trước mặt
 Chợt băng khuâng, nghe biển gọi ngàn xanh
 Biển chờ người đi, đưa người trở lại
 Mộng chuyển vào đời lửa ấm đấu tranh.
 (Hư Huyền)

Tôi vụt nhớ lời thơ Bùi Giáng:

.....
 Gió khuyến khích trong dập dồn hiểm họa
 Hồn thu phong trường kiếm dựng cho bèo
 (3)

"Mộng" và "Thực", phần nào giáo lý "Sắc-Không" của nhà Phật được hiểu

thông thường qua hai từ này trong thơ ca.

Đạo Phật -cũng như đạo Khổng, đạo Lão- đã đi vào cuộc sống của người Việt Nam, của xã hội Việt Nam, trở thành "chất sống" của con người Việt Nam, của dân tộc Việt Nam từ mấy nghìn năm nay cùng với cái Đạo Trời và cái Đạo Ông Bà của dân tộc.

Tuy nhiên, nơi tôn giáo nào cũng có hai dòng tin Đạo. Một bên là giới bình dân hoàn toàn tin theo Niềm Tin (hay Đức Tin); một bên là giới có học luôn luôn thao thức đem Đạo thị hiện vào Đời. Tùy Anh thuộc giới sau này.

Tùy Anh là tín đồ Phật Giáo nhưng không đi tìm nơi giáo lý nhà Phật một "giải thoát" cho cảnh đời phù du riêng mình. Để lòng quỵn theo lời Kinh, tiếng mõ, Tùy Anh vẫn thấy chấp chôn hình ảnh cuộc đời hư ảo, trầm luân:

Đêm khuya khắc khoải lời kinh
 Nửa nghe gần gũi, nửa thành vọng khơi...
 (Khi Xuân Trở Về)

Lời Kinh vừa gần gũi vừa chơi vơi. Lời Kinh là hướng lực giải thoát, cuộc đời là nọa lực cầm chân. Tùy Anh luôn luôn bị hai lực đó tri kéo. Thoát ra bằng cách nào?

.....
 Chuông vãn reo trên sóng
 Kinh trì tụng vô cùng
 Tâm vẫn còn chao động
 Đời vô thì vô chung
 (Đi Tìm Phật)

Người thơ nào -khi suy tư về Lê Đạo- cũng tâm trạng băn khoăn như thế. Trầm mình trong lời kinh, tiếng mõ, lắng theo từng tiếng chuông ngân, cố đi tìm cái "tự tại an nhiên" nhưng vẫn nghe ngậm ngùi cay đắng của cuộc thế phù trầm tự đáy thâm tâm đang lên thê thiết, dậy dằng:

Có bến bờ giải thoát
 trong tiếng mõ hồi chuông?
 Có cội nguồn hạnh phúc
 trong đời đoạn vô thường?

"Đạo và Đời", hai phạm trù đối kháng nhau chăng? Có Đời mới có Đạo, người ta thường bảo thế. Cứ cho là vậy vì nơi đây không cốt đi vào luận giải triết lý hay Đạo học. Đời đau khổ nên mới có Đạo diệt khổ. Tùy Anh cũng đã nhiều lần tinh tâm nghe Đạo đến với mình, sáng hiện trong mình, cảm tạ Như Lai đã cho mình an nhiên tự tại:

Buổi sáng thức dậy
 tinh tâm
 trong lời chim hót
 Lòng chợt băng hoàng
 nghe đời đã khác
 tâm tối trong đêm, tâm tối trong hồn đã tàn

.....
 Buổi sớm, những bước chân hành thiên
 nhẹ nhàng thanh thân
 Nổi niềm trắc ẩn
 đã một thời ru nổi xót xa
 nay đã phối pha
 trên miền trường bằng bành sóng vỗ

Một đời đã lỡ
trên những lối làm nặng trĩu nỗi nhớ
niềm thương

.....
Những giọt sương
Giọt nước từ bi cứu độ
thành thuyền từ
đưa chúng sanh thoát vòng luân hồi bể
khổ
Giọt nước Cam Lộ
thấm nhuần vào đời
thấm nhuần vào người
thành dòng từ ái
thành an nhiên tự tại
Nam Mô Cam Lộ Vương Như Lai
Theo dấu chân Ngài
đem an bình rưới trên cuộc đời khổ ải
đem tình thương bôi xóa những hận thù
(Những Giọt Sương)

Đẹp quá đi thôi! Tùy Anh đã tự hỏi
và tự giải đáp cho mình về mối mâu
thuẫn hay "khoảng cách" giữa Đạo và
Đời:

.....
Giữa tăng và tục
là khoảng trống không cùng
của giận hờn, nhấn nhục
của chấp ngã, bao dung

Giữa đạo và đời
là khoảng hư vô diệu vọng
giữa người và tôi
là trái tim biết nói

Giữa không và có
giữa nhớ và quên
là mơ hồ cơn gió
tự tại an nhiên

Rồi một ngày tĩnh lặng
như hoa sen và nụ cười
là niềm vui vô tận
cho người và cho tôi
(Rồi Một Ngày Tâm Tĩnh Lặng)

Giữa hai "thái cực" "bờ giác - bến mê,
tăng-tục, đạo-đời, không-có", nhà thơ
bơi lội miệt mài đến một "ngày tĩnh
lặng" mới thấy được niềm vui vô tận
giữa người và người. Ngày nào tĩnh
lặng? Và bao giờ ngày đó đến với ta?
Vì rằng "sống là để trả nghiệp luân
hồi" thì làm sao:

Làm sao xóa những ưu phiền
Thênh thang bờ giác vui miên chân như
Làm sao gói trọn ưu tư
Chia xa nhân quả, tạ từ phong vân
(Người Đi, Ta Về)

Có Đời là có nhân quả; Đạo là để
thoát ra vòng nhân quả đó. Bao giờ và
bằng cách nào? "Đạo-Đời", trước nay
hầu như chưa có một định nghĩa rõ
ràng. Đời là cõi thế phù du, tạm bợ, là
giác mộng, cơn mơ, mối nợ..., nhưng
đấy là tính chất của đời chứ chưa hẳn
là đời. "Đời là trường tượng tác của
vạn pháp". Định nghĩa này có lẽ đúng
nhưng có "tượng tác" là có "nhân quả".
Do đâu có vạn pháp, có nhân quả?
Không biết do đâu có thì làm sao thoát
ra? Đạo là giải thoát, là cứu rỗi nhưng
đấy là cứu cánh của Đạo chứ chưa

định nghĩa về Đạo. Đạo do đâu có và
dẫn cuộc đời về đâu? Trước nay, mọi
trả lời đều dựa theo tôn giáo. Đạo là
Đức Chúa Trời, Đạo là Như Lai, Đạo
là cái "vô sở từng lai diệt vô sở khứ"
(không tự nơi nào đến cũng không đi
về nơi đâu) hoặc dựa theo Lão Tử, Đạo
không thể gọi bằng danh xưng nào:
"Đạo khả Đạo phi thường Đạo". Lời
Phật, lời Chúa, lời Lão không sai
nhưng hiểu được không là dễ. Đạo là
Như nhiên, như thị, Đạo tự nhiên có.
Đời có như thế chăng? Đạo-Đời, cái
nào có trước, cái nào có sau, cái nào
định ra cái nào? Chưa có trả lời nào
đứt khoát, ngoại trừ Ki-Tô-giáo giả
thiết có một Đức Chúa Trời tạo dựng
ra vũ trụ để có cuộc đời. Đạt được Đạo
là đạt đến cái "Bình đẳng tánh trí", cái
"Thức Bát nhã", cái "Trí huệ bờ kia",
cái "Diệu quan sát trí" (trí huệ nhận
thức được chân tánh sự vật một cách
vi diệu), cái "Biết của người lớn hơn
Salomon" nghĩa là cái "Biết của
Thượng Đế". Thật khó có người đạt
được ngoại trừ một số ít bậc thượng
thừa siêu đẳng. Xin không đi sâu hơn
vì vấn đề quá cao sâu, diệu vọng, mông
lung, nói đến mấy cũng không vừa và
vì nơi đây không là biên khảo, luận đề
về Đạo. Thông thường Đạo được hiểu
là cái "Tâm lành" theo nghĩa bình
thường của Đức Bác ái nơi Ki-Tô-giáo
và cái "Tứ vô lượng tâm" Từ Bi Hỷ Xả
của nhà Phật. Nhà thơ không là
Thánh, không là Bồ Tát, Thiền sư.
Nhà thơ chỉ là người phạm tục, bản
khoản về Đạo và Đời qua cái Tâm lành
đó thể hiện nơi Tình thương. Mỗi bản
khoản giữa Đạo và Đời, giữa Thực và
Mộng luôn luôn theo sát Tùy Anh và
có lẽ bất kỳ nhà thơ nào dám chiêu,
trần ngâm tư lự:

.....
Sắc không từng sợ ưu tư
Sợ do tiền định, sợ từ tiền thân
Cưu mang từ buổi hóa thân
Hạt nhân vô thí mấy lần hóa duyên
Thời gian chưa thấm mùi thiền
Nên Tâm còn nặng ưu phiền trần ai
Vấn vương từng lộn tóc mai
Tóc buông sợi nhớ, tóc dài sợi thương
(Kinh Sớm Mai Hồng)

và

.....
Sông dâng nước vẫn không đầy biển cả
Mộng qua đời không với được khuấy quên
Như con nước chảy qua dòng quá khứ
Tuy âm thầm nhưng ray rứt hằng đêm

Trong hư ảo có khi là thực
Từ vô thường -chuyển hóa- không hư
Trên phiêu bạt đời còn mang huyền lực
Từ hư danh -tham luyến- tôn phũ

Sông ra biển mất lần-ranh chia biệt
Nước đầu nguồn mù chứng tích cửa sông
Không và có như phù du cỏ biếc
Mộng và Đời như từng sợi sắc không.
(Hư Huyền)

Nhưng dù bản khoản đến mấy, nhà
thơ cũng không khỏi buông mình theo

lời kinh, tiếng kệ, không thể ngăn nổi
mình hướng về Lễ Đạo vì cái "Tâm
đạo" hầu như là thứ "sở đắc" của con
người, của người Việt Nam nói riêng.
"Người ta thường bảo: "Tu là cõi phúc,
tình là dây oan" (Nguyễn Du - Truyện
Kiều). Quả có như thế nhưng không
hẳn là như thế. Con người sinh ra là
đã có tình, đấy là thứ của cái bản
nhiên, làm sao không sống với nó. Mà
"sống với nó" là tạo "dây oan" cho
mình. Nhưng cũng chính vì "tình là
dây oan" nên mới đưa đến "tu là cõi
phúc". Nếu tình không là dây oan thì
cần gì phải tu và tu sẽ không còn là
cõi phúc, "Tu" và "Tình" như thế
không là hai cái đối lập, cái này là
phản diện của cái kia mà thật ra là
"nhân quả" cho nhau. Nhưng "nhân và
quả" nơi đây không là hệ thức khẳng
định, xác quyết như trong các định đề
Toán học, Khoa học: cái này tất yếu
sinh ra cái kia. "Nhân và quả" trong
câu thơ trên, đi đôi với nhau cùng lúc,
nhiều khi đồng hợp, nhiều khi không
đồng hợp, hoàn toàn do ý chí của con
người. Biết "tu" ngay trong "tình" thì
"tu" sẽ là cõi phúc, tình mới hết là
"dây oan". Có thể, phần nào hiểu ra cái
lẽ "Diệu hữu - Chơn không" nơi lời
Phật" (4). Tùy Anh đi vào Đạo theo
cách đó.

.....
Những điệp khúc qua lời kinh chú nguyện
Những vỗ về qua lời sám sắc-không
Như sinh thực tử tâm linh thị hiện
Nhỏ vào đời từng dòng máu thiện lương.

"Dòng máu thiện lương" đó là chuyên
chở yêu thương của người thơ vào
người, vào đời, vào dân tộc để "trở về
với nguồn cội" tranh đấu thiết lập tình
thương. "Phật" là ở đấy, giản dị và dễ
hiểu. Vì, không có tình thương, cuộc
đời nào còn nghĩa chi đâu và sẽ càng ẻ
chè đến mấy. Cái vô minh của cuộc
đời dần dần bớt đi phần nào dày đặc
do từ tình thương chan chứa đó:

.....
Người thích đi tìm Phật
trong tiếng kệ lời kinh
Còn tôi đi tìm Phật
Trong cuộc đời vô minh.
(Đi Tìm Phật)

Đúng vậy, "không phiền não sao có bờ
đề", "con tìm sâu muộng là con tìm giải
thoát". Đạo không ở ngoài cuộc đời vì
"cái này có thì cái kia có, cái này
không thì cái kia không". Các tu sĩ
đưa Đạo vào đời thì nhà thơ đưa Đời
vào Đạo. Thơ vào Đời nhưng Đạo lại
vào thơ. Không khởi đi từ "hữu vi" thì
cũng không đạt được "Vô vi" vì Thơ, ở
tầng cao nhất của nó, "không làm gì
mà không có gì là không làm", "vô vi
nhi vô bất vi" nói theo lời đức Lão. "Nó
(thơ) biểu hiện ngay phần trí tuệ cho
chính trí tuệ với tất cả những năng
lực của tưởng tượng và của nghệ thuật
mà không cần biểu lộ ra một cách khả
thị và hữu hình cho cái nhìn hữu giác"
(4). Thơ Tùy Anh phần nào mang chất

"trí tuệ" đó. Nhưng có thể gọi một số thơ của Tuy Anh là "thơ Đạo" được không? Chưa hẳn. Vì qua thơ Tuy Anh, ta thấy Đạo "giấy giữa theo Đời" hơn là "Đời thông dong trong Đạo", không như một nhà thơ khác cũng người xứ Huế:

.....
 Hỏi ai ai có biết
 Đời đẹp hay là không?
 Riêng tôi tôi chợt nghĩ
 Tuổi nào cũng màu hồng.
 (Thúy Trúc) (5)

Cái khác nhau giữa hai nhà thơ: Cùng đưa Đạo vào thơ nhưng Tuy Anh đưa Đời vào Đạo, Thúy Trúc lại đưa Đạo vào Đời.

Thơ Tuy Anh đưa ta vào suy tư, thơ gây ấn tượng nhiều cho cái "nghĩ" hơn là tác động riêng về mặt cảm tình.

Luôn luôn xao xuyến trong mỗi mâu thuẫn "Đạo - Đời":

.....
 Tìm hư không mất dấu
 Tìm kinh cầu không tên
 Nên đời thiếu an nhiên
 lòng vẫn chưa tự tại

Còn vương mang tình ái
 Nên ước vọng đoàn viên
 Còn mơ niềm an thái
 Nên tưởng nhớ mùi thiên

nhà thơ đi tìm "mùi thiên" để giải thoát chung cho cuộc đời, cho dân tộc bằng cách "trở về nguồn cội" làm sáng tỏ nghĩa yêu thương.

Nếu chúng ta còn nói được với nhau những lời yêu thương nồng ấm cùng nỗi xót xa búa vẩy thân phận Ta đến với nhau bằng nỗi cảm thông

.....
 Ta đến với nhau bằng nguồn lịch sử
 Bằng tình tự, bằng yêu thương
 bằng quyết tâm
 cho một ngày về quang phục quê hương
 (Nếu Chúng Ta Còn Nói Được Cho Nhau)

Nhưng "trở về nguồn cội" cũng là trở về với Lê Đạo nếu hiểu Đạo ở bình diện cao hơn, hiểu là nguyên lý sinh thành và dòng vận hành điều hướng dòng sinh hóa của vũ trụ và nhân sinh vì rằng "Đức lớn của Trời Đất là tài bởi sự sống" (Thiên địa đại đức viết sinh - Khổng Tử). Sống là để hiểu biết và yêu thương hầu cùng đi về "giải thoát" mọi đau khổ của cuộc đời. Giản dị chỉ thế nhưng cũng khó khăn thay!

* * *

Thơ Tuy Anh gần với chúng ta do hai đặc điểm nêu trên. Thơ Tuy Anh buồn nhưng mang chỗ niềm vui; thơ Tuy Anh buồn nhưng chuyển vào ta niềm tin và nghị lực. Thơ đi vào suy tư nhưng đôi lúc, ta thấy tác giả hầu như còn lung tung nên lời thơ một đôi chỗ chưa mấy tự nhiên. Thơ Tuy Anh không bình dị mộc mạc, không tươi mát, trẻ trung, không đem lại cho ta những đàn trái mộng mơ của tình cảm

dịu dàng, không ve vuốt ta trong những âm êm dịu ngọt của thứ tình lãng mạn cá nhân. Thơ Tuy Anh là thơ của người lớn tuổi, của kẻ đã trải chịu đau thương vì cảnh tình đất nước và dân tộc, thơ của xúc cảm vì suy tư hơn là do bông bột, bành bông của cảm tình. Đây là thơ của kẻ bị dằn vặt bởi nghĩ suy, tư lự, thơ đem "hòa" cái "tôi" của mình với cái "ta" của đất nước. Lời thơ nhiều lúc chất chứa cái nghiêm trang, cổ kính, phần nào có tính cách "bác học". Lời thơ không mang chỗ ta đến một vùng hoan lạc nào xa, đến một khung trời bành bông, chơi vơi, thanh thoát, không ru ta vào một viễn mộng, viễn mơ. Lời thơ ghim ta vào thực tại đang sống, bắt ta nghĩ suy về thực tại này - thực tại của ta và của đất nước- để ta đặt vấn đề với ta, tra vấn cùng ta để hình thành nơi ta một bước "hồi đầu", để tự ta biết "hồi hướng, hồi tâm", từ đó biết "làm gì, làm sao" cho ta và cho dân tộc. Cái "hình thức" -nếu gọi là hình thức- trong thơ Tuy Anh nơi tập "Ngoài Xa Dấu Chân Mây" này, theo tôi, là như thế.

Nguyễn Thùy

Chú Thích:

(1) Xem "Việt Nam: Đế ngữ thiên kỳ" do Vương Kỳ Sơn chủ biên và Trung Tâm Văn Hóa Việt Nam xuất bản (Vietnamese Culture Center, PO Box 29683 - New Orleans - Louisiana 70189, USA)

(2) Xem "Văn Học Việt Nam của Võ Thu Tịnh, sắp xuất bản.

(3) Chú thích lời thơ: Gió: cơn lốc lịch sử; Hồn thu phong: lấy ý Nho giáo: Đưa kẻ quân tử như gió, ở đây ám chỉ kẻ trượng phu nhận lãnh trách nhiệm lèo lái con thuyền; trường kiếm: khả năng tung hoành ngang dọc; bèo: thân phận đang bèo giạt hoa trôi của mọi người vì hiểm họa của cơn lốc lịch sử.

(4) N.T.: Thơ cho Thúy Trúc phân tích tác phẩm "Viết cho người tình" của nhà văn, nhà thơ nữ này.

(5) Elle (la poésie) exprime immédiatement l'esprit pour l'esprit lui-même avec toutes les conceptions de l'imagination et de l'art, et cela, sans les manifestes visiblement et corporellement aux regards sensibles - Hegei, Esthétique, bản dịch Pháp ngữ, trang 119, PUF, 12ème édition 1988.

(6) "Thơ Thúy Trúc", Phi Văn xuất bản, USA 1990.

Bài Về

NHẮC BẠN

. Trần Đăng

Lẳng lẳng mà nghe
 Bài về nhắc bạn
 Là người TỶ NẠN
 Trước khi ra tòa
 LÝ DO đưa ra ?
 Là ta PHẢI CÓ ?
 Việc này không khó
 Nếu ta biết làm
 Đừng nói miên man
 Nói nhảm vô ích
 Nói cho trúng đích
 Ý hỏi của tòa :
 - Ở Việt Nam ta ?
 - Sau là Hải ngoại ?
 Tôi xin nhắc lại
 Sự kiện đưa ra
 Sao cho chính xác
 Xin đừng bốc phước
 Nói lạc vấn đề
 Nếu nói lê thê
 Cũng đều là hỏng
 Xin đừng vội nóng
 Là hỏng mất rồi
 Xin nhắc mọi người
 Phải nên bình tĩnh

Phải có bản lĩnh
 Tham gia biểu tình
 Có ảnh, có hình
 Có giấy chứng minh
 Cũng được một điểm
 Hội thảo, kiểm điểm
 Cần có là hai
 Rất cần có bài
 Đăng báo Hải ngoại
 Làm tại Đức đây
 Bài nói phớt bày
 Thối nát Cộng Sản
 Cần nên can đảm
 Vào trong hội Đoàn
 Có nhiều việc làm
 Tổ chức đấu tranh
 Để giành Dân chủ
 Ta rủ nhiều người
 Cùng chung gánh vác
 Xin đừng lười nhác
 Há miệng chờ sung
 Làm bậy lung tung
 Vào đường tội lỗi
 Nay các bạn ơi
 Hãy nhớ lời tôi
 Kinh nghiệm cho rồi
 Hãy ngồi nghĩ lại
 Bởi tại đâu ta
 Suy nghĩ chưa ra
 Phải đi học hỏi

Đêm 07.7.94
 Sau khi ra tòa

ĐỌC TÁC PHẨM

"Giữa Chôn Cung Vàng"

**của Thượng Tọa Thích Như Điển,
Trụ Trì Chùa Viên Giác, Đức Quốc,
là xem như đã đi hành hương
Phật Tích xứ Tích Lan**

. QUẢNG ĐỆ

Chùa Viên Giác (Đức Quốc) đã được Thượng Tọa Thích Như Điển đứng ra xây cất từ mấy năm nay, nghe nói Chùa rất lớn, chi phí hoàn thành lên đến 5, 7 triệu Đức Mã, thế mà Thượng Tọa sau khi làm lễ Hoàn Nguyệt xong, thì cúng cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu.

Tôi và gia đình tôi cũng là Phật Tử, vì ở xa nước Đức, nhưng lúc nào cũng muốn viếng Chùa, thăm Thượng Tọa cho biết, cứ mỗi mùa hè về thì lại có chuyện, nên không thể thực hiện được cái ý nguyện của mình, mãi đến năm nay, được gia đình anh chị Thiện Căn Phạm Hồng Sáu, cũng là anh chị em kết nghĩa cùng họ Nguyễn và Phạm với nhau, đã mời rất nhiều năm, nên hè năm nay mới thực hiện được trọn vẹn; gia đình tôi đi từ tuần lễ cuối tháng 7.1994, sau khi trên đoạn đường có ghé thăm bạn bè, học trò cũ, còn được dịp ghé thăm anh chị Giáo Sư Phạm Việt Tuyên, Chủ Tịch Trung Tâm Văn Bút Âu Châu ở Strasbourg (Pháp Quốc), để rồi đến thăm gia đình anh chị Phạm Hồng Sáu (Thiện Căn và Hồng Nhiên), hai gia đình chúng tôi đã xa cách mấy mùa hè, nay gặp lại hai họ Nguyễn & Phạm thật là vui vẻ khó đầu hàng, có thể nói là "âm re" (đây là từ ngữ đặc biệt của anh chị Sáu thường nói với nhau). Anh chị Sáu cùng gia đình tôi đến thăm Chùa Viên Giác vào ngày 02 tháng 8 năm 1994 và được gặp Thượng Tọa Thích Như Điển vào chiều ngày 03 tháng 8 năm 1994. Ở Chùa được một đêm, khi đến nơi tôi thấy Chùa quá lớn, lại đẹp từ trong Chánh Điện, đến sân, Cổng, Tháp Bảy Tầng, ... Nơi đây, chúng tôi được gặp Bác Thị Tâm Ngô Văn Phát, Hội Trưởng Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Đức Quốc, anh Sanh, chị Nga (hiên thê của anh Sanh), anh Nhuận, phụ trách về phần kỹ thuật trong việc in và phát hành Kinh, Sách, Báo tại Chùa, được gặp quý Ni Sư, cùng quý

Bà phụ trách trai soạn và quý Đạo Hữu trẻ phụ trách tu bổ Chùa. Đặc biệt, có hai vị người Đức, một vị từng là Giáo Sư và một vị là Sinh viên Đại Học cũng đến tu tại Chùa.

Mãi đến gần 7 giờ tối ngày 03 tháng 8 năm 1994, gia đình tôi cùng anh chị Sáu mới gặp được Thượng Tọa trụ trì khả kính, mặc dù Thượng Tọa đã đi



đoạn đường quá xa bằng xe lửa, từ Lyon (Pháp Quốc) về đến Chùa, Thượng Tọa vẫn tiếp đón chúng tôi, lúc nào trên môi để một nụ cười thật tươi và đầy từ ái, sau những phút hàn huyên ngắn, vì đã có chương trình trước cũng như chúng tôi đã gặp được những anh chị trong văn phòng rồi, nên xin tạm chia tay Thượng Tọa, vì Thượng Tọa đã tới giờ cúng ở trên Chánh Điện, mặc dù Thượng Tọa không có nhiều thì giờ, nhưng Thượng Tọa cũng lấy cho mỗi gia đình chúng tôi một vài cuốn sách về Đạo và xin hẹn lại dịp khác. Thế rồi, đến ngày 28

tháng 8 năm 1994, tôi lại gặp được Thượng Tọa tại Chùa Thiện Minh (Pháp Quốc), nhân dịp Thượng Tọa đến tham dự Lễ Vu Lan và Thượng Tọa phát hành tác phẩm GIỮA CHÔN CUNG VÀNG, nên Thượng Tọa có tặng cho tôi tác phẩm quý báu này.

Sau khi đọc xong tác phẩm GIỮA CHÔN CUNG VÀNG này, xem như tôi đã đến hành hương Phật Tích nước Tích Lan, vì nơi đây chúng ta sẽ thấy Đạo Phật ở đây là Quốc Giáo, có một đời sống rất thanh bản, nhưng an lạc, chúng ta sẽ thấy được nơi thờ Linh Nha (Răng) Đức Phật, ở tại Kandy (Tích Lan). Đức Phật có 40 cái răng, không phải 32 cái răng như chúng ta, ngày nay trên thế giới còn giữ được 2 cái, một cái ở Tích Lan và một cái ở Trung Quốc (xem trang 88). Muốn vô chiêm bái Linh Nha phải qua 10 lớp cửa thành được lính và chư Tăng canh giữ rất cẩn mật, đến từ cánh cửa thứ 7 trở đi, thì được mạ vàng và đến cánh cửa thứ 10 thì thấy nơi tôn trí Linh Nha Phật, bao bọc bởi một cái tháp nhỏ cao chừng 1 thước, tất cả bằng vàng và trên đỉnh tháp ấy có hàng hà sa số là kim cương, ngọc thạch của các vị vua Thái Lan, Miến Điện, Tích Lan ... hiển danh lên Đức Phật (xem trang 95) ... vân vân. Đó là một trong những Phật Tích ở Tích Lan.

Nếu chúng ta đã được đọc tác phẩm LÒNG TỬ ĐỨC PHẬT do Thượng Tọa Thích Như Điển trong chuyến hành hương Phật Tích tại Ấn Độ, viết xong ngày 31 tháng 12 năm 1988, nơi đây chúng ta đã thấy được Phật Tích tại Ấn Độ, thì chúng ta sẽ thiếu sót, vì tác phẩm GIỮA CHÔN CUNG VÀNG, sẽ bổ túc thêm những Phật Tích tại Tích Lan, vì mỗi nước có một đặc biệt riêng của xứ Phật.

Chúng ta là Phật Tử, không những chúng ta ăn chay, niệm Phật ... mà chúng ta cần phải biết thêm về Phật Tích Đức Phật, nếu chúng ta không có cơ hội để đến hành hương tận mắt như Thượng Tọa, thì chúng ta xem những tác phẩm của Thượng Tọa đi hành hương cũng lãnh hội được ít nhiều sự cao siêu màu nhiệm của Đức Phật.

Vậy, tôi xin mạn phép giới thiệu cùng tất cả quý bà con Phật Tử hai tác phẩm:

LÒNG TỬ ĐỨC PHẬT, và GIỮA CHÔN CUNG VÀNG.

Bởi vì, hai tác phẩm này rất quý báu không những cho chúng ta, để sau này chúng ta có thể làm tư liệu khi chúng ta có đầy đủ phương tiện đi hành hương tận nơi, mà là nó sẽ làm cho chúng ta biết được thêm những Phật Tích mà chúng ta chưa được thuận duyên đi hành hương tận nơi Phật Tích.

**Nguyễn Phú Thứ / Quảng Đệ
Lyon - France**

Vài cảm nghĩ về Thi Tập

Quê Hương Là Tình

của Nữ Sĩ Minh Châu Thái Hạc Oánh

BAO LA CƯ SĨ

Từ ngày xuất ngoại tới nay, tính ra gần 20 năm xa lìa Quê Hương yêu dấu, bởi những biến cố trầm trọng, xáo trộn đời sống yên lành của nhân dân miền Nam, do cuộc xâm lăng của Cộng Sản miền Bắc, chúng ta giống như đàn chim vỡ tổ, tản mác khắp bốn phương trời. Trên các nẻo đường tha hương, lòng và trí luôn luôn bị ám ảnh bởi Quê Hương, chỉ tìm thấy trong Hình ảnh và Thi ca qua những cảm hứng dạt dào của Văn nhân, Thi sĩ và Nghệ sĩ.

Về phần chúng tôi, tuy không dám nhận mình là thi sĩ (mặc dù tôi có làm thơ Việt và Pháp) đã được hân hạnh tiếp nhận trên sáu mươi Thi tập, với lời đề tặng của các tác giả quý mến, mà tôi cần trọng sắp xếp trong thư phòng Chiêu Anh Các. Phần lớn các Thi phẩm là những tiếng lòng, những tâm tư, những lời than và ước vọng, những hoài bão nhớ nhung đối với quê hương.

Riêng về **Nữ Thi sĩ Minh Châu**, chúng tôi cũng được đề tặng hai thi phẩm có giá trị, là **NHỚ THƯƠNG** (1990) và **QUÊ HƯƠNG LÀ TÌNH** (1993), bản quý, có ghi bài thơ viết tay như sau:

*Đời ví tựa bóng câu qua cửa,
Giàu sang rồi cũng lại sắc không.
Văn chương thi phú bận lòng,
Rượu vui, Trăng ngắm, mơ màng
Nàng Thơ.*

Với bài thơ 7-7 / 6-8 này, Nữ sĩ đã thu gọn tất cả Triết lý cuộc đời trầm bổng của những kẻ ly hương xa xứ, "cùng một lửa bên trời lân đận", như lời than của Bạch Cư Dị (772-846) trong *Tỳ Bà Hành*, do Phan Huy Thực diễn Nôm.

Toàn Thi tập **QUÊ HƯƠNG LÀ TÌNH** thu gồm trên 130 bài thơ đủ thể loại: Thất ngôn đường luật, Ngũ ngôn, Tứ tuyệt, Song thất lục bát, Thơ dịch Đường thi, Thơ tự do, Thơ xướng họa của các thi hữu gần xa, chưa kể những Họa phẩm minh chứng Thi ca với những nét đan thanh của chính Nữ sĩ, vốn là Họa sĩ tài danh.

Với nội dung súc tích như trên, chúng ta có thể khẳng định rằng Thi tập

QUÊ HƯƠNG LÀ TÌNH minh chứng hai câu: *Thi trung hữu nhạc* (Trong thơ có nhạc) và *Họa trung hữu thi* (Trong tranh có thơ) của người xưa.

Qua những bài thơ tình tứ, với chữ nghĩa chọn lọc, vần điệu thanh tao, ý tứ dồi dào, Nữ sĩ Minh Châu đã diễn tả tâm tình của mình qua nhiều kỷ niệm vui buồn, xen lẫn với tình nhà nợ nước và Hải Ngoại hăm hiu. Bài thơ tiêu biểu *Mẹ Việt Nam* đã khiến chúng tôi bùi ngùi vô cùng (trang 26-27) đặc biệt với bốn câu sau cùng:

*Mẹ Việt Nam, Mẹ Việt Nam,
Mẹ là ánh sáng trăng rằm soi đêm.
Tình Mẹ là khúc nhạc êm,
Huy hoàng chói dậy mang thêm ấm nồng.*

Qua bài thơ *Nhìn Hoa Rơi* (Trang 29), mà chúng tôi cho là tuyệt tác và xin trích dẫn ra sau đây, chúng ta nhận thấy Nữ sĩ Minh Châu Hạc Oánh rất nhạy cảm, khi nhìn thấy hoa rơi rụng, trôi dạt nơi "bềnh bồng thủy diện", thì chau mày nhớ tới thân phận của mỗi người chúng ta trên đường ly quốc:

*Thương đóa hoa rơi cuộc giữa dòng,
Cánh tàn hương nhạt phận long đong.
Lênh đênh mặt nước không bờ đậu,
Dào dạt ven sông chẳng bến ngừng.
Sóng gợn âm ba đời lặn ngụp,
Gió dòn ở ạt kiếp bình bồng.
Ngậm ngùi chạnh nhớ người lưu lạc,
Cùng cánh nổi trôi khiến động lòng.*

Nhớ lại cuộc đời phiêu bạt gian truân của Nàng Kiều, Nữ sĩ Minh Châu đã thương xót cho nàng trong bài *Thần Phận Kiều* (trang 77):

*Tình hiếu đôi bên lòng gánh nặng,
Lửa hương trọn kiếp dạ in sâu.
Éo le phận bạc đành sai hẹn,
Dang dở tơ duyên giấc mộng đầu.*

Nữ sĩ Minh Châu cảm thông trạng huống bi đát của Nàng Kiều, cũng như nhà thơ Chu Mạnh Trinh (1862-1905)

đã từng cảm thông thân phận Nàng Kiều:

"Than ôi! một bước phong trần, mấy phen chìm nổi, một trời mờ mịt, bề giạn mỏng mệnh. Sợi tơ mảnh theo gió đưa đi, cánh hoa rụng chọn gì đất sạch".

Cánh hoa rụng không những "chọn gì đất sạch" mà cũng không hề có tiếng kêu vang gì cả, đúng như lời than của nhà thơ Vi Thừa Khánh, thời Sơ Đường (618-713) trong bài:

Nam Hành Biệt Đệ

*Đạm đạm Trường giang thủy,
Du du viễn khách tình.
Lạc hoa tương tử hận,
Đáo địa nhất vô thanh.*

Bài thơ này đã được nhiều thi gia phiên dịch ra Quốc âm (Việt ngữ) trong đó có nữ sĩ Minh Châu qua hai bài thơ rất chính xác và lưu loát:

*Trường giang xuôi nhẹ nhàng,
Khách xa tình ngổn ngang,
Cảm thương hoa rụng hận,
Lặng rơi chẳng tiếng vang.
Lặng lẽ nước chảy Trường Giang,
Khách xa tình những ngổn ngang
trăm đường.
Hoa đường chung mối hận lòng,
Lặng rơi xuống đất tuyệt không tiếng nào.
(Minh Châu - Hạc Oánh) Trang 90-91.*

Trải qua nhiều cuộc bể dâu, dòng sông chen lẫn với dòng đời, xưa kia là *Trường Giang* nơi xứ lạ, còn nay là *Hương Giang* của nước mình, trên tư chứng kiến bao cuộc phế hưng, mà Nữ Thi Sĩ Minh Châu đã khéo léo mô tả trong bài "Hương Giang":

*Lặng lẽ nước chảy Hương Giang,
Trăng lồng in bóng một vùng không trung
Một con đò nhỏ về mô,
Hai bờ sóng vắng Cố Đô nào nùng.
(QHLT - trang 28)*

Vì lòng cảm thấy nao nùng mà Nữ Thi sĩ Minh Châu đã bàng khuâng nhớ tới các em học sinh Trường Kỹ Thuật, Vô Trường Toàn và Cao Đăng Mỹ Thuật Sài Gòn, v.v... đã hăng say:

*Vì Tổ Quốc em xông pha ngang dọc,
Chí quật cường nổi gót Tổ tiên xưa.
Tân đã hứa diệt thù cho Dân Tộc,
Ngại ngừng chi bom lửa với đạn mưa!
(Thương em - trang 85)*

Trên hàng Tổ tiên xưa, nữ sĩ đã kính cẩn nhớ tới Mẹ hiền đã tàn tảo:

Nuôi con lặn đận tháng năm,

Một thân xuôi ngược đứng nằm lo âu.
Nào khi mưa nắng dãi dầu,
Bao nhiêu phiền não âu sầu lặng
thinh.

(Mẹ Việt Nam - trang 26)

Nơi gương bà Âu Cơ và các Long Nữ từ Động Đình Hồ qua tới Phong-Châu Hồ-Tĩnh, tiến tới Đông-Nai Bến-Nghé, thẳng cánh cò bay, hoàn thành lãnh thổ trên bán đảo Đông Dương. Ôi! biết bao là Thương Nhớ bà Mẹ ngàn đời của Dân Tộc Việt Nam, đã quên ăn quên ngủ, bỗng con chờ chồng, để rồi hóa đá trên Hòn Vọng Phu dải đầu sương tuyết:

*Gió Động Đình mẹ ru con ngủ,
Sóng Tiên Đường thức đợi năm canh.
Tiết trời thu lạnh lạnh lạnh,
Cỏ cây khóc Hạ, hoa cảnh thương
Đông.
Bồng bồng bồng, bồng bồng bồng,
Vọng điều Mẹ bế con Rồng cháu Tiên.*
(Ca dao)

Rồi nữ sĩ ngâm ngợi Nhớ Thương Thân Phụ: Cụ Thái Quý Thiện Quận Công mà ứa lệ trong phút chia ly vào Thu 1946, và cũng từ đó bật tin, thăm lặng nhập vào hồn thiêng sông núi:

*Còn nhớ ngày nào lúc tiễn đưa,
Hoàng hôn vắng lặng, khách lưa
thưa.
Trạm ga xơ xác, vì oanh tạc,
Xe lửa lố loang, bởi đạn mưa.
Một tiếng còi vang, nghe ảo não,
Đôi dòng lệ nhỏ, khó ngăn ngừa.
Biệt ly từ đấy đau lòng trẻ,
Xa xót sâu thương thân phụ xưa.*
(Nhớ Thân Phụ - Một ngày kỳ - trang 63)

Và bỗng dung, nữ sĩ Minh Châu phóng tầm mắt tới xứ Arménie, một quốc gia bất hạnh đang bị chiến tranh, huynh đệ tương tàn, khiến cho:

*Cha mẹ có bóng dung thành cõi cút
Sum họp rồi sao hóa lại lẻ loi.
Nước mắt tràn nức nở chẳng ngừng
rơi,
Trước bi cảnh ngẩn ngơ như mất trí.*
(QHLT - trang 86-87)

Tuy nhiên, Thơ của Minh Châu vẫn gọi lên niềm hy vọng nơi một Tương Lai tốt đẹp, thắm nhuần hoài bão và chứa đựng ước mơ:

*Ước sao ngừng được bước thời gian
Cho giấc mơ êm chở vội tàn
Cho tuổi thanh xuân còn vĩnh cửu
Cho đời tươi đẹp khỏi lăm than*
(Thời gian - trang 80)

Paris (Chiêu Anh Các)
Quý Thu Quý Dậu, 1993
Bao-La Cư-Sĩ

ĐỌC VŨ NAM QUA TÁC PHẨM

*Bên này bức tường
Bá Linh*

. huy giang

Mỗi thêm điều thuốc, tôi với tay mở tung cánh cửa. Gió lùa vào đây áp căn phòng nhỏ, mát rượi. Phía ngoài thật im vắng, có lẽ đã khuya lắm rồi thì phải. Nền trời xanh lơ của tháng chớm hạ đây sao lấp lánh. Tôi hít một chuỗi dài đầy không khí trong lành của thiên nhiên vào phổi, nên thấy dễ chịu là lạ.

Từ chiều. Không - Phải nói rằng bắt đầu vào đêm thì đúng hơn. Tôi đã mê mãi theo chân nhà văn Vũ Nam đi, sống với mười hoạt cảnh từ thương xót, đam mê, ngỡ ngàng... qua 10 truyện ngắn, trong Tập truyện **Bên Này Bức Tường Bá Linh** của anh vừa mới xuất bản.

Thật khó mà nói cho tận cùng "cái" tâm của tôi khi hân hạnh được nhà văn Vũ Nam dẫn dắt lúc đứng trên mảnh vườn kỷ niệm này, lúc chợt như nằm thoải mái trên thửa mạ miền Đông khác, mỗi mỗi đều có một sắc thái đặc dị khác nhau, mỗi một băng khuâng êm ả khác nhau, lắm lúc có như tiếc nuôi ngăn ngại, lắm lúc chợt như giận hờn vu vơ quanh quẩn, lúc lại đam mê với những ngón tay mềm mại (hình như) của người tình mơn trớn, vỗ về, xoa nhẹ lên da thịt tôi mênh mang, nóng bỏng... Có khi lại thấy như... "Những lúc nằm trong phòng vắng như thế, Tường mới yên tĩnh nhìn ngắm bầu trời được đóng khung bởi hai bức tường của hai khu nhà bên cạnh. Một khoảng không gian nhỏ nhắn được nhìn ngắm từ căn phòng vắng lặng, rút sâu trong nhà. Tường thấy đời sống như lần đi lùi vào vùng đen thẫm, bị bưng bít trong những bức tường vôi trắng nhỏ, ngọt ngọt và âm u. Chàng choàng tỉnh, vùng lên, mở tung cửa phòng đi ra để nhìn lại thế giới vang động bên ngoài. Những sự kiện thay đổi trong đời sống nội tâm như thế, chàng cho là có gì bất an, một trạng thái tâm thần không ổn định. Chàng sợ dần dà rồi mình cũng bị bệnh tâm thần như cuốn sách của ông bác Peter Halama đã dẫn giải" (Trang 56 - Bước Trên Thềm Cũ).

Cái thời khắc gò bó, xiết chặt không hồi hải, không ồn ào của ngày tháng

quần quanh, cô đơn, im vắng với bao công việc xung quanh cho xa hội, cho gia đình, cho mọi vấn đề chẳng đáng dừng... Cứ mỗi lúc mỗi chổng chất thêm hơn ở một thực cảnh quá ư cùng cực, xô bồ làm Tường thêm khát sự yên lặng cho tâm linh, dù thật ngăn ngại. Tường ước mơ "Không gian nhỏ nhắn được nhìn ngắm từ căn phòng vắng lặng, rút sâu trong nhà" Tường muốn nhìn lại kỷ niệm từ ở một góc cạnh thật nhỏ, ôm đầy dư vị thương yêu thật rõ ràng, trong suốt tựa những cánh hoa Albenweichen màu hồng đỏ được bao quanh chùm lá tròn tròn, nhỏ nhỏ điểm phớt màu trắng đục dưới cánh hoa, tương tự như những đóa sen vươn lên khỏi mặt hồ nước trước sân chùa, dạo nào chàng theo chân người thầy cũ cuối tuần thường đến làm công vụ. Muốn hình dung lại thêm những bậc thang đá gợn vằn hổ phách láng bóng dẫn tiếp nối lên chánh điện, ẩn dưới thềm, len trong kẽ đá màu lấm tẩm ngọc bích những chiếc lá cỏ non mong manh còn hứng lóng lánh mấy giọt sương đêm lạnh giá, nhưng không giấu được phảng phất như có một chút hương thơm là lạ... Và để cho Tường đi vào vùng lung linh niềm suy tưởng đến những khuôn mặt thương yêu của vài mối tình đã đi qua đời chàng, nhưng còn xót hoài nơi ngăn tiêm thức vại vết son nhưng nhớ như *Luyến, Isabella*... Dù hình ảnh đã đi, đi qua thật lâu mà vẫn còn đâu đó quanh chàng sự êm ái ngọt ngào mỗi khi khơi động bất chợt tâm thức ngăn ngại...

Bên Này Bức Tường Bá Linh - Tập Truyện thứ ba của nhà văn Vũ Nam, do Miệt Vườn P.O BOX 25321 Winston-Salem NC 27114 - 5321 USA ấn hành. Sau hai tác phẩm Sau Ngày Tang và Bên Dòng Sông Donau do Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam, Chùa Viên Giác tại Đức ấn hành, xuất bản.

Hai tác phẩm trước, rất tiếc tôi không được đọc toàn bộ, nhưng với một vài bài đã trích đăng tôi được hân hạnh biết qua, và một trong những bài tôi thích, cảm động nhất đó là bài *Quê*

Hương Nước Ngọt (trong *Tập Truyện - Bên Dòng Sông Donau*). Ở hai tác phẩm *Sau Ngày Tang, Bên Dòng Sông Donau* cùng với những truyện ngắn đăng trên Văn, Làng Văn, Nắng Mới, Độc Lập, Sóng, Viên Giác... Thật sự Vũ Nam đã có một chỗ đứng vững chắc trên Văn đàn Việt Nam Hải ngoại.

Bây giờ ở đây, tôi không nói đến những truyện ngắn khác, hay hai tác phẩm *Sau Ngày Tang, Bên Dòng Sông Donau*. Mà tôi đang góp ý sau khi đọc qua *Tập Truyện Bên Đây Bức Tường Bá Linh*. Với 10 truyện ngắn chất chứa đầy ứ thương yêu, đau đớn dâng đặc pha trộn trong chuỗi ngày tháng hòa mình cùng môi trường thực tại. Môi trường mà bất cứ ai đang hiện diện trên đất lạ, xứ người này cũng có ít nhất một lần "tương tự" như gặp phải.

"Trời mùa đông, đang độ rước xuân sang nên đã mười giờ sáng, mà bên ngoài bầu trời vẫn còn xám đen, mây vẫn đục. Thấy khói thuốc lá từ miệng Tân bốc lên này giờ làm tôi có chút khó chịu, tôi đến bên cửa sổ hé ra để hít vội những làn không khí mát lạnh từ ngoài cửa đang tràn vào. Sương bên ngoài vẫn còn chụm phủ các mái nhà. Khu vườn nhỏ để trồng rau của vợ chồng Tân đã được cuộc vỡ lên từ cuối hè phơi trần một màu nâu sẫm. Bên kia đường, vườn táo trong ngày hè lá và quả xum xuê, giờ trụi lá khoe những thân cây khô ran lạnh lẽo. Chỉ có đám cỏ trong khu vườn là còn xanh tốt mượt mà, ẩn dấu hơi sương" (trang 121-122).

Đó, rõ ràng là vậy, xung quanh tôi bấy lâu nay sắp bày cảnh vật vào thời khắc, tiết trời cận đông lạnh giá là vậy, nhà văn Vũ Nam đã viết lên dùm tôi một cách tuyệt vời, gợi ghém đầy đủ trong mấy đoạn đơn sơ khi *Mùa Xuân Đến Muộn màng*, hay ví dụ một cuộc tình chậm qua cũng thế, đều như đã làm cho tôi ngỡ ngàng và chợt "... hiểu cái vui sướng muốn khóc của tôi" (trang 136 - *Mùa Xuân Đến Muộn*).

Cũng gần giống như tâm trạng Cương, nhân vật chính trong truyện ngắn *Bên Đây Bức Tường Bá Linh*, trang 17. Truyện ngắn đề tựa cho Tác phẩm văn chương thứ ba của nhà văn Vũ Nam. Tôi bắt gặp nhiều lần "cái" vòng lẩn quẩn khô cứng, vô duyên, gò bó đến độ nhàm chán, đôi lúc khó khăn lắm mới tìm ra cho chính mình một lối thoát thoải mái ngắn ngủi "Có hôm đến đây, thay vì đi vòng vòng bên dưới để ngắm. Cương rủ Lan vô thang máy đi thẳng lên cái nhà hàng được cất trên một cái tháp cao khoảng 200 mét. Rồi từ đó nhìn xuống thấy khắp thành phố Muenchen, thấy tận xa xa, những căn nhà thu hình lại thật nhỏ nằm xen kẽ vào những cánh

đồng lúa mì, lúa mạch; hoặc những cánh rừng sồi, giờ chỉ còn thu gọn lại từng đám nhỏ màu xám đậm. Có hôm, trời vừa chiều, nhưng cái lạnh bất chợt đã đến, và nhiệt độ thấp dần, tự dưng Cương có cảm giác mình như đang thiếu thốn một cái gì: một làn da mềm mại chẳng hạn! Cương lại đến rủ Lan đi chơi".

Có gì mới mẻ đây nhỉ, có gì hứng thú, tươi mát đây nhỉ sau thời gian mà "Trời bên ngoài thật sáng vì màu trắng của tuyết đọng lại trong hai tháng nay, trên những mái nhà nằm sát nhau, những thảm tuyết dày đặc vẫn còn nằm trơ ra đó, không mây may tan rã. Cái lớp cũ sắp tan đã có lớp khác phủ lên sau một lần tuyết rơi. Và dọc hai bên đường xe, những đống tuyết nằm xen kẽ với hàng cây không



còn lá, chỉ là thân và cành nhánh trơ ra một màu sậm đen trơ trọi, làm cảnh vật trông càng hoang lạnh hơn trước mắt nàng" (trang 139 - *Hai Mảnh Đời Bên Đây Cánh Rừng*). Hiu hắt, hoang vắng quá cảnh đời hiện hữu làm co quắp tôi lại như con cuốn chiếu cô đơn, hiền ngoan đến độ tội nghiệp, như cảnh cây táo già trước tuổi khảng khiu, trụi lá non hy vọng trơ cành van xin mòn mỏi sợi nắng ấm quay về cho nảy búp, đơm bông vui mở kỳ hội lớn...

Và vì tôi là một thuyền nhân trong mùa quê hương đổi đời thế thảm, tủi nhục và thống hận của năm 1975, cho nên tôi dễ dàng bị xúc động, với chia xẻ nỗi niềm đau đớn. Khi nghe, thấy người chung cuộc Việt Nam kể lại chuyện vượt biên trốn lánh nanh vuốt lũ quỷ đồ tàn bạo, ừ lì khát máu. Bất cứ trên phương diện nào, vượt biển bằng thuyền hay vượt biển bằng cách ẩn mình trên nóc xe lửa, đường bộ xuyên rừng, qua núi... Cách nào cũng thế, cũng có những gian nan, đói khát, máu, nước mắt, và nỗi thống hận,

nhọc nhằn gần giống như nhau cả! Để rồi, suốt cuộc đời còn lại phải ngậm ngùi khi bất chợt, có khi thường xuyên kéo về trong đêm vắng đối diện lương tâm!... Biết bao giờ cho quen được vết hằn của một kiếp người Việt Nam ty nạn lặn lội đi tìm Tự Do trên xứ người xa lạ đây nhỉ? Biết bao giờ?... Chắc không bao giờ đâu, chắc chắn là thế. "Cha nó đã chết giữa biển khi ghe vượt biên của cha nó rơi vào tay tội thuyền chài Thái! Thái cướp của cướp vàng trên ghe, rồi xô người xuống biển. Lúc cha trầm mình bực tử, nó chỉ có khóc, khóc trong tay của người bạn thân của cha nó, rồi nó lưu lạc theo người này đến đấy, một phương trời xa lạ"... (*Đêm Rồi Cũng Qua* - trang 90)

Hoặc có còn cơ khổ nào hơn trong lòng người thiếu phụ đeo mang vội vã, sau những ngày trông chờ mòn mỏi một niềm tin "Hai tuần sau từ ngày chồng ra đi, nàng nhận được một điện tín báo về. Nàng hoang mang chỉ có dòng chữ ngắn ngủi: Đã đến Singapor. Trầm, tên con nàng. Còn cha nó đâu, chồng của nàng đâu? Sao chỉ có tên con trên tờ điện tín? Chẳng lẽ cha nó, Cha... nó...? không, nàng không dám nghĩ đến cái điều ấy. Ấy vậy mà điều ấy đã đến! Một tháng sau thư người quen của chồng báo về: ảnh đã chết mất xác giữa biển. Trên ghe tất cả hầu hết đều chết hoặc bị bắt đi. Người sống sót được chỉ qua đường tơ kẽ tóc! Nàng bàng hoàng như người mất hồn". (*Đêm rồi cũng qua* - trang 91).

Từ truyện ngắn *Bên Đây Bức Tường Bá Linh, Bức Thư Nhờ Nhà Báo Chuyển, Bước Trên Thềm Cũ, Những Dòng Sông Chảy Ngược, Đêm Rồi Cũng Qua, Đêm Bá Linh, Mùa Xuân Đến Muộn, Hai Mảnh Đời Bên Đây Cánh Rừng, Dưới Rặng Albe, Người Kỳ Sư Tâm Hồn*. Như hãy còn gieo hoài xúc cảm êm ả vào tội tâm của tôi suốt từng bối cảnh trong 10 truyện ngắn, trong *Tập truyện Bên Đây Bức Tường Bá Linh*.

Tôi im lặng thật lâu, ngồi như bất động để tìm kiếm lại từng cảm giác gặp gỡ suốt thời gian qua với nhà văn Vũ Nam. Và để rồi trước khi trang trọng xếp *Tập truyện Bên Đây Bức Tường Bá Linh* lên giá sách, đúng vào chỗ "Những Tác Phẩm Hay Nhất". Tôi đã có một câu thật ngắn cho tôi qua Tác phẩm thứ ba của nhà văn Vũ Nam - Tuyệt vời, một tác phẩm văn chương chẳng những để đời cho Nhà văn Vũ Nam, mà còn được xếp ngang hàng với những tác phẩm lớn của những Nhà văn Việt Nam nổi tiếng khác. Đáng được như thế lắm vậy.

Phố nhỏ tháng 6.1994

CẢM TƯỞNG về một bài báo

• *Thiện Nghĩa*

Mới đây, trong tập san Đức ngữ Esotera số 11/94 có một bài về Chúa Jésus lại giảng về Đạo Phật.

Ngay đầu bài, đã có những hàng như:
- "Chúa Jésus giảng giáo lý của Đức Phật" (Jésus lehrte Buddhas Weisheit).

- "Chúa Jésus thời đó là một nhà Sư khát thực" (Jésus war ein Bettelmoench).

- "Chúa Jésus không phải là môn đệ của Đạo Thiên Chúa, mà là một Phật Tử" (Jésus war kein Christ, er war Buddhist).

Tác giả Elmar R. Gruber, cộng sự viên của tập san Esotera và tác giả chung của một cuốn sách mới xuất bản, đã viết rằng cuốn sách này làm lay động nền tảng của Ky Tô giáo. Lay động một Tôn giáo đã có mặt trên địa cầu 2000 năm nay, qua bao nhiêu sự biến đổi thăng trầm, và hiện giờ gồm cả triệu, triệu tín đồ khắp năm châu, đủ các màu da.

Cuốn sách của E.R. Gruber viết chung với Holger Kersten, với đầu đề "Der Ur-Jésus" (Chúa Jésus nguyên thủy) chắc chắn sẽ là một "Bestseller" (tên gọi các sách bán chạy nhất) và phản ứng trên thế giới và nhất là giới Ky Tô giáo nói riêng, và các Tôn giáo nói chung, sẽ không phải là nhỏ.

Trước kia, sống trong môi trường Đạo Thiên Chúa, trong xã hội Tây phương, thì nhiều người đã coi Đạo Phật là mê tín, không có đặc sắc như Đạo Ky Tô. Thì nay cuốn sách trên, cùng bài trong tờ Esotera đã đăng trên giấy trắng mực đen những tin tức "động trời"!

Vậy mà sách đã được xuất bản, và bài báo đã được đăng, rất bình thường, chả gặp khó khăn nào cả. Sự việc này tiêu biểu cho "tự do báo chí và ngôn luận" cùng với tự do học hỏi, nghiên cứu và tham khảo các tài liệu. Về nghiên cứu tài liệu, ngoài sự tự do tìm kiếm tài liệu, kể cả tài liệu "mật", khi đã hết "mật" sau 50 năm, các nhà bác học Tây phương có cả một kho tài liệu phong phú, được bảo tồn tại các nước trên thế giới, và ai cũng được phép sử dụng, không dành riêng cho người bản xứ.

Các điều kiện kể trên không phải đâu đâu cũng được như thế.

Trở lại nội dung của cuốn sách "Der Ur-Jésus". Mấy thế kỷ nay, chúng ta đã quen chấp nhận sự cách biệt, nếu

không nói là sự đối chọi giữa Đông phương và Tây phương - thường gọi tắt là "Đông và Tây". Văn hào người Anh, Rudyard Kipling, sanh tại Bombay, Ấn Độ (1865-1936), đã được giải Nobel Văn Chương năm 1907. Trong cuộc đời của R.Kipling nằm gọn trong thời vàng son của Đế quốc Anh trên hoàn cầu, văn hào này đã nói một câu được coi như một sự thể bất di bất dịch: "Đông và Tây không bao giờ gặp nhau!".

Vì khác biệt gần như về mọi phương diện, ngôn ngữ, phong tục lễ nghi, tôn giáo... Lý do sự khác biệt đi đến không bao giờ gặp nhau, đó là xa xôi cách trở và nếp sống chênh lệch. Đó là trước Đệ nhị thế chiến. Ngày nay Đông và Tây đã gần nhau hơn nhiều. Với các máy bay phản lực, không nơi nào trên địa cầu cách nhau hơn 24 giờ bay suốt. Còn nếp sống tại các đô thị lớn Á Đông, có cao ốc, có siêu thị điều hòa không khí, và các gian hàng không thiếu món gì. Chỉ xin lấy một thí dụ: tại Bangkok một siêu thị bảy tầng lầu, tại gian hàng bán mỹ phẩm, có nước hoa và phấn sáp đủ các mặt hàng, của các hãng tên tuổi trên thế giới. Hỏi ra thì siêu thị bảy tầng này chủ nhân là một người Thụy Sĩ có vợ là người Thái Lan, và tại Bangkok, hai ông bà điều khiển tám siêu thị như trên.

Mới vài chục năm nay, mấy nước Á Đông không còn là nước kém mỡ màng, mà đã được gọi là "Tiểu Long" về kinh tế ("Đại Long" chúng ta đã đều biết là Nhật Bản), người Đức thì gọi họ là những con hổ. Tại các nước Á Đông ngày nay, cách ăn mặc, nhà cửa, cách tổ chức làm việc, và cả tiêu khiển như xi nê, Disco... như hệt Âu Mỹ.

Do sự tiến bộ giao thông, thương mại, thêm sự nhảy vọt trong phạm vi kinh tế, có thể nói là Đông và Tây đã gần nhau, có thể bắt tay nhau, để đồng tiến bộ, đồng minh mang kinh tế.

Đã có nhà kinh tế học tiên đoán, thế kỷ XXI tới đây sẽ là thế kỷ của vùng Thái Bình Dương.

Thành thử sự phát giác nguồn gốc Phật giáo trong Kinh Thánh Ky Tô hầu như là ăn nhập với sự kiện mới.

Nhưng bao nhiêu tín đồ Đạo Thiên Chúa liệu có nghĩ vậy không? Bàn về vấn đề này quá mênh mông, ngoài phạm vi của bài này. Chúng ta chỉ có thể suy ngẫm về các tài liệu trên, với

tư cách ở trong cộng đồng Việt Nam, đầu là ở hải ngoại hay bên nhà.

Hai tác giả Elmar R. Gruber và Holger Kersten, sau nhiều năm nghiên cứu đã đi đến kết luận là Chúa Jésus đã theo học giáo lý Đạo Phật, đã sống nếp sống của các vị Tăng Ni và đã giảng giáo lý Đạo Phật cho các đệ tử... Đối với giới Tây Phương, đây là những khám phá rất "mới lạ". Nhưng đối với chúng ta là Phật Tử, chắc cũng có nhiều người coi Ngài như một vị Bồ Tát.

Bồ Tát, theo Đạo Phật, là vị đã gần thành Phật, mà vì lòng từ bi vô lượng nên có hạnh nguyện muốn ở lại thế gian để tế độ chúng sinh, như Đức Quan Thế Âm Bồ Tát có thể hiện thân dưới mọi hình thức để thích hợp với mọi người mà cứu giúp họ. Lại cũng như Đức Địa Tạng Bồ Tát thế nguyện sẽ không thành Phật nếu trong cõi đời và trong địa ngục còn có kẻ khổ đau. Và còn nhiều vị Bồ Tát nữa...

Vậy chúng ta có thể coi Chúa Jésus là một vị Bồ Tát xuất hiện theo căn cơ của những người Miền Trung Đông hồi đầu kỷ nguyên này.

Trước kia nếu một người Phật Tử nào nói với một người theo Thiên Chúa Giáo những điều trong cuốn sách trên thì bị bác bỏ mạnh mẽ. Nay lại chính là các người Tây phương, toàn các nhà bác học uyên bác về Tôn giáo và nguồn gốc Đạo Ky Tô. Lại có hai tác giả kể trên đã xuất bản một cuốn sách cả 360 trang, với các chứng cứ do các tài liệu chứng thực.

Được biết điều này, chúng ta, Phật Tử đã quy y, hay Phật Tử theo phong tục cổ truyền, chúng ta cảm giác như có một sự phấn khởi, được thấy tầm quan trọng của giáo lý Đạo Phật ngay trong Kinh sách Ky Tô. Phấn khởi và tự nghĩ phải tinh tấn thêm trong việc tu học và nhất là thực hành các điều Phật dạy trong đời sống hằng ngày. Phấn khởi nhưng cũng có suy tư man mác.

Người viết đã có dịp đọc vài đoạn trong Kinh Tân Ước, nay đọc trong tập san Esotera, đoạn so sánh những lời của Chúa Jésus nguyên thủy và những câu đồng nghĩa trong Kinh Pháp Cú (Dharmapada theo tiếng Sanscrit), thấy những câu giống nhau như là anh em sinh đôi. Làm sao không cảm xúc sâu đậm được. Khi chợt liên tưởng đến tích người hành khát có viên ngọc dẫu trong tà áo mà không hay biết trong Kinh Pháp Hoa. Trong trường hợp đọc bài ở Esotera, chúng ta là người Phật Tử đã phải đợi các nhà bác học Tây phương nhắc lại cho chúng ta những câu trong Kinh Pháp Cú. Chúng ta đã có đọc, nhưng chưa thấm nhuần, nay người ngoại quốc nhắc đến mới thấy là cao siêu, thâm thúy.

(Ngày 30.11.1994)

TÌM HIỂU NIÊN LỊCH CỔ TRUYỀN VIỆT NAM NHÂN TẾT ẤT HỢI

* Nguyễn Phú Thứ

Như chúng ta đã biết một năm Dương lịch thường tính trung bình 365 ngày, mỗi năm có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu và Đông luân chuyển, cứ giáp bốn mùa thì hết một năm cũ, ví như năm Giáp Tuất 1994 sắp hết, thì chúng ta bắt đầu chuẩn bị chào đón năm mới Ất Hợi 1995.

Nhân dịp bước sang năm mới Ất Hợi 1995, chúng ta cố gắng tìm hiểu về Niên Lịch Cổ Truyền Á Đông, với các điểm chính sau đây:

1. Đêm năm canh, Ngày sáu khắc như thế nào?

Thuở xưa, những bậc tiền nhân của chúng ta thường dùng Thập Nhị Địa Chi (12 con Giáp) để gọi Năm, Tháng, Giờ. Số 12 con Giáp (tức 12 con vật tượng trưng) đó được sắp theo thứ tự: Tý (con Chuột) - Sửu (con Trâu) - Dần (con Cọp) - Mão (con Mèo) - Thìn (con Rồng) - Tỵ (con Rắn) - Ngọ (con Ngựa) - Mùi (con Dê) - Thân (con Khỉ) - Dậu (con Gà) - Tuất (con Chó) và Hợi (con Heo).

Đối với cách tính Tháng theo con Giáp như sau:

- Tháng Giêng (Dần)
- Tháng Hai (Mẹo)
- Tháng Ba (Thìn)
- Tháng Tư (Tỵ)
- Tháng Năm (Ngọ)
- Tháng Sáu (Mùi)
- Tháng Bảy (Thân)
- Tháng Tám (Dậu)
- Tháng Chín (Tuất)
- Tháng Mười (Hợi)
- Tháng Mười Một (Tý), và
- Tháng Mười Hai (Sửu).

Niên lịch Cổ truyền Á Đông này đã xuất hiện từ đời Hoàng Đế bên Tàu (2637 trước Thiên Chúa) năm thứ 61.

Còn đối với Đêm thì tính Canh và Ngày thì tính Khắc. Nên chúng ta thường nghe câu:

.....
*Canh một dọn cửa dọn nhà
Canh hai dặt cửi, Canh ba đi nằm*

.....
Hoặc là:
Nửa đêm giờ Tý canh ba

.....
Hoặc là:
Đêm năm Canh, Ngày sáu Khắc... v.v...

Theo thiên nghĩ, chúng ta thấy câu: "*Nửa đêm giờ Tý canh ba*", thì chúng ta cũng có thể đoán được chữ *Nửa Đêm* (tức là khoảng 12 giờ đêm hoặc 0 giờ). Còn giờ Tý, Canh ba tức khoảng 23 giờ đến 1 giờ sáng. Bởi vì, các bậc tiền nhân dùng 12 con vật tượng trưng, để phân chia trong một ngày là 24 giờ như sau:

- Giờ Tý (từ 23 giờ đến 1 giờ sáng)
- Giờ Sửu (từ 1 giờ đến 3 giờ sáng)
- Giờ Dần (từ 3 giờ đến 5 giờ sáng)
- Giờ Mão (từ 5 giờ đến 7 giờ sáng)
- Giờ Thìn (từ 7 giờ đến 9 giờ sáng)
- Giờ Tỵ (từ 9 giờ sáng đến 11 giờ trưa)
- Giờ Ngọ (từ 11 giờ trưa đến 13 giờ trưa)
- Giờ Mùi (từ 13 giờ trưa đến 15 giờ xế trưa)
- Giờ Thân (từ 15 giờ đến 17 giờ chiều)
- Giờ Dậu (từ 17 giờ đến 19 giờ tối)
- Giờ Tuất (từ 19 giờ đến 21 giờ tối)
- Giờ Hợi (từ 21 giờ đến 23 giờ khuya)

a) **Mỗi Đêm** dài 10 giờ, thì được chia cho Năm Canh như sau:

- Canh 1 (từ 19 giờ đến 21 giờ) tức giờ Tuất
- Canh 2 (từ 21 giờ tối đến 23 giờ khuya) tức giờ Hợi
- Canh 3 (từ 23 giờ khuya đến 1 giờ sáng) tức giờ Tý

- Canh 4 (từ 1 giờ sáng đến 3 giờ sáng) tức giờ Sửu
 - Canh 5 (từ 3 giờ sáng đến 5 giờ sáng) tức giờ Dần
- Nếu chúng ta đem so sánh với Giờ, thì Hai Giờ bằng Một Canh.

b) Mỗi ngày dài 14 giờ, thì được chia cho Sáu Khắc như sau:

- Khắc 1 (từ 5 giờ sáng đến 7 giờ 20 sáng)
- Khắc 2 (từ 7 giờ 20 sáng đến 9 giờ 40 sáng)
- Khắc 3 (từ 9 giờ 40 sáng đến 12 giờ trưa)
- Khắc 4 (từ 12 giờ trưa đến 14 giờ 20 xế trưa)
- Khắc 5 (từ 14 giờ 20 xế trưa đến 16 giờ 40 chiều)
- Khắc 6 (từ 16 giờ 40 đến 19 giờ tối).

Nếu chúng ta đem so sánh với Giờ, thì Hai Giờ Hai Mươi Phút bằng Một Khắc, bởi vì ngày dài 14 giờ, mà chia đều cho 6 Khắc, thì được 140 phút tức là 2 giờ 20 phút.

Thế nên, chúng ta thường thấy câu: "*Đêm Năm Canh, Ngày Sáu Khắc*"

2. Thập Thiên Can và Thập Nhị Địa Chi (12 con Giáp) Để Tính Năm như thế nào?

Trong chúng ta, cũng có rất nhiều người thắc mắc, không biết vì sao năm 1995 là Ất Hợi, thay vì Đinh Hợi, Kỷ Hợi, Tân Hợi, Quý Hợi v.v... chẳng hạn?

Bởi vì, những bậc tiền nhân của chúng ta thường căn cứ trên Thiên Can và Địa Chi mà gọi Năm, Tháng ... v.v... Ví như, năm 1995 chúng ta gọi theo năm Âm lịch là Năm Ất Hợi, năm 1996 là Năm Bính Tý và Năm 1997 là Năm Đinh Sửu ... v.v... Nếu chúng ta chịu khó ghép lại hai bảng Thiên Can và Địa Chi từng cặp có Dương có Âm giống nhau, thì chúng ta sẽ thấy kết quả chắc chắn một chu kỳ 60 năm. Vì mỗi Thiên Can đi với Sáu Địa Chi khác nhau, ví như năm Ất Hợi, Ất Dậu, Ất Mùi, Ất Tỵ, Ất Mão và Ất Sửu là hết một chu kỳ 60 năm. Theo Bao-La Cư-Sĩ thì mỗi chu kỳ 60 năm gọi là "*Vận Niên Lục Giáp*" hay "*Lục Thập Hoa Giáp*", như sau:

- 01 Giáp Tuất
- 02 Ất Hợi
- 03 Bính Tý
- 04 Đinh Sửu
- 05 Mậu Dần
- 06 Kỷ Mão (Mẹo)
- 07 Canh Thìn
- 08 Tân Tỵ
- 09 Nhâm Ngọ
- 10 Quý Mùi
- 11 Giáp Thân
- 12 Ất Dậu
- 13 Bính Tuất
- 14 Đinh Hợi
- 15 Mậu Tý
- 16 Kỷ Sửu
- 17 Canh Dần
- 18 Tân Mão (Mẹo)
- 19 Nhâm Thìn
- 20 Quý Tỵ
- 21 Giáp Ngọ
- 22 Ất Mùi
- 23 Bính Thân
- 24 Đinh Dậu
- 25 Mậu Tuất
- 26 Kỷ Hợi
- 27 Canh Tý
- 28 Tân Sửu
- 29 Nhâm Dần
- 30 Quý Mão (Mẹo)
- 31 Giáp Thìn
- 32 Ất Tỵ
- 33 Bính Ngọ
- 34 Đinh Mùi
- 35 Mậu Thân
- 36 Kỷ Dậu
- 37 Canh Tuất
- 38 Tân Hợi
- 39 Nhâm Tý

- 40 Quý Sửu
- 41 Giáp Dần
- 42 Ất Mão (Mẹo)
- 43 Bính Thìn
- 44 Đinh Tỵ
- 45 Mậu Ngọ
- 46 Kỷ Mùi
- 47 Canh Thân
- 48 Tân Dậu
- 49 Nhâm Tuất
- 50 Quý Hợi
- 51 Giáp Tý
- 52 Ất Sửu
- 53 Bính Dần
- 54 Đinh Mão (Mẹo)
- 55 Mậu Thìn
- 56 Kỷ Tỵ
- 57 Canh Ngọ
- 58 Tân Mùi
- 59 Nhâm Thân
- 60 Quý Dậu

Muốn tính Thiên Can thuộc năm nào? Chúng ta cần để ý số Cuối (tận cùng) của năm đó, để nhớ và tính Thiên Can, như sau:

1. Thiên Can là Canh: Số tận cùng của năm là số 0
2. Thiên Can là Tân: Số tận cùng của năm là số 1
3. Thiên Can là Nhâm: Số tận cùng của năm là số 2
4. Thiên Can là Quý: Số tận cùng của năm là số 3
5. Thiên Can là Giáp: Số tận cùng của năm là số 4
6. Thiên Can là Ất: Số tận cùng của năm là số 5
7. Thiên Can là Bính: Số tận cùng của năm là số 6
8. Thiên Can là Đinh: Số tận cùng của năm là số 7
9. Thiên Can là Mậu: Số tận cùng của năm là số 8
10. Thiên Can là Kỷ: Số tận cùng của năm là số 9

Đó là Thập Thiên Can như: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm và Quý.

Còn Thập Nhị Địa Chi (12 con Giáp) là: Tỵ, Sửu, Dần, Mẹo (Mão), Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất và Hợi.

Căn cứ bảng "Vạn Niên Lục Giáp" hay "Lục Thập Hoa Giáp" ở trên, chúng ta có thể tính đến năm 2.000 Dương lịch, nhằm năm Canh Thìn, bắt đầu từ ngày 05 tháng 02 Dương lịch năm 2.000. Thiên Can xem như thân Cây Trời và Địa Chi xem như Nhánh Đất. Thế nên, chúng ta đã thấy có Thiên Can và Địa Chi tức là chúng ta có Trời và Đất ghép lại mới sinh ra vạn vật, Thiên Địa Nhân tức là tam tài.

Đôi với bảng "Vạn Niên Lục Giáp" hay "Lục Thập Hoa Giáp" ở trên, là do hai bảng Thiên Can và Địa Chi được ghép lại từng cặp Dương với Dương và Âm với Âm, chứ không thể ghép chung Dương với Âm để kết thành một Năm được.

Sau đây là bảng phân chia Dương và Âm của Thập Thiên Can:

1. Giáp là Dương
2. Ất là Âm
3. Bính là Dương
4. Đinh là Âm
5. Mậu là Dương
6. Kỷ là Âm
7. Canh là Dương
8. Tân là Âm
9. Nhâm là Dương
10. Quý là Âm

Và bảng phân chia Dương và Âm của Thập Nhị Địa Chi (12 con Giáp):

1. Tỵ là Dương
2. Sửu là Âm
3. Dần là Dương
4. Mẹo là Âm
5. Thìn là Dương
6. Tỵ là Âm
7. Ngọ là Dương
8. Mùi là Âm
9. Thân là Dương

10. Dậu là Âm
11. Tuất là Dương
12. Hợi là Âm

Thật sự mà nói, thì trong Thập Thiên Can mới có Giáp thuộc về Trời. Còn trong Thập Nhị Địa Chi mới có 12 con vật thuộc về Đất. Nên chúng ta mới có gọi Thập Thiên Can (vì có chữ Thiên tức là Trời) và gọi Thập Nhị Địa Chi (vì có chữ Địa tức là Đất).

Nếu chúng ta đã tính được năm rồi, thì chúng ta cũng có thể tính Tháng, Ngày, Giờ bằng hai bảng Thiên Can và Địa Chi ghép lại.

Vì như bài thơ dưới đây, để chúng ta thử tính Tháng như sau:

Giáp, Kỷ chi niên Bính tác thủ
 Ất, Canh chi tuế Mậu di đầu
 Bính, Tân tiên khởi Canh Dân thủ
 Đinh, Nhâm đích thị Nhâm Dân lưu
 Mậu, Quý tuế quân Giáp Dân cầu.

(Tham khảo Tử Vi Đầu Số của Cụ Hi-Di Trần Đoàn)

Xin đề ý: Bài thơ trên cho chúng ta biết là các năm nào có chữ đầu là:

Giáp, Kỷ thì tháng Giêng là tháng Bính Dần
 Ất, Canh thì tháng Giêng là tháng Mậu Dần
 Bính, Tân thì tháng Giêng là tháng Canh Dần
 Đinh, Nhâm thì tháng Giêng là tháng Nhâm Dần
 Mậu, Quý thì tháng Giêng là tháng Giáp Dần.

3. Những Tuổi Hạp và Những Tuổi Kỵ Nhau:

Ông bà chúng ta thường nói như sau:

a) Có 3 tuổi Hạp Nhau là: Thân, Tỵ, Thìn - Tỵ, Dậu, Sửu - Tuất, Ngọ, Dần và Hợi, Mẹo, Mùi.

b) Có 4 tuổi Kỵ Nhau là: Dần, Thân, Tỵ, Hợi - Thìn, Tuất, Sửu, Mùi và Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu.

Thành ra Ông Bà chúng ta thường dựng vợ, gả chồng rất chọn tuổi cho Hạp, để sau này thành vợ chồng được hạnh phúc và làm ăn phát đạt.

Trên đây là sưu tầm sơ khởi về Niên Lịch Cổ Truyền Việt Nam, vào dịp bước sang năm mới Ất Hợi 1995, mong rằng quý bà con đồng hương được hưởng một năm mới An Khang và Thịnh Đạt.

Nguyễn Phú Thứ
 30.11.94

Chân thành Cảm tạ và Chúc Mừng Năm 1995

Xin thành kính cảm tạ:

- Quý vị thức giả Pháp Việt, Quý Vị dân anh khê kính, Quý độc giả khắp nơi từ Âu Châu, đến Mỹ Châu và sang Úc Châu, cũng như các bạn bè, văn hữu, đồng nghiệp, học trò cũ ...

... như là Thượng Tọa Thích Như Điển và Quý anh chị em trong Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại chùa Viên Giác Đức Quốc.

- Quý báo Diễn Đàn Việt Nam (Miền Nam Đức Quốc), Tin Văn (Paris) trực thuộc Trung Tâm Âu Châu Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, Đặc San Việt Nam Văn Học Nghệ Thuật (Paris) và Viên Giác (Đức Quốc)...

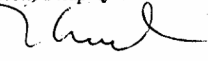
Đã bỏ nhiều thì giờ quý báu để:

Viết lời giới thiệu, bình phẩm và ung đức tinh thần tôi để hoàn thành bản quyền tác phẩm. Sau đó, đã được Quý báo đăng tải giới thiệu rộng rãi khắp mọi nơi và được Thượng Tọa Thích Như Điển chấp nhận sự cúng dường để in và phát hành tác phẩm này:

"Comment Vivre En France Et Connaitre La Langue Française (Tìm Hiểu Đời Sống và Ngôn Ngữ Pháp)" sách dày 354 trang (sau khi dùng máy điện toán đánh rút gọn lại). Hiện có bán tại chùa Viên Giác. Tác phẩm này có được là nhờ quý vị góp ý, góp công để có quyển sách hữu ích và riêng cá nhân tôi cũng đã góp phần mọn trong việc tài bồi Văn Hóa cho Dân Tộc và quê hương Việt Nam cũng như tôi đã hoàn nguyện làm cái gì hữu ích cho đất nước Việt Nam của chúng ta. Hôm nay, nhân dịp năm cũ sắp hết và năm mới 1995, tôi xin chân thành cảm ơn tất cả Quý vị và kính chúc Quý vị bước sang năm mới 1995. Mọi sự Kiết Tường, sức khỏe Dồi Dào và Bình An.

Nay kính,

Nguyễn Phú Thứ
 (Lyon) Pháp Quốc



Tường Trình về một buổi giải độc ...

**BÊ GÂY CHIẾN DỊCH
HOA HỒNG ĐỎ
CỦA CỘNG SẢN**

NGUYỄN
VIỆT
NỮ

Vào khoảng 4 giờ chiều ngày thứ năm 21 tháng 7 năm 1994, tại University of California of David (UCD), một Viện Đại Học có Trường Canh Nông nổi tiếng của Hoa Kỳ, tọa lạc tại vùng phụ cận thủ phủ Sacramento, California, giáo sư phân chiến Louis Grivetti tổ chức buổi thuyết trình về **kế hoạch phát triển nông nghiệp** tại Việt Nam cho giáo sư và sinh viên UCD tham khảo. Cán bộ cộng sản TRẦN AN PHONG là thuyết trình viên. Tài liệu trình này gồm những sơ đồ hình ảnh về đất đai, phong cảnh Việt Nam... và kết thúc bằng ảnh một hoa hồng đỏ chói, rồi T.A.P chấm dứt bài nói bằng câu: "**Chúc tất cả quý vị được tươi đẹp như đóa hoa hồng này**". Với câu xã giao vô thưởng vô phạt như vậy, nhiều người Việt trường thành còn sơ ý không nhớ được ý nghĩa quan trọng của nó thì nói chi đến người Mỹ, nhất là thế hệ sinh viên trẻ ?

Cho nên xin nhắc lại rằng khi Việt Nam chia 2 Nam Bắc theo Hiệp Định Genève, CS để lại cán bộ nằm vùng ở miền Nam để chờ cơ hội gây loạn. Vào cuối năm 1956, tại miền Nam xuất hiện cuốn phim "*Mùa Rừng*", nội dung chỉ là một chuyện tình như muôn ngàn phim tình khác, nhưng hình ảnh kết thúc cuốn phim cũng là hình một đóa hoa hồng đỏ tươi với một con bướm vàng bay lượn nhiều vòng rồi đậu lại ngay giữa đóa hồng. Màu đỏ của hoa, màu vàng của bướm là tượng trưng cho màu cờ **đỏ sao vàng** của CS. Cuốn phim *Mùa Rừng* do cán bộ nằm vùng Kim Chung thực hiện, là mật lệnh cho Cán Bộ Việt Minh nằm vùng, **tập trung lại và kết hợp thêm bạn** để chuẩn bị tấn công Việt Nam Cộng Hòa, mà chính VNCH cũng không dè! Chiến Dịch Hoa Hồng Đỏ có từ thời chiến và CS đã thành công, nên hiện nay chúng đang áp dụng trong thời bình.

Trong thời kỳ **tiền và hậu Bang giao này, bọn CS càng tung nhiều cán bộ**, đội lớp bình dân ngu dốt hay trí thức đủ các ngành nghề chuyên môn, để thực hiện CHIẾN DỊCH HOA HỒNG ĐỎ HẢI NGOẠI của chúng (là chiến dịch **Kết Hợp, siết chặt vòng tay với những người bạn phản chiến cũ và mới** để **LŨNG ĐOẠN** hàng ngũ chống cộng, tạo **một mặt trận đánh thẳng vào cộng đồng người Việt hải ngoại, và chiêu dụ tuổi trẻ hải ngoại về nước tái thiết VNCS**).

Các Hội Đoàn VN tỵ nạn tại Sacramento (Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị, Hội Người Việt Cao Niên, Hội Phụ Nữ Việt Nam Liên Tôn... và các người tham dự với tư cách cá nhân khác đã kịp thời có mặt để GIẢI ĐỘC về "bê gây" **cánh hồng đỏ** của CS một cách ngoạn mục như bài tường thuật sau đây. (Nhận thấy CS phun nọc độc tuyên truyền rất qui mô, có kế hoạch hẳn hoi, còn người Việt hải ngoại thì cứ gặp đâu đánh đó..., không có một chương trình giải độc sâu rộng, bền bỉ..., nên bài này xin nêu khá tỉ mỉ từ lối lập luận tới cử chỉ, thái độ của mỗi người trong cuộc để tiện cho các nhà tranh đấu nghiên cứu, hình thành một chiến dịch GIẢI ĐỘC hữu hiệu; bởi BIẾT NGƯỜI, BIẾT TA, TRÁM TRẬN TRÁM THẮNG).

* * *

Khai mạc buổi họp, GS Grivetti long trọng giới thiệu professor Phong, có bằng PhD tại Hà Nội, là người mà ông đã biết rõ tài năng và đã giúp đỡ ông rất nhiều trong hai lần ông tới Việt Nam nghiên cứu về canh nông và thực phẩm, sau đó ông trao lời lại cho diễn giả.

Trần An Phong không tự giới thiệu về mình mà chỉ phân phát danh thiếp có ghi tên và chức vụ: Giáo sư Tiên sĩ, Viện Trường Viên Kế Hoạch và Dự Án Nông Nghiệp Hà Nội. Tất cả đều in bằng Anh ngữ, nhưng GS Phong thuyết trình bằng tiếng Việt, có sinh viên thông dịch. Ông cũng không nói mục đích buổi nói chuyện, lúc vô đề hơi mất bình tĩnh và có vẻ khúm núm như một thư sinh (mặc dù tuổi khoản trên dưới 50), khi ông lên tiếng cảm ơn quý vị Thầy và Cô (?) của trường Đại Học UCD đã giúp cho ông có một tuần lễ viếng thăm thật là bình đẳng (?). Nói chung, có lúc GS Phong lí nhí trong miệng không nghe được, người ta lại phải chờ nghe thông dịch ra tiếng Mỹ mới hiểu được nội dung. Nhưng có những lúc Tiên sĩ Phong nói lâu lâu, san san chứng tỏ đã thuộc lòng rất kỹ. Chẳng hạn: "**Không phải chỉ có một mình tôi, mà còn nhiều anh em cán bộ khoa học chúng tôi cũng được mời tới thăm nước Mỹ... Như quý vị đã biết, VN là một nước nghèo mà lại phải trải qua nhiều giai đoạn cực kỳ khó khăn... (Vây mà thông dịch viên dịch là because of the war...) nên sự hiểu biết về khoa học hiện đại rất hạn chế. Nay được tiếp cận với quý Thầy quý Cô ở UCD là một hạnh phúc... tôi cảm thấy rất bình đẳng và hài hòa trong việc tiếp xúc tương lai... v.v...**" (nhiều người Mỹ sau khi nghe dịch lại, gật đầu có vẻ rất hài lòng, trong ấy có TS Harris, sẽ nói đến sau). Sau đó T.A.P trình bày các số thống kê về diện tích đất đai của VN: bao nhiêu mẫu canh tác được, bao nhiêu còn vô dụng..., những con số về sản lượng thu hoạch lúa gạo cùng các hoa màu phụ như trà, cà phê v.v... Trần An Phong kết luận rằng nhờ nhà nước thay đổi kịp thời, ruộng đất được trả lại cho nông dân làm chủ, sản xuất theo kinh tế thị trường nên dù mới có 78% diện tích đất đai được canh tác, nhưng chỉ trong 10 năm mà mức sản xuất lúa gạo của VN phát triển bằng 60 năm về trước. Nhờ vậy lúa gạo VN hiện dư thừa, đã xuất cảng để có ngoại tệ. Và chấm dứt phim bằng ảnh một HOA HỒNG ĐỎ như trên.

Sang qua phần thảo luận, khán giả người Mỹ không ai thắc mắc gì, chỉ có phe VN là đưa tay xin phát biểu tới tấp. Các câu hỏi và đáp tóm tắt như sau:

Ông *Trần Kim Đoàn* (Một phụ huynh sinh viên UCD): Tôi có hai câu hỏi:

1. Giáo sư Phong nói rằng đất đai đã trả về cho nông dân và hình thức hợp tác xã nông nghiệp không còn nữa ở VN? Hai năm trước tôi có về VN và hàng tháng tôi có nhận được thư nhà. Gia đình tôi có riêng một mẫu đất, hiện nay vẫn còn trong tay của nhà nước. Đây là một bằng chứng rất rõ ràng, không tin Giáo sư cứ kiểm chứng lại đi. Tôi ở xã Hương Toàn, huyện Hương Điền, tỉnh Thừa Thiên tại Huế.

2. Làm sao có một nền kinh tế thị trường khi mà một cơ chế tổ chức từ trung ương đến địa phương... người nông dân không có quyền trên đất đai của họ, mà quyền hành trên thực tế nằm trong tay những cán bộ tham nhũng. Ông huyện trưởng huyện Hương Điền mua một chiếc Toyota Landcruiser trị giá bằng tổng sản lượng lạc (đậu phụng) trọn năm của huyện tôi. Đây là bằng chứng cho thấy lý thuyết và thực tế không đi đôi. Làm sao phát triển nông nghiệp trong điều kiện như vậy?

Ông *Trần An Phong*: (lúng túng): Về quyền lợi đất đai, đúng như anh nói đây, nhà nước VN... dừng lại ở quyền gọi là chuyển quyền sử dụng chứ không phải được quyền sở hữu. Những quyền sử dụng theo luật pháp là được quyền kế thừa, được quyền sang nhượng và đổi, tức là như vậy thì gần như quyền sở hữu. Có lẽ là theo riêng tôi thôi, thì có lẽ là (nhà nước) muốn tránh một điều gì mà (không) chuyển sang quyền sở hữu, chứ thực tế thì quyền sử dụng hiện nay cũng gần là như thế... Còn (câu) thứ hai (về tham nhũng) là là là (chuyện) trong các điều kiện mà như anh vừa nói đó về ông chủ tịch huyện thì đúng như thế thôi. Bởi vì cái tiền của huyện thì... thì... cái này tôi không nắm được nhiều lắm... nhưng đại loại là... là cái tiền của huyện mà mà... lấy... (đổi đề tài) mỗi người nông dân anh được quyền sử dụng ruộng đất nhưng nhà nước vẫn cấp cái thẻ nếu cần, thẻ được quyền sang nhượng, đổi chác và 5, 6 hay 7

quyền gì nữa tôi không nhớ, mà đại loại là vậy. (Đến đây GS Grivetti yêu cầu sinh viên VŨ CÔNG LÂN thông dịch, nhưng có lẽ vì GS Phong trả lời (cà lăm), câu nọ xọ qua câu kia tối nghĩa nên thông dịch viên chỉ dịch được lưu loát đoạn sau cùng, là đoạn mà diễn giả nói suông sẽ nhất vì "trung tử" nhất, tức là ca tụng tính dân chủ của nhà nước XHCN đối với nông dân). Còn về Hợp Tác Xã tại VN, tôi bảo đảm rằng thì (là) chỉ có cái chức năng giúp nông dân khuyến nông mà thôi. Thí dụ như là cần phải mua bán và cần phải trao đổi, chứ nông dân muốn làm gì đó thì làm, muốn trồng gì, làm gì có lợi thì làm. Thí dụ chúng tôi đưa một cái cây RÔ BÔ (?) do Viện của tôi trồng... Phải ký hợp đồng với nông dân, phải đưa tiền cho nông dân, nông dân phải ủng hộ..., chứ nếu nông dân dứt khoát không ủng hộ thì... (làm bằm trong miệng máy recorder ghi không rõ).

Ông Trần Kim Đoàn (về quyền sử dụng đất đai, sinh viên lúng túng dịch thành quyền sở hữu (ownership), Ông Đoàn đính chính ngay là "the right of use". Và có lẽ thấy phân dịch đoạn chót lời phát biểu của GS Phong có thể khiến người Mỹ hiểu lầm là nông dân được tự do, nên khi SV vừa ngưng lời, Ông Đoàn nói với GS Phong bằng Anh ngữ: "Tôi không muốn tranh luận với Giáo sư, nhưng tôi tóm tắt rằng nông dân VN hiện nay vẫn không có quyền gì cả hay chỉ có quyền trả thuế thật cao. Thực tế họ chỉ là những người để làm ra tiền, và tiền này phải nộp hết cho nhà nước; mà nhà nước chỉ gồm toàn những kẻ tham nhũng khủng khiếp! Có phải vậy không?".

GS Phong còn ngờ ngẩn chưa hiểu phải đối đáp ra sao thì một "đòn" đau khác gián xuống do Hội H.O. Sacramento "trình diễn".

Ông Phan Ngọc Cẩn (Cựu Tù Nhân Chính Trị, giọng rất dịu dàng, thông cảm): Tôi không chắt vấn GS Phong mà tôi giúp GS Phong trả lời ông bạn của tôi... vì thấy ông khổ sở quá! Ông nói nhưng mà ông bị ràng buộc nhiều vì ông đi như thể này nhưng vẫn có (trung ương đảng) theo rình rập (Gs Phong cười to)... Cái đó là sự thật. Bây giờ mình phải thành thật với nhau. Nếu Ông làm Viện Trưởng kiêm Bí Thư đi nữa thì cũng còn Thư ký Công Đoàn... còn đủ thứ chuyện (kèm kẹp) cho nên Ông nói không được thẳng thắn, Ông trả lời bạn tôi cũng chưa hết (ý), nên tôi trả lời giúp ông nhé? (Đến đây ông Cẩn đổi giọng hùng hồn): Làm gì mà người dân có quyền trên đất đai? Hiến pháp đã ghi rõ rằng đất đai thuộc quyền sở hữu của toàn dân. Mà toàn dân đây là ai? Đây chỉ là một lối chơi chữ... Vì toàn dân đây tức là đảng Cộng Sản... Tức là (đất đai) nằm trong tay Bộ Chính Trị Đảng... Sự thật là vậy, khi người Mỹ vào VN để đầu tư, mua một cơ sở, là chỉ có quyền với phần kiến trúc trên mặt đất, còn riêng phần đất có cơ sở đó là thuộc toàn quyền của Đảng Cộng Sản!

(...) ... Ông Cao Đức Thuần (H.O) Tại tỉnh Nam Định là một tỉnh thuộc miền Bắc trước đây là quê tôi. Chị tôi về thăm VN và mới trở lại HK 1 tuần lễ nay, cho biết rằng dân làng quê tôi vẫn còn ăn độn... (có tiếng của nhóm sinh viên VN hỏi: Ăn độn gì? khiến Bà VINH (một phụ nữ VN tham dự buổi họp) phải cắt nghĩa bằng tiếng Anh: là không có gạo, phải trộn bắp, khoai v.v. để nấu... Luôn tiện, khi có người hỏi "tại sao?", Bà VINH đi một lèo giải đáp giùm Gs Phong, bằng tiếng Anh, rằng người dân phải ăn độn như vậy vì gạo nhà nước dành để xuất cảng hết...)

Ông Thuần (hỏi tiếp): Gs Phong báo cáo là gạo dư thừa mà dân còn phải ăn độn, vậy con số thống kê đó có đúng sự thật không? Hay chỉ là con số nhà nước đưa ra để GS phải trình bày hôm nay?

Ông Trần An Phong: Nam Hà cũng là quê tôi... thì tôi cũng phải nói rằng mấy ông Chủ tịch Tỉnh, mấy ông Bí Thư suốt ngày lên Bộ Nông Nghiệp xin xuất khẩu gạo. Nhưng xuất cảng gạo không phải dễ, vì đồng bằng Bắc bộ một là gạo không ngon và không đủ điều kiện để xuất cảng. Tôi ở đây và tôi bảo đảm rằng ông nào được phép xuất khẩu là sướng lắm rồi vì có tiền và người dân thì bán được gạo. Nhưng thực tế trong những

năm gần đây không xuất khẩu được. Nhưng nói thật với anh là Bộ Nông Nghiệp và Bộ Ngoại Thương vẫn cho xuất cảng gạo ở Nam Hà, bằng cách là ông không có ngoại tệ thì ông mang tiền vào đồng bằng sông Cửu Long ông mua, và ông cho quota xuất khẩu từ đồng bằng sông Cửu Long, tức là xuất khẩu ngay tại cảng Sài Gòn. Bởi vì ông nào cũng muốn ngoại tệ..., thì phải có quota, mà không có quota thì không bán gạo (phụ chú của người viết tường trình: rõ ràng chỉ có các tên CS cao cấp mới được quyền ăn hối lộ qua việc cấp quota và như vậy là chính đảng viên cộng sản Trần An Phong đã gián tiếp cho thấy tiền viện trợ không giúp cho người đói được no, trái lại, còn làm cho người nghèo càng khổ thêm, vì quá đói ngoại tệ nên dung túng tham nhũng để mua bán quota xuất cảng, khiến vật giá trong nước tăng vọt... Trong khi gạo phải bán ra ngoài với giá rẻ mạt mới cạnh tranh được với gạo Đài Loan, gạo Thái Lan, ... CS T.A. Phong bị đặt những câu hỏi mà càng cố biện giải, càng lời bộ mặt thật của bọn CSVN là: dân đói mặc dân, miễn đảng nhét đầy ngoại tệ là được rồi. Lối bóc lột này của nhà nước XHCNVN đã được các Hội Đoàn VN vạch trần khiến các sinh viên trẻ cũng thấy rõ bằng những câu hỏi dễ thương tiếp sau).

Trần An Phong trả lời tiếp: Còn về số liệu thì báo cáo anh thế này, bây giờ không dám khai man nữa đâu (!) (Cười) Ngày xưa thì đúng như anh nói, có thành tích làm ít nói nhiều (có người cười và dịch cho người Mỹ ngồi bên cạnh: Hấn nhận rằng CS trước đây là LIAR).

Bà Nguyễn Kim Anh (Hội Phụ Nữ Việt Nam) Nếu vậy tôi xin có 2 câu hỏi cho Gs Phong, và câu thứ 3 dành cho Gs Grivetti:

1. Tôi tin là Gs Phong không dám nói lão nữa đâu, nhưng như hồi này 2 ông bạn tôi vạch rõ rằng vì sự kềm kẹp của đảng CS mà GS phải nói theo, chứ hiện nay chẳng riêng gì ở miền Trung mà cả miền Nam, ruộng đất đều còn nằm trong tay nhà nước. Quê tôi ở Vĩnh Long, quê chồng tôi ở Long An, nên tôi biết chắc rằng tất cả ruộng đất của nông dân vùng này bị đảng CS cướp đoạt từ sau năm 1975 đến bây giờ vẫn chưa trả lại. Tôi xin chứng minh để quý vị thấy rằng Gs Phong không nói lão thì đảng CSVN vẫn đang nói lão với dân chúng (cả phòng họp đồng loạt vỗ tay ủng hộ, khiến cán bộ CS Trần An Phong mặt tỉnh thần, nhưng cố cười gượng để lấy lại bình tĩnh).

2. Cũng liên quan đến việc nói lão, là Gs Phong không nói lão, nhưng bị đảng CS theo dõi nên phải tung những tin tức mà Đảng CS muốn Gs Phong nói. Tôi đọc tin VN hằng thông tấn Reuter báo rằng dân chúng vùng Thanh Hóa, Bình Định, Lào Cay ... v.v... đang bị nạn đói rất trầm trọng. Vậy mà Gs Phong vừa cho biết là gạo thặng dư, phải xuất cảng! Đây lại thêm một bằng chứng rằng đảng CS nói lão.

Ông Trần An Phong (Cười và đáp rất ư là... "hòa giải") Về ruộng đất, tôi sống với đồng bào đồng bằng sông Cửu Long 14 năm từ khi giải phóng rồi mới ra Hà Nội. Đúng là trước đây khi vào tập đoàn thì bị quốc hữu hóa tất cả. Tôi chứng minh người nông dân Long An, Vĩnh Long biểu tình... Rất mừng là người nông dân nào có ruộng đất vẫn đòi trả lại quyền sử dụng của người ta, tức là không trả lại quyền (sở hữu) như xưa, nhưng mà bây giờ ruộng đó vẫn được quyền sử dụng... Chứ nói như chị nói là ruộng đất của tôi mà bây giờ nhà nước lấy mất rồi thì coi như là chiếm đoạt quyền sở hữu thì cũng có lý... nhưng sự thực là vậy đó... (ghi chú: người hỏi muốn sửa là cướp đoạt chứ không phải chỉ chiếm đoạt thông thường, nhưng đại diện đảng cướp đã nhận tội chiếm đoạt trước công luận thì cũng tạm tha cho (lúc ấy), để nghe ông ta nói tiếp, như sau:) Còn về vấn đề lúa gạo thì đúng như chị nói, người dân phải tranh thủ làm 3 mùa, mà bị mất mùa như tỉnh Bình Định, Thanh Hóa... nông dân bị đói, tức thiếu gạo, đúng chứ không sai. Nhưng mà việc xuất khẩu gạo vẫn xuất. Tôi đã chứng kiến một đám cưới ở Long An, đi đám cưới cho con bằng 4 gia thóc, vì không có tiền; có gia đình chờ bằng xe Honda đến 6 gia, ... tôi có chụp hình cảnh đó nhưng tôi quên đem theo đây... nên gạo đồng bằng sông Cửu Long dư thừa, đem xuất khẩu làm cho đồng bào

có tiền thì động viên người dân sản xuất gạo. Đồng bào miền ngoài đói thật, miền núi cũng đói... nhưng bây giờ vận chuyển gạo lên thì giá thành sẽ quá cao... (giọng trở nên rên rỉ để khích động từ tâm của người nghe): Vì đường giao thông quá tồi, cực kỳ tồi và không tương tượng... là tôi... đến đổi người miền núi thường châm biếm rằng "sao anh chờ gỗ về nhanh thế mà chờ gạo chờ muối thì lại chậm nhất?..." (không hiểu những người Mỹ ngày thơ nghe vậy có động lòng, làm kế hoạch cho VC sửa đường xá để "cứu đói vì nhân đạo" không, chứ sinh viên VN tại UCD đã chứng tỏ là các em không nhẹ dạ đặt tình yêu dân tộc không nhầm lúc, khi em hỏi:)

Một Sinh Viên (không biết tên, đặt câu hỏi bằng tiếng Anh mà sinh viên Vũ Công Lân phiên dịch phần đầu rất là "VN" nhưng phần sau lại rất là... "Mỹ", như vậy): ... Chỉ một việc người dân trong nước có đất hay không cũng không hiểu được: Thầy (?) bảo có, còn Bác đây nói là không? ... Và nếu đổ lỗi tại phương tiện giao thông khó khăn rồi cứ để cho dân đói, vậy chính phủ "nó" chẳng cần lo gì cho dân cả sao? (câu hỏi vậy mà Phong trả lời không nổi, nên đáp lạc đề:)

Trần An Phong: (lấp bắp vô nghĩa, càng xác nhận thêm tội tham ngoại tệ bỏ đói dân, ghi lại nguyên văn như vậy:) Hiện nay mà nói gạo đồng bằng sông Cửu Long thừa của các tỉnh miền Bắc đưa lên lên... lên... miền Bắc không chủ trương xuất khẩu gạo, anh nào muốn xuất khẩu mà có tiền xin quota rồi vào đồng bằng sông Cửu Long... có tiền rồi mua phân bón hay thuốc trừ sâu...

Đến đây Gs Grivetti vô tình (hay cố ý?) gỡ thế bí cho khách bằng cách nhìn tôi, (đại diện Hội Phụ Nữ) và nhắc rằng Ông sẵn sàng giải đáp câu hỏi của tôi. Nhưng suốt thời gian vẫn đáp giữa các Hội Đoàn người Việt, tôi để ý thấy một người Mỹ, (cùng là người lộ vẻ sung sướng khi nghe Phong phát biểu lúc đầu) cầm viết ghi chú rất nhiều, và đưa tay xin phát biểu, khi chưa được mời, ông ta nhip tay xuống bàn tỏ vẻ rất bức bối. Đoán chừng đây cũng là người phản chiến muốn binh vực gì cho Việt Cộng, nên tôi chỉ ông ta và nói với Gs Grivetti rằng hãy để cho ông ấy nói trước (rồi cùng nhau GIẢI ĐỌC TUYÊN TRUYỀN PHẢN CHIẾN Mỹ thì mới là điều quan trọng, chứ VC thì "đánh" nó như thế cũng đủ rồi) Quả thật ông ta phát biểu đầy mặc cảm tội lỗi chiến tranh VN và thiên vị VC, tóm dịch như sau:

Tiến sĩ Harris: 30 năm trước đây tôi là người được chỉ thị của Hoa Thịnh Đốn để tiêu diệt VN (Ông gắn mạnh chữ TO DETROY VIETNAM), Nhưng ... tôi trở lại VN hồi tháng Ba vừa qua, đi thăm Hà Nội..., thăm tất cả vùng mà tôi... hủy diệt trước đây... tất cả đều được xây dựng lại, chứng tỏ người VN rất hùng mạnh... Và cũng như Gs Grivetti, từ 15 năm nay tôi thay đổi ý kiến... Vì chỉ là một quân nhân, nên khi các chính trị gia làm chính sách, tôi không thể ảnh hưởng được họ. Còn một khi Tổng Thống Hoa Kỳ đã ra lệnh đánh ở đâu, đội bom nơi nào thì người lính chiến có nhiệm vụ pháp định phải tuân hành, nếu không sẽ bị trừng phạt theo luật... Còn về quyền sở hữu ruộng đất, không phải chỉ có mỗi nước VN là người dân chỉ được quyền sử dụng, mà còn nhiều nước khác trên thế giới cũng vậy. Điển hình là Trung Hoa, ruộng đất nằm trong tay chính phủ cả... nhưng ai biết được ngày mai sẽ ra sao?

Trung Hoa theo kinh tế thị trường từ năm 1978, VN từ 1988, những 10 năm sau Trung Hoa mà đã có những tiến bộ đáng kể... Ta không thể bắt Xã Hội Chủ Nghĩa phải thay đổi trong vòng một đêm. Phải cho họ thời gian... và thời gian đó là lúc này, tôi ủng hộ lập trường của Gs Grivetti, là phải Hòa Giải Hòa Hợp...

Nguyễn Kim Anh: Hòa Giải Hòa Hợp, tôi đã nghe Gs Grivetti nói đến nhiều lần, tôi cũng tin rằng làm được điều đó là rất tốt. Nhưng có điều dị kỳ là tại sao CSVN chỉ lo HGHH với người Mỹ, còn đối với chính dân Việt thì lại coi là kẻ thù? Đây là vấn đề tôi muốn nêu để ai muốn giúp VNCS vì lòng nhân đạo xin lưu ý (là quý vị nên "nhân đạo" với dân tộc VN là nạn nhân của kẻ ác hay là nhân đạo với kẻ ác?) và tôi cũng xin

đặt câu hỏi này bằng tiếng Việt với Gs Phong để xin được trả lời công khai. (Nhìn thẳng vào VC Phong) Tại sao đảng cộng sản của Gs tìm mọi cách HGHH với Mỹ, làm vụn lòng, quì mọp với kẻ thù Mỹ, trong khi đó bỏ tù dân tộc VN chúng ta, từ cái tao và các nhà lãnh đạo tôn giáo? Như vậy đảng CS của Gs có thật lòng HGHH để cho dân tộc ta tiến bộ hay không? Trần An Phong (Đưa thẳng hai tay lên trời với bộ điệu đầu hàng rồi cười to và thật dài ý chừng để lựa cách chống đỡ...): Tôi thì... không phải là lãnh tụ! Tôi chỉ là một cán bộ khoa học thôi. (ngưng cười và cao giọng)... Mà tôi chỉ biết thế này chị này: dứt khoát là phải đi như vậy, không thể có con đường nào khác! Phải đi con đường hài hòa nhau để mà làm ăn đi lên thôi...

Nguyễn Kim Anh: (nhấn mạnh)... mà chỉ hài hòa với Mỹ thôi à? (Có nhiều tiếng cười khinh bỉ nổi lên biểu đồng tình, khiến Phong phải "lách" qua đề tài khác, mà càng "lách" lại càng "ket" cứng thêm như sau:)

Trần An Phong: Tôi biết rằng ông Bộ Trưởng Ngoại Giao Mỹ đã gặp ông Trần Đức Lương (Phó Thủ Tướng Việt Cộng) vừa rồi để nghị thả mấy người quan trọng, có đúng vậy không?

Nguyễn Kim Anh: Không đúng tí nào! Ai là người tù quan trọng được thả ra đâu? Mà dù có đi nữa, thì tại sao người Việt bỏ tù người Việt lại phải chờ Mỹ "đề nghị" mới chịu thả? Vậy CS chỉ giả vờ HGHH để lừa gạt lòng nhân đạo của người Mỹ? đây là bằng chứng hùng hồn rằng người dân VN bây giờ đã biến thành một thứ QUOTA Gạo để đảng CSVN thương lượng lấy ngoại tệ? Vậy nếu nói rằng đảng của Gs đang BÁN NƯỚC BUỒN DÂN, có sai chỗ nào đâu?

Thật ra, "ngón đòn" đau điếng này của Hội Phụ Nữ VN chỉ được diễn ra riêng với một số người Mỹ chứ không đủ thì giờ "dét" vào mông cán bộ cộng sản Trần An Phong công khai giữa buổi họp! Lý do là, thấy rõ câu trả lời về việc Bộ Ngoại Giao Mỹ đề nghị thả tù VN là một hố hênh quan trọng để lột trần tội ác của CSVN, nên tôi chờ cho thông dịch viên dịch cho người Mỹ hiểu rõ câu trả lời của "giáo sư" Phong, rồi mới "đập" thẳng tay bằng những nhát búa như trên. Không dè khi nghe xong, ý chừng cũng biết rõ đó là kẻ hồ để bị tấn công toi bời, nên Gs Grivetti vội "đỡ đòn" giùm bạn "đồng minh", vội và cảm ơn những người tham dự rồi tuyên bố bế mạc buổi họp, mặc dù ông biết ông còn "nợ" tôi một câu trả lời, vì trước đó ông luôn nhắc tôi nêu câu hỏi mà tôi báo sẽ hỏi và ông luôn ở trong tư thế chuẩn bị giải đáp.

Thái độ bao che cho cán bộ cộng sản này của Gs Grivetti được biểu lộ nhiều lần trong suốt buổi họp. Ngay từ lúc vô đầu, khi các Hội Đoàn người Việt mới "ra chiêu" sơ sài về quyền sở hữu ruộng đất, về cán bộ tham nhũng... Có lẽ thấy buổi họp bỗng đứng trờ thành bất lợi trái ngược với mục đích được đề ra trước là khoe khoan sự đổi mới của VNCS hầu chiêu dụ trí thức và sinh viên về VN..., nên Gs Grivetti vội và loan báo "buổi họp sẽ rút ngắn, chỉ còn nửa giờ, ... nhưng ai muốn ở lại trao đổi thêm với Gs Phong thì "welcome". Sau khi "đuôi khéo" khách Mỹ, ông Grivetti còn "chiếm" thời giờ bằng cách cảm ơn tràng giang những người đã cộng tác, những sinh viên thông dịch... Có khi ông "giải vây" cho đồng nghiệp Gs "Ph.D. Hà Nội" đang bị ví chặt bằng cách thỉnh linh tuyên bố trao Bằng Tưởng Lược cho DOCTOR Phong. Hơn nữa, ý chừng thấy lực lượng của phe "ta" rất hùng hậu, thái độ rất ôn hòa nhưng biểu lộ một tinh thần chống Cộng quyết liệt, Gs Grivetti sợ có hại gì cho những người trong tổ chức của ông sau này chẳng? Nên ông cứ rào đón mãi là "các sinh viên làm việc tình nguyện, ông phải năn nỉ họ mới chịu tham gia vào việc dịch thuật..., v.v...."

Rốt cuộc, một phiên họp công khai về CHUYÊN MÔN NÔNG NGHIỆP lại biến thành như buổi họp KÍN VỀ CHÍNH TRỊ! Một toán an ninh mặc thường phục đứng dựa tường cuối phòng họp để can thiệp khi cần! Mà thật vậy, tuy đề tài là chuyên môn, nhưng số người tham dự với mục đích chính trị (là phe ta) có cả 20 người, còn số có mặt để thực hiện sự muốn

nghe về chuyên môn thì cũng chỉ bằng hay ít hơn số người của các Hội Đoàn Sacto. Đã ít, mà họ còn lần lượt bỏ ra về sau mỗi lần Gs Grivetti "đuôi khéo" bằng cách "cắm on" để khóa lấp những đôn tấn công không đỡ nổi của phe ta.

Đền đũa, sợ người Mỹ không còn nhiều để chứng kiến tận mắt bộ mặt giả dối của CS (và thấy các bạn H.O đã "đầu chường" rất ngoạn mục, "giúp" Gs Phong vạch mặt nạ kinh tế thị trường quá đầy đủ); Hội Phụ Nữ đổi chiến lược, "chọc" cho Gs Grivetti nói về ông để tạo cơ hội cho "phe ta" có đủ dữ kiện "Giải Độc" với chính người Mỹ "chủ nhà", để diệt độc tận cội rễ hơn là chỉ "bùa vẩy" cán bộ cộng sản Trần An Phong, vốn chỉ là "khách", vì nếu Mỹ không mời, thì làm sao VC có mặt được ở mảnh đất an toàn cuối cùng của ta để công khai tuyên truyền? Với mục đích đó,

Nguyễn Kim Anh (hỏi to để gây sự tò mò, hầu giữ khách người Mỹ ngồi lại nghe, vì giai đoạn này đối thoại thẳng băng Anh ngữ, chứ không chờ thông dịch mất thì giờ như lúc đặt câu hỏi với Gs Phong): Tôi xin phép được đặt câu hỏi liên quan đến Gs Grivetti. Theo tôi được biết trước đây Gs ủng hộ chiến tranh VN, nhưng từ 15 năm nay đã thay đổi ý kiến. Xin Gs vui lòng cho biết lý do?

Gs Grivetti (rất sốt sắng): Đúng là tôi đã thay đổi thái độ và tôi rất sẵn sàng cho biết lý do như sau, ... Tôi sinh trưởng trong một gia đình biết tôn trọng giá trị truyền thống nhân bản, ... Trước đây tôi là người rất bảo thủ của đảng Cộng Hòa và tôi ủng hộ chiến tranh Việt Nam. Nhưng 10 năm trở lại đây tôi thay đổi... Tôi thấy rằng khi chính phủ Mỹ bắt đầu rút quân (khỏi miền Nam), the war became more a stalemate than a standing action (tạm dịch nghĩa theo lối đánh cờ tướng: thay vì phải ở thế công, cuộc chiến đã trở thành không thể tiến tới, trừ phi phải "HUỆ" với nhau để tìm thế đánh khác). Cho nên tôi cho rằng chính phủ thua chứ quân đội không thua trận. Vấn đề là hãy nhìn về tương lai... Năm 1955, 10 năm sau thế chiến, tôi tình nguyện theo tổ chức Army Field Service, phục vụ tại Đông Đức để xây nhịp cầu giữa Hoa Kỳ và chính phủ cựu thù... và ta thấy rằng các nước Đức, Ý, Nhật... trong chiến tranh là kẻ thù, nhưng sau thế chiến lại là bạn thân... Tôi tin rằng đối với VN cũng phải như vậy..., 17 năm sau chiến tranh VN... tôi được mời thăm và học hỏi về VN và gặp được nhiều colleagues của Viện Đại Học Hà Nội là Gs về môn DINH DƯỠNG HỌC tại UCD, tôi đã tích cực vận động để ông Viện Trưởng Viện Đại Học UCD ký thỏa ước hợp tác với Viện Đại Học Hà Nội và Bộ Canh Nông của VN, để bảo trợ cho trên 25 dự án nghiên cứu và trao đổi từ canh nông, y tế, văn hóa đến lãnh vực báo chí, giáo dục... giữa sinh viên của hai nước... Vấn đề lớn là nạn suy dinh dưỡng hiện nay tại VN, đưa đến bệnh mù mắt... Cho nên tôi có chương trình giúp phòng chống bệnh này...

Cũng như tôi đã giúp VN làm những dự án nghiên cứu phát triển NÔNG NGHIỆP và THỰC PHẨM... Trong dịp hè này tôi đã gởi được 2 sinh viên tốt nghiệp tại UCD đang học tập tại Đại Học Hà Nội, cả hai đều là người Mỹ gốc Việt. Tại Hà Nội, tôi gặp nhiều nhân vật tại các Bộ chuyên môn, họ chân thành, tha thiết kêu gọi người Việt Hải Ngoại về nước, họ rất vui mừng nhận sinh viên hay chuyên viên từ Mỹ đến, kể cả những người thuộc thể hệ chiến tranh VN, nhưng nay muốn trở lại và làm việc để cùng nhau Hòa Giải Hòa Hợp thì... chúng tôi xin welcome. Tôi nguyện đem mớ kiến thức và hầu hết thì giờ của tôi để xây nhịp cầu Hòa Giải Hòa Hợp...

Thật ra, trước khi tham dự buổi họp, tôi đã đọc thấy Gs Grivetti còn đi xa hơn, ông cho rằng chiến tranh VN là một lầm lỗi khủng khiếp, nên ông quyết tâm giúp VN hàn gắn vết thương chiến tranh, dù trực tiếp hay gián tiếp. Trong dự án về Ô NHIỄM MÔI SINH, ông cho rằng vì các hồ bom và chất khai quang của Hoa Kỳ làm đất đai VN cần cỗi không canh tác được nên VN trở thành nghèo đói...

Với mặc cảm tội lỗi và là chuyên viên về dinh dưỡng..., nên ông bảo trợ cho phát triển nông nghiệp (vì VN là nước nông nghiệp), coi như là phương thức duy nhất để tạo ra thực phẩm

chính của người VN là GAO, từ đó mà diệt trừ bệnh suy dinh dưỡng... và từ đó mà chuộc tội "gây chiến" của chính phủ ông.

Cho nên trước khi vào họp, tôi đã soạn sẵn một tài liệu, chủ đề là "HEALING THE VIETNAM WAR WOUNDS". Khi Tiến sĩ Harris lên tiếng bình CSVN rằng còn nhiều nước trên thế giới dân cũng không có quyền sở hữu ruộng đất... Tôi đã đi phát tài liệu này cho ông ta và cả những người Mỹ hiện diện. Khi T.A. Phong trả lời hờ và Grivetti giải tán thành linh để cứu bộ, tôi chạy tới chặn lối ra của Harris, chỉ vào xấp tài liệu và nói:

Nguyễn Kim Anh: Xin TS thông cảm, vì tiếng Anh của tôi rất dở nên có nhiều lỗi, nhưng những trang này đủ chứng minh rằng nhận định của ông về quyền sở hữu là không chính xác, ít nhất là trong trường hợp nước VN. Trước khi Hồ Chí Minh đem chủ nghĩa CS vào Đông Dương, người dân VN có quyền sở hữu trên đất đai họ hẳn hoi. Kể cả khi Hồ chủ trương sách động giết địa chủ để cướp đất cũng phải lừa gạt bần cô nông bằng lời hứa là đất tịch thu được của chủ điền sẽ chia cho họ làm chủ kia mà? Tài liệu ông có trong tay là nói về chiến dịch CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT do HCM phát động nhằm tiêu diệt quyền sở hữu đất đai vốn có tự nghìn xưa của dân tộc VN, để tiến lên chủ nghĩa MÁC LÊ vong bản... Vấn đề đáng nói là khi cướp đất và giết xong 5% tổng số dân miền Bắc lúc ấy, trong 3 năm liền, HCM mới lên Radio khóc nhìn nhận sai lầm... và hứa trả lại đất đai lại cho chủ, lúc ấy là năm 1956... Vậy tại sao năm 1975 lại tiếp tục cướp luôn đất nông dân cả nước...? rồi lại bày trò trả lại sau 15 năm phá hoại?

Đã vậy, nói trả mà có trả đâu? Mà dù có trả thì khi ruộng lúa màu mỡ trở lại, thì chúng quốc hữu hóa mấy hoi, HCM còn nói láo huống hồ gì con cháu ông ta? (Lúc này Gs Grivetti đi trở tới), Tôi chỉ vào tập giấy ông đang cầm trong tay, nói tiếp:

Nguyễn Kim Anh: Đây là bằng chứng cái đói và suy dinh dưỡng của VN do chủ nghĩa CS gây ra. Gs không cần suy nghĩ vẫn vơ rồi cảm thấy tội lỗi vô cơ. Đây là bài trích từ báo Nhân Dân của đảng CS, rằng sau CCRĐ, miền Bắc tiến tới Hợp Tác Xã Nông Nghiệp, khiến sản lượng lúa thiếu hụt đến nỗi mỗi lần mua một khẩu phần gạo, người công nhân xí nghiệp phải xin nghỉ việc hai ngày để đi xếp hàng chờ... Cho nên cảnh "Xếp hàng cả ngày" là cái ưu việt của XHCN... có trước khi Hoa Kỳ và Việt Nam, chứ nào phải do chiến tranh mà ra. Chính BUI TÍN, trong quyển MẤT THẬT, cũng thú nhận rằng trẻ con miền Bắc bị đói từ năm 1959, tức trước khi Hoa Kỳ tham chiến ở Việt Nam. Tiến sĩ Harris dùng chữ Detroy VN với giọng ... "uneasy", xin đừng "feelbad" vì hành vi ấy, người miền Bắc sau 1975 rất thất vọng là sao miền Nam không đánh ra Bắc để giải phóng họ. Họ cũng trồng bom, nhưng lại dùng bom Mỹ dội tan nát trung ương đảng CS là đảng cướp đoạt quyền sống của nông dân... Trong khi, trái lại, ... người Mỹ vào miền Nam, viện trợ Luật NGƯỜI CÂY CÓ RUỘNG, cấp bằng khoán đất cho nông dân hẳn hoi ... (Thấy T.A. Phong đang đứng nghe, tôi nói tóm tắt cho ông ta hiểu) rằng, như NGUYỄN CHÍ THIÊN kết luận rằng "ĐẢNG THỰC CHẤT CHỈ LÀ ĐẢNG CƯỚP" (rồi chỉ vào trang giấy có mấy câu thơ tiếng Việt đã dịch ra tiếng Anh, tôi giải thích...): để chuẩn bị cướp quyền sở hữu ruộng đất, HCM đặt thuế nông nghiệp thật cao, khi chủ điền không trả nổi, CS tổ chức chiến dịch thu thuế Nông Nghiệp. Thi hào TỐ HỮU cổ võ cho "thù tặc" thu thuế dưới chế độ Hồ Chí Minh vào năm 1953, nguyên văn như vậy:

*Giết, giết, giết nữa, bàn tay không nghỉ
Cho ruộng đồng lúa tốt, thuế mau xong
Cho đảng bền lâu, cùng rập bước chung lòng
Thờ Mao chủ tịch, thờ Stalin bắt diệt...!*

Vừa chỉ vào phần tiếng Anh, vừa đọc tiếng Việt xong, tôi hỏi: Xin Gs Phong cho biết chủ trương giết người Việt Nam của Đảng như trên đây có thật hay chỉ là xuyên tạc?

Trần An Phong: (thoạt tiên há hốc nhìn tôi kinh ngạc, có lẽ không dè có người quá quắc lòi ra chuyện động trời với tang

chứng rành rành, làm sao chối cãi? nên lại đành cười xòa, cảm xúc tài liệu đập nhẹ vào vai tôi, giọng thân mật): Thi hồi xưa đã sai nên phải sửa sai đó mà chị!

Nguyễn Kim Anh: (giọng đùa cợt) Sai rồi thì sửa, sửa rồi vẫn sai, đó là ngôn ngữ của đảng của Gs mà, ai lạ gì? Có điều lạ là sao phải giết nhau 40 năm như thế để giành quyền... nô lệ Mỹ?? (Phong tròn xoe mắt không hiểu, tôi phải giải thích...) Vì trước đây CS đánh VNCH vì "tội" nô lệ Mỹ, nhưng mới đây Gs tuyên bố rằng dứt khoát không có con đường nào khác, ngoài con đường qui mọp với Mỹ. (trở lại nghiêm chỉnh nói với hai ông Mỹ phản chiến): Tôi có thêm bằng chứng là vào thời sau sai sau CCRĐ, chỉ có phân nửa nước VN bị bao kềm gai. Sau khi Hoa Kỳ bỏ rơi miền Nam, và XHCN càng sửa sai, càng đổi mới, thì trọn cả nước VN bị xiềng xích như thế này... (vừa nói, tôi vừa chia ra quyển " VIOLATIONS OF HUMAN RIGHTS IN THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM" VỚI CÁI BÌA MÀU MÁU, CÓ BẢN ĐỒ NƯỚC VIỆT NAM BỊ QUẢN MẮT VÒNG KÈM GAI DO TỔ CHỨC CỦA BÀ GINETTA SAGAN, thuộc tổ chức Ân Xá Quốc Tế thực hiện và nói với Gs Grivetti: Đây là tài liệu đáng tin cậy về HÒA GIẢI HÒA HỢP VỚI CỘNG SẢN. Sau Hiệp Định Paris năm 1973 là hàng loạt các trại tù cải tạo nhất cả quân cán chính, các lãnh đạo tôn giáo, kể cả phe Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam có công với CS cũng bị tù đầy... như Đoàn Văn Toại, cũng bị bắt cóc, bị tra tấn, bị trói ké tay chân như con vật trong hình này nè... (chỉ hình trong sách, nói với 2 ông Tiến sĩ Mỹ: đây là chuyện thật hửn hời, vì chính Đoàn Văn Toại viết như vậy). (Gs Phong chụp lấy quyển sách...)

Gs Grivetti: (nhìn quyển sách trên tay Phong, hỏi:) Tôi có thể có quyển sách này được không?

Nguyễn Kim Anh: (mừng rỡ) Mục đích tôi đem sách này đến đây là để tặng cho Gs đó chứ, để Gs có đủ bằng chứng trung thực hầu nghiên cứu về công tác xây cất nhip cầu HGHH với VC của Giáo sư. Nhân tiện, có vấn đề quan trọng mà có lẽ vì quá nhiều người nêu câu hỏi nên không còn dịp cho Gs đề cập tới... Trong Slides mà Gs giúp cho Gs Phong thực hiện, có chiếu cảnh núi đồi vùng Cao nguyên Darlac trơ trụi và cảnh sông ngòi khô cạn... rồi chỉ nói phớt qua rằng đã trên 20 năm nay mà không một sinh vật nào sống nổi...! Có phải ở một dịp khác không có chúng tôi, Gs sẽ giải thích rằng đó là do chất bột khai quang của Hoa Kỳ??? Xin đừng gieo rắc cảm tội lỗi vào tâm hồn thế hệ trẻ của chúng ta. Nếu cần phải nói sự thật, thì phải nói sự thật về cả hai phía: Vậy vũ khí chiến tranh do Liên Xô, Trung Cộng cung cấp trên chiến trường Việt Nam trong suốt hai cuộc chiến chống Pháp, rồi chống Mỹ... thì hoàn toàn vô hại với môi sinh Việt Nam à? Nếu Giáo sư cho rằng vũ khí của cộng sản quốc tế không độc bằng chất bột cam vàng của Hoa Kỳ... thì với tập tài liệu tôi trao tận tay, Gs tìm thấy bằng chứng rằng: nếu súng đạn của CS không độc thì CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN tự nó độc hại không có thuốc gì giải độc nổi, trừ khi phải tiêu diệt chủ nghĩa đó mà thôi!

Chính vì chất độc CHỦ NGHĨA mà người CS VN giết dân họ, giết cả thương binh của chính họ (bằng chứng đầy đủ trong tài liệu...). Điều cần nhấn mạnh là mãi hiện giờ, VC vẫn còn tiếp tục giết dân Việt Nam, giết nhiều thế hệ tâm hồn, qua chính sách giáo dục bằng LÝ LỊCH của chúng.

Hãy đọc "ONE MORE MISSION" của OLIVER NORTH, ông ta chứng kiến một bệnh viện ở VN có 100 giường, mà có tới 95 Bác sĩ! Vì bác sĩ của VC không cần học hết Trung Học, chỉ cần nhiều tuổi đảng là được. Cho nên con cháu của chúng học dốt cũng thành bác sĩ, kỹ sư cả... còn con cái thường dân hay của VNCH cũ dù giỏi mấy cũng bị vớt ra ngoài ngưỡng cửa đại học (không tin xin hỏi Gs Phong! Phong ngỡ ngần chưa phân ứng được, tôi tiếp tục với Grivetti...) Tóm lại, nọc độc CỘNG SẢN giết người VN nhiều thế hệ như vậy thì nếu Hoa Kỳ có tham chiến, dùng chất độc (bất đắc dĩ, tạm thời) để trừ diệt nọc độc CS (do dự mưu và vĩnh viễn)... là nhân đạo đích thực, là HK đã có công trong việc bảo vệ Hòa Bình trọn vùng

Đông Nam Á Châu. Dân tộc VN sau 19 năm sống với Việt Cộng đã hiểu rõ như vậy, họ không oán thù Mỹ đã dội bom làm cần côi đất đai họ (trừ khi VC bắt họ phải nói như thế), họ biết là chính chủ nghĩa CS chà đạp, ruồng rẫy nhân tài, nên VN trở thành đói,... nhưng nếu là đói vật chất thì dự án về DINH DƯỠNG của Gs Grivetti có thể giải quyết được. Nhưng đây là cái đói tinh thần mới thật là chủ yếu. Dân VN đói DÂN CHỦ.

Xin tưởng tượng miền Nam trước 1975 như một người đang no ấm, bỗng dưng có kẻ đói miền Bắc vào cướp hết của cải, rồi tiếp tục bóp cổ làm cho thức ăn không xuống được bao tử nên tôi bị đói.

Giáo sư là người nhân đạo muốn cứu đói và đang có thức ăn trong tay. Giải pháp nào cho thật hữu hiệu đây? Chọc thủng bụng tôi để nhét thức ăn vào bao tử? hay dùng uy thế sẵn có của Giáo sư để bắt buộc kẻ cướp phải bỏ rơi cái bàn tay đang bóp cổ tôi, để thức ăn của Giáo sư sẽ được đưa vào từ miệng, qua cổ họng rồi lăn xuống bao tử tôi được no bụng một cách tự nhiên, không đổ máu như giải pháp đầu tiên. Tôi khâm phục tấm lòng nhân đạo của Giáo sư, nhưng xin nghĩ kỹ lại: quý vị đang NHÂN ĐẠO với ai? Với kẻ cướp đang cầm dao cứa cổ CHẶN ĐƯỜNG LƯƠNG THỰC làm nạn nhân bị đói? Hay là với chính người bị đói? KHI NÀO BÀN TAY KẼ CƯỚP CÒN BÓP CỔ DÂN CHỦ, còn KÈM KẼP TỰ DO, mà đưa lương thực vào tay chúng vô điều kiện, chính là quý vị đang cung cấp lương thực cho kẻ cướp rồi vậy. Và vô tình quý vị đã khuyến khích kẻ cướp tiếp tục bóp cổ nạn nhân!

Quý vị lý luận rằng cộng sản như đang thức dậy sau một trận hôn mê dài, không thể thay đổi nhanh chóng được..., điều này đúng với người thật tâm muốn THAY ĐỔI VĨ DÂN, VĨ NƯỚC; còn CSVN, không ai hiểu âm mưu của họ bằng dân tộc Việt Nam chúng tôi, họ chỉ phải thay đổi để cứu vớt cho đảng sống còn mà thôi. Bởi vì nếu họ thật tâm thay đổi để HGHH như quý vị kêu gọi, thì VN đâu có tan nát như ngày nay, đâu còn những người đang bị tù vì chỉ trích chế độ như hiện giờ? Tôi có tài liệu của CSVN ra lệnh cho cán bộ nằm vùng vận động Việt kiều hải ngoại đem tài sức về xây dựng XHCNVN là một nước mà hiến pháp mới nhất vẫn ngoan cố theo thuyết MÁC-LÊ và TỰ TUỖNG HỒ CHÍ MINH, ... Tài liệu có nói rõ là thế hệ thứ nhất, là chúng tôi, vì biết rằng chúng quá nên chúng kẻ bỏ, vì sẽ thất bại trong việc tuyên truyền. Nhưng chúng quả quyết rằng chúng sẽ thành công ở thế hệ thứ hai, sẽ thắng trong cuộc chiến tranh giành giật thế hệ trẻ của chúng tôi! Ở xứ có truyền thống tự do và dân trí cao, khó cho quý vị tin được điều này. Nhưng tôi biết dân tôi: cầu an, nhẹ dạ, mau quên... cho nên trong trường kỳ sẽ rơi vào bẫy CS nữa (vì chúng sẽ lết da, khoác vào cái vỏ khác).

Ngay như cái vô kinh tế thị trường này, ai là người có vốn đầu tư? chính Gs Phong đã trả lời: đó là mấy ông chủ tịch, bí thư huyện (mỗi ngày đi xin quota xuất cảng gạo), chứ trong XHCN làm gì người dân được quyền có tiền? Xin nhấn mạnh rằng, không như ở Mỹ, ở Việt Nam, bất cứ một chức vụ nào, dù hành chánh, dân sự hay quân đội đều phải do đảng viên cộng sản nắm giữ cả.

Gs Grivetti, Tiến sĩ Harris... quý ông không phải theo đảng của TT Clinton để được dạy UCD, nhưng Gs Phong phải là một đảng viên CS, mà là đảng viên trung kiên mới được phép học lấy bằng và cho đi như vậy. Tóm tắt, bất cứ người ngoại quốc nào tới VN, tiếp xúc với một viên chức như ngân hàng, thông dịch... người đó phải là đảng viên cộng sản! Họ chỉ nói cho quý vị những gì đảng dạy họ nói. Hồi này chúng tôi nêu lên như vậy về vai trò của Gs Phong thì Gs Phong chỉ "cười"...

Trong khi chờ đợi quý vị tìm hiểu giá trị lời chúng tôi về ý nghĩa cái cười của Gs Phong, ngay bây giờ chỉ xin Gs Grivetti, với nhiệm vụ một nhà giáo dục về Dinh Dưỡng, xin Gs vui lòng giữ sự công bình tối thiểu với thế hệ sinh viên, là nếu nói về nạn đói gây ra SUY DINH DƯỠNG ở Việt Nam, nên phổ biến luôn cái ĐÓI do CCRĐ gây ra cho miền Bắc trước khi Hoa Kỳ tham chiến, do tài liệu trích từ văn khố của CS và báo

đảng. Còn khi kêu gọi HHHG, cũng xin Gs cho các sinh viên thấy một số điều khoản ghi trong Hiệp ước Hòa Bình Paris do chính CSVN ký kết, rằng: khi quân đội Hoa Kỳ rút về nước, miền Bắc không được áp đặt XHCN cho miền Nam, phải để cho hai chính phủ miền Nam (VNCH và Mặt Trận Giải Phóng) Hòa Giải Hòa Hợp với nhau mà chọn lựa thể chế theo ý dân miền Nam. Quân đội 2 bên phải ngưng chiến tức khắc, tù binh 2 bên phải được trả tự do, không bên nào được trả thù, bắt bớ, chiếm đoạt tài sản của dân... v.v... Thế mà, trại tập trung đầy dẫy sau 1975 mà quyển sách tội tày GS, có ghi đầy đủ những địa điểm, tên tuổi những người chết vì bị trả thù... Còn đối với thường dân, thì chính Gs Phong vừa xác nhận đó, sau 1975, nhà nước quốc hữu hóa, tức cướp đoạt tài sản đất đai của toàn dân miền Nam, vi phạm trắng trợn Hiệp ước Quốc tế mà họ ký kết... Nay vì nghèo khổ nên làm bộ trả lại cho dân, nhưng vẫn lờ mờ chơi chữ về quyền sử dụng với quyền sở hữu... thế mà TS Harris còn lên tiếng cho đó là tình trạng phổ thông...? CSVN phân bội, lừa gạt cả thế giới mà quý vị không ai lên tiếng..., vậy chỉ xin báo cho thế hệ trẻ biết rằng thế hệ này có điều khoản HGHH trong HĐ Paris, rồi tùy chúng thẩm định công hay tội của cha ông chúng... Làm được như vậy cũng là cách thực thi lòng NHÂN ĐẠO vĩ đại... Bởi, không có gì bắt nhân bằng việc để cho cả thế hệ trẻ phải đeo đẳng mặc cảm (một chiều) về tội ác của thế hệ trước... v.v...

AN PHONG HAY CUÔNG PHONG ?

Trong thời chiến, tiếng nói của giới trí thức và sinh viên tại các trường Đại Học Hoa Kỳ đã đóng vai trò quan trọng như thế nào trong việc kêu gọi chính phủ Hoa Kỳ bỏ rơi miền Nam, thì nay cũng chính lực lượng này đang đóng vai trò tích cực trong việc vận động cho Hoa Kỳ trở lại Việt Nam. Chính vì vậy mà bản tin này ghi dài dòng những trao đổi riêng tư cũng như chính thức để các đoàn thể tiện lập kế hoạch dài hạn, vì Cộng Sản sẽ còn xuất hiện để nói láo liên tục, mà thời giờ và khả năng ta thì bị giới hạn, vì những lý do như trên đây... Nhưng với sự quyết tâm kèm theo việc chuẩn bị trước tài liệu, chúng ta đã vượt qua được sự giới hạn đó. Vài bài tường trình này cũng là một sự vượt qua, chẳng những vượt qua giới hạn thời gian mà cả không gian nữa, nghĩa là nội dung buổi họp không chỉ nằm yên nơi thủ phủ CALL, mà còn bay khắp nơi nào có người Việt tỵ nạn, để mời gọi tất cả hãy xung phong vào mặt trận chiến tranh chính trị trong giai đoạn tiền (và cả hậu) Bang giao này!

Xin hãy tìm CS và Mỹ phản chiến mà "đánh". Khi gặp họ, đừng bỏ trống giây phút nào. Nếu không "đánh" được họ giữa đám đông, ta đánh lẻ tẻ: chẳng hạn, trong khi chờ đợi buổi họp khai mạc, Bà VINH đã tìm lại Gs Phong "mở màn" tức thì, nào là "tôi cũng muốn về xứ sở làm ăn lắm chứ, nhưng thấy những người đã về, người thì bị bắt, người bị xe đụng... chết..., có nhân viên của công ty Mỹ bị xô xuống lầu chết ngay tạo như một tai nạn thông thường... nên tôi sợ quá không dám về Việt Nam... v.v...". Cứ lối "đánh" kín đáo như vậy lôi kéo những người không theo dõi tin Việt Nam cũng phải chú ý và nghi ngại, dè dặt trước những nguy hiểm không biết thực hư ra sao? ... thì Gs Phong thân mật mời: "Ai mà dám bắt đầu như vậy? Bà chị cứ về đi, em sẽ ra phi trường đón bà chị!" Chính sự ân cần bảo đảm này đã cho người nghe tin rằng những hiểm nguy khi làm ăn với CS là có thật!

Rồi sau khi buổi họp đã bế mạc, ngoài đại diện Hội Phụ Nữ "quần thảo" với hai GS phản chiến Mỹ và CS Trần An Phong bằng giấy trắng mực đen như sơ lược trên, một thành viên của nhóm đặc biệt Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị còn tung "chương" cuối cùng trước khi chia tay với Gs Phong: đó là đề nghị thuyết trình viên nên về Việt Nam thuyết phục và tổ chức lật đổ tập đoàn cộng sản ngu dốt, tàn bạo mà đương sự đang phải thực vụ.

Trần An Phong lại chỉ biết cười xòa rồi đáp: "Lật không nổi!" Đây là một lối chia xẻ tâm tình hay là lời cảnh cáo khéo

lẻo rằng không ai lật đổ nổi chế độ hiện hữu tại VN? Qua bao nhiêu lần Đảng CSVN bị lôi ra mặt sát, mà Gs Phong cũng cười xòa, vẫn vỗ vai thân mật, để làm cho người ta có cảm tưởng lời phát biểu trên đây có ý nghĩa thứ nhất, tức lời than của một người CS đã thấy rõ sai lầm, muốn quay về phía quần chúng... Nhưng nếu nhớ lại rằng ông ta là người có trách nhiệm trình chiếu CÁNH HỒNG ĐỎ trong công tác chuyên môn... thì phải hiểu nó với ý nghĩa thứ hai: đó là lời nhắn nhủ đường mật nhưng khẳng định: đừng âm mưu gì vô ích, LẬT KHÔNG NỔI ĐẤU!

Bài tường trình này vì vậy trở thành quá dài, là để mỗi người Việt Nam có trái tim Việt Nam, có cơ hội trầm ngâm lại chính mình, để tìm xem dân tộc ta có lật đổ nổi chế độ Cộng Sản đã man không? Nếu đọc xong chỉ thấy rằng:

1. Cộng Sản nói ngang, nói láo ai mà không biết, trả lời với chúng mắt thì giờ vô ích;

2. Trần An Phong cũng đã đầu hàng mình rồi, và lại hấn chẳng có chức vụ quan trọng gì, không đáng mất thì giờ vì hấn...

3. Mỹ nó đã xếp đặt để bắt tay với cộng sản lâu rồi, những người như Gs Grivetti, Harris... là do CIA mua chuộc cả rồi... nói gì cũng vô ích, không thay đổi được gì v.v...

Tóm lại, gồm những tư tưởng chủ quan, định ninh rằng sẽ thắng, vì dân tộc Việt Nam và Hoa Kỳ đều biết rành âm mưu của VC, không cần "cãi cộ", dài dòng lời thôi... Nếu số người này càng đông, thì Ph.D Phong An Trần nói đúng, ta không lật nổi đâu! Bằng ngược lại, nếu mỗi địa phương trên thế giới đều có được NHÓM ĐẶC NHIỆM như Hội H.O Sacramento, CS ló đầu đánh đó, đánh trường kỳ, làm cho Gs PHONG... BẤT AN để trả lời với Trần An Phong rằng: Gió TRẦN gian Hải Ngoại chẳng phải là loại AN PHONG để nuôi dưỡng cho HOA HỒNG ĐỎ của ông đẹp mãi, mà sẽ là trận CUÔNG PHONG giựt sập chế độ bạo tàn!

*

Tạp Ghi... Bên Lề Cuộc Giải Độc...

ĐẤU LÀ HÒA GIẢI HÒA HỢP... ĐÍCH THỰC ?

Nhằm mục đích thông tin, trao đổi những lý luận của cả hai phe "ta" và "địch" hầu các Hội Đoàn người Việt khắp nơi nghĩ trước những gì cần đối đáp trong trường hợp tương tự như khi CS tới UCD tuyên truyền vào ngày 21 tháng 7 vừa qua. (Xem TƯỜNG TRÌNH BUỔI GIẢI ĐỘC...) nên tuy bài đã quá dài, tôi vẫn thấy còn thiếu sót nếu không ghi thêm phần này:

Trong phần trao đổi chính thức, một thành viên thuộc Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị có hỏi Tiên sĩ Harris rằng khi ông ủng hộ Bang giao và HGHH với VNCS như vậy, ông có nghĩ rằng ông đã phản bội trên 58.000 người lính Mỹ đã hy sinh tại Việt Nam không?

Tiên sĩ Harris: (có vẻ gắt gông) Tôi không làm gì gọi được là phản bội họ cả; không thể dùng mãi lối lập luận này, Chúng tôi tham chiến nhiều trận: như Triều Tiên... rồi các quốc gia từng thù nghịch nhau cũng là bạn nhau cả... Là quân nhân, tôi phải tuân lệnh Tổng Thống Hoa Kỳ là Tổng Tư Lệnh Quân Lực Hoa Kỳ... vấn đề là chính trị..., mà bản thân tôi, ngoài việc là nhân viên của Bộ Quốc Phòng, tôi còn học về POLITICAL SCIENCE... Chính trị quyết định chiến tranh... Thấy Harris chỉ nói lòng vòng (Y như phần phát biểu đã trình bày trước đây),

Hội CTNCT lập lại câu hỏi: "Nhưng con số 58.000 người chết vì chống Cộng Sản..."

Harris càng cao giọng trả lời có vẻ bực bội: "không có việc phản bội ai cả..."; nhưng chẳng nói gì mới, ngoài việc giải thích mãi về bản phận một lính Mỹ (có lẽ Harris nghĩ người hỏi không biết luật HK? Hay đây là cách ông ta quên dùng với CSVN để HGHH giữa lính Mỹ và lính VC? rằng tôi bỏ bom anh vì tôi chỉ làm bốn phận...?)

Nếu vậy thì cũng dễ cho ta "GIẢI ĐỘC", rằng nếu ông làm bốn phen với đất nước mà VC tra tấn khi ông bị bắt, là đã vi phạm luật quốc tế về tù binh rồi (điều này hóa giải luận điệu VC cho là Mỹ xâm lăng nên họ có quyền giết, rằng chiến tranh Việt Nam Mỹ không tuyên chiến nên lính Mỹ không được hưởng quyền của tù binh v.v...). Thấy TS Harris không trả lời thẳng câu hỏi, TS Grivetti xin trả lời thay. Và tư tưởng của ông này rất đáng cho ta nghiên cứu.

Louis Grivetti: Như, việc tôi hợp tác với VN, tôi cũng không nghĩ là đã phung bội cái chết của trên hai triệu người VN cả hai miền. Tôi cũng không nghĩ là đã phung bội người chết hay người mất tích MIA Mỹ... Nhưng tôi nghĩ rằng chiến tranh đã chấm dứt... Tôi tin rằng có sự khổ đau, quả là đau khổ vô cùng... và nó ảnh hưởng tới mọi người. Gia đình tôi cũng chia xẻ nỗi đau đó. Như việc làm của tôi hiện giờ, anh tôi bảo là nên làm, còn cha mẹ tôi thì còn phân vân... Ngay trong phòng họp này cũng có người muốn về VN, có người chọn ở lại... Nhưng tôi nghĩ chúng ta cần nhìn về tương lai của năm 2010, hơn là cứ nhìn ngược về quá khứ. Dòng nước thủy triều của Thái Bình Dương ven bờ Cali rồi cũng sẽ chảy tới VN!".

Qua lối giải thích lý do thay đổi ý kiến về chiến tranh VN như trên (rút lui, chịu hòa để bày thế trận khác), và lối nói bóng bẩy này, có thể hiểu nhóm Gs Louis Grivetti quan niệm Bang Giao, HHHG với CS là thế tấn công mới của vấn đề dang dở cũ. Nghĩa là họ cũng đang muốn chiến thắng CS, họ cũng Chống Cộng, theo lối riêng, và họ tin rằng sẽ thắng trong 16 năm tới! Nhiều nhóm người Mỹ cũng như Việt, (ngoại trừ loại con buôn trục lợi), chủ trương giải tỏa cấm vận và bang giao với CS VN, vì họ nghĩ chỉ có cách đó để thắng VC, và để giúp VN thoát khỏi nghèo đói.

Đối với nhóm người này, ta cần:

1. Giải tỏa mặc cảm tội lỗi của họ về chiến tranh VN.

2. Nhắc nhở họ về âm mưu sâu độc của VC, mà phải nói có sách sách có chứng hẳn hoi, và phải lập đi lập lại liên tục đừng sợ nhàm chán, bởi người ta hay quên những chuyện nào không ích lợi trực tiếp cho chính họ. Hai việc này cần thực hiện qui mô bằng báo chí, phim ảnh, và sách vở viết bằng đủ thứ ngoại ngữ; rồi phải được phổ biến rầm rộ. Lý tưởng là mỗi lý lẽ nào của CS tung ra đều có bài "đáp lễ" của phe ta, bằng đối đáp này cần để vào thư viện tại mỗi trường học, thị xã v.v... của mỗi quốc gia, cho thế hệ sau nghiên cứu...

3. Tuy chủ trương trái ngược nhau, nhưng mục tiêu cuối cùng giống nhau: dẹp bỏ chủ nghĩa CS để đem lại tự do no ấm cho Việt Nam... Vậy nếu ta không coi họ là bạn cùng chiến tuyến, thì cũng không nên nặng lời kết tội họ, đẩy họ về phía bên kia; mà chỉ nên đối thoại với họ thật ôn hòa. Chính họ là những người CÓ TRÁI TIM RẤT "NGƯỜI", nếu chính trị của ta giỏi, thuyết phục được họ, họ sẽ giúp giải thể chế độ XHCNVN hữu hiệu hơn là nóng nảy thỏa mạ tất cả những ai chủ trương Bang Giao hay HHHG với CS.

Trường hợp Gs Grivetti là một điển hình: CS đang đói, ông cho ăn, thì dạy gì họ chẳng nghe? Tư cách khúm núm, đường đường là Tiến sĩ Viện Trường... của một quốc gia "anh hùng" mà Trần An Phong gọi các giáo sư (của Trường UCD) của quốc gia mời tới thăm (chỉ một tuần lễ) là "Thầy", "Cô" đủ cho ta thấy cái tính... dễ dạy ấy của bọn CSVN. Thêm vào đó, T.A. Phong cảm thấy được đối xử rất "bình đẳng", đủ chứng tỏ xưa nay các Tiến sĩ CSVN đi tới các nước Quan Thầy XHCN bị coi như thân phận thấp thỏi học trò theo tinh thần QUÂN, SU, PHỤ của Trung Cộng; mà nay được coi ngang hàng thì chúng càng "mê tít cung thang" (vì tương quan thầy trò, chủ nhân và công nhân của người Mỹ thân thiện tự nhiên và "bình đẳng" thật sự, khác với óc quan liêu của Tàu)...; mà Mỹ lại có nhiều của cải... Chiến lược của nhóm Grivetti cho VNCS ăn thật nhiều CỤ CÀ RỐT để sau này biến thành CÂY GẬY đập sụm lưng chính kẻ đang công lưng công bao CÀ RỐT..., cũng là một thượng sách trong đoàn kỳ... Nhưng trong trường kỳ... vẫn

đề là LÀM SAO ĐỂ BIẾN CÂY GẬY thành CỤ CÀ RỐT? và BAO GIỜ?... Giải đáp để trả lời cho câu hỏi lớn này phải xuất phát từ NGƯỜI VIỆT chúng ta, đừng ý lại vào người Mỹ từ đầu đến cuối mà bị rơi vào vết xe cũ. Ngược lại cũng không nên thất vọng, nghi ngờ họ đã chạy theo VC.

Vì không phải người Mỹ Louis Grivetti cố tình nuôi dưỡng CS, mà chỉ vì họ không thể tin được trên thế gian có một giống người KHÔNG CÓ TIM của LOÀI NGƯỜI như tập đoàn Cộng Sản đang lãnh đạo VN hiện giờ... cho nên họ sẽ bị lừa gạt. Bốn phen người Việt hải ngoại là chứng minh âm mưu đó của CS. Muốn vậy, phải tìm hiểu lý luận của mỗi tổ chức đã hợp tác với CS và kiên trì liên tục đối thoại.

Cho nên, sau hậu trường của buổi GIẢI ĐỘC, tôi định trao đổi thêm với Gs Louis Grivetti về việc Ông lấy kinh nghiệm giúp cựu thù Đông Đức mà mơ ước một HGHH để xóa bỏ hận thù với CSVN khi họ còn nắm quyền cai trị, là một không tưởng. Nhưng vì không còn giờ, tuy nhiên tôi sẽ tiếp tục liên lạc... và khẩn khoản mời mọi người có phương tiện, hãy trao đổi quan niệm với ông, địa chỉ:

NUTRITION DEPARTMENT, UCD. DAVIS, CALIFORNIA, CA 95616

Tôi sẽ nhắc ông nhớ rằng khi Đông Đức sụp đổ, nước Đức Thống Nhất do Tây Đức cai trị, nhưng chính phủ mới không trả thù người của chế độ cũ, thậm chí đầu Đảng CS Đông Đức là ERIC HONECKER (người Việt tỵ nạn ở Đông Đức ghê tởm CS như loài vật tanh hôi nên gọi là Ech Rít Hôi Nách Ke) . **Chỉ bị dẫn độ ra tòa lại cũng được tha về chết do bệnh ung thư, dù là kẻ đại ác đảng chết, nhưng cái chết ấy không gây thù hận cho gia đình ông ta. Còn cả nước Đức hiện nay không hề có triển lãm tội ác của CS Đông Đức ... Còn CSVN trái hẳn lại, chẳng những trả thù tập thể người của chế độ miền Nam ngay khi chiến thắng, mà hiện nay họ còn nuôi dưỡng hận thù vĩnh viễn bằng tài liệu lịch sử, bằng VIỆN BẢO TÀNG TỘI ÁC CHIẾN TRANH VN, và tất cả nghĩa trang quân nhân VNCH cũ hiện nay hoàn toàn bị xóa bỏ, trong nước chỉ còn mộ của lính CS mà thôi. (OLIVIER NORTH chứng kiến việc này). Dĩ nhiên phe CH cũng trả đũa lại, dù chỉ để đem lại sự trung thực cho lịch sử... thì cũng lại là một hình thức khêu gợi hận thù... Và dân tộc VN sẽ thù hận nhau truyền kiếp, mà cuối cùng phe nào nhân đạo, không đủ ác để nuôi mãi hận thù, phe đó sẽ thua... Kẻ bỏ cuộc sau cùng là kẻ bại trận. Lịch sử chiến tranh Việt Nam đã chứng minh như vậy và lịch sử đó hiện đang tái diễn...**

LỊCH SỬ TÁI ĐIỂN...

Tôi đang có trong tay hai bằng chứng vững chắc: một về phía những người vì Tinh Người về VN để Hòa Hợp Hòa Giải như Gs Grivetti mà bị bắt đi tù, bị nhốt vào nhà thương điên... Và một bằng chứng khác, về phía CSVN, chủ trương nuôi dưỡng hận thù nhưng âm mưu NGUY HÒA để đem thắng lợi cuối cùng về cho chủ nghĩa MÁC LÊ.

Đây là chuyện thật do chính nạn nhân kể lại trên báo Người Việt, số ra ngày 26 tháng 6 năm 1994 tại Miền Nam Cali:

Ông Hoàng Ân, xướng ngôn viên của chương trình Vòng Quanh Thế Giới Nghệ Thuật của Đài Truyền Hình Little Saigon (cũng tại Miền Nam Cali), viết về chuyến trở về VN của ông như sau:

"Trong suốt cuộc đời, tôi luôn luôn yêu mến đất nước VN, nơi tôi đã sinh ra và lớn lên. Thế nhưng nhiều lúc tôi thấy tấm lòng thương mến dành cho quê hương vẫn thường mang đến cho tôi những nỗi khổ... Tuy nhiên, tấm chân tình của tôi dành cho VN sẽ không bao giờ lay chuyển nổi dù bất cứ mọi hành động thù nghịch nào, kể cả các biến cố vừa xảy ra cho tôi trong chuyến viếng thăm VN từ ngày 10 tháng 5 đến 3 tháng 6 năm 1994. Trong chuyến đi đó, tôi đã bị bắt giữ, nhốt tù, đánh đập, tẩy não và nhốt vào bệnh viện tâm thần... (...)

... Hai ngày hôm sau, tôi rời Sài Gòn để ra Hà Nội, nơi tôi phải tiếp tục công việc gặp gỡ những người mà tôi đã có hen

trước. Hôm đó trời rất nóng, và tôi mặc áo thun trắng có in hàng chữ "Little Saigon Tet Festival" mà tôi mang về từ Hoa Kỳ. (Bây giờ tôi nghĩ lại có thể cán bộ công an cho rằng hàng chữ đó mang ý nghĩa chống cộng đối với họ). Tôi mặc quần đùi, và trong lúc chờ đợi được đưa tới khách sạn, tôi đã bắt đầu chạy bộ chung quanh phi trường. Hành động của tôi khiến cho đám công an chú ý, và họ nhào tới bắt nhốt tôi vào trong trại giam để tra hỏi...

... Trong suốt thời gian bị cầm giữ tại nhà giam chứa đầy miếng chai và vô cùng dơ bẩn, có lúc họ còng tay tôi cứng ngắc, xiết chặt vào xương đến thật đau đớn, mà vẫn không hề cho biết lý do hay tội danh của tôi. Cũng trong trại giam, cán bộ công an còn bắt tôi phải viết bản tự khai nhiều lần, chỉ cho ăn uống khi tôi kiệt sức, hăm dọa mạng sống và tìm cách khủng bố tinh thần của tôi.

Vào chiều ngày 24 tháng 5, 1994, nhóm công an đưa tôi ra phi trường và nói rằng sẽ đưa tôi lên Quảng Châu bên Trung Cộng. Tôi thật sự sợ hãi cho tính mạng của mình, và khi thấy hành khách ngoại quốc tôi tìm cách la hét bằng nhiều thứ tiếng, hy vọng tạo ra được sự chú ý. Thế nhưng bọn công an liền nhốt tôi lại và đưa tôi tới nhà thương điên Thường Tín ở Hà Tây, cách Hà Nội khoảng 15 cây số. Họ giữ tôi trong bệnh viện tâm thần và thường xuyên bắt tôi dùng thuốc an thần.

Đến lúc tôi vào nhà thương điên, gia đình tôi mới biết tin và tìm cách liên lạc với một người từ Quận Cam đang có mặt ở Việt Nam. Người bạn này sau đó tìm cách thương lượng với công an và được biết họ muốn một số tiền lớn... Vì lo lắng cho tính mạng tôi, gia đình tôi chạy chọt được đầy đủ số tiền đòi hỏi và gửi về cho người bạn. Sau khi nhận được mấy ngàn Mỹ kim, cán bộ công an cho phép tôi ra khỏi nhà thương và về Hoa Kỳ... (...). Gia đình tôi muốn không dính líu đến chính trị và mong muốn giữ kín câu chuyện bị nhốt tù của tôi. Tuy nhiên sau nhiều ngày suy nghĩ từ khi về tới Mỹ, tôi tin rằng câu chuyện này cần phải được phổ biến cho những người khác biết. Tôi biết tôi không phải là người duy nhất từ ngoại quốc trở về Việt Nam để tìm cơ hội giúp đỡ xây dựng quê hương, và càng không phải chỉ có tôi bị công an Cộng Sản bắt bớ một cách vô lý để làm tiền. Đây là sự bóc lột và tham nhũng một cách trắng trợn.

Trong nhiều năm qua, tôi từng thành thật lên tiếng ủng hộ việc hàn gắn vết thương giữa Hoa Kỳ và Việt Nam, và tôi cũng tán thành bãi bỏ luật cấm vận. Lập trường của tôi về vấn đề này đã khiến cho nhiều người bối nhộ cả nhân tôi, cho rằng tôi là kẻ thân cộng. Giờ đây, thật là mâu thuẫn, ở Việt Nam họ tố cáo tôi là gián điệp của nhóm chống Cộng cực đoan tay hải ngoại, và họ đã đánh đập và nhốt tôi vào tù. Tôi đã bị tấn công từ hai phía. Nhưng trong thâm tâm tôi, tôi chỉ đứng về phía nào có thể đưa đến sự chấm dứt hoàn cảnh khổ đau của dân tộc Việt Nam...

ĐÚNG VỀ PHÍA NÀO ???

Dĩ nhiên là ông Hoàng Ân không chọn đứng về phía Cộng Sản, nhưng hiển nhiên là ông đã vô tình làm hại cho người VN và đã làm lợi cho Cộng Sản về nhiều phương diện sau đây:

- Việc xuất nhập VN dễ dàng như vậy khiến thế giới không còn thấy XHCN ngược đãi công dân của họ về khác biệt chính kiến, tôn giáo hay thành phần xã hội, theo công ước quốc tế nữa. Do đó các nước trên thế giới từ chối nhận định cư những người VN tại các trại tỵ nạn theo qui chế tỵ nạn chính trị. Mà nếu là người bỏ xứ ra đi vì kinh tế thì họ bị trả về nước là đúng. Bởi làm sao một nước lại có thể nuôi hết dân nghèo của cả XHCNVN? Những người du lịch VN vì vậy đã vô tình đóng góp vào thảm cảnh cường bách hồi hương tại các trại tỵ nạn Đông Nam Á Châu hiện nay.

- Khi nộp vào tay bọn công an Cộng Sản mấy ngàn đô-la, chẳng những ông Hoàng Ân nuôi mập tên tham nhũng đó mà ông còn nuôi mập cả Đảng Cộng Sản Việt Nam. Bởi vì có ông lôi tiền ra thì cái trí tuệ "siêu việt" của bọn chúng mới càng

phát triển tốt hơn để bóc lột tiếp tục; cũng như phải có người trước ông riu riu lo tiền mãi lộ cho được an thân nên mới tới phiên ông là nạn nhân vậy. Bằng chứng là chính ông viết: không phải chỉ có mỗi mình ông bị công an cộng sản bắt bớ vô lý để làm tiền! Nghĩa là những người yêu nước, nhớ nhà về thăm quê Việt Nam đều phải nộp tiền nuôi mập đảng viên cộng sản, mà vì không muốn dính líu đến chính trị, như gia đình ông, nên giữ kín không dám nói ra!

- Những người đã về VN đọc đến đây sẽ cho rằng tôi nói sai về trường hợp của họ. Vì đa số họ đâu bị bắt bớ gì? Công an khu vực chỉ đến nhà kêu gọi ủng hộ tiền..., rồi tự nguyện... ai không cho tiền thì cũng an lành rời khỏi VN, có bị tra tấn gì đâu? Sự thật những người này cũng đã góp công đắc lực trong việc duy trì chế độ Cộng Sản trên đất nước mình mà họ không hay biết !!! Bằng chứng? thì chỉ cần mỗi người "yêu nước" bỏ thí cho một tên xét hành lý ở phi trường Tân Sơn Nhất vài Mỹ kim là đủ củng cố cho sự bền vững của cộng sản rồi. Bởi phải là đảng viên CS mới giành được chỗ đó. Thử đặt mình vào tên cán bộ ấy, ta có đại gì bỏ đảng không? Có Đảng ta mới được chỗ béo bở đó, vậy chẳng những không bỏ mà ta phải từ thù để bảo vệ Đảng! Điều này được chúng mình rõ qua báo cáo của Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh: muốn trở thành đảng viên, học sinh phải tranh đấu để được thầu nhập vào Đoàn. Khi nền kinh tế lụn bại vì nhà nước hạn chế quà tặng, tiền bạc từ ngoại quốc gửi về VN, không có lợi lộc gì mà phải cực khổ phấn đấu vào đoàn... thì trước năm 1988, Đoàn Thanh Niên CS HCM mất mỗi năm nửa triệu đoàn viên. Sau khi XHCN thay đổi chính sách, mới gọi Việt kiều về thăm quê hương thì Đoàn Thanh Niên CS bắt đầu tăng số Đoàn Viên; và sau khi Mỹ bãi bỏ cấm vận, Đoàn Thanh Niên CS HCM càng phát triển mạnh. Bởi lẽ chỉ có con đường đó mới được vào Đảng, một "NGHỀ" duy nhất để sống còn dưới chế độ XHCNVN.

Rõ ràng chỉ cần vài đô-la, không giá trị gì, nhưng ta đã góp phần duy trì sự thống trị của đảng CSVN, làm tăng sự nghèo khổ của đồng bào ta, vì bọn tham nhũng làm ra tiền nhiều mà không tốn giọt mồ hôi nào, nên chúng vung tiền mua sắm, ăn chơi vô tội vạ, làm giá sinh hoạt đắt đỏ...; giá thị trường mắc đến đâu họ cũng chạy theo nổi..., còn đại đa số làm cách nào sống nổi đây??? Ai cũng vì thương gia đình ruột thịt, về thăm, cho tiền... Chính một xã hội quá nhiều tiền lưu hành mà lại quá khan hiếm hàng hóa; (luật cung cầu chênh lệch nghiêm trọng) khiến giá hàng tăng như pháo thăng thiên thì, xin hãy bình tâm suy nghĩ: tuyệt đại đa số dân nghèo không CS, mà cũng không có thân nhân hải ngoại, lại là người phải đưa lưng gánh vác kiếp-sống -chết-còn- sống-hơn này... thì lòng NHÂN ĐẠO của ta phải giải thích thế nào đây? Ta đặt có nhằm lúc không? Và liệu ta có thể nhân đạo, gởi tiền về giúp mãi thân nhân như hiện giờ không? Hay là phải có kế hoạch nào toàn diện hơn? Nếu trở lại hình ảnh kẻ cướp đang siết cổ làm nạn nhân bị đối vi thức ăn không xuống được tới dạ dày... (kể ở phầndầu), thì thấy rõ người nhân đạo cứu đời phải làm sao để thức ăn được vào bao tử của người đói một cách tự nhiên và lâu bền? phải đứng về phía nào để có thể đưa đến sự chấm dứt hoàn cảnh khổ đau của dân tộc Việt Nam (như hoài bão của ông Ân) ? Nếu không sáng suốt xác định phía đứng của mình thì người có lòng thương người chẳng những không cứu được nạn nhân mà chính bản thân mình lại trở thành nạn nhân! Thương người mà lại hại người và hại cả chính mình.

Thảm nạn này cũng được dẫn chứng hùng hồn:

Ông Hoàng Ân than rằng lòng nhân đạo, thương mến quê hương vẫn thường mang đến cho ông nhiều nỗi khổ. Ông đã bị tấn công từ hai phía. Nhưng dù sao phía Cộng Hòa nhiều nhất cũng chỉ thóa mạ ông bằng lời; còn phía Cộng Sản, chẳng những thóa mạ bằng lời, mà còn bắt giữ, nhốt tù, đánh đập, tẩy não và nhốt ông vào nhà thương điên để tống tiền! Hơn thế nữa, sự tấn công từ cả hai phía này, và món tiền lớn bị cướp mất..., nếu nó đã qua đi, hay thỉnh thoảng ông vẫn nghe người

có tánh nói dai, lập lại, thì cũng đỡ. Đàng này cái khổ vì tiền mất mà tật phải mang nó lại thường trực thì mới thật là cái đau to lớn cho đời ông!

Hãy nghe ông Hoàng Ân tả cái đau đớn ấy: "Hiện nay tôi đang được Bác sĩ chuyên môn chăm sóc sức khỏe, và tôi thường xuyên gặp hai Bác sĩ tâm thần, để họ có thể theo dõi tình trạng khủng hoảng tinh thần của tôi. Mỗi đêm, tôi vẫn dùng thuốc an thần để nhắm mắt ngủ, nếu không, tôi sẽ thức suốt đêm với những hình ảnh kinh hoàng hiện về từ trại giam".

Quả thật là kinh hoàng! Ông Hoàng Ân mới được CS cho nếm mùi tù chỉ độ 3 tháng mà tinh thần đã khủng hoảng đến độ đó; thì cái tinh thần của người tù cái tại và của vợ con gia đình họ, khi tưởng đi 1 tháng mà thành 1 năm, 5 năm, rồi 10 năm vẫn chưa về... hay không bao giờ về... nó tan nát, nó kinh hoàng đến thế nào ??? Tôi nhắc lại như vậy để chứng minh rằng từ tháng 4.1975 cho đến tháng 3.1994 là lúc ông Ân bị bắt, CS có gì thay đổi đâu? Họ vẫn bỏ tù người VIỆT bất cứ lúc nào họ muốn, không qua thủ tục nào! Việc thả tù cũ (cải tạo) để bắt tù mới (như ông Ân và các người tù lương tâm hiện nay) chỉ là việc thay đổi người ngồi tù... Cách nào thì 19 năm nay XHCNVN cũng vẫn là một nhà tù vĩ đại, kinh hoàng...

Ông Hoàng Ân nhiều lần vượt biên sau 1975, thoát được ra ngoài năm 14 tuổi mà còn không thấy rõ như vậy thì nói chi người trẻ hải ngoại? Ông cũng không biết luôn rằng, tất cả khúc ruột ngàn dặm hải ngoại đều là ruột thừa, bắt đết đi Đảng mới cho gọi về góp công cứu vớt XHCN. Loại ruột tâm thường, chẳng làm gì hại chế độ thì cho phép nạp tiền tự nguyện, bỏ vào hộ chiếu (passport), rồi cho thông thả trở ra nước ngoài làm nhân chứng kêu gọi thêm người về... Còn "khúc ruột" như Hoàng Ân là loại "nợ máu" đấy! Thì phải trả nợ máu với giá cao hơn. Vì vượt biên (nhiều lần) đã là trọng tội chưa nói tới, mà còn kiêm thêm tội làm xướng ngôn viên cho đài truyền hình Little Saigon. Dù chỉ là Xướng Ngôn Viên về nghệ thuật... Nhưng nghệ thuật phải phục vụ Đảng thì mới được. Chứ nghệ thuật của cái đài, dù không biết quan điểm lập trường ra làm sao, nhưng chỉ cần mang cái tên SAIGON của Ngụy là đã bị án phạt động rồi! Bộ ngoan có không biết Saigon đã bị xóa sổ, thay vào bằng cái tên Bắc sao? Đã vậy phi trường là tài sản vĩ đại của nhà nước, là nơi an ninh tuyệt kỹ, vậy mà có kẻ mang áo Saigon của Ngụy chạy vòng vòng, rõ ràng là lối xách động biểu tình của bọn... Phục Quốc! v.v.... và v.v....

Cứ lối lý luận rất "lô-gic" đó, mà bọn VC sẽ cho là ông Hoàng Ân bị bắt là đúng..., chuyện bỏ vào nhà thương điên cũng đúng luôn, là vì ông la hét như điên. Cả chuyện đánh ông cũng đúng nốt, là vì ông dám dẫm đá công an! Chỉ có chuyện tống tiền ông là sai. Nhưng bằng chứng đâu? Nếu ông nêu được tên tuổi kẻ tham nhũng, nhà nước sẽ "trừng phạt thẳng tay" theo pháp luật. Còn không nêu được bằng chứng như tên họ, chức vụ... thì đó chỉ là vu khống, là bôi nhọ danh dự công an nhân dân theo sách lược... diễn tiến hòa bình của Mỹ Ngụy... Dĩ nhiên là ông Ân không trưng được bằng cứ, vì gia đình ông; cả người bạn ở Quận Cam đã nhận tiền của ông cũng không dám khai tên thủ phạm: Vì phải im lặng để còn trở về VN nhiều lần khác và nhất là vì sợ dính líu đến chính trị!!!

Đây không phải chỉ là thái độ riêng của những người trong cuộc mà là tình trạng chung của người Việt Nam. Thái độ này đã "góp công" vào sự thống nhất Nam Bắc vào tay CS năm 1975, đúng như lời rên rỉ của thi sĩ NGUYỄN CHÍ THIÊN, rằng:

*"Vi ấu trĩ, thờ ơ, u tối
Vi muốn an thân, vì tiếc máu xương
Cả nước đã quay về một mối
- Một mối hận thù, một mối đau thương!"*

Nỗi đau thương này, trong 20 năm qua làm chúng ta trần trọc không yên giấc, xôn xang tìm cách giải quyết ... Nhưng muốn thật sự chấm dứt cảnh đau thương này của dân tộc Việt Nam, cần tìm hiểu nguyên nhân xa gần nào đã đưa tới cái khổ

đau ấy? Nguyên nhân "xa" về phía Cộng Sản thì đã đành, nhưng nguyên nhân "gần" về phe "ta" tức là phía không Cộng Sản cũng là một đống góp không kém phần quan trọng. Gia đình ông Hoàng Ân đã vượt biên tỵ nạn, đã làm cho đài truyền hình mà còn cho là mình không dính líu đến chính trị..., bị mất tiền, suýt mất mạng mà chỉ biết làm thỉnh để được an thân, vì "không muốn" ..., vì... "Sợ" dính líu đến chính trị... Trong khi đối với VC thì từ chuyện "nựng con", "tán vợ" trong phòng the cũng là một sách lược chính trị...: Tưởng cần nhắc sơ lại để làm bằng chứng:

Đó là chính sách BA KHOAN của miền Bắc trước 1975. Thanh niên nam nữ cả nước của Cụ Hồ phải ngưng việc yêu đương để dồn nỗ lực vào cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước (KHOAN YÊU). Nếu đã lỡ yêu rồi thì KHOAN CUỐI. Nếu lỡ cưới rồi thì không được quyền có con, KHOAN ĐẼ! Thanh niên vi phạm điều luật BA KHOAN thì không được thu nạp vào đoàn, vào đảng, Đảng viên vi phạm thì cuộc hôn nhân phải bị hủy bỏ..., kể cả hậu quả của nó là bào thai, nếu có, cũng phải nạo bỏ, bắt kể nó đã 3, 5 hay 6 tháng... Nếu thường dân vi phạm thì càng dễ: tịch thu sổ hộ khẩu là xong (GHI CHÚ: khi dịch đoàn này cho người Mỹ cần phải nói rõ cái quan trọng sinh tử của cái gọi là "SỔ HỘ KHẨU" dưới chế độ XHCN, vì người ngoại quốc không biết đến định chế này, luôn cả "luật" BA KHOAN).

Chính sách này là một trong những sáng tạo của HỒ CHÍ MINH. Và ông ta làm gương cho tuổi trẻ bằng cách Ở VẬY KHÔNG CÓ NGƯỜI YÊU, KHÔNG VỢ CON CHO TỐI CHẾT. "Suốt đời Bác chỉ biết hy sinh cho nền độc lập của xứ sở" Đảng CSVN tung hô như thế trong lịch sử Đảng, rằng, vì vậy nhân dân Việt Nam thờ phượng HCM như thánh sống. Ngày nay đang chứng cho thấy HCM đi tới đâu có vợ đến đó, ở Nga còn cưới cả Nguyễn Thị Minh Khai là vợ lãnh tụ Lê Hồng Phong, một đồng chí của bác!! Tờ TUỔI TRẺ trong nước chỉ vì lo tin HCM có vợ mà vào năm 1993, Bà tổng biên tập Kim Hạnh, bị bay chức và đang phải bị đi cải tạo tư tưởng!

Đây là bằng chứng cho thấy, CSVN chỉ thay đổi tới mức nào có lợi cho sự thống trị của họ; làm ngược lại là họ thẳng tay đàn áp, dù họ phải phủ nhận sự thật rất hiển nhiên dù họ phải lộ ngược trào lưu Tự Do, Dân Chủ của nhân loại! (Đối với người Mỹ, chắc họ không tin được việc đảng tin HCM có vợ là một tội nặng? Vì người Mỹ quen sống với gia cảnh "single" trên giấy tờ mà còn nhiều "bò" và nhiều con..., cho nên phát giác mới về việc thê tử của HCM hẳn không có ý nghĩa quan trọng với họ). Họ đâu dè đối với CSVN chuyện tình tự trai gái lại là điều tối hệ trọng, vì HCM chẳng những là thần tượng thời chiến, mà còn đang được vận dụng như chiếc dù che cho XHCN trong thời bình hiện nay nữa:

Trong dịp kỷ niệm 32 năm thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (20.12.1960), Tướng Trần Bạch Đằng, đương kiêm Cố Vấn Bộ Nội Vụ, là trùm công an văn nghệ XHCNVN, có viết trên báo CÔNG AN (Thành phố HCM số Xuân 1992) về ÓC SÁNG TẠO trong Tư TƯỞNG "ĐOÀN KẾT..., ĐÀI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH", có đoạn nguyên văn như sau:

"Chủ tịch Hồ Chí Minh, một người Việt Nam thiết tha yêu nước đồng thời là người Cộng Sản, đã vận dụng lý luận cách mạng hiện đại bám chặt bản sắc dân tộc, cho rằng ở một nước thuộc địa muốn đánh đổ ách thống trị ngoại bang thì phải mở rộng biên độ khái niệm quân chủng đến tất cả những ai vẫn còn thừa nhận mình là con dân nước Việt Nam. Đây là một sáng tạo lớn, nắm được cái hồn của quan điểm đấu tranh giai cấp và hóa giải khôn ngoan mọi đối kháng về quyền lợi bên phận trong những hoàn cảnh nhất định phục vụ tập trung cho quyền lợi toàn cục, bởi vì mục tiêu của cách mạng đồng thời cũng là mục tiêu của nhân dân lao động, các mục tiêu ấy thống nhất với đòi hỏi của dân tộc và của tình thế.

"Đành rằng mọi cuộc tập hợp đều phải xuất phát từ nhiệm vụ chính trị với khẩu hiệu chính trị thích hợp, song một vấn đề khác quan trọng tương đương là phải biến nhiệm vụ và khẩu hiệu chính trị thành hành động rộng rãi trong cả nước.

"Cho nên "Đoàn kết, Đoàn kết, Đại Đoàn kết" chính trị là duy triết học của Hồ Chí Minh, khái quát hóa một trong những qui luật của cách mạng..."

Thư phân tích phần trên đây theo phương pháp "tam đoạn luận" một cách nôm na, thì "luật" của Hồ Chí Minh là, như khi muốn "Quốc Hữu Hóa" tình yêu nam nữ để đầu tư vào kỹ nghệ chiến tranh "Chống Mỹ cứu nước" chẳng hạn, thì phải biến "khẩu hiệu chính trị" CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC và "nhiệm vụ chính trị" BA KHOAN thành hành động mà cả nước phải tuân hành. Ngưng yêu, ngưng cưới, ngưng để phải được coi là nhiệm vụ chính trị của toàn dân trong tình thế lúc ấy; có cậu nào lên phen yêu đương lắm lắm; nhà văn nào viết về tình yêu trai gái ủy mị, tả cảnh nương con tằm trong phòng the v.v... là không đáp ứng đòi hỏi của dân tộc, là mất lập trường giai cấp của nhân dân lao động..., là không thừa nhận mình là con dân nước Việt Nam..., tức là phản cách mạng! là một tội đáng tử hình, hay khoan hồng nhất là cho đi cải tạo...!

Khi nhà nước muốn tôn sùng STALIN, dạy rằng:

"Thương cha thương mẹ thương chồng, Thương mình thương một, thương ông thương mười..."

toàn dân phải vâng lời. Dù phải tố cha mẹ để được giữ lập trường giai cấp, toàn dân cũng phải làm. Làm được như vậy mới xứng đáng là anh hùng hy sinh cho tổ quốc. Làm ngược lại hay lúng túng không làm là phản quốc.

Đối với HCM, chỉ có hai chỗ đứng đó cho người công dân, không có loại đứng "chàng hăng" ở giữa. Giả dụ HCM còn sống mà "tư duy" trái ngược rằng tiếp xúc với Việt kiều là phản quốc; thì những Việt kiều hồi hương, cha mẹ, anh em họ trong nước sẽ bị bắn bỏ hay đi cải tạo cả. Chừng đó chắc chắn không còn ai vịn vào tình yêu cha mẹ vợ con gì để mà... "du lịch VN" nữa cả. Đó, ta thua Cộng Sản ở chỗ ta RẤT LÀ CON NGƯỜI! Dù hoàn cảnh nào ta cũng đùm bọc cho người thân yêu.

Cho nên, theo tư tưởng HCM, ta là người Yếu Hèn Nhu Nhược. Còn CSVN nhờ có tư tưởng HCM mà đây đây anh hùng. Hãy đọc tiếp Trần Bạch Đằng về cuộc chiến Chống Mỹ Cứu Nước:

"Chưa bao giờ trong lịch sử VN lại đây đặc gương xả thân vì Tổ quốc, nhiều danh hiệu dũng sĩ, anh hùng đến thế, hầu hết là nam nữ VN bình thường, xuất thân từ nhiều tầng lớp

khác nhau, với nhiều độ tuổi khác nhau, trên những địa bàn khác nhau, thậm chí ở các đô thị do địch cai trị triền miên như Sài Gòn..."

Yêu đương là tình cảm tự nhiên của con người mà khi vi phạm "luật cấm yêu" còn bị biến thành tội phạm chính trị trầm trọng (Đảng viên trung kiên TRẦN DÂN bị nhân dân "đoàn kết" "bắt bỏ tù đến phải cắt cổ tự tử, chỉ vì yêu người Đảng không cho yêu...); huống gì mặc trên người cái áo mang tên SAIGON, một địa danh được coi là "nơi địch cai trị triền miên...", cho nên ông Hoàng Ân bị bắt và buộc tội theo lối "tam đoạn luận" trên đây thì đâu có oan ức gì...?

Chỉ cần nêu một thí dụ nhỏ như vậy, đủ thấy rằng khi ngồi lại Hòa Giải Hòa Hợp với Cộng Sản trong hai trạng thái tâm hồn khác nhau như thế đó, (một bên hơi hợt vô ý thức chính trị, còn bên kia thì việc nhỏ nào cũng mang ý nghĩa chính trị), bên ta đã thua cuộc, (bị bắt, bị khớp mỏ) trước khi được mở miệng nói ra chuyện gì! Vì chúng ta không có khả năng "Đoàn Kết" nhiều anh hùng Lương Sơn Bạc kiểu Hồ Chí Minh. Bởi vì trong vấn đề Bang Giao với Mỹ hiện nay, cái gọi là Tư Tưởng Hồ Chí Minh cũng được áp dụng triệt để. Nghĩa là nếu trước đây CSVN khùng bố, bắt buộc mọi người phải "đoàn kết" CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC, thì bây giờ ngược lại, họ bắt buộc toàn dân phải BỢ MỸ CỨU NƯỚC.

Xin được nói có sách mách có chứng: Cũng trong bài viết trên, Trần Bạch Đằng nói rõ âm mưu như vậy: "Kín đáo hay phơi trần, Mỹ vẫn là kẻ đối nghịch với nền độc lập của Việt Nam... (...). Phải động viên toàn thể lực lượng nhân dân dù nhỏ nhất, dù gián tiếp nhất tập trung chống Mỹ. Khẩu hiệu chống Mỹ cứu nước phải là khẩu hiệu hành động của đông đảo nhân nhân... (...).

Cánh mạng miền Nam đã thực hiện tư tưởng Đoàn Kết dân tộc của Chủ Tịch Hồ Chí Minh theo một bối cảnh mới. Tư tưởng đoàn kết dân tộc không chỉ có giá trị trong chiến tranh. Nó có giá trị vĩnh cửu, như Hồ Chủ Tịch đã nói:

"Dân ta nên nhớ chữ Đồng. Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh..."

Đã quá rõ! Nhưng khi báo chí Mỹ liên tục đăng tin dân chúng trong nước bây giờ thích người Mỹ, chúng ta cho là hiện tượng tự nhiên sau khi sống trong thiên đường XHCN gần hai thập niên..., chứ mấy ai nghĩ đó là kế hoạch qui mô của VC, áp dụng Tư Tưởng HCM, chỉ thị cả nước phải coi Mỹ là ĐỒNG MINH ??? Bài báo này Trần Bạch Đằng viết vào đầu năm 1992, thời gian Hoa Kỳ có nhiều phái đoàn Quốc Hội, Báo Chí, cá tư nhân... vào VN để điều tra về Người Mỹ Mất Tích và nghiên cứu thị trường hầu quyết định có nên giải tỏa Cấm Vận ??? Khi về lại Hoa Kỳ, họ viết những bài phỏng vấn nêu rõ quyết tâm xem Mỹ

là Đồng Minh của mọi tầng lớp nhân dân VN. Xin đơn cử thí dụ điển hình để thấy rõ cái THUA của ta:

Ký giả đại nhật báo The San Jose Mercury News, một tờ báo phản chiến kỳ cựu của miền Bắc California, sau khi về VN làm phóng sự, đã viết bốn bài dài được đăng bốn ngày liên tục với chủ đề "VIETNAM" nơi trang nhất. Có cả hình chiếc trực thăng mà tờ báo ghi chú là được trưng bày trong VIỆN BẢO TÀNG về "TỘI ÁC CHIẾN TRANH của HOA KỲ"! Trong số báo xuất bản ngày 27 tháng 5 năm 1992, ký giả tờ SJMN viết rằng, ông ta gặp một người tù bị cải tạo 13 năm, bị ăn đói và lao động cực khổ... nhưng anh cựu tù này không muốn chế độ XHCN sụp đổ, vì sợ sẽ có biến loạn. Ký giả Mỹ còn viết rằng, ông đi từ Bắc chí Nam, gặp từ chủ nhân xí nghiệp cho đến người đập xích lô, ai ai cũng thân phục sự hào phóng của người Mỹ và ngưỡng mộ sự giàu có của Hoa Kỳ... rằng, "chúng tôi là dân tộc yêu chuộng hòa bình nhưng không thể tự mình phát triển được... tại sao người Mỹ không trở lại VN giúp chúng tôi?" Tờ báo cho biết cả nước VN đều vang dội lời ca tụng Mỹ là SỐ MỘT! (... The Americans are al ways gentlemen. Why do they not come back to our country?... Whether from North to South... citizen surprise American visitors with their generous, sometimes emotional expressions of friendship and admiration. "American-Still No.1, says a peacock driver, in a comment echoed across the country"...)

Ba tuần lễ sau, do sự yêu cầu của các Hội đoàn người Việt miền Bắc Cali, một buổi họp trao đổi quan điểm về các bài báo trên được tổ chức tại tòa soạn báo SJMN, có sự hiện diện của các ký giả và chủ bút khối thông tin quốc ngoại của tờ báo. Hội Phụ Nữ Việt Nam nhắc nhở tác giả bài báo và cả tòa soạn rằng "Đừng vội mừng khi được VC... welcome!, cũng chẳng nên buồn khi bị đuổi.. G.I go home!... Vì tất cả đều không do tự người dân khởi động mà chính là do Đảng CS" "bỏ vào mồm dân". Anh ký giả quyết liệt cho điều đó là sai. Vì anh ta không hề nhờ nhà nước giới thiệu người được phỏng vấn, mà chính anh được đi tự do; đi tới đâu thỉnh linh gặp bất cứ người nào anh muốn ngừng lại hỏi thì hỏi; làm gì có sự xếp đặt dận dò trước được. Ngay cả thông dịch viên cũng do anh muốn của tư nhân chứ không do nhà nước cung cấp...

Tóm lại, anh ta tỏ ra chẳng ngại thơ, cũng biết mánh khéo của VC nên đã... cần thận để phỏng trước hết rồi mới kết luận! Cả tòa soạn đều tỏ vẻ tin anh hơn lời của Hội Phụ Nữ! Quả thật, người Mỹ lớn lên trong chiếc nôi dân chủ không thể nào hiểu và tin được có cái kiếp người VN không được suy nghĩ bằng khối óc của mình! Đã vậy mà họ cứ đeo đẳng mặc cảm tội lỗi, dinh ninh người VN thù hận người Mỹ ghê gớm...; nên nay cứ thấy được

vô vấp sản đốn là cho rằng người Việt rất rộng lượng... Chính Gs Louis Grivetti, trong bài phát biểu với báo chí để kêu gọi chuyên viên về giúp VN cũng "trấn an" dư luận rằng khi ông về VN người ta rất niềm nở, thân thiện khác hẳn sự tưởng tượng của ông!

Ta thấy rõ chiến dịch "coi Mỹ là Đồng Minh" của CS rất thành công, mà lại thành công song song với một thủ đoạn trái ngược khác, thế mới tài tình! Trần Bạch Đằng nói rõ; phải coi Mỹ là Đồng Minh, nhưng đừng quên rằng, **Mỹ vẫn là kẻ "ĐỐI NGHỊCH"**. Hình ảnh máy bay trực thăng Mỹ, vụ thăm sát Mỹ Lai v.v... *cứ định kỳ là được báo chí Hoa Kỳ đăng lại, hâm nóng lòng hận thù... trong khi ngoài miệng sa sả kêu gọi xóa bỏ hận thù...!*

Đến đây hẳn ta có đủ dữ kiện để giải đáp các vấn nạn của ông Hoàng Ân và những người cùng thắc mắc như ông. Tác giả Hoàng Ân đặt câu hỏi:

"Đối với nhà cầm quyền VN và những ai ủng hộ họ: Nếu qui vị tiếp tục nghi ngờ thực tâm của mọi người, xem ngoại kiều là kẻ thù hoặc gián điệp, thì làm sao người ngoại quốc có thể tin tưởng quý vị, để giúp VN thoát khỏi tình trạng nghèo khổ hiện nay? Quý vị có thật sự nghĩ rằng thái độ của quý vị sẽ giúp được Việt Nam? (người chép lại bài này xin dùng lời TBD để trả lời: "quí vị" CSVN có thật sự cho rằng thái độ của họ có giúp được VN, nhưng phải là một nước Việt Nam theo Tư Tưởng Hồ Chí Minh kìa chứ!) Đường lối thương lượng và nạn tham nhũng một cách trắng trợn trong tất cả hạ tầng cơ sở có phải là chính sách của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong tiến trình chuyển tiếp sang kinh tế thị trường?"

"Đối với những ai chống Bang Giao với Việt Nam: Quý vị có thật sự thấy sự nghèo khổ cùng cực của hầu hết dân chúng Việt Nam hiện nay chưa? Quý vị có thật sự tin rằng cầm bang giao với Việt Nam, có lập quê hương của chúng ta với thế giới, không cho viện trợ và ảnh hưởng dân chủ từ bên ngoài vào, sẽ giúp Việt Nam thoát cảnh nghèo đói?"

Chính người Mỹ như Gs Grivetti và nhóm tuổi trẻ không tin cầm bang giao và có lập VN là giải quyết được nạn nghèo đói nên họ chủ trương cầm **CỦ CÁ RỐT XÓNG VÀO VIỆT NAM... để gây ảnh hưởng dân chủ từ bên ngoài vào**. Sách lược này là đúng hoàn toàn đối với người chưa từng nếm mùi CS, hay chưa đủ kinh nghiệm với cộng sản: *Nhưng điều đáng nói ở đây là, ông Hoàng Ân đã ném mùi tù CS, hương vị còn làm ông kinh hoàng mất ngủ mà ông vẫn tin tưởng viện trợ và ảnh hưởng bên ngoài sẽ cứu người nghèo khổ cùng cực, trong khi chính ông viết rằng THAM NHŨNG TRẮNG TRƠN TRONG TẤT CẢ HẠ TẦNG CƠ SỞ... và, bản thân ông về VN, ôm ấp "tâm lòng thương mến dành cho quê hương" với cả bề kiến thức dân chủ... nhưng ông có thời giờ bày tỏ tình*

thương chưa? chớ đừng nói đến việc gieo ảnh hưởng dân chủ! Quả thật, có lập VN không giúp giải quyết cảnh nghèo cho dân tộc VN, nhưng chắc chắn là không tiếp tay đem tiền về nuôi dưỡng tham nhũng, do đó, không làm cho người nghèo càng nghèo thêm, Đảng CSVN càng đông, càng mạnh thêm vì có nguồn tài trợ vững chắc để hấp dẫn Đảng viên! Mà một khi đảng đã mạnh lại được thì cơ hội gây ảnh hưởng dân chủ của ta từ bên ngoài sẽ càng xa vời và cần nhiều xương máu mới thực hiện được!

Tuy nhiên, trong hiện tại, người Mỹ có thể gây ảnh hưởng với CSVN, vì họ có trong tay sức mạnh của đồng Đô-La. Nhưng CSVN đã biết đó là **CỦ CÁ RỐT SẼ BIẾN THÀNH CÂY GẬY**, cho nên họ đã có kế hoạch bẻ gãy cây gậy ấy qua bài viết của Cố vấn Trần Bạch Đằng: "Phải coi Mỹ là Đồng Minh, nhưng đừng quên Mỹ là kẻ nghịch thù...". Nếu CS vẫn còn coi Mỹ, bàn tay màu nhiệm có thể cứu độ cho họ sống còn, là kẻ nghịch thù; thì việc tin tưởng VNCS sẽ thật sự Hòa Giải Hòa Hợp với VNCH - một thế lực đã sụp đổ và chẳng có củ cà rốt - là sự tin tưởng không tưởng.

Tiếc thay, nhiều người có lòng như nhóm Grivetti và thế hệ trẻ hải ngoại đang ôm mộng không tưởng ấy, đã đành; mà cả những người đã từng bị CS bắt bớ, hành hạ, đến đôi phải nạp tiền nuôi chúng mới thoát được ra ngoài làm **VIỆT KIỀU**... như ông Hoàng Ân chẳng hạn, mà vẫn còn tin tưởng ở HGHH với CS! Quả thật, đây là **thâm trạng khác** của một nước VN... "không nghèo khổ" ở hải ngoại. Vì người Việt hải ngoại, so với đồng bào trong nước, không nghèo vật chất, mà rất giàu, giàu tán gia bại sản, giàu cùng cơ mạt kiếp về... **CHÍNH TRỊ !!!**

Sau khi can đảm "không sợ dính liú đến chính trị" (rất đáng khen), ông Hoàng Ân bố cáo việc bị VC bỏ tù để tổng tiền... và viết: "Tôi vẫn tin rằng sự hòa giải giữa đôi bên là cách duy nhất để hàn gắn vết thương VN, giúp cho đất nước thoát khỏi cảnh nghèo khổ hiện tại. Tôi vẫn tin rằng nhà cầm quyền VN phải thật sự cởi mở để tiến tới con đường dân chủ hóa đất nước, và đồng thời phải tôn trọng luật căn bản về nhân quyền, nếu họ muốn du khách và giới kinh doanh từ khắp thế giới đến Việt Nam".

Thật ra, những ưu tư của ông Hoàng Ân rất chính đáng, đồng thời sự tin tưởng của ông cũng là mơ ước chung của **những ai còn yêu mến Việt Nam**... Nhưng khổ nỗi, chúng ta đi HGHH với tâm lòng chân thành, và kêu gọi sự chân thành đó của phía bên kia; mà trong trí ta có những kế hoạch gì? Trong sức ta có quyền lực gì để bảo đảm cho sự thực thi lòng thiện thành đó, ngoài những chữ "PHẢI" suông vô giá trị: nhà cầm quyền VN "phải" thật sự cởi mở, "phải" tôn trọng nhân quyền... v.v. và v.v...

Nếu thấy rõ ta chỉ trang bị bằng con số không không lờ, thì chỉ việc ngồi vào bàn hội nghị trong khi giường máy công an CS đang bủa vây chúng quanh, là ta đã thua trận, đã mắc mưu, đã lọt vào tròng CS.

Đây là trường hợp CS thành thật HGHH (Nhưng quá khư đã cho thấy chúng HOA đó rồi ĐÁNH sau đó!) ... Hướng hồ gì họ đã MINH THỊ tuyên bố rằng sự hợp tác với những thế lực thù địch hiện nay chỉ là một sự kiện nhân để tăng cường lực lượng, để đi từ yếu đến mạnh cho đến khi đủ sức giành thắng lợi hoàn toàn theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Sau đây là nguyên văn bản tuyên cáo đó, cũng do Trần Bạch Đằng viết, đăng trên báo CÔNG AN Thành Phố HCM, nơi trang 3, số ra ngày 27 tháng 5 năm 1994, với tựa đề: **"TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH"**

"Lịch sử quá khứ khác nghiệt với dân tộc Việt Nam. Sự tồn tại của dân tộc và của đất nước đòi hỏi phải chiến thắng nhiều kẻ thù hung bạo, xảo quyệt, lớn hơn mình rất nhiều, chẳng những về số lượng mà cả chất lượng trang bị.

"Vì vậy ông cha ta đã có một kho tàng kinh nghiệm đấu tranh với kẻ thù trên nhiều mặt trận, không phải chỉ đấu sức mà còn phải đấu trí rất căng thẳng mới giành được thắng lợi... (...)

"Tiếp thu những kinh nghiệm lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dùng phương pháp luận khoa học Mác-Lênin để phân tích kỹ chỗ mạnh và yếu giữa ta và địch, mâu thuẫn nội bộ kẻ thù trong từng giai đoạn để có chiến lược, sách lược đấu tranh... (...) do đó Bác đã để lại cho chúng ta nhiều bài học quý giá trong đối sách với địch.

"Kiên quyết đấu tranh giành mục tiêu nhưng phải khôn khéo chọn hình thức đấu tranh phù hợp, không thể vì căm thù mà mất sáng suốt, mắc mưu địch. Một ví dụ: Năm 1946 khi bọn phản động trong "Việt Quốc", "Việt Cách" chống phá cách mạng, có người đề nghị phải tiêu diệt ngay bọn đó, Bác ôn tồn giải thích một cách đơn giản. Bác hỏi: Nếu có một con chuột vào phòng cần bàn ghế mới thì nên lấy đá ném lung tung hay tìm cách bắt nó? Rồi Bác kết luận: "Làm chính trị cũng như thế thôi: phải chín chắn, thận trọng, phải cân nhắc những hậu quả có thể xảy ra của từng bước đi. Thật không phải vô cơ mà người ta nói rằng rút dây động rừng... Khi có người thác mắc là để Nguyễn Hải Thần, không sôi tiếng Việt làm Phó Chủ tịch nước và phải nhường 70 ghế trong Quốc Hội cho "Việt Quốc", "Việt Cách", Bác nói: "Phân có bán không? Nhưng dùng bán lúa tốt., thì có đúng không?"

"Cơ lập cao độ kẻ thù bằng cách đề cao chính nghĩa Việt Nam, vạch trần tính chất phi nghĩa của bọn phản động nhất để tranh thủ sự đồng tình của nhân dân và các tầng lớp tiến bộ các nước kể cả người trong giới cầm

quyền, không ủng hộ hoặc phản đối âm mưu địch. Mặt khác, phải biết lợi dụng mâu thuẫn giữa các thế lực cùng có tham vọng đối với Việt Nam để ràng buộc, khống chế, hạn chế những tham vọng đó. Chúng ta đều còn nhớ dùng Pháp đuổi quân Tưởng cùng bọn phản theo Tưởng theo Hiệp ước sơ bộ 6.3.1946, Hiệp định Genève 1954 trong tình trạng mâu thuẫn giữa nhiều thế lực và tương quan lực lượng lúc đó, Hiệp định Paris 1973 buộc Mỹ rút để Ngụy phải nhào theo tư tưởng chỉ đạo của Bác.

"Phải biết chọn mục tiêu để từng bước làm thất bại từng âm mưu địch trong từng giai đoạn, biết kiên nhẫn trong đấu tranh chống kẻ thù. Bác từng chỉ rõ: ... Kiên nhẫn không phải là ngoan ngoãn, dễ bảo, đó là một hình thức đấu tranh. Muốn tăng cường lực lượng để từ yếu đến mạnh đủ sức giành thắng lợi hoàn toàn thì phải biết thắng từng bước. Đó không phải là thỏa hiệp đầu hàng mà chính là nắm được quy luật của sự phát triển bởi vì không thể theo nguyện vọng chủ quan muốn đạt nhiều mục tiêu cùng một lúc.

"Khi chuyển sang xây dựng một xã hội mới, đất nước ta vẫn sống trong bối cảnh có nhiều thế lực địch bên ngoài có tham vọng đối với chúng ta. Trước đổi mới, có lẽ do quá say sưa vì đại thắng nên chúng ta chưa vận dụng nhuần nhuyễn tư tưởng Hồ Chí Minh trong đối sách với kẻ thù để tạo hoàn cảnh thuận lợi nhất cho công cuộc xây dựng đất nước. Thường chúng ta thiên về cách nhìn những mặt đối kháng mà thiếu chú ý những mặt cùng có lợi trong điều kiện đã có chính quyền nhân dân lớn mạnh trong cả nước. Khả năng vừa hợp tác vừa đấu tranh là hiện thực... Phải kiên nhẫn và biết đặt mục tiêu từng bước để giải quyết các mối quan hệ đó. Vừa qua cũng nhờ có đổi sách đúng, kiên nhẫn đấu tranh nên cuối cùng Mỹ phải tự bỏ cấm vận. Phải nói đó là kết quả của phương châm "thắng từng bước". Đối với những thế lực thù địch hiện nay, phải đẩy mạnh hợp tác cùng có lợi đồng thời phải có phương sách hữu hiệu chống âm mưu diễn biến hòa bình, để tiếp tục từng bước giành thắng lợi. Nhìn vấn đề một cách phiến diện cực đoan về phía nào cũng đều bị thiệt hại".

5-1994 TĐĐ

Tháng 5 năm 1994 Trần Bạch Đằng day trong nước như thế, thì tháng 7-1994 (và sẽ còn liên tục), tại Hoa Kỳ "GS Tiến sĩ" Trần An Phong, (cùng họ Trần?), cũng trả bài tương tự như thế. Là, tuy bị mat sát rằng tại sao Đảng CS VN qui mọp với kẻ cựa thù Hoa Kỳ... mà ông ta vẫn cười, vẫn thân mật rồi cứng rắn nhấn mạnh "Dứt khoát là phải đi như vậy, không thể có con đường nào khác! Phải đi con đường hài hòa nhau để mà làm ăn đi lên thôi".

Có phải đây là HAI HÒA, để THẮNG TỪNG BƯỚC và sẽ THẮNG HOÀN

TOÀN theo tư tưởng Hồ Chí Minh? Và mọi người hãy tập trung theo cánh HOA HỒNG ĐỎ mà HÒA GIẢI HÒA HỢP...!? Đã rõ chưa? Những ai còn tin tưởng vào Hòa Hợp Hòa Giải với CS đương quyền? Thí dụ, dù ta có kế hoạch chiến thắng trong Diễn Biến Hòa Bình, biến Củ Cà Rốt thành Cây Gậy đi nữa thì chiến thắng này cũng chỉ tạm thời... Vì phe CS còn có tư tưởng HCM mà chính đồ đệ TBD, vạch cho ta thấy đó là những chùm tư tưởng dài lê thê những chứng tích sớm đầu tối đánh; những "sáng tạo" đầy ngấp hận thù, gian trá, dã man và lật lọng!

Cho nên muốn có Hòa Giải Hòa Hợp đích thực hầu thật sự đem lại tự do no ấm lâu dài cho toàn dân Việt Nam, mọi người chúng ta cần phải làm một cuộc CÁCH MẠNG Chuyển Hóa TÂM LINH, vừa phá vừa xây tâm hồn của một dân tộc đã bị đầu độc từ nửa thế kỷ nay, trong lúc đó nọc độc của cái gọi là TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH, cần phải được khử sạch, cần phải bị thủ tiêu. Đó là điều tiên quyết, là "dứt khoát là phải đi như vậy, không có con đường nào khác!" (Ý lời của "sứ giả" Trần An Phong).

(Muốn đi tới con đường đó có nhiều cách, mà nhiều người đã và đang làm. Riêng người viết bài tường trình này xin đóng góp thêm bằng cách, mời tất cả mọi người Việt Nam, những người còn lương lư trước ngà ba đường, nhất là người VN Cộng Sản hay thân Cộng, tìm đọc quyển DUONG THU HUONG và CON HÙM NGŨ, (hay YẾU & BỊ YẾU) của Nguyễn Việt Nữ (Điện thoại: 707-429-2141; hoặc liên lạc qua tòa soạn).

Mong được gặp đồng đạo những người mang dòng máu Việt Nam mạnh dạn lên đường làm cuộc CÁCH MẠNG CHUYỂN HÓA TÂM LINH, giải phóng tâm hồn dân tộc !

TÂM THƯ của HỘI PHỤ NỮ VIỆT NAM LIÊN TÔN HAI NGOẠI GỬI NHỮNG NHÀ CÁCH MẠNG ...

Người Cộng Sản tự nhận là người hy sinh đi làm cách mạng. Vậy xin những người CS lương thiện hãy tiếp tục sự nghiệp cao cả của mình để "thờ dân thờ nước".

Đây là nhiệm vụ mà thi hào TỐ HỮU long trọng công bố trong Cách Mạng chống Pháp. Khi người con bỏ nhà đi kháng chiến, người cha viết thư khuyến con nên quay về với mái ấm gia đình, thì người con Cách Mạng đồng dạc trả lời: (Trích Dương Thu Hương và Con Hùm Ngủ:

... Cha say sưa bên thiếu nữ yêu kiều,
Con tận tụy với tình yêu tổ quốc
Nghĩa là cha đem tài năng trí óc
Mưu vinh thân là mục đích cuối cùng
Thì con thề đem xương trắng máu hồng

Ra cứu vớt non sông là chí nguyện

Cha với con là hai trận tuyến

Cha một đường mà con tiến một đường

Kể từ đây hai chữ con thường

Con mở rộng để thờ dân thờ nước !

Để làm tròn nhiệm vụ thiêng liêng đó, người cách mạng đã phải đặt nợ nước trước tình nhà một cách quyết liệt:

Buổi đoàn viên cha đừng trông mong ước

Cuộc hội đàm cùng đại bác thần công

Bức thư đây là một bức cuối cùng

Mà cha chỉ là cha trong dĩ vãng

Thời hạ bút cho thân tình gián đoạn

Để cho đời kết án kẻ gian phi

Thanh gươm trần con tuốt sẵn chờ khi !

Người chiến sĩ cách mạng năm xưa đã hiên ngang như vậy thì hôm nay hãy can đảm "tuốt gươm trần" hạ bệ thần tượng HỒ CHÍ MINH, người đã lầm lẫn dẫn đưa dân tộc vào con hấp hối, đốn đau oằn oại vì nọc độc của chủ nghĩa Cộng Sản. Làm như vậy chẳng phải bội bạc tổ tiên mà chính là giữ tròn lời thề năm nào, rằng: "Đời của con là đời của giang sơn..."

Mà giang sơn VN ngày nay gồm toàn những nhà cầm quyền chỉ biết:

"Mưu vinh thân là mục đích cuối cùng", bắt chấp đất nước đang:

"Pha lẫn mùi máu thịt của lê dân" ... và đang...

"Vang tiếng hồn oan trong thâm cảnh..."

Người cách mạng lương thiện làm được như vậy cũng là để chuộc tội với dân tộc, vì dù hiện tại quý vị sống thanh bạch không tham nhũng; còn trong quá khứ dù quý vị bị Hồ Chí Minh dụ dỗ hoặc bị cưỡng bách phải làm Cộng Sản, nhưng người CS đã tạo dựng một XHCNVN lạc hậu, nghèo đói nhất nhì trên thế giới. Còn văn hóa thì thật lùi hơn nửa thế kỷ!

Còn công lãnh đạo chống Pháp, chống Mỹ giành độc lập ư? Hãy nhìn lịch sử thế giới: thuộc địa của các đế quốc Anh, Hòa Lan v.v... ngay cả Pháp như Tunisie, Algerie, Maroc v.v... đều được thu hồi độc lập hàng chục năm trước VN mà không cần chiến tranh; và nhất là hiện tại dân các nước đó không bị sống trong gông cùm CS. Còn nước Việt Nam "nhờ" có Bác nên tan nát rã rời. Chiêu bài "Chống thực dân đế quốc"; tranh đấu vì Tự Do, Dân Chủ; vì "Độc Lập, Thống Nhất" xứ sở... v.v... chỉ là âm mưu dùng máu của những người "yêu nước nhưng không yêu chủ nghĩa Cộng Sản" để nhuộm đỏ Việt Nam và Đông Nam Á.

Nhận diện đúng tội lỗi của bác Hồ là làm một cuộc CÁCH MẠNG CHUYỂN HÓA TÂM LINH trọng đại; chẳng những cứu vớt cho tương lai dân tộc mà còn cho chính vong hồn "Bác" nữa.

Thư này viết vào mùa lễ VU LAN, mùa Báo Hiếu. Truyền thống của dân tộc Việt Nam là: con cái phải lo báo hiếu cho ông bà cha mẹ. Biết mẹ cha gian ác mà chết đi rồi thì con cái càng phải thú tội, phải xúm nhau lại mà xin lỗi, mà cầu nguyện bèn bị, chân thành thì mới mong tội lỗi của cha mẹ được hóa giải. Hãy cầu xin

Sám Hối cho người CHA GIÀ của dân tộc Cộng Sản!

Xét một cách "hòa giải hòa hợp" nhất, là cứ cho rằng bác Hồ chết trong tin tưởng rằng Cộng Sản chủ nghĩa sẽ đem lại thành công cho nhân loại. Bác chưa có dịp thấy sự sụp đổ và kết quả ghê rợn của XHCN đem lại cho dân tộc. Nhưng những người "cách mạng" kế nghiệp Bác đã thấy rõ mà vẫn cứ khư khư ôm chặt cái tội ác ấy thì tội lỗi của người CSVN càng nặng gấp ngàn lần hơn. Tục ngữ Việt Nam có câu:

"*Thương cho roi cho vọt
Ghét cho ngọt cho bùi*"

Tiếp tục xung tụng cha già cộng sản, không phải là tình thương, mà đó là khuyến khích tội ác. Dùng roi "đét" vào mông, chỉ vào trán kẻ sát nhân không phải là gây thêm hận thù, mà đó là tình thương để cứu vớt triệu người khác khỏi chết oan. Đó là làm Cách Mạng.

Nếu kẻ ác vẫn ngoan cố gây đau thương cho dân tộc mà ta lại tiếp tục tha thứ, tức là ta đã đồng lõa với tội ác, là ta đã Phản Cách Mạng.

Không thể nào hóa giải tội ác bằng tiếp tục tàn ác. "*Dù cho sông có cạn, núi có mòn, chân lý ấy không bao giờ thay đổi*".

Vậy thì bản Hiến Pháp mới nhất của XHCN (tháng 4/1992) điều 4 vẫn còn ghi: *Đảng tiếp tục lãnh đạo theo đúng chủ nghĩa Mác Lê và tư tưởng Hồ Chí Minh*, là một Tội Ác của đảng CSVN vì đã bắt cả nước lịng ngợng dòng thác văn minh của thế giới! Vậy người Cộng Sản lương thiện đọc Hiến Pháp đó cần phải thấy đau đớn như khi xưa TỐ HỮU đọc thư cha:

"*Đọc mấy lời trong bức thư cha dụ,*

"*Dòng lệ con hoen ố mảnh dung y...*

và hãy cương quyết đổi nội dung của điều 4 đó y như bức thư hồi âm của đứa con Cách Mạng... :

"*Bức thư đây là một bức cuối cùng*

"*Mà cha chỉ là cha trong dĩ vãng*

"*Thôi hạ bút cho thân tình gián đoạn...*

"*Để cho đời kết án kẻ gian phi...*

Nhưng thay vào :

"**TIỆC GIẢI HÒA ta dọn sẵn để chờ khi...**

"**... Người Cộng Sản quyết thành tâm SAM HỐI...**"

Được vậy là quý vị đã báo hiếu cho tiền nhân và sẽ được dân tộc Việt Nam tha thứ.

Đây mới là **HÒA GIẢI HÒA HỢP DÂN TỘC** đích thực.

Mong lắm thay !!!

(Miền Bắc Cali - Mùa VU LAN, 1994)

Tòa soạn Viên Giác xin đính chính trong bài "Phát Giáo có làm chính trị không" VG 83

- trang 32, cột 2, đoạn chót, dòng 5 xin sửa là :
" hãy đứng lên làm cách mạng lật đổ cuộc cách mạng "chỉ vì tiền" hiện tại.

- trang 32, cột 3, dòng 22 xin sửa là : "nhưng ông có lập trường ... Ông chống Cộng nhưng tư cách ông bề bõ. Người dân thấy chế độ ông phục vụ càng trở thành bề bõ.

- Trang 33, dòng 25 xin sửa là : " thay vào cái xấu hơn"

Xin cáo lỗi cùng tác giả và quý độc giả.

Đấu Tranh

TỰ DO DÂN CHỦ

. Ngô Văn Phát

Lời Tòa Soạn: Trong dịp ông Bùi Tín từ Pháp sang Hannover (Đức) nói chuyện về đề tài "Đấu Tranh Dân Chủ tại Việt Nam" do Trung Tâm Việt Nam Hannover tổ chức vào ngày 29.10.94 lúc 15 giờ. Ông Ngô Văn Phát với tư cách cá nhân đã có phát biểu đóng góp ý kiến để làm sáng tỏ thêm con đường Đấu Tranh Tự Do Dân Chủ cho đất nước.

Nhận thấy ý kiến của ông Phát cũng có ít nhiều liên quan đến cá nhân ông Bùi Tín mà đồng bào ở trong cũng như ở ngoài nước đã và đang theo dõi hoạt động của ông Tín khi ông đặt chân lên đất Pháp (1990) nên Tòa Soạn cho đăng lại lời phát biểu của ông Phát như dưới đây.

Kính thưa quý vị,
Các anh em trẻ,

Tôi tên Ngô Văn Phát, là cựu tù nhân cải tạo dưới chế độ Cộng Sản Việt Nam, tôi có vai ý kiến đóng góp để làm sáng tỏ thêm con đường đấu tranh đòi Tự Do Dân Chủ cho đất nước.

Nhưng trước hết, tôi có đôi lời cùng với anh Bùi Tín.

Thưa anh Bùi Tín, tôi với anh tuổi cũng anh xuất nhau. Nếu tôi không lầm thì anh sanh năm 1927, còn tôi sanh năm 1929. Anh và tôi đã từng có một thời kỳ trong quá khứ là đối nghịch với nhau. Anh ở bên kia chiến tuyến, tôi ở bên này vì tuyến, ngăn cách nhau bởi dòng sông Bến Hải. Anh với tôi như hai đường thẳng chạy song song nhau, tôi nghĩ rằng chúng ta sẽ không bao giờ gặp nhau trên cùng một điểm. Thế mà ngày hôm nay, tại đây, anh và tôi gặp nhau để nói về chuyện nước non, thảo luận về cuộc đấu tranh Tự Do Dân Chủ cho Việt Nam. Tôi cho đây là một chuyện hy hữu. Vì sao? Vì theo như lời anh viết trong cuốn hồi ký chính trị "*Hoa Xuyên Tuyết*" anh nói là khoảng đầu năm 1975, khi Chánh quyền Cộng Sản (CQCS) Hà Nội xua bộ đội miền Bắc vào cướp chiếm miền Nam, đội quân tiên phong trong đó có anh đã dùng xe tăng ủi sập cổng chính dinh Độc Lập, tràn vào chiếm lĩnh dinh Độc Lập, cứ điểm cuối cùng biểu tượng cho chế độ Tự Do Dân Chủ ở miền Nam. Sau đó CQCS Hà Nội đã thiết lập một chế độ độc tài độc đảng với chủ nghĩa chuyên chính vô sản mà người dân miền Nam đã mỉa mai gọi là chủ nghĩa bốn V, tức là Vào, Vơ, Vét, Vê.

Anh Bùi Tín, chính anh là người đã dùng súng Nga, đạn Tàu bức tử nền Tự Do Dân Chủ, rồi bây giờ cách mười mấy năm sau, cũng chính anh kêu gọi đấu tranh đòi xây dựng lại Tự Do Dân Chủ. Đúng là việc làm hy hữu phải không quý vị ?

Từ khi anh đặt chân lên đất Pháp, anh viết Bản Kiến Nghị của Một Công Dân gửi cho CQCS Hà Nội, sau đó anh viết hai cuốn hồi ký chính trị là *Hoa Xuyên Tuyết* và *Mặt Thật*, anh đã phơi bày bộ mặt thật dã man tàn ác có một không hai trong lịch sử Việt Nam của chế độ Cộng Sản qua chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất, vụ Nhân Văn Giai Phẩm, vụ mổ chôn người tập thể ở Cở đô Huế Tết Mậu Thân, vụ lừa Quân Cán Chính miền Nam đi tù cải tạo trong các trại tập trung ở trong rừng sâu núi thẳm, những chuyện thanh trừng đẫm máu trong nội bộ Đảng v.v. và v.v... hay nói một cách khác là anh đã lật lá bài tẩy của Cộng Sản cho tất cả mọi người xem, nhất là cảnh cáo những ai chưa từng sống với Cộng Sản đừng có mơ tưởng đến một thiên đường Cộng Sản hảo huyền.

Cho đến nay, người khen anh thì cũng nhiều, mà người chê anh cũng không phải là ít. Riêng đối với cá nhân tôi, mặc dù tôi đã ở tù cải tạo trên 6 năm trời, bị người Cộng Sản đưa từ cuộc sống của một con người xứng thành kiếp sống của một con vật mà nhà thơ ngục tù của thế kỷ là anh Nguyễn Chí Thiện, gần suốt cuộc đời anh đã ở tù dưới chế độ Cộng Sản, anh đã đắng cay và uất hận viết lên những vần thơ bất hủ như sau:

Từ vợ lên người mất mấy triệu năm ?

Từ người xuống vợ mất bao năm ? (a)

Xin thế giới hãy vào thăm

Những trại tập trung trong rừng sâu núi thẳm

Tù nhân trần trụi từng bày đứng tằm

Sấn khoai tranh giành, cùm, bần, chém, bần

Đánh đập tha hồ, chết quăng chuột gặm !

Đấy, số phận bi đát của tù nhân, công dân Việt Nam dưới cái gọi là chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Tuy nhiên, tôi vẫn coi anh là người can đảm. Tại sao? Tại vì anh dám đi giữa hai làn đạn. Một bên là Cộng Sản, một bên là Quốc Gia. Bên phía Cộng Sản, thì CQCS Hà Nội cho anh là tên phản đảng, khai trừ anh ra khỏi đảng, tước đảng tịch của anh và có thể sẽ cho thủ

Xuân Ất Hợi - Viên Giác 153
Xuan 84 - 153

tiêu anh bất cứ lúc nào. Thí dụ, một buổi tốt trời nào đó trên đường phố Paris, anh lang thang bách bộ trên vỉa hè, đầu đang suy nghĩ vấn vơ về chuyện nước non, bỗng có một tên CS cuồng tín nào đó do lệnh của Đảng, lái xe leo lên cán chết anh như một chuyện rủi ro, như chúng đã làm đối với Cựu Đại Sứ ở Liên Hiệp Quốc là ông Đinh Bá Thi!

Còn đối với phía người Việt Quốc Gia thì sao? Họ coi anh là một tên Cộng Sản trá hình, là con cò mồi của chế độ, anh đến với họ bằng xanh vỏ nhưng còn đỏ lòng. Họ không tin anh là phải, là đúng. Vì từ trước tới giờ người Cộng Sản luôn luôn nói một đường làm một nẻo, tiền hậu bất nhất. Nói tới đây tôi nhớ đến ông Thiệu. Khi ông còn làm Tổng Thống ở miền Nam, nhằm cảnh giặc nhân dân miền Nam trước hiểm họa của Cộng Sản, ông đã nói một câu làm cho mọi người trong Nam cũng như ngoài Bắc phải suy nghĩ, là:

Đừng nghe và tin những gì người Cộng Sản nói, mà hãy nhìn xem kỹ những gì người Cộng Sản làm.

Câu nói này vẫn còn giá trị trong hiện tại và mãi mãi đến mai sau.

Tôi đã nhìn kỹ và theo dõi việc làm của anh trong mấy năm qua và nhất là sau khi anh cho ra đời cuốn *Mặt Thật*, mặc dù anh chưa có một lần nào đề cập đến việc đấu tranh giải trừ chế độ Cộng Sản, nhưng anh đã đấu tranh để đòi Tự Do Dân Chủ cho đất nước, thì được hiểu ngầm là đấu tranh để giải trừ chế độ. Do đó, tôi xem anh như là một người Cộng Sản tiến bộ, anh đã tìm lại được con tim mà anh đã bỏ rơi từ khi vào Đảng. Vì, đã tìm lại được con tim nên anh biết đau khi thấy cái đau của nhân dân, anh biết khổ khi thấy cái khổ của đồng bào, anh biết trần trở khi nhìn thấy đất nước bị đám Cộng Sản giày xéo, anh đã phân tình, sám hối ăn năn những tội lỗi trong quá khứ, mặc dù trên 40 năm, hơn phân nửa cuộc đời anh phục vụ cho Đảng dưới lá cờ hồng. Giờ đây anh quyết tâm không làm tay sai cho Đảng nữa, không làm cái loa tuyên truyền bịp bợm cho Đảng nữa, vì anh là Phó Tổng Biên Tập báo Nhân Dân. Anh quyết tâm dùng những năm, tháng, ngày còn lại của cuộc đời anh để làm một cái gì thực sự ích nước lợi dân, để khi nhắm mắt buông tay anh không còn ân hận, vì không bị người đời gán cho năm chữ là Tội Đồ của Tổ Quốc.

Trong cuốn *Mặt Thật* anh có viết một đoạn về luật nhân quả của nhà Phật. Sẵn đây tôi cũng xin đề cập đến một ít Giáo lý nhà Phật. Trong kinh Phật dạy:

Trong đời có hai hạng người được coi là mạnh mẽ:

- Một là tự mình không gây tội ác
- Hai là đã gây ra tội ác rồi, mà thực sự ăn năn sám hối, cái ăn năn sám hối.

Anh Bùi Tín, tự lương tâm anh, nếu anh thực sự ăn năn sám hối thì anh đứng vào hạng người thứ hai. Còn

riêng tôi thì tôi còn phải chờ một thời gian nữa, thông qua việc làm của anh tôi mới quyết định được.

Bây giờ tôi sang phần thứ hai là đóng góp ý kiến để làm sáng tỏ thêm con đường đấu tranh cho Tự Do Dân Chủ ở Việt Nam.

*** Nhận xét về tình hình chung trên thế giới.**

Xét rằng lịch sử ngắn ngủi của chủ nghĩa Cộng Sản trên thế giới đã chứng minh rằng con đường Xã Hội Chủ Nghĩa do các ông Tổ CS như Các-Mác - Lênin đã vạch ra không đi đến đâu cả mà chỉ đi đến chỗ phá sản! Tôi xin chứng minh cụ thể:

1. Gần phân nửa nhân loại trên quả địa cầu này vì đi theo con đường Xã Hội Chủ Nghĩa mà ngày nay đói rách về thể chất, lạc hậu về tinh thần.

2. Những nước Phi Châu như Angola, Ethiopie, Mozambique trước kia đã nghèo đói, làm tưởng rằng đi theo con đường XHCN sẽ khá hơn, tốt hơn, nào ngờ đầu ngày nay lại còn đói rách thâm thương, thê lương hơn trước nữa.

3. Những Quốc Gia trước kia được coi là trù phú như Việt Nam, Cuba, vì đi theo con đường XHCN mà ngày nay trở thành những nước nghèo nàn lạc hậu nhất nhì trên thế giới.

4. Những Quốc Gia không đi theo con đường XHCN. Tôi xin lập lại và nhấn mạnh ở chỗ này là những Quốc Gia không đi theo con đường XHCN như Đài Loan, Nam Hàn, Singapur, Thái Lan ngày nay trở thành những con rồng Á Châu.

*** Nhận xét về tình hình Việt Nam dưới chế độ Cộng Sản hiện nay**

Xét rằng những người lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam thì ít học, tôi không dùng chữ dốt nát, già nua, bảo thủ lại giáo điều. Cho đến bây giờ họ vẫn còn mù quáng, chưa nhìn thấy gì cả trước sự thức tỉnh của nhân loại. Họ là những con người có óc nhưng không có tim. Vì sao? Vì họ đã đánh rơi con tim từ khi bước chân vào Đảng, tuyên thệ thề trung thành và sống chết vì Đảng. Vì có óc mà không có tim, nên họ không biết đau khi nhìn thấy cái đau của nhân dân; họ không biết khổ khi nhìn thấy cái khổ của đồng bào. Hay nói một cách khác, là họ quay lưng lại nỗi khổ đau của dân tộc mà chỉ chăm lo riêng cho Đảng của mình.

Do đó, tôi khẳng định với quý vị rằng, ngày nào mà CQCS Hà Nội còn áp dụng cái gọi là ánh sáng của chủ thuyết Mác-Lê và tư tưởng ngoại lai vay mượn của Hồ Chí Minh làm nền tảng căn bản cho chế độ như trong Điều 4 của bản Hiến Pháp hiện thời thì người dân còn bị đàn áp bóc lột, nhân quyền còn bị chà đạp, còn Đảng thì vinh thân phì da, trở thành các ông quan đò, những tên tư bản đỏ.

Vậy con đường duy nhất để đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng, phân hóa, bế tắc như hiện nay là con

đường đấu tranh thực hiện cho bằng được Tự Do Dân Chủ cho đất nước.

Tôi ví chế độ CSVN hiện nay như một cái nhà mục nát trong chứa một Đàng Cộng Sản độc tài, mái thì dột, cột thì xiêu, rui mè mỗi một, nền thì lũng lổ lũng hang. Nhưng nó còn đứng được tới ngày nay vì nó biết liên kết với nhau trên đặc quyền đặc lợi, cộng thêm một đám dây mơ rễ má chẳng chịt bám vào nhau để ăn cò, chia phần. Nhưng thưa quý vị, cái nhà mục nát độc tài này sẽ bị sụp đổ khi có một ngọn gió thực sự Dân Chủ thổi tới.

Do đó bất cứ Đoàn thể, Tổ chức, Hội đoàn hay Đảng phái chính trị hoặc cá nhân nào dùng bất cứ phương tiện gì miễn làm sao giạt sập cái nhà độc tài đó để xây dựng lại cái nhà mới, nhà Dân Chủ đều được toàn dân ở trong cũng như ngoài nước hoan nghênh nhiệt liệt.

Ngược lại, Đoàn thể, Tổ chức, Hội đoàn, Đảng phái chính trị hay cá nhân nào vô tình hay cố ý tiếp tay với CS để củng cố lại cái nhà mục nát đó hầu chia chác đặc quyền đặc lợi, sống trên xương máu của nhân dân thì sẽ bị nhân dân khinh bỉ và nguyên rủa, sẽ đắc tội với Tổ Quốc và tiền nhân.

*** Đối Mới**

Trong những năm gần đây, CQCS hào đổi mới về kinh tế. Sự đổi mới này thật ra thì không có gì là mới cả đối với nhân dân miền Nam trước năm 1975, nhân dân miền Bắc trước chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất năm 1956.

Trước năm 1975, nhân dân miền Nam được tự do buôn bán, kinh doanh, tự do làm sở hữu chủ căn nhà, miếng đất, ruộng nương, vườn tược của mình. Sau khi Cộng Sản cưỡng chiếm miền Nam, họ cho áp dụng chính sách tập sản hóa đất nước bằng những nông trường tập thể, bằng những hợp tác xã quốc doanh v.v... Mức sản xuất hầu như bị đình trệ. Vì sao? Vì cha chung không ai khóc! Đời sống của người dân xuống cấp một cách thê thảm. Đảng và Nhà nước bị chỉ trích tới bời, bị lung lay tới tận gốc. Để cứu vãn chế độ, Đảng mới hô hào đổi mới về kinh tế nhưng vẫn thống soái về chính trị.

Thưa quý vị,

Chắc quý vị cũng đồng ý với tôi rằng: Con người là trung tâm điểm, hoạt động của con người chi phối toàn bộ đời sống của xã hội. Trên căn bản đó muốn đổi mới hay xây dựng lại một xã hội mới, trước hết phải đổi mới chính con người. Nhưng thử hỏi con người Cộng Sản tự họ đã đổi mới từ tư duy đến hành động chưa? Hay trong khi hô hào đổi mới về kinh tế nhưng vẫn thống soái về chính trị, chẳng khác nào người Cộng Sản cởi bỏ bộ đồ đại cán ra, mặc bộ đồ Weste vào, nhưng bản chất Cộng Sản vẫn còn là Cộng Sản. Rồi họ hô hào lên là ta đã đổi mới! ta đã đổi mới!, trước là để lừa bịp nhân dân trong nước, sau lương gạt quốc tế. Họ kêu gọi Việt kiều yêu

nước, các nhà tư bản đem tiền vào Việt Nam đầu tư. Nhưng thua quí vị, Cộng Sản nói ra nghe hay thì thật là hay, mà khi nhảy vào rồi mới ngậm đắng nuốt cay từng hồi!

Trước khi dứt lời, chúng tôi tha thiết kêu gọi quí Đoàn thể, Tổ chức, Hội đoàn, Đảng phái chánh trị hoặc cá nhân vì lợi ích của nhân dân, vì tiền đồ của Tổ Quốc, xin đừng tiếp tay nối giáo cho giặc để kéo dài sự khổ đau của nhân dân, mà hãy cùng nhau đoàn kết lại đấu tranh thực hiện cho được Tự Do Dân Chủ cho đất nước.

Chỉ có Tự Do Dân Chủ, đất nước mới thoát khỏi tình trạng phân hóa bi đát như hiện nay, chỉ có Tự Do Dân Chủ mọi người mới hết lòng bỏ công, bỏ của ra xây dựng lại đất nước để làm cho dân giàu nước mạnh hầu chen vai cùng thế giới văn minh.

Xin cảm ơn và kính chào quí vị.

Ngô Văn Phát

(a) Người viết xin trả lời cho anh Thiện là: Từ người xuống vượn chỉ cần một nghị quyết thôi.

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Đức Quốc, ngày 11.12.1994

"Em ra đây thấy dân tộc người ta sao mà hạnh phúc quá, trong khi dân mình sao mà khổ sở như vậy, và em biết lý do tại sao. Tại Việt Nam nhân quyền, dân quyền đã bị Đảng và Nhà nước CSVN tước đoạt hết, vì như thế nên cuộc sống và nhân phẩm của con người bị hạ thấp ngang hàng với súc vật. Hôm nay em đến đây tham gia tuyệt thực biểu tình để nói lên cho thế giới biết và đồng thời đòi lại những quyền đó cho đồng bào mình trong nước"

Đó là lời của cô Lưu Thị Vân một tuyệt thực viên trong 3 ngày đấu tranh cho tự do dân chủ và nhân quyền Việt Nam được tổ chức vào 3 ngày 8, 9, 10/12/1994 tại thủ đô Bonn, Đức quốc.

11 giờ sáng ngày 08.12.94 người ta đã thấy Ban Tổ Chức như các ông Nguyễn Đình Tâm, Trần Văn Các, Võ Hùng Sơn, Nguyễn Thanh Văn cùng một số anh chị em, kẻ lo dựng lều, căn biểu ngữ, người lo sửa soạn tài liệu, truyền đơn v.v... để sửa soạn cho cuộc tuyệt thực 48 tiếng tại quảng trường Phủ Thủ Tướng, bên cạnh tượng "Adernauerkopf".

12 giờ trưa, sau khi ông Nguyễn Đình Tâm, Tổng Thư Ký Phong Trào Đấu Tranh Giành Tự Do Dân Chủ Cho Việt Nam tại Đức quốc, Trưởng ban Tổ chức, tuyên bố lý do và ý nghĩa của cuộc tuyệt thực biểu tình các anh chị em tuyệt thực viên đã vào vị trí để bắt đầu cuộc tuyệt thực. Thời tiết hôm nay không được tốt lắm với mây đen vần vũ và những cơn gió lốc kèm theo cái lạnh run người. Căn lều vải (do chùa Viên Giác cung cấp) đặt trên nền gạch và không được phép đóng đinh xuống nền, cứ bay lên rồi xuống, xiêu

vẹo ngả nghiêng từng hồi theo cơn gió lốc như người say rượu, đôi khi anh em trong BTC mỗi người, một tay cầm truyền đơn, một tay phải giữ lều để khỏi bị gió cuốn đi.

Anh chị em tuyệt thực viên gồm 18 người, cao tuổi nhất là 59 tuổi và nhỏ tuổi nhất là 24 tuổi: Ông Đào Huy Vinh, anh Nguyễn Xuân Trường, cô Lưu Thị Vân, anh Nguyễn Thế Dũng, anh Lục Thế Hải, anh Hà Đức Huy, anh Văn Quốc Dũng, anh Nguyễn Văn Thanh, cô Hà Thị Kim Huyền, cô Trương Thị Bình, anh Hoàng Xuân Hùng, anh Nguyễn Mạnh Thường, anh Nguyễn Văn Lạc, anh Nguyễn Công Định, anh Trần Văn Bằng, anh Đồng Văn Lâm, cô Nguyễn Thị Mặc.

Xế trưa hôm nay có 2 phóng viên của đài "Diễn Đàn Dân Chủ" đã đến thực hiện một cuộc phỏng vấn Ban Tổ Chức và một số anh chị em tuyệt thực viên và hứa sẽ phóng về trong nước tin tức này trong đêm nay (8.12.94).

Vào buổi chiều trời bắt đầu đổ cơn mưa nhẹ, gió có dịu bớt đi phần nào, nhưng trời càng về đêm càng trở lạnh, những chiếc lò sưởi Gaz cũng chẳng thấm vào đâu so với cái lạnh của những đêm mùa đông Âu Châu.

Sáng thứ Sáu (09.12.94), lúc mặt trời còn ngái ngủ, sau khi làm công việc vệ sinh cá nhân các tuyệt thực viên ngồi vào vị trí của mình để tiếp tục cho ngày thứ hai tuyệt thực. Thời tiết hôm nay tương đối khô ráo, ít mây, tuy vẫn lạnh. Đồng bào từ các nơi lác đác kéo về và đã tự động nhập vào toán phát truyền đơn cùng chia nhau ra các ngã tư để phân phát cho người bản xứ mỗi lần xe ngừng vì gặp đèn đỏ.

Một nhân viên hãng thông tấn Reuter (Nachrichten Agentur Reuter) đã đến phỏng vấn BTC về những sự việc đàn áp Phật Giáo cũng như khủng bố chính trị trong nước.

Vào buổi trưa Thượng Tọa Thích Như Điển đã cùng với anh Phạm Công Hoàng đến nơi tuyệt thực, Thầy có mang theo một số mèn để tăng cường cho anh chị em tuyệt thực viên chống cái lạnh, Thầy đã ngồi vào hàng để ủy lạo, thăm hỏi, nói chuyện với anh chị em tuyệt thực viên; Sự hiện diện của vị lãnh đạo tinh thần một tôn giáo đã chia xẻ những khó khăn với mọi người trong những cuộc đấu tranh như ngày hôm nay là một niềm an ủi lớn lao và nâng cao thêm tinh thần cho mọi người.

Như mọi lần, mỗi khi có tổ chức tuyệt thực, biểu tình tại Bonn, vị bác sĩ chăm sóc sức khỏe cho tuyệt thực viên vẫn là Bác sĩ Hà Ngọc Minh. Chiều nay Bs Minh cùng vợ là bà Kim Loan đã đến làm nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho anh chị em tuyệt thực viên và dặn dò những điều cần thiết trong trường hợp khẩn cấp.

Số lượng truyền đơn 1.500 tờ của BTC cộng thêm một số của cơ quan IGFM đến chiều hôm nay đã không đủ để phân phối khiến cho anh Phạm Công Hoàng (Ban Tổ Chức) phải đích thân đem photocopy thêm.

Càng về chiều số đồng bào đến càng đông, có những người đến từ những Tiểu Bang xa xôi ở phía đông gần biên giới Tiệp Khắc, có những Hội Đoàn đem đến thêm những biểu ngữ, cờ và hình ảnh nội dung tố cáo chánh sách chà đạp nhân quyền, đàn áp tôn giáo tại Việt Nam, như Cộng đồng NVTN tại Speyer đã đem đến một cây thánh giá cao 3 thước, chung quanh thánh giá có hàng chục mũi tên ghim vào, mỗi mũi tên ghi theo một số chữ mang ý nghĩa đảng và nhà nước CSVN đã và đang đàn áp tôn giáo đến rách tả tơi, bên cạnh một cái cũi sơn đen có nhốt bức hình Hòa Thượng Thích Huyền Quang, khiến cho những người bản xứ không cần nhìn những biểu ngữ bằng Đức ngữ như: Freiheit fuer Vietnam, Religionsfreiheit fuer Vietnam, Menschenrechte fuer Vietnam v.v... thì họ cũng biết có sự đàn áp tôn giáo tại Việt Nam.

Màn đêm đã phủ xuống khi đồng hồ chỉ 17 giờ 30, đêm nay trời bớt gió, nên phía trước chỗ ngồi của tuyệt thực viên một hàng chữ Freiheit được sắp bằng nến bên cạnh bản đồ Việt Nam được thắp sáng lên, đã làm cho quang cảnh nơi đây nổi bật trong màn đêm giá buốt.

Đêm nay, lúc 19 giờ theo chương trình, một buổi sinh hoạt hội thảo và đêm không ngủ hướng về quê hương được tổ chức tại một Hội trường một nhà thờ mà BTC đã mượn được gần đó. Mở đầu buổi hội thảo, ông Nguyễn Đình Tâm đã trình bày lý do có cuộc biểu tình tuyệt thực 3 ngày tại Bonn, kể đến ông Phạm Công Hoàng, ông Tôn Quang Bình đã nêu lên một số vấn đề kỹ thuật tổ chức cuộc biểu tình. Sau đó ông Nguyễn Đình Tâm đã đọc một bài tham luận với đề tài "Dân chủ - Đa nguyên" nội dung nói lên vấn đề dân chủ đa nguyên với tình trạng Việt Nam hiện nay, ông nhấn mạnh "lời thoát duy nhất cho sự khủng hoảng hiện nay của VN là đảng và nhà nước CSVN phải thực hiện dân chủ, đa nguyên như (Tiến trình 3 bước xây dựng dân chủ cho VN)" do Liên Minh Việt Nam Tự Do đề nghị.

Đề tài kế tiếp là "Hậu quả của chế độ chính trị XHCN quản lý nền kinh tế thị trường" do anh Trần Văn Bằng, một người mới đến Đức chưa đầy 3 tháng, anh nêu lên: "Chế độ CSVN là một chế độ nguy hiểm cực kỳ vì nó không là chế độ độc đảng như chế độ các nước Singapore, Đài Loan mà là chế độ độc tài đảng trị", "Nền kinh tế thị trường ở VN dưới chế độ hiện tại sẽ không bao giờ thành công, đừng ảo tưởng, hy vọng vô ích", "Muốn VN phát triển thì điều kiện tiên quyết là phải xóa bỏ chế độ độc tài đảng trị hiện tại và xây dựng một thể chế chính trị dân chủ đa nguyên".

Sau phần nghị giải lao, ông Trần Đăng, một người đã từng sống dưới chế độ VC ở miền Bắc, đến từ Tiểu Bang xa xôi nhất ở Đức, đã thuyết trình đề tài "Chủ nghĩa Cộng Sản với Nhân Quyền ở VN"; Ông nêu lên cán

bộ, công chức CSVN có những quyền như: quyền cho phép, quyền phân phối, quyền cấp phát, quyền chỉ thị ra lệnh, quyền làm ngơ trước người dân.

Còn quyền của người dân gồm: Quyền cư trú nhưng phải được công an cho phép, quyền tự do báo chí nhưng không là tổ chức của đảng thì dùng hồng, quyền tự do bầu cử nhưng chỉ được bầu những người do đảng đưa ra v.v... Ông nhấn mạnh "Nhân quyền hiện nay tại VN là điều được viết ra trên giấy chỉ để trang điểm, thật ra người dân chẳng có quyền gì cả".

Tiếp đến là bài nhận định của ông Tôn Quang Bình, ông cho biết theo nguồn tin đáng tin cậy nhưng ông không cho biết rõ xuất xứ, rằng VC sẽ phải nhượng bộ Hoa Kỳ trong vòng từ nay cho đến năm 1996, VC sẽ đổi tên Mặt Trận Tổ Quốc thành Mặt Trận Dân Tộc, tái phối trí lại nhân sự trong các cơ quan nhà nước và các bộ phận chủ yếu, đảng sẽ rút lui vào bóng tối để điều khiển và cuối cùng chấp nhận bầu cử tự do. Tuy nhiên ông Bình đã không đưa ra một phương hướng nào để đối phó với những nhận định trên và đây là đề tài sôi nổi nhất.

Cuối cùng là đề tài "Phật Giáo và Chính Trị" do ông Trương Tôn Châu (Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Đức Quốc) thuyết trình đã chấm dứt buổi hội thảo hôm đó.

Ngày 10.12.94 Thứ Bảy (Ngày Quốc Tế Nhân Quyền), từ mờ sáng đồng bào từ các nơi đổ về càng lúc càng đông. Buổi Mit-Tinh được khai mạc bằng nghi thức chào cờ và mặc niệm, đại diện BTC ông Nguyễn Đình Tâm đã đọc diễn văn khai mạc, sau đó là phần giới thiệu các tuyệt thực viên, đại diện tuyệt thực viên là cô Nguyễn Thị Mặc và anh Nguyễn Xuân Trường đã phát biểu cảm tưởng trước đồng bào, kể đến là phần phát biểu của các đại diện Hội đoàn, Tổ chức. Buổi Mit-Tinh kéo dài khoảng 45 phút thì chấm dứt và trong khi mọi người sửa soạn để di chuyển về Sứ Quán VC thì các tuyệt thực viên được dùng mỗi người một tờ chào nhỏ do cô Thái Thanh, một đồng bào ngụ tại Bonn cung cấp.

Đúng 13 giờ 45, trước Sứ Quán VC, khoảng 500 người đã tề tựu đông đủ, các biểu ngữ, cờ v.v... được giăng ra rợp trời; Giờ khai mạc cuộc biểu tình, mọi người đồng hát quốc ca thật to. Mở đầu cuộc biểu tình, ông Nguyễn Đình Tâm đã đọc diễn văn khai mạc, sau đó ông Trần Văn Các (BTC) đã yêu cầu và đã được nhân viên cảnh sát hướng dẫn đến trước cửa Sứ Quán VC để trao Kháng Thư, như mọi lần cánh cửa Sứ Quán vẫn đóng im lìm, từ tên Đại Sứ cho đến nhân viên sứ quán không một tên nào dám lộ mặt ra để nhận Kháng Thư, cảnh sát cho đoàn biểu tình biết rằng họ đã điện vào Sứ Quán nhưng Sứ Quán đã trả lời rằng không nhận bất cứ một thứ gì cả. BTC đã thông báo tình hình cho đồng bào biết và ông Nguyễn Đình Tâm đã dùng loa phóng thanh nói với Sứ Quán VC rằng: "Các anh hãy mở rộng cửa

Sứ Quán của các anh ra để mà đón nhận những nguyện vọng chính đáng của những người cùng màu da, cùng huyết thống của các anh, các anh sợ gì mà không dám mở cửa để đón nhận Kháng Thư này", liền đó mọi người hô to "Hãy mở cửa ra". Sau đó nội dung bức Kháng Thư đã được đọc lên cho mọi người cùng nghe.

Phần phát biểu kế tiếp do các ông Trần Hữu Lượng (Hội Phó Hội Phật Tử Tỵ Nạn tại CHLB Đức), ông Hà Văn Cam (Đại diện Cộng đồng NVTNCS tại Hòa Lan), anh Đặng Long Giang (Hội Thanh Niên Dân Chủ tại Koblenz), anh Vũ Hoàng Dũng (Hội NVTĐ tại Bad Kreuznach), anh Trần Đức Thủy (Tổ chức Dân Chủ VN), tất cả với nội dung lên án chính sách chà đạp nhân quyền, đàn áp tôn giáo của CSVN và đòi hỏi nhà nước CSVN phải thực thi dân chủ v.v...

Cuộc biểu tình chấm dứt vào lúc 14 giờ 45 cùng ngày trong vòng trật tự và phấn khởi của tất cả mọi người. Người cảnh sát trưởng đã đến gặp BTC để cảm ơn, ông nói: "Người VN các ông năm nào cũng đến đây biểu tình vài lần, nhưng lần này các ông đã tổ chức rất là chu đáo và trật tự, khiến cho chúng tôi đỡ phải vất vả, ngoài ra người của các ông còn giúp nhân viên chúng tôi thu dọn vật liệu, những vật liệu này đáng lẽ chúng tôi phải dọn, một lần nữa thành thật cảm ơn các ông".

Thưa các ông, chúng tôi cũng rất cảm ơn các ông đã giữ gìn an ninh trật tự cho chúng tôi, như các ông biết ở đây "Biểu tình, tuyệt thực" là "vũ khí" mà chúng tôi có được để chống lại việc chà đạp nhân quyền, đàn áp tôn giáo mà chế độ Hà Nội đang áp dụng đối với đồng bào chúng tôi trong nước" đó là lời của ông Nguyễn Thanh Văn (BTC) đã nói với vị cảnh sát trưởng.

(Đức Quốc ngày 11.12.1994)

SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG

Lễ chung các cộng đoàn địa phận Muenster 11.12.94.

Để cùng nhau dọn mình đón Chúa Giáng Sinh, khoảng 450 bà con Công giáo trong toàn địa phận về bệnh viện Dòng Thánh Alexis tham dự thánh lễ ngày gặp gỡ thiêng liêng.

Bắt đầu 10 giờ 30 suy niệm màu nhiệm giáng sinh qua hình ảnh Dias và nhạc. Sau đó Thánh Lễ đồng tế do Cha Josef Huỳnh Công Hạnh chủ tế cùng ba Cha khách đến tham dự, trong đó có sự hiện diện của Cha Nguyễn Trọng Quý. Thánh Lễ thật sốt sắng trang nghiêm, ca đoàn trở hết khả năng luyện tập lâu nay của mình, qua những bài thánh ca vui trẻ. Trê trung và là lạ là chiếc áo lễ màu hồng ít thấy, được thực hiện đúng với tinh thần phục vụ chúa nhật thứ 3 mùa vọng hôm nay. Bài giảng được thay

thế qua bức thư của Đức Cha địa phận gửi chào mừng và chúc bà con ta cách riêng. Bài đọc và lời nguyện giáo dân được đọc bằng hai thứ tiếng đối đáp hòa hợp. Cha chủ tế cũng kêu gọi bà con quyền tiên bố thí cho Giáo hội quê nhà. Số tiền tổng cộng tất cả được 625,72 DM.

Thánh lễ bế mạc vào 12 giờ 15 và sau đó kéo ra Hội trường bệnh viện để dùng cơm chung, trao đổi cho nhau hương vị quê hương. Trong gian phòng rộng lớn, người ta nhìn rõ thấy sự hiện diện các vị Đại diện cao cấp hai Đạo và Đời. Đức Giám Mục với chiếc áo tím cùng với các vị tại Tòa Giám Mục sở tại, Đại diện Giáo hội Tin Lành, Bà Tỉnh Trưởng cùng các cơ quan chính quyền và bạn bè người Đức. Trong ba bài chào mừng của các vị thượng khách, họ nhắc nhở chúng ta luôn luôn giữ gìn lấy văn hóa, nguồn gốc, những gì thiêng liêng của mình như gia tài của kẻ ra đi, sống nơi quê người.

Để chúng tôi lời kêu gọi và cầu chúc ấy, trong buổi trình diễn văn hóa hôm nay có những đóa hoa mằm non yêu nhạc: hai chị em Ngân Huy, thuộc Werne, trong tiếng sáo thật hay hấp dẫn, em Đinh Ngọc Thúy, Beckum, thổi vào cây sáo của mình những tâm tình rất hấp dẫn, em Minh Khoa Wesel, 10 tuổi, chơi Violon khá thành thạo và em Vũ Thị Minh Giang đã làm cho quan khách ngỡ ngàng vì tiếng đàn tranh lướt sóng của mình. Ngoài những màn vũ khúc, ca hát, còn thêm màn trình diễn áo dài dân tộc thật đẹp, thật duyên

đáng. Không những vì màu sắc, nhưng có những khuôn mặt dễ thương, ngây thơ như tuổi học trò thơ mộng. Mỗi một dịp về chung vui gặp gỡ nhau như hôm nay, mọi người được dịp san sẻ vui buồn cho nhau, khích lệ các tài năng các con em. Phần phát quà cho các em do ông già Noel thật vui nhộn, và mừng quà cho các Thầy chủng sinh thần học luôn hằng hái. Mỗi dịp bà con cũng hãnh diện vui mừng khi đọc qua các tờ báo địa phương tường trình và khen ngợi chúng ta, chẳng hạn như năm qua: Người Việt Nam đã thành những người bạn của chúng ta. Năm nay, lời lẽ còn làm bà con vui hãnh diện hơn khi họ viết mục to lớn trên báo: Muenster là quê hương sống động của người Việt Nam (Muenster ist die lebendige Heimat der Vietnamesen). Với sự giúp đỡ nhiệt tình của chính quyền tỉnh địa phương cũng như các cơ quan khác. Nhất là Hội Caritas, cộng đồng đã có một ngôi nhà 5 phòng làm trung tâm trụ sở hoạt động cho cộng đồng từ 8 năm nay. Chúa Nhật 3 Mùa Vọng được tổ chức nơi Thầy Dòng, Alexianerweg 9 Muenster Armelsbueren.

(Tuồng thuật: Bùi Văn Hân)

Tạp Ghi

CUỐI NĂM NHÌN LẠI

* Vũ Nam

Một năm lại qua. Đời sống cũ qua. Đời sống mới đến. Nhịp sống vẫn nhộn nhịp. Mạch sống vẫn ồn ào. Trong từng gia đình. Trong từng cá nhân. Trong từng đoàn thể. Trời hết xuân đến hạ. Hết hạ đến thu. Hết thu đến đông. Rồi bây giờ xuân lại về. Trong cái vòng luân thường biến đổi của tạo hóa.

Một năm nhìn lại đất nước Việt Nam vẫn không có gì biến đổi thật căn bản để đưa đất nước tiến lên. Nhiều người về thăm nhà qua đã nói: Lớp giàu vẫn tiếp tục giàu. Lớp nghèo vẫn tiếp tục nghèo. Lớp giàu đại đa số là tầng lớp cán bộ công chức trong hệ thống cầm quyền của đảng Cộng Sản Việt Nam. Mỹ bỏ cấm vận. Coca Cola, Pepsi... chạy đầy đường! Chạy luôn vô cả những màn "văn hóa"! Thi sắc đẹp cũng do hãng Coca Cola bảo trợ... Dập diu tư bản Nhật, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore, Mỹ, Pháp v.v... đến Việt Nam. Để làm kinh tế. Sau khi Mỹ ra lệnh bỏ cấm vận. Một nỗi buồn dạt dào cho người Việt tha hương nhìn về đất nước! Đất nước được cai, được thầu bởi một số người vừa thiên cực, vừa không có trình độ, vừa... r... un... như vậy thì đất nước sẽ khó tiến lên lắm! Chỉ dậm chân thôi! Lại thêm nạn tham nhũng tràn lan thì đất nước chỉ có dần dần tàn lụi.

Một Kỹ sư Đức về Việt Nam làm công tác cho cái trường Đại học Kỹ thuật do Đức bảo trợ cất ở miệt gần Sài Gòn (có lẽ là Thủ Đức), có cái nhận xét mà tôi vừa viết ở trên. Ông còn nói thêm: Dân Việt Nam rất thông minh, lại cần cù làm việc. Nếu gặp những người lãnh đạo tài giỏi thì trong 20 năm nay đã tiến gần bằng Nhật rồi. Không biết ông có chủ quan quá không? Chớ dân Việt Nam thì chỉ mơ sau 20 năm ngưng chiến tranh mà bằng Nam Hàn thì là "đã" quá rồi.

Chớ mơ chi đến bằng Nhật. Thôi, đó là chuyện của các người lãnh đạo đất nước Việt Nam hiện nay. Đó là chuyện của tương lai. Cứ chờ xem họ làm sao. Mười năm. Hai mươi năm nữa có khá chăng? Hay lại gặp một nhận xét của một chuyên viên ngoại quốc như vậy nữa. Nếu đúng như vậy thì đau quá!

* Báo Viên Giác trong một năm qua nhìn lại rất ư là nhiều người mới cộng tác. Đó là một điều mừng. Và đó cũng là một việc mà Ban Biên Tập rất cảm ơn. Những cây viết cũ vẫn cứ viết. Như Giáo sư Vũ Kỳ. Học giả Thái Văn Kiêm. Nhà báo Đặng Văn Nhâm. Đó là những nhà văn Hồ Trường An, Phạm Thăng, Lê Thị Bạch Nga, Trần Phong Lưu, Người Quan Sát, ... Đó là những nhà thơ Tuyền Anh, Huy Giang, Nguyễn Thị Khánh Hòa, Hoài Việt, Tôn Nữ Cỏ Dại, Quang Kính, ... Có những người rất cũ. Văn Thượng Tọa Thích Như Điện. Văn Hồng Nhiên. Văn Bùi Văn Báo... Nhưng lại có những người thật mới: Trương Anh Thụy, Phan Ngọc, Trần Thị Nhật Hưng... Nếu cái kể tên ra này mà còn thiếu sót thì cho tôi xin lỗi, hẹn ở một dịp khác. Nhưng cái tình của báo Viên Giác đối với quý vị thì ắt là vị Thượng Tọa chủ trương tờ báo sẽ không quên đâu.

* Từ lâu, tôi vẫn gặp mỗi khi về chùa Viên Giác dự lễ Phật Đản hoặc Vu Lan, đó là quý vị trong ban đánh máy, "layout", trình bày sách báo cho chùa Viên Giác. Đây là anh Nhuận, kia là chị Nga. Và đó là anh Sanh. Còn những người khác nữa chăng? Chẳng hạn như anh em tỵ nạn từ Đông Âu làm việc thiện nguyện trong nhà in của chùa. Nhưng tôi thì chỉ biết nhiều ở hai anh và một chị: Nhuận, Sanh và Nga này. Rõ ràng bao năm trời âm thầm làm việc cho chùa. Đánh máy bài cho các tác giả gửi đến. Trình bày các bìa sách cho một nhà văn, nhà thơ. Layout cho những lần báo. Nhưng khi báo ra, sách ra

thì chỉ có tên tuổi các nhà văn, nhà thơ xuất hiện. Còn các anh chị thì... hà... hà... thì lại lo làm cho tờ báo tới, hoặc cho cuốn sách khác! Một lần viết này xem như một lần cảm ơn của cá nhân tôi vậy. Và hẳn chắc các bạn văn, thơ thường liên lạc với chùa Viên Giác, nhà in Viên Giác hẳn cũng có lần gặp hoặc thư từ với ba người bạn này rồi chứ gì?

Nhìn một năm qua. Bao nhiêu là công việc mà chùa Viên Giác đã làm. Báo Viên Giác đã đăng. Bà con Phật tử đã phụng sự. Rải rác trên toàn nước Đức có mười bốn Chi Hội Phật Tử hoạt động. Mỗi Chi Hội có những hoạt động riêng rẽ. Nhưng tựu trung là cũng làm Phật sự mà thôi. Như ở Nuernberg, như ở Rott-Weil, như ở Karlsruhe, như ở Frankfurt, như ở Berlin, như ở Reutlingen v.v... Chắc ở đâu cũng đều như vậy. Cũng Phật sự. Thì tôi ở trong Chi Hội Phật Tử Reutlingen cũng vậy. Cũng cùng với Ban Chấp Hành, cũng cùng với bà con làm Phật sự. Nguyễn Văn Ba, tác giả của quyển sách có cái nhan đề rất ngộ: Làm mai, Lãnh nợ, Gác cu, Cầm chầu đã tái bản lần thứ ba, đã có lần viết cho tôi: Vũ Nam giống tôi, vừa đi làm, vừa viết lách, lại nằm trong Chi Hội Phật Tử để làm việc đạo nữa. Tôi là Thư ký cho Chi Hội ở Reutlingen (Đức Quốc). Còn anh là Thủ quỹ cho Chi Hội nào đó ở Canada. Nói ra thì người ta nói mình "mèo khen mèo dài đuôi". Nhưng thật sự mình là người trong Chi Hội mà không "tường trình" về Chi Hội mình thì cũng âm ức thật! Suốt năm sáu năm trời hoạt động trong Chi Hội tôi chưa bao giờ viết về Chi Hội, ngoài những lần tường trình về những hoạt động của Chi Hội về cho chùa Viên Giác, về cho Hội Phật Tử nằm ở Hannover về cho Bác Phát, Hội trưởng, vừa mới được bầu lại trong tháng 8 năm nay. Đó là thủ tục hành chánh.

Nay tôi muốn viết cho bác Hiền, người Chi Hội Trưởng hiện tại; cho Đạo hữu Huyền, linh hồn của Chi Hội. Cái làm tôi cảm động nhất là kỳ bác đứng ra làm lễ Cầu An cho bà xã tại nhà bác. Mời Chi Hội đến cùng đọc kinh. Bác gái hơi yếu. Bác trai sợ. Và mời Chi Hội cùng đọc kinh cầu an cho người đầu ấp tay gối mình trong mấy chục năm qua, hẳn là điều rất hiếm thấy cho cái sinh hoạt Phật sự lắm chứ! Cuộc đời bác lắm nhiều lúc "ba chìm bảy nổi", bôn ba, lận đận, vinh quang và tù tội. Nhưng gần cuối đời, gặp Thầy, gặp duyên, bác quay về phụng sự Phật Pháp. Một mối bác không từ nan. Bác đã từng khóc khi làm chủ lễ trong ngày lễ phát tang, khi chị Nhân, người thông dịch viên cho Trung Tâm Độc Lập (Stuttgart), của những năm về trước, vừa mất trong năm. Nói về bác Hiền, tôi nhớ đến bác Hiếu - Chi Hội Trưởng Chi Hội Phật Tử ở Karlsruhe - đã nói với tôi một câu nói mà tôi nhớ hoài: "Nhờ Phật giáo mà con người đã bớt hung bạo hơn. Người ta gặp khổ đau, người ta nghĩ đó là cái nghiệp phải trả, và người ta lại tiếp tục tu. Không nên ganh tị với những người khác may mắn hơn mình. Không có Phật giáo, thế giới này có nhiều bạo loạn hơn". Phải không bác Hiếu? Có lần bác đã nói với con như vậy.

Còn cái anh Huyền. Cái sinh hoạt hội đoàn ở Reutlingen còn ai là không biết đến anh Huyền. Cái gì cũng anh Huyền làm. Cái gì cũng Đạo hữu Huyền sẽ lo. Lo nhiều quá rồi thì có lúc lại... quên!

Còn các anh chị khác. Nào anh Cường, nào anh Hạng, nào anh Trần, nào anh Tường, và cả các bà xã của các vị này, đã giúp biết bao công sức cho Chi Hội. Cả gia đình bác Hoàng nữa. Đi đâu bác Hiền cũng "dẫn" theo. Bác nói một mà bác Hiền cũng "dẫn" đi để làm Phật sự. Từ chối cũng không được. Chi Hội Phật Tử Reutlingen có ra đời và hoạt động cho đến ngày hôm nay là có nhờ ơn bác Tuấn, anh Lộc, chị Vân (hai anh chị là huynh trưởng). Sau bao ngày tháng trầm. Sau những ngày vui có, buồn có, Chi Hội vẫn hoạt động đến hôm nay. Giống như biển vậy. Hết động đến yên. Minh yêu được mặt biển lúc bình yên, là vì mình đã thấy được mặt biển lúc sóng gió: sạo mà dữ tợn quá! Dù bác Tuấn, anh Lộc, chị Vân không còn nằm trong Ban Chấp Hành Chi Hội, nhưng hẳn là Chi Hội

vẫn cảm ơn bác, anh chị, và vẫn hy vọng là sẽ có ngày "Châu về hiệp phố" vậy!

Nói nhiều và cho Chi Hội mình là bởi vì không biết nhiều về các Chi Hội bạn. Nói ra không đúng người ta sẽ cười cho. Cũng như chỉ nói cho báo Viên Giác, các Thầy, các Đạo hữu ở chùa Viên Giác. Chưa có duyên để đi đến các chùa khác, cộng tác đến các tờ báo đạo khác, nên chưa thể viết gì được. Chỉ nghe nói đến chùa Khánh Anh, chùa ở Lyon, chùa ở Marseille, chùa ở Đan Mạch, ở Na Uy, ở Thụy Sĩ, v.v... Nhưng chưa có dịp đến, nên chưa dám viết gì. Cũng thỉnh thoảng có gặp báo Khánh Anh, Bản tin chùa Khánh Anh do Thượng Tọa Thích Minh Tâm chăm lo, nhưng cũng chỉ thỉnh thoảng mà thôi. Không liên tục nên không dám viết gì. Thôi để cho những Phật tử, những Đạo hữu làm công tác cho chùa Khánh Anh, cho báo Khánh Anh viết vậy. Thỉnh thoảng cũng có đọc được tờ báo đạo tên Pháp Âm ở Na Uy, do chùa Khuông Việt và Thượng Tọa Thích Trí Minh chăm lo. Thấy có cả họa sĩ Vũ Hồi cộng tác nữa. Rất hay. Và dĩ nhiên là không thể thiếu anh chị nhà văn nhà thơ: Nguyễn Hữu Nhật, Nguyễn Thị Vinh (thuộc Tự Lực Văn Đoàn) rồi, vì anh chị định cư ở Na Uy mà.

Ngay cả sách báo cũng vậy. Cũng chỉ có thể viết những cuốn nào mình có trong tay, những tựa sách mình đọc được trên báo, những nhà văn nhà thơ mình biết. Có thiếu sót không? Cũng đành chịu! Vì có trong tay, có đọc, mới viết được. Bao nhiêu sách. Bao nhiêu tập thơ đã ra đời. Thấy có đăng quảng cáo trên báo. Mà mình không có trong tay thì cũng không thể viết gì trong "Cuối Năm Nhìn Lại" được. Về thơ thấy có tác giả Phương Hoài Nam trong năm đã cho ra mắt tập thơ "Trong Giây Phút Này". Giáo sư Vũ Kỳ đã có lần viết giới thiệu trên báo về tác giả Phương Hoài Nam, nhà thơ định cư ở Canada lận. Nghe nói truyện dài "Chuyện Bé Kim" (tập 2) của anh Từ Nguyên cũng đã phát hành. Cũng được giới thiệu thật trang trọng trên tờ Tin Văn (của Văn Bút Âu Châu). Bài giới thiệu do Tiến sĩ Lê Đình Thông viết. Trong bài viết thấy Tiến sĩ Thông nói "tác giả muốn gửi tới thế hệ con em ở hải ngoại" làm tôi nghĩ ngay đến cuốn Văn Hóa Việt tập 1 của Lạp Chúc Nguyễn Huy, do nhà xuất bản Năng Mới ở Canada vừa phát hành trong năm. Đó cũng là cuốn sách đáng để lại cho thế hệ trẻ ở hải ngoại và cả cho... người lớn luôn.

Tác giả là Giáo sư ở Đại Học Văn Khoa ngày trước ở quê nhà. Trong đó mỗi mẩu chuyện đều được tác giả viết ngắn gọn thôi. Nên đọc ít chán. Sách có 180 trang mà có cả thấy 30 cái đề tài. Tôi chỉ đưa vài cái thí dụ thôi. Như: Cây Nấm Cà Mau. Cái Váy. Văn Hóa Chuối. Văn Hóa "Chả Giò". Tôn Giáo Cổ Xưa Của Người Việt. Linh Hồn Giáo, v.v... Tôi đọc hết một hơi mà không nhàm chán. Và một cuốn sách cũng cho trẻ em do bác Phạm Thăng viết. Tựa là Việt Nam Mềm Yêu. Cuốn sách này mà dùng để dạy cho các lớp Việt Ngữ ở hải ngoại thì "hết sây". Phạm Thăng là tác giả của những cuốn sách: Xuôi Dòng Cửu Long, Cô Sáu Tân Qui, Tiên Tệ Việt Nam. Và cũng là một người hoạt động văn hóa rất hăng say ở miền Tây nước Canada.

Viết về những cuốn sách vừa ra mà không viết về cho tập thơ Ngoài Xa Dấu Chân Mây của Tùy Anh là một thiếu sót lớn. Tùy Anh chính là Phù Vân. Người phụ trách Vườn Thơ Viên Giác, rất được mọi người chú ý và khen là hay. Ngoài Xa Dấu Chân Mây in rất đẹp. Bìa và phụ bản của họa sĩ Vũ Thái Hòa. Có Giáo sư Vũ Kỳ và Tiến sĩ Thái Văn Kiểm viết lời tựa, lời giới thiệu. Có cả hình tác giả chụp chung với Tiến sĩ Thái Văn Kiểm. Tập thơ này nên có mặt trong mỗi tủ sách của gia đình.

Ở hải ngoại rất nhiều người làm thơ. Thơ đấu tranh. Thơ tình. Thơ Thiền. Thơ bằng chữ Hán v.v... Trong các báo ở hải ngoại đều có thơ. Như ở Đức, ngoài những người làm thơ cho báo Viên Giác, tôi thường thấy thơ anh Huyền Thanh Lữ viết cho tờ Diễn Đàn Việt Nam, Dân Văn... Thỉnh thoảng anh viết

mấy bài thơ bằng tiếng Hán. Xem cũng "Phượng múa Rồng bay" lắm! Tiếng Hán anh giỏi bởi vì anh tốt nghiệp Đại Học ở Việt Nam. Và đã từng là giáo sư Việt văn. Bên cạnh những hoạt động văn hoá, theo tôi biết, anh có những hoạt động khác nữa. Nên anh phải đi hoài. Anh nói với tôi như vậy. Và tôi rất kính phục anh. Một người cũng đã lớn tuổi, cũng đã từng có chức vụ quan trọng ở miền Nam trước năm 1975, giờ cũng làm thơ, cũng có ra vài tập thơ. Cũng có những đoạn thơ, đôi khi rất trẻ trung, đôi khi rất buồn. Bút hiệu anh là Huy Trâm. Như:

*Bâng khuâng trong nắng hanh chiều
Rặng cao dừa Mễ - đầu hiu gợi sầu
Cuối trời mây dạt về đâu?
Tha hương ý nhớ - hoen sầu tháng năm
Tâm tư mấy độ u trầm
Một đời mấy khoảng cát lăm - bước sa*

và :
*Đông êm hiền hậu trôi quanh
Như em với dãy đồng xanh đời đời.*

Tác giả ở tận bên Mỹ mà vẫn bắt liên lạc với báo Viên Giác và làm thơ cho Viên Giác ở tận Đức Quốc. Xin cảm ơn cho một sự cộng tác chân tình như thế.

Nãy giờ viết về những người làm thơ đàn ông. Những vị đã đứng tuổi. Giờ tôi xin một chút viết về một nàng thơ. Còn trẻ. Đó là Đặng Thị Quế Phượng. Đặng Thị Quế Phượng bước vào vườn thơ rất sớm. Thơ được đăng trên Văn, Làng Văn, Văn Học đầu từ năm bảy năm về trước lận. Cũng có ra một tập thơ. Tựa: Thơ Đặng Thị Quế Phượng. Có gia đình. Định cư ở Bỉ. Nhưng lâu nay vì bận bịu hay vì không còn hứng mà tôi ít thấy thơ chị xuất hiện. Chị có những lời thơ rất là của "các nàng". Như:

*Ngày xưa mắt biếc môi hồng
bây giờ lưu lạc long đong phương nào
dòng đời trôi nổi chiêm bao
biết em cái số hoa đào thoát chưa.*

hay:
*Đâu em rất đổi dịu dàng
đâu tà áo bướm bay vàng ánh mai.*

Nàng thơ! Nếu đọc được những dòng chữ trên thì cố gắng khi nào có hứng cộng tác thơ với báo Viên Giác đi! Như đã nói. Làm thơ nhiều người quá. Kể ra không hết. Nào Phạm Văn Ngọc, Lâm Hào Dũng, Nguyễn Tấn Hưng, Trần Văn Nam, Hải Triều, Bai-Xân-Bạc, La Toàn Vinh, Cung Vũ, Phan Ni Tấn... Đó là bên nam. Thỉnh thoảng cũng bắt gặp Hồ Trường An, Ngô Nguyễn Dũng, ..., là những người chuyên về viết văn mà cũng làm thơ. Mà cũng hay.

Như nhà văn Mai Thảo cũng vậy. Tôi có đọc một lần ai viết, hoặc nghe một lần ai nói: Đứng ra anh Mai Thảo là một nhà thơ. Sau cả đời viết văn. Giờ già rồi mới làm thơ. Mà lại được mọi người khen hay.

Còn bên nữ. Nào là: Hàn Song Tường, Trần Mộng Tú, Trần Sa, Vĩ Khuê, Tôn Nữ Cỏ Dại, Nguyễn Thị Khánh Hòa, Như Chi, Lê Mỹ Như Ý v.v... Nhiều lắm không kể hết được. Bởi vậy mới thấy thơ văn hải ngoại phong phú lắm. "*Mỗi người mỗi vẻ, mười phân vẹn mười*".

Những dòng chữ này đang đi trên giấy cũng là lúc mà truyền hình đang nói về cái lụt lội lớn nhất của nước Ý khoảng 60 năm nay. Có đến 59 người chết! Có đến 6.000 người bị mất tiêu nhà cửa! Đường xá. Cầu cống. Xe cộ. Tất cả đều thấy nước cuốn trôi! Lụt lội xứ người, thì nhớ lụt lội xứ mình. Nghe nói trong thời gian này miền Trung cũng đang lụt nặng. Nhà nước lại kêu đói, kêu cứu trợ, và kêu "thắt lưng buộc bụng" nữa cho coi. Nhưng chỉ buộc người nghèo thôi. Miền Nam nghe nói cũng lụt, nhưng nhẹ hơn, và có nơi cũng bị cúp điện đến hai ba ngày. "Nhà giàu đứt tay bằng ăn mỳ đồ ruột". Ở Việt Nam hầu như năm nào cũng lụt, mà thế giới có bao giờ, hoặc rất ít đề ý tới. Ngoại trừ quá nặng như ở Nhật, ở Tàu hoặc ở

Bangladesh. Thế giới này, luôn luôn xáo trộn. Vụ cháy ở Mỹ. Vùng Los Angeles, cháy luôn villa của mấy ông bà tài tử. Vụ lụt ở Mỹ. Miệt miền đông Hoa Kỳ. Vụ cháy rừng ở Tây Ban Nha. Cũng có đến 24 người chết! Cũng có đến khoảng đất 7.500 mẫu bị lửa thiêu rụi! Lửa cũng đầu tha cho cả một Tu viện tên Karthaeuser ở làng Montelegre. Lửa cũng đã làm cho một thầy tu trong đó bị chết cháy.

Như các vụ phi cơ rớt. Khủng khiếp quá! Điển hình trong năm là chiếc phi cơ Boeing 737 của hãng US Air rớt ở Pittsburgh (USA) đã làm cho 132 người chết. Rồi vụ chiếc du thuyền khổng lồ khi trên đường từ Thụy Điển đến Estland đã bị chìm giữa biển Đông (Ostsee), làm biết bao là người chết.

Rồi chiến tranh. Như ở Nam Tư, đến nay vẫn chưa ngã ngũ. Làm Liên Hiệp Quốc cũng nhức đầu. May mắn. Một số nơi "nóng" đã từ từ nguội. Hòa bình đã tái lập. Như ở Haiti. Loạn tướng Raoul Cédras đã phải cùng gia đình và đoàn tùy tùng ra đi. Để cho Tổng Thống đang lưu vong ở Mỹ Bertrand Aristide sẽ trở về tái lập nền dân chủ cho đất nước Haiti.

Đến cái vụ ông Bắc Hàn, vì nghèo, vì bị cô lập, vì mất mặt quá với ông anh em "một mẹ khác cha" Nam Hàn, nên làm reo với Mỹ, cấm không cho cơ quan nào được khám xét những nơi được nghi ngờ là "nơi sẽ chế tạo vũ khí nguyên tử". Tiếp theo là những vận động để Bắc Hàn nói chuyện với Nam Hàn. Cũng như Bắc Hàn nói chuyện với Mỹ. Nhưng dùng một cái ngày 8 tháng 7 vị lãnh đạo tối cao Bắc Hàn Kim Nhật Thành phải "đi châu diêm chúa". Nghe nói bị chết vì chứng nghẽn mạch tim. Trước đây khá lâu cái ông già này có nói khi ông qua đời ông sẽ "nhường ngôi" cho con trai là Kim Chính Nhật lên thay. Cả thế giới sững sốt. Ngay Cộng Sản Trung Hoa còn tỏ ý phản đối. Còn nhà văn Dương Thu Hương ở Việt Nam thì chửi vụ này rất thậm tệ. Sững sốt thì cứ sững sốt. Phản đối thì cứ phản đối. Chửi thì cứ chửi. Chớ Kim Chính Nhật cũng đã lên rồi!

Một người chưa có "nổi tiếng" gì cho lắm bằng những thành tích, uy tín v.v... đã làm cho quân đội và nhân dân Bắc Hàn. Nhưng đến hôm nay thì Bắc Hàn và Hoa Kỳ đã ký kết xong một thỏa ước rồi. Theo đó là những điều khoản mà Mỹ có thể chấp nhận được để chặn đưng vụ "khủng hoảng ở Bắc Hàn". Như vậy thế giới lại thoát qua được một vụ "nguy cơ về một cuộc chiến tranh nguyên tử ở bán đảo Triều Tiên".

Nói đến các "cái nóng" trong năm mà không nói đến cái vụ ông Fidel Castro cho dân ra biển để "tỵ nạn" ở Hoa Kỳ là một điều thật thiếu sót! Cái chiến thuật của ông cũng làm nước Mỹ rối cả lên! Đây không phải là lần đầu đầu, mà đâu là lần thứ ba rồi đó! Cứ khi bị nghèo quá, bị Mỹ "chèn ép" quá, vị lãnh tụ xứ Cuba lại cứ cho dân ra đi để gây áp lực với Mỹ. Muốn nhấn với Mỹ rằng: Thôi bỏ cấm vận đi, thì tôi sẽ không cho dân tôi đi tỵ nạn đến Mỹ nữa! Chỉ trong nội tháng 8.94 mà đã có 21.103 người vượt biên. Nghe nói cũng đã có một thỏa ước quan trọng là Mỹ sẽ cho tiếp tục chương trình đoàn tụ gia đình cho dân Cuba, ra đi trong vòng trật tự, nhưng cương quyết vẫn giữ lệnh cấm vận. Như vậy thì "gậy ông đập lưng ông", vì trước mắt Fidel Castro phải chịu đắng cay mà nhận lại mấy chục ngàn dân Cuba đang nằm tỵ nạn trong khu quân sự của Mỹ ở Guantanamo Bay (Miền Nam Cuba). Còn lệnh cấm vận thì đâu vẫn còn đó.

Cái nơi mà "nóng nhất" trong mấy chục năm nay đã làm điên đầu thế giới là "lò lửa Trung Đông" đến nay xem ra cũng nguội dần.

Ngày lịch sử là ngày 13 tháng 9 năm ngoái (1993) đã có cái bắt tay thân thiện giữa Thủ tướng Do Thái Rabin và "Xếp" của PLO là Arafat. Đứng giữa có Tổng thống Mỹ ông Clinton quàng tay muốn ôm hai ông Rabin và Arafat lại làm một. Tầm hình lịch sử này hầu hết đều được các báo trên toàn thế giới cho đăng. Từ ngày đó đến nay hòa bình càng ngày càng lộ dạng. Sau Palestine, rồi đến Ai Cập. Giờ đến Jordanien và sau cùng là Syrien cũng ọ ẹ muốn hòa bình với Do Thái. Chỗ kẹt là

họ muốn đòi lại ngọn đồi Golan trước rồi nói chuyện hòa bình sau. Mà ngọn đồi Golan lại là cái ngọn đồi phòng thủ chiến lược cho dân tộc Do Thái, đất ít mà người đông này. Tin giờ chót nghe nói ông Saddam Husein của xứ Irak cũng muốn hòa bình với Do Thái. Không biết đây là ý thật hay là ý giả..

Chớ mới có một tháng trước đây, bỗng nhiên ông cho kéo quân đến gần biên giới Kuwait làm anh Mỹ hết hồn cho đổ quân đến Kuwait ngay. Tốn mấy triệu Mỹ kim không không. Sau khi nói chuyện với Bộ trưởng Ngoại giao Nga (chắc là bị áp lực của Nga), Saddam Husein lại nói là chấp nhận lãnh thổ, chấp nhận tôn trọng đường biên giới giữa hai nước (Irak - Kuwait) vân vân và vân vân... Làm anh Mỹ tức quá xá. Chỉ khơi khơi mà tốn tiền cho việc đổ quân. Nên giờ, cứ khi nào nghe Saddam Husein nói cái gì thì người ta đều tự hỏi: "Có chắc chưa đó cha?" Và lại phải tiếp tục coi chừng anh ta!

Đó. Cũng vì "lò lửa Trung Đông" bớt nóng, và hy vọng có thể dập tắt, mà giải Nobel Hòa Bình năm nay đã được trao tặng cho Thủ tướng Jizchak Rabin, Bộ trưởng Ngoại giao Simon Peres (Do Thái) và Jassir Arafat (Palestine). Nhưng không như các năm trước, năm nay, khi giải Nobel Hòa Bình vừa được công bố trao cho ba ông này ở Oslo (Na Uy) thì xảy ra vụ lộn xộn. Một thành viên trong Ủy ban của giải Nobel là ông Kare Kristiansen lại xin từ chức, rút lui khỏi Ủy ban. Ông này nói rằng: Arafat là một tên khủng bố (Terroristen), đáng gì mà trao cho y giải Nobel Hòa Bình. Kare Kristiansen là một trong năm người trong Ủy ban từ năm 1991. Còn những giải Nobel còn lại của năm nay là: Nobel về Văn Chương cho nhà văn Nhật Kenzaburo Oe, sanh ngày 31 tháng 1 năm 1935 ở Osu. Ông này có cuốn tiểu thuyết tựa "Một Kinh Nghiệm Cá Nhân" (Eine personenliche Erfahrung) ra đời năm 1964 rất nổi tiếng. Cuốn này đã được dịch ra Đức ngữ năm 1972. Nobel về Kinh Tế đến tay ba vị: Giáo sư Reinhard Selten, người Đức, với hai vị Giáo sư người Mỹ là John F. Nash và John C. Harsanyi ... Giải về Vật Lý và Hóa Học thì cũng về tay người Mỹ.

Ở xứ Đức trong những tháng cuối năm này xảy ra nhiều cái cũng vui, cũng ngộ. Ngày 9 tháng 11 năm nay là ngày kỷ niệm 5 năm bức tường Đông Tây Bá Linh sụp đổ. Truyền hình quay lại cả ngày hình ảnh của 5 năm về trước. Ngày đó, mọi người đều mừng rỡ. Chế độ Cộng sản ở Đông Đức để lại quá nhiều điều tệ hại: xã hội, môi sinh, suy nghĩ, v.v... Mấy năm nay chính phủ của Thủ Tướng Kohl đã ra biết bao tiền bạc và công sức mà hàn gắn. Sớm chừng nào tốt chừng đó chính phủ muốn đời sống, sinh hoạt của người dân bên Đông Đức sẽ ngang bằng với người dân bên Tây Đức. Để khỏi mất uy tín trong tiến trình thống nhất đất nước và để còn kiếm phiếu trong các kỳ bầu cử nữa chớ.

Cũng trong tháng 11 này một vụ vượt ngục của hai anh tù Raymond Albert và Gerhard Polak "vô tiền khoáng hậu" làm cả nửa nước Đức lên cơn sốt. Khởi đầu là từ thành phố Stuttgart. Rồi vừa chạy, vừa cướp nhà băng, vừa bắt theo con tin trên cả một đoạn đường có hơn 1.500 cây số. Có đến 2.000 cảnh sát chạy theo vây bắt. Hai anh cứ chạy vòng vòng. Và cảnh sát cứ chạy rượt theo. Từ Nam qua Đông. Từ Đông trở về Tây. Rồi cuối cùng cũng bị bắt vô tù trở lại. Mẹ của tên tù Raymond Albert trong những ngày "dầu sôi lửa bỏng" này đã nói: "Tôi hy vọng là họ sẽ bắn chết được con tôi đi. Có như vậy tinh thần tôi sau đó mới được yên ổn hoàn toàn.

Muốn nó chết không phải vì ghét nó, mà vì ngược lại...". Thật là tấm lòng người mẹ! Cũng theo bà, hỏi còn nhớ Raymond Albert rất làm biếng, nhưng lại là một người rất thông minh. Cũng khổ! Cái thông minh dùng không đúng chỗ!

Song song với vụ vượt ngục, cướp nhà băng, bắt con tin trên, mà báo nào cũng đăng, truyền hình lúc nào cũng nói, thì cái tin một nhà triệu phú 49 tuổi (có khoảng 3 triệu Đức Mã) Werner Metzen "đăng băng" tìm vợ cũng làm cho báo chí cũng như truyền hình Đức bàn tới bàn lui. Nào là Manuela B., 25

tuổi. Nào là Louise B., 37 tuổi. Nào là Eva, chỉ mới có 20 tuổi thôi... cũng "ứng thí". Tờ báo Bild và đài truyền hình RTL đều nói tới nói lui cái đề tài này. Phòng vấn vị "chăm thí". Phòng vấn các "ứng thí viên". Làm cả các màn tường thuật rất dài. Theo dõi cả khi ăn uống trong nhà hàng, khi nói chuyện trong gia đình của cả đôi bên. Cùng vui. Chắc ba cái vụ này thì chỉ có xảy ra ở các nước Tây phương thôi. Chớ ở Việt Nam thì chắc không bao giờ. Còn nếu có? Thì chắc cũng vài ba chục năm nữa.

Còn chuyện lật vật xứ người, xứ mình, ôi biết bao nhiêu mà kể cho hết, nói cho hết. Như vụ nổi tiếng trong năm là vụ Michael Jackson, vua nhạc Pop, lấy vợ là Lisa Marie Presley, con của vua nhạc Rock'n'roll đã chết là Elvis Presley, và nữ tài tử xinh đẹp từng đóng trong bộ phim tập nổi tiếng Dallas là Prinscipal. Trước đây Lisa Marie Presley đã có gia đình và đã có ba con. Không biết vì sao mà lại bỏ chồng để theo Michael Jackson đây? Vì tình hay vì tiền?

Một khám phá mới của giáo sư người Đức, Wilhelm Braendle (Hamburg), là cứ 100.000 người đàn bà dùng Pille, thuốc ngăn ngừa thai, thì có đến 500 vụ ung thư ở tử cung ít hơn so với những người đàn bà không dùng Pille.

Một người đàn ông bị bệnh đau tim, đã chờ trong bao năm dài để có trái tim mà thay thế. Cuối cùng cũng được toại nguyện. Nhưng trái tim đó lại là trái tim của người con gái mình! Chỉ vì cô ta bị chết vì tai nạn xe cộ khi tuổi đời mới có 22. Ông cha tên là Chester Szuber và cô con gái tên là Patti Szuber. Cả hai đều ở Michigan (Hoa Kỳ). Báo chí nói đây là trường hợp đầu tiên người cha sống với trái tim của người con gái ruột của mình.

Gorbachow và vợ là Raissa trong năm nay đã đến thăm viếng ở Wiesbaden (thủ phủ Tiểu Bang Hessen - Đức Quốc). Có tấm hình do Joerg Schmitt chụp được khi người hầu bàn đứng lè lưỡi trên đầu Gorbachow và phu nhân. Trong khi đó cả hai vị lại đang tươi cười như hoa. Chuyện này cũng xảy ra ở Tây phương thôi. Chớ gặp như ở Việt Nam, tên hầu bàn nào mà làm như vậy với Tổng Bí Thư, với Thủ Tướng thì chỉ có vào tù ở cho mục xương vì tội "phản động", "tàn dư Mỹ Ngụy, CIA" ngay!

Một tổng kết cho thấy trong vòng khoảng 20 năm nay đã có đến 20 vụ rớt máy bay (thuộc về tư nhân, và chỉ kể các vụ nặng). Như vậy trung bình là một năm có một vụ. Mà vụ nào cũng có đến cả trăm người chết. Ghê quá!

Trong tháng 10 năm nay, Đức đã trải qua một cuộc bầu cử rất căng. Tổng kết cho thấy năm nay số phần trăm dân chúng đi bầu là đông nhất so với mấy lần trước. Trước ngày bầu cử, phe chính phủ đang nắm quyền của Thủ Tướng Kohl và phe đối lập của ông Scharping thuộc đảng SPD đều đưa ra những cải cách và đường lối rất hay cho tương lai để mong câu phiếu, để mong thắng cử. Nhưng dù mất phiếu nhiều, ba đảng của phe cầm quyền hiện tại là: CDU - CSU và FDP vẫn thắng thật tuyệt vời so với phe đối lập (tỷ lệ 48,3% và 48,1%). Vậy là Thủ Tướng đương nhiệm Kohl sẽ làm thêm một nhiệm kỳ 4 năm nữa. Chờ xem trong 4 năm tới ông Kohl và chính phủ của ông có làm gì khác hơn cho nước Đức thống nhất không.

Nữ văn sĩ Taslima Nasreen, với một cuốn sách viết về kinh Koran của người Hồi Giáo, đã gặp khó khăn từ những người Hồi Giáo cuồng tín, nên cô đã được chính phủ Bangladesch cho đến Thụy Điển để tỵ nạn. Như vậy đây là vụ thứ 2, vì mấy năm trước đây nhà văn Anh gốc Ấn Độ cũng cho ra đời cuốn sách nói về những mặt trái của đạo Hồi, cũng bị người Hồi lên án, đòi "cắt cổ". Ông bị cả lãnh tụ tối cao của Iran là Khomeini treo án tử. Ông phải lẩn trốn. Phải nhờ cảnh sát canh chừng.

Cũng trong cuối năm nay nước Đức mới thật sự ăn cái "Tết" mà không còn anh lính Nga nào trên đất nước họ. Buổi ra đi của toán lính Nga cuối cùng là một buổi lễ khá long trọng, có Tổng Thống Jelzin của Nga và Thủ Tướng Kohl của Đức tham

dự. Đức mừng quá. Còn lính Nga ra đi thì như đám "chợ chiều". Trên truyền hình thấy lính Nga "vơ vét" hết từ A đến Z những gì mà họ có trong doanh trại để họ đem theo về Nga. Để đổi lại cái ngày này, trước đây Đức đã bỏ tiền rất nhiều, lên cả mười mấy tỉ Đức Mã, để lo xây dựng nhà cửa cho đám lính Nga này. Chớ không phải khơi khơi mà họ chịu về đâu. Đức cũng muốn thôi thà bỏ tiền ra để lệ lệ tổng khứ cái khối lính này đi phức cho rồi. Chớ không lại xảy ra các vụ can thiệp của Hồng Quân như những năm về trước ở Tiệp Khắc, Ba Lan, Đông Đức thì có chết giặc, một khi mà cái khối cựu đảng viên đảng Cộng Sản Đông Đức (SED) vẫn còn nằm đó.

Lần đầu tiên trong 40 năm nay đảng viên đảng Cộng Hòa của Mỹ lại chiếm đa số trong cả hai Thượng và Hạ Viện (Kongreßkammern). Đây là một thất bại rất đau cho đảng Dân Chủ và cho cả ngay cho Tổng Thống Clinton của đảng này. Ông cũng nhìn nhận một phần trách nhiệm trong lần thất bại này, và dự trù được là trong những ngày tới ông sẽ gặp nhiều khó khăn khi giải quyết công việc.

Cũng là lần đầu tiên nước Tích Lan (Sri Lanka) có một vị Tổng Thống là nữ nhân. Bà Chandrika Kumaratunga vừa được bầu làm Tổng Thống với 62% số phiếu. Đám dân chúng ủng hộ bà, sau khi nghe tin bà đắc cử đã tràn hết ra đường phố để ăn mừng, bất chấp lệnh cấm của chính phủ.

Nhà Vật Lý Đức, Ulf Merbold, 53 tuổi, sau hai lần bay vào không gian với Mỹ, đây là lần thứ ba ông bay với hai ông bạn người Nga tên Juri Malentschenko và Talgat Nussabajen trong phi thuyền không gian mang tên Sojus TM-20 vào ngày 4 tháng 10. Sau 31 ngày làm việc ông và phi hành đoàn đã về trái đất an toàn.

Từ 30 năm qua vắng bóng, năm nay bệnh dịch hạch lại hoành hành xứ Ấn Độ (ở Âu Châu bệnh này xem như bị chấm dứt cả trăm năm rồi). Bệnh xuất phát từ thành phố Surat, làm chết ngay 70 người, làm rung chuyển đến cả thành phố Bombay, Tân Đê Li... Phi cơ từ Ấn Độ qua Đức, hành khách đều bị bắt đi khám! Hết dịch hạch, lại tiếp bệnh sốt rét hoành hành trên xứ Ấn. Đúng là cái số của các nước nghèo! Vừa nghèo lại vừa bị bệnh thứ dữ.

Cuốn sách có nhan đề "*Công Chúa Trong Tình Yêu*" (Princess in Love) và có cả hình của công chúa Diana của Anh Quốc in trên đó làm cho báo chí và truyền hình bàn vô tán ra trong mấy tháng ở cuối năm Con Chó này. Làm Hoàng gia ở Anh Quốc cũng như thế. Có những Show trên truyền hình cứ mang công chúa Diana và Thái tử Charles ra mà giễu. Theo đó thì không những chỉ có Thái tử Charles mà ngay cả Diana đều có những "cuộc tình riêng rẽ". Không những trước mà ngay cả sau khi lập gia đình.

Một kỹ sư người Hòa Lan tên Johannes Van Damme, 59 tuổi, bị xử tử hình ở Singapore, chỉ vì ông ta bị bắt khi trên túi hành lý có 4,3 kí-lô Heroin ở tại phi trường thời gian cách đây 3 năm. Ra đi ông đã để lại một cô vợ người Negeria và bốn đứa con. Chính phủ Hòa Lan qua lời của Tòa Đại Sứ ở Singapore thì không có gì để mà phê bình cái bản án như vậy được. Vì chính phủ Hòa Lan đã biết luật lệ ở xứ Singapore. Họ có những luật lệ riêng rẽ cho xứ họ.

Vụ xử tử trên vừa xong, thì tiếp đến một vụ tương tự đã xảy ra cho một người đàn bà Đức, tên Tianjin, 38 tuổi. Cách đây 16 tháng bà đã bị bắt tại phi trường ở China, khi chuẩn bị đi Nhật Bản mà trong túi xách có 4,8 kí-lô chất Marihuana. Trước tòa án trong tháng 11 vừa qua bà nói người ta muốn bà xách cái túi hành lý này nói rằng đó là những nhu liệu (Soffwete) cho Computer, với tiền công là 8.000 Đức Mã. Bà không biết là trong túi đó lại chứa Marihuana. May mắn là bà Tianjin không bị tử hình mà chỉ bị kêu án 5 năm tù ở. Bà mừng quýnh và nói rằng: "Đây là bản án trung bình, Với tội trạng như bà thì có thể bị xử tử. Vì ở Trung Cộng thì tất cả mọi cái đều có thể xảy ra".

Khi những trang giấy này sắp nộp về cho Tòa Soạn báo Viên Giác thì cái may mắn cho người viết là đã dự được "Đêm Thơ Văn Thu 94", do Trung Tâm VIDİ và Nhà Xuất Bản Edition Imm tổ chức. Cũng nhờ có đêm này mà gặp lại các anh Đỗ Đăng Đạo, Đào Văn Bất, Nguyễn Việt Tạo, Ngô Nguyên Dũng... những linh hồn của Trung Tâm VIDİ. Và cũng nhờ cái đêm này mà gặp lại những vị cao niên đáng quý của Văn Học nước nhà; những Thi sĩ đã có tên tuổi đi vào Thi ca Việt Nam. Giáo sư Nguyễn Sĩ Tế. Thi sĩ Cung Trầm Tưởng, Viên Linh. Chị Cao My Nhân, một cựu nữ Thiếu Tá thời Việt Nam Cộng Hòa, hiện tại làm thơ rất nhiều cho những tờ báo bên Mỹ. Nhờ chị mà Đêm Thơ Văn vui hơn, hay hơn, náo nhiệt hơn, bởi giọng ngâm của chị, và cũng bởi cách chọc cười rất có duyên của chị. Anh Trần Ngọc Nhuận, cựu Thượng Nghị Sĩ thời Việt Nam Cộng Hòa, tác giả cuốn sách có cái tựa "Đời Quân Ngũ", viết về vinh danh một sĩ quan của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, đã tuần tiễu để không lọt vào tay giặc trong ngày Ba Mươi Tháng Tư. Sách đã được đọc bởi một giọng rất hay của chị Nguyễn Thị Minh Nguyệt một đoạn, ở những trang đầu, nơi mà tác giả muốn viết vài lời đề trước khi vào truyện. Anh Mai Vĩ Phúc, thi sĩ đến từ Bonn, Đức Quốc, với tập thơ Việt Từ Phương Đông. Anh Mai Vĩ Phúc, làm thơ lâu nay, ở Đức ai cũng đều biết. Rất tiếc một điều là, trong chương trình gửi đi có ghi tên anh Tô Thùy Yên, một thi sĩ rất nổi tiếng, vì thơ mà cũng vì thời gian bị cầm tù, và cũng vì bị bắt đi bắt lại, mãi đến khi được cho phép thoát đến Mỹ thì cái sợ bị bắt lại mới hoàn toàn biến mất, không có mặt trong Đêm Thơ Văn này. Và nhạc sĩ Nguyễn Hiền cũng không có mặt tại đây (nghe nói tại vì giấy tờ). Mặc dù Tô Thùy Yên không có mặt, nhưng thơ anh đã được anh Viên Linh đọc và ngâm cho thính giả nghe. Cả phòng yên lặng, chỉ còn nghe giọng đọc và ngâm rất hay của anh Viên Linh. Bài thơ Ta Về của anh Tô Thùy Yên. Hầu hết mỗi câu thơ đều hay, mỗi chữ dùng đều rất hợp và "rất tới". Tôi khen cũng chỉ là thừa, vì bài thơ đã được hầu hết mọi người khen, và hầu hết các báo hải ngoại đều đăng. Có những đoạn như sau, mà tôi rất thích:

Ta Về - cúi mái đầu sương điểm

Nghe nặng từ tâm lượng đất trời

Cảm ơn hoa đã vì ta nở

Thế giới yêu từ những lẻ loi

Trước đây bài thơ Chiều Trên Phá Tam Giang cũng của anh Tô Thùy Yên, cũng đã được phổ nhạc và hay được ca sĩ Nhật Trường trình bày. Bài thơ đó có được cũng đi từ một hoàn cảnh thật, của thời chiến tranh. Còn bài thơ Ta Về, tôi nghĩ, có được cũng nhờ từ một hoàn cảnh thật. Hoàn cảnh của người tù đã trở về sau một thời gian dài chia cách với thế giới bên ngoài.

Ngâm và đọc thơ cho bạn đã hay, mà đọc và ngâm thơ của chính mình cũng đâu thua gì. Có phải không anh Viên Linh? Bài thơ Cảm Ơn của thi sĩ Viên Linh đã được chính anh ngâm, đọc, cả thính trường cũng im thin thít. Thính thoảng, trong lúc anh đọc tôi cứ nghe từ các nữ khán thính giả ngồi ở phía sau hít hà, xít xoa khen ngợi. Hai câu cuối cùng thật hay, thật cảm động:

Cảm ơn tôi có bài thơ

Cảm ơn dù có hững hờ lắng nghe

Giáo sư Nguyễn Sĩ Tế đọc một đoạn thơ, rồi nhờ chị Cao My Nhân, ngâm một bài thơ của giáo sư trong tập thơ Khúc Hát Gia Trung (Gia Trung là tên một trại cải tạo mà chính tác giả đã bị giam giữ hơn mười năm).

Anh Cung Trầm Tưởng, tác giả của những lời thơ: ... "Lên xe tiễn em đi, chưa bao giờ buồn thế, trời mùa đông Paris, suốt đời buồn chia ly..." bắt từ, thì đọc cho nghe cả một bài viết của anh - trong thi tập "Lời Viết Hai Tay" (Theo tác giả Cung Trầm Tưởng cho biết thì "Lời Viết Hai Tay" là vì lúc bị còng, muốn viết thơ chỉ còn viết bằng cái đầu).

Thính thoảng xen kẽ trong chương trình có hai cô ca sĩ của ban nhạc Lửa Hồng (Đức Quốc) trình bày những bản nhạc dân ca,

những bản nhạc được phổ nhạc từ các bài thơ nổi tiếng. Chị Nguyệt Minh cũng trình bày bản Năng Chiều, sau khi chị Cao My Nhân cũng qua bài này cho khán thính giả thưởng thức giọng ngâm của chị.

Phần cuối của chương trình là phần Thi hữu Huyền Thanh Lữ giới thiệu tập thơ Ngoài Xa Dấu Chân Mây của Tuy Anh. Anh đọc cho thính giả nghe nguyên một bài thơ "Đi Gọi Tình Người", thật cảm động, thật buồn... Như đoạn đầu:

Cuối năm, đi gọi tình người

Tình người nói trôi

như mây đầu núi

như sóng đầu ghềnh

bèo bọt

mong manh!

.....

Như đoạn cuối:

Cuối năm, đi gọi tình người

giữa cuộc đời

chưa đủ nghĩa

yêu thương!

Bài thơ này là một trong 69 bài của một thi sĩ làm thơ, yêu thơ rông rã hơn 10 năm đan díu. Bài thơ này nằm trong hai trang giấy của một tập thơ dày đến 173 trang, từ một người viết vẫn làm thơ đã được mọi người biết đến và thương yêu. Mừng cho anh Tuy Anh. Ở trên tôi đã nói đến Tuy Anh và tập thơ. Nhưng vì Đêm Văn Thơ có anh, nên tôi phải lập lại

Ngoại trừ tập thơ Ngoài Xa Dấu Chân Mây, muốn mua, đọc giả có thể liên lạc trực tiếp với chùa Viên Giác, còn các tập thơ còn lại của những thi sĩ tôi vừa nêu trên, đọc giả yêu thích có thể liên lạc với Nhà Xuất Bản Edition Imm (Dortmund).

Sở dĩ có Đêm Văn Thơ ở Trung Tâm VIDİ này là vì, nhân dịp Phái đoàn Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại đi Praha (thủ đô Tiệp) để tham dự Đại Hội Văn Bút Quốc Tế lần thứ 61, tổ chức từ ngày 6 đến 21 tháng 11.1994, còn thì giờ rảnh rỗi nên Phái đoàn đã ghé đến Dortmund (Đức Quốc).

Xin cùng chung vui với các anh đã đứng ra tổ chức Đêm Thơ Văn này. Vì theo tôi, đây là Đêm Văn Thơ thành công nhất từ trước đến nay ở nước Đức.

Cuối những hàng Tạp Ghi này tôi muốn ghi lại một sự kiện rất nổi bật trong mấy năm nay, và năm 94 cũng vậy. Đó là việc từ đất nước Việt Nam mình. Việc đàn áp người đổi lập, đàn áp tôn giáo. Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế vẫn còn bị ở tù. Hòa Thượng Thích Huyền Quang vẫn còn bị quản thúc, vẫn còn tiếp tục tranh đấu cho đạo, cho đời. Các Đại Đức Trí Tụ, Hải Thịnh, Hạnh Đức v.v... vẫn còn bị tù. Đại Đức Thích Hạnh Thủ, trụ trì chùa Ngọc Phật, ở huyện Tam Bình tỉnh Vĩnh Long đã tự thiêu để phản đối chính sách đàn áp tôn giáo của chính quyền hiện tại ở Việt Nam. Vì thế, bằng những cuộc biểu tình ở Genève, ở Straßburg, trong năm này Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất hợp với các đoàn thể khác đã biểu lộ sự quyết tâm tranh đấu, và hỗ trợ cho công việc Giải Trừ Pháp Nạn, và tiếng nói Dân Chủ của các Văn Nghệ Sĩ, trí thức đang bị cầm tù ở quê nhà. "*Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ*".

Câu châm ngôn mà trong mỗi người chúng ta đều biết. Mặc dù ở rất xa đối với quê hương, nhưng người dân Việt luôn hướng về Tổ Quốc, để quyết tâm tranh đấu cho một Việt Nam thực sự Tự Do - Dân Chủ và yên bình thịnh vượng.

Kính chúc đọc giả báo Viên Giác một năm mới thân tâm an lạc, vạn sự kiết tường như ý.

27.11.94

Vũ Nam



Thiện Căn

PHẠM HỒNG SÁU

TỔNG KẾT

SINH HOẠT CỦA BAN

HƯỚNG DẪN VÀ GIA ĐÌNH

PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI

CỘNG HÒA LIÊN BANG

ĐỨC NĂM 1994

1. Phiên họp khoáng đại:

Một phiên họp Huynh Trưởng (HT) thuộc Gia Đình Phật Tử Việt Nam (GDPTVN) tại Cộng Hòa Liên Bang Đức (CHLB/Đ) được tổ chức tại Nuernberg từ ngày 17 đến 19.12.1993. Trên 30 anh chị HT đã về tham dự. Có sự hiện diện của Bác Trúc Ngô Phạm Ngọc Đánh, Gia Trưởng GDPT Chánh Niệm Bá Linh, Phó Hội Trưởng Nội Vụ Hội Phật Tử Việt Nam Ty Nạn tại CHLB/Đ và Bác Chi Hội Trưởng (CHT) Chi Hội Phật Tử 3 vùng Fuerth - Erlangen và Nuernberg.

2. Trại họp ban:

Trại họp ban do GDPT Chánh Niệm (Bá Linh) tổ chức từ ngày 25 đến 26.12.1993 tại Niệm Phật Đường Linh Thứu. Qui tụ hơn 30 HT thuộc các GDPTVN tại Đức Quốc về tham dự.

3. Mừng Xuân Giáp Tuất tại Nuernberg:

Vào ngày 19.2.1994, CHPT tại Nuernberg đã tổ chức lễ đón Xuân cho mọi người trong vùng về tham dự. Phần múa lân và văn nghệ trình diễn mừng Xuân do GDPT Chánh Dũng đảm trách.

4. Mừng Xuân Giáp Tuất tại Chùa Viên Giác Hannover:

Vào thứ tư 9.2.1994 (tức 29 Tết) từ 21 giờ trở đi có tổ chức lễ đón Giao Thừa. Được rất đông Đạo hữu, Phật tử và đồng bào từ các nơi về Chùa Lễ Phật cúng như đón Giao Thừa.

Múa lân và văn nghệ giúp vui cho đêm này do GDPT Tâm Minh (Hannover) đảm trách cùng với các cá nhân thiện chí đóng góp. Thầy trụ trì đã lì-xi quà năm mới cho mọi người tham dự. Kết quả khả quan và vui vẻ.

5. Thọ Bát Quan Trai:

Nhằm tiến tu trên đường học Phật. GDPT Minh Hải Norddeich đã tổ chức một kỳ Thọ Bát Quan Trai trong 24 tiếng đồng hồ từ ngày 24 đến 25.3.1994 dưới sự chứng minh của Thượng Tọa Thích Như Điển. 19 giới tử đã tham dự.

6. Trại Huấn luyện Đới, Chúng Trưởng:

Vi nhu cầu HT mỗi ngày một tăng và cũng để tạo cơ hội cho những địa phương muốn thành lập GDPT.

Ban Hướng Dẫn/GDPTVN/ĐQ đã tổ chức khóa huấn luyện Đới, Chúng Trưởng vào 4 ngày từ 01 đến 04.4.1994 nhân dịp lễ Phục Sinh tại Nuernberg, lấy tên trại "Viên Lạc" để kỷ niệm một Thánh Tử Đạo mới mất cách đây 1 năm tại Hoa Kỳ.

GDPT Chánh Dũng tại Nuernberg chịu trách nhiệm về phần kỹ thuật với sự bảo trợ của Chi Hội 3 vùng Nuernberg - Fuerth - Erlangen.

Tham dự khóa huấn luyện này có 25 trại sinh chánh thức thuộc các GDPTVN tại Đức Quốc và 2 trại sinh đến từ Áo Quốc.

7. Đại lễ Phật Đản 2538 tại chùa Viên Giác Hannover:

Được tổ chức trong 3 ngày từ 03 đến 05.6.1994. Mặc dù thời tiết không được tốt lắm, nhưng tất cả mọi người con Phật tử các nơi một lòng về tham dự nên nâng con số lên khoảng 5.000 người. Kết quả rất viên mãn.

Như Đại lễ Phật Đản trong mọi năm, toàn thể HT và Đoàn sinh thuộc các GDPTVN tại Đức Quốc đã đảm trách phần "hàng rào danh dự" cung thỉnh chư Tăng, Ni và hành lễ tại Chánh điện. Ngoài ra đảm trách việc trật tự, vệ sinh chung, kiểm soát vé vào cửa, chỉ chỗ ngồi tại rạp hát, tham gia trình diễn văn nghệ cúng dường cùng với các Ca sĩ và Nghệ sĩ Việt Nam từ các nước khác đến.

8. Trại Huấn luyện HT - A Dục:

Trong khóa Giáo lý tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ 6 được tổ chức tại Bỉ Quốc (Velem, Sint Truiden) từ ngày 23 đến 31.7.1994 đã gặt hái rất nhiều thành quả tốt đẹp.

Về phía chư Tăng, Ni có 36 vị. Đặc biệt có 4 vị khách Tăng từ Hoa Kỳ và Úc Châu đến tham dự. 150 học viên theo học. Lòng trong khóa tu học này có trại Huấn luyện HT - A Dục đào tạo HT cung cấp cho các GDPTVN tại Âu Châu. 60 HT trong các nước tại Âu Châu đã về tham dự trại.

Đảm trách huấn luyện và kỹ thuật trại do BHD/GDPTVN/AC điều hành. Kết quả khả quan.

9. Đại lễ Vu Lan tại chùa Viên Giác Hannover:

Theo thông lệ hàng năm, năm nay chùa Viên Giác tổ chức Đại lễ Vu Lan vào những ngày từ 19 đến 21.8.94. Gần 2.000 Đạo hữu, Phật tử và đồng bào về tham dự, có thể nói từ trước đến nay kỳ này đông nhất mà đa số là thành phần trẻ. Một khịch lệ lớn lao cho tinh thần dân tộc, đạo pháp của giới trẻ hiện nay đang hướng về.

Cũng như các năm các HT và Đoàn sinh thuộc các GDPTVN tại Đức Quốc đảm trách đêm Văn nghệ cúng dường và lo trật tự, vệ sinh tại chùa.

10. Lễ gắn cấp hiệu cho các Huynh Trưởng:

Một buổi lễ gắn cấp "Tập" cho 4 HT thuộc GDPTVN tại Đức Quốc đã được chánh thức tổ chức tại Chánh điện chùa Viên Giác Hannover, vào lúc 09 giờ 30 ngày 20.8.1994:

1. HT. Thị Hiện Nguyễn Hữu Lộc (Bá Linh)
2. HT. Quảng Niệm Lê Gia Tuyển (Hannover)
3. HT. Từ Đường Hồ Thị Kim Hiếu (Nuernberg)
4. HT. Thiện Nguyễn Lý Hùng Sơn (Stuttgart)

Đặt dưới sự chứng minh của Thượng Tọa Thích Như Điển, Chi Bộ Trưởng, Thầy trụ trì chùa Viên Giác và cũng là Thầy Cố vấn Giáo hạnh cho các GDPTVN tại CHLB/Đức và với sự hiện diện của quý Bác:

Hội Trưởng, Hội Phó Hội Phật Tử VNTN tại CHLB/Đ, quý Bác CHT thuộc các Chi Hội địa phương, các Bác Gia Trưởng các GDPT, các HT cố vấn cùng một số Đạo hữu.

Sau khi thọ cấp, 4 HT trên đã phát nguyện cố gắng hướng dẫn và dìu dắt Đoàn sinh của mình, làm tròn chức năng người HT theo truyền thống và nội qui của GDPTVN.

Xong lễ, các HT và Đoàn sinh tham dự lễ đã lần lượt đến chúc mừng các HT mới vừa tân thăng.

11. Bầu Ban Chấp Hành mới Hội Phật Tử VNTN tại CHLB Đức:

Nhân Đại lễ Vu Lan 2538 tại chùa Viên Giác Hannover. Vào ngày 21.8.1994 hồi 08 giờ 30. Hơn 21 thành viên gồm thành viên BCH/HPT/VNTN, Thành viên các Chi Hội PT và HT/GDPTVN tại CHLB Đức đã nhóm họp tại Phòng hội chùa Viên Giác. Báo cáo hoạt động Phật sự trong những năm qua, rút ưu, khuyết điểm đã có của từng đơn vị một và dự trù kế hoạch hoạt động Phật sự cho năm kế tiếp.

Cũng trong cơ hội hiện diện đông đủ các thành viên này, bầu lên một Ban Chấp Hành Hội Phật Tử (BCH/HPT) mới cho nhiệm kỳ 1994-1996 hầu thay thế BCH cũ để tiếp tục điều hành việc Phật sự trong tương lai.

Sau khi thảo luận và đề cử. Các thành viên tham dự phiên họp đã nhất trí đi đến quyết định bầu một Ban Chấp Hành Hội Phật Tử mới như sau

- Hội Trưởng: ĐH. Thị Tâm Ngô Văn Phát (Hannover)
- Hội Phó Nội Vụ: ĐH. Trúc Ngô Phạm Ngọc Đăng (Berlin)
- Hội Phó Ngoại Vụ: ĐH. Nguyễn Biên Trần Hữu Lương (Frankfurt)
- Thư Ký: ĐH. Thiện Căn Phạm Hồng Sáu (Lingen)
- Ủy viên GDPT kiêm Thủ Quỹ: HT. Thị Hiện Nguyễn Hữu Lộc (Berlin).

Để tiện việc tham gia các hoạt động cùng các Hội đoàn địa phương, Ban Chấp Hành đã đề nghị các thành viên trong các Chi Hội trong tương lai sẽ được đề cử thay mặt Hội đến tham dự.

Buổi lễ ra mắt và giới thiệu Ban Chấp Hành mới được cử hành tại Chánh điện chùa Viên Giác - Sau lễ cầu siêu và cài hoa lên áo.

12. Tuyệt thực và cầu nguyện trước Quốc Hội Âu Châu:

Ngày tuyệt thực và cầu nguyện cho sự sống còn của Đạo Pháp và Dân Tộc, tại trước Quốc Hội Âu Châu ở Strasbourg (Pháp) từ 27 đến 28.8.1994. Được Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu tổ chức.

Tham dự ngày tuyệt thực và cầu nguyện này gồm đông đủ quý vị Tăng, Ni trong các chùa tại Âu Châu và Hoa Kỳ. Quý vị Bác sĩ, Giáo sư, đồng bào Phật tử và GDPT. Trong số đó có HT và Đoàn sinh GDPT Chánh Dũng Nuernberg, cùng một số HT và Đoàn sinh từ các nơi khác đến tham dự.

Qui tụ trên 250 người. Đặt dưới sự hướng dẫn của Giáo sư Lại Thế Hùng (Pháp) Chủ Tịch Ủy Ban Điều Hợp Nghị Hội Người Việt Ty Nạn CS tại Âu Châu.

13. Triệu tập Đại Hội Huynh Trưởng:

Đại Hội Huynh Trưởng GDPTVN tại CHLB Đức được triệu tập vào ngày 24 - 25.12.1994 tại chùa Viên Giác Hannover để báo cáo tổng kết sinh hoạt trong năm, đồng thời bầu lại Ban Hướng Dẫn mới cho nhiệm kỳ 1994-1996.

Thành phần tham dự gồm các HT có cấp, thành viên trong BHD cũ. Các Bác Gia Trưởng và các HT trong các Ban Liên Đoàn GDPT địa phương.

- Phương án dự trù tổ chức:
- Trại huấn luyện cho ngành Oanh.
- Trại Liên Hoa 4 tại Bremen.
- Trại tu dưỡng HT và khóa hội thảo về ngành Oanh tại Berlin nhân lễ Phục Sinh 1995.

Ghi Chú:
- Mục 1 và 2 năm rồi chưa báo tổng kết trên báo.

Xuân xuân họa

XƯƠNG

**Tặng
Bạn**

• ANH HÒANG



HỌA

Thanh Nguyên

Rắc cánh hoa thơ, dệt mộng hiền.
Giật mình, bừng tỉnh giấc cơ miền.
Vời trông cố quốc mong tin bạn.
Thoát cái Xuân này đã chín niên.

Nơi viễn xứ, mơ ngày trở lại.
Mặc người ngã xuống, kẻ leo lên.
Đường xa, đất lạ, ngừng chân bước.
Sóng gió, mây mù, cũng tạm yên.

Tục lụy trần ai đã lắng yên.
Tuổi già thanh thản, ấy thần tiên.
Lợi quyền là nợ, danh là lụy.
Còn bả vinh hoa, lắm muộn phiền.

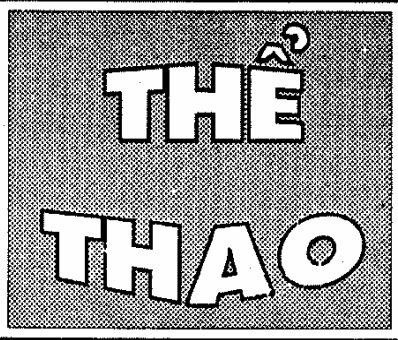
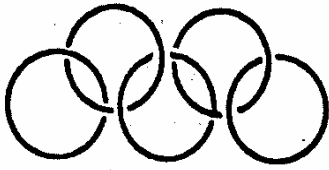
Lâu lắm, được tin của bạn hiền.
Nguồn thơ lai láng, tả liên miền.
Nào là: Nhớ bạn ngày vui cũ.
Rồi đến: Đón mừng Ất Hợi niên.

Chân vẫn dẻo, chưa chồn bước lại.
Tuổi tuy già, vừng mái chèo lên.
Gia đình hạnh phúc vừa no ấm.
Con cháu đầy đàn, nếp sống yên.

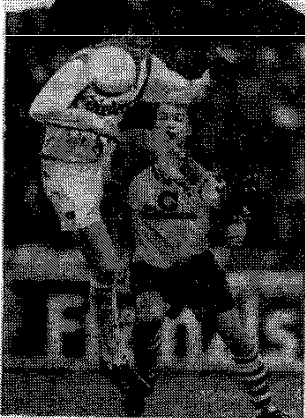
Con cháu đầy đàn nếp sống yên.
Bạn vàng được thế, thật là tiên.
Trời ban phúc, lộc, trời cho hương.
Hương thú điền viên, chẳng sợ phiền.

**Mơ
Ngày
Trở
Lại**

Người Giám Biên



• BÓNG TRÒN



Sau giải vô địch thế giới (17.6 đến 17.7.94) tại Mỹ, các đội cầu Tây Âu hiện đang tranh vòng loại giải vô địch Âu Châu được tổ chức vào tháng 6.1996 tại Anh. Từ nay đến đó còn xa, các đội chỉ mới đá có một, hai trận nên chưa xếp hạng cao thấp được. Riêng đội cầu quốc gia Đức, dưới sự lèo lái của Huấn luyện viên Berti Vogts, ra quân lần đầu tiên đụng đội cầu Albanie đá tại sân đối phương, chỉ thắng khít khao với tỷ số 2 : 1 !

Trong giải vô địch thế giới, cũng lần đầu tiên trong 24 năm qua đội cầu Đức bị loại ở vòng tứ kết với tỷ số 1 : 2 khi gặp đội Bulgarie. Nhìn chung đội cầu quốc gia Đức chưa được trẻ trung hóa. Vì theo định luật sinh tồn thì trẻ già, măng phải mọc. HLV Berti Vogts thì muốn giữ những cầu thủ già trên dưới 30 tuổi, làm cản trở bước tiến của đàn em. Vì vậy mà đội cầu Đức phát triển chậm không theo kịp các đội cầu Nam Mỹ như Ba Tây, A Căn Đình v.v...

• SỬ DỤNG THUỐC KÍCH THÍCH (Doping)

Một số vận động viên sử dụng bất hợp pháp thuốc kích thích để tăng thêm sức lực hầu đoạt giải trong các cuộc tranh tài về điền kinh cũng như bơi lội quốc tế, đã bị Ủy ban Kiểm tra phát hiện qua các cuộc khám nghiệm nước tiểu. Điển hình và rùm beng nhất là vụ lục sĩ điền kinh Ben Johnson người Canada. Trong cuộc chạy nước rút 100 m tại Thế Vận Hội Mùa Hè tại Tây Ban Nha, anh đã phá kỷ lục của anh Lewis (Mỹ). Sau khi khám nghiệm nước tiểu, Ủy ban Kiểm

tra phát hiện là anh đã dùng thuốc kích thích, do đó anh bị loại, bị đưa ngay về nước và tiếp theo đó bị treo giò trong 2 năm.

Giữa năm nay, trong giải bơi lội quốc tế tại Rom (Ý), các tay bơi nữ Trung Cộng đã phá nhiều kỷ lục thế giới và làm mưa làm gió trong hồ bơi. Người ta tự hỏi và lấy làm ngạc nhiên là các tay bơi nữ Trung Cộng sao lại khỏe và dẻo dai đến thế? Từ ngạc nhiên đến tìm ra sự thật. Là gần đây nữ vô địch bơi lội cô Yang Aihua, trong cuộc bơi tự do 400 m tại Rom, cô đã phá kỷ lục một cách nhẹ nhàng. Sau một thời gian khám nghiệm nước tiểu, thì đúng cô đã dùng thuốc kích thích để tăng thêm sức bền bỉ. Ngày 26.11.94, cô bị Tổng Cục Thể Vận Hội phạt treo giò trong 2 năm.

Sau cuộc khám phá này, trong giải Thế Vận Á Châu tổ chức tại Hiroshima vừa qua, ông Yoshio Kuroda, Chủ tịch Ủy ban Y khoa Thế Vận Á Châu đã xác định với thông tấn xã Kyodo là sau khi khám nghiệm nước tiểu của 11 vận động viên Trung Cộng, thì tất cả đều có dùng bất hợp pháp thuốc kích thích! Trong số này có 8 tay bơi lội.

Tại A Vận Hội, cô Lu Bin đã đoạt 4 huy chương vàng, 2 bạc! Cô Han Qing đoạt kỷ lục về chạy và nhảy rào 400 m.

Rồi đây Ủy ban Thế Vận Trung Cộng phải ăn nói làm sao với Tổng Cục Thể Vận Quốc Tế. Trước hết và chắc chắn là những thành tích mà các vận động viên Trung Cộng đoạt được nhờ sử dụng bất hợp pháp thuốc kích thích đều bị phủ nhận và còn bị treo giò ít nhất là 2 năm.

Đối với con người Cộng Sản, trên đường xây dựng Xã hội Chủ nghĩa, phương châm hành động của họ là: "Cứu cánh biện minh cho phương tiện" có nghĩa là họ có thể dùng bất cứ phương tiện nào dù đã man tàn bạo, phi nhân, bất lương đến đâu không cần quan tâm, miễn làm sao đạt được cứu cánh tức là mục tiêu cuối cùng là được.

Do đó các vận động viên Trung Cộng hiện nay cũng như những vận động viên của các nước Cộng Sản Đông Âu trước kia phần đông đã dùng bất hợp pháp thuốc kích thích tăng cường sức dẻo dai để đoạt giải cũng nằm trong

phương châm này mà thôi. Nhưng vô quýt đây, thì có móng tay nhọn !

• QUẦN VỢT

Trong năm 1994, có những cây vợt tuột xuống rồi trời lên. Bên Nam thì có các anh Jim Courier (Mỹ), Boris Becker, Michael Stich (Đức) v.v...; còn bên Nữ thì có các cô Mary Pierce (Pháp), Martinez (Tây Ban Nha), Huber (Đức) v.v...

Riêng anh Pete Sampras thì vẫn là cây vợt số 1 thế giới, với lối đánh điềm tĩnh và chính xác cả trái lẫn phải, cộng thêm thể lực dồi dào của anh chắc chắn trong hai năm tới chưa có ai lật đổ ngôi vị của anh được.

Tổng kết thành tích

4 Giải Grand Slam

• Australia Open từ 15.1 đến 30.1.94

Nữ Chung Kết : Steffi Graf hạ Sanchez 6:0, 6:2

• French Open 23.5 đến 5.6.94
Sanchez hạ Mary Pierce 6:4, 6:4

• Wimbledon 18.7 đến 31.7.94

Martinez hạ Navratilova 6:3, 4:6, 6:4

• US Open 28.8 đến 11.9.94
Sanchez hạ Steffi 1:6, 7:6, 6:4

Nam Chung Kết : Sampras hạ Martin 7:6, 6:4, 6:4

Bruguera hạ Berasategui 6:3, 7:5, 2:6, 6:1

Sampras hạ Ivanisevic 5:7, 6:4, 6:3, 6:4

Agassi hạ Stich 6:1, 7:6, 7:5

Giải Vô địch Thế giới

(World Championship)

(từ 15.11 đến 20.11.94)

Đương kim vô địch là anh M. Stich (Đức). Giải này chỉ chọn có 8 cây vợt nam đứng đầu thế giới. Tuy anh Stich là đương kim vô địch nhưng anh đứng hạng 9 do đó anh được xếp vào hàng dự bị.

1. Sampras (Mỹ) 2. Agassi (Mỹ) 3. Ivanisevic (Kroatien) 4. Bruguera (Tây Ban Nha) 5. Edberg (Thụy Điển) 6. Chang (Mỹ) 7. Becker (Đức) 8. Berasategui (Tây Ban Nha)

Chia làm 2 toán Trắng và Đen. Kết quả như sau:

Toán Trắng :

Sampras, Ivanisevic, Edberg, Becker

Sampras - Ivanisevic 6:3, 6:4

Becker - Edberg 6:7, 6:4, 7:5

Sampras - Edberg 4:6, 6:3, 7:6

Becker - Ivanisevic 6:3, 3:6, 7:6

Becker - Sampras 7:5, 7:5

Edberg - Ivanisevic 6:3, 6:4

• Xếp hạng :

1. Becker 3 thắng 3 điểm

2. Sampras 2 thắng 1 thua 2 điểm

3. Edberg 1 thắng 2 thua 1 điểm

4. Ivanisevic 3 thua 0 điểm

Toán Đen :

Agassi, Bruguera, Chang, Berasategui

Agassi - Bruguera 6:4, 1:6, 6:3
 Agassi - Chang 6:4, 6:4
 Bruguera - Berasategui 6:3, 6:2
 Bruguera - Chang 7:6, 7:5

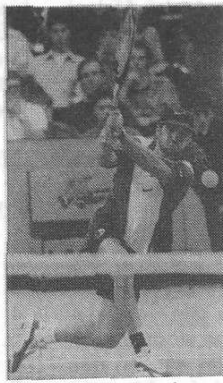
vô địch này ở vòng đầu anh đã hạ Sampras hai bàn trắng là 7:5 và 7:5! Do đó người ta hy vọng là anh sẽ thừa thắng xông lên hạ luôn Sampras lần

2. Cô Davenport (Mỹ) cây vợt số 7 thế giới và cô Sabatini hạng 9 thế giới đã lần lượt hạ các đối thủ để vào chung kết.

HÌNH ẢNH 8 CÂY VỢT ĐỨNG ĐẦU THẾ GIỚI



1. Pete Sampras (Mỹ), 23 tuổi. Cao 1m85, nặng 77 kg. Cây vợt số 1 thế giới, khó có đối thủ nào hạ được. Trong 6 tháng đầu năm 94, anh không thua một trận nào.



2. Andre Agassi (Mỹ), 24 tuổi. Cao 1m80, nặng 79 kg. Sau một thời gian bị bệnh, anh đã lấy lại được phong độ. Đã vô địch US Open.



3. Goran Ivanisevic (Kroatien), 23 tuổi. Cao 1m94, nặng 81 kg. Có cú giao banh thần tốc. Trong năm 94 anh đã xệt 1.100 cú Asse! Nóng tánh hay liệng vợt và chửi thề. Trong năm 94 anh đã bị phạt trên 10 ngàn đô-la!



4. Sergi Bruguera (Tây Ban Nha), 23 tuổi. Cao 1m88, nặng 76 kg. Chuyên đánh sân cát. Lúc nào cũng được ông bố ngồi trên khán đài ủng hộ tinh thần và nhắc khéo bằng điệu bộ.



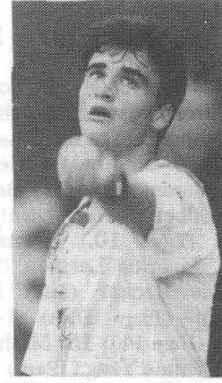
5. Stefan Edberg (Thụy Điển), 28 tuổi. Cao 1m88, nặng 77 kg. Trong năm 94 anh không thắng một trận nào quan trọng. Đang trên đà xuống dốc.



6. Michael Chang (Mỹ), 22 tuổi. Cao 1m75, nặng 68 kg. Vẫn giữ phong độ. Có lối đánh công hơn thủ, hay lên lưới dứt điểm.



7. Boris Becker (Đức), 27 tuổi. Cao 1m90, nặng 85 kg. Vừa lấy lại được phong độ sau một thời gian xuống dốc, vì lo cho vợ sanh.



8. Alberto Berasategui (Tây Ban Nha), 25 tuổi. Cao 1m73, nặng 65 kg. Chuyên môn đánh trên sân cát. Yếu về cú giao banh, ít khi lên lưới.

Agassi - Berasategui 6:2, 6:0
 Chang - Berasategui 6:1, 6:0

• Xếp hạng :

1. Agassi 3 thắng 3 điểm
2. Bruguera 2 thắng 1 thua 2 điểm
3. Chang 1 thắng 2 thua 1 điểm
4. Berasategui 3 thua 0 điểm

Vào bán kết, cây vợt số 1 Toán Trắng đụng cây vợt số 2 Toán Đỏ. Cây vợt số 1 Toán Đỏ gặp cây vợt số 2 Toán Trắng.

Kết quả vòng bán kết :

- * Becker - Bruguera 6:7 (5:7), 6:4, 6:1
- * Agassi - Sampras 6:4, 6:7, 3:6

Trận chung kết giữa anh Becker và Sampras thật là sôi nổi và hào hứng. Tất cả các khán đài đều chật, vé bán hết. Người Đức đi ủng hộ gà nhà. Theo dự đoán của tất cả những người có mặt cũng như cả Người Giám Biên đều hy vọng trên 80% là anh Becker thắng. Vì trước đó 2 tuần, trong giải Sweden Open tại Stockholm, Becker đã phá kỷ lục là hạ ba cây vợt nhứt, nhì, ba thế giới là các anh Sampras, Ivanisevic và Edberg. Ngay trong giải

này nữa để trở thành vô địch thế giới.

Ván đầu anh hạ Sampras 6:4, ván thứ hai anh thua 3:6, sang ván thứ ba và bốn dường như anh không còn đủ sức để đương đầu với Sampras, nên thua luôn 5:7 và 4:6. Hy vọng tan vỡ, nhưng dù sao anh cũng "bơ" gần 1 triệu Đức Mã gọi là tiền an ủi và từ hạng 7 anh nhảy lên hạng 3 thế giới. Còn anh Sampras thì ngoài cái Cúp còn nhận thêm tám ngàn phiếu trên 2 triệu Đức Mã!

GIẢI VÔ ĐỊCH NỮ

THẾ GIỚI (Master)

(tại New York từ 15 đến 20.11.94)



Có Gabriela Sabatini 24 t (Á Căn Đình) đã hai lần đoạt giải Master 1988, 1994

Có hai điều bất ngờ trong giải này là:
 1. Cây vợt số 1 thế giới, cô Graf Steffi đã bị cô Mary Pierce

(Pháp) hạng 5 thế giới hạ với tỷ số 6:4, 6:4.

Trong giải Master, chỉ trận chung kết phải đánh 5 ván, ai thắng 3 ván thì mới đoạt Cúp. Có lẽ lần đầu tiên trong đời cầm vợt cô Davenport mới vào được chung kết một giải quan trọng nên cô bị khớp, mất bình tĩnh, cô dễ thua và đánh những trái banh lằng xẹt. Mặc dù cô Sabatini đánh dở, suốt trận bị trên 15 lần lỗi giao banh mà vẫn hạ Davenport. Vì cô đó mà gặp đối thủ còn dở hơn nên cô mới làm bà hoàng. Đúng là người chột mắt làm vua đám mù.

Chung cuộc cô Sabatini hạ Davenport với tỷ số 6:2, 6:3, 6:4, tiền thưởng gần nửa triệu đô-la!

• GIẢI DAVIS CÚP



Toán Nga có Tschesnokov, Okolski.

Trận chung kết năm 94 giữa Nga và Thụy Điển đã diễn ra tại Moscow từ 2, 3 và 4.12.94. Lần đầu tiên trong lịch sử quần vợt, Nga mới vào được chung kết giải quan

trọng có tầm vóc quốc gia này. Có lẽ là nhờ chủ nghĩa Cộng Sản Liên Xô bị sụp đổ nên môn thể thao vương giả này mới phát triển được.

Toán Thụy Điển gồm có Edberg, Larsson, Bjorkman.

Toán Nga có Kafelnikov, Tshesnokow, Okolski.

Kết quả Thụy Điển hạ Nga 4:1. Đây là lần thứ 5 Thụy Điển đoạt giải này (1975, 1984, 1985, 1987). Đặc biệt là trong 5 lần đoạt Cúp, Edberg đã có mặt trong đội quốc gia 4 lần.

GIẢI COMPAQ GRAND

SLAM CUP

(tại Muenchen từ 6 đến 11.12.94)



Giải này chỉ chọn có 16 tay vợt nào có tham dự và đã thắng các trận trong 4 giải Grand Slam là Australia Open - French Open - Wimbledon và US Open.

16 tay vợt theo thứ tự xếp hạng được tham dự như sau:

1. Pete Sampras (Mỹ) 2. Todd Martin (Mỹ) 3. Goran Ivanisevic (Kroatien) 4. Sergi Bruguera (Tây Ban Nha) 5. Andre Agassi (Mỹ) 6. Jim Courier (Mỹ) 7. Alberto Berasategui (Tây Ban Nha) 8. Stefan Edberg (Thụy Điển) 9. Karel Novacek (Tiệp) 10. Thomas Muster (Áo) 11. Magnus Larsson (Thụy Điển) 12. Boris Becker (Đức) 13. Jonas Bjorkman (Thụy Điển) 14. Wayne Ferreira (Nam Phi) 15. Michael Chang (Mỹ) 16. Yajime Yzaga (Peru)

Vì anh Michael Stich (Đức) đứng hạng 7, nhưng từ chối không tham dự, nên mới đôn anh Yzaga lên thay thế.

Đặc biệt giải này không chia toán đánh vòng tròn như giải vô địch thế giới tại Frankfurt vừa qua. Các tay vợt phải bốc thăm, hên xui may rủi, người nào thua thì gác vợt, phôi áo! nhưng lãnh được một số tiền an ủi là 100 ngàn đô để làm lộ phí và tiêu xài trong

dịp lễ Giáng Sinh. Có lẽ không có môn thể thao nào hái ra tiền dễ dàng như môn quần vợt, mà cũng rất tiếc là không thấy có một tay vợt nào đại diện cho Châu Á, ngoại trừ anh Michael Chang, nhưng anh Chang tuy là người gốc Đài Loan mà là dân Mỹ.

Các tay vợt đụng qua, gặp lại để loại nhau, khi vào đến vòng bán kết còn lại hai cặp là:

Magnus Larsson - Todd Martin

Pete Sampras - Goran Ivanisevic

kể từ vòng bán kết phải đánh 5 ván, đến ván thứ 5 không có đánh tie-break mà phải gác hai ván mới kể thắng.

Kết quả: Larsson hạ Martin 3:0

Sampras hạ Ivanisevic 3:2 (5:7, 6:3, 6:4, 6:7 và 10:8)

Vào chung kết Larsson gặp Sampras. Ai cũng nghĩ là Sampras sẽ đoạt giải. Nhưng mọi bất ngờ trên sân cỏ đều xảy ra khi trong tài chầm dứt trận đấu. Ván đầu Larsson thắng 7:6, ván hai Sampras thắng 6:4, qua ván thứ ba hai bên huê 6:6, đánh tie-break - Sampras lại thua 6:7! Qua ván thứ tư, Sampras vừa mất tinh thần, vừa mệt



Magnus Larsson, Thụy Điển, 24 tuổi. Cao 1m92, nặng 88 kg. Hạng 19 thế giới. Đã vào bán kết giải Grand Slam French Open/94.

Larsson lợi dụng thời cơ, thừa thắng xông lên, vận dụng hết sức lực, đánh những trái banh xéo góc cuối đường sân để thắng điểm và hạ luôn 6:4. Kết

quả Larsson hạ Sampras 7:6, 4:6, 7:6 và 6:4.

Tiền thưởng cho vô địch 2 triệu đô-la! Tiền an ủi cho Sampras 1 triệu đô!

Kể từ ngày thành lập giải Compaq Grand Slam Cup (1990) Larsson, cây vợt Thụy Điển đầu tiên đoạt giải quan trọng này.

Magnus Larsson, Thụy Điển, 24 tuổi. Cao 1m92, nặng 88 kg. Hạng 19 thế giới. Đã vào bán kết giải Grand Slam French Open/94.

Mười tay vợt đứng đầu thế giới

(Giá trị đến ngày 5.12.94)

* Nữ:

1. Graf Steffi (Đức)
2. Sanchez (Tây Ban Nha)
3. Martinez (Tây Ban Nha)
4. Novotna (Tiệp)
5. Pierce (Pháp)
6. Davenport (Mỹ)
7. Sabatini (Á Căn Đình)
8. Navratilova (Mỹ)
9. Date (Nhật)
10. Zwerewa (Bạch Nga)

* Nam:

1. Sampras (Mỹ)
2. Agassi (Mỹ)
3. Becker (Đức)
4. Bruguera (Tây Ban Nha)
5. Ivanisevic (Kroatien)
6. Chang (Mỹ)
7. Edberg (Thụy Điển)
8. Berasategui (Tây Ban Nha)
9. Stich (Đức)
10. Martin (Mỹ)

vòng bán kết kéo dài trên 3 tiếng đồng hồ, anh đã bỏ những trái banh của Larsson trả sang qua không thêm chạy đón đỡ.

Nhân dịp đầu năm dương lịch 1995, Người Giám Biên xin chúc tất cả vận động viên trong mọi môn thể thao đời dào sức khỏe, đoạt được nhiều thành tích mới trong năm mới. Ngoài ra Người Giám Biên cũng xin kính chúc tất cả độc giả bốn phương sang năm mới luôn luôn gặp được nhiều thuận duyên trong cuộc sống tha hương, nhiều nghị lực trong công cuộc đấu tranh giải trừ chế độ Cộng Sản độc đảng, độc tài để đem lại Tự Do - Dân Chủ cho đất nước, Ám No và Hạnh Phúc cho toàn dân.

XIN ĐỪNG MANG THỊT BÁN CHÙA

GĐ. Quách Đình Huân - Muechen

Mỗi một năm, có hai ngày Đại Lễ
Chúng tôi về lễ Phật ăn chay
Suốt một năm ba trăm mấy ngày
Đã ăn mặn tràn lên cần cổ

Thịt cá gà, đụng đâu cũng có
Muốn mấy ngày, đi Lễ ăn chay
Tại sao kia, lạ quá thế này
Cổng chùa thịt, quanh chùa cũng thịt

Cháo lòng heo, phở bò, thị nướng
Con tôi lay hỏi mẹ gì đây
Khi về chùa mẹ nói ăn chay
Sao đây đó, bán đồ ăn mặn

Nhìn quang cảnh mà lòng lạnh ngắt
Ôi! Còn đâu thanh tịnh quanh chùa
Lon la de, nhậu nhẹt vứt bừa
Ban trật tự của chùa bất lực

Người bán hàng tha hồ mặc sức
Bầy bừa ra, ó ể quanh chùa
Đâu phải không, áo ấm com no
Tham chi vậy, các anh các chị

Từ miền Nam, về chùa để lễ
Nên cũng xin góp ý mấy điều
Chùa phải tìm biện pháp làm sao
Làm không nổi nhờ người bán xứ

Thuê mấy anh an ninh trật tự
Họ sẽ lo, khi nói không nghe
Nhắc nhở luôn, trong báo hằng kỳ
Chùa tuyệt đối không cho bán mặn

THẾ SỰ TẤT NIÊN

Ngày tháng trôi qua như con thoi khung dệt, nhìn đi nhìn lại mà năm sắp hết, xuân xanh chẳng còn được là bao hay là tuổi đời đã nhiều thêm một ít. Bánh xe thời gian vẫn vô tình quay hoài, quay mãi mang theo những biến chuyển, những dao động to có, nhỏ có, quan trọng có, tầm thường có trong thiên nhiên, trong xã hội và trong lòng người mà chúng ta vì một lý do bận bịu nào đó không hề, không thể quan tâm chú ý đến. Không ai có thể xem thời gian là vật sở hữu và cũng không ai đủ khả năng nín kéo thời gian chậm đi một chút. Đứng hơn chúng ta chỉ có thể duỗi mắt nhìn về quá khứ, ôn lại chuyện hiện tại, nhận định ra những gì còn tồn tại, những gì đã đổi thay và những gì đã bị vùi lấp trong dĩ vãng dĩ nhiên không ngoài tham vọng nào khác hơn là mở mang kiến thức, rút tĩa kinh nghiệm có nên bị quan hay lạc quan tin tưởng vào một thế giới hòa đồng vị tha hơn vị kỷ. Thế theo tinh thần ấy thiết tưởng giờ đây là giai đoạn thích hợp nhất để chúng ta cùng nhau dựa theo những bài xả luận của các chuyên gia phê bình, những bài viết của các ký giả chuyên nghiệp tổng kết, thu gọn lại một phần nào những sự kiện mang tầm vóc quan trọng đã xảy ra trong năm.

Năm 1994 là năm của định mệnh.

Hai biến cố tiền định từ đây đi vào lịch sử là cuộc bầu cử đa chủng tộc tại Nam Phi và nội chiến diệt chủng tại Rwanda đã in những dấu nét sâu đậm trong ký ức nhân loại, trong tâm khảm loài người.

Từ khi bức tường Bá Linh "do sự gian dối thay thế cát hồ kết chặt từng viên gạch dựng nên" đã sụp đổ vào ngày 09.11.1989. Thế giới quả quyết rằng tự do đã chiến thắng độc tài, hân hoan vui mừng chờ đón một kỷ nguyên mới, một trật tự hòa bình mới. Thế nhưng chủ nghĩa Mác Lê khánh tận không phải đồng nghĩa với dân chủ hòa bình và làn sóng chấn động của cơn địa chấn cộng sản tiếp tục lan tràn mãi cho đến ngày nay. Trải qua năm 1994, chủ nghĩa cộng sản lưu lại nhiều dư chứng cặn bã đang nhiều nhưng hoành hành lục địa Âu Châu, nhân loại chứng kiến không biết bao nhiêu căng thẳng đồn dập khắp nơi từ Âu, Mỹ, Phi Châu sang Cận Đông đến tận Châu Á.

PHI CHÂU

• Rwanda

Nói đến Phi Châu chúng ta nghĩ ngay đến một lục địa lạc hậu nghèo đói, nơi mà hội chứng SIDA (AIDS) đạt tỷ lệ cao nhất thế giới, dân số tăng gấp 2 lần trong vòng 25 năm. Nhưng trong năm nay chúng ta ghi nhận hai biến



cố trọng đại hoàn toàn mâu thuẫn với nhau: Một xung đáng cho chúng ta bài học về cách đối xử giữa người và người, về sự hòa giải sắc tộc; Một không khỏi gây biết bao khiếp đảm trong thời đại văn minh tốt đỉnh đồng thời nêu lên trong lòng chúng ta bao nhiêu nỗi hoài nghi đến tâm địa con người.

Vào mùa Xuân năm nay, chúng ta ai nấy đều chứng kiến cảnh tượng tàn sát rùng rợn với vô số tử thi nằm rải rác bên lề đường, nhan nhản trôi trên sông và được vớt lên như cá. Do đó chúng ta không khỏi nêu lên đôi điều thắc mắc liên quan đến nội chiến diệt chủng tại Rwanda.

Câu hỏi trước tiên là tại sao trong khoảng thời gian vài tuần thật ngắn ngủi, đang cùng nhau chung sống trên một quê hương, một nhóm chủng tộc Hutu ra tay sát hại một nhóm chủng tộc Tutsi khác. Cuộc tự sát tập thể này xảy ra vì duyên cớ nào, ai tổ chức, huấn luyện, trang bị những kẻ sát nhân? Theo nhận xét của các nhà nghiên cứu thì sự phân chia, xếp đặt tầng lớp giữa bộ lạc Tutsi thông minh có dáng dấp thanh cao và bộ lạc Hutu ngu dốt thô kệch, cộng thêm sự đồng tộc kết hôn và chủ trương chia rẽ để trị của chế độ thực dân tạo nên mối kính chống quyết liệt không thể nào hàn gắn được nữa giữa hai bộ lạc. Và kết quả là hôm nay chúng ta là nhân chứng cho cuộc thảm sát xem nhân mạng như là cỏ rác vữa qua.

Thế thì mọi người đã biết trước sớm muộn gì rồi cuộc tranh chấp sẽ bùng nổ, nhưng không ai, nhất là Pháp vì Pháp có trách nhiệm nhiều nhất, ước đoán được mức độ mau chóng, cường độ dã man và tìm cách ngăn chặn cuộc tàn sát.

Câu hỏi thứ hai cũng không kém phần thúc bách, khẩn khoản là tại sao một khi nội chiến xảy ra rồi, các cường quốc, luôn cả Liên Hiệp Quốc vẫn ung dung chờ đợi cho đến khi Pháp phát động chiến dịch "nhân đạo"

Turquoise, Mỹ khởi xướng phong trào cứu trợ thì quá muộn, mọi việc đã an bài.

Câu hỏi cuối cùng là phải chăng sau mục đích nhân đạo thấp thoáng bóng dáng mưu đồ tranh chấp chiến lược giữa một bên là Pháp mọi lúc xem Phi Châu thuộc vùng ảnh hưởng tự nhiên của mình, nương theo cuộc hành quân nêu trên tiếp tục cung cấp vũ khí cho nhóm cực đoan Hutu,

một bên là Mỹ lợi dụng biến cố này gây thêm thế lực. Ai chết thì cứ chết, chỉ có quyền lợi quốc gia tối thượng vẫn trên hết.

Sự tan rã của Liên Bang Xô Viết gây một cuộc đảo lộn phi thường trong thế kỷ 20 và đuổi cơn lốc từ Mạc Tư Khoa thổi đến Phi Châu quét sạch hoàn toàn mọi ảo tưởng tin vào hiệu năng của "Chủ nghĩa Xã Hội nhiệt đới". Một khi mà chính thế sụp đổ, quốc gia mất quyền lực thì nhiều lãnh chúa xuất hiện lợi dụng chiêu bài bộ lạc đồng tộc lũng đoạn trật tự xã hội. Bởi mất đi tính chất địa dư chiến lược Phi Châu dần dà đi vào lãng quên, các cường quốc đã quay góc độ ve vãn Á Châu, hỗ trợ khối Đông Âu hầu thu đạt quyền lợi nhiều hơn nữa.

• Nam Phi

Biến cố thứ hai được đề cập nơi đây là cuộc bầu cử đa chủng tộc được tổ chức vào ngày 02.4.94 tại Nam Phi. Trí



sáng suốt và lòng quả cảm của hai lãnh tụ Nelson Mandela và Frédéric De Klerk dẫn dắt dân tộc đen trắng

Nam Phi sống chung hòa bình sau cuộc "Cách Mạng thương lượng" êm đẹp có một không hai trong lịch sử. Cuối cùng quốc gia này thoát khỏi thảm kịch mà từ lâu mọi người lo âu chờ đợi. Rồi đây bài học Nam Phi sẽ thôi thúc toàn thế lục địa Phi Châu suy tưởng mơ ước sống không hận thù với lòng tin chắc cùng nhau chia xẻ một vận mệnh chung, cho dù cam chịu bất hạnh mang tội lỗi.

BẮC MỸ

● Cuba

Sau cuộc bạo động đẫm máu ngày 05.8.94 dân Cuba bắt chấp mọi gian nguy vượt biển sang Mỹ tìm tự do. Trước làn sóng tỵ nạn quá cao với đợt đầu gồm 30.000 người, Hoa Thịnh Đốn bối rối liên tưởng đến tai họa Mariel xảy ra vào năm 1980. Tưởng cũng nên nhắc lại là từ thành phố Mariel này Cuba cho phép dân mình chính thức



rời bỏ quê hương và chỉ trong vòng 5 tháng Mỹ phải nhận tất cả là 120.000 dân tỵ nạn. Trong số này lãnh tụ Castro cài vào không biết bao nhiêu tội phạm, những người mắc bệnh tâm thần với ý đồ lũng đoạn xã hội Mỹ. Chính vì thế mà lần này Mỹ tìm cách thỏa hiệp với Cuba. Theo thỏa hiệp Mỹ chịu nhận mỗi năm 20.000 người, ngược lại Cuba có bốn phận ngăn ngừa dân mình ra đi trong vòng rối loạn trật tự. Được biết hiện tại có 23.371 dân Cuba đang tạm sống trên căn cứ quân sự Mỹ Guantanamo ngay trên đất Cuba. Vậy thì không có gì trở trêu cho bằng ra đi tìm tự do lại tỵ nạn nơi quê hương mình.

Tin sau cùng cho biết Mỹ chỉ nhận trẻ con không thân nhân, những người bệnh và những người trên 70 tuổi. Số người còn lại không biết hưởng quy chế nào, theo tiêu chuẩn tỵ nạn của Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc hay tiêu chuẩn di dân theo quan điểm của Hoa Thịnh Đốn.

Lúc nào Mỹ cũng xem Cuba là sân nhà, chính thể Cuba là đồng rác cần phải thu dọn, Castro là gai trước mắt cần phải nhổ. Từ khi Liên Xô chấm

dứt tài trợ, sau 32 năm bị Mỹ phong tỏa, Cuba đang lâm vào cảnh bi đát về đủ mọi mặt. Dân nghèo càng túng quẩn hơn, lương tháng công nhân tương đương với 3 Mỹ kim, trong lúc cấp lãnh đạo sống xa hoa phù phiếm. Hơn nữa Castro vin vào lệnh phong tỏa đưa ra chiêu bài chống Mỹ cứu nước, ép buộc nhân dân nên và phải hy sinh thêm nữa. Bởi thế một số nhà lãnh đạo, một số lãnh tụ các đảng phái lên tiếng kêu gọi Mỹ nên giải tỏa dần dần lệnh cấm vận, đánh đổi sự vẫn hồi từng bước một của nền tự do dân chủ, như thế có hiệu năng thúc đẩy chính thể độc tài hiện tại suy thoái mau chóng.

CẬN ĐÔNG

* Irak

Nói đến Cuba chúng ta không quên đề cập đến Irak vì cả hai đều đồng cảnh ngộ như nhau. Trong lúc Nguyên tử lực Cục quốc tế sắp sửa đề

trình lên Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc bản phúc trình thuận lợi cho Irak thì không hiểu vì duyên cớ nào Tổng Thống Saddam Hussein điều động chiến xa uy hiếp Kuwait một lần nữa. Trên vị thế cường quốc duy nhất trên thế giới, có đầy đủ khả năng giải thác tin tức tình báo qua hệ thống vệ tinh nhân tạo, mà các cường quốc khác không làm sao phối kiểm được. Mỹ trung bày chứng cứ để tăng cường biện pháp phong tỏa Irak, đồng thời đe dọa tái diễn cuộc hành quân trừng phạt "Sa Mạc".

Vào thời điểm này chính quyền Bush nguy tạo hình ảnh do vệ tinh cung cấp phình gạc Arabie Séoudite lúc đầu e ngại sau nghiêng hẳn về phe Mỹ. Nghi vấn đáng nêu lên đây là với tình hình kiệt quệ hiện hữu làm sao Bagdad có khả năng tấn công Kuwait? Thật sự thì Tổng Thống Clinton lợi dụng cuộc khủng hoảng giả tạo này, ngoài lý do nội bộ tạo thêm uy tín mong đạt thắng lợi trong cuộc bầu cử lưỡng viện vào tháng 11.94. Còn có mưu đồ ngăn chặn Irak phá hoại tiến trình hòa bình giữa Do Thái và Palestine, ngăn cấm Irak tung đầu thô ra thị trường

cạnh tranh giảm giá tạo khó khăn cho các vương quốc đồng minh, cuối cùng củng cố ưu thế tuyệt đối nơi vùng đất có tầm quan trọng chiến lược dầu hỏa. Thế theo thâm ý này, Mỹ cố duy trì chế độ độc tài Irak, tùy nghi tận dụng Hussein như một bù nhìn thực lợi để chứng minh sự có mặt thường xuyên của quân đội Mỹ ở vùng Vịnh, đặt để trước quân trang, quân dụng ngổ hầu mau chóng sử dụng đúng lúc nếu cần và quy mô buôn bán vũ khí trong năm đạt tổng số là 30 tỉ Mỹ kim.

Trong lúc Irak đang đứng trước ngưỡng cửa thế giới thứ 4 nghèo đói thì hòa bình đang lộ dạng ở Cận Đông. Tiếp theo bản Tuyên Ngôn thừa nhận lẫn nhau được ký kết tại Hoa Thịnh Đốn vào ngày 13.9.93, thì ngày 04.5.94 Do Thái giao trả quyền tự trị đầy đất Gaza và nội phận Jéricho cho Palestine. Sau đó Do Thái tiến thêm một bước nữa ký kết hiệp ước hòa bình với Jordanie và mật đàm với Syrie.

● Hội nghị 61 quốc gia Cận Đông và Bắc Phi

Qua sự trung gian của Maroc và sự đỡ đầu của Mỹ, hội nghị thượng đỉnh kinh tế giữa 61 quốc gia Cận Đông và Bắc Phi ngày 01.11.94 mang lại khá nhiều kết quả tốt đẹp. 1.114 giám đốc các xí nghiệp kỹ nghệ hiện diện trong buổi họp bắt tay vào việc soạn thảo kế hoạch tái thiết, mở mang vùng đất tan nát sau gần nửa thế kỷ tương tàn.

Thời gian cấp bách vì lò lửa chiến tranh vẫn còn âm ỉ cháy. Nhóm cực đoan Do Thái luôn luôn phản đối mọi thỏa hiệp với Palestine, nhóm cực đoan Hồi giáo cương quyết nuôi hy vọng thành lập nơi Thánh địa một quốc gia Palestine thuộc Hồi giáo. Do đó liên minh chiến lược giữa Do Thái và Palestine có tầm ý nghĩa vừa cần thiết vừa khẩn cấp trước tình thế này.

Để tìm hiểu nguyên nhân cuộc đảo chánh ngoạn mục quan trọng trong tương quan thế lực giữa Do Thái và khối Ả Rập, các nhà bình luận đưa ra những giả thuyết sau đây:

- Hậu cần Do Thái luôn ở trong tình trạng bất ổn, quân đội Do Thái từng bách chiến bách thắng trên chiến trường nay bó tay thúc thủ trước chiến thuật quấy nhiễu thường trực của phong trào Antifada do Palestine chủ xướng.

- Ngoài lãnh tụ Arafat ra, không còn ai có đủ uy tín đại diện cho Palestine trong cuộc đàm phán tay đôi với Do Thái tại Hoa Thịnh Đốn.

- Jérusalem mong muốn nhiệt tình sống chung hòa bình và đa số các quốc gia Ả Rập từ đây xem Do Thái là một thực thể không thể phủ nhận cho được.

- Áp lực của Mỹ muốn tháo gỡ ngòi nổ căng thẳng lỗi thời sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt.

- "Yếu tố Do Thái" trong sách lược của Mỹ đối đầu với Liên Xô ở Cận Đông và chủ nghĩa liên hiệp Ả Rập mang bản chất tận diệt Do Thái của cựu Tổng Thống Ai Cập Nasser không còn thể đứng trên bàn cờ chiến lược.



ÂU CHÂU

Cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng nhất kể từ đệ nhị thế chiến chấm dứt, bắt đầu từ năm 1990 kéo dài mãi đến nay, mang theo nhiều bất lợi đặt cựu lục địa trước một tình huống hết sức phức tạp.

• Bỉ & Áo

Cao trào kỳ thị người ngoại quốc đang lung lạc các thể chế từng có truyền thống dân chủ mẫu mực. Sau cuộc bầu cử ngày 09.10.94 tại Bỉ, đảng cực hữu nắm giữ đa số trong Hội đồng Quản hạt cảng Anvers, đồng thời tại Áo nhà hùng biện kỳ thị chủng tộc Joerg Haider chiếm được 22% tổng số phiếu qua cuộc bầu cử Quốc hội. Như thế cùng trong một ngày, hai huyền thoại mở ngõ vào lục địa Âu Châu là hải cảng lịch sử tiêu biểu Anvers nơi biển Bắc và Vienne cựu thủ đô miền Trung Âu bị đợt sóng cực đoan cuốn mất.

• Đức

Tuy đảng cực hữu thâm bại trong cuộc bầu cử Quốc hội Cộng Hòa Liên Bang Đức ngày 11.10.94, nhưng từ đây đa số các thể chế dân chủ Tây Âu muốn lo việc dân việc nước bắt buộc phải thỏa hiệp với các tổ chức chính trị cực đoan luôn luôn chống đối đường lối cởi mở hòa hợp khoan dung thể hiện qua một nền văn hóa đa dạng, một xã hội đa chủng tộc, một tín ngưỡng đa tôn giáo.

• Nam Tư

Chủ nghĩa quốc gia cực đoan, những mối hiểm khích lịch sử bấy lâu nay vẫn núp dưới chính thể độc tài khuynh tả bỗng nhiên xuất hiện trở lại. Điển hình là chiến tranh tại cựu Liên bang Nam Tư đã bùng nổ từ 32

tháng qua hiện đang tiếp diễn. Đây là hình thái chiến tranh "tẩy sạch chủng tộc" mang tính chất toàn diện, tàn sát luôn cả dân sự nam phụ lão ấu trước sự thờ ơ hoặc bất lực của cộng đồng thế giới. Tuy cố gắng vượt bực nhưng vì có nhiều dị biệt dai dẳng nên nhóm quốc gia "tiếp xúc" hòa giải gồm Nga, Mỹ, Anh, Pháp, Đức chưa tìm được một giải pháp hữu hiệu nào. Nga, Pháp, Anh ngầm ủng hộ Serbia, Đức nâng đỡ Croatie. Đức, Pháp lo ngại lửa cháy lan đến nhà mình. Nhóm quốc gia này đứng về một bên chọn giải pháp chính trị hòa đàm. Ngược lại Mỹ và nhóm quốc gia Hồi giáo, gồm:

Iran, Pakistan, Thổ Nhĩ Kỳ tán thành đường lối quân sự cứng rắn. Hội đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc đưa ra không biết bao nhiêu quyết nghị, Khối Bắc Đại Tây Dương hăm dọa, 4 lần cho phi cơ oanh tạc các cứ điểm Serbia. Tuy nhiên chiến tranh dần dà leo thang, đọi Serbia ra mặt thách thức thế giới.

Trong lúc các thể liên hoành hợp tung đang mưu đồ đại sự nơi hậu trường thì chiến tranh lan dần đến ngưỡng cửa Cộng Đồng Âu Châu.

• Đông Âu

Tại Đông Âu, đảng Cộng Sản cũ mang nhãn hiệu mới "xã hội canh tân" đang cầm quyền tại Hung Gia Lợi, được ví như cuộc luân phiên trị quốc giống như ở các quốc gia Tây Âu khác. Một số quốc gia như Ba Lan, Tiệp gặt hái nhiều thành công, từ thể chế độc tài chuyển sang thể chế dân chủ, có triển vọng ngày rất gần đây gia nhập Cộng Đồng Âu Châu. Ngược lại Lỗ Ma Ni, Bảo Gia Lợi, Albanie dưới sự dẫn dắt của các cựu lãnh tụ cộng sản tham quyền cố vị, đang lúng túng cựa quậy trong vòng hỗn độn.

• Nga

Nga đang phơi bày một sự thật hiển nhiên không thể chối cãi là chủ nghĩa cộng sản lưu lại nhiều tai hại đang gây nhiều nhưng tốt độ. Nơi quốc gia lớn nhất thế giới, người ta ghi nhận được tỷ lệ tội phạm tăng 197% trong vòng 9 năm, Mafia muốn giết ai thì giết mọi lúc mọi nơi. Điển hình như vào tháng 10.94, ký giả Dimitri Kholodov bị sát hại hai ngày trước khi ra điều trần tại Quốc hội nhiều vấn đề liên quan đến tệ đoan tham nhũng, buôn lậu vũ khí trong hàng ngũ quân đội qua đường dây từ Đông Đức sang Croatie. Vậy ai là kẻ chủ mưu vụ sát nhân này, ai là

ngư ông đắc lợi, Mafia hay chính quyền?

Tai tiếng như thế vẫn chưa đủ, môi trường sinh sống cũng góp phần tở về thêm nội tình đang bị thám cang bí thâm hơn. Nào là hàng trăm lò nguyên tử cũ kỹ vẫn còn hoạt động, phóng ra nhiều cụm mây phóng xạ trên bầu trời lan đến tận thủ đô Mạc Tư Khoa, nào là cơ sở kỹ nghệ lỗi thời thải hồi nhiều chất 6c-xy ni-tô, lưu huỳnh gây ô nhiễm trầm trọng.

Mặc khác biển Aral khô cạn dần, mực nước biển Caspienne ngày càng dâng cao do kế hoạch ngũ niên liên tục gây nên. Thêm một sự cố không kém phần nguy hiểm là từ tháng 2.94 tại miền Bắc Nga một khối lượng dầu thô từ 14.000 đến 300.000 tấn phá vỡ ống dẫn dầu rỉ mực, chảy lan tràn đến biển BARENTS, xuyên qua vùng đại thảo nguyên đến tận Bắc Cực. Sau tan giá tuyết, khối lượng dầu này theo thủy triều lên xuống dần dần gây ô nhiễm nơi các đại dương khác.

Từ mấy mươi năm nay, mãi bận tâm nhọc trí đối đầu với Liên Xô, khối Tây phương không chú tâm đúng mức đến tai ương, cho đến năm 1986 đứng vào lúc lò nguyên tử Tchernobyl nổ, mới thức tỉnh và hiện tại tự hỏi làm sao Nga có đủ nguồn tài chánh hàng tỷ Mỹ kim để đối phó với sự nhiễm độc môi trường sinh sống, trong lúc Mafia lộng hành vô vét tiền của chuyển ra nước ngoài.

Mỗi ngày thế giới nhận không biết bao nhiêu hung tin từ Nga. Kinh tế hỗn độn, chính trị rối loạn, con thuyền quốc gia đang trôi giạt theo dòng ảnh hưởng của các tổ chức phạm pháp. Khủng hoảng mới nổi tiếp khủng hoảng cũ, quốc gia mất cả mục tiêu, mất cả định hướng, các địa phận kinh thường chỉ thị trung ương, các nhà lãnh đạo thù địch nhiều âm mưu đen tối tranh chấp quyền hành. Làm sao không khỏi hoảng sợ trước viễn cảnh Nga sẽ lạc bước vào thế giới thứ ba kém mở mang, tạo lợi khí sắc bén cho kẻ độc tài nào đó tận dụng dẫn đưa dân Nga với 24.000 vũ khí hạt nhân vào một cuộc phiêu lưu quân sự tràn đầy hậu quả vô lường. Thế thì Tây phương có nên xét lại đường lối do dự giữa sự thần nhiên đầy nguy hiểm đối với dân tộc Nga vô vọng và sự đái ngộ ân cần mang tính cách phạm lỗi đối với điện Kremlin?

Á CHÂU

Á Châu là vùng đất có dân số đông nhất thế giới, nơi mà nhiều dị biệt, kỳ quặc, nghịch lý giữa giàu sang quá độ và bần cùng quá mức, những xung khắc chính trị có thể bất ngờ gây ra chiến tranh mà không ai có thể dự đoán cho được.

• Bắc Hàn

Tuy ký kết thỏa ước hạn chế phân triển nguyên tử với Mỹ vào ngày 21.10.94 tại Genève, nhưng Bắc Hàn vẫn còn là mối đe dọa hòa bình tại Châu Á. Đại Hàn và Nhật vẫn chưa trút bỏ hết hoài nghi liên quan đến điều khoản triển hạn 5 năm sau mới cho phép Nguyên Tử Lực Cục quốc tế thanh tra kiểm soát các cơ sở nguyên tử "đặc biệt" có công dụng quân sự của Bắc Hàn. Thế nhưng các quốc gia nêu trên đang nắm giữ lợi thế, sẽ lợi dụng nền kinh tế lụn bại, sự cô lập để ép buộc Bình Nhưỡng phải tôn trọng lời cam kết.

● Nhật

Tiếp theo Bắc Hàn chúng ta phải đề cập đến hai cường quốc Nhật và Trung Quốc, cả 2 cựu thù địch đang mang nhiều tính chất hoàn toàn khác biệt trên mọi phương diện. Đã từ lâu thế giới đánh giá Nhật như một khổng lồ kinh tế nhưng là một chú lùn chính trị. Trong thời gian gần đây, Nhật vận dụng mọi phương thức tạo uy tín như đóng góp nhiều nhất cho ngân sách Liên Hiệp Quốc, nắm quyền điều động đầu tư tại Á Châu nhất là Đông Nam Á. Áp dụng phương sách kẻ nào nắm quyền lực kinh tế kẻ ấy nắm ưu thế chính trị.

Ngày 27.9.94 Nhật chính thức đệ đơn xin một ghế thường trực tại Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc. Năm mươi năm sau đệ nhị thế chiến Nhật là cường quốc kinh tế số 2 trên thế giới, đang ráo riết tái vũ trang, sửa đổi Hiến Pháp ôm tham vọng đóng một trong những vai trò hàng đầu trên diễn đàn thế giới. Tuy nhiên lịch sử đã chứng minh, nói riêng về Nhật, quyền lực kinh tế dẫn dắt đến binh quyền binh lực tạo mối đe dọa đáng kể cho hòa bình tự do dân chủ.

● Trung Quốc

Trung Quốc biểu lộ nhiều mưu đồ hơn Nhật, nhưng Trung Quốc đang gặp rối rắm nội bộ thể hiện qua sự tranh chấp quyền hành kế vị Đặng Tiểu Bình.

Cơn lốc kinh tế thị trường đang gây đổi dời trật tự xã hội cùng lúc uy tín của đảng Cộng Sản Trung Quốc giảm dần đến mức độ báo động. Do đó Đại Hội Đảng lần thứ XIV kéo dài từ 25 đến 28.9.94 nhằm tìm mưu lược đối phó với tình hình trên. Phải mất 4 ngày quả núi lớn mới đề ra được một chuột tí. Đại hội thừa nhận tư bản đã và đang xâm nhập lung lạc chính thể, đảng tự kiểm thú nhận bộ máy cầm quyền đang tê liệt, lãnh đạo đang mất tín nhiệm. Vì vậy Đại Hội ra Quyết Nghị nhấn mạnh "Tập quyền dân chủ" là mẫu mực thuần lý, khoa học và kiến hiệu trên con đường cải tổ canh tân nền kinh tế, kiến tạo một xã hội mới. Tóm lại đảng mặc nhiên khẳng định chính thể độc đảng là chính thể

"lý tưởng", "đa đảng là một thực tế khách quan không cần thiết". Qua ngày 01.10.94, nhà cầm quyền tổ chức long trọng lễ kỷ niệm 45 năm thành lập Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc mang màu sắc quốc gia cực kỳ cực đoan. Trong buổi tiếp tân ngoại giao đoàn Lý Bằng tuyên bố bằng mọi giá Trung Quốc chống đối các âm mưu tách Đài Loan ra khỏi lục địa, tố cáo chính quyền Hồng Kông dù có làm gì đi chăng nữa, thì sau tháng 7.97, Hồng Kông khứ hồi về Trung Quốc theo điều kiện của chính thể cộng sản. Điều khôi hài là đảng bộ liên hoan cho đốt 60.000 pháo bông ngang bằng với số 60.000 người bị giam giữ trong hai tháng qua vì tội bất đồng chính kiến.

Tiếp theo vào ngày 02.11.94 đảng cộng sản Trung Quốc phát hành, quảng cáo rầm rộ toàn bộ văn phẩm của Đặng Tiểu Bình, gồm 3 quyển, trong đó tiểu luận về chỉ trích Mao Trạch Đông phạm nhiều sai lầm, vì đặt phong trào đấu tranh giai cấp lên hàng đầu mà xao lãng phát triển kinh tế. Đặng Tiểu Bình còn phê phán chủ nghĩa Mác Lê đã lỗi thời trước trào lưu tiến hóa hiện tại. Đại thể toàn bộ văn phẩm được đảng rêu rao như một di chúc chính trị. Cứ theo di chúc này đảng vẫn nắm độc quyền cai trị, áp dụng phương châm kinh tế "xã hội" thị trường, tăng cường vũ trang để hỗ trợ bành trướng thế lực, tranh chấp lãnh thổ, uy hiếp các quốc gia yếu thế lân cận, để cuối cùng dựa vào sự có mặt khiêm nhường của quân lực Mỹ tại Á Châu, mong làm bá chủ địa phương. Được tôn vinh như một nhà kiến tạo tài ba chính sách canh tân cõi mở, từ đây họ Đặng sẽ yên giấc vĩnh viễn như một hoàng đế. Điều rơi rớt lại là những vụ kinh tài của hai con Đặng Tiểu Bình, mầm mống của sự ăn oản giang hồ sau này.

Trước sau Trung Quốc vẫn theo chiến lược cũ, nhưng mới gần đây Trung Quốc áp dụng chiến thuật mới tinh vi hơn, vừa ăn cần vừa gây chia rẽ để thống trị, vừa tạo uy tín trên trường chính trị thế giới. Trong cuộc họp thượng đỉnh diễn đàn hợp tác kinh tế vùng Á Châu Thái Bình Dương ngày 15.11.94, đang ủng hộ lập trường của Mã Lai Á chống lại Nam Dương và Mỹ liên quan đến lịch trình thành lập vùng tự do mậu dịch, bãi bỏ hàng rào thuế quan trẻ nhất là vào năm 2020. Trung Quốc trở mặt hỗ trợ Mỹ, hy vọng Mỹ trả lễ giúp đỡ Trung Quốc gia nhập tổ chức thương mại thế giới có hiệu lực từ tháng giêng năm 1995. Vừa lung lạc sự đoàn kết của Hiệp Hội các quốc gia Đông Nam Á, vừa ve vãn trấn an.

Chủ Tịch Trung Quốc Jiang Zemin (Giang Trạch Dân) thực hiện cuộc viếng thăm Mã Lai Á, Tân Gia Ba, Nam Dương và cuối cùng Việt Nam. Cuộc công du này kéo dài trong hai

tuần không khỏi gợi lên bao nhiêu ngờ vực về khuynh hướng cố hữu của Trung Quốc ngồi trên ngai vàng cường ép các chư hầu phải tuân theo điều kiện của mình mà không kể chi đến quy ước quốc tế.

Đến Việt Nam, Jiang Zemin bày tỏ "thiện ý" cùng Hà Nội tìm cách giải quyết êm đẹp sự tranh chấp chủ quyền lãnh thổ nơi biên giới và vùng Nam Hải. Tuy nhiên đôi bên vẫn không thể nào xóa bỏ hết mọi ty hiềm lịch sử có từ mấy ngàn năm qua. Nhân dịp gặp đại diện nhóm Hoa kiều tại Chợ Lớn, Chủ Tịch Trung Quốc buông lời hứa hẹn không bao giờ dùng khối Hoa kiều hải ngoại để khuyếch đảo các chính quyền sở tại. Thế nhưng bài học kinh nghiệm rành rành còn đó. Mọi người vẫn còn nhớ vào năm 1963, vị Chủ Tịch tiền nhiệm Lưu Thiếu Kỳ cũng thực hiện chuyến thăm viếng vùng Đông Nam Á, cũng hứa hẹn đủ điều. Nhưng 3 năm sau các chuyên viên phá hoại khủng bố Trung Quốc thay thế các nhà ngoại giao chuyên nghiệp xách động khối Hoa kiều ở Nam Dương, tổ chức đảo chính dự mưu lật đổ nhưng không thành chính quyền SUKARNO vào ngày 30.9.65, với kết quả là hơn 100.000 người bị giết hại. Như thế trong việc này cũng như trong tất cả các việc khác, đừng bao giờ tin điều gì Trung Quốc nói mà nên tin điều gì Trung Quốc làm.

● Việt Nam

Việt Nam đang có trong tay tài nguyên khá phong phú. Vào ngày 10.8.94 công ty dầu khí Mã Lai Á Petronas Carigali loan tin khám phá một giếng dầu có phẩm chất tốt cách Vũng Tàu 155 hải lý, đợt đầu có thể sản xuất mỗi ngày 3.000 thùng, đồng thời công ty Na Uy Statoil phát hiện một lớp khí đốt khoảng 60 tỷ thước khối cách bờ biển Việt Nam 350 hải lý. Tuy nhiên trở ngại nan giải nhất là Trung Quốc luôn luôn chực chờ đặt vấn đề chủ quyền lãnh thổ của Bắc Kinh gồm 80% vùng Nam Hải. Cuộc tranh chấp xảy ra một cách quyết liệt vào cuộc họp thường niên của Hiệp Hội các Quốc Gia Đông Nam Á vào tháng 7.94, kéo dài đến tháng 10.94 mà không mang lại kết quả cụ thể nào. Là quốc gia xuất cảng mỗi năm 20 triệu tấn gạo, đứng hàng thứ ba trên thế giới sau Mỹ và Thái Lan, Việt Nam còn hưởng được tổng số vốn đầu tư là 10 tỷ Mỹ kim, đạt tỷ lệ phát triển 8,5% trong kỳ đệ nhất lục cá nguyệt 94, chặn đứng lạm phát từ 775% năm 1986 xuống còn 10%, có triển vọng chẳng những thoát khỏi ách nghèo đói mà còn bắt kịp các quốc gia khác. Nhưng huy chương nào cũng có mặt trái.

Sau 8 tháng thoát khỏi lệnh cấm vận, 6 năm sau ứng dụng sách lược kinh tế

xã hội thị trường, Việt Nam vẫn còn là vùng đất chừa chưa đầy mâu thuẫn. Bàn cùng lan rộng, đa số người dân làm vào cảnh suy dinh dưỡng kinh niên, y tế lạc hậu, giáo dục lỗi thời, lạm chi xuất nhập, xuất 26%, nhập 30,6%, ngân sách thiếu hụt. Đã thế còn 1 triệu du khách gây không ít tai hại đến hệ thống môi sinh, rối loạn trật tự, tệ đoan xã hội.

Phát triển cấp bách không những càng đào sâu hố chia cách giàu nghèo, lại còn tăng thêm tương phản giữa miền Nam hiếu động tràn đầy nhựa sống và miền Bắc mệt mỏi lẻo đẻo theo sau. Thế nên dù phải đôi chút kèm hãm phát triển, xúc tiến quân bình mở mang phải chăng là việc làm quan trọng? Cuối cùng vấn đề then chốt đáng được nêu lên cho mọi người biết là cứu cánh của sự mở mang, mục đích của sự phát triển. Mở mang để làm gì, phát triển cho ai hưởng?

Năm 1994 bắt đầu trong hy vọng và chầm dứt trong thất vọng. Chúng ta thất vọng chứ không vô vọng, vì chúng ta biết trước sau gì rồi các nhà lãnh đạo thế giới sẽ tích cực tìm lối thoát, không thể ngồi yên mà nhìn thế cuộc. Ngoài tia sáng le lói ở cuối đường hầm.

ĐOẠN KẾT

Nam Phi và Cận Đông, có thêm sự tình nào tốt đẹp để chúng ta vui mừng đón nhận.

Tại Phi Châu nội chiến diệt chủng đang tiếp diễn, có chiều hướng lan rộng sang các nước kế cận. Cao trào tôn giáo cực đoan đượm nhiều màu sắc chính trị đang lũng đoạn chính thể Algérie, Soudan, Ai Cập; nội chiến tranh chấp quyền hành tại Angola, Somalie đang đi đến mức độ cực kỳ tàn bạo.

Từ chiến tranh cực bộ, chiến tranh Nam Tư có thể lan rộng mà ngòi nổ là Sarajevo giống như thời đệ nhất thế chiến. Nói chung chiến tranh Nam Tư được xem như một cuộc lỗi hẹn giữa khối Âu Châu mang nhiều hy vọng từ lúc bức tường Bá Linh sụp đổ với những thách đố lịch sử, một ước hẹn không thành giữa một cộng đồng cởi mở với chủ nghĩa quốc gia cực đoan cố chấp.

Nói chi đến nước Nga, thời thì đủ điều nan giải, nhiều đám mây đen đang quy tụ trên vòm trời đất nước Nga như báo hiệu còn bão tố sắp thổi đến. Mọi người đều e ngại nếu Nga phiêu giạt đến thế giới thứ ba thì độc tài tái xuất bành trướng, đế quốc hồi sinh như thuở thời đại quân chủ. Thế nhưng mọi người đều đồng ý thà chấp nhận hỗn độn hiện hữu còn hơn sống sau bức màn sắt.

Mỹ trở lại chủ trương chính sách biệt lập Monroe, ưu tiên đặt mục tiêu kinh

tế lên hàng đầu, mặc nhiên bỏ lại trên đường đi vấn đề nhân quyền.

Tình hình Á Châu cũng không sáng sủa gì cho lắm.

Cuộc tranh chấp lãnh thổ Cachemire giữa Ấn Độ và Pakistan kéo dài từ năm 1948 đến nay chưa ngã ngũ ra sao, trong lúc đôi bên đều có vũ khí nguyên tử.

Bắc Hàn với kế hoạch vũ trang hạt nhân vẫn còn là một bí ẩn lớn.

Nhật đang thực thi đường lối ngoại giao tích cực nôn nóng nhảy vào đài chính trị thế giới.

Trung Quốc vẫn không từ bỏ mộng bành trướng đế quốc. Có thể trong tương lai chúng ta sẽ chứng kiến cảnh tượng "Long Hồ Tranh Hùng", một bên dùng tiềm lực quân sự, một bên dùng thế lực kinh tế tranh giành ưu thế trên mặt trận thị trường.

Việt Nam vẫn theo chính sách "chuyên chế chính trị, dân chủ thị trường" tuy đạt khá nhiều thành quả về mặt kinh tế, nhưng đang phơi bày khủng hoảng về mặt xã hội, đạo đức và hình như chính trị nữa.

Khối tư bản đang đánh giá Viễn Đông như một "tân thế giới", là nguồn động

lực phát triển toàn cầu. Nhóm quốc gia vùng Viễn Đông, ngoại trừ các thể chế độc tài khuynh tả, mang truyền thống đạo đức và kỷ luật đối chọi với tự do cá nhân thái quá, với chủ nghĩa hưởng thụ theo chủ quan thị hiếu, mang ý thức cộng đồng thoát thai từ giáo lý Khổng Mạnh đối kháng với chủ nghĩa cá nhân vị kỷ, mang thế kỷ thứ 21 đối chiếu thách thức thế kỷ thứ 20. Sau chu kỳ văn minh cực thịnh, sau thời kỳ suy thoái đình trệ cho đến thập niên 60, Á Châu nói chung, Viễn Đông nói riêng đang vùn vời lại giá trị chân lý cổ truyền, tìm cho mình một hướng đi riêng biệt, một thế đứng trên thế giới. Tuy nhiên tương lai của Viễn Đông sẽ rực rỡ chỉ khi nào các nhà lãnh đạo biết thừa nhận chủ nghĩa cộng sản là lỗi thời, được một nhà văn Tây Phương đi dòm mò tả như "một sự cần thai bệnh hoạn ngoài ý muốn, chỉ sinh ra toàn là mây gió", chính thể độc đoán khuynh tả thực thi nghiêm chỉnh chính sách đa đảng, chấp nhận đối lập chân chính thực lợi và các quyền tự do căn bản.

THUYỀN NHÂN VIỆT NAM TẠI HỒNG KÔNG

Lang Nghi

Một chiếc máy bay dành riêng cho việc chở thuyền nhân Việt Nam về nước, tuần rồi trong lúc tái cất cánh đã bị rơi tại phi trường Kaitak ở Hồng Kông, trong số 12 người trong phi hành đoàn ít ra 5 người mất tích, 2 người bị tử thương, đây là chuyến đầu tiên sau khi chính phủ Hồng Kông cho tái lập hành động cưỡng bách hồi hương, tai nạn này đã để lại một dấu tích bị kịch cho hành động lần này.

Nhưng thật ra thương tích của bị kịch đã từ lâu in đậm trong trại tỵ nạn. Tuần rồi chính phủ Hồng Kông cho tái lập chương trình cưỡng bách hồi hương thuyền nhân Việt Nam, đưa đi nhóm thuyền nhân thứ 17, đồng thời còn cho biết sẽ tiếp tục hành động này, nhưng cũng gây nên nhiều sự chống đối. Lần này chính quyền đã động viên 700 người bao gồm nhân viên cảnh sát, sở trưng giáo, sở cứu hỏa, đưa 82 người Việt từ trung tâm câu lưu Manyi đến trại tù Victoria, để sau đó đưa về nước. Thuyền nhân đã leo lên nóc nhà, 11 người đã lấy dây đai quần cố lại thành một chuỗi chống lại việc cưỡng bách hồi hương, rất nhiều thuyền nhân đã tự lại biểu tình, thuyền nhân học sinh đụng độ với nhân viên sở trưng giáo. Cảnh sát

đã xử dụng hơi cay, sau cùng đã dùng cầu thang điện di động đeo lên nóc nhà mới bắt hết tất cả những người. Trong hai ngày hành động hai bên có 135 người bị thương.

Đầu tháng Tư năm nay, để thuyền chuyển 1500 thuyền nhân, chính phủ Hồng Kông đã động viên 1300 nhân viên trưng giáo, bắn 485 trái đạn hơi cay, gây nên "vụ trại baksek" trong đó nhiều thuyền nhân đã bị thương, chính quyền đã bị chỉ trích kịch liệt, lý do gây nên vụ này là thuyền nhân lo sợ bị cưỡng bách hồi hương. Số thuyền nhân bị cưỡng bách hồi hương lần này là những người trong "vụ trại Baksek". Để cho công việc tiến hành êm đẹp, chính quyền đã loại ra những lãnh tụ thuyền nhân và những người bị thương.

Phạm Bá Hiến, nguyên là lãnh tụ dân tỵ nạn ở trại Baksek nói: "Có một số người nếu bị đưa về Việt Nam sẽ bị cầm tù, số người này thà chết ở Hồng Kông, cho nên họ chống đối bằng cách tự tử" trước khi hành động cưỡng bách hồi hương, cũng có một số thuyền nhân cá biệt đã cho biết, họ chuẩn bị chống đối đến cuối cùng bằng cách tuyệt thực thậm chí tự tử. Có thể nói việc cưỡng bách hồi hương

đã chôn ngòi cho "trái bom thuyền nhân", trái bom này đã ngấm ngấm ở Hồng Kông 15 năm.

Cuối thập niên 70, một số lượng lớn thuyền nhân Việt Nam bắt đầu vượt qua trùng dương. Trong số năm mươi mấy ngàn người Việt hiện còn kẹt lại ở các trại tỵ nạn Đông Nam Á, hơn phân nửa tập trung ở Hồng Kông. Trong khoảng thời gian này chánh sách của chính phủ Hồng Kông đã trải qua mấy giai đoạn. Từ lúc bắt đầu đến năm 82, tất cả thuyền nhân Việt Nam đều được thừa nhận là dân tỵ nạn, vừa đặt chân đến Hồng Kông là được đưa vào trại tự do, chờ đợi được đưa đi định cư ở đệ tam quốc gia, đồng thời họ cũng được phép tìm việc làm ở Hồng Kông.

Giai đoạn thứ hai từ năm 82 đến năm 88, để ngăn chặn làn sóng thuyền nhân đến Hồng Kông, chính phủ đã giam giữ tất cả dân tỵ nạn ở trại cấm, đồng thời cấm họ làm việc ở ngoài (bao gồm công việc tình nguyện không lương). Trong thời kỳ này tốc độ định cư của dân tỵ nạn đã bắt đầu suy giảm.

Tháng 6 năm 1988, chính phủ Hồng Kông cho ban hành chính sách mới: thuyền nhân Việt Nam đến Hồng Kông sẽ bị tự động xem là di dân bất hợp pháp, và bị đưa vào trung tâm câu lưu (trại cấm), cũng không được đi làm. Những người được thừa nhận là dân tỵ nạn sau khi thanh lọc mới được rời khỏi trại cấm và dọn đến trung tâm lý cảng (trại tự do), từ đó trực tiếp hoặc gián tiếp (qua trại chuyển tiếp ở Phi Luật Tân) đi định cư ở đệ tam quốc gia. Những người còn lại đều phải về Việt Nam.

Có khoảng 37.000 thuyền nhân đến Hồng Kông sau khi ban hành chánh sách thanh lọc, thời gian chờ đợi thanh lọc cần 3, 4 năm. Kể từ chuyến máy bay cưỡng bách hồi hương đầu tiên đến chuyến máy bay tái lập chương trình cưỡng bách hồi tuần rồi, 3 năm nay, chỉ có 16 chuyến bay chở đi 850 thuyền nhân. Nhưng có gần 30.000 người tự động xin hồi hương.

Hiện nay việc thanh lọc coi như đã chấm dứt, ở 5 trung tâm câu lưu hiện có khoảng 25.000 thuyền nhân, họ là những người đến sau tháng 6 năm 88 và những đứa con sanh ở Hồng Kông của họ. Tháng 4 năm nay Hội Ân Xá Quốc Tế đã tố cáo chính sách giam giữ vô điều kiện thuyền nhân (người tỵ nạn chính trị) của chính phủ Hồng Kông.

Ông Brayhon, người phụ trách về vấn đề dân tỵ nạn của chính phủ Hồng Kông nói: "Đến năm 88, chúng tôi đã thấy rõ, trong số những người di dân có rất nhiều người không phải là dân tỵ nạn chính trị mà là di dân kinh tế. Người dân Bắc Việt đứng ra ít chịu sự đàn áp về phương diện chính trị so với người dân miền Nam, Hồng Kông lại là một hải cảng duy nhất thu nhận

người Bắc. Chúng ta cần phải thi hành chính sách thanh lọc".

Quá trình thanh lọc chia làm 2 giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất do viên chức Sở Di Dân nói chuyện với thuyền nhân, nếu bị phủ quyết, thuyền nhân có thể chống án và tiến hành giai đoạn thứ hai. Nói theo tiếng lóng trong nghề, việc phủ quyết của giai đoạn thứ nhất gọi là "cánh gà thứ nhất (First Chicken Wing)", việc phủ quyết của giai đoạn chống án gọi là "cánh gà thứ hai". Theo quyết định của thỏa hiệp quốc tế, những người bị loại ra khỏi quá trình thanh lọc, hội đủ hai cánh gà, nhất định phải bay về Việt Nam.

Kể từ tháng 6 năm 88 bắt đầu chánh sách thanh lọc đến nay, đa số những thuyền nhân bị khước từ lý do tỵ nạn chính trị đều đã tình nguyện trở về Việt Nam rồi. Từ năm 89 đến tháng 7 năm nay, số người tình nguyện trở về lên đến 43.000, chỉ trong năm nay có hơn 4.000 người.

Phạm nói: "Cho nên số người còn ở lại Hồng Kông hiện nay càng có thể là dân tỵ nạn chân chính". Bản thân Phạm đã bị chính phủ Hồng Kông phủ quyết hai lần quyền tỵ nạn chính trị, sau cùng dưới sự cứu xét độc lập của Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc mới được thừa nhận là dân tỵ nạn. Phạm và bà vợ và hai đứa con hiện ở Trung Tâm Ly Cảng ở Kowloon Bay chờ đợi đi định cư ở đệ tam quốc gia.

Thật ra những người Việt hiện ở Hồng Kông có bao nhiêu người là dân tỵ nạn thật, có đầy đủ lý do lo sợ sẽ bị đàn áp sau khi bị cưỡng bách hồi hương? Chủ tịch "Nhóm quan tâm dân tỵ nạn", luật sư Berkeline nói: "Trong số đó một người cầm hộ chiếu Đài Loan, một người khác sinh ở Trung Quốc. Chính Phủ Việt Nam từ chối nhận họ, tại sao họ còn ở trên danh sách?", Berkeline cho rằng cần phải tái cứu xét hồ sơ: "Chúng tôi có thể cung cấp dịch vụ luật sư tình nguyện, việc này có thể hoàn tất trong vòng một năm". Phạm cũng đồng ý rằng: "Quá trình thanh lọc hiện nay rất không công bằng, chỉ có 10% thuyền nhân được xem là dân tỵ nạn, kết quả là dân tỵ nạn thực sự không được thừa nhận. Tái cứu xét có thể tìm ra những người này. Nếu việc thanh lọc là công bằng, dù cho bị khước từ một lần nữa họ cũng cam tâm chấp nhận".

Nhưng dưới con mắt của chính phủ Hồng Kông và Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc, những người không chấp nhận cưỡng bách hồi hương đều là di dân kinh tế phi pháp. Để khuyến khích cho việc tình nguyện hồi hương, chính quyền cũng chủ yếu sử dụng thủ đoạn kinh tế. Trước đó chính phủ Hồng Kông đã tuyên bố, những thuyền nhân Việt Nam tình nguyện hồi hương trước cuối năm nay, ngoài 240 đô-la do Cao Ủy trợ cấp mỗi người còn được lãnh thêm 150 đô-la tiền trợ

cấp đặc biệt. Phạm cho biết, thủ đoạn này đã được sử dụng ở đầu năm nay, lần đó giảm tiền trợ cấp từ 360 đô xuống 240 đô, mục đích là để cho thuyền nhân thiếu thốn về mặt kinh tế, càng xin về lẹ. Phạm nói: "Họ không hiểu là những người lấy tiền đều đã đi rồi".

Ông Barleyhon của chính phủ Hồng Kông nói tin tức cho rằng việc thanh lọc có mức ấn định là 10% là thất thiệt, ông ta cho rằng, đứng về phía chính phủ Hồng Kông, càng thừa nhận cho nhiều người Việt quyền tỵ nạn chính trị rồi đưa họ đi đệ tam quốc gia, là một việc làm đơn giản hơn, cho nên không có vấn đề mức giới hạn. Barleyhon cho rằng quá trình thanh lọc không có khuyết điểm căn bản, cho nên chính phủ Hồng Kông và Liên Hiệp Quốc tuyệt đối không có ý định tái cứu xét hồ sơ.

Về việc "nhóm quan tâm dân tỵ nạn" và lãnh tụ thuyền nhân chỉ trích quá trình chống án trong việc thanh lọc không công bằng, Barleyhon nói: "Luật sư do Liên Hiệp Quốc mướn có đúng là chỉ đại diện cho khoảng 20% thuyền nhân đệ đơn xin chống án, nhưng đây là phán đoán của họ khi cứu xét hồ sơ phủ quyết của sở di dân, chứ không có vụ có mức ấn định".

Viên chức chính quyền thường sử dụng chữ tiếng Anh hardcore (hết cứng) để mô tả thuyền nhân hiện còn ở Hồng Kông, vì sự khuyến khích tái chánh cũng không thể làm họ thay đổi quyết tâm. Hai năm nay, để thuyết phục thuyền nhân an tâm trở về Việt Nam, Cao Ủy đã tổ chức nhiều buổi thuyết trình ở các trung tâm câu lưu, cho thuyền nhân biết là việc hồi hương sẽ không có nguy hại đến an toàn cá nhân.

Buổi thuyết trình bao gồm trưng bày những báo chí Việt Nam và hải ngoại, chiếu phim video, nói chuyện v.v... nhưng kết quả không gì khả quan. Người phụ trách hoạt động này cho biết: "Bị giam trong trại cấm nhiều năm, nhiều người đã mất đi khả năng phán xét bình thường, còn vấn đề là nhiều người cho rằng bỏ tiền ra đi nhưng lại trở về tay không là mất mặt".

Barleyhon cho rằng điều kiện sinh sống ở trong trại thuyền nhân là một lý do khiến họ không muốn đi: "Sinh hoạt trong trại thuyền nhân quá sung sướng, có cơm ăn, có cơ sở y tế, có trường học, tất cả trẻ con đều sanh ở trong nhà thương, những đứa bé bị bệnh tiểu đường nếu sanh ở miền quê Việt Nam đều đã chết từ lâu rồi". Barleyhon cho rằng thuyền nhân không ham muốn tự do như người Tây phương: "Tự do có lẽ chỉ có ý nghĩa đối với người đã ăn no. Người Tây phương cho rằng việc bị giam cầm chung với người nhà là một việc khủng khiếp. Nhưng trong 5 trung tâm câu lưu ở Hồng Kông, mỗi tháng trong năm vừa rồi đều có 100 đứa trẻ ra đời, năm nay

đã có hơn 400 đứa trẻ sơ sinh. Nhiều gia đình bị giam đến 4, 5 năm, đứa trẻ 5 tuổi không biết hoa, chim, cây cối là gì. Nhưng họ cũng không muốn trở về".

Nhìn từ góc độ của thuyền nhân, lại có một cái cảm nghĩ khác. Phạm và ba vợ, con gái 9 tuổi, con trai 7 tuổi, 4 người từ lâu sống trên hai cái giường, ngoài việc đi ngủ, tất cả đồ đạc trong gia đình đều chồng chất trên đó, chật hẹp vô cùng.

Hội Tin Lành ở trại Baksek và Manyi đều có mở cửa hàng, ngoài trừ cấm bán dao và rượu, cửa hàng có bán bút, giấy, thức ăn, trà, còn có cả mùng nữa, tại sao lại phải bán mùng? Một câu chuyện nhỏ của nhân viên làm việc trong cửa hàng Adam đã cho thấy một cách sống động về điều kiện sinh hoạt trong trại.

Adam nói: "Có một nhà thương phát hiện ra có rất nhiều trẻ em bị thương về đầu xin điều trị, sau khi điều tra họ khám phá ra rằng, thì ra những đứa trẻ này đều ngủ ở trên tầng cao nhất của giường 3 tầng, bị rớt từ trên cao 2 mét xuống nền xi-măng, đương nhiên là bị thương ở đầu. Tại sao trẻ em lại ngủ ở trên cao như vậy? Bởi vì trong trung tâm câu lưu có quá nhiều muỗi, ngủ ở tầng dưới bị muỗi cắn quá, khó ngủ". Đây là lý do bán mùng. Thành ra Phạm nói: "Để không trở về Việt Nam, mỗi ngày thuyền nhân đều phải trả một giá rất cao".

Có hơn một nguồn tin cho thấy, điều kiện sinh hoạt trong các trung tâm câu lưu đã sa sút rất nhiều so với những năm trước, đây là một trong những thủ đoạn của chính phủ Hồng Kông và Cao Ủy để ép buộc thuyền nhân tự nguyện trở về Việt Nam. Vài nhân viên của các đoàn thể thiện nguyện trong trại đã nói: "Liên Hiệp Quốc không muốn thuyền nhân cảm thấy yên ổn".

Thí dụ như tại trại Taiya, đây là một trại do một cơ sở không vụ lợi phụ trách quản lý, điều kiện sinh sống trong trại này tốt nhất trong số 5 trung tâm câu lưu. Để không tái diễn những vụ bạo lực xảy ra trong những năm 80, trại Taiya áp dụng một phương pháp quản lý như vậy: cho thuyền nhân một hoàn cảnh sinh hoạt thoải mái, cho họ công ăn việc làm. Cho nên những bức tường xung quanh trại được sơn màu xanh lá cây thay vì màu xám như các trại tù, gỡ đi hàng rào kẽm gai, đồng thời cho mời những đầu bếp của nhà hàng Orient đến huấn luyện thuyền nhân trở thành đầu bếp làm bánh, ngoài ra còn lập thêm trại nuôi gà, vịt. Nhưng sau khi thay đổi chánh sách, những cơ hội làm việc như vậy cũng giảm bớt đi, trại gà cũng bị đóng cửa.

Hội Tin Lành có mở một xưởng thủ công nghệ để cung cấp một số việc với tiền lương thật thấp cho thuyền nhân. Chủ tịch của hội Tin Lành, Chang nói: "Theo quy định, mỗi tháng tối đa

kiếm khoảng 180 đô-la Hồng Kông, tương đương với tiền lương của tù nhân trong trại tù Hồng Kông mấy năm về trước". Năm ngoái theo chỉ thị của Liên Hiệp Quốc, những cơ hội làm việc như vậy cũng bị giảm đi 90%.

Hội Tin Lành còn tổ chức những lớp dạy về computer, cắt may, hướng dẫn du lịch, kỹ thuật văn phòng, hầu giúp cho thuyền nhân xây dựng lòng tự tin, để cho họ có thể tái lập một cuộc sống mới sau khi trở về Việt Nam. Sau 15 tháng 8, trung tâm câu lưu cho đóng cửa những khóa học như vậy, bởi vì Liên Hiệp Quốc cho rằng những khóa học này cần phải dành riêng cho những người tình nguyện hồi hương. Cho nên hội Tin Lành đã dời tất cả những khóa học này đến 2 "trung tâm hồi hương" của trại Baksek. Ngoài trừ những người đang chờ đợi trở về Việt Nam ở các "trung tâm hồi hương", và những người chờ đợi đi định cư đệ tam quốc gia ở các "trung tâm ly cảng", Hồng Kông còn có khoảng 1600 dân "tỵ nạn" khác ở trại Monghausek, họ là những thuyền nhân đến trước khi có chính sách thanh lọc năm 88, họ tự động được quyền tỵ nạn. Lý do khiến họ còn ở lại Hồng Kông là: có can án, là dân ghiền ma túy hoặc có vấn đề sức khỏe, không có quốc gia nào chịu nhận họ.

Nhóm "dân tỵ nạn" này có thể ra ngoài làm việc hoặc buôn bán. Nhân viên quản lý trại Monghausek cho biết là rất nhiều người đã tìm được chỗ ngủ ở ngoài, không trở về trại buổi tối. Mặc dù theo "Công ước Liên Hiệp Quốc năm 1951" những người này cần phải được bảo vệ, nhưng chính phủ Hồng Kông cũng dự tính đưa họ trở về Việt Nam. Barleyhon nói: "Tuy rằng chính phủ Anh có ký vào Công Ước, nhưng không áp dụng được cho Hồng Kông. Nếu đệ tam quốc gia không nói lòng quy định, chúng tôi bắt buộc phải trung cầu sự đồng ý của hiệp nghị quốc tế và chính phủ Việt Nam, đưa họ trở về nước".

Bất cứ bằng cách nào đưa thuyền nhân hồi hương trước tiên đều phải được sự đồng ý của chính phủ Việt Nam. Những người tình nguyện về nước cần phải gặp đại diện của chính phủ Việt Nam, sau khi được chấp thuận mới được lên máy bay. Bà Berkeline của "nhóm quan tâm dân tỵ nạn" nói: "Chính phủ Việt Nam từ chối những người sanh ở nước ngoài như người Campuchia, New Caledonia v.v...". Nhưng chính phủ Hồng Kông và Cao Ủy đều không thừa nhận là chính phủ Việt Nam đã từng "từ chối" bất cứ ai, chỉ nói là "trong tình trạng chưa quyết định". Nhưng sau khi tái lập chương trình cưỡng bách hồi hương, sự từ chối hoặc chấp nhận của chính phủ Việt Nam đã trở thành một vấn đề không thể né tránh.

Ngoài sự phối hợp của chính phủ Việt Nam, chính phủ Hồng Kông còn phải có một lý do thích đáng, bởi vì trên

phương diện tài chánh (một chuyến bay chở 60 người cưỡng bách hồi hương cần khoảng 130.000 đô-la Mỹ) hoặc trên phương diện tiếng tăm quốc tế, việc cưỡng bách hồi hương đều phải trả một giá thật cao. Brayhon nói: "Việc cưỡng bách hồi hương từ trước đến giờ cũng không phải là một biện pháp tốt đẹp. Nhưng nhờ vậy chúng tôi có thể cho thuyền nhân biết: nếu họ không tình nguyện trở về, chúng tôi bắt buộc họ đi về".

Braynon còn cho biết: "Từ năm 79 đến nay, chính phủ Hồng Kông đã tốn cho thuyền nhân 6 tỉ đô-la Hồng Kông, con số này chưa tính 100 triệu đô-la Mỹ mà Cao Ủy thiếu. Đây là một gánh nặng tài chánh quá lớn, ngoài ra trong năm ngoái có 37000 dân nhập cảnh phi pháp từ Hoa lục bị bắt ở Hồng Kông, tất cả những người này đều bị đưa về trong vòng 3 ngày. So với tình trạng như vậy, người dân Hồng Kông cảm thấy chấp nhận thuyền nhân Việt Nam là không công bằng".

Luật sư Berkeline lại nói một cách khác: "Người Hồng Kông hiểu lầm thuyền nhân, thuyền nhân sợ nhất là cộng sản, năm 97 gần kề, dĩ nhiên họ không muốn ở lại Hồng Kông. Tôi muốn người Hồng Kông nhớ rằng bản thân họ hoặc cha mẹ họ đã từng là dân tỵ nạn".

Nhưng việc hồi hương thuyền nhân Việt Nam không phải chỉ do người Hồng Kông đơn phương quyết định, đóng cửa toàn bộ những trại thuyền nhân ở Á Châu là một quyết định có tính cách quốc tế. Adam, người đã làm công tác dân tỵ nạn ở Hồng Kông 6 năm, đã chứng kiến sự thương hại thuyền nhân của dư luận quốc tế và địa phương càng ngày càng suy giảm, Adam nói: "Hội nghị quốc tế đã quyết định giải quyết vấn đề thuyền nhân trong vòng cuối năm 88, các tổ chức thiện nguyện đều sắp sửa rời khỏi Hồng Kông". Tuy chính phủ Hồng Kông vẫn chưa ấn định một thời gian cụ thể để đóng cửa các trung tâm câu lưu, nhưng Barleyhon cho biết: "Chúng tôi đặt mục tiêu là cuối năm 95 đầu năm 96".

Từ lâu, thuyền nhân Việt Nam đã trở thành một gánh nặng cho Hồng Kông. Lần này số người bị cưỡng bách hồi hương không tới 70 người, số thuyền nhân còn ở lại Hồng Kông hơn gấp con số này 360 lần.

Đây cũng là một bi kịch cho bản thân thuyền nhân và những đứa bé sanh ra trong trại cấm, những đứa bé này không biết động vật nào ngoại trừ chuột và rệp. Sự chống đối giữa chính phủ Hồng Kông và thuyền nhân càng ngày càng gắt gao, trừ phi hai bên chấp nhận nhượng bộ, câu chuyện lịch sử kéo dài hơn 15 năm nay khó có một kết cuộc hòa bình.

(Viết theo Asiaweek số 2 - 10/94)

Lang Oai : Via Matteotti 9,
40050 Fumo BO, ITALY

QUYỀN TỶ NẠN, QUYỀN KHÔNG BỊ TRỤC XUẤT

Bài của Trần Hữu Lộc

PD Luckman Thiện Hữu
Reinsburgstr. 166, 70197 Stuttgart.
ĐT. 0711-6599513
ĐT. ô tô và cầm tay 0172 8106 883

Lời nói đầu : Trong thời gian qua một số người VN được hưởng quyền tỵ nạn và quyền không bị trục xuất xôn xao vì có tin là các quyền này bị lấy lại và có thư cứng như điện thoại đến hỏi, nên tôi dùng mặt báo để giải thích. Bài viết này không có tính chất khuyến cáo luật pháp (Rechtsberatung) mà chỉ để giải đáp phần nào thắc mắc.

Hỏi : Người được tỵ nạn (Asylberechtigter) là gì?

Đáp : Người được tỵ nạn (chính trị) là người đã được Sở Liên Bang công nhận người ngoại quốc xin tỵ nạn (Bundesamt fuer die Anerkennung auslaendischer Fluechtlinge, BAFl) xét cho hưởng quyền tỵ nạn theo điều 16. a. GG (đạo luật căn bản tức hiến pháp Đức) sau khi phỏng vấn (Anhörung) hoặc phải cho quyền tỵ nạn theo án quyết của một tòa án hành chính (Verwaltungsgericht) vì đã có các hoạt động chính trị đối lập khi còn ở trong nước...

Hỏi : Người được hưởng 51. 1. là sao?

Đáp : Theo điều 51. 1 AuslG (luật áp dụng cho người ngoại quốc) thì người này không được tỵ nạn nhưng hội đủ tiêu chuẩn để không bị trục xuất (Abschiebeschutz).

Hỏi : Trong những trường hợp nào thì bị mất hai quyền này?

Đáp : Hai quyền có thể bị (A) triệt tiêu (erloeschen), thu hồi (Ruecknahme) hay rút lại (Widerruf).

Hỏi : Khi nào quyền bị triệt tiêu?

Đáp : Quyền bị triệt tiêu (erloeschen) tự động khi (a) nhận lấy thông hành (tức hộ chiếu, Paß) VN, khi tự từ chối quyền, khi về nước thăm nhà... (Trường hợp này đã xảy ra cho một số người VN).

Hỏi : Vậy thu hồi (Ruecknahme) là gì?

Đáp : Quyền đã được sẽ bị thu hồi qua một thủ tục thu hồi (Ruecknahmeverfahren) của BAFl khi được cho qua những lời khai hay giấy tờ giả mạo...

Hỏi : Khi nào bị rút lại (Widerruf)?

Đáp : Khi những điều kiện đưa đến việc được hưởng hai quyền trên không còn nữa, thí dụ như VN hết cộng sản,

và về nước thì không còn bị nguy hiểm nữa... BAFl sẽ làm thủ tục rút lại (Widerrufsverfahren).

Hỏi : Khi bị mất quyền thì có bị trục xuất không?

Đáp : Có khi vẫn được quyền cư trú, có trường hợp có thể bị trục xuất.

Hỏi : Thủ tục Widerruf diễn ra như thế nào?

Đáp : BAFl sẽ gửi thông báo cho biết sẽ làm thủ tục này.

Hỏi : Khi được BAFl thông báo thì làm sao?

Đáp : Phải trả lời khi BAFl cho thời gian; tự xét xem lý do được 16. 2. 2. hay 51. 1. còn vững không; liên lạc với luật sư...

Hỏi : Nếu BAFl gửi quyết định rút lại (Widerrufsbescheid) thì phải làm sao?

Đáp : Nên nhờ luật sư kiện trong vòng 2 tuần. Khi thủ tục kiện chưa hoàn tất thì mình vẫn còn các quyền như trước.

Hỏi : Bị rút quyền tỵ nạn còn Aufenthaltserlaubnis hay không?

Đáp : Vẫn được Aufenthaltserlaubnis (nhưng trên hộ chiếu VN) nếu hội đủ các điều kiện sau : Được hưởng quyền tỵ nạn sau 5 năm, vẫn đang có Aufenthaltserlaubnis, có nhà ở đầy đủ diện tích và đi làm đủ tiền nuôi bản thân và gia đình (hay đang được tiền thất nghiệp Arbeitslosengeld, hoặc còn được hưởng trợ cấp thất nghiệp Arbeitslosen hilfe 6 tháng).

Hỏi : Khi mình được Aufenthaltserlaubnis thì gia đình có được không?

Đáp : Khi mình được thì thân nhân (vợ/chồng) (cha mẹ/ con vị thành niên) cũng được...

Cũng tương tự như vậy, khi một người trong gia đình bị rút quyền tỵ nạn thì những người khác cũng sẽ bị rút một khi những người này đã được tỵ nạn theo diện gia đình (Familienasyl).

Hỏi : Bị rút 51. 1. lại thì việc cư trú như thế nào?

Đáp : Sẽ được unbefristete Aufenthaltserlaubnis khi đã có Aufenthaltsbefugnis được 8 năm (thời gian xin tỵ nạn được tính vào thời gian 8 năm này) và có nhà ở đủ diện tích, công ăn việc làm đủ nuôi sống cũng như phải có hộ chiếu VN. Thân nhân được hưởng tương tự như vậy về quyền cư trú.

Hỏi : Bị rút 16. 2. 2., 51. 1. mà cũng không được Aufenthaltserlaubnis thì làm sao?

Đáp : Nhờ luật sư lo về điều 53 AuslG.

Xin bạn đọc nhớ cho đây chỉ là những giải thích căn bản. Bạn đọc nên liên lạc ngay lập tức với luật sư chuyên về tỵ nạn và cư trú, với nhân viên chuyên ngành cơ quan thiện nguyện như Arbeiterwohlfahrt, Caritas, Deutsches Rotes Kreuz, Diakonisches Werk... để nhờ giúp đỡ khi cần thiết.

Giải đáp thắc mắc về việc tỵ nạn

Hỏi : Có nhiều tin đồn cho biết VN đã thỏa thuận nhận người tỵ nạn lại, có đúng không?

Đáp : Tôi chỉ được biết là cho đến cuối tháng 9.94 tin Hãng Thông Tấn AFP cho biết là vào cuối tháng 9.94 Hà Nội đề nghị thương thuyết lại và đầu tháng 10.94 một phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Đức tại Bonn trả lời là chưa biết phía Đức có chịu nói chuyện lại hay không, nếu có thì cũng chưa biết khi nào. Cho đến nay thì hai bên chưa ký với nhau bất kỳ thỏa ước nào về việc này cả.

Giới thạo tin phỏng đoán hai bên sẽ nói chuyện lại và VN chịu nhận một số người xin tỵ nạn để đánh đổi lấy tiền của Đức vào mùa Xuân 95.

Hỏi : Vì lý do gia đình nên tôi đã rút đơn tỵ nạn và muốn xin hồi hương. Như vậy tôi phải làm thế nào?

Đáp : Việc xin tỵ nạn và rút đơn tỵ nạn là quyết định cá nhân. Trước đây tôi chưa bao giờ khuyên bất kỳ một ai hãy xin tỵ nạn thì bây giờ tôi cũng không khuyên rút đơn. Tôi chỉ nhấn mạnh là sau khi rút đơn xin tỵ nạn (cũng như sau khi thủ tục tỵ nạn chấm dứt bất lợi, như không được điều 16. 2. 2. GG, hay 32, 51. 1., 53. 4.... AuslG) thì sẽ có nhiều vấn đề trong việc cư trú. Việc tạm thời được cư trú vì thủ tục tỵ nạn chưa chấm dứt do đó sẽ kết thúc. Nghĩa là cá nhân cư trú tại Đức bất hợp pháp và do đó phải (1) Bị trục xuất; (2) Tự rời khỏi Đức; (3) Được Duldung vì không thể rời Đức được; (4) Đi một nước thứ ba.

Muốn xin hồi hương thì tốt nhất nên liên lạc với nhân viên của cơ quan thiện nguyện như Arbeiterwohlfahrt, Caritas, Deutsches Rotes Kreuz (DRK), Diakonisches Werk (DW)... trước khi rút đơn để được hồi hương theo chương trình REAG, GARP... (Thủ tục rất rườm rà, kéo dài từ 1 tuần đến nhiều tháng tùy trường hợp).

Muốn sang một nước thứ ba thì nước đó phải cho nhập cảnh (nên hỏi cơ quan Rapael-Werk thuộc Caritas).

Hỏi : Tôi già yếu, không thể hội nhập xã hội Đức được sau 10 năm, và muốn hồi hương thì phải làm sao?

Đáp : VN cho biết sẽ xét đơn trường hợp này nếu hội đủ tiêu chuẩn.

Hỏi : Trăm người nước ngoài (tức Sở Ngoại Kiều, Auslaenderbehoerde) hay cơ quan hành chính quận huyện (Landratsamt) đòi tôi phải ký đơn tự nguyện hồi hương hay phải ký đơn là không nhận trợ cấp xã hội nữa rồi mới cấp Duldung, như vậy tôi phải làm sao?

Đáp : Luật chỉ buộc người xin tỵ nạn mà thủ tục đã chấm dứt chứng minh

được có cố gắng trong việc rời nước Đức mà thôi. Các yêu cầu đã nêu trong thức mốc này không đúng, do đó nên nhờ luật sư làm đơn kiện.

Hỏi : Lúc vào trại tỵ nạn tôi khai tên khác, sai lý lịch (đã lập gia đình khai còn độc thân...) bây giờ có điều chỉnh được không?

Đáp : Theo luật thì người xin tỵ nạn phải cho các cơ quan thẩm quyền Đức biết đúng sự thật và đầy đủ tên họ, các chi tiết cá nhân khác, lý do xin tỵ nạn... Do đó nên liên lạc qua luật sư nhờ điều chỉnh ngay.

Hỏi : Tôi nhớ nhập trại hai lần thì phải làm sao?

Đáp : Từ năm 90 nhiều lần tôi đã cho biết không nên nhập trại nhiều lần cũng như không nên khai man lý lịch, nhưng lúc đó nhiều người cứ cho rằng tôi theo phe Đức để "hù" người VN... nên từ đầu 91 tôi không giải thích về phần này nữa.

Những người "nhờ" phạm pháp về việc này thì không còn cách nào khác hơn là đến ngay luật sư. (Luật sư WENDL tại Wiesbaden, nơi tôi đang cộng tác, cũng như nhiều luật sư chuyên ngành về tỵ nạn và cư trú, sẽ không nhận những trường hợp này...).

Hỏi : Thân nhân tôi bị bắt giam vì Đức khám phá nhập trại hai lần thì phải làm sao?

Đáp : Nhập trại hai lần là phạm pháp. Nhà nước Đức có nhiều phương cách để khám phá việc này sớm hay muộn mà thôi. Bộ phận Asyl-Betrug (lừa gạt về tỵ nạn) ở mỗi trại sẽ bắt giam theo trác tòa (Haftbefehl) đưa về giam ở trại tù (JVA) địa phương. Nếu muốn thân nhân sớm không phải tù hay tại ngoại -vì có lý do chính đáng- thì nhờ luật sư chuyên ngành.

Hỏi : Tôi muốn nhờ luật sư cũ giúp việc nộp Folgeantrag có được không?

Đáp : Vẫn được. (Luật sư Steckbeck tại Nuernberg cũng như một số luật sư chuyên ngành vẫn nhận lại thân chủ cũ khi có lý do chính đáng xin tỵ nạn kế tiếp cũng như trước đây được luật sư xem là thân chủ đáng tin).

Hỏi : Được tỵ nạn (16. a. GG) hay 51. 1. AuslG có bị rút và bị trục xuất không?

Đáp : Sẽ có bài viết riêng. Tóm tắt : (A) Bị triệt tiêu (erlöschen) khi về nước thăm nhà; khi nhận hộ chiếu nước mình; khi tỵ từ chối; (B) Bị rút lại (Ruecknahme) khi quyền được cho qua việc man khai hay giấy tờ giả và (C) Quyền bị Sở Liên Bang (BAFl) làm thủ tục thu hồi (Widerrufverfahren) khi tình hình chính trị trong nước thay đổi, về nước không nguy hiểm hay điều kiện để được quyền tỵ nạn hay 51. 1. không còn nữa. Trong những trường hợp này phải liên lạc ngay với luật sư khi nhận được thông báo của BAFl để trả lời BAFl, để kiện (trong 2 tuần) và hỏi về việc cư trú

(hội đủ tiêu chuẩn vẫn được cư trú; có trường hợp có thể bị trục xuất...).

Hỏi : Thủ tục nộp Folgeantrag như thế nào?

Đáp : Sau khi hiểu rõ lợi điểm và điểm bất lợi của Folgeantrag (xem bài này và điều nghiên phần tôi đã viết trên các số báo trước) thì tiến hành thủ tục nộp Folgeantrag. Folgeantrag có thể nhờ luật sư nộp giùm hay tự nộp.

Hỏi : Luật sư nộp giùm Folgeantrag như thế nào?

Đáp : Luật sư có thể tiến hành thủ tục nộp hoặc (1) trực tiếp cho trường hợp có thể bị trục xuất ngay hoặc (2) dùng nhiều giai đoạn để kéo dài thời gian thân chủ tạm ở lại Đức. Việc này tùy từng luật sư và tùy từng trường hợp cá biệt. Trong trường hợp (1) thì luật sư nộp ngay đơn Folgeantrag với đầy đủ mới bằng chứng cho Sở Liên Bang Công Nhận Người Tỵ Nạn Ngoại Quốc (Bundesamt fuer die Anerkennung auslaendischer Fluechtlinge, có khi gọi Bundesamt hay BAFl) hoặc chi nhánh của cơ quan này tại các nơi phụ trách và cùng lúc thông báo với trạm người nước ngoài. Khi nhận đơn xong thì

trong giai đoạn (a) BAFl trao giấy cho biết đã nhận đơn và thông báo số hồ sơ (tôi nhắc lại số hồ sơ sẽ có chữ A, B, C, D, E, F, G và sau đó là 7 số hay 10 số, trong trường hợp 10 số thì 3 số sau cùng là 432 khi Folgeantrag nộp cho người có quốc tịch VN, thí dụ hồ sơ mang số F9999999 hay G9999999-432). Sau một thời gian thì đến giai đoạn (b) BAFl sẽ cho biết là sẽ xét hồ sơ. Sau giai đoạn (b) này thì Sở Ngoại Kiều sẽ không thể trục xuất được cho đến khi thủ tục Folgeantrag được xét xong. Có nhiều Sở Ngoại Kiều vẫn tiếp tục tiến hành thủ tục trục xuất và thi hành việc trục xuất khi thủ tục chỉ tiến hành chưa đến giai đoạn (b). Khi đến giai đoạn (b) rồi thì Sở Ngoại Kiều hay cơ quan hành chánh quận huyện (Landratsamt, LRA) sẽ phải trao lại Aufenthaltsgestattung và đóng thêm "Folgeantrag". Sau khi đã đến giai đoạn (b) rồi mà không có "Ausweis" thì nhờ luật sư kiện hay khiếu nại. Thường luật sư khó có thể rút ngắn thời gian giữa hai giai đoạn (a) và (b). Vì người đã nộp Folgeantrag thì được xem như mới xin tỵ nạn nên một số nơi trên nước Đức đưa những người này vào trại tù lại (như tại Amberg...). Một số nơi khác vẫn cho ở nhà ngoài và cho đi làm...

Hỏi : Thế còn thủ tục tự nộp Folgeantrag thì như thế nào?

Đáp : Tự đến BAFl hay chi nhánh để nộp. Có nơi chỉ cần khai lý do bằng tiếng Việt để nộp Folgeantrag, có nơi đòi phải nộp đơn bằng tiếng Đức. Có nơi phải tự đưa phiên dịch đi cùng, có

nơi thì BAFl định ngày đi phỏng vấn và BAFl có sẵn phiên dịch. Thủ tục, quyền lợi, bốn phạm... tương tự như trường hợp luật sư nộp giùm.

Hỏi : Nếu xin Duldung mà trạm người nước ngoài không cho thì làm sao?

Đáp : Có một vài nơi như vùng Birkenfeld (Rheinland-Pfalz) dựa vào một án quyết cũ của tòa án hành chánh Koblenz để không cho Duldung và lại cho biết sẽ trả lại hộ chiếu để đi về Tiệp thì luật sư có thể can thiệp bằng nhiều cách khác nhau như kiện nhanh tại tòa án hành chánh...

Hỏi : Khi bị bắt giam vì tội hình sự thì sau này có bị trục xuất không?

Đáp : Thông thường thì Đức sẽ trục xuất khi thời gian bị án đã xong.

Hỏi : Khi bị ngồi tù vì tội hình sự như bán thuốc lá, trộm lộn... thì làm sao?

Đáp : Có thể nhờ luật sư xem lại hồ sơ (thủ lao xem hồ sơ từ 200 đến 500 Đức Mã). Nếu có người chứng mới hay bằng chứng mới chưa trình được tại tòa, tùy lời khai của nội vụ mà luật sư chuyên về hình sự có thể xin tòa cho xử lại (Wiederaufnahme des Verfahrens) để được trắng án trong trường hợp bị xử oan hoặc giảm án trong trường hợp án quá nặng mà tòa đã không để ý đến tất cả các chi tiết của nội vụ... nhưng thủ lao thường sẽ rất cao. (Thí dụ thủ lao khoảng 3.000 đến 10.000 Đức Mã cho một vụ án có án tù 5 năm...).

Hỏi : Phải làm thế nào khi nhận được lệnh phạt (Strafbefehl)?

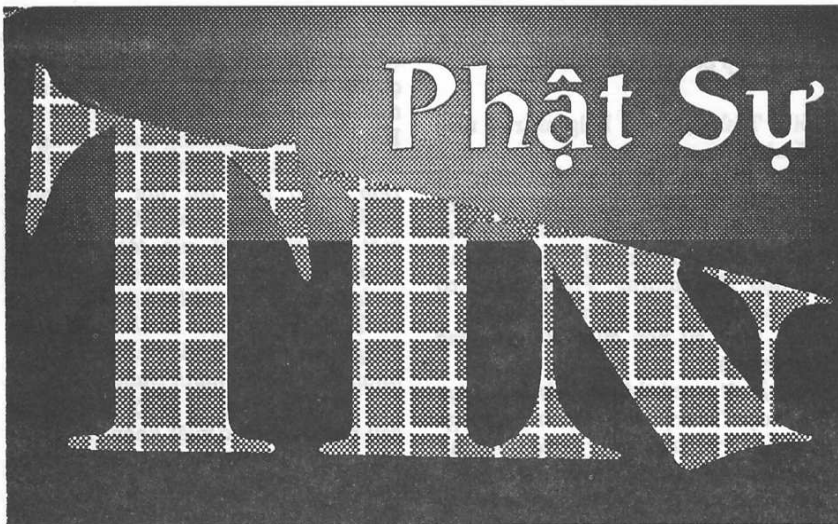
Đáp : Khi nộp đơn kháng cáo (Einspruch einlegen) thì án chưa thành. Khi án chưa thành thì cá nhân bị can vẫn được xem là chưa có án. Nhưng đối với các lệnh phạt hình sự thì tòa sẽ xử rất nhanh các thủ tục kháng án này.

Có trường hợp khi đưa ra xử thì án sẽ nặng hơn, nhẹ hơn hoặc tha bổng (Freispruch) hoặc thủ tục sẽ bị xếp không xử (Einstellung des Verfahrens); trường hợp này không có nghĩa là được tha bổng nhưng bị can được xem là người không có tiền án (nicht vorbestraft).

Hỏi : Tôi muốn đổi luật sư có được hay không?

Đáp : Thông thường vẫn được, nhưng (1) phải ký ủy nhiệm cho luật sư mới và ứng trước một phần thù lao; (2) rồi trả đủ thù lao cho luật sư cũ, (3) xong luật sư cũ sẽ gửi hồ sơ cho luật sư mới. (Như vậy sẽ tốn gấp đôi thù lao). Thủ tục này có thể thực hiện khi chưa ra tòa, đã có án quyết của tòa...

Chú thích : Tôi xin trả lời chung cho một số đồng hương muốn "đổi về" luật sư WENDL cho các thủ tục tỵ nạn, cư trú (Duldung, Aufenthaltserlaubnis, Aufenthaltserlaubnis...) hay hình sự là luật sư WENDL sẽ nhận tùy nội vụ, tùy tòa án.



"Little Buddha" và trong 24 giờ tu học đã được Thượng Tọa giảng giải rõ ràng ưu ái rất nhiều câu hỏi để hiểu thêm về Giáo lý Phật pháp cao siêu.
(Nhật Trọng ghi)

● **Lễ Phật tại 2 Chi Hội Freiburg và Karlsruhe**

Hàng năm đồng bào Phật Tử tại 2 Chi Hội này vẫn tổ chức những buổi lễ Phật định kỳ để Phật Tử có cơ hội gặp gỡ nhau và trao đổi với nhau về phương diện đạo pháp.

Lần này Chi Hội PTVNTN Freiburg tổ chức buổi lễ Phật vào ngày 12.11.94 có khoảng 50 người tham dự, trong đó gần phân nửa là Phật Tử người Đức.

Tại Karlsruhe được tổ chức vào ngày hôm sau 13.11.94 có khoảng hơn 100 Phật Tử tại địa phương và đại diện các Chi Hội về tham dự. Cả 2 nơi đều đặt dưới sự chứng minh của Thượng Tọa Thích Như Điển.

● **Chi Hội PTVNTN tại Frankfurt và Wiesbaden**

Hai Chi Hội đã tổ chức chung một buổi lễ Phật định kỳ vào ngày 30.10.1994 vừa qua dưới sự chứng minh và chủ lễ của Thượng Tọa Thích Như Điển đến từ Hannover.

Theo thông lệ, sau buổi lễ Phật, các Phật Tử đã được nghe Thượng Tọa giảng pháp và cuối cùng là bữa cơm thân mật giữa những người con Phật với nhau.

Có khoảng 50 Phật Tử về tham dự lễ này.

● **Họp Hội Đồng Hợp Tác Liên Tôn tại Pháp**

Vào ngày 3 tháng 11 năm 1994 vừa qua tại Paris có cuộc họp mặt giữa các Tôn Giáo với nhau để bàn về một số vấn đề quan trọng liên quan đến vấn đề tình hình đất nước. Thượng Tọa Thích Như Điển, đại diện GHPGVNTN Âu Châu đã đến tham gia buổi hội thảo này cùng với Đức Ông Philip Trần Văn Hoài và Linh Mục Vũ Thành đến từ Ý.

● **Lễ Thọ Bát Quan Trai do Chi Hội PTVNTN Mannheim & VPC tổ chức**

Vào ngày 5 và 6-11-1994, Chi Hội PTVNTN Mannheim & VPC có tổ chức Lễ Thọ Bát Quan Trai tại "Tibetische Pagode", Heidelberg dưới sự chủ trì của T.T. Thích Như Điển.

Trong lúc Chi Hội chưa tìm được địa điểm tại Mannheim để tổ chức một buổi lễ qua đêm như vậy, chùa "Tibetische Pagode" đã hoan hỷ cho mượn chùa để tụ tập, thật là một cơ duyên tốt. Cảnh chùa nhỏ nhỏ, xinh xinh nhưng rất trang nghiêm, vào 2

ngày nói trên đã là nơi sinh hoạt tu học của 54 Phật Tử đến tham dự Thọ Bát Quan Trai giới. Cái quý là có nhiều



T.T Thích Như Điển chụp hình lưu niệm cùng các Phật Tử Thọ Bát Quan Trai ngày 5 và 6.11.94 tại Heidelberg do Chi Hội PTVNTN Ma & VPC tổ chức

Đạo hữu đến từ Nuernberg, Karlsruhe, Frankfurt, Heilbronn, Saarbruecken v.v... và đặc biệt là có một Phật Tử đang ở tại Hoa Kỳ, trong thời gian đi công tác Âu Châu ghé chùa Viên Giác thăm Thầy, nhân dịp cũng đã thành tâm đến dự và rất vui mừng trước sự tu học cũng như các sinh hoạt Phật sự ở Đức. Tình thân ái giữa các Đạo hữu với nhau như tình huynh đệ dưới một mái chùa.

Thượng Tọa Thích Như Điển đã thuyết giảng kinh Tứ Niệm Xứ; Thầy Hạnh Bảo hướng dẫn khóa lễ kinh Dược Sư; Phật Tử tham dự Thọ Bát Quan Trai lần này còn được nghe băng giảng "Phát Bồ Đề Tâm" của T.T. Thích Nhất Chân; xem phim video

● **Mạn đàm về Tôn Giáo**

Giáo sư Hans Waldenfels dạy tại Đại học Bonn đã đến chùa Viên Giác vào ngày 1.12.94 cùng với một vị Linh Mục phụ trách cho Đức Giám Mục Hohmeier địa phận Hildesheim và một vị thư ký để thăm chùa.

Sau khi dùng cơm chung, mọi người đã đi tham quan chùa và bàn về một buổi gặp mặt trong tháng 3 giữa Đức Giám Mục và Thượng Tọa Trụ Trì chùa Viên Giác tại Hildesheim.

Giáo sư Waldenfels là một nhà Thần học; nhưng hiểu biết rất nhiều về Phật Giáo, vì đã lâu năm sống tại Nhật và tìm hiểu về văn hóa các nước Phật Giáo Á Châu.

Thiết tưởng đây là những điểm son mà chúng ta cần triển khai trong khi hoạt động Phật sự tại xứ người.

● **Đài Truyền Hình ZDF**

Nhân viên đài truyền hình ZDF đã đến chùa trong 3 ngày 12-14.12.94 vừa qua để thu hình về mọi sinh hoạt của chùa và khoảng tháng 4 năm 95 sẽ được trình chiếu trên đài với nhan đề là : "Buddha bei uns" . Phim sẽ kéo dài 45 phút, sẽ tường thuật về Phật Giáo Việt Nam tại Đức, về nhóm Thiền của Đức tại Bremen, Trung Tâm Phật Giáo Tây Tạng tại Hamburg, Buddhistisches Haus tại Frohnau, Berlin, Phật Giáo Nhật Bản tại Duesseldorf và Phật Giáo Tây Tạng Đức tại Schwarzenberg.

Ngoài ra các vị sau đây sẽ được phỏng vấn và trình chiếu chung với nội dung của phim này. Đó là : Giáo sư Tiến sĩ Schmidt Leukel, Đại học Muenchen; Ngài S.E. Dargyab Rinpoche, Đại học Bonn. Giáo sư Tiến sĩ Karl. Fr. von Weizsaecker (anh ruột cựu Tổng Thống Đức) và những người tu sĩ về Thiền Phật Giáo.

Đây là một nguồn thông tin không kém phần quan trọng trong cuộc sống tâm linh của chúng ta tại xứ này. Mong quý vị đón xem.

● **Phật sự tại Nga**

Một địa phương mới mẻ, xa lạ, nhưng rất gần gũi với chúng ta. Đó là Hội Phật Giáo Thảo Đường của Phật Tử Việt Nam chúng ta tại Moscow.

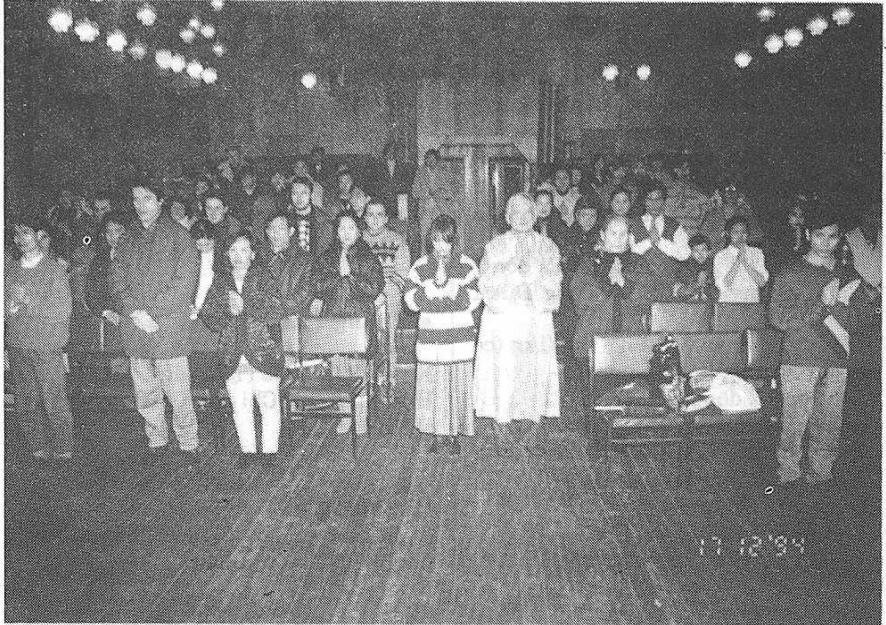
Hai Đạo hữu Thiện Xuân và Thiện Mẫn là những người trong Ban Chấp Hành của Hội. Tại đây đã đón rước

Hòa Thượng Thích Giác Nhiên, Hòa Thượng Thích Thiên Định, Thượng Tọa Thích Minh Tâm và Thượng Tọa Thích Thiện Huệ đến giảng pháp cho bà con Phật Tử trong thời gian qua.

Từ ngày 15 đến ngày 21 tháng 12 năm 94 vừa rồi Thượng Tọa Thích Như Điển cùng Thầy Hạnh Bảo cũng đã đến đây để thăm viếng, chủ lễ và thuyết pháp tại Moscow và Peterburg. Một số người Nga cũng đã đến tham

làm trong các cơ quan từ thiện, hội người già, Lionsclub v.v... suốt một năm có khoảng 3.000 người Đức học thiền và giáo lý của Đạo Phật. Con số này có thể cao hơn, nếu tính thêm những người Đức chỉ viếng chùa mà không học đạo.

Riêng người Việt Nam chúng ta mỗi năm lễ lớn như Phật Đản, Vu Lan, Tết, Rằm tháng Giêng cộng chung lại khoảng 10.000 người đi lễ. Ngoài các lễ



Lễ Phật tại Moscow ngày 17.12.94

dự các lễ lộc trong thời gian này.

● **Người Đức và người Việt đến chùa Viên Giác hằng năm**

Tính trung bình mỗi tháng có 250 người Đức đến chùa học Phật gồm đủ mọi thành phần từ học sinh đến giáo sư, sinh viên đến học giả, những người

ấy ra đồng bào Phật Tử đi lễ vào các ngày rằm và mồng một cũng như những cuối tuần. Con số ước lượng trong năm từ 10.000 đến 15.000 người nữa. Như vậy trung bình mỗi tháng có 2.000 người Phật Tử Việt Nam đi chùa lễ Phật, học đạo và nghe giáo lý v.v...

Đây là một niềm vui và hy vọng với đả này Phật Tử Việt Nam tại Đức càng ngày càng cố gắng hơn nữa để cuộc sống nội tâm của mỗi người con Phật được sâu sắc hơn.



Lễ Quy Y tại Moscow ngày 17.12.94

THÔNG BÁO

● **Lịch treo tường và tử vi**

Hằng năm chùa Viên Giác có phát hành 2 thứ lịch treo tường và tử vi, có ngày âm dương đối chiếu. Nay lịch đã có tại chùa Viên Giác cũng như các chùa tại nước Đức và các Chi Hội tại các địa phương.

Nếu thỉnh lịch tại chùa Viên Giác, tại các chùa và các Chi Hội địa phương, giá thành như sau :

- Lịch treo tường : 20 đồng Đức
- Lịch tử vi : 25 đồng Đức

Nếu chùa gởi đi, giá thành như sau :

- Lịch treo tường : 25,50 đồng Đức (nếu gửi tiền về chùa trước). 31,50 đồng Đức (nếu gửi loại chuyển hóa giao ngân qua bưu điện).

- Lịch tử vi : 28,00 đồng Đức (nếu gửi tiền về chùa trước). 35,00 đồng Đức (nếu gửi loại chuyển hóa giao ngân qua bưu điện).

Kính mong quý Đạo Hữu và quý Phật Tử xa gần hỗ trợ cho.

● **Bánh tét, bánh chưng và những đặc sản chay ngày Tết**

Tết năm nay chùa Viên Giác sẽ phát hành các loại bánh tét, bánh chưng, bánh xanh, chả chay, mắm thái chay v.v... để Phật Tử vui Xuân trong 3 ngày Tết. Quý vị có thể thỉnh tại chùa, hoặc gửi qua bưu điện; giá thành như sau :

- Bánh tét 900 gr. 10 đồng Đức/1 đôn
 - Bánh chưng 900 gr. 15 đồng Đức/1 cái
 - Mắm thái chay 25 đồng Đức/1kg (có thể đặt nửa ký, hoặc ít hơn)
 - Bánh bao 2 đồng Đức/1 cái
 - Bánh xanh 1 đồng Đức/1 cái
 - Bánh da lợn (loại nhỏ 2 đồng Đức, loại lớn 5 đồng Đức)
 - Bánh bò 1 đồng Đức/1 cái
 - Chả chay 10 đồng Đức/1 đôn
 - Chả cuốn chay 10 đồng Đức/1 bao 4 cái
 - Chả ổ chay bằng tàu hủ ky 15 đồng Đức/1 ổ
 - Chả ổ chay bằng đậu hủ 5 đồng Đức/1 ổ
 - Chả giò chay 1,50 đồng Đức/1 cuốn
- Số tiền trên đây chưa kể cước phí bưu điện. Cước phí bưu điện tính theo số kí lô nhiều hay ít. Mong quý vị chiếu cố hỗ trợ cho chùa để thanh toán bớt nợ nần xây dựng trong thời gian qua.

● **Ấn tống kinh Địa Tạng**

Trong thời gian tới chùa Viên Giác sẽ ấn tống kinh Địa Tạng bìa cứng mạ vàng, dày trên 400 trang. Giá thành mỗi cuốn là 20 đồng Đức. Quý Đạo Hữu, Phật Tử nào muốn hùn phước ấn tống kinh này xin liên lạc về chùa để góp phần công đức. Sau khi kinh in xong, nếu có yêu cầu, chùa sẽ gửi đến quý vị số lượng mà quý vị mong muốn. Mong quý vị hỗ trợ cho.

● **Chùa Viên Giác**

Đây là tác phẩm thứ 18 của Thượng Tọa Thích Như Điển, ghi lại tất cả mọi sự kiện, mọi diễn tiến của việc xây chùa Viên Giác trong những năm qua. Sách dày hơn 500 trang, có thêm những hình ảnh sống động, sách toàn bằng tiếng Việt. Đây là một tài liệu lịch sử rất hiếm quý. Mặc dầu được sự tài trợ của Bộ Nội Vụ CHLB Đức; nhưng số lượng in nhiều hơn và số trang cũng tăng, kèm thêm tiền gửi

bưu điện và bao bì v.v... Nếu quý vị muốn nhận được tác phẩm trên, xin gửi về chùa 10 đồng Đức. Sách đang in, vào cuối tháng 1 năm 1995 sẽ có sách gửi đến nhà của quý vị. Kính mong quý vị chiếu cố và đừng quên tài liệu quý báu này.

**CHƯƠNG
TRÌNH
LỄ PHẬT
CỦA NĂM 1995**

● **Tháng 1 năm 1995**

Ngày 13.01.1995 (Thứ sáu)
Hợp định kỳ Chi Bộ GHPGVN Đức Quốc

Ngày 14 và 15.01.1995 (Thứ bảy và Chủ nhật)
Đại Hội Giải Trừ Pháp Nạn GHPGVNTN Âu Châu

Ngày 30.01.1995 (Thứ hai, nhằm 30 Tết)

20:00 Lễ Hồng Danh sám hối tất niên
22:00 Đêm văn nghệ tất niên và đón mừng năm mới do GDPT Tâm Minh trình diễn tại Hội Trường chùa Viên Giác

24:00 -Lễ đón giao thừa

- Lễ vía Đức Di Lặc và chúc mừng năm mới
- Lì xì, hái lộc, xin xăm

Ngày 31.01.1995 (Thứ ba, nhằm ngày mùng 1 Tết)
Từ sáng đến tối : Lì xì, hái lộc, xin xăm

● **Tháng 2 năm 1995**

Ngày 1.02.1995 (Thứ tư, nhằm ngày mùng 2 Tết)
Từ sáng đến tối : Lì xì, hái lộc, xin xăm

Ngày 2.02.1995 (Thứ năm, nhằm ngày mùng 3 Tết)
Từ 6 giờ sáng đến 17 giờ chiều, tri tụng trọn bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa

Ngày 11.02.1995 (Thứ bảy)
Lễ Phật đầu năm tại Frankfurt

Ngày 14.02.1995 (Thứ ba, nhằm ngày rằm tháng Giêng)
Từ sáng đến tối lễ Phật, xin xăm tại chùa

Từ 13 đến 18 tháng 2 năm 1995 mỗi tối lúc 20:00 tại chùa đều có tụng kinh Dược Sư và dâng sớ cầu an, nhưng tình giải hạn

Ngày 19.02.1995 (Chủ nhật)
10:00 Cúng lễ rằm tháng Giêng tại chùa

● **Tháng 3 năm 1995**

Ngày 25.03.1995 (Thứ bảy)
Lễ Phật định kỳ tại Bremen

● **Tháng 4 năm 1995**

Ngày 1.04.1995 (Thứ bảy)
Lễ Phật định kỳ tại Trier

Ngày 8 và 9.04.1995 (Thứ bảy và Chủ nhật)
Thọ Bát Quan Trai tại Nuernberg

Ngày 15 và 16.04.1995 (Thứ bảy và Chủ nhật)
Thọ Bát Quan Trai tại Aschaffenburg

Ngày 22.04.1995 (Thứ bảy)
Lễ Phật tại Reutlingen

Ngày 23.04.1995 (Chủ nhật)
Lễ Phật tại Rottweil

Ngày 29 và 30.04.1995 (Thứ bảy và Chủ nhật)
Thọ Bát Quan Trai tại Berlin

● **Tháng 5 năm 1995**

Ngày 1.05.1995 (Thứ hai, ngày lễ Lao Động)
Lễ Phật Đản tại Muenchen

Ngày 15.05.1995 (Thứ hai, nhằm ngày 16.04 âm lịch)
Nhập hạ an cư

Ngày 19-21.05.1995 (Thứ sáu đến Chủ nhật)

Đại lễ Phật Đản 2539 chùa Viên Giác, tổ chức tại Hannover

● **Tháng 6 năm 1995**

Ngày 2-4.06.1995 (Thứ sáu đến Chủ nhật)
Seminar cho người Đức học Phật tại chùa

Ngày 10 và 11.06.1995 (Thứ bảy và Chủ nhật)
Thọ Bát Quan Trai tại chùa Viên Giác

Từ 12.06 đến 11.07.1995 : An cư kiết hạ tại Canada

● **Tháng 7 năm 1995**

Ngày 15 và 16.07.1995 (Thứ bảy và Chủ nhật)

Thọ Bát Quan Trai tại chùa Viên Giác
* Ngày 22 và 23.07.1995 (Thứ bảy và Chủ nhật)

Thọ Bát Quan Trai tại chùa Viên Giác
* Ngày 28-30.07.1995 (Thứ sáu đến Chủ nhật)

Seminar cho người Đức học Phật tại chùa.

● Tháng 8 năm 1995

* Ngày 5 và 6.08.1995 (Thứ bảy và Chủ nhật)

Thọ Bát Quan Trai tại chùa

* Ngày 10.08.1995 (Thứ năm)

Rằm tháng bảy

* Ngày 11.08.1995 (Thứ sáu)

Lễ mãn hạ, tự tứ sau 3 tháng an cư kết hạ

Từ 18 đến 20.08.1995 (Thứ sáu đến Chủ nhật)

Đại lễ Vu Lan tại chùa Viên Giác

● Tháng 9 năm 1995

* Ngày 3.09.1995 (Chủ nhật)

Lễ Vu Lan tại Muenchen

* Ngày 16 và 17.09.1995 (Thứ bảy và Chủ nhật)

Thọ Bát Quan Trai tại Nuernberg

* Từ 21 đến 24.09.1995 (Thứ năm đến Chủ nhật)

Đại Hội Tăng Ni Việt Nam trên thế giới của GHPGVNTN họp tại chùa Viên Giác Hannover

* Từ 29 đến 30.09 và 1.10.1995 (Thứ sáu đến Chủ nhật)

Đại Hội thành lập Hội Đồng Hợp Tác Tôn Giáo Thế Giới tại Strassbourg (Pháp)

● Tháng 10 năm 1995

* Ngày 7.10.1995 (Thứ bảy)

Lễ Phật tại Reutlingen

* Ngày 8.10.1995 (Chủ nhật)

Lễ Phật tại Rottweil

* Ngày 14.10.1995 (Thứ bảy)

Lễ Phật tại Norddeich

* Ngày 21 và 22.10.1995 (Thứ bảy và Chủ nhật)

Thọ Bát Quan Trai tại Berlin

* Ngày 28.10.1995 (Thứ bảy)

Lễ Phật do CHPT tại Frankfurt và Wiesbaden tổ chức

● Tháng 11 năm 1995

Ngày 4 và 5.11.1995 (Thứ bảy và Chủ nhật)

Thọ Bát Quan Trai tại Mannheim

Ngày 11.11.1995 (Thứ bảy)

Lễ Phật tại Freiburg

Ngày 12.11.1995 (Chủ nhật)

Lễ Phật tại Karlsruhe

Ngày 19.11.1995 (Chủ nhật)

Lễ Phật tại Muenster

Ngày 25 và 26.11.1995 (Thứ bảy và Chủ nhật)

Thọ Bát Quan Trai tại Aschaffenburg

Đi Chùa

Hôm nay rằm thương nguyên

Mau đi chùa lễ Phật

Vườn sau rộn ong bướm

Hoa mỉm cười làm duyên

*

Tung bồng chim vọng ca

Giọt buồn trong sương võ

Nắng vàng xôn xao lá

Niềm vui vương vấn ta

*

Nhẹ điềm tiếng chuông ngân

Xa xăm rơi nhịp mõ

Em phổ khúc thiên nhạc

Đưa hồn về pháp thân

*

Mặt trời tắm hồ sen

Đùa bóng hình chú tiểu

Lăn tăn nhấp nhô sóng

Ôi vũ trụ không tên

*

Lá ngọc vờn mây xanh

Cửa nhà lam trắng lễ

Tĩnh đạo hồng ánh nến

Hào quang chiếu trong lành

T

h

ú

y

T

r

ú

C

Miami, 10/94

GÓI QUÀ TÌNH THƯƠNG

• Chùa Bảo Quang - Hamburg

Nhân mùa Vu Lan Báo Hiếu năm nay (2538), Chùa Bảo Quang và Chi Hội Phật Tử Hamburg đã phát động chương trình: Một gói quà cho những bệnh nhân bất hạnh hiện đang ở các Trại Cùi, Trại Mù, Trại Dương Lão và Trại Tâm Thần tại quê nhà. Gói quà được trị giá 10 Đức Mã, gồm có: một bộ quần áo và vật dụng như xà-phòng, mì gói, đường, sữa v.v...

Chương trình đã được sự hưởng ứng ủng hộ của quý Phật tử xa gần. Có những vị ủng hộ từ 1 gói đến 5 hay 10 gói, hoặc nhiều hơn nữa. Số tiền thu được chúng tôi đã gửi về Việt Nam, nhờ quý Thầy, quý Sư cô đi đến tận nơi thăm viếng, an ủi và trao quà tận tay các bệnh nhân ở những vùng quê hẻo lánh xa cách thành phố. Những nơi mà Phái đoàn chúng tôi đã đến được:

- Trại Khuyết tật - Trại Cùi - Trại Mù - Nha Trang;
- Trại Dương Lão - Sông Bé;
- Trại Tàn Tật - Bình Dương;
- Trại Cùi - Sóc Trăng;
- Trại Mù - Bình Minh, Long Thành;
- Trại Tâm Thần - Lê Minh Xuân.

Chúng tôi xin đại diện những nạn nhân, bệnh nhân đang sống ở các trại, xin chân thành tri ân tất cả quý vị, những tấm lòng đầy nhân ái và tình người đã sẵn sàng an ủi, chia sẻ những khổ đau bất hạnh và đồng thời ban tặng niềm vui đến cho kẻ khác.

Xin cầu chúc quý vị ân nhân cùng tất cả bà con Phật tử một năm mới thường an vui hạnh phúc.

Chùa Bảo Quang và CHPT Hamburg

Danh sách quý vị ủng hộ Trại Cùi và Trại Tâm Thần - do Chùa Bảo Quang phát động - dưới sự phụ trách của Bác Quý và sự cộng tác của quý Sư Cô chùa Hoa Đàm & Bảo Văn quận Bình Thạnh Sài Gòn:

Gia đình Trần Văn Quý 200DM. Trần Thị Tuyết Nhung 50DM. Trần Thị Tuyết Hằng 100DM. Trần Thị Tuyết Phương 50DM. Trần Thị Tuyết Mai 50DM. Trần Văn Hùng 50DM. Trần Văn Hải 100DM. - Gia đình Đặng Văn Khóa pháp danh Minh Thiện, Trần Thị Tâm pháp danh Diệu Từ An, Rattanavong Bun Nác 500DM. - Gia đình Thông Rattanavong 50DM. Gia đình Ngô Hoàng Thanh, Võ Thị Hoàng Mai 200DM. Nguyễn Thị Nhân 20DM. Diệu Hòa 10DM. Phạm Bá Mừng 40DM. Trần Quốc Thành 10DM. Giáng Hương 10DM. Võ Thùy Trâm 50DM. Bác Diệu Ninh 30DM. Bác Diệu Cao 10DM. Ngọc Diệu

20DM. Bác Đào Hữu Chí 100DM. Bác Nhứt Đạo 20DM. Cụ Bà Diệu Tùng 100DM. Bác Trần Cho 50DM. Trần Lương Bình 20DM. Trần Tích Phương 30DM. Trịnh Mậu 20DM. Nguyễn Văn Chú 20DM. Phùng Ngọc Đông 20DM. Huỳnh Thế Mỹ 30DM. Hà Châu 50DM. Phan Bốn 30DM. Trần Như Sơn 20DM. Lưu Ngọc Minh 50DM. Trịnh Johny 50DM. Mai Thị Tâm 30DM. Ngọc Đạo 50DM. Thị Minh 50DM. Bùi Văn Cho 50DM. Nguyễn

Thomas Carmienke 100DM. Triệu Hoàng Trang 10DM. Nguyễn Thị Kim Thủy 20DM. Võ Huỳnh Đoàn Trang 5DM. Đoái Thuận Lộc 10DM. Trịnh Mỹ Nga 10DM. Lý Kim Thuận 10DM. Nguyễn Thị Ngọc Tâm 20DM. La Như Cẩm 20DM. Nguyễn Thị Hồng Phụng 10DM. Du Thanh Huệ 10DM. Trần Văn Giàu 100DM. Phật tử Diệu Trân 50DM. Phật tử ẩn danh 30DM. Phạm Văn Y + Hạnh 50DM. Diệu Anh 30DM. Giang Chí Cường 300DM. Biện Thị Mai 50DM. Nguyễn Ngọc Đường 50DM. Trần Kiệt 50DM. Diệu Đạo 40DM. Lê Văn Re 200DM. Vương Thị Thu Thủy 10DM. Đoái Thị Tuyết Linh 50DM. Nguyễn Thị Hồng Uyên + Xĩa 50DM. Frau Baerbel Schulze (Bremen) 1.000DM. Phật tử chùa



Phái đoàn ủy lạo trại tinh thần

Mạnh Phát 20DM. Cha Sở ở Steilshoop 700DM. Võ Toàn Trung 100DM. Giang Hà + Dương Thị Tuấn 50DM. Vũ Đình Ruyên 20DM. Từ Ngọc Phong 20DM. Diệp Huệ Hùng 20DM. Phan Văn Tuấn 5DM. Hermann 10DM. Nguyễn Phú Mỹ 20DM. Nguyễn Thị Hồng Oanh 20DM.

Linh Thửu (Berlin) 100DM. Từ Huệ (Berlin) 30DM. Diệu Hương (") 30DM. Thiện Xuân (") 250DM. Quốc Phương (") 30DM. Phú Hạnh Hồng (") 40DM. Diệu Cam (") 100DM. Trần Việt Hào (") 50DM. Đạt Huệ (") 30DM. **Tổng Cộng = 6.270DM.**



Phái đoàn ủy lạo trại dưỡng lão

• Nhất Thanh

HỌ ĐÃ LÀM NHƯ THỂ

Vào một ngày trung tuần tháng 8, tôi được một Sư Cô chùa Bảo Vân (quận Bình Thạnh - TP.HCM) mời đi một chuyến ủy lạo ở trại phong Bình Minh (Long Thành - Đồng Nai). Được kể trước là có đoàn Phật tử ở Hamburg (Đức) về làm việc từ thiện, cứu giúp những người tàn tật đói khổ.

Ủy lạo? Ồ! cái mỹ từ đáng gọi lên trong tôi một cái gì thánh thiện cao cả. Đi ủy lạo một lần như vậy là cả biết bao nhiêu tấm lòng đóng góp vào đó. "Lá lành đùm lá rách", của ít lòng nhiều, đâu phải ai cũng hững hờ trước nỗi đau của đồng loại. Và hôm ấy tôi đã tận mắt chứng kiến điều đó khi cùng phái đoàn chùa Bảo Vân và các Phật tử Hamburg bắt đầu chuyến đi. Tôi thật sự rung động, phấn chấn lên trước những tấm lòng nhân ái và tình người đôn hậu của những người con Phật.

Xe chưa ra khỏi thành phố thì trời đã sáng. Có một xe chở hàng đã đi trước 5 giờ, đứng đợi ngay cổng vào trại. Đường vào trại phong Bình Minh không trơn tru cho lắm, sinh lầy và gồ ghề lở chỗ. Bằng ánh nhìn gần gũi hơn đôi với những Phật tử Việt kiều Tây Đức, tôi nghĩ: Kể cũng đặc biệt đấy, họ là những kẻ ở nước ngoài về, chỗ họ đến phải là Hotel 5 sao, Restaurant thượng hạng, chỗ họ đến phải là các tụ điểm du lịch sang trọng chứ đâu phải là những nơi "khỉ ho cò gáy", "chó ăn đá gà ăn muối" này. Qua vài câu chuyện xã giao, tôi thấy họ khiêm tốn vô cùng. Họ không tỏ vẻ khoe khoang về những gì họ làm được, họ có vẻ tiếc nuối rằng không có đủ khả năng san sẻ nỗi khổ với đồng loại tất cả. Ở mỗi lời nói, mỗi ánh nhìn đều hàm-xúc tâm từ bi quảng đại, ẩn chứa niềm thương cảm chân thành của mình đối với những người thiếu thốn.

Tôi hỏi một vị trong đoàn - một ông già tuổi trạc lục tuần, về mặt đây nhân hậu:

- Bác có thấy vui khi làm công việc này không?

Người Việt kiều Đức ấy cung kính đáp:

- Vâng! tôi rất hạnh phúc ạ. Bởi thì là niềm vui lớn nhất của tôi bấy giờ. Cuộc đời vốn khổ đau, cuộc đời đang cần tình thương đùm bọc, "lá lành đùm lá rách", kẻ nào đem hạnh phúc đến cho người nhất, đó là kẻ hạnh phúc nhất.

Tim tôi đập mạnh, máu trong người nóng lên: người ta đang rao giảng Phúc Âm, người ta đang thực hiện lời



Phái đoàn ủy lạo có nhi viện

dạy của chư Phật, đang hoàng hóa Phật Pháp bằng hành động đích thực. Không! cuộc đời không đen tối, cuộc đời vẫn đầy ý nghĩa, khi tất cả đều ngồi lại với ý niệm tình thương và

phẩm vật được bày ra dưới những bàn tay từ mẫn của quý Sư Cô xếp phẩm vật theo từng loại: nào áo quần nam nữ, xếp theo từng lứa tuổi từ già đến trẻ. Mì gói, xà-phòng, đường, gạo,



Phái đoàn ủy lạo trại cùi

chất liệu ngọt ngào êm ấm của tình người.

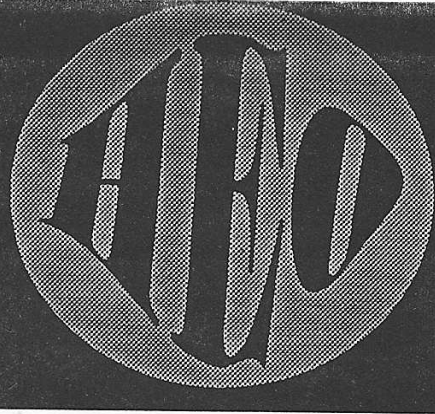
Hai chiếc xe dừng trước sân trại, ba hời kèng được giồng lên. Vài phút sau, từng tốp người lần lượt kéo đến. Có

v.v... được bày biện chu đáo. Ban quản lý trại gọi tên người một đến nhận quà. Các Sư Cô chuẩn bị thật kỹ lưỡng. Nếu Phật tử ở Đức hằng sản hăng tâm mà thiếu quý Sư Cô thì

những cụ già về mặt khắc khổ tay chân co quắp lên. Có những cô gái khá xinh xắn nhưng chân tay không còn lấy một ngón. Có những em thơ hồn nhiên ngơ ngác, chúng nó có biết thời gian sẽ gặm dần thân thể chúng không? Thật là tội nghiệp, khi người ta dất dừ nhau sống trong một ngôi làng cô quạnh, đợi chờ những giọt nước tình thương rót xuống từ những tấm lòng mẫn cảm phương xa và đợi chờ những cơn mưa phù phàng của nghiệp dĩ xối xuống như nhồi từng đốt xương thối thịt nơi thân thể một cách vô vọng, tuyệt vọng tận đáy hồn.

LÊ VĂN THÂU

Lợn cợn chuyện



Heo rằng "nghĩ tui muốn phần
Đến khi béo tốt thì thân chẳng còn
Họ làm trăm món ăn ngon
Nào là thịt nạc, ruột gan, dạ dày".
Chó rằng "Công việc tôi đây,
Đêm đêm gác cửa, ngày ngày đi săn
Ngày đêm siết nổi nhọc nhằn
Com thừa canh cặn, món ăn tòi tàn".

Heo can đảm không sợ chết như chó:

Con gà cục tác "lá chanh"
Con lợn ủn ỉn: "mua hành cho tôi"
Con chó khóc đưng khóc ngồi
"Bà ơi! bà nhớ mua tôi đồng riềng".

Lợn, con quái (dùng để cúng), lão Trư, nái sè, nọc già, ông Chàng (heo rừng độc chiếc)... đều để chỉ con heo.

"Làm biếng như heo". Sự thật con heo không có làm biếng. Heo nhốt trong chuồng thì ăn rồi nằm chờ có ủa phá, đi đây đi đó được đâu. Heo rừng ủa cả ngày lẫn đêm tìm rế, củ để ăn. Heo nhà sút chuồng cũng chạy đi ủa kiếm ăn.

"Ngu như heo" cũng không đúng. Nó không chịu đi khi chủ bán cho lái. Tại lò sát sinh thấy đồng bọn bị đâm, kêu la, heo bị trói nhốt cũng tìm cách thoát thân. Có con heo nọc mỗi sáng chủ cho ăn rồi mở cửa chuồng bắt miếng ván lùa lên xe Lambro chở đi làm việc. Sau vài lần khi quen rồi, khi mở cửa chuồng là nó tự lên xe đứng chờ chủ chở đi.

Câu đố:

"Chín đầu, chín mắt, chín đuôi,
Chín tai, chín mũi, chín mùi, chín chân"

Đó là con heo quay.

Trong truyện "Ngon Cỏ Gió Đùa" của Hồ Biểu Chánh. Lê Văn Đò ăn cắp nời cháo heo về cho lũ cháu bị đói, mà bị bắt đây đi Côn đảo.

Con heo làm chức vụ lớn nhất là "Thiên Bồng Nguyên Soái" Trư Bát Giới sau đi tu theo Tam Tạng thỉnh kinh cũng thành chánh quả.

Heo nái đẻ nhiều lứa ồm, muốn mập để bán phải thiếu. Còn thịt heo nọc hôi ít ai mua, nhưng biết cách làm là hết hôi: Trói con heo nọc tắm bằng nước thật ấm cho nó đổ mồ hôi, đang la hét giãy giụa thì thiên "xoẹt" hai hồn... là thịt sẽ không hôi.

Sau 30.4.75 nhiều quân y, bác sĩ sống nhờ nghề chữa bệnh cho heo. Nhiều cụ chiến binh sống nhờ nghề thiếu heo với tiếng còi cao su "toe toe" hoặc sáo "tò tí te" chạy khắp làng xa, xóm vắng.

"5 mẫu đất cồn không bằng cái... heo nái", vì nuôi heo nái rất có lợi, song phải biết tiêm ngừa, cho ăn uống đầy

đủ hợp vệ sinh. Nếu không chết cả bầy heo thì cũng mệt vì heo nái.

Heo nái sanh ra heo con có 5 móng (thêm một móng đeo) người ta cho là xui nên giết đi. Sự thật bị xui vì giết con heo vô tội. Cứ cắt móng đeo rồi nuôi cho lớn (vì heo 5 móng bán không ai mua) rồi giết thịt đãi bà con trong dịp cúng giỗ thì sẽ lợi nhiều. Heo 5 móng xin cúng được, khỏi tốn tiền mua.

Vài chuyện liên quan về heo

• Heo nái già thành yêu tinh:

Ngày xưa có một cụ già khi ăn lễ thượng thọ 70 tuổi, nuôi một con heo nái già kém sinh sản để khi chết làm thịt. Bà cụ sống thêm 10 năm thì con heo nái già cũng sống thêm 10 năm. Một đêm trăng mờ người con trai ra sân đi tiểu bỗng nghe phía chuồng heo có tiếng nói: "Tụi nó ác quá, tao đã sanh biết bao nhiêu con làm giàu cho nó, giờ già yếu mong được chết sớm để đi đầu thai kiếp khác mà nó cũng không cho, cứ bắt tao làm kiếp heo hoài". Chàng trai rón tóc gáy, làm gan lại xem thì thấy một bà già tóc bạc ngồi chống tay xuống đất. Chàng ta chạy vào nhà tri hô lên mọi người bụng đèn chạy ra chuồng heo thì chỉ thấy con heo nái già ngồi chống hai chân trước xuống đất.

Một bà già sống một mình, xin được một con heo đẹt nuôi làm bạn và để lo hậu sự, hằng ngày vào buổi xế ra rạch tắm cũng ẵm con heo tắm. Thức ăn thì com thừa canh cặn, con heo chậm lớn, heo lớn dần bà cũng vẫn ẵm đi tắm. Sau hơn một năm con heo được khoảng một tạ, bà vẫn ẵm đi tắm như thường, mạnh như lực sĩ.

Một anh thua số đề quá vái Ông Địa cho trúng lớn sẽ cúng một con heo quay. Ông Địa cho trúng. Anh ta ra chợ mua một con heo đất - dùng bỏ tiền tiết kiệm - đem cúng. Ông Địa bật cười cái miệng chành bành đến giờ.

Heo và chó tâm sự:

Món ăn "heo sữa" chẳng biết ngon và bổ dưỡng chỗ nào, nhưng ác quá vì giết những sinh mạng non nớt.

Heo cung cấp nhiều món ăn "tuyệt cú mèo": tiết canh lòng heo; dồi trường, bao tử, thổ linh (ruột già) phá lấu; giò thủ; thịt kho tàu với nước dừa xiêm. Sườn heo muối nướng. Bàn chân heo nấu với khô hớ, đu đủ hườm, đàn bà đẻ ăn sẽ cho nhiều sữa. Gan heo nấu canh hẹ rất mát và bổ. Huyết hậu (huyết lỏng còn ứ lại trong buồng phổi) uống trị bệnh thiếu máu chóng mặt. Óc heo chung với gừng trị bệnh nhức đầu đông. Mật heo có thể xài thế mật gấu trị tế túc.

Nhiều người lái heo làm giàu: khi mua thì trừ vú (heo nái), trừ dái (heo nọc), heo lột cân (dưới 50 kg) mua rẻ. Khi bán thì không chứa một món gì.

Những dao phủ thủ chuyên nghiệp chỉ một nhát dao heo la cái "éc" là máu ra nhiều và chết ngay. Những người này khi sắp chết bị "quả báo nhân tiền": Rên la đau đớn không tắt hơi được. Thân nhân phải lấy dao thọc huyết gác trên thau nước để dưới gầm giường và cúng vái mới chết êm được.

Đem heo tới lò muốn quay phải ở giữ, để lấy khoảng 2 kg thịt nạc vì chủ lò phải lóc bớt thịt ở đùi quay mới chín hết. Mấy chàng "kiếm dịch, phòng dịch" muốn ăn thịt quay "chùa" thì lấy của người bán 100 gr. về phân chất, thực sự là phân "đế".

Lễ vật cúng quý nhất là heo quay dù lớn hay nhỏ long trọng hơn cúng trâu bò. Đám cưới đám hỏi mà nhà trai đem heo quay để rất là "xôm tụ".

Mấy thằng ăn trộm heo, dùng lưới câu móc môi trên con heo và dẫn đi từ từ. Con heo bị đau nên phải đi theo và há miệng chẳng la được tiếng nào.

Kể lợn cợn chuyện heo để làm quà thân tặng bạn đọc đầu năm Ất Hợi.



CÁO PHÓ

Chúng tôi đau đớn báo tin Chị, Mẹ, Nội và Ngoại của chúng tôi là:

Bà Quà Phụ ĐẶNG VĂN SĨ

Nhũ danh TỬ THỊ LÉN

Pháp danh Diệu Mỹ Hương

Quy tiên ngày 02.11.1994, nhằm ngày 29 tháng 9 năm Giáp Tuất, tại Aachen (Đức Quốc), hưởng thọ 72 tuổi.

Tang lễ được cử hành vào ngày 08.11.1994 tại Aachen, Đức Quốc.

Đồng thời chúng con xin thành kính tri ân:

- Thượng Tọa Thích Minh Phú, trụ trì chùa Thiện Hòa.

- Ni Sư Thích Nữ Diệu Ân, trụ trì Quán Thế Âm Ni Tự Aachen.

- Hội Người Việt Ty, Nạn tại Aachen.

- Ban Hộ Trì Tam Bảo Quán Thế Âm Ni Tự Aachen.

- Quý Cô Bác, Anh Chị Em, Bạn hữu đã dành thì giờ quý báu để Hộ niệm, cầu nguyện, điện thoại, phân ưu, phúng điếu, giúp đỡ trong tang lễ và tiễn đưa Linh Cửu của Chị, Mẹ, Nội, Ngoại của chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, nếu có điều chi sơ sót, kính xin Chư Tôn Đức, cùng Quý Vị niệm tình tha thứ cho.

Tang Gia Đồng Bái Tại:

- Em Tử Văn Bê (Hoa Kỳ),

- Thứ nữ Đặng Thị Thu Tâm, chồng và các con (Hoa Kỳ).

- Thứ nam Đặng Anh Danh, vợ và các con (Tây Đức).

- Thứ nữ Đặng Thị Minh Nguyệt, chồng và các con (Tây Đức).

- Thứ nam Đặng Anh Dũng (Tây Đức).

- Thứ nữ Đặng Thị Ánh Ngọc và con (Tây Đức).

- Cháu nội Đặng Ngọc Thu Trang (Hoa Kỳ).

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn

Anh NGUYỄN BÌNH THINH

tức nhà văn AN KHÊ

vừa từ trần tại Marignane, miền Nam nước Pháp, lúc 2 giờ 30 chiều ngày thứ tư 9 tháng 11 năm 1994, hưởng dương 72 tuổi.

Chúng tôi vô cùng thương tiếc Nhà văn Lão thành An Khê, người đã nổi danh từ thập niên 50 trên các báo ở Sài Gòn và là Cộng tác viên của nhiều báo ở hải ngoại với các bài Hồi ký lao tù nổi tiếng.

Xin cầu nguyện hương hồn Nhà văn An Khê Nguyễn Bình Thịnh được sớm về cõi Phật và thành thật chia buồn cùng chị An Khê và các cháu.

- Thượng Tọa Thích Như Điển

- Văn Lang Trần Văn Ân (Pháp) - Lãng Nhân Phùng Tất Đắc (Anh Quốc) - Hương Giang Thái Văn Kiểm (Pháp) - Đinh Văn Khai (Canada) Cựu Chủ nhiệm báo Tiếng Chuông - Huyền Vũ (Mỹ) - Phạm Thăng (Canada) - Hồ Trường An (Pháp) - Nguyễn Văn Ba (Canada) - Hiếu Đệ (Mỹ) - Lê Quang Xuân (Canada) - Hứa Hoàn (Mỹ) - Vũ Nam (Đức)

CẢM TẠ

Chúng tôi chân thành cảm tạ:

- Quý Cha, Quý Thầy,

- Quý Hội Đoàn người Việt ty, nạn hải ngoại, và riêng Cộng đồng ty, nạn Việt Nam vùng Cambridgeshire,

- Quý vị bà con cô bác thân bằng cố hữu xa gần,

đã làm lễ, xin lễ đưa chân, lễ cầu siêu, đã có lời chia buồn trên báo chí hay qua thư từ, điện tín, điện thoại, đã gửi tiền, gửi hoa đến phúng điếu hoặc đã tới tận nơi tiễn đưa linh cửu

Bà Teresa HOÀNG THỊ THỊNH

tới nơi an nghỉ cuối cùng hồi 12 giờ 30 ngày 14.10.1994 tại Cambridge, Anh Quốc.

Trong lúc tang gia bối rối, lại vì đường xá xa xôi, không kịp liên lạc bằng thư từ hay điện thoại, có điều chi sơ sót, xin quý vị niệm tình tha thứ.

- Mẹ: Cụ Hà Thị Gián

- Chồng: Trần Kim Tuyến

* Các con:

- Trần Thăng Long cùng vợ Võ Như Phượng và con gái Trần Mai Anh.

- Trần Phương Lan, Trần Chi Lăng.

- Trần Tuyết Lan cùng chồng Đặng Quốc Lê Dũng, Trần Trúc Lâm,

và toàn thể tang gia nội ngoại.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Chúng tôi lấy làm đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc. Anh, Cậu của chúng tôi là:

Nhà văn AN KHÊ

NGUYỄN BÌNH THINH

Pháp danh Minh Văn

Sinh ngày 01 tháng 9 năm 1923

Đã từ trần ngày 09 tháng 11 năm 1994 vào lúc 14 giờ 30 phút, nhằm ngày mùng 7 tháng 10 năm Giáp Tuất, tại Marignane (Marseille) Pháp Quốc.

Hưởng Thọ 72 tuổi.

Tang lễ cử hành vào lúc 08 giờ 00 sáng ngày 14.11.1994 tại Marignane, Pháp Quốc.

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ và tri ân:

- Thượng Tọa Thích Như Điển, trụ trì chùa Viên Giác.

- Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm chùa Bảo Quang, Hamburg

- Chử Hòa (Phù Vân) ở Hamburg, cùng toàn thể Ban Biên Tập Báo Viên Giác

- Chú thím Lê Thanh Tùng và toàn thể Ban Biên Tập báo Dân Văn.

- Cùng toàn thể quý Ông, Bà, Bác, Chú, Anh, Chị, Em tại Pháp Quốc, Đức Quốc đã điện thoại, thư từ, phúng điếu và đã dành thì giờ quý báu tiễn đưa linh cửu Anh, Cậu chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, không tránh khỏi nhiều điều thiếu sót. Kính mong quý vị niệm tình tha thứ và xin thêm lời cầu nguyện cho hương hồn của Anh và Cậu tôi sớm tiêu điều nơi miền Cực Lạc.

Tang Gia Đồng Cáo Phó & Cảm Tạ

- Em: Ô.Bà Nguyễn Văn Nghiêm Louis và các con (Pháp).

- Cháu: Ô.Bà Hàng, Hùng, Định và các con (Đức)

CÁO PHÓ

Chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cho Bà con, bạn hữu, các nhà văn nhà báo đồng nghiệp trong ngoài nước được rõ:

Em, Anh, Chồng và Cha chúng tôi:

Nhà văn AN KHÊ

NGUYỄN BÌNH THINH

Pháp danh Minh Văn

sinh ngày 01.9.1923, đã từ trần vào lúc 14 giờ 30 ngày 09.11.1994 tại Marignane (Marseille) Pháp Quốc. Hưởng thọ 72 tuổi.

Tang lễ sẽ cử hành vào lúc 08 giờ ngày 14.11.1994 tại Marignane, Pháp Quốc.

Cáo Phó này thay thế Thiệp Tang.

- Bà Quà Phụ An Khê NGUYỄN BÌNH THINH, nhũ danh Trương Thanh Vân.

- Anh, Ô.Bà Nguyễn Bình Tiên và các con tại Pháp & Việt Nam.

- Chị, Bà Fournier và các con tại Pháp.

- Chị, Bà Nguyễn Thị Ngân và các con tại Anh Quốc và Việt Nam.

- Em, Bà Trần Tấn Mẹo và các con tại Hoa Kỳ.

- Em, Ô.Bà Quách Xén và các con tại Pháp.

- Em, Ô.Bà Nguyễn Văn Nghiêm và các con tại Pháp.

- Trưởng nữ Nguyễn Thanh Vân Nga, chồng và các con tại Pháp.

- Thứ nữ Nguyễn Thanh Vân Hà, chồng và các con tại Hoa Kỳ & Việt Nam.

- Thứ nữ Nguyễn Thanh Vân Phượng, chồng và các con tại Việt Nam.

- Trưởng nam Nguyễn Bình Quốc, vợ và các con tại Pháp.

- Thứ nam Nguyễn Bình Hưng, vợ và các con tại Việt Nam.

- Thứ nam Nguyễn Bình Dũng, vợ và các con tại Việt Nam.

- Thứ nam Nguyễn Bình Hùng, vợ và các con tại Pháp.

- Thứ nam Nguyễn Bình Kiệt, vợ và các con tại Việt Nam.

- Thứ nữ Nguyễn Thị Thanh Hoàng tại Việt Nam

- Cháu Nguyễn Bình Quang và vợ tại Pháp.

- Cháu, Ô.Bà Galligan và các con tại Pháp.

Đồng Khấp Báo

Marseille, ngày 15 tháng 11 năm 1994

THƯ CẢM TẠ

Bà Quà Phụ AN KHÊ NGUYỄN BÌNH THINH, nhũ danh Trương Thanh Vân và các con:

Xin chân thành cảm tạ quý thân bằng quyến thuộc, bạn hữu; Quý Đại diện các Hội Đoàn, Tổ Chức và Quý Thầy đã gửi thư, điện thoại, điện tín chia buồn. Nhất là quý vị đã dành thì giờ quý báu đến tiễn đưa linh cửu Chồng và Cha chúng tôi về nơi an nghỉ cuối cùng ngày 14.11.1994.

Trong lúc tang gia bối rối việc tổ chức có nhiều điều sơ suất xin Quý Thầy và Quý vị niệm tình tha thứ.

Xin chân thành đa tạ

Bà Quà Phụ Nguyễn Bình Thịnh, nhũ danh Trương Thanh Vân và các con.

10 rue Paul Fort, Villa Clamony, 13730 St Victoret, France

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng xúc động khi được tin:

Cụ LƯƠNG TÀI

Thệ thế ngày 29.9.1994 tại Đà Nẵng (nhằm ngày 24 tháng 8 Âm lịch năm Giáp Tuất). Hưởng thọ 82 tuổi

thân phụ của Đạo Hữu Thiện Căn Phạm Hồng Sáu, Tổng Thư Ký Hội Phật Tử Việt Nam Ty, Nạn tại Đức.

Thành thật chia buồn cùng tang quyến và xin nguyện cầu Hương Linh Cụ Ông vãng sanh Cực Lạc Quốc.

- Chùa Viên Giác - Ban Hộ Trì Tam Bảo Chùa Viên Giác - Hội Phật Tử VNTN và các Chi Hội PTVNTN tại Đức. - Ban Huynh Trưởng GDPT/VNTN và các GDPTVNTN tại Đức - Ban Biên Tập Báo Viên Giác - Gđ. Nguyễn Phú Thứ, Lyon, Pháp.

PHÂN ƯU

Được tin buồn:

Ông NGUYỄN BÌNH THINH (Nhà Văn AN KHÊ)

đã qua đời vào lúc 14 giờ 30 ngày 09.11.1994 tại Marseille (Pháp). Hưởng thọ 72 tuổi.

Chúng tôi xin thành kính chia buồn cùng gia đình Chị Nguyễn Bình Thinh và nguyện cầu Hương Linh của người anh văn nghệ sớm được siêu thoát miền Cực Lạc.

- LM. Joan Nguyễn Hùng Lân (Bì) - GĐ. Vũ Kỳ (Bì) - GĐ. Bà Quả phụ Nguyễn Ang Ca (Bì) - GĐ. Phù Vân Nguyễn Hòa (Đức) - Ban Biên Tập Báo Viên Giác - GĐ. Nguyễn Phú Thứ, Lyon (Pháp).

PHÂN ƯU

Chúng tôi vừa nhận được tin buồn:

nhà văn AN KHÊ, tức ký giả CỬU LANG

tên thật là **NGUYỄN BÌNH THINH**

đã thất lạc tại tư gia, ở Marseille, Pháp Quốc, vào hồi 14 giờ 30, ngày 09.11.94, nhằm ngày mùng 7 tháng 10 âm lịch năm Giáp Tuất. Hưởng thọ 72 tuổi.

Trước sự ra đi bất ngờ của người bạn cố tri, chúng tôi không khỏi vô cùng đau đớn. Chúng tôi xin có lời thành thực chia buồn cùng chị An Khê Nguyễn Bình Thinh và các cháu. Đồng thời chúng tôi cũng xin nguyện cầu cho hương linh người quá vãng sớm siêu thăng miền Lạc Cảnh.

- Ông bà Đình Văn Khai (Canada) - Vợ chồng Đặng Văn Nhâm (Đan Quốc)

PHÂN ƯU

Đau đớn nhận được tin buồn Nghĩa Huynh:

NGUYỄN BÌNH THINH tức nhà văn AN KHÊ

Nguyên Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ Tổng Hội Phế Binh Việt Nam.

Sinh ngày 01.9.1923, đã mệnh chung hồi 14 giờ 30 ngày 09.11.94 tại làng Marignane, Marseille, Pháp Quốc, hưởng thọ 72 tuổi.

Vì đường xá xa xôi, gia đình Em không thể về để đưa tiễn Anh Hai tới nơi an nghỉ cuối cùng.

Chúng em chân thành chia buồn cùng Chị Hai và các cháu, nguyện cầu Hương linh Anh Hai sớm tiêu diêu nơi miền Cực Lạc.

Gia đình Nghĩa đệ LÊ THANH TÙNG (Đức Quốc).

PHÂN ƯU

Vô cùng xúc động được tin:

thân hữu **NGUYỄN BÌNH THINH**
tức nhà văn AN KHÊ

Nguyên phó chủ tịch ngoại vụ THPB/VN sinh ngày 01 tháng 9 năm 1923, đã mệnh chung hồi 14,30 giờ, ngày 09 tháng 11 năm 1994, tại làng Marignane, Marseille, Pháp. Hưởng thọ 72 tuổi.

Thành kính chia buồn cùng bà AN KHÊ và tang quyến. Nguyện cầu hương linh nhà văn AN KHÊ sớm tiêu diêu nơi tiên cảnh.

- BCH và Đảng viên các cấp thuộc Đảng Bộ Âu Châu/VNQQĐ/HN

PHÂN ƯU

Được tin buồn, thân sinh của Anh Phạm Hồng Sáu là:

Cụ LƯƠNG TÀI

đã từ trần tại Đà Nẵng, Việt Nam, ngày 29.9.94. Hưởng thọ 82 tuổi.

Chúng tôi kính chia buồn cùng tang quyến và nguyện cầu hương linh Cụ sớm siêu sanh tịnh cảnh.

- Gia đình Lý Tu ở Lingen
- Gia đình Đào Hoàng Em - Hannover

PHÂN ƯU

Được tin:

Cụ Bà NGUYỄN THỊ NGẮN Pháp danh Diệu Tâm

thân mẫu của Đạo Hữu Diệu Cao, vừa từ trần ngày 08.9.1994 (tức ngày mùng 3 tháng 8 năm Giáp Tuất) tại Việt Nam. Hưởng thọ 94 tuổi.

Ni Chúng chùa Bảo Quang và Chi Hội Phật Tử Hamburg, chân thành Phân Ưu cùng gia đình Đạo Hữu Diệu Cao và cầu nguyện Hương Linh Cụ Bà sớm sinh về Cõi Phật.

PHÂN ƯU

Được tin:

Bà LÊ TẤN HÒA Nhũ danh TRƯƠNG THỊ MÙI Pháp danh Tịnh Lạc

Thân mẫu của anh Lê Tấn Tài, Chi Hội Phó CHPT VNTN tại Bremen, vừa từ trần ngày 01.11.94 tại California, Hoa Kỳ. Hưởng thọ 76 tuổi. Lễ an táng đã được cử hành tại Biên Hòa, Việt Nam, ngày 12.11.94.

Chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng tang quyến và xin nguyện cầu chủ hương linh Bà vãng sanh Cực Lạc Quốc.

- Tổ chức Sinh hoạt NVTN tại CHLB Đức
- Hội Người Việt TN tại Bremen
- Chi Hội Phật Tử VNTN tại Bremen

PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được tin trẻ:

Cụ TRẦN HỮU LAI Pháp danh Lakko

đã thất lạc ngày 17.9.94 tại Koeln. Hưởng thọ 69 tuổi, là thân phụ của Huỳnh Trưởng Thiện Hữu Trần Hữu Lộc.

Thành thật chia buồn cùng tang quyến và Anh Thiện Hữu. Nguyện hương linh Cụ sớm được siêu sanh Tịnh Độ.

Chùa Viên Giác - Ban Hộ Trì Chùa VG
- Ban Biên Tập Báo Viên Giác - Hội Phật Tử VNTN tại Đức - Ban Hướng Dẫn và các GDPTVN tại Đức Quốc.

PHÂN ƯU

Được tin buồn:

Bác VĂN CÔNG QUÝ PHỦ

là thân phụ của các bạn Văn Đình Hoàng (Arnhem), Văn Thị Mỹ và Văn Đình Thi (Hoor),

đã thất lạc ngày 14.10.94, nhằm ngày 10 tháng 9 năm Giáp Tuất tại Đà Nẵng, Việt Nam, hưởng thọ 63 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng các bạn và nguyện cầu hương hồn của Bác sớm được về nước Chứa.

- Gia đình Lê Văn Thầu (Arnhem)

CHIA BUỒN

Chồng của Bác sĩ Tuyết :

Bác sĩ NGUYỄN THỌ TRƯỜNG

đã từ trần vào chiều ngày 07.12.94 tại Bad Schwar, hưởng dương 52 tuổi.

Chúng tôi toàn thể anh chị em Ghe số 4, Cap Anamur 7, đồng kính bái.

- Đại diện Tăng Hồng Sương (Hamburg)
- Lê Văn Tấn (Muenchen)
- Đình Thị Thúy Hằng (Berlin)

CÁO PHÓ

Chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin Mẹ,
Bà Nội, Bà Ngoại của chúng tôi là:

Bà Quả Phụ

NGUYỄN VĂN THANH

Nhũ danh Nguyễn Thị Ngân Pháp danh
Diệu Tân. Đã từ trần ngày 08.9.94 (tức
ngày mùng 3 tháng 8 năm Giáp Tuất), tại
Hà Tây, Bắc Việt, Việt Nam.

Thượng thọ 94 tuổi.

Tang lễ cử hành vào ngày 11.9.94 tại
quê nhà.

Lễ Thọ Tang và Cầu Siêu vào lúc 11 giờ
ngày 02.10.94 tại Chùa Bảo Quang.

Đồng thời chúng con xin chân thành tri
ân:

- Ni Sư Thích Nữ Diệu Tâm, trụ trì chùa
Bảo Quang.

- Sư Cô Diệu Phước, chùa Bảo Quang.

- Ban Hộ Trì Tam Bảo chùa Bảo Quang.

- Hội Người Việt Ty. Nạn Cộng Sản tại
Hamburg.

- Chi Hội Phật Tử Hamburg và quý Đạo
Hữu.

- Thân bằng quyến thuộc đã dành thì giờ
quý báu đến dự lễ Cầu Siêu, Hộ niệm,
Phân ưu, phúng điếu và điện thoại thăm
hỏi, an ủi.

Trong lúc tang gia bối rối, chắc có nhiều
điều sơ suất, kính mong chư liệt vị niệm
tình tha thứ.

Tang Gia Đồng Bái Tạ

- Trưởng nam Nguyễn Văn Hoàng, vợ và
các con tại Hà Nội, Việt Nam.

- Trưởng nữ Nguyễn Thị Nhân, chồng và
các con tại Lào.

- Thứ nữ Nguyễn Thị Bé, chồng và các
con tại Hamburg

- Thứ nữ Nguyễn Thị Tý, chồng và các
con tại Sài Gòn.

- Thứ nữ Nguyễn Thị Đông, chồng và các
con tại Hà Nội.

PHÂN ƯU

Được tin buồn:

CỤ Bà PHẠM THỊ QUÝ

thân mẫu của đồng nghiệp Nguyễn Văn
Hào, đã thế thể ngày 02.12.1994, nhằm
ngày 30 tháng 10 năm Giáp Tuất, hưởng
thọ 61 tuổi.

Chúng tôi thành kính chia buồn cùng
Anh Nguyễn Văn Hào và gia đình. Xin
nguyện cầu hương linh Cụ Bà sớm về cõi
Niết Bàn.

* Các gia đình:

- Nguyễn Thái Hiệt - Huỳnh Kim Hui -
Phan Thị Cẩm - Lý Thị Liên - Phan Tuyết
Hoa - Hồ Thị Phương - Cổ Kim Trường -
Huỳnh Thị Thu Hiền - Nguyễn Đình -
Quách Kim Lê - Đoàn Mậu Can - Đỗ Ngọc
Thảo.

HỘP THƯ VIÊN GIÁC

Trong thời gian vừa qua, Viên Giác
đã nhận được những thư tín, tin tức,
tài liệu và bài vở của Quý vị, Tổ chức
và Hội đoàn các nơi dưới đây. Viên
Giác xin chân thành cảm tạ. Riêng
những sáng tác của văn thi hữu gửi
về, chúng tôi đã chuyển đến Ban Đọc
và chọn đăng. Xin chân thành cảm tạ
và đón nhận thêm những sáng tác
mới.

Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn (Úc),
Diệu Hiền NTK (Hannover), Phòng
Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế (Pháp),
Phạm Thăng (Canada), Dr. Nguyễn
Ngọc Kỳ (USA), Ngô Trọng Anh
(USA), Ủy ban Phối hợp Cứu nguy
Thuyền nhân và Tranh đấu Nhân
quyền cho Việt Nam (Pháp), Phan
Ngọc Minh (Reutlingen/Đức), Trúc
Giang (Blieskastel/Đức), Tu Viện Vạn
Hạnh (Úc), Ven. Dr. Thích Trí Chơn
(USA) Dr. Med. Max Kaelin (Suisse),
Phạm Hồng Sáu & Hồng Nhiên
(Lingen/Đức), Nguyễn Tấn Hưng
(USA), Phạm Hà Thanh (Bi), Nguyễn
Thị Nga (Ý), Thiện Trang
(Merzig/Đức), Trần Đăng (Aue/Đức),
Đào Trọng Hiếu (Karlsruhe/Đức),
Phạm Hoàng Thái (Pháp), Lê Thành
Tín (Oberhausen/Đức), Trần Phong
Lưu & Quỳnh Hoa (Saarburg/Đức),
Roland Berthol Từ Xứng (Berlin/Đức),
Bảo Văn (Canada), Quang Kính
(Hannover/Đức), Thanh Bình (Suisse),
Sư Huỳnh Hà Đẩu Đông
(Muenster/Đức), Trần Hữu Lộc
(Stuttgart/Đức), Thiện Nghĩa
(Karlsruhe/Đức), Dr. Tôn Thất Hứa
(Wuerzburg/Đức), Vũ Nguyên Khang
(Đan Mạch), Kim Anh Nguyễn Việt
Nữ (USA), Viện Hóa Đạo II (Hoa Kỳ),
Lang Nghi (Ý) Vũ Nam
(Gomaringen/Đức) Hương Giang Thái
Văn Kiểm (Pháp), Nguyễn Nhung
(Herborn /Đức) Phù Vân
(Hamburg/Đức), Người Giám Biên
(Hannover/Đức), Nam Cao
(Hamburg/Đức), Lê Văn Thâu (Hòa
Lan), Huy Giang (Đức), Ngô Văn Phát
(Hannover/Đức), Nguyễn Phú Thứ
(Pháp), Nhật Thanh (Hamburg/Đức),
Trần Văn Tích (Đức), Hồ Trường An

(Pháp), Hạ Minh (Đức), Vũ Kỳ (Bi),
VNQDD Đảng Bộ Âu Châu (Đức), Bùi
Văn Hân (Muenster/Đức), Đào Dương
(Karlsruhe/Đức).

Ngoài ra trong thời gian vừa qua
Chùa Viên Giác đã nhận được những
kinh sách, báo chí của các Chùa, các
Tổ chức, Hội đoàn khắp nơi gửi về
biếu. Viên Giác xin chân thành cảm tạ
và xin trân trọng giới thiệu đến quý
độc giả xa gần:

* **Đức:** Thiện Chí số 22, 23; Dân Văn
số 46, 47; Cánh én số 39, 40;
Entwicklung und Zusammenarbeit
10/94 & Nr.35; Pháp Nạn số 37;
Lotusblaetter 3/94; Betrifft Nr. 4/94;
Cao Đài Giáo Lý số 32; Bản Tin Đức
Quốc số 10/94, 11/94; Hy Vọng số 11;
Diễn Đàn Việt Nam số 44, 45; Dân
Chúa Âu Châu số 145, 146; Kháng
Chiến số 139; Dân Việt số 11;
Développement et Coopération Nr.
6/94; Development and Cooperation
Nr. 5, 6/94; Thông Tin VIDİ số 9, 10,
11/94; Schalom Nr.7; Trôi Mối Đất
Mới số 18; Das Beste Nr. 12; Die
Politische Entwicklung in VN của Dr.
Âu Dương Thệ; Sinh Hoạt Cộng Đồng
12/94; Việt Nam Đi Tới 12/94;
VietNam Forum Nr.2; Impressum
(Spaichingen).

* **Pháp:** Nhân Bản số 210, 211; Định
Hướng số 5; Ái Hữu số 141, 142.

* **Hòa Lan:** Việt Nam Nguyệt San số
97.

* **Bi:** Truyện và Ký của Vũ Kỳ.

* **Thụy Sĩ:** Mục Vụ số 131, 132, 133.

* **Na Uy:** Pháp Âm số 4, 5/94.

* **Nga:** Thảo Đường số 1, 2.

* **Hoa Kỳ:** Tạp chí Dân Chủ Mới số
36, 37; Ch' an Magazine Fall 94; Giao
Điểm số 27; Chân Trời Mới số 10/94;
Xây Dựng số 60; Ch'an New Letter
Nr. 104; Kháng Chiến số 140; Hoa
Sương (Thơ - Tuệ Nga).

* **Canada:** Khai thác thị trường số
15; Liên Hội số 46, 47; Từ Ân (số kỷ
niệm 15 năm); Thiện Tôn số 12; Phát
Bồ Đề Tâm; Pháp Âm số 47, 48.

* **Đài Loan:** Thiên Phật Sơn số 66,
67; Trung Ngoại số 460, 461; Phật
Quang Thế Kỳ số 81, 82, 83, 84, 85;
Hiện Đại Phật Giáo số 162, 163.

* **Úc:** Hoài Báo số 11.

* Chúc Mừng * Chúc Mừng *

* Nhận được hồng thiệp của anh chị Nguyễn Thái Hiệt ở Metzingen (Đức Quốc), báo tin
Lễ Vu Quy cho Thứ nữ:

Nguyễn Thị Hồng Thủy đẹp duyên cùng Cậu Di Taranto Antonio
Hôn lễ được cử hành tại Metzingen vào ngày 19.11.1994.

Gia đình chúng tôi xin chung vui cùng hai họ và cầu chúc hai cháu được Trăm Năm
Hạnh Phúc.

— Gđ. Lý Văn Văn - Gđ. Trần Văn Huyền

* Nhận được hồng thiệp của Ông Bà Lương Hiền Sanh báo tin Lễ Vu Quy cho Thứ nữ:

Cô Lương Thế Dung đẹp duyên cùng Cậu Nguyễn Văn Hùng
Thứ nam của Bà Quả Phụ Nguyễn Văn Tố, nhũ danh Vũ Thị Bái.

Hôn lễ được cử hành tại Duisburg (Đức Quốc) ngày 26.11.1994.

Chúng tôi thành thật chung vui cùng hai họ Lương & Nguyễn và chúc hai cháu Thế
Dung & Văn Hùng Trăm Năm Hạnh Phúc.

— Ban Biên Tập Báo Viên Giác



PHƯƠNG DANH CÚNG DƯƠNG

(Tính đến ngày 12.10.1994)

(Tiếp theo Viên Giác 83)

Trong thời gian gần đây, Chùa có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân hàng hay bằng Bưu phiếu, nhưng không có ghi rõ mục đích. Thí dụ như: Cúng Tam Bảo, Xây Dựng Chùa, An Tống Kinh Sách, ủng hộ Báo Viên Giác..., hoặc trả tiền thỉnh bằng kinh, pháp bảo, trả tiền bán trái, v.v...

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không ghi rõ là chuyển tiền dùm cho ai để Cúng Dương hoặc thanh toán về vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhớ ghi rõ Họ và Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích, để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cúng Dương, xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày...? tháng...? để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chùa có tên trong danh sách. Chùa có hai số Konto. Riêng số 870-3449, thì một tháng Ngân hàng mới báo một lần. Nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Kính mong quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách Phương Danh Cúng Dương của quý Đạo Hữu và Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chữ ĐH ở bên trên.

■ TAM BẢO

ĐH. Đỗ Trinh (Aalen) 30DM. NPD Phát Bảo (Barntrup) 500DM. Huỳnh 20DM. Mã Chi (Muenster) 20DM. Hoa Thị Bình (Remlingen) 20DM. Lê Minh Tuấn (Hainstarth) 20DM. Fam. Trinh & Huỳnh (Ulm) 50DM. Trần Thắng Huệ (Muenster) 20DM. Trần Thế Huệ (*) 20DM. Linda Quách, Linh, Hường (*) 50DM. Trần Thanh Huệ (*) 20DM. Cu Say Hin (*) 20DM. Trần Yên Huệ (*) 20DM. Thiện Duyên & Thiện Hồng (*) 100DM. Nina (Celle) 20DM. Trần Kinh Hưng 50DM. Trần Nam Nhi (Wunstorf) 50DM. Phan Thanh Hải (Hannover) 20DM. Nguyễn Đình Thọ (Loewensteyn) 10DM. Lưu Ngọc Sơn (Schwabach) 20DM. Nguyễn Đình Tuấn (Peine) 20DM. Nguyễn Thị Hồng Mận (Hannover) 20DM. Đoàn Thị Hằng 20DM. Khuất Bang (Luhden) 10DM. Nguyễn Khánh Thị Lan (Regensburg) 7DM. Mạch Cương Tân (Dejmenhorst) 50DM. Nguyễn Khánh Thịn (Regensburg) 40DM. Viên Cẩm Phú (Toenisvorst) 60DM. Nguyễn Thị An Thái (Ingolstadt) 20DM. Chung Cẩm Huệ (Hamburg) 20DM. Ngân Trương (Sweden) 20DM. Phạm Đức Tuấn (Leipzig) 20DM. Nguyễn Minh Châu (Weiler) 70DM. Phạm Ngọc Quang 10DM. Tâm Nguyệt & Tâm Bửu 50DM. China Restaurant 100DM. Nguyễn Thanh Thúy (Uelzen) 20DM. Lê Nguyễn Thịnh (Meckelfeld) 50DM. Mỹ Anh Pfaff (Köln) 30DM. Từ Tuyết Quyên (Bad Duerkheim) 50DM. Nguyễn Đức Hiếu (Woerth) 30DM. Phạm Đình Thắng (Bueckeberg) 10DM. Lương Thị Thanh Nga (Harpstedt) 5DM. Trần Bo (Kiel) 100DM. Lưu Châu (*) 100DM. Trần Văn Vui (Berlin) 10DM. Chanima Massano (*) 50DM. Vũ Xuân Cảnh (Moosbach) 20DM. Thiện Tánh Hans Alhna (Hannover) 80DM. Quách Quế Hương (Peißenberg) 20DM. Nguyễn Công Phong (Clausthal) 100DM. Đoàn Thị Minh (Berlin) 10DM. Chu Thị Thạch (*) 10DM. Nguyễn Thị Minh Thịnh (Cottbus) 10DM. Bùi Thị Bình (Garbsen) 10DM. Bùi Thị Tâm (Berlin) 20DM. Nguyễn Tiến Vinh 30DM. Chung Dinh 50DM. Vũ Thủy Nga (Moosbach) 20DM. Lê Hữu Thắng (Niefern) 20DM. Bùi Thị Nguyệt (Muenster) 100DM. Lâm Thị San (Freiburg) 100DM. Hàn Tứ Nguyên (Berlin) 20DM. Nguyễn Thị Hiền (Eimeldingen) 500DM. Hàn Cường (Reutlingen) 50DM. Lưu Minh (*) 100DM. Trần Thị Lệ Hường (*) 100DM. Tâm Lương (Frankfurt) 500DM. Trần Phong Lưu (Saarburg) 50DM. Dực Thị Hiền (Saarlouis) 200DM, mô ông Tôn Di Hiền. Huỳnh Quốc Tuấn (Dortmund) 400DM, HHHH ĐH Lê Huỳnh Thị Kim Đào. Thầy Thiện Sơn (Barntrup) 200DM. Nguyễn Thị Hường An, Nguyễn Thị Nguyễn Hòa, Nguyễn Thị Viên Phương (Mainz) 1.200DM, HHHH ĐH Nguyễn Thị Kính. Phan Văn Hòa (Bad Oeynhausen) 40DM. Đỗ Chiêu Cang (Herford) 20DM. Đỗ Tú Thoa (Aalen) 20DM. Đỗ Lenny (USA) 20DM. Nguyễn Muốn (Goettingen) 50DM. Lê Văn Dũng (Hattorf) 20DM. Lê Đức Quang (Magdeburg) 20DM. Lê Quang Minh (Egeln) 20DM. Lê Hồng Tâm 50DM. Võ Trần Cường (Egeln) 50DM. Hằng, Cảnh, Thọ, Hà (Saugehausen) 50DM. Quang Thanh Vượng (Leipzig) 10DM. Võ Thị Lý (Erlangen) 100DM. Sơn, Cẩm, Khánh (Eisenach) 20DM. Minh & Sơn (Eспенheim) 20DM. Quang Minh & Kim Thứ (Fuerth) 100DM. Thiệu, Nga, Hà (Gardelegen) 30DM. Gđ họ Nguyễn (Heppenheim) 20DM. Nguyễn Minh Hiền (Hemlichheim) 20DM. Lý Quốc Đống (Hamburg) 200DM. Trương Quang Hai (Koethen) 20DM. Phùng Văn Tùng (Leipzig) 20DM. Quang Mai (Laatzen) 100DM. Phạm Thị Kim Xuân (Langenhagen) 20DM. Trịnh Thanh Liêng (Maintal) 100DM. Hoàng Tuấn & Ánh Trinh (Oldenburg) 100DM. Nghiệp, Bình, Thọ (Thaie) 100DM. Lê Ngọc Long (Wuestenbrand) 50DM. Tuấn, Nguyệt, Minh, Huấn, Tâm, Hảo 130DM. Đoàn Thị Mỹ Lộc (Koblenz) 100DM. Nguyễn Thị Lan (Potsdam) 30DM. Đặng Thục Chính 50DM. Nguyễn

Thế Quang (Garbsen) 11DM. Dương Đình Thắng (Potsdam) 20DM. Mạc Kiên Cường (Hatter) 5DM. Từ Thu Muối (Laatzen) 50DM. Diệu Yên - Thiện Đức (Gießen) 100DM. Quách Mỹ Trân (Wallenhorst) 50DM. Wulf Kollong 10DM. Cam Phát Mạnh 20DM. Dương Văn Vy (Meppen) 20DM. Goldene Schale (Binke) 100DM. Hoàng Phan Hải (Heide) 15DM. Chùa Thiện Hòa (M Gladbach) 500DM. Trần Văn Cồn (Suisse) 200FF. Trần Thị Cán (*) 200FF. Phan Thị Huệ (*) 200FF. Đặng Văn Cán (*) 100FF. HHDH Trần Minh Quý, HHDH Trần Thị Ngọc Ánh (*) 100FF. Chùa Thiện Minh (*) 1.000FF. Lê Kim Hương (Vleibert) 20DM. Hà Lâm (M Gladbach) 50DM. Huỳnh Then 50DM. Lê Thái (Krefeld) 100DM. Nguyễn Viên Phương (Koblenz) 100DM. Đặng Thị Tuyết Nga (Bremehaven) 200DM, HHHH ĐH Đặng Quang Cự và HL ĐH Phạm Thị Quyên. Đặng Thị Tuyết Nga (Bremehaven) HHHH Hậu + Vô danh. Đậu Văn Thịnh (Kulmbach) 10DM. Khắc Hiếu Nam 20DM. China Rest. Dynastie (Wattenbuettel) 500DM. Diệu Ngọc (USA) 100US. Nguyễn Trọng Tuấn (Muenchen) 100DM. Bảo Quang Ni Tự (Hamburg) 400DM. Dương Thị An (Berlin) 20DM. Phạm Trọng Dinh (Usingen) 10DM. Hoàng Quốc Hùng (Neuoetting) 10DM. Lê Quang Tiến (Klollingen) 5DM. Tân (Usingen) 10DM. Fam. Tạ 20DM. Nguyễn Thị Thu Thủy 20DM. Mai Hoàng Tấn (Spargau) 20DM. Mai Hồng Xuyên 10DM. Ngô Nga 20DM. Trần Toàn Chí & Nguyễn Thị Tuyết Mai (Frankfurt) 200DM, HHHH ĐH Vũ Văn Bàn và HL ĐH Vũ Thị Vinh Trịnh Minh Tân (Bad Pyrmont) 100DM, HHHH ĐH Trịnh Văn Thu. Võ Thị Sầu (Nettetal) 20DM. Trần Trung (Stuttgart) 50DM. Lê Hoàng Tiến (Karlsruhe) 50DM. Nguyễn Viên Phương (Koblenz) 50DM. Quan Thị Dâm (Hamburg) 50DM. Dương Nguyễn Vũ Hiếu (Lippstadt) 100DM. Bắc Diệu Trần (Hamburg) 20DM. Ngô Thị Nhiệm Pd Thiện Lý (*) 50DM. Hồ Châu (Neustadt) 50DM. Klaus Detier Heindrif Pd Thiện Giáo (Bremen) 20DM. Chi Hội PT (Saar/Trier) 100DM. Lương Thị Búp (Bochum) 30DM. Bùi Kim Huệ (Aerzen) 100DM. Trần Thị Thúy (Obermotzing) 50DM. Lưu Thị Anh (Saarbruecken) 20DM. Đặng Thị Xứng (Lebach) 100DM. Tăng Kim Long (Berlin) 20DM. Nguyễn Văn Quang (Neustadt) 20DM. Duy Mạnh (Bromes) 20DM. Cao Thị Chi (Berlin) 20DM. Gđ. Nguyễn Thanh Sơn (Magdeburg) 30DM. Vương Lệ Hoa (Bonn) 30DM. Trần Văn Tiến (Muenchen) 20DM. Nguyễn Viên Phương (Koblenz) 200DM, HHHH ĐH Nguyễn Thị Kính. Nguyễn Thị Bảy (Đan Mạch) 100Kr. Roản Thị Luân (Berlin) 10DM. Nguyễn Văn Ngân (Áo) 1000Schl. Lâm Chân Huy (Osnabrueck) 50DM. Các Gđ. và ác đồng nghiệp tại hãng BOSS (Reutlingen) 150DM. Trịnh Văn Bộ (Kastella) 50DM. Phan Thị P. Nga (Pháp) 200FF. Nguyễn Thị Ba (Regensburg) 50DM. Mme Ly Isabelle (Pháp) 57,31DM. Diệp Thế Cẩm (Paderborn) 200DM. Trần Quang Túc (Wuefrath) 30DM, HHHH ĐH Cao Thị Hại. Cao Thanh Mai (Missen) 20DM. Nguyễn Thế Dũng (Muenster) 100DM, HHHH ĐH Nguyễn Thế Dũng Pd Phúc Hải. Ân danh (Bad Honning) 60DM. Dương Tố Hà (Erligheim) 50DM. Li, Thủy Phương (Annweiler) 50DM. Nguyễn Roanh (Luenen) 100DM. Ân danh (Leinem) 50DM. Nguyễn Đức Thắng (Furberg) 10DM. Tiền các ĐH đóng góp mua tràng hoa còn dư 90DM, HHHH ĐH Trương Thị Diệu Pd Diệu Hiền. Lý (Bremen) 20DM. Fam. Thế Lộc, Thi Long, Hoàng (Halle) 100DM. Fam. Phan Thị Thu Hà (Berlin) 20DM. Klaus Schoessler (Hannover) 20DM. Quang-Nguyệt 20DM + 5US. Dương Thị Minh Phương (Rodenberg) 20DM. Phương Ngân (Letter) 10DM. Nguyễn Kim Liên (Hà Nội) 20DM. Fam. Lê (Garbsen) 10DM. Minh Chánh (Bad Harzburg) 10DM. Trần Đăng Ninh (Hahnenkle) 10DM. Vũ Tuấn Anh (Clausthal) 21DM. Hoàn + Di (Garbsen) 20DM. Dương Văn Bình (Garbsen) 10DM. Hoài An (Hennigsdorf) 20DM. Kam Fook Liew 300DM, HHHH ĐH Lương Hoa. Wong Chiu Chow 10DM. Đàm Tuyết Mai 100DM. Gđ. Phan Chính Đức (Bitterfeld) 400DM. Gđ. Lương Tố Hà (Paderborn) 500DM, HHHH ĐH Lương Tố Hà. Gđ. Nguyễn Văn Nữa (Laatzen) 1.500DM, cúng 7 thối, HHHH ĐH Trương Thị Diệu Pd Diệu Hiền. Tuấn Antony (Wuppertal) 20DM. Nguyễn Thị Hoa (Willingen) 40DM. Ân danh (Bodenwerder) 50DM. Trần Lan Anh (Bollingen) 20DM. B. Lan (Bitterfeld) 20DM. Lương Mộng Hằng (Koeten) 10DM. Nguyễn Kin Ngân (Prager) 20DM. Hiền (Đan Mạch) 20DM. Ân danh (*) 100Kr. Đặng Quang Toàn (Arnstadt) 40DM. Nguyễn Kim Ngọc (Bitterfeld) 20DM. Lê Xuân Một (Việt Nam) 20DM. Yatri (Einbeck) 60DM. Erich, Marga Reinecke (Hannover) 40DM. Đỗ Thị Khoa (Grafhorst) 20DM. Đỗ Huy Quý (*) 10DM. Bùi Huy Thiện (Berlin) 40DM. Fam. La 10DM. Đoàn Trọng Bình (Poland) 30DM. Apita Merken (Ronnenberg) 100DM. Phạm Trọng Dinh (Usingen) 10DM. Gđ. Nguyễn Ngọc Luyện (Poland) 20DM. Nguyễn Thị Bằng (Schmitten) 20DM. Trần Đức Hạnh (Neu Anspach) 20DM. Nguyễn Văn Bình (Uetze) 20DM. Hoàng Thị Yến (Schwerin) 20DM. Đặng Thị Như (*) 50DM. Trần Thị Nhuận (Langgeorg) 20DM. Cao Xuân Long + Hường 10DM. Pisamai Sutararak 30DM. Lương Cú Thành 10DM. Đặng Thị Như (Schwerin) 50DM. Phạm Đức Học (*) 50DM. Hoàng Thị Yến (*) 10DM. Nguyễn Trân (Bielefeld) 50DM. Gđ. Đào Thiện Mẫn (Weetzen) 10DM. Gđ. Nguyễn Đức Hòa (Muenchen) 20DM. Wang 50DM. Đoàn Thị Điển (Poland) 10DM. Từ Thảo (Stuttgart) 60DM. Trần Thị Kim Ngọc (Hannover) 20DM. Ngô Thái Hoa (Berlin) 20DM. Mạch Cương Tân (Delmenhorst) 20DM. Nguyễn Ngọc Trung (Limbach) 50DM. Phan Thanh Quý (Holle) 20DM. China Rest. Pu Yi (Winsen) 100DM. Đặng Thanh Toàn (Stedesdorf) 20DM. Trần Thanh Hoa (Arolsen) 10DM. Fam. Nguyễn Hữu Thông 20DM. Pisamai

Suntarak 30DM. Trần Thiện Châu Rest. Dynastie (Braunschweig) 100DM. Phạm Thanh Văn (Freistadt) 28DM. Nguyễn Văn Phương (Koblenz) 150 DM, HHLH ĐH Nguyễn Thị Kinh + 50DM. cầu an ĐH Nguyễn Duy Thung. Nguyễn Hồng Tuyền (Berlin) 10DM. Nguyễn Tiến Đức 100DM, HHLH ĐH Nguyễn Quốc Oai. Hồ Huỳnh Trang 20DM. A Ming (Dortmund) 10DM. Wulf Kollorz 20DM. Trịnh Thị Yến Nga 10DM. Vương Hoàng Dũng 20DM. Nguyễn Sơn + Cẩm Lệ 30DM. Nguyễn Thúy Anh (Rostock) 20DM. Hoàng Ngọc Thanh (Steinhagen) 20DM. Nguyễn Trọng Sam + Vinh (Rostock) 100DM. Nguyễn Đắc Hiệp (*) 20DM. Nguyễn Đức Thanh (*) 20DM. Nguyễn Văn To (D' dorf) 50DM. Cam Tam (Berlin) 50DM. Nguyễn Hà Linh (Freiberg) 20DM. Niemann Marlin 10DM. Võ Công Khanh + Hiến 20DM. Nguyễn Hộ Lam 10DM. Trần Thái Sơn (Gehrden) 10DM. Nguyễn Thị Nhung (Osnabrueck) 10DM. Phạm Văn Mạnh (Plauer) 20DM. Trần Thị Hai (Letter) 20DM. An Dân (Northelm) 10DM. Vũ Thị Thân (Việt Nam) 20DM. Nguyễn Quốc Chiến + Lý (Erfurt) 20DM. Thanh Xoan (Hildesheim) 10DM. Yển Eberstein (weden) 20Kr. Trần Bạch Đào + Nam Hùng (Berlin) 50DM. Hoàng Thị Bích Ngọc + Sơn + Liên (Zeit) 20DM. Dương Đình Quyết + Tuyết 20DM. Trần Anh Việt (Schwerin) 20DM. Phạm Thanh Bình (Berlin) 20DM. Vương Việt Dũng 20DM. Nguyễn Lan Chung (Hamel) 10DM. Đặng Hữu Mỏ (Bỉ) 116DM. Nguyễn Quốc Tam (Weissenfels) 50DM. Mai Hồng Tuấn (Spergau) 50DM. Gruenberg 4DM. Nguyễn Hồng Nhung (Seelze) 40DM. Antony Ngọc Linh 10DM. Hồ Hữu Phượng 50DM. Nguyễn Thanh Phan 100DM. Trần Liễu Thị Diệu Huyền 50DM. Dr. Hein 500DM. Võ Thị Ngọc Hiệp (Zweibruecken) 60DM. P. Đỗ 30DM. Nguyễn Thị Khanh (Emden) 100DM. Trương Hớn Quyền (Oldenburg) 30DM. Hà Hồng Kim 30DM. Đặng Thị Đông (Stade) 20DM. Trần Thủy Lan 50DM. Lê Hữu Thắng (Niefern) 20DM. China Restaurant 100DM. Đoàn Thục Như Hà 50DM. Cardenas Kreuz Edgar 100DM. Phạm Phương 100DM. Nguyễn Thị Kim Quý (Recklinghausen) 10DM. Chủ An Tịnh (Barntrup) 100DM. HL Ging Văn Xiếu 30DM. HHLH Nguyễn Thế Dũng (Muenster) 300DM. Thị Hạnh + Thị Bảo (USA) 500US. Lê Thái (Krefeld) 100US. Lâm Phương Thủy (USA) 50US. Diêu Quảng (*) 50US. Đồng Tâm (*) 100US. Diêu Ngọc (*) 100US. Phật Tử Chicaga (*) 120US. Chùa Bửu Môn (*) 100US. Thị Phước + Thị Hạnh (*) 100US. Phạm N. Văn (*) 50US. Chùa Liên Hoa (Canada) 100Can. Phật Tử Chùa Liên Hoa (*) 160Can. Nguyễn Hữu Đoan (*) 50Can. Diêu Thanh (*) 100Can. Trương Thị Thanh Xuyên (*) 50Can. Nguyễn Bình Tuyền (*) 100Can. Phan Trọng Hàm (*) 50Can. Trần Văn Đức (*) 50Can. Trần Đăng Sửu (*) 20Can. Thiện An + Chí Pháp (*) 200Can. Thiện Từ (*) 25Can. Tôn Nữ Tâm Giảng (*) 100Can. Thiện Niệm (*) 100Can. Nguyễn Trọng Thắm (*) 60Can. Hội PG Quan Âm (*) 500Can. Thị Hòa (*) 50Can. Diêu Lê (*) 100Can. Trần Thị Ích (*) 100Can. Nguyễn Trọng Phu (*) 60Can. Thiện Tài Lê Văn Hai (*) 300Can. Diêu Phát (*) 20Can. Phước Thành (*) 20Can. Trần Thị Cẩm Nhung (*) 15Can. Nguyễn Ngọc Lợi (*) 10Can. Nguyễn Lợi Đạt (*) 10Can. Vũ Ngọc Tiên (*) 10Can. Lê Thắm Hoàng Oanh (*) 10Can. Phạm Thị Tuyết (*) 10Can. Chí Anh (*) 10Can. Không Mãn (*) 20Can. Tâm Hiện + Tâm Khương (*) 50Can. Lê Thị Bạch Lựu (*) 5Can. Huệ Khánh (*) 20Can. Võ Thị Khánh Sơn (*) 20Can. Phạm Thị Thanh Trà (*) 20Can. Diêu Phương (*) 20Can. Diêu Bửu (*) 10Can. Vũ Phụng Chinh (*) 5Can. Lâm Xuân Quang (*) 20Can. Thiện Nhứt (*) 30Can. Trương Văn Hoàng (*) 50Can. Trần Thị Ba (*) 20Can. Nguyễn Thị Kim Bình (*) 20Can. Thị Hòa (*) 100Can. Đoàn Hành Hương từ Đức 171Can. Lê Chơn Dũng (Ý) 30DM. Trần Hữu Phước (*) 30DM. Nguyễn Thị Bê (Koeln) 20DM. Ngô Vi Ban (Rostock) 50DM. Từ Diêu + Thiện Hữu (Stuttgart) 20DM. Trương Quang Sơn (Hamel) 20DM. Hoàng Văn Sơn (Gehrden) 20DM. Ngô Nguyễn Thị Trai (Hannover) 20DM. Nguyễn Đức Hòa (Geisa) 50DM. Chu Mạnh Thắng (Ehermannstadt) 20DM. Nguyễn Văn Tươi (Úc) 100 Úc kim. Chi Hội PTVNTN tại Nuernberg, Fuerth, Erlangen 100DM. Phan Đình Du (mannheim) 20DM. Gđ. Đức Hương Diêu Tịnh (Fuerth) 1.000DM. Huỳnh Tương (Muenchen) 20DM. Nguyễn Văn Lô 30DM. Diêu Liên (Pháp) 50DM. Thiện Như (Nuernberg) 50DM. Diêu Hương (Erlangen) 100DM. Diêu Thiện (*) 100DM. Cao Thiện Quý (*) 50DM. H. Hiến 20DM. Giang Phương 30DM. Đặng Như Nam 20DM. Diệp Năng Tài (Fuerth) 30DM. Nguyễn Tường Nhân 80DM. Quách Phước Hiến 20DM. Lê Cư 90DM. Thiện Đức 20DM. Phạm Văn Đức 50DM. Trần Hữu Đức (Nuernberg) 30DM. Giang Liên 50DM. Tô Thành Quang (Bayreuth) 30DM. Ấn danh 20DM. Diêu Quảng 10DM. Lê Thị Khỏe (Muenchen) 20DM. Mỹ Ly 30DM. Trịnh Thị Thanh (Nuernberg) 20DM. Võ Tâm Trang 10DM. Diêu Pháp 20DM. Nguyễn Khánh Thị Lan 50DM. Trần Văn Huyền (Reutlingen) 20DM. Đỗ Đình Tuấn 20DM. Lạc An 50DM. H. Thành 60DM. Phan Thị Bích Thủy (Usingen) 50DM. Trần Minh Nhật 20DM. Trương Văn Tảo 10DM. Hà Diễm Long 50DM. Đoàn Thanh Niên Phật Tử (Muenchen) 60DM. Quảng Đạo (Frankfurt) 50DM. GDPT Nuernberg, Fuerth, Erlangen 50DM. Nguyễn Thái Nam 20DM. Trần Hữu Minh (Gefrath) 10DM. Vinh (Gifhorn) 10DM. Wiriya Trần (Bielefeld) 50DM. La Ba (Dingolfing) 50DM. Lương Gia Huệ (Osnabrueck) 10DM. Lê Thị Lan (Hannover) 20DM. Đỗ Văn Kho (Zagitte) 5DM. Nguyễn Châu Tuấn 5DM. La Say 20DM. Nguyễn Thái Hùng (Salzgitter) 10DM. Bành Hòa 20DM. Vương Lục Nghĩa 50DM. Lê Thị Phương Tuyết (Lutten) 10DM. Trần Muối 20DM. Lê Thị Liễu (Hannover) 20DM. Kỳ Cang 20DM.

Đặng Kinh Vệ 100DM. Nguyễn Văn Nửa (Laatzen) 150DM. Chow Wai Hau (Lotte) 100DM. Mạch My My 40DM. Ngô Đào Sơn (Fulda) 50DM. Nguyễn Thị Đức (Kuenzelsau) 100DM. Huỳnh Văn Hồng (Banaigsen) 10 bao gạo. Nguyễn Văn Nửa (Laatzen) 70DM. tu bổ Tồn Tượng Địa Tạng. Sudarat VinKomin 30DM. Đỗ Thị Yến 10DM. Trần Văn Vũ 10DM. Bùi Minh Tuấn (Bad Harzburg) 50DM. Nguyễn Thủy Quỳnh 20DM. Phạm Ngọc Kỳ + Phượng Anh + Duy Anh (Dresden) 40DM. Nguyễn Thị Lý (Leipzig) 20DM. Lưu Quốc Huệ & Huỳnh Hữu Hạnh (Idar-Oberstein) 100DM. Đoàn Minh Diệu (Neuhof) 10DM. Bùi Văn Hùng (Nienburg) 10DM. Nguyễn Thị Đàm (Celle) 20DM. Nguyễn Hữu Trí, Hà, Minh, Linh, Quan (Luebten) 50DM. Lê Văn Dũng (Nienburg) 50DM. Lê Văn Mười (Tuttlingen) 50DM. Vũ Nam (Gomaringen) 1.000DM. Phan Hữu (Tuttlingen) 100DM. Nguyễn Văn Nhiệm (Spaichingen) 100DM. Chi Hội PTVNTN Rottweil - Tuttlingen 500DM. My-Ly Diêu Thoa (Ishofen) 60DM. Thu Dung (Burg Wedel) 10DM. Diêu Lộc (Bad Pymont) 50DM. Lương Thái Sơn (Anna) 20DM. Hồ Sĩ Diễm (Salzgitter) 20DM. Hồ Sĩ Thu (Chemnitz) 10DM. HHLH Trần Văn Thành 50DM. Nguyễn Công Sơn (Chemnitz) 20DM. Nguyễn Thị Bê (Koeln) 10DM. Nguyễn Ngô Nhất Linh (Muntscha) 20DM. Nguyễn Thị Viễn Phương (Mainz) 1.200DM. HHLH ĐH Nguyễn Thị Kính. Vương Khải Hùng (Goettingen) 20DM. Bùi Thị Mỹ Hồng (Obertshausen) 20DM. Trần Văn Duối 50DM. Lê Thị Hạnh (Metzingen) 50DM. Ấn danh (Lichtenstein) 30DM. Đỗ Thị Đệ (Reutlingen) 100DM. Nguyễn Văn Thái (Lichtenstein) 10DM. Diệp Thị Sơn (Aalen) 30DM. Lâm Minh Đức (Stuttgart) 30DM. Trần Văn Sanh (Reutlingen) 20DM. Nguyễn Việt Nhật (*) 20DM. Trần Kim Thủy (*) 40DM. Nguyễn Thị Hết (Sigmaringen) 20DM. Lê Thị Hồng (Pliezhausen) 20DM. Tạ Nguyệt Trinh (Heilbronn) 30DM. Nguyễn Thị Linh Chi 20DM. ĐH Song (Reutlingen) 40DM. Trương Văn Nhiệm (Ebinger) 20DM. Trần Xuân Hiền (Tuebingen) 100DM. Dương Thị Mỹ Chi (Schwwalbheim) 10DM. Lâm Thị Kim Loan (Neu Uim) 20DM. Đồng Sỹ Duyên (Sigmaringen) 30DM. Ấn danh 20DM. Nguyễn Thị Thu Hà (Voekzingen) 10DM. Ấn danh 60DM. Hồ Tích Chương (Metzingen) 20DM. Huỳnh Hương (Lichtenstein) 40DM. Lê Thị Hạnh (Metzingen) 30DM. Hàn Cường (Reutlingen) 30DM. Đỗ Ngọc Thảo (Metzingen) 30DM. Chi Hội Phật Tử (Rottweil) 100DM. Ấn danh 110DM. Võ Văn Hùng (Tuttlingen) 10DM. Lâm Thị Kim Loan (Neu Uim) 20DM. Mỹ Ly (Ishofen) 50DM. Antony Ngọc Linh 10DM. P. Do 10DM. Lâm Văn Hiền (D' dorf) 50DM. Hon Thị Dung (rankfurt) 50DM. Lâm Trần Thanh Thủy (Berlin) 10DM. Đinh Hồng Đoàn (Norderney) 50DM. Nguyễn Thị Bê (Koeln) 20DM.

■ BẢO VIÊN GIÁC

ĐH. Cao Thị Nền (Pháp) 100FF. Hứa Mỹ Hằng (Hòa Lan) 25Guld. Ngô Thị Thu Ba (Braunschweig) 20DM. Mã Thị Kim Hồng (Nettetal) 20DM. Hồ Văn Nguyên (Pháp) 100FF. Phạm Bình (Hamel) 200DM. Tống Văn Soái (M' Gladbach) 20DM. Trịnh Quang Khánh (Hamburg) 100DM. Đặng Văn Uy (Aschaffenburg) 50DM. Lê Thị Bích Ninh (Muenchen) 20DM. Tăng Văn (Badems) 20DM. Nguyễn Đức Hiếu (Woerth) 20DM. Lê Hữu Thắng (Niefern) 30DM. Nguyễn Ngọc Anh (Pháp) 200FF. Nguyễn Công Khai (Cham) 10DM. Bùi Văn Mai (Reutlingen) 185DM. Trương Ngọc Thanh (Minden) 85DM. Tô Hà (Hannover) 100DM. Somaß Ruknang (Pháp) 100FF. Diêu Trí + H. Marquard (Hamburg) 30DM. Hàn Tư Nguyên (Berlin) 10DM. Nguyễn Thị Hiền (Eimeldingen) 500DM. Dương Thị Hiền (Saarlouis) 50DM. Phan Thị Nội (Lathen) 10DM. Trần Thanh Đạt (Regensburg) 10DM. Tống Đức Hải (Neumarkt) 20DM. Phan Văn Hòa (Bad Oeynhaus) 30DM. Nguyễn Văn Hên (Meinerfragen) 10DM. Phan Thị Xuân Lộc (Đan Mạch) 200Kr. Phạm Nguyễn Huy (USA) 20US. Đặng Hữu Hào (Hamburg) 50DM. Ngô Hồng Ngọc (*) 10DM. Phan Xuân Dung (Kandel) 20DM. Trần Minh Nhứt (Nuernberg) 50Guld. Võ Thị Kim Thoa (Sangerhausen) 50DM. Quách Tr. Q. (Wedel) 100DM. Đoàn Thị Mỹ Lộc (Koblenz) 100DM. Đỗ Thị Hồng Yến (Scheozberg) 30DM. Nguyễn Chinh Nghi (Weetzen) 10DM. Đặng Xuân Hùng (Ahnsen) 20DM. Ngô Thanh Trí (Sigmaringen) 20DM. Lê Thị Bích Ninh (Muenchen) 10DM. Đỗ Tuấn Khanh (Pháp) 200FF. Đặng Tiến Tuấn (*) 300FF. Uyên Như Thiên (Canada) 20Can. AKO Ninh (Herten) 500DM. Trần Thị Phương (Ludwigshafen) 30DM. Lê Thị Hồng (Hannover) 20DM. Diệp Văn Sơn (Wuppertal) 40DM. Phan Thanh Phước (Berlin) 100DM. Trần Trung (Stuttgart) 50DM. Triệu Thanh Hà (Hamburg) 100DM. Gđ. họ Viên (Sindelfingen) 100DM. Kim Thanh (Warstein) 30DM. Huỳnh Hoài Phú (Cloppenburg) 20DM. Nguyễn Minh Bửu (Holland) 20DM. Vũ Thị Minh Tâm (Muenster) 20DM. Phù Chí Thanh (Neustadt) 30DM. Phạm Văn Tùng (Einbeck) 20DM. Trần Thị Bích Hồng (*) 20DM. Võ Văn Tư (Wiesbaden) 20DM. Võ Thị Mỹ (*) 30DM. Phạm Thị Hương Thủy (Berlin) 40DM. Ngô Lý (*) 20DM. Lê Thị Hai (Bad Iburg) 20DM. Vũ Đình Việt (Hamburg) 20DM. Bambus Garten Restaurant (Trier) 100DM. Asia's Shop (*) 70DM. Điều Quốc Việt (Nuernberg) 20DM. Nguyễn Thị Hoàng (Holzhausen) 30DM. Liễu Thị Thà (Braunschweig) 50DM. Nguyễn Thị Tiếng (Bad Salz) 20DM. Lương Thị Búp (Bochum) 30DM. Trần Nguyệt Phương (Koblenz) 30DM. Lý Tùng Phương (Gelsenkirchen) 30DM. Trương

Hoàng Thủy Tiên (Goettingen) 20DM. Nguyễn Khắc Trinh (Bochum) 30DM. Bùi Kim Huệ (Aerzen) 20DM. Huỳnh Phi Hùng (Dan Mạch) 200Kr. Phạm Minh Phương (*) 100Kr. Tô Hồng Quang (Beyreuth) 20DM. Lưu Thị Anh (Saarbruecken) 20DM. Tạ Sinh (Rotenburg) 20DM. Liêu Thị Hoàng Vân (Hannover) 30DM. Huỳnh Tự (Bad Iburg) 20DM. Lê Thị Ngọc Hân (Obernkirchen) 40DM. Nguyễn Văn Thanh (Sickte) 20DM. Tăng Kim Long (Berlin) 30DM. Lê Tấn Hương (Grishelm) 50DM. Nguyễn Phước Hòa (Hamburg) 10DM. Vương Lệ Hoa (Bonn) 20DM. Nguyễn Ngọc Húng (Nuernberg) 50DM. Nguyễn Công Tỉnh (Heilbronn) 20DM. Nguyễn Thị Thu Hương (Zevenaar Nederland) 20DM. Lý Bình Hiền (Braunschweig) 20DM. Ngô Thị (Erfstadt) 50DM. Nguyễn Văn Hùng (Salzbach Rosenberg) 20DM. Hồ Chánh Kỳ (Hamburg) 20DM. Trần Ngọc Nga (Muenster) 20DM. Nguyễn Đỗ Diễm Phương (Bochum) 20DM. Nguyễn Minh Sơn (Scheidegg) 30DM. Phạm Ngọc Hoàng (Merzig) 20DM. Ganther, Jakob (Sickte) 30DM. Phạm Xuân Dung (Kandel) 20DM. Hứa Trường Hùng (Oldenburg) 20DM. Nguyễn Thị Thu Thủy (Salzbergen) 10DM. Nguyễn Quý Hùng (Voehrenbach) 30DM. Ngô Văn Sang (Hamburg) 30DM. Nguyễn Thị Bảy (Dan Mạch) 100Kr. Hà Hiếu Thanh (*) 100Kr. Nguyễn Đức Hà (Burgau) 50DM. Nguyen Zlencz (Germering) 30DM. Nguyễn Nhật Hưng (Memmingen) 20DM. Trịnh Minh Chung (Kronburg) 20DM. Nguyễn Thị Tư (USA) 20US. Lê Quang Liêm (Gehrden) 30DM. Trần Ngọc Tuấn (Brutlig) 20DM. Trịnh Thị Anh (Meckenbeuren) 50DM. Trần Thị Kim Ngọc (Hannover) 20DM. Nguyễn Công Cường (Wilhelmshaven) 50DM. Phan Thị Lan (Ý) 100DM. Hồ Anh Tuấn (Aue) 50DM. Phạm Thị Từ (Salzburg) 50DM. Nguyễn Phúc Hậu (Wiesbaden) 30DM. Trần Ngọc Tuấn (Brutlig) 20DM. Trần Học Hồng (Suisse) 10FS. Trần Văn Quang (Minden) 20DM. Nguyễn Ngọc Diệp (Darmstadt) 20DM. Nguyễn Tấn Hiền (Ý) 20.000Lire. Peking Garden (Kleiblit) 70DM. Trịnh Thị Hồng (Bad Kreuznach) 50DM. Phạm Văn Út (Ý) 10.000Lire. Nguyễn Văn Dũng (Obenkirchen) 20DM. Đặng Quốc Hùng (Kirchzarten) 100DM. Trần Bá Kiệt 10DM. Nguyễn Văn Dũng 30DM. Phạm Ngọc Bình (Hameln) 200DM. Lê Hữu Thắng (Niefern) 30DM. Nguyễn Bán (Freiburg) 50DM. Vương (Oberhausen) 20DM. Trần Hữu Trâm (Baukastel) 50DM. Mai Phúc Việt 30DM. Hettiger Manfred (Reklingen) 100DM. Nguyễn Ngọc Giao (Laatzen) 85DM. Rest. Nouveau Hong Kong (Pháp) 100DM. Trần Phước Anh (USA) 30US. Hồng Hoa (Canada) 200Can. Lê Quang Minh (*) 50Can. Phan Thị Bích Phương 20DM. Nguyễn Văn Tươi (Úc) 50 Úc kim. Nguyễn Giang Doanh (Kaendler) 50DM. Trương Trung Thánh (Neustadt) 20DM. Nguyễn Thị Hiếu (Aschaffenburg) 20DM. M. Celso Cambeiro (Pháp) 200FF. Hồ Kim Oanh (Mainz) 30DM. Ưông Văn Hoa (Burg Wedel) 50DM. Nguyễn Văn Mười (Laatzen) 30DM. Lê Văn Tư (Pháp) 100FF. Trương (Holland) 20DM. Đặng Văn Mô (Hungary) 20DM. Đặng Thanh Phong (Na Uy) 50DM. Hoàng Ngọc Linh (Granitz) 5DM. Nguyễn Anh Tuấn (Reutlingen) 20DM. Nguyễn Thị Bạch Yến (Obernutzing) 20DM. Trương Thanh Quận (Idar Oberstein) 20DM. Phan Hữu (Tuttlingen) 50DM. Nguyễn Văn Nhiệm (Spaichingen) 50DM. Graul Cúc (Goettingen) 50DM. Annam Druckerei (Essen) 200DM. Lê Thị Thùy Linh 20DM. Dương Tường 40DM. Đặng Ngọc Trân (Reutlingen) 20DM. Nguyễn Hữu Diệu (Stuttgart) 50DM. Nguyễn Mỹ Nhung Thế (M' Gladbach) 50DM. Lê Thị Bích Ninh 20DM. Phan Thanh Châu (Viersen) 20DM. Hôn Thị Dung (Frankfurt) 50DM. Nguyễn Văn Hiền (Großenbode) 100DM.

■ AN TỔNG

ĐH. Vo Victoria (Hamburg) 50DM. Lê Hoàng (Rodgau) 10DM. Văn Thanh Vân (Alsfeld) 20DM. Trương Thị Nguyệt Thanh (Laiz) 20DM. Đặng Văn Căn (Suisse) 500FS. Trần Văn Nét (Việt Nam) 20DM. Lê Văn Sang 20DM. Lê Văn Mỹ (Karlsruhe) 20DM. Lê Văn Tâm (*) 20DM. Gđ. Nguyễn Văn Tác (Duelelingen) 20DM. Gđ. Nguyễn Thanh Dũng (Karlsruhe) 20DM. Dương Kết (Bodenwerder) 50DM. Lâm Đạo Thắng (Speyer) 100DM. Nguyễn Thị Minh Triết (Goettingen) 10DM. Nguyễn Văn Trạng (Villingen) 20DM. Tạ Thị Nga (Dan Mạch) 100Kr. Trần Thị Diệu Huyền (Ravensburg) 200DM. Ngô Văn Hoa (Canada) 100Can. Ân danh (Lichtenstein) 30DM. Nguyễn Thị Bé (Koeln) 20DM.

■ KINH DƯỢC SÚ : ĐH. Ngô Văn Thọ (Ettlingen) 50DM.

■ KINH PHÁP HOA : ĐH. Nguyễn Ngọc Diệp (Darmstadt) 100DM.

■ KINH ĐỊA TẠNG : ĐH. Trần Văn Giàu (Hamburg) 50DM.

■ XÂY CHÙA

ĐH. Võ Thanh (Essen) 50DM. Phạm Văn Cơ (Stadoldendorf) 100DM. Nguyễn Tiến Hùng (Moosbach) 50DM. Trương Thủy Nga (Aschersleben) 10DM. Nguyễn Ngọc Húng (Nuernberg) 50DM. Nguyễn Công Tỉnh (Stuttgart) 20DM. Đình Ngọc Lân (Peine) 20DM. Xuân Mạnh (Gehrden) 20DM. Phan Văn Chiến (Goettingen) 20DM. Thu Thủy (Berlin) 20DM. Tôn Thất Sung (Bonn) 20DM. Lê Nhứt Hiền

(Maital) 100DM. Phạm Văn Hòa (Schoepperstedt) 20DM. Klama Christlar (Braunschweig) 30DM. Tô Thị Hà (Lusan Gera) 40DM. Ngô Tiến Cường (Berlin) 10DM. Lê Quang Liêm (Gehrden) 40DM. Nguyễn Hải Nhân (Emmersweiler) 10DM. Nguyễn Văn Hiền (Neustadt) 100DM. Hà Loung Kim (Wangen) 30DM. Lâm Trần Thanh Thủy (Berlin) 20DM.

■ MỘT TƯỢNG PHẬT

ĐH. Trần Quốc Hùng (Helmstedt) 120DM. Giảng Tú Anh (*) 120DM. HLDH Huỳnh Ban (Spaichingen) 120DM. HLDH Nguyễn Thị Ba (*) 120DM. Nguyễn Thị Loan (*) 120DM. Lai Thị Đậu (*) 120DM. Nguyễn Văn Tâm (Wilhelmshafen) 200DM/1. Nguyễn Thị Kim Oanh 120DM. Đặng Văn Châm & Barbara Đặng (Altbach) 120DM. Trần Bồi (Kiel) 120DM. Lưu Châu Nữ (*) 120DM. Trần Mỹ Lệ (*) 120DM. Karin Lindner (Muenchen) 120DM. Lưu Cẩm (Sindelfingen) 120DM. Quang Thị Dân (Hamburg) 120DM. Nguyễn Kim Toàn Pd Diệu Giác, Phạm Minh Phương, Phạm Minh Sơn, Phạm Minh Dũng, Tạ Thị Nga Pd Phương Kiều (Dan Mạch) 2500Kr. HLDH Lâm Đạo Tứ Pd Thiên Niệm (Speyer) 120DM. HLDH Nguyễn Thị Úu 120DM. Đỗ Thị Khoa 120DM. Đỗ Huy Quý 120DM. HL Giảng Văn Xiển 120DM. HL Lý Thị Lành 120DM. HL Hồ Hoa Quang 120DM.

■ TÔN TƯỢNG THÍCH CA : ĐH. Hồ Thị Mai (Pháp) 100FF.

■ TÔN TƯỢNG QUAN ÂM : ĐH. Trần Hữu Trâm (Baukastel) 10DM.

■ TRẠI CÙI, MÙ, CỔ NHI VIỆN : ĐH. Nguyễn Ngọc Thành (Schwenningen) 10DM. Trần Trung (Stuttgart) 50DM. Nguyễn Thị Tâm (Kassel) 70DM. Lương Ngọc Phách (Bielefeld) 20DM. Trịnh Thị Thanh (Nuernberg) 10DM. Nguyễn Thị Yến (*) 20DM. Trần Tý (Borken Hessen) 50DM. Tô Thị Yến Oanh (Gruenzburg) 20DM. Vương (Oberhausen) 20DM. Hội NVTN Wiesbaden, Vũ Tiến Công (Wiesbaden) 4.269,17DM tiền lời Đem Văn Nghệ, Tinh Người, giúp Trại Cù, ở Việt Nam. Hội NVTN Viersen 200DM. Ân danh (Hòa Lan) 80DM. Ân danh (Spaichingen) 50DM. Trần Thị Duối 50DM.

■ CHÙA VIỆT NAM : ĐH. Ân danh (Hòa Lan) 40DM.

■ CHƯ TẶNG tại VIỆT NAM : ĐH. Đoàn Thị Tố Huệ 40DM.

■ QUỸ YẾM TRỢ GHPGVNTN QUỐC NỘI : ĐH. Nguyễn Công Khai (Cham) 10DM. Nguyễn Thị Sinh + T. Nhung (Kiel) 20DM. Nguyễn Thị Sinh (Kiel) 10DM. Phạm Tấn Quốc (*) 10DM. Phạm Thị Tuyết Nhung (*) 10DM.

■ GIẢI TRỪ PHÁP NAN : ĐH. Lương Ngọc Phách (Bielefeld) 20DM. Lê Quang Liêm (Gehrden) 30DM.

■ QUỸ GIÚP THUYỀN NHÂN : ĐH. Nguyễn Thị Nga (Ý) 200FF.

■ Giúp mua mùng cho Tu Viện tại Tích Lan : ĐH. Võ Thị Mộng Hoa (Bad Soden) 1.000DM.

■ 12 Học Bổng cho Tăng Ni tại Việt Nam năm 1994 : ĐH. Diệu Đồng Trịnh Thị Nam (Heidelberg) 3.000DM.

PHƯƠNG DANH CÚNG DƯỜNG

(Tính đến ngày 14.12.1994)

■ TAM BẢO

GĐDH Lý Dự Dung Đê (Suisse) 2.000FS, HHHL Nhạc mẫu Dự Tăng. GĐDH Nguyễn Viên Phương (Mainz) 1.000DM, HHHL Thân mẫu Nguyễn Thị Kính, ĐH. Trần Thiện Tánh (Bonn) 300DM, HHHL ĐH Trần Vĩnh Trường + Daryl Fettes. Quý Đạo Hữu tại Norddeich 430DM. Lai Ngọc Hải (Frankfurt) 200DM. Lý Huỳnh Thị Hai + Huỳnh Thị Kim (Suisse) 100FS. Chi 10DM. Lý Lâm Văn Đê (*) 100FS. Duy Linh (Hannover) 20DM. Vũ Quốc Hai (Tiệp Khắc) 10DM. Mai Hồng Tuấn (Spergau) 50DM. Thiên Kiến Hồ Phi (Sarstedt) 10DM. Trần Kinh Hưng 50DM. Hà Đức Huyền Trang 20DM. Thủy Vân + Dũng 10DM. Nguyễn Văn Tâm (Wilhelmshaven) 100DM. Di, Hoàn, Thành (Garbsen) 10DM. Ngô Kim Loan 20DM. Phan Thành Quý (Holle) 20DM. Trương My My (Goslar) 20DM. Nguyễn Ich Hiền (Oberhausen) 100DM, HHHL Nguyễn Thị Thán. Phạm Cường (Hameln) 10DM. Diệu Minh Bathke (Gießen) 100DM. Ngô Nga (Bals Weiler) 500DM. Đặng Xuân Hùng (Alnsen) 10DM. Nguyễn Văn Trung (Wilhelmshafen) 100DM. Bùi Quang Hạt (USA) 20US (Rằm tháng Mười). Trần Phan (Aschaffenburg) 50DM. China Rest. Thượng Hải (Osnaebueck) 1.000DM HHHL ĐH Chau Chong Kim Liên và Chau Di

Xon. Trần Thanh Tài (G.M. Huette) 40DM. Trí tự hướng linh hai mẹ con 300DM. Lê + Phan (Hamburg) 40DM. Hoàn + Di (Garbsen) 10DM. Đài Việt Nam 40DM. Lưu Quốc Huê + Hạnh (Idar-Oberstein) 50DM. Nguyễn Thị Bồi (Langen) 20DM. Nguyễn Thị Bích Tuyết 100DM. Trần Đại Ngọc 100DM. Trần Tấn Tiến (Muenchen) 20DM. Thọ Bát Quan Trai (Berlin) 500DM. Thiện Sơn (*) 100DM. Nguyễn Xiết (*) 50DM. Minh Thanh Nguyễn Thanh Long (*) 50DM. GĐDH Lương (Paderborn) 400DM. HHHL ĐH Lương Tô Hà. Thiện Hữu + Từ Diệu 20DM. Fam. Đặng 25DM. Thang Trạch (Wuppertal) 100DM. Lê Kim Thanh (B.P) 10DM. Chon Jin Ping (Braunschweig) 50DM. Xui Xing (*) 20DM. Ngô Long Du (Paderborn) 50DM. Chung Cẩm Hưng (Wuppertal) 50DM. Lê Văn Tiết (Koeln) 30DM. Lý Nguyệt Thường (Bonn) 20DM (Vía Quan Thế Âm). Huỳnh + Nga (Boeblingen) 50DM. Phạm Nga (USA) 100US. Phạm Văn Diễm (Zoerbig) 50DM. Võ Thị Bích (Wolfen) 20DM. Trần Hiền Quang 100DM. Lê Thị Bình (Mainz) 20DM. Nguyễn Giang Công (Peine) 5DM. Pisamai 50DM. Châu Kiến Anh 20DM. Vũ Văn Quyên (Mainz) 20DM. Trần Quốc Chính (London) 20DM. Trần Quang Châu (Dresden) 50DM. Trần Giang Doanh (Kaendler) 20DM. Nguyễn Văn Tiến (Mainz) 20DM. Trần Văn Trường (*) 20DM. Nguyễn Đức Hòa (Geisa) 20DM. Ngô Vi Ban (Rostock) 50DM. Trần Quang Diên (Aurich) 10DM. Trần Đỗ Doanh (Kaendler) 20DM. Phùng Hải Yến 20DM. Đinh Lê Văn Hải (Garbsen) 10DM. Mạch Cường Tân (Delmenhorst) 20DM. Châu Tô Chảy 50DM. Bùi Huy Thiệu 40DM. Văn An 20DM. Đặng Thành Mạnh (Esens) 10DM. Trần Văn Phong (Berlin) 20DM. Mandy + Jamin + Eva + Anja 15DM. Cao Việt Anh (Burg) 50DM. Hứa Tất Giao (Hòa Lan) 25Guld. Nguyễn Thị Phi (Y) 100DM. Nguyễn Thị Phú Hòa (D'orff) 100DM. Châu Thành Lợi (Wiesbaden) 50DM. Nguyễn Chơi 20DM. Phan Thị Diệu Anh 20DM. Ngô Thành Cát (Wiesbaden) 200DM. Chi Hội Phật Tử VNTN Wiesbaden 100DM. Trần Hữu Phúc 100DM. Huỳnh Thị Xuân Hương (Wiesbaden) 20DM. Nguyễn Thị Song (*) 20DM. Lê Châu (*) 20DM. Nguyễn Ngọc Châu (*) 20DM. Võ Thị Mỹ (*) 20DM. Ngọc Vinh (Schatheim) 20DM. Huỳnh Cát Đăng (Hanau) 20DM. Lê Nguyệt Kim (Frankfurt) 10DM. GĐDH Vũ Âu (Karlsruhe) 50DM. GĐDH Nguyễn Thế Dũng (Muenster) 400DM. HHHL ĐH Nguyễn Thế Dũng. Nguyễn Thị Phi (*) 100DM. Ngô Thường Pháp (*) 20DM. Ngô Đức Thắng (Burg Wedel) 10DM. Thu Dung (*) 20DM. Tạ Việt Tiên (Hannover) 20DM. Nguyễn Ngọc Tuấn (Hamel) 10DM. Nguyễn Xuân Hồng (Dresden) 20DM. Nguyễn Văn Hưng (Apolda) 20DM. Hồ Sĩ Thu (Chemnitz) 10DM. Lưu Văn Lợi (*) 10DM. Phạm Việt Đức (*) 20DM. Lê Hoàng 20DM. Đỗ Nhiệm Văn (Hannover) 50DM. Hoàng Tuyết Thanh (Wuppertal) 100DM. Trần Thị Thu Hương (Salzgitter) 10DM. Phan Thuýet Hoa 30DM. Trình Trọng Hiếu + Trình Thái Hồng tự Nghĩa (Paderborn) 400DM. Bounketh 200DM. Trình Thu Anh (Muenchen) 50DM. Phan Văn Phúc (Suisse) 80DM. Mai Thị Huê (Hannover) 15DM. Lưu Quốc Huê + Huỳnh Hữu Hạnh (Idar Oberstein) 20DM. Hồ Ánh Tuyết + Vũ Quốc Trung (Unna) 200DM. Chi Hội Phật Tử Mannheim + VPC 200DM. Đức Hương (Fuert) 20DM. Thiện Thọ (Karlsruhe) 30DM. Huỳnh Thị Xuân Hương (Wiesbaden) 20DM. Phan Đình Du (Mannheim) 20DM. Đào Thiện Mẫn (Hannover) 55DM. Dương Đình Quyết (Gehrden) 20DM. Vương Duy Mạnh (Brome) 20DM. Trương Tri (Kirchheim) 100DM. Lạc Chí Hiếu 10DM. Lạc Chấn Hưng 10DM. Trương Văn Lạc (Hamburg) 40DM. Khuu Chí Trung (Nienburg) 100DM. Lê Thị Minh Hiền (Koethen) 20DM. Nit Wong + Klaus Banies 20DM. Lý Ngọc Anh 20DM. Nguyễn Thị Kim Oanh (Bad Iburg) 20DM. Nguyễn Đức Thắng (Weilburg) 20DM. Hà/Phan (Moringen) 10DM. Hoàng Văn Hiền (Papenburg) 10DM. Nguyễn Thanh Hải (Sittensen) 10DM. Vương Duy Mạnh (Brome) 10DM. Minh Đạt (Hannover) 20DM. Tuyển Linh Phấn 20DM. Tín Dinh 10DM. Tong Pui Chung (Hamburg) 100DM. Đặng Văn Thu (Bremen) 50DM. Nguyễn Văn Lâm (*) 50DM. Nguyễn Văn Phương (Delmelhorst) 100DM. Phạm Nam Sơn + Đỗ Ngọc Hiền (USA) 200US. Trần Văn Long (Suisse) 200DM. Nguyễn Thị Nguyễn Hoa (Mainz) 200DM. Tô Khải Đức (Schweinfurt) 20DM. Nguyễn Minh Hải (Delmelhorst) 50DM. Ngô Văn Tùng (Hamel) 50DM. Nguyễn Muôn (Goettingen) 500DM. HHHL ĐH Lê Thị Đước. Sơn Gô (Kaltenborn) 6DM. Nguyễn Nghĩa (Hannover) 20DM. Nguyễn Minh Hải (Delmelhorst) 50DM. Thiện Hữu + Từ Diệu (Stuttgart) 20DM. Nguyễn Minh Du (Delmelhorst) 50DM. Nguyễn Thị Bê (Koeln) 110DM. Werner Niewiesch (*) 30DM + Nguyễn Kim Chương (*) 50DM. HHHL ĐH Trần Hữu Lai. P. Đỗ 30DM. Hồ Hữu Phzurong 50DM. Phùng Văn Thanh 80DM (Rằm Tháng Mười) Đỗ Phương 30DM. Lý Hoa Thành (Landstuh) 20DM. Nguyễn Thị Thế Phương (Hof) 50DM. HHHL ĐH Nguyễn Văn Thuận. Lý Trương Kim Châu (Otterbach) 10DM. Nguyễn Thị An (Suisse) 50FS. Huỳnh Công Đức (Dahn) 30DM. Bùi Thị Mỹ Hồng (Obershausen) 10DM. Vũ Chí Thiện (Arnstadt) 20DM. Vũ Đức Giang (*) 20DM. Mai Hồng Tuấn (Spergan) 100DM. Mai Hồng Xuyên (Halle) 30DM. Đặng Quốc Hùng (Kirchgarten) 50DM. Võ Ngọc Hùng (Freiburg) 50DM. Văn Thị Bay (Baden Baden) 50DM. Lê Văn Báo (Freiburg) 50DM. Tib. Dharma gruppe (*) 40DM. Trần Thị Hiền 20DM. Ngô Anh 20DM. Trần Thị Hồng Nhung 20DM. Thiện Chơn + Chánh Ngọc 50DM. Đoàn Ngọc Xuân 40DM. Trương Thị Ven (Binzen) 100DM. Trần Chí Lý (Emmendingen) 50DM. Lâm Văn Khôi (*) 20DM. Nguyễn Văn Long (*) 50DM. Dương Hồng Giàu (Freiburg) 20DM. Lê Minh Kiệt (*) 10DM.

Nguyễn Thị Tư (*) 50DM. Nguyễn Phước Bình (*) 20DM. Nguyễn Thị Thu Thảo + Ngọc Diệp + NGỌC BÍCH (*) 95DM. Lê Văn Coul (*) 50DM. Dương Văn Quảng (Grenzach) 100DM. Hồ Quốc Khương + Nguyễn + Thưởng (Emden) 60DM. Đỗ Văn Bạc (Langenhagen) 100DM. GĐDH Vũ Âu (Karlsruhe) 100DM. GĐDH Nguyễn Văn Tư (*) 30DM. Lê Văn Hiệp (Mannheim) 10DM. Trần Phu 20DM. Nguyễn Văn Hùng 50DM. Trần Hữu Khiếu (Ueisingen) 70DM. Chi Hội Phật Tử VNTN (Tuettlingen - Rott Weil) 130DM. Hà Thị Lan Anh (Schorndorf) 30DM. Diệp Thị Sơn (Aalen) 30DM. Tạ Nguyệt Trinh (Heilbronn) 30DM. Mai Hồng Nhung 10DM. Thiện Nghĩa + Diệu Huê (Karlsruhe) 50DM. Huỳnh Cát Đăng (Hanau) 20DM. Sỹ Trí 120DM. Thiện Hữu + Từ Diệu (Stuttgart) 20DM. Nguyễn Văn Bảy 50DM. Đồng Ngọc + Diệu Hạnh (Darmstadt) 30DM. Đặng Thu Lan (Pforzheim) 30DM. Diệu Yến 20DM. Quý vị ần danh (Karlsruhe) 395DM. Quảng Đạo + Diệu Hoàng (Frankfurt) 50DM. Nguyễn Lê Xuân (Ludwighafen) 30DM. Nguyễn Thanh Dung (Karlsruhe) 30DM. Nguyễn Văn Hùng (Kleinostheim) 40DM. Tôn Nữ Chung Anh (Karlsruhe) 20DM. Nguyễn Viên Phương (Koblenz) 200DM. Nguyễn Thị Kim Hoa (Essen) 20DM (Rằm Tháng Mười). Trương Quan Phúc (Moschheim) 30DM (Rằm Tháng Mười). Lý Át (Seevetal) 20DM (Rằm Tháng Mười). Nguyễn Anh Sơn (Bad Schoenborn) 50DM. Lân Bửu Trân (Albstadt) 50DM (Rằm Tháng Mười). Trương Triệu Bắc (*) 30DM (Rằm Tháng Mười). Trương Trạch (Bielefeld) 30DM (Rằm Tháng Mười). Trọng Trạch (*) 100DM (Rằm Tháng Mười). Trần Thị Hoàng (Herten) 20DM (Rằm Tháng Mười). Trần Thị Út (*) 10DM (Rằm Tháng Mười). Thiện Ý (Hannover) 200DM. HHHL ĐH Lê Gia Hà. Nguyễn Văn Hiền (Cuxhaven) 50DM. Lôi Công Thành (Celle) 10DM. Nguyễn Giang Công (Peine) 5DM. Lại Đình Miên (Holle) 50DM. Lâm Ngọc Hiếu (Erfurth) 50DM. Vũ Thị Nga (*) 50DM. Lê Quốc Khánh (Ruhpolding) 30DM. Lôi Tư Nương (Celle) 70DM. Nguyễn Công Thành (Hamein) 20DM. Minh Mai + Minh Linh (Hannover) 20DM. Đặng Tuy Anh (Goslar) 200DM. Nguyễn Thị Bích Thủy 10DM. Đỗ Ngọc Cơ 10DM. Đặng Thị Minh Phương 20DM. Trần Thị Tuyết 10DM. Đỗ Đức Nhã (Ladebow) 10DM. Trần Thị Dung 10DM. Thái Phú Bình (Nienburg) 28DM. Phan Tuấn Kiệt (Bad Laer) 50DM. Đào Thiện Mẫn (Ronnenberg) 10DM. Phạm Văn Út (Magdeburg) 20DM. Trần Trung Độ (Salzhausen) 10DM. GĐDH Phạm Công Hoàng (Bremen) 200DM. GĐDH Hoàng Thị Tiên (Tostedt) 100DM. Molly Cheok (Hannover) 20DM. Ông Quốc Hưng 10DM. Đào Văn Hưng (Việt Nam) 20DM. Nguyễn Thị Mai (*) 20DM. Lê Tiến Quang (*) 50DM. Huỳnh 20DM. Trần Công Tiên (Tostedt) 20DM. Nguyễn Chí Anh (Oberstdorf) 15DM. Hứa Kiến Bình 10DM. Nguyễn Thái Vũ 20DM. Võ Công Khanh (Salzgitter) 10DM. Nguyễn Xuân Vinh (*) 10DM. Nguyễn Chi Phong (Clausthal) 20DM. Nguyễn Thị Cẩm Hà Trần Văn Các (Bremen) 50DM. GĐDH Nguyễn Văn Nửa (Laatzon) 300DM. HHHL ĐH Trương Thị Diệu pháp danh Diệu Hiền. Trần Bá Mai (Việt Nam) 50DM. Đào Hữu Chí (Hamburg) 2.000DM. HHHL ĐH Đào Tiến Hùng. Lâm Minh (Ramberg) 100DM. Nguyễn Thị Thu Thảo (Osnabrueck) 20DM. Nguyễn Thị Dân (Taufkirchen) 100DM. Nguyễn Trung Thực (Salzhausen) 32DM. Hà Lâm (M' Gladbach) 100DM. Trần Tân Tiến (Muenchen) 20DM. Vũ Văn Nam (Mannheim) 50DM. Nguyễn Thị Hào (Herne) 10DM. Lý Khắc Châu (Leer) 100DM. Pisamai Suntarak 20DM. Hoàng Mai Anh (Minden) 20DM. Đào Phú (Tastedt) 10DM. Đào Thị Mẫn (Ronnenberg) 10DM. Nit Wong 10DM. Netaya + Jannes 10DM. Lý Ngọc Anh (Hamburg) 10DM. Ratre 30DM. Trương Văn Vạc (Hamburg) 10DM. Huỳnh Tuyết Phan (Nuernberg) 50DM. Tuấn Anh (Clausthal) 20DM. Quách Mỹ Trân (Wallenhorst) 20DM. Vũ Thúy Hoa (Ronnenberg) 10DM. Trần Thị Hoa (Bochum) 10DM. Hoàn + Di (Garbsen) 10DM. Vương Duy Mạnh (Brome) 10DM. Trương Vi Ngân (USA) 50DM. Hee Lam Mun (Vechta) 60DM. Anton Lý (*) 50DM. Trần Phương 10DM. Trương Thị Chí 20DM. Đào (Hannover) 20DM. Nguyễn Văn Trung (Fried' shafen) 20DM. HHHL ĐH Lê Thị Xương. Văn Huy Minh (Koerst) 10DM. Nguyễn Thanh Ty (Recklinghausen) 20DM. Nguyễn Văn Toàn (*) 100DM. Chong Ung Mui (Osnabrueck) 60DM. Chong Quang Dương (*) 50DM. Chong Tac Vo (*) 20DM. Chong Sy Mui (Rhede) 50DM. Lê Hùng Cường (Erfurth) 10DM. Nguyễn Thị Bích Hiền. (Koethen) 10DM. Hoàng Hải Hưng 20DM. Thu Dung (Burg Wedel) 10DM. Thanh (Hildesheim) 20DM. Phương Ngân (Viersen) 20DM. Nguyễn Thị Hồng Nhung (Kleve) 100DM. Trần Thúy Phương Thủy (Duisburg) 20DM. Lâm Cẩm Tiên (*) 20DM. Thiện Trang (Merzig) 100DM. Mai Kim Mỹ (G' Marinhuette) 22DM. Dương Ngô Lúy (Brandenburg) 10DM. Nguyễn Thị Ngọc (Hamburg) 20DM. Christiane Joachim (Dortmund) 150DM. HHHL ĐH Elfriede Wachtarczyk. Trang Bửu Cẩm (Arnsburg) 240DM. Nguyễn Thị Phu Hà (D' orff) 100DM. Đoàn Văn Minh (Freiburg) 50DM. Ẩn danh (Hannover) 50DM. Hotel Rest. In der Verboten Stadt (Wedemark) 100DM. Đặng Tuy Anh 200DM. Lâm Ái Hoa 10DM. Trần Công Phi 10DM. Lê Gia Tâm 10DM. Ưông Thanh Sơn (Hannover) 10DM. Hồng Thu Văn 10DM. Fam. Ung 70DM. Nguyễn Thị Thái 20DM. Nguyễn Minh Dũng (Windsbach) 20DM. Lôi Sue Thành (Bremen) 20DM. Đỗ Thuận Phát (Hannover) 30DM. Khuu Phát (Ludwigshafen) 100DM. Nguyễn Thị Nương (Brémerhaven) 100DM. Nguyễn Thanh Hà + Hằng (Berlin) 20DM. Nguyễn Công Chung (Hamein) 20DM. Giang Ngọc Huân (Guben) 20DM. Đỗ Anh Huê (*) 20DM. Nguyễn Kỳ Nam

(*) 20DM. Nguyễn Hưng (*) 10DM. Bùi Đức Vinh (*) 20DM. Nguyễn Tổng Thắng (*) 20DM. Vũ Quốc Chiến (*) 20DM. Lê Thúc (Việt Nam) 40DM. Nguyễn Quốc Bình (Amberg) 20DM. Trương My My (Goslar) 10DM. Nguyễn Trần Thị Ty (Waldstedt) 50DM. Huệ Hiếu (Bad Oldeslere) 20DM. Nguyễn Thị Mười (Bielefeld) 100DM. Trần Thị Nhật Hưng (Suisse) 100FS. Hoàng Công Chử (M' Gladbach) 100DM. Trần Thị Thắng Trung (Berlin) 30DM. Diệu Hiền (Bỉ) 20DM. Lữ Thanh (Oldenburg) 20DM. Hà Lâm (M' Gladbach) 100DM. Koummarasy Kiên (Pforzheim) 30DM. Leuchtweis Chí Thành 200DM. Châu Bruner (Willich) 50DM. Trần Thị Khâm (Stuttgart) 20DM. Trần Tân Tiến (Muenchen) 20DM. Dương Bộ Lĩnh (Schwetzigen) 20DM. Đỗ Trọng Thanh (Suisse) 100DM. Tuấn Anh + Huyền (Clausthal) 20DM. Mạch Cường Tân (Delmenhorst) 40DM. Nguyễn Kha + Nga + Trang 20DM. Trần Tuấn Dũng + Hiền + Hùng (Berlin) 20DM. Trần Thị Cẩm Hồng (Waiblingen) 50DM. Lưu Văn Liên 20DM. HHHH Ngạc Văn Dư. Trần Kinh Hùng (Helmstedt) 50DM. Vương Lộc Khêh (Stuttgart) 10DM. Tôn Thất Thanh (Dortmund) 10DM. Jana Nguyễn Huy (Guben) 20DM. Trần Văn Vinh (*) 20DM. Chan Ma Po + Man (Nuernberg) 100DM. Ninh Hà (Clausthal) 10DM. Vương Lộc Khanh (Bietigheim) 20DM. Trần Thị Cẩm Hồng (Waiblingen) 20DM. Trần Tô Hà (Suisse) 100DM. Đỗ Xuân Quang + Hương + Anh 50DM. Nguyễn Minh Tuấn 20DM. GĐDH Nguyễn Thế Dũng (Muenster) 150DM. HHHH ĐH Nguyễn Thế Dũng. Lê Thị Tuyết (Ao) 200Schl. Giang Thị Kiên (Montabau) 40DM. Ôn Thị Anh Đào (Stuttgart) 50DM. Phạm Văn Quý (Recklinghausen) 50DM. Khúc Thế Hiếu 50DM. Phan Hữu Hạnh (Birkenfeld) 10DM. Trần Liễu Thị Diệu Huyền 50DM. Huỳnh Hiếu Thảo (Muenchen) 100DM. Đỗ Phương 30DM. Marie Noelle Kunde (Rehburg) 20DM.

■ BẢO VIÊN GIÁC

ĐH. Nguyễn Duy Ung (Bruehl) 20DM. Nguyễn Ích Hiền (Oberhausen) 20DM. AQS (Stuttgart) 100DM. Hà Thanh Quang (Laatzen) 85DM. Lâm Kiên (Stadtthagen) 20DM. Stahus Phúc (Kobengowdorf) 30DM. Lê Văn Tú (Muenster) 30DM. Nguyễn Trí + Nguyễn Từ (Uisingen) 30DM. Trần Trang Minh (Titisee) 20DM. Phạm Đức Thành (Sulz Glatt 220DM. Huệ Lạc (Berlin) 50DM. Minh Thanh Nguyễn Thanh Long (Berlin) 20DM. Lê Văn Tiết (Koeln) 30DM. Lê Công Tuấn (Holtgast) 20DM. Huyền + Nga (Boeblingen) 20DM. Đinh Công Cẩn (Salzhemmendorf) 20DM. Hứa Tất Giao (Hòa Lan) 50Guld. Trương Thị Minh Thương (Đan Mạch) 100Kr. Phạm Khọa Tuấn (Floorschheim) 30DM. Tăng Bích Phần (Lingen) 50DM. Nguyễn Ngọc Châu (Wiesbaden) 20DM. Thái Gia Tuấn (Frankfurt) 50DM. Khưu Cẩm Vân (Wiesbaden) 50DM. Chi Bích Quyên (Wuppertal) 50DM. Mai Thị Huệ (Hannover) 20DM. Armin Werdá 20DM. Hồ Ánh Tuyết + Vũ Quốc Trung (Unna) 20DM. Lê Thị Sơn (Suisse) 20FS. Lâm Thị Hồng Đào (Pháp) 200FF. Phan Hoàng Quân (Wiesbaden) 30DM. Đồng Thị Cúc (Hildesheim) 30DM. Nguyễn Văn Phương (Delmeihorst) 100DM. Phạm Nam Sơn + Đỗ Ngọc Hiền (USA) 70US. Nguyễn Thanh Ngọc (Hamburg) 20DM. Nguyễn Ngọc Trân (Berlin) 20DM. Lê Quang Liêm (Gehren) 30DM. Nguyễn Thúy Hồng (Kiel) 20DM. Đinh Văn Được (Đan Mạch) 100Kr. Cao Thị Dân (Lampertheim) 20DM. Trần Văn Minh (Hòa Lan) 25Guld. Nguyễn Gia Quốc (Koeln) 20DM. Nguyễn Thế Thạch (Rhein) 20DM. Phạm Tấn Lực (Suisse) 41DM. Thanasak Quý (Riegelsberg) 20DM. Hoàng Thúy Hương (Haspa) 100DM. Nghiêu Công Tuấn (Essen) 200DM. Vũ Dương Kiếm (Frankfurt) 50DM. Phan Đức Thành 220DM. Từ Ngọc Phong (Hamburg) 20DM. Nguyễn Văn Dũng 30DM. Hứa Thiện Thanh 50DM. Nguyễn Đức Huy (Aachen) 50DM. Phạm Văn Út (Magdeburg) 20DM. Thanasak (Trier) 20DM. Nguyễn Thị An (Dahn) 25DM. Thiện Chơn + Chánh Ngọc 50DM. Phùng Thị Quảng (Freiburg) 20DM. Nguyễn Thị Tú (*) 50DM. Lê Văn Coul (*) 30DM. Huỳnh Nghiệp Thanh (Spaichingen) 20DM. Đỗ Thị Dũng (Frankfurt) 100DM. Huỳnh Hoàng Bôn (Saarbruecken) 100DM. Trương Quan Phúc (Moschheim) 20DM. Lê Thị Hà (Wedel) 25DM. Nguyễn Văn Trim (Frankfurt) 20DM. Lu Quốc Thọ (Hamburg) 400FB. Lê Thị Minh Trức (Bỉ) 500FS. Trần Học Hồng (Suisse) 10FS. Lê Thanh Long (Zapfendorf) 20DM. Trần Ngọc Anh (Ebging) 20DM. Hà Thanh Quang (Laatzen) 25DM. Lê Thanh Tùng (Dorsten) 20DM. GĐDH Quảng Ngộ + Diệu Hiền (Laatzen) 50DM. Phạm Hoàng (Pháp) 300FF. Phạm Vũ Hải (Nienburg) 20DM. Trần Kim Bằng (Norden) 20DM. Vũ Văn Nam (Mannheim) 50DM. Phan Ngọc Đức (Frankfurt) 40DM. Bùi Thị Hồng Hiệp (Mainz) 20DM. Nguyễn Phú Thanh Vân (Eisenberg) 20DM. Nguyễn Thị Phụng (Recklinghausen) 50DM. Lê Quý Kỳ (Canada) 20Can. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50Guld. Văn Đức Huân (Berlin) 10DM. Trịnh Quang Khánh (Hamburg) 50DM. Hoàng Thị Kim Hồng (Pháp) 200FF. Nguyễn Lữ (Bad Breisig) 20DM. Lương Đình Sơn (Burgdorf/ Suisse) 20DM. Trần Thị Liêm (Đan Mạch) 200Kr. Khuu Bay (*) 500Kr. Trần Văn Bằng (Hallenberg) 20DM. Vũ Duy Toại (Witten) 100DM. Nguyễn Nhung (Herborn) 20DM. Mai Xuân Diệu (Hannover) 20DM. Mai Bá Long (Wiesbaden) 60DM. ĐH Diệu Cao (Hamburg) 50DM. Văn Hoàng Sơn (Hannover) 20DM. Đặng Thanh Long (Hage) 20DM. Nguyễn Nông Thắng (Flacht) 10DM. Giang Thanh Thiên (Hardert) 10DM. Ngô Quốc Hùng (Regensburg) 100DM. Trần Thị Thắng Trang

(Berlin) 20DM. Trần Quốc Đạt (Hamburg) 30DM. Tiêu Anh Tài (Berlin) 100DM. Diệu Hiền (Bỉ) 500FB. Nguyễn Khắc Hải (Mainz) 20DM. Kim Tông (Oldenburg) 26,50DM. Thái Grieves (USA) 30US. Lê Tuấn (Frankfurt) 30DM. Cao Mạnh Hải (Frankenthal) 20DM. Phạm Quang Hùng (Essen) 20DM. Huỳnh Hữu Phước (Đan Mạch) 100Kr. Võ Văn Lào (Bad Kreuznach) 20DM. Vũ Tất Niên (Pháp) 300FF. Lê Văn Mậu (*) 300FF. Bùi Hữu Đạo (*) 100FF. Ngô Q. Bình (*) 100FF. Hoa Trung Diễm (*) 200FF. Đoàn Thị Thanh Tú (*) 100FF. Lai Kim Loan (*) 200FF. Trang Thoại Cường (Celle) 20DM. Nguyễn Văn Tây (Lyon/Pháp) 50DM. GĐDH Nguyễn Thế Dũng (Muenster) 50DM. Nguyễn Thị Thế (*) 30DM. Lê Thị Tuyết (Áo) 300Schl. Võ Thị Tường Vi (Kastel) 7DM. Trương Nguyệt Cầu (Montabau) 20DM. Nguyễn Hữu Vinh (Sindelfingen) 30DM. Đỗ Kim Bằng (D' dorf) 30DM. Hoàng Tuấn Phần (Marburg) 50DM. Phan Duy Phương 50DM. Nguyễn (Dannenberg) 30DM. Trần Bá Kiệt 10DM. Nguyễn Văn Dũng 30DM. Phạm Hoàng Tuấn (Weimar) 50DM. Đoàn Tâm (Brachholz) 10DM. Võ Thị Thanh Thủy (Muehlacken) 20DM.

■ **ẤN TỐNG** : ĐH. Lê Thị Sơn (Suisse) 30FS. Đỗ Thị Hòa (Deimeinorst) 50DM. Nguyễn Văn Phương (*) 50DM. GĐDH Quảng Ngộ + Diệu Hiền (Laatzen) 200DM.

■ **KINH DƯỢC SỬ** : ĐH. Phạm Thị Tuyết Phương (Erkrath) 50DM/10. Phạm Minh Phương (Đan Mạch) 20DM. Hà Lâm (M' Gladbach) 50DM/10.

■ **KINH LƯƠNG HOÀNG SÁM** : ĐH. Phương Kiều Tạ Thị Nga (Đan Mạch) 200Kr.

■ **KINH QUAN ÂM** : ĐH. Hà Lâm (M' Gladbach) 50DM.

■ **KINH ĐỊA TẠNG** : ĐH. Trần Văn Giàu (Hamburg) 40DM.

■ **TẾT + RẪM THÁNG GIÊNG** : ĐH. Nguyễn Thị Tú (Freiburg) 50DM. Diệp Thị Sơn (Aalen) 30DM.

■ XÂY CHÙA

ĐH. Nguyễn Viễn Phương (Koblentz) 300DM. Lê Quang Liêm (Gehren) 40DM. Nguyễn Thị Mỹ Hoa (Regensburg) 50DM. Hà Lương Kim (Wangen) 30DM. Võ Thanh (Essen) 50DM. Phạm Văn Thông (Todtmoos) 500DM. Phùng Thị Quảng (Freiburg) 20DM. Ninh Công Phi (Herne) 20DM. Trần Tử Kính (Freiburg) 20DM. Nguyễn Thị Phụng (Recklinghausen) 50DM. Trần Quốc Đạt (Hamburg) 20DM. Đỗ Kim Bằng (D' dorf) 140DM.

■ MỘT TƯỢNG PHẬT

ĐH. Lâm Văn Đệ (Suisse) 120FS. Huỳnh Ngọc (*) 120FS. HHDH Lương Chí (Paderborn) 120DM. HHDH Long Trần (*) 120DM. HLDH Lương Tô Hà (*) 120DM. Cô Huệ Niệm (*) 600DM/5. Bạch Vinh Kỳ 120DM. Trần Thị Quốc 120DM. HLDH Trần Văn Tiết (Karlsruhe) 120DM. HLDH Hồ Trí Hoàn (Việt Nam) 120DM.

■ **TRAI CÙI, MÙ, CỔ NHI VIỆN** : ĐH. Lê Quang Liêm (Gehren) 30DM. Cô Hạnh Châu (Hannover) 100DM. Liễu Ngân (Hòa Lan) 50Guld. Đoàn Văn Minh (Freiburg) 50DM. Nguyễn Thị Thế (Muenster) 20DM. Phan Hữu Hạnh (Birkenfeld) 10DM.

■ **CHÙA VIỆT NAM** : ĐH. Cô Hạnh Châu (Hannover) 200DM. Đoàn Thị Tố Huyền 20DM.

■ **CHƯ TẶNG Ở VIỆT NAM** : ĐH. Đoàn Thị Tố Huệ 20DM.

■ **GIẢI TRỪ PHÁP NẠN** : ĐH. Cô Hạnh Châu (Hannover) 100DM.

■ **QUỸ YẾM TRỢ GHPGVNTN QUỐC NỘI** : ĐH. Nguyễn Thị Hồng Hoa, Nguyễn Ngọc Khoa, Nguyễn Thị Ngọc Bích (Cham) 30DM.

■ **XÂY HỒ SEN** : ĐH. Thiện Trang (Merzig) 100DM.

ĐỊNH KỲ HẰNG THÁNG XÂY CHÙA VIÊN GIÁC

Số tịch tài xây chùa Viên Giác của Quý vị qua Ngân hàng bằng lối chuyển Dauerauftrag hoặc Lastchrift cũng như tiền mặt, chúng tôi sẽ lần lượt đăng tải danh sách của Quý vị để Quý vị có thể theo dõi. Đồng thời để đơn giản hóa giấy tờ, chúng tôi xin phép được đăng tên của Quý vị một lần trong suốt thời gian hợp trị. Vậy, kính mong Quý vị thông cảm. Tiếp theo Viên Giác số 41 đến 83:

1232 Trang Bửu Cầm 20DM 12/94

1233 Nguyễn Kim Hoàng 10DM 11/94
1234 Antony Ngọc Linh 10DM 12/94

Chúng tôi thành tâm kêu gọi Quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ Chùa bằng cách đóng góp định kỳ hằng tháng qua Ngân hàng bằng lối Dauerauftrag để việc thực hiện trả nợ xây Chùa có thể khả quan hơn.

Khi chuyển tịnh tài cúng Chùa, xin Quý vị vui lòng ghi vào nơi (Verwendungszweck = mục đích chuyển cho mục gì) để văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về Chùa. Xin thành thật cảm ơn Quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Dường định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, Quý vị đều có thể lấy giấy khai thuế lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm Quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính Phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy đến Quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài về Chùa, xin chuyển vào một trong 2 số Konto như sau:

1. Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche e.V.

Konto Nr. 870 1633 - BLZ 250 700 70

Deutsche Bank Hannover

(MỖI NGÀY Ngân hàng báo 1 lần)

2. Pagode VIEN GIAC

Konto Nr. 870 3449 - BLZ 250 700 70

Deutsche Bank Hannover

(MỘT THÁNG Ngân hàng báo 1 lần)

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của Quý Đạo Hữu Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi Quý vị hoan hỉ đóng góp phần mình vào việc chung trên, để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát

BẢN TIN ĐẶC BIỆT

Đại Hội Thống Nhất Việt Nam Quốc Dân Đảng

Đại Hội Thống Nhất Việt Nam Quốc Dân Đảng đã được tổ chức trong hai ngày 25 và 26 tháng 11 năm 1994 tại Nam California, Hoa Kỳ.

Thành phần tham dự gồm đại biểu của các hệ thống Cải Tiến, Chủ Lực, Thống Nhất, Hải Ngoại, Kiện Toàn, Đảng Bộ Úc Châu và Đảng Bộ Âu Châu.

Đại Hội đã thành lập cơ cấu chỉ đạo Trung Ương là Hội Đồng Trung Ương gồm 28 Ủy viên đại diện cho các hệ thống. Hội đồng đã bầu ra Tổng Bộ Chấp Hành, Ban Giám Sát và Ban Cố Vấn.

Chủ Tịch Hội Đồng Trung Ương là Ông Hoàng Văn Ủy; Đệ Nhất Bí Thư là Ông Lê Hưng; Đệ Nhị Bí Thư là Ông Lê Luận; Đệ Tam Bí Thư là Ông Hồ Văn Ánh; Chủ Tịch Giám Sát Đoàn là Ông Phạm Sinh.

Đại Hội đã công bố một bản Tuyên Ngôn nói lên chủ trương đường lối của Việt Nam Quốc Dân Đảng trong mục tiêu đấu tranh giải trừ chế độ Cộng Sản Việt Nam.

Sau đại hội là một buổi tiếp tân vào sáng ngày 27 tháng 11 năm 1994 tại khách sạn Hyatt Regency tại thành phố Anaheim.

Mục đích của đại hội là thống nhất Việt Nam Quốc Dân Đảng để phát triển đảng lực trong nỗ lực đấu tranh giải phóng quê hương khỏi chế độ độc tài đảng trị Cộng Sản Việt Nam.

Hoa Kỳ, ngày 26 tháng 11 năm 1994

Việt Nam Quốc Dân Đảng

Điện thoại liên lạc:

Ông Hoàng Văn Ủy: (713) 981-9665

Ông Phạm Sinh: (714) 636-5094

TUYÊN NGÔN

Đại Hội Đại Biểu Việt Nam Quốc Dân Đảng

Đại Hội Đại Biểu Việt Nam Quốc Dân Đảng thuộc các hệ thống trước đây bao gồm:

- Cải Tiến,
- Chủ Lực,
- Thống Nhất,
- Kiện Toàn,
- Hải Ngoại,
- Đảng Bộ Úc Châu
- Đảng Bộ Âu Châu

sau hai ngày đại hội 25 và 26 tháng 11 năm 1994, tại California, Hoa Kỳ,

nhận định rằng :

1. Trước ngưỡng cửa thế kỷ 21, các nước trên thế giới đã chuyển hướng làm cuộc cách mạng hòa bình và hợp tác, cổ xúy nền dân chủ chính trị và kinh tế tự do trong trật tự mới toàn cầu.

2. Chế độ cộng sản đã phá sản toàn diện. Hầu hết các nước cộng sản trên thế giới đã từ bỏ chủ nghĩa vô sản chuyên chính để thiết lập chế độ dân chủ tự do, áp dụng nền kinh tế thị trường nhằm đưa đất nước thoát khỏi cảnh nghèo đói.

3. Tại Việt Nam, thiểu số tập đoàn cộng sản cai trị vẫn tiếp tục theo đuổi chủ nghĩa Mác-Lenin lỗi thời, tiếp tục bám giữ quyền bính bằng bạo lực, ngăn chặn mọi quyền tự do của người dân, bắt bớ giam cầm những người bày tỏ ý kiến khác biệt, tiếp tục lừa bịp quốc dân qua tổ chức phụ thuộc là " Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam", tiếp tục dung dưỡng những tên "tư bản đỏ" làm giàu một cách bất hợp pháp trên xương máu nhân dân, đưa đất nước vào cảnh nghèo đói, băng hoại về mọi mặt. Tương lai dân tộc đang đi vào ngõ bí. Bởi thế chúng tôi

long trọng tuyên cáo :

1. Việt Nam Quốc Dân Đảng không chấp nhận bất cứ chế độ độc đảng, độc tài nào trên đất nước Việt Nam.

2. Việt Nam Quốc Dân Đảng chủ trương một chế độ Dân Chủ Nhân Bản Pháp Trị, tôn trọng mọi quyền tự do, lấy hạnh phúc của con người làm cứu cánh, gìn giữ những giá trị truyền thống tốt đẹp, áp dụng một chế độ kinh tế thị trường tự do, đưa đất nước đến phú cường.

3. Việt Nam Quốc Dân Đảng chủ trương:

- Đấu tranh trên mọi mặt trận, nhằm thiết lập một chính thể Tự Do Dân Chủ thực sự, để quốc dân Việt Nam tự quyết lấy vận mệnh của mình.

- Không chấp nhận mọi sự hợp tác với chế độ cộng sản Việt Nam dưới bất cứ hình thức nào.

4. Việt Nam Quốc Dân Đảng đòi cộng sản Việt Nam:

- Trả tự do về điều kiện cho các nhà tu hành, các tu nhân chính trị, những người bị chế độ kết tội vì đã bày tỏ ý kiến khác biệt với nhà cầm quyền cộng sản.

- Từ bỏ ngay độc quyền cai trị, trao chủ quyền cho quốc dân Việt Nam.

5. Việt Nam Quốc Dân Đảng kêu gọi những người đã và đang làm lỡ tin theo Cộng Sản Việt Nam hãy dứt khoát rời bỏ chủ nghĩa và chế độ trở về với dân tộc.

6. Việt Nam Quốc Dân Đảng kêu gọi toàn thể đồng bào trong và ngoài nước, lấy dân tộc làm căn bản, quyết tâm tranh đấu thiết lập một chế độ Tự Do Dân Chủ, cùng nhau xây dựng quê hương để quốc dân Việt Nam được hưởng hoà bình, tự do, ấm no và hạnh phúc.

Làm tại Hoa Kỳ, ngày 26 tháng 11 năm 1994

Việt Nam Quốc Dân Đảng

TÌM THÂN NHÂN

- Tên Tôn Thất Trọng, 8 Rue d'Amsterdam, 68000 Cplmar Luf France. Có anh trai Tôn Thất Văn, Hà Nội Việt Nam. Đã lâu bị thất lạc thư từ. Ông Trọng và gia đình thân nhân biết tin xin liên lạc về : Tôn Thất Tiến, Stuttgarter Str.77, 73614 Schorndorf